ĐÊM BƯỚM MA

(Tuyển truyện ma Việ nam)

***

Bài Ký Một Giấc Mộng (Lê Thánh Tông)

Nhân Tông gặp loạn Nghi Dân. Ta mới lên ngôi, nghĩ đến việc trước mà luôn luôn phải phòng ngừa Thường dàn sáu quân thân hành đi kiểm soát. Một hôm gặp mưa to, đóng lại trên bờ hồ Trúc Bạch ở mỏ phượng. Trong cơn mưa u ám, phảng phất có tiếng khóc than thảm thiết. Khi ta truyền mọi người lắng nghe thì không thấy gì, nhưng đến khi gió lớn mưa to thì lại nghe thấy tiếng như trước. Ta ngờ vực, rót chén rượu, hắt ra phía có tiếng khóc, khấn thầm rằng:

- Trẫm trên nhờ oai linh của tổ tông, dưới dựa vào bầy tôi giúp sức, sinh, sát, thưởng, phạt đều nắm trong tay Ai uất ức, đau khổ, ta có thể giải đi được. Ai có công đức ngầm kín, ta có thể nêu lên được. Khấn với các thần ở địa pphương, nếu có u hồn nào còn uất ức thì bảo chúng cứ thực tâu bày Cớ sao gió mưa thì nghe thấy tiếng, lờ mờ không rõ, như khóc như than, nửa ẩn, nửa hiện, trong tình u oán có ý thẹn thùng, làm cho ta sinh lòng nghi hoặc, muốn nêu lên không rõ công đâu mà nêu, muốn giải cho không biết oan đâu mà giải Trẫm không nói lại lần nữa, bảo cho các thần biết.

Khấn xong, ta xem hoa cỏ phía ấy tựa hồ có ý cảm động, khiến ta cũng sinh lòng thương xót. Ta liền sắc cho các tướng truyền quân sĩ chỉnh tề hàng ngũ về cung.

Các tướng hộ giá đều phục đằng trước tâu rằng:

- Từ khi thánh thượng chính ngôi đến nay, dân chúng thảy đều thần phục, há đâu có sự bất ngờ. Nay trời rét như cắt, lại thêm mưa gió lạnh lùng, dù ơn vua rộng khắp, ba quân đều có lòng cắp bông báo ơn chúa (xưa có câu truyện: nước Sở đánh nước Tiêu, trời rét, vua Sở đi khắp ba quân phủ dụ khuyến khích, quân sĩ đều thấy hăng hái, trong mình ấp áp như cắp bông vậy), nhưng đội mưa ra về, dân chúng sẽ nghi là có việc khẩn cấp. Cúi xin đóng tạm ở hành tại, đợi khi mưa tạnh trời quang, truyền mở cửa Tây, chỉ trăm bước là về tới chính cung thôị

Ta ngượng theo ý chư tướng, hạ lệnh ngủ qua đêm ở đó. Đêm khuya mộng thấy hai người con gái rất đẹp đội một phong thư, phục xuống trước mặt tâu rằng:

- Chị em thiếp trước thờ vua Lý Cao Tông, rất được nhà vua quý mến. Không may phận rủi thời suy, bị kẻ gian là Trần Lục bắt trộm, đem đi trốn, định bán chị em thiếp cho người ta bằng một giá đắt, nhưng bị người láng giềng trông thấy, nó sợ tội nặng, nên đem chị em thiếp giam ở địa phương này Tới nay đã hơn hai trăm năm. May nhà vua đi tuần qua đi, có lòng thương xót mọi người, nên chị em thiếp đều liều chết dâng thư, mong đội đức thánh minh soi xét chọ Chị em thiếp nghĩ lúc này chính là lúc được ra ngoài hang tối, thấy bóng mặt trời

Hai cô nói xong, rồi đặt thư lên án, vừa khóc vừa lạy mà lui rạ

Ta tỉnh giấc, trông lên án, quả có một phong thư. Trong lòng nghi hoặc, vội mở ra xem thì thấy một tờ giấy trắng ngang dọc đều độ một thước, trên có bảy mươi mốt chữ, lối chữ ngoằn ngoèo như hình giun dế, không thể hiểu được. Dước cũng có hai bài thơ:

Bài thứ nhất rằng:

Cổ nguyệt lạc hàn thủy,
Điền ôi vị bán âm.
Dạ dạ quân kim trọng,
Thê thê thiên lý lâm.

Tạm dịch là:

Mặt trăng xưa, rơi xuống nước lạnh,
Góc ruộng vì thế mà tối mất một nửạ
Đêm đêm cân vàng nặng,
Đau xót lòng ngàn dặm.

Bài thứ hai:

Xuất tự ba sơn sự nhị vương,
Tị lân đầu thượng lưỡng tương phương
Hậu lai giá đắc kim đồng tử,
Không đới đào chi vĩnh tự thương.

Tạm dịch là:

Ra tự núi Ba Sơn thờ hai vua,
Trên đầu liền xóm hai người sánh đôị
Đến sau gả cho chàng kim đồng,
Uổng công đội cành đào, cảm thấy đau xót mãị

Ta nghĩ đi nghĩ lại hai ba lần, nhưng vẫn chưa hiểu ý. Sáng hôm sau ta vào triều, vời học thần nội các đến, thuật rõ việc ấy và đưa hai bài thơ cho mọi người xem để giải nghĩa

Các họa sĩ đều nói:

- Lời nói của quỷ thần rất huyền bí, không thể giải đoán ngay được. Xin bệ hạ cho phép chúng tôi nghĩ kỹ xem thế nào rồi sẽ xin tâu lại

Trải qua ba năm, không ai biết hai bài thơ ý nói gì.

Một hôm ta ngủ trưa, mộng thấy người Tiên thổi địch gặp ở hồ Tây khi trước. Ta mừng lắm, mời gã cùng ngồi, cầm tay nói chuyện vui vẻ. Trong mộng lại nhớ đến hai bài thơ kia, đem ra hỏi:
Tiên thổi địch nói:
- Tiên triết ta có câu: "Không thể biết được mới gọi là thần". Đem lòng trần dò lòng thần, dò thế nào được? Vậy nên ba năm nay muốn thân oan cho người mà vẫn chưa được.
Tiên thổi địch mới giải nghĩa rằng:
- Hai người con gái ấy là yêu thần của chuông vàng và đàn tỳ bà đó. Khi xưa Lý Cao Tông chế nhạc, đặt tên chuông là Kim Chung, trên đàn là Ngọc tỳ bà. Là chuông, mà có tiếng tơ trúc, là tơ, mà có âm hưởng của kim thạch, cho nên mỗi lần được tấy ở ngự tiền, vẫn được ban thưởng. Nhà vua rất quý, đem cất vào nhạc phủ cẩn thận. Đến đời Huệ Tông, trễ nải chính trị, ruồng bỏ nhạc công, hàng ngày say sưa hát hỏng, múa giáo tự xưng là tướng nhà trời, ủy cả chính quyền cho nhà Trần. Lúc ấy, một người tôn thất nhà Trần, tên là Lục, thừa cơ lấy trọm hai nhạc cụ ấy Không ngờ nhạc công là Nguyễn Trực trông thấy, toan đem phát giác. Lục sợ mắc tội, liền đem chôn tại bờ hồ Trúc Bạch, bên trên trồng một cây anh đào cho mất dấu tích đị Khí vàng và ngọc lâu này thành yêu, nay chúng muốn kêu với vua đào lên để chúng được trổ tài cho nhà vua dùng đó.
Trong bài thơ nói: "Cổ nguyệt lạc hàn thủy", là: bên tả chấm thủy, giữa có chữ "cổ", bên hữu có chữ "nguyệt" ghép lại thành chữ "bạn". Cho nên nói: "Điền ôi vị bán âm". Kim, đồng ghép lại là chữ "chung". Thiên lý ghép lại là chữ "mai", vì chữ "thổ" ngược lại là chữ "thiên". Bốn câu này đọc thành bốn chữ là "Hồ bạn chung mai" (nghĩa là Chuông chôn bờ hồ). Còn các chữ khác chẳng qua chắp nhặt cho thành câu thôi Hai chữ "vương" trên chữ "bà". Trên đầu chữ "tỷ" với trên đầu chữ "ba" so sánh như nhau, nghĩa là cùng đặt hai chữ "vương" lên trên thì thành chữ "tỳ". Hai chữ tuy đảo ngược, nhưng cũng hiểu là chữ "tỳ bà". Gả cho chàng kim đồng: Kim đồng là chữ "chung". Chắc là "tỳ bà" và "kim chung" cùng đựng vào một vật gì đem chôn đó. Còn câu: "Không đới đào chi vĩnh tự thương", thì cem bờ hồ nào có cây anh đào, tức là hai thứ ấy chôn ở dưới gốc đó.
Ta lại hỏi âm và nghĩa của 71 chữ ở đầu trang.
Tiên thổi địch nói:
- Những chữ ấy tức là lời tâu của hai con yêu Lối chữ ấy là lối chữ cổ sơ của Việt Nam. Nay Mường Mán ở các sơn động cũng có người còn đọc được. Nhà vua triệu họ đến, bắt họ đọc thì khắc biết.
Tiên thổi địch nói xong, ta còn muốn nói chuyện nữa Chợt có cơn gió thoảng qua làm ta tỉnh giấc. Bèn truyền thị vệ theo lời dặn của Tiên thổi địch đi tìm. Quả nhiên đào được một quả chuông vàng và một cây đàn tỳ bà ở bên hồ .

Tinh chuột (Lê Thánh Tông)

Có anh trai một nhà giàu nọ cha mẹ cưới vợ cho anh vào năm hai mươi tuổi. Vợ có nhan sắc, anh rất yêu. Mới được nửa năm, người cha bảo anh ta rằng:
- Người xưa nói: "Trẻ chẳng học, già làm gì?". Mày đang tuổi xanh sức khoẻ, chính là thời kỳ tu tiến. Nếu nặng tình chăn gối, uổng phí thì giờ, về sau hối lại cũng chẳng kịp nữa, con nên đi học xa, một vài tháng về một lần cũng được.
Nghe lời cha dạy, anh hăng hái từ biệt gia đình, cùng với một đầy tớ đi phương xa tìm thầy theo học. Khi đi vợ tiễn chân nói riêng với chàng rằng:
- Vợ chồng là duyên trăm năm, không phải duyên sớm tối. Chàng đi học xa, may ra đỗ đạt, trên thì cha mẹ vẻ vang, dưới thì vợ con sung sướng, sau này hưởng thụ còn nhiều. Mong chàng hãy tạm gác <u>tình yêu</u> thương thiếp, ra sức học hành; sớm hỏi tối chào, thiếp xin đảm đương, mong chàng chớ ngại.
Anh gật đầu từ biệt.
Từ đó, vợ ở nhà phụng thờ bố mẹ chồng, nết ngoan ngoãn, không có điều gì đáng chế trách. Thấm thoát đã được nửa năm.
Bỗng một đêm đã khuya, vợ chàng thấy chàng trèo tường về, vào ngay trong buồng. Vợ ngạc nhiên hỏi:
- Ô! Lang quân sao lại về đêm như thế? Từ xa trở về, chưa vào chào thầy mẹ, đã vội đến khuê phòng.
Sáng mai thầy mẹ biết chuyện, chả hóa ra chàng là người coi tình yêu hơn đạo hiếu, không phải kẻ học thức, mà thiếp cũng mang tiếng là người chỉ biết ham vui.
Chồng nói:
- Ta nhớ hiền nương lắm, thường thường muốn về, nhưng chỉ sợ thầy mẹ không bằng lòng, cho nên phải đợi đêm khuya lẻn về, rồi gà gáy lại đi. Hiền nương nên giấu hộ ta.
Vợ nín lặng. Rồi hai người cùng vào trong màn, ái ân đằm thắm. Đến gà gáy, quả nhiên chàng dậy từ biệt.
Cách một đêm, đêm sau lại đến. Vợ ngờ hỏi rằng:

- Nghe nói nhà chàng trọ học cách nhà ta hơn hai ngày đường, sao đi lại được luôn như thế?
Chồng nói:
- Ta vì hiền nương, đã rời chỗ trọ về gần, cách nhà độ mười dặm thôi. Vì muốn đi lại cho tiện, nên phải giấu diếm không dám lộ chuyện cho cha mẹ biết.
Vợ cũng yêu chồng, nên tin lời không hỏi lại nữa. Cứ như thế hơn nửa năm, người ngoài không ai biết chuyện. Nhưng người vợ nhan sắc ngày một sút kém, tựa hồ người ốm.
Bố mẹ chồng ngờ là con dâu nhớ chồng mà đến nỗi như thế, bàn riêng với nhau rằng:
- Đôi vợ chồng trẻ mà phải xa nhau kể cũng đáng thương. Từ khi con trai ta đi học đến nay, tính đốt ngón tay đã một năm tròn. Con dâu ở nhà công việc siêng năng, nhưng mặt buồn rười rượi. Ta nên viết thư cho con trai tạm về trong vòng một tháng. Một là yên lòng cha mẹ tựa cửa mong chờ, hai là thoả lòng dâu con gối chăn mong đợi.
Thế rồi người cha viết thư cho con. Con tiếp được thư xin phép thầy học ra về. Đến trưa hôm sau tới nhà, chàng vào ngay nhà trong, đến tận giường hỏi thăm sức khoẻ cha mẹ.
Cha thong thả hỏi đến chuyện học hành. Anh đối đáp trôi chảy. Cha rất vui lòng. Một lát gọi con dâu ra, trỏ vào anh, cười mà nói rằng:
- Con xem thầy tớ nó áo quần rách nát, tóc da gàu ghét. Thật là cảnh khổ của học trò kiết xa nhà. Sao con không lấy áo mới cho chồng thay, nấu nước cho chồng tắm?
Con dâu vâng lời.
Đến chiều lại dọn cơm rượu cùng vui trong gia đình. Đêm đã khuya, anh xin phép về phòng nghỉ. Cùng ngồi với vợ, anh hỏi rằng:
- Thầy mẹ nàng vẫn được khoẻ mạnh cả chứ?
Vợ nín lặng.
Anh lại nói đùa rằng:
- Tục ngữ có câu: "Vợ chồng mới cưới không bằng vắng lâu", là ý thế nào nhỉ?
Vợ không trả lời.
Chồng lại nói:
- Kinh Thi có câu: "Đêm nay là đêm nào? Thấy người lương nhân, phải nghĩ thế nào với người lương nhân? Đêm này là đêm nào? Thấy người đẹp thì phải nghĩ thế nào với người đẹp ấy?" Nàng với ta có đồng tình với cố nhân không?
Vợ cũng nín lặng.
Chồng lại thong thả hồi lâu, vỗ lưng vợ bảo rằng:
- Ta từ khi xa nhà đến nay, song gà luyện tập, tri thức ngày một mở mang, án tuyết gắng công, đức hạnh ngày một tu tiến. Mới biết "Cha mẹ thương con lo lắng cho con về lâu về dài", lời cổ nhân không dối ta bao giờ. Ta tuy cách xa dưới gối, việc phục dưỡng cha mẹ đã có người lo. Song chạnh nghĩ về khuê phòng, niềm ái ân vẫn thường mơ tưởng. Ta có làm bài ca như thế này:
Nhớ ai như cắt như mài
Sầu mài không dứt mà chùi không phai.
Cắt mài lòng những nhớ ai,
Cao, cao hơn núi, dài, dài hơn mây.
Hỏi nàng, nàng phỏng có hay,
Lòng vương chốn cũ, hồn bay quê người.
Để ta dạ những bồi hồi,
Nằm thời biếng ngủ, ăn thời chẳng ngon.
Đêm đông ngày hạ bồn chồn,
Người xa một khắc, tình hồn ba thu.
Biệt ly trời khéo vẽ trò,
Vắng tanh như nhạn, tịt mù tin ngư.
Trải qua mới một năm dư,
Phòng không đêm vắng dạ như thế này.
Tình sy một mối xưa nay.
Vợ vẫn không trả lời.
Chồng giận dỗi, nói:
- Người đàn bà trong thơ Tiểu Nhung thức ngủ không yên. Người đàn bà trong thơ Sơn Đông một mình than thở. Xa nhau thì nhớ, ai cũng như thế. Cớ sao ta rất nhớ nàng mà nàng tuyệt nhiên không nhớ ta? Ba lần hỏi mà ba lần không đáp là cớ gì? Sao không xem chim cưu mái cầu tạnh để được gần chồng? Loài chim còn như thế, huống chi là người. Hay là đã cành chim lá gió, đưa người cửa trước rước cửa sau có phải không?
Tục ngữ có câu:
"Vắng chồng thì lại có chồng
Việc gì mà chịu nằm không một mình".
Câu ấy đúng như tính nết của nàng đó.
Vợ trợn mắt nhìn chồng, nói rằng:
- Sao chàng nói càn như thế? Chàng đi học xa tới nửa năm, đã giấu diếm cha mẹ rồi dời về trọ ở ấp gần. Đêm khuya trèo tường về, gà gáy mở cửa đi. Tính đến này đã được nửa năm, đi lại với nhau tới hàng trăm lần. Lại còn nhớ nhung gì nữa? Thương chàng, yêu chàng, sợ chàng cho nên vẫn giữ lời dặn, không dám tiết lộ. Bây giờ lại thêu dệt lên điều phi nghĩa, buộc cho tiếng nhơ nhuốc. Thân này đã điếm nhục, còn mặt mũi nào nhìn mẹ chồng và bố mẹ đẻ nữa?

Chồng lại càng giận, mắng rằng:
- Suốt hơn năm trời, ta đã về nhìn mặt lần nào, có cả lão bộc cũng biết. Đến như việc rời nhà trọ, trèo tường về, ta có bao giờ làm thế? Chắc là đứa gian phu nào giả hình dạng ta, đêm hôm tối tăm, không phân biệt thật giả, dục tình động lên, vội vồ lấy nó. Mày sao dám nói càn là ta?
Vợ khóc lên nói:
- Vết đỏ ở cổ, mụn hạt cơm ở trong tai, không phải chàng thì ai? Tiếng nói như tiếng khánh, hai môi đỏ như son, không phải chàng thì ai? Tầm cao không sai một tấc, vóc lớn không kém một phân, không phải chàng thì ai? Dưới vận quần trắng ngoài vận áo the, quần áo chàng đều do tay thiếp cắt may, lẽ nào lại nhầm? Quạt lụa phe phẩy, khăn hồng vắt vai, những thứ chàng cầm dùng đều là của thiếp đưa tặng, lẽ nào còn sai? Huống hồ lời nói bên gối, cách đây mới có một đêm, thiếp còn nhớ cả, sao lại bảo thiếp là nhận càn?
Nói xong, lại khóc ầm lên.
Bố mẹ chồng nghe tiếng, vội vàng chạy đến, hỏi vì duyên cớ gì. Người vợ vì bị chồng sỉ nhục nên tức giận, liền khóc và lạy phục xuống đất, thuật hết mọi chuyện, không nghĩ gì đến xấu hổ nữa.
Xong lại nói tiếp:
- Lời chồng con nói, nếu thực như thế, thì không những con mang tiếng phụ chồng mà còn làm nhục đến gia thanh nữa. Thân con còn sống làm gì, từ nay trở đi, không dám đứng hầu thầy mẹ nữa.
Nàng liền đập đầu vào cột, định tự tử. Chồng và bố mẹ cấp cứu, lấy lời ngọt ngào khuyên giải. Một lát nàng mới tỉnh lại.
Bố mẹ bảo rằng:
- Từ ngày con đi học xa, vợ con ở nhà rất hiền lành đứng đắn, không có ngoại tình đâu. Nếu bị kẻ gian đánh lừa, thì nửa năm nay há không ai biết sao? Hay là ma quỷ yêu tinh ham mê nhan sắc nó mà nhũng nhiễu chăng? Con hãy cứ đi học, ta sẽ tìm phù chú trấn an cho nó.
Con vâng lời. Qua một tháng lại đem người lão bộc đến nhà trọ cũ. Bây giờ mẹ chồng dặn kín con dâu rằng:
- Đêm nào nó đến, con nên giữ chặt lấy, kêu to lên, để ta đến xem.
Đến đêm hôm thứ ba, ông bố ở nhà trong nghe tiếng kêu. Lập tức mọi người đến bắt trói gian phu vào cột. Sáng mai bố mẹ đến nhìn kỹ thì đúng là con mình. Họ hàng gần xa đến xem, ai cũng nhận đúng là người làng người họ.
Trong bọn ấy có người thức giả nói:
- Nên sai người đến chỗ trọ hỏi anh ta có về hay không, thì mới biết đích là thực hay giả.
Người cha theo lời. Hôm sau người con tiếp được tin, lập tức cũng lão bộc tất tả về nhà. Cha mẹ làng mạc và người vợ đều nhìn, rõ ràng một người mà thành hai, hai người mà như một. Bèn bắt cả hai người đem thưa quan huyện. Quan huyện không biết xét xử thế nào, giải lên tỉnh. Quan tỉnh cũng không xử được, nên đem việc ấy về tâu triều đình. Ta thấy thế, thân ra xét hỏi. Hai người đều đứng trong sân rộng. Ta sai thị vệ cởi áo xem, ngoài mặt đã giống nhau, mà trong mình, những chỗ kín, nốt ruồi đen, đỏ lại càng giống nhau như hệt.
Có người tâu ta rằng:
- Ban ngày thì đưa ra nắng, ban đêm thì soi trước đèn, có bóng là người, không có bóng là ma.
Ta đem thí nghiệm cũng không ăn thua gì.
Cả triều chịu bó tay, không nghĩ được phép gì để xét xử việc này.
Ta bực mình tự nghĩ rằng: "Mình là người đứng đầu thần dân, nếu không xét cho ra cái án ma này, thì bố mẹ người thêm một đứa con ma, vợ người thêm một thằng chồng ma. Đã gọi là ma, sau này không khỏi sinh ra tai vạ khác". Thế rồi ta thắp hương cầu khấn, nhờ Đổng Thiên vương giúp sức. Hơi hương bốc lên, Thiên vương nhập vào con đồng, bảo ta rằng:
- Ma này là giống tinh chuột đấy. Chuột già lâu năm ăn nhiều tinh khí của các vật, thành giống quỷ quái này. Lửa không hại được, phù chú không trừ được. Thứ ma này thay đổi hình dạng trăm vẻ, biến hóa giỏi nhất xưa nay, đời nhà Tống, nó biến làm vua Nhân Tông giả, Long đồ Lão tử tra án này cũng không có thuật gì trừ khử được, phải tâu Ngọc Hoàng thượng đế xin mượn con mèo mặt ngọc, nó mới không thể độn hình, bản tướng lộ ra, bị mèo kia cắn chết. Nay ở Thiên đình kho sách rất nhiều, khó mượn được con mèo ấy. Tôi thử dùng kiếm khí trừ con ma ấy cho bệ hạ.
Bèn lấy hương thư phù vào hai đạo bùa, sai dán vào lưng hai người ấy. Dẫu ma muốn chạy thoát cũng không được nữa.
Đến hôm sau ta bắt hai người ra đứng giữa sân rồng quay mặt vào nhau. Bỗng nhiên mây đen nghịt, trong sân có một luồng khí sáng như chớp. Một lát mây tan thì thấy một con chuột ngũ sắc, râu trắng như tuyết, bốn chân huyền đề, nặng chừng ba mươi cân, bảy khiếu chảy máu đen, chết gục ở sân. Còn

người đứng bên kia thì vẫn tỉnh táo như cũ. Hai bên thị vệ trông thấy, ai cũng kinh khủng. Ta ngửng mặt lên trời tạ ân xong, truyền đốt con chuột ấy, đem tro ném xuống sông.Vợ người nhà giầu kia uống thuốc hơn một năm, mới giải được cái độc tinh chuột.

Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây (Nguyễn Dữ)

à Nhân, người học trò quê ở Thiên Trường(1), khoảng năm Thiệu Bình(2) ngụ ở kinh sư để tòng học cụ ức Trai(3).

Mỗi buổi đi học, đường tất phải qua phường Khúc Giang. Trong phường có cái trại, gọi là trại Tây, dinh cơ cũ của quan Thái sư triều Trần. Ngày ngày đi qua, Hà Nhân thường thấy hai người con gái đứng ở bên trong bức tường đổ nhí nhoẻn cười đùa, hoặc hái những quả ngon, bẻ bông hoa đẹp mà ném cho Hà Nhân nữa. Lâu lâu như thế Hà Nhân không mần ngơ được, một hôm mới đứng lại trò chuyện lân la. Hai người con gái tươi cười bảo:

- Chúng em một người họ Liễu, tên gọi Nhu Nương, một người họ Đào, tên gọi Hồng Nương, nguyên là những tỳ thiếp của quan Thái sư. Từ ngày quan Thái sư qua đời, chúng em vẫn phòng thu khóa kín. Nay gặp tiết xuân tươi đẹp, chúng em muốn làm những bông hoa hướng dương, để khỏi hoài phí mất xuân quang.

Hà Nhân rủ rê hai ả đến chơi chỗ trọ của mình, chuyện trò đằm thắm. Chàng lả lơi cợt ghẹo, hai ả thẹn thò nói rằng.

- Chúng em việc xuân chưa trải, nhụy thắm còn phong, chỉ e tình hoa run rẩy, tơ liễu điên cuồng, oán lục thẹn hồng, làm giảm thú phong lưu đi mất.

Hà Nhân nói:

- Thì hãy thử thôi, tôi chẳng dám đem chuyện mây mưa làm "khó dễ" hai nàng.

Rồi tắt đèn đi nằm. Tựa ngọc kề vàng, gối vừa xô đã khoát sóng hoa đào nghiêng ngả. Hà Nhân giữa lúc gối chăn êm ấm, bảo hai nàng cùng làm thơ ngâm chơi. Nàng Liễu ngâm trước:

Xạ trầm lương hãn thấp la y,
Thúy đại khinh tần bát tự my.
Báo đạo đông phong khoan đả lục,
Tiêm yêu bãi loạn bất thăng suy.

Dịch:

Màu hôi dâm dấp áo là,
Mây xanh đôi nét tà tà như chau.
Gió xuân xin nhẹ nhàng nhau,
Thân non mềm chịu được đâu phũ phàng .

Nàng Đào cũng tiếp tục ngâm:

Thiên cao cấm ngữ lậu thanh trì,
Đăng ủng ngân giang xuất giáng duy.
Phân phó tài lang phan chiết khứ,
Tân hồng nhận thủ tiểu đào chi.

Dịch:

Cung sâu thưa điểm giọt rồng,
Ngọn đèn soi tỏ trướng hồng lung linh.
Tài lang mặc sức vin cành,
Đào non nhận lấy những nhành thắm tươi.

Hà Nhân vỗ tay cả cười mà rằng:

- Tình trạng trong chốn buồng xuân, tả đến như thế thì thật là diệu tuyệt, lời hoa ý gấm tôi khó lòng theo kịp hai nàng.

Hà Nhân bèn lại tiếp tục ngâm:

Quyện uyển thư trai khách mộng dung,
Ngộ tùy vân vũ đáo Vu Phong.
Giao phi điệp lộng sâm si bạch,
Liên đế hoa khai thứ đệ hồng.
Tĩnh túc nhiệm giao oanh thướng há,
Phân lưu nhẫn cấm thủy tây đông.
Tuyệt liên quân thị phong lưu chủng,
Hứng đáo phong lưu tự bất đồng.

Dịch:

Quê khách buồng văn giấc lạnh lùng,
Mây mưa bỗng lạc tới Vu Phong(4).
Đua bay bướm giỡn so le trắng,
Liền cuống hoa phô rực rỡ hồng.
Một ổ thỏa thuê oanh ấm áp,
Đôi dòng san sẻ nước tây đông.
Hữu tình cùng giống phong lưu cả,
Mỗi vẻ nhưng riêng thú đượm nồng.

Từ đó về sau, hai nàng cứ sớm đi tối đến, ngày nào cũng giống ngày nào, Hà Nhân cho là sự kỳ ngộ của đời mình, so với chuyện xưa, có thể sánh với Bùi Hàng và vượt hơn Tăng Nhụ(5).

Một buổi tối mưa dầm gió bấc, nhưng hai nàng vẫn đúng hẹn đến, khẽ bảo Hà Nhân rằng:

- Chúng em sợ lỗi hẹn nên phải cố đến, nhưng thân như cái én, có chịu nổi rét mướt đâu.

Hà Nhân bèn kéo Liễu vào lòng mà ấp ủ, đùa bảo rằng:

- Vẻ kiều diễm của em Liễu thật là tột bậc, có thể xứng đáng với một câu thơ cổ "Mỹ nhân nhan sắc đẹp như hoa".

Đào lặng lẽ cúi đầu, có dáng hổ thẹn, rồi từ đấy luôn trong mấy hôm không đến.

Hà Nhân hỏi Liễu:

- Em Đào mấy hôm nay có được khỏe không?

Liễu nói:

- Chị ấy vẫn khỏe chứ có làm sao đâu. Chỉ vì hôm nọ chàng khen em đẹp mà không nói gì đến chị ấy, nên chị ấy xấu hổ không dám đến nữa.
Nhân thể đưa bài thơ của Đào gửi cho Hà Nhân:
Tình hà cốt cách tuyết tinh thần,
Lộ nhị yên điều lưỡng dạng tân.
Khả hận Đông Hoàng tư trước ý,
Nhất chi tiều tụy nhất chi xuân.
Dịch:
Băng sương cốt cách, tuyết tinh thần,
Nhị mởn nhành mềm đã xứng cân.
Khá trách Đông Hoàng thiên vị lắm,
Một cành bỏ héo, một cành xuân.
Hà Nhân đọc xong buồn rầu lúc lâu, rồi làm thơ họa theo vần trên để đáp lại:
Tương tư nhất đoạn nhất lao thần,
Để sự tài thành biệt hận tân.
Bằng trượng phong di phiền ký ngữ,
Vị thùy tiều tụy? vị thùy xuân?
Dịch:
Tương tư nặng gánh khổ tâm thần,
Ân ái chưa hề lệch cán cân.
Dì gió, nhờ đem tin nhắn nhủ:
Hoa nào bỏ héo? Lá nào xuân?
Đào được thơ, từ đấy mới đi lại như trước. Gặp đêm Nguyên tiêu(6), người ở kinh thành kéo nhau đi chơi vui rầm rập, hai nàng mời Sinh:
- Nhà chúng em chẳng xa xăm gì mà chàng chưa hề bước chân đến, thật là đáng trách. Nay gặp lệnh tiết, chúng em muốn mời chàng quá bộ lại chơi, mong đừng chê xa mà từ chối.
Nhân vui vẻ bằng lòng ngay.
Khi đến trại Tây, qua mấy lần rào, quanh một đoạn tường, đi ước mấy chục trượng thì đến một cái ao sen; hết ao lại là khu vườn, cây cối xanh tươi, mùi hoa thơm ngát, nhưng ở dưới bóng đêm lờ mờ, không nhận rõ được hoa gì, cây gì cả, chỉ thấy mùi hương lúc lúc thoảng tới.
Hai nàng nhìn nhau nói:
- Nhà chúng ta chật chội túi múi, chi bằng bày tiệc vui ngay ở trong vườn.
Rồi họ trải chiếu giát trúc, đốt đèn nhựa thông, bóc bánh lá hòe, rót rượu hạt hạnh, các món ăn trong tiệc đều là những món quý trọng cả. Kế đó thấy những mỹ nhân tự xưng là họ Vi, họ Lý, họ Mai, họ Dương, đây chị họ Kim, kia cô họ Thạch lục tục đến mừng và dự tiệc. Trời gần sáng, mọi người giải tán, hai nàng cũng đưa Nhân ra đến ngoài tường.
Hà Nhân về đến thư phòng thì mặt trời đàng Đông đã rạng.
Sau đó vài tháng, Hà Nhân tiếp được tin nhà gửi đến kinh đô, nói cha mẹ ở nhà đã hỏi vợ cho, giục Nhân nên về mau để làm lễ cưới. Nhân bối rối quanh co, lòng rất không nỡ, hai nàng đoán biết được tình ý, bảo Nhân rằng:
- Bọn chúng em thân bồ vóc liễu, không thể cáng đáng được việc tần tảo ở gia đình. Vả ngôi chủ phụ trong nhà, tất phải là người trong nền nếp trâm anh như Tống Tử, Tề Khương(7), chúng em đâu dám chòi mòi đến. Chỉ mong chàng sau buổi về quê, tình cũ sẽ vấn vương không dứt, sớm dẹp lòng quyến luyến hương thổ để lại tính kế tìm hoa, sẽ xem cây liễu Hàn Hoành(8), vẫn chờ đợi với những cành dài ngày xưa, cây đào Thôi Hộ(9), vẫn chào đón những hoa cười năm ngoái. Xin chàng lưu ý, đừng vì ấp yêu duyên mới mà lạt phai tình cũ, khiến chúng em thành những bông hoa vô chủ ở Giang Nam.
Nói rồi cùng nâng chén tiễn biệt và mỗi người đọc một bài ca. Nàng Liễu ca trước rằng:
Đế thành đông biên phiền thảo mộc,
Phá ốc sổ gian Khúc giang khúc.
Ngân tỳ thái lục sự sơ trang,
Vụ các vân song khổ u độc.
Việt tòng nhị bát tích phương dung,
Điệp sứ phong môi vị khẳng thông.
Tận nhật đối y hồng hạnh ổ,
Khuy xuân tu hướng thiếu niên tùng.
Hiệp thư hà xứ gia công tử,
Học bác tài xa quán kinh sử.
Thảo thảo tường đầu nhất kiến gian,
Lương duyên vị hứa tâm tiên hứa.
Tiện tương phàm hủy hưởng dương tài,
Phân phó đông hoàng hảo hảo khai.
Nhứ tạm nghênh phong hương lạc mạc,
ảnh sơ thí noãn lục bồi hồi.
Nùng hoa lộ trích đàn tâm thổ,
Tiêu đắc tòng tiền xuân hận khổ.
Ca sinh nhuyễn độ Tiểu Man yêu,
Chỉ phấn nế quân Tây Tử nhũ.
Hội lai khuất chỉ vị chu tinh,
Mãn mục sơn hà lữ mộng kinh.
Lệ lạc phần hương ngư đệ tín,
Hồn tiêu mai dịch mã am trình.
Trường đình hựu sấn xa thanh tảo,
Sử thiếp trường ưu lai tổ đạo.
Tây viên vũ ám khấp hoàng mai,
Nam phố ba hàn sầu lục thảo.

Mai hoàng thảo lục ám thương thần,
Thiếp tại quân quy ảnh tạm phân.
Trịnh trọng vị quân ca thử khúc,
Lâm kỳ ưng hữu đoạn trường nhân.
Dịch:
Để thành nọ mé bên đông,
Mấy gian nhà cũ giữa vùng trại hoang.
Phấn son ngày tháng điểm trang,
Quạnh hiu gác khói hiên sương lạnh lùng.
Vừa tuần đôi tám xuân dung,
Tin ong sứ điệp chưa thông nẻo nào.
Bên hoa hôm sớm tiêu dao,
Đường xuân thẹn chửa dám chào hỏi ai.
Nho sinh bỗng có một người,
Văn chương kinh sử tót vời làu thông.
Trong tường ngấp nghé xa trông,
Tuy duyên chưa buộc mà lòng đã trao.
Tình yêu chẳng dễ ngăn rào,
Đời hoa thôi đã gửi vào chúa xuân.
Cành xanh lá biếc thanh tân,
Múa may theo ngọn gió xuân dập dìu.
Lòng hoa khi giọt sương gieo,
Sầu xuân đã nhẹ nhàng tiêu, nhẹ nhàng.
Miệt mài trong cuộc truy hoan,
Tây Thi (10) ngực nở, Tiểu Man (11) lưng mềm.
Năm tròn chăn gối vừa êm,
Non sông giục khách trạnh niềm gia hương.
Tin nhà gửi đến đau thương,
Càng đau thương lúc buông cương dặm ngoài.
Bon bon xe ruổi trời mai,
Lòng em khô héo tiễn người đường xa.
Bến Nam cỏ áy bóng tà,
Vườn tây một rặng mai già khóc mưa.
Cỏ cây rầu rĩ tiêu sơ,
Chàng về thiếp luống ngẩn ngơ tâm hồn.
Vì chàng hát khúc nỉ non,
Biệt ly để nặng nỗi buồn cho ai.
Đào cũng ca rằng:
Thu tiêu mạt bích hề thu diệp thê đan,
Thiên hộ vạn hộ hề hàn châm thanh can.
Cô nhạn nam phi hề chính hồng độ quan,
Mộ yên thảm đạm hề tân sầu nhất ban.
Ngã công bất lưu hề ngã tâm bàn hoàn,
Cánh quyên cựu ái hề tạm kết tân hoan.
Hà phần thán cúc hề sở uyển tu lan,
Phiếm ngã quỳnh tràng hề tu ngã ngân bàn.
Biệt thời dung dị hề kiến thời lương nan,
Ô hô nhất ca hề uất đào trường than.
Hận bất du ty hề triền văn quy an,
Hận bất thường pha hề chướng đỗ hồi lan.
Hận bất hoàng oanh hề oán khách miên man,
Đốt ta thử biệt hề hà thời đương hoàn?
Hoa lưu đỗng khẩu hề thủy đáo nhân gian,
Nhân linh tiểu thiếp hề bão thử sinh oan.
Ô hô tái ca hề châu lệ hoàn lan.
Dịch:
Trời thu nhuộm biếc chừ, lá thu chen hồng,
Đập vải tiếng vang chừ, mọi nhà tây đông.
Chim nhạn về nam chừ, chim hồng sang sông,
Khói chiều thảm đạm chừ, sầu mới mênh mông.
Tình lang chẳng ở chừ, lòng tơ trăm vòng,
Tạm cắt tình xưa chừ, về lập tân phòng.
Cúc Hà (12) ủ rũ chừ, lan Sở thẹn thùng,
Nâng chén rượu quỳnh chừ, đối bóng trăng trong.
Dễ khi ly biệt chừ, khó lúc trùng phùng,
Than ôi em hát một khúc chừ, nhớ thương khôn cùng.
Hận không sợi tơ chừ, buộc níu chinh an,
Hận không bờ bãi chừ, gọi khách miên man.
Ly biệt từ đây chừ, bao lại đoàn loan?
Hoa lưu cửa động chừ, nước xuống nhân gian,
Nỡ để thân em chừ, ôm mối hờn oan.
Than ôi em hát hai khúc chừ, lệ châu lan tràn.
Nghe hát xong, Hà Nhân rưng rưng đôi hàng nước mắt rồi cùng hai nàng từ biệt.
Hà Nhân về đến nhà thì hôn kỳ đã do cha mẹ định sẵn. Nhân nói với cha mẹ rằng:
- Sinh con trai muốn cho có vợ, sinh con gái muốn cho có chồng, đó vẫn là lòng của cha mẹ mà cũng là phúc của gia đình. Song con nghĩ mình dòng dõi tấn thân, mà sự học hành chưa thành danh gì cả. Nếu nay có vợ, e không khỏi vui bề chăn gối mà lãng việc sách đèn. Chi bằng việc cưới xin hãy tạm hoãn, đợi khi con đường mây nhẹ gót, thỏa nguyện bình sinh, bấy giờ hãy tìm đến tưởng cũng chưa muộn.
Cha mẹ không nỡ trái ý con, việc cưới bèn đình hoãn lại.
Ở nhà chưa bao lâu, Hà Nhân vì tưởng nhớ hai nàng mà lúc nào cũng ủ ê rầu rĩ, bèn lại lên đường để tới kinh. Vừa đến trại Tây, đã thấy hai nàng đứng đón, tươi cười hỏi:
- Lang quân vừa cưới vợ, sao không ở nhà vui vầy duyên mới, đã vội lên đường?
Hà Nhân kể rõ nguyên do, hai nàng đều nức nở khen rằng:
- Lang quân thật là một người tình nghĩa, không lỗi lời ước hẹn tìm hoa.

Bèn vì Hà Nhân sắm lễ, để lại đến trường cũ theo học.
Nhân tuy mượn tiếng du học, nhưng bút nghiên chí nản, son phấn tình nồng. Ngày nào mới buổi xuân dương, thoắt đã trời đông tiết lạnh. Một hôm Nhân ở ngoài về, thấy hai nàng mắt đều đẫm lệ. Nhân giật mình hỏi, hai nàng đều sụt sùi giọt lệ nói rằng:
- Chúng em không may đều mắc bệnh gió sương, khí xuân chưa về, mặt hoa dễ héo, thuốc thang khó tìm, hương hồn một mảnh, chưa biết rồi sẽ trôi dạt đến nơi nào.
Hà Nhân kinh ngạc:
- Anh cùng với hai em, duyên không mối lái nghĩa kết keo sơn. Cớ sao các em vội nói đến chuyện lìa tan, khiến anh lo sợ như là con chim sợ cung vậy.
Nàng Liễu nói:
- Ham vui ân ái, ai ai chẳng lòng, nhưng số trời đã định kỳ về đến nơi, biết làm sao được. Rồi đây cánh rã trong bùn, hương rơi mặt đất, ba xuân cảnh sắc, thú vui biết sẽ thuộc về đâu.
Hà Nhân ngao ngán buồn rầu, không sao rứt được.
Nàng Đào nói:
- Người sinh ở đời như cái hoa trên cây, tươi héo có kỳ, không thể nào gượng được dù trong chốc lát. Chỉ xin chàng từ đây bồi dưỡng thân thể, chăm chỉ bút nghiên, ghép liễu (13) thành công, xem hoa (14) thỏa nguyện, thì chúng em dù vùi thân trong chỗ ngòi lạch cũng chẳng chút phàn nàn.
Hà Nhân nói:
- Vậy thế cái kỳ tan tác còn chừng bao lâu nữa?
- Chỉ nội đêm nay thôi. Hễ lúc nào có trận gió dông nổi lên là lúc chúng em thác hóa. Chàng nếu nghĩ tình ân ái cũ, quá bộ đến trại Tây thăm viếng chúng em sẽ được ngậm cười mà về chốn suối vàng.
Nhân khóc mà rằng:
- Sự thể cấp bách như vậy, cũng chẳng biết làm sao được nữa, song anh ở đất khách quê người, lưng không, túi rỗng, biết lấy gì mà đắp điếm cho hai em.
Hai nàng nói:
- Thân mệnh của chúng em lả lướt như tơ, mong manh tựa lá. Sau khi thác hóa, đã có mây làm tàn, có lốc (gió) làm xe, sương trắng làm ngọc đeo, cỏ xanh làm nệm rải, than khóc đã oanh già thổ thẻ, viếng thăm đã bướm héo vật vờ, chôn vùi có lớp rêu phong, đưa tiễn có dòng nước chảy, khói tan gió bốc không phiền phải đắp điếm gì cả.
Đoạn rồi mỗi người để đôi hài cườm lại tặng Nhân và nói:
- Mất người còn chút của tin, gọi có vật này để tặng nhau trong lúc sinh ly tử biệt, sau này khi chàng ướm thử, sẽ như là chúng em còn ấp yêu ở dưới chân chàng.
- Tối hôm ấy, quả nhiên hai nàng không đến.
Khoảng gần nửa đêm, trời bỗng nổi cơn mưa gió dữ dội. Nhân đứng tựa lan can, buồn rầu ngơ ngẩn như kẻ mất hồn. Nhân sang chơi nhà ông cụ già bên láng giềng, kể lể về câu chuyện ấy. Ông già nói:
- Ôi! Cậu nói rõ chuyện chiêm bao chắc? Cái dinh cơ ấy từ khi quan Thái sư mất đi, trải hơn 20 năm nay, đã thành một nơi hoang quạnh. Mấy gian đền mốc một người quét dọn cũng không có, làm gì có nhiều cô gái họ nọ, họ kia như cậu nói. Chẳng qua đó là những hạng gái lẳng lơ dâm đãng nếu không thì là những u hồn trệ phách, hiện lên thành yêu quỷ đó thôi.
Sáng hôm sau, ông già cùng Nhân đến trại Tây. Chỉ thấy nếp nhà quạnh hiu, vài ba cây đào, liễu xơ xác tơi bời, lá trút đầy vườn, tơ vương khắp giậu.
Ông già trỏ bảo Nhân rằng:
- Đây chả phải là nơi cậu đến chơi ư? Chị ả họ Kim, thì đây hoa Kim tiền. Cô nàng họ Thạch, thì đây cây Thạch lựu. Đến như họ Lý, họ Vi, họ Dương, họ Mai, cũng đều nhân tên hoa mà làm họ cả. Không ngờ mấy cây hoa ấy lại biến huyễn như thế được.
Hà Nhân bấy giờ mới giật mình tỉnh ngộ, tự nghĩ mình bấy lâu mê mải, chỉ là đánh bạn với hồn hoa.
Về đến nhà. Nhân lấy những chiếc hài tặng ra xem, vừa cầm trên tay, mấy chiếc hài đã thành ra những cánh hoa, bay vèo lên trên không mất.
Sáng hôm sau, Nhân đem bán một cái áo, lấy tiền làm mâm cỗ bày cúng hai nàng; lại làm một bài văn tế như sau:
Duy nhị nhân,
Băng ngưng kỳ cốt;
Lộ trích nghiên phương.
Nhã thượng thiên nhiên chi chất,
Sỉ vi thời thế chi trang.
Quân thị danh chu đệ nhất;
Tin hồ tuyệt đại vô song.
Lãng uyển anh hoa, yếm khan phú quý,
Hồ song đăng hỏa, hiếu bạn thanh quang.
Bồn trưởng song đầu mạt ly,
Trì thê giao cảnh uyên ương.
Duy nguyện cửu triêm ư ân hải,
Như hà cự phản ư tiên hương.
Nhiễm nhiễm nùng hoa đốn cải,

Du du biệt hận không tương.
Phong thừa ngã, ngữ thừa phong, phiến thời liêu loạn,
Sắc thị không, không thị sắc, bán dạ thê lương.
Thảm đạm hồng hy viện lạc,
Đê mê lục ám trì đường.
Thâm thâm hề ế ngọc,
Uất uất hề mai hương.
Thân thế trục thu phong chi khách,
Phồn hoa kinh xuân mộng chi trường.
Y nhất chiều ly biệt,
Vạn cổ bi thương.
Hồn dục chiêu hề bất phản,
Tung nghĩ phỏng hề vô phương.
Túng hữu linh hề vị dẫn,
Thượng lai hưởng hề dư tràng.
Ô hô ai tai!
Dịch:
Hỡi ơi hai nàng,
Sương đọng ấy màu,
Băng trong làm cốt.
Ưa vẻ thiên nhiên,
Ghét bề điểm chuốt.
Sắc nọ hẳn không hai,
Tài này đành có một.
Anh hoa vườn Lãng (15), dửng dưng những cảnh huy hoàng,
Đèn lửa song hồ, thân cận với người nghiên bút.
Ao uyên ương chim cặp vẫy vùng,
Chậu mạt lỵ hoa (16) đôi tươi tốt.
Những mong bể ái giong thuyền,
Sao bỗng làng tiên trở gót.
Cuộc biển thiên xui hoa nọ tơi bời,
Hờn ly biệt để lòng này kèo cuột.
Gió cưỡi mình, mình cưỡi gió, một khắc mê ly,
Không là sắc, sắc là không, nửa đêm vi vút.
Trên ao vẻ biếc đê mê,
Trước viện màu hồng thưa thớt.
Ngọc lấp thảm thương,
Hương vùi não nuột.
Thân theo bóng nhạn, phơ phất lưng trời,
Mộng tỉnh phồn hoa, bàng hoàng một phút.
Ôi! Một sớm chia phôi, nghìn thu đau xót.
Hồn lạc không về,
Người đi mất hút.
Linh thiêng ai hỡi có hay,
Hiến hưởng rượu này mới rót.
Than ôi thương thay!!! Thượng hưởng!

Đêm hôm ấy chàng chiêm bao thấy hai nàng đến tạ rằng:
- Đội ơn lang quân làm bài văn tế viếng, khiến cho thanh giá chúng em càng bội tăng lên. Cảm vì tình ấy nên chúng em về đây bái tạ.
Hà Nhân muốn lưu lại, nhưng hai nàng vụt đã bay lên trên không đi mất.

Lời bình: *Than ôi, thanh lòng không bằng ít dục, dục nếu yên lặng thì lòng rỗng mà điều thiện sẽ vào, khí bằng phẳng mà cái lý sẽ thắng, tà quỷ còn đến quấy nhiễu làm sao được. Chàng họ Hà lòng trẻ có nhiều vật dục, cho nên loài kia mới thừa cơ quyến rũ. Nếu không thì những giống nguyệt quái hoa yêu, mê hoặc sao được mà chẳng phải thu hình nép bóng ở trước Lương công là một bậc chính nhân (17). Kẻ sĩ gánh cặp đến học ở Trường An, tưởng nên chăm chỉ về học nghiệp, tuy không dám mong đến được chỗ vô dục nhưng giá gắng tiến được đến chỗ quả dục thì tốt lắm!*
Chú thích*(1) Thiên Trường: đời Trần là phủ, gồm các huyện Mỹ Lộc, Giao Thủy, Tây Chân, Thuận Vi, khoảng thời Lê thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Nam Định và một phần nhỏ thuộc tỉnh Thái Bình.*
(2) Thiệu Bình: niên hiệu của vua Lê Thái Tông từ 1434 đến 1439.
(3)Ức Trai: tên hiệu của Nguyễn Trãi (1380-1442), quê ở xã Nhi Khê, huyện Thượng Phúc, nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây, đỗ đệ nhị giáp khoa thi Thái học sinh năm Thánh Nguyên thứ 1 (1400) đời nhà Hồ. Ông là một đại văn hào và là một anh hùng dân tộc Việt Nam.
(4) Vu Phong: non Vu, theo bài phú Cao đường của Tống Ngọc, là nơi Sở Hoài Vương chăn gối với thần nữ. Xem thêm chú thích (11) Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu.
(5) Bùi Hàng đời Đường đi thi trượt trở về đến trạm Lam Kiều khát nước, vào một nhà gần đó xin uống. Trong nhà có bà cụ già gọi một cô gái tên là Vân Anh nhan sắc tuyệt đẹp. Bùi Hàng xin lấy làm vợ. Bà già đòi phải đem bộ chày cối ngọc để giã một viên thuốc tiên thì sẽ gả cho. Sau Hàng quả đi kiếm được chày cối ngọc đem đến rồi được lấy cô gái ấy. Té ra người con gái là một nàng tiên. Sau vợ chồng đưa nhau vào ở trong động Ngọc Phong đều thành tiên cả (Thượng hữu lục). Ngưu Tăng Nhụ cũng người đời Đường, đi thi trượt về, đến dưới núi Minh Cảo, trời tối lạc đường. Một lúc có

bóng trăng lên, thoáng thấy một mùi hương lạ. Xa trông một chỗ có bóng đen, tìm đến thấy một tòa cung đền rực rỡ, thì ra là miếu của bà Thái hậu họ Bạc đời Hán. Bà Bạc Hậu hiện lên mời đón, rồi lại họp mời cả các bạn như Thích Phu Nhân. Chiêu Quân, Thái Chân, Phan Phi, v.v để cùng làm thơ, Tăng Nhụ cũng là một bài (Thượng hữu lục).
(6) Nguyên tiêu: đêm rằm tháng Giêng.
(7) Tống Tử, Tề Khương: lấy ý từ hai câu Kinh thi (Trần phong): Khởi kỳ, thú thê, tất Tề chi Khương (Nếu lấy vợ, ắt là nàng họ Khương nước Tề); Khởi kỳ thú thê, Tất Tống chi Tử (Nếu lấy vợ, ắt là nàng họ Tử nước Tống). Họ Khương và họ Tử là hai họ dòng dõi và có con gái đẹp.
(8) Hàn Hoành: xem chú thích (4) Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu
(9) Thôi Hộ đời Đường, ngày thanh minh đi chơi, khát nước vào một nhà xin uống, thấy một người con gái đem chén nước ra cho rồi đứng dựa cây đào nhìn mình chăm chú. Thôi đi rồi, bẵng một năm, năm sau cũng ngày thanh minh lại đến nhà ấy thì thấy đóng cửa. Chàng đề một bài thơ như sau: "Khứ niên kim nhật thử môn trung, Nhân diện đào hoa tương ánh hồng. Nhân diện bất chi hà xứ khứ, Đào hoa y cựu tiếu đông phong". Nghĩa là: Bữa nay năm ngoái chốn qua chơi, Mặt ngọc hoa đào óng ánh tươi. Mặt ngọc ngày nay đâu vắng tá. Hoa đào năm ngoái vẫn còn cười. Người con gái xem thơ, nhớ thương rồi ốm chết. Chợt Thôi Hộ đến, nghe tiếng khóc chạy vào ôm thây mà khóc. Người con gái bỗng hồi tỉnh rồi sống lại. Ông bố bèn đem cô con gái gả cho Thôi Hộ (Tình sử).
(10) Nàng Tây Thi là vợ vua Phù Sai nước Ngô người tuyệt đẹp.
(11) Nàng Tiểu Man, vợ lẽ của nhà thi sĩ Bạch Cư Dị, múa rất khéo.
(12) Cúc Hà: Lấy ý từ bài Thu phong từ của Hán Vũ Đế làm khi đi tế ở Hà Phần: Lan hữu tú hề cúc hữu phương: Hoài giai nhân hề bất năng vương (Lan có hoa chừ cúc tỏa hương, Nhớ người đẹp chừ lòng vấn vương). Lan Sở: hoa lan nước Sở, một loài hoa cao quý mà Khuất Nguyên luôn nhắc tới trong tác phẩm Sở từ của ông.
(13) Tôn Kính đời Hán, người Tín Đô, khi học ở nhà Thái Học, vì không có tiền sách vở nên đã ghép lá liễu làm giấy chép bài mà học. Ban đầu ngồi học, sợ ngủ quên nên đã túm tóc buộc lên xà nhà, hễ ngủ gật sẽ bị thức dậy.
(14) Xem hoa: Theo lệ, sau khi thi Hội, những người thi đỗ được cho cưỡi ngựa xem hoa trong vườn thượng uyển. Nhưng Liễu và Hoa ở đây còn liên hệ đến tên hai nàng.
(15) Vườn lãng: Chỉ cõi tiên, cũng như La Phù, Bồng Đảo đều là nơi tiên ở.
(16) Mạt ly hoa: Tức hoa nhài.
(17) Đời Đường, Vũ Tam Tư, còn có tên là Thừa Tự, có người nàng hầu là Tố Nga, nhan sắc đẹp lắm. Địch Lương Công đến thăm, Tam Tư gọi ra, nhưng nàng lẩn mất, chỉ thấy ở góc nhà có mùi hương, đến lắng nghe thì chính là Tố Nga. Nàng nói: "Thiếp là con yêu hoa nguyệt, Thượng đế cho xuống hầu hạ ông. Lương Công là bậc chính nhân ở đời, thiếp không dám giáp mặt".

Chuyện cây gạo (Nguyễn Dữ)

Trình Trung Ngộ là một chàng trai đẹp ở đất Bắc Hà, nhà rất giàu, thuê thuyền xuống vùng nam buôn bán. Chàng thường đỗ thuyền ở dưới cầu Liễu Khê rồi đi lại vào chợ Nam Xang (1). Dọc đường, hay gặp một người con gái xinh đẹp, từ Đông thôn đi ra, đằng sau có một ả thị nữ theo hầu. Chàng liếc mắt trông, thấy là một giai nhân tuyệt sắc. Song đất lạ quê người, biết đâu dò hỏi, chỉ mang một mối tình u uất trong lòng. Một hôm khác, chàng cũng gặp lại, muốn kiếm một lời nói kín đáo để thử khêu gợi, nhưng người con gái đã xốc xiêm rảo bước, và bảo với con hầu gái:
- Ta lâu nay rượu xuân quá chén, mê mệt nằm dài, hầu nửa năm trời, không lên chơi cầu Liễu Khê lần nào cả, chẳng biết giờ phong cảnh ra sao. Đêm nay nên thăm qua cảnh cũ, để được khuây giải chút tình u uất ở trong lòng, vậy em có đi theo ta không?
Con hầu vâng lời.
Trung Ngộ nghe lỏm lấy làm mừng lắm. Tối hôm ấy, chàng đến bên cầu chờ sẵn. Đêm khuya người vắng, quả thấy người con gái cùng ả thị nữ mang theo đến một cây hồ cầm, đi tới đầu cầu, thở dài mà nói rằng:
- Nước non vẫn nước non nhà, cảnh còn như cũ người đà khác xưa, làm sao khỏi cảm động bùi ngùi cho được!
Bèn ngồi tựa vào bức lan can trên cầu, ôm đàn gẩy mấy bài Nam cung, mấy điệu Thu tứ. Một lúc nàng bỏ đàn đứng dậy nói rằng:
- Giải niềm u uất, muốn mượn tiếng đàn; song điệu cao ý xa, đời làm gì có kẻ tri âm hiểu được cho mình, chẳng bằng về cho sớm còn hơn.

Trung Ngộ liền bước rảo tới trước mặt nàng, vái chào mà rằng:
- Chính tôi là người tri âm mà nương tử đã không biết đấy.
Người con gái giật mình nói:
- Vậy ra chàng cũng ở đây ư? Thiếp đã từng nhiều lần được chàng đoái tới, ơn ấy thật vẫn ghi lòng. Chỉ vì ở đường sá vội vàng, không tiện tỏ bày chung khúc. Giờ nhân đêm vắng, dạo bước nhàn du, không ngờ chàng lại đã đến trước ở đây. Nếu không phải duyên trời, sao lại có sự gặp gỡ may mắn như vậy. Song hạt châu hạt ngọc ở bên, thiếp chẳng khỏi tự xét thấy mình nhơ bẩn, thực thấy làm e thẹn vô cùng.
Chàng hỏi họ tên và nhà cửa. Nàng chau mày nói:
- Thiếp họ Nhị tên Khanh, là cháu gái của ông cụ Hối, một nhà danh giá trong làng. Hai thân mất sớm, cảnh nhà đơn hàn. Mới đây bị người chồng ruồng bỏ, thiếp phải dời ra ở bên ngoài lũy làng. Nghĩ đời người ta, thật chẳng khác gì giấc chiêm bao. Chi bằng trời để sống ngày nào, nên tìm lấy những thú vui. Kẻo một sớm chết đi, sẽ thành người của suối vàng, dù có muốn tìm cuộc hoan lạc ái ân, cũng không thể được nữa.
Hai người bèn đưa nhau xuống dưới thuyền, người con gái sẽ bảo chàng rằng:
- Thân tàn một mảnh, cách với chết cũng chẳng bao xa. Ngày tháng quạnh hiu, không người săn sóc. Nay dám mong quân tử quạt hơi dương vào hang tối, thả khí nóng tới mầm khô, khiến cho tía rụng hồng rơi, được trộm bén xuân quang đôi chút, đời sống của thiếp như thế sẽ không phải phàn nàn gì nữa.
Bèn cùng nhau ân ái hết sức thỏa mãn. Nàng có làm hai bài thơ để ghi cuộc hoan lạc như sau:
I
Cùng diêm cửu khốn ngọ miên trì,
Tu đối tân lang ngữ biệt ly.
Ngọc duẩn chỉnh tà châu xuyến tử,
Hương la thoát hoán tú hài nhi.
Mộng tàn bán chẩm mê hồ điệp,
Xuân tận tam canh oán tử quy.
Thử khứ vị thù đồng huyệt ước,
Hảo tương nhất tử vị tâm tri.
Dịch:
Giấc xuân mê mệt chốn hoang liêu,
Bỗng sượng sùng thay cuộc ấp yêu.
Măng ngọc (2) vuốt ve nghiêng xuyến trạm,
Dải là cởi tháo trút hài thêu
Mộng tân gối bướm bâng khuâng lạc,
Xuân hết cành quyên khắc khoải kêu.
Đồng huyệt chưa tròn nguyền ước ấy,
Vì nhau một thác sẵn xin liều.
II
Giai kỳ nhẫn phụ thử lương tiêu
Túy bão ngân tranh bát phục khiêu...
Ngọc yến nhiệm dung trâm trụy kế,
Kim thuyền kỳ phạ thúc tiêm yêu.
Yên thư đường ngạc hồng do thấp,
Hãn thối mai trang bạch vị tiêu.
Tảo vãn kết thành loan phượng hữu,
Phong thần nguyệt tịch nhiệm chiêu yêu.
Dịch:
Đêm đẹp này đâu nỡ bỏ hoài,
Ôm tranh nhẹ bấm một đôi bài.
Đầu cài én ngọc (3) hình nghiêng chếch,
Lưng thắt ve vàng (4) dáng ỏe oai.
Đường (5) lúc nở rồi hồng đượm ướt,
Mai khi rã hết trắng chưa phai.
Phượng loan sớm kết nên đôi lứa,
Gió sớm giăng khuya thỏa cợt cười.
Trình vốn là lái buôn, biết ít chữ nghĩa nên nàng giải nghĩa rõ ràng cho hiểu. Trung Ngộ rất khen ngợi mà rằng:
- Văn tài của nàng, không kém gì Dị An (6) ngày xưa.
Nàng cười mà rằng:
- Người ta sinh ở đời, cốt được thỏa chí, chứ văn chương thời có làm gì, chẳng qua rồi cũng nắm đất vàng là hết chuyện. Đời trước những người hay chữ như Ban Cơ, Sái Nữ (7) nay còn gì nữa đâu. Sao bằng ngay trước mắt, tìm thú vui say, để khỏi phụ mất một thời xuân tươi tốt.
Trời gần sáng, nàng từ biệt ra về. Từ đấy đêm nào họ cũng đến với nhau. Trải hơn một tháng, bọn bạn buôn có người biết chuyện bảo với Trung Ngộ rằng:
- Bác ở chỗ đất khách quê người, nên biết giữ mình thận trọng, xa lánh những sự hiềm nghi. Chớ nên giở nết gió trăng quyến phường hoa liễu. Như người con gái ấy chẳng tường duyên do gốc gác, nếu không là cô ả nũng nịu ở chốn buồng thêu, thì tất cũng dì bé yêu chiều ở nơi gác gấm. Nay bác cứ như vậy, lỡ một sớm cơ sự khó giấu, thanh tích lộ ra, trên thì bị hình pháp lôi thôi, dưới không có họ hàng cứu giúp, bấy giờ thì bác tính thế nào. Chi bằng đã trót gian díu thì nên tìm đến gốc tích nhà cửa, rồi hoặc ruồng bỏ như Xương Lê với nàng

Liễu Chi (8) hoặc đèo bòng, như Lý Tĩnh với nàng Hồng Phất (9), thế mới là kế vạn toàn được.
Trung Ngộ khen phải, rồi một hôm chàng bảo với nàng:
- Tôi vốn là một người viễn khách, tình cờ kết mối lương duyên, nhưng đối với giai nhân, cửa nhà chưa rõ, tung tích không tường, trong bụng rất lấy làm áy náy.
Nàng nói:
- Nhà thiếp vốn không phải xa xôi là mấy. Nhưng nghĩ chúng mình gặp gỡ, chẳng qua là một cuộc riêng tây. Chỉ thuyền quyên ghen ghét, tai mắt nghi ngờ, đánh vịt mà kinh uyên, đốt lan mà héo huệ. Cho nên thà mang sao mà đến, đội nguyệt mà về, khỏi để mối lo cho lang quân đó thôi.
Song Trung Ngộ cố nài; nàng cười mà rằng:
- Chỉ vì nhà thiếp xấu xa, nên hổ thẹn mà muốn giấu giếm. Nhưng nay chàng đã cố muốn biết, vâng thì thiếp xin đưa về.
Rồi đó canh ba, đêm hôm ấy, nhân lúc đêm đen trời tối, hai người cùng đi đến Đông thôn. Khi đến một chỗ, chung quanh có bức hàng rào bằng gióng tre, thỉnh thoảng chen lẫn vào vài khóm lau khô, trong có túp nhà gianh nhỏ lụp sụp, dây bìm leo đầy lên vách và lên mái, nàng trỏ bảo chàng rằng:
- Đây, nhà của thiếp đây, cứ đẩy cửa vào ngồi chơi để thiếp đi kiếm cái lửa.
Trình cúi đầu qua dưới mái gianh, vào tạm ngồi ở chỗ bờ cửa. Thỉnh thoảng có cơn gió thổi, chàng thoáng thấy một mùi tanh thối khó chịu. Đương kinh ngạc không biết mùi gì, bỗng trong nhà có bóng đèn sáng. Chàng trông vào, thấy ở gian bên phía tả kê một chiếc giường mây nhỏ, trên giường để một cỗ áo quan sơn son, trên quan phủ một tấm the hồng, dùng ngân sa đề vào mấy chữ "Linh cữu của Nhị Khanh". Cạnh cữu có người con gái nặn bằng đất tay ôm cây hồ cầm đứng hầu.
Trung Ngộ thấy vậy, sởn gai, dựng tóc, tất tả nhảy choàng ra khỏi cái nhà ấy. Song chàng vừa chạy thì người con gái đã cản đường mà bảo:
- Chàng đã từ xa lại đây, quyết không có lý nào còn trở về nữa. Phương chi trong bài thơ bữa nọ, thiếp chả đã từng lấy cái chết mà hẹn hò nhau. Xin sớm theo nhau đi, cho được thỏa nguyền đồng huyệt. Nằm vò võ một mình như vậy, lẽ đâu nay thiếp lại để cho chàng về.
Nói rồi nàng sấn lại nắm vạt áo chàng. Nhưng may vạt áo cũ bở, chàng giật rách mà chạy được thoát; về đến cầu Liễu Khê, hầu như kẻ mất hồn không nói được nữa.
Sáng hôm sau nhân đến Đông thôn hỏi thăm, quả có người cháu gái của ông cụ Hối, mới 20 tuổi, chết đã nửa năm, hiện quàn ở ngoài đồng ngay bên cạnh làng. Từ đấy Trung Ngộ sinh ra ốm nặng. Còn Nhị Khanh cũng thường qua lại, có lúc đứng trên bãi sông gọi eo éo, có lúc đến bên cửa sổ nói thì thào. Trung Ngộ cũng vẫn thường ứng đáp với nàng và muốn vùng dậy để đi theo. Người trong thuyền phải lấy dây thừng trói lại thì chàng mắng:
- Chỗ vợ ta ở có lâu đài lộng lẫy, có hương hoa ngạt ngào, ta phải đi theo chứ không thể luẩn quẩn trong chốn bụi hồng này được; can dự gì đến các người mà dám đem dây trói buộc ta thế này.
Một đêm, người trong thuyền ngủ say, đến sáng thức dậy thì thấy mất Trung Ngộ. Họ vội đến Đông thôn tìm, thấy chàng đã nằm ôm quan tài mà chết, bèn phải thu liệm chôn ngay ở đấy. Từ đó về sau, phàm những đêm tối trời, người ta thường thấy hai người dắt tay nhau đi dạo, khi thì hát, khi thì khóc. Hai người thường bắt người ta phải khấn cầu lễ bái, hễ hơi không được như ý thì làm tai làm vạ. Người làng đấy không thể chịu được mọi nỗi khổ hại, họ bèn đào mả phá quan tài của chàng, rồi cùng cả hài cốt của nàng, vứt bỏ xuống sông cho trôi theo dòng nước.
Trên bờ sông ấy có một cái chùa, chùa có cây gạo rất cổ tương truyền là đã sống được hơn trăm năm. Linh hồn của hai người bèn nương tựa vào cây gạo ấy làm yêu làm quái, hễ ai động đến cành lá cây gạo thì dao gẫy rìu mẻ, không thể nào đẵn phạt được.
Trong năm Canh Ngọ (1330) niên hiệu Khai Hựu nhà Trần, có vị đạo nhân một đêm vào nằm ngủ trong cái chùa ấy. Giữa lúc sông quạnh trăng mờ, bốn bề im lặng, đạo nhân thấy một đôi trai gái, thân thể lõa lồ mà cùng nhau cười đùa nô giỡn, một lát, đến gõ thình lình gọi hỏi trong chùa. Đạo nhân cho là đôi trai gái lẳng lơ đêm trăng dắt nhau đi chơi, khinh bỉ cái phẩm cách của họ, nên cứ đóng cửa nằm im, không thèm đánh tiếng. Sáng hôm sau, đạo nhân đem sự việc trông thấy thuật chuyện với một ông già trong thôn mà phàn nàn sao dân phong tồi tệ như vậy. Ông già nói.
- Ngài không biết, đó là giống yêu quỷ, chúng đến ở nay trên cây gạo đã mấy năm nay; ước sao có thanh kiếm trừ tà, để trừ cho dân chúng tôi giống yêu quỷ ấy.

Đạo nhân trầm ngâm một lúc lâu rồi nói.
- Ta vốn lấy việc cứu giúp mọi người làm nhiệm vụ, cái việc mắt ta trông thấy, nếu chẳng đem pháp thủ ra tức là thấy người chết đuối mà không cứu vớt.
Rồi đạo nhân vời họp người làng, lập một đàn tràng cúng tế, viết ba đạo bùa, một đạo đóng vào cây gạo, một đạo thả chìm xuống sông, còn một đạo đốt ở giữa trời, đoạn quát to lên rằng:
- Những tên dâm quỷ, càn rỡ đã lâu, nhờ các thần linh, trừ loài nhơ bẩn, phép không chậm trễ, hỏa tốc phụng hành.
Một lúc, mây gió nổi lên đùng đùng, người đứng cách mấy thước không trông thấy nhau, dưới sông thì sóng tung cuồn cuộn vang trời động đất. Sau một hồi, gió lặng mây quang, thấy cây gạo đã bị nhổ bật, cành cây gẫy nát và bị tước như tước dây vậy. Kế nghe thấy trong không có tiếng roi vọt và tiếng kêu khóc. Mọi người ngẩng lên trông có sáu bảy trăm lính đầu trâu gông trói hai người mà dẫn đi.
Người làng đem rất nhiều tiền của để tạ ơn vị đạo nhân, nhưng đạo nhân phất áo đi vào non sâu, không lấy một tí gì cả.
Lời bình: *Than ôi cái giống ma quỷ, tuy từ xưa không phải cái nạn đáng lo cho người thiên hạ, nhưng kẻ thất phu đa dục thì thường khi mắc phải. Trung Ngộ là một gã lái buôn không có tri thức, không đủ trách vậy. Vị đạo nhân kia vì người trừ hại, công đức lớn lao; nhà bình luận công bằng sau này, phải nên biết đến. Không nên lấy cớ huyễn thuật mà cho là chuyện nhảm, bảo rằng dị đoan mà dìm mất cái hay, ngõ hầu mới hợp cái ý nghĩa người quân tử trung hậu đối với người khác.*
(°) Nguyên văn: Mộc miên thụ truyện.
1. Chợ Nam Xang: chợ ở huyện Nam Xang tức huyện Lý Nhân, nay thuộc tỉnh Hà Nam.
2. Măng ngọc: ngón tay.
3. é ngọc: chiếc thoa cài đầu chạm hình con chim én.
4. Lưng thắt ve vàng: lưng mỹ nhân thon, chẽn lại như lưng con ve.
5. Đường: hoa hải đường, thường ví với vẻ đẹp của thiếu nữ.
6. Dị An: Lý Thanh Chiếu, vợ của Triệu Minh Thành, Lý Cách Phi, người đất Tế Nam, có tài văn thơ, đặc biệt là thể từ, được coi là một đại thi gia đời Tống. Dị An cư sĩ là tên hiệu, bà có tập Thấu ngọc từ còn truyền ở đời.
7. Ban Cơ: tên là Chiêu, em gái Ban Siêu đời Hán, có tài học, triều vua Hòa đế được triệu vào cung để dạy học; các hoàng hậu, quý nhân đều phải thờ làm thầy. Có làm ra 7 thiên Nữ giới và làm tiếp sách Hán thư.
Sái nữ : là nàng Sái Diệm, con gái Sái Ung đời Hán, có văn tài và hiểu âm luật, làm ra 18 khúc hát Hồ già.
8. Hàn Dũ là một văn hào làm quan đời Đường được phong là Xương Lê bá. Hàn có hai người nàng hầu là Giáng Đào và Liễu Chi. Khi Hàn đi vắng, Liễu Chi bỏ trốn, người nhà đuổi theo bắt về được. Sau Hàn về, chỉ yêu dấu Giáng Đào và ruồng bỏ Liễu Chi.
9. Hồng Phất: phất trần đỏ, tên thật là ứng Trần hầu thiếp của Dương Tố đời Đường. Nàng có nhan sắc và hay chữ; khi đứng hầu thường cầm phất trần đỏ nên thành tên. Một lần Lý Tĩnh vào thăm Dương Tố, Hồng Phất đưa mắt nhìn quyến luyến. Đêm đó nàng mặc áo tía, đội mũ trốn đến nhà Lý Tĩnh gõ cửa. Tĩnh mời vào nàng cởi bỏ áo mũ nói: "Thiếp là người cầm phất trần đỏ ở nhà họ Dương đây mà, xin đem thân cát đằng nương bóng tùng quân". Rồi hai người đưa nhau lên Thái Nguyên kết làm vợ chồng.

Chuyện cái chùa hoang ở huyện Đông Triều (Nguyễn Dữ)

Đời nhà Trần, tục tin thần quỷ, thần từ, phật tử chẳng đâu là không có. Các chùa như chùa Hoàng Giang, chùa Đồng Cổ, chùa An Sinh, chùa An Tử, chùa Phổ Minh, quán Ngọc Thanh dựng lên nhan nhản khắp nơi; những người cắt tóc làm tăng làm ni, nhiều gần bằng nửa số dân thường. Nhất là vùng huyện Đông Triều(1), sự sùng thượng lại càng quá lắm. Chùa chiền dựng lên, làng lớn có đến hơn mười nơi, làng nhỏ cũng chừng năm, sáu. Bao ngoài bằng rào lũy, tô trong bằng vàng son, phàm người đau ốm, chỉ tin theo ở sự hư vô; gặp các tuần tiết thì đàn tràng cúng vái rất là rộn rịp. Thần, phật xem chừng cũng ứng giáng, nên cầu gì được nấy, linh ứng lạ thường.
Bởi vậy người dân càng kính tin, không dám ngạo mạn. Song đến đời vua Giản Định nhà Trần(2), binh lửa liên miên, nhiều nơi bị đốt; số chùa chiền còn lại mười không được một mà cái số còn lại ấy, cũng mưa bay gió chuyển, đổ ngã xiêu nghiêng, tiêu điều đứng rũ ở giữa áng cỏ hoang bụi rậm. Sau khi quân Ngô(3) lui, dân trở về phục nghiệp, có

viên quan là Văn Tư Lập đến trị huyện ấy, thấy những cảnh hoang tàn đổ nát bèn róng rả dân đinh các xã, đánh tranh ken nứa mà sửa chữa lại ít nhiều. Ngồi ở huyện ấy được một năm, thấy dân quanh huyện khổ về cái nạn trộm cắp, từ gà, lợn, ngỗng, ngan đến cá trong ao, quả trong vườn, phàm cái gì có thể ăn được đều bị mất hết. Tư Lập than rằng:
- Ta ở vào địa vị một viên ấp tể, không có cái minh để xét ra kẻ gian, cái cứng để chế phục kẻ ác, vì nhân nhu mà hỏng việc, chính là cái lỗi tự ta.
Song Tư Lập cho là những đám trộm cắp vặt ấy, cũng không đến nỗi đáng lo ngại lắm, nên chỉ sức các thôn dân, đêm đêm phải canh phòng cẩn mật. Trong khoảng một tuần, tuy canh phòng chẳng thấy gì cả, nhưng những việc trộm cắp vặt cũng vẫn như trước. Lâu dần càng không thấy chúng kiêng sợ gì, đến nỗi lại vào bếp để khoắng hũ rượu của người ta, vào buồng ghẹo vợ con người ta, khi mọi người đổ đến vây bắt, thì kẻ gian đã biến đi đằng nào mất, chẳng thấy gì cả. Tư Lập cười mà nói:
- Té ra lâu nay vẫn ngờ oan cho lũ kẻ trộm, kỳ thực đó là loài ma quỷ, hưng yêu tác quái đó mà thôi. Những sự quấy rối bấy nay, đều tự vật này cả.
Sau đấy đi mời khắp các thầy phù thủy cao tay, xin bùa yểm trấn, làm thuyền bè mã mà tống tiễn. Song càng bùa bèn trừ yểm, sự quấy nhiễu càng tệ hơn trước. Tư Lập cả sợ, họp người dân thôn lại bàn rằng:
- Các người khi trước vẫn thờ Phật rất kính cẩn, lâu nay vì việc binh hỏa mà đèn hương lễ bái không chăm, cho nên yêu nghiệt hoành hành mà Phật không cứu giúp. Nay sao chẳng đến chùa kêu cầu với Phật, tưởng cũng là một cách quyền nghi may có thể giúp ích cho mình.
Mọi người bèn đi đốt hương lễ bái ở chùa chiền khấn rằng:
"Lũ chúng sinh này kính thờ Trời Phật, quy y đã lâu, hết lòng trông cậy ở Phật pháp. Nay ma quỷ nổi lên, quấy nhiễu dân chúng, họa hại cả đến loài lục súc, vậy mà Phật ngồi nhìn im lặng, chẳng cũng từ bi quá lắm ư? Cúi xin mở lượng thương xót, ra uy trừng phạt, khiến thần, người chẳng lẫn, dân vật đều yên, hết thảy chúng sinh, đều được đội ơn nhiều lắm. Song loạn lạc vừa yên, sinh kế chưa khôi phục được, tấc gỗ mảnh ngói khó lòng xoay xở vào đâu. Đợi khi làm ăn giàu có sẽ lại xin sửa lại chùa chiền đền công đức ấy".
Đêm hôm ấy, trộm cắp hoành hành lại dữ hơn trước. Tư Lập chẳng biết làm sao được; nghe Vương tiên sinh ở huyện Kim Thành(4) là người giỏi bói dịch, bèn đến bói một quẻ xem sao. Vương tiên sinh bói rồi nói rằng:
Cưỡi trên ngựa tốt,
Mặc áo vải săn.
Túi da tên thiếc,
Đích thị người thần.
Lại dặn rằng:
- Ông muốn trừ được nạn ấy, sáng mai nên theo phía tả cửa huyện đi về phương Nam, hễ thấy người nào vận mặc như thế, mang xách như vậy, quyết là người ấy có thể trừ hại được, nên cố thỉnh mời, dù từ chối cũng đừng nghe.
Hôm sau, Tư Lập cùng các phụ lão đúng theo lời của Vương tiên sinh để trông ngóng xem, những kẻ đi, người lại đầy đường, chẳng thấy ai giống như thế cả. Trời đã xế chiều ai nấy chán nản sắp muốn về, chợt có một người từ trong núi bước ra, mình mặc áo vải, đeo cung cưỡi ngựa. Mọi người cùng chạy ra phục lạy ở phía trước mặt. Người ấy ngạc nhiên hỏi, mọi người cũng kể rõ bản ý của mình. Người ấy cười mà nói rằng:
- Các ông sao mà quá tin bói toán thế. Tôi từ nhỏ làm nghề săn bắn, mình không rời yên ngựa, tay không rời cung tên. Hôm qua nghe nói ở núi An Phụ(5) có nhiều giống nai, báo, thỏ tốt nên nay định đến để săn, nào có biết lập đàn thầy pháp, bắt ma vô hình là công việc thế nào.
Tư Lập nghĩ bụng người này tất là một vị pháp đàn cao tay vì không muốn nổi tiếng về thuật bùa bèn, vì sợ mang lụy vào thân, nên mới nhởn nhơ trong chốn khe núi, giấu mình ở thú chơi cung mã, bèn nhất định cố mời kỳ được. Người kia xem chừng không thể từ chối, phải gượng nghe lời. Tư Lập mời người ấy về huyện để ở trong nhà quán xá, giường chiếu màn đệm rất sang trọng, săn sóc kính cẩn như một vị thần minh. Người ấy nghĩ riêng rằng:
- Họ tiếp đãi kính cẩn với ta như thế này, chỉ vì cho ta là có tài trừ quỷ. Nhưng thực thì ta chẳng có tài gì về việc đó, thế mà đi hưởng sự cung cấp của người, sao cho đành tâm. Nếu không sớm liệu trốn đi thì có ngày xấu hổ.
Hôm ấy ước chừng nửa đêm, thừa lúc mọi người đã ngủ say, người ấy bèn rón rén ra khỏi huyện lỵ. Khi đến phía Tây cái cầu ván bấy giờ trời tối lờ mờ, trăng khuya chưa mọc, thấy có người hình thể to lớn, hớn hở từ dưới đồng đi lên, người ấy bèn lẻn vào chỗ khuất, ngồi rình để xem họ làm trò gì. Một lát, thấy họ thò tay khoắng xuống một cái ao rồi bắt

cứ vớ được cá lớn cá nhỏ, đều bỏ vào mồm nhai nuốt hết, lại nhìn nhau mà cười mà nói:
- Những con cá con ăn ngon lắm nên ăn dè dặt mới thấy thú, há chẳng hơn những thức hương hoa nhạt nhẽo họ thường dâng cúng chúng mình ư? Đáng tiếc là đến bây giờ, chúng mình mới được biết những vị ngon ấy.
Một người cười mà nói:
- Chúng mình thật to đầu mà dại, bấy nay bị người đời chúng nó lừa dối; ai lại đem cái oản, một vài lẻ gạo để lấp cái bụng nặng nghìn cây mà đi giữ của cho chúng nó bao giờ. Nếu không có những buổi như buổi hôm nay mà cứ trường chay mãi như trước thì thật là một đời sống uổng.
Một người nói:
- Tôi xưa nay vẫn ăn đồ mặn không phải ăn chay tịnh như các ông. Nhưng hiện giờ dân tình nghèo kiết, chúng nó chẳng có gì để cúng vái mình. Bụng đói miệng thèm, không biết mùi thịt là cái gì đã trải qua một thời gian lâu lắm, chẳng khác chi đức Khổng Tử ở nước Tề ba tháng không được đụng đến miếng thịt. Song đêm nay, trời rét, nước lạnh, khó lòng ở lâu chỗ này được, chi bằng lên quách vườn mía mà bắt chước Hổ đầu tướng quân(6) ngày xưa.
Đoạn rồi họ dắt nhau đi lên, vào vườn mía, nhổ trộm mà tước mà hít. Người kia đang ngồi núp một chỗ, liền dương cung lắp tên, thình lình bắn ra, tin luôn ngay được hai người. Bọn gian kêu ấm ớ mấy tiếng rồi ồ chạy cả, chừng độ mấy chục bước đều mờ khuất hết. Song lúc đó còn thấy có tiếng mắng nhau:
- Đã bảo ngày giờ không tốt thì đừng nên đi, không nghe lời ta, bây giờ mới biết.
Người kia kêu réo ầm ĩ lên, dân làng quanh đấy giật mình tỉnh dậy, cùng đốt đèn thắp đuốc chia nhau mỗi người đi đuổi một ngả. Họ soi thấy dấu máu vấy trên mặt đất, bèn theo dấu máu ấy đi về phía Tây. Chừng hơn nửa dặm đến một cái chùa hoang, vào thấy hai pho tượng Hộ pháp xiêu vẹo trong chùa, trên lưng mỗi tượng đều có một phát tên cắm vào sâu lắm (7). Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, cho là một sự lạ xưa nay chưa có bao giờ. Họ liền hẩy đổ hai pho tượng. Trong lúc ấy còn nghe có tiếng nói rằng:
- Vẫn tưởng kiếm cho no bụng, ai ngờ phải đến nát thân. Nhưng bầy ra mưu mẹo là tự lão thủy thần kia. Hắn là chủ mưu mà được thoát nạn còn chúng ta theo hắn mà phải chịu vạ, thật cũng đáng phàn nàn lắm.
Đó rồi họ sai người đến miếu Thủy thần, thấy pho tượng thần đắp bằng đất, bỗng biến sắc, mặt tái đi như chàm đổ, mấy cái vẩy cá còn dính lèm nhèm trên mép, lại phá hủy luôn cả pho tượng ấy.
Quan huyện Văn Tư Lập dốc hết hòm rương để trả ơn, người kia chở nặng mà về. Từ đấy yêu tà tuyệt tịch không còn thấy bóng tăm đâu nữa.
Lời bình: *Than ôi! Cái thuyết nhà Phật thật vô ích mà có hại quá lắm. Nghe lời nói năng thì từ bi, quảng đại, tìm sự ứng báo thì bắt gió mơ hồ. Nhân dân kính tín đến nỗi có người phá sản để cúng cho nhà chùa. Nay xem cái dư nghiệt ở trong một ngôi chùa nát mà còn gớm ghê như thế, huống ngày thường cúng vái sầm uất phỏng còn tai hại đến đâu. Song những anh quân, hiền tướng, thường muốn trừ bỏ mà vẫn không được. Bởi các đấng quân tử cao minh, thường có nhiều người rúp rập, chẳng hạn như Tô học sỹ(8) đời Tống, Lương Trạng nguyên(9) đời Lê, ước sao có hàng trăm ông Hàn Xương Lê(10) ra đời, xúm lại mà đánh, đốt hết sách và chiếm hết nhà mới có thể được.*
Chú thích*(1) Đông Triều: nay là huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.*
(2) Trần Giản Định: tên là Ngỗi, dấy quân chống quân xâm lược Minh từ 1407, niên hiệu Hưng Khánh.
(3) Quân Ngô: chỉ quân xâm lược Minh.
(4) Huyện Kim Thành: thời Trần thuộc châu Đông Triều, nay thuộc địa phận tỉnh Hải Dương.
(5) Núi An Phụ: nguyên chú: "Núi ở huyện Giáp Sơn", có lẽ nay là vùng Kinh Môn thuộc tỉnh Hải Dương.
(6) Hổ đầu tướng quân: đời vua Tấn An Đế, Cố Hải Chi làm chức Hổ đầu tướng quân, người đương thời gọi là Cố Hổ đầu. Mỗi lần ăn mía, Cố đều ăn từ ngọn xuống gốc, lại nói: "Ăn như thế thì mỗi lúc mới đi đến chỗ thú vị".
(7) Nguyên văn: "... tên cắm ngập đến lông vũ", tức là sâu vào đến lông vũ đuôi mũi tên.
(8) Tô Học Sĩ: Tô Đông Pha, nhà thơ lớn đời Tống, thường đến chùa Kim Sơn, chơi thân với sư Phật ấn.
(9) Lương Trạng nguyên: tức Lương Thế Vinh, người xã Cao Hương, huyện Thiên Bản (nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), đỗ Trạng nguyên năm Quang Thuận thứ 4 (1463) đời Lê Thánh Tông, rất sùng đạo Phật.

(10) Hàn Xương Lê: Hàn Dũ đời Đường. Ông có bài biểu can ngăn việc rước xương Phật, thể hiện tư tưởng bài Phật. Ông khuyên vua đốt sách kinh Phật, bắt sư phải hòan tục.

Chuyện nghiệp oan của Đào Thị (Nguyễn Dữ)

Ả danh kỹ ở Từ Sơn (1) là Đào Thị, tiểu tự Hàn Than, thông hiểu âm luật và chữ nghĩa. Niên hiệu Thiệu Phong (2) thứ năm (1345) đời nhà Trần, nàng được tuyển sung vào làm cung nhân, hằng ngày chầu vua ở tiệc rượu hay ở chiếu bạc.

Một hôm vua thả thuyền chơi trên sông Nhị, rồi đi lần xuống tận bến Đông Bộ Đầu (3). Vua lãng ngâm rằng:

Vụ ế chung thanh tiểu,
Sa bình thụ ảnh trường.

Nghĩa là:

Mù tỏa tiếng chuông nhỏ,
Cát phẳng bóng cây trường (dài).

Các quan chưa ai nối được vần, nàng Đào liền ứng khẩu được ngay:

Hàn than ngư hấp nguyệt,
Cổ lũy nhạn minh sương.

Nghĩa là:

Bến lạnh cá đớp nguyệt,
Lũy cổ nhạn kêu sương.

Vua khen ngợi hồi lâu rồi nhân đó gọi là: "ả Hàn Than".

Vua Dụ Tôn mất, nàng phải thải ra ở ngoài phố, thường đi lại nhà quan Hành khiển là Ngụy Nhược Chân. Bà vợ quan Hành khiển không có con mà tính hay ghen, ngờ Hàn Than tư thông với chồng, bắt nàng đánh một trận rất là tàn nhẫn. Nàng tức tối vô cùng, bèn đem những trâm hoa bằng vàng ngọc bán đi để thuê thích khách vào nhà Nhược Chân trả thù.

Nhưng thích khách đến, bị người nhà Nhược Chân bắt được, lúc đem tra khảo, hắn xưng ra Hàn Than. Hàn Than sợ, phải cạo trọc đầu và mặc đồ nâu sồng, trốn đến tu ở chùa Phật Tích (4), giảng kinh thuyết kệ, chỉ mấy tháng đã làu thông lắm. Nàng có dựng ra am gọi là am Cư Tĩnh, mời họp các văn nhân để xin một bài bảng văn. Bấy giờ trong làng có một cậu học trò tuổi độ 14, 15, cũng đến hội họp. Hàn Thanh khinh là còn ít tuổi, nói đùa rằng:

- Anh bé con này cũng làm văn được à? Vậy thử làm cho tôi xem nào.

Cậu học trò không tỏ vẻ giận gì cả, lui lại dò hỏi được gốc tích Hàn Than, rồi làm bài văn như sau:

Cái văn: Phật bản từ bi, kỳ danh viết giác,
Nhân năng thanh tịnh, tức ngụy thành chân.
Năng tu pháp giới tân lương,
Tiện thị tùng lâm tông chủ.
Kính duy Phật Tích am sơn chủ Đào Thị
Danh đào nhạc tịch,
Đính lễ Phạm vương.
Đào khẩu liễu yêu, trạo thiệt tế tài án duyệt Lương Châu kỷ khúc,
Từ vân tuệ nhật, đài đầu gian dĩ quy y Đâu suất chư thiên.
Quần phao tương thủy tằng tằng,
Mấn lạc Sở văn đoạn đoạn.
Mộng lý vô đoan xúc cảnh, bán chẩm du tiên,
Phong tiền hà xứ liêu nhân, sổ xoang đoản địch.
Ca viện bất như tăng viện tĩnh,
Nạp y tuyệt thắng vũ y lương.
Thủy cúc Tào khê, do phân khuy kính ảnh,
Dạ tuyên bối diệp, thượng tác nhiễu lương thanh.
Tuy vân thiền định vong cơ,
Phả nại cuồng tâm bị tửu.
Túc bất hướng Tầm Dương tống khách,
Thân khước lai Hàng Quận tham thiền.
Ngũ Lăng nhi phao cẩm triền đầu, tuy tùy vị dĩ,
Tam sinh khách kết Liên hoa xã, chiêu dẫn hà tần.
Y! chung tàn trà yết vô dư sự,
Hảo hướng sơn phòng nhất đả miên.

Dịch:

Mảng nghe:
Phật vốn từ bi, gọi tên là Giác,
Người mà thanh tĩnh, hóa giả thành chân.
Muốn lên tông chủ trong rừng thiền,
Hãy gắng tu trì trong cõi phép.
Kính nghĩ am chủ ở núi Phật Tích là Đào Thị,
Sổ ca nhạc rút tên ra khỏi.
Cửa Phạm vương (5) núp bóng tìm vào,
Miệng đào lưng liễu, uốn lưỡi vừa véo von mấy khúc Lương Châu (6).
Nhật sáng mây lành, nghển đầu đã tựa nương dưới trời Đâu Suất (7),
Quần ném dòng Tương lớp lớp.
Tóc rơi mây Sở từng từng,
Trong mơ xúc cảnh bâng khuâng, du tiên nửa gối,
Trước gió ghẹo người réo rắt, đoản địch vừa xong.
Phòng tăng vắng vẻ khác phòng ca,
áo đạo nhẹ nhàng hơn áo múa.

Khe Tào múc nước (8), chợt ngờ mặt phấn trong gương,
Lá bối (9) tụng kinh, còn thoảng âm vang trước nóc (10).
Mùi thiền dẫu bén,
Lòng tục chưa phai.
Bến Tầm Dương (11) không đến gẩy tỳ bà,
Chùa Hàng Quận (12) lại vào nghiền kinh kệ.
Gấm triền đầu phấp phới, theo đuổi chưa thôi (13),
Hội Liên Hoa dập dìu, đón mời sao khéo (14).
Ôi! chuông tàn trà cạn ngồi chi nữa?
Buồng núi vào tìm một giấc say.

Bài văn làm xong, viết lớn rồi dán vào cửa chùa, xa gần đua nhau chép. Hàn Than nhân thế, đương đêm bỏ chùa mà trốn. Nghe chùa Lệ Kỳ (15) ở hạt Hải Dương là một nơi nước tú non kỳ, phong cảnh tuyệt đẹp, trụ trì có sư già Pháp Vân và sư bác Vô Kỷ, bèn đến chùa xin bái yết. Pháp Vân không nhận và bảo Vô Kỷ rằng:

- Người con gái này, nết không cẩn nguyện, tính bén lẳng lơ, tuổi đã trẻ trung, sắc lại lộng lẫy, ta e lòng thiền không phải đá, sắc đẹp dễ mê người; tuy sen hồng chẳng nhuộm bùn đen, nhưng tấc mây dễ mờ bóng nguyệt. Vậy ngươi nên liệu lời từ chối, đừng để hối hận về sau.

Vô Kỷ không nghe, lại cứ nhận cho Hàn Than ở. Pháp Vân lập tức dời lên ở tận trên đỉnh núi Phượng Hoàng.

Hàn Than tuy ở chốn thanh tịnh nhưng nết cũ vẫn chưa từ bỏ.

Mỗi lúc ở nhà dưới đi lên mặc áo lụa, mang quần là, điểm môi son, tô má phấn. Cõi dục đã gần, máy thiền dễ chạm, bèn cùng Vô Kỷ tư thông. Hai người đã yêu nhau, mê đắm say sưa, chẳng khác nào con bướm gặp xuân, trận mưa cửu hạn, chẳng còn để ý gì đến kinh kệ nữa.

Hằng ngày hai người cùng nhau làm thơ liên cú, phàm những cảnh vật trong núi, cái gì có thể ngâm vịnh được đều dấp bút đề vịnh để ghi danh thắng. Những thơ như thế nhiều lắm không thể chép hết được, xin thuật ra đây độ một hai phần:

Sơn Vân
Dao để nùng hoàn đạm,
Thiên biên thấp vị hy.
Hiểu tùy sơ vũ khứ,
Mộ đới lạc hà quy.
ái đại nhân phong quyển,
Du dương đáo xứ phi.
Tăng dung đồng diệc lãn,
Thùy vị yểm nham phi.

Dịch:

Mây núi
Bên trời đậm nhạt không thường,
Ráng chiều mưa sớm bốn phương đi về.
Sư lười tiểu cũng lười ghê,
Siêng năng khép cửa bồ đề ấy ai?

Sơn vũ
Nhất vũ thiên nham mính,
Tiêu tiêu tác ý minh.
Châu cơ đôi địa sắc,
Tinh đẩu lạc thiên thanh.
Lưu đoạt toàn lưu cấp,
Lương hồi khách mộng thanh.
Sơn phòng vô cá sự,
Nhập dạ kỷ tàn canh.

Dịch:

Mưa núi
Rào rào một trận mưa rơi,
Đầu non ngọc rụng, lưng trời sao sa.
Nước xô hơi lạnh vào nhà,
Buồng sâu quạnh vắng đêm tà tà canh.

Sơn phong
Linh lại khư u động,
Chung tiêu sách sách thanh.
Phiên hoa hồng ý loạn,
Quyển thụ lục âm kinh.
Tăng nạp hàm lương thiển,
Chung lâu tống hưởng thanh.
Mang mang thiên địa nội,
Phi vị bất bình minh.

Dịch:

Gió núi
Thâu đêm tiếng thổi ào ào,
Hoa xơ xác thắm, cây rào rạt xanh.
Chuông lầu đưa tiếng thanh thanh,
Không gian nào phải bất bình mà kêu.

Sơn nguyệt
Ẩn ẩn lâm sao quýnh,
Liên không hạo khí phù.
Hàm sơn ngân kính khuyết,
Cách vụ ngọc bàn thu.
ảnh lạc tùng quan tĩnh,
Lương hồi trúc viện u.
Thanh quang tùy xứ hữu,
Hà tất thướng Nam lầu.

Dịch:

Trăng núi
Sau rừng khí sáng lên cao,
Long lanh gương bạc gác vào đỉnh non.
Bóng soi mát dịu tâm hồn,
Lên lầu Nam, lọ phải còn tốn công (16).

Sơn tự
Nhất thốc huy kim bích,
Nham yêu ẩn tịch dương.
Phong cao tùng húng lãng,
Thiên cận quế phiêu hương.
Động tiểu cầm thanh náo,
Phong tà tháp ảnh trường.
Trần gian danh lợi khách,
Vọng thử kỳ bàng hoàng.
Dịch:
Chùa núi
Âm thanh ẩn dưới bóng tà,
Thông cao hát gió, quế già phun hương,
Chim rừng ríu rít kêu vang,
Khách trần ai có mơ màng chăng ai?

Sơn đồng
Sinh trưởng tiều tô địa,
Ninh tri thiển thảo nguyên.
Cuồng ca vân hắc ám,
Đoản địch nhật hoàng hôn.
My lộc phù ê lữ,
Yên hà thủy thạch thôn.
Quy lai thâm động lý,
Vân bế tiểu càn khôn.
Dịch:
Tiểu đồng trong núi
Năm năm sinh trưởng trong rừng,
Đùa mây hát sớm, thét trăng còi chiều.
Bạn bầy chim đá nai hươu,
Càn khôn riêng mở bên đèo khói mây.

Sơn viên
Ẩn ước sào nam lữ,
Duyên nhai nhật kỷ hồi.
Sầu tương Ba lệ lạc,
Thanh nhập Sở vân ai.
ẩm giản hô bằng khứ,
Văn kinh tác bạn lai.
Vân thâm hà xứ mịch,
Sơn sắc chính thôi ngôi.
Dịch:
Vượn núi
Non cao ngoăn ngoắt leo chơi,
Tiếng kêu buồn để cho người rơi châu.
Uống khe dắt rủ bạn bầu,
Ngàn mây ẩn bóng biết đâu dò tìm.

Sơn điểu
Thân thế vân yên ngoại,
Y y tận nhật nhân.
Nhất thanh sơn sắc minh,
Sổ cá tịch dương hoàn.
Tăng củng hàm lai quả,
Sào thê đáo xứ san.
Chu thu thùy hội ý,
Phi nhiễu tiết la gian.
Dịch:
Chim núi
Khói mây ngày tháng thong dong,
Kêu trong sắc núi, vờn trong bóng chiều.
Tha quả chín, đậu đồi kiêu,
Bên rừng lá rậm dập dìu liệng quanh.

Sơn hoa
Noãn nhập cao đê thụ,
Chi chi hỏa dục nhiên.
Đông tây hà thế giới,
Viễn cận cẩm sơn xuyên.
Hồng vũ lâm yêu đọa,
Hương phong động khẩu truyền.
Tự khai hoàn tự lạc,
Kim cổ kỷ xuân thiên.
Dịch:
Hoa núi
Xuân sang đỏ ối cành cành,
Mây thêu gấm dệt bao quanh bốn bề.
Sắc hương man mác rừng khe,
Cổ kim từng biết bao khi nở tàn.

Sơn diệp
Nhất bích thiên vô tế,
Tùng điều nhân vọng mê.
Thu lai hoàng bị kính,
Xuân đáo lục doanh khê.
Trú quyện vô nhân tảo,
Yên thâm hữu điểu đề.
Thương nhiên khan bất tận,
Thiên lý tịch dương tê (tây).
Dịch:
Lá núi
Lưng không bát ngát bốn bề,

Thu sang ngập úa, xuân về rợp xanh.
Chim kêu ríu rít đầu cành,
Tà dương bóng ngả chênh chênh ngàn đoài.

Hai người ham mê nhau quá, chỉ cốt cái thú vui sướng trước mắt. Nhưng vui quá hóa buồn, lẽ tự nhiên như thế, không có gì là lạ. Năm Kỷ Sửu (1349) nàng quả vì có thai rồi ốm, lay lứt từ mùa xuân đến mùa hạ, ngồi lên nằm xuống, tất thảy đều có người đỡ vực. Sư Vô Kỷ vốn không biết thuốc, lại không biết đường chạy chữa, khiến nàng sau phải nằm quằn quại chết ở trên giường cữ. Vô Kỷ xót thương vô hạn, quàn nàng ở cuối mái hành lang phía Tây, sớm tối vỗ vào áo quan mà khóc rằng:
- Em ơi, em vì anh mà chết một cách oan uổng. Nếu anh được theo em cùng chết, anh rất sẵn lòng, khỏi để em vò võ một mình ở nơi chín suối. Huống chi khi em bình sinh vốn thông tuệ, khác hẳn với mọi người thường, nếu có linh thiêng, xin sớm cho anh được theo về dưới đất, anh không muốn lại trông thấy sư cụ Pháp Vân nữa.
Sau mấy tháng Vô Kỷ cũng vì nhớ thương mà thành ốm, lai rai đến nửa năm trời, bỏ cả cơm cháo. Một đêm thấy Hàn Than hiện đến bảo rằng:
- Thiếp buổi trước ngàn dâu xế bóng, cửa Phật nương mình, đáng cười thay chưa dứt lòng trần, thêm ngán nỗi còn vương nợ nghiệt, đài Dao mệnh dứt, đến nỗi chia bày, sống còn chưa được thỏa yêu đương, chết xuống sẽ cùng nhau quấn quýt. Mong chàng hiểu câu lục như (17), như bỏ giường thiền tứ đại (18), tạm rời cảnh Phật, về chốn suối vàng để thiếp được ngửa nhờ Phật lực, thác hóa đầu thai, đặng trả cho xong một cái nợ oan gia ngày trước. Nói xong thì không thấy đâu cả. Từ đấy bệnh Vô Kỷ ngày càng nguy kịch. Sư cụ Pháp Vân nghe tin, xuống núi để thăm, thì bệnh đã không thể cứu vãn được nữa, đành chỉ trông nhau ứa nước mắt, rồi một lát thì Vô Kỷ chết.
Đêm hôm ấy gió mưa dữ dội, ở kinh đô có nhiều nhà lật mái đổ tường. Bà vợ quan Hành khiển Ngụy Nhược Chân chiêm bao thấy hai con rắn cắn vào mạng sườn ở dưới nách bên tả. Sau đó rồi bà có mang sinh ra được hai người con trai, đặt tên người con lớn là Long Thúc, người con bé là Long Quý. Hai đứa trẻ ấy mới đầy một tuổi đã biết nói, lên tám tuổi đã biết làm văn, được cha mẹ rất là yêu quý. Bây giờ đang giữa mùa hè nóng bức, Nhược Chân một hôm ngồi hóng mát trên cái lầu cao. Cửa lầu trông xuống đường, có một vị thầy tu đói khó đi qua ở dưới, dùng dằng trông ngắm, muốn đi mà không đi dứt được. Chợt rồi người ấy phàn nàn:
- Lạ thay tòa lâu đài thế kia mà rồi sẽ thành cái vực của thuồng luồng. Đáng tiếc! Đáng tiếc!
Nhược Chân sợ hãi thất sắc, vội chạy theo hỏi; ban đầu thầy tu không chịu nói, chỉ bảo vừa rồi bàng hoàng nói nhảm chứ không thấy có gì lạ, xin bất tất phải nghi ngờ. Nhưng Nhược Chân cứ cố khẩn nài, thầy tu mới bảo là nhà ông chứa đầy khí yêu quái, nếu không là nghiệp báo kiếp trước thì tất là oan gia kiếp này; người ta đã ở trong nhà ông, chỉ năm tháng nữa thì cả nhà không còn sống sót một mống. Nhược Chân kêu xin cứu cho, thầy tu nói: Tôi vốn có con mắt xem người rất sành. Xin cho tôi xem tất cả người trong nhà, hễ tôi thấy đúng người nào thì gõ vào chậu để cho ông biết. Nếu tiết lộ ra một lời thì tai vạ xảy ra ngay lập tức.
Nhược Chân gọi tất cả người nhà ra lạy chào; thầy tu xem khắp lượt rồi lắc đầu nói:
- Đều không phải cả. Vị tất đã biến thành hình. Lại hỏi trong nhà còn ai phải gọi nốt ra. Nhược Chân vào gọi nốt hai con trai đang ngồi trong nhà học. Khi hai người con trai đến, thầy tu liền gõ vào chậu rồi nức nở khen:
- Quý hóa thay hai cậu con trai! Sau này làm nên sự nghiệp lừng lẫy, vẻ vang cho nhà và danh giá với đời, tất nhiên là những cậu này.
Hai người đều giận nói:
- Thầy chùa ở đâu đến đây mà bẻm mép tán xằng gì thế?
Nói rồi đều phất áo đi vào. Nhược Chân không bằng lòng; thầy tu cũng từ giã ra đi.
Đêm hôm ấy, Long Quý khóc bảo với Long Thúc rằng:
- Vị yêu tăng hôm nay, lời nói ba hoa hình như có ý dòm dỏ. Nếu hắn mà biết, e rằng sẽ nguy cho chúng ta lắm đấy.
Long Thúc cười mà rằng:
- Trừ được chúng ta, duy có một sư cụ Pháp Vân. Còn những kẻ khác, ta chỉ giơ tay là cướp được bùa dấu của họ. Huống chi Nhược Chân đối với ta, tất vì tình cốt nhục mà không hiềm nghi gì cả, ta có thể yên ổn không lo ngại gì.
Bấy giờ Nhược Chân nằm ngủ không yên, đang dậy đi một mình thơ thẩn, tình cờ do chỗ khe cửa sổ mà nghe lóng được, sợ hãi kinh hoàng không biết tính thế nào. Ngày hôm sau, nói vờ là có chút việc, từ nhà ra đi, dò thăm khắp chốn danh lam, tìm hỏi vị sư cụ có tên hiệu là Pháp Vân. Trải hơn một tháng

đến tìm chùa ở Lệ Kỳ, thấy gã tiểu đồng nói hồi nhỏ có nghe tên hiệu ấy nhưng sư cụ đã dời vào núi sâu từ lâu rồi. Tiểu đồng nhân trỏ lên ngọn núi Phượng Hoàng (19) mà bảo:
- Sư cụ ở trên núi kia kìa.
Nhược Chân bèn xắn áo đi lên, qua bốn năm dặm nữa mới tới chỗ sư cụ ở. Bấy giờ sư cụ đang nằm ngủ ở trên ghế tiếng ngáy như sấm, hai bên tả hữu có hai chú tiểu đứng hầu. Nhược Chân khúm núm đi lên, hai gã tiểu đồng quát mắng làm cho sư cụ tỉnh giấc. Nhược Chân đến trước sụp lạy và kể cái bản ý tìm đến của mình. Sư cụ cười mà rằng:
- Sao tiên sinh lầm thế? Lão phu thân không ở chùa chiền, chân không đến thành thị đã lâu năm rồi. Nay chỉ có thể ở trong am cỏ, quét đất thắp hương, tụng kinh Lăng nghiêm mấy lần. Chứ còn đến bay bùa chạy dấu thì không phải là việc của lão.
Sư cụ từ chối rất dứt khoát. Hai tiểu đồng đứng bên bàn rằng:
- Đức Phật nhà ta lấy từ bi làm bè, tế độ làm cửa, thương bể khổ trôi nổi, cứu sông mê đắm chìm. Bởi vì ngài muốn ai nấy cùng sang bỉ ngạn, cùng gội thiện duyên. Nếu thầy nhất định chối từ thì sao làm rộng đạo nhà Phật ra được.
Bấy giờ sư cụ mới vui vẻ nhận lời. Bèn dựng một đàn tràng ngay ở trên núi, treo đèn bốn mặt và lấy bút son vẽ bùa dấu. Ước độ trống canh thì có đám mây đen mươi trượng bao bọc ở chung quanh đàn, một cơn gió lạnh thổi ào làm cho người phải ghê rợn. Sư cụ cầm cây tích trượng chỉ huy tả hữu, có lúc lại ra khỏi đàn làm ra bộ quát mắng. Nhược Chân ngồi ở một ngôi nhà phía xa, vén mành trông trộm; nhưng vẳng lặng chẳng thấy gì cả, chỉ nghe trên không có tiếng khóc y ỷ, một lúc tiếng tắt mà đám mây cũng tan. Sáng hôm sau, sư cụ lấy một phiến đá bôi hùng hoàng vào rồi viết mực lên, trao cho Nhược Chân mà bảo:
- Ông về hễ thấy loài yêu quái biến ra vật gì, kịp lấy đá này mà ném thì những mối thừa của tai họa sẽ dứt được hết.
Nhược Chân về đến nhà. Thấy người nhà đương ngồi châu đầu mà khóc. Bà vợ kể chuyện canh ba đêm nọ, hai con trai cùng dắt nhau xuống giếng mà chết, nước giếng dâng lên hầu ngập cả thềm, hiện ra hai cái thây đều đã quàn ở vườn nam, chỉ đợi Nhược Chân về thì đem mai táng. Nhược Chân hỏi:
- Trước lúc chết, chúng có nói gì không?
Người nhà nói:
- Chúng chỉ phàn nàn là giá chậm độ mấy tháng nữa thì công việc xong, không ngờ bị kẻ cuồng tăng làm hại.
Nói xong, lại gào khóc. Nhược Chân can ngăn rồi cùng ra vườn nam mở nắp quan tài để xem. Khi mở thấy hai cái thây đã hóa thành hai con rắn vàng, lấy hòn đá ném thì chúng liền nát ra tro cả.
Vợ chồng liền sắm nhiều vàng lụa đem đến tạ ơn sư cụ Pháp Vân. Nhưng đến nơi thì thấy am cỏ rêu phong, không tìm nhận ra được vết đi nào cả, nhân buồn bã cùng nhau trở về.

Lời bình:

Than ôi! Theo về dị đoan chỉ là có hại (20). Huống chi đã theo lại còn không giữ cho đúng phép, thì mối hại phỏng còn xiết nói được ư? Gã Vô Kỷ kia, là một kẻ gian dâm, buông thói tà dục, chẳng những dối người lại còn dối Phật của hắn thờ nữa. Giả đem xử vào cái tội như vua Ngụy giết bọn Sa Môn (21) ngày xưa thì hắn cũng không oan chút nào.

Thế còn Nhược Chân thì hẳn là không có lỗi chăng? Đáp rằng làm quan mà như thế, còn gì gọi là chính gia được nữa! Mầm vạ mọc lên, suýt nữa hãm vào bước nguy khốn, chính mình làm mình chịu, không đáng lấy làm lạ chút nào.

Chú thích

(°) Nguyên văn: Đào Thị nghiệp oan ký.

° Nguyên văn: Tản Viên từ phán sự lục.

(1) Từ Sơn: tên huyện, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh

(2) Thiệu Phong: niên hiệu vua Trần Dụ Tông (1341-1357)

(3) Đông Bộ Đầu: bến sông Hồng phía trên cầu Long Biên, gần dốc Hàng Than, Hà Nội ngày nay.

(4) Chùa Phật Tích: nguyên chú: "Chùa núi Phật Tích thuộc xã Sài Khê, huyện Thạch Thất", tức chùa Thày, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

(5) Cửa Phạn Vương: cửa chùa, cửa Phật..

(6) Khúc Lương Châu: khoảng niên hiệu Thiên Bảo đời Đường, các điệu nhạc đều lấy tên các vùng đất ngoài biên tái như Lương Châu, Cam Châu, Y Châu...

(7) Đâu Suất: là tầng trời thứ tư trong sáu tầng dục giới, nơi Di Lặc ở và giáo hóa những người có thiện duyên (Theo kinh Phật).

(8) Khe Tào múc nước: Đời Lương có vị cao tăng là Trí Dược từ nước Thiên Trúc vào Trung Quốc. Thuyền đến cửa Khe Tào ở Thiều Châu, thoảng thấy mùi thơm, múc nước nếm rồi bảo: "Thượng

lưu dòng nước này có thắng địa". Bèn khai núi làm chùa, đặt tên là Bảo Lâm.
(9) Lá bối: Một thứ lá cây, trước đây thường dùng chép kinh Phật.
(10) Hàn Nga sang Tề, đi qua cửa Ung thì hết lương, phải hát rong kiếm tiền ăn; đi rồi mà tiếng hát còn văng vẳng trên nóc nhà ba ngày không dứt.
(11) Tầm Dương: Bạch Cư Dị bị giáng chức làm tư mã Giang Châu. Một hôm đi thuyền tiễn khách, đậu ở bến Tầm Dương đã nghe tiếng đàn tì bà ai oán mà tuyệt diệu, thổ lộ tâm tình của người kỹ nữ tài hoa luống tuổi lấy người lái buôn chè. Người lái buôn ham lợi để nàng ca nữ một mình trên bến sông lạnh lùng.
(12) Hàng Quận: Cầm Tháo là một ca kỹ ở Tây Hồ thuộc Hàng Châu, một lần tiếp Tô Đông Pha, một trong bát đại gia Đường Tống, nghe ông đọc hai câu thơ: Môn ngoại lãnh lạc yên mã hi; Lão đại giá tác thương thân phụ (Ngoài cửa lạnh lùng xe ngựa vắng; tuổi già duyên kết chú phường buôn). Cầm Tháo tỉnh ngộ bèn cắt tóc đi tu.
(13) Đời Đường các công tử vương tôn nghe hát, thường lấy gấm quàng đầu con hát để thưởng, gọi là "phao cẩm triền đầu" (Ném gấm quấn đầu).
(14) Thầy chùa Tuệ Viễn đời Tấn cùng các bạn tu 15 người họp thành hội Bạch Liên hoa, viết thư mời Đào Uyên Minh đến dự, Uyên Minh bảo có rượu mới tới. Viễn nhận lời, nhưng Uyên Minh đến lại không có rượu, ông chau mày bỏ đi.
(15) Chùa Lệ Kỳ: Nguyên chú: "Chùa Lệ Kỳ nay thuộc huyện Chí Linh". Chí Linh nay thuộc tỉnh Hải Dương.
(16) Dữu Lượng đời Tấn làm Đô đốc Kinh Châu thường lên lầu Nam thưởng nguyệt.
(17) Kệ lục như: Bài kệ trong kinh Phật nói hết thảy mọi việc đời đều: như mộng, như huyễn, như bọt, như sương, như điện, như bóng (tám điều như).
(18) Giường thiền tứ đại: Kinh Phật nói thân thể người ta là do tứ đại (đất, nước, lửa, gió) hợp thành. Tô Đông Pha vốn chơi thân với sư Phật ấn. Một hôm ông Tô đến chơi, Phật ấn đùa bảo "Quan nội hàn đến làm gì? ở đây không có chỗ ngồi". Ông Tô đùa lại: "Xin mượn cái "tứ đại" của sư làm giường thiền".
(19) Núi Phượng Hoàng: nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
(20) Câu này của Khổng Tử trong sách Luận ngữ. Nhà nho coi các học thuyết khác (không phải đạo nho) là "dị đoan", ở đây chỉ đạo Phật.
(21) Thôi Hạo đời Ngụy ghét đạo Phật. Nhân vua Ngụy đến thành Trường An, vào một ngôi chùa, thấy có binh khí và nhà hầm giấu con gái, Hạo bèn xin vua giết hết sa môn (sư) trong thiên hạ.

Cọp báo số mệnh cho người (Vũ Phương Đế) (xem file PDF)
Mẹ ranh căn sát (Phạm Đình Hổ) (xem file PDF)
Người nông phu ở An Mô (Phạm Đình Hổ) (xem file PDF)
Người nông phu Như Kinh (Phạm Đình Hổ) (xem file PDF)
Sông Dùng (Phạm Đình Hổ) (xem file PDF)

Đẻ lạ (Vũ Trinh)

Ở Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên, có một người đàn bà có chửa được bảy, tám tháng, mắc bệnh mà chết. Nhà chồng chị ta nghèo quá, vợ chết không có tiền để làm đám tang cho chị, không có tiền mua quan tài chôn cất chị nên chỉ vùi lấp cái xác chị qua loa ở ngoài thành. Vì hổ thẹn nên anh ta không báo tin cho ai biết là chị đã thác.
Trong làng có một bà lão vốn quen biết chị hồi lúc trước, mở một cái quán bán chè nước vặt, cách mả chị ta khoảng một tầm mắt. Mấy ngày sau, bỗng thấy chị ta đem tiền đến mua bánh đường mang đi. Bà lão lấy làm lạ, nhìn dõi theo. Đến mả, chị ta thoắt biến mất. Cứ như thế mấy ngày liền nên bà lão đã hỏi mua bánh để làm gì? Chị ta đáp:
- Mới đẻ không có sữa, con khóc không chịu được, phải đi mua bánh về mớm cho nó.
Bà vội tìm đến nhà gặp chồng chị và vội kể lại chuyện chị mua bánh về mớm con. Khi nghe xong anh nói:
- Không thể được. Có thể bà đã nhìn lầm người rồi chăng? Bà liền trả lời:
Tuy tôi già hơi lẩm cẩm thiệt nhưng tôi đâu có hoa mắt đến nỗi nhìn lầm người với lại tôi đây cũng quen biết với chị... Nếu anh không tin ngày mai đến mà xem.
Ngày hôm sau, anh chồng đến núp ở đằng sau cái quán theo dõi thực hư như thế nào.
Khoảng trưa, quả nhiên chị ta tới quán. Chồng vội ló ra hỏi, chị ta không đáp, té chạy, loáng mắt đã biến mất. Anh chồng chạy đến tận mả, nghe bên trong văng vẳng có tiếng trẻ khóc. Đào mả lên thì thấy một đứa bé trai nhỏ, nhau thai vẫn còn lòng thòng, đang nằm sấp trên bụng mẹ, quằn quại khóc. Mồm nó hãy còn dính những vụn bánh. Mọi người

đều lo sợ cho nó là từ thay ma đẻ ra, nên mọi người đều tránh không ai dám lại gần. Người cha đem đứa bé về nuôi nấng bằng hồ cháo.
Đứa bé sau này không khác gì những đứa bé bình thường khác.

Long Uyên Đại vương (Lê Quý Đôn) (xem file PDF)

Chuyện lạ (Trương Quốc Dụng)

Vũ Khắc Kiệm quê làng Việt Yên, phủ Đức Thọ, Hà Tĩnh, đỗ Cử nhân năm 1813. Lúc đầu du học ở Bắc Thành, Kiệm có thuê một căn nhà riêng để trọ. Nhà ấy thường có ma, bấy lâu vẫn đóng cửa, Kiệm không biết mướn. Mới ở được vài hôm, một đêm ông ta đang một mình đọc sách bên đèn, bỗng nghe có tiếng rên rỉ ở trên rường nhà. Ngửa mặt lên thì thấy một người vận võ phục, tay cầm đao đang tự cắt bắp vế của mình, máu chảy ròng ròng xuống đất. Kiệm bảo:

- Người làm gì thế? Có oan uổng gì thì nói, chứ ta đây những loài ma quỷ không thể dọa được.

Người đó mới nhảy xuống, đặt cây đao trên sàn nhà rồi kể rằng:

- Tôi là lính triều Thanh, theo Tổng Đốc Tôn Sĩ Nghị sang đây, chết ở chỗ này, bị người ta làm nhà lên trên, giày giẫm luôn luôn, di hài không yên mà chẳng biết ngỏ với ai, cho nên thường hiện lên làm sự quái gỡ. Bây giờ ngài biết nỗi oan uổng của tôi, nhờ ngài cứu giúp tôi với!

Kiệm hỏi:

- Di hài ở đâu? Để ta nói với chủ nhà đem cất đi cho.

Con quỷ nọ chỉ chỗ, lạy tạ rồi biến mất. Ngày hôm sau, Kiệm nói lại với chủ nhà. Chủ nhà vội sai người đến đào, quả thật có một bộ xương và cây đao. Chủ nhà liền liệm lại đàng hoàng tử tế, rồi đem đến chỗ khác chôn, sau đó nhà ấy mới yên. Kiệm sau này giữ chức Tri Huyện.

Sách Phong Tục (Thần Rượu) có nói: "Thấy quái, mà không lấy làm quái thì quái tự mất". Đầu đời Gia Long, Trấn thủ Hải Dương là Nguyễn Văn Ân (quê làng Việt Yên, phủ Đức Thọ, Hà Tĩnh, đỗ cử nhân năm 1813) phá tháp Đồ Sơn để lấy gạch làm dinh. Tự nhiên có một vật hình như tấm lụa trắng từ trong tháp bay ra. Được hơn một tháng, Nguyễn bỗng dưng bị bệnh. Trong dinh thường hiện ra ma quái. Có khi ban đêm ở trên nóc nhà thấy phảng phất có ánh sáng.

Bọn liêu thuộc ai nấy đều sợ, muốn cầu đảo. Có người đem việc ấy nói với ông, ông không tin. Một đêm ông đang đắp chăn nằm, nghe đằng sau góc nhà có tiếng dế dần dần đi tới giường. Ông lặng thinh thì bỗng có một vật hình như người đè lên mình ông. Ông vội cuốn chăn bọc lấy được. Vật ấy dần dần biến nhỏ lại bằng cánh tay. Ông đánh chết ngay, giở ra xem thì là một con chuột bạch. Lấy lửa đốt đi, từ đó ma quái mới dứt. Và bệnh ông cũng khỏi.

Phạm Đình Dục: Ma thắt cổ (xem file PDF)
Nguyễn Thượng Hiền: Mình Hôn (xem file PDF)
Khuyến Danh: Tinh hoa cúc (xem file PDF)

Nàng áo xanh (vô danh)

riệu Nguyên là một thư sinh, tánh thích giang hồ. Chàng thường ở tạm rày đây mai đó, ít khi người ta thấy bóng chàng hơn một tháng nơi nào.

Nhờ tài đàn hát với chiếc đàn cầm mang theo mình, Triệu Nguyên luôn dư dật để sống một cuộc đời làm bạn với bút nghiên.

Một hôm, sau hai ngày rong ruổi theo đường độc lộ, Triệu Nguyên đặt chân đến đất Tây Hồ. Chàng dựng một chiếc lều cỏ bên khúc lộ xa làng gần nửa dặm để tạm trú. Từ đó, những buổi sớm, mấy cô gái bán bưng, hoặc mấy kẻ bộ hành, có việc sang ngang đấy, đều dừng lại đôi phút, ngơ ngẩn nhìn vào chiếc lều cỏ, nghe giọng ngâm thơ trong trẻo của chàng thư sinh.

Một buổi chiều kia, Triệu Nguyên bỗng nhiên nẩy hứng làm được một bài thơ tuyệt tác. Chàng lấy làm thích chí cất tiếng ngâm vang trong lều. Đang lúc ấy, chợt nghe ngoài cửa có tiếng động, chàng vội ngoảnh mặt nhìn ra: bên ngoài, theo kẹt, Nguyên thấy có một đôi mắt đẹp, núp sau cánh cửa nhìn chàng. Và khi biết đã bại lộ, kẻ có đôi mắt ấy thẹn thùng bước tháo ra phía ngoài.

Bị chạm vào tánh tò mò, Triệu Nguyên ném vội quyển vở, lật đật chạy ra mở tung cánh cửa để nhìn theo: chàng thấy một thiếu nữ mặt áo xanh, dáng người tuyệt đẹp, đang bước hối hả, và khuất sau lũy tre xanh ở một ngõ quẹo.

Sau lúc nhìn ngắm mê mẩn, Triệu Nguyên thẩn thờ bước vào lều. Tự đấy sớm chiều chàng cứ ngẩn ngơ nhìn ra đường để trông chờ và hy vọng được tái gặp người đẹp, không còn thiết gì thư cầm nữa.

Nhưng, bẵng đi như thế đến năm hôm, bóng người

thiếu nữ áo xanh thoáng qua trong mộng, như không muốn trở lại với chàng nữa. Triệu Nguyên buồn rầu, mất ăn mất ngủ, chàng tính vài hôm nữa sẽ bỏ lều đi nơi khác.
Trong lúc đang tràn trề thất vọng, thì đột nhiên, người thiếu nữ áo xanh lại sang ngang đấy: mừng rỡ Nguyên vội vàng chạy đón, ngỏ lòng mình cho nàng biết. Chàng vẫn ngỡ sẽ bị nàng vì thẹn mà giả bộ cự tuyệt, hoặc phải qua nhiều nỗi khó khăn. Song trái lại, Nguyên vừa ngỏ đôi lời, nàng ấy liền thuận tình, theo chàng về lều.
Sáng hôm sau, qua một đêm âu yếm trong chăn gối với Nguyên, nàng liền về nhà và xế chiều lại đến. Cứ thế mãi, có nhiều khi Nguyên hỏi đến tên họ nhà cửa của nàng. Nhưng, mỗi lần chàng dợm hỏi, thiếu nữ mặt lộ vẻ buồn và lảng sang chuyện khác. Riết rồi chàng cũng bỏ qua, độ chừng nàng là nàng hầu hoặc vợ lẽ của một viên quan già về hưu, vì chàng vẫn thấy nàng thường theo phía một biệt thự hướng Tây mà đến.
Có một đêm kia trời đổ xuống một trận mưa rất to, thiếu nữ gọi cửa vào lều, áo quần ướt lếch thếch. Triệu Nguyên lấy làm lạ vì thấy trái với mọi hôm, đêm nay nàng không mặc áo xanh nữa mà lại mặc một bộ đồ trắng. Chàng hỏi:
- Trời mưa em không lạnh sao mà vẫn đến?
Nàng đáp rằng:
- Lạnh nhưng em vẫn đến để trọn lời hứa với chàng.
Triệu Nguyên lại cất tiếng hỏi:
- Nhưng sao em lại không mặc áo xanh, mà lại mặc áo trắng và sao vẻ mặt em buồn thế?
Nàng khóc sướt mướt khẽ đáp:
- Chàng hỏi làm chi, đấy là chuyện riêng của em, không nên cho chàng biết.
Triệu Nguyên tò mò gạn hỏi nàng. Thiếu nữ lại càng khóc nhiều hơn nữa, như mưa như gió; và đúng khuya, nàng liền từ giã ra về. Triệu Nguyên quá lạ lùng trước cử chỉ ấy, chàng để nàng đi một chốc, liền giả bộ khép cửa ngủ, rồi lẻn theo. Như sự tiên đoán của chàng, thiếu nữ đến một biệt thự, sau khi vào nàng cài khóa cửa ngoài lại cẩn thận. Triệu Nguyên không thể vào theo được đành trở về.
Sáng hôm sau chàng hỏi mấy người quanh vùng, người ta cho chàng biết: đó là biệt thự của một ông quan già đã về hưu, nhưng bây giờ ông đã chết từ lâu, và vì không có con cháu nên cái biệt thự ấy phải bỏ hoang vắng lâu ngày. Giờ đây nơi biệt thự ấy rất nhiều yêu quái. Triệu Nguyên đâm nghi ngờ; nhưng sau cùng chàng dằn lòng, quyết nội đêm nay sẽ lẻn theo thiếu nữ lần nữa, để vào cho được trong biệt thự hầu tìm tông tích nàng.
Đêm hôm ấy như thường lệ thiếu nữ lại đến. Nàng vẫn mặc bộ đồ toàn trắng. Như đêm hôm trước, sau giờ âu yếm cùng Nguyên, khuya đêm ấy thiếu nữ lại từ giã chàng để ra về.
Triệu Nguyên lại lẻn theo nàng và chàng vào được trong biệt thự. Thiếu nữ đi trước thoắt cái đã lẩn đâu mất trong bóng tối. Chàng đành lầm lũi bước liền theo bực gạch, và đẩy khẻ cánh cửa bằng sắt tiến vào trong.
Trong đêm dầy, chàng thư sinh vẫn lặng lẽ thận trọng bước. Tiếng muỗi kêu u u dìm thêm vào cõi huyền bí của biệt thự. Bỗng, Nguyên nghe như có tiếng ai thì thầm nơi gian phòng trong. Chàng liền theo phía ấy lần vào, chắc rằng chàng sẽ gặp nàng áo xanh. Nhưng, có tiếng thét ghê rợn bên tai chàng, và hai cái bóng người tóm lấy cổ chàng quăng xuống một cái ao sâu hoắm...
Triệu Nguyên đang lúc hoang mang bỗng thấy như mình từ từ bốc lên cao, cao mãi đến trên mây. Chàng thấy quanh mình chàng, những thiếu nữ yêu kiều xúm bên múa hát và kìa... lạ chưa, có cả nàng áo xanh, người yêu của chàng. Triệu Nguyên mừng rỡ ôm chầm lấy nàng trong mưa lệ.
Đang lúc ấy, mọi sự vật sụp cả xuống, chàng và thiếu nữ ngã xuống cõi sâu.
Triệu Nguyên kêu lên một tiếng, tỉnh giấc. Bên mình chàng, thiếu nữ cũng đã tỉnh. Sau một cơn mơ, trên khóe mắt hai người còn đầy lệ.
Nguyên kinh hãi hỏi nàng:
- Em! Em là người hay là ma, hỡi em? Cho anh biết!...
Nàng đáp:
- Là người hay ma em cũng nào có hại anh mà anh phải sợ!
Và như sợ Triệu Nguyên sẽ kinh hãi vì nàng không phải là người, thiếu nữ mới bắt đầu kể đoạn lịch sử của nàng:
- Em là con của một lương gia, nhà ở Lâm An. Từ bé em có tánh thích văn chương thi phú, và được nổi tiếng là cao cờ khắp quận. Vì có chút nhan sắc, nên đến năm mười lăm tuổi, em phải bị tuyển vào làm tì thiếp trong dinh của một quan già về hưu, làm chức Bình Chương, tên Thu Thác.
Hằng ngày phải khép nép sống trong khuôn khổ của luật pháp, để làm những cuộc vui cho một kẻ đã già đầu bạc hơn cả tuổi cha mẹ, em lấy làm tủi nhục cho cuộc đời trong trắng của tuổi xuân. Và, đôi khi,

vài hình ảnh của các bạn thiếu nữ thi vị bên ngoài, lọt vào mắt em, làm em luôn mơ tưởng, thèm khát một mối tình êm đẹp... Một cảnh tượng đôi mái đầu xanh âu yếm sống bên nhau dưới mái chòi lá, chia xẻ cho nhau những hương vị cay ngọt của cõi đời, luôn ám ảnh tâm hồn em.
Một hôm, em được biết quan Bình Chương Thu Thác có nuôi trong dinh một tên hầu trà còn trẻ độ ba mươi tuổi. Hắn tên Triều Sinh. Thế là từ đấy chúng em yêu nhau thầm kín.
Sau những buổi hầu trà, đợi cho vắng mặt quan Bình Chương, chàng Triều Sinh thường đưa em vào khu vườn kín phía sau dinh để cùng nhau bày tỏ tâm sự.
Rồi một chiều kia, mối tình mặn nồng giữa chúng em bỗng lọt vào đôi mắt đỏ ngầu sắc máu vì ghen của lão quan già.
Đêm hôm ấy, một đêm đầy mưa bão. Vừng trăng, nhờ mây tránh rọi trên cầu Tây Hồ một màu ghê rợn; lão Thu Thác gọi hắn người tâm phúc trói chúng em lại mang lên cầu. Sau giờ điên cuồn sỉ vả, lão ta truyền cho người tâm phúc kết liễu đời chúng em và đạp chúng em xuống đáy hồ. Thế là từ đấy, mỗi đêm chúng em hiện lên mặt hồ ôm nhau than khóc...
Thời gian qua... Triều Sinh thấm thoát đến ngày phải đầu thai về dương thế. Còn em vì nợ duyên chưa dứt, nên hồn đành vất vưởng trên mặt hồ, theo những chuỗi ngày buồn thảm...
Nàng khóc ròng sau khi kể xong mẩu chuyện thương tâm.
Triệu Nguyên cảm động trước nỗi lòng của người yêu, chàng không còn sợ hãi khi biết nàng là ma nhưng vẫn có tính chất như người dương thế.
Chàng an ủi nàng và hỏi:
Thế hôm em mặc đồ trắng đến với anh vào giữa đêm mưa gió mà có vẻ mặt em buồn rầu, phải chăng vì em nhớ lại đêm đau đớn trên cầu Tây Hồ?
Nghe câu hỏi của Nguyên, nàng lại khóc thảm thiết và chỉ khẽ lắc đầu.
Triệu Nguyên năn nỉ:
- Anh có thể nào làm cho mất sự bi thảm của em không? Em hãy tỏ cho anh được biết với!
Và như đoán chừng được nguyên do nỗi buồn của nàng, Nguyên ôm nàng vào lòng bảo:
- Thôi, từ đây em đừng trở về cái hồ của biệt thự Thu Thác nữa. Em hãy ở chung cùng anh, chúng ta sẽ sống trong hạnh phúc!
Bắt đầu từ đó, trong lều cỏ, bóng Triệu Nguyên và nàng áo xanh sum họp trọn ngày bên nhau. Luôn luôn, khách đi ngang thường nghe ngoài giọng ngâm thơ của gã thư sinh thường ngày, lại có tiếng quay tơ của nàng áo xanh nghe kẽo cà kẽo kẹt, làm thành một âm thanh ấm áp vui vẻ...
Chiều hôm nay trời đổ cơn mưa. Từng lằn chớp vạch sáng những góc trời đen kịt vì mây phủ. Vài thân cây trước cửa lều của Nguyên bị sét đánh, gãy khúc ngã chắn ngang con lộ.
Nàng áo xanh lại buồn bã, mặt đầm đìa những nước mắt. Triệu Nguyên thương hại người yêu quá. Chàng ôm nàng vào lòng, vuốt vài sợi tóc lòa xòa trên tráng nàng gạn hỏi:
- Sao mấy hôm nay em cứ dàu dàu mãi thế?
Nàng khóc to và đáp: "Hôm nay em phải thú thật cùng anh, chẳng như những lần trước nữa... Nhưng em sợ anh buồn lắm anh à! ..... Anh! Trong chốc nữa đây, em sẽ từ giã anh để đi đầu thai nơi khác!"
Nguyên ôm chặt nàng sợ hãi nói: "Không! Không em à, em hãy ở đây đừng đi đâu cả! Đừng đi đâu nghe em!!!"
Nàng đáp: "Không được, vì số âm cung đã định rồi, dẫu chàng có giữ em lại cũng vô ích. Trong bấy lâu em khóc, chỉ vì nghĩ đến phút phải xa chàng...!"
Triệu Nguyên đau đớn nhìn nàng hỏi: "Trong bao lâu nữa em sẽ đi?"
Nàng áo xanh thở dài đáp: "Giờ Tý, nhưng cũng sắp đến rồi!"

Một tiếng sét nổ đánh ầm và tiếp theo một làn chớp lóe sáng trước cánh cửa trước. Triệu Nguyên hốt hoảng nhìn ra, đến chừng nhìn lại nàng áo xanh đã tan thành mây khói từ lúc nào. Nàng áo xanh đi mất. Thế rồi vài hôm sau, Triệu Nguyên cũng mất bóng. Trên Tây Hồ chừa lại chiếc lều cỏ bỏ hoang bên đường độc lộ...
Người biết mẩu chuyện trên đây ai ai cũng nghĩ rằng có thể chàng đã tìm nơi chết theo nàng thiếu nữ áo xanh, chớ có ai ngờ... Triệu Nguyên hiện đang sống trong một ngôi chùa. Chiều chiều chàng ngồi lần chuỗi hạt lắng nghe hồi chuông thu ngân dài trong gió để trút bản đàn lòng...

Nàng áo hồng (Vô danh) (xem file PDF)

Trại Bồ Tùng Linh (Thế Lũ)

Trại Bồ ngày... tháng 9 năm 1930
Anh Bình,

Chỗ tôi đến ở là Trại Bồ. Tôi gọi đùa là Trại Bồ Tùng Linh. Cái tên đặt trong lúc cợt tính đó không ngờ lại hợp với cái cảnh biệt tịch này đến thế (nhất là từ bữa xảy ra ở đây những việc có thể gọi là rất dị thường).

Anh thử tưởng tượng một cái trại rộng ngót hai mẫu và rậm như một khu rừng. Cây toàn là cây cỗi. Gần hết là nhãn, mười gốc mít và mấy thứ cây ăn quả mà người ta không nghĩ đến sự lấy hoa lợi; lại thêm hai gốc đa cổ kính, buông từng súc rễ chằng chịt xuống lối đi. Trên là bóng lá rườm rà. Dưới là cỏ và hoa. Những thứ cây bụi không biết tên là gì và thường thường chỉ mọc ở những cánh đồng hoang, cũng tìm đến sống ở đây, chen lẫn với những khóm hoa không được chăm bón. Một vài khoảng đất vuông vắn trên đó cỏ lau đâm lên tự do, có lẽ đã là những thửa vườn cũ. Trên con đường rộng nhất trở vào từ cái cổng xây đã đổ nát và mất cánh cửa, một đoạn còn thấy dấu gạch lát, nhưng gạch chỗ thì lún, chỗ thì bị bẩy chồi lên vì những rễ ngầm. Một cái ao lớn, bèo tấm xanh lè kín gần khắp mặt chắc là một chỗ trước kia rất đẹp: vì trên một phía bờ ao, một rặng liễu già rũ lá xuống tận nước xen lẫn với mây khóm trúc lá mập và mình vàng. Thêm vào đó một ít cây ngọc lan hoàng lan và từng vầng lớn mẫu đơn cao um tùm. Lớp nhà ngói tôi ở, ẩn khuất trong những cây đẹp và quý ấy.

Nhà kiểu cũ, tuy làm trên nền đá nhưng vẫn thấp; hiên trước rộng; bên trong, hai hàng cột lớn chia thành ba gian. Gian giữa cửa bức bàn. Gian hai bên tường bưng, có cửa sổ nhìn ra cảnh trước hiên; cửa sổ chấn song con tiện, nhưng long mất gần hết. Một nơi phảng phất mùi phong lưu và... chứa chất mùi ẩm mốc. Ngay từ sáng hôm đến, tôi để ra cả một nửa ngày bảo quét tước sửa chữa, sắp đặt và làm cho bọn khách bình yên trong ấy - lũ dơi và lũ chuột - phải một bữa hoảng hồn.

Tôi phân ra từng căn riêng (nhưng là những căn tưởng tượng lấy cột làm địa giới). Một cái giường cầu mua lại, một cái va ly đứng và một cái treo áo: đó là phòng ngủ. Ở giữa, một cái án thư cũ và một cái bàn mây: đó là "phòng khách" có tên mà không có thực, vì nhất định sẽ không bao giờ có ai đến chơi. Một cái bàn kê áp cửa sổ căn thứ ba, một ngăn sách, một va ly đựng cũng toàn sách và một cái ghế mây dài dùng để nằm nghỉ: đó là "phòng" làm việc và thư viện, chỗ lịch sự và quan trọng nhất nhà. Cũng nên kể thêm một vài bức tranh mang theo, một bình hoa. Thế là chỗ ở của tôi thành một biệt thự cũng khá tươm tất.

Tôi muốn trốn Hà Nội với sự náo động và bao nhiêu cái bận rộn vội vã, tìm thuê một chỗ tĩnh mịch để làm việc thong thả trong yên lặng; gặp được cái trại bỏ không những tưởng không cần phải mong đâu hơn. Có thể nói cái ý muốn của mình được tô điểm thêm lên nữa. Cảnh tĩnh mịch của tôi lại là một cảnh kỳ thú, giữa một màu cổ kính, bí mật trong bóng những cây cối gần như hoang dại. Tôi đã nghĩ đến một vài chuyện và một vài cảnh tả trong truyện Liêu Trai. Thằng Dần thằng nhỏ tôi đem theo tuy rất ít mồm miệng mà ngay hôm đầu cũng nói lên một ý nghĩ tương tự như của tôi :

- Cậu ạ, trại này trông như một trại có ma ấy.

Nó ngạc nhiên và có vẻ lo sợ khi tôi bảo :

- Có ma thì càng hay chứ sao!

Tôi phải tìm lời an ủi nó ngay, vì xem ra anh chàng chỉ chực những xin trở về. Tuy vậy, nó không phải là một đứa yếu bóng vía.

Chắc anh muốn biết tôi lần mò thế nào tìm được chỗ này. Tôi không phải tìm lâu. Nói là gặp có lẽ đúng hơn. Và do một sự tình cờ kể cũng hơi lạ. Tôi đến thăm một người có họ xa ở Hà Nội, một tin trong báo nói về vụ kiện ở một đồn điền, câu chuyện dây dưa từ đó đến những ấp, những trại và đến một khu trại bỏ không ở Thái Bình. Tôi chú ý liền. Hỏi rõ thêm. Và tức khắc đi tìm chủ nhân trại Bồ hiện vẫn ở Hà Nội. Tôi hỏi thuê ngay từ trước khi đến thăm và người ta rất vui vẻ cho tôi thuê trước khi biết tôi là người thế nào và đến ở đó để làm gì. Giá trả hàng năm và rẻ một cách không thể ngờ được. Hôm tôi tới xem trại, người gác ở đây cũng tỏ ra vẻ mừng rỡ như người chủ mấy hôm trước. Trong câu chuyện qua lại, tôi đoán thấy một vài điều hơi có vẻ bí mật khi người ta muốn tìm cách cắt nghĩa vẻ hoang phế của trại Bồ. "Trại Bồ bỏ không vì không hợp với cụ cố chúng tôi... vì mợ cả đau yếu luôn..." Tôi cũng không gặng hỏi kỹ càng hơn, vì điều quan trọng nhất đối với tôi là có một chỗ ở yên lặng và biệt tịch. Hôm "dọn nhà xuống" - tất cả đồ đạc là hai cái va ly lớn và những thứ ứng biến mới sắm thêm ngay ở đây - tôi cũng có nghe thấy mấy người tôi thuê đến quét dọn nói bóng nói gió đến sự "bỏ không" của trại này. Hình như trong gia đình "cụ lớn" có người chết oan, hoặc tự tử hoặc hóa điên, không rõ lắm; và hình như từ đấy, nhà "cụ lớn" không được phong túc như xưa. Tôi còn thoáng bắt chợt được những tiếng "oan

hồn", "con ma gốc đề" - (cây đề mọc lẻ loi ở cuối trại) - và những câu trả lời lúng túng của họ khi tôi hỏi rõ thêm. Tôi không muốn có một điều gì đến làm vướng bận cái vui của tôi nên không để tai đến chuyện của họ nữa. Tôi lại tự nhủ: cảnh như ở đây tất nhiên gây nên những ý huyền hoặc trong óc người quê mùa... Còn mình chỉ nên để tâm đến vẻ đẹp của cảnh với sự tiện lợi của nơi ở. Vả lại, dù cho có ma nữa, thì đã sao chưa?

Trước sự lo ngại của thằng Dần, tôi cũng vẫn giữ vững cái ý nghĩ vừa rồi: Tôi thành thực tin rằng dù có những việc hiển hiện lên trước mắt, tôi cũng không khiếp sợ - có lẽ lại coi là một dịp tốt cho cái tính tò mò của mình.

Ngày thứ hai ở trại Bồ tôi đã bắt đầu nghĩ đến cái công việc sung sướng tôi định làm ở đây: là khoan thai viết tập tiểu thuyết tôi nghĩ đã lâu, một tác phẩm thân yêu mà tôi vuốt ve từ trước cái hình ảnh mang trong trí. Thực ra không phải là "làm việc" nữa, tôi thấy tôi say mê khoái trá khi nghĩ đến, khi dàn xếp những ý tưởng, khi cầm bút sắp viết, và khi những hàng chữ hiện lần lần trên giấy với tất cả sự rung động của tâm hồn mình

Lúc nghỉ viết lại là những lúc vui thú khác: hoặc đọc sách hoặc thức dậy giữa cái thế giới nhỏ của khu cảnh trong trại Bồ. Những cây cỏ rất nhiều hình sắc ở đây hiện trong vẻ đẹp riêng của sự kích thích tinh thần. Phạm vi của một vùng xanh tươi như rộng rãi thêm; có những trường hợp trùng nhau của cảnh tưởng tượng với cảnh bên ngoài, khi đó thì nhân vật tạo tác thường như hoạt động trong lúc thực hiện.

Cái thói quen làm việc ban đêm để tránh sự náo động ban ngày khi còn ở thành phố khiến cho những lúc viết của tôi thường lẩn xa vào những giờ khuya. Và ban đêm ở đây có một sự yên lặng lạ thường, đầy những tiếng rộng lớn của gió cây rì rào và tiếng giun dế dưới chân hoa cỏ.

Một tối về thượng tuần trăng, tôi mải ngồi ngắm cảnh ở ngoài hiên cho đến lúc trăng lặn đã lâu và trời đã trở lại tối đặc. Hàng liễu trước nhà là hình ảnh đẹp mắt và đáng yêu nhất trong cả buổi. Đến lúc trăng khuất hẳn, những nét mảnh dẻ, mềm mại vẫn như còn in trên những vầng đen nặng, vẫn như còn nhuộm rất huyền ảo một ánh sáng mà trí tưởng vẫn thấy còn sót lại riêng trên những mình óng mượt của lá tơ... Những hình ảnh tưởng tượng nhè nhẹ cử động theo hơi gió đùa qua, phơ phất, lả lướt, chập chờn... Những cảm giác rất mong manh cũng phảng phất qua, gợn trong tâm hồn, gợn trên da thịt... Tôi được hưởng một thú say sưa hiếm có và chóng biến nhưng vẫn để cho tình cảm còn rung mãi một điệu rất êm nhẹ và ngọt ngào.

Khi tôi chợt nhớ đến đoạn văn sẽ viết tiếp trên bàn, tôi trở vào, ngồi ở cái bàn áp cửa sổ rồi cầm bút lên, nhưng trong trí vẫn còn những nét liễu se sẽ động, xiêu xiêu như theo một chiều nghĩ ngợi. Hình ảnh ấy gợi ra những tà áo mỏng manh và những dáng điệu biến hiện trong mờ ảo... Tâm hồn có một ý bâng khuâng, lưỡng lự, hình như sắp định một điều chưa rõ rệt, chơi vơi một chút rồi lại buông xuôi vào một cõi bất định, không biết đâu là bến bờ. Cứ thế, tôi ngồi trên bàn viết, đầu ngả dựa trên một tay chống đỡ, chiếc đèn cây chụp hắt ánh sáng xuống vòng quanh. Tiếng giun dế dóng dả run lên khi tai lắng nghe và dần dần chìm đi, lùi xa vào trong lãng quên để rồi lại giục giã thêm và nài gọi sự chú ý. Tiếng gió hình như vẫn reo hoài và vừa mới ngừng lại. Một luồng nhẹ mát thoáng ùa qua cửa sổ như đem gửi vào một phần đêm bên ngoài.

Tại sao tôi lại rờn rợn người lên? Tôi biết tâm trí vẫn nghĩ bình thường - đang cố nhận lấy từng chút chi ly đổi thay của cảm xúc. Mắt tôi lúc đó đang nhìn hàng chữ cuối cùng trên tờ giấy viết dở chừng. Không, không có gì khác thường.

Nhưng tôi vẫn thấy một cảm giác lạ. Một cảm giác đột ngột, không liên lạc, hình như vừa chợt đến: gờn gợn, lạnh lẽo, rõ rệt và mạnh mẽ. Tôi nghĩ bụng: "Hừ! Vô lý thực?" Nhưng vẫn cảm thấy như một sức gì, một sự gì... một vật gì đang chú ý đến tôi. Ở đâu? Ở rất gần mình, ở trước mặt mình - từ cái khung đêm tối đen ngòm kia - ở cái chỗ tôi không trông thấy gì, nhưng đối với "nó" tôi hiện ra rành mạch trước ánh đèn sáng.

Chỉ ngẩng lên là tôi sẽ trông thấy - sẽ biết, hoặc sẽ yên lòng là đã nghĩ lầm. Nhưng không, tôi không lầm. Sự ấy tôi có nghĩ ra đâu. Nó đến và bắt tôi nghĩ, và tôi vẫn không nhúc nhích, mắt vẫn đọc hàng chữ viết, cố tình chậm cái lúc nhìn ra, tuy đó là sự rất vô lý... Sau cùng, lấy hết can đảm, tôi ngẩng mặt lên.

Cửa sổ - cái huyệt đen, sâu thẳm và vô cùng - cửa sổ vẫn không có gì khác.

Nhưng ngay lúc ấy, tôi tái hẳn người đi một lượt. Một tiếng động nhẹ - nhưng rành rẽ - một tiếng nhẹ và nhanh do một cử chỉ nào của cái vật đứng bên ngoài. Đứng bên ngoài tường. Và cũng nghe ngóng.

Tôi "cảm thấy" - không thể mơ hồ được - rõ ràng nó có ở đây, nó đứng đây...
Tôi tính nhẩm: sẽ gọi thằng Dần dậy - nó vẫn nằm ở cái ghế dài cạnh ngăn sách, và rất tỉnh ngủ - cùng chạy ra cửa, rồi chia hai ngả đuổi (nếu nó chạy): Dù là vật gì cũng không để thế được. Tôi nhẹ nhàng với lấy cái đèn bấm trong ngăn kéo rồi ngẩng lên, và kinh ngạc dị thường.
Giữa khung cửa sổ, một khuôn mặt lặng lẽ, trắng một cách lạ, một khuôn mặt đàn bà rất trẻ, đẹp, một vẻ đẹp tuyệt mỹ, đẹp đến lạnh mình...
Hiện lên như ở đó đã từ bao giờ và thoáng biến ngay, như không bao giờ có...
Viết tới đó, Tuấn ngừng lại, ngón tay cầm bút cứng ra vì mỏi: anh đã viết thẳng một mạch cả câu chuyện lạ lùng lên hơn tám trang lớn lúc đó dùng thay cho giấy viết thư.
Việc xảy ra ở Trại Bồ này cùng với bao nhiêu cảm tưởng chi ly mà thói quen phân tích của nhà văn khiến anh ghi nhớ được, Tuấn đem thuật lại tường tận với một người bạn ở xa. Anh muốn cho bạn biết chuyện để hỏi ý kiến, để xem một người khác sẽ nghĩ và sẽ đoán về việc ấy ra thế nào, và cũng để qua thì giờ. Đêm nay, anh cũng lại thức. Anh không đọc sách hay viết tiểu thuyết như mọi tối, vì anh có ý đợi. Anh chắc hẳn sự kỳ dị sẽ "nhắc lại", cũng như đã nhắc lại ngay đêm sau.
Cái bóng đàn bà thoáng hiện ra lần đầu, lại hiện ra lần thứ hai, trong đêm vừa qua, cùng một trường hợp giống nhau nghĩa là lúc anh đang làm việc mải miết. Thốt nhiên một cảm tưởng là lạ ám đến, anh trờn trợn như mình có người chú ý ngẩng đầu lên: trong khung cửa sổ, một người rất đẹp đang nhìn anh, lăng lặng, và miệng như mỉm cười. Tuấn chưa hết kinh ngạc thì người ấy đã lui ngay, nhẹ nhàng như lẩn biến vào bóng tối. Tuấn cầm đèn ra soi khắp hiên, tìm quanh nhà sục sạo khắp trại, nhưng đều vô ích: không có một dấu vết nào khác lạ. Người đàn bà đẹp như đã tan vào trong đêm.
Nhưng Tuấn không thể tin đó là một hình ảnh hư ảo được. Tuy hình ảnh chỉ hiện ra trong thoáng mắt, Tuấn cũng còn nhớ rất rõ khuôn mặt tuyệt mỹ với nước da rất trắng và từng nét môi, từng vòng mi, từng vành tai nhỏ và nhất là cặp mắt nhìn đen láy, long lanh sáng và yên lặng một vẻ dị thường.
Không! Không thể là một ảo tưởng được. Một hình ảnh thấy trong lúc kích thích của trí não, hoặc lúc hốt hoảng của tâm thần, tất không có những nét hiện thực và nổi rõ đến thế. Cái ý tưởng rằng đó là một người sống sẽ chiều được trí thiết thực của Tuấn nhưng sẽ đem lại biết bao nhiêu câu hỏi lạ lùng: Một người đàn bà - một người có nhan sắc và yêu kiều như thế, đến nơi hoang dại vắng vẻ này làm gì, và sao lại đến giữa những lúc đêm tối ghê rợn nhất? Cái dáng lặng lẽ, cái lối hiện biến nhanh chóng, những lúc tìm tòi vô hiệu của Tuấn và sự quái lạ của hành vi người đàn bà khiến cho Tuấn như không biết đường nào mà suy nghĩ.
* * * * *
Ban ngày anh đã hỏi chuyện mấy người cày cấy quanh trại, cho tìm cả người coi trại đến, nhưng không ai biết người đàn bà nào giống như lời anh mô tả. Họ không giúp anh gỡ được bối rối hoặc chỉ bàn thêm những câu chuyện huyền hồ. Người coi trại còn nhắc đến một vài chuyện ma quái mà hắn đã có lần trông thấy hồi hắn còn ở trại, trước ngày Tuấn đến ở. Anh hết lòng không để ý tới, nhưng sự mê tín của hắn cũng làm anh băn khoăn. Tuấn không muốn nài thêm, gạt ra ngoài tai những ý kiến của mấy người nhà quê và cấm thằng Dần không được nói là cậu nó thấy ma nữa.
Anh nhất định chỉ cho việc xảy ra hai đêm vừa rồi là một sự bí mật chưa khám phá được. Anh tạm cho là mình bất giác chịu ảnh hưởng của cái vẻ um tùm cổ kính trong trại. Cái tên "Trại Bồ Tùng Linh" biết đâu chẳng đã gợi ra đôi chứng dị đoan còn cố hữu trong huyết mạch? Hay biết đâu óc tưởng tượng đã chẳng tạo ra cái hình ảnh mà anh trông thấy trong lúc kích thích mà không ngờ?
Nhưng mà...
Tuấn không muốn suy nghĩ kỹ càng hơn. Anh vội giữ lấy những lý luận sơ sài để yên lòng.
Buổi trưa, anh ngủ một giấc dài hơn mọi ngày để khỏi mệt tinh thần và đến chiều, sau bữa cơm, anh để tâm chỉ hát những bài vui trong khi đi bách bộ quanh trại.
Bóng chiều đổ mau dưới những vành lá nặng um tùm. Tuấn cắt nghĩa mỗi tiếng reo động gần quanh và luôn luôn tự bảo những lúc hồi hộp của mình là vô cớ, là vô lý. Anh đi thăm những cây đa cổ kính, nắm lấy những thân rễ lớn một cách bạo dạn và ngạo nghễ với những vừng bóng xanh tối mỗi lúc một thâm già. Gió rì rào trên đầu cây, trong cành lá, có một âm vang như tự xa về, và hơi lạnh bao vây khiến Tuấn se sẽ rùng mình. Anh tự nhủ đó là do tiết trời về thu. Nhưng Tuấn thấy mình bỗng đi gấp bước. Bóng âm u thay đổi cảnh hoa cỏ ở đây nhanh chóng quá. Tuấn nhìn lại và thấy lạ hẳn những chỗ

lúc trước vừa đi qua. Anh bực mình vì không thể cưỡng nổi một ý lo ngại cứ dần dần tăng. Một đôi lần, lúc đang bước, anh quay cổ nhìn trở lại. Không ngờ Trại Bồ về tối lại có vẻ hoang tịch đến thế. Tuấn bước lên tới thềm nhà mà vẫn còn thấy khó chịu. Anh vội nhảy qua bực cửa: ánh sáng đèn làm anh được tạm yên lòng.

* * * * *

Tuấn không thấy muốn làm việc như mọi lần. Anh cầm bút rất lâu và sau cùng xếp giấy lại, trí nghĩ đi vào những hõm cây, hốc bụi và tưởng sự huyền bí ẩn nấp dưới các hình bóng dị kỳ: Trại Bồ lúc này là một nơi cũ kỹ trong một bầu không khí cổ sơ. Anh nhớ lại những chuyện truyền thuyết, những nhân vật hoang đường. Anh thấy mình có vẻ một chàng thư sinh ngồi dùi mài trong một ngôi chùa và có những sự gặp gỡ quái hoặc.

Sự hiển hiện hai đêm trước không giữ được cái tính cách bí mật "trần gian" mà anh muốn thấy. Tuấn cố xua đuổi những ý tưởng huyền hồ đến dìu dắt tâm trí anh. Sự kỳ dị không để một lối nào để dò theo, không có một đầu mối nào có thể lần gỡ được. Tuấn không biết nên để sự suy xét theo một chiều nào. Anh chỉ biết - mỗi lúc một rõ, một chắc chắn thêm - rằng hắn sẽ hiện về, thế nào rồi cũng lại hiện về. Điều đó thành một sự cố nhiên mà anh cứ yên lặng nhận lấy - và chịu lấy.

Tuấn thấy suy tính cũng vô ích. Anh đành lòng đợi vậy.

"Để xem đêm nay nữa, xem nào!"

Anh muốn đánh thức thằng Dần dậy để cùng đi rình bên ngoài - anh vẫn còn giữ một chút nghi hoặc mơ hồ - nhưng anh trông thấy trước sự khiếp sợ của nó. Tuấn đi dạo ngoài hiên hai, ba lượt. Ánh sáng từ cửa sổ chạy đến một khóm mẫu đơn gần nhất. Đêm tối sấn đến quanh đấy cùng với cả một thế giới bí hiểm và vô hình. Tuấn bắt đầu cân nhắc thử can đảm mình và không thấy vững lòng lắm. Anh gắng đi quanh lớp nhà một vòng nữa, bước chân ghê rợn: lúc trở vào, anh ngồi trước bàn viết và không còn tâm nào để lại bước ra ngoài đêm. Anh nói nhỏ bằng tiếng Pháp :

- Thế mà một người con gái dám ở đâu đến đây!

Tuấn toan nghĩ thêm :

- ... Nếu thực là người.

Nhưng anh vội bật cười thành tiếng và nghĩ chuyện khác.

Anh giở sách ra đọc, ngắt quãng từng đoạn để nghe gió chạy ồ ạt từng trận, và chú ý luôn đến các tiếng giun dế ở xa và ở quanh thềm.

Lúc Tuấn nghĩ đến sự viết thư cho Bình, thì anh mừng rỡ như tìm thấy một việc rất ích lợi. Anh tự nhủ: "Không thể quên được thì gì bằng nói ngay đến. Xem Bình hắn đoán việc này thế nào nào?". Tuấn không nghĩ sắp câu, cầm bút lên là những chữ tiếp theo nhau hiện lên mặt giấy.

Tuấn thấy ham viết cũng như lúc khác viết văn. Việc mới xảy ra còn rõ từng nét trong trí nhớ, thêm linh hoạt vì sức chiêu gợi: Tuấn thấy sống lại từng phút, từng đoạn cảm xúc trong những hồi đã qua. Sự "có mặt" của người giai nhân bí mật bớt vẻ tỵ hiềm vì sự tô điểm của văn chương. Anh nghĩ thầm: "Giá lúc này ta nhắc đến là nàng hiện ra nhỉ!". Và mấy lần toan nói to ý nghĩ ấy lên.

Tuấn đọc lại những hàng cuối cùng. Tay đã hết mỏi, anh cầm bút để viết tiếp bức thư.

Anh đoán lúc đó đã khuya lắm và nghĩ thầm: "Hôm qua với hôm kia mười hai rưỡi thì mình thấy..." Rồi lại đặt bút xuống.

Mười hai rưỡi là khoảng thời gian người đẹp vẫn hiện đến. Anh chắc lúc ấy sớm ra cũng đã hơn một giờ. Nhìn lên, cửa sổ là cái khuôn đen ngòm dẫn vào một chút gió rất chậm và rất yếu. Tiếng đêm ran trong vừng tối vẫn giống như bao nhiêu đêm... Trước khi lại viết tiếp, Tuấn lấy đồng hồ coi và biết mình đoán lầm: mới mười hai giờ hai mươi.

- Quái, thế mà mình tưởng khuya lắm rồi!

Và tự dưng Tuấn như thấy hồi hộp.

Anh cầm bút chấm mực, cho là do thói quen bắt ở hai lần kinh ngạc trước và tự an ủi bằng một câu cứng cỏi vẫn quen nghĩ :

- Ừ! Thì là người, là ma, là tinh nữa, thế đã sao chưa?

Nhưng sự hồi hộp lấn đến rất mau chiếm lấy cả tâm trí anh. Tuấn lại có thứ cảm tưởng lạnh lùng nặng nề, và ghê rợn y như mấy lần trước...

- Chắc lần này lại...

Cả câu nghĩ thầm như cũng nghẹn ngào trong cổ. Tuấn chợt sinh bực tức, thấy rõ mình bị giễu cợt, trêu ghẹo, dù bởi ma hay người... Sự căm giận nổi lên vì hổ thẹn và phản kháng, như thêm một sức mạnh lạ lùng. Tuấn nắm tay lại, nhìn phắt lên: ngoài cửa sổ vẫn không thấy gì khác.

Hơi Tuấn thở vội, hỗn loạn với nhịp trống ngực. Tuấn sững sờ và thấy mình ngộ nghĩnh đáng nực cười. Anh lại toan cất tiếng cười lên: Muốn tự cho

mình là người lo sợ không đâu, và chỉ tưởng tượng ra những điều kỳ dị để tự nát. Nụ cười đã sẵn phác ở miệng Tuấn, nhưng cứ giữ nguyên thế. Tuấn vừa lại "cảm thấy" một sự gì khác thường. Phải, một sự gì vừa xảy ra.

Hình như có tiếng gì vừa động. Nhưng ở đâu? Tuấn toan nghe ngóng, bỗng quay lại đằng sau: Chưa bao giờ - thực vậy, chưa bao giờ - Tuấn kinh ngạc đến thế.

Một người thiếu phụ - người hai đêm trước - vấn tóc trần, mặc hàng lụa xanh phơn phớt, ngồi bắt chéo chân trong chiếc ghế bành gian giữa, bình yên, lặng lẽ, và tự nhiên như người trong nhà. Tuấn lần này mới nhìn rõ nhan sắc của nàng ta, và nhìn lâu. Và lần đầu tiên anh biết thế nào là sự rùng rợn.

Bao ý nghĩ vừa rồi về những việc đã qua, vẫn còn xao xuyến sôi nổi trong trí Tuấn. Tinh thần kích thích như dây đàn căng vừa ngắt tiếng sau một khúc, vang âm còn rung động giữa lúc yên lặng đêm khuya. Trên mặt bàn, ngay dưới tay Tuấn, tập thư vừa viết còn ghi nguyên tang chứng của "sự thực". Cái bút đặt bên lọ mực, mấy quyển sách gáy in chữ vàng lấp lánh bên chân đèn. Tuấn nhớ rõ những hình ảnh hiện thực đó. Ánh đèn chiếu xuống không đổi sắc. Tuấn nghe thấy tiếng bấc cháy. Đồng hồ nhỏ lách tách những nhịp vội vã và đều đặn. Giun dế quanh nhà vẫn lích chích kêu như cũ và từ xa lắm, tiêng chó sủa đáp lại nhau qua mấy cánh đồng...

Tuấn để tai nghe tất cả một lượt rất nhanh. Anh kiểm điểm lại động tĩnh bấy giờ trong lúc nhìn cái bóng đàn bà ngồi kia, trong nhà anh, và ở đó như đã từ lúc nào rồi.

Sự kỳ quái của giấc mơ ấy lại là sự thực nhỡn tiền. Mắt Tuấn nhìn người đàn bà đẹp từ đầu đến chân, nhận thấy từng dáng ngồi, đường thân, màu tóc, nếp áo. Bàn tay "nàng ta" trắng nuột, nhỏ và dẻo một cách lạ, đang nhẹ nhàng cầm giữ ở đầu ngón một lá cỏ dài và mập như một chiếc lá lan. Nước da trên mặt, cũng trắng nuột - một màu trắng đẹp tưởng chưa từng thấy bao giờ. Khuôn mặt thanh tú giữ những đường cong nét uốn hòa đối và mỹ lệ lạ thường. Tất cả người "nàng ta" đều có một vẻ đẹp khác thường, một vẻ đẹp quá chừng như *không thể nào có được*. Tuấn thấy rợn khắp mình. Một cảm tưởng lạnh mát lại gờn gợn chạy lan cả tâm hồn một cách rất nhẹ, rất chậm. Chưa bao giờ Tuấn nhìn một người đàn bà rõ ràng như thế và lâu đến thế. Mắt anh không thể nào rời khỏi được. Anh gần như không có quan niệm về thì giờ nữa. Sự kinh ngạc giữ anh mãi trong cái phút vô cùng đó và anh tưởng chừng sẽ đứng như thế mãi, nhìn như thế mãi, và người đàn bà đẹp cũng sẽ ngồi đó mãi, cũng như vẫn ở đó đã từ bao giờ.

Nàng ta không hề ngượng, rất tự nhiên - có lẽ rất thản nhiên trước vẻ sững sờ của Tuấn. Điệu ngồi lặng lẽ như người đang suy nghĩ. Tuấn như ở đâu chợt tới, và thấy người ta không để ý đến hay không biết đến mình.

Người bối rối nhất không phải là người khách dị thường kia. Tuấn lại thấy ở mình có một vẻ bỡ ngỡ như chính mình không phải là chủ nhân. Sự yên lặng vẫn ở nguyên, dai dẳng, bướng bỉnh và hết sức khó chịu.

Tuấn không thể tìm được cách nào để xử trí. Anh đần người ra và như có một sức ám ảnh gì giữ lấy sự lanh lẹ. Tuấn muốn đằng hắng lên. Anh kéo chân về định cho tiếng dép xiết trên nền gạch. Hay vò một tờ giấy? Hay đánh rơi một vật gì rồi cúi xuống nhặt? Tuấn nghĩ đến các việc đó, nhưng anh vẫn đứng im.

Tuấn thầm bực tức cho cái vô lý của mình. Sao mình lại rụt rè thế? Sao lại có cái ý tưởng kỳ dị là cứ phải đứng lặng đó? Sao lại có sự ước mong hồ đồ rằng cái người kia sẽ thôi ở đây, sẽ biến đi? Dù sao (Tuấn nghĩ thầm) ta cũng cứ nói lên một câu xem nào?

* * * * *

Sự kinh dị đầu tiên đã lui dần. Tuấn bắt đầu tìm một lời nào, một cử chỉ nào, để đối phó. Tuấn sửa soạn như sắp làm một việc quan trọng và khó nhọc. Anh lựa đường lối để tiến một bước hành động. Câu hỏi đã thầm quát lên trong trí, thầm nhắc lại vài ba lần và chỉ chực lên tiếng. Tuấn nuốt nước bọt mới nhận thấy cổ họng mình khô.

- Tôi muốn hỏi... cô...

Lời nói vang ầm lên trong sự im lìm bị hoảng loạn. Tuấn ngừng lại thấy trơ trẽn quá, sượng sùng quá. "Trời ơi! Sao lại thế! Sao lại thế mới được chứ!" Tuấn nhất định hỏi nữa, rồi muốn ra sao thì ra. Nhưng rất dịu dàng, người đàn bà đẹp ngẩng nhìn, miệng ngậm một nụ cười kín đáo, nhã nhặn. Tuấn nhìn thấy một cảm giác rất dị thường cùng một lúc đôi mắt kia soi vào mắt mình - đôi mắt đen, sáng và lóng lánh những tia lửa lạnh.

Anh nghe thấy một câu nói nhẹ, giọng thanh và như đưa lại từ đâu xa :

- Thưa anh, anh hỏi gì em? Mà anh hỏi em để làm gì?
Câu đáp bất ngờ giọng thân mật càng làm cho Tuấn ngạc nhiên.
Nhưng anh đã thấy nhẹ mình.
Một chút rùng rợn êm ái dội qua tâm hồn một luồng khác lạ. Tuấn đáp lại và nghe lời nói của mình như trong mơ hồ.
- Tôi muốn... tôi... tôi chưa được cái hân hạnh gặp cô... quen biết cô...
Người ngồi đó đưa mắt nhìn vu vơ, miệng cười hé mở; đôi mày nhẹ nâng cao trên vừng trán xinh nhỏ và cả người đủng đỉnh một vẻ đỏm dáng lững lờ.
Câu trả lời cũng giấu giọng lả lơi đùa cợt :
- Anh không quen biết em, nhưng em quen biết anh, thế là cũng đủ.
Nàng tiếp luôn :
- Vả lại sự quen biết không cần cho sự yêu mến lắm. Anh trông thấy em, em trông thấy anh lần đầu tiên, thế là ta có thể thành đôi bạn thân yêu được rồi.
Tuấn không nhận thấy điều gì quá dị thường trong câu nói tuy có hơi kiểu cách. Anh đã tìm lại được can đảm. Anh lại thấy câu chuyện tuy vẫn lạ lùng nhưng không thiếu phần ngộ nghĩnh, dễ ưa. Những tiếng "anh" đột nhiên gửi cho mình và những tiếng "em" ngọt ngào người ta nhận lấy, nói lên tự cái miệng tuyệt mỹ kia, hứa một sự giao thiệp có thể trở nên rất êm đềm. Tuấn gần như được hưởng cái thú ghê rợn rất phức tạp. Anh sẵn sàng để cho tâm trí chiều theo những đường lối một câu chuyện anh chưa biết rồi sẽ dẫn tới đâu. Từ trước đến bây giờ anh chỉ toàn thấy hết cái ngạc nhiên này đến cái ngạc nhiên khác.
- Ta cứ nhắm mắt lại để cho "nàng ta" dẫn đi cũng được.
Ý nghĩ ấy khiến anh chợt tưởng tượng đến một sự không thể nào làm ngơ được. Tuấn nhìn soi mói người khách lạ của mình.
Anh nhận thấy vẻ kiều lệ rõ ràng hơn: bực nhan sắc anh đang tiếp trong một trường hợp khác thường kia có một giá cao quý tuyệt phẩm. Tuấn bâng khuâng như trong một xứ kỳ ảo, lòng mênh mang thấm nhuần hạnh phúc và lo ngại như chiếm giữ châu ngọc...
* * * * *
Người đẹp đang nhìn anh, miệng tươi, vẻ ân ái và mắt đắm đuối.
Nàng ta thong thả đứng lên, thong thả đến gần Tuấn, bước nhẹ và nhịp nhàng, người uyển chuyển trong màu áo dịu mềm và tỏa ra một làn hương mong manh của phấn son hay của da thịt.
Nàng đặt một tay lên vai Tuấn, cười một tiếng khẽ và ấm như hơi thở. Lần thứ nhất - Tuấn gợn người từ gót chân tới chân tóc - Tuấn chạm tới bàn tay mỹ nhân. Tuấn thấy tay mình đã nắm những ngón tay nhỏ, mát trong làn da nhung dịu như cánh hồng non. Một cánh tay anh đã quàng ở ngang tấm lưng thon và gọn. Anh được thấy bên người anh cả một sự xúc động âu yếm của tấm thân giai nhân hiện thực: một giai nhân "đúc bằng xương bằng thịt" có quả tim hồi hộp và có những huyết mạch nồng nàn.
Tuấn không cần biết tại sao người ấy lại ở trong tay anh, anh sẵn lòng quên hết các trường hợp ly kỳ. Quả vườn cấm đưa đến tận mình - cần gì biết do đường lối nào? - Anh cứ vui lòng hưởng.
Tuấn dìu nàng đến ngồi chung một ghế. Nàng ngoan ngoãn, và sung sướng vâng theo, dáng điệu thân mật như đã quen biết nhau lâu ngày.
Tuấn đã "cảm thấy" sự rạo rực rung động trong thân thể người thiếu nữ truyền đến cánh tay mình. Phảng phất một áng hương nhẹ lại thoáng qua, anh nhíu mắt lại nghĩ đến một ý nhỏ nhắn. Anh chợt hỏi, giọng vô tình hoa mỹ và lời như đã chọn sẵn - và cả tâm hồn lúc đó như ngan ngát trong một khí vị văn chương :
- Em là ai, em ở đâu đến đây mà lạ lùng, mà bí mật như một người trong giấc mơ thế?
Nàng ta đáp ngay :
- Có lẽ em là người trong mộng của anh đấy, người trong mộng biến thành người thực, thành sự thực đến với anh đấy.
Tuấn mỉm cười :
- Anh không ngờ lại gặp một sự thực huyền hồ, một sự thực... mơ mộng đến như thế này...
Rồi giọng chân thực hơn, Tuấn nói :
- Nhưng không thể... vì không nhẽ chúng ta cứ như thế này mãi. Gặp nhau, mến nhau, thân cận nhau ngay từ lúc đầu, được lắm; nhưng anh muốn biết... anh muốn em nói cho anh biết rõ hơn kia.
- Biết rõ mà làm gì? Mà anh muốn biết rõ những gì? Anh biết là em yêu anh, em tìm đến với anh, thế không đủ sao?... Còn ngoài kia, có quan hệ gì?
Câu chuyện theo giọng ấy kéo dài thêm, Tuấn gạn gùng thì người thiếu nữ chỉ cười, hoặc thoái thác khéo. Sự cố ý giấu diếm đó, càng khêu gợi thêm cho Tuấn muốn thấu hiểu tường tận hơn.

Anh tìm được một cách ví von khôn khéo để làm cớ cho câu hỏi :
- Nhan sắc như bông hoa quý, anh không thể đành lòng không biết tên thứ hoa mà anh khen ngợi được. Không, hình ảnh chỉ để cho trí nhớ thôi; anh muốn lòng anh được gọi đến tên em, nhắc đến tâm tình em... anh muốn được tưởng thấy cả cái vườn tiên mà em đã tạm bỏ để đến đây thăm anh...
Tuấn mỉm cười, nhưng nói bằng giọng hết sức chân thực. Những câu hoa mỹ viển vông đó hình như cũng làm xiêu được lòng giai nhân. Nàng ta nhìn Tuấn rồi lại nhìn vẩn vơ và đủng đỉnh nói :
- Em thì em nghĩ rằng anh không biết có lẽ hơn... Nhưng nếu anh nhất quyết thì vâng, em cũng xin thú thực, không dám giấu nữa...
Tuấn vui vẻ :
- Thế thì em ngoan quá... Em nói đi... Em nói cho anh biết tên em đã này...
Nàng ta thoáng có vẻ buồn rầu, nhưng miệng tươi cười ngay :
- Tên em ư? Anh thử đoán xem.
Tuấn nhíu mày nghĩ, rồi lắc đầu. Nàng ta nhắc :
- Tên em là tên một thứ hoa!
- Lan? Cúc? Huệ? Liên?...
Nàng ta lắc đầu :
- Không...
Và lại nói :
- Không, Lan Hương, Hoàng Lan Hương.
Tuấn cười :
- Có lẽ chính em là hoa hoàng lan đấy.
Nàng ta khẽ thở dài :
- Có lẽ.
Tuấn hơi ngạc nhiên. Anh hỏi cho có chuyện :
- Hoa Hoàng Lan à? Hoàng Lan thì tất ở trại... Hẳn em cũng có cái trại hoa nào gần đây?
- Không, nhà em ở trên một hồ nước, bên một hàng liễu xanh tốt và một khóm trúc vàng. Anh không thể tìm được đâu, trừ khi nào em dẫn anh đến...
Nàng lả một bên đầu xuống gần vai Tuấn, hai giọt lệ đọng nơi khóe mắt. Tuấn không dưng cũng cảm thấy lòng buồn buồn. Anh mơ hồ tưởng đến một điều vẫn từng động tới cảm tình văn chương của mình và thoáng thấy trong một giây rất chóng biến, hình như hiện đang nhắc lại một cảnh đã sống ở một cuộc đời tiền thân nào đã qua.
Tuấn vội xua đuổi ý nghĩ đó và ôm lấy Lan Hương :
- Hoàng Lan Hương, cái tên em mới thơm tho làm sao? Nhưng sao vừa rồi em nói là anh không thể tìm được nhà em?
- Vì anh không tài nào tìm được nếu không có em dẫn đường.
Tuấn hỏi một câu rất vô tâm :
- Thế liệu em có dẫn anh tới không?
- Điều đó có thể có, mà cũng có thể không được... Vì đó là còn nhờ ở tình anh, và cũng ở cả duyên em...
Nàng thở dài khi dứt câu nói.
Tuấn không hiểu tại sao Lan Hương lại buồn. Nhưng anh cũng lựa lời dỗ dành, và chăm chút vuốt ve nàng. Bỗng nhiên Lan Hương lắc đầu, thong thả đứng dậy, thong thả bước ra phía cửa.
Tuấn hoảng hốt :
- Em đi đâu bây giờ?
- Em xin phép anh em về.
- Kìa, Lan Hương, sao em lại về ngay không ở chơi nói chuyện với anh lát nữa?
Nàng ta ngoảnh lại :
- Có lẽ đêm mai... em sẽ lại. Từ nay trở đi em không phải ở ngoài nữa, có lẽ đêm đêm em sẽ lại thăm anh... Bây giờ thì xin tạm biệt anh... Nhưng xin anh đừng tìm em đấy.
Nàng đã mở cửa ra.
Tuấn sững sờ nhìn trân trân ra cánh cửa vừa khép, hối hận và thương tiếc... Chợt anh lạnh hẳn người đi, vấp phải một ý quái gở :
- Có lẽ... Phải, có lẽ đây cũng là...
Tuấn lấy đèn bấm, chạy ra ngoài sục tìm, và biết trước là vô ích.
Anh trở vào ngồi thở dài một tiếng làm động mép tờ giấy trên bàn.
B ức thư viết cho bạn, Tuấn định sẽ không gửi đi. Anh chỉ thuật lại vắn tắt trên một bức khác để Bình biết đại khái câu chuyện, còn nguyên bản anh giữ lại để lúc nào cũng có sẵn trước mặt những "dấu tích thực tại" của những việc có đủ các vẻ huyền hồ.
Tuấn ngồi lặng trước bàn giấy đến ngót nửa giờ sau khi nàng ta không còn ở đó. Anh kéo tập thư lại, lấy bút định ghi chép theo cuộc gặp gỡ sau cùng. Anh sẽ chép lại các cử chỉ, các lời nói và tất cả cảm giác, ý nghĩ của mình, thành thực và rõ ràng như viết những trang nhật ký. Công việc đó thực quan trọng đối với Tuấn. Sự tưởng nhớ của ký ức chưa đủ: anh phải có tang chứng của những nét chữ kia để có thể

tin rằng những việc xảy ra, quả nhiên đã xảy ra thực. Tuấn vẫn chực cho rằng có lẽ mình mơ.
- Một giấc mơ? Ồ! Có lý nào!
Nhưng Tuấn phải thừa nhận là một "sự thực" kỳ quái hết sức.
Người giai nhân biến đi như một cái hình bóng; Tuấn lại đã chạy ra sục tìm và cũng lại mất công như những lần hiện ra trước.
Trong đêm, Trại Bồ càng rộng um tùm, nhiều bụm cây lớn lạ lùng và nhiều lối khuất khúc hiện lên một phần trong ánh điện soi mói. Tuấn muốn nghĩ rằng nàng ta có thể lẩn trốn đâu đây, nhưng trong lòng anh vẫn không chịu tin.
"Lẩn trốn làm gì? Mà nếu biến đi được thì chẳng hóa ra..."
Cái nhân vật quái lạ ấy thực đã có lần Tuấn ôm giữ trong tay kia mà! Tuấn càng nghĩ càng bối rối trong lúc trí anh, lòng anh và các giác quan anh còn rung động một thứ tình cảm ly kỳ và thơm dịu... Màu đen sáng của đôi mắt nhìn. Miệng cười son thắm. Cái thân hình óng muốt lả lướt, ân ái. Tất cả cử chỉ tin cẩn, vâng chịu của người đàn bà trong cái khoảnh khắc gần gũi... Tuấn nhắm mắt lại và lần nào cũng như còn ngửi thấy mùi hương phảng phất ở cạnh mình. Bên vai anh còn thấy nặng êm đềm dưới một đầu tóc đã ngả lên. Trong cánh tay anh đã ẩn náu hình vóc nồng nàn của một tấm lưng thon. Bàn tay anh còn mát rượi cái kỷ niệm một bàn tay nhỏ muốt anh đã nắm giữ.
Tuấn vân vê quản bút trước khi viết những hàng tiếp theo.
* * * * *
Suốt ngày với ánh sáng mặt trời khiến cho tâm trí minh mẫn, song không làm bớt một chút nào cái vẻ nửa hư nửa thực của việc xảy ra trong đêm. Tuấn tha thẩn hàng giờ trên các đường lối trong Trại Bồ. Nhìn lại từng bụi cây, từng góc vườn và thuộc hết những chỗ có lẽ không bao giờ Tuấn để ý tới. Tuấn mong thấy một câu trả lời đột nhiên hoặc một ý nghĩ nào vụt hiện lên trong lúc đi nhận xét đó. Nhưng Tuấn chỉ thấy mất thì giờ không đâu.
Cuộc đi dò tìm các vùng quanh trại cũng thế. Những xóm nhà tranh thưa thớt ở đấy chỉ là chỗ nghèo nàn của những người cày cấy quê mùa. Một con đường rộng dẫn đến hai đầu làng xa. Tuấn nhìn lên những đồng lúa xanh bằng phẳng và thật thà, không giữ một vẻ gì là bí mật. Vừa nghĩ tới anh đã vội bỏ ngay cái ý kiến đi tìm những người anh đã hỏi han mấy hôm trước. Người coi trại thì có vẻ dè dặt khi anh vào chơi nhắc đến những chuyện hoang đường hắn thuật lại hôm xưa: Tuấn hiểu ngay là hắn sợ anh tìm cớ để không thuê Trại Bồ nữa.
Tuấn đành phải theo cái phương giản tiện nhất: là lại đợi như hôm trước. Lần này anh đợi với một lòng hồi hộp và một ý mong mỏi riêng.
Nhưng đêm ấy người đẹp không đến.
Trong khi ngạc nhiên, Tuấn lấy làm bất mãn và nghĩ đến những ý nghĩ mà anh cũng tự nhận là vu vơ. Tuấn ngờ có lẽ "nàng ta" biết. Việc dò hỏi của mình, những hành vi trong suốt một ngày, những bước chân anh trên các đường lối Trại Bồ và ở gần quanh, không chừng vẫn có con mắt vô hình chăm chú theo dõi. Tuấn bật cười, nhưng không tìm được nhẽ nào khác để cắt nghĩa sự "vắng mặt" của người thiếu nữ đêm qua.
* * * * *
Đêm hôm sau, Tuấn lại thức để chờ. Nhưng lại không thấy gì hết. Rồi cứ thế luôn ba đêm nữa. Tuấn càng ngày càng có ý mong đợi hơn lên. Đêm nào Tuấn cũng tự nhủ: "Chắc đêm nay đây". Anh thấy mình thất vọng sau những buổi chờ đợi vô ích và vẫn vững lòng tin chờ lần sau.
Cái khoảng cửa sổ đen tối mỗi đêm một bớt sâu thẳm vì trăng một thêm tròn, Tuấn nhìn quen đến nỗi nhận xét được những vẻ thay đổi rất nhỏ nhẹ. Tuấn không muốn làm việc trong những lúc ngồi hàng giờ yên lặng trước bàn viết, đọc sách không cầm giữ được trí, giác quan chăm chú đến từng tiếng động rất khẽ trong đêm. Những hình ảnh tưởng tượng về dáng điệu giai nhân càng làm thêm lạnh lùng, sự lạnh lùng vắng mặt. Tuấn nhớ lại và bắt gặp thấy lòng mình âm thầm buồn. Khi nào ngồi lâu mỏi mệt, anh chợp đi một lúc rồi choàng dậy. Tuấn ngơ ngác như thấy một sự gì vừa hiện lại vụt biến ngay - Tuấn vẫn tự giễu mình - "Dễ thường mình tương tư một cái bóng kỳ dị hay sao?". Ý nghĩ ấy khiến anh lại tưởng đến những chuyện dan díu với tinh hồn hoa, cây của những ngày xưa huyền hoặc.
Một đêm Tuấn ngồi ghếch hai chân lên bàn giấy vừa đợi vừa mơ tưởng. Thần trí anh hoang mang không hẳn theo một ý nghĩ nào. Nhiều lần anh thấy, rất nhanh chóng, như có lại những cảm tưởng mới mẻ giống hệt lần gặp gỡ đầu tiên. Anh tưởng chừng như người đẹp lại hiện về, đang đứng ngoài, đang đợi chờ... Nhưng lúc định thần lại, cảm tưởng ấy lại mất. Tuấn dần dần một thêm bị kích thích. Hai ba lần anh trỗi dậy chạy ra hiên để thấy ngoài đó vẫn

vắng lặng như thường. Anh bực dọc và giận dỗi như người bị lỗi hẹn. Anh vào ngồi chỗ cũ định tìm đủ các lẽ để tự bảo là mình đang làm những việc vô nghĩa lý và để giục mình đi nằm. Đêm đã quá khuya và người anh đã mỗi lúc một thêm bơ phờ. Nhưng Tuấn vẫn ngồi yên, vẫn phảng phất có một ý trông chờ và hy vọng. Tiếng gió xào xạc bên ngoài như nghe qua một giấc mơ chập chờn mong manh. Tuấn tưởng chừng người đẹp hiểu thấu lòng anh và đang tìm đến. Anh lại thấy hình như nàng đã đến, đã ở đó và đang nhìn mình. Dẫu là người hay là nhân vật hư huyền, giai nhân cũng đã từng nói lên lời những câu dịu dàng và cũng đã làm anh cảm động. Cái tên Hoàng Lan Hương anh thầm nhắc đến bằng tất cả sự âu yếm của lòng thanh niên lúc đó hình như bay thành phấn hoa bao quanh Tuấn. Anh thoáng thấy từng làn hương đưa lại từ đêm xưa, từng làn hương ý nhị, đặc biệt của người đêm xưa. Tuấn cảm thấy một sự gần gũi rất thân mật và hơn nữa, rất "thực".

Anh lo sợ không dám trông lên cửa sổ để vội thất vọng. Anh muốn để mặc cho sự kích thích của tưởng tượng đánh luồ mình lâu nữa, lâu mãi, và mỗi lúc một thêm sức mạnh để anh "thấy" hình ảnh Hoàng Lan Hương một rõ lên.

Hương hoa - phải chăng chính là hương Hoàng Lan dìu dặt trong mơ tưởng của anh, cùng với một dáng người nhịp nhàng ở gần đâu đây, ở trước mặt hay ở ngay cạnh? Tuấn để cho người anh mê đi trong tay ôm ấp gọn ghẽ của chiếc ghế bành - cũng như tâm hồn du dương ẩn nép trong lòng một thứ vui mơ hồ. Một tiếng động khẽ của tờ giấy trên bàn.

Tuấn hé trông thấy một bàn tay quen, mấy ngón muốt búp măng hiện tỏ hiện mờ theo chiều mơ tưởng chờn vờn bay theo nhịp lim dim của đôi mắt nhíp.

Cái hình ảnh thân yêu vẫn không mất. Tuấn tưởng thấy cả hai bàn tay, cả màu áo xanh phơn phớt và màu da trắng điểm hồng. Hoàng Lan Hương...

Hoàng Lan Hương đến đây chăng? Câu hỏi nhắc lại ba lần trong trí chưa tỉnh giấc của Tuấn, và sau cùng cất lên thành tiếng nhỏ dịu. Tuấn mơ hồ nghe thấy lời mình :

- Hoàng Lan Hương đấy phải không?

Một tiếng đáp bên tai :

- Vâng

Tuấn nghe rõ ràng câu tiếp liền theo :

- Chính em của anh đây!

Tuấn thức hẳn dậy.

Người thiếu nữ đã ở đó, đứng phía bên trái, đang mỉm cười nhìn anh. Lan Hương nhìn Tuấn không chớp - và không cất nụ cười - vẻ ngạc nhiên vui tươi và êm lặng. Tuấn chưa tin ngay và vẫn lo sợ. Anh hỏi rất nhẹ tiếng :

- Thế ra... thế ra tôi không nằm mơ?

Anh hơi rụt rè nhưng thoắt lại không tưởng đến giữ gìn nữa, vội cầm lấy tay Lan Hương, nắm chặt trong tay mình vuốt nắn dọc theo cánh tay nàng. Sau cùng, anh đứng dậy và lại hỏi :

- Thế ra anh không mơ?

Người thiếu nữ thong thả lắc đầu, dáng điệu khoan hòa và có vẻ nhu mì rất trẻ thơ, rất ngoan ngoãn. Nàng để cho Tuấn dìu ngồi xuống cái ghế anh vừa ngồi. Nàng đợi, nhưng sự vui mừng làm Tuấn lúng túng. Tay nàng - bàn tay trắng đẹp làm sao! Vẫn cầm một tập bản thảo mà lúc đó Tuấn mới nhận rõ là của anh: đó là tập thư đổi thành nhật ký.

- Em đến lúc nào thế? Em đến lâu chưa?

Nàng thưa :

- Thưa anh, chưa lâu lắm, nhưng cũng đủ để xem văn của nhà văn.

- Văn nào? Tập thư này sao?

- Vâng, xin anh thứ tội cho, em thấy nói đến một câu chuyện hay, nên...

Nàng cười rất dịu dàng.

Tuấn thấy ngượng một cách sỗ sàng, y như người bị bắt chợt đang lúc tắm gội. Nàng tiếp luôn :

- Em vẫn là giống ham văn chương, yêu văn nhân, thi nhân cũng như yêu hoa cỏ, yêu non nước, yêu trăng gió... Em được đọc một bài văn thì như được tưới thêm nước, lòng sung sướng không biết ngần nào.

Lời nói lưu loát như câu nói văn hoa. Nàng có một giọng nhẹ trong và hơi trầm mà Tuấn muốn cho ấm hơn, vui hơn. Anh bỗng lo ngại vì cái vẻ trầm lặng và vẻ buồn nhẹ nhàng của người thiếu nữ. Anh chợt nhớ đến sự thay đổi đột nhiên đêm nào và dụng tâm ngăn đón trước. Tuấn toan hỏi một câu nhưng lại thôi.

Nàng đặt tập bản thảo xuống bàn, nhìn sang một bên, đôi mắt nghĩ ngợi. Thấy nàng thở dài một tiếng, Tuấn vội vàng gọi :

- Em!

Nàng ngẩng lên mỉm cười, đôi mắt lặng lẽ chứa chan một ý thân mật âu yếm. Tuấn thấy xôn xao cả tâm hồn.

- Em Lan Hương... Em... Em... có cho phép anh nói chuyện với em, nói chuyện lâu với em không?

- Thì em đến đây chỉ mong được thế...
- Em đến một cách bất ngờ, một cách êm nhẹ như một cái bóng hiện lên. (Tuấn sợ lỡ lời, chữa ngay) như... một nàng tiên đến trong giấc mơ...
- Và anh cũng sợ như nàng tiên trong giấc mơ rồi em sẽ biến mất sao?

Đôi mày nàng hơi nhíu lại khiến Tuấn sợ cuống lên tìm cách cãi lời nói của mình. Nàng lắc đầu khoan thai để tay vịn vai Tuấn :

- Không, em không biến vội đâu... Đêm nay em còn nói chuyện với anh, em sẽ bầu bạn với anh lâu hơn đêm hôm nào... Và nếu anh biết cho em...

Nàng ngập ngừng một lát, khe khẽ thở dài :

- Nếu anh hiểu cho thân phận mong manh của em, em sẽ được gần gũi anh nhiều đêm hơn...

Tuấn càng nghe càng ngạc nhiên nhưng giữ nét mặt rất vui để khuyên nàng. Anh ngắt lời :

- Không, em sẽ là bạn của anh mãi mãi.
- Em không dám chắc, từ cổ chí kim, hạng chúng em chỉ là...

Tuấn vội vàng nói :

- Không, dù sao, dù em là ai, nhưng anh chỉ biết em là một nhan sắc quý báu, một châu ngọc anh tìm thấy tình cờ... Không, em Hoàng Lan của anh... sẽ mãi mãi là của anh.

Tuấn chợt nghĩ đến cái tên Hoàng Lan Hương, để ý đến cái hương riêng phảng phất bên mình... Anh rùng rợn khắp tâm hồn và thấy ghê người một cách rất êm đềm, rất đằm thắm và rất mới lạ. Anh nghĩ bụng trong lúc âu yếm quàng tay giữ lấy ngang lưng nàng :

- Có lẽ ta được sống những cuộc đời rất kỳ quái như ngày xuầ thực chăng?

Tuấn lại chợt hiểu cái tiếng "nàng ta" mà anh vẫn thầm gọi đến khi nghĩ đến người thiếu nữ.

Cảnh tượng lúc đó có một vẻ văn hoa - một vẻ văn chương kiểu cách - đem lại cho tâm hồn Tuấn một thứ cảm động cổ kính như ở nhân vật sống trong chuyện hoang đường. Tuấn nghĩ đến hiện tại bấy giờ và thấy nó như lùi lại rất xa. Anh nhìn anh với người đẹp như ở trong một bức tranh quý giá. Anh thoáng nghĩ thầm :

- Lan Hương ơi, hai ta trong khoảng khắc này là hư đấy hay là thực đấy?

Những tiếng xưng hô mà Tuấn định sẽ nói, trong giây phút ấy không phải là những tiếng anh em mà Tuấn đã dùng. Giá gọi Lan Hương là "nàng" và tự xưng là "kẻ thư sinh này" có lẽ mới thực đúng, mới thực hợp.

Ngồi trong ghế và lả mình vào tay ôm giữ của Tuấn, Lan Hương đang lặng lẽ nhìn phía trước mặt. Nàng ta thở đều và thong thả, ở yên đó như người tình nhân ngoan ngoãn đang chung một phút trầm ngâm thân mật với người yêu. Không hề có một chút sượng sùng. Tuấn lại ngạc nhiên khi nhận thấy cái vẻ quen thuộc trong lúc thân cận đột nhiên ấy. Tuấn nghĩ thầm một câu hỏi văn vẻ :

- Hoàng Lan Hương ơi, nàng là ai thế, nàng là người ở đâu đến đây?

Và đoán chừng câu trả lời sẽ có những ý tứ cho mình biết Lan Hương chỉ là hiện thân của thảo mộc, là hương thơm của Hoàng Lan biến thành người, là một nhân vật trong cái thế giới u linh ở lồng với khung cảnh trần gian nhưng lại cách biệt hẳn trần gian; người ta phải có con mắt riêng của một tâm hồn khác thường mới gặp thấy. Tuấn cũng như một người sót lại tự cái thế kỷ cổ sơ trước, Tuấn là một linh hồn còn thuộc những âm vang và những hình ảnh cũ của một thời đại nhuôm màu tím huyền...

Tuấn thu hẹp lại cái cánh tay ôm quanh vai người thiếu nữ. Anh mỉm cười vơ vẩn, nhận thấy từng chút thời khắc đi qua, tĩnh mịch trong cái lặng lẽ khuya khoắt của không gian. Anh sống một khoảng đời bâng khuâng rất lạ lùng, tâm trí vừa ngạc nhiên vừa bình thản mà hướng theo nguồn tư tưởng không cố gắng, lưu loát như sẵn hiến trọn mình trên một trang văn thơ.

Một chút lo sợ rất quen cũng phảng phất trong lòng Tuấn.

Tuấn liếc nghiêng mắt nhìn người thiếu nữ và hồi hộp trong khi thầm khen nét mày rất thanh tú và hàng mi cong dài làm dịu thêm và xa xăm thêm vẻ nhìn trong sáng.

Tuấn lại thấy cần phải dè dặt những lời phải nói ra, những cử chỉ sẽ làm và im lặng như để dò ý tứ. Không bao giờ có đôi bạn gần gũi nhau một cách khác thường như thế. Tuấn lại nghĩ :

"Hoàng Lan Hương ơi! Em là ai thế? Em ở đâu thế? Sao em lại ở trong tay ta lúc này?..."

Câu nói dìu dặt vang khẽ trong lòng Tuấn và hình như cũng động tới ý Lan Hương. Người thiếu nữ nhìn lên và mỉm cười với Tuấn, rồi lại nhìn đi.

Tuấn bỗng gọi :

- Lan Hương!

Và tưởng tiếng nói mình có thể lại kinh động cả bầu không khí.

Nhưng Tuấn nhắc lại, tiếng ghìm khẽ xuống :

- Lan Hương! Lan Hương! Em nghĩ gì thế?

Tuấn muốn thú thực hết cả nỗi sung sướng của lòng trai trẻ, hết cả nỗi xúc động của sự gặp gỡ và ngỏ hết tình âu yếm với Lan Hương. Nhưng người thiếu nữ lại nhìn lên, đôi mắt đen lặng lẽ một ý quá đỗi nồng nàn. Những tia lửa chìm trong đôi ngọc huyền ấy bỗng dưng khiến Tuấn ngây ngất. Anh đê mê im lặng.

Đầu nàng ta rất nhẹ nhàng giấu mãi vào lòng tay Tuấn và cả tấm thân yêu kiều nhỏ bé lại lả lướt bên người con trai. Nắm tay nàng víu lấy Tuấn với một ý nhắc bảo xui giục. Và bao nhiêu cử chỉ ấy thầm lặng gào lên những nỗi lòng van lơn.

Nàng không cho kịp nói với nhau thành tiếng một câu ân ái nào.

Nàng để Tuấn hiểu trước lời nói. Và Tuấn mỗi lúc một hiểu rõ ý nàng mỗi lúc một đắm đuối tha thiết hơn.

Anh nghĩ thầm:

"Lan Hương ơi, vì đâu?... Lan Hương ơi... cớ sao... Lan Hương, em là loài đa tình nào... Lan Hương ơi..."

Những ý nghĩ âu yếm gạn gùng reo động vang cả tâm hồn. Nhưng đôi mắt kia nhìn Tuấn.

Ngọn trào bồng bột dâng lên.

Tuấn ôm bên mình một mỹ nhân nhu mì, thuận thục nhưng nồng nàn xiết bao! Anh cúi xuống dần. Đôi mắt kia dìu Tuấn vào một bể sôi nổi.

Đồng hồ trong nhà lách tách đều rõ rệt từng tiếng. Tuấn âu yếm bước xa dần ánh sáng đèn trên bàn viết, bên vai êm trĩu một sức nặng bám níu lả lơi. Nàng ngoan ngoãn như trẻ thơ, bước chân nhẹ nhàng và ái ân theo Tuấn.

Ngoài đêm, tiếng gió vừa chạy ào qua. Vài tiếng dế bao quanh. Tuấn tưởng qua đến sự thức giấc của côn trùng và trông thấy hình lá reo động... Nhưng tất cả thành hỗn độn, bị quên đi, mờ xóa trong một cử chỉ vuốt ve. Tuấn thu lượm trong bàn tay mê man những đường nét thanh tân của một thân hình dịu mềm và rung động.

S áng hôm sau Tuấn thức dậy như tự trong một giấc mơ dài. Ánh sáng vàng tươi soi vào tận chỗ gối chăn và bên mình anh không còn chút dấu vết nào của người đẹp. Phảng phất một làn hương thơm mát đâu đó. Tuấn trỗi dậy.

Ở ngực anh rơi xuống một bông hoàng lan cánh đã hơi se.

Tâm trí Tuấn bàng hoàng, nhưng không! Không thể là một sự mơ hồ được.

Anh còn nhớ rõ quá. Hơi thở ấm áp của người thiếu nữ với nhịp tim hồi hộp... Hơn thế nữa, bao nhiêu ái ân dữ dội tuy thầm lặng còn để lại xác thịt anh một kỷ niệm mê cuồng. Người đàn bà trong tay ôm ấp anh đêm qua là cả một tâm tình, là cả một thân thể đa tình bừng cháy. Trong bóng dịu mờ, cái nhan sắc nghiêng ngả trong nệm trắng kia đã khiến anh mừng rỡ kiêu căng giữa lúc ngạc nhiên. Không có cuộc sóng gió âu yếm nào anh thấy hết vị nồng nàn bằng. Người thiếu nữ còn có những lúc tỏ lòng yêu một cách kỳ dị nữa. Tuấn nhớ đến những tiếng cười ngắn, những tiếng kêu cắn chặt trong răng, những ngón tay trói thắt lấy da thịt anh... và nhất là - và dữ dội hơn - trên khuôn mặt đờ say bồng bềnh thả trong đám sóng tóc tối đen, đôi con mắt lạ lùng thỉnh thoảng lại mở nhìn anh một vẻ lặng lẽ rùng mình: Tuấn tưởng chừng lại thấy những tia lửa chìm giấu trong đó.

Cả câu chuyện trong lúc gần gụi chỉ là những câu hỏi giỡ chừng của Tuấn và những câu trả lời lảng tránh của người con gái tên là Lan Hương. Anh đã cố tình muốn được biết người yêu của anh hơn. Anh đã quyết hỏi cho rõ hơn.

- Lan Hương ơi? Lòng anh em đã chiếm được rồi. Chúng ta đã là của nhau rồi, mà anh chỉ biết tên của em thôi ư?

- Lan Hương ơi! Em nói cho anh biết hết cả đi...

- Lan Hương ơi! Em không muốn thực tình yêu nhau sao? Sao em cứ mãi lững lờ...

Phần nhiều là những ngón tay đặt lên miệng giữ lời nói của anh lại; hoặc bịt lại bằng cặp môi hôn vô cùng tận; đôi khi anh ngoảnh đi để tránh thì Lan Hương chúi đầu vào nách anh và cùng cười với anh. Nàng đủng đỉnh nói một giọng đùa cợt :

- Lan Hương của anh là Lan Hương của anh.

Hoặc :

- Lan Hương là người yêu của anh...

Hoặc nữa :

- Em có biết anh là ai đâu, anh ở đâu đâu.

Nhất định Lan Hương chỉ nói có bằng ấy câu khi Tuấn nài hỏi.

Anh lựa lời căn vặn nữa thì nàng buồn rầu đáp :

- Có lẽ em không đáng cho anh thương em...

Tiếng thở dài của nàng khiến Tuấn vội dỗ dành vuốt ve để yên ủi. Tức khắc Lan Hương lại cười, và nhí nhảnh như đứa trẻ tinh nghịch trong tay anh.

Tuấn ngủ đi giữa lúc thử tìm cách phân giải cái ý nghĩa sự giấu diếm của nàng. Lúc đó Lan Hương đã ngủ yên từ lâu, bỏ dở một câu ước hẹn không rõ rệt.

Tuấn không thể đoán được Lan Hương lẻn ra đi lúc nào.
Sự nhớ tiếc chân thành xui anh nghĩ đến sự đi tìm, nhưng anh lại bỏ ý đó ngay: anh chắc lại sẽ mất công như mấy lần trước.
Tuấn nhìn bông Hoàng Lan trong lòng bàn tay và tưởng tới sự liên lạc với tên người thiếu nữ. Không thể xua đuổi những ý nghĩ sẵn sàng đến trong trường hợp đó. Tuấn nhìn ra ngoài phong cảnh ban ngày như cố ý để phản đối lại. Những cảm tưởng ban đêm lúc gần người thiếu nữ vẫn còn vương vấn trong trí anh.
Tuấn tắc lưỡi :
- Thì lại đợi xem!
Một lần nữa anh lại bất chợt thấy mình có cái hy vọng rằng Hoàng Lan Hương biết anh đang nghĩ đến nàng trong lúc này. Anh nhìn bông hoa lòng chứa chan âu yếm.
* * * * *
Buổi chiều hôm ấy, Tuấn chợt nghĩ ra một ý để đến tối thực hành.
Trước lúc người đẹp quen "hiện" đến nửa giờ, Tuấn bắc ghế ngồi ở một chỗ khuất ngoài hiên với chiếc đèn bấm, và đợi đến quá một giờ đêm. Nhưng không thấy gì. Anh trở vào, ngồi bàn giấy đợi hơn một giờ nữa, cũng vô ích. Suốt đêm ấy, Tuấn không thấy bóng Lan Hương.
Đêm hôm sau, Tuấn có ý ngồi đợi ở trong nhà như mấy lần đầu thì Lan Hương lại đến.
Rồi đêm sau và những đêm sau nữa cũng vậy, Lan Hương vẫn giữ cách hành động bất ngờ và bí mật của nàng. Tuấn đang ngồi trước bàn, lúc ngoảnh lại đã thấy Lan Hương hoặc ở gian giữa hoặc ở trong cửa, hoặc đứng bên mình anh.
Lúc nào cũng lặng lẽ, lần nào cũng để cho Tuấn tưởng như chợt hiện lên.
Và bao giờ cũng nồng nàn âu yếm.
Không đêm nào Tuấn thức được trọn để rình lúc nàng lẻn mất, anh đành phải lượm lấy bông Hoàng Lan mà bao giờ nàng cũng để lại như một lời an ủi cợt đùa.
Sự quấn quýt vẫn giữ một mực đam mê, nhưng cái bí mật của Lan Hương Tuấn vẫn chưa vào thêm được bước nào. Nàng vẫn lững lờ khi Tuấn căn vặn hỏi. Tuấn hơi tỏ ý giận thì nàng buồn rầu có khi đến khóc sụt sùi, nhưng tức khắc lại vui vẻ cười khi Tuấn vỗ về.
Tuấn cũng muốn để mặc ý nàng và bỏ mặc cả tính thóc mách của chính mình: cần gì biết Lan Hương là người thế nào; gặp nhau thì cứ yêu thau, như lời nàng vẫn nói. Nhưng Tuấn đã thấy lòng yêu người con gái kỳ dị ấy một cách sâu xa hơn. Nàng nhắc lại câu vẫn quen nói :
- Anh yêu em chừng nào em càng được đến với anh chừng ấy... Tự em không bao giờ bỏ anh đâu.
Tuấn hỏi tại sao có đêm anh phải đợi vô ích thì nàng đủng đỉnh cười, lắc đầu không thưa. Tuấn hỏi gặng, nàng đáp một câu làm Tuấn càng nghĩ ngợi :
- Thì anh cũng biết đấy!
Một đêm, Lan Hương vừa chợp ngủ, Tuấn vùng dậy thắp thêm đèn và đốt hết cả bao nến cho nhà sáng trưng lên. Lan Hương thức dậy hỏi, anh không đáp chỉ trân trân nhìn nàng. Lan Hương cười một cách rất lạ lùng rồi đi tắt hết các ngọn lửa mới thắp.
- Em dù là thứ người gì mà yêu anh được như lòng em yêu anh thì cũng đáng là bạn sánh đôi với anh rồi. Anh đừng tìm cách xua đuổi em như thế.
Tuấn phân giải sự ngờ vực của mình bằng lời khôn khéo. Mãi sau, một hôm bất ngờ, nàng vừa hỏi Tuấn, vừa mỉm cười như mỉa mai :
- Nếu bây giờ anh biết em không phải là người thường như mọi người thì anh nghĩ sao?
Nhưng nàng không nghe câu trả lời lúng túng của Tuấn. Mà chính câu nàng vừa nói ấy cũng không rõ ý. "Không phải là người thường?" Người thường đây liệu có cùng một nghĩa như Tuấn hiểu không?
Một đêm khác, đang ngủ, Tuấn bỗng giật mình thức dậy. Anh tưởng ngay Lan Hương không ở đó nữa. Nhưng lúc anh mở mắt ra thì Lan Hương đang ngồi bên anh và đang cúi nhìn anh. Tuấn mỉm miệng, nhưng nụ cười ngừng hẳn lại. Lan Hương sao nhìn anh chăm chú thế, kỳ dị thế? Và đôi mắt - anh rợn người lên một chút - đôi mắt sao lại sáng một cách quái lạ thế kia?
- Lan Hương!
Tuấn gọi, nhưng người thiếu nữ lặng thinh và vẫn cúi nhìn xuống anh, im lặng và chăm chú như thế mãi.
- Lan Hương! Kìa Lan Hương!
Không có tiếng đáp. Lan Hương vẫn không nhúc nhích. Anh bắt đầu nghi ngại. Đưa mắt hai bên thấy nhà vắng và lạnh lẽo hết sức (thằng Dần anh cho ngủ buồng dưới từ sau hôm anh gặp nàng).
Hai con mắt đen vẫn soi mói nhìn anh.
Tuấn chực hét rất lớn và ngồi vùng lên...
Bỗng Lan Hương thở dài một hơi, nghẹn ngào, rồi tự dưng, ôm mặt khóc nức nở.

Tuấn hết sợ đến ngạc nhiên, ngồi lên dỗ dành đủ lời ngọt ngào. Lan Hương vẫn còn thổn thức.
- Thân em chỉ là thân cây cỏ; anh có coi ra gì, anh ngờ vực em, anh không cho em được xứng đáng với anh...
Nàng nép đầu ngủ lại trong tay Tuấn dịu dàng và khăng khít, một cánh tay trần vắt qua ngực anh. Tuấn mở mắt nhìn lên đỉnh chiếc màn không buông, và đôi ba lần nghe thấy nàng còn thổn thức trong mộng.
Tuấn nghĩ rất nhiều về Lan Hương. Tiếng đêm trăng bên ngoài nhẹ nhàng xôn xao theo hơi gió cợt nhả.
Anh định tâm cố thức, nhưng đến chừng gần bốn giờ anh ngủ quên đi.
Sáng hôm sau, Tuấn thức dậy, tâm hồn bâng khuâng quá chừng quạnh vắng. Anh thấy một sự biến đổi lớn, lòng chua cay một tình thương tiếc vô cùng tận, một nỗi lạnh lẽo mênh mang. Có dấu hiệu gì đâu mà anh tin chắc rằng Lan Hương giận anh và sẽ không đến với anh nữa. Anh buồn rầu nhìn chỗ nằm của người đẹp: bông Hoàng Lan vẫn để lại cái ý nghĩa bí mật như mọi lần.
T uấn mong rằng mình nghĩ lầm.
Mấy hôm đầu, một chút hy vọng mơ hồ còn vấn vương, song chỉ như thứ hương khói mong manh, lòng càng cố tình luyến giữ càng thấy mau tan biến. Ban ngày, vào những giờ quen làm việc, Tuấn thường ngừng bút giữa đoạn, thẫn thờ nghĩ những chuyện xa hẳn đầu đề. Phần thứ nhất thiên tiểu thuyết của anh gần xong, kết thúc một cách uể oải. Tuấn không ham viết như trước. Anh thấy người mỏi mệt và cho đó là tại mấy đêm vừa qua trằn trọc thâu canh.
Từ buổi gặp sau cùng về trước, Tuấn không kém làm việc trong khi dan díu với nàng ta. Sự kích thích do một thứ tình yêu kỳ dị, cùng với sự hỏi lòng ân ái, không trực tiếp ảnh hưởng đến tác phẩm của Tuấn. Anh vẫn bình tĩnh trong sự suy tưởng, minh mẫn trong sự kết cấu và say sưa trong lúc phô diễn bằng lời văn. Hình ảnh của giai nhân có thoáng gợi lên những lúc này chỉ như màu hoa đẹp trong bình mà Tuấn chợt nhiên để mắt tới. Cả những nỗi ngạc nhiên hồi hộp vì Lan Hương cũng không lấn được hết cả tâm ý Tuấn. Anh chia biệt hẳn thời giờ tạo tác nghệ thuật với thời gian yêu đương. Nhà văn sĩ này giữa những giây phút say đắm nhất cũng không quên phân tích những cảm xúc rất chi ly. Anh vẫn ưa tin, theo quan niệm của anh, cái thuyết hai bản ngã trong một người; người sống và đam mê, nhà nghệ sĩ mới tận hưởng.
Nhưng bằng đi luôn năm đêm liền, Lan Hương không đến. Có lẽ nàng ta thực không đến nữa chăng? Tất cả sự vắng lạnh bao quanh, phủ lấy nỗi trơ trọi của tâm hồn anh, đã trả lời Tuấn.
Lan Hương đã biến mất hẳn.
Những ngày trống không tẻ ngắt kéo dài từng phút thờ thẫn lê thê. Mùa thu muộn cũng vừa đổ tới nơi, bắt đầu xao xác khắp vườn. Lá lìa cành bay vào tận bàn viết.
Chiều nào Tuấn cũng lên đèn sớm để thấy đêm chóng về. Anh vẫn chờ đợi hết giờ nọ qua giờ kia, nhưng ở trong tuyệt vọng. Việc văn chương không còn chút nào hứng thú. Viết nhật ký anh chàng cũng bỏ, và những trang "thư" đọc lại chỉ làm gay gắt thêm nhớ nhung. Tuấn không còn lòng nào thưởng thức vị chua cay như nhà thi sĩ vẫn ca ngợi. Anh bỏ ghế để nằm thao thức trong giường. Hương hoàng lan thơm nhẹ vẫn chìm đọng lại ở gần anh, Tuấn dìm bên má xuống gối mềm và không buồn cầm giữ nước mắt.
Tuấn không còn đem những ý đùa cợt để tự dối lòng như trước. Anh hiểu rồi, bao nhiêu bữa ăn không biết vị ngon, bao nhiêu giờ ngồi đăm chiêu cùng khổ hận, bao nhiêu tiếng thở dài âm u ảo não, bao nhiêu khuya vùi mình trong chăn nệm để trào bên khóe mắt từng bao nhiêu giọt lệ tủi thương. Những triệu chứng đã quá rõ rồi. Tuấn chịu để cho lòng ủ rũ dưới âu sầu. Thời giờ qua, anh cứ ở hoài trong một hiện tại nặng nề, ngao ngán.
Tưởng lại những giờ gần kề người đẹp, tâm hồn Tuấn càng thấy ê chề. Tiếng cười, giọng nói, những lời âu yếm hay những câu êm ái văn hoa, những dáng điệu mềm dịu lả lơi - tất cả cái thân thể rung động kia, cái hình ảnh bừng cháy kia còn lưu lại trong bầu không khí nhà này một âm vang tịch mịch xa xăm, một hương vị thấm thía lạnh lùng của một sự gì rất thân yêu đã mất đi - đã chết hẳn. Thà Lan Hương là người tình đã chết! Tuấn sẽ không bị một sự ngờ vực khác thường ám ảnh thêm nữa. Tuấn sẽ thờ cái kỷ niệm trong đau đớn, hay Tuấn sẽ chết dần. Anh chàng chua xót nghĩ:
"Lan Hương ơi! Em là người gì mà cám dỗ lòng anh tới bực này? Em chiếm cả tâm hồn anh rồi".
Khắp tâm hồn Tuấn tê tái đi vì cái ý thiết tha não ruột. Anh lại thầm trách:
"Lan Hương ơi! Em quái ác lắm! Em để thương để yêu cho nhau mà sao em không cho anh một tia hy

vọng nào tìm được em thế? Em là ai? Em ở đâu? Anh biết đường nào để theo bóng vết em?"
Tuấn càng suy tưởng, càng thấy lòng bối rối thêm. Anh không thể hiểu được những cái kỳ dị về Lan Hương. Điều đó như đã thành một sự dĩ nhiên cay đắng.
"Cái khổ của lòng ta càng thêm xót xa thấm thía vì đến lúc này ta mới thực sự yêu nàng... Lan Hương ơi! Em nỡ phụ lòng anh đến thế sao?"
Và những tiếng thở dài từng khắc, từng giờ, xao động thâu mấy canh trường, hay ám nặng khắp ngày ủ dột.
* * * * *
Thằng Dần, tên đầy tớ yên lặng của Tuấn, bắt đầu lo sợ.
Sáng nào nó cũng lên nhà rất sớm để buồn rầu thấy chủ bơ phờ, một dộc dạc thêm. Trong lúc anh ngồi thừ trước cửa sổ, hoặc nằm thẳng trên ghế dài, hoặc đứng tựa cột rất lâu ngoài hiên, nó thường quanh quẩn gần đó. Tính rất kín đáo, chỉ nói khi nào hỏi đến hay có việc tối cần, nó không tỏ ý kiến gì hay một thái độ nào về việc riêng của Tuấn. Anh cũng không cần để tâm đến sự nghĩ ngợi của đầy tớ. Nhưng đến nay anh thấy nó có vẻ ái ngại cho anh rất nhiều. Anh bất chợt những lúc nó đứng sững nhìn bằng đôi mắt băn khoăn; thấy anh nhìn lại, nó vội cúi xuống dọn dẹp hay quét tước.
Một đêm, nửa thức nửa ngủ, anh thấy tiếng chân chạy nhẹ nhàng nhưng gấp ở đâu đó. Vùng thức dậy thì thoáng có bóng người động trong vùng liễu dưới đêm trăng tàn. Anh gọi, thằng Dần túng túng trở vào, ngượng ngùng và trả lời bên cạnh những câu anh hỏi.
Anh căn vặn mãi đến gần nổi giận nó mới rụt rè thưa :
- Con nằm mơ thấy có người đến...
- Ai đến?
- Con không biết.
- Nhưng người thế nào?
Dần thêm cuống quýt, ấp úng mãi mới nói được. Nó không trông thấy rõ mặt, chỉ biết một hình tóc xõa, vận toàn đồ trắng chập chờn đi qua. Nó giật mình thức dậy, thấy trờn trợn và nghe như có tiếng loạt xoạt ở gần. Nó vùng chạy ra, thì một nhành liễu bên rặng mẫu đơn còn phe phất một cách khác lạ. Nó như sợ quá hóa táo tợn, sấn đến xem thì lại không thấy gì.
Tuấn đang nghi hoặc bỗng ngạc nhiên vì thấy Dần se sẽ gọi :
- Thưa cậu...
Nhưng nó im bặt khi anh ngoảnh nhìn. Ngập ngừng mãi, rồi nó mới lại khẽ nói :
- Thưa cậu... ở trại này có ma.
Thoạt nghe, Tuấn cho ngay đó là do cái sợ lưu truyền và rất giản dị của những tâm trí ngô nghê. Thấy trời sáng dần, anh không muốn ngủ lại nữa. Nhân dịp vừa rồi, anh thử hỏi chuyện đầy tớ trong lúc đợi sôi ấm nước trên đèn cồn. Lúc đó, Tuấn mới biết đầy tớ anh ít lâu nay bị giày vò vì một sự khiếp sợ thầm kín.
Hắn biết chủ vẫn tiếp một người con gái đẹp dị kỳ đêm đêm thường hiện đến, nhưng sẵn tính nể sợ chủ và rất ít lời, lại thêm cái lòng kiêng dè, không hay đả động tới việc hắn biết, nên tuy vẫn lo cho Tuấn mà không dám đem điều ấy nói ra với anh. Vâng lời Tuấn, hắn phải ngủ dưới nhà phía sau và đêm nghe thấy những tiếng gió thổi kinh hoàng. Hắn nhắm mắt lại là thấy người xõa tóc, giống với dáng người con gái mà chỉ đêm đầu hắn thoáng thấy trong nhà, ở cạnh Tuấn. Hắn thú thật vẫn mạn phép Tuấn đi rủ một người nhà quê, mua rượu cho người ấy uống để ngủ với hắn những đêm về sau... Dần không dám lộ chuyện xảy ra. Hắn lựa lời hỏi dần dà thì người nhà quê cũng chỉ mơ hồ nói đến những việc biểu hiện kỳ quặc mà chính mình không trông thấy. Theo lời đồn quanh quất thì Trại Bồ vẫn có ma, khi thì mập mờ, khi thì hiện rõ, nhưng không làm ai việc gì. Người nhà quê bảo Dần: "Mình không động đến họ thì chả bao giờ họ làm hại mình". Dần vẫn không yên lòng, mấy đêm sau hắn phải trốn ra ngủ ở chính nhà người bạn táo tợn kia, cho đến hôm hắn thấy Tuấn bơ phờ như người ốm. Hắn lại ngủ ở nhà, ngủ gần Tuấn, mừng vì đoán rằng người đàn bà không hiện đến nữa, nhưng lại lo vì chủ của hắn mỗi ngày một hốc hác xanh xao thêm. Dần không dám nói rõ hết ý nghĩ của hắn, nhưng Tuấn hiểu thầm :
- Hắn nó cho là mình bị yêu ma ám ảnh.
Tuấn cười một tiếng vu vơ của người đã hiểu và không tin những ý nghĩa của kẻ khác. Dần càng ngơ ngẩn khi thấy anh vừa pha nước uống vừa mỉm cười. Một lát Tuấn thở dài, mắt đăm đăm buồn. Anh chợt hỏi :
- Mày trốn... mày ra ngoài ngủ mấy đêm?
Anh lấy giọng ôn tồn để cho Dần khỏi lo bị trách mắng. Dần thưa :
- Bẩm cậu, bảy, tám đêm.
- Sáng về lúc nào?

- Bẩm, hôm nào con cũng về từ lúc còn mờ mờ đất.
Anh nghĩ một lát, dọn câu hỏi cho hắn hiểu rõ :
- Thế... có sáng nào về mày thấy có người trong nhà nữa không?
Dần lúng túng :
- Bẩm... thấy... người đàn bà?
- Phải rồi. Có thấy gì không?
- Bẩm không. Hôm nào con về cũng lên ngay nhà dọn dẹp quét tước trong lúc cậu chưa dậy. Con không thấy gì cả... không thấy ai cả. Nhưng...
- Nhưng sao?
Tuấn chăm chú nghe, đôi mắt nhìn bao dung để khuyên khích. Dần nói tiếp :
- Bẩm... Chỉ có sáng sớm mười tư (Tuấn tính nhẩm thấy cách đó đúng bảy ngày) sớm hôm mười tư con về tới cổng thì thấy như có bóng người đi ra...
- Ở đâu ra?
- Bẩm ở trong nhà này ra... con thấy đi rất nhẹ nhàng, nhưng lúc ấy chưa sáng giời nên con trông không rõ lắm.
- Người thế nào?
- Bẩm... người... ở trong này.
- Ăn mặc thế nào?
- Bẩm, áo trắng dài.
- Sao lại áo trắng?... Mày nhớ kỹ xem... Áo xanh phơn phớt chứ?
Dần không nhớ rõ, vả lại lúc ấy cũng không phân biệt được màu trắng hay màu phơn phớt, vì sương sớm vẫn hỗn mờ chút bóng đêm tàn. Hắn lại khiếp sợ quá, phải nép vào xó cổng, không dám thở nữa. Bóng dáng kia ra khỏi hiên, thướt tha bên rặng liễu, nhẹ nhàng một cách rất quái lạ, khiến hắn sợ tưởng đến lịm người đi. Dần cố gượng đứng vững, tay níu gẫy một cành khô bên cột gạch. Hình như thấy động, cái bóng trắng biến đi ngay.
- Biến đi?
- Bẩm vâng...
- Biến thế nào? Biến ở đâu?
- Bẩm...
- Nghĩa là mày thấy tới đâu thì mất?
- Bẩm, ở khoảng cuối hàng liễu đầu hiên. Bẩm đầu hiên phía này (Dần chỉ phía tay phải) ở khoảng cây đề ba chẽ với cây lan tây già.
Tuấn ra đầu hiên bên phải nhìn xem. Sau những khóm lá xum xuê, một cây để phân trạc từ dưới gốc choãi ra những cành lớn, tán lá ken mau và chờm tới sát mặt một phía ao trước nhà. Tuấn chú ý đến cây hoàng lan hơn. Cây này to ôm, vươn cái thân vút cao lên trên cả lũy tre bên dãy ngoài và gửi những cành mềm cong, lá đính thành tràng vờn xuống những chòm cây khác.
Trời bềnh bệch sáng. Bóng mờ tối kéo lên khỏi cái thế giới cây cỏ vườn hoang. Một hơi gió chậm thoáng qua, dặt dìu trong ánh hương thơm mát và thân yêu làm động lòng Tuấn. Nỗi buồn khổ của chàng có một tình nũng nịu như được ai vỗ về.
Tuấn lặng lẽ trở vào mang theo một ý định còn mơ hồ trong lòng trống trải. Anh chậm chạp uống tiếp tuần nước, nghe vị trà nóng thấm dần vào huyết mạch và đợi cho rõ rệt thêm cái ý mới mẻ vừa rồi.
"Lan Hương có phải là thế đó chăng? Hay em là một giống cây hoa nào khác trong trại này?"
Cái buổi sáng thằng Dần trông thấy cái bóng đàn bà, chính là buổi sáng bữa sau cùng nàng ta đến với Tuấn. Nó có thể hốt hoảng mà trông sai được, nhưng lối biến hiện của nàng ta bao giờ cũng đột nhiên. Tuấn cứ muốn suy nghĩ theo những cách thông thường của mọi trường hợp trần gian. Anh nhớ lại cac câu nói bóng của người yêu và thấy những ý nghĩa rành rọt trong đó.
Tuấn lý luận để tắc trách. Lòng anh không nghi hoặc như trước nữa, đã hướng cả về một chiều tin tưởng rồi.
Lan Hương biết bao lần bảo anh rằng nàng ta không hẳn là người thường: "Em dù là một thứ người gì mà yêu anh được thì cũng đáng là bạn của anh... Từ cổ chí kim, em là giống yêu văn thơ, yêu hoa cỏ...".
Và lần sau cùng gần gũi, nàng than trách Tuấn: "Thân em chỉ là thân cây cỏ, anh có coi ra gì, anh ngờ vực không cho em được xứng đáng với anh...".
Tuấn để trở đến tâm hồn mình tất cả bầu hương khói dị đoạn mà trí não anh trước đây vẫn cố xua đuổi. Một chút phản kháng của phần thiết thực còn sót lại, nhưng Tuấn nhất tâm làm ngơ, con người si tình ấy như đã được thứ men nồng làm chìm lịm bớt đi cái sức giày vò của sầu muộn.
T rưa hôm đó, Tuấn đã chịu ăn uống hơn mấy bữa trước.
Tên đầy tớ của anh vẫn kín đáo hầu hạ gần đấy và lo ngại rình xem thái độ của anh. Có lần Tuấn bất chợt nhìn thấy nó kinh ngạc nghe thấy tiếng anh khẽ cười. Tự anh cũng ngạc nhiên khi thấy mình nhẩm đọc những lời thơ Liêu Trai và có một ý mong đợi bâng quơ và êm nhẹ.
- Hay là...
Nhưng anh không dám theo ý nghĩ này, vì vẫn sợ khơi gợi thêm sự thất vọng. Anh lặng lẽ mỉm cười và thở dài một tiếng rất thong thả.

“Lan Hương ơi! Em có biết cho lòng anh lúc này không? Em ở đâu, xa chơi ở chốn non nước nào?”
Anh nghĩ tới cái thân thể anh ôm ấp trong bao đêm nồng, đến này là một hình ảnh hư huyền mà tất cả sự rung động của tâm hồn anh, của xác thịt anh đều đê mê luyến tiếc, cả niềm oán hận, cả sự đau thương cũng thấm thía những ý vị yêu dấu chí tình mà anh tưởng có thể động được tới tâm ý người đẹp.
Buổi chiều, ngồi hờ hững giở từng trang sách ngoài hiên, Tuấn trông ra cổng thấy Dần ở đâu về, mang lấp lánh một nghìn vàng hoa, một thẻ hương và xách một chai rượu nhỏ.
Tưởng như mọi lần đọc sách Tuấn không bao giờ để ý đến hắn, Dần đi ra phía đầu hiên bên ngoài. Tuấn không nói gì, ngồi lại một lát rồi trở vào, mở cửa sau xuống nhà dưới. Dần không có đấy. Anh rảo bước ra phía đầu hiên xem thì thấy hắn đang xếp vàng rượu lên cái bàn cũ đặt bên gốc hoàng lan. Dần lúng túng trả lời câu hỏi của anh. Hắn đặt lễ cho yên đất. Tuấn biết là nói dối, tra vặn mãi, Dần mới thú thật rằng hắn đi xem bói bên làng về.
- Ngài dặn cậu gặp vía âm, phải cúng ngay mới giải được hạn. Con sợ cậu cấm, mới mạn phép cậu tự ý sửa lễ ở đây...
Tuấn ái ngại cho lòng thành thực của tên đầy tớ trung thành, nhưng không muốn cho nó được để tâm đến chuyện riêng của anh thêm, Tuấn bảo :
- Thôi được, cất cả đi...
Vẻ mặt thất vọng của Dần làm động lòng anh.
- Cất cả lên nhà... Việc của cậu, để cậu... cúng lấy cũng được.
Anh nói cho hắn vững bụng :
- Mà như thế linh nghiệm hơn.
Dần phải vâng theo.
Tuấn nhìn những lễ vật cất trên chiếc bàn nhỏ của anh giữa nhà, anh mỉm cười thấy cả hai đồng tiền xin âm dương đặt trên đĩa trầu cau. Mấy nén hương cháy đã cắm sẵn trên bát gạo sống.
Lòng ái ân ngan ngát một niềm thành kính, Tuấn bỗng trầm lặng, cảm thấy một sự xui khiến nào rất lạ lùng.
Anh khe khẽ gật đầu và thầm hiểu ra ngay cái ý định chập chờn trong tâm trí anh từ sáng sớm.
* * * * *
Buổi chiều, thằng Dần bưng cơm lên, Tuấn bảo nó lấy đưa cho anh chai rượu nhưng không được dọn chỗ vàng hương. Tuấn không quen uống rượu nên chóng ngà say. Anh thấy tâm tình nhẹ thêm được nỗi buồn, lại rót uống cố chén nữa. Chai rượu nhỏ chỉ vơi đi một phần ba nhưng Tuấn cho là mình đã túy lúy.
Anh đợi thằng Dần cất dọn mâm bát và lên đèn rồi dặn hắn :
- Hôm nay cậu lại cần ở một mình nhà trên, cho mày xuống đi ngủ sớm đi... Cậu như thường rồi, mày đừng lo.
Anh vui vẻ nói thêm câu sau cùng để yên lòng đầy tớ.
Bóng tối đã buông đầy vườn, trước khi anh chú ý. Tuấn ra đầu hiên nhìn cây hoàng lan vút lên trong cao thẳm, lòng ngậm ngùi một tình nhớ thương cũ kỹ như chàng thư sinh thuở nào. Anh thầm nhẩm những lời khấn gọi dật dờ.
Anh thoáng thấy mình nghĩ gàn gàn, nhưng tức khắc quên bỏ.
Tuấn rón rén trở vào nhà, ngạc nhiên thấy vắng lặng quá chừng. Anh làm ngoa thêm dáng điệu ngất ngưởng, miệng mỉm cười hoài, nhưng lòng buồn vẫn còn rười rượi.
Anh nói lên tiếng :
- Biết thế, ta cứ uống hết chai rượu...
Trong lúc cả tâm hồn anh trách gọi Lan Hương.
- Lan Hương ơi, em nỡ bỏ anh thực sao? Bao nhiêu cực khổ tạm nguôi chẳng được bao lâu, vết cũ lại mở ra, càng thêm đau xót lắm.
Mắt anh nhòa trông ánh đèn. Anh đổ cho tại rượu, anh dè chừng thương nhớ chua cay lại sắp kéo đến, và tưởng trước cái đêm trằn trọc, sẽ kéo dài hiu quạnh không biết đến bờ bến nào.
Nỗi sầu đủng đỉnh nhắc lại trong những lời thơ não nùng.
Thi nhân xưa đã chịu vò xé biết mấy mươi từng mà thấu được tình cảnh anh chàng đến thế?
- Lan Hương ơi, em là người sống hay là vật hư huyền, thì tâm hồn em cũng phải anh linh để mà cảm thông với anh chứ. Mà hoa, cây là giống đa tình cảm, sao mà tệ ác được thế, sao mà để khổ cho nhau đến bực này?
Lòng thấm đượm oán hờn, và đôi mắt bi ai, Tuấn thẫn thờ đến rút thêm mấy nén hương châm cắm trên bàn và quên mình trong một bầu không khí buồn thương mênh mang bát ngát.
Anh ngồi thả trong ghế bành nhìn sững làn khói đưa thẳng lên để uốn éo hỗn hòa trong sự tan biến. Tất cả tâm hồn anh như chắp tay cầu khấn, lời thầm reo động, muốn quyện bay xa cùng áng hương ngà say.

Anh muốn có sự tâm niệm chân thực của người đàn bà góa ngồi trước bài vị lang quân. Anh muốn có những câu van nài di thấu tới cõi u linh của tâm tưởng. Lời của anh chỉ là ý nghĩ, anh thấy chưa đủ vang động. Giá Tuấn có thể quên thẹn để lên tiếng khấn những ý kêu gọi trong lòng!
Một bài thơ đã nhiều lần nhắc tới, lúc đó như long lanh nổi lên những ý tha thiết không ngờ:
Có những buổi, ta nhìn em kinh ngạc
Hồn mất dần trong cặp mắt lưu ly
Ôi mắt xa khơi, ôi mắt dị kỳ!
Ta trông đó thấy trời ta mơ ước
Thấy cả bóng một vừng dông thuở trước
Cả con đường sao mọi lúc ta đi
Cả chiều sương mây phủ lối ta về
Khắp vũ trụ bỗng vô cùng thương nhớ.
Tuấn đọc khẽ mấy câu đầu. Rồi hứng khởi nâng giọng cao dần, anh say sưa nghe tiếng anh vang trầm và đưa xa, vuốt nắn từng đoạn ngân, dịu dàng và réo rắt theo những điệu sôi nổi:
Ta run sợ cho yêu là mệnh số
Mặc tay em định hộ kiếp ngày sau
Vì người em có bao phép nhiệm mầu
Một sợi tóc đủ làm nên mê hoặc
Ta đặt em lên ngai thờ Nữ sắc
Trong âm thầm chiêm ngưỡng một làn da
Buổi em về, xác thịt tẩm hương hoa
Ta sống mãi, thở lấy hồn trinh tiết
Ôi! Cám dỗ! Cả mình em băng tuyết
Rợn xuân tình lên bộ ngực thanh tân!
Ta gần em, mê từ ngón bàn chân
Mắt nhắm lại, để lòng nguôi gió bão.
Khi sùng bái ta nâng từng nếp áo,
Nhưng cúi đầu trước vẻ ngọc trang nghiêm
Ta khẩn cầu từng sớm lại từng đêm
Chưa tội lỗi cũng thấy tràn hối hận.
...
Một câu cười khẽ sóc lên đâu đó.
Tuấn quay đầu lại nhìn ra hiên. Khung cửa sâu tối trống không. Anh ngoảnh sang phía trong thì Lan Hương đã đứng cạnh anh, áp bên tay trái.
Tuấn mừng rỡ không nói được.
Khói hương bay loạn vì anh vùng đứng lên.
Lan Hương lại về! Đang ở trước mặt anh đây, và Lan Hương tươi đẹp lộng lẫy hơn trước! Áo nàng màu lá cây điểm kín đáo những vòng thêu ẩn hiện lấp lánh như dát ngọc châu. Thân nàng như một mình cây rêu bán đầy hạt móc. Chiếc quần cẩm nhưng mềm nhẹ phủ trùm xuống như hơi sương trên đôi chân hài.
- Lan Hương! Lan Hương! Em... ồ... thực Lan Hương của anh đây rồi!...
Nàng mỉm cười, đôi mắt ngọc huyền khoan dung soi vào lòng sung sướng của anh...
- Lan Hương! Em có biết anh đang cầu khấn em đây không?
Nàng thoáng liếc những vàng hương bày giữa nhà. Nàng đủng đỉnh nói qua nét cười :
- Em không biết sao em lại về?...
Rồi nghiêm nét mặt lại, nàng thở dài, nhưng đôi mắt lại tươi sáng ngay, nàng ngồi xuống ghế và dìu Tuấn ngồi ghé cạnh. Một tay vẫn đặt lên vai anh. Nàng nhìn nhận vẻ mặt xanh gầy của anh.
Nàng nói, tiếng nói nghe gần mà như từ đâu xa vừa tới.
- Em giận anh lắm, anh đòi biết những điều không cần biết, anh băn khoăn nghĩ ngợi quá để động tới lòng hờn dỗi của em... Em vẫn còn giận anh, đã nguôi đâu, nhưng giận mà vẫn không thể nào quên được thương nhớ.
Nàng ngả đầu bên má Tuấn, ngửa lòng bàn tay cho anh đặt tay lên. Tuấn chỉ khẽ nói được một câu :
- Thế em có còn giận anh mãi không?
Nàng ròn rã cười, ngẩng lên nhìn nghiêng :
- Cái bác si tình này rõ khéo hỏi ngẩn ngơ. Những nỗi khổ lòng còn cả trên nét mặt anh đây, sao em không cảm không thương? Thôi, em chả giận nữa đâu, đừng khóc nữa.
Tuấn đã qua được cái phút mừng tủi ban đầu. Anh tự nhiên hơn trong cử chỉ thân yêu, và lời nói có duyên dễ dàng đến miệng :
- Không đâu, anh không khóc nữa, mà cũng chẳng còn khổ nữa. Em đến, thế là hết cả gánh nặng cho anh, tiêu tan hết cả muôn nghìn vạn ức cay đắng... Lòng anh bây giờ chỉ tràn đầy hạnh phúc mà Lan Hương mang đến, đem trả lại cho anh...
Nàng nghe, mắt đăm đăm một vẻ say sưa dịu dàng. Nàng hướng lấy những lời tâm tình của ai mỗi lúc một nồng nàn theo sự ấp iu một thêm khăng khít. Cánh mũi hơi nheo lại, nàng trách đùa :
- Anh chàng này lại sinh ra rượu chè nữa đây!
Tuấn cười, muốn nói: "Uống để quên buồn" nhưng anh chỉ im lặng. Nàng nhẹ gỡ cánh tay Tuấn, đứng lên nhìn anh trong làn mắt quyến luyến lả lơi, rồi lững thững đi xem khắp nhà như một người mới đến.

Tuấn nhân lúc ấy ra hiên vội sửa lại vẻ trễ tràng của râu tóc anh. Anh cạo mặt mò trong bóng tối. Lúc Tuấn trở lại thì Lan Hương đang bỏ áo bên giường. Anh đến trước mặt nàng, thân thể bừng dậy một sức trai tráng si mê và lòng khẽ run một thứ tủi hổ êm nhẹ. Anh quỳ gối xuống đất giấu đầu vào lòng Hoàng Lan Hương, muốn giữ mãi mãi lấy nàng trong hai tay ràng buộc.

Lan Hương đỡ anh dậy, ánh đèn vặn nhỏ trên bàn làm trong trẻo bóng tối. Thân hình nàng dưới màng áo dịu mỏng lồ lộ hết châu báu của tòa nữ sắc vô song. Cái lầu ngà ngọc đẹp thêm một vẻ thần tiên khi ở trong màn sương chập chờn.

Những ngón măng chuốt của nàng bó lấy cánh tay anh, nàng nói như mê man :

- Ai mà không thương anh cho được! Người đàn ông nào đây? Mà có sức quyến rũ nhau đến chừng ấy...

Nàng kéo Tuấn lên, nói nhỏ vào tai chàng :

- Tất cả mình em nhớ anh quá quắt lắm... chốn nằm ngồi của thân em như trăm nghìn cánh tay ôm ấp của người yêu...

Tuấn chỉ khẽ đáp :

- Lan Hương!

Nàng liền lả người, giao phó toàn thân, buông mình trong nguồn im lặng nồng say và dữ dội.

* * * * *

Tuấn rắp tâm hỏi một câu anh đã dự sẵn.

Anh chưa lựa được cách cho lời nói thốt ra, và lặng nhìn bên trong khi nàng thu người nép bên cạnh. Nghe hơi thở của nàng, Tuấn sợ nàng ngủ đi mất, khẽ gọi :

- Lan Hương!

Đôi mắt đen ngước lên nhìn anh. Miệng nàng mỉm cười, chờ đợi.

- Lan Hương ơi... em... em có biết anh nghĩ gì lúc này đây?

Nàng hơi nhíu mày nhưng vẫn cười :

- Anh chỉ nghĩ lẩn thẩn.

Rồi không để Tuấn nói nữa, nàng tiếp luôn :

- Em khổ lắm. Anh giày vò em vì bao nhiêu tầng nghi ngại... Anh đón hỏi, anh nghĩ ngợi... cả trong những đêm yêu dấu, anh dò xét em trong giấc mơ. Không, anh để em nói. Anh nghĩ gì, anh định hỏi gì em đêm nay, em biết cả, mà em biết, em càng thêm tủi... Em yêu anh, em có cần biết rõ anh đâu. Cả đến tên của anh em có hỏi đâu. Duyên may như gió thổi, tình cờ đưa em qua chốn này. Em thấy một văn nhân cấu tứ trong đêm khuya, thế là lòng em rung động. Đến với nhau ngẫu nhiên, rồi sẽ phải xa nhau mãi, trước kia không duyên cớ, không gặp gỡ mà yêu dấu thì sau cũng không oán giận sự chia ly... Duyên ta chỉ có một hồi, anh nên để cả trăm năm vào sự ngắn ngủi ấy.

Câu nói nàng đượm một giọng buồn mà Tuấn chưa từng biết lần nào. Những lời yên ủi anh như thổn thức những ý tủi hận. Tuấn ôm sát nàng vào lòng thì thấy đẫm ướt một bên ngực.

- Trời ơi! Sao em lại khóc! Lan Hương?

Nàng nghẹn ngào :

- Không, em sung sướng mà khóc đấy. Em chỉ nghĩ đến lúc này thôi, chỉ hưởng lấy hạnh phúc được nằm bên anh thôi. Giây phút này còn nhiều nữa trong đêm nay kia mà, phải không anh, phải không mình?

Tiếng "mình" nàng gọi đến lần đầu tiên, tha thiết một vẻ rất lạ thường trong giọng ướt lệ. Tuấn chợt lo sợ, chống một bên cánh tay nhìn nàng. Anh không nhịn được câu hỏi :

- Sao, Lan Hương? Chỉ còn đêm nay nữa thôi ư?

Nàng gật đầu, nhưng rồi bật cười thấy Tuấn cuống sợ ra hết cử chỉ. Nàng nhẹ bịt tay lấy miệng Tuấn, và kéo anh chàng xuống bắt nằm im.

- Anh để em nói anh nghe. Lúc nãy vào đây em bảo là giận mình, nhưng em nói dỗi đấy. Em chỉ tưởng kiếp kiếp không thể nào về với nhau được nữa, nhưng lòng em còn ân hận mãi, đêm nay cảm vì tâm thành của người yêu, em lại về cảm tạ tình anh, cũng để giải cái hận không có đêm từ biệt... Không, mình đừng nói, em nghe thấy ý mình rồi. Duyên ta có lúc cùng, nhưng tình ta còn mãi mãi không thể mất được...

Nàng vui vẻ đưa tay cho Tuấn giữ.

- Thật đấy, thân em sẽ không được gần anh nữa, nhưng tâm hồn Lan Hương không mất được... vì... vì... còn ở mãi trong tưởng nhớ của anh, phải không? Đây em nói rõ cho anh biết nhé: Anh có biết tình anh đã sinh ra một Lan Hương không giống ai, không thuộc về loài nào, cũng không có hẳn nguyên tính, nguyên chất của Lan Hương nữa. Trước kia có lẽ em là một loài thảo mộc nào. Nhưng bây giờ anh muốn nghĩ em là giống nào thì em là giống ấy, một buổi chết rũ dưới hoa, và tâm hồn u uất còn vẩn vơ mãi; em có thể là một người của những áng văn thơ ngàn đời kết lại, mà cũng có thể là hồn tinh của hương hoa. Nhưng Lan Hương của anh chỉ muốn là Lan Hương của anh thôi.

Nàng đăm mắt nhìn xa, đối diện Tuấn mà như cách biệt, nói những lời quá chừng hoa mỹ mà giọng hết sức chân thành.
Lòng Tuấn ngơ ngác nghe theo và ngạc nhiên thấy trong ý sâu kín của mình đã nghĩ đúng như nàng vừa nói.
Thốt nhiên, nàng cười dồn một chặng, tiếng lanh lảnh rung động khắp người Tuấn, rồi nàng chúi đầu vào vai anh rúc rích hoài. Tuấn lùi ngực lại, nhẹ ấn vai nàng ra coi thì đôi mắt lại như vừa khóc, vẻ mặt buồn khổ ngoảnh giấu vào phía trong. Tuấn lại chống tay dậy vỗ về nàng, tâm trí hỗn độn và ảo não một tình thương mơ hồ. Anh âu yếm lau nước mắt cho nàng và ngừng tay trước hai mắt kia nhìn anh một vẻ yên lặng vô cùng tận.
Anh gợn người lên vì một tiếng gọi âu yếm :
- Mình!
Nàng thấp tiếng xuống nói tiếp :
- Em nói nhiều quá, toàn những lời vô ích, đến với nhau có phải để phân giải đâu? Đêm của đôi ta một khắc một mất đi mãi. Em... Có chuyện này muốn hỏi mình. Nàng trỗi dậy áp miệng vào tai Tuấn nói bóng gió một câu rất tình tứ.
Nhưng nàng lại ngả người ra tiếp sau tiếng cười khẽ.
- Phải đấy, ta yêu nhau hơn, mình yêu Lan Hương nữa đi!
Nàng áp má đón giữ lấy bàn tay ve vuốt của anh. Tóc nàng xõa lượn dưới khuôn mặt bừng say... Và biết bao đắm đuối mê cuồng trong hai vòng tay mềm của nàng quấn quýt!
* * * * *
Tuấn nhất định cố thức. Đêm tĩnh mịch trùm vây lấy căn phòng mờ sáng trong một màu hồng. Lan Hương khép cánh hoa dịu thơm bên mình anh. Thần trí Tuấn dật dờ trong các tiêng canh khua, chập chờn vương theo một ý bâng khuâng... và bỗng như choàng tỉnh dậy.
Anh không trỗi, tin rằng mình không hề ngủ. Có chăng chỉ là chợp mắt một giây lát ngắn thôi. Nhưng Lan Hương nằm đâu? Anh chực vùng dậy lòng sẵn đón các điều buồn bực, thì nhận thấy có người thấp thoáng trong nhà, ở ngăn kê bàn làm việc của anh.
Nàng.
Anh gọi :
- Lan Hương!
Người thiếu nữ không giật mình, "dạ" một tiếng rất ngoan. Nàng đã chỉnh tề ăn mặc như lúc mới vào, lững thững bước lại gần Tuấn. Lần thứ nhất anh chú ý đến bước đi quá chừng êm nhẹ của Lan Hương. Nàng đi như không hề đặt chân xuống mặt đất. Anh chợt hỏi :
- Kìa, đôi giày của em đâu rồi?
Nàng đặt tay giữ ống quần và hé bàn chân không ra, vừa thong thả cười nói :
- Em... đang tìm giấy gói để lại đôi hài này cho anh.
Rồi nàng đưa cái tay giấu sau lưng ra. Tuấn cầm lấy đôi hài ngẫm nghĩ một lát.
Nàng ngồi xuống mép giường kéo tay Tuấn đặt vào lòng với đôi hài và dò ý tứ trong mắt anh. Rồi chậm rãi, nàng hỏi Tuấn :
- Đôi hài này còn ghi những bước sau cùng của em khi tới đây với anh...
Nàng vội nói thêm :
- Nghĩa là làm chứng cho lòng ân ái của em khi trở lại với anh lần sau cùng. Em để vật ấy lại cho anh làm kỷ niệm.
Tuấn bất chợt thấy mắt nàng long lanh lên trên vẻ mặt nghiêm trầm. Nàng đứng dậy vừa nói :
- Nó cũng là hoa kết lại đấy, mình nương nhẹ cho em.
Rồi đỡ lấy đôi hài, nàng đủng đỉnh ra ngồi trên ghế bành và gọi Tuấn :
- Anh ra đây.
Lúc Tuấn ngồi chung ghế với nàng, Lan Hương lại dặn :
- Anh lấy giấy bọc lại rồi cất đi, em chả muốn cho ai trông thấy nó đâu.
Tuấn với một tờ báo phong đôi hài đặt xuống gần đó và không dám đứng dậy.
- Anh đem cất đi đi!
- Không. Lan Hương, chẳng nhẽ bỏ anh bây giờ sao? Kỷ niệm của em anh giữ gìn nhưng anh trao lại cho em cả tâm hồn anh rồi. Cả sự sống nữa. Em mà ra đi lúc này...
Nàng giơ tay bịt câu nói của Tuấn :
- Không, em không đánh lừa anh để biến mất ngay đâu, em chưa đi vội đâu...
- Nhưng rồi em cũng bỏ anh phải không?
Nàng thở dài :
- Em không gần anh được mãi.
Bao nhiêu lời van lơn của Tuấn chỉ làm nàng thêm nức nở. Hỏi, nàng chỉ nghẹn ngào than trách số phận ác nghiệt. Tuấn cũng rưng rưng nước mắt. Hai người ôm nhau chung một tình ngậm ngùi.
Lan Hương thu nhỏ người lại trong tay vỗ về im lặng của anh.

Tất cả vẻ đẹp của nàng như nổi dậy lên, như lộng lẫy thêm, quý báu vô cùng vì sẽ không còn đó mãi. Sự tiếc rẻ thêm gay gắt và lòng quyến luyến càng thiết tha. Tuấn muốn hòa hợp hai người vào một cuộc đắm đuối vô cùng và đã thấy những ý kêu gọi long lanh trên mắt người thiếu nữ.
Thân thể nàng rung gợn cùng một câu nói hạ thấp :
- Sao mình không... cất đôi hài của em đi.
Tuấn đem cất vào ngăn kéo bàn giấy rồi trở lại ngay. Lan Hương đã ở bên giường nhí nhảnh vui tươi, nhưng một vẻ trang trọng lả lơi còn trầm ngâm lắng trong đôi mắt.
Nàng ngừng lại giữa lúc cởi áo ngoài, run run tiếng nói riêng vào tai Tuấn :
- Mình, em yêu mình, em yêu mình!
...
Tuấn thức dậy thì trời đã sáng bạch. Anh không thấy bông hoàng lan nào nàng để lại như mọi lần. Có lẽ đó cũng là một dấu hiệu. Anh cố tìm cách tự an ủi để đành tâm chịu lấy sự vắng mất người yêu. Tất cả ân hận của anh bây giờ là không thể gắng thức được lúc nàng đi, gọi là có phút thở than vĩnh biệt.
- Nhưng Lan Hương có để cho ta tiễn biệt bao giờ đâu? Có lẽ nàng không đủ can đảm.
Tuấn đoán rằng đêm vừa qua nàng định ra đi ngay từ lúc để lại đôi hài.
Tuấn cảm động nghĩ đến sự gìn giữ trân trọng của anh đối với vật kỷ niệm thân yêu đó. Anh thầm nhủ :
- Lan Hương ơi, từ nay anh chỉ còn một chút hương thừa của bàn chân em nữa thôi.
Đến bàn viết, rút ngăn kéo nâng cái gói cất đó đêm qua, thì lạ lùng sao! Anh thấy trên tay nhẹ bổng. Tuấn thất vọng mở mau tờ báo ra để thấy điều mà mình đoán trước.
Trong gió toàn một thứ cánh hoa mẫu đơn trắng lẫn với những sợi cỏ tóc tiên.
Mấy bông hoàng lan khô anh giữ trong hộp đựng thư cũng biến mất.
T uấn lượng trước cái buồn của mình trong những ngày dài dằng dặc sau này. Anh không thể đành lòng ngay với sự đoạn tuyệt đột nhiên và kỳ dị của người thiếu nữ. Cái phen tái hợp ngắn ngủi kia chỉ khiến anh thêm tiếc thương, thêm ham muốn người đẹp. Lòng anh mất hẳn mối hy vọng của sự nghi ngờ. Thôi, từ nay trở đi Lan Hương sẽ không khi nào còn đến với anh nữa.
Tuấn nhận được điện tín của Bình ở Hà Nội hẹn về chơi. Anh mong bạn như mong sự yên ủi. Trong thư trước trả lời anh, Bình xem ra để tâm tới chuyện của Tuấn lắm. Anh chờ đợi bạn đến mãi mười một giờ hôm sau.
Nhưng đến khi Bình đến Trại Bồ, Tuấn thấy hơi khó chịu. Người bạn vui vẻ nhanh nhẹn kia hỏi han và xem xét cuộc tình duyên của anh như một nhà luận lý thiết thực. Tập "Thư nhật ký" giở chừng của Tuấn, Bình đọc rất chăm chú nhưng mắt thoáng có những ánh cợt đùa. Tuấn thuật tiếp chuyện Lan Hương để đáp lại những câu hỏi cặn kẽ của Bình và rào trước :
- Không phải là tôi không suy nghĩ đến đủ các lẽ, nhưng vô ích. Đến ở ngay trong cảnh, đem hết tri giác, hết tâm tư ra mà luận đoán bao lâu còn không hiểu gì cả, nữa là đứng ngoài trông vào... Đây có phải là tiểu thuyết đâu?
Bình gật đầu mỉm cười nói chậm rãi :
- Đứng ngoài trông vào... Có lẽ chính vì thế mà cái tiểu thuyết của anh, hay của Lan Hương mới rõ được các đường lối... Giá như anh tinh tường được như lúc chưa bỏ dở những đoạn nhật ký rất hay của anh thì có lẽ tôi nói chuyện với anh dễ hơn. Nhưng anh si tình mất rồi. Tôi lấy làm lạ rằng anh si tình như một cậu học trò hai mươi được yêu lần thứ nhất.
Tuấn nhìn bạn, buồn rầu và thương hại cho bạn hay cho chính anh. Một lúc lâu anh mới thở dài nói :
- Không phải thế đâu, Bình ạ. Có lẽ tôi yêu mê, yêu say thực, nhưng chính tôi không còn tấm lòng của người học sinh tuổi hai mươi... Đàn bà qua trong đời tôi cũng đã nhiều, nhưng toàn là những thứ tình đẹp đẽ một cách rất văn chương: tôi ôm ấp trong tay và nghĩ đến một đoạn văn sẽ viết. Tôi thực không được yêu - không yêu được ai hết. Nhưng đến người đàn bà kỳ dị này.. Không! Thực thế đấy, cái sự vô lý ỡm ờ đó thực đã khiến tôi... không đời nào sẽ quên được. Cái bí mật của Lan Hương tôi dò xét chán chê rồi đấy, nhưng bây giờ tôi đành chịu...
Anh nhìn xa, nói trầm ngâm như nhắc cho mình nghe một câu quen nghĩ :
- Đã là sự bí mật thì chỉ là sự bí mật, không thể nào tìm được một cách phân giải nào bao giờ...
Tuấn để mặc bạn dò xét, tìm tòi và căn vặn.
Anh trả lời các điều Bình hỏi và lững thững đưa Bình đi xem khắp Trại Bồ.
Tuấn nhìn lại các hình cây vòm lá anh đã thuộc lòng và nay thấy mất đi một khí sắc huyền hồ rất

thân thiết. Anh nhớ lại những lúc đứng dưới bóng đa cổ kính mà tưởng đến hồi quá khứ nặng trìu cành lá những ngày nào: bây giờ cây đã hóa không hồn cũng như những rèm liễu, những vùng mẫu đơn và cả đến dăm bảy gốc hoàng lan trơ trẽn.
Tuấn nhìn vẻ trầm mặc ngẫm nghĩ của Bình mà thấy hết cả sự vô ích của lý trí. Bình trỏ cây bồ đề cỗi gần bờ nước :
-Từ khoảng cây này đến cây hoàng lan là chỗ cái hình bóng biến đi phải không? Thằng Dần không trông rõ lúc biến mất?
Tuấn toan nhại lại: "Trông - rõ - lúc - biến!" Nhưng anh chỉ gật đầu.
Bình với tay ướm một đoạn thân cây, rồi lẻn qua khóm lá thấp tới bên gốc đề ba trạc.
- Trèo lên đấy dễ lắm. Lá chung quanh phủ kín đáo ba mặt. Giá... một buổi tối nào tôi muốn biến mất thì...
Bình bặt ngừng lại: Đôi mắt Tuấn vừa lườm anh.
Bữa cơm chiều, Tuấn khề khà uống rượu trước vẻ ngạc nhiên và ái ngại của Bình. Tuấn chỉ nói đến chuyện văn thơ, Bình hiểu anh chàng tránh những lý luận của bạn. Nhưng Bình đã rắp tâm hỏi lại các việc muốn biết, rồi đi bách bộ ở ngoài hiên rất lâu. Anh nhẩm thầm trong trí câu nói của Lan Hương mà Tuấn chép lại trong tập "Nhật ký".
"Nhà em ở bên một hồ nước, sau rặng liễu và khóm trúc vàng... em sẽ đưa anh đến nếu anh xứng đáng..."
Bình vào nhà, ngồi trước bàn viết của Tuấn nghĩ ngợi đến khuya rồi mới đi nằm. Bên cạnh Tuấn, trong bóng hồng mờ - ngọn đèn treo trên phía bàn lúc ấy đã vặn nhỏ hơn - Bình chập chờn với nhiều câu hỏi. Anh ngủ thiếp đi khi tưởng tượng đến một hình ảnh kiều diễm.
* * * * *
Sáng hôm sau Tuấn thức dậy, chưa biết Bình đi đâu vắng, toan gọi thằng Dần hỏi thì Bình mũ áo hẳn hoi ở ngoài vừa trở về.
Bình trả lời Tuấn :
- Tôi đi tìm cô Hoàng Lan cho anh. Chưa thấy nhưng thế nào cũng thấy. Tôi muốn cả anh cùng đến một chỗ này, nhưng tôi còn muốn anh nghe tôi nói đã. Đêm qua tôi nghĩ nhiều lắm, thì ra câu chuyện của anh cũng có liên quan đến các bí mật của chủ nhân Trại Bồ này...
Hôm nhận được bức thư vắn tắt của Tuấn, Bình đã hỏi biết được rằng chủ nhân khu Trại Bồ là một vị hưu quan. Ông ta có một trai và một gái. Người con trai lấy vợ rồi sang Pháp học và chết ở đó; con dâu ông Án buồn rầu quá, tự tử chết, nhưng việc ấy giữ kín trong nhà. Hai cô con gái lớn lên rồi "lấy chồng rất xa"... cả việc ấy cũng chỉ là một cách che đậy. Hình như họ bị thất tình, trốn đi, hoặc bị cầm giữ ở một bệnh viện nào, hay cũng lại quyên sinh như người chị dâu. Nhưng chuyện đó đến hôm nay Bình không cho là quan hệ lắm nữa. Vì Bình đã biết người vẫn "hiện" đến đây, trái với điều Bình đoán từ hôm trước, không phải là người nhà này. Cô con gái tên Hoàng Lan Hương (tên đó có phải tên thực hay tên mượn?) có lẽ chỉ là bạn bè thân thuộc gì với ông Án. Cũng là con nhà thế gia, sống trong khuôn nghiêm cấm, và nuôi tâm hồn cô quạnh bằng tất cả cái kho tàng lãng mạn nồng đắm của văn chương, Hoàng Lan Hương hẳn có một phen thất tình (Bình vội chữa câu nói lỡ) hẳn cũng... có một sự uất ức gì đó. Người thiếu nữ kiều nhược sống với tưởng tượng, lòng âm ỉ cháy những sự ước muốn ngấm ngầm, là hạng người rất dễ bị kích động. Một cuộc phân ly, một chuyện bức bách về tâm tình, một sự tuyệt vọng cho duyên phận, thế là đủ cho cô Lan Hương khuê các, lặng lẽ thành ra cái nhân vật kỳ dị mà Tuấn thấy "hiện lên" ở Trại Bồ này. Trại Bồ chẳng qua là nơi trước kia Lan Hương thường qua lại chuyện trò với mấy người bạn chí thiết? Những lời tâm giao, những câu than thở hay giãi bày, những mộng tưởng ân ái thổ lộ qua từng đoạn văn thơ... Bao nhiêu tâm sự ấy vẫn còn u uất trong bóng lá cây.
Trại Bồ về sau bỏ hoang vì cái oan khí của người con dâu và cảnh chia rẽ đột nhiên của gia đình chủ nhân.
Chỉ có Lan Hương là người thỉnh thoảng đến thăm viếng. Và chỉ đến những lúc đêm tối, hoặc để không ai trông thấy hoặc để cảm thông với hồn cảnh vật hay để tưởng mình là hiện tinh của hoa cỏ, nay vì một cớ éo le ỡm ờ nào thường dật dờ trong trí não vơ vẩn của người... người... (Bình chọn lấy tiếng nhẹ) người không vững bộ thần kinh.
Tuấn ngồi nghe, bình tĩnh và có lẽ nhẫn nại. Anh chỉ mỉm cười một đôi chỗ, rồi lại chăm chỉ yên lặng theo lời phân giải của Bình. Lúc đó anh mới khẽ nói :
- Không... vững bộ... thần kinh? Thì anh cứ bảo là người điên có tiện không?
Bình :
- Người điên... có lẽ. Nhưng không là thứ người điên rồ dại mất hẳn thần trí. Lan Hương có những

lúc, những hồi giữ một ý định rất bền chắc, những hoài niệm rất mạnh mẽ và có lẽ tinh thần sáng suốt một cách kỳ dị để sống trong những nhân vật và những cảnh tưởng tượng ra...
Lan Hương đến trại lần này anh thấy không phải mới lần đầu. Những lần trước không biết cô ta tưởng mình là gì. Nhưng khi đột nhiên thấy có một anh chàng viết lách dưới đèn trước cửa sổ, không biết ở đâu tới, nhưng đoán chắc là một nhà văn, Lan Hương mới nảy ra cái ý dàn xếp câu chuyện có một vẻ đẹp huyền hồ và làm thực hiện một thiên Liêu Trai mới. Trong ý đó có sự tò mò tinh nghịch của người đàn bà và tính thị kỳ của tấm lòng ưa tác quái. Cử chỉ của anh, sự kinh ngạc cùng với những câu hỏi ngờ vực khêu gợi thêm cái hứng thú khác thường của người thiếu nữ. Cái tấn kịch ứng biến ấy, đêm này qua đêm khác, nối tiếp theo một điệu, một cách khá công phu. Không khí huyền ảo đã thừa có ở nơi hoang tịch này rồi, chỉ thêm sự giữ gìn chờ đợi cho khôn khéo, Lan Hương có thể ẩn đâu mà chẳng được? Cô nàng chọn một nơi ẩn tiện nhất, những khi cần phải lẩn tránh; không kín đáo lắm nhưng lại rất chắc chắn vì không ai ngờ. Những người vào hạng này thường vẫn có những thông minh sắc sảo thế đấy.
Tuấn đủng đỉnh hỏi :
- Anh cho là Lan Hương trốn lên cây... hoàng lan?
- Không
- Cây liễu?
- Không. Có một cây đậm hơn... dễ leo hơn...
- Cây đề?
- Có lẽ. Một người gái đẹp ẩn lên cây để xem một anh chàng ngớ ngẩn theo tìm... sao lại không? Mà sự trêu ghẹo đó biết bao thi vị!
- Nhưng về sau, Lan Hương có bị ai tìm theo đâu? Tôi ngủ dậy thì...
Bình bật cười :
- Thì không thấy cô nàng bên cạnh? Lạ nhỉ. Anh không thể ngờ được sao? Cô nàng đã biến một cách giản dị nhất: là nhân trời chưa sáng, bỏ anh ngủ đấy, để lại cho anh một bông hoa hoàng lan nhặt ở ngoài vườn hay đem theo sẵn trong mình... lẳng lặng ra về, dễ lắm. Những bông hoàng lan của Hoàng Lan Hương... Cái ý nên thơ xinh xắn có thể làm vẩn vơ được một anh chàng tên là Tuấn... Nhưng đến mớ cỏ với những cánh mẫu đơn tráo đổi vào đôi hài... thì... cũng hơi ngoa.
Bình chắc hẳn hồi lý thuyết của mình làm tỉnh ngộ bạn ngay, và sững sờ thấy mặt Tuấn vẫn lạnh lùng. Tuấn khảy một nụ cười nhạt nhẽo của người không tin nhưng không buồn cãi.
- Đa tình cũng đẹp lắm, nhưng đừng mê muội, Tuấn ạ. Anh làm tôi muốn thương hại cho anh...
- Đúng đấy. Bây giờ anh dẫn tôi đến con đường cuối cùng của anh đi.
- Con... đương... cuối... cùng?
- Ừ. Quên rồi à? Anh còn đưa tôi đi tìm... tìm thấy Lan Hương mà! Phải không? Ở đâu thế nhỉ?
Bình toan gắt với cái giọng thờ ơ của Tuấn, nhưng anh vẫn ôn tồn :
- Ở cũng không xa đây, độ hơn hai cây số. Tôi biết đấy có một ngôi chùa, và mới qua quýt hỏi thăm được rằng có một người con gái nhà giàu đến ở trong ấy. Tôi chưa kịp tìm đến tận nơi, và muốn về để anh khỏi nóng ruột lúc thức dậy. Rồi ta sẽ cùng đến để anh trông thấy người tiên của anh giữa ban ngày. "Nàng thiếu nữ ban đêm" có lẽ bây giờ đã ngủ dậy.
Tuấn không nói gì, lấy chiếc áo trắng dài mặc, rồi theo Bình.
Ngôi chùa nhỏ có vẻ cũ nát ở trong một rào cây lưa thưa. Trước chùa một cây đa lớn và cả bóng. Cửa chùa bưng đóng, một cánh gỗ hé mở một phía bên. Im vắng nhẹ reo trong râm lạnh và thơm nhẹ hương hoa. Một cây hoàng lan nhô lên khỏi một khóm trúc.
Tuấn thản nhiên trước một cảnh vô nghĩa lý.
Hai người đẩy cánh cửa hé bước vào. Không thấy ai. Hương khói vắng ngắt.
Trở ra còn đang bỡ ngỡ thì từ phía sau chùa có tiếng lá khô bị dầy xéo chậm chạp. Một bà già ăn mặc cũ kỹ cầm chổi bước ra sân, một đứa bé con gái, đầu còn trái đào, tay cầm một cành ổi, hai quả đã chín, trố mắt nhìn hai người.
Bà già lúc đó mới biết có khách lạ.
Bình hỏi nhưng bà già không biết ai là cô Lan Hương. Ở đây độ hơn tháng nay có một cô con gái lịch sự, nói tiếng trọ trẹ, và một đứa ở gái, không biết tự đâu đến xin trọ ở chùa. Đứa bé nói leo: À phải rồi, cô Huế với chị Tân. Cô con gái hình như ở dưỡng bệnh, cả ngày cả tháng chẳng chuyện trò chi hết, chỉ thỉnh thoảng vơ vẩn hát những câu lạ tai và buồn buồn... Bà già là người vẫn ở nhờ đây, giúp đỡ người đầy tớ cô gái kia về việc mua bán thổi nấu; nhiều lúc bà già cũng dò hỏi và tìm cách gợi chuyện với cô Huế, nhưng không biết được gì.
Bình hỏi người con gái hình dung thế nào.

Bà già đáp rằng cô ta mặc quần áo hàng đen, tóc tết vấn trần, cũng có hôm búi thành món sau gáy, da trắng xanh, dáng người yếu ớt có lúc nào sai bảo đứa ở thì nói nhỏ nhẻ ít khi bà hiểu là nói gì.
Bình thấy Tuấn nghe bằng cái tai rất lơ đãng. Tuấn có vẻ một người ngoài cuộc đi với Bình cho có bạn và lễ phép không dính dáng đến việc không phải của mình...
- Thế... (lời Bình hỏi bà già) cô... Huế không ở đây nữa sao?
- Bẩm vâng. Hai ba hôm trước người nhà đưa ô tô đến đón đi, hôm đến ở cũng người nhà đưa đến.
- Sao lại ở đây mà không ở chỗ khác?
Nhưng Bình tặc lưỡi mà hỏi tiếp một câu mà bà già lại không biết thế nào mà trả lời. Sau một hồi căn vặn không có kết quả gì, Bình đành phải trở ra với anh chàng Tuấn hững hờ một vẻ đáng ghét. Hai người không nói với nhau một tiêng nào trên đường về.
* * * * *
Về nhà, Tuấn ngả người trên ghế bành, ngồi rất im lặng.
Bình đang tìm cách phân giải cho Tuấn nghe những lý luận của mình thì đột nhiên, nhìn thẳng vào mặt bạn, Tuấn hỏi :
- Này Bình, bao nhiêu lời anh nói với tôi lúc sắp ra đi, anh còn nhớ cả chứ?
- Còn, thế sao?
- Anh cũng không tin hẳn, phải không?
Tuấn lẩm bẩm như nói một mình :
- Sự bí mật có bao giờ cắt nghĩa được đâu.
Bình không giấu được vẻ lúng túng. Mắt Tuấn sáng lên một cách lạ.
Bình hiểu rằng lời thuyết giải đến thế nào cũng không ích gì, ái ngại nhìn Tuấn.
* * * * *
Mặc dầu bao nhiêu công tìm kiếm về sau, Tuấn và Bình đành chịu nhận Hoàng Lan Hương là sự bí mật không thể khám phá được. Một lần, cách đó tám năm, Tuấn nghe một vị bác sĩ chuyên chữa về thần kinh nói đến một bệnh nhân có những triệu chứng giống như giả thuyết của Bình. Đó là một người đàn bà. Người ấy tưởng mình là đủ các nhân vật trong tiểu thuyết, khi tin mình là công chúa trong cung cấm, khi là người kỹ nữ sông Hương ca những câu ai oán, lại cũng có khi tự nhận là một vài đào hát trứ danh Nam Kỳ. Bệnh không thế nào chữa được. Người điên mất hết lý trí, đã giao trả về nhà và hình như đã chết. Tuấn không còn cách nào biết rõ thêm.
Thời gian không có hiệu lực gì: Tuấn không bao giờ quên được Hoàng Lan Hương, và cả với Bình, anh cũng không bao giờ chịu nhắc đến chuyện trước. Văn nghiệp của Tuấn không hề có chút dấu vết nào của người thiếu nữ. Cuộc đời tình duyên của anh chàng cũng không thiếu những phen gặp gỡ dễ ưa.
Nhưng đàn bà, đối với Tuấn, không ai có nhan sắc nữa.

Bóng người trong sương mù (Nhất Linh)

Ở ngoài, đêm tối như mực. Trong toa hạng nhì, riêng tôi ngồi đối diện với Trạch, một người bạn cũ, tình cờ gặp vì cùng đi một chuyến xe. Mười năm trước, bạn tôi còn là một người cầm lái xe lửa, cũng hàn vi như tôi; bây giờ gặp nhau trong toa hạng nhì, hai người cùng ngạc nhiên và cùng mừng cho nhau.
Lúc nói chuyện, tôi thấy bên cạnh bạn có cái hộp khảm rất đẹp, liền cầm lấy xem, rồi tình cờ mở hộp ra; bạn tôi như có ý không bằng lòng, nhưng vì nể tôi nên không nói gì. Tôi nhìn vào hộp thấy rất lạ: hộp bịt kín, ở trong có một con bướm rất to, hai cánh đã xơ xác. Tôi hỏi bạn:
- Con bướm này vùng tôi thường thấy luôn, quý gì mà anh giữ cẩn thận thế này?
- Vâng, bướm thường, nói cho đúng thì chính là một con ngài, nhưng đối với tôi...
Vừa nói đến đấy, xe rầm rầm đi qua một cái cầu sắt. Bạn tôi lắng tai nghe rồi nói:
- Xe đi qua cầu N.G.. Tôi bắt con bướm chính ở giữa cái cầu này đã mười năm nay...
Thấy bạn có vẻ khác, tôi đoán có chuyện gì, liền hỏi:
- Con bướm này chắc cũng có sự tích gì đây?
- Vâng, nhưng sự tích buồn... chuyện đã ngoài mười năm: mười năm trước độ anh đi Saigon thì tôi còn là anh cầm lái tầu hỏa. Chính độ ấy tôi chạy con đường này, tình cảnh tôi độ ấy anh đã rõ.
- Cũng như tình cảnh tôi...
- Nhưng có một việc tôi không nói anh hay là độ ấy tôi có lấy một người vợ, nhưng giấu nhà, giấu mọi người, giấu anh. Chúng tôi sống trong tình cảnh nghèo khổ mà thật lấy làm sung sướng. Nhưng vì cảnh nghèo, vì nhà tôi không quen chịu được kham khổ nên người một ngày một yếu dần.
Về sau nhà tôi bị bịnh nặng mà tôi thì vẫn phải đi làm, không ai trông nom ở nhà. Một đêm nhà tôi

yếu quá ngất người đi mấy lần, mà chính đêm ấy là đêm tôi được ông Chánh cử đi cầm lái chuyến xe riêng chở quan Toàn Quyền. Thật là một dịp rất hay cho tôi. Nhưng tôi biết không thể nào đi được, liền vào kêu với ông Chánh, nói là vợ ốm. Ông Chánh đập bàn đập ghế, gắt:
- Tôi không biết! Một là mười giờ đêm nay anh phải có mặt ở ga, hai là từ giờ này trở đi anh đừng bước chân tới đây nữa. Thôi anh ra!
Lời ông Chánh nói quả quyết, tôi phân vân không biết nghĩ ra sao: lúc về nhà, ngồi ở đầu giường, nhìn đến vợ mới biết rằng không đi được, dầu có mất việc làm cũng không cần.
Nhà tôi thấy tôi có vẻ lo nghĩ, hỏi nguyên cớ vì sao, tôi liền đem việc ấy kể lại cho nhà tôi nghe. Nhà tôi nghe xong, vẻ mặt tươi hẳn lên bảo tôi rằng:
- Thế cậu đi chứ! Việc gì phải ngần ngừ! Tôi không việc gì đâu, đã thấy đỡ nhiều. Chiều mai về mua cái gì làm quà cho tôi đấy.
Tôi thấy nhà tôi cười nói vui vẻ, tôi vững tâm, thay quần áo ra ga. Đến ga đúng mười giờ. Nhưng khi cho xe chạy rồi, tôi mới thấy lo, tôi mới biết là tôi liều. Lúc đó tôi có cái cảm giác lạ lắm: hình như tôi đi thế này, lúc về chắc không nhìn thấy mặt vợ tôi nữa. Tôi cố định trí để cầm máy, nhưng chỉ được một lúc thôi.
Bỗng cả chuyến xe lửa nghiêng về một bên, rồi lắc lư như muốn đổ. Người "ét" của tôi vội bỏ cái xẻng xúc than, níu lấy tôi nói:
- Ô hay! hôm nay ông làm sao thế? Chỗ ấy đường cong nguy hiểm thế mà ông không hãm máy. Ông ngủ à?
Tôi không ngủ nhưng người tuy ở đây mà trí còn nghĩ đến người vợ nằm đợi chết một thân, một mình trong gian nhà nhỏ kia. Mắt tôi hoa lên, mồ hôi ra ướt đẫm cả người.
Xe đi vào khe núi, hết cao lại xuống thấp như có vẻ nhọc nhằn. Tôi thò đầu ra cửa nhìn thẳng trước mặt, nhưng đêm ấy sương mù đầy trời, không nhìn rõ gì cả, chỉ một màu trắng xóa dưới ánh hai cái đèn ở đầu toa.
Bỗng tôi thấy... rõ ràng, tôi thấy in trên sương mù một cái hình người đàn bà mặc áo rộng đứng dang tay. Tôi dụi mắt tưởng mình trông hoảng, nhưng không, hình người đàn bà vẫn đấy. Tôi gọi người "ét" lại cửa toa, bảo ông ta nhìn rồi hỏi:
- Bác có thấy gì không?
Vừa nói xong hình người vụt biến mất. Bác "ét" thò đầu ra và bảo tôi:
- Chỉ thấy sương mù! ông lại mê ngủ rồi.
- Không rõ ràng tôi thấy có hình người đàn bà in trên sa mù nhưng vừa biến mất.
Người "ét" cười ra vẻ không tin, lấy xẻng xúc than cho vào lò, còn tôi vẫn đứng nguyên chỗ cũ đăm đăm nhìn thẳng trước mặt. Được một lát, hình người đàn bà lại hiện ra, lần này rõ ràng hơn, hai tay ngăn thẳng như muốn ngăn đường không cho xe chạy lên nữa.
Tôi gọi người "ét" nhưng bác ta làm bộ không nghe thấy cứ cắm đầu xúc than cho vào lò. Tôi biết tôi không mê, tôi biết là cái hình người ấy có thật, mà ai cũng phải thấy. Tôi đến cầm lấy tay bác "ét" kéo bác ra xem rồi bảo, cả quyết:
- Nhìn xem!
Bác ta há hốc mồm giương to đôi mắt, hốt hoảng nói:
- Lạ thật!... ma ông ạ!
Xe tiến đến đâu, cái hình người lại đến đấy, có lúc mờ, lúc rõ, lơ lửng giữa lưng trời. Rồi cái hình người ấy vẫy hai tay một cách thong thả, như có ý bảo chúng tôi đừng tiến lên nữa, có sự gì nguy hiểm.
Tôi bảo bác "ét":
- Bác này, có sự gì lạ sắp xảy ra.
- Vâng, sao cái hình lại như lấy tay làm hiệu bảo ta đứng lại.
Cái hình người trước còn vẫy tay thong thả, sau vẫn thật nhanh như người tỏ ý thất vọng, vì bảo chúng tôi mà chúng tôi không nghe.
- Hay ta dừng xe lại xem sao, chắc là ma!
- Không được, tự nhiên vô cớ.
Còn tôi lúc bây giờ hai tai ù như người mất trí khôn: tôi văng vẳng nghe có tiếng người ở thật xa đưa lại, tiếng một người đàn bà bảo tôi:
- Đỗ lại! Đỗ lại!
Tôi lắng tai, tay nắm chặt lấy cái "phanh" như định hãm rồi lại không hãm. Một lát, tôi lại nghe thấy tiếng người đàn bà, rõ hơn lần trước, giục tôi:
- Hãm lại! Hãm ngay lại!
Lúc bấy giờ tôi không biết gì nữa, nhắm mắt hãm phanh lại thật mạnh. Các toa rùng một cái, bánh xe kêu rít lên trong đêm thanh vắng. Xe chạy từ từ một quãng rồi đỗ hẳn. Tôi chưa kịp bước xuống, đã thấy người "xếp tanh" cầm đèn lên hỏi:
- Việc gì thế?
Tôi luống cuống không biết trả lời làm sao, vì nói thật ai tin mình. Tôi trả lời một cách mập mờ:
- Chắc có sự gì lạ. Để tôi cầm đèn đi xem đã.

Lúc bấy giờ mấy ông quan hầu quan Toàn Quyền cũng vừa đến, rồi thấy lạ, đi theo chúng tôi. Vừa đi được một quãng thì nghe trước mặt có tiếng nước chảy ầm ầm. Tôi định tâm mới nhớ ra rằng đó là cầu N.G..
Mấy đêm ấy mưa lũ, nước chắc chảy xiết, nên mới réo to như vậy. Đến bờ sông, giơ đèn lên soi, mấy người đều kinh hoảng: cái cầu N.G. bị nước nguồn chảy về xoáy gẫy làm đôi.
Một tí nữa, nếu không hãm kịp thì cả một chuyến xe riêng chở quan Toàn Quyền đâm nhào xuống sông sâu, chắc không sống sót một ai; tưởng không có cái tai nạn nào ghê gớm hơn, thế mà chính vì tôi nên mới không có cái tai nạn ấy. Tôi đứng ngẩn người không hiểu sao cả.
Người "xếp tanh" mừng cuống quít, hỏi tôi:
- Sao ông biết mà hãm?
- Tôi cũng không hiểu.
Mấy người quan hầu có vẻ mừng lộ ra mặt, xúm xít quanh tôi hỏi dồn, tôi không biết trả lời ra sao, một lát, mọi người đứng giãn ra, quan Toàn Quyền đến, ngài không nề tôi là người lao động, trong lúc mừng quá, ngài giơ tay bắt tay tôi, cái bàn tay đầy bụi than, rồi ngài tỏ lời khen.
Tôi chắc rồi sau thế nào cũng được trọng thưởng, nhưng trọng thưởng lúc đó đối với tôi cũng như không. Tôi chỉ nghĩ đến nhà tôi ở nhà, không biết ra sao. Tôi đi trở lại và thoáng thấy cái gì bám ở cái đèn để đầu toa, nhìn kỹ thì ra một con bướm thật to, vướng vào đen, đương đập cánh để tìm đường thoát. Chính là con bướm trong cái hộp này đây.
Trông thấy con bướm tôi thốt nghĩ ra ngay. Chính phải rồi, chính cái hình người đàn bà lúc nãy là cái bóng con bướm này in lên trên sương mù, đầu con bướm là đầu hình người mà hai cánh con bướm đập là hai cái tay người vẫy.
Tôi bắt con bướm rồi định thả cho nó bay đi, sau nghĩ con bướm đã giúp mình được việc, nên giữ lại làm kỷ niệm. Tôi nhìn vào đồng hồ trong toa, thấy kim chỉ đúng hai giờ đêm...
Hôm sau tôi vừa về tới cổng nhà thì thằng nhỏ chạy ra báo tin nhà tôi mất, mất vào khoảng một giờ đêm qua.
Tôi không hay tin nhảm; tôi chắc đó chỉ là một sự tình cờ, một sự ngẫu nhiên, nhưng tôi vẫn yên trí rằng linh hồn nhà tôi đã nhập vào con bướm này để phù hộ cho tôi tránh được tai nạn hôm ấy. Nhưng tránh được tai nạn mà làm gì, tôi thoát được thân tôi mà làm gì, giầu sang phú quý bây giờ đối với tôi cũng như không, tôi cũng chỉ như con bướm này, xác đấy mà hồn tận đâu đâu.
Bạn tôi kể xong câu chuyện, đậy cái hộp khảm lại, rồi lại thẫn thờ nói:
- Bây giờ chỉ còn lại cái xác bướm không hồn!

Lan Rừng (Nhất Linh)

Quang xuống xe rồi đi vào một cái nhà ở đầu phố để hỏi thăm đường đi Bản Lang và để thuê ngựa.
Người cho thuê ngựa hỏi:
- Ông vào nhà ai trong đó?
- Vào nhà ông Vi Văn Hòai. Đường vào đấy có xa lắm không?
- Độ mười cây số thôi. Nhưng ông phải đi ngay kẻo trời tối mất. Để tôi lấy con ngựa thật khỏe ông đi cho chóng. Ông vào trong ông Hoài, thì tôi không cần cho người đi theo giắt ngựa về, khi nào ra, ông đem ngựa trả lại tôi cũng được.
Rồi người cho thuê ngựa chỉ tay về phía một con đường lên dốc, bảo Quang:
- Ông cứ đi theo con đường đó. Đến một cái chùa đã đổ nát, thì ông rẽ sang bên tay phải, rồi đi thẳng, khi nào đến một cái cầu gỗ là đến Bản Lang.
Lên hết chỗ dốc, Quang cho ngựa chạy phóng để kịp đến trước khi tối trời.
+++
Đi vài cây số gặp một cái chùa đổ nát, chàng theo lời người cho thuê ngựa rẽ về bên tay phải, rồi lại cho ngựa phóng. Nhưng đi được ít lâu, chàng có cái cảm tưởng là lạ rằng con đường đương đi theo không phải là đường về Bản Lang, tuy chưa lần nào chàng về Bản Lang cả. Chàng tự cho mình nghĩ thế là vô lý, rồi cứ cắm đầu quất ngựa.
Đi đã lâu lắm, đáng lẽ phải tới nơi rồi, mà vẫn chưa thấy cây cầu gỗ. Chàng nhìn ra không thấy một cái nhà nào để có thể hỏi thăm được. Chung quanh chỉ toàn rừng già: những cây cao vót, ngọn nghiêng ngả, rào rào trước ngọn gió chiều vừa bắt đầu nổi lên. Chàng thấy rờn rợn, sợ hãi trước cảnh non cao rừng cả, nhưng vẫn quất ngựa cho phóng nước đại, tiến lên.
Đường thấy khó đi dần. Hai bên toàn một thứ cỏ cao, hoa trắng như bạc, lá nhọn và sắc. Sương chiều dần dần tỏa xuống. Quang phải cho ngựa đi từ từ, vì cách năm thước không nom thấy rõ đường.
Bỗng chàng ghì ngựa lại, lắng tai, mừng rỡ. Trong sương, chàng vừa nghe rõ tiếng người, tiếng thanh thanh của một người con gái:
- Có ai cưỡi ngựa trắng đi trên đường.

Quang cất tiếng hỏi:
- Ai đấy?
Thấy có tiếng động ở sau lưng. Quang quay nhìn lại. Một người con gái Thổ vai gánh hai cái giỏ, đi với một đứa bé con tiến đến phía chàng.
- Đến Bản Lang còn xa không, cô?
Quang vừa nói vừa nhìn cô gái Thổ và để ý đến nước da trắng và đôi mắt đen của cô bé. Chàng lấy làm lạ rằng cái sợ hãi lúc nãy đã biến đâu mất và tủi thẹn rằng mình được yên tâm như thế là nhờ ở một cô con gái yếu ớt.
Quang nhắc lại câu hỏi.
- Đến Bản Lang còn xa không, cô?
Người con gái thản nhiên đáp:
- Ông đi nhầm đường rồi.
Quang buộc mồm kêu:
- Bây giờ làm thế nào?
Chàng toan quay ngựa thì cô gái Thổ như đoán được ý chàng, nói:
- Ông không quay được nữa đâu.
- Nhưng mà đêm nay có trăng.
- Có trăng, nhưng nhiều sương không nom thấy rõ đường.
Thấy Quang lưỡng lự, cô gái Thổ nói tiếp:
- Vả lại ông phải đi qua một cái rừng có nhiều hổ.
Cô con gái quay lại vẫy đứa em:
- Chúng mình về đi thôi, kẻo ở nhà mong.
Quang không muốn quay lại nữa, hỏi cô bé:
- Nhà cô ở gần hay xa?
- Gần đây.
- Tôi muốn về nhà cô có được không?
Cô gái Thổ vừa đi vừa nói:
- Ông cứ về.
Quang nhảy xuống ngựa, rồi yên lặng rẽ cỏ đi theo hai chị em cô Thổ.
Chàng tưởng mình đi trong một thế giới huyền ảo vì chung quanh cũng chỉ có một màu sương trắng mờ dưới ánh trăng.
Đi khỏi mấy khóm cây, bỗng chàng nghe thấy một tiếng gì ở xa, ồn ào như tiếng họp chợ.
- Tiếng gì thế cô?
- Tiếng thác. Thác Lình Hai ở gần nhà em.
+++
Vì trời không lạnh lắm, nên Quang bảo cô gái Thổ cho mượn cái chiếu để chàng nằm ngủ ngoài sân sàn. Chàng vừa ăn cơm no, và uống ít rượu nên thấy trong người dễ chịu, khoan khoái. Bữa cơm chỉ có một dĩa chả trứng và một bát canh măng mai, nhưng chàng ăn rất ngon miệng; xưa nay chàng không thích rượu mà bữa cơm ấy chàng cũng uống nổi hai chén, vì thứ rượu đó chàng thấy có một hương riêng phảng phất như hương lan. Cha mẹ cô gái Thổ đối với chàng rất là ân cần. Chàng mừng rằng lỡ đường lại gặp một gia đình tử tế như vậy, và nhất là được gặp một cô gái Thổ xinh đẹp. Chàng mỉm cười, sung sướng, đánh diêm châm thuốc lá hút và đợi cô gái Thổ mang chiếu ra để được nhìn lại nét mặt cô dưới bóng trăng. Trải chiếu xong, chàng nằm một lát rồi ngủ thiếp đi.
Lúc Quang sực thức dậy thì trăng đã lên cao, sương đã tan hết. Trời trong lắm, nên những ngọn núi trông như ở sát ngay cạnh nhà, mấy giải rừng đen trên ngọn núi in rõ nền trời đầy sao.
Nghe có tiếng dệt vải sau nhà, Quang tìm đến chỗ dệt vải định xin nước uống và nhất là để gặp mặt cô gái Thổ, vì chàng chắc rằng chính cô đương ngồi dệt vải.
Cô gái Thổ ngừng thoi, mỉm cười, nhìn Quang hỏi:
- Ông chưa đi ngủ?
Quang hỏi lại:
- Thế cô chưa đi ngủ?
- Em còn dệt vải.
- Còn tôi thì khát nước, nên không ngủ được.
Cô gái Thổ lại cúi xuống bắt đầu dệt.
- Ông ra suối mà uống.
- Tôi sợ lắm, sợ hổ ăn thịt.
Cô gái Thổ bật cười. Quang thấy hết cả ngượng nghịu, chàng tiến lại đứng sát bên khung dệt, hỏi:
- Tên cô là gì?
- Tên em là Sao.
Quang mỉm cười nói:
- Thảo nào mà cô ta đẹp như sao trên trời.
Cô Sao ngây thơ đáp:
- Em chẳng đẹp.
Nhưng câu đó cô ta nói bằng một thứ giọng cố làm ra nũng nịu, và vừa noíi vừa đưa mắt nhìn Quang một cách tinh nghịch.
Bỗng Quang thấy thoảng qua một cơn gió thơm ngát mùi hoa, và ngay lúc đó Quang nhận thấy nét mặt cô gái Thổ tươi lên bội phần. Nàng nói:
- Nửa đêm rồi.
Quang lấy đồng hồ xem thì kim chỉ đúng mười hai giờ. Chàng ngạc nhiên hỏi:
- Sao cô biết đúng thế?
- Vì hoa lan nở. Ông không ngửi thấy mùi thơm à?
- Có, nhưng mà lan gì vậy?
- Hoa lan rừng, nở đúng nửa đêm.
Cô Sao đặt thoi xuống, rồi nhìn thẳng vào mắt

Quang, nói:
- Ông có đi chơi rừng không... đi xem lan nở, và nhân tiện em đưa ông ra suối uống nước.
Quang thấy một cô con gái rủ mình đi chơi rừng đêm, lấy làm ngạc nhiên vô cùng, song chàng nghĩ rằng người đường rừng có tính tự nhiên, chất phác, nên sự đó, họ cho là thường chăng.
Quang để cô Thổ đi trước mình một ít. Qua mấy thuở ruộng ngô non, hai người đến một cái khe suối, nước chảy lấp lánh như bạc sau những ngọn cỏ đen.
Quang hỏi:
- Nước này uống có sợ sốt rét không cô?
- Không sao. Ngày nào em cũng uống. Anh trông người em tươi tắn thế này thì đủ biết.
Quang bạo dạn tiến lên trước rồi quay lại cúi vào nhìn tận mặt cô Thổ, mỉm cười nói đùa:
- Thử xem mặt cô Sao có tươi tắn thật không nào.
Chàng đứng lặng nhìn không chớp mắt: màu da cô Thổ dưới bóng trăng, chàng trông trắng mát như màu một cành hoa phong lan và đôi mắt đen phảng phất như hai chấm đen trên cánh hoa. Bỗng Quang thấy một thứ hương thơm thoảng qua, cũng một thứ hương thơm như ban nãy.
Cô Sao nói:
- Ở bờ suối đây có một cây lan. Cây này ít khi có hoa lắm. Nếu có thì chỉ nở một cái hoa là cùng. Ông muốn xem?
Quang lấy làm lạ: chàng vừa ví mặt cô Thổ với hoa lan thì cô ấy đột nhiên nói đến hoa lan như là đã đọc được ý nghĩ của chàng.
Nhìn theo phía ngón tay trỏ của cô Thổ, Quang thấy một bông hoa trắng na ná như một bông huệ to, nhưng hai cánh phía trên có h ai chấm đen như mực. Thật là một thứ hoa lạ, chàng chưa thấy bao giờ.
Quang tiến lên toan ngắt, thì cô gái Thổ vẻ mặt sợ hãi giơ hai tây giữ lấy tay Quang:
- Em xin ông. Chỉ có mỗi cây này gần nhà, em quý lắm. Chốc nữa vào rừng vô số, ông tha hồ bẻ... Ông uống nước, rồi ta đi.
Quang cúi rạp xuống mặt suối uống nước và tưởng mình lúc đó như một con hổ đương uống bóng trăng.
Lúc ngửng lên, chàng để ý đến một vật gì trăng trắng ở giữa dòng suối. Nhìn kỹ thì làmột hòn đá. Hòn đá ấy, kỳ dị thay, Quang thấy phảng phất giống hình một cái vái của một người con gái trắng trẻo nằm dưới làn nước. Chàng lại thấy hòn đá ấy như có "vẻ sống" nữa. Chàng bảo cô gái Thổ:
- Trông hòn đá như vai người con gái, cô Sao ạ.
Cô Thổ cười bảo đùa Quang:
- Sao ông không đánh thức cô ta dậy để cùng vào rừng chơi... Nhưng mà cô ta còn mải tắm, chúng mình đi thôi.
Chữ "chúng mình" Quang thấy cô Thổ nói một cách thân mật, âu yếm. Lúc đó chàng cũng bắt đầu coi cô Thổ như một người tình nhân quen biết đã từ lâu.
Chàng nắm lấy tay cô Thổ, nói:
- Chúng mình cùng nhẩy qua suối, nào.
Lúc qua bên kia bờ suối, Quang hỏi cô bạn:
- Sao tay em lạnh thế em?
- Lúc nãy em vừa rửa tay ở nước suối.
Quang không để ý nên không biết là cô Thổ vừa nói dối chàng.
Hai người đi qua một bãi cỏ, rồi vào một cái rừng thưa. Bông cành cây in trên đất, trên áo hai người lại càng tăng vẻ sáng của đêm trăng. Cô Thổ nói:
- Qua một cái rừng nữa thì đến chỗ lan nở.
Hai người đi vào bóng tối đen của rừng già. Quang có cái cảm tưởng như người vừa ở ngoài nắng vào trong rợp, chàng hơi sợ, nắm chặt lấy tay cô Thổ. Đi khỏi một cái dốc, chàng thấy hiện ra ở trước mặt một mảng trắng xóa dưới bóng trăng.
- Rừng lan.
Cô Sao mừng rỡ vừa nói vừa kéo tay Quang chạy vào trong đám hoa. Hương thơm ngát, Quang thấy đầu óc choáng váng: chàng mơ màng thấy cô Thổ kéo mình ngồi xuống giữa rừng lan. Chàng lắc đầu dụi mắt để cố nhìn cho rõ, nhưng không thể được. Trong lúc bàng hoàng, chàng thấy hình như tất cả những bông hoa trong rừng đều ngả cả về phía chàng, những bông hoa mềm và mát rung rinh bên mát chàng như mơn man ve vuốt...
...Lúc chàng mở mắt ra chàng thấy mình nằm ở trên bãi cỏ, chung quanh chỗ nằm, những bông hoa đều ngả dẹp xuống đất. Chàng thấy có bóng đen che khuất ánh trăng, liền quay đầu nhìn lại: cô Thổ đứng bên cạnh chàng, tay cầm bó lá to, mỉm cười:
- Sao ông ngủ say thế. Em đánh thức mãi, ông mới tỉnh.
Quang ngạc nhiên:
- Tôi vừa ngủ? Thế mà tôi không biết đấy.
Ngẫm nghĩ một lát, chàng nói tiếp:
- Có lẽ không phải tôi ngủ đâu, vì say hương lan thiếp đi một lúc đấy.
Quang nhìn cô Thổ một lúc rồi trong lòng sinh ra một mối nghi ngờ: hay cô con gái này "không phải

là người". Chàng vừa sợ vừa hỏi:
- Sao đầu tóc cô rối bời thế?
- Vì em phải chui qua bụi rậm để bẻ trộm ngô.
Cô Thổ vứt xuống bên cạnh Quang một bó ngô.
- Ông có diêm không để nướng ngô ăn?
- Không, tôi không mang diêm theo.
- Thế thì đi về đi, ông đi về nhà ăn ngô, em đói lắm.
Nghe tiếng cô Thổ nói, và trông điệu bộ, Quang lại thấy hết cả nghi ngờ. Lạ nhất là đêm khuya ở giữa rừng có một mình mình với một cô con gái yếu ớt mà chàng không thấy có cái ham muốn của một người con trai khi gần người con gái. Chàng lại có cái cảm tưởng mà chàng cho là vô lý là người con gái ấy đã thuộc về chàng rồi.
Cô Thổ bảo Quang:
- Bây giờ ông muốn hái hoa thì tha hồ hái. Em không cấm nữa đâu.
Quang đứng dậy thấy trong người mỏi mệt lạ thường. Chàng không thiết hái hoa nữa; chàng chỉ muốn về ngay vì không chịu nổi hương lan thơm một cách hắc quá.
- Về đi, cô Sao.
+++
Sáng hôm sau thức dậy, Quang nhìn phong cảnh chung quanh không thấy có vẻ huyền ảo như đêm qua nữa. Cô Thổ bưng ra một bát cháo nóng mời chàng một cách thân mật:
- Ông xơi cháo.
Quang đăm đăm nhìn cô Thổ. Dưới ánh sáng mặt trời, chàng thấy cô Thổ có cái vẻ đẹp hồng hào của một người con gái khỏe mạnh.
Ăn cháo xong, Quang xin đi một cách vội vàng. Chàng chỉ mong đến nhà ông Di Văn Hoài thu xếp cho chóng xong công việc, khi về chàng sẽ rẽ qua đây.
Quang nhìn cô Thổ:
- Đến mai xong công việc, đi qua đây tôi sẽ rẽ vào thăm cô.
Cô Thổ gật:
- Để em tiễn ông ra khỏi rừng, sợ ông lạc đường.
Quang dắt ngựa đi theo cô Thổ. Đi qua một cái suối, Quang hỏi:
- Hòn đá trắng đêm qua đâu mất rồi.
Cô Thổ đáp:
- Ở về phía sau nhà em cơ. Rừng lan cũng ở về phía ấy.
Bỗng Quang thấy trước mặt sương dày đặc như khói. Cô Thổ bảo:
- Đây là khe núi, sáng nào cũng có sương. Phải quen đường mới đi qua được... Vì thế em mới tiễn ông ra tận đây.
Ra khỏi chỗ sương, Quang nhẩy lên ngựa từ biệt cô Thổ.
Ngựa đi được mươi bước. Quang quay đầu nhìn lại vẫn thấy cô Thổ đứng trong sương mù nhìn theo. Quang giơ tay nói to:
- Đến mai...
Lúc lên tới đường cái, Quang để ý đến hai cây trò lên cao vút như hai cái cột quét vôi trắng.
+++
Hôm trước, Quang đã lầm đường vì người cho thuê ngựa quên không nói rõ cho chàng biết rằng: dọc đường, trước khi đi cái chùa đổ, có một cái miếu cũng đổ nát.
Quang mới đến cái miếu đã rẽ về bên tay phải. Chàng không trách gì người cho thuê ngựa, vì sự lầm đường ấy đã cho chàng biết được cảnh thú vị.
Chiều hôm sau ở nhà ông Hoài ra, chàng cho ngựa phóng hết sức mau, vì chàng nóng lòng được gặp mặt cô Thổ. Đến cái miếu đổ nát, chàng rẽ tay trái, rồi cứ đi mãi vào trong. Gặp hai cây trò, chàng cho ngựa đi rẽ xuống. Chàng lần theo vết cũ, rẽ cỏ đi được ít lâu thì đến cái thung lũng có nhà cô Thổ.
Chàng cho ngựa nhảy qua cái suối hôm nọ, nhưng lúc ngửng lên nhìn thì bỗng chàng biến sắc mặt, nắm chặt lấy dây cương, mắt mở to nhìn thẳng về phía trước: ở chỗ đất mà chàng chắc là có cái nhà của cô Thổ, "thì không có cái nhà nào cả". Đấy chỉ là một bãi cỏ.
Chàng nghĩ mình lầm đường và cho rằng tại cảnh đường rừng phần nhiều hay giống nhau. Chàng tiến ngựa lên trên bãi cỏ không thấy một dấu vết gì có thể chứng rằng ở chỗ ấy mới hôm qua đây còn có người ở, còn có nhà cửa.
Chàng lắng tai nghe: xa xa có tiếng thác chảy.
Chàng lẩm bẩm:
- Rõ tiếng thác Lình Hai!
Chàng cho ngựa xuống và đi theo men dòng suối. Bỗng chàng ghì cương lại: sau đám cỏ chàng trông thoáng thấy một vật trăng trắng. Chàng nhẩy xuống ngựa đến gần xem thì đó là một hòn đá trắng; chàng kinh ngạc thấy hòn đá đó trông phảng phất giống hòn đá gần nhà cô Thổ, nghĩa là cũng giống hình như một cái vai của người con gái trắng trẻo nằm dưới làn nước.
Quang lúc đó tưởng mình đang mê ngủ. Chàng muốn định thần trí lại để cố nghĩ cho hiểu sự lạ lùng ấy, nhưng không thể được. Hòn đá chàng thấy

như có vẻ sống và dưới ánh sáng mặt trời chàng trông rõ một tia đỏ chạy ngang hòn đá như một tia máu.
Chàng cúi xuống giơ hai tay múc nước để rửa mặt cho tỉnh. Nước suối lạnh làm chàng rùng cả mình mẩy. Bỗng chàng thấy - rõ ràng chàng thấy - bên cạnh bóng mặt chàng in xuống đáy nước có bóng một người khác nữa, mặt một người con gái Thổ chàng trông phảng phất giống cô Sao.
Chàng rợn người, đứng thẳng lên, nhìn quay lại thì không có ai cả. Chỉ có con ngựa của chàng đứng sau đang rứt cỏ ăn. Thoáng thấy hương lan, chàng nhìn quanh quẩn. Lúc ngửng lên, chàng thấy ở ngay trên đầu có một bôn lan, hoa trắng nuột, cánh điểm hai chấm đen... bông lan rừng.
Quang toan giơ tay hái bông hoa, nhưng có một nỗi sợ vô cớ làm ngừng tay chàng lại. Văng vẳng bên tai chàng tưởng như nghe thấy tiếng cô Sao nói với chàng đêm hôm trước.
- Em xin ông, chỉ có mỗi một cây này gần nhà, em quý lắm.
Lúc ra đến ngoài đường cái, Quang đợi mãi mới gặp được một người Thổ kiếm củi đi qua. Chàng gọi lại hỏi:
- Ở trong kia có nhà ai ở không?
Người Thổ đáp:
- Quanh đây không có nhà ai cả. Ai dám ở đây. Nhiều hổ lắm.
Quang bảo người Thổ lắng tai nghe tiếng thác, rồi hỏi:
- Có phải thác Lình Hai không?
Người Thổ ngạc nhiên không hiểu:
- Thác Lình Hai? Lình Hai... Không phải, đấy là thác Na Pang. "Ở khắp châu này không có thác Lình Hai".
+++
Mấy hôm sau, người cho thuê ngựa thấy Quang sáng nào cũng đến thuê ngựa, rồi cứ chiều tối mới đem ngựa về trả.
Bẵng đi mấy tháng, người cho thuê ngựa lại thấy Quang đến, nhưng lần này chiều không thấy đem ngựa về. Ngày hôm sau cũng không thấy bóng ông khách thuê ngựa đâu. Nửa đêm nghe tiếng động ở cửa, người cho thuê ngựa đem đèn ra soi thì thấy con ngựa của mình đứng bên giậu, hục hặc tìm lối vào.
Trên lưng ngựa, yên còn đóng nguyên mà người thuê không thấy đâu cả.

Am Culy xe (Thanh Tịnh)

Mới nghe qua tên am, tôi đã tưởng họ bông đùa. Nhưng không, người kể cho tôi nghe nói với giọng nghiêm chỉnh lắm.
Cái am ấy nhỏ bằng vôi đựng trên bờ sông Bồ thuộc về làng Thanh Trúc. Trong am chỉ đặt một bát lư hương và cặp đòn con bằng gỗ tiện. Trước cửa am có che một bức sáo xanh kẻ chữ thọ màu hồng. Cách am năm bước có cái mồ đắp lên cao. Ngôi mả của người cu-ly xe.
Chuyện am này ở hai vùng Thanh Lương và Hương Cần ai cũng biết. Họ thường kể cho người lạ nghe với một giọng chắc chắn đáng tin. Được dịp kể nhiều nhất là bà bán quán gần am ấy. Và khách qua lại muốn được nghe chuyện chỉ việc uống một bát nước chè hay ăn vài đĩa xôi đậu. Bà quán kể lâu quá thành có duyên và lắm đoạn nghe xuôi như đọc thuộc lòng.
Từ ga Văn Xá đến bến đò làng Thanh kể được trên hai cây số. Bên kia sông là huyện Quảng Điền. Bến đò ấy ở vào một chỗ hoang vắng vì kế tiếp con sông là cái cồn mồ. ở đó, qua huyện Quảng Điền gần hơn quay trở về làng Thanh. Dẫn khách đến ga là nhờ con đường chạy dài trong lối xóm, qua vài cái cầu ngắn bằng gạch và ba bốn khoảng phơi mình giữa đồng cỏ cháy. Con đường ấy được nhiều người đi nhất.
Ga Văn Xá làm lễ lạc thành xong thì sau đó hai tuần một người mù đem chiếc xe tay đến đón khách. Đó là một cái xe thảm khổ nhất. Ruột hai bán độn rơm và trần xe đã thủng nhiều chỗ.
Khổ hơn nữa là người kéo xe mù lại già, đầu tóc bạc phơ, người gầy gò và trán hói. Theo đúng đường và biết tránh người đi là nhờ đứa cháu nội lên mười chạy dìu phía trước.
Rồi ngày bốn buổi, hai ông cháu lên ga Văn Xá đón khách về huyện Quảng Điền. Đời tuy vất vả nhưng có kẻ thương tình nên cũng đủ sống.
Lệ thường cứ mỗi vòng được năm xụ Hai ông cháu ngày nào cũng kiếm được một vài hào đủ tiêu dùng, cơm cháo.
Từ ngày có xe lửa, dân mấy vùng quê ai cũng thèm đị Họ cốt đi đẻ mua vui thôi. Vì họ thấy thứ xe lạ và chạy quá nhanh nên họ thích lắm. Thích nhất là được đứng trên tàu gọi tên mấy người quen đang đi trên đường cái quan.Lắm khi họ từ ga này để đến một ga nào, gần đó. Rồi từ ga ấy họ lại mua vé trở về ga làng.Ngày ấy họ chưa kể đến sự tiện lợi đi xe. Họ chỉ biết đến cái thú thôi. Ga Văn Xá nhờ thế

ngày nào cũng tấp nập người ra kẻ vào. Và hai ông cháu người kéo xe kiếm được miếng ăn rất dễ. Người đi xe lửa ra khỏi ga họ muốn lên xe tay ngay Họ đã quen với sự nhanh chóng. Đi bộ đối với họ lúc ấylà một chuyện phiền. Nhưng được người kéo xe khoe? mạnh thì chẳng nói gì. Đằng này lại khác. Bước chân lên xe người mù già, thì người khổ chưa hẳn là người phải kéo xe mà thật ra là người được ngồi. Huống chi ở đây lại phải chịu cái tội trông một đứa trẻ chạy không kịp thở, ngã tới vờn lui , theo bước chân của một ông già yếu đuối. Nên nhiều người thương hại không muốn đi xe.
Nhưng lòng nhân đạo càng ban truyền ra, người kéo xe mù lại càng túng thiếu.
Rồi sai chỉ những người ốm hay già yếu lắm- thỉnh thoảng có vài người say rượu- mới bước lên xe của hai ông cháu.
Lắm người không đi, chỉ gửi vài bao hành lý họ cũng trả tiền hẳn hoi. Nhưng hạng người này hiếm lắm. Đợi năm sáu chuyến tàu mới gặp được một người.
Tối đến, hai ông cháu thường ngủ trong một cái mui thuyền đặt khum khum trên bờ sông. Sáng mai ba giờ đã phải dậy. Vì phải đợi khách bên huyện Quảng qua sông đi chuyến tàu bốn giờ.
Tiền bạc làm ra được đều do người cháu giữ. Và người ông cũng không mấy khi hỏi đến. Trừ ra lúc muốn mua một vài cút rượu trắng hay làm ăn được, nhớ lại những ngày kỵ giỗ của gia hương.
Ngoài ra, người cháu tuy nhỏ tuổi nhưng sớm khôn, đã lo liệu cho cả. Vì cái quán ở cách đó nửa cây số đã chu cấp cho hai ông cháu đủ các thứ cần, lẽ tự nhiên là phải bỏ tiền ra mua.
Mùa đông năm Ngọ, lạnh và mưa luôn ngày luôn đêm.Đướng từ ga về bến đò đã nhiều nơi bị hư hỏng. Lắm cái cống đất nhỏ bị nước lụt trôi đị Hai ông cháu phải bỏ công chữa lại. Có thế xe mới đi qua được. Và con đường tuycủa chung, nhưng chỉ riêng hai ông cháu để ý và lo ngại hơn cả. Xe độ ấy ế vô cùng. Và gặp cái xe trần thủng, nước tát vào như giội, khác cũng thấy chán không buồn đị Và đêm nào lên ga đợi chuyến tàu suốt chín giờ, hai ông cháy cũng dẫn xe về không.
Chất chồng vào cái hại kể trên, chuyến đò làng Thanh không qua lại nữa. Vì hai làng Thanh Lương và Thanh Trúc đang kiện nhau để được độc quyền về nghề chở khách. Dân quanh vùng phải đi ngược lên khá xa mới qua bến đò làng Triệu. Phía ấy, cũng có đường đi lên ga nhưng hẹp lắm. Hai ông cháu đành đưa người đi lại quanh vùng Thanh Trúc và chờ nhà nước xử xong,để chở thêm khách bên huyện Quảng Điền.
Một đêm trung tuần tháng chạp, chuyến xe suốt lại trễ mất ba giờ. Lúc ấy, vào giữa đêm. Nghe tàu đến, hai ông cháu đã mừng thầm trong bụng. Một lát sau, con tàu đã bắt đầu sục sịch chạy, người kéo xe vẫn chưa nhận thấy có tiếng bước chân nào khỏi gạ ông hỏi cháu nhưng thằng bé đã lẩn đi ngả nào, ông chắc nó đang đứng đón khách ở sân ga nên định bụng chờ. Mấy phút sau, đứa bé trở về, ông già mù cảm thấy hình như có một người bước lên xe. Đứa bé nói với giọng run run:
- ông ơi, có người lên đó. ông chạy đị
Thế rồi hai ông cháu dìu nhau chạy về phía sông Bồ, qua những quãng đường lầy lội và dưới dòng mưa đêm lạnh giá. Trong những cánh đồng ngập nước, tiếng ễnh ương đua nhau kêu não nùng như một bản nhạc mùa đông, nghe buồn thấm tuỷ. Hai ông cháu dưới mấy cái mo cau và tàu lá chuối kết lại thay tơi cắm đầu chạy trên quãng đường ướt át. Trời tối đen như mực, nhưng may đứa cháu quen đường và nhờ ánh bùn chiếu lên, nên bánh xe cũng khỏi vấp ngã.
Đến bên đò làng Thanh vào khoảng một giờ khuya. Gió ngoài thổi vào lạnh như cát thịt. Đứa cháy sắp dắt ông vào mui thuyền thì như nghi ngại điều gì, người kéo xe mù đã cất tiếng hỏi:
- Tiền xe mô đưa cho ông?
Đó là một câu hỏi bất ngờ vì mấy lần trước có bao giờ ông hỏi đến đâu. Hay cũng hỏi cho biết số, chứ chưa lúc nào ông định giữ lấy. Đứa cháu run lẩy bẩy, lúng túng rồi bỗng ôm mặt khóc. Chỉ nghĩ thoáng qua người kéo xe mù đã hiểu ra lẽ thật. Có gì đâu, không thấy khách và muốn ông nó vui lòng, thằng bé đã bê một tảng đã nặng đặt lên nệm xe và dìu ông nó chạy.
Trí non nớt của nó có ngờ đâu mấy năm lao khổ trong nghề, ông nó phân biệt rất tinh tường người ngồi và vật đặt khác nhau nhiều lắm.Nhưng ông nó vẫn chạy, vì mù quáng, vì đói rách nên lòng vẫn hy vọng những chuyện không bao giờ có được.Và biết ra thì thêm khổ. Thấy cháu khóc, ông cũng nức nở theo.
Rồi giữa đêm lạnh, phần già yếu, phần đau buồn, phần đói rét, ông gục xuống dần rồi lăn ra chết ngất.
Đứa bé sợ thất thanh la hét nghe đứt ruột. Nhưng gió của trời thét mạnh hơn và tiếng nó đành chịu rã

rời bay lạc giữa đêm mưa tầm tã. Bên kia sông, huyện Quảng Điền xa quá. CHỉ còn vài ngọn đèn dầu chập chờn trong xóm quê đen tối. Con đò đã cắt đường qua lại từ lâu, không đem được lòng từ thiện của bến kia qua bao trùm nỗi thảm thương của bờ hoj.

Sáng mai đi chợ Thanh Lương, khách qua đường thấy trên bờ sông vắng một đứa trẻ thơ đang ngồi khóc thảm thiết bên cạnh một người già nua đã chết cứng đờ.

Dân quanh xóm thương tình, người ít kẻ nhiều dồn nhau lại mua cái hòm mới và chôn cất người kéo xe già tử tế.

Về sau đêm nào cũng như đêm nào, vào khoảng mười một giờ khuya, sau chuyến tàu suốt ra Bắc một giờ, những người ở quanh vùng đó đều thấy một cái bóng xe tay loang loáng chạy về phía làng Thanh Trúc. Người làm giữa ruộng dưới đêm trăng, các em mục đồng và cả sư cụ chùa Linh Hải đều nhận thấy nhiều lần. Và giữa đêm mưa lạnh ông từ làng Thanh Trúc còn nghe thấy cả tiếng nhạc xe trước cổng đình nữa...

Người ta bàn tán và nói rất nhiều. Lúc ấy, làng Thanh Trúc được kiện nên cho thuyền đưa khách qua lại như cũ. Gặp lúc vui dân làng liền quyên tiền để xây cái am cho người kéo xe "linh hiền".

Dân huyện Quảng cũng sốt sắng góp tiền rất nhiều. Con thuyền xưa đã nối lại hai bờ. Lòng từ thiện đã qua sông.

Làng (Thanh Tịnh)

Cách chân đèo Phước Tượng hai cây số và ở giữa phá Cầu Hai có một chồng đá xám mọc lên thật cao. Trên chồng đá ấy có cái am vôi trơ trọi đứng một mình. Mặt am nhìn về phía núi Tùy Vân và cách đó ba cây số là cửa biển Tư Hiền. Lưng am chênh chếch xây về dãy Trường Sơn và riêng hòn Bạch Mã trán cao chất ngất, về phía ấy chân núi bò ra tận phá và nhiều khoảng chuồi thẳng mình trong bầu nước rộng mênh mông.

Am không có vẻ hoang phế, nhưng cũng không được vẻ săn sóc lắm. Trong am đếm được hơn ba trăm bát lư hương vừa sành vừa gỗ. Am xây theo kiểu cổ, mái vồng và chân mạnh. Chắc đã bị bão táp nhiều phen nhưng mặt vôi nhiều nơi còn nguyên láng. Tìm niên hiệu thì mới biết am dựng năm Hoàng Định Nguyên Niên (tức về đời vua Lê Thánh Tông đầu thế kỷ 16). Hỏi người sống trong làng mạc hai bên phá thì họ bảo là Am Kẻ Chài. Nhưng người chài lưới thì nhắc đến tên kính cẩn hơn: Am Cô Giang.

Dưới đây là câu chuyện do một cụ già Trường Sơn kể lại:

"Theo ông bà tôi thì am dựng đã lâu, lâu lắm. Hồi ấy, Huế chưa có kinh đô và vua còn ở đâu ngoài Bắc. Phá Cầu Hai lấy tên là Trựng Tô do người Chàm đặt. Hai bên bờ phá không có xóm người ở. Nhưng chính giữa phá đã có lớp người dựng lên làng mạc hẳn hoi. Qnuanh năm họ sống về nghề chài lưới. Họ là người của nhiều làng, nhiều nước. Nghe đâu có cả người Trung Quốc và dân Chiêm Thành nữa. Họ gặp nhau trong cảnh làm ăn hay trên đường lưu lạc. Rồi từ quen biết đến thân yêu, họ thành lập một làng sống với nhau trên mặt nước. Làng ấy là một khoảng phá lan dài trên tám dặm nước. Họ toàn là kẻ tha phương ở với nhau lâu ngày, tình liên lạc trở nên đậm đà và bát ngát. Làng ấy không có tên và chỉ lấy chữ Làng vẻn vẹn. Nhưng dân chài lưới lại hiểu một cách sâu xa thấm thía. Động ai nhắc đến tên Làng là lòng họ đã thấy nhớ nao nao.

Dân trong Làng thường đi làm ăn phương xa, nhất là vào đầu mùa thu. Vì hồi ấy nước nguồn đổ xuống nhiều. Ở đâu có nước ở đó là nhà. Người chài lưới đã quen sống lênh đênh nên không biết ngại ngùng trên những dòng nước lạ. Họ cắm thuyền bất cứ đâu. Đời họ đã quen với phá rộng, với sông dài. Cách giao tiếp dễ dàng như con với mẹ.

Năm tôi hai mươi tuổi thì Làng được trên hai trăm dân. Hàng năm vào tháng bảy tôi đã chèo thuyền đi về phía Thuận An. Cuối năm nào tôi cũng gắng về Làng rất đều đặn. Vì đêm ba mươi tết, dân Làng có tục lệ hội họp chung quanh am. Xa cách mấy tháng liên tiếp nên đêm ấy họ nhao nhao hỏi nhau rối rít. Vì hàng năm chỉ đêm ấy họ mới biết số dân Làng đã thêm bớt bao nhiêu.

Cuộc họp mặt ấy rất vui. Họ thả lưới cầu may vào khoảng ba giờ sáng. Sợ nhất là bắt được lươn chình. Vì đó là điềm rủi. Trong lưới được bao nhiêu tôm cá họ đều đổi cho nhau cả. Tục lệ trao đổi ấy cũng như quà biếu đầu năm. Nhưng ở đây vui hơn. Vì không ai mất tiền mua quà cả.

Buổi chài lưới đầu năm họ chia cho nhau chứ nhất định không bán. Các chợ Tết ở làng mạc phố phường vì thế không có tôm.

Dân Làng xem đó là một sự hãnh diện tự chủ của đời sống bềnh bồng trên mặt phá mênh mông.

Cuối năm thìn tức năm Thành Thái Lục Niên, tôi đang ở Kim Long gần Quảng Trị. Tôi định ăn Tết một năm ở đấy cho vui. Nhưng không hiểu sao chiều hai mươi tám tết, tôi tự nhiên thấy bồn chồn một cách lạ. Tôi nghĩ chắc có chuyện gì không hay xảy ra.
Buổi chiều, tôi nhất định chèo thuyền về Làng. Từ phá Tam Giang đến Cầu Hai cách nhau ngót năm cây số. Tôi phải chèo suốt ngày đêm. Lúc nào nấu ăn thì tìm bờ cắm thuyền lại.
Dọc phá tôi mới sực nhớ năm nay đến phiên tôi "hương khói" Am Cô Giang và tôi tự bảo có lẽ vì thế nên "ông bà" bắt mình nóng lòng nóng ruột. Am Co Giang là nơi dân Làng đến gửi lư hương nhà trước khi đi làm ăn xa. Người có mặt sẽ cúng thay người vắng mặt. Và hàng năm Làng cử một người đến am cúng bái trong ba ngày tết.
Chiều ba mươi lúc mặt trời sắp tắt, thuyền tôi đã đến đầu làng Mỹ Lợi. Tôi nhắm chừng chân đèo Phước Tượng chèo tới mãi. Nhưng càng đến gần sương mù càng sa xuống nặng. Sau tôi thấy như khói đặc từ mặt nước bốc lên không. Mặt phá vì thế trông mông lung không bờ bến. Xa xa, đèo Phước Tượng như trôi dập dìu trong ngàn mây trắng.
Đến am Cô Giang vào khoảng mười một giờ khuya. Tôi nhận thấy chung quanh không có bóng thuyền nào cả. Tôi tin thuyền dân làng đang lẩn trong sương đêm còn phủ đầy mặt phá.
Khí lạnh bắt đầu bao vây cả người tôi. Tôi mặc thêm cái áo đen dài nữa. Cắm thuyền xong tôi liền bước chân lên một tảng đá lớn. Nước lấp lánh trong khe đá như thủy tinh. Sau một làn sóng dội, nước trong mấy lạch đá cùng một lần hòa nhịp phập phồng theo. Tôi chúm chân lấy thăng bằng rồi đi thẳng vào am. Đứng trên tảng đa cao, tôi đưa mắt nhìn mông ra xa. Tôi cũng không nhận thấy bóng thuyền nào cả.
Sương xuống dày quá và tôi run cả người. Quanh tôi trời nước mênh mang. Xa xa dãy núi Trường Sơn phủ đầy mây đã như một ngọn sóng thần tung bọt đổ xô về phía tôi. Tôi tự thấy mình nhỏ quá và con thuyền trước mắt không hơn gì một ngọn lá tre. Tôi sợ quá đến muốn kêu lên một tiếng thật lớn. Nhưng tôi vẫn không dám.
Ngay lúc ấy, ở triền núi Bạch Vân có mấy ánh đèn của chùa Linh Sơn nổi bật lên trong đám cỏ cây trùng trùng điệp điệp. Có lẽ chùa đang cúng lễ giao thừa. Nhìn được ánh đèn xa, lòng tôi cũng thấy bớt sợ.
Muốn đáp lại dấu hiệu che chở của nhà chùa, tôi liền thắp đèn trong am thật sáng.
Đèn Am vừa bật lên, một cảnh đẹp kỳ dị đã phơi ngay trước mắt tôi. Lẩn trong sương mù, mấy trăm chiếc thuyền Làng đều lên đèn một lượt. Ngọn đèn xao động trông hơi mờ và xanh nhạt. Thuyền Làng trôi từ từ nên ánh đèn cứ thay đổi chỗ mãi. Trước cảnh xinh đẹp ấy, tôi hối hận đã dám nghi dân làng quên cuộc họp hàng năm.
Sương mù càng sa dày hơn nữa và tôi cảm thấy nằng nặng trên hai vai. Khí lạnh như cố ôm riết người tôi. Tôi không cử động được.
Không biết tại sao lúc ấy có cái gì rờn rợn và bắt tôi rùng mình. Tôi gọi lớn tên mấy người bạn tôi quen. Ở đằng xa thoang thóang có mấy người lao xao đáp lại. Nhưng tôi cũng không nhận rõ được ai. Hơi lạ là tiếng chuông chùa Linh Sơn tuy nhỏ và xa, tôi vẫn nghe rõ lắm. Tôi nghĩ dân làng kiêng không cho thuyền mình đến gần - như người ta kiêng xông nhà, đào đất - nên không gọi nữa.
Thuyền Làng bắt đầu chèo quanh am làm tôi nhìn theo chóng cả mặt. Ban đầu ánh đèn còn đi chậm, sau đi nhanh, sau cùng đi nhanh quá đến nỗi tôi thấy toàn người như đảo lộn. Đứng không vững tôi liền tìm thuyền xuống nằm và ngủ quên lúc nào không biết.
Sáng dậy bước ra khỏi mui thì trời đã bừng sáng. Sương đã tan và mặt nước tươi xanh như mới nhuộm. Tôi dụi mắt nhìn lại mặt phá thì không thấy thuyền Làng đâu cả. Chưa biết duyên cớ gì tôi đã sợ lạnh cả người. Chèo thuyền đi hỏi mấy làng lân cận thì họ bảo:
- Trận bão dữ dội ngày mồng hai tháng tám năm Thìn, thuyền và dân làng đã chìm và chết hết.
Nghe xong, tôi buồn uất, khóc không ra tiếng. Từ đó, tôi cứ chèo thuyền làm ăn thật xa, không mấy khi trở về làng. Về thêm khổ, và về với ai?"

Ai hát giữa rừng khuya (TCHYA)

Tôi dụi mắt ngắm kỹ một lần chót nữa. Quả nhiên, cũng như cảnh tượng vừa hiện ra lúc tôi mới đến, tất cả sự vật chung quanh mình tôi cứ tựa hồ chứa đầy một vẻ bí mật thiêng liêng rùng rợn, một vẻ bí mật mà hình ảnh rõ rệt tôi được mục kích càng làm cho dữ dội, nặng nề.
Hiện trạng đương phô bày trên mái đồi kia, trước mắt tôi không xa mấy, dưới ánh nắng vàng đỏ của buổi chiều tà, hiện tượng đó có quả thực là một hiện tượng hay không, hay chỉ là một hình ảnh mơ hồ

mà đôi mắt quáng của tôi lầm tưởng là một bức tranh kỳ quặc? Tôi phân vân không biết tự đáp thế nào. Ngắm đi ngắm lại, nhìn rồi lại dụi mắt, dụi mắt xong lại nhìn, tôi hết sức kinh nghiệm để chắc chắn, cho kỳ mối ngờ vực của tôi thành hẳn ra ngờ vực, hoặc biến thành một tín ngưỡng sâu xa. Nhưng... có lẽ nó hóa ra tín ngưỡng mất.

Vì, chỉ cách tôi bảy tám cột đèn, nghĩa là non hai trăm thước, giữa ban ngày, sự lạ lùng hiện ra cho tôi trông thấy vẫn không hề biến đi, mà cũng không thay đổi. Sự ấy thực là một kỳ quan độc nhất vô nhị, một sự tối vô lý mà mình phải tin là thật, nhưng cũng có nghi ngờ là giả dối, mơ hồ. Cứ lấy con mắt hết sức chú ý nhìn, thì sự đó vẫn không trốn tránh tính tò mò hiếu sự của ta; song, hễ khi nào ta dùng đến một vật gì để đi gần lại trường hoạt động của nó, thì nó biến vụt ngay như làn khói bị gió lùa. Hoặc ta tìm cách đi gần chân đồi, còn độ hai ba cột đèn sẽ tới nơi, trông lên thì không thấy gì nữa cả; hoặc ta đưa lên mắt một cặp ống nhòm để phóng đại trường qua sát, phong cảnh càng to ra bao nhiêu thì hình ảnh ta muốn thấy lại mờ đi bấy nhiêu, có khi hóa thành trong như vắt như kính, nghĩa là không có hình sắc nữa.

Bằng cứ chịu khó đứng xa xa mà ngắm nhìn, thì dẫu ngắm chán mắt, sự kỳ quặc kia cũng vẫn hiện ra cho mình trông thấy, hiện ra một cách nửa rõ rệt, nửa mơ hồ, lạ lùng khó tả quá! Nhưng không phải ngày nào, giờ nào, bất cứ lúc nào, ta cũng có hạnh phúc được nhìn nó. Nó chỉ thoát khỏi cõi âm trở về cõi dương một năm có vài kỳ, mỗi lần sự biến thiêng của khí hậu gợi cho nó nỗi nhớ tiếc thời oanh liệt thuở xưa.

Sự biến thiên đó họa hoằn mới xảy ra; ấy là một điều tối không may cho những khách tò mò hiếu sự. Như tôi chẳng hạn. Tôi đã phải dằng lòng gắn sức đợi đến ngót tháng trời được trông thấy hình bóng tôi muốn thấy; nào phải đâu là sự dễ dàng.

Cảnh tượng dị kỳ tôi đã được chứng kiến, nó là hai con ma, hai cái oan hồn uất ức của hai kẻ chịu tử hình, lâu ngày không tiêu đi được nên tụ lại thành bóng, hấp thụ mãi khí thiêng liêng của trời đất, nên mỗi khi bị hoàn cảnh xúc động đến là hiện được lên ngay, hiện lên để diễn lại một tấn trò mà xưa kia, hai oan hồn đó thường diễn những giờ cao hứng.

Phàm giả người ta, trong buổi bình sinh, có một thú gì mình yêu nhất, mê nhất, một thú gì làm then chốt cho tất cả bao nhiêu tính tình dục vọng của mình, một thú gì mình đã biết hưởng và đã đặt trên tất cả những khoái lạc của cuộc đời, thì nhiều lúc, sau khi đã lìa bỏ cõi tục rồi, vẫn còn nhớ tiếc đến thú ấy luôn luôn, chỉ ngong ngóng chờ có dịp hưởng lại là chộp lấy ngay, không bỏ sót.

Cũng bởi cớ đó nên một khi thi nhân đã chết, hồn thi nhân còn muốn ngâm thơ; một khi nhạc công đã chết, hồn nhạc công còn muốn gảy đàn. Câu thơ Đường của Vương Bột văng vẳng trên dòng sông Lạc, điệu đàn của Sư Quyên véo von trên mặt sông Bộc đó chẳng phải là những chứng cớ rõ ràng cho thuyết ấy hay sao?

Mà nhất là khi kẻ bị thác lại là người mệnh bạc, vì nghiệp chướng mà chết oan, chết yểu, bất đắc kỳ tử hay bị nhục hình, thì một điểm linh hồn bay phiêu diêu trong gầm non nước không tài nàosiêu linh tịnh độ được, cứ mập mờ khi tan khi tụ, bơ vơ trôi dạt, không đâu là bờ bến. Điểm linh hồn đó vẫn còn nhớ rõ rệt cuộc sinh hoạt mình trải, vẫn còn đầy dục vọng và tình cảm, nhưng chỉ vì không có xác vật chất nên khó lòng diễn được dục vọng và tình cảm đó mà thôi. Nhiều khi linh hồn còn muốn sống thêm nữa trên cõi thế, bởi chưa dứt hẳn trần duyên, còn muốn vẫy vùng nữa, ganh đua nữa cùng với người đời cùng tranh đấu cho tới cùng. Có linh hồn khi thác bỗng tỉnh ngộ ra, bay lên một cõi thiêng liêng cao sạch để ngao du, tĩnh dưỡng.... Còn như các linh hồn bị nghiệp duyên dục vọng buộc chặt với cuộc sinh hoạt củ loài người, thì chúng thường hay bay vơ vẩn quanh quẩn bên mình ta, trông ta một cách ham muốn thèm thuồng, chỉ đợi có dịp là tất là trở về sống chung với ta, dẫu rằng trong một phút.

Đó là những chúng sinh.

Mỗi khi có đàn tràng cúng tế, là chúng lần mò cùng đến, để rồi cướp lộc cướp cơm, mỗi khi có kẻ ngồi đồng, hay có kẻ thần hồn bị suy nhược là chúng ám vào người để được cử động quay cuồng cho đắc ý. Lại những cuộc thi hội, thi hương, thì chúng tụ lại họp cả ở cửa trường, để đợi gọi đến thì ùa vào mà báo ân báo oán.

Nói ra không hết được; ta chỉ biết bởi cớ có nhiều âm hồn còn muốn sống nữa, nên khi có xảy ra những chuyện kỳ dị mà, nếu mắt ta chịu khó bỏ hết các thành kiến, nếu ta chịu lưu tâm suy xét đôi chút đến nhẽ huyền vi của máy âm dương, ta sẽ nhận thấy rõ là không có sự gì hoang đường cả. Trên đời chỉ hoàng toàn có sự thực mà thôi, cái gì có thể xảy ra được đều là sự thực cả. Chỉ có một điều là không phải ma nào, oan hồn nào cũng hiện lên được cả.

Ma muốn hiện hình tất phải đủ tư cách, phải ở trong những trường hợp không bị ngăn trở mới biến hóa được. Thí dụ như vàng muốn biến thành nước tất pphải nấu lên ngoài ngàn độ, sự biến từ thể nọ sang thể kia không phải bất cứ trường hợp nào cũng xảy ra được.

Cho nên, ma có thể hiện hình được, trước hết cốt phải thiêng, mà muốn thiêng, thì thao như chúng ta biết, phải có một vài điều kiện. Một là chết đúng giờ, hai là chết trẻ, ba là chết một cách thê thảm, bốn là chết oan, năm là được chôn ở đất có mạch hay là hấp thụ được khí thiêng của trời đất.

Phi mấy điều kiện ấy, thì chỉ là một mảnh hồn yếu ớt, phất phưởng, khi tán khi tụ, bay là là vô định trong gầm vô định mà thôi. Mà có được cả mấy điều kiện vừa kể, cũng phải tùy từng tuổi, từng chỗ, từng thời mới hiện lên được...

Cuộc sống ồn ào đã đánh tan âm khí, ma thiêng phải bạt đi xa. Những linh hồn, dù mạnh mẽ đến đâu, cũng khó có lòng hiện lên được, vì khí dương mạnh quá. Có lẽ các ma thiêng đều chạy cả về những chốn đồng rừng xa vắng, ở lẫn lút trên đồi, trên ải, không còn hy vọng gì phảng phất ở những đô thành.

Chả bù với thời thái bình êm ái thuở xưa: đâu đâu âm khí cũng đều vượng cả, muốn rong chơi chỗ nào cũng được, không bị một mãnh lực gì ngăn cản, đánh tan đi. Thuở đó, người âm phủ với người dương gian nào có xa nhau mấy: ông Bồ đã vì sự người với ma hay chung chạ mà viết nên pho truyện Liêu Trai. Đến thời nay, Liêu Trai đã hóa ra một cuốn truyện hoang đường vô lý! Cho hay ma cũng có thời.

Tôi có lẽ còn được nhiều hạnh phúc hơn Bồ tiên sinh là tôi đã được thấy tận mắt ma hiện hình giữa ban ngày, trong thời đại bây giờ, lại ở một nơi không cách xa đô thành phồn nhiệt mấy. Đó thực là một sự lạ; và, cũng vì sự lạ đó, tôi mới chép nên câu chuyện này...

Ma Không Đầu

Hôm đó, cách đây chừng khoảng 20 năm, tôi đi về vùng Nam Định xuống ga Gôi, vào thăm một người bạn cũ.

Lâu ngày mới được bặp nhau, bạn tôi mừng lắm, vội vàng sai vợ con đi giết gà mổ vịt, lại cho người ra chợ đón mua những thứ quà ngon. Tôi gặp lại bạn cũng mừng, hai anh em ngồi uống trà đàm đạo mãi cho tới chiều, không biết mệt.

Lúc ấy, vào khoảng bốn giờ chiều. Trời tháng quy hạ, nóng nực lắm, tuy sắp sang thu mà cũng vẫn oi ả. Tôi đến lúc một giờ chiều, ngồi hàn huyên với bạn đã ba giờ có. Lúc tôi đến, trời còn nắng chang như lửa đốt, nhưng khi vào nhà bạn được hơn một tiếng đồng hồ thì trời bỗng đâu sa sầm mặt lại; mây đen bốn bề rầm rộ kéo đến, rồi sấm chớp nối tiếp nhau xé toạc quãng không gian bằng những tiếng nổ ầm ầm và những luồng quang tuyến sáng xanh chói lọi. Sau cuộc thị uy thị hùng ấy, mưa ở lưng chừng tưới xuống trần ai như thác chảy, nhưng chỉ trong khoảng nửa giờ lại tạnh ráo ngay. Mây đen, tụ lại ít lâu, cũng theo chiều gió tan đi hết. Trời lúc nãy bị vẩn ám, bây giờ quang đãng như không, vài tiếng sấm cuối mùa thỉnh thoảng trồi dậy, nhưng chậm rãi uể oải, không có vẻ hùng tráng như khi mưa chưa nhỏ giọt.

Mặt trời, khói bị che kín sau ức màn mây tối, lại vui vẻ tia ra những luồng ánh sáng đỏ rực và gay gắt; hình như sau mỗi cơn mưa rào, thì ánh nắng càng nồng càng đượm; để cỏ cây mau chóng được khô ráo nhẹ nhàng. Mưa xuống nắng lên là một sự rất thường trong thời tiết, nhưng sự đó không mấy khi xảy ra trong các mùa êm dịu như xuân thu, và trong cụ mấy tháng mùa đông rét mướt. Nó chỉ thường xảy ra giữa mùa hạ, là một mùa hay có giông tố thất thường.

Mỗi một lần mưa xuống nắng lên, thì khí đất lại ngùn ngụt bốc cao khỏi đầu ngọn cỏ, hơi thở của Tạo vật lại nặng nề bực bội, mà khí hậu thì hóa ra độc địa vô cùng.

Những buổi trái trời trái đất ấy, ngoài sự làm cho khí hậu hóa nên ám chướng, có lẽ còn có một mãnh lực gì u ẩn, huyền bí, xúc động cả các âm hồn.

Người ta thường nghiệm ra rằng, sau một cơn bão, khí trời ở chốn thôn quê có mùi khen khét, khiến nhiều kẻ tưởng lầm là sét đốt cháy một vùng nào. Sự thực chỉ là, dưới sức mạnh âm ỉ của các luồng điện nhấp nhoáng trong không gian, dưỡng khí tụ đặc lại mà gây nên mùi khét. Sự tụ đặc ấy vô hình, ta chỉ nhận thấy ảnh hưởng của nó mà thôi; nếu không có nhà bác học thí nghiệm xét ra, có lẽ ta cũng cho là hoang đường.

Hoang đường là tất cả mọi sự mà loài người chưa tìm ra cội rễ căn nguyên vậy.

Sự tôi sắp nói ra đây, vì chưa dò xét duyên cớ, nên cũng phải tạm liệt vào hoang đường. Ấy là sự thay đổi trong cõi huyền bí do sức có luồng điện trong không khí tạo nên. Âm hồn làm bằng chất gì, ta

không được rõ; ta chỉ biết nó vô hình vô ảnh, nó nhẹ nhàng phảng phất, đầm như hơi sương, thoảng như làn gió, nó tan đi hay tụ lại theo những luật riêng óc mình không thể xét đoán được. Nó ví như những làn khói, những luồng điện trong vũ trụ vậy...

Vì tình cờ run rủi, tôi đã được chứng kiến sự âm hồn hiển hiện, sau một trận mưa trong một ngaỳ gay gắt nắng. Hôm đó, ngồi đàm luận cùng bạn, tôi đương vui vẻ, kể lể mọi nỗi hàn huyên tâm sự, thì bỗng thấy bạn tôi như chợt nghĩ đến điều gì, vùng đứng dậy, vừa kéo tay tôi vừa nói:

-Bác hãy theo tôi, sẽ cho bác xem một sự lạ lắm!

Tôi ngạc nhiên, hỏi bạn:

-Trời đang mưa xuống nắng lên thế này, khí đất bốc lên ngùn ngụt như kia, bác muốn chúng ta đi đâu?

-Bác cứ theo tôi, rồi tự khắc rõ! Bác sẽ không phải hối hận đã xông pha mưa nắng đâu. Mau lên, kẻo bỏ lỡ mất dịp này thì uổng quá!

Nói đoạn, bạn kéo tay tôi rõ mạnh. Tôi không cưỡng cũng không dùng dằng, vội đứng dậy cùng đi một quãng khá xa, gần tới một cái đồi. Đến một nơi cổ am, có bóng cây cao rườm rà phủ kín một vùng đất rộng, bạn tôi ra hiệu bảo tôi ngừng bước. Tôi theo đúng lời bạn, đứng tựa lưng vào gốc cây, nhưng chưa hiểu bạn tôi định tâm cho xem một cảnh vật thế nào.

Anh ta đứng trước mặt tôi độ vài ba bước, nghoảnh đầu nhìn cả bốn phía, rồi ngước mắt trông ra mé chân đồi như tìm kiếm cái gì. Một lát, hình như anh ta đã thấy được sự gì mà muốn cho tôi chứng kiến, anh lùi lại, bá vai tôi, một tay trỏ ra phía sườn đồi xanh biếc.

-Này, anh cứ thẳng tầm mắt trông theo ngón tay tôi chỉ, có phải ở ven đồi, chỗ có nương khoai mà ta nhìn xa chỉ thấy màu đất vàng đỏ hiện rõ giữa một màu xanh thẫm, chín chỗ ấy, có hai người đang diễn võ dương oai, vật nhau chán thì cùng múa một bài quyền...

Trong lúc bạn tôi nói, tôi chăm chú thu hết nhãn lực cố phóng luồng nhãn tuyến ra mé đồi để ghi lấy cảnh vật mà anh đương tả một cách hùng dũng. Nhưng khốn nạn cho tôi! Hai mắt đã hết sức nhận xét cho rõ rệt, mà vẫn chưa thấy tí gì! Ngàn trùng mây lam lợt lợt, ruộng lúa xanh rờn, đồi cây thẫm biếc; chả có một dấu hiệu gì chứng tỏ cho tôi là có người đương nhảy múa cả. Bạn tôi thì cứ níu chặt lấy vai tôi, bắt đầu tôi phải gần sát đầu anh, hình như muốn truyền sang cho tôi nhãn lực của anh vậy.

-Chết nỗi? Anh chưa thấy gì ư? Kia kìa, anh cứ chú ý nhìn vào nương khoai đo đỏ kia, chúng nó đang vờn nhau hay lắm. Anh đã thấy chưa?

Bấy giờ hình như mắt tôi mới đỡ quáng đỡ mờ, tôi thình lình thấy một vệt trắng xám, hung hung ở sườn đồi, mé dưới nghiêng về bên tả. Liền lúc ấy, tôi cũng hình như trông thấy hai cái bóng sẫm, tựa hồ hình dáng người nhưng rất lạ. Buột mồm, tôi kêu lên rằng:

-Quái! Làm sao nó không có đầu.

Tôi vừa dứt tiếng, một đống cát bụi, ở đâu cạnh chỗ chúng tôi đứng, bỗng vụt bốc lên. Tôi nhắm mắt lại. Bụi cát và lá khô phả vào mặt tôi rõ mạnh, tôi cảm thấy một luồng gió dữ dội đương quấn lấy thân tôi, hút tôi, làm cho tôi nghẹn ngào khó thở. Mũ tôi tự nhiên bị cuốn lôi lên. Tôi níu chặt lấy bạn.

Một khắc như thế, không thấy bụi phả vào mặt nữa, tôi mở mắt ra, thì bị một cảnh tượng làm cho giật mình kinh sợ. Một luồng gió lốc, nhanh như chớp, cuốn chiếc mũ trắng của tôi lôi đi rất xa, ở lưng chừng trời. Cơn gió lốc ấy như tiến lại mé chân đồi vùn vụt. Khi đến chỗ nương khoai, chiếc mũ tôi – lúc đó trông chỉ là một điểm trắng cỏn con, bỗng rơi xuống đất, tỏ rằng cơn gió đã tan rồi.

Cố nhìn, thì chả thấy bóng dágn của hai anh chàng múa võ nữa. Tôi lấy làm lạ, chưa kịp hỏi thì anh đã cười bảo tôi:

-Thực là anh làm uổng mất một tấn tuồng đặt biệt! Vì anh mà cuộc phô diễn này bị bỏ dở; nếu không, ta đã được một phen khoái trá vô cùng.

-Cớ sao anh lại bảo vì tôi...

-Anh mới đến nên không biết. Sự kiện mà tôi muốn cho anh được chứng kiến là một sự lạ lắm: ma diễn võ giữa ban ngày. Ở chân đồi kia, có hai oan hồn của hai nhà thiện xạ, vì phạm phép nước nên bị chém đầu. Hễ cứ có mưa xuống nắng lên, thì oan hồn đó lại hiện về, cùng nhau thí võ. Muốn xem họ nhảy múa, phải đứng rõ xa mới thấy, lại gần quan sát thì biến mất. Mà lại phải kiêng, không nên nói đến sự mất đầu. Nếu lỡ mồm, ắt xảy ra cái cảnh tượng như hai anh em vừa mới thấy đó. Tho6i, bây giờ ta hãy đi lại nương khoa nhặt cái mũ về, rồi đợi đến dịp khác sẽ thưởng ngoạn cuộc múa võ kia, tưởng không lấy gì làm muộn...

Bạn tôi dìu tôi cùng đi lại mé chân đồi. Nhưng can đảm của tôi ít ỏi quá, tôi đành mất mũ, không dám đi xa nữa chỉ cầu xin bạn dẫn về nhà mà thôi.

Bạn cười tôi hèn nhát, song cũng chiều lòng; anh đem tôi về nhà và sai một tên gia đinh ra chân đồi lượm mũ về cho tôi.
Tôi ở nhà bạn non ba tuần lễ, ba tuần nóng ruột muốn thỏa chí tò mò hiếu sự của mình ngay, nhưng ngặt nỗi không gặp ngày nào có mưa xuống nắng lên cả. Tôi đã xếp sẵn những khí cụ để sự quan sát được dễ dàng; lại luôn luôn mình tự dặn mình đừng bao giờ thốt lên hai tiếng "không đầu" khiến cho hỏng việc một lần nữa.
Thắm thoát vài hôm sau, tính đốt tay thì ra tôi quấy rầy bạn đã hai mươi hai ngày. Hôm đó, may quá, vào khoảng chín mười giờ sáng, trời đương nắng chang chang bỗng có cơn mưa. Tôi mừng quá. Mưa vừa ngớt hột, tôi thủ ngày máy ảnh và ống nhòm rủ bạn đi lại chỗ có cái miếu thần và cây cổ thụ mà chúng tôi đã đến một lần hôm trước.
Tới nơi, không cần bạn phải chỉ bảo, tôi tự đứng lên mé trên nhìn phương hướng, rồi quay trông đầu về vệt hung đỏ ở sườn đồi. Quả nhiên bạn tôi nói có ngoa đâu, tôi nhận thấy hai cái bóng đương vờn nhau nhảy nhót.
Mới đầu tiên, trông không được rõ lắm; nhưng dần dần mắt tôi trông càng quen càng sáng suốt ra. Cảnh vật tôi được chứng kiến thật kỳ dị; từ bé đến giờ tôi mới thấy một sự thú vị như thế này.
Đó chỉ là hai cái bóng, nhưng quái dị làm sao! Hai cái bóng giống hệt như hai người, có tay chân, biết cử động, song chỉ vị không có đầu. Hai cái bóng ma cụt trốc! Đứng mé xa trông lại, tuy hình ảnh mình được thấy không có gì là chính xác, nhưng cũng rõ rệt vô cùng. Mới trông thì chỉ thấy lờ mờ hai vệt xám, hiện rõ trên màu hung đỏ của nương khoai; để ý nhìn lâu tí nữa, thì rõ ràng là hai thân thể đàn ông, đương đấm đá nhau hùng dũng lắm. Hai cái bóng ấy màu xám thẫm, xanh biếc, như màu khó đặc tụ lại. Không thấy rõ quần áo mặc ra làm sao, chỉ hình như cùng mặc áo chẽn mà quần thì xắn đến tận đùi. Đó là một thứ y phục tôi tưởng tượng ra, vì tôi trông na ná như thế: sự thực thì chỉ có hai cái bóng chập chờn như hai hình ảnh nhấp nháy trên màn ảnh. Ngắm kỹ quái trạng hiện ra đó, ta có thể vừa trông vừa đoán, nhận ra rằng hai bóng ma kia là hai thân thể vạm vỡ cường tráng mà cũng lanh lẹn phi thường. Chúng nó tuy không đầu, song đánh nhau chả kém gì người có mắt, lại có phần giỏi giang, sắc sảo, hơn những người có mắt nhiều.
Chúng diễn những đường võ cực kỳ bí hiểm, trông ngoạn mục và lý thú vô cùng. Cũng đấm, cũng đá, cũng né, cũng xông, cũng quay đi lộn lại, cũng cúi xuống ngửng lên, thực chả khác gì hai võ sĩ còn sống cùng nhau thi quyền trong một kỳ đả lôi đài hay thi cử võ vậy. Võ vẽ đôi ba miếng côn quyền học lỏm, tôi nhận rằng bản lĩnh của hai oan hồn kia siêu quần, xuất chúng, ít người thời nay sánh kịp. Có lẽ hai con ma đó thuộc về thế hệ trước, mộtthế hệ còn trọng những môn đao kiếm, một thế hệ chỉ suy tài nghệ trong các đường quyền hiểm hóc, chớ không ỷ vào súng đạn để thủ thân. Thế hệ ấy ngày nay đã mất, đã biết trong cuộc dĩ vãng xa lắc xa lơ; vết tích của nó, có chăng chỉ còn là hai bóng ma này, lạc loài vào một thời đại mới, mà vẫn còn mê muội trong cái chí hướng ngang tàng của thuở bình sinh?
Hai bóng ma kia cứ rập rờn quay lượn mãi. Chúng nó xử nhau những miếng võ tuyệt kỹ như các miếng "Song long quá hải. Mãnh hổ tầm sào, Thái sơn áp đỉnh, Hạng võ phi truy" v.v... nhưng tựa hồ chúng không có ý làm hại nhau chỉ thi nhau trổ hết tài nghệ cho thỏa thích, cho bỏ nhớ nhung cái thời oanh liệt chúng đã từng sống, mà không được sống đến cùng.
Đứng ngắm nhìn sự phô diễn tự nhiên kia, cũng thật là khoái lạc ý vị. Trong buổi văn minh ngày nay, dễ đâu đã có dịp xem hai người xử võ?
Giả sử có xem xiếc hay xem tuồng Tàu, thì chỉ toàn một màu là múa may cho qua loa câu chuyện; mấy khi đã gặp hai thiện nghệ hết sức trổ tài quyền cước cho mà coi? Bởi thế khi gặp trường hợp mà tình cờ tôi được trải qua, tôi ngắm nhìn mãi không hề mỏi mắt.
Ngắm chán, tôi lại giơ ống nhòm lên quan sát cho rõ rệt; nhưng, thật là kỳ quặc, mỗi khi tôi để mắt vào ống nhòm, thì chỉ còn thấy nương khoai hiện ra, tuyệt nhiên không nhậ được bóng dáng hai nhà võ sĩ "cụt đầu" nữa! Tôi thí nghiệm đến mười mấy lượt; lượt nào cũng vật; cứ bỏ ống kính ra thì tha hồ mà trông mà ngắm, hễ đem ống kính lên mắt, hình ảnh kia đã lại biến lúc nào rồi...
Kế ấy không xong, tôi dùng kế khác. Tôi trao ống nhòm cho bạn, chỉ đeo có một chiếc máy ảnh, một mình đi sát lại chân đồi. Cách xa độ bốn cột đèn, tôi còn trông rõ bón hai con ma ấy cứ mờ dần đi, rồi, sau cùng, khi tôi chỉ còn cách đồi độ chừng mươi bước, trông lên chỉ thấy không khí một màu như không hề xảy ra chuyện gì cả. Cho rằng mắt tôi bị các âm hồn làm cho mờ quáng đi, tôi đem máy ảnh ra cứ chụp lấy năm sáu bức, mong rằng may ra con

mắt kính sẽ hơn tôi, ghi được cảnh thần bí mà mắt người không thấy nổi. Về nhà, rửa ảnh, tôi vẫn bị thất vọng như thường; trên ảnh không có dấu vết gì của hai người võ sĩ cả.
Sự bí mật thực là hoàn toàn bí mật. Tôi vừa ngạc nhiên kinh dị, vừa tức tối khó chịu. Khó chịu cũng đành vậy, chớ biết làm thế nào! Mình còn ở cõi dương gian, lại muốn vén tấm màn huyền bí của tạo hóa để nhìn rõ sang cõi âm, thì làm sao cho được. Hai oan hồn kia chỉ có thể hiện lên cho loài người thấy chúng một cách lờ mờ mà thôi.
Tôi có hỏi bạn về sự tích hai nhà võ sĩ bạc mệnh chết bất đắc kỳ tử; bạn tôi chỉ biết lờ mờ rằng hai người đó chết đã năm chục năm nay, lúc anh chưa ra đời, mà, theo như lời các cụ già kể lại, là hai tên tướng cướp bị sa vào lưới pháp luật và bị hành hình ngay ở chỗ chân đồi. Bạn tôi chỉ biết có thế thôi, câu chuyện của anh chàng làm tăng tính tò mò hiếu sự của tôi, càng gợi lòng tôi muốn đi sâu vào bí mật của Thời gian để giải cho ra vấn đề tôi suy nghĩ.
Tôi muốn biết thuở bình sinh, hai vong hồn kia làm gì, mà tại sao cùng chịu chết thảm thương uất ức. Uất ức, bởi lẽ họ hiện lên múa võ như thế; chớ nếu họ làm nên tội rồi bị giết, thì còn oan khổ nỗi gì mà đến nỗi ngoài năm mươi năm, khối ân hận ấy vẫn chưa tiêu? Thực là một sự lạ.
Tôi nhất định phải dò xét sự lạ ấy cho tới gốc ngọn, dù phải tốn công khó nhọc cũng cam lòng! Trong lúc hăng hái, tôi tự nhận lấy một nhiệm vụ bí hiểm như thế; nhưng rồi dần dần, tôi phải tin rằng, một kẻ cuồng ngông, chỉ nói khoác hão huyền và ước muốn những điều vô lý. Làm gì có đủ vật liệu mà đi ngược Thời Gian để đem ra ánh sáng một câu chuyện trong hàng nghìn chuyện có lẽ còn ly kỳ hơn, đã xảy ra hồn nước Đại Pháp vừa dựng cờ Bảo hộ trên đất Việt Nam này?
Tuy nghĩ thế thì nghĩ, nhưng lòng tôi cũng muốn biết vì sao lại có hai oan hồn cụt đầu, cứ mưa xuống nắng lên, là hiện lên diễn võ. Trước còn là một ý muốn, rồi sau dần thành một dục vọng, sau nữa thành hẳn một định ý cứ bám chặt lấy hồn tôi. Tôi như kẻ đứng trong cảnh ngộ một nhà toán học chưa tìm ra kết quả của bài tính khó nhưng thú vị. Cả ngày, cả đêm, tôi chỉ mãi mê về chuyện ma không đầu của tôi rồi tôi lục các sách trong nhà Bác Cổ, để họa may có tìm được một vết tích gì về hai nhà võ sĩ bạc mệnh kia không. Trong sách, tôi thấy nói đến rất nhiều chuyện về ấu trĩ của cuộc Bảo hộ, xong chả có pho nào đá động đến hai nhà thiện xạ chịu tử hình ở mạn núi Gôi...
Sau khi tôi ở nhà bạn ra về, cách đến hai năm, tôi vẫn còn nhớ cảnh vật tôi trông thấy tựa như nó mới vừa xảy ra ngày hôm qua vậy. Tôi rất bực mình vì đã cố tận gắng sức, mà không tài nào biết thêm tí gì về quái trạng ấy cả. Những chuyện mà các người ở quanh vùng Gôi kể cho tôi nghe đều là những vật chứng lờ mờ, không chuyện nào giống chuyện nào, vì mỗi người lại thêm bớt mỗi vẻ theo ý riêng của mình.
Sau cùng, biết rằng tôi vô lực, tôi đành gắng quên dục vọng của tôi đi. Quên làm sao được? Càng ở những chỗ phồn hoa đô thị, lòng tôi lại càng như quằn quại khó chịu; tôi càng tự trách mình sao không cố gắng thêm chút nữa, dò xét thêm chút nữa; biết đâu trong một pho sách ở Viện bảo tàng, hoặc trong ký ức của một ông già đã sống thời loạn lạc, lại không có một vết tích, một dấu hiệu, chỉ cho tôi biết đường lần mò để đi sâu vào câu chuyện huyền bí của hai nhà võ sĩ không đầu, hiện lên mỗi lần mưa tạnh nắng lên?
Ấy, cũng bởi tin rằng có người biết được sự tôi cần biết, nên tôi bỏ hẳn nhà một dạo, đi ngao du khắp đây đó, mong rằng sự tình cờ sẽ cho tôi được thỏa lòng. Không ngờ khi đến Đồng Giao, tôi đã không tìm được một tí gì về câu chuyện của tôi, lại nghe thêm được một chuyện ly kỳ hơn, khiến cho tính tò mò của tôi càng sôi nổi thêm lên nữa.

Hạt Đồng Giao

Khi chuyến tàu Hà Nội-Vinh ghé một phú tại ga Đồng Giao để trút xuống mỗi một một người hành khách và một kiện hàng, thì kim đồng hồ nhà ga chỉ đúng 7 giờ 55 phút. Trời hôm ấy là một vòm trời đen tối; mưa phùn rả rích phủ kín không gian bằng một tấm màn ảm đạm; khí hậu nặng nề ẩm thấp; quang cảnh bốn bề lạnh lùng bí mật, chung quanh nhà ga đều là đồi núi rừng cây, khiến càng tăng thêm vẻ hoang vu rùng rợn.
Chỗ đó, xưa kia là một khu rừng sâu thẳm, ở vào một nơi đồi núi hiểm hóc, chỉ có thể dùng làm sào huyệt cho lũ giặc cỏ ẩn nấp hoặc làm trường mai phục cho hai đạo quân Chúa Nguyễn và Chúa Trịnh khi Bắc Nam xung đột binh đao. Chỗ đó ở chính giữa khoảng giáp giới hai xứ Bắc và Trung Kỳ, nó chia rẽ bờ cõi hai kỳ bằng ba từng núi liền nhau; vì cớ ấy người ta gọi là đèo Tam Điệp.
Ai đã từng đi xe lửa từ Thanh Hóa ra Ninh Bình, chắc cũng đã để ý đến một quãng đường sắt gập

ghềnh, hiểm trở, có lắm đoạn khúc khuỷu, mỗi lần xe đi qua lại ngửa nghiên lúc lắc, phải nghìm bớt đà lại, làm cho hành khách khó chịu mỗi khi nghe tiếng nghiến kèn kẹt của b'anh xe ép chặt trong máy hãm, giữa khi thân thể thì bị rung chuyển vì con tàu quằn quại, lượn ngùng ngoằng như con rắn uốn éo trên một con đường hẹp hòi, đực ở giữa núi. Ló đầu ra ngoài cửa sổ để nhìn phong cảnh, ta chỉ thấy mặt đá trơ trơ, dựng cao như bức tường, và chung quanh toàn là thứ cây sậy khẳng khiu, mọc ở ven sườn đá. Một khi tàu chui qua khỏi núi ra tới nơi đất phẳng thì lại chỉ là một khoảng đất mênh mông bát ngát, lởm chởm những đá, trên mọc xanh um kín mít những thứ cây nhỏ không tên tuổi, lan rộng khắp vùng; trông bụi không ra bụi, đồng không ra đồng, chỉ thuần một màu xanh thẫm, không thấy mặt đất đâu nữa. Thứ cây đó chả hiểu là những loại gì, nó thấp lè tè, quá mặt đất độ hơn nửa thước, mọc chen lẫn với lau và sậy, với cỏ, với rêu, biến quãng bình địa ra một khu hoang vu xanh thẫm, rừng cây không ra rừng cây, nội cỏ chẳng ra nội cỏ. Trong muôn vàn thứ cây đó, thứ mọc nhiều nhất là cây săng, cây sim; có thứ lại có hoa trắng và hoa tím, điểm một nét diễm lệ trên vẻ trơ tẻ cằn cỗi của ngàn lau.

Đã từ mấy năm nay, có một ông hào phú được nhà nước cho phép khai khẩn chốn hoang vu đó để làm đồn điền. Nhưng dáng chừng sự khai hoang khó khăn quá, nên nhà hào phú kia đành bó tay chịu thua Tạo Hóa, chỉ để lại trên đường sắt một tấm biển báo hiệu cho công chúng biết đất Đồng Giao là nơi sắp thành ấp nay mai. Ai đi qua Đồng Giao mà chẳng thấy một tấm biển gỗ to, đứng sừng sững trên ngàn cỏ xanh đã mấy năm nay, trên có một hàng chữ đập mạnh vào những người khách qua đường: "Concession Nguyễn Văn X..."

Sự mở mang khi đất rộng giáp với đường sắt ở vùng Đồng Giao hẳn phải là một công trình vĩ đại, mà trong một thời gian ngắn ngủi, sức người khó nỗi làm xong. Muốn cho bãi đất hoang thành những cánh đồng phì nhiêu phong phú, tất phải bỏ ra một số tiền ức vạn, một là để phạt hết cây hoang cỏ xấu, hai là để san bằng mặt đất, vạt cho hết lượt sỏ đá gồ ghề. Công trình ấy cũng đủ nuốt hết một gia sản khổng lồ, huống chi lại còn phải xây nhà cửa, nuôi xúc vật, và trồng trọt! Có lẽ cũng vì thế nên nhà hào phú kia đành nhẩn nha làm việc, không thể tiến hành công cuộc khai khẩn một cách nhanh chóng nữa.

Ấy là chưa nói về khí hậu xứ Đồng Giao. Ai đã từng ở vùng ấy độ dăm bảy tháng, ắt phải rùng mình ghê sợ, mỗi khi nói về thủy thổ miền giáp giới Bắc, Trung Kỳ. Đó là tổ sốt rét rừng, dẫu uống ký-ning đến điếc tai cũng khó lòng tránh khỏi. Khí hậu thực là kỳ quặc: tuy ở vào miền gần bể, mà Đồng Giao về phương diện thời tiết cũng chả khác gì những chỗ ở mạn Thượng Du, và có lẽ còn độc hơn các tỉnh lỵ vùng Thượng Du nữa. Đêm thì lạnh buốt phải đắp chăn tới sáng, ngaỳ lại nóng bức như giữa mùa hè. Sống trong bầu hàn thử tương xung đó, phải có xương đồng da sắt mới tránh khỏi sự ốm đau quặt quẹo. Buổi sáng, tám giờ, sương trắng như sữa, đặc như khói, còn phủ kín non sông cây cỏ; mãi đến khi mặt trời lên cao lắm mới tan dần. Chiều tới, vào khoảng bốn năm giờ, sương đã bắt đầu rỏ xuống rồi tụ lại, chỉ chốc lát là phong cảnh bị chìm đắm trong một bức màn trắng đục, ẩm thấp, khiến người đi trong năm bước khó lòng trông thấy mặt nhau. Trong cụ quý xuân, mỗi khi có mưa dầm rả rích, sự nặng nề ướt át càng tăng gấp bội, trời thu một màu tiêu điều xám đục, đất thì vắng lạnh đìu hiu, phong cảnh thực là thê lương ảm đạm. Có lẽ vì vùng Đồng Giao ở cao hơn mặt bể, lại có các rừng núi bao bọc, nên tuy không xa đồng bằng mấy, mà khí hậu thời tiết khác hẳn các miền ở đồng bằng. Quanh năm không khí bao giờ cũng đầy hơi nước; sự ẩm thấp không làm sao tả xiết; cỏ hoang rêu lạ tha hồ được tươi tốt nhưng quần áo đồ đạc thì luôn luôn phải hơ, phải sấy, nếu không ắt bị mốc bị mục một cách mau chóng lạ thường.

Đem so sánh các tỉnh rải rác trên quãng đường thiên lý chạy từ Hà Nội đến Huế, thì có lẽ hạt Đồng Giao là chỗ độc địa nhất. Sở dĩ nước độc, tại vì bốn chung quanh hạt toàn là rừng rú, ngàn nội, truông sậy hãi lau; những cây lá mục nát từ thuở xưa còn chồng chất cả trên mặt đất, trong lòng suối, khiến nước xanh lè như màu rêu, hoặc đục váng lên như nước ao tù.

Những cây cỏ thường hay giữ lấy hơi nước, không cho tan đi, lại nhuốm các khí độc ở đất bốc lên, thu tấ cả bao nhiêu những nguồn ám chướng vào lòng rừng rú. Gia dĩ trong rừng, bóng mặt trời không lọt vào được, lá cây cỗ thụ rườm rà che lấp hẳn ánh nắng, hóa nên sự ám chướng thiêng niên vạn đại cũng chưa tiêu. Lá cây, khi rụng xuống, xếp lên thành khối, lâu ngày mục dần biến ra một tảng đất đen hôi thối, có khi rơi vào nước, hoặc ngấm vào mạch nước, đầu độc cả các suối, các ngòi. Dân cư

bởi thế, không tài nào tránh khỏi bệnh tật, vì ai ai cũng đều phải lấy nước làm một sự cần thiết cho cuộc sống sinh hoạt thường ngày.
Đấy, chỉ là xem qua như thế, ta cũng đủ thấy đất Đồng Giao là một vùng ám chướng; mà không những hạt ấy chỉ độc ở khí hậu, chỉ buồn tẻ cằn cỗi ở phong cảnh, nó lại còn dữ dội tàn ác ở chỗ rừng núi bụi bờ chứa đầy các mãnh thú sinh hoạt một cách rất hùng cường phồn thịnh trong vẻ phồn thịnh của cỏ cây.
Bởi địa thế hiểm hóc, Đồng Giao đã làm trường thí nghiệm cho muôn ngàn tấn bi kịch khủng khiếp. Nào là cướp bóc, chém giết, nào là hãm hiếp, giam kìm v.v... Những các trò thương tâm ấy đều là của loài người, tranh cạnh với loài người, mà diễn ra, nó không có tính cách lạ lùng cho lắm. Thê thảm bi đát hơn ấy là sự mãnh thú, vì đói ăn, bắt loài người cấu xé ra từng mảnh, xác thì dùng để lót dạ, mà hồn thì đày đọa vào kiếp nô lệ ma tranh. Một câu chuyện trong muôn ngàn câu chuyện Hổ hại người, tình cờ khi đặt chân lần đầu trên đất hạt Đồng Giao này tôi đã được nghe thuật lại.
Bạn hãy theo tôi xuống tàu vào ga một chút, rồi chúng ta sẽ cùng đi tới đầu đề. Hôm đó, trời mưa rả rích, lại tối đen như mực, dẫu vừa mới tám giờ đêm. Quang cảnh nhà ga trông quạnh hiu hoang vắng, sự buồn sự lạnh thấu trời rơi vào tận đáy tâm hồn. Tàu huýt còi rồi nặng nề lăn bánh trên con đường sắt, chui vào bóng tối chập chùng. Tôi ngẩng trông trời, mưa phăn tạt vào mặt, tỉnh táo ra đôi chút. Một mình thui thủi, tôi xách va ly thất thiểu trên vỉ đường ẩm thấp, đi vào cửa ga.
Cửa ga hé mở có một cánh. Một người thư ký gần gò trong chiếc áo the lụng thụng, giơ tay đón lấy cái vé tôi trao. Tôi cũng chả buồn nhìn xem ông ta già hay trẻ và mặt mũi thế nào. Vả lại tối lắm.
Bước vào mé trong ga, tôi thấy ấm áp dễ chịu. Ánh sáng các ngọn đèn dầu tây tỏa ra một cách dịu dàng trong gian phòng hẹp vắng, bẩn thỉu, trên tường có tranh ảnh của sở hỏa xa xuất bản, ở một góc lại có một c ái cân to.
Tôi còn đương bàng hoàng ngần ngại, ở bóng tối bỗng đâu nhô ra một người vạm vỡ, mũ dạ đội sụp lấy trán, áo tơi mưa bọc kín cả người. Chàng lực sĩ ấy ra nắm lấy tôi, rồi nhe ngay bộ răng trắng nhởn.
-Tôi đợi anh đã lâu. Sao tàu chậm thế?
Tôi mới nhận ra rằng đó là Trần Văn Thủy, bạn tôi, mà nhà thầu khóan to hiện đương dở công việc xây đắp nhà cửa và đường sá ở mạn Đồng Giao. Anh Thủy thấy tôi mừng quýnh như kẻ được vàng, vội kéo tôi xềnh xệch ra khỏi ga, đẩy tôi lên xe ô tô, mở máy chạy vèo vèo trên con đường đá vụn. Tôi ngồi trên xe, chỉ nhìn thấy một vùn vô định, lờ mờ u ám, không còn nhận rõ sự gì. Duy chốc chốc lại nghe tiếng sỏi bắn vào thành xe, kêu rắc rắc, và luôn luôn bên tai tiếng động cơ xoay chuyển đều đều. Một nửa giờ như thế, xe ngừng lại. Bạn tôi bấm đèn "pile" rọi sáng, đưa tôi vào một tòa nhà.
Trời tối lắm, tôi cũng chả biết nhà ấy lợp bằng ngói hay bằng gồi, tiến vào nhà thì thấy trên nền nhà cao ráo, phòng ốc rộng rãi, tường tuy bằng rơm và phên trát vữa, nhưng có cửa kính cửa chớp chắc chắn, mé trên thì cũng có trần như các nhà tây. Trong nhà có ghế xa lông rơm, và dăm bộ phản, cùng một bộ bàn ăn. Bày biện rất sơ sài, song thực là ngăn nắp sạch sẽ, thoạt mới vào ai cũng phải võ đoán chủ nhân là một kẻ làm ăn cẩn thận, ưa sự thực tế mà ghét thú xa hoa. Trên tường, quét vôi trắng toát, chả có tranh ảnh gì cả. Gian giữa, thì thấy treo một khẩu súng trường dài nòng và ba thứ khí giới ta; một thanh mã tấu, hai thanh quất và một cái nỏ. Thế là hết. Các đồ trang hoàng chỉ có thế, còn thì trơ trụi mặt tường không.
Nhưng ta cũng chớ nên vì thấy vẻ sơ sài đó một vội liệt chủ nhân vào hàng người chỉ có óc buôn bán, không có óc mỹ thuật. Thực ra, Thủy là một thanh niên rất chuộng văn chương, âm nhạc; sở dĩ chàng chịu sống trong hoàn cảnh trơ tẻ như thế chỉ bởi chàng muốn theo đúng chí hướng của cha, muốn tự buộc mình luôn luôn phải nghĩ đến sự làm ăn để làm thí dụ cho đứa con thơ và cho vợ. Cái nhà ở Đồng Giao này, chẳng qua chỉ là chỗ sống tạm bợ mà thôi, hà tất phải vẽ vời trang hoàng bày biện mỹ lệ làm gì cho tốn. Có quen Thủy lâu ngày, có đi sâu vào tâm lý chàng, mới có thể hiểu chàng là một nhân vật dễ xúc cảm, dễ mơ mộng, dẫu bề ngoài chàng cố hết sức nén đè các tính tình nhu nhược của mình đi.
Thoạt vừa tới nơi, tôi đã thấy trên bàn bày sẵn sàng bát đũa và các món ăn nghi ngút. Có một sự làm tôi chú ý nhất, ngạc nhiên nhất, nhưng cũng vui thú nhất: ấy là một bộ khay đèn sáng loáng rất tươm tất bày trên một cái sập gụ ở góc phòng...
Ăn cơm có Lệ Thi, vợ Thủy, cháu Thu Nhi, con gái Thủy, bạn tôi và tôi. Chuyện trò vui vẻ, ăn ngon quá, đồ ăn hết nhẵn, vì Thủy ăn khỏe như hùm.
Giữa chốn đồng rừng u tịch này, vợ và con gái Thủy tựa như hai đóa hoa thành thị, lạc vào bãi thảo

mộc xanh um của đồi núi, ngõ hầu đem đến cho kẻ bị đày vào nơi hoang vắng một chút hương thơm của chốn náo nhiệt phồn hoa. Vợ con Thủy tức là một cái mục gia của chàng, cái mục gia mà, mỗi lần quá mệt nhọc ưu tư, chàng quay về ngắm nghía thì khuây hẳn nỗi âu lo sầu lao khổ. Có ở một chỗ xa xôi lạ người lạ đất, ở một chỗ mà "lau già trúc võ nẩy mầm quanh hiên", thì mới biết bàn tay mềm mại của người đàn bà và tiếng nói líu lo của trẻ con, thực quả là rất cần thiết cho sự sinh hoạt thường ngày. Mất hai thứ quý báu ấy cuộc đời dễ tẻ dễ chán lắm, và mỗi lần phải xông pha những cuộc khó khăn để đạt tới cong danh hay phú quý, thì không làm gì có sự khuyến khích thiết tha tâm trí để bền lòng gắng sức tiến lên.

Trong đời kẻ anh hùng, đem toàn thân thờ một quan niệm siêu quần, có lẽ vợ con là một điều trở ngại cho chí khí. Nhưng trong đời một kẻ sống một cách tầm thường bình dị thì sự thiếu vợ con quả là một nỗi buồn rầu, một động lực làm trở ngại sự tấn tới trên đường sinh hoạt.

Bởi thế, đối với Thủy, tôi thấy ngay rằng anh đem vợ con cùng ra Đồng Giao là một điều chí lý, dẫu rằng khí hậu thủy thổ ở đất này không dược lành như ở đồng bằng. Song le, vì anh khéo giữ gìn, ăn đúng phép vệ sinh, nên cả nhà anh ít bị ốm đau quặt quẹo; vợ con anh trông đều khỏe mạnh cả, không đến nỗi mặt bủng da chì như phần nhiều dân ở nước độc rừng thiêng.

Cơm nước xong, cả hai vợ chồng bạn và đứa con thơ theo gót tôi cùng lại sập gụ ở góc phòng, bốn chúng tôi quây quần chung quanh bàn đèn, nói chuyện với nhau như họp chợ. Lệ Thi tự tay rót nước lọc ra ấm, đặt lên đèn cồn, đung một ấm nước sôi. Rồi lại tự tay nàng lấy cốc lấy đường, pha cho hai anh em tôi mỗi người một cốc cà phê rõ đặc.

-Hút thuốc có kèm theo cà phê đắng mới thú vị, em nghe cậu em ngày trước vẫn nói như vậy. Ở đây tuy có cà phê nhưng rang lấy không được ngon lắm, bởi thế thứ cà phê này, em phải gửi từ Hà Nội xuống đây. Nhà em uống quen rồi, cứ gần hết em lại vội nhắn mua kỳ được, nếu không cơn nghiện ông ấy lên, ông ấy ray rứt cho đến khổ!... Nhưng mà... anh thử uống xem có phải đúng Moka hảo hạng đó không?

Hôm đó thực là ngày hội. Nào là Lệ Thi, nào cháu Thu Nhi, nào Thủy, nào tôi, cứ cướp lời nhau mà nói, nói đến chỗ vui quá lại cười ầm lên. Cho đến khi cháu Thu Nhi buồn ngủ Lệ Thi mới chịu dắt con vào phòng. Chỉ còn hai anh em chúng tôi nằm đối diện nhau cạnh bàn thờ Phù dung nữ chúa mà thôi. Thủy đứng đậy bỏ màn xuống cho đỡ muỗi. Đêm lúc ấy đã khuya. Chim rừng queng quéc báo hiệu đầu giờ Tý. Bạn và tôi buổi này không đàm đạo nữa, cùng nằm yên hưởng thú tĩnh mịch của canh trường. Chúng tôi hiểu rằng nói chuyện với nhau vô ích; đã là đôi bạn tri giao thân thiết, thì nhiều khi kề bên nhau cũng đủ rồi. Chúng tôi được gần kề nhau, được thấy mặt nhau, còn gì sung sướng khoan khoái hơn nữa; tội gì đem lời nói phá tan sự khoan khoái ấy đi. Trong cái êm đềm quạnh quẽ, tình thân yêu quý mến còn nồng nàn hơn lúc nói cười. Có biết nằm yên để lẳng lặng nhìn nhau, đó mới thực là tương ái đến tột điểm. Mà có khi lại không cần nhìn nhau nữa; mỗi người nhắm mắt mơ màng một lối, miễn là đều có tín ngưỡng rằng cả hai cùng được gần nhau. Thế là đủ, trong tất cả cuộc đời thân thiện của Thủy và tôi, chúng tôi tương tri nhau ở chỗ ấy hơn cả.

Tôi bấy giờ mới thấy thuốc Mẹo thấm vào gân cốt, trong người nhẹ nhàng êm ái, say sưa một cách rất dịu dàng, chỉ muốn lơ mơ nằm điềm tĩn bên khay đèn mãi mãi, đừng bao giờ phải dậy nữa.

Thực là một thú vị, êm đềm và huyền ảo, không tài nào tả rõ được. Trong lúc bàng hoàng, yên chí rằng có bạn ở bên cạnh, và cũng đương trầm ngâm mơ mộng như mình, tôi cứ yên lặng nghĩ quanh nghĩ quẩn hết xa đến gần, thức cũng không phải thức, mà ngủ thì không ngủ được, linh hồn nửa tỉnh nửa mê, phiêu diêu phảng phất, đi sâu vào cõi Yên Hà. Bất giác tôi nghĩ đến đôi câu đối:

Cao ngọa gia san, hô hấp vân yên hàm bán tháp;
Ẩn cư cầu chí, trù mấu phong vũ đối có đăng...

Tôi bèn ngâm váng lên một cách rất tự nhiên, nhưng thực quả là vô lý.

Bạn tôi, có lẽ đương lim dim ngủ, giật mình tỉnh dậy. Nhìn đồng hồ, bấy giờ vào khoảng hơn một giờ đêm, đầu giờ Sửu. Thủy với tay lấy cốc cà phê, ghé lên mồm uống một hớp nhỏ. Tiếng cùi dìa sắt (cái muỗng) đụng vào thành cốc leng keng.

Liền lúc ấy, xa lắm, xa lắm, tôi thoáng nghe có tiếng đờn ca não ruột. Tôi lắng tay chú ý. Im lặng. Chỉ có tiếng mưa tuôn rả rích, tiếng gió phả vì phèo, tiếng trùng than dế khóc, và chốc chốc một con chim rừng kêu quạc quạc trên ngàn. Tôi lại ngả đầu xuống gối.

Bỗng đâu, một nhịp đàn hát lại văng vẳng lọt vào tai tôi, nhỏ lắm, xa lắm, tưởng chừng ở cõi vô hình

đưa lại. Dưới manh lực của Phù dung, xúc động hết giác quan của tôi khi say khói, tai tôi nghe thính một cách lạ thường. Tôi áp tai xuống phản.
Thì này, không còn sai nữa, rõ ràng có tiếng hat ở đâu đây! Tôi hết sức lắng nghe. Từng quãng một, như xa như gần, như khoan như nhặt, âm thanh kia réo rắt từng hồi. Càng ngày nghe càng quen, càng rõ. Một chốc, tiếng đờn ca ngừng bặt, rồi lại tỏa ra; nhưng ước chừng gợn dư âm kia ở mãi ngọn đồi, chân ải, ở một vùng xa nhà bạn tôi đến dăm bảy trăm thước, không biết phát xuất từ hướng nào.
Cũng có lúc, nhờ sức gió bạt sang, nghe rõ nửa câu, vài điệu; lại có khi gió quay đi hướng khác, chỉ nghe lờ mờ văng vẳng mà thôi.
Tôi chú ý đến nửa giờ, mới đoán được giọng hát kia là giọng một cô đào hát nói. Bởi lẫn trong đàn hát, một đôi khi thoáng nghe có dịp phách chấm câu.
Thôi, đích thị rồi! Có lẽ quanh vùng này, có nhà hào mục, tổng lý nào được ăn khao, vui mừng nên đặt ra trò tiêu khiển thanh cao nhã đạm ấy. Nếu không phải thế thì trong hạt này làm gì có cái của hiếm, giống những nơi xa hoa phồn thịnh, tức là cái thú cô đầu?
Nghĩ thế, tôi ngồi nhổm lên, với tay gọi bạn:
-Này Thủy, ở đây có nhà nào đặt tiệc ăn mừng không?
Bạn tôi mắt nhắm mắt mở, choàng thức dậy, với lấy cốc cà phê hớp mấy ngụm cặn cuối cùng. Xong, mới hỏi tôi:
-Cái gì thế? Anh không hút thuốc nữa à!
-Tôi muốn hỏi ở đây, có nhà tổng lý nào được sắc ăn khao mà hát xướng om sòm lên thế?
-Làm gì có ăn khao, làm gì có hát xướng! Có lẽ tai anh bị ù đấy.
-Nói lạ! Rõ ràng, tôi lắng nghe đến nữa giờ, có tiếng hát ả đào văng vẳng, nên mới tưởng rằng quanh vùng này có tiệc ăn khao...
-Anh nghe thấy tiếng hát ư? Thế thì anh có phúc thật! Tôi ở đây đã mười mấy tháng trời, mà cả hai vợ chồng, chả đứa nào nghe thấy gì cả!
-Anh nói cái gì tôi không hiểu? Nghe cái gì?
-Nghe hát.
-Hát gì?
-Hát cô ả đào...
-Cô đào ở đâu?
-Ở trong rừng nghĩa là ở trong rừng, chứ sao!
-Thằng cha này nói vô lý! Cô đào nào lại có thứ cô đào ở trong rừng?
-Thế mà ở trong rừng mới lạ chứ!
-Thôi, hẳn lại có sự bí hiểm gì ở chỗ này rồi, chớ không sai! Anh Thủy ơi! Anh làm ơn kể cho đệ nghe với nào!
-Dễ chửa, anh có gì biếu, tôi mới kể cho mà biết; chớ dễ thường mỗi lần muốn thỏa chí tò mò hiếu sự, thì anh cứ việc đang đêm hôm dựng cổ tôi dậy, là tôi phải kể hầu anh nghe đấy ư?
-Tôi lạy anh. Hễ anh kể tôi nghe, mà tôi viết được thành sách thì quyển sách ấy sẽ riêng tặng anh. Lệ Thi và cháu Thu Nhi! Thế là món quà quý nhất của tôi đó.
-Ừ, thì được, nhưng mà hãy thong thả một chút. Để tôi đánh thứ Lệ Thi dậy, bảo đun nước pha một cốc cà phê đặc uống cho tỉnh táo đã, sau đó mới kể cặn kẽ cho anh nghe.
-Thôi để tôi pha hầu, hà tất phải làm tội Lệ Thi như thế!
-Không được! Chỉ có vợ tôi pha, tôi uống mới ngon thôi, vì nó biết tính tôi rồi. Bao nhiêu nước, bao nhiêu đường, lại chỉ được lọc nửa cốc thôi, còn thì pha thêm nước sôi, nếu không, uống sẽ đắng mà không thơm. Lệ Thi! Còn thức đấy không? Dậy anh mượn tí.
Lệ Thi trong màn bước ra, vừa đi vừa vấn tóc. Dưới ánh đèn lờ mờ, trông nàng ban đêm đẹp quá. Nàng lịch kịch đun nước, pha cho hai cốc cà phê. Và nàng lại róc mía đường chèo chất đầy một đĩa cho chồng hãm giọng.
Đương khi chờ đợi, Thủy uống hớp cà phê đầu thì lòng hiếu kỳ của tôi được mãn nguyện, và muốn cho câu chuyện đượm thêm vẻ nồng nàn đằm thắm, tôi lại khêu thêm đèn để hút thuốc nữa, khiến cho thời gian chung quanh mình cũng bớt phần ảm đạm, nặng nề.
Tiếng nước réo mãi không sôi làm tôi thêm sốt ruột. Lệ Thi quay vào buồng đắp kín chăn cho con cháu bé, xong quay ra giắt màn cho chúng tôi cẩn thận, rồi yểu điệu ngoan ngoãn ngồi thu hình sau lưng chồng, góp thêm trong quãng u tịch của đêm trường một cái bóng dịu dàng bên hai chiếc bóng cứng cỏi của tôi và Thủy.
Ngoài thềm, tiếng trùng than dế khóc ầm ĩ tỉ tê như một khúc nhạc rầu rĩ êm đềm. Vài chiếc lá khô, thỉnh thoảng bị gió bạt lìa khỏi cành, xào xạc rơi xuống mặt sân gạch. Gió từng luồng nhẹ, chốc chốc rúc vào khe cửa, rên lên một tiếng não nùng như tiếng thở dài. Mưa, nghe chừng đã tạnh, nên không có tiếng tí tách rả rích trên vỉa hè nữa. Vạc, hàng dãy, xé không trung bằng những tiếng rải rác, ngắn

ngủi không hề có gợn dư âm. Lệ Thi vươn tay qua mình chồn, lấy cái lọc cà phê bỏ ra ngoài, Thủy hớp được vài hớp nước nóng, bấy giờ mới đằng hắng vài cái, bắt đầu nói chuyện. Bóng Lệ Thi vẽ lên màn một cái hình thiếu phụ mơ màng.

Ngàn Khuya Vắng Tiếng

-Hai vợ chồng tôi ở đây đã quá một năm mà thực quả chưa bao giờ được cái hân hạnh như anh cả. Từ khi chúng tôi vừa mới đến, đã nghe các ông cai và các bác phu già nói dông dài về nhiều chuyện đường rừng: Nào dã sử của mấy mươi loài chim lạ, như con "cô ơi", con "trà toản", con "tử quy", con "da da" vân vân, nào sự tích của bao nhiêu loài dị thú, như con "thủ thỉ", con "rắn lục", con "sài cứu", con "vọng nguyệt", nói thế nào cho hết được; tóm lại phần nhiều những chuyện đó, tuy lý thú, ý vị cả, song không lấy gì làm kỳ dị hãi hùng.

Bản tính tôi chỉ thích nghe những chuyện hãi hùng mà thôi, hóa nên tôi chả để ý đến lời họ nói. Mãi sau này, có một ông cai già mà anh em áo cộc thường gọi "Lão Cai Móm", vì răng ông ta rụng gần hết - ông ấy thuật tôi nghe một câu chuyện rất kỳ quặc, khủng khiếp. Đầu tiên tôi không tin, cho là ông ta cố tình bịa đặt, một là để vừa lòng tôi, hai là để dọa vợ tôi cho thú vị. Nhưng, được ít lâu, trong một trường hợp cực kỳ quái gở, tôi suýt nữa bị tán đởm vì sợ hãi rồi từ đó tôi phải tin lời ông Cai già là đúng.

Từ độ ấy, hễ cứ đêm nào mưa dầm gió bấc, như đêm nay chẳng hạn, là tôi cố thức và chú ý lắng tai nghe.

Tôi thức mãi, lắng mãi, mà chả bao giờ thấy gì cả. Cái lần mà đáng lẽ được nghe thấy, thì tôi lại sợ quá, chết ngất đi thiếu chút nữa mất mạng. Còn về sau này, thì cả vợ chồng đêm đêm thường cùng nhau ngồi lắng tay gần suốt sáng, thế mà cũng chả thấy gì. Chán nản, chúng tôi đành bỏ cuộc, không thám thính nữa. Ai ngờ lần đầu tiên anh đến, anh đã nhận được ngay sự bí hiểm mà tồn bao tâm trí tôi vẫn chưa nhận được; tai anh thực là tai thánh, linh ứng bằng tai Hổ thần!

Quả như lời anh nói, sự bí hiểm kia là một điệu hát cô đầu. Trong rừng có ả đầu, đó mới là một sự đáng cho là bí hiểm! Nhất là ở mạn rừng này. Bởi lẽ Đồng Giao là một hạt hẻo lánh, dân thưa, nước độc, cô đầu đến làm gì? Trong mấy chục năm nay, có lẽ từ Thượng cổ đến giờ, chưa khi nào có một chị ả quẩng mỡ hoặc điên rồ đến đây mở một ngôi hàng Hồng lâu cả. Thế thì tại sao ở chỗ này lại được nghe hát ả đào?

Cứ về đêm, quá giờ Tý, thì mới văng vẳng có tiếng đàng ca réo rắt. Đàn ca ấy lại phát xuất từ mé giữa rừng. Hai tháng đầu khi tôi mới đến cũng lắm người nói với tôi như thế nhưng tôi đều cho là bịa đặt. Về sau, nghe thấy ai cũng cam đoan là sự thật, tôi mới đâm ra nghi ngờ, muốn biết rõ nguyên cớ vì đâu có sự dị kỳ như vậy. Nhưng hỏi ai, họ cũng đều bảo là trong rừng đêm đêm nghe có tiếng hát, không biết tại sao mà có. Người đoán đó là ma, kẻ bảo là yêu tinh, có một ông lão nhà ai quyết rằng đó là một thứ hồ ly lạc mãi từ bên Tàu đi lần đường núi thẳm qua Vân Nam sang tới xứ Lào, rồi lần mò tới Đồng Giao thì không đi nữa, vì tìm được địa thế hạp với nó. Sau lại có một bà già nói là mắt bà thấy con quái vật ấy ởtrong hang đá nứt mà chui ra, trước thì là con vượn trắng, rùng mình một cái biến ngay ra con gái rõ đẹp; vô phúc ai gặp phải thì nó quyến rũ đưa vào hang, đàn bà nó không thèm bắt, nhưng đàn ông thì túm ngay lấy làm chồng. Kẻ nào đi lại cùng nó, nó rút hết xương tủy, trong ba ngày phải chết.

Ông ký ga bảo là không phải thế. Theo như ông biết, thì đó là một nàng Tiên rất mỹ miều diễm lệ, không làm hại ai cả. Nàng ấy ngụ ở thân một cây quế lớn, đi tạt qua cũng ngửi thấy mùi hương xông lên, nhưng cố tìm tòi hàng tháng cũng không ra, bởi lẽ nàng Tiên đã biến cây quế thành một cây gỗ khác rồi. Cứ những ngày tối tăm trời đất, hoặc những ngày sáng sủa có trăng sao. Nàng lại hiện ra. Trời đất buồn thì nàng buồn; trời đất vui thì nàng vui; hoặc vui, hoặc buồn. Nàng đều lấy điệu hát câu ca véo von làm thú tiêu khiển. Truyền rằng có khi nàng thổi sáo, nghe như tiếng sáo diều, bay xa ngàn dặm. Nhưng ít khi nàng dùng thứ âm nhạc ấy; thường thường nàng tự mồm ca tay đờn, ca be bé cho một mình nàng nghe thôi, bởi thế ta có thính tai lắm mới thoáng nhận được một vài điệu bổng trầm...

Khi hỏi đến bà Chánh Ba, là người đã từng đi lại hạt Đồng Giao buôn bán, thì bà nghiêm nghị hạ thấy giọng xuống và nói se sẽ, một cách rất kính cẩn rằng nàng Tiên đó là một vị Công Chúa trong 12 Chầu Cô hầu Đức Bà Thượng Ngàn. Ấy là "Cô Nường" Quỳnh Hoa đó. Vì cô nường lỡ tay làm rơi một chiếc chén Cẩm Ngọc khi rót rượu mời Đức Bà Liễu Hạnh ở Sòng Sơn, nên bị đày ra rừng Đồng Giao. Bởi thế, những đêm u tịch tẻ buồn, hay những

đêm thanh vắng sáng sủa, nàng Quỳnh Hoa lại nhớ đến Chầu Bà Thượng Ngàn và mười một chị em, trong lòng buồn rầu. Và những lúc ấy, đối cảnh sinh tình. Cô nường bùi ngùi hoài vọng, hát lên một khúc ngõ hầu vợi bớt nỗi lòng.

Nghe thuyết ấy của bà Chánh Ba, các bọn phụ nữ đều tỏ vẻ sợ hãi, sùng kính; ai cũng cho thuyết ấy là đúng. Nghĩ cho kỹ thì câu chuyện bà Chánh nói nó còn có ý vị, nó không hoang đường mấy và còn hợp lẽ hơn các chuyện khác nhiều.

Nhưng nó không được ly kỳ rùng rợn bằng câu chuyện của ông Phó Cựu. Ông Phó cả quyết nói lớn rằng ông biết đích tông tích của con quái vật hiện ra trong rừng nó chính là một con Sài Kíu. Cái giống Sài Kíu này na ná như loài sói, song dữ tợn hơn nhiều. Đầu nó cứng như sắt; có kẻ bẫy được nó, lấy búa bổ mãi vào sọ dừa mà cũng không vỡ. Nó thường hay cúu gằm mặt xuống mà đi, trông tựa như một con chó dại lớn lờ đờ buồn bã. Thế mà hễ gặp người thì nó nhảy xổ lại mé sau lưng, bá chặt lấy vai, móc mắt, và khi mình ngã xuống rồi, nó cắn vào cổ cho chết; xong đâu đấy nó tha xác vào một hang hốc giấu đi. Nó đợi cho lúc xương thịt rã rời, có mùi hôi thúi xông lên, có ruồi bọ bám đầy, lúc bấy giờ nó mới đến ăn. Cái giống sài ấy chỉ ham có thịt thiu, thịt rữa mà thôi, nó không thèm ăn thịt tươi như các mãnh thú khác. Ở phía Tây nước Tàu, trong các tỉnh lắm rừng rú hiểm trở như Tứ Xuyên, Quý Châu, và Vân Nam, Cúc Tam v.v.... Có rất nhiều Sài Kíu. Người Tàu thường dùng hai chữ Sài Lang; lang là để chỉ loài chó sói, còn sài thì chỉ giống Sài Kíu đó. Giống đó đi lung tung khắp chốn, đánh hơi ngửi mùi xác chết; phàm giả chỗ nào có mả mới là nó sục đến, lấy đầu húc vào đất cho bật tung quan tài lên, rồi xé xác ra mà ăn. Bởi thế nên trong mấy tỉnh trên đây, ở các miền gần rừng rậm dân cư không dám chôn người chết nữa, họ phải dùng lối táng treo, nghĩa là đem quan tài vào trong rừng rồi buộc lủng lẳng trên càng cây cao. Giống Sài Kíu không leo trèo được, đành chịu thua, hết kế vọc xác người chết. Nhưng chúng nó cứ đợi cho quan tài có nước rỏ xuống cỏ thì lại liếm thứ nước "béo bổ" ấy.

Ăn thi thể mục nát mãi, lâu ngày có con thành tinh; con nào ăn được hơn trăm tử thi, thì cũng linh thính và có phép biến hóa như hổ bắt được đủ trăm người. Con yêu ở Đồng Giao này chính là con Sài Kíu cái đã có hạnh phúc "xơi" được hơn trăm thây người chết nên thành ra đủ phép thần thông đó! Nó cứ hiện lên hất véo von để bẫy người ta vào xem. Gần đến sào huyệt của nó, nó sẽ run rủi cho mình đi vào tử địa, khiến mình bị bỏ xác ở những chỗ hang sâu vực thẳm, rồi, đợi khi nào trên tử thi mình đầy các thứ giòi bọ hôi tanh, lúc bấy giờ nó mới đến xé thịt mình ra đánh chén.

Cứ nghe thiên hạ xôn xao bàn tán, thì mỗi người có một cách, mỗi người có một chuyện riêng. Mà không chuyện nào giống chuyện nào. Như thế, còn xét làm sao cho rõ biết căn nguyên của sự mình muốn biết nữa? Thực là khó. Bởi thế tôi cứ phân vân, bán tính bán nghi, nghe bà con kể lại thì biết vậy, song không dám tin lời ai cả.

Cho đến lúc tôi được nghe chuyện ông Cai Móm. Ông Cai Móm là người làm công cho tôi từ lúc tôi vừa chân ướt chân ráo, đến Đồng Giao lần đầu. Ông là một cụ già quắc thước, đứng đắn và nghiêm nghị, tôi tin cẩn lắm. Ông lại ít nói, không bờm xơm bợm bãi bao giờ. Các bạn đồng nghiệp và các phu phen sợ hãi và kính nể ông lắm.

Ông chỉ giao thiệp với tôi trong những giờ có việc, còn ngoài ra, ít khi ông vào nhà tôi chơi lâu độ vài tiếng đồng hồ. Tuy già mà ông chăm chỉ làm lụng cặm cụi cả ngày hóa nên chả mấy lúc rảnh. Cũng do một sự tình cờ mới được nói chuyện với ông trong một đêm, rồi được rõ sự tích khúc hát trong rừng nó ly kỳ rùng rợn như thế nào.

Hôm đó vào khoảng tám giờ tối, có một kiện hàng rất quan trọng từ Hà Nội gửi về. Lẽ ra thì sáng hôm sau ra ga lấy cũng được nhưng năm giờ sáng có đủ vật liệu để khởi công thành thử ông Cai Móm phải đi lãnh ngay hàng về cho tôi. Đường tối lại vận tải bằng xe bò, thành hì hục mãi gần chín giờ đêm ông Cai Móm mới về đến trại. Ông vừa tới nơi, vừa kịp xếp hàng vào kho thì gió đâu bỗng trổi lên đùng đùng, rồi mưa trút xuống như thác chảy, lại có cả sấm sét nữa. Một cơn bão lớn. Thực là gió núi mưa ngàn.

Ông Cai không về được, phải xuống bếp ngồi nghỉ cùng tụu cu ly đẩy xe và khuân hàng. Tôi nhân có việc dặn ông gọi ông lên nhà trên uống nước. Ông Cai Móm từ chối hai ba lượt nhất định không ngồi ghế xa-lông mãi sau tôi cố sức mời, ông nể lắm mới ghé lưng ngồi rất kính cẩn lên chiếc ghế ở góc bàn ăn. Tôi vốn biết ông là người ít nói cử chỉ rất thận trọng, nên cũng biệt đãi ông. Nhân có một chai rượu nếp cẩm, ngọt lật như đường và rất mạnh của một người bạn thân vừa biếu tôi được vài ngày, tôi bèn sai mở ra, rót mời ông Cai Móm.

Ông đứng dậy tạ từ hai ba lần, không uống, ép mãi, ông mới chịu đặt môi vào chiếc cóc con, dốc một hơi cạn hết. Ông là người thích rượu, rượu của tôi lại quá ngon, hóa nên khi mời đến cốc thứ hai, thứ ba, ông không từ chối nữa, chỉ cám ơn thôi. Cốc nào ông cũng hớp một hơi là sạch ráo, tôi thấy tửu lực hùng tráng của ông mà vui lòng. Tôi cứ rót, ông cứ uống. Chả bao lâu, chai rượu vơi hẳn, gần hết, tôi đoán chừng ông đã hơi say. Quả nhiên ông lấy tay ngăn không cho tôi rót tiếp nữa, ông tươi cười đắc ý, vái tôi, nói khà khà:

-Đa tạ thầy đã yêu con mà cho con uống quá nhiều, say rồi thầy ạ! Biết lấy gì mà đáp ơn thầy?

-Cái đó có hề chi! Lúc vui ta cùng uống chơi, có gì mà ơn với huệ. À này, nhân tiện ông ở đây, tôi muốn hỏi ông về câu chuyện lạ ở đất Đồng Giao này. Chả hay cái điệu hát cô đầu văng vẳng từ trong rừng đưa ra nguồn gốc nó ở đâu? Thiên hạ mỗi người nói một lối, ông đã già, vả lại ở đây đã lâu, chắc hẳn biết rõ hơn mọi người, ông thử kể lại tôi nghe?

-Thầy đã dạy, con đâu dám trái lời, nhưng để khuya khuya chút nữa, khi nào tĩnh mịch hẳn, con thuật lại thầy nghe mới thú, bây giờ còn ồn ào lắm, vả lại con còn đương say, nói chả được rành mạch.

-Chốc nữa ông sẽ say quá rồi ngủ mất tôi biết làm thế nào?

-Thầy đừng ngại. Con có uống đến gấp bốn năm lần như ngày hôm nay cũng chả say nữa là! Thầy hãy chịu nán một chút nữa, con xuống bếp hút điếu thuốc lào, rồi xin lên ngay.

Khi ông Cai Móm trở lên phòng khách của tôi, nửa giờ sau, thì đồng hồ chuông trong phòng reo vào không gian mười một tiếng. Con Thu Nhi đi ngủ từ sớm, còn Lệ Thi thì vẫn ngong ngóng chờ đợi chí kỳ được nghe chuyện mới thôi. Vợ tôi bế tắc ngồi bên cạnh tôi, tỏ ý sốt ruột. Lúc thấy mặt ông Cai Móm, nàng mừng rỡ như đứa trẻ con được kẹo, vội vàng đứng dậy đón, dắt lại chỗ ngồi cẩn thận, xong rót đưa ông một cốc rượu lớn.

-Nào bây giờ thì cụ kể đi cho chúng tôi nghe! Tôi xin biếu cụ cốc rượu ngon này. Cụ uống hết bao nhiêu, cứ việc tự tiện, chúng tôi xin chu tất đủ hết. Cụ bắt đầu đi!

Dưới ánh đèn măng-sông sáng lóe, lúc ấy tôi mới ngắm kỹ dung mạo ông Cai Móm. Một cái trán cao vọi, vồ hẳn ra, làm cho ta phải để ý đến đầu tiên. Cái trán ấy lan rộng mãi đến tận gần đỉnh đầu hói bóng; một làn tóc ngắn thưa và trắng xóa, lơ thơ bao vành hai bên và phía sau chiếc sọ dừa gần nhẵn thín. Một đôi mắt to, mà rượu đã làm mờ ám đi bởi những tia máu nổi lên đỏ ngầu; một cái mũi hùng vĩ như mũi sư tử ở giữa đôi lưỡng quyền cao vòi vọi; một cái mồm rất tươi, nhưng có hai hàm răng trụi cả, khiến cho hai làn môi mỏng co rúm lại, vập vào mé trong, làm khuôn mặt ngắn hẳn lại đó là vài nét đặc biệt vẽ thành diện mạo ông Cai Móm. Ông tuy già, mà đa dẻ còn hồng hào tươi tốt, chỉ vì sạm đi như màu đồng đen, và nhăn nhúm như vỏ trái xoài chín nẫu. Dưới bộ quần áo vải tây vàng, ta có thể đoán thân thể ông Cai còn khỏe mạnh, nhanh nhẹn lắm...

Lúc ở nhà dưới trở lên, ông không quên mang theo cái điếu cày, một vật liệu tối cần cho sự kể chuyện cổ tích giữa đêm khuya. Ông đặt điếu xuống gầm bàn, rồi ngồi nghiêm trang trên ghế. Lệ Thi đưa biếu ông cốc rượu, ông giơ hai tay đỡ lấy, uống một hơi dài gần hết nửa cốc.

Uống xong, ông thở khà một tiếng, liếm môi rồi cất tiếng nói vang vang nghe hùng dũng lắm.

-Nào! Mời thầy cô ngồi gần sát lại đây và xin thầy cô đừng sợ nhé! Câu chuyện này, nó không phải chuyện bịa đặc, vì nó hoàn toàn đúng sự thực, mà cũng không phải chuyện cổ tích, vì nó mới xảy ra độ dăm chục năm nay. Chỗ xảy ra chuyện con sắp kể đây chính là Hạt Đồng Giao ta đó!

Tôi xin mạn phép anh xen vào chỗ này một tí, trước khi thuật lại anh nghe sự tích ông Cai Móm đã kể cho vợ chồng tôi đêm hôm ấy. Đã lâu lắm rồi, tôi không nhớ rõ cách dàn xếp của ông Cai và nguyên văn của ông ra làm sao. Tôi chỉ biết cả tôi và Lệ Thi nghe ông nói lấy làm thú vị lắm. Cảm giác chúng tôi lúc đó thực là đặc biệt; nói cho đúng, ông Cai quả có tài trứ thuật vô cùng. Ngày nay, tôi kể lại câu chuyện này, có lẽ không hay như ông ấy kể, song tôi tin rằng văn tôi sẽ rườm rà mà lẳng lơ bay bướm hơn nguyên văn. Sau đây là câu chuyện của ông Cai Móm mượn miệng lưỡi và tinh thần tôi mà lọt vào tai anh đó thôi. Anh nên hiểu như thế cho tôi thì mới được.

Oanh Cơ

Ngày xưa khi nước Đại Pháp vừa mới dựng nền Bảo Hộ, thì dân ta sống theo các tục lệ cổ hủ; đường sá thành thị thuở ấy chưa được mở mang rộng rãi; trong nước còn đang thời loạn lạc, cướp bóc tứ tung, các tay anh hùng lục lâm hoành hành khắp chốn mà nền trị an thì chưa lấy gì được vững vàng.

Ở các chốn đô thành, dân cư có lẽ được yên ổn đôi chút. Các quan cai trị một mặt thì hết lòng truy nã những đảng phản kháng, một mặt thì ra công mở mang khai khẩn các miền bình địa, đặt ra luật lệ mới và xây đắp các trường học để đưa dần trí thức con em trong nước, với nền văn học Âu Tây. Lúc ấy mới là cuộc sơ khai, làm gì đã có đường sá quang đãng, làm gì đã có hỏa xa và đèn điện? Ông bà chúng ta vẫn sống bần tiện trong những căn nhà tranh hoặc ngói lụp sụp, tối tăm ẩm thấp, sự sinh hoạt của các cụ mãi về sau này mới tăng bề sạch sẽ và sung sướng chút ít. Nói ra dài dòng lắm, tôi chỉ kể qua thầy cô được rõ rằng cách ăn ở lúc ấy thì rất lùi xùi khốn cực, về phương diện vật chất văn học và luân lý, thì lại là một câu chuyện khác.

Bởi chưa có nhiều đường sá, sự đi lại và sự vận tải là một điều khó khăn hiểm trở vô cùng. Ngoài Bắc Kỳ, đi đứng còn được dễ chịu đôi chút, bởi lẽ, từ trấn nọ qua trấn kia - trừ các châu ở vùng Thượng Du - không có núi rừng ngăn cản. Vả chăng đồng bằng rộng rãi, phẳng phiu, các gian phi trộm cướp hết nghề tìm sào huyệt làm nơi căn cứ để trú ẩn lâu bền. Còn như ở đất Trung Kỳ, Thanh Nghệ này, ôi thôi! Trộm cướp không biết bao nhiêu mà kể! Vì rằng xứ Trung Kỳ eo hẹp, mé Đông tuy giáp bể song mé Tây lại tiếp ngay với núi rừng, hóa nên quân gian tìm ra nhiều chỗ đất có thể làm tổ quỉ lắm. Đường sá lại gập ghềnh nguy hiểm, khi lên thác khi xuống đèo, khi qua rừng, khi ven núi, thực là khi khu, khó nhọc. Từ Thanh Hóa, theo đường thiên lý ra xứ Bắc, tất phải trèo đèo Tam Điệp, mà đèo Tam Điệp nó có phải đất xa lạ gì, chính là về hạt Đồng Giao ta đó! Thuở trước chỗ này rừng núi rậm rạp gấp mười ngày nay, chỉ dùng để làm trường hỗn chiến cho mấy toán quan mai phục bắn nhau, giết nhau để chiếm quyền lợi hoặc cho Chúa Nguyễn trong Nam, hoặc cho Chúa Trịnh ngoài Bắc. Chỗ này lại còn là nơi thắng địa cho các loài mãnh thú, cho các khách lục lâm; hổ cứ ở đó hàng đàng, kẻ cướp nấp ở đó hàng toán, thực là một chốn nguy hiểm đến tột bực, đi qua đấy không chết vì đạo quân đạo tặc, thì lại bỏ xác dưới các móng vuốt hùm thiêng.

Thế mà ngày nay vẫn thường có kẻ can tràng len lỏi đi qua, đánh bạo với sự chết, không hề sợ hãi. Chả lã vì đường sá đầy tai nạn mà đành bó tay ngồi ở xó nhà, không dám vượt rừng núi từ Nam ra Bắc, để cho con đèo Tam Điệp, lâu dần, phải hóa ra một nơi hoang vắng, không hề có dấu chân người? Khó nhọc đến đâu thì khó nhọc, nguy hiểm đến đâu thì nguy hiểm. Lúc có việc quan trọng cần kíp, lúc phải quay cuồng xoay xở để mưu thực, nào ai còn suy nghĩ nữa, còn dùng dằng lo sợ chi nữa, còn ngại ngùng chẳng dám băng mình xông pha cửa ải ngọn đèo? Những lúc cần sống cần hăng hái để sống, một người con gái cũng còn đủ can đảm vượt nghềnh xuống thác, huống hồ là lũ nam nhi!

Mà cũng bởi có hai kẻ "liễu yếu đào tơ" dám len lỏi vào chốn ma thiêng nước độc, hổ dữ dội, cướp hung tàn này, nên mới có câu chuyện ngày hôm nay, một chuyện rùng rợn ghê người, nghe phải lạnh mình sởn gáy.

Số là, một buổi về mùa xuân, cách đây chừng sáu mươi năm về trước, quan nguyên Tri phủ Nho Quan, sau khi làm Sơn Hưng Tuyên tổng đốc, được ba năm thì cáo bệnh về dưỡng lão ở hạt đó, nhân được chiếu chỉ nhà vua phong cho làm Đông Cái đại học sĩ, lại vừa đẻ được một công tử đầu lòng, thiết một lễ ăn mừng rất long trọng trong năm ngày; có tiệc, có đàn, có cô đầu mời rượu, bắt bài bông, nhảy múa và hát ca, lại có cả phường tuồng và phường chèo thiện nghệ lần lượt diễn các tiết mục hay nhất ròng rã suốt năm đêm ngày. Bởi thế, các giáo phường ở mọi vùng lân cận phủ Nho, đều rủ nhau tới phủ đường xin hát.

Tiếng đồn dinh quan Thượng Nho Quan (đó là tên mà dân gian đặt ra để gọi cụ Đông Các) có đãi tiệc chạy mãi vào Thanh Hóa; các thiếp mời gửi từ hai ba tháng trước, tất cả các quan xứ Bắc và các quan phủ huyện ở lân cận tỉnh Ninh Bình mỗi người đều nhận được một tờ hoa tiên màu hồng chói lọi, trên có mấy hàng chữ Lan Đình đen lay láy, rất mỹ lệ sắc sảo viết bằng một thứ mực hảo hạng, thơm ngát, hình như có lẫn mùi xạ, mùi trầm. Thiếp đó gửi cho quan phủ Quảng Hóa, Hà Trung, Thọ Xuân, Hoằng Hóa, và cho các quan huyện Tống Sơn, Nga Sơn, Mỹ Hóa, Quảng Tế, Thụy Nguyên, Lôi Dương, Yên Định v.v...

Quan Thượng Nho Quan là một tay cự phách trong làng nghiên bút, bốn đời ông cha ngài đều được phong tước, đến đời ngài thì đỗ Cử Nhân đệ tam danh trường Nam Định rồi đỗ tiến sĩ đệ bát danh. Trong hoạn trường, ngài quen thuộc rất nhiều, đối đãi với ai cũng thuần hậu, có tình, nên các bạn đồng liêu đều một lòng kính nể quý mến ngài, coi ngài vào hàng thầy chớ không phải vào hàng bạn. Như thế cũng không lấy gì làm quá đáng: trong đám

quan lại thời ấy, một phần đông đã thụ giáo của ngài.
Cũng bởi vậy nên khi được tin báo ngài ngoại ngũ tuần mới sinh công tử đầu lòng, lại được thăng hàm Đông Các, các thượng quan và các quan phủ huyện khắp xứ Bắc cùng trong hai chấn Thanh - Nghệ gửi đưa đồ lễ đến mừng nhan nhản: từng lớp lính cơ nón sơn, áo nâu nẹp đỏ, khố lục, sà cạp điều, khiêng lễ mễ những cái nịp nặng trĩu trên có phủ nhiễu hồng; lại có đứa đội trên đầu những cái hòm bọc da đen niêm phong cẩn thận, trông chả khác gì một đoàn gia đình nhà trai đem các đồ nạp thái đến nhà gái. Họ đi từng cánh một, đông lắm, cùng chỉ hướng Bắc tiến hành cứ theo dọc con đường thiên lý mà ra khỏi cương giới xứ Trung Kỳ, rồi còn đi, đi nữa.
Nhập với bọn họ, có một ích lợi rất lớn, là đi đường xa khỏi bị những tai nạn cướp bóc - vì họ là lính quan - lại tránh cả được sự bị hổ ăn thịt - vì đông người thì hổ không dám hành hung. Hỏi ra mới rõ bọn họ cùng ra cả Nho Quan, dâng lễ mừng quan Đông Các. Một người đồn mười, mười người đồn trăm, trăm người lại đồn nghìn, bởi thế mà xa gần khắp xứ Bắc và phía bắc xứ Trung Kỳ, chẳng ai không biết nhà quan Thượng Nho Quan có đại tiệc ăn khao mời khắp mặt quan viên hàng xứ.
Các giáo phường nghe đồn đại đều rủ nhau đi Nho Quan một chuyến, may ra kiếm được ít nhiều, càng hát hay càng hậu thưởng, gặp dịp sẽ có cơ hội phát tài to, đủ sống trong nửa năm không phải vất vả. Các phường đều hội nhau lại, đi nhập bọn với tốp lính quan khiêng lễ vật đông như người trẩy lễ hội đền. Trong hạt Bàn Thạch phủ thọ Xuân tức là nguyên quán của giáo phường, thuở ấy có hai cô đào chính tông hát hay có tiếng, đã được giải đình đám đến mười lần. Hai chị em nhà đó sản nghiệp chẳng có gì, lại mồ côi cha mẹ từ thuở còn ấu trĩ, phải sống nương nhờ vào người anh cả, mà người anh lại góa vợ, cũng nghèo. Anh thì làm kép, gẩy đờn khuôn cho các em theo nhịp, gõ phách, gõ sênh họa theo mà hát, kiếm ăn kể cũng không lấy gì làm sung túc nếu hai đứa em không có chút nhan sắc hơn người.
Cha mẹ ba anh em nhà ấy thuở xưa đều là những tay lỗi lạc, mẹ là một nàng danh kỹ, một đời nổi danh tài tử, cha xuất thân là công tử con nhà thế phiệt, thi ba khoa đều nhượng bản Tôn Sơn, nên ngán nỗi khoa trường lận đận, bực mình bỏ nhà đi ngao du sơn thủy, mà hát hay đến quên cả giai cấp, lấy ca nhi làm vợ, rồi đổi nghề nghiên bút ra nghề đàn dịch, tự làm một tên kép cho vợ hát, sống một cuộc đời túng quẫn nhưng thanh nhàn...
Cuộc sinh hoạt lãng mạn của người cha đã để di tích trên thế gian trong ba đứa con thơ cùng lãng mạn, tài hoa vì truyền thống. Người anh cả, Văn Quản, từ thuở còn nhỏ, đã thích thổi ống tiên, ống địch, khi lớn lên thì chiếm giải quán quân trong nghệ thuật bốn cung đàn đáy, cả vùng chẳng có ai đàn lịch sự và thánh thót não ruột hơn chàng. Quản lấy một người vợ ả đào gần nhà, nhưng người vợ ấy, sau ba năm chăn gối, bỗng thụ bệnh mà thác, không để lại đứa con nào. Quản đành ôm hận sống cô độc giữa hai người em gái; đời tuy có bạn mà cũng vẫn quạnh hiu tẻ lạnh, khiến điệu đàn, những đêm mưa tuôn gió lớn, càng bổng trầm chua xót thế nào!...
Hai người em gái, trái lại, tính khí bao giờ cũng thản nhiên vui vẻ, bởi họ chưa từng bị nỗi thất tình thấm thía như ông anh. Nàng thứ nhất Huyền Cơ, thanh rất trong, âm rất tinh nhưng hơi kém bề diễm lệ; nàng cũng đẹp, song chỉ đẹp một cách dễ coi, xinh xắn - người nhỏ nhắn mà da ngăm ngăm - không lấy gì làm khuynh quốc khuynh thành.
Nàng thứ hai, Oanh Cơ thì là công trình tuyệt mỹ tuyệt xảo của Hóa Công, gồm cả thanh âm lẫn nhan sắc. Đó là một người đà bà độc nhất vô nhị trong một thời, mà cứ trong khoảng năm sáu trăm năm, mới được gặp một lần trên cõi phàm tục. Con người ấy chả kém gì Tây Thi, Muội Hỉ, Đắc Kỷ, quý Phi, nàng đẹp, một vẻ đẹp oái ăm, huyền bí, oanh liệt, lại dịu dàng, tựa hồ đấng thiêng liêng đem hết cả bao nhiêu tinh túy của non sông cây cỏ mà chung đúc vào nhan sắc ấy. Tóc nàng là một đám mây thu chan chứa những vẻ êm đềm mơ mộng; mỗi lần làn tóc ấy xõa tung chấm gót, thì rõ ràng là một dải hắc tuyền cuồn cuộn, óng ả, nhẹ nhàng; nét bút họa công khi vẽ đến phải cả quyết, lại ngập ngừng, làm thế nào cho suối tóc nõn nà đen mượt kia cũng phảng phất giống một đám lục vân nặng trĩu những niềm u uẩn, mà phủ lên một hình hài tiên nữ, muôn phần yểu điệu, thanh kỳ...
Nói đến khổ người của mỹ nhân. Tả làm sao cho hết mọi vẻ siêu phàm, xuất chúng? Nội trong các bậc giai nhân trong lịch sử, mỗi người đẹp một vẻ riêng, như Thúy Kiều khác với Thúy Vân, Tây Thi khác Trịnh Đán, dẫu cùng "mười phân vẹn mười" cả. So sánh nà Oanh Cơ với các giai nhân đó, cũng chưa biết nàng kém xa họ, hay họ phải lu mờ trước

vẻ mỹ lệ của nàng. Chỉ biết nàng không béo mập tựa Dương Quý Phi, cũng không ẻo lả, mai cốt cách, liễu dung hình như mấy ả tiểu thư bị nhốt trong cung cấm. Oanh Cơ là một người tầm thước, hơi mảnh khảnh dong dỏng cao, lưng ong, ngực nở, thực là "trúc mọc sân đình". Ông Tạo Hóa đã muốn cho ai đẹp, thì cái đẹp đó gồm đủ muôn vẻ mỹ miều, từ tiếng nói nụ cười cho đến nét đi điệu đứng, không cái gì là không ngộ không tươi. Oanh Cơ là một thiếu nữ có hạnh phúc được Hóa Công ban cho muôn vẻ mỹ miều ấy. Thoạt đến tuổi 15, 16, ai trông thấy nàng cũng phải tấm tắc khen ngợi.

Các con gái thời cổ nhất là con gái thôn quê, yếm sẻ, váy hàm ếch, dây lưng sồi, áo vá vai, khăn mỏ quạ, thì mấy chị trông "sạch nước cản"; mà dù có sạch nước cản, thì nào đâu đã có các màu mè bề ngoài để tăng nhan sắc của mình? Phàm giả đã mặc váy, mặc yếm, quần áo lòa xòa, khăn khố sùm sụp, thì bao nhiêu nét yểu điệu, bao nhiêu đường óng ả, mà trời đã phó cho để gợi tình cảm của bọn đàn ông, chúng nó đều bị giấu kính cả đi, đè nén không cho lộ ra được thế thì lấy gì mà tô điểm trau chuốt cho nhan sắc, một mai, khuynh quốc với khuynh thành? Theo cổ tục, con gái không được để ngực phồng lên mà mang tiếng, phải buộc giải yếm cho chặt, mặc yếm cho sát, làm thế nào cho ngực bằng phẳng, lép kẹp đi thì thôi. Bị tục lệ hủ lậu ấy bó buộc, có được phô trương vẻ lộng lẫy thiên nhiên củ tấm ngực mình đâu mà chăm chút cho nó đẹp?... Nàng Oanh Cơ là một thiếu nữ đã chịu ẩn mình sau thứ quần áo thô lỗ ấy, vậy cho nên nhan sắc nàng mới gìn giữ được lâu bền. Nếu không, ắt hẳn từ lâu kia, nàng không còn tuyết trong giá sạch nữa! Nàng càng khó lòng giữ gìn trinh bạch, vì nàng là một cô đầu! Cái bộ y phục cổ hủ của nước Nam ta thuở xưa, tuy nó có nhiều điều bất tiện và thiếu mỹ thuật, song nó cũng có chỗ ích lợi. Nhất là Oanh Cơ!

Vẻ đẹp tuyệt diệu của nàng, mãi sau này mới có người nhận biết; còn khi nàng chưa xuất giá, chỉ một mình nàng, Huyền Cơ được rõ mà thôi! Huyền Cơ đã say mê sắc đẹp của Oanh, tự ví mình như một nô tỳ mà coi em như một nữ chúa đáng thờ đáng kính...

Không tài nào tạc đúng pho tượng tuyệt mỹ của nàng Oanh Cơ được, người ta chỉ nên dùng sự tưởng tượng vẽ trong không gian và thời gian một thân hình Vệ Nữ Á Đông, một thứ vệ nữ nhỏ nhắn, xinh xinh, mềm mại dịu dàng, mà cũng nghiêm trang, oanh liệt.

Nhỏ nhắn mềm mại, đó là mấy đức tính của khổ người Oanh Cơ, còn như vẻ lẫm liệt oai nghiêm, chỉ có riêng ở nét mặt giai nhân, nhất là trong đôi mắt. Đôi mắt ấy trong veo như nước hồ thu những hôm trời quang đãng; đôi đồng tử đen như mảnh huyền không vết, lại sáng ngời như chứa điện ở trong. Con mắt là dặm dài dài như mắt bồ câu; có lúc là đà ngây ngất như mắt chim thư gọi chim hùng, có lúc đăm đăm mơ mộng như hướng về cõi xa xăm, lại có lúc trông sâu sắc bí mật như đượm vẻ lạnh lùng dữ dội. Cũng vì đôi mắt giai nhân, mà nó hiện ra muôn vẻ diễm lệ dịu dàng.

Tất cả tinh thần và nguyện vọng u uẩn của một người đàn bà, chúng nó như nấp ở cả sau con mắt, có lắm khi hiện ra rõ rệt, trông mắt là đoán được người. Dù đẹp tinh thần hay đẹp vật chất, cái đẹp ấy cũng chỉ ở đôi mắt; sở dĩ so sánh các giai nhân, cũng toàn là cân nhắc giá trị của đôi mắt đó mà thôi!

Đôi mắt sắc sảo, tuyệt mỹ của Oanh Cơ, đã đẹp mà lại còn được cái miệng tươi đỏ của nàng phụ thêm để tăng dung nhan nàng lên mãi mãi. Cái miệng đó có đôi môi son thắm hơi cong lên như một vành cung. Bao giờ nó cũng tươi, cũng đẹp, cũng như đóa hoa hồng hàm tiếu.

Oanh Cơ không những chỉ có sắc đẹp, mà nàng lại có thanh nữa. Nàng hát rất hay, giọng trong trẻo, đầm ấm, khi não ruột lúc lâm ly, dịp khoan dịp nhặt, điệu bổng điệu trầm, thánh thót véo von; giọng nàng thật là một cây đàn muôn điệu mà nàng tựa hồ như làm bá chủ tất cả các âm thanh, muốn sai khiến chúng thế nào cũng được.

Những hôm ngoài trời mưa phùn rả rít, gió bấc vi vu, những hôm mà lòng người tự nhiên cũng thấy bị đè nén nặng nề bực bội, những hôm đó mà được ngồi trong căn nhà cỏ, trước ngọn đèn dầu, cầm chiếc dùi nguyệt quế để gõ vào tiểu cổ, thưởng thức vài khổ hát của nàng Oanh Cơ, thì các thú tao nhã đậm đà của sự thẩm âm rũ sạch lòng mình hết những nỗi ưu phiền ô trọc, đưa tâm hồn mình lâng lâng lên cõi thơm tho sáng lạng, tưởng có phải chết sau phút thanh kỳ đó, thực không ân hận tí gì!

Thực vậy, ai đã được hạnh phúc nghe Oanh Cơ và Huyền Cơ hát, nhất là nghe Oanh Cơ thì không bao giờ có thể quên được giọng thanh tao thánh thót ấy. Cái giọng nỉ non âm ỉ, lúc chứa chan tình cảm, lúc man mác buồn... giọng hát ấy trong hơn tiếng trúc, đầm hơn tiếng tơ tinh... Oanh Cơ là một con chim tuyệt quý mà tiếng hót vô song đã làm rực rỡ cả

một thời dĩ vãng không tên; nàng là một ca nhi sống trong bóng tối, nhưng tài sắc nàng đã trùm đời, đã khiến đấng Hóa Công tạo ra nàng lại phải ghen với nàng, mà gây ra nỗi thảm họa sau này, tấn bi kịch xảy ra giữa chốn rừng thẳm núi thiêng. Giữa hạt Đồng Giao độc địa, mà hiện chúng ta đang ở. Oanh Cơ là kẻ sống sót sau tấn bi kịch ấy. Nàng là một cái mồi ngon mà loài mãnh thú rất thèm thuồng ham muống, chỉ lăm le rình để bắt tha đi. Người đáng quan tâm chú ý nhất trong chuyện này, chính là nàng.

Tai Nạn và Gặp Gỡ

Ông Cai Móm kể tới đây thì dừng lại.

Chuyện mà ngày nay tôi thuật anh nghe môt. cách rành mạch văn hoa như thế, ông Cai đã kể vợ chồng tôi thưởng thức bằng một giọng oang oang cộc lốc, ông chỉ tả qua loa sắc đẹp của hai chị em nàng Oanh Cơ và lối đi hát ngày xưa thế nào.

Nay nhân đêm khuya cao hứng, tôi đem hết cả những sự từng kinh nghiệm nghe biết, thêm vào cho câu chuyện có ý vị hoa hòe, anh cũng nên lượng thứ cho tôi nhé!

Ông Cai Móm sở dĩ im bặt đi không nói nữa, vì xa xa, ông thoáng nghe có tiếng hổ gầm. Ông trầm ngâm lặng lẽ hồi lâu, chú ý lắng tai trong đêm vắng. Một lát, ông cúi sát lại gần tai tôi, nói nhỏ:

-Thầy cô thử lắng nghe xem, có phải có tiếng hổ gầm chăng? Hổ gầm xong, lại vắng nghe có tiếng đàn bà ca đứt quãng. Thầy cô cứ chú ý một lúc, sẽ nhận rõ ngay.

Tôi vàLệ Thi hết sức chăm chú. Quả như lời ông Cai nói, chúng tôi nghe có tiếng "â â... ô ô u ô ô m m" vang động xa lắm ở trong rừng. Nhưng nghe chỉ có thế thôi, ngoài ra không còn tiếng gì nữa cả. Lắng tai mãi cũng thế, ngoài tiếng dế than trùng khóc, tiếng gió rít lá rơi, chẳng có tiếng hát xướng đàn ca gì cả.

Chán nản, tôi bảo ông Cai:

-Chúng tôi nghe chả thấy gì, chỉ có tiếng hổ gầm ở tận đâu đâu... Lắng mãi chán tai vô ích. Thôi ông kể nốt câu chuyện Oanh Cơ đi, nghe đang thú vị ...

Lệ Thi cũng nói theo:

-Rồi sao thế nào nữa hả ông Cai? Ông vừa nói có tấn bi kịch, bi kịch ấy làm sao, ông tiếp đi!

Ông Cai cầm cốc rượu nếp cẩm, uống nốt nữa phần còn sót lại. Ông vừa để cốc xuống, Lệ Thi vội vàng rót bồi thêm rượu rõ đầy. Ông Cai quen thói, khà một cái rất đắc ý, xong, liếm môi, ông nói tiếp:

Hai nàng Huyền và Oanh Cơ có tiếng hát hay nhất xứ. Trong mấy cuộc hát đình, hát đám, nàng Huyền đã chiếm giải đến chín mười lần, vì có sức hát giọng tốt. Nàng Oanh hát hay hơn chị, song không sung sức, chỉ ca trong nhà được mà thôi, ra đình giọng bé quá, bị tiếng ồn ào át đi, không trổ tài được.

Dù thế mặc dầu, các quan khách đã từng nghe được Oanh, thì không muốn nghe Huyền nữa. Như thế là một sự nhục nhã cho Huyền, thế mà nàng cũng không ghen tị với em, chỉ quý hóa kính phục em thêm mà thôi. Lúc nào có các Thượng Quang, công tử vời đến hát mừng, chị lại nhường cho em, mặc sức em trổ tài cùng quý khách. Nhưng hễ gặp quan viên tầm thường, không phải là người trí thức thế nào Huyền cũng tranh hát, cho em được nghỉ ngơi dưỡng sức dưỡng thần. Oanh Cơ rõ biết lòng chị như vậy, yêu chị như yêu mẹ, yêu anh như yêu cha, ở với chị một niềm kính nhường hiếu thảo.

Tất cả hàng tỉnh, chẳng ai không nức nở khen tài khen đức của nàng Oanh. Phàm các tay thích từ phú thi văn, tất thế nào cũng mời cho được anh em Văn Quản về tận nhà để hát. Hoặc, nếu xa xôi quá khó vời về được, thì lại lần mò lên tận Bàn Thạch để nghe một lần cho biết. Cho nên Oanh Cơ nổi danh khắp cả một vùng Thanh Nghệ tiếng tăm đồn đại đi có nhẽ cả vùng Nam Định, Ninh Bình.

Trong buổi sinh bình, cha mẹ nàng Huyền và Oanh đã được hân hạnh thừa tiếp Nho Quan tri phủ. Quan phủ xưa kia có nghe thân mẫu hai nàng hát và thân phụ hai nàng đàn. Sau một cuộc thẩm âm, quan phủ nhận biết ông kép già, đương kính cẩn nắn nót cung cầm để vừa lòng ngài, cũng là một nhà nho có tài thi phú, chỉ vì lỗi thời nên phiêu dạt nổi nênh... Sự tri ngộ ấy xui quan viên cùng kép hát dừng cuộc xướng ca để ngâm vịnh với nhau suốt sáng; trống dùi xếp xó những chỗ cho bút nghiên, rồi hai tay thâm nho cùng đọ sức với nhau trong một trường bút chiến thanh tao nhã.Rốt cuộc, quan phủ rất cảm phục tính tình cao siêu và văn tài lỗi lạc của ông kép; nên hai người kết tình bằng hữu. Sau đó quan phủ có tặng cho cha nàng Oanh một hòm trân châu để làm kỷ vật. Còn ông kép già tặng lại bạn một cây sáo ngọc của tổ tiên lưu lại ba đời. Rồi từ đó hai người không gặp lại nữa...

Tuy hai nàng Huyền và Oanh có tiếng hát hay, song hàng tháng mới có một lần được gọi đến hát. Hát hàng tuần suốt ngày hay thâu đêm tới sáng khi tan cuộc chỉ thâu được độ ba quan tiền kẽm không đủ

cung khách và chi tiêu. Thiên hạ có phải luôn luôn lúc nào cũng có cuộc vui mừng sung sướng để mượn dịp mà ca hát cả năm đâu!
Bởi thế, cuộc sinh hoạt của ba anh em nàng không lấy gì làm sung túc. Đã nhiều lần Văn Quản nghe nói ông bạn xưa của cha mình hiện là quan Thượng Thư Chí Sĩ Nho Quan, cũng đã dự định trẩy thăm quan Đông Các một lần, một là để nối lại mối dây liên lạc bấy nay đứt quãng, hai là để mong có dịp được ngài nghĩ tình đề bạt hoặc cứu giúp cho ít nhiều. Nhưng ngày giờ thấm thoát, đường xá xa xôi, Quản chưa lúc nào rảnh việc nhà mà đi được. Muốn đi, ít ra cũng phải có tiền lộ phí, và có vốn để lại cho hai em sinh hoạt trong dăm tháng nửa năm. Bởi lẽ, anh ra đi, không có ai đàn cho hai em hát nữa, mà mượn một người kép lạ thì bất tiện chừng nào! Cũng vì thế Văn Quản đành nấn ná chưa đi, vì chưa nghĩ được kế gì hoàn hảo cả.
Đến nay nghe nhà quan Đông Các có đại tiệc. Quản nhất định thu xếp, bán đồ đạc quý giá trong nhà còn lại, và nếu thiếu, thì vay mượn bà con ít nhiều. Đi kỳ này, tiện thể có mọi cuộc ca vũ, cho cả Huyền và Oanh Cơ đi cùng, khiến hai nàng có dịp trổ tài, ngõ hầu chiếm giải quán quân trong khi thi hát. Quản một mực trù tính như vậy, chỉ đợi thu xếp xong mọi việc là đi. Trong giáo phường, đã có nhiều bạn đồng nghiệp rủ nhau thành một đoàn đông lắm, cùng trỏ hướng Nho Quan thẳng tiếng, đi chen vào với bin sĩ đem lễ vật của quan phủ Thọ Xuân. Quản rất muốn theo bọn ấy cùng đi có bạn cho vui và cho đỡ lo tai nạn. Khốn nỗi khi họ khởi hành, anh ta chưa gom góp được đủ số tiền lộ phí; trong giáo phường ca nhi đi quá một nửa, ai cũng bo bo giữ lấy vốn riêng để chi dụng ở dọc đường. Hóa nên Quản phải dằn lòng chờ đợi.
Đợi đến bốn năm ngày mới bán các đồ bảo vật của cha để lại, và thu thập được dăm bảy quan tiền, có thể túc dụng được cho ba anh em trong cuộc Bắc trình. Nhân có tốp lính cơ ở Quảng Hóa cũng đem đồ mừng ra Ninh Bình, nếu kịp tới Đò Lèn thì gặp họ; Quản bèn sắm sửa hành lý cẩn thận định ngày đưa hai em gái lên đường. Gần đến kỳ xuất hành, không may, Huyền Cơ lâm bệnh, nằm liệt tám chín hôm mới dậy được, chạy thầy thuốc hụt đi mất non một quan tiền.
Khi Huyền khỏe mạnh, có thể xông pha mưa gió được thì tính ra đã chậm mất ngót nửa tháng trời. Có đi nhanh lắm may ra mới khỏi lỡ ngày đại hội ở dinh quan Đông Các. Ba anh em tức tốc đeo nải quẩy gánh, vội vã lên đường, dẫu Huyền Cơ chưa lấy gì làm cứng cáp lắm. Đi suốt ngày, mỗi đêm chỉ nghỉ có vài giờ, cứ đầu trống canh tư là thức dậy đi rồi, thế mà cũng mất ba hôm mới đến Đò Lèn, bởi vì hai chị em Oanh Cơ không quen đi bộ nên đi chậm quá. Tới Đò Lèn, ba anh em vào quán nghỉ chân, đợi xem có đoàn lính tráng nào ra Bắc thì xin nhập bọn cho chắc chắn.
Nhưng đợi đến hai ngày, chả thấy đoàn nào cả. Thì ra họ đã ra Nho Quan từ trước cả rồi. Hiện nay, chỉ còn độ ba hôm là tới ngày đại tiệc, không còn phường hát nào hay đội lính nào chưa khởi hành nữa, có đợi cũng vô ích mà thôi. Lác đác trên đường, chỉ có những tốp dăm ba người đi ra phía Bắc; hỏi ai cũng nói rằng họ đi quanh quẩn trong vùng mà không ra khỏi biên giới. Mãi sau cùng mới bắt gặp một nhóm bảy người cho biết rõ họ buôn gạo tải ra Bỉm Sơn, rồi mua chè ở Bỉm Sơn tải về bán ở các vùng tỉnh lỵ. Anh em Văn Quản buộc lòng phải theo họ; ra đến Bỉm Sơn họ đều rẽ về lối phố Cát, Thạch Thành, để mặc ba anh em trơ trọi lần mò đi về phía đèo Tam Điệp.
Từ đây mới bắt đầu cuộc hành trình nguy nan và khó nhọc. Ba anh em sợ hãi không dám đi bạo, cứ phải chờ có ai ra đường ấy mới lủi thủi đi theo.May sao gặp được vài ba người thợ mộc, song họ chỉ đi đến Đền Sòng mà thôi. Khỏi Đền Sòng, lúc ấy mới thưa thớt người, không còn ai đi nữa.
Vô kế khả thi, anh em nàng Oanh không biết làm sao cho tiện. Đành lần mò vào tận trong đền xin ngủ trọ một đêm, rồi nhất định sáng mai vượt qua đèo Tam Điệp. Đi suốt ngày, ra công cố sức bước nhanh, thế nào cũng sẽ qua khỏi cái chỗ nguy hiểm ấy. Kẻ cướp thì không sợ mấy, vì anh em nghèo chẳng có gì, có lẽ họ chả thèm đếm xỉa đến; sự đáng sợ nhất, ấy chỉ là ông Cọp, hễ không may gặp phải, thì hết đường chạy trốn kêu van.
Ba anh em cùng thành kính lên cửa đền, quỳ xuống lễ hết tất cả mọi linh vị thờ thánh Mẫu và các thần bộ hạ cùng các ông Hoàng bà Chúa. Khi đến trước thần tượng Bạch Hổ giữ đền, cả ba cùng khấn khứa rất lâu, cầu đức Bạch Hổ phù trì cho giữa buổi xông pha rừng núi, đừng xui xảy ra tai nạn hiểm nghèo nào.
Cái đêm hôm ngủ trọ ở đền Sòn, ba anh em nhắm mắt làm sao cho nổi! Đền làm ở giữa một nơi rừng sâu núi thẳm, chung quanh toàn là cảnh rùng rợn hoang vu, hễ cứ khuất bóng mặt trời là nghe muôn vàn tiếng kêu, tiếng hú, sợ đến sởn tóc gáy. Những

ngày không có hội, thiếu gì loài mãnh thú ác đều qua lại né ngoài đền; thôi thì hùm beo, sói, gấy, bò tót, lợn lòi, chả còn thiếu giống gì đến quấy nhiễu nhân gian, bắt gà, bắt chó, giẫm nát cả ruộng lúa, nương khoai, đến sáng ra, vết chân in trên cỏ thấy rõ mồn một. Bước ra khỏi đền buổi tối trời, tức là tánh mệnh khó toàn vẹn lắm; có đi một lũ đông khi sáng sủa, họa chăng mới có thể tránh khỏi hàm vuốt beo. Cả đêm chỉ nghe vượn hú, cú kêu, hòa với muôn vàn thứ tiếng khác nghe rất lạ; và, xé vừng không khí, trội hơn tất cả các thứ tiếng, một tiếng "à uộm" rung động cả rừng vang trong đêm tối, dội vào da thịt và xương sống mình một luồng khí lạnh, lạnh hơn hơi lạnh của mùa đông...

Đương lúc bâng khuâng lo ngại, trời sáng lúc nào không rõ. Ba anh em Văn Quản thấy có ánh bình minh mà vẫn chưa dám đi ra. Đợi khi mặt trời đỏ chói cả vừng đông, bấy giờ mới quẩy gánh xách nải, giã từ ông bà đồng, lo lắng nần ngại đi lên, trông mé đèo Tam Điệp thẳng tiến. Từ Sòng Sơn tới Tam Điệp đi còn xa lắm, vả lại ngoằn ngèo khuất khúc chả biết theo hướng nào cho khỏi lạc. Chơ vơ một người anh hai đứa em gái ngơ ngác trên quãng đường rừng hoang vắng, không đánh bạo cố mà đi đến, cũng chả còn kế hoạch gì! Vả lại chung quanh mình, chẳng có ai để dò hỏi cho biết lối, thôi cứ đành nhắm mắt đưa chân, cúi đầu thành kính trước thần linh, rồi phó mặc tấm thấn cho số mệnh, muốn đến đâu thì đến.

Ba anh em đi mãi, hết sức bước nhanh gấp bội, mong sao lên đến Ba Đèo. Đường hai bên toàn cây cối và lau sậy. Quản dắt tay Oanh, Oanh dắt tay Huyền im lặng theo gót nhau mà tiến. Đi mãi, đi mãi, hình như đã quá trưa rồi. Nhưng ô hay! Sao chưa thấy ải đèo gì cả? Chỉ toàn một màu ruộng thăm thẳm đường đá quanh co, chả thấy chốc nào lên núi xuống núi cả chỉ thấy ven núi mà thôi. Chết mất! Hay là đã lạc đường rồi.

Văn Quản định thần suy nghĩ. Thôi, phải rồi!Có lẽ lúc ở đền Sòng ra độ chừng mươi dặm, có một chỗ rẽ, một bên về phía Đông, một bên về phía Tây. Anh em đinh ninh rằng đi ra Nho Quan phải đi chếch theo hướng Tây, thành bây giờ mới tới chỗ này, tiếng mãi mà vẫn không thấy đâu là đèo Tam Điệp.

Nhầm thật. Nhưng may còn sớm có thể bước đi lộn lại được, chiều sẽ về đến đền, sáng mai lại ra đi sớm. Cố đi ba ngày, may ra sẽ đến Nho Quan, cũng còn kịp! Vả chăng từ sáng đến giờ, không gặp sự gì rủi ro cả, cướp cũng không mà ác thú cũng không, có lẽ đức Thánh Mẫu đã thương hại phù trì cho đó. Bao giờ xong việc trở về, thế nào cũng sẽ vào đền lễ tạ Thánh Mẫu, không dám quên ơn ngài đã mở lòng từ bi mà săn sóc cho.

Nghĩ vậy, Quản nhủ với hai em quay gót lại, đi ngược trở lại. Đi mãi, đến tận chiều, chân Huyền Cơ và Oanh Cơ sây sứt rớm cả máu. Nghoảnh nhìn tứ phí, nào thấy bóng dáng đền Sòng ở đâu, chỉ có ngàn nội xanh um, cây cỏ cao ngất trời, đường đi thì chỉ là một vệt lờ mờ giữ một bãi rậm rạp, hoang vu. Ba anh em lúc ấy lo ngại đến cực điểm cùng vừa đi vừa niệm Phật, mong sao ra khỏi bãi lau sậy để được thấy bóng đền Sòng.

Đi giời lâu nữa, thì ra khỏi bụi lau, đến một khu đất rộng, cỏ không cao lắm, cây mọc cũng thưa, nhưng toàn là cây cổ thụ rườm rà xanh thắm, to đến vài người ôm. Chung quanh khu bình địa ấy, bốn bề là sườn đồi thoai thoải, rừng rú um tùm, ngày lau trắng xóa. Nghoảnh đầu tìm đường cũ vừa đi buổi sáng, chả biết nó ở tận đâu, kiếm bóng một ngôi đền hay một tòa nhà để nghỉ chân, tìm đến mỏi con mắt thì thôi, chớ chẳng có ngôi nào. Thực là rừng hoang cảnh vắng, chơ vơ ba kẻ lạ đường; không còn biết nương tựa vào đâu nữa.

Giữa đám bông lau gió rung phơi phới, một đàn cò trắng từ đâu vỗ cánh bay về. Từng lớp một, chúng nó bay đến đấy hàng ngàn, hàng muôn, lượn vòng trên không kêu quang quác, lượn mãi rồi mới đậu xuống. Xem có vẻ tối, cũng đủ biết lúc đó đã về chiều. Quả vậy chỉ thoáng một chốc, màu trời thấy sẫm lại, chả bao lâu nữa tối bây giờ.

Trong chốn thung lũng hẻm này, chung quanh đều là ngàn sâu, nội thẳm, ba anh em biết chạy đàng nào. Biết lấy chỗ nào nương thân cho khỏi sợ vuốt hùm móng báo. Một màu cỏ cao, cây rậm, thực là hết kế thoát thân. Oanh Cơ biết rằng khó lòng sống thoát đêm nay nghĩ thương anh chị và thương thân, nên oà lên khó. Huyền Cơ mủi lòng cũng khóc; Văn Quản không can đảm được nữa, ứa hai hàng nước mắt; song cố trấn tĩnh để lo tìm một kế trong trường hợp tối nguy này.

Đương khi than thở, cả ba anh em bỗng đâu nghe tiếng gọi, làm cho Oanh kinh sợ thất đảm, mặt tái mét đi, ngừng không khóc nữa, chỉ rú lên ôm lấy chị. Huyền cũng sợ hãi như Oanh, cả hai ôm chặt lấy nhau, tưởng đâu ma quỷ trong rừng thiêng hiện lên dọa nạt. Duy Văn Quản, tuy thấy rợn gáy rùng mình, mà vẫn cố giữ vẻ táo bạo, gọi to lên rằng:

-Ai đó, xin làm phúc cứu anh em chúng tôi với.
Quản vừa dứt lời, thì thấy ngay trên cây cổ thụ mọc giữa chỗ ba anh em ngồi nghỉ, một người tráng sĩ vạm vỡ nhảy xuống hỏi chào. Tráng sĩ nói:
-Các ngài cao danh quí tính là gì? Đi đâu mà sa lạc vào đây?
Văn Quản vội vàng đem họ tên và câu chuyện định trẩy ra Nho Quan thế nào nói một lượt cho tráng sĩ rõ. Tráng sĩ nghe xong lắc đầu:
-Chết nỗi! Đường đi Nho Quan phải theo hướng đông đi ra chợ Ghềnh, sao ông lại không biết! Ở đây là hạt Đồng Giao, nhưng ở phía Tây, cách đền Sòng còn xa, phải theo lối khác mới tới được. Đường nãy là đường xuyên sơn đi lên Mường lên Mán, kia mà. Thôi, ông trót lỡ đường rồi, thì phải ngụ tìm ở chốn này một đêm, mai tôi sẽ đưa giúp ông qua đèo Tam Điệp. Tôi quê ở vùng Nam Định, tên là Lê Trọng Việt, bình sinh chỉ thích nghề săn bắn mà thôi. Tôi vào đây săn báo và săn hươu, nên có làm một cái nhà sàn con trên cây này, định đêm nay nằm rình các ác thú đến thung lũng này uống nước thì sửa một mẻ. Vả nay gần ngày vọng, có trăng sáng, bắn sẽ thú lắm.
Tráng sĩ nói đến đây ngừng lại ngửng đầu nhìn lên ngọn cây. Bỗng chàng hít hơi rõ mạnh, rồi nhăn trán lại có vẻ lo nghĩ. Chàng vội vàng bảo Văn Quản:
Bây giờ tôi leo lên trước, thả dây xuống. Ông buộc chặt chẽ vào nách một cô em, tôi kéo lên xong lại thòng dây xuống cho cô khác lên. Sau cùng đến lượt ông. Nếu ông leo được thì, khi tôi đem hai cô lên cả trên cây rồi, ông nên trèo lên ngay đừng chậm trễ nhé! Mà khi thả dây xuống, ông cố làm cho lẹ tay một chút, xin ông nhớ kỹ đấy!
Đoạn tráng sĩ nhảy lên cây thoăn thoắt; chỉ một chốc đầu dây sa xuống đến gốc cây rồi. Quản và Huyền cùng đồng lòng để Oanh Cơ lên trước, bèn túm nhau lại buộc dây vào nách Oanh. Xong dặn Oanh nắm chặt lấy dây, không được thả. Vừa buộc cho Oanh xong, bỗng thấy một mùi hôi thúi ở đâu xông lên nằng nặc, rồi nghe tiếng một đàn chim khướu ríu rít kêu, bay đậu cả vào cây cổ thụ. Tráng sĩ đứng trên cây, ra sức kéo Oanh Cơ lên tận nhà sàn dựng ở gần ngọn. Oanh vừa sắp tới nơi, một quang cảnh bi đát, khủng khiếp và thê thảm bỗng hiện ra trước mắt nàng và tráng sĩ.
Một con hổ vàng to, từ đâu biết, hình như ở rừng sậy, nhảy sổ lại phía gốc cây, giữa lúc xuất kỳ bất ý. Văn Quản và Huyền Cơ vừa buộc dây xong, đương ngước mắt nhìn theo Oanh Cơ không biết rằng có tai nạn ở ngay cạnh mình. Hổ xông lại chỉ trong nháy mắt, đã thấy dưới gốc cổ thụ có hai xác người đương giãy giụa máu me đầm đìa.
Oanh vừa leo được lên sàn, thấy anh chị bị hại thảm thiết đau đớn quá, lòng như bị xé tan, bào rách; nàng kêu lên một tiếng rồi ngã gục, suýt nữa rơi từ trên cao xuống. Tráng sĩ lúc bấy giờ tay chân luống cuống vì Oanh, không có thì giờ lấy đao lấy nỏ. May sao dây buộc Oanh Cơ còn vướng ở người nàng, nên nàng không bị rớt, tráng sĩ vội vực nàng vào sàn nứa, rồi mới đem ra ba ngọn phi tiêu đứng trên cây ném xuống. Hổ đang ngoạm đùi Văn Quản, bị một mủi phi tiêu ném trúng cổ, một mũi nữa trúng sườn, đau quá, vùng gầm lên một tiếng, bỏ mồi chạy mất. Tráng sĩ phóng theo một mũi tên cắm vào đít hổ, hổ nhảy cao, biến mất vào bụi sậy.

Xác Ma Cười

Ông Cai Móm ngừng lại, rít một hơi thuốc lào. Câu chuyện đang đến đoạn hay, Lệ Thi nóng ruột vội giục ông nói nốt. Ông Mim cười cúi đặt điếu xuống gầm bàn kể tiếp:
Tráng sĩ, lúc ấy thấy cơ sự xảy ra như vậy, bèn đợi một lát, rồi giắt lên lưng một con mã tấu, nhảy xuống xem họa may còn cứu được Văn Quản và Huyền Cơ chăng? Nhưng cả hai đều bị trọng thương, xác tuy còn nóng nhưng tim không đập nữa và đã tắt thở rồi. Ngậm ngùi, tráng sĩ lại leo lên ngọn cây cởi dải lưng buộc chặt Oanh Cơ vào một cành cây to, rồi tháo đầu dây buộc nàng khi trước. Oanh Cơ vẫn mê man bất tỉnh, nằm thiêm thiếp, mặt cắt không còn một hột máu, song hơi thở vẫn đều đều.
Yên trí rằng Oanh không việc gì, tráng sĩ lại trèo xuống, buộc thật nhanh cả hai xác vào đầu dây, rồi vội nhảy lên ngọn cây lập tức. Đứng từ trên cao, chàng vịn vào một cành to cố sức kéo, đem được hai cái xác lên lưng chừng cây. Xong đâu đấy chàng buộc đầu dây kia thật chắc vào thân cây, để hai cái xác khỏi bị rơi xuống đất. Chàng nghĩ đi nghĩ lại một chốc, sợ khi dây có thể đứt được, vì hai thi hài nặng lắm; nên lại trụt xuống vài bực đến gần tử thi Quản Văn và Huyền Cơ. Chàng đem cả hai anh em để nằm ngang cẩn thận trên cành cây; đầu gối vào một cành, thân dựa vào một cành khác, chân lại gác vào một trà cây. Đoạn chàng rút dao cắt một đoạn dây, và tháo thắt lưng của cả hai kẻ bạc mệnh buộc họ cho chặt vào cành vì sợ có con

vật nào ban đêm đến sục sạo thì cả Quản và Huyền lại rơi xuống đất.
Công việc ấy yên ổn rồi, tráng sĩ mới leo lên sàn ngồi. Chàng vừa vào, thì Oanh Cơ mở mắt hồi tỉnh. Câu hỏi đầu tiên của nàng là về tánh mệnh hai người nàng thương yêu nhất:
-Thưa ông, anh chị của cháu đâu rồi?
-Nằm cả dưới kia. Anh chị cô không may bị hổ vồ đã thác rồi. Nó đang định tha đi thì tôi bắn trúng, nó phải bỏ chạy. Tôi sợ nó ăn mắt thi hài ông và cô hai nên buộc chặt cả vào cành cây dưới này! Chẳng qua cũng là số phận cả, cô chớ than khóc làm gì. Bây giờ có khóc cũng vô ích mà thôi; phải cố dưỡng sức mai còn đi, tôi sẽ đưa cô ra Nho Quan tử tế, cô đừng ngại. Cô nên đi nằm nghỉ một chốc, tôi còn phải ngồi đây canh hai cái xác kia, kẻo nếu có loài ác điểu ác thú khác đến, nó sẽ rỉa ăn đi mất.
Tuy tráng sĩ hết lòng an ủi, Oanh Cơ cũng vẫn ngồi bưng mặt khóc như gió như mưa. Khóc một hồi rõ lâu, nàng mới gạt lệ, thổn thức bảo tráng sĩ rằng:
-Ông đã có công cứu mạng cho tôi, thực là ơn trời bể, tôi lấy gì báo đáp được. Không may cho anh chị tôi lại không được ông cứu nốt, đến nỗi phải vong mệnh một cách thảm thương thế này. Tôi từ bé đã mồ côi cha mẹ, chỉ nương nhờ vào anh chị tôi thôi. Nay anh chị tôi đều thác cả, cô thân trích ảnh, tôi biết làm sao bây giờ. Thực là bơ vơ phận gái yếu hèn, tôi cũng đến chết mất. Mà thà chết theo anh chị tôi còn hơn.
Tráng sĩ nghe nói, động niềm trắc ân, hết sức khuyên dỗ người bạn gái tình cờ:
-Cô đừng lo! Cô đã gặp tôi, tôi xin hết sức che chở cho cô. Nhà tôi tuy không giàu, song đủ bát ăn, cô nếu không chê là chỗ tường phên vách đất, xin cứ về ở với tôi, tôi có mẹ già, sẽ nhận cô là nghĩa nữ, tôi sẽ làm anh nuôi cô. Tôi xin tình nguyện giúp đỡ cô tới khi cô yên bề gia thất. Cô không nên phiền muộn nữa cô ạ.
Tráng sĩ nói đến đây, bỗng nghe có tiếng xào xạc trên cành cây, rồi có tiếng vỗ cánh, Oanh Cơ sợ ngồi thu mình vào mé giữa sàn, im không khóc nữa. Giữa lúc ấy, lại nghe cả tiếng hổ gầm rất to, chừng như ở dưới thân cây, rồi ngửi thấy mùi hôi hám khó chịu. Tráng sĩ nói:
-Hình như con cọp lúc nãy nó trở lại tìm mồi đó! Cô cứ bình tâm ngồi yên lặng đừng sợ hãi gì cả; cứ để mặc tôi với nó. Thử xem con quái kia dám cả gan giở những trò gì nào. Tôi sẽ cho nó một phen tán đởm kinh hồn cho nó biết.
Oanh Cơ ngoan ngoãn nghe lời tráng sĩ, ngồi nép vào một xó, không dám nhúc nhích cựa quậy. Nàng tuy trong lòng đương đau như cắt vì cái chết rất bi đát của anh chị, nhưng nàng cũng cảm thấy, không hiểu vì đâu, một sự đằm ấm trong tâm hồn, tựa như giọt nước cam lồ hay liều thuốc thần tiên làm cho vết thương đau lâng lâng dịu được vài phần. Nàng vẫn nhớ như in trong óc trường hợp thê thảm vừa xảy ra, thương anh thương chị vô cùng, xót xa hận tiếc vô cùng, nhưng nàng cũng tựa hồ thấy một mối liên lạc gì ngẫu nhiên mà thanh khiết ràng buộc nàng với chàng võ sĩ vừa cứu riêng một nàng khỏi bước gian truân. Nàng nửa cảm ơn Trời Phật đã run rủi nàng khỏi thác lại oán trách quỷ thần đã xui khiến cho nàng mất cả anh lẫn chị. Trong lúc cô đơn nàng chỉ biết nương tựa vào tráng sĩ, nàng bớt lo ngại buồn rầu. Nàng nghĩ vẫ vao, trong óc man mác không biết bao nhiêu ý tưởng mới lạ, trong người bất thần không biết bao nhiêu cảm giác dị kỳ, những cảm giác không biết từ đâu đến, mà đến từ bao giờ...
Trong bóng tối, Oanh Cơ nghe lời tráng sĩ cố ngồi im lặng; tráng sĩ thì chăm chú canh hai xác chết, rình xem có quái vật nào đến sẽ đuổi đi, hay bắn cho nó một mũi tên thần. Giữa lúc cả hai người cùng trầm ngâm, mỗi người có một hoài bão, mặt trăng ở đâu đã ló đầu qua khỏi núi, tia ra một thứ ánh sáng nhợt nhạt, trắng như mà sữa, biến quang cảnh u tối trong rừng ra một cảnh chứa đầy thi vị. Có ở giữa chốn rừng cao núi thẳm trong một đêm có trăng sao sáng sủa, mới cảm thấy vẻ mênh mông bát ngát của vũ trụ, vẻ rực rỡ mà huyền bí của non sông, cây cỏ, vẻ êm đềm rùng rợn của nỗi cô đơn quạnh hiu. Bóng cây um tùm bao bọc khắp thung lũng; thảm cỏ xanh bằng phẳng lúc ấy tựa hồ như một mảnh giấy xám rộng rãi bao la, trên có vẽ một bức tranh thủy mạc thiên nhiên, do một họa sĩ lấy bút điểm từng chấm khổng lồ, rồi lại lấy tay bôi thêm ra nhòe nhoẹt. Không thể nào tả được cái sắc của một đêm trăng tỏ, nhất là cái màu đậm không đậm, nhạt không nhạt, xám không xám, vàng không vàng, của các thứ bóng chen chúc nhau, mỗi thứ đượm một vẻ riêng... cho dù một ngọn bút thiêng liêng đến đâu cũng khó lòng hình dung lại cho đúng được.
Trong hoàn cảnh kỳ dị ấy, lại có muôn ngàn thứ âm thanh cũng lạ lùng bí mật như các bóng âm u rùng rợn; bóng kia tưởng chừng như hồn người chết phảng phất hiện về để lượn phiêu dưới đám lá um

tùm đen tối, mà tiêng kia tựa hồ như tiếng ma kêu quỷ khóc, tiếng các vong linh oan ức thở dài trong luồn gió thảm vi vu...
Các tiếng kêu, tiếng hú, tiếng gầm thét, rên rỉ, chúng nó xuất phát từ muôn nghiền cửa miệng, muông nghìn cổ họng, của đủ các thứ côn trùng, cầm thú; nó hòa nhau lại để cùng với tiếng vì vèo của hơi thở Tạo Vật, tiếng xào xạc của đám cỏ cây, biến thành một khúc nhạc ảo não, một điệu đàn bi thiết nghe lạnh lẽo thấu tận đáy lòng.
Oanh Cơ ngồi im lặng bên cạnh tráng sĩ, trên cành nứa ở ngọn cây, lần đầu tiên mới được nghe những âm thanh kỳ quặc ghê rợn dường ấy nên trong lòng thấy lo sợ khủng khiếp, ngồi thu mình co rúm lại, sát kề người tráng sĩ, quên cả lễ nghĩa cương thường. Giữa lúc sợ lạnh toát mồ hôi, thiếu chút nữa thì lăn ra chết ngất, còn thần trí nào mà nghĩ đến câu "nam nữ thọ thọ bất thân"? Oanh Cơ trong lòng bối rối đủ trăm điều, phần bồn chồn lo ngại, phần thương chị tiếc anh phần sợ hãi, bấy giờ thực quả là một pho tượng nặn bằng xác thịt loài người mà không có tri thức gì cả. Bao nhiêu tinh thần của nàng bay đi đâu hết, nên nàng cứ đờ ra không cử động nói năng gì được nữa.
Tráng sĩ thì khác hẳn. Quen nghề săn bắn, chàng nhiều phen đã ngủ suốt đêm đến sáng trong rừng. Chàng chả biết sợ là gì, cứ bình tĩnh ngồi bó gối cạnh hai cái tử thi, cặp mắt đăm đăm không chớp. Nhân có ánh trăng vằng vặc, chàng nhận được rất rõ rệt sự vật xung quanh.
Sau khi bắn một con cú xong, nửa giờ sau tráng sĩ lại bắn được một con chồn to luẩn quẩn dưới gốc cây, nhưng chàng không xuống nhặt xác con chồn ấy, định sáng mai lượm lên cũng không muộn. Rồi chàng lại ngồi yên chăm chú lắng tai nghe động tĩnh. Chốc chốc, chàng lấy đá lửa đánh vào bùi nhùi châm đóm hút một khói thuốc lào cho đỡ buồn. Hút xong, chàng có ý tắt lửa ngay, để khỏi bị các loài dã thú nhận được ánh sáng đèn.
Tráng sĩ đương trầm ngâm bỗng cựa quậy, rồi ghé đầu qua mép sàn cúi xuống ngắm nhìn. Chàng bỗng hít mạnh đánh hơi, hít xong thì vội vã sờ vào mé trong sàn lấy cái nỏ và ba bốn mũi tiêu thép cùng với con mã tấu để ngay cạnh mình. Liền lúc ấy, nghe bên rừng sậy phía Đông có tiếng xào xạc, rồi, vụt một cái, thoáng nhận được một cái bóng dài, to bằng con trâu nhưng thấp hơn, đi lẹ làng êm ái lại chỗ gốc cây cổ thụ. Cái bóng ấy tới nơi, mới trông rõ là một ông chúa sơn lâm, ở sườn có vết máu đỏ hoen mất một đám lông vàng và trắng. Có lẽ là con hổ buổi chiều.
Nó tiến lại gốc cây, đánh hơi ngửi chỗ đất có máu đọng sót lại, cái chỗ mà, cách đó vài giờ, nó đã tát và cấu chết hai anh chị Oanh Cơ. Nàng biết nó đứng dưới sàn, hoảng hốt ôm chặt lấy tráng sĩ, kêu lên một tiếng, tiếng kêu của nàng chỉ là một tiếng rên se sẽ mà thôi.
Tráng sĩ bấy giờ bất đắc dĩ phải che chở cho nàng khỏi phải sợ hãi thái quá nên ôm ngay nàng vào lòng, cho nàng ngồi thu mình gọn trong lòng mình. Rồi chàng ghé mồm sát vào tai nàng, bảo rằng:
-Cô chớ sợ hãi! Ở trong rừng đêm khuya, có kinh sợ cũng vô ích. Lần đầu, cô chưa quen nên thấy khủng khiếp, chớ sau như tôi, nào có biết sợ là gì. Đã có tôi đây, xin hết sức bảo vệ cô, cô cứ an tâm. Dù con hổ nó có đứng dước chân mình chăng nữa, nhưng nó có làm trò trống gì được? Giá phải con báo thì đáng sợ thật, song là con hổ thì chẳng lo sợ gì, vì nó không biết leo. Đến việc ngẩn đầu lên nhìn còn khó thay huống gì là trèo lên đây. Cô cứ ngồi im trong lòng tôi cho ấm, như thế cô chẳng còn ngại nỗi gì! Để xem con quái này nó giở những thủ đoạn ra làm sao cho biết. Hôm nay vì có cô; tôi đành bỏ một đêm không săn bắn nữa; tôi chỉ ngồi đây phù tá chô chô và chăm nom hai cái tử thi kia mà thôi. Cô cố ngồi yên lặng, đừng hốt hoảng kêu la mà náo động lên, cô nhé!
Như một đứa trẻ con chiều ý mẹ, Oanh Cơ ngoan ngoãn ngồi gục đầu vào vai tráng sĩ. Tráng sĩ có giai nhân ngồi trong lòng, nhưng vì mải mê trông con hổ nên không hề nghĩ gì đến việc càn rỡ cả. Vả chăng, chàng cũng là con nhà thi lễ gia giáo, lại là một tay nghĩa sĩ hào hiệp, có khi nào chàng lợi dụng cảnh ngộ nguy ngập khốn quẫn của một người đàn bà để chiếm đoạt lấy người ta? Chàng ôm Oanh Cơ, ấp ủ cho nàng, chả khác gì chị gái ấp ủ cho em, mẹ ấp ủ cho con.
Oanh Cơ đang ngồi êm ái trong lòng tráng sĩ bỗng níu chặt lấy cổ chàng. Liền lúc ấy trong bầu không khí hiu quạnh tẻ vắng của rừng khuya, bỗng phát ra từ đâu không rõ, như tiếng cười sằng sặt của một cặp vợ chồng ma cù nhau, rú lên một cách vui vẻ lạ lùng. Bạo đến như tráng sĩ, mà chàng cũng thấy rợn tóc gáy. Tiếng cười phát ra như ngay dưới chân chàng; có lẽ con hổ yêu tinh kia đến để dọa nạt chàng nên mới cười lên như vậy.
Oanh Cơ tin chắc trong lòng là ma rừng hiển hiện nên nàng ôm chặt lấy tráng sĩ, úp mặt vào ngực

chàng không dám lộ mặt ra nữa. Tráng sĩ định thần một chốc, cúi xuống quan sát chỗ gốc cây. Chàng chả thấy gì, cũng không thấy hổ cười, chỉ thấy nó hình như đang cào đất làm gì không rõ. Ngắm lâu một chút, mới hay dưới đất, ánh trăng vẽ trên thảm cỏ cây cổ thụ và bóng hai xác người nằm ngang trên cành cây.
Con hổ cứ chạy vòng quanh bóng hai cái xác đó. Nó tựa hồ đùa cùng hai chiếc bóng, nó cong đuôi chạy lởn vởn một lúc rồi lại lấy chân trước vờn mặt đất, như cù hai chiếc bóng ấy vậy. Nó lấy trò chơi đó làm một tấn tuồng ý vị, nên chơi nhởn một cách rất chăm chú, sốt sắng, để hết tâm lực vaò cái trò trẻ con ấy. Thực là một bức tranh tương tự như tranh "sư tử hí cầu".
Tráng sĩ biết chính xác ý của con hổ rồi, chàng se sẽ lấy bùi nhùi đánh đá châm lửa; xong thò tay vào một cái túi vải để ở góc sàn phía trong, lấy ra một ống nứa to và dài, ở một đầu có ngòi như ngòi pháo. Chàng buộc ống nứa to và dài ở một đầu dây, giơ bùi nhùi đốt cái ngòi, rồi thòng dây xuống đặt cẩn thận không cho có tiếng động.
Hổ đương mải mê chơi với bóng, không biết gì hết. Anh chàng cúi đầu gầm xuống đất, chăm chú vờn mặt cỏ xanh. Đương lúc xuất kỳ bất ý, ngòi pháo cháy hết, cháy lan vào đầu diêm sinh trong ống, làm cho ống pháo nổ một tiếng kinh thiên động địa. Hổ bị một phen kinh sợ, tưởng như bị sét đánh ngay giữa đỉnh đầu, không kịp nhìn xem tự đâu có sự lạ xảy ra, chỉ còn đủ thì giờ vật đuôi đánh chát một cái, nhảy bổ lên rồi cong đuôi chạy bán mạng vào rừng, không dám ngoảnh nhìn lại.
Tráng sĩ, đắc ý vỗ tay cười ha hả. Oanh Cơ cũng bị tiếng pháo giật mình ra khỏi cơn khủng khiếp; nàng đương ngồi ủ mặt vào ngực tráng sĩ nghe tiếng pháp nổ bỗng giật bắn người lên, sửng sốt nhìn thì thấy tráng sĩ vỗ tay cười khoan khoái. Tráng sĩ ôm lấy nàng bảo rằng:
Xong rồi! Cô chớ kinh hãi. Đó là tiếng địa lôi tôi phát ra để đuổi loài mãnh thú kia đi, không cho nó diễn cái trò quỷ quái của nó nữa. Sự này rất lạ, song thực rất thường: cô được chứng kiến lần đầu nên hoảng sợ đó mà thôi. Tôi đã quen với những sự kỳ quặc hơn thế nữa, thành ra chẳng coi cái cảnh tượng đêm nay vào đâu... Bây giờ tôi đã đuổi hổ đi rồi, chúng ta không còn gì để lo sợ nữa. Chúng ta có thể nghỉ ngơi yên ổn, không có giống vật hay loài ma nào mà dám đến quấy phá, cô cứ an tâm, ở đây đến sáng tôi sẽ giúp cô hết cả mọi việc tống táng, rồi sẽ đưa cô qua đèo Tam Điệp. Cô nên đi nghỉ một lát, cho khỏe đi.
Tráng sĩ nói thế, nhưng Oanh Cơ cũng vẫn ngồi yên bất động trong lòng chàng. Nàng không dám bước đi đâu hết vì vẫn còn khiếp vía nên không đủ can đảm ngồi một mình dù chỉ một bước. Không nói năng chi cả, nàng ngồi im, gục đầu vào vai tráng sĩ. Tráng sĩ biết rằng nàng không dám lìa chàng nên chàng đành phải ôm nàng mãi trong lòng. Rồi chàng tìm cách an ủi nàng bằng cách kể chuyện cho nàng nghe, ngõ hầu tinh thần nàng bị chăm chú vào câu chuyện mà không còn để ý đến sự việc bên ngoài nữa.

Ma Rừng

Ông Cai Móm lại ngừng lần thứ ba, lấy cốc rượu uống một hơi rồi kéo một mồi thuốc Lào. Lệ Thi nóng ruột muốn nghe, giục ông cai kể tiếp, nhưng ông vẫn điềm tĩnh thong thả uống rượu hút thuốc khề khà, làm cho vợ tôi càng thúc giục hơn nữa. Thi muốn nghe, mà hễ nghe đến chỗ nào rùng rợn, thì lại bám riết lấy tôi, thu hình cuốn vó lại, trông buồn cười lắm. Phải thế chăng mình?
Một hồi lâu ông Cai đủ nghiện, mới oang oang nói tiếp:
Bấy giờ Oanh Cơ gục mặt vào vai tráng sĩ. Tráng sĩ muốn cho nàng đỡ sợ, phải tìm kế nói chuyện để bắt nàng phải chú ý vào một sự khác, ngõ hầu quên nỗi đau xót và quên cảnh vật ghê sợ của rừng khuya. Câu chuyện tráng sĩ nói, sau này lại chính mồm Oanh Cơ kể lại cho cậu ruột tôi nghe, vì thế nên tôi biết rõ. Tráng sĩ sợ nàng cứ nghĩ ngợi mãi về cái chết thê thảm của anh chị nàng, và cứ bồn chồn lo ngại luôn luôn, thì không khéo chết ngất đi lần nữa, chàng phải nói luôn mồm cho nàng thấy bao giờ cũng có người ngồi bên cạnh và che chở cho mình. Tráng sĩ bảo Oanh Cơ:
- Cô đừng nên sợ hãi kinh ngạc, cô ạ! Có tôi ở đây, không khi nào tôi để thú dữ ma thiêng phạm đến cô được. Tôi có khi nằm trên chòi này hàng nửa tháng, đêm đêm trơ trọi một mình, tôi chả e ngại gì hết. Gặp ác điểu, mãnh thú thì tôi bắn, tôi đánh, tôi cầm mã tấu hoặc đoản côn thử chơi với chúng nó vài keo, đi cho chúng nó xem vài đường võ, bao giờ chúng cũng thua chạy, hoặc bỏ xác lại cho tôi khiêng về. Chúng nó có làm gì được tôi? To lớn, khỏe mạnh và nhanh nhẹn như con hổ, tôi chỉ coi như loài thú dữ mà thôi.
Cái đáng sợ nhất, ấy là ma rừng. Giống ấy thiêng lắm, và lợi hại lắm. Nhưng tôi có làm gì phạm

chúng đâu, mà chúng nỡ xử tệ với tôi? Chả qua chúng chỉ muốn đùa giỡn quấy quả tôi cho vui, chớ chưa làm tôi ốm đau và chịu thiệt bao giờ. Hay là chúng có ý nể tôi thì chả rõ. Một vài lần đầu tiên, có vài con đầu đàn, chúa tể ở vùng này, hiện lên dọa nạt tôi. Tôi đang nằm trên sàn thì nó làm sàn quay tít như chong chóng, định thần ngồi một lúc thì lại không thấy gì. Có khi nó ném tôi đến bịch một cái xuống tận gốc cây, tôi nhìn lại thì thấy vẫn còn ở trên sàn. Lại có lần vừa buổi chiều, mới trèo lên cây đã thấy ngay lủng lẳng treo trên cành chỗ thì một cánh tay, chỗ thì một cái chân, chỗ khác thì cái đầu lâu máu ở cổ chảy xuống ròng ròng, chỗ khác thì cái thây người. Một chốc, tất cả mấy thứ ấy bay vùng lên sàn, liền nhau lại thành một người đen thui thủi, đầu tóc dựng ngược, mắt mở to, há mồm cười nhe răng trắng nhơn nhởn. Tôi cứ ngồi yên nhìn con ma ấy không nói; nó thè lưỡi đỏ như lửa dí tận sát mặt tôi, khí lạnh của nó thâu vào khắp người tôi, tôi rợn lắm, song vẫn cố trấn tĩnh. Nó dọa chán thì biến mất.

Lần khác nó hiện lên đến sáu bảy con, lớn có, bé có, trẻ có, già có, đứa nào cũng quần áo rách rưới hoặc trần truồng như nhộng, trông người gầy gò đen thủi, xấu xí lắm. Chúng đi lơ lửng như không bước, là là trên mặt cỏ, lại chỗ tôi đứng dưới gốc cây, dang tay bao vành lấy tôi rồi nhảy múa làm tôi hoa cả mắt. Tôi bị chúng trêu nhiều lần lắm, lần này thì tôi chấp tay vào trước ngực, nhắm mắt niệm Quan Thế Âm, rồi đọc câu thần chú trừ tà: "Tả Tanh Long, hữu Bạch Hổ, tiền Chu Tước, hậu Huyền Vũ". Mở mắt ra, chúng đều biến mất cả. Tôi lên được trên sàng, ngồi khấn rằng:

- Tôi tên là Lê Trọng Việt, là một kẻ đi săn các ác điểu, mãnh thú, không xâm phạm gì đến vong hồn các anh em cả. Anh em nếu có linh thiêng, xin phù hộ cho tôi, săn được nhiều, tôi sẽ chia cho một phần và xin cúng tế anh em tử tế, mỗi khi tôi tới đây. Từ trước tới nay, anh em trêu ghẹo tôi, tôi đã chịu nhẫn nại, không làm gì cả. Tôi không dám chửi rủa các vong hồn, cũng không dám láo xược với các vong hồn, xin các người từ đây đừng dọa nạt đùa giỡn tôi nữa! Nếu tôi khấn khứa tử tế thế này mà không tha, thì sau này sẽ có cách tôi đối phó lại, bấy giờ đừng trách móc tôi đó! Đây, gọi là thành tâm lễ bạc, tôi có chút quà này xin biếu anh em!

Khấn xong, tôi giở tay nải đem ra bày ở sàn một ít bánh đúc để trên vài tàu lá, và một ít hoa quả tôi đã cố tình mang đi từ chiều. Rồi tôi đốt hương đốt nến, vái bốn vái. Xong lại đem đống mấy chục lá vàng hồ. Công việc thấy ổ thỏa, tôi nằm chèo queo đánh một giấc đã đời, chờ đến canh hai thì dậy. Đêm hôm đó, quả nhiên tôi săn được nhiều lắm, song toàn là các thú nhỏ. Và tôi cũng không bị trọc ghẹo nữa. Bắn được cáo, được cầy, tôi đợi rạng ngày là thui ngay vài con dưới gốc cây, cúng tế xong rồi mới về. Những đêm sau đều săn được kha khá. Tôi vẫn giữ lời hứa chia phần cho ma, nhưng ăn quen rồi thì lại rửng mỡ, đến đêm lại tìm cách làm cho trong nhà sàn của tôi các đồ đạc lung tung lên cả. Có một lũ chuột, mỗi con bằng con mèo to đến hì hục tìm mồi, ăn bánh đúc cơm nắm của tôi, gặm nát cả chuối tôi trữ sẵn để tráng miệng, cắn rách áo tôi và nhá chân tôi đau lắm. Chúng nó tha nỏ của tôi quăng xuống đất và tha mã tấu của tôi cắm vào một cành cây, vác tay nải của tôi treo lủng lẳng ở mái sàn. Lũ ranh ấy lục lọi đủ thứ chọc tức tôi đến cực điểm. Đêm tôi ngủ dậy, sờ nải chẳng thấy đâu, biết là có chuyện. Tôi bèn ngồi một lúc định thần cho mắt sáng ra, có thể trông rõ trong đêm tối được; tôi nhờ ánh mờ mờ của các ngôi sao le lói nên tìm được đẩy nải và mã tấu vì lưỡi dao lấp lánh dễ thấy lắm.

Tôi mở nải lấy sẵn bùi nhùi, đá lửa, và hai ống địa lôi to. Rồi tôi ngồi đợi xem cái giống quái kia có đến quấy nhiễu tôi nữa chăng. Quả nhiên, chúng trở lại để xem tôi tức giận đến thế nào. Lần này chúng biến ra một lũ cú mèo và mèo rừng đến vỗ cánh ầm ầm và kêu reo réo ầm ĩ cả chung quanh mình tôi, bâu lấy tôi đen nghịt. Tôi đã biết nên thủ sẵn một sợi dây ngũ sắc dài, một bông phẩm đỏ ướt; tôi cứ ngồi điềm nhiên niệm Phật và đọc thần chú. Chúng quây quần lấy người tôi song không phạm đến tôi được. Tôi đánh đá tóe lửa, đốt bùi nhùi; bùi nhùi cháy, tôi dí ngay vào ngòi hai cái pháo khổng lồ treo ở mé sàn; xong tôi vội vàng đứng dậy, quơ tay túm được một anh mèo, rồi nhảy vọt ra ngoài, chuyền cành nọ sang cành kia, ra ngoài một chẽ cây gần gốc. Tôi vừa leo vừa kéo dây ngũ sắc ở cổ buộc vào mình con mèo, nó cắn tôi, cào tôi, giẫy giụa và đập đuôi chan chát, tôi cũng mặc kệ. Buộc dây xong, tôi lại sờ vào áo túi lấy bông phẩm đỏ, bôi nhoe nhoét vào mặt nó, xong đâu đấy tôi thả nó rơi đến bịch xuống đất.

Tôi làm những việc trên đây nhanh như chớp, bởi đã định trước cả rồi; chỉ thoáng một tí là đốt xong ngòi pháo, bắt một con mèo và nhảy chuyền xuống gốc cây ngồi ở một chỗ, tươm tất lắm.

Tôi vừa an vị, hai tiếng nổ kinh thiêng động địa nối tiếp nhau xé tan vừng lặng lẽ của rừng khuya; bốn bên toàn là sườn núi cả nên tiếng pháo địa lôi càng dữ dội. Đàn mèo tranh nhau mà chạy, đàn cú tranh nhau mà bay, chúng chen nhau, húc nhau ùa cả ra khỏi sàn. Phần nhiều đều rơi xuống đất huỳnh huỵch, có con chạy không kịp, phải biến ra khói, tan đi. Pháo vừa nổ, định thần mà nhìn, chả thấy một con nào nữa cả, thì ra chúng nó vừa rơi đến đất hay chưa đến mặt cỏ là chúng đã biến cả rồi! Vô phúc có một anh cú bay tạt qua mặt tôi, tôi túm ngay lấy, luồn ngay dây ngũ sắc buộc lấy hai cánh, rồi cũng đem phẩm bôi vào mặt. Tôi lại vứt con quái vật ấy xuống đất theo với con mèo; hai con đó giãy giụa, vật mình đùng đùng vào gốc cây nghe rõ mồn một. Ý chừng chúng nó muốn tháo dây thì phải, nhưng tôi buộc theo phép phù thủy, có mà tháo đường trời!

Tôi lên ngồi chễm chệ trên sàn nứa. Lúc này tôi đốt bùi nhùi, thắp một ngọn bạch lạp, đi tìm các thứ binh khí, thu thập xem có thiếu gì không. Xét ra chỉ mất cái "nỏ thần" của tôi mà chúng đã ném xuống gốc cây cổ thụ, còn đồ đạc thì đủ cả. Tôi ngồi yên xem động tĩnh thế nào. Lúc đó rõ ràng tôi tỉnh táo, bao nhiêu tinh thần tâm trí đều sáng suốt cũng như ngọn bạch lạp rạng to thế mà không hiểu vì đâu tôi như mơ màng, tai nghe văng vẳng có tiếng nói rất khẽ mà rất rõ, một thứ tiếng không phải là tiếng, chỉ như một dư âm xa lơ xa lắc, một tiếng gọi bị đập vào đá rồi oang oang đưa lại từ chỗ nào... như một cái "bóng của lời nói" thì đúng hơn. Cái tiếng gọi đó gần sát tai tôi, nhưng quái, cũng như ở một nơi xa lắm, chỉ nhận biết nó rành rọt, nghe tường tận vô cùng. Nó như thế này:

- Ông Trọng Việt ơi! Ông ác làm chi, ông tắt đèn đi! Chúng tôi biết lỗi rồi, chịu phục ông rồi. Ông cứu cho lần này, lần sau không bao giờ dám phá ông nữa. Riêng hai đứa tôi, chúng tôi sẽ đội ơn ông và phù hộ cho ông. Ông hãy tắt đèn đi...

Tôi đoán ngay là lời kêu van con ma bị bùa ngũ sắc buộc, không biến được. Chúng nó đã hối quá, tôi cũng chả nên táng tận lương tâm. Chả qua chúng xử tệ với tôi hết sức, nên tôi mới phải báo thù, nếu không tôi cũng chẳng hơi đâu nghịch ngợm với chúng nó để mất một đêm săn bắn. Cái đêm ấy, thế là vô ích. Tôi bị mất nỏ, lại mất thì giờ, lại đốt địa lôi và châm đèn thì còn con thú nào dám đến gần cho mà bắn nữa, mà dù có đến thì biết tìm nỏ ở đâu? Xuống gốc cây ư? Chả dại. Nhỡ có làm sao trong đêm tối, giữa rừng vắng, thì hết kế thoát thân. Thôi, chúng nó xin tắt đèn, thì tôi tắt để xem chúng giở trò trống gì nào! Tôi dụi cây nến, ngồi đợi. Trời vừa tối bỗng nghe bịch bịch hai tiếng, sờ thì ra có con mèo và con cú ở ngay cạnh thân. Văng vẳng bên tai lại có tiếng:

- Ông làm phúc tháo dây cho chúng tôi, và dội vết phẩm cho chúng tôi. Ông tha cho, sẽ xin đội ơn ông mãi.

Tôi nói:

- Lấy nước đâu mà dội? Tôi chả có gì đựng nước cả, chỉ có một cái vỏ dừa ở góc sàn, nhưng lại không có một giọt nước nào. Thì làm sao mà dội cho hai người được?

Tôi vừa dứt lời thì, quái lạ! Thấy ngay một vật ươn ướt đụng chân, sờ xem là một gáo nước đầy, cái gáo sứt không có cái cán của tôi! Tôi hơi ngạc nhiên một tí, song nghĩ ra ngay. Có gì lạ đâu! Một lũ ma nữa, vô hình, đương bao bọc lấy tôi để xin tôi gỡ cho hai đứa bạn của chúng và để xem tôi xử sự như thế nào. Tôi lên mặt đạo mạo, phán rằng:

- "Chỉ tại các ngươi chọc ta, chớ ta có làm hại các ngươi đâu. Ta cúng các ngươi, cho các ngươi nào thịt, nào bánh, nào hoa quả, nào vàng lá, thế mà các ngươi chả biết ơn phù hộ ta mà còn quấy quả ta, thì trời đất nào chứng cho các ngươi? Ta đây biết phù thủy, chỗ này, tôi nói khoác mà để dọa chúng mà thôi, chứ thật tình thì tôi chả có phép quái gì. Chúng bây làm gì nổi ta? Các ngươi nạt ta thế, chứ nạt nữa ta cũng chả sợ. Ta đã có cách đối phó lại, còn nhiều cách lắm, đây này, các ngươi hãy xem!"

Nói đến đó, tôi sờ tay nải (túi xách tay ngày xưa), lấy ra một củ tỏi, bóp nát và dí vào mũi con mèo và mũi con cú. Quả nhiên chúng nó giẫy lên đành đạch. Tai tôi lại nghe văng vẳng:

- Chúng con lạy ông! Chúng con biết tội rồi, ông xin tha cho chúng con! Ông vứt tỏi rửa tay đi, rửa tay đi.

Tôi quăn củ tỏi xuống đất, dội nước ở gáo rửa tay, tôi rửa hết cả một gáo nước, rồi lấy vạt áo lau tay. Vừa lau tôi vừa nói:

Ta còn nhiều thứ phép khác, lợi hại lắm. Hễ các ngươi xử ác với ta, ta sẽ xử càng tệ với các ngươi hơn cho bỏ ghét. Lần này là lần đầu, ta tha cho hai ngươi; phải biết ơn mà cố tu tỉnh lại, ta bắt được một lần nữa thì chớ trách ta đó! Nhưng mà gáo nước hết rồi, lấy gì gội rửa cho các ngươi đây?

Tôi nói vừa dứt lời, sờ xuống chân thì gáo nước khi nãy đã cạn bây giờ lại đầy. Tôi bèn móc trong đẫy

ra một cái giẻ lau, thắm nước rồi lau mặt mũi cho con mèo và con cú. Chúng nó nằm im để tôi làm một cách ngoan ngoãn, chứ chúng nó không dám cựa quậy gì hết. Tôi lau một lúc lâu, áng chừng đã sạch lắm rồi, bấy giờ tôi mới tháo nút dây ngũ sắc ra. Vụt một cái, vừa cởi được dây, thì đã không thấy con mèo và con cú đâu nữa. Chỉ có phảng phất trước mặt tôi, lờ mờ như sương đọng lại, như khói tụ thành hình, hai cái bóng dịu dàng tráng toát, thực là "sương in mặt, tuyết pha thân", hai thiếu nữ yểu điệu thanh tân, tuy trong bóng tối mà tôi cũng có thể đoán được là hai giai nhân tuyệt sắc. Cả hai tựa hồ mặc áo bằng mây trắng, mập mờ ẩn hiện, trông đẹp vô cùng. Một làn tóc đen cuồn cuộn xõa xuống ngang lưng, một thân hình tha thướt mềm mại, tứ chi nhỏ nhắn tròn trĩnh, đó là cốt cách của hai nàng. Trông cả đôi đều giống nhau, tựa như chị em sinh đôi, khó lòng phân biệt, nếu một nàng không có làn tóc dài chấm gót, khác với nàng kia, tóc chỉ để dài ngang lưng một chút thôi.

Tôi thấy hai bóng ma con gái ấy, trong lòng cũng hơi bồn chồn, cứ ngơ ngác ngắm nhìn họ. Cả hai nàng cùng quỳ xuống sàn nứa trước mặt tôi, trong khi tôi văng vẳng nghe một điệu đàn mê ly vô cùng: Hai em cám ơn thầy đã tha cho. Đội ơn thầy nhiều. Sau này xin giúp thầy...

Điệu đàn chỉ ngắn có thế. Điệu ấy tức là giọng của hai nàng tháng thót hòa lên. Tôi lấy làm lạ rằng sao cái giọng này nó êm ái du dương, nó thỏ thẻ, trong trẻo khác hẳn với tiếng nói phào phào lúc nãy.

Tôi nghĩ một lúc, mới hiểu rằng khi hai nàng này chưa biến được thì cũng chưa nói được, đó chỉ là các bạn bè thay lời hai nàng mà cầu khẩn đó thôi. Tôi bảo là hai nàng nói, nhưng thực ra không có thanh âm phát ra ngoài. Tôi chỉ thấy một hai thiếu nữ đó lắp bắp, rồi tự nhiên tôi hiểu, tựa hồ trong tai tôi có tiếng nói dội vào óc tôi...

Hai ả lạy tôi sì sà, sì sụp, đoạn đứng dậy bước ra. Tôi vừa ngước lên, chưa kịp trông theo, thì đã không còn thấy bóng dáng của hai nàng ấy nữa đâu... Từ đấy, tôi đỡ bị nạn yêu ma quấy nhiễu làm rối loạn đồ đạc và ngăn trở sự săn bắn của tôi.

Nhưng tôi lại bị một cái nạn mới lạ lùng nguy hiểm hơn: là hai con ma thiếu nữ Mường nó hình như mê tôi, đêm nào cũng lên ngồi cạnh tôi nói chuyện tỉ tê, như quấn quít lấy tôi không dứt. Tôi nhắm mắt ngủ, thì thấy như mình dắt tay chúng đi chơi trong rừng, bừng mắt dậy, lại thấy hai bóng trắng ngồi cạnh bên mình, trong óc, trong tai lại có tiếng dội văng vẳng nói chuyện với mình thân thiết lắm. Tôi là con trai chưa vợ, thấy thế sợ lắm, chỉ ngại giống yêu tinh ấy nó thu mất nguyên dương thì sẽ chết mất. Tôi lo quá, bỏ rừng về nhà. Đêm về nằm ngủ lại thấy chúng nó đến trách móc sao không đến Đồng Giao, săn bắn như mọi ngày cho chúng nó được gặp gỡ trò chuyện. Sáng dậy, tôi đem sự đó thuật lại cho anh tôi nghe. Anh tôi là người giỏi võ hơn tôi mà lại can đảm lắm. Anh tôi quyết cùng tôi đi vào rừng với tôi một phen. Quả nhiên, anh tôi được thấy hai thiếu nữ Mường của tôi và làm quen với chúng. Một đứa bám riết lấy anh tôi, còn đứa kia thì vẫn cứ mê hoặc tôi tới cùng. Hai anh em hễ nằm trên sàn thiu thiu ngủ là tự khắc thấy mỗi đứa ôm ấp một con ma đi dạo quanh khắp đồng khắp nội, bắt ong, đuổi bướm, bứt quả hái hoa, tình tự vui vẻ lắm. Tỉnh dậy, vừa bừng mắt đã thấy có hai ả ngồi dưới chân, con tóc ngắn kề anh tôi, con tóc dài kề tôi. Thực là nguy ngập quá! Tôi hối hận vô cùng, hối hận vì đã đưa anh tôi vào cõi chết. Một mình tôi có thác cũng không oán gì số phận, song làm cho anh tôi vì muốn cứu tôi mà cũng thác nốt thì thực tôi có lỗi vô ngần. Kiên cường như tôi, mà tôi phải ứa lệ khóc. Nhưng không dám khóc trước mặt lũ quái đó, tôi đợi rạng ngày, dắt anh tôi ra khỏi núi, đi về quán trọ lúc bấy giờ mới ôm lấy anh mà khóc và xin lỗi. Anh tôi mủi lòng cũng khóc và khuyên giải tôi:

- Em đừng ngại! Anh xem hai con yêu này nó không phải là đồ dâm tình, chả qua chỉ là oan hồn hai con bé chết lúc còn con gái, thiếu tình đó mà thôi. Từ lúc mình quen chúng nó, mới cùng nhau đi chơi đi bời trong ngàn trong nội, nào chúng đã dắt mình đến cuộc mây mưa dâu bộc gì đâu! Thế thì chưa lo. Để thong thả anh nghĩ một kế làm cho chúng phải bạt đi mới được.

Anh tôi nói vậy thì tôi biết vậy, chớ tôi vẫn khóc lóc như thường. May sao, vì sự khóc lóc thảm thiết đó, có một cụ già để ý đến tôi. Ông hỏi tôi, tôi nhất nhất kể sự tình cho ông rõ.

Ông già ngắm mặt mũi hai anh em tôi một lúc, rồi ông đòi xem bàn tay. Xem xong, ông đưa chúng tôi vào một căn phòng hẹp trong nhà trọ, ông đứng ngoài bắt bốn cái quyết, lầm rầm đọc chú hồi lâu mới bước vào. Ông không đắn đo gì cả nói ngay:

- "Tôi xem khí sắc hai thầy, chưa đến nỗi suy. Ám khí cũng chưa phạm được mấy, vì hai thầy có can đảm nhiều, hóa nên tôi mới cứu được. Giá phải người yếu linh hồn, ắt bị hại đã lâu rồi. Cái giống ma này khôn lắm, nó muốn báo thù thầy đấy, nhưng

nó cứ làm dần dần, mỗi đêm đi sâu vào một chút thôi, độ nửa năm thì không chữa được nữa. Tôi cho hai thầy hai đạo bùa này, hai thầy phải giấu trong kỹ trong búi tóc, nó sẽ không biết; nếu để chỗ khác, nó trông thấy sẽ cướp mất. Ta lại tương kế tụ kế, nhân chúng nó đương rủ hai thầy đi vào đường tình ái, hai thầy sẽ làm như âu yếm nó lắm lắm, chớ đừng tỏ vẻ lãnh đạm như xưa. Làm ra như mình thấy chúng yêu mình một lòng chân thật nên cũng hồi tâm mà sủng ái chúng. Rồi một thầy sẽ, trong khi tự tình, hỏi nó xem mả hay nhà mồ của chúng nó ở đâu. Nói rằng khi nào anh thác đi, sẽ lại nằm chung với em. Khi nó chỉ mả rồi, thì thử ba lần xem có cùng đúng một chỗ không, mỗi lần nên nhận địa thế và đánh dấu kỹ càng. Lúc nào biết đó chính là mả chúng nó rồi thì các thầy nên làm thế này thế này...", đến đây ông cụ nói rất khẽ "Chúng nó sẽ kiêng hai thầy không dám đến gần nữa. Hai thầy sẽ thoát nạn. Song cốt nhất hai thầy phải điềm đạm, cẩn thận, suy xét cho tỉ mỉ, chớ có mừng rỡ lộ ra nét mặt mà khó lòng giấu được chúng. Hai thầy nên nhớ kỹ. Thôi hai thầy đi đi, thế là xong rồi!"
Chúng tôi xin tạ ơn ông cụ, cụ nhất định từ chối. Túng thế, giữa lúc cụ vô tình, cả hai anh em tôi sụp xuống lạy cụ hai lạy, cụ phải buộc lòng nhận vậy, nhưng làm cách nào cụ cũng không nhận tiền.
Đêm hôm ấy, hai anh em chúng tôi lại vào rừng và bắt đầu làm đúng theo chương trình ông cụ già đã chỉ bảo. Muốn cho cẩn thận anh em tôi hỏi dò mả của hai con ma đến năm sáu lần, rồi chúng tôi nhận kỹ địa thế và đánh dấu chỗ của chúng rất minh bạch, chí kỳ không lầm lẫn được nữa. Một hôm trời có nắng, chúng tôi đợi đến đúng ngọ, vác xẻng vác cuốc vào rừng, đến chỗ hai cái mả mà chúng tôi đã đánh dấu, khai quật quan tài lên. Mở nắp ra vứt lá bùa vào rất nhanh rồi đậy nắp lại, xong lật áo quan cho xuống hố lấp đất lên cẩn thận.
Tối hôm đó, quả nhiên không thấy hai cái bóng trắng ngồi dưới chân nữa. Nhưng hai anh em tôi, lúc chợp mắt ngủ thì cùng thấy hai giấc chiêm bao giống nhau. Trong mộng, cô ả nhân tình ma của đứa nào hiện lên bảo đứa ấy rằng:
- Thôi được! Anh đã đối đãi với tôi tệ bạc và tàn nhẫn với em, rồi anh sẽ biết em báo cừu như thế nào. Em truyền hồn cho anh. Em sẽ làm cho anh chết đầu lìa khỏi xác, giữa lúc còn niên thiếu như em. Sống, anh không muốn làm chồng em, chết, rồi anh sẽ làm chồng em, anh nghe chưa?
Chẳng qua đấy là lời hăm dọa vu vơ, chớ nó chết rồi, còn làm quái gì được ai? Sống chết đã có mệnh, dễ đâu con ma kia có thể sát hại được hai anh em tôi? Chỉ biết từ khi triệt được nó, tôi được bình an vô sự. Lũ ma hình như sợ tôi rồi, không con nào dám lại trêu tôi nữa. Đêm đêm tôi được ngủ ngon lành hết sức, tôi ở nhà sàn này quá như ở nhà tôi, chả còn e ngại nỗi gì. Trước kia tôi săn bắn mãi không bao giờ được hổ, báo và hươu nai; nay tôi bắn được rất nhiều hươu săn được hàng mười mấy con, gạc chất đầy nhà, bán được nhiều tiền lắm. Tôi lại vớ được đủ thứ; ngày thì có sơn dương có cầy hương, có các thứ chim quý, đêm thì có hoẵng, nai, lợn, báo, và chồn. Có một lần tôi ném phi tiêu giết được một con hổ mẹ và hai hổ con, vừa đây tôi hụt một con beo xám to tiếc quá. Anh cả tôi, Mạnh Khôi, thì lại thích về mé Chợ Ghềnh, anh tôi săn ở phía đó không vào đây mấy.
- Nhưng kìa! Cô xem có phải sắp sáng rồi đó không? Chúng ta mãi miết nói chuyện mà ai ngờ sắp bạch nhật rồi.

Từ Biệt

Tráng sĩ nói tới đây, Oanh Cơ mới nhìn sang phía đông thì thấy một góc trời sáng sủa, báo hiệu mặt trời sắp sửa xuất đầu trên các ngọn đồi. Lúc đó mới mờ mờ sáng, đủ trông rõ các sự vật trong một bức màn xam xám. Sương trong rừng dày như khói, có mặt trời lên chăng nữa, cũng còn phải đợi lâu lắm mới có ánh nắng chiếu vào cỏ cây ướt đẫm sương đêm.
Từ tối, Oanh Cơ ngồi chễm chệ trong lòng tráng sĩ, ngoan ngoãn như một đứa trẻ thơ, quên cả sượng sùng, e lệ. Nàng đầu tiên sợ cọp, sau lại sợ ma, sau nữa nghe hai cái xác cười lại càng sợ thêm, hóa nên cứ bám chặt lấy tráng sĩ rúc đầu giấu mặt vào vai chàng. Kịp lúc chàng vui miệng kể chuyện cho nàng nghe, thì nàng cứ mải mê chăm chú vào câu chuyện. Câu chuyện chàng kể lại rùng rợn ghê sợ hết sức, nên nàng càng ôm chặt sát lấy người chàng không nghĩ gì đến thẹn thùng. Đến buổi mờ mờ sáng, nàng mới hơi tỉnh ngộ nhưng vẫn còn chưa ra khỏi cơn kinh hãi. Gia dĩ ngay dưới sàn lại có hai xác chết nằm cứng đờ ra đó, nàng không đủ can đảm ra khỏi lòng tráng sĩ dẫu biết rằng ngồi ôm lấy một người con trai lạ mặt là khó coi là vô luân lý. Ngộ biến phải tòng quyền, nàng biết làm sao được? Nàng cứ ngồi lỳ trong lòng tráng sĩ, hai mắt lóng lánh áp vào ngực chàng, không muốn nhìn sự vật bên ngoài, sợ hoàn cảnh lại gây cho nàng một

nguồn đau đớn hãi hùng thứ hai nữa. Nàng ngồi yên như thế, không cựa, không nói, tuy thức mà cũng như ngủ. Tráng sĩ tưởng nàng vì mệt mà ngủ thiếp đi, nên cũng đành ngồi đó ôm lấy nàng, như giữ gìn một bảo vật quý giá. Hai người, chả ai nói với ai một lời nào nữa; cả hai cùng thả hồn vào cõi mơ màng êm dịu.

Cặp thiếu niên xa lạ mà tự nhiên trời run rủi cho gần sát bên nhau trong trường hợp lạ lùng bi đát ấy, cặp thiếu niên đó cứ ngồi trơ trơ như một pho tượng, thức cũng chẳng phải thức, ngủ cũng không phải ngủ, cho mãi tới khi mặt trời lên cao rọi ánh sáng vào đám sương lam, làm cho sương biến thành hơi nước bay lên, khiến non sông được sáng láng mà cây cỏ được khô ráo nhẹ nhàng.

Tráng sĩ bấy giờ mới khe khẽ vỗ vào vai Oanh Cơ và cúi xuống bảo nàng:

- Bạch nhật rồi, cô ạ! Mặt trời đã chếch quá hai sào. Bây giờ chúng ta có thể xuống được rồi, còn lo liệu tống táng cho ông cả và cô hai chứ.

Oanh Cơ giật mình mở mắt ngơ ngác nhìn tứ phía; hình như mãi lúc này nàng mới rõ biết là vô tình ngồi trong lòng một thiếu niên xa lạ; nàng vùng đứng dậy, đi ra chỗ khác, hai má ửng hồng, chỉ biết cuối rạp mặt xuống chứ chả biết nói câu gì. Tráng sĩ cũng đứng dậy vươn vai, duỗi tay duỗi chân răng rắc; đoạn nhìn Oanh Cơ cười:

- Bây giờ chúng ta phải trèo xuống, tôi xin đỡ cô. Nếu cô đau chân quá, không leo cành cây được, tôi xin cõng cô đem xuống. Ta hãy nên để tử thi ông cả và cô hai ở đây, chốc nữa mượn người đến mang ra đồng phía ngoài núi cũng chưa muộn. Thôi, ta xuống đi! Cô nên theo tôi.

Oanh Cơ cả ngày hôm trước, chân bị sây sứt sưng lên đau đớn lắm, không trèo được. Tráng sĩ lại phải khi bế khi cõng, đem nàng xuống gốc cây, rồi để nàng xuống đất, chàng tháo dải lưng sồi của nàng ra, làm thành một cái võng, cho nàng ngồi, rồi chàng cõng nàng, chạy vèo vèo ra khỏi thung lũng về quán trọ của chàng.

Chàng đem nàng vào một căn phòng sạch sẽ để nàng nghỉ ngơi dưỡng sức. Rồi một mặt chàng thuê sáu người phu và đốc thúc họ vào rừng ngay để khiêng xác Văn Quản và Huyền Cơ về quán trọ; một mặt chàng nhờ chủ quán đi mua ngay cho các đồ khâm liệm cùng hai chiếc quan tài. Khi đem xác về đến nơi, tự tay tráng sĩ và Oanh Cơ tắm rửa cho hai kẻ bạc mệnh, rồi đem khâm liệm ngay. Đám ma hôm đó thật là giản dị đơn sơ; càng giản dị đơn sơ trông lại càng thảm thiết. Một tên phu cầm một bó đuốc đi trước, rồi đến hai tên khiêng áo quan Văn Quản buộc vào một cái đòn dài. Tiếp đến áo quan Huyền Cơ cũng hai tên phu khiêng. Sau cùng đến một tên phu đem thuổng cuốc và xẻng, rồi đến tráng sĩ đỡ Oanh Cơ vừa thất thiểu lê bước vừa rũ xuống khóc như gió như mưa. Thế là hết: đám tang chỉ có bấy nhiêu người.

Ra đồng, tráng sĩ truyền cho đào rõ sâu vùi rõ chặt, lịch kịch mãi mới xong. Lúc về, hai tên phu phải quàng tay làm kiệu nâng đỡ Oanh Cơ về quán trọ. Oanh Cơ đưa xong đám ma anh và chị thì ốm liệt giường liệt chiếu, sốt rét li bì, nói mê nói sảng. Tráng sĩ lo ngại lắm, bỏ cả cuộc săn bắn, chỉ lo thuốc thang cho nàng, và ngồi bên cạnh giường bệnh của nàng thôi. Ốm nửa tháng ròng, Oanh chỉ ăn có hồ cháo qua ngày, người gầy rạc đi như ve. Tráng sĩ thương hại lắm, chăm xóc nàng như em gái, chẳng quản lao công gì cả. Nhờ sự tận lực đó, Oanh Cơ khỏi bệnh. Tráng sĩ để nàng nằm dưỡng sức tại quán trọ; khi nàng đã ăn trả đũa, da thịt bắt đầu tươi tỉnh, lúc ấy chàng mới bảo nàng rằng:

- Nay cô khỏi rồi, tôi xin đưa cô ra Nho Quan, kẻo nữa chậm. Cô định thế nào?

- Bây giờ em ra Nho Quan làm gì? Anh chị em thác rồi, em ra đó cũng vô ích; vả chăng nhà quan phủ thiết tiệc xong từ non một tháng, nay ra đó thì còn gì nữa!

- Thế cô phải suy tính thế nào chớ! Hay là cô về núi Gôi ở với mẹ tôi, mẹ tôi sẽ yêu cô như con, tôi và anh tôi cũng quý cô như em vậy.

Oanh Cơ cúi đầu suy nghĩ một hồi, nàng ngước mắt nhìn tráng sĩ, rồi bỗng cúi gầm mặt xuống hai má ửng đỏ, nhưng chỉ thoáng một chút mắt nàng đã mờ những lệ, nàng gạt nước mắt thổn thức nói rằng:

Em bây giờ bơ vơ cô độc, chả còn ai thân thích nào nữa, chỉ có một đứa cháu trai gọi bằng cô hiện giờ còn ở Đại Thạch. Em đội ơn anh quá nặng, biết lấy gì báo đáp được? Nếu em nhờ ơn Trời Phật còn được sống dai dẳng ít lâu nữa, có ngày em sẽ đền đáp nghĩa anh. Nay em đang thụ trọng tang, tâm hồn tan nát, gan dạ héo hon, chưa biết định liệu ra làm sao cả. Em xin anh cứ theo đuổi các việc anh làm, đừng vì em mà phí cả ngày giờ cùng tâm lực, anh mặc em sống nốt quãng đời thừa này. Nguyện vọng duy nhất của em bây giờ là được ở chốn này cư tang và săn sóc mồ mã cho anh chị em. Em sẽ mặc chế phục sô gai trong hai mươi bảy tháng, họa là vong linh anh chị em đỡ tủi một đôi phần! Chỉ có

điều em đáng ngại là mai đây, khi anh từ biệt em để trở về quê nhà anh, em sẽ chịu lẽ loi thân gái, sống giữa nơi xa lạ chả còn ai thân thích quen thuộc nữa. Em muốn nhắn thằng cháu ra để ở chung với em cho vui, và luôn để giúp đỡ em nhưng biết nhắn ai bây giờ? Cháu em tên là Nguyễn Đức Tiêu, nó hiện ở làng Đại Thạch cũng gần quê quán của em, vì bác em từ xưa di cư ra ở đấy, đến nay đã ba đời. Làng Đại Thạch cũng như làng Bàn Thạch là nguyên quán của giáo phường; hai làng ấy thuộc về phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Oanh cơ nói xong, lệ nhỏ ròng ròng ướt đẫm hai gò má. Tráng sĩ nhìn nàng rất ái ngại, bảo nàng rằng:

- Cô chớ lo ngại! Cứ chịu khó ở tạm đây năm bảy hôm nữa, tôi thu xếp xong công việc cho cô, lúc đó sẽ về!

Oanh Cơ nghe lời ân nhân, ở lại trong quán trọ. Độ mươi ngày sau, một hôm tráng sĩ đi săn về, vui vẻ bảo nàng rằng:

- Xong việc xong rồi, bây giờ cô chỉ còn phải dọn nhà là yên ổn cả.

Chàng đem nàng đến một nơi cao ráo, nàng lấy làm ngạc nhiên thấy, từ lúc nào không rõ, chàng đã sai thợ lợp riêng cho nàng một nếp nhà rộng rãi chót vót đứng giữa một thửa vườn bát ngát mênh mông. Nàng vừa mừng rỡ, vừa ngại ngùng cảm động, bước lên thang vào sàn. Tới nơi, nàng ngã ngửa người ra: đồ đạc nồi siêu và quần áo rương hòm sắm sửa bày biện sẵn sàng cả; và trong hoàn cảnh êm ấm đó, có phải ai đâu xa lạ, rõ ràng là cháu ruột nàng Nguyễn Đức Tiêu, ngồi chễm chệ ở một phòng trên một góc chiếc ghế đẩu.

Thấy Oanh Cơ, Tiêu mừng quá, chạy tất tưởi lại đón cô, nói tíu tít:

- Cô ơi! Cô đã mạnh chưa? Cháu nghe bác hai đây (Tiêu chỉ tráng sĩ) nói rằng chú và cô Huyền cháu đã thác vì vuốt hổ, lòng cháu đau đớn vô cùng, nhưng biết rằng cô còn sống sót, cháu sung sướng quá. Từ nay cháu ở đây với cô mãi không để cho cô ở một mình đâu cô ạ!

Ai nhắn nhủ cháu ra, mà cháu biết lần mò le lỏi tới nơi đây?

- Mấy hôm trước, có hai người về tận Đại Thạch đón cháu, bảo cháu dẫn sang nhà cô ở Bàn Thạch. Song họ nói cho cháu rõ cô hiện ở Đồng Giao; muốn ngụ cư tại đó, nên cho người về đón cháu và khuân vác đồ đạc ra ngoài này. Họ chọn lấy những đồ đạc còn tốt và thường dùng, đem đi, còn bao nhiêu, bỏ lại cả. Đến Đồng Giao, họ đem cháu lại nhà này, cháu được gặp bác hai mới rõ đầu đuôi câu chuyện.

Mắt Oanh Cơ mờ hẳn đi vì lệ ứa trào ra. Nàng cảm động quá, vuốt ve đầu cháu rồi lại ngồi ở một chiếc ghế thấp. Tráng sĩ ngồi ở một góc giường. Oanh đợi khi tráng sĩ vô tình giữa lúc xuất kỳ bất ý, nàng ngồi xệp xuống sàn, ngoảnh về phía chàng ngồi, lạy hai lạy rất cung kính. Chàng luống cuống đứng dậy nhưng không kịp nữa, vội chạy lại đỡ nàng lên, rồi bằng một giọng nghẹn ngào:

- Ô kìa! Sao cô lại làm như vậy. Tôi chả tổn thọ mất ư? Bổn phận tôi là phải thế, cô chớ cám ơn tôi làm gì. Người ta ở đời, phải giúp đỡ lẫn nhau, có chi mà phải bận lòng. Trong nhà này, tôi đã xếp đặt đủ cả, cô có thể sống nổi trong vòng nửa năm. Trong hòm kia, có tích sẵn vài chục quan tiền, cô cứ việc lấy mà chi dụng. Sáu bảy tháng, tôi sẽ qua một lần thăm cô, khi nào cô hết tang, thì sẽ di cư đi chỗ khác, đừng ở nơi đây không tốt. Cô phải cẩn thận, chớ có đi đêm về tối, lỡ ra có sự khó lòng. Nhà này, tôi đã có ý làm cao, có hai từng sàn. Nếu động dụng gì, cô lên gác trên mà ẩn, đừng ở từng dưới nhé. Thôi công việc của tôi thế này là tạm ổn, tôi xin bái biệt cô. Cô nên thận trọng lấy mình, chớ để phụ lòng tôi đó!

Tráng sĩ nói xong, đứng dậy từ biệt, Oanh Cơ lúc ấy không hiểu thế nào, tựa như ngại ngùng quyến luyến, không nỡ chia tay. Nàng muốn giữ tráng sĩ lại chút nữa, nhưng cũng thẹn thùng không dám. Nàng sụt sùi, ứa nước mắt tiễn tráng sĩ xuống gác, muốn nói vài lời tiễn biệt mà nghẹn ngào không nói được, chỉ thỏ thẻ được một lời:

- Em xin lạy anh!

Thế là hết. Nàng đứng tựa gióng cửa sàn đờ mắt nhìn theo chàng mãi, theo mãi, tới khi bóng chàng khuất sau rặng lau, bụi chuối thì thôi. Ra đi, chàng cũng dùng dằng; lúc thất thiểu trên đường, chàng cũng ngoái cổ nhìn lại, thấy bóng nàng dựa cửa trông chàng. Trong tâm chàng, một cảm giác êm ái đầm ấm tự nhiên bừng bừng nổi dậy, làm giảm một đôi phần nỗi buồn rầu thấm thía của sự phân ly. Chàng nện mạnh gót trên đường, cắm đầu đi thẳng, cố xua đuổi trong lòng những ý tưởng bất chính, không xứng đáng với một tay thiếu niên nghĩa hiệp như chàng... Chàng đi, đi được bao xa? Cứ hùng dũng tiến được mươi bước, là đã ngại ngùng muốn quay gót trở lại. Trở lại e bất tiện quá, chàng đành quay đầu trông lại mà thôi. Chàng vẫn thấy bóng nàng như bóng đá Vọng Phu, còn sừng sững đứng

trên thang nhìn theo chàng không ngớt, nhìn mãi, nhìn mãi...
Muốn cho tâm hồn khỏi bị suy nhược, sa ngã, chàng nhắm mắt lại, vùng cẳng chạy một mạch không dám quay đầu lại.
Tráng sĩ đi rồi Oanh Cơ ở lại một mình với cháu là Nguyễn Tiêu, tại Đồng Giao. Nhờ có tiền nong tráng sĩ để lại, nàng cùng cháu phong lưu lắm. Tuy nhiên nàng cũng cố làm lụng cho khỏi ăn không ngồi rồi, nàng mở một cửa hàng nhỏ ở trên sàn, nhận vải cắt áo quần và may vá. Nàng đoạn tuyệt hẳn với nghề ca xướng, dẫu rằng cháu nàng cũng có thể đàn tạm để nàng hát.
Còn cháu nàng giúp nàng các việc lặt vặt như là đi chợ, gánh nước v.v... Nói tóm lại, Tiêu là tai sai, hễ cứ có việc phải ra ngoài thì cậu phải gánh vác tất cả; còn nội công việc trong nhà thì có Oanh Cơ đảm đang. Một đàng ngoại giao, một đàng nội vụ. Thành ra Oanh Cơ ở đấy đến ba bốn tháng, mà chả ai biết mặt mũi nàng ra sao. Bởi vì nàng không bước chân ra khỏi cửa bao giờ. Cứ tối đến, cháu nàng ngủ ở từng sàn dưới, còn nàng thì leo lên từng cao nhất để ẩn mình.
Từ độ Oanh Cơ đến trú ngụ ở Đồng Giao, trong hạt bỗng xôn xao bàn tán về một câu chuyện lạ. Ấy là chuyện làm đầu để cốt yếu cho bài thuật này đó, chuyện ả đào ở trong rừng. Cứ đêm đêm, quá trống canh hai, trong một thung lũng cách Đồng Giao gần năm dặm người ta nghe có tiếng véo von đàn hát não nùng. Những kẻ táo bạo rủ nhau vào rừng đi xem, lúc về đều thuật đúng như thế cả. Mới đầu tiên, cả vùng kinh dị, nhưng rồi lâu dần cũng quen đi, chả ai nói đến nữa.
Chỉ riêng một mình Oanh Cơ biết đó là hồn anh chị mình hiện lên; nàng tin rằng hai anh chị mình đều thiêng liêng nên hết sức chăm chỉ lễ bái, cúng tuần cúng giỗ cho vong hồn kẻ khuất, vả lại nàng cứ sai cháu hễ ba ngày thì ra thăm mả Quản và Huyền một lần.
Oanh Cơ sống yên ổn và kiên nhẫn quảng đời hiu quạnh lặng lẽ của nàng dưới mái ngôi nhà sàn, không nghĩ gì đến tương lai cả. Thỉnh thoảng nàng cảm thấy tấm lòng dào dạt vì hình ảnh chàng tráng sĩ tự nhiên bỗng hiện ra rõ rệt trong ký ức nàng, tươi cười, khiến nàng bị trái tim vỗ đập, máu trào lên gò má, nóng bừng. Mỗi lần như thế, nàng lại cố nén lòng, lấy tay để lên ngực, rồi nhắm mắt lại, xua đuổi cái ám ảnh kia. Song nó nhất định không đi, bắt nàng cứ phải luôn luôn trông thấy. Nàng vơ vẩn đứng dậy, nâng tấm liếp con lên, tì tay vào thành song thưa vẩn vơ trông trời...
Nàng đứng như thế giờ lâu, bỗng đôi mắt nàng để ý đến những vết gì, tựa như lốt chân một vật to lớn, in sâu xuống nền đất cát, ở ngay thềm nhà nàng. Những vết chân nhiều lắm, không biết bao nhiêu mà đếm.
Nàng đi vòng gác nhìn bốn phía, cũng đều như thế. Lại có vết ở ngoài vườn, trên luống rau, trên luống khoai; rau và khoai bị giẫm nát cả. Có lẽ là vết chân lợn lòi về đào trộm khoai chăng? Nàng đợi cháu đi chợ về, chỉ cho nó xem, nó sợ hãi lắm. Hai cô cháu bàn tán, chả biết là vết gì. Tối hôm đó, cả hai cùng không ngủ, đóng cửa ngỏ từ trước buổi sâm sẩm tối, lấy bàn ghế và gỗ chặn ngang cửa chính, xong tắt đèn đóm lên tận gác trên, hé liếp ngồi rình mỗi người một xó. Đêm hôm ấy có trăng khuyết, ánh sáng mờ mờ thỉnh thoảng mới lọt qua vừng mây ám mà tỏa ra một lúc, rồi mất ngay, trời đất lại tối như mực. Hai cô cháu rình lâu lắm; hết canh hai đầu canh ba bỗng thấy một cái bóng đen dài, lướt đi rất nhẹ nhàng trên thềm cát và đi vòng khắp chung quanh nhà. Cái bóng ấy có hai con mắt lớn, đỏ rực như hai ngọn đèn; hai cô cháu nhận biết ngay là mắt hổ, vì vẫn nghe các người quanh vùng nói như thế.
Oanh Cơ sợ quá hét lên một tiếng ngã lăn trên sàn. Con quái vật kia, nghe tiếng động, vùng cẳng chạy mất. Thì ra một con hổ vẫn lượn qua nhà nàng.
Đêm nào cũng vậy, hai cô cháu rình bốn năm đêm, đều thấy bóng hổ lại đi tuần tiễu quanh nhà, tìm kế leo lên sàn. Cả hai cùng lo ngại cực điểm. Rạng ngày thứ năm Tiêu chạy ra chợ, tìm một thầy số dắt về. Oanh đặt tiền quẻ rồi kể đầu đuôi câu chuyện cho thầy số nghe, rồi khóc mà hỏi rằng:
- Nhờ thầy coi giúp cháu một quẻ, xem có cách gì cứu cháu thoát nạn được chăng?
Ông thầy bấm quẻ hồi lâu, nghiêm nghị nói rằng:
- Cô đừng lo. Thọ mệnh của cô vững lắm, chưa có thể chết được. Ít ra, cô cũng còn sống được lâu nữa, bây giờ chưa đáng ngại đâu. Nó không làm gì được cô cả! Cô chỉ nên bỏ tạm chốn này lánh mình xuống thuyền ở vài tháng là tự nhiên nó chán, không theo cô nữa.
Ông thầy số đó chính là cậu ruột tôi. Trong khi ông đoán quẻ cho Oanh Cơ, nàng có thuật rõ ông nghe trường hợp gặp gỡ tráng sĩ Lê Trọng Việt ra làm sao, tình hình anh chị nàng bị thác ra sao, nàng được thoát nạn thế nào, câu chuyện tráng sĩ kể cho

nàng nghe thế nào, và sự giúp đỡ của tráng sĩ như thế nào v.v... Sau này, kể lại chuyện ấy tôi nghe cậu tôi nói:
- Lúc đó cậu thấy nàng bồn chồn kinh sợ quá, cậu cũng động tâm thương nàng, không muốn nói sự thực cho nàng phải lo nghĩ khiếp vía. Theo quẻ, nàng có số cọp vồ chết, chỉ sống được dăm bảy năm là cùng.
Không biết về sau nàng gặp nạn ở đâu, chỉ biết sau khi nghe thầy số chỉ bảo thì nàng bỏ tiền dành dụm ra mua một cái thuyền con, không xa hạt Đồng Giao mấy. Nàng yên trí lánh nạn như thế độ hai tháng thì yên. Lúc bấy giờ sẽ trở về nhà cư tang anh chị như cũ, cho hết hạn hai mươi bảy tháng thì thôi, muốn dọn đi đâu cũng không muộn.
Ngờ đâu đến ở trên sông, mà nàng cũng bị hổ theo rình để bắt; ngày ngày nàng ra đầu thuyền vo gạo rửa cá, nhìn lên bờ thấy ông tướng kia ngồi chồm chỗm trố mắt nhìn nàng. Giá lần đầu, có lẽ nàng thất đảm ngã lăn xuống nước, nhưng lâu nàng cũng quen đi, chỉ tất tưởi bỏ gạo cá chạy thụt vào khoang thuyền mà thôi. Hổ rình chán, chả làm gì nổi gầm lên cút thẳng.
Oanh Cơ và cháu, sợ hãi, nhổ sào đi về khoảng sông rộng hơn, cắm thuyền tận giữa sông, không dám lại gần bờ. Như thế, hổ không làm gì ra tận giữa dòng được, hai cô cháu sẽ khỏi bị nạn hổ, lại khó qua nạn phong ba; đã không dám đậu thuyền sát kề bờ, mỗi lần có sóng, gió thì còn gì là tính mạng? Nhất là hai cô cháu không phải người chài lưới, nhỡ bị lật thuyền hẳn là chết ngộp chết trôi thôi! Nghĩ cho kỹ ở trên mặt đất cũng chết, xuống dưới sông cũng chết, chẳng thà lên mặt đất còn hơn. Tử sinh hữu mệnh, thầy số đã cho biết mình còn sống được lâu nữa, sợ gì mà chả dám về sàn ở như thường lệ. Ta chỉ việc đóng cửa ngõ cho sớm, chặn lại cho chắc, lên tận từng cao mà nằm, rút thang đi, nó giỏi cách mấy cũng không lên được. Ta cứ đừng đi đâu, ở tịt trong buồng kín, dễ gì mà bắt được ta? Nghĩ như vậy, lựa lúc mặt trời đúng ngọ, nàng cắm thuyền vào một chỗ đông đúc, thu xếp đồ đạc, thuê một toán phu khuân vác và hộ nàng đi ngựa trở về Đồng Giao. Tính đốt tay, hôm nàng lại nhà sàn chính là hôm cách sáu tháng về trước anh chị nàng bị chết nạn trong rừng.

Thần Trùng Hổ

Ông Cai Móm lại ngừng lại một lượt nữa để uống rượu và hút thuốc lào. Biết tính ông hay hãm câu chuyện bằng những món sở trường ấy, Lệ Thi và tôi đành đăm đăm ngồi chờ nghe nốt, không dám giục ông nữa, sợ nếu làm cuống quýt lên, ông sẽ bị tinh thần rối loạn, quên đoạn mạch rồi làm cho sự tích kém hay đi. May sao, ông không để cho hai vợ chồng tôi đợi quá lâu. Ông hút thuốc lào xong, vội vã kể tiếp: "Bấy giờ Oanh Cơ trở lại đất Đồng Giao làm lụng khâu vá như thường. Bỗng một đêm, tự nhiên nàng thấy trong lòng bồn chồn khắc khoải, tuy nằm tận sàn trên, cửa ngõ đóng kín chặt và chặn kỹ lưỡng và thang cũng rút lên rồi, cửa gác đóng xuống, thế mà nàng vẫn thấy lo ngại hồi hộp quá chừng.
Nàng cố dỗ giấc ngủ, thế mà không sao ngủ được, từ mấy tháng nay, có đêm nào nàng nhắm mắt được đâu. Nàng cùng cháu mỗi người ngồi một góc phòng, thám thính. Lúc bấy giờ vừa hết canh hai. Bỗng nghe có tiếng đập cửa thình thình, cấp bách lắm:
- Mở cửa cho tôi với, mau lên cô Oanh Cơ ơi. Mở mau!
Đầu tiên, nàng nghe rõ cả, nhưng bấm cháu, cố làm thinh không trả lời. Tiếng đập cử lại càng gấp hơn.
- Tôi đây mà, tôi là Lê Trọng Việt đây! Mở cửa mau cho tôi, tôi bảo cái này cần gấp lắm. không thì chết cả bây giờ. Mau lên!
Nghe đến tên Lê Trọng Việt, nàng mới sai cháu thắp đèn lên, xuống từng sàn nhà dưới dựng liếp, mở rèm, giơ đèn ra ngoài rọi xem. Quả nhiên là Lê Trọng Việt thực. Người cháu nhanh trí khôn, gọi Việt lại mé song, vứt xuống cho Việt một cái chạc lớn, bảo tráng sĩ nắm vào chạc và đu lên, còn một đầu thì người cháu cố sức kéo. Hì hục một lúc, tráng sĩ lần mò lên được, vội vàng cùng người cháu đóng liếp thả rèm cẩn thận, lấy gỗ chắn ngang cả cửa song, rồi cùng lên cả từng trên, rút thang lên, đóng sập cửa gác lại, bắc ghế để lên trên cho chắc. Tráng sĩ vừa lên đến nơi, bỗng thấy Oanh Cơ rên một tiếng, rồi ôm bụng la ó vang lừng, lăn từ trên giường xuống mặt sàn, giẫy giục khóc lóc. Hỏi nàng, nàng kêu đau bụng lắm, vừa nói vừa quằn quại dưới chân tráng sĩ, ôm lấy bụng mà kêu van. Người cháu lại nâng đỡ cô, đấm lưng cho cô và lần trong bao, có một miếng mộc hương, bắt Oanh Cơ phải bỏ vào mồm nhai nuốt đi, mặc dầu nó đắng hơn mật gấu. Nuốt mộc hương rồi nàng vẫn kêu đau; được một lúc, đòi xuống nhà, ra vườn đi đại tiện. Tráng sĩ vội ngăn nàng lại nói rằng:

- Cô điên đấy hay sao? Bây giờ mà đòi xuống nhà, cô không sợ chết ư? Cô cứ phải ngồi đây, chả được đi đâu cả. Tôi không cho cô xuống!
Oanh Cơ hết sức khóc, một mực đòi ra vườn, nếu không thì chết mất. Tráng sĩ nhất quyết giữ chặt lấy nàng, mặc nàng kêu la khan cổ. Mãi sau cùng, nàng đau dữ dội kịch liệt quá, cuống cuồng cả lên, xé cả áo yếm, toan đập đầu vào vách tự tử nếu ngăn cấm không cho nàng toại ý xuống gác. Tráng sĩ bất đắc dĩ, phải tìm một kế hoạch mới, bảo nàng rằng:
- Cô cần kíp đi sông quá, mà không thể nào xuống được, thì âu là tôi mở liếp ra, cô ngồi vào bực cửa này, thế cũng được chớ gì! Tôi chỉ có thể cho phép cô làm như thế mà thôi, nếu cô không thuận nữa thì mặc cô, tôi cứ bắt cô ở đây.
Lần này, Oanh Cơ bằng lòng, nhưng nàng không chịu cho ai sờ đến nàng cả, muốn cho hai người đàn ông, cháu nàng và tráng sĩ, để mặc nàng một mình ra cửa sổ, không ai được đến gần. Nàng chỉ rình cho tráng sĩ vô ý là lao mình xuống đất.
Tráng sĩ gần như hiểu biết cả, chàng ghé sát mồm vào tai người cháu nói vài câu nhỏ, rồi giả vờ cho phép Oanh Cơ muốn làm gì thì làm. Người cháu lại gần Oanh Cơ bảo rằng:
- Nào! Cháu đỡ cô lại cửa sổ nào. Khi nào cô an vị rồi, cháu sẽ buông cô ra. Kỳ thực, cậu ta giả vờ nói thế, nhưng lại gần đến liếp thì cứ nắm chặt lấy dây lưng và dải yếm của cô không buông. Oanh Cơ giằng co, mắng cháu tàn tệ, bắt cháu phải thả mình ra. Giữa lúc hai cô cháu đang xung đột ấy, nhanh như chớp, tráng sĩ đã nhận được ngay dưới cửa sổ một cái bóng đang thu hình ngồi đợi, rình hễ Oanh Cơ văng mình xuống là đỡ lấy đem đi. Chàng giả vờ lại mé cửa song, can ngăn hai cô cháu:
- Thôi! Cậu bỏ cô ấy ra, mặc cô ấy ngồi một mình.
Mồm tuy nói thế, nhưng chàng đã dang cổ tay sắt chặn ngang tấm cửa, bấm vào vai Tiêu. Người cháu biết ý, chạy đem cái đèn dầu lại. Oanh giãy nảy:
- Ô hay! Đem đèn lại làm gì thế này. Tôi thẹn đến chết mất thôi. Ô kìa! Sao lại thế?
Rồi nàng mắng Tiêu, chửi Tiêu thậm tệ. Tráng sĩ chả nói gì cả, mặc nàng la ó; chàng khẽ hơi né đầu qua cửa sổ, xem xét tình hình một chút, nhận rõ đích xác tọa vị của bên địch, rồi rút trong lưng ra cái pháo địa lôi cùng hai chiếc dùi đồng. Nhanh như chớp, chàng dí ngòi pháo vào đèn, luồn tay qua vai Oanh Cơ ném mạnh quả pháo xuống thềm, ngay dưới cửa sổ.
Tiếng pháo nổ thiêng kinh động địa xen với một tiếng hổ gầm rung chuyển cả một vùng lặng lẽ giữa đêm khuya. Tiếp những tiếng huỳnh huỵch nặng nề tỏ rằng có một vật bị thương đương chạy bán sống bán chết. Oanh Cơ nghe tiếng nổ ngã gục về đằng trước, cháu vội vàng giơ tay đỡ và dìu nàng lại nằm nghỉ trên giường. Hồi lâu nàng tỉnh dậy, hỏi nàng vừa làm trò gì khi nãy, nàng chối rằng mê đi chả biết đã xử sự ra làm sao. Thì ra nàng bị hồn ma ám ảnh ốp vào nàng để chực đưa nàng vào tử lộ. Bấy giờ tráng sĩ mới ngỏ cho nàng rõ chàng đã tình cờ cứu mạng nàng một lần thứ hai. Chàng ngồi kể:
- Tôi vào đây hồi chiều hôm nay, định lại thăm cô trước khi vào thung lũng như mọi ngày để săn bắn. Song không hiểu vì đâu tôi lại nghĩ rằng: "Mình ở Nam vào, chả có quà bánh gì, lại chơi thì khó coi quá: âu là ta hãy vào rừng kiếm con cầy, con cái, may ra nếu vớ được con hoẵng con nai, mai đem lại làm quà, nấu nướng đánh chén với nhau thì vừa lịch sự vừa thú vị!" Tôi nghĩ thế nên đi thẳng vào rừng, lại chỗ nhà sàn của tôi. Tôi thắp hương đốt vàng khấn thần linh thổ địa và các vong linh, rồi theo lệ thường, nằm chèo kheo ngủ một giấc dưỡng thần, đợi đến đầu canh hai thì dậy. Không hiểu thế này tôi chỉ chợp mắt đi có một chốc, khi tỉnh dậy, thấy một sự rất kỳ lạ.
Trước lúc tôi còn ở đây săn bắn, cây cổ thụ chỗ tôi đóng đô tuy có nhiều rễ từ trên cành mọc xuống, song chưa có rễ nào mọc từ cành liền qua cành kia. Đến nay có nhiều rễ như thế lắm, trĩu xuống là là mặt đất, trông như một cái võng. Mới có sáu tháng mà rễ ấy đã chóng tốt thế. Tôi mở mắt dậy, lúc ấy vừa cuối canh một mà thôi, chưa qua canh hai. Tôi nhìn xuống gốc cây, thấy một con hổ đương phủ phục nằm đó, hình như ngủ. Song không phải nó ngủ, bởi chỉ một chốc, thấy nó vẫy đuôi, rồi chồm đứng dậy hai chân trước víu vào thân cây, tựa hồ muốn đứng thẳng bằng hai chân như người. Quả nhiên nó muốn thế thật. Mới đầu tiên nó phải dùng thân cây làm chỗ dựa để đứng lên, sau nó tập quen thì đứng vững được, đặt đít ngồi lên những rễ cây uốn cong như võng, còn hai chân thì víu vào những rễ ở là là ngang mặt nó. Tôi ngồi trên cây, lấy làm kinh ngạc lắm, cố ngồi yên không cựa quậy, thủ xem con quái vật kia giở trò gì mà càng ngày càng bí hiểm lạ lùng như vậy.
Con hổ an vị rồi thì lấy đuôi đập mạnh xuống đất, co chân sau lên khỏi mặt cỏ, làm cho mấy cái rễ cây lung lay, đưa đi đưa lại như võng. Hình như nó cho

sự bắt chước loài người như thế là thú lắm, nó ngồi chễm chệ, vênh váo, có vẻ tự tôn tự đại và đắc ý vô cùng. Nó ngồi như vậy trong giờ lâu, gầm gầm gừ gừ tỏ ra vẻ khoái lạc sung sướng tuyệt điểm. Bỗng thấy nó gầm lên một tiếng, nhưng gầm be bé thôi, không há hốc mồm ra "à uôm" như mọi ngày đâu. Có lẽ nó ra một mệnh lệnh nên khi vừa thét xong, có ngay hai cái bóng hiện ra ngồi dưới đất, trước mặt nó: một người là đàn ông, áo thâm, quần trắng tay ôm một cây đàn dài, còn một người là đàn bà, áo thâm, váy thâm, khăn mỏ quạ, cầm một đôi gỗ phách. Một kép một đào. Tôi mới thấy, cũng đoán đó là ông cả và cô hai nhà ta vậy. Gia dĩ mặt trăng lưỡi liềm lúc đó lại không bị mây che khuất; dưới ánh trăng mờ, tôi thấy rõ ông cả và cô hai ngồi ngay ở chỗ cả đôi bị tuẫn nạn ngày hôm trước. Ông cả lên dây đàn rồi gẩy, cô em theo nhịp gõ phách hát. Tiếng đàn ca nghe rõ mồn một, vang cả một vùng thung lũng. Lần này, thứ tiếng tôi nghe, nó y như tiếng đàn hát của hai người, không có cái vẻ âm thầm xa lắc xa lơ như tiếng ma ngày nọ, cái thứ tiếng mà tôi gọi là "bóng lời nói" ấy mà.

Ca hát lâm ly não ruột, tôi nghe cũng còn nhẹ nhàng khoan khoái cả tâm trí nữa huống gì là hổ. Nó nghe tiếng du dương hình như ngồi ngủ gật gà gật gưỡng, vừa mơ màng vừa rung rinh đưa võng theo nhịp đàn phách. Nghe như thế đến gần giữa canh hai, tôi bỗng thấy con hổ bỏ võng, nhảy chồm lại cào cấu ông cả, rồi cô hai. Vẳng nghe có tiếng than khóc và kêu van:

- Lạy ông vạn lạy! Ông sinh phúc tha cho chúng tôi. Ông đã biết nhà em nó ở đâu rồi, ông cứ việc lại bắt nó, hà tất phải cần đến chúng tôi. Lạy ông vạn lạy.

Hổ nhảy lên chồm chồm, gầm gừ như thất ý, hành hạ hai kẻ bạch mệnh một lần nữa. Lại than khóc, cầu xin:

- Em nó còn nhỏ dại, ông tha cho nó. Vả nó xấu xí, hát còn kém cỏi lắm, dở hơn tôi nhiều, ông bắt nó làm gì. Nó còn thơ, da thịt hôi tanh, lại là đàn bà, bẩn thỉu, ông xơi mà làm chi? Ông tha cho nó.

Đó là lời cô Huyền, hổ nghe nói thế thì gầm thét lên, đánh, tát, cào cấu túi bụi. Hai oan hồn vừa tránh, vừa né, vừa xin:

- Lạy ông muôn vạn lạy! Tha cho chúng tôi, chúng tôi xin dẫn ông lại bắt nó.

Hổ hất hàm, nhìn chõ vào mặt hai oan hồn, như hỏi cách bắt ra làm sao. Có tiếng thưa lại:

- Canh ba đêm nay, giờ Tý, ông ngồi ở dưới thềm. Chúng tôi đến, làm cho nó đau bụng, run rủi nó xuống sàn, ra vườn đi nữa, ông sẽ vồ nó đem đi. Nếu nó không chịu xuống, chúng tôi làm cho nó phải đâm đầu qua cửa sổ phía Tây nhảy xuống hiên, ông cứ việc chờ ở đó, đỡ lấy nó là yên việc. Ông có bằng lòng không?

Hổ gật đầu, lại ngồi ở võng. Đàn hát nữa.

Tôi xem chừng kíp giờ lắm, chả mấy chốc đến canh ba; nếu tôi không về ngay, e mạng cô nguy lắm. Tôi sờ tay nảy, đến xem có bao nhiêu chiếc pháo địa lôi, thì ra tôi đem đi tất cả hơn chục cái. Tôi theo phương pháp hôm nọ, đốt hai cái ném xuống cạnh hổ, nó vùng cẳng chạy mất, mà hai oan hồn cũng biến theo. Tôi chẳng quản đêm khuya trời tối, thu thập một vài khí giới giắt vào lưng, rồi cầm mã tấu trèo xuống. Muốn cho ác thú đừng theo tôi quấy phá, cứ cách vài chục bước, tôi lại đốt một chiếc địa lôi cho vang động cả vùng. Đốt xong tôi chạy, chạy được quãng xa, lại ngừng lại đốt, như thế về mãi tận đây sờ lưng chỉ còn mỗi một chiếc pháo. Tôi vừa về kịp nên mới cứu cô thoát nạn, cũng là một sự may mắn. Bắt đầu từ ngày mai, cô nên nghe theo tôi, đừng ở nán lại đây làm gì nữa. Cô và cậu em hãy theo tôi cùng về Gôi, ở với mẹ tôi là hơn. Cô nghĩ thế nào?

Oanh Cơ bấy giờ cảm động đến cực điểm, nàng không biết lấy gì để tạ ơn tráng sĩ đã hai lần cứu mạng cho nàng; nàng bèn thành thực thưa rằng:

- Em đội ơn anh rất dày, dẫu gan góc lầy đất cũng không đền đáp được. Ngày nay em không còn ai thân thích nữa chỉ có một đứa cháu, vậy xin tình nguyện theo anh. Nếu anh quả có lòng thương, không cho em là ti tiện, không quản em là con nhà ca kỹ, thì em xin dùng quãng đời sống sót này để hầu hạ anh, nâng khăn sửa túi đỡ đần anh, dù phải làm phận tiểu tinh em cũng cam lòng. Tấm thân băng giá này, em xin đem phó thác cho anh, gọi là đáp lại mảy may tấm lòng trọng nghĩa của anh và ơn anh đã cứu mạng. Có lẽ cũng tại trời xui khiến, nên từ buổi sơ thân, tình cờ đã chỉ bảo cho chúng ta biết, thân em phải chọn anh làm chủ. Em đang lúc thụ tang, nói đến hôn nhân thực là mang tội cùng người khuất; song le, đến nước này, không thưa thực anh bấy nhiêu lời cũng không được. Chỉ mong anh cho biết rõ một điều là anh có ưng thuận hay không, thế là đủ. Em sẽ theo anh về Nam. Bao giờ em hết tang chế rồi, lúc đó sẽ làm vợ anh, anh có đem em vào chốn rừng hoang núi thẳm em cũng cam lòng.

Vài lời tâm huyết phát xuất từ con tim, xin anh chớ cười em là người thô lỗ, không biết đắn đo lời nói, cũng như không biết thẹn thùng. Đối với anh, là người đã hai lần cứu em, đã săn sóc cho em trên giường bệnh trong nửa tháng trời, em còn phải e lệ ngại ngùng gì nữa? Em một niềm kính cẩn giãi bày tâm sự hầu anh, xin anh định liệu cho em được nhờ, cho em phận nào em xin bái lĩnh phận ấy!

Câu chuyện Oanh Cơ đến đây là hết, chả biết tráng sĩ trả lời nàng ra làm sao, chỉ biết ngày hôm sau chàng đem cả hai cô cháu nàng vượt đèo Tam Điệp đi ra Nam Định. Từ đấy, chả còn ai biết rõ tông tích Oanh Cơ đâu nữa. Cũng chẳng biết nàng sống hay thác, còn hay mất, có thoát được nạn hổ bắt hay đã bị mãnh thú ấy tha đi vào rừng lau sậy để ăn thịt rồi.

Duy có một điều chúng ta biết rõ, là hồn anh chị nàng vẫn thường hiện lên để đàn ca réo rắt, mà đến nay năm sáu chục năm rồi, hai oan hồn ấy vẫn chưa tan...

Ông Cai Móm nói xong câu chuyện, tôi trông đồng hồ trên vách thấy điểm hơn ba giờ. Ông Cai phải ngủ lại trong trại của tôi, không về nhà được. Tôi nghe nói, cũng có phần tin câu chuyện của ông đúng sự thực, vì nó ý vị và rành mạch xem chừng không phải chuyện người ta cố ý bịa đặc ra. Tuy nhiên, tín ngưỡng của tôi cũng chưa lấy chi làm vững vàng lắm. Tấm lòng hiếu sự của tôi xui tôi dò xét xem lời ông Cai nói có đúng không hay chỉ là những chuyện vu vơ mà người quanh vùng này thường bàn tán? Phải trông thấy hai con ma đào kép, thì mới có thể tin rằng chuyện nàng Oanh Cơ có thực, không phải chuyện chơi. Phần nhiều, người trong hạt này, họ chỉ "văn kỳ thanh" mà thôi, rồi xây nặn ra đủ các thứ cổ tích, chưa ai dám có can đảm vào rừng xem bóng ma bóng quỷ nó ra làm sao.

Chỉ riêng một mình tôi có can đảm ấy. Tôi bắt ép ông Cai Móm phải đưa tôi vào cái thung lũng xưa kia làm trường săn bắn cho tay tráng sĩ cứu mạng nàng Oanh. Ông Cai hai ba lần ngăn tôi đừng nên đi, tôi nhất quyết không nghe, bắt ông phải dẫn đi xem cho kỳ được. Bất đắc dĩ, ông phải chiều lòng tôi. Ông bèn sắm sửa đủ khí cụ và khí giới để vào rừng, rồi hai thầy trò nai nịt gọn gàng, rẽ lau vạch cỏ tìm vào thung lũng. Đi mất ba, bốn giờ đồng hồn mới tới một nơi um tùm đầy cây cối, cỏ mọc cao vút, lau sậy trắng xóa, rễ cây cành cây chi chít, phải lấy dao bẩy phạt bờ bụi mới vào được.

Chúng tôi tìm đến một cây cổ thụ, luồn dây qua chẽ cành đánh đu leo lên, rồi lấy dao phạt bớt lá rậm, dọn một chỗ để ngồi. Chỗ đó có hai cành cây to mọc ngang, chỉ việc lấy một ít then tre hay một tấm phên gác lên trên là có một cái sàn sạch sẽ tươm tất, có thể nằm ngủ được. Dọn dẹp chỗ xong rồi, hai thầy trò tháo bỏ các đồ đạc đeo trên vai, ngồi nghỉ một chốc, giở các đồ nguội ra ăn uống. Chẳng bao lâu, mặt trời xế bóng, sương bắt đầu nặng hột, tối đến lúc nào không hay. Hôm đó là một hôm co ‘trăng sáng vằng vặc, ngồi trên cây ngắm xuống thực không còn thú gì bằng. Cái cảnh cánh sương rừng rậm, tôi đã từng quen lắm, hóa nên cũng không sợ hãi chút nào. Lòng hiếu kỳ làm cho tôi nhẫn nại và can đảm thêm, tôi cứ ngồi điềm tĩnh trên ngọn cổ thụ, đợi xem ma sẽ hiện lên như thế nào. Thì giờ bằn bặt trôi, chả mấy chốc hết canh một. Các thứ tiếng chung quanh người tôi nổi lên như một cuộc hòa nhạc âm thầm ảo não, chúng nó gồm đủ các âm thanh cao thấp, khoan nhặt, thực là hết sức lạ lùng. Tôi tuy quen ở đồng rừng, thế mà chưa bao giờ tai được nghe hết mọi thứ tiếng kêu, tiếng hú, tiếng gọi, tiếng gầm, tiếng la, tiếng thét, như trong cái đêm hôm ấy. Giọng nói của rừng hoang là một giọng cực kỳ huyền bí; trong bóng tối âm u, tịch mịch, biết bao giống sinh vật, biết bao loài thảo mộc, giữa cuộc đua tranh vật lộn, phát ra mỗi giống mỗi loài một khẩu hiệu riêng, cái đục cái thanh, có thể ví được với tiếng ầm ầm, lạo xạo, trong một ngày phiên chợ, hoặc trong một ngày hội hè tấp nập ở một chốn đô thành. Khó lòng tả rõ được cái vẻ ồn ào phức tạp ấy, chỉ có thể tưởng tượng ra nó mà thôi.

Giữa chốn rừng khuya, tôi có cảm giác là chung quanh người tôi có một vũ trụ đông đúc, tôi tuy không nhận được bằng mắt song được nghe bằng tai; thế giới đó bao bọc khăng khít lấy tôi, quanh cuồng múa máy trên đầu tôi, dưới chân tôi, tựa hồn lấy tôi làm đích cho một cuộc khiêu vũ phi thường. Ông Cai Móm và tôi thu hết can đảm và trí tuệ, ngồi chờ xem một cuộc phô diễn hiếm có, sắp sửa xảy ra giữa cái vũ trụ hãi hùng náo động ấy. Óc hiếu sự thực quả xui người ta làm bất cứ việc gì, có khi đến quên cả sinh mạng, chỉ có một ý định duy nhất trong tâm hồn là thỏa mãn được tính tò mò, mà nếu không như nguyện được, thì ngồi đứng không an, bứt rứt khó chịu lắm. Bởi thế, dẫu vào nơi hang hùm tổ rắn, để được thỏa thích thói hiếu sự của mình, ta cũng chẳng từ nan.

Riêng tôi, tính tò mò sôi nổi trong trí não, ngồi trên cây nóng lòng sốt ruột lắm, chăm chăm chú chú nhìn vào chỗ rễ cây uốn cong như chiếc võng, chỉ ước sao ma hiện ngay ra cho xem mới cam tâm. Tôi đợi cũng chả lâu lắm, vào khoảng giữa canh hai, một tiếng gầm to lớn khiến tôi phải giựt nẩy mình. Vừa định thần mở mắt nhìn, tôi đã thấy ngay trên cái võng rễ cây một con cọp xám, to gấp rưỡi con hổ thường, da vằn đen vằn trắng, trông đẹp lắm. Ông tướng ấy ngồi chễm chệ như người, hai chân sau bơi bơi trên mặt cỏ để làm cho võng đong đưa, mau lẹ vô cùng. Hai chân trước thì giơ thẳng về phía trước, không bám vào gì cả. Một chốc như thế, tôi vừa chớp mắt có một khắc cỏn con, trông xuống lại không phải cọp xám nữa, mà là ông cụ già đầu râu bạc phơ, ngồi nghiêng nghiêng trên võng, tay để vào má xem có vẻ trầm ngâm nghiêm nghị, tựa hồ đang nghĩ ngợi sự gì.

Tóc tôi tự nhiên bỗng thấy dựng đứng cả trên đầu, một luồng khí lạnh chạy khắp các mạch máu tôi, luồn vào sống lưng tôi, tôi nắm chặt lấy cánh tay ông Cai Móm. Giữa lúc đó, ông cụ cọp già kêu lên một tiếng, như ra mệnh lệnh. Ông vừa dứt lời, ba cái bóng không biết từ đâu, bỗng phơi phới lướt trên mặt cỏ, lại đứng trước mặt ông rồi quỳ xuống lạy ông cung kính lắm. Đó là bóng một người, hình như đàn ông thì phải, áo thâm, quần trắng, búi tóc, tay ôm một cây đàn giai; và hai người nữa, tựa hồ đàn bà, quần áo trắng toát, một làn tóc đen bỏ xõa sau lưng gần chấm gót, tay cầm vật gì đen đen, trông giống một cái then gỗ nhỏ. Cả ba cầm tay nhau làm thành một cái vòng, bao bọc lấy ông cụ già ngồi võng, rồi quay cuồng chung quanh ông cụ... Có một sự rất lạ là dưới gốc cổ thụ chi chít những rễ cây giằng buộc lấy nhau, những cành cây, những lá cỏ, không có đủ chỗ cho ba người thường nhảy múa được. Thế mà ba cái bóng kia khiêu vũ như không có gì vướng cả, họ cứ lâng lâng lượn phiêu phiêu trong không khí nhẹ nhàng vô cùng. Họ lượn quanh mình ông cụ một hồi ông cứ ngồi gật gưỡng thưởng thức tấn trò ấy như lấy làm thú lắm. Bỗng ông thét lên một tiếng nữa, to hơn tiếng khi nãy nhiều. Sau mệnh lệnh thứ hai này, trong rừng tự nhiên hiện ra không biết bao nhiêu là bóng, cái trắng lốp, cái xam xám, cái đen xì đều cầm tay nhau thành mười mấy lớp vòng tròn bay lượn mé ngoài tưởng chừng một cuộc hội hè của lũ Mọi châu Phi khi nhảy múa chung quanh thây chết.

Thực là một quang cảnh lạ lùng hiếm có, càng xem sống lưng càng thấy lạnh buốt mà tóc càng dựng ngược cả lên. Đó mới là bài học hay cho mấy kẻ tò mò hiếu sự như tôi vậy. Tôi cứ bám chặt lấy ông Cai Móm.

Trong khi quá sợ hãi, khuỷu chân tôi bủn rủn, làm tôi gần quỵ xuống, phải lấy gân để đứng thẳng người lên. Ai ngờ tôi hụt chân, bước ra ngoài then tre hụt chân xuống khe sàn, suýt ngã dúi xuống trước mặt ông Hổ xám.

Tôi kinh hồn mất vía, trống ngực đánh như tim sắp vỡ, hoảng hốt kêu lên một tiếng vang trời. Ông Cai Móm phải vội vã đỡ lấy tôi, ôm chặt nách tôi nâng lên, nếu chỉ chậm một khắc tôi sẽ bị lăn xuống đất. Tôi kêu thét lên xong, chết ngất đi, không biết trời đất là gì nữa. Đến lúc hồi tỉnh, thấy mình đương nằm trong buồng, trên chăn dưới nệm, và trước mặt có Lệ Thi, Thu Nhi, cả hai đều ra vẻ lo ngại. Trong khi ngồi trên một chiếc ghế đẩu ở góc phòng, ông Cai Móm vừa chúm chím cười, vừa nhai bỏm bẻm một miếng trầu đỏ loét:

Nào, thầy đã bằng lòng chưa? Lần sau có muốn vào rừng xem cọp nữa hay không, thì con lại dẫn thầy đi lần nữa!

Từ đấy trở đi, anh xem, tôi chẳng dám không tin lời ông Cai Móm, nhưng quả thực là các vàng cho kẹo, tôi đây cũng hết dám vào rừng. Đêm đêm tôi chỉ cùng Lệ Thi ngồi điểm tĩnh ở một xó nhà, lắng tai chú ý nghe xem có nhận được điệu hát ả đào mà thiên hạ nhao nhao nói đến. Nhưng tôi vô duyên hết sức; cái lần đáng lẽ được nghe thì chết ngất đi, phải có người nhà cõng về tận trại, còn những lần sau thì thức suốt mấy đêm ròng mà tịnh cha thấy gì. Thế mà ai ngờ mới đến đây lần đầu, anh đã có diễm phúc nhận được ngay điệu ca nhạc đó.

Đấy, điển tích của điệu hát ấy kỳ dị là như thế, bây giờ anh đã rõ rồi. Có một điều tôi đoán được ngay sau khi theo ông Cai Móm vào rừng là có lẽ nàng Oanh Cơ cũng chết vền nạn hổ. Bởi lẽ, đúng lý ra, chỉ có hai bóng ma hiện lên diễn trò hầu cọp, cớ sao tôi lại thấy những ba? Người thứ ba chắc hẳn là Oanh Cơ, theo anh chị chết chung một sự nghiệp. Song chẳng biết nàng chết bao giờ, chết nơi đâu, và có lấy được ý trung nhân là tráng sĩ Lê Trọng Việt hay chăng? Điều đó hiện còn mờ ám lắm.

Vén Màn Bí Mật

Tôi ở Đồng Giao về, trong lòng lại canh cánh đeo thêm một nguyện vọng thiết tha, trong ký ức lại tăng thêm một đoạn bí sử mới; nhưng bị trôi nổi

trong cuộc mưu y, mưu thực thường ngày, tôi dần dà cũng chẳng có thì giờ đâu để nghĩ đến hai câu chuyện ở núi Gôi và Đồng Giao nữa. Mãi cho đến ngày tình cờ khiến tôi gặp gỡ ông Trần Công Chất, trong một trường hợp ngẫu nhiên, khi tôi mang vợ con lên nghỉ mát tại Sapa.

Riêng tôi, tôi chả muốn đi xa diệu vợi để làm gì, nhưng vợ tôi, Tuyết Tiên, cứ nằng nặc đòi lên Sapa một lần cho khỏi thẹn với chị em. Không thể từ chối được, tôi đành theo ý vợ tôi.

Thế là, dắt dìu bồng bế "quan san ngàn dặm, thê nhi một đoàn" tôi đi nghỉ mát Sapa. Cái cảnh đi nghỉ mát mà phải đeo đẳng sau một bà vợ dềnh dàng một lũ con nheo nhóc, thì còn gì là thú nữa? Còn gì thú nữa nếu tôi không gặp cụ Chất ngay trong mấy hôm đầu?

Cái cảnh rừng núi Sapa, không có gì là rừng sâu núi thẳm cả. Sapa là một hòn ngọc, là một vườn hoa cao hơn mặt đất, làm một nơi khí hậu đầm ấm, thảo mộc mọc tốt tươi, non nước hữu tình. Những đường lối những bãi cỏ, những cây rừng ở đó sạch như ly như lai, có thể nằm trên cỏ mà ngủ không sợ bệnh tật gì cả. Không một con ruồi, không một con muỗi, loại vắt thì thật không có hẳn. Sapa không phải chỉ đẹp ở những vườn đào, thác bạc, đẹp ở những căn nhà xinh xắn dựng chênh chếch trên sườn đồi, Sapa còn đẹp ở chỗ khách đến đây cư ngụ toàn là tay chơi hào hoa lịch sự, con gái mơn mởn như trái đào vừa chín, con trai khỏe mạnh như các hiệp sĩ đời Chiến Quốc, thỉnh thoảng đánh con ngựa thồ lên dốc núi, dừng cương đứng lẫm liệt giữa vùng thảo mộc xanh tươi, gợi cho kẻ bàng quan một bức ảnh thanh kỳ, tưởng chừng có thể làm sống lại một thời oanh liệt của lịch sử...

Trước khi mắt được ngắm phong cảnh Sapa, ta hãy phải vượt hết một con đường xoắn ốc chừng ba mươi lăm cây số, ngùng ngoằng lượn quanh sườn đá theo hình chữ chi, khúc khuỷu, cong queo, có từng đoạn chênh vênh hết sức. Trong cái thú đi chơi Sapa, có lẽ khoái lạc là con đường ấy cũng dự một phần. Một bên là sườn núi cheo leo hiểm hóc, một bên là hang sâu vực thẳm đầy cây cối um tùm, mọc chi chít hai bên bờ một dải suối khổng lồ nước cuồn cuộn chảy nhanh như suối thác, đương chảy thỉnh thoảng lại vấy phải một thân cây đổ bắt ngang qua khe, hoặc một tảng đá nhẵn lì nằm ngay giữa lòng, khiến vì thế lại bồng bột nhảy chồm lên, bọt bắn tung tóe trắng phau, như muôn ngàn tia bạc. Trong khi đi đường, xe ô tô không chỗ nào mở được máy ba cả, cứ phải mở máy hai, sè se cắn lấy đường thong thả lên dần. Đi chừng ba mươi ba, ba mươi bốn cây số, khí hậu vẫn còn như thường, trong người vẫn còn thấy nóng nực như khi chưa lên núi; thế mà gần đến địa hạt Sapa, thì tựa hồ như có phép tiên biến hóa, khí hậu thấy dịu đi ngay, mình bỗng cảm thấy hơi lành lạnh. Một khi tới hẳn nơi rồi, sự mát mẻ khoan khoái không tả xiết được. Chỉ từ sáng đến chiều, xem trong người cũng đã thấy khác ngay; nào là nhức đầu, khó thở, sổ mũi, hắt hơi những bệnh vặt đó biến đi như bị thánh dược xua đuổi; đi chơi chỉ một chốc về nhà ăn cơm đã khỏe bằng hai ngày thường, mà sự tiêu hóa cũng rất lưu thông, không bị bí, bị trệ như ở chốn thị thành. Nghỉ dưỡng sức mà lên Sapa, chả mấy chốc lành mạnh không cần uống thuốc, tinh thần mình cũng nhờ khí hậu mà sáng suốt tỉnh táo thêm. Tôi chỉ được lên ở Sapa có một thời hạn mười ngày, khi về lấy làm quyến luyến, tiếc rẻ, không muốn về nữa. Nếu không có vợ tôi, Tuyết Tiên, nhất định bắt tôi phải trở xuống Hà Thành, thì có lẽ tôi cứ ở lỳ tại Sapa, dầu phải sống nghèo nàn kham khổ cũng cam lòng- chúng tôi đi chơi là do sự tình cờ, ai ngờ sự tình cờ ấy rất hữu ích cho tôi, giúp tôi được đủ vật liệu viết xong quyển tiểu thuyết này. Tôi đương bị tâm trí bứt rứt vì chưa tìm được ra bí thuật để giải quyết một vấn đề mà đầu óc tôi đương suy tính: vấn đề tìm ra nguyên thủy của câu chuyện tráng sĩ không đầu ở núi Gôi. May thay đặt chân lên trên đất Sapa tính tò mò hiếu sự của tôi được thỏa mãn đến cực điểm; không những tôi gây dựng lại được một đoạn bí sử ngày nay đã bị vùi lấp hẳn trong gầm dĩ vãng xa xăm u ám, không những tôi đem được hẳn bí sử ấy ra ánh sáng, tôi còn được hạnh phúc biết rõ sự tích của hai bóng oan hồn ở núi Gôi, và dây liên lạc của sự tích đó với câu chuyện rùng rợn tôi đã nghe ở Đồng Giao trong cái đêm mưa gió.

Người đàn ông giúp tôi đi ngược dòng thời gian để làm sống lại cuộc đời Oanh Cơ và hai tráng sĩ bị tử hình, người đó là cụ Trần Công Chất, một cụ già thâm nho thuộc về thế hệ trước, sống lạc loài ngơ ngác trong xã hội này, nhưng vẫn thành kính nhẫn nại thờ quan niệm cổ hủ của ông cha, không bị ánh sáng lộng lẫy rực rỡ của đồng tiền làm lu mờ mất tính tình, nhân cách. Tôi ngẫu nhĩ được gặp cụ Chất trên chuyến xe lửa Hà Nội - Lào Kay, giữa lúc đang bồn chồn thấp thỏm không biết vợ chồng tôi sẽ trú ngụ ở đâu một đêm trước khi đáp ô tô lên Sapa nghỉ

mát. Tuyết Tiên và tôi bàn tán cùng nhau về cách sẽ xử sự như thế nào trên đất lạ, hai chúng tôi đều tỏ vẻ lo ngại, rì rầm suy đi tính lại mãi không thôi, nhất là khi tàu sắp tới ga Phố Mới, sau một ngày lúc lắc trên một con đường gay go khúc khuỷu vô cùng. Thấy dáng bộ lúng túng của Tuyết Tiên xoăn xoe chung quanh mấy đứa con thơ và mấy va li đồ đạc, hết dặn bảo các con lại kiểm điểm sửa soạn hành lý, một ông cụ già ngồi ngay cạnh chúng tôi từ sân ga Hà Nội, bỗng tự nhiên quay lại phía tôi:
- Tôi xem chừng hai thầy cô đi nghỉ mát Sapa thì phải?
- Thưa cụ vâng! Thưa cụ cũng đi Lào Kay?
- Không, tôi về Sapa chớ. Tôi có nhà ở đó. Tôi di cư lên Sapa đã mười mấy năm nay rồi, từ lúc Nhà nước mới bắt đầu khai khẩn hạt ấy.
- Vậy ạ? Thưa cự chúng cháu hỏi cụ khí, không phải: chúng cháu lên nghỉ mát lần đầu, chả có ai quen thuộc cả, muốn xin cụ cho chúng cháu ở đậu ít ngày, chẳng hay như thế có phiền phức hay chăng? Cụ có thể vui lòng dung nạp chúng cháu được chăng?
Ông cụ cười khà khà vẻ nhân từ hiền hậu lắm:
- Nếu thế thì quý hóa quá! Thầy cô có lòng yêu hạ cố đến tệ xá thì còn gì bằng. Tôi tuy già rồi, nhưng nhà vắng lắm, chỉ có một đứa con gái đã lớn và một thằng nhỏ mà thôi. Thầy cô ở chơi làm bạn với tôi, tôi rất vui lòng. Tôi xin làm hướng đạo cho thầy cô.
Tuyết Tiên hết sức mừng rỡ, vội vàng cho hai con lại lạy chào ông cụ; cụ vuốt ve hai cháu một cách rất âu yếm tưởng chừng như cháu ruột cụ vậy. Tàu đến ga Lào Kay cụ săn sóc cho cả bầu đoàn chúng tôi, dắt chúng tôi về ở Thiên Nhiên khách sạn. Chúng tôi thuê hai phòng, một phòng cho vợ con tôi, một phòng cho tôi và ông cụ. Cơm nước xuềnh xoàng cho qua bữa...
Tối hôm đó, câu chuyện của cụ Chất và tôi chỉ loanh quanh ở các vấn đề làm ăn, ở lai lịch tôi và thân thế cụ. Tôi được biết qua loa, cụ là nòi Thổ, mẹ người bản xứ mà cha người Kinh; thuở bé có xuống Hà Thành học rồi được bổ đi phán sự các miền Cao Bằng, Hà Giang, Lào Kay và Phong Thổ. Sau khi làm việc được hơn hai mươi năm, cụ xin về hưu, lên an cư tại Sapa, chỗ mà cụ cho là kỳ quan đệ nhất. Tôi cũng kể cho cụ nghe tông tích và chí hướng của tôi, sự tích nhân duyên của Tuyết Tiên, con một nhà đại phú hào chốn kinh đô với tôi, là một nhà văn sĩ nghèo nàn...
Nghe tôi nói, cụ chỉ gật gù điểm một lời rất ôn tồn, song chứa đầy triết lý:
- Chẳng qua chỉ là duyên nghiệp cả! Ai mà tránh khỏi nghiện duyên tự mình, mình đã gây nên?
Thì giờ êm ả bắn bặt trôi, không biết đã lướt qua bao nhiêu độ. Tuyết Tiên và con tôi ngủ yên thin thít trong phòng bên cạnh, chỉ có tôi cùng cụ Chất nằm lim dim, giữa một vùng lặng lẽ âm u. Bỗng đâu, tôi mơ màng thấy bên cạnh có bóng dáng một thiếu phụ áo quần trắng toát, tóc lòa xòa phủ kín ngang vai, giữa ngực một dòng máu tươi phọt ra đỏ sẫm. Tôi giật mình thức dậy, mồ hôi đẫm ướt cả áo sơ mi. Ngọn đèn dầu lạc lụn bấc tỏa ra một thứ ánh sáng lờ mờ, gian phòng tối vắng đìu hiu nhuộm một vẻ thê lương ảm đạm.
Không dám chợp ngủ nữa, tôi lấy thuốc hút để xua đuổi những tư tưởng rùng rợn đến ám ảnh tôi. Khó thuốc cuồn cuộn tỏa khắp gian phòng, tựa hồ có mãnh lực thiêng liêng gạn lọc sạch trong không gian những bóng hình ma quỷ.
Khi nghe tiếng động cụ Chất mở mắt ra. Tôi thấy cụ còn thức nên mời cụ hút thêm vài điếu thuốc cho vui:
- Thưa cụ hút với con vài điếu thuốc nữa cho vui, con sợ quá, không dám ngủ.
- Làm sao mà thầy sợ.
- Con vừa chợp mắt đi, thấy ngay một bóng ma đàn bà trắng lốp, giữa ngực có một vết thương máu tuôn đỏ chóe, đến sờ tay lạnh buốt vào tay con, con giật mình tỉnh dậy mồ hôi ướt đẫm khắp mình...
- Thôi, đích thị rồi! Ấy là con gái ông Hường Quyền, bị người nhân tình ghen đâm chết trong phòng này đó. Chị ả chết đến năm nay đã mười mấy năm rồi. Ra cái thứ ma chết oan lại bất đắc kỳ tủ này nó sống dai dẳng thật, có khi đến mấy chục năm mà vong hồn vẫn chưa siêu linh.
- Bẩm cụ cũng tin có ma?
- Thầy hỏi lạ chửa! Có chớ sao không? Ma là giống ở cõi âm cũng như mình là loài ở cõi dương, có gì là lạ. Ai ở địa hạt người ấy, miễn đừng xâm phạm đến nhai, đừng làm hại đến nhau thì thôi.
- Thưa cụ, mình có làm gì mà họ hại mình?
- Có chớ. Nó không thể xâm phạm đến mình được, nhưng nó chọc ghẹo mình thử chơi. Cũng tựa hồ như mình nói đùa con gái vậy. Một đôi khi, có lợi cho nó, thì nó tìm kế tàn sát mình nữa, tỷ như lũ ma tranh chẳng hạn....
- Bẩm cụ, con nghe nói trên các miền thượng du này có rất nhiều chuyện ma kỳ quặc, chẳng hay có

đúng hay chăng? Con chưa bao giờ ở lâu tại đồng rừng, nhưng cứ như mắt con đã thấy ở núi Gôi và tai con đã nghe ở Đồng Giao, thì con phải tin rằng, trong cõi âm u lạnh lẽo của linh hồn, có nhiều sự dị kỳ hết sức. Con xin kể cụ nghe hai chuyện này, may ra cụ có thể chỉ giáo cho con được chút nào bổ ích chăng, vì sống trước con bốn năm chục năm, có lẽ cụ đã từng nghe nói về hai sự tích đó?

Vừa tiêm thuốc, tôi vừa kể dần dà hai câu chuyện bí hiểm lạ lùng, mà tôi đã tường thuật ở trên. Cụ như chăm chú nghe tôi lắm, thỉnh thoảng lại cười mỉm gật gù thưởng thức lời tôi. Khi thuật xong, cụ không đợi tôi phải hỏi, nói ngay rằng:

- Thầy với tôi hẳn có tiền duyên, nên mới gặp nhau tình cờ như hôm nay đó! Đã là bạn có duyên với nhau tôi nhẽ nào chẳng bổ chính thêm vào câu chuyện của thầy cho nó có nghành có ngọn, khiến thầy có thể, một ngày kia, đêm hiến cho người đời. Quả như thầy đã tưởng, tôi có thể giúp thầy gây dựng lại sự tích nàng Oanh Cơ được. Hai câu chuyện của thầy vừa kể, mặt ngoài tuy không có liên hệ gì mật thiết với nhau, song, bề trong chính là do một gốc mà ra cả.

Ai ngờ một chuyện bị chìm vào dĩ vãng ngoài năm chục năm rồi, bây giờ lại còn có người moi móc lên được? Giá thầy không gặp tôi, chuyện đó sẽ không có gì lý thú đáng ghi chép cả, nó chỉ là hai đoạn dã sử rời rạc mà thôi. Đã gặp tôi, tôi đem hai đoạn ấy chắp liền làm một, biến chúng thành một thiên bi sử ly kỳ. Ngoài tôi ra, hiện thời nay, thực không còn ai có thể giúp thầy làm nên việc ấy. Tôi nói ngoài tôi, bởi tôi là người độc nhất vô nhị giấu trong ký ức thiên bi sử ly kỳ đó. Thầy đã có duyên với tôi, thì tôi xin kể thầy nghe.

Ông cụ nói đến đây, ngừng lại một chút. Tôi càng nghe cụ, càng như nở từng khúc ruột, tai tôi nuốt lời cụ một cách thèm nhạt, ngon lành. Tôi thấy mở đầu đã khá dài, cũng hơi nóng ruột, muốn đi vào đầu đề tức khắc. May sao, ông cụ không để tôi mất công chờ đợi.

Đêm hôm ấy, cũng trong một gian phòng lặng lẽ âm u, tôi được hớt trên môi ông bạn già lai lịch của hai võ sĩ ở núi Gôi, cũng như tôi đã trên môi anh Thuỷ đã làm quen được với một đóa hoa vô cùng mỹ lệ và biết một phần sự tích của nàng Oanh Cơ. Trong hoàn cảnh đêm đó, chỉ kém có một cái bóng yêu kiều của Lệ Thi. Một cái bóng khác, may sao đền bù vào chỗ thiếu; Tuyết Tiên không hiểu vì đâu không nhắm mắt được, có lẽ cũng như tôi sợ con ma đàn bà bị đâm chết, nên mở cửa phòng sang nghe chõ chuyện dưới chân chồng, vẽ lên nền vàng xám của bức tường khách sạn một hình ảnh mảnh khảnh, dịu dàng, tha thướt như thông lay, buồn rầu như liễu rũ...

Đẹp Duyên Cầm Sắc

Hồi ấy, nghĩa là cách đây đúng 56 năm, mùa Xuân năm giáp Thân (1884) ngày 16 tháng 2, thành Bắc Ninh thất thủ, về tay Pháp. Hai đạo binh, dưới quyền chỉ huy của hai thiếu tướng de Négrier và Brière de L'Isle, một mặt qua sông Hồng Hà, theo dọc sông Đuống một mặt ở Hải Dương, đi tàu tới Phả Lại rồi đổ bộ, cùng men bờ sông Nguyệt Cầu tiến đánh Bắc Ninh.

trận ấy, quân Pháp chỉ mất độ tám tên binh và độ vài chục khẩu súng. Quân Tàu Cờ Đen, núng thế, rút cả về Yên Thế, còn trơ quân An Nam thế cô, phải cởi giáp lai hàng. Một vị quan binh đứng đầu cai quản đội binh ta hồi ấy trong thành Bắc Ninh là Lãnh binh Lê Vũ Khúc. Ông là dòng dõi cựu thần nhà Lê, tuy không phải tôn thất, song tổ tiên ông đã làm quan tới chức Công Khanh, ba bốn đời nối tiếp nhau trong hàng tứ trụ. Sau bốn năm thế hệ văn quan, trong họ bỗng đổi nghề nghiên bút sang nghề cung kiếm, tổ phụ Lê Lãnh Binh xuất chân cử võ, làm tới Ngũ Quân Đô thống, thân sinh ông làm Sơn Nam Đề Đốc, đến đời ông khí nhuệ nhụt đi chút ít, ông chỉ làm tới Chánh Lãnh Binh thôi.

Khi thành Bắc Ninh có cuộc xung đột binh đao, Lê Công đứng trên mặt thành đốc thúc quân sĩ, hợp với quân Cờ Đen khánh chiến cùng binh Pháp.

Phải một tốp lính phía dưới thành bắn lên, ông bị một phát trúng dưới xương vai, một phát trúng tay phải, rơi mất ba ngón tay. Biết mình khó lòng chống cự được nữa, Lê Công bèn nhảy vào trong thành, theo đường hầm chạy vào chiến trường, rồi lên ngựa phóng thẳng một mạch về chỗ đất phong ấp của ông, ở cách thành Bắc Ninh hơn một dặm. Gia đình ông ở cả trong ấp đó. Ông vừa phi ngựa tới cửa chưa kịp vào đến sân thì ngã gục xuống, lịm đi. Vực vào nhà ông cứ thế thiếp dần, máu chảy ra lênh láng, không trối trăng câu nào cả.

Lê phu nhân hồi đó mới non bốn mươi tuổi; bà sống với hai người con trai đã khôn lớn, một người mười bốn, một người mười hai. Cậu cả tên Lê Mạnh Khôi, cậu em là Lê Trọng Việt. Hai anh em được chứng kiến cái chết thảm thương của thân phụ lấy làm đau đớn lắm, tuy còn thơ ấu nhưng cũng đã cảm thấy sự tử biệt sinh ly là một nỗi thương tâm

thống thiết nhất trên đời. Hai anh em giúp mẹ tắm rửa cho cha, khâm liệm tử tế và an táng cho người bị chết nạn chiến tranh vì tận tâm báo quốc.
Thành Bắc Ninh bị hạ rồi, khi loạn lạc đã yên, ba mẹ con thu thập đồ đạc, bỏ đất phong ấp ở Bắc Ninh rút về an cư lập nghiệp ở núi Gôi, là quê quán tổ tiên hai anh em Khôi và Việt.
Về đến tổ hương, mẹ dệt cửi vá may để nuôi cho hai con ăn học, theo các trẻ con trong làng. Sang đình thụ giáo của một ông đồ. Hai anh em họ Lê rất nhác, chẳng bao giờ thuộc bài vở sử kinh, chỉ toàn trốn thầy đi với lũ trẻ con du thủ du thực, tìm đến chân đồi chơi đánh trận giả và tập dượt quyền cước. Thầy đồ nhiều phen đánh đòn rất đau, mà hai anh em vẫn không chừa, cứ ham mê nghề võ hơn nghề văn. Bà từ mẫu ngày ngày hết sức khuyên răn, Khôi và Việt thờ mẹ rất hiếu thảo nên lại quỳ xuống xin lỗi mẹ và hẹn sẽ ra công chăm chỉ học, nhưng đến hôm sau, vắng mặt mẫu thân thì chứng nào tật nấy như thường.
Dần dần, bà mẹ biết rằng máu truyền thống chảy trong huyết mạch hai đứa con mình còn sôi nổi hăng hái lắm, nên cũ chỉ bảo ban lấy lệ mà thôi, còn mặc hai anh em Khôi và Việt được tự do luyện tập gân cốt, không ngăn cản nữa. Thành thử đến sáu năm sau, cả hai cùng to lớn khỏe mạnh; rõ ràng một đôi lực sĩ hùng dũng, oai phong. Từ khi góa chồng, Lê mẫu làm lụng chăm chỉ, để dành để dụm, thu xếp tảo tần, khi bỏ ấp ở Bắc ra đi, cứ bao nhiêu của cải thu vén đem cả về Nam Định; nhờ thế cũng có ít nhiều ruộng nương phong phú, đủ túc dụng một đời. Hai anh em Khôi, Việt, kịp đến tuổi trưởng thành, bà chưa có thì giờ lo bề gia thất cho hai con thì tự nhiên lâm bệnh, rồi lúc khỏi, liệt mất cả hai chân, không làm ăn gì được nữa. Hai anh em phải ở nhà lo liệu công việc giúp đỡ mẹ già. Tuy nói là giúp đỡ, nhưng kỳ thực hai cậu ấm chả được việc gì có lợi, cả bà mẹ ngồi một chỗ mà vẫn phải để tâm coi sóc đến công chuyện hàng ngày. Ruộng nương thì bà ấy cho cấy rẽ, cứ đến vụ là có gia đinh đi thu thóc lúa về, hai cậu ấm chỉ phải trông lũ người nhà, đừng để chúng ăn bớt ăn xén, thế là đủ. Lúc bán lúa cho hàng sáo, thì cũng đã có các vú bõ đếm tiền đong thóc, chả bận gì đến cậu ấm cả và cậu ấm hai. Những buổi tối không phải coi sóc người nhà, ngoài vụ mùa màng và vụ bán chác, hai anh em lại chia nhau, anh ở nhà với mẹ già ba tháng, em đi ngao du săn bắn nơi xa; rồi em lại trở về nhà ba tháng trong khi anh được tự do đi chơi đây đó. Cậu hai Việt hay vào mạn Đồng Giao săn bắn, mỗi khi cậu đi vắng thì cậu cả có thèm thuồng lắm cũng không dám rời mẹ đi chơi nốt, chỉ quanh quẩn vào chợ Ghềnh lùng hươu nai hay chồn cáo một hai ngày mà thôi. Nhưng hễ cậu hai quay gót trở về, lại tha hồ cho cậu ấm Khôi muốn vượt bể băng ngàn được tới đâu mặc sức.
Một buổi sớm, cậu Việt về nhà bỗng thấy vẻ vui mừng tươi tỉnh, song chỉ vung mừng tươi tỉnh được ít hôm đầu. Vui tươi xong, cậu bỗng đâm ra thẫn thờ, vớ vẩn, tựa hồ thần hồn thần trí bị một cái gì ám ảnh; có ngày cậu buồn thỉu buồn thiu chẳng nói một câu nào, bà mẹ có hỏi thì cậu gượng cười chốc lát, nhưng phút sau, lại trầm ngâm mơ tưởng nhớ nhung ai. Thấy anh cả đi vắng lâu, cậu lộ ra vẻ sốt ruột lắm, chỉ ngong ngóng ra đứng cửa chầu chực, đợi cậu Khôi về suốt mấy ngày.
Mong ròng rã ba tháng, cũng chả thấy, mãi gần sáu tháng mới gặp cậu ấm anh trở lại, tải về một xe gạc hươu nai và hai ba tấm da báo, một tấm da cọp và một bộ hổ cốt. Anh em chả kịp hàn huyên nữa; cậu hai thấy có anh về thì mừng quýnh vội vàng thu xếp hành lý ra đi ngay. Lần này cậu đi chơi có non nửa tháng đã về, đem theo một người con gái mặc tang phục, và một đứa trẻ độ 15 tuổi.
Từ trước tới nay, có nhiều nhà phú hộ và danh giá trong vùng Gôi, thấy hai anh em họ Lê con nhà võ tướng , và rất khôi ngô tuấn tú, có ý muốn gả con cho. Mối lái có đến nhà hai cậu ngỏ lời cho Lê mẫu biết, bà cụ hỏi ý kiến hai con, song cả hai cậu, chẳng cậu nào bằng lòng lập gia đình cả.
Lạy mẹ, anh em chúng con còn ít tuổi có đi đâu mà vội! Mẹ còn trường thọ nữa, vì lão niên đới tật là một số rất tốt. Nếu mẹ cho phép chúng con, thì chúng con sẽ tự chọn lấy người bạn trăm năm chăn gối, như thế sau này chúng con chẳng oán than nỗi gì. Duyên số là một sự tình cờ mà thành, chớ biết thế nào mà chọn lựa.
Lê Mẫu nghe hai con trình bày như vậy, cũng vui lòng chiều ý không có ép uổng nữa. Hai anh em vì trọng võ thuật, cũng chả nghĩ đến sự lấy vợ. Tới khi Việt thình lình đem một người con gái ở đâu về, cả nhà đều kinh ngạc hết sức. Cậu hai đem nàng ấy vào lạy mẹ và lạy anh, rồi đầu đuôi sự thể thế nào, thú thật cả một lượt cho mẹ và anh rõ. Lê mẫu mới hay thiếu nữ đó là nàng Oanh Cơ, quê ở Bàn Thạch tỉnh Thanh Hóa, mồ côi cha mẹ và hiện không còn ai thân thích họ hàng. Bà và cậu ấm cả thấy Oanh Cơ thùy mị dịu dàng lại thướt tha kiều diễm, nên rất

vui lòng đẹp ý, nghỉ ngay đến sự cho phép nàng được cùng cậu hai Việt sánh đôi. Cậu hai cũng chỉ mong ước có thế thôi, lú nghe mẹ và anh nói trúng tâm can mình, cậu bất giác đỏ mặt tía tai, phần vì thẹn, phần vì mừng, phần vì thương anh thương mẹ đã nghĩ đến hạnh phúc trăm năm của mình, không hề cản trở ý định của mình một chút cỏn con nào cả.

Cậu Việt vội bẩm mẹ là nàng Oanh còn có anh chị nàng bị chết trong khi vào rừng gặp cọp, phải đợi nàng trừ phục đã mới sẽ bàn đến chuyện thành hôn. Từ đó, hai cô cháu Oanh Cơ ở hầu hạ Lê Mẫu như hầu hạ mẹ già, không có lòng muốn đi đâu nữa. Mà cậu ấm hai cũng nhường anh đi xa săn bắn; về phần cậu, cậu chỉ muốn ở nhà thần hôn định tỉnh bên gối huyên đường mà thôi.

Hơn một năm sau, nàng Oanh Cơ mặc áo quần hồng, quấn khăn vành dây, che quạt lượt đỏ, lạy Lê Mẫu hai lạy để trở nên mợ Hai Việt. Lứa uyên ương mới cả ngày chỉ quấn quít lấy nhau, yêu nhau cực điểm, khiến mẹ già trông thấy cũng vui lòng. Trong gia định họ Lê từ đó, càng ngày càng thêm vui, thêm thịnh; Oanh Cơ đã từ lâu, đem về cho Lê Mẫu sự an nhàn thư thái, đem về cho cậu hai sự hạnh phúc êm đềm. Từ ngày có nàng, Lê Mẫu không phải nai lưng cáng đáng công việc trong nhà nữa. Bao nhiêu việc tần tảo thu vén gặt lúa, bán thóc, một tay nàng coi sóc được hoàn hảo, vẹn toàn. Nàng là người không những có thanh, có sắc, nàng còn khéo léo đủ đường, tề gia nội trợ đảm đang khôn xiết. Nhà họ Lê có nàng thì phòng ốc cửa ngõ ngăn nắp đâu vào đấy; thềm gạch, sân hầu bao giờ cũng sạch sẽ tươm tất; đồ đạc giường chiếu bao giờ cũng ngay ngắn chỉnh tề; cơm bao giờ cũng ngon, canh bao giờ cũng ngọt; trong gia đình bao giờ cũng êm thắm yên vui. Lê Mẫu, nhiều phen ngồi bên ngọn đèn dầu đọc sách xem con dâu dệt cửi, thỉnh thoảng gấp sách ngường đọc trông Oanh Cơ một cách yêu thương âu yếm, bảo nàng rằng:

- Này nhà hai! Mày về làm dâu mẹ, mẹ chả còn có điều gì trách móc được. Mẹ bình sinh không có con gái, nay được con mẹ quý mến biết bao. Nhất là tất cả mọi chuyện trong nhà, con một tay thu xếp gọn gàng yên ổn cả, khiến mẹ được ăn không dưỡng lão, thực mẹ không ân hận oán than gì nữa! Sau này nếu mẹ thác đi, buổi lâm chung anh con chưa có vợ, vợ chồng con chưa có con, nếu hai sự ấy nhất đán nhờ Trời Phật, đều được như lòng mẹ ước, thì mẹ dù nhắm mắt cũng sẽ mãn nguyện đủ trăm bề.

Bà cụ mong như vậy, ai ngờ ước mong của bà có linh hiệu làm sao. Chẳng bao lâu, nàng Oanh thụ thai, khiến bà thiếu chút nữa mừng quá mà chết. Mãn nguyện khai hoa, Oanh cho ra đời một đứa con gái nhỏ giống mẹ như tạc, lại được cái vẻ khảng khái lẫm liệt của cha. Trong gia đình, nhờ có đứa trẻ càng tăng thêm hạnh phúc êm vui; cậu Việt, từ buổi có con, chỉ quấn quít chung quanh mình vợ, hầu hạ con như một ông bõ trung thành tận tụy. Riêng chỉ có Khôi thì vẫn không quên nghề nguy hiểm, ở nhà không săn bắn tập luyện là thấy bồn chồn khó chịu vô cùng. Chàng thường đi đây đó suốt năm, ở nhà nhiều nhất chỉ được độ vài ba tháng. Mỗi kỳ ở nhà, Khôi lại bắt Việt theo mình ra chân đồi múa võ, sợ em lâu ngày không rèn tập thì gân cốt yếu kém đi. Bởi thế, cứ độ nào có Khôi, thì Việt phải tạm xa vợ xa con một ngày hai buổi, cùng anh ra dượt võ ở ngoài đồng. Lâu dần thành một thói quen, hễ cứ anh đi vắng thì thôi, lúc nào anh có ở nhà, Việt lại cùng anh đối thủ. Hai anh em tựa hồ rất có tín ngưỡng trong nghề quyền cước; họ thi nhau trổ tài, không phải để cố ý đánh nhau, cũng không để khoe khoang tài nghệ mình trước mặt công chúng. Công chúng đây là vài ba người nhà quê hiền hậu, chất phác chả hiểu cung kiếm là gì. Lắm khi hai anh em họ Lê rượt nhau chạy bên mình họ, họ cũng thản nhiên điềm tĩnh cày bừa, không buồn để ý đến. Tuy họ không chú ý ngắm nhìn hai cậu ấm luyện võ, mà trong làng, từ trên chí dưới, chẳng ai là người không rõ hai anh em họ Lê là một đôi tráng sĩ hùng dũng, săn bắn rất giỏi, có sức địch nổi muôn người. Tiếng đó đồn đại rất xa, quanh một vùng từ Bình Lục cho đến chợ Ghềnh, Đồng Giao, rất nhiều tay hào kiệt, rất nhiều đảng lục lâm, đều mộ tiếng cả hai chàng Khôi, Việt.

Hai chàng giỏi võ nghệ gần đến nơi tuyệt đích thế mà không bao giờ dùng sức mạnh của mình để làm một sự gì phạm pháp, hoặc mưu công danh tài lợi trong đời. Hai anh em chỉ an cư ở thôn quê, sinh hoạt bằng vài mươi mẫu ruộng và bằng nghề săn hươu, nai, beo, cọp; họ thờ mẹ chí hiếu, đối với anh em vợ con, thân bằng cố hữu, chí tình, tịnh không có một dục vọng cao kỳ nào cả.

Ai ngờ đâu xử thế đến như vậy mà cả hai đều không tránh khỏi dây oan nghiệt đến chằng vào cổ; một ngày kia, Khôi, Việt cùng bị tình nghi, phải bắt giải lên Tỉnh lỵ, rồi chẳng bao lâu, bị ghép vào tội án tử hình. Thực là vạ gió tai bay, chả ai hiểu vì đâu nên nỗi. Có kẻ hiếu sự len lỏi vào gia đình hai cậu

ấm, bàn tán rằng chẳng qua chỉ vì Oanh Cơ mà cửa nhà phút chốc tan tành. Họ nói:
Phàm giả những đóa hồng nhan rực rỡ và hoàn hảo quá chỉ toàn là những binh khí giết người. Muội Hỉ làm chết vua Kiệt, Đắc Kỷ làm chết vua Trụ, Tây Thi xui Phù Sai vong quốc diệt thân và Bao Tự khiến U Vương táng mệnh, còn Quí Phi thì làm Minh Hoàng sống cũng như chết, thực quả đàn bà đẹp là cái mầm tai họa cho đời! Đến vương bá bị những của vưu vật đó còn thiệt thân mất nước nữa huống chi người thường tránh sao khỏi nạn tan cửa nát nhà!
Câu nói ấy, tuy quá độc địa, song cũng có một phần sự thực. Sắc đẹp nàng Oanh Cơ quả là một duyên cớ trọng yếu khiến chồng và anh chồng nàng bị cái nạn đoản đầu. Hai anh em họ Lê bình sinh hay đem nhau ra thí võ ở chân làng Gôi, đều bị đao phủ hành hình tại chỗ đó.
Oan hồn, sau khi lìa khỏi xác trong một trường hợp cực kỳ thảm thiết, vì uất ức nên không tài nào tiêu tán được, nhất là vì hai tráng sĩ, chết rồi, lại không được họ hàng cầu nguyện cho linh hồn nhanh chóng được siêu thoát. Hấp thụ mãi khí thiêng liêng của non sông cây cỏ, hai vong hồn đó lâu dần hóa ra một thứ ma có đủ tư cách hiện hình về được, hiện về chẳng để dọa nạt hay làm hại ai cả, nhưng chỉ để diễn lại một bài quyền xưa kia họ ngày ngày hằng tập luyện ngõ hầu ghi trong cái thế hệ mới mẻ này vết tích một nỗi thương tâm uất ức của thời dĩ vãng, một nỗi đau thương do "oan nghiệt" dệt thành...

Tử Biệt Sinh Ly

Thường thường trong xã hội cũng như trong gia đình, hễ cứ thịnh vượng quá thì càng dễ suy vong; cũng như một vết trên bánh xe, khi lên đến đỉnh tuyệt cao rồi thì tự nhiên tụt dần xuống dưới. Hạnh phúc trong nhà không bao giờ hoàn toàn hoàn mỹ mãn quá; hoàn mỹ tức là một cái mầm tai nạn, bởi lẽ hóa công hình như hay đùa ghen với sự sung sướng tuyệt đích của loài người.
Oanh Cơ từ ngày về làm dâu họ Lê, đem về cho họ ấy mọi sự phong lưu nhàn hạ. Cửa nhà ngăn nắp, thóc lúa đầy kho, tiền bạc chật hòm. Lê Mẫu không còn phải lo toan gì nữa. Gia dĩ Oanh Cơ lại sinh hạ được một đứa con nhỏ, sự vui vẻ trong gia đình thực quả như pha lê không vết, ai ai cũng đều sinh hoạt đầy đủ, mãn nguyện, chẳng có nỗi gì oán than hay ước muốn viễn vong. Hoàn cảnh yêun vui êm ấm đó tưởng đâu có thể lâu bền vĩnh viễn, bởi lẽ anh em cậu ấm không hề làm sự gì ám muội phạm pháp, cũng không bon chen danh lợi mà bôn tẩu, sinh ra các mối oán thù.
Ai ngờ đâu Trời già không để cho yên, bỗng run rủi vạ gió tai bay đến phá nát hạnh phúc nhà họ Lê trong một sớm. Căn nguyên tai vạ đó là vô lý, thế mà cũng xui nên hai kẻ mất đầu.
Số là trong buổi sơ khai, nước ta còn nhiều đảng giang hồ trộm cướp, tụ tập binh lính quấy nhiễu lương dân và kháng cự cùng nhà nước. Cứ chỗ nào có rừng cao núi cả khó lòng mang quân đến tiễu trừ được là chúng quần tam tụ ngũ, bầu một tên chánh soái, rồi lập ngay một sào huyệt, một cơ sở để làm nghề không vốn muôn lời. Những nơi hiểm trở như các miền Yên Thế, Chợ Ghềnh, Đồng Giao, Phố Cát, các mạn thượng du xứ Bắc Kỳ và các hạt giáp giới với dãy núi Giăng Màn xứ Trung Kỳ, phần nhiều là có giặc co, kẻ cướp ẩn nấp ở trong các truông lau, bãi sậy, các thung lũng eo hẹp ở chen vào những lớp núi cao ngất, gồ ghề dựng đứng như bức tường cheo leo, thẳng vút, các nơi hoang vu cô tịch ở phía tây hạt Đồng Giao như mấy vùng Thạch Thành, Cẩm Thủy, La Hán, Hồi Xuân, toàn là các trường mai phục có địa thế, có thắng lợi, giúp cho một tên giặc mang súng ống nấp trong hang hốc bờ bụi có thể một mình địch nổi vài chục binh lính nhà nước.
Thuở ấy, trong muôn vàn đảng giặc cỏ lau nhau chui rúc trong các kẽ rừng hốc đá, như ở các vùng núi non hiểm trở tả trên đây, có một vài đảng rất cường thịnh hiển hách, quân nhà nước lùng bắt trừ khử mãi không xong.
Có một đảng, trong các bọn thảo khấu cường thịnh đó, gồm độ vài trăm tên lâu la, dưới mệnh lệnh của một tay cuồng nho phẫn chí tên là Nguyễn Quán hoành hành ở biên giới hai xứ Bắc và Trung Kỳ, nhất là ở các vùng Thạch Thành, Cẩm Thủy, Phố Cát, Đồng Giao; thanh thế lan dọc từ Bỉm Sơn đến Chợ Ghềnh, ngang từ Phát Diệm đến mãi Nho Quan, Hồi Xuân và La Hán.
Đám giặc cỏ ấy thường thường vào các làng cướp bóc lương dân, hãm hiếp đàn bà con gái, phá nhà thờ, bắt cố đạo, ngang tàng đốt phá, đến đâu thì xưng hùng xưng bá, sát hại khổ chủ dọa nạt dân nghèo, bắt trâu dê gà lợn mổ xẻ làm tiệc linh đình chè chén với nhau, xong rồi vơ vét đầy túi, kéo cả đàn lẩn tránh tản mát vào các hang sâu khe hẻm trong núi, không tài nào tróc nã được. Quan quân

truy tầm lùng bắt đã riết lắm, thế mà chúng vẫn chưa bị sa vào pháp luật bao giờ.
Trên đầu sỏ, Nguyễn Quán, là một kẻ không những chỉ lắm mưu gian kế quyệt, lại còn giỏi võ nữa. Hắn có một khẩu súng hỏa mai thập bát hưởng, nghĩa là bắn luôn được 18 phát không cách xa nhau mấy, lại có một con dao găm hai lưỡi rất lợi hại, rạch người như mổ lợn, không hề khó nhọc chút nào. Ngoài hai thứ khí giới đó, Quán còn biết sử một ngọn roi gân hổ mà hắn múa vù vù, trông không thấy người đâu nữa, khiến tên bắn khó lòng trúng hắn được. Có thế mà thôi đâu, hắn lại còn sở trường môn ném chuỗi tiền, chuỗi tiền của hắn tung ra bách phát bách trúng, phi đoạt được gươm giáo côn đao của bên địch, cũng làm cho kẻ thù ngã quỵ xuống bị trọng thương. Võ nghệ của Quán thực là gần tới chỗ tuyệt đỉnh. Nếu không giỏi như vậy, hắn đã làm sao thâu phục được lũ đầu trâu mặt ngựa làm lâu la giúp hắn. Hắn cứu tụi con em trong đảng đã nhiều phen, trong những trường hợp cực kỳ nguy khốn, hóa nhiều đứa từng chịu ơn cứu tử nên hết sức trung thành tận tụy với hắn. Tuy giỏi đến đâu thì giỏi, Quán cũng có ý gìn giữ phòng thân, sợ có khi bị người ta ném ám khí thì thiệt mạng. Bởi vậy hắn bèn chọn trong bọn lâu la, bốn tay giỏi võ nghệ nhất để làm bốn kiện nhi hộ vệ theo hầu.
Bốn tên kiện nhi đó, đáng lẽ bổn phận là phải bảo vệ chủ tướng trong cơ nguy biến, ai ngờ lại chính là Nguyễn Quán phải giữ gìn tính mạng cho chúng, mỗi lần có những cuộc xung đột gay go! Bảy tám phen, giá Quán không giỏ đến tài nghệ bắn súng, ném đao, quất roi, hay ném tiền, bốn tên hộ vệ ắt bỏ mạng từ lâu.
Chúng chỉ được một việc là giúp chủ mà thôi, là vây bọc chủ lại, tả một đứa, hữu một đứa, tiền một đứa, hậu một đứa, để ngăn người ngoài ném trộm ám khí. Ngoài sự che chở đó, chúng không làm được việc gì nữa. Bởi thế Nguyễn Quán vẫn có ý phàn nàn chưa chọn được cặp tả hữu nào có nghệ thuật siêu quần để được nhờ mà khỏi bị hao công tổn lực, để mỗi lần có cuộc huyết chiến thì chúng gánh vác hộ cái phần nguy hiểm gian nan. Mỗi lần đi cướp bóc ở đâu, Quán xem chừng công cuộc phải làm to, thì thân đi đốc suất lâu la đánh phá; nếu đoán là "tiếng bạc" hôm ấy bé thì chỉ nằm một chỗ, phái một hai tên thủ túc thay mình quản lĩnh là xong. Cũng do lẽ ấy, hắn cần phải có bọn tay chân xứng đáng. Bốn tên hộ vệ lúc ấy chưa phải là những người đáng mặt thay quyền Quán mà cai quản được bọn lâu la, dầu bọn ấy không lấy gì làm đông cho lắm. Quán có ý muốn tìm hai võ sĩ có bản lĩnh, để rủ vào phe đảng mình rồi giao cho cái chân phó soái, họa may hắn được an nhàn đôi chút.
Có kẻ mách hắn ở vùng núi Gôi có hai thiếu niên tráng sĩ dòng dõi võ tướng, vì lỗi thời nên không lĩnh ấn công khanh. Hai người đó chính là hai cậu ấm con quan lãnh họ Lê, võ nghệ đều siêu quần xuất chúng, tính tình thì cương trực anh hùng. Nguyễn Quán nghe tiếng hai anh em Khôi, Việt đã lâu vẫn có lòng hâm mộ và cảm phục tài năng của hai chàng, song chưa có dịp nào làm quen cả. Nay nhân người tiến cử, hắn bèn tự thảo một phong thư, sai kẻ tâm thức đưa đến núi Gôi cho họ Lê; trong thư đại ý nói rằng:
- "Bỉ nhân trộm nghe đại danh hai công tử đã lâu, thường ao ước được phen tương ngộ. Đấng hào kiệt tất phải lấy nghĩa xử nhân; bực anh hùng lẽ đâu chẳng lấy ân xử với người trí thức? Từng mảng nghe hai túc hạ là người khoáng đạt, có chí cao xa; vậy nên bỉ nhân đây, cơm Mạnh Thường mong đãi khách hiền lương, vàng Trịnh Bá rắp tặng người tuấn kiệt. Bằng hai túc hạ sẵn lòng giúp bỉ nhân cho hùm thiêng thêm cánh, thì ngoài giữ chân tay, trong làm lòng dạ, chúng ta tuy Nguyễn Lê khác họ, rồi sẽ như Hồ Việt một nhà; nghĩa vườn đào rạng tiếng khách ngàn xưa, chúng ta hà chẳng, biết noi theo để cùng gây dựng sự nghiệp?... Xin hai công tử xét cho lòng thành thực này chớ có từ nan: được như thế, bỉ nhân sẽ lấy làm vạn hạnh!"
Hai anh em Lê Mạnh Khôi và Lê Trọng Việt được thư ấy vội vàng trả lời cho sứ giả đem về. Trong tờ phúc đáp, lời lẽ ngọt ngào khiêm tốn; hai cậu ấm tỏ ý rất ân hận, không thể cùng Nguyễn Quán cộng tác được, viện cớ rằng mẹ già vợ dại, lại "tông đường chút chửa cam lòng" nên không thể dứt tình bỏ cửa nhà vào núi để đeo roi cắp kiếm theo hầu dưới tướng Nguyễn Quán được. Vậy xin ông chủ tướng kia hãy tìm những người phò tá khác. Vả chăng, hai anh em lại tự lượng mình không có tài cán gì, không có thao lược gì để giúp cho Nguyễn gây dựng nên cơ đồ lộng lẫy cả. Muốn cho Nguyễn khỏi bị thất vọng về sau, chi bằng ngay lúc đầu tiên, đừng để cho nhau tưởng tượng quá sâu xa những công cuộc vĩ đại hay về một cuộc hiệp tác hão huyền.
Hai cậu ấm Lê tuy đối phó một cách quyết liệt với sự mời mọc của tên đầu đảng cướp, nhưng bề ngoài

vẫn dùng lời lẽ thanh tao lịch sự, không ai bắt bẻ nổi hoặc giận dỗi vào đâu được.
Tưởng như thế tức là yên câu chuyện, không xảy ra điều gì rắc rối, khó khăn; ai ngờ đâu vì mảnh thơ vô tình kia hai anh em bỗng lâm vào một tình thế gian nan, càng ngày càng nguy hiểm, không tài nào gỡ thoát…
Ở một làng cách núi Gôi chừng hai ba mươi dặm, một đêm kia bỗng xảy ra một vụ cướp to. Quân cướp đề phòng không được cẩn mật, để mưu kế chúng bị bại lộ, khiến quan quân biết trước, đến mai phục chung quanh nhà chủ và căng lưới sẵn sàng để dụ cường đạo vào trong. Quả nhiên sau một trận xung đột kịch liệt, mười lăm tên gian phi bị thương chịu cho quan quân trói lại, mười hai tên khác thì tử trận, duy có tên đầu đảng và một ít lâu la trốn thoát được mà thôi. Hỏi ra mới biết tay chủ tướng khôn ngoan ấy chính là Nguyễn Quán. Y sở dĩ tẩu thoát được, một là vì có súng, hai là nhờ bốn tay thị vệ hết sức xông xáo che chở hộ y. Trong bốn tên ấy, ba tên bỏ mạng trong trường xung đột; đứa thứ tư thì bị bắt vì mang một vết thương trầm trọng giữa đùi. Cớ sao bốn thằng kiện nhi đó lại hy sinh tính mạng cho chủ một cách anh hùng như thế? Căn nguyên sự hy sinh này mới kỳ dị làm sao. Chính là bức thư Nguyễn Quán đã viết cho hai anh em họ Lê đó. Vốn từ lâu, Nguyễn Quán vẫn có ý phàn nàn về những tay hầu cận mình không được giỏi, bởi thế mới viết thư dụ dỗ hai anh em họ Lê vào phe đảng giúp mình. Bốn tên hầu cận bị chủ tướng khinh rẻ, lấy làm căm tức ngấm ngầm trong lòng, nên kịp khi lâm sự, chúng mới hết sức trổ tài, thi nhau che gươm đỡ đạn cho Quán, để tỏ rằng nghệ thuật của chúng nào kém gì tài cán hai gã họ Lê. Ngờ đâu vì hăng hái quá, chúng đều bị những miếng đòn độc ác của quan quân mà chết, chỉ còn mỗi đứa sống thì rồi cũng bị què và tàn tật suốt đời! Cái kết quả của một sự tức giận nhất thời nó là như thế. Kết quả ấy cùng chua cay thê thảm bao nhiêu, nó càng làm cho tên kiện nhi sống sót nghĩ thương tiếc anh em đồng đảng, bực tức số phận hẩm hiu mà thâm thù thâm oán hai anh em Khôi, Việt bấy nhiêu.
Bởi thế, khi bị giải về dinh Án sát để lấy khẩu cung, tên gian tặc ấy không ngập ngừng gì cả, khai ngay rằng muốn bắt được Nguyễn Quán, cứ việc đem tra tấn hai chàng thiếu niên võ sĩ đã giúp ngầm y trong các cuộc cướp của đốt nhà. Hai thiếu niên đó là con quan lãnh Bắc Ninh: Lê Mạnh Khôi và Lê Trọng Việt…
Tai nạn nhà họ Lê bắt đầu từ buổi ấy; đương lúc cả nhà chung hưởng hạnh phúc thái bình vui vẻ, hai anh em bị bắt đem đi, ngơ ngác không hiểu vì sao lại xảy ra cơ sự lạ lùng như vậy. Lê Mẫu khủng hoảng lo lắng, bỏ ăn bỏ ngủ; Oanh Cơ thì khóc lóc suốt ngày. Về phần Nguyễn Tiêu, cháu Oanh Cơ, sau khi hai công tử bị giải lên tỉnh rồi tống lao, chàng bèn vội vã thu xếp hành lý theo lên Nam Định để đem cơm nước quà bánh cho hai người bị nạn và dò la tin tức thế nào.
Việt và Khôi bị bắt vừa được hai ngày thì sáng hôm thứ ba, các quan trên tỉnh về khám nhà họ Lê ở tại núi Gôi. Trong cuộc khám xét, chẳng bắt được giấy má gì quan trọng cả, duy chỉ tìm ra được bức thư của Nguyễn Quán mà thôi. Thầy thư ký thông ngôn theo quan Chánh Cẩm đến khám nhà Oanh Cơ, thấy nàng thùy mị dịu dàng, cứ chòng chọc ngắm nhìn nàng mãi, khiến nàng phải sượng sùng e ngại, cúu gằm mặt xuống, không dám ngửng đầu lên. "Gái một con, trông mòn con mắt", gia dĩ nàng Oanh lại có sắc đẹp tự nhiên vẹn vẽ, hóa nên thầy Thông Ngôn càng say đắm si mê, thầy tiến đến bên cạnh nàng, lộ ra vẻ hiền từ phúc hậu bảo nàng rằng:
- Bà chớ lo! Tôi xin tình nguyện làm giấy má hộ bà, để bà đầu đơn khiếu nại cùng Nhà nước!
Oanh Cơ tưởng đấy chỉ là lời nói đãi bôi cho đẹp chuyện ai ngờ thầy Thông nói sao làm vậy, ngày hôm sau vội đến nhà họ Lê thảo các đơn từ tử tế rồi đọc cho Oanh Cơ và Lê Mẫu nghe. Xong thầy xin hai mẹ con ký tên vào đơn rồi đệ trình lên quan Án. Khi thầy Thông ra về, hai mẹ con Oanh Cơ cảm chút tình săn sóc đến người có nạn, nên đem gạo tiền ra tiễn, song thầy Thông một mực từ chối, nhất định thế nào cũng không nhận.
Cách đấy ít lâu, chẳng biết Tòa Xử và tuyên án ra làm sao, chỉ rõ ngày 26 tháng 3, đầu giờ Mão, anh em công tử họ Lê bị điệu về núi Gôi, tró vào hai chiếc cọc đóng thấp ở một sườn đồi. Mười hai tên đạo tặc đồng đảng với Nguyễn Quán cũng bị trói như thế chung quanh mình hai cậu ấm.
Trên sườn đồi, trước mặt lũ tội nhân, nền đất bị san phẳng để dựng một cái rạp lớn, chung quanh có tinh kỳ đỏ ối, gươm giáo sáng quắc, tàn quạt uy nghi. Trong rạp, trên một chiếc ghế bành, đằng trước có bày hương án, một ông quan áo mũ chỉnh tề, cân đai bối tử trịnh trọng, ngồi chễm chệ uy nghi, sắc mặt nghiêm nghị đượm vẻ sát khí lạnh lùng. Diện mạo cứng cỏi đó thực là hợp với vẻ long trọng thê thảm của pháp trường. Bên mình Giám trảm quan

có các viên bộ hạ, các lính tráng theo hầu và một bộ đàn sáo bát âm. Hai bên trước của rạp, một bên là giá trống cái một bên là giá chiên đồng; hai tên lính mặc quần áo chẽn vàng nẹp đỏ, chân thắt xà cạp điều, cầm dùi đứng chực sẵn.
Trong hoàn cảnh lạ lùng nghiêm nghị ấy bỗng thấy một người đàn bà khóc sướt mướt như mưa như gió, vừa thất thểu tiến đến. Thiếu phụ đó mặc đồ sô gai trắng, bỏ tóc xõa, đội mũ mấn che lấp cả mặt mũi cho nên không ai nhận rõ được dung mạo nàng. Nàng bồng một đứa con thơ, rẽ đám người đi xăm xăm vào tận giữa pháp trường, tới gần một tội nhân nâng đứa hài nhi cho anh ta hôn; đoạn, phủ phục dưới chân anh ta khóc nức nở, nói không ra tiếng. Phạm nhân đó nào phải ai xa lạ, chính là công tử Lê Trọng Việt, mà thiếu phụ kia là nàng Oanh Cơ. Nàng Oanh Cơ ngồi xệp xuống đất, bên cạnh chồng, ruột gan quằn quại như dứt ra từng đoạn một; cảnh sinh ly tử biệt, tự nhiên đến hủy hoại gia đình êm thắm nhà nàng, nó tàn ác quá, đau đớn quá, khiến nàng không còn tâm hồn nào nữa, không còn đủ tri giác và tinh thần sáng suốt để tìm ra một lời lẽ gì thống thiết khóc chồng và từ giã anh chồng. Nàng cứ quỳ mọp dưới đất. Cậu ấm hai, trông thấy vợ con lòng cũng tan tác, không hề cầm được nước mắt. Nhưng đã đến trường hợp này, cậu đành phải cúi đầu nhẫn nhục trước sắc lệnh cay nghiệt của định số, thốn thức bảo vợ rằng:
- Em khá mau về đi, đừng ở chốn rơi thịt đổ máu này làm gì! Ngaỳ nay anh sở dĩ đương tuổi thanh niên mà bỏ vợ con, chịu bất đắc kỳ tử một cách thảm thiết thế này, chẳng qua chỉ vì tiền oan nghiệp trái đó mà thôi, có cưỡng cũng vô ích! Thân phụ chúng ta, xưa xông pha trong vòng khói lửa, chém giết tàn sát cũng nhiều, các oan hồn bởi thế mới theo dõi dòng họ nhà ta mà trả thù, báo oán. Đến lúc vận trong nhà suy bĩ, lại có cả hai con ma rừng thuở trước cũng hùa vào tác quái; mạng anh nghĩ cho kỹ, thực là khó nổi bảo toàn. Em còn nhớ câu chuyện ma rừng anh thuật lại em nghe trong cái đêm vắng ẻ, khi hai ta mới bắt đầu gặp gỡ nhau không? Thôi em, em hãy về đi! Anh sống khôn chết thiêng, sẽ theo dõi bóng em, phù hộ cho em mãi mãi! Em còn trẻ, có nhan sắc; đời em còn chan chứa hạnh phúc, em chớ nên nghĩ luôn đến kẻ khốn nạn này làm gì. Anh phúc mỏng đức bạc, không được cùng em thủy chung trọn nghĩa; một mai anh chết rồi em nên quên hẳn anh đi, chọn lấy một kẻ xứng đáng trao thân gửi phận, may ra sao này sẽ không đến nỗi khổ sở nghèo hèn. Còn như đối với anh, duyên số hai ta chỉ còn đến đây là đoạn tuyệt. Em đừng nên quá câu nệ, nghĩ vẫn vơ mà chịu thiệt thòi cả một đời xuân trẻ tốt tươi. Thôi, anh nói thế đủ rồi, em đứng dậy đi về đừng bịn rịn dùng dằng nữa.
Trọng Việt căn dặn vợ vừa xong, thì có một tốp lính vâng lịnh Giám Trảm Quan, cầm roi đến xô đuổi Oanh Cơ ra ngoài. Nàng bèn đặt phịch đứa con thơ xuống bãi cỏ, bỏ mặc nó khóc oe oe, thụp xuống lạy anh chồng hai lạy, rồi lạy chồng hai lạy vừa lạy vừa khóc lóc thảm thương. Đoạn nàng bế cháu lại hôn bác, nâng con cho hôn cha, rồi bồng nó lủi thủi bước ra khỏi vòng cấm địa của pháp trường. Nàng đi mới được vài bước đã nghe tiếng loa nổi dậy như một hiệu còi thảm thiết, bi ai, tiếp đến một tiếng trống trầm trầm và một tiếng chiêng lanh lảnh. Tùng! Bi ly! Nàng ngoái đầu lại, hốt nhiên hoa mắt choáng váng, ngã gục trên thảm cỏ.
Thì ra mỗi tiếng loa, tiếng trống, tiếng chiêng báo hiệu như thế là một mệnh lệnh khai đao. Đao phủ mặc áo chẽn đen, thắt dây lưng điều buộc thành tua ra phía tả múa may giữa đám tử tù, cứ mỗi lần nghe dứt tiếng chiêng sau cùng là hắn khoa thanh mã tấu đưa một linh hồn về chín suối...
Bãi chân đồi núi Gôi ngày nay chỉ còn là một cảnh hiền lành phẳng lặng, có ai hay nó đã làm sân khấu cho một tấn tuồng cực kỳ bi đát mà những vai đào kép bây giờ đều đã khuất, chỉ còn lại sự tích thương tâm của họ, hai mảnh hồn oanh phiêu diêu tán tụ, thỉnh thoảng lại hiện lên chốc lát để kỷ niệm lại cho đỡ tiếc cuộc đời trai trẻ đầy hy vọng, một sớm mai chẳng mai bị cắt đứt dưới lưỡi gươm tên đao phủ vô tình!
Hai cậu ấm chết rồi, chẳng bao lâu Lê Mẫu cũng buồn thảm mà chết theo; Oanh Cơ trước kia sống nghèo nàn cô độc, nay cũng lại sống nghèo nàn cô độc, cùng một đứa con thơ ấu và một đứa cháu vị thành niên. Bao nhiêu sản nghiệp trong nhà, lúc hai cậu ấm Lê bị tù tội đã đem bỏ cả lo lót, thậm chí bán cả ruộng vườn thế mà gỡ cũng không xong. Những đơn từ và mọi công việc chạy chọt, bởi cớ cậu Nguyễn Tiêu còn bé dại, nên nhờ ơn Thầy Thông Ngôn coi sóc hộ từ trước đến sau. Thầy Thông thực quả là người quý hóa. Giữa khi trong nhà lâm biến, thầy một lòng tình nguyện đến đỡ đần dù khó nhọc thế nào cũng chẳng từ nan. Những buổi lấy khẩu cung ở giữa tòa, thầy đã cố ý bênh vực che chở cho hai anh em họ Lê, song quan trên

nghiêm khắc quá, nên không tài gì làm giảm tội được chút nào. Kịp đến khi chồng và anh chồng nàng Oanh bị hành hình rồi, thầy lại tự đứng lên giúp đỡ mọi việc ma chay tống táng rất là tươm tất. Thấy cô cháu Oanh Cơ lâm thế quẫn, nghèo nàn chả có tý gì thầy nhiều phen giúp tiền, giúp gạo, đối với gia đình nhà nàng rõ ra một vị ân nhân hào hiệp. Thầy Thông không những chỉ phúc hậu, từ tâm thầy còn là người đứng đắn nghiêm trang nữa; trước mặt một quả phụ trẻ đẹp như Oanh Cơ, không hề bao giờ Thầy có một lời bờm xơm bợm bãi cả. Mãi đến khi nàng hết tang chồng đã hơn một năm, lúc bấy giờ thầy thấy gia đình nàng quẫn bách quá, mới sai mối lái lại hỏi nàng và đưa cho nàng một lá thơ đại ý như sau:

- "Tôi xem chừng cái thế bà không thể đứng một mình mãi, vì cứ thế, bà lấy kế gì mà sinh nhai và nuôi hai cháu còn thơ? Như bà không có lòng tục huyền thì thôi, tôi không dám nói. Còn nếu bà liệu phải bước đi bước nữa bởi tình thế bó buộc thì tôi có một lời này tâm sự mong bà rộng lượng xét cho. Tôi đây cũng góa vợ đã lâu, không có con; ở trong cảnh cô tịch quạnh hiu mãi, lấy làm buồn lắm. Chi bằng có sự này là lưỡng toàn hơn cả: chúng ta hợp nhau lại để gây dựng một gia đình tươi vui đầm ấm, tưởng những kẻ nơi chín suối cũng hiểu tình thế mà tha thứ cho ta. Bà nghĩ thế nào?

Thực ra Oanh Cơ cũng muốn thủ tiết với chồng cho trọn nghĩa ái ân và đền tấm ơn tri ngộ, nhưng trong buổi khốn khó này, nàng còn có con thơ phải nuôi nấng dạy dỗ nên người cho khỏi phụ lòng kẻ khuất. Nàng là một phụ nhân yếu đuối, không có gia tư điền sản, cũng không nghề nghiệp sinh nhai, chả lẽ cứ ỷ lại mãi vào lòng tốt của thầy Thông để cô cháu mẹ con được no thân lành áo? Vả lại, gian đình nàng thụ ơn của Thầy quá nặng nay cũng là một dịp để đền đáp chút ơn ấy. Bởi thế nàng nhận lời giá nghĩa cùng thầy, mong rằng sẽ có thể dựa vào thầy được để gây dựng cho đứa con gái bé nên người tử tế. Nàng có lấy thầy chăng nữa, cũng chỉ vì đứa con thơ dại và đứa cháu bé mà phải cải giá, chớ lòng nàng thì đã héo khô rồi, còn có ái tình đâu nữa! Ái tình của nàng nó đã theo cậu ấm Lê cùng xuống tuyền đài, nàng không thể một đời yêu đến hai lần, nếu người đó không phải chàng thứ tử họ Lê sống lại.

Đèo Ô Quý Hồ

Trên con đường ghập ghềnh từ Sapa qua Phong Thổ một đoàn khách dừng chân nghỉ giữa con đèo Ô Quý Hồ. Đoàn hành khách có mười hai người: một người đàn bà và một người con gái bé ngồi ghế đăng sơn, một người con trai cưỡi ngựa, còn bao nhiêu là phu khiêng ghế và tải đồ đạc.

Hỏi ra mới biết người đàn bà đó là bà Tri Châu Phong Thổ, chồng vừa ra đất ấy phóng nhậm được ít lâu nay. Đứa con gái bé là con bà, người con trai là cháu bà. Đoàn phu để chiếc ghế đăng sơn ở chỗ có bóng mát, rồi họ tản mác ngồi mỗi người ở một gốc cây để nghỉ chân dưỡng sức. Bà Tri Châu lúc bấy giờ giở tráp trầu ra ăn một miếng, trông bà có vẻ buồn rầu lo lắng, nhưng vẻ lo buồn không làm thế nào át được sắc đẹp dịu dàng sắc sảo của bà. Bà ăn mặc cực kỳ diễm dắn, nề nếp, không đeo lắm vàng ngọc, không đánh phấn thoa son; song càng ngắm bà càng thấy có duyên, càng bị say đắm vì đôi con mắt mơ mộng của bà, đôi mắt đăm đăm nhìn vào quãng chân trời xa thẳm.

Lúc ấy vào khoảng ba giờ chiều. Bóng nắng xê xế, trên đường rừng mát mẻ dễ chịu lắm. Người thiếu nên đi ngựa buộc con vật đỡ chân của chàng vào một góc cây, rồi đi dạo quanh quẩn ngắm nhìn vẻ đẹp lộng lẫy tươi thắm của ngàn nội. Tụi phu có vẻ mệt nhọc, vì họ đã tất tưởi cả ngày rồi, ai ai cũng nhân dịp lúc dừng chân mà quạt mồ hôi, và nghỉ ngơi cho lại sức. Họ để các rương hòm rải rác dọc đường, núi, rồi ngồi phanh ngực ra mà quạt, có người thì dựa vào gốc cây, vách đá mà lim dim ngủ, chả ai để ý đến chiếc đăng sơn để ngay sát rìa núi trước mặt bãi sậy rườm rà.

Bỗng đâu, một tiếng la to làm cho mọi người hoảng hốt đứng cả dậy, rồi đến tiếng khóc, rồi đến một lời kêu the thé vang lừng trong rừng sậy đưa ra:

- Cháu Tiêu ơi! Cháu nhớ lấy lời cô đó.

Xong, im bặt. Cả đoàn ùa lại mé đăng sơn. Cô bé con nằm chết ngất, ngẹo đầu dựa vào thành ghế, còn bà Tri Châu thì đã biến đi tự lúc nào rồi. Dưới đất, ngay chỗ đăng sơn, có vết bốn cái vuốt in sâu xuống cát. Đoàn phu nhận ra đó là dấu chân hổ. Thì ra bà Tri Châu đã bị hổ cắp tha đi.

Bà Tri Châu đó là Oanh Cơ. Ngày nay, theo đúng nghiệp số của nàng, nàng phải theo hai anh chị chết dưới vuốt thiêng của loài mãnh thú. Con hổ này rình nàng từ lâu lắm, nó định bắt nàng đi đã mấy năm nay rồi! Bởi gì chưa có dịp nào nên nó đành phải đợi sau khi bắt hụt nàng một phen ở mé Đồng Giao. Tra khảo anh chị nàng, nó biết nàng tất phải qua đèo Ô Quý Hồ vì theo chồng ra Phong Thổ. Nó phục trong bụi lau đợi nàng ở đó. Ngày giờ nàng đã

đến, số kiếp nàng đã tận, nàng đã bị nó nhảy ra ngặm chặt lấy lôi đi, giữa khi cháu nàng và các phu khiêng đều vô ý mỗi người chăm chú vào việc riêng của mình.
Đời Oanh Cơ thế là đoạn tuyệt; nàng vừa ra khỏi kịch trường mà nàng đã đóng một vai đào thương hết sức bi ai. Nhưng kỷ niệm của nàng mãi mãi vẫn không bị lu mờ trong lớp bể dâu; hình bóng nàng còn sống trong tâm hồn con nàng và cháu nàng.
Trước khi nhắm mắt lìa đời, nàng đã tìm ra được một bí mật: là chồng cũ nàng, Lê Trọng Việt không phải bị các quan tòa lầm lẫn bắt buộc vào tội chết, mà chính là kẻ thù đã thêu dệt đã bịa đặt ra nhiều chuyện để xui giục quan tòa hạ bút phê án tử hình. Kẻ thù ấy, độc địa thay lại là thầy Thông, người đã cùng nàng giá nghĩa sau này. Cậu Lê Trọng Việt chết được hơn một năm, nàng nghe lời đường mật của thầy cùng thầy kết bạn tâm giao. Sau khi về nhà thầy được ba năm thì thầy bổ đi Bắc Cạn, rồi được 2 năm nữa thầy thăng Tri Châu, lên phó nhậm ở Phong Thổ. Trong khi chung chạ, nàng nhận ra thầy Thông là người gian trá xảo quyệt, chỉ có vẻ ngoài niềm nở lịch sự, mà thực tình trong lòng chứa đầy các kế độc, mưu sâu, nàng nhận được rằng thầy là kẻ tham lam bôn tẩu, tìm cách hại nhân thắng kỷ, một là để ăn tiền cho giàu có, hai là để chóng cao thăng. Thầy đã làm cho bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu nhân vật điêu linh, thế mà không tỏ vẻ gì hối hận cả, lại còn đắc ý là đằng khác. Những giờ phút chăn gối, nàng cố ý gợi lại chuyện chồng cũ, than vãn sao kẻ kia vô tội mà đến nỗi bị quan trên ghép vào tội tử hình. Nghe nàng căn vặn thầy Thông cứ ầm ừ không trả lời; mãi lâu lắm, lâu lắm, một đêm mà trời đất lạnh lùng buồn tẻ, một đêm mà hoàn cảnh như gợi lòng người, thầy Thông mới khe khẽ rỉ tai nàng bằng một giọng trầm trầm, ngần ngại:
- Sở dĩ tôi yêu mợ quá, nên buộc lòng phải làm như thế! Đáng lý ra, anh em họ Lê không đến nỗi chết, chỉ phải tù tội mà thôi; tôi có nói thêm vào nên họ mới bị xử trảm. Song ngẫm ra đến ái tình là hết, tôi có ý thương mợ, nên mới gây ra tội ác ấy; không thì làm sao có ngày nay?
Từ khi nghe lời thú nhận của thầy Thông. Oanh Cơ coi thầy như con vật dữ, ngoài mặt nàng không lộ ra vẻ gì giận dỗi căm tức cả, nhưng trong lòng nàng chứa chất một khối oán hận tầy đình. Nàng oán thầy khẩu phật tâm xà, làm hại người ngay thẳng để quyến rũ vợ người ta mà vẫn nhởn nhơ vui vẻ, hình như không coi việc ác của mình là một sự xấu xa. Nàng trót đã lấy thầy, không lẽ giết thầy để rửa hận cho người đã thác; vả có giết thầy chăng nữa, cũng không đủ trả thù rửa oán; tội thầy đáng phải hình phạt thế nào cho thầy sống cũng như chết, ăn mất ngon, ngủ mất yên, đêm ngày tâm trí lo sợ, hối hận, hai mắt dở mù dở sáng, để thấy những cảnh mất đầu đổ máu tự tay thầy đã gây nên. Như thế, may ra mới xứng đáng. Nàng muốn tìm kế báo thù như thế, nhưng thời gian thấm thoát, nàng chưa tìm được kế gì. Có lắm lúc mối oán hận trong lòng như sóng nước chơi vơi, trần lên tới cổ, nàng muốn chém thầy ngay, đầu độc thầy ngay, song chợt nghĩ đến đứa con gái còn thơ, nàng lại nén dằn, giả bộ ra vẻ đềm đạm như thường, khiến thầy không nghi ngờ gì hết.
Để biết rõ ngày xưa thầy hành động thế nào, Oanh Cơ lần về Nam Định, đến tòa xứ, hỏi những người bạn của thầy Thông, nhờ họ cho xem tập hồ sơ của cái án cũ Lê Trọng Việt. Xem tập án ấy nàng mới hay lá đơn khiếu nại thầy đã làm hộ cho mẹ con nàng đại ý như sau:
"Chúng tôi là Bùi Thị Lan, vợ góa của quan nguyên Lãnh binh Lê văn Khúc, và Nguyễn Oan Cơ, nàng dâu thứ hai của vị cựu quan ấy, cúi đầu thành khẩn kính xin các Quan Tòa đèn trời soi xét trông lại cho chúng con nhờ.
Nguyên hai tên Lê Mạnh Khôi và Lê Trọng Việt tức là con, anh chồng và chồng chúng con, gần đây lại can phạm vào vụ cướp ở Làng Ngọc Chính Hạ. Tên đầu đảng bọn cướp đó là Nguyễn Quán, có rủ rê người nhà chúng con làm việc phạm pháp; người nhà chúng con trót dại giúp đỡ quan phản nghịch, nhưng cúi xin các quan thương cho mà đừng bắt tội, bởi lẽ, nếu hai anh em Khôi và Việt bị tội, thì họ Lê chúng con sẽ tuyệt tự. Khôi và Việt còn mẹ già năm nay đã ngoài 50 lại có vợ dại con thơ, không biết nương tựa vào đâu, tình cảnh thực là bi thiết, cúi xin các quan mở lượng hải hà, hết sức che chở bao dung cho, chúng con sẽ ngậm vành kết cỏ, đội ơn các quan lớn vạn bội."
Một lá đơn như thế, có bao giờ hai mẹ con nàng Oanh chịu ký tên ở dưới, nếu thầy Thông không đọc trái đi một cách khác, bảo rằng hai cậu ấm Lê không từng vào phe với đảng cướp bao giờ. Cứ theo lá đơn này, thì rõ ràng là, nàng Oanh Cơ và mẹ chồng nàng đã nhận rằng hai cậu ấm có đi ăn cướp thật, và kêu xin quan tòa ra tay tế độ, mở đường hiếu sinh cho. Nàng Oanh xem đến đấy, khí giận

bốc lên ngùn ngụt nàng phải rút khăn lau mồ hôi trán đến bốn năm lần. Nàng lại giở xem nữa. Đến đoạn lấy khẩu cung, của anh em Khôni, Việt mà chính thầy Thông hồi ấy đã dịch cho các quan tòa nghe, như sau này:
"Chúng tôi vì có điều tức giận nên đi theo đảng cướp. Nay đã làm nên tội, chúng tôi không hối hận gì cả!"
Trời ơi! Có lẽ nào anh chồng và chồng nàng lại điên cuồng ngộ dại mà khai như vậy? Thực tình họ có đi theo đảng cướp bao giờ! Con người độc địa sâu cay làm sao! Thế mà ngoài mặt vẫn đạo mạo nghiêm trang, ai nào dám bảo là một kẻ giết người không đao kiếm.
Sau khi ở Nam Định về Oanh Cơ viện hết lẽ này đến lẽ khác, không hề chung chạ gối chăn với thầy Thông nữa. Cho mãi tới ngày thầy được giấy quan trên cho thăng chức Tri Châu, và bổ đi Phong Thổ. Thầy đi trước, chỉ đem một ít hành lý, dặn nàng ở lại Bắc Cạn rồi đem người nhà và đồ đạc theo sau. Trước khi lên đường, không hiểu tại sao nàng cảm thấy một sự gì buồn buồn khó tả, tựa hồ báo trước cho nàng biết, nàng sắp gặp những tai nạn bất ngờ. Rửa mặt, nàng ngửi thấy nước có mùi tanh; ra cửa nàng bị vấp suýt ngã; rồi lại có con chó vàng đến kéo áo như muốn lôi nàng trở lại... Thực là những điềm quái dị vô cùng. Nàng bèn thảo một phong thư di chúc trao cho cháu Nguyễn Tiêu; đoạn, nàng bày tỏ nỗi oán hận của mình cho cháu rõ và bảo chàng rằng:
- Cháu chịu khó giữ lấy thư này cho kín đáo cẩn thận lắm mới được! Khi nào em Quyên (con gái nàng) đýng 18 tuổi, bấy giờ cháu mới kể lại sự tích cha nó thế nào cho nó nghe. Và cháu sẽ bảo nó theo đúng lời cô mà báo thù. Báo thế nào cho kẻ kia phải điêu linh, khổ sở, còn cũng như mất chớ đừng giết hại nó làm gì! Bởi giết nó, tức là gia ân cho nó đấy. Đi chuyến này, cô cảm thấy mệnh số cô hình như sắp hết; cô cháu ta sẽ cùng nhau vĩnh quyết nay mai. Trên đời này, cô không còn ai họ hàng thân thích cả, chỉ có cháu và em Quyên. Cô thường vẫn thương cháu như con, vậy một mai cô có mệnh hệ nào, cháu sẽ nghĩ tình tận lực giúp em cho nó trả được thù ấy. Đó là cháu đáp nghĩa cho cô đấy!
Nỗi lo ngại của nàng Oanh Cơ quả nhiên thành sự thật. Nàng bỏ con thơ cháu bé ở lại với cuộc đời tàn ác, để một mình lánh sang cõi thế bên kia.
Câu chuyện sự tích nàng Oanh đến đây là dứt.
Từ ngày nàng bị hổ tha vào rừng, thì cứ những đêm mưa gió bấc, những đêm u ám không trăng, trên quãng đèo Ô Quý Hồ lại văng vẳng có giọng đờn ca não ruột, ai bạo gan xông xáo trong đêm khuya rừng vắng, thì thấy ba cái bóng ma ngồi đàn hát cho một con cọp lớn ngồi nghe. Quái trạng đó hiện chán ở đèo Quý Hồ thì lại quay về hiện ở Đồng Giao. Ở đây, cũng như ở kia, chỉ là do một gốc tích mà xảy ra tình trạng ghê rợn ấy. Nàng Oanh thác rồi, 15 năm sau, con gái nàng mới thay nàng báo thù cho cha là Lê Trọng Việt. Câu chuyện báo thù ấy, lại là một vấn đề khác, nó dài dòng lắm, và nó ly kỳ rùng rợn chẳng kém gì câu chuyện của Oanh Cơ. Con người độc nhất vô nhị được rõ nguồn gốc và kết quả sự báo thù ấy là tôi, bởi lẽ tình cờ và duyên số đã khiến tôi đóng một vai thụ động trong tấn kịch thương tâm chua xót ấy. Mà cũng vì có chân trong kịch, nên tâm tôi bị đeo một vết đau đớn thấm thía đến nay quá bốn mươi tuổi rồi, cũng vẫn chưa nguôi... Nhưng mà... Mai kia khi đến Sapa, trong những giờ phút rãnh rỗi tôi sẽ dần dần thuật lại để ông thưởng thức!...
Cụ Trần Công Chất nói đến đây, ngừng lại, tôi nhìn qua cửa sổ trong phòng thấy áng sáng mờ mờ đang xuyên qua luồng kính...
Viết xong tại phố Nghĩa Địa Tây, ngày mùng bảy tháng tư năm Canh Thìn, tức là ngày 23-5-1940 âm lịch.

Người con gái tỉnh Bắc (Phạm Cao Củng)

Vũ đến trọ học ở hàng cơm bà cụ Đỗ đã ba tháng rồi. Nhà chật chội, mái lợp tôn, nên mùa hè rất nóng nực. Nhưng Vũ không muốn tìm chỗ trọ khác, bởi bà cụ Đỗ tính giá rẻ, phần vì mọi việc trong nhà, cụ làm lấy, ít phải thuê mượn, phần vì chính gian nhà ấy, cụ cũng không phải mất tiền thuê.

Bà cụ Đỗ hồi cư rất sớm, thấy gian nhà bị chiến tranh tàn phá, chỉ còn trơ lại hai bức tường và một gian gác xép đằng sau, nên dựng mái tạm trú. Mãi, chủ nhà chưa thấy về, nên cụ yên chí ở, tưởng chừng như đất của mình.

Gian gác xép ấy bỏ không. Có lẽ vì thấy có nhiều chiếc rầm gỗ bị cháy xém, sắp rơi, trần lại nhiều chỗ nứt lở, nên chẳng ai dại gì hứng lấy tai nạn. Mùa hè đến, cùng với những kỳ thị Vũ cần phải học nhiều lắm, nhưng không được như ý. Nhà chật chội quá. Khách ăn hàng lại thường đông, ăn uống bi bô rầm rĩ.

Hơn nữa, mái tôn càng làm nắng hè gay gắt. Bởi

vậy, Vũ đã nghĩ nhiều đến gian gác xép bỏ hoang ấy Một chiều chủ nhật, Vũ mượn được thang, dựng trèo lên xem. Gác tuy bỏ hoang nhưng không đến nỗi bẩn quá. Sàn vẫn còn nguyên vẹn, chỉ có nhiều bụi cát, cùng một ít vôi vữa long trên trần xuống.

Tường cũng còn khá sạch. Riêng các cánh cửa đều đã mất hết. Gió bên ngoài lùa vào mát rượi Vũ suy tính nếu mình quét dọn qua loa, mỗi buổi tối, trèo lên gác xép này, thắp nến mà học rồi giải (trải) chiếu ngủ thì tốt quá. Vừa yên tĩnh, vừa mát mẻ.

Cẩn thận Vũ hỏi qua bà cụ thì được ưng thuận ngay, bà chỉ dặn thêm rằng:

- Nhưng cậu phải coi chừng, nhà cửa ọp ẹp lắm, khéo mà?oan giả.

Ngay buổi chiều, Vũ hì hục quét dọn. Gió lùa vào mát rợi Gian gác bỏ hoang đã được Vũ đặt cho cái tên văn vẻ:?Nghênh Phong Các. Mấy chồng sách, vừa để học, vừa để gối đầu, một ngọn nến, một manh chiếu, đó là tất cả đồ đạc trần thiết trong căn gái?đón gió? này

Tối đến, Vũ sung sướng trèo lên gác của mình. Lại rút luôn thang lên theo, vì e ngại mấy ông Tổng, Xã rượu say rồi lên phá quấy

Thật là tĩnh-mịch. Tiếng huyên áo trong hàng cơm vắng xa hẳn; bên ngọn lửa nến lập lòe Vũ yên chí học.

Nhưng chưa ôn bài được mấy lần, Vũ đã thiu thiu ngủ gục. Cho đến lúc tiếng chuông đồng hồ nhà thờ dóng dả, Vũ mới choàng mở mắt. Trời bạch nhật, có lẽ đã sáu giờ sáng. Cây nến cháy đến gốc còn lưu lại vũng nến đọng. Cuốn sách đêm trước vẫn còn mở ở trang học dở.

Vũ bực mình quá, vì thường rất tỉnh táo, có khuya, mệt thì đi ngủ, chứ không bao giờ ngủ gục như vậy

Vũ cho đó là vì gác mát mẻ quá lại yên tĩnh nên dễ làm cho người ta chợp mắt.

Đêm hôm sau, Vũ đề phòng cẩn thận. Ăn cơm xong, Vũ uống một cốc cà phê thật đặc. Lại mang lên theo một bao thuốc lá nữa Gió lùa mát rợi Tiếng cười nói văng vẳng xa...

Dưới ánh nến, chập chờn theo gió, Vũ ngồi chăm chú học, nhưng không hơn gì đêm trước chốc lát đã thiu thiu buồn ngủ. Sực nhớ, Vũ với tay cầm lấy bao thuốc lá. Nhưng lại nghĩ: Hãy cố dùng nghị lực chống chọi đã, cùng lắm hãy nhờ đến thuốc lá, dùng ngay e sẽ thành thói quen. Và Vũ không bóc bao thuốc vội, để bao lên chồng sách.

Nhưng chỉ một lát sau, Vũ đã ngủ gục, cho tới khi tỉnh dậy thì đã thấy cây nến hao quá nửa Vũ giận mình vô cùng.

Vũ nhất định lấy thuốc lá để chống lại cơn buồn ngủ lạ lùng. Nhưng bao thuốc lúc nãy để trên chồng sách đã không thấy nữa Có lẽ khi ngả lưng xuống, tôi đã quơ tay làm rơi bao thuốc chăng. Vũ bèn nhìn quanh và quả nhiên thấy bao thuốc lá ở ngay sau lưng mình. Nhưng lạ thay bao thuốc lá đã bị bốc ra tự bao giờ. Một điếu thuốc lại kéo lùi ra khỏi bao chút ít như sẵn sàng mời Vũ hút.

Vũ dụi con mắt, kinh ngạc! Chàng cố nhớ lại, và đinh ninh quả quyết lúc trước chàng chưa hề bóc bao thuốc mà chỉ để bao nguyên lên trên chồng sách. Vừa suy nghĩ Vũ vừa rút điếu thuốc ra ngậm lên môi Ngay phía sau Vũ, bỗng một que diêm xòe lên. Một bàn tay nhỏ nhắn, mềm mại, đưa que lửa mời Vũ châm thuốc.

Vũ hoảng hốt nhìn lại Và thấy đó là một nữ lang rất đẹp, tuổi khoảng 16, 17, có vẻ như một nữ học sinh.

Vũ liếc mắt nhìn cái thang tre, thấy vẫn còn để nằm yên chỗ chân tường.

Nữ lang mỉm cười và nhắc:

- Anh châm thuốc.

Tiếng nói nhẹ nhàng như gió thụ Vũ ngập ngừng mãi mới thốt ra lời:

- Cô, cô đến đây? Đêm khuya...

Nữ lang ngắt lời:

- Nhà em ở gần đây Nhân nhìn qua cửa sổ, thấy cây nến bị anh quờ tay đổ nghiêng, nên vào dựng lại Vừa toan quay về, thì anh chợt tỉnh...

Vũ nhìn lại, quả nhiên thấy trên mặt chiếu, có vết sáp nến loang. Nếu vậy, không có nữ lang, lửa nến có thể bén dần qua chồng sách! Nhưng Vũ vẫn tò mò muốn biết:

- Xin cảm ơn cộ Nhưng cô là...

Nữ lang mỉm cười:

- Em tên là Ngọc Bách, nhà ở cạnh đây... Nhân đêm khuya, trằn trọc không ngủ được, thấy gian gác này trước bỏ không, nay có ánh lửa và bóng người, nên tò mò nhìn vào... anh tha lỗi cho em nhé!

Vũ hỏi tiếp:

- Nhưng cô làm cách nào mà vào đây được?

Nàng mỉm cười:

- Anh không nên hỏi nhiệu Em là phận gái, lại chưa hề quen anh bao giờ, nên đột ngột đến đây, thực quá ư trơ trẽn... Chính vì vậy mà em không muốn nói rõ, anh biết nhiều để làm chị Ngừng một lát, nàng lại tiếp:

- Chúng ta quả là tình cờ gặp gỡ, thời gian họp mặt chưa thể biết dài ngắn ra sao Vậy tốt hơn hết là chúng a cứ vui khi chùng nhau gần gũị

Vừa nói xong, nàng đến ngồi xuống chiếu, sát bên cạnh Vũ. Vốn tính người đứng đắn, Vũ nghiêm sắc mặt nói:

- Trai gái gặp gỡ đêm khuya, là một sự chẳng hay Hơn nữa, cô và tôi lại chưa hề quen biết bao giờ. Vã lại, tôi đang cần yên tĩnh để học vì kỳ thi đã tới nơi... Nếu cô có lòng mến, xin để trưa mai, tôi có thì giờ rỗi rãi, tôi sẽ tiếng chuyện với cô.

Nữ lang làm ra bộ hờn dỗi Nàng đứng dậy, liếc nhìn chồng sách trên chiếu cười nhạt:

- Có lẽ anh tưởng chỉ có anh là học thôi ư? Và anh tưởng những?hình học không gian? những?phân tích hóa học? kia của anh là ghê gớm lắm rồi saỏ Có lẽ vì thế nên anh mới dám đem so sánh giữa Học với Tình!

Vũ sốt ruột:

- Cô muốn tranh luận gì, xin cũng hãy để đến trưa mai!

Nữ lang không nói gì hơn nữa, quay ngoắt đị Vũ xiết nỗi ngạc nhiên, khi thấy nàng không xuống lối cầu thang, mà lại vượt qua cửa sổ.

Gió đêm khuya càng thêm lạnh lẽọ Vũ bất chợt thấy rùng mình nhưng được cái không buồn ngủ nữạ Đêm ấy chàng học được kỹ càng cho đến ba giờ sáng mới dọn dẹp đi ngủ.

Hôm sau, lúc đi học về, ngồi ăn cơm, Vũ lại lựa lời hỏi bà cụ Đỗ. Nhưng bà cụ cho biết hai bên hàng xóm không hề có một thiếu nữ nàọ Và cả quanh đây không có cô con gái nào tên là Ngọc Bách giống như hình dáng của lời Vũ tả. Vũ ngạc nhiên nhưng chưa nói rõ sự thực ý muốn đợi xem trưa nay, người con gái kỳ dị ấy có đến gặp mình như lời đã yêu cầu không. Nhưng không thấy đến.

Buổi tới hôm ấy, Vũ lại lên căn gác của mình ngồi học. Chàng lại thấy thiu thiu buồn ngủ, khi gió mát lùa vào Tuy vậy, chàng đã biết trước việc xảy ra, nên ung dung lấy thuốc lá châm hút. Rồi ngồi đợị

Quả nhiên, chốc lát thấy Ngọc Bách đến. Lần này, Vũ thấy rõ ràng nàng do lối cửa sổ mà bước vào, nhẹ nhàng như một cái bóng.

Ra chiều thân mật, Ngọc Bách ngồi ngay xuống cạnh Vũ. Rồi lã lơi trách:

- Em hôm nay lại hơi muộn, anh có giận không?

Vũ lặng thinh không nói, chỉ lấy sách vở ra học. Nàng lại nhìn chăm chăm vào mặt Vũ rồi tiếp:

- Có lẽ không giận nhưng ý chừng cũng mong đợi lắm thì phải

Vũ thẳng lời cự:

- Hôm qua tôi đã nói với cô rằng tôi bận học thi không tiện tiếp chuyện. Tôi đã hẹn buổi trưa, muốn nói năng gì, sao cô không lại

Ngọc Bách ra vẻ phụng phịu:

- Anh tưởng con gái muốn gặp đàn ông một cách tự nhiên lúc nào cũng được hay saỏ Anh không sợ người ta trông thấy dị nghị ư? Về phần em thì không ngại, nhưng lo cho anh bị người chế riễu

Vũ lắc đầu:

- Tôi không sợ. Việc làm đàng hoàng, chẳng sợ ai cười hết, mặc cho có người ngờ vực, nhưng lòng mình thẳng thắn thì dư luận sai lạc ấy tôi cũng chẳng quan tâm. Tôi ngại là ngại sự đêm hôm khuya khoắt cô lại đây, nguyên một sự gặp gỡ ấy cũng đã là bất chính rồị Vậy mong từ sau, cô đừng đến đây nữa, muốn hỏi gì xin đợi ban ngày

Ngọc Bách rưng rưng ngồi khóc. Một lát sau mới nói:

- Em biết khi người con gái tự tìm đến gặp người con trai, bao giờ cũng bị khinh rẻ. Nhưng em dám đường đột, chẳng qua là tưởng anh khoáng đạt, không chấp nê những nhỏ nhặt thường tình. Không ngờ anh cũng chẳng hơn gì người khác...

Vừa nói nàng vừa gục xuống gối Vũ mà khóc nức nở.

Nhưng Vũ gạt ra, nghiêm giọng bảo:

- Những lời tôi nói đã đầy đủ. Cô nên hiểu biết và đừng quấy rầy thêm nữa!

Rồi quay sang phía khác mà ngồi học lớn tiếng làm như không có ai ở cạnh mình.

Ngọc Bích vùng đứng dậy Nàng biến sắc, nói:

- Số anh sắp chết đến nơi, ta thương tình đến cứụ Lại không biết thân, còn làm ra bộ kiêu kỳ, vậy hãy coi chừng.

Nói rồi, bước ra cửa sổ biến mất.

Vũ vừa ngạc nhiên vừa bâng khuâng. Chàng không hiểu người con gái ấy là ai, ma quái chăng, người thực chăng? Trước lời dọa nạt kia chàng không sợ. Những cảnh chinh chiến đã làm cho Vũ tin tưởng ở số mệnh. Sống, chết, chẳng phải là những thứ có thể tìm, hoặc tránh được dễ dàng...

Vũ vừa toan gác bỏ những ý nghĩ vẩn vơ ấy để chuyên tâm ngồi học, thì chợt cơn gió mạnh từ đâu ào ào tới làm cho ngọn nến tắt phụt. Vũ định sờ lấy bao diêm châm, nhưng không thấy Gió như lạnh hơn lúc trước, làm cho Vũ chợ rùng mình. Ngoài

trời không đến nỗi tối lắm. Những lùm cây rung động như những bóng đen hình dáng to lớn lạ kỳ...

Giữa khung cửa sổ, Vũ bỗng thấy hiện ra một bộ xương người trắng xóa, dập dờn đi lại

Vũ biết lời dọa nạt của người con gái kỳ dị đã thực hiện. Đã suy nghĩ từ trước, nên Vũ không lấy làm kinh hoảng. Bộ xương ấy bước vào, tiến đến trước mặt Vũ. Cái đầu nhe bộ răng trắng nhởn nhơ cười một cách rùng rợn.

Vũ ráng bình tĩnh, vẫn cứ ngồi yên giả bộ học.

Thoáng cái, bộ xương đã biến đâu mất. Vũ cười thầm:

- Mi dọa ai thì được, chớ dọa ta sao nổi

Chưa dứt lời, một thanh xương tay bỗng từ trên treần nhà rơi xuống, ngay trước mặt Vũ. Tiếp đó, là thanh xương mỗi chốc thêm nhiều, đến mấy chiếc xương sườn... Thấy đống xương mỗi chốc thêm nhiều, lù lù trước mặt... sẵn lọ mực trên bàn Vũ cầm luôn ném vào bộ xương. Mực đổ tung tóe, bộ xương vụt biến mất.

Vũ tưởng vậy là yên. Không ngờ Ngọc Bách lại hiện ra đứng cạnh chàng, nghiêm giọng trách:

- Anh thực là tệ! Lại là người đã hấp thụ văn minh Tây Âu, sao không biết quý người phái yếủ

Vũ thẳng lời, cự lại:

- Người ta chỉ có thể lịch sự đối với người lịch sự! Quấy rầy làm mất tự do của kẻ khác, đó có phải là cách cư xư của hạng người có giáo dục hay không?

Nữ lang không nói lại được, tần ngần đứng lặng người, chốc lát mới thở dài Vũ thấy sắc mặt nàng vô cùng buồn thảm, cũng động lòng, hỏi:

- Cô là ai, xin nói thật: Nếu còn giấu diếm ta không bao giờ muốn nói chuyện.

Ngọc Bách hỏi lại:

- Nói thiệt liệu anh có khỏi sợ hay không?

Vũ cười:

- Hỏi thế là thừa, nếu là kẻ nhút nhác thì ngay từ đêm trước tôi đã không dám lên căn gác này ngồi mà học nữạ

Nữ lang gật đầu:

- Chính đó là một điều mà em lấy làm kính phục. Em không phải là người, chính là mạ

Vũ thản nhiên:

- Tôi cũng đã đoán biết ngay

Rồi Vũ lại nói:

- Thường thường tôi nghe thấy nói đến oan hồn, song chưa tin là thực; hồn ma còn ẩn hiện lẩn quất nơi đây, ý hẳn cũng có điều oan khuất chứ chẳng không?

Ngọc Bách rơm rướm nước mắt, thưa:

- Sự đời man mác những nỗi oan khiêng nhiều không kể xiết, nhất là trong thời chiến tranh ly loạn này, chẳng phải là trường hợp riêng em. Có điều kẻ chết đi, dù sao cũng mong nắm xương tàn được vùi sâu, chôn chặt, thế mà em thì bộc lộ, gián nhấm, chuột gậm, thê thảm vô cùng...

Vũ thấy nàng từ nãy giờ vẫn đứng trước mặt mình, chớ không dám suồng sã như trước, nên dịu dàng bảo:

- Dù sao nữa cũng xin mời cô ngồi xuống đây Theo luân lý Khổng Mạnh, trai gái?bất tương thân?, nhưng thiển nghĩ: đã là âm dương cách biệt, thì hai thế giới khác nhau, chúng ta là ngay thẳng nói chuyện, tất cũng không ai chê trách vào đâu được!

Nữ lang bùi ngùi nói:

- Nghe lời anh, em chợ nhớ đến ba em ngày xưa, tuy là người Tây học, mà vẫn giữ được nền nếp Đông Phương, quả thực cũng là hiếm có vậy Càng nhớ lại trong mấy hôm nay, có biết bao nhiêu cử chỉ hành động suồng sã, thẹn chết đi một lần nữa được.

Vũ gật gù, tán thưởng:

- Nghe lời, thấy rõ ràng là người có học thức. Mong rằng đừng giấu diếm, xin cô kể rành mạch câu chuyện từ đầu

Ngọc Bách lau nước mắt thưa:

- Nguyên những lời vàng ngọc ấy cũng đủ an ủi em được ngàn phần. Em tên thật là Ngọc Bách, họ Nguyễn, vốn quên ở tỉnh Bắc, con của một ông Tham tá, đã từ trần từ lúc em mới lên 15 tuổi...

Mỉm cười chua chát, Ngọc Bách lại tiếp:

- Năm nay em 18 tuổi! Nói như vậy, nghĩa là: khi chết thì em mới 18 tuổi, nhưng nếu tính theo người sống, qua mấy năm tao loạn thì hiện nay em đã ngoài 20... già mất rồi

Vũ nghĩa thầm trong bụng:

- Khi đã là đàn bà, dù chết đi rồi, cũng vẫn còn lo lắng đến sắc đẹp tàn phai

Nữ lang lại kể tiếp:

- Trong gia đình, tuy em là lớn nhất, nhưng vì em theo lời trối trăn của cha em dặn lại, nhất định cho em đi học đến nơi đến chốn. Bởi vậy, sua khi đỗ bằng cơ-thủy ở tỉnh Bắc, em được mẹ em cho về học bậc Trung học tại Hà Nội Cẩn thận mẹ em cho em ăn trọ tại nhà bà Phán Tâm ở ngay liền vách nhà này

Nhưng lại giây phút, Ngọc Bách lại kể:

- Nếu không có chiến tranh thì không đâu đến nỗi... Khi được lệnh tản cư, bà Phán cùng những trẻ nhỏ đều về quê cả, chỉ còn lại một người con trai lớn, đi làm công sở và em cùng một người vú già ở lại Bỗng đô thành khói lửa mù trời, căn nhà bên cạnh này (tức là nhà em ở) bị sụp đổ. Người u già, cũng như con trai bà Phán, đều bị chết vùi trong đống gạch ngói Riêng có em là may mắn núp dưới chân cầu thang được thoát chết. Nghe tiếng bom đạn rầm ran, em sợ hãi vô cùng, bò lần sang hàng xóm, tức là căn nhà này, lúc đó bỏ không, vì người trong nhà đều đã tản cư từ trước. Sợ hãi, em tìm được chiếc thang, treo ẩn lên trên trần căn gác này, vì em cho đó là chỗ ẩn náu kín đáo nhất.

Thân gái trong thời binh lửa, may ra nhờ đó mà được an toàn chăng. Thường lệ, mỗi khi tìm kiếm thức ăn, nước uốn đầy đủ rồi thì em lại trèo lên trần nhà, và rút thang lên theọ Em có ngờ đâu, chính gian nhà này cũng bị sụp đổ, chiếc thang em vừa trèo lên bị rơi xuống. Thế là bỗng dưng bị giam gọn trên trần gác, với một số lượng thức ăn đủ chừng ba ngày Em chỉ còn một hy vọng có thấy bóng người nào thì kêu cứu, không những trong lúc khói lửa tơi bời, ai cũng lo lẩn trốn nên em ngồi yên trên trần đã bốn ngày liền mà cũng không hề thấy có một bóng người nào... Vừa đói và khát, em đành phải chịu cực hình, giống hệt như người bị lạc lõng giữa nơi xa mạc. Cho đến khi sức một yếu dần em thở hơi cuối cùng, thiệt oan một đời xuân xanh đầy hứa hẹn.

Vũ nói tiếp:

- Rồi sao nữa, xin cô cứ kể tiếp cho nghe!

Ngọc Bách thở dài:

- Rồi ngày tháng trôi quạ Cảnh đô thành dần dần trở lại đông đúc, vui vẻ hơn xưạ Riêng có tấm oan hồn của em vẫn bị ngậm ngùi, đáng thương hại nhất là một nắm xương tàn rụi vẫn bị bộc lộ trên trần nhà này, làm mồi cho gián, chuột.

Vũ ngắt lời:

- Nhưng tại sao thấy tôi lên học trên đây, cô lại hiện hình bỡn cợt? Hồn oan đau tủi, há lại còn ưa thích những chuyện cợt đùa...

Ngọc Bách rơm rớm nước mắt:

- Anh quở trách như vậy, em xin nhận lỗi, nhưng chỉ vì em ngu muội, lóng nghe thấy bọn yêu quái thường bàn nhau rằng nếu chúng tìm được người thế mạng thì sẽ được đầu thai thành kiếp khác! Thoạt đầu thấy anh lên học trên căn gác trống này, em dùng tà khí làm cho tinh thần anh bị hôn quyện, rồi sau đó, định hiện nguyên hình người con gái đẹp, để nhờ nhan sắc mà quyến rũ anh... nhưng anh không hề vì sắc đẹp mà động tâm. Em lại định tác quái để cho anh sợ hãi... nhưng kết cục cũng bị thất bại... Em thực đã đắc tội với anh nhiều lắm.

Vũ ngắt lời hỏi:

- Bây giờ cô muốn gì?

Ngọc Bách gạt nước mắt, thưa:

- Em chỉ mong anh vì thương người bạc phận, ra tay tế độ, chôn cất cho yên đẹp nắm xương tàn của em mà thôị Như vậy, em không còn phải oán hận gì nữa...

Vũ nhận lời, Ngọc Bách sụp lại tạ Ơn, nhưng Vũ giục nàng hãy ra đi, vì âm dương cách biệt, lần lửa lâu lai, cũng e hại cho cả đôi bên.

Ngay sáng hôm sau, Vũ hỏi thăm những người ở gần đấy, họ đều nhận rằng có thực, tại nhà bà Phán Tâm khi xưa có cô con gái tỉnh Bắc trọ học, nhưng hình như đã thiệt mạng trong những ngày khói lửa đô thành... Vũ lại tìm thang trèo lên trên trần nhà lục lạo khắp nơi, quả nhiên có một đống xương người, nhện chăng, bụi phủ, riêng lạ một điều là có mấy khúc xương rõ ràng có vấy mực. Sau khi tìm được xương cốt của cô gái Vũ bèn nhờ người chôn cất, cho đúng lời hẹn với hồn ai!

Chiều sương (Bùi Hiển)

Vào một chiều trung tuần tháng giêng, chàng trai ấy lang thang trong những ngõ hẻm làng. Chàng đi không mục đích, hồn lặng thấm cái êm ả lắng tự vòm trời trắng hơi biêng biếc như giát bạc, cái êm ả của những cuối ngày thôn dã. Chàng đi và nghĩ đến trăm điều vu vơ, những ý nghĩ thoáng qua trong trí rồi vỗ cánh bay đi, như những con bướm đa tình vội hôn đóa hoa này để đến với hoa kia.

Chàng đi lơ đãng, đến nỗi sương tỏa xuống mù trời từ bao giờ mà chàng không biết. Sương bạc đã tỏa rất nhanh, một cách bất ngờ. Thấy ẩm lạnh trên đầu và có hơi nước đọng trên mi, chàng mới ngơ ngác nhìn lên.

Cảnh vật, như dưới một đũa tiên mầu nhiệm, đã tan biến trong giây phút. Chỉ còn trơ lại quanh mình những nét thâm thâm của vài nhánh cây khẳng khiu và những vuông xám mờ của các túp tranh. Những bụi xương rồng và râm bụt chạy hai bên đường đẫm sương, óng ánh, xanh tươi lại. Vài mạng nhện mắc giữa hai cành yếu, trắng toát như dệt bằng những sợi tơ bạc li ti.

Trời không lạnh lắm, nhưng hơi sương ngấm vào

mình; chàng trai lẳng lặng trong tâm hồn buồn, cái buồn tê tái và mang mang, cái buồn ôm trùm, như kết bằng những sầu thảm nào mơ hồ và đã xa xôi lắm, tưởng tượng hay là thực, chàng cũng không biết nữa. Hơi ẩm đọng trên mi, chàng tưởng nước mắt rưng rưng.

Chàng đi lang thang, mặc hồn lang thang... Sương bay từng luồng, hạt sương bám khẽ vào da mặt như một làn phấn bụi.

Những tiếng người trao đổi trong sương, như gần như xa, lãng đãng. Ngoài sông mờ, bóng một chiếc thuyền chài sửa soạn ra khơi: sương mù đã tới báo mùa cá thu. Chàng rẽ vào nhà một ông bạn già. Chàng thấy lão đang ngồi xổm đan lưới, hai chân co trước ngực, mình quàng trong một manh chiếu vuông buộc túm một đầu để khoanh lấy cổ, thứ áo tơi và áo rét của dân chài.

Chàng chào, và lão Nhiệm Bình với dáng điệu giản dị của những người chất phác, vỗ vai người bạn nhỏ, bảo ngồi trên phản. Chàng hỏi:

- Cố (1) không đi biển à?

- Không, chú ạ. Già rồi, không năng đi được nữa.

- Cố kể chuyện đi chài nghe đi.

Chàng nói thế bằng cái giọng nũng nịu của đứa cháu vòi bà. Chàng thường đến đánh bạn với lão chài, và ông lão, đối với chàng trai mới lớn, có một tình yêu thương che chở, tốt quá mức đến cưng chiều, như tình yêu thương mà tất cả những người già đùm bọc trẻ con. Lão cười đáp:

- Còn chuyện gì mà kể nữa! Chú nghe hết cả chuyện của tôi rồi.

- Không... Cố phải kể đi... à, cố kể chuyện ma đi. Cố đi chài có bao giờ gặp ma không?

Lão Nhiệm Bình có một nụ cười hồn hậu nhuốm vẻ độ lượng của kẻ không biết từ chối bao giờ.

- Chuyện ma à? Tôi cũng ít khi thấy ma lắm... Có vài lần thuyền neo ngoài khơi, tôi ngồi câu đêm, thấy giằng mạnh ở câu, vội kéo lên. ái chà, sao nặng khiếp. Mà lạ, chỉ thấy nặng thôi, như có tảng đá trì giữ lại, chứ không thấy giật giật vùng vẫy như con cá to. Tôi nghĩ thầm: khéo lại cái nố ta (2) rồi, hắn muốn trêu mình đây... Quả nhiên! Tôi vừa kéo câu lên khỏi mặt nước, thấy hắn xòa một cái, xanh lè cả nước biển, mình hết hồn. Nhìn lưỡi câu, con mực mồi vẫn còn nguyên.

Đó, tôi chỉ gặp vài lần như vậy thôi. Đêm khuya lạnh lẽo, vắng vẻ, chắc cụ buồn tình, bày chuyện phá mình tí cho vui.

Có người họ kể, đêm ở ngoài khơi, trời êm biển lặng, mọi người đang neo ngủ, thấy các chú bơi lù lù rồi trèo lên ngồi dăng dăng hai bên mạn thuyền; họ nói: "Thôi mà, anh em mình cả, trêu nhau làm gì?", thế là cả bọn nhảy sùm xuống, bơi đi.

Mồ ma ông cụ Bình khi xưa, dạn khiếp. Nửa đêm ông ta đi lưới về, qua dưới cây đa trước miếu, một bầy hắn bíu lấy tay. Không thấy người đâu, nhưng nghe tiếng hắn léo nhéo xin cá. Ông ta đáp: "Chà, xin với xỏ, được mấy con cá về cho vợ con đây!". Thấy nhẹ trong rổ, sờ vô thì cá đã biến mất. Ông ta nạt: "Đồ quỷ, cứ nghịch thôi!". Thế là tiếng cười bật lên ríu rít, hồi sau lại thấy nặng rổ.

Lão chài kể như vậy, giọng bình thường như nói chuyện người dương gian (3), tay vẫn thoăn thoắt đưa que đan qua mắt lưới. Chàng trai khẽ rùng mình thích thú. Chàng vốn không tin ma quỷ; chắc chắn đó chỉ là điều huyễn tưởng (4), nảy sinh từ một khung cảnh, một tâm trạng nào đó; nhưng có thể nào không tin ở cái giọng kể từ tốn hiền hòa của ông lão! Trong ý nghĩ lão chài, chàng đoán, âm dương không phân ranh giới rõ ràng, cõi sống và cõi chết nương nhau vấn vít. Mấy chú ma, hồn của những người dân chài đã bỏ mình trong bão tố, trở về ngồi lặng lẽ trên mạn thuyền, chắc hẳn chỉ để tìm lại chút hơi ấm cuộc đời, vì cảm thấy lòng biển quá mênh mông, lạnh lẽo. Và tuy đã tìm thấy cái chết trong tai ương (5), bi thảm và dữ dội, không phải bao giờ hồn họ cũng ngậm giữ oán hờn; họ còn biết nghịch ngợm đùa trêu người sống, và chàng trai tưởng nghe, vẳng từ sương mù dày đặc, tiếng cười giòn ríu rít của những cái bóng vô hình cạnh cây đa già miếu cổ...

- Có bao giờ người ta thấy một cái thuyền ma, hay cả một đoàn thuyền ma không, cố?

Chàng trai lại cất tiếng hỏi.

- Thuyền ma à?... à... có một lần, đã lâu lắm, chính mắt tôi thấy. Hồi ấy tôi còn trẻ lắm, tôi còn đi trai dưới thuyền mồ ma (6) ông Phó Nhụy... ờ cũng trời sương mù mịt như thế này, thuyền thì vừa tháo tố xong, thoát nạn chết này lại đâm liền vô nạn chết khác.

Bữa đó thuyền ra lạch...

* *

Sáng hôm ấy, một buổi sáng thanh quang. Bình minh giát ánh vàng trên những dải mây bông thoáng nhẹ. Các bác chài tay đưa chèo theo nhịp đều đặn, ngước nhìn trời, lòng không ý nghĩ, không lo lắng. Nhưng khi thuyền chạy ngang nhà Thương chính, một chiếc xuồng do hai đứa con nít chèo

bỗng lướt ngang trước mũi. Mọi người chửi rủa chúng ầm ĩ; dân chài rất kiêng bị "ngáng đường" như thế, và ông lái hơi nhăn trán lại.
Ra khỏi lạch (7), thuyền kéo buồm bắt cơn gió tây nam chạy thẳng ra khơi. Chiếc thuyền, dáng hơi nặng nề, lừ đừ tiến, hai mắt tròn trân trân nhìn về trước. Khi một ngọn sóng kéo đến, nó chồm dậy rồi đâm chúi xuống, làm tung tóe một làn nước bạc xóa. Càng xa bờ, sóng càng bớt mạnh, chỉ còn là những cái lượn, lưng cong và rộng, kéo lừ đừ nhưng hùng cường. Những mảnh nước lớn thốc vào dưới mũi thuyền khiến bọt trắng tóe, rồi tự rẽ đôi chảy róc rách hai bên mạn. Các bác chài đã gác chèo ngồi bện dây neo, quai chèo hay tán chuyện, có vẻ không biết đến sự nhồi lắc của sóng.
Gió lên lồng lộng, thuyền chạy phăng phăng, để lại sau một vạch phẳng lì, vì nước đã bị khối nặng của thuyền dàn ra. Nhưng chẳng bao lâu, những làn sóng lô nhô hai bên mép tiến vào và xóa mất vạch phẳng.
Càng xa bờ, gió càng mạnh, như dậy từ bốn phương của khoảng rộng. Nắng vàng và gay gắt thêm. Khi mặt trời đứng bóng, biển biếc ngả sang mầu lục. Ông Phó Nhụy, nhà nghề và chạy lái, ra lệnh bỏ neo (8). Đoạn người ta tháo dây neo cho thuyền trôi tới gần chỗ đã thả bóng hôm trước. Bóng là một cái lồng tròn lớn và đan thưa, thả lưng chừng nước, trong có lót lá tre làm chỗ êm mát rủ cá lội vào. Cạnh bóng, người ta cột vài ba cây gầy, một loại tre vầu. Cá tìm thấy ở đó một nơi nghỉ tới nhóng xung quanh, có khi hàng đàn lớn.
Hai bác chài, lặng lẽ và nhanh nhẹn, ngồi đầu mũi thả lưới, trong khi thuyền, dưới mái chèo, nhẹ tiến tới. Sau một lát chờ đợi, thuyền lùi lại và hai bác, có thêm người trợ lực, kéo dần lưới lên. Những con cá mắc đầu vào mắt lưới, giãy đành đạch làm lóe những ánh bạc biêng biếc. Vài con cá nhỏ nhảy lanh tanh trong đám rong rêu lẫn những hạt tròn nhớt và trong, mà người ta gọi là trứng nước. Bình hồi ấy còn là một chú trai quèn, túm từng mảng lưới hất mạnh cho cá bật vào rổ rồi đổ dần cá xuống khoang. Từ khoang bốc lên một mùi tanh mặn và man mác, mùi của biển cả. Những con cá trích, cá đốm, lẫn cá thu, cá hồng, mắt tròn mở trân trân, há miệng méo xệu một cách tuyệt vọng cố hớp không khí, trong tiếng lách tách của vây cứng.
Thuyền nặng dần, đè ép sức lắc nhồi của sóng. Chú Trai đã đi thổi cơm. Xế trưa, thuyền nghỉ để dùng bữa. Trên mâm gỗ, lỏn thỏn hai bát cá đầy và một bát muối; cạnh mâm, một rá cơm và một xanh canh cá. Cơm xới trong bát đầy có ngọn, các bác chài và rất nhanh như chèo đua cho chóng xong bữa. Chợt một bác kêu:
- Nhìn kìa!
Và chỉ ra phía bên trái, chỗ mặt nước lăn tăn báo có đàn cá đi qua. Mọi người vội vàng bỏ đũa, kẻ chạy đến chèo, kẻ chạy đến lưới.
Họ mê mải trong công việc trong khi trời đã ngả về chiều. Mặt trời, lúc còn ba con sào, bỗng khuất sau đám mây. Bác Hoe Trăn nhìn lên và kêu:
- Coi kìa! Trời đổ ráng ngoài.
Mọi người nhìn theo, lo ngại. Ông nhà nghề, hơi rụt đầu trong cổ béo, quay ngó xung quanh, cũng kêu theo:
- Sắp có tố (9) đến nơi!
Họ vừa nhận thấy điềm báo không thể lầm lẫn. Trời đã đột ngột đỏ ráng ba phương đỏ rực: ráng ngoài, nơi chân trời, và phía trong bờ, hai ráng Lò (Cửa Lò), ráng Cương (Cương Gián). Mặt các bác chài đỏ cháy lên trong ánh phản chiếu. Ông nhà nghề ra lệnh:
- Kéo lưới lên! Giương buồm!
Chân người chạy trên sạp rầm rập. Các bác chài co chân đu mình trên dây để kéo buồm, miệng "dô hò" lấy nhịp. Một bác hỏi:
- Gió gì?
Người khác đáp:
- Gió trong. Khó tháo kịp.
Gió từ bờ thổi ra, thuyền cố vát (10). Sóng vùng lên, cuốn, réo, đuổi dồn nhau, va vào nhau tóe bọt, ngụp xuống, trồi lên, đã thấy một sức mạnh hỗn độn và bất ngờ trong gió vừa cuồng lộng (11) thổi. Buồm vát không ăn gió, xương buồm đánh cành cạch lên cột, có khi cọ vào gỗ rít ghê tai. Hình như thuyền trôi lùi ra khơi. Nhìn vào bờ để lấy cữ, ông Phó Nhụy kêu:
- Mưa đến rồi!
Phía bờ đã mờ mịt sau màn mưa trắng bệch, mặt sóng trong kia thâm sẫm lại. Mưa tiến ra khơi rất nhanh phát thành tiếng ào ào, một giây sau, các bác chài, ngồi co mình trong tơi chiếu, đã vuốt mặt không kịp.
Một bác bảo:
- Bỏ neo thôi, không lại bạt mãi ra ngoài khơi đông xích đế cho mà coi.
Neo buông xuống nước. Trong khi dây neo tụt xuống vùn vụt, thuyền trôi lùi về sau, đoạn giật nảy mình, chúi hẳn mũi: dây đã tháo hết. Người ta hạ

buồm. Nhưng từ đó, thuyền cứ hục hặc với dây neo như một con trâu dữ bị buộc. Sóng đánh té tát, khi mũi thuyền chúi xuống thì vội thừa dịp nhảy chồm, nước tóe trang lang đến tận sau lái. Nhưng rồi chiếc thuyền rấ khỏe, lại hếch cái mũi ướt sướt mướt, chờ mảng nước khác. Ông nhà nghề nhảy tới ngồi phục ở mũi thuyền, tay lăm lăm cầm con dao rựa. Những giọt nước lớn ném vào mặt ông như vốc đá cuội, khiến rát bỏng da.

Một lần, thuyền tì lại nặng quá. Nước thốc từng mảng lớn, thuyền dốc đứng tưởng như cứ thế mà đâm thẳng xuống đáy sâu như một cái dùi. Các bác chài, miệng há ngờm ngợp vì bị nước đánh tối tăm mặt mũi, rời chỗ vịn, lăn trên sạp lông lốc. Ông nhà nghề bị ngụp trong mảng nước. Không trì hoãn được nữa! Một tay bám cọc chèo lấy thế, ông vội giơ cao con dao rựa, phăm phăm bổ xuống. Dây neo đứt phựt. Con thuyền hết ràng buộc quay mình trôi phăng phăng. Các bác chài vội nhảy đến đầu mũi giúp sức ông nhà nghề hất xuống nước cái neo sắt còn lại, mà ông này vừa chặt cánh gỗ đi. Không còn cánh, mỏ neo không cắm, nằm bẹt trượt trên nền đáy biển như một hòn sắt nặng. Như thế, thuyền không bị giằng lại, mà cũng chỉ trôi từ từ, kéo cái neo sắt rê trên đáy cát.

Nhưng gió vun vút lên mãi, mưa bay ngang chích vào mặt dày đặc thêm, sóng giận dữ gầm réo, nổi lên như núi. Mặt người nào người nấy tái mét; tuy có tơi che, quần áo họ ướt mềm dính vào da, và vải đã bở sẵn, khi thấm nước rách toạc nhiều chỗ. Chú Trai, lúc nãy bị sóng đánh lăn xuống khoang, ở luôn dưới ấy tát nước, tay lia lịa đưa cái mu sam (12). Hai bác chài tới giúp sức, chuyền cho nhau những thùng nước đầy để trút ra ngoài. Thuyền giằm, ít bị nhồi lắc, nhưng sóng dễ tràn lên; nước trong khoang nhiều đến nỗi cá nổi lềnh bềnh. Theo lệnh ông lái, người ta xúc cá đổ bớt ra ngoài; nhưng sóng biển, trong một hằn thù mai mỉa, đánh vào thuyền, trả lại. Những con cá đập lên áo các bác chài và nằm trắng ràn rạt trên sạp, chờ một ngọn sóng tràn qua liếm đi và thay bằng lớp khác.

Thuyền nhẹ bớt, nổi hơn, nhưng vì thế lại làm mồi thêm cho gió, trôi phăng phăng. Người ta bèn xở buồm (13), buộc dây vào bốn góc, rồi thả xuống biển. Gặp nước, buồm mở tung như một chiếc diều mà đầu lèo (14) đã cột vào mũi thuyền. Nước cản tấm buồm rộng căng, làm cho thuyền bớt trôi.

Đoạn, mọi người lại ngồi im lặng, co ro, cho mưa dội, sóng nhồi, gió táp. Màn mưa xám càng lúc càng sẫm thêm, rồi bóng tối ăn loang khắp không gian. Ông nhà nghề bảo:

- Anh em ai có đói, bốc nhúm gạo mà nhai.

Nhưng không ai trả lời. Họ ngồi thu mình, run run trong cái lạnh của nước ngấm vào da thịt.

Chừng quá nửa đêm - họ chỉ đoán vậy, và không còn một ý niệm nào về thời gian - sóng bớt gầm réo và bớt nhồi lắc, gió hạ dần, nhưng mưa vẫn rơi liên miên. Con thuyền mệt nhọc xang đưa (15) lừ đừ.

Và khi một ánh trắng xám ló nơi chân trời, thì biển đã lặng hẳn. Các bác chài, tai còn đầy cái huyên náo hồi đêm, nghe trong đó ù ù như điếc. Họ không còn đủ sức để tỏ niềm vui mừng; một cảm giác mỏi mệt và co rút hầu như làm tê liệt các bắp thịt.

Mầu trắng sữa liếm dần bóng tối của vòm trời, và mưa đã ngớt hẳn. Nhưng trên mặt biển, ùn ùn từ đâu đến - dân chài bảo từ Thủy phủ (16) đùn lên - một đám sương mù dày đặc, mang vị mặn và hơi lạnh thấm thía. Người ta kéo cái neo sắt lên, đẽo cánh mới lắp vào, rồi neo thuyền cho đứng yên.

Mỗi người góp một câu để đoán vị trí của thuyền. Họ chắc ở ngang Thanh Hóa, vì trong cơn bão, gió chướng (17) thổi từ phía tây nam. Nhưng còn cách bờ bao xa thì không ai đoán được. Một bác chài đo được hơn năm mươi sải nước và họ biết là đã bị giạt ra ngoài khơi xa lắm.

Đột nhiên, không ai bảo ai, tất cả im lặng: họ vừa ngửi thấy một mùi kì dị, một mùi nhạt và ẩm ướt, tanh lợm như mùi rong rêu. Rồi một bóng đen dài hiện trong sương, phía trước mặt. Một người đoán:

- Chết, mình trôi đến cồn đá. Ra nãy giờ neo rê.

Một người khác đáp:

- Neo rê thì biết liền chứ. Đó là cái thuyền, nhìn kỹ mà coi.

Quả nhiên trong sương bóng đen rõ dần thành một chiếc thuyền, trên đó lố nhố những bóng người chèo. Họ chèo lặng lẽ dị thường, tưởng như thuyền lướt trên biển dầu. Một bác chài bắt loa miệng hỏi:

- Ai đó?

Thuyền bên kia có người đáp:

- Thuyền Xin Kính đây. Có phải thuyền ông Phó Nhụy bên ấy không?

Ông Phó Nhụy hỏi bạn chài:

- Tiếng ai nhỉ? Nghe giọng lạ gớm. Mà sao họ biết thuyền mình?

Đoạn cất cao tiếng:

- Tôi Phó Nhụy đây. Thuyền bên ấy cũng vừa tháo tố đó phải không? Có biết đây là đâu không?

Bên kia đáp:

- Ngang Cương Gián. Giờ phải đi xế lên mà vô lạch.
Trên thuyền ông Phó Nhụy, người bàn cãi lao xao. Gió thổi từ phía nam, sao thuyền lại giạt xuống ngang Hà Tĩnh được? Ông Phó Nhụy lại hỏi to:
- Sao mà biết?
Bên kia có một câu trả lời kì quặc và bí mật:
- Sao lại không biết... à kìa, nồm vừa thổi đó, ta bắt ngọn gió này mau mà lên lạch.
Trong nháy mắt, đã thấy thuyền bên kia giương buồm. Chẳng hiểu sao họ làm nhẹn và lặng lẽ được đến thế. Ông Phó Nhụy, tuy bụng phân vân, sai kéo buồm chạy theo. Trong lúc tâm trạng đang bơ vơ và còn in dấu vết sự hãi hùng vừa qua, người ta không muốn rời bỏ bạn đồng hành đã gặp tình cờ.
Gió quá nhẹ, buồm không ăn gió đập phần phật. Sương tạt từng luồng như một cơn mưa trắng. Thuyền đi trước vẫn chỉ nom thấy dáng mờ mờ ảo ảo như trong giấc mơ, với quãng cách không thay đổi.
Chợt chú Trai kêu:
- Có ai như người trôi kìa?
Một bác dùng sào khều cái vật trôi lềnh bềnh đen thui và nói:
- Người thật.
Họ cúi vớt người kia lên. Tay anh ta co quắp còn cắp chặt trong nách một cái chèo ngắn; mặt anh ta tái nhợt, mắt nhắm nghiền, hai hàm răng cắn khít.
Một người bảo:
- Hà hơi, hà hơi đi, hình như còn thở thoi thóp.
Từ bên kia thuyền Xin Kính, tiếng người hỏi:
- Vớt được ai đó?
Mọi người cúi nhìn tận mặt kẻ bị nạn, nhưng không nhận ra ai. Mặt anh ta co rút nhăn nhúm đến nỗi đã méo dệch hẳn đi. Chú Trai góp ý kiến:
- Giống như anh Hoe Chước.
Ông Phó Nhụy nói to sang thuyền kia:
- Hoe Chước!
Nhưng ông lại chợt nhớ ra. Sao thế được nhỉ? Hoe Chước đi bạn (8) trên thuyền ông Xin Kính kia mà? Ông hỏi to:
- Có Hoe Chước bên ấy không?
Thuyền bên kia có một im lặng kì quặc. Chú Trai, thính tai nhất trong đám, nghe như bên kia đang bàn cãi gì láo nháo. Chú bỗng kêu lên:
- Ô kìa, đâu mất rồi?
Thuyền ông Xin Kính vừa biến đi, như vụt chìm xuống đáy biển. Cái bóng cả thuyền lẫn buồm, đen nhờ nhờ, chỉ còn để lại một khoảng trống không trắng toát, khoảng trắng ấy nhòa dần vào màu sương phơn phớt xám. Trên thuyền ông Phó Nhụy, mọi người câm lặng, tim bóp chặt trong một lo âu ghê rợn, mở to mắt nhìn trân trân.
Chú Trai lại kêu:
- Có tiếng gì om om lạ gớm?
Cùng một lúc, tất cả ai nấy đều nhận ra quả có tiếng sóng đánh phòm phọp âm âm như vỗ vào hang hốc. Ngay trước mặt, một khối to đen đồ sộ vụt xuất hiện, chỉ cách thuyền vài chục thước. Tức thời, ông lái nhảy bổ tới, túm lấy lèo, giằng riết. Chiếc thuyền quặt mũi về bên trái, có một phút do dự rồi tiến theo ngả mới. Các bác chài vội chạy đi tra chèo, ráng sức chèo tới. Cái khối đen mờ dần trong sương, rồi biến đi. Ông Phó Nhụy thở phào: thuyền ông vừa suýt đâm phải núi đá.
Khi thuyền ông Phó Nhụy, sau một buổi chạy vờ vật ngoài khơi, lần về tới lạch, thì anh Hoe Chước hơi tỉnh. Anh kể rằng trong cơn bão, thuyền ông Xin Kính bị sóng đánh giạt vào núi đã vỡ tan tành, và có lẽ chỉ mình anh sống sót, vì đã vớ được một cây chèo nhảy trước xuống biển. Những người kia, sau đó, nếu có nhảy khỏi thuyền cũng đã muộn và bị sóng quật vào lèn đá (19) đến rã xương.
Vợ họ nay vẫn sống trong góa bụa - có người đã chết. Và cái hy vọng mong manh một ngày trở về của người thân cũng đã tắt trong họ từ lâu.

(1) Cố: tiếng dùng gọi người già.
(2) Cái nố ta: lũ chúng.
(3) Dương gian: cõi dương (đối lập với cõi âm), thế giới người sống.
(4) Huyễn tưởng: mơ tưởng, ý tưởng viển vông, không có thực (gần giống như ảo tưởng).
(5) Tai ương (như tai họa): điều rủi ro, gây nên tổn thất, đau khổ lớn.
(6) Mồ ma: thời còn sống của một người nào đó đã mất.
(7) Lạch: đường nước chảy hẹp, thông ra sông, biển.
(8) Neo: vật nặng buộc vào dây thả chìm dưới nước để giữ cho tàu, thuyền đỗ lại, không trôi.
(9) Tố: gió mạnh đổi chiều đột ngột xảy ra trong cơn giông.
(10) Vát: lệch, xiên chéo.
(11) Cuồng lộng: gió thổi điên cuồng ở nơi trống trải.
(12) Mu sam: mu con sam, cứng và lõm, có thể dùng làm gầu múc nước.
(13) Xở: gỡ; xở buồm: gỡ buồm.

(14) Lèo: dây buộc từ cánh buồm đến chỗ lái để điều khiển buồm.
(15) Sang đưa: đưa qua đưa lại; đung đưa.
(16) Thủy phủ (như thủy cung): nơi ở của thủy thần, Long vương.
(17) Gió chướng: gió ngược, thổi từ phía tây.
(18) Đi bạn: người đi làm thuê cho vụ, việc.
(19) Lèn đá: núi đá có vách dựng đứng.

Khoa thi cuối cùng (Nguyễn Tuân)

Ở cuối lịch niên hiệu Duy Tân năm thứ mười, bia vàng nhòe nét son sấy kim ấn toà Khâm Thiên Gián, thấy tiết thu phân và ngày lập thu qua đã lâu rồi.

Mùa mưa dầm tháng chín chỉ là những giọt than vãn triền miên của kỳ Ngâu còn kéo dài mãi đến bây giờ. Xứ đồng chiêm Sơn Nam hạ đã biến thành một vùng nước rộng nhấp nhô những con đò đồng li ti. Síong đồng hỗn loạn vỗ vào mép những con đường đất thó nhuyễn và những bờ luỹ tre già ướt át. Làng mạc vùng quê Nam Định nhói lên khỏi làn nước trắng lạnh như những quần đảo xanh một màu hoang vu.

Nước mùa mưa hợp các xứ đồng chiêm lại thành một khối lớn và trên nước đồng mông quạnh, những con thuyền thúng đi về nhiều như tre rụng lá mùa thu. Đêm mưa gió, mặt nước bình rộng âm hưởng rất xa cái tiếng kêu đánh cướp nhóm lên từ những làng cù lao lẻ loi.

Bên bờ đường cái quan, hoa hòe nở vàng ối. Dậm hòa đất Sơn Nam hạ trổ bông đã từ lâu. Hoè đã rầu cánh, vàng úa tối mãi xuống.

"Hòe hoa vàng, cử tử mang". Thấy dậm hòa ngả màu vàng, lòng những người có chữ bắt đầu bận bịu. Dưới mảnh trời sụt sùi, hòe vàng nở đều, làm ấm lại lòng người sĩ tơ tưởng đến sự hiển đạt về sau này. Màu vàng của sắc hoa nơi dậm hò đã nhắc bao nhiêu học trò vùng Sơn Nam hạ phải nghĩ đến cái màu vàng một tấm giấy cáo trục phong tặng hoặc là phần hoàng mai sau cho hai đấng sinh thành.

Một hôm kinh truyện sũng ướt nước mưa, ôm khư khư mà ngồi trong lòng một chiếc đò đầy đang tìm lại bến cũ, ông Đầu Xứ Em nghĩ xem giờ xuống tỉnh, nên trọ nhà ai cho tiện trong suốt một kỳ thi. Cái nhà bà Phùng quen kia đã chật hết chỗ rồi.

Hoa hòe lả tả đánh rớt những cách vàng nâu cuối cùng lên bả vai bao nhiêu học trò các vùng đổ về tỉnh Nam. Năm nay nhà nước lại mở khoa thi. Một khoa thi cuối cùng. Có những ông đồ già tóc râu đã ngả bạc màu vì sự đùa nhả của công danh đánh lừa suốt mấy phen, chuyến này cũng cố chen ra hồ vớt lấy một chút phấn hương cuối chầu của triều đình. Trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ có ông Đầu Xứ Em dự, còn nhộn nhịp gấp mấy khoa Ất Mão trước.

Khoa Ất Mão trước, ông Đầu Xứ Anh bị loại ngay vòng đầu, bay kỳ kinh nghĩa. Khoa Mậu Ngọ này, ông Đầu Xứ Anh nhất định không đi nữa, mặc dầu đây là khoa cuối cùng, rồi đây bãi hẳn sự thi cử. Ở vào buổi giao thời, nếu người ta còn cái lòng công danh thì khoa thi Mậu Ngọ là một chuyến thuyền vượt biển cuối cùng. Từ Mậu Ngọ về sau, sẽ mở một thời khác, chữ Hán chỉ còn là một thứ xa xỉ phẩm trong học vấn của một lớp người. Từ sau khoa này, cái lều chõng chỉ là những vật cổ tích mỗi khi nhắc tới lại gợi một chút nhớ tiếc trong lòng một đám người còn sống thêm một ngày là càng chỉ thêm một ngày bỡ ngỡ với phong hội mới. Ông Đầu Xứ Anh nhất định không nộp quyển khoa này, tuy bao nhiêu người, từ Quan Đốc tỉnh cho đến anh em đồng song, thảy đều gởi hy vọng vào ông. Thơ phú làm rất nhanh: sách nhớ có thể vạch ra từng chương từng tiết một. Tính người lại điềm đạm hồn hậu; ai nấy đều khen nhà ông có đất học. Khen rồi lại lấy làm lạ cho ông. Có một ông tam trường khoa trước lại ngờ hay là khoa này, tại nhà nước bắt đám sĩ tử phải chụp ảnh dán vào quyển nộp mà ông Đầu Xứ Anh không đi chăng... Có một hôm, đang cùng mấy người dạo chơi ở phố Hàng Thao, nhận được tin này, chính ông Đầu Xứ Anh đã kêu: "Từ trước tới nay, có bao giờ như thế. Nhà nước Bảo hộ, đãi đám sĩ phu trong nước, thật không ra quái gì. Chụp hết ảnh ông Thám, ông Đề, chụp đến nhà pha, nay lại chụp nốt học trò.".

Hôm người em là ông Đầu Xứ Em xuôi tỉnh để soạn sửa đi thi; ông Đầu Xứ Anh đưa ra khỏi cái dốc đầu làng và lúc ông Đầu Xứ Em đã ngồi lọn trong lòng đò đồng, ông dặn:

- Xuống tỉnh, nhà bà Phùng đã đông người ở trọ rồi, có phải ở chỗ khác, chú có ở đâu, cũng cứ tạt lại đấy mà nhắn hộ cho tôi. Đến hôm các quan tiến trường, cữ hạ tuần tháng này, thế nào tôi cũng có mặt dưới tỉnh.

Người em đứng dậy, nói với lại, làm chiềng con đò đầy.

- Cô Trinh, con gái út bà Phùng, hình như vẫn chưa lấy chồng phải không anh... Khoa Tý năm trước anh cũng trọ ở đấy phải không...

Người em cũng muốn tiết nỗi vui ra ngoài một cách quá đáng để trấn tỉnh cái rối ren trong bụng một người đi thi. Ông Đầu Xứ Anh nói lảng ra ngoài câu hỏi:
- Cứ quanh quẩn ở phố Cửa Trường ấy thôi nhé. Đi về nó tiện hơn. Ở đây dễ gặp anh em các nơi về thi.
Mấy đám hàng xáo người làng trên qua đây ghé đò xuôi chợ, không nhao nhao lên nữa như lúc mới nghiêng mạn đò vừa rồi. Họ ra vẻ nể nang, ngồi thu hình lại, quơ lại một góc mấy lũ tay nải và bì cói, cốt để dọn cho người học trò xuống tỉnh đi thi kia một chỗ ngồi rộng rãi. Đáy con đò, dính chắc vào đất sét lòng bến nông. Cô hàng gạo, buộc lại múi khăn mỏ quạ, nhìn cậu khóa không mỏi mắt, mỗi lúc ngượng nghịu lại nhổ cốt trầu xuống đồng nước. Gió đồng hôm nay không thổi. Bãi quết trầu đỏ lặng im giữa làn nước nhợt nhạt, rồi chậm chạp tan hòa vào nước cánh đồng chiêm, mỗi khi nhìn rộng ra, chỉ rặt một màu bao la nhờ nhờ. Người lái đò mặc áo tơi kín phủ thân, chụp nón mê lấp cả mặt, đã rút đầu sào khỏi mặt nước. Con đò đầy cựa quậy, bốc nhẹ, rồi trườn mình ra xa. Trời bắt đầu nổi gió rét. Mưa thu lộp độp gõ xuống áo tơi nón lá của một chuyến đò đồng. Dưới gốc cây hòe già chỗ dốc đê làng, ông Đầu Xứ Anh vẫn đứng nhìn theo.
Tinh mơ ngày hai mươi nhăm tháng chín, tại khu trường thi Nam Định, các quan làm lễ tiến trường. Hai chiếc lọng vàng nghiêng phủ xuống lá cờ và tấm biển có chữ "phụng chỉ", "khâm sai", bốn cây lọng xanh ghé thấp tịt xuống một cái đầu bạc đại khoa. Mùi nghi vệ mới phảng phất ít hôm trước thì sớm nay đã nổi dậy trên khắp một mảnh đất mà mọi khi chỉ có gió chạy trên hoa cỏ may hiu hắt từng cơn.
Ánh sáng ban ngày vắng đi mãi đến những đâu mà đến bây giờ vẫn chưa thấy trở về. Từ hôm có gió vàng pha mùi cơn bấc đến nay, chưa bao giờ thấy cái âm u tẻ lạnh đến nhường ấy. Gần giữa giờ thìn rồi mà tối và sáng chưa phân tách hẳn được ra. Người đứng bao quanh đàn cúng, vẫn chỉ thấy ánh sáng mấy chục ngọn nến bạch lạp rọi vào đàn tế, trên đàn phủ phục ba cỗ tam sinh còng queo: một con trâu và một con dê đen thui kèm con lợn cạo trắng mở to cặp mắt chết.
Mặt đất sáng hơn nền trời. Cuộc tế tiến trường như đang lắng chờ một sự biến gì. Gió cũng không muốn thổi. Mấy ngọn sáp không lung lay, vệt khói xám nơi bình hương bốc lên thẳng thắn trên bàn tam sinh. Nền trời phương Đông đáng lẽ đã phải hửng lên rồi. Thế mà ở đấy cứ rặt một thứ mây đục đùn lên những hình quỷ Đông. Phía Tây, một cái cầy vồng cụt một chân, tô lên tạo vật những màu xanh đỏ dại dại và nghịch mắt. Trong cảnh âm dương không chia biệt rõ, quan Chánh Chủ khảo trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ, đang tế cáo giời, đất, vua, thần và thánh; xuýt xoa khai xong tên, tuổi, quê, quán, ngàu khấn to:
"…Báo oán giả, tiên nhập; bán ân giả, thứ nhập…"
Có lẽ đoạn khấn này là khoản chú trọng nhất của lễ tam sinh và đã được quỷ thần chứng giám. Người lính tuần mặc áo nẹp đỏ vừa được lệnh đổ chén rượu cúng xuống tàn lửa đống vàng đang hóa dở thì những đầu ngọn cỏ may im lìm nơi bãi trường thi đều rung lên một nhịp và rung theo một chiều. Người ta, hồi nãy sống một cơn mơ giữa khoảng ban ngày u uất, bây giờ trông thấy một cơn mơ đang tàn dần. Một thứ gió u hiền thổi thốc vào bãi trường, nghe lào xào như có tiếng các hồn oan hồn lành chen chúc và ùa vào choán chỗ. Những cây nến cháy vạt ngọn bỗng tắt phụt hết. không gì xa vắng bằng cái động đậy trong đìu hiu của muôn loài.
Trời đất trong sáng lại dần dần.
Hai anh em ông Đầu Xứ Ngoạt - lấy tên tục của làng nguyên quán Cổ Nguyệt - lững thững ra về. Ông Đầu Xứ Anh bụng buồn lắm mà không dám nói ra.
Ba năm trước, cũng ngày tế tiến trường. Năm Tý, cảnh trời đất cũng âm thầm giông giống như ngày này. Quan Chánh Chủ khảo khoa ấy, theo tục lệ quen của mỗi khoa thi, cũng cúng tam sinh khấn mời những oan hồn nên nhập vào trường trước hết để mà báo oán trả thù. Rồi ông Đầu Xứ vào trường, rồi oan hồn hiện ngay dưới lều, ngay chỗ đầu chõng, kêu khóc giữ rịt lấy tay không cho viết quyển nữa. Gào khóc chán, người đàn bà ấy lấy mớ tóc xõa quấn vào mặt ông cứ bỏng rát lên. Lại cười sằng sặc, lấy nghiên mực hắt vào quyển của ông. Lần ấy ông xin đổi quyển đến hai ba lần. Vẫn người đàn bà ấy quấy nhiễu không tha để quyển ông cứ tỳ ố mãi. Lúc gần chiều, ông nổi một cơn đau bụng hoắc loạn, phải bỏ dở kỳ thi, nhờ người dìu về nhà trọ. Thế là ông bay ngay kỳ kinh nghĩa. Một người đầu xứ hay chữ và được quan Đốc khen ngợi luôn mà hỏng nhay nhất trường thì có thảm thương không. Cũng may mà còn có người lấy được cái bản thảo nháp bài của ông đem về, ông còn giữ được đến giờ, nếu không thì nhục cho gia sáo biết

là chừng nào. Ông cụ thân sinh ra ông, cụ Huấn là người nổi tiếng một vùng, đem xem lại bản nháp và đưa cho các bạn đọc, ai cũng lấy làm tiếc. Hơi văn đi mạnh như thế, có vào đến kỳ hội thì cũng cứ lọt. Mọi người đều chặt lữơi tiếc rẻ. Cái người bạn cùng ngồi một vi với ông, sau khi đem trả ông cái bản nháp đó, đã tìm đến phòng trọ đưa tạ ông ba chục quan tiền kẽm: "Đại huynh lúc không may lâm bệnh mà rời bãi trường, phải bỏ lại trên cỏ bản nháp bài kinh nghĩa. Là một người tự biết là bất tài, tiểu đệ đã mạn phép hiền khuynh điền vào quyển của đệ những lời gấm hoa đanh thép bị bỏ phí kia. Nay được vào kỳ đệ nhị, gọi là có món quà mọn gửi lại, xin đại khuynh nhận cho".

Biết là có oan hồn hiện lên cố phá không cho mình mở mặt với thiên hạ, ông Đầu Xứ Anh để tâm tra cứu lại chuyện nhà. Thì ra, lúc sinh thời, cụ Huấn đẻ ra ông đã phạm vào một việc thất đức. Hồi còn mồ ma cụ Huấn, cụ đã mang lấy trách nhiệm tinh thần về cái chết của một nàng hầu tài hoa nổi tiếng một thời. Người thiếp đó lúc tự ải, có mang được sáu bảy tháng. Cái âm oán ấy còn theo đuổi ông mãi, nếu ông còn cứ lều chiếu ở cửa trường thi. Đấy là lời người thiếp đó lúc ốp vào con đồng khi phụ lên. Nàng xưng là cô và gọi ông Đầu Xứ Anh là nó, cười sặc sụa và giọng nói the thé. "Nó còn đi thi, cô còn báo mãi. Các người hỏi cô muốn những gì ấy à! Cô muốn, cô muốn nó phạm huý, cho nó bị tội cả nhà kia. Nhưng nhà nó cũng có một ông mãnh thiêng lắm, cô không tàn hại nó được như lòng cô muốn. Nên nó chưa viết phạm đến tên các vua". Con đồng lắc lư nói có thế. Có gặng hỏi thêm chỉ khóc hu hu rồi phá ra mà cười như bị ma ếm, ông Đầu Xứ Anh thấy lạnh đến tuỷ xương sống. Và đâm ra lo nghĩ từ ấy.

Khoa thi này, ông đành nhẽ không ra nữa, để ông Đầu Xứ Em nộp quyển thôi, thử xem hồn oan có còn đòi báo nữa không... Ông tin ở học lực người em ruột, sao cũng lấy về cho làng Ngoạt, có hèn ra cũng được cái cử nhân. Khoa cuối cùng, thêm phần luận quốc ngữ và phép đo lường tính theo lối học mới, nhưng chú nó thông minh vốn thiên bẩm và gần đây tân thư và toán học cũng nhiều, cũng không lấy gì làm ngại lắm. Nhưng mà phúc phận con người ta, ở một người thi chữ Hán, biết sao mà định trước được.

Còn năm hôm nữa mới nhập trường. Mãi đến ngày sóc tháng mạnh đông mới gọi tên bốn năm ngàn người vào kỳ đệ nhất. Cơm nhà trọ, luôn mấy ngày nay, bữa nào cũng hết một bình rượu. Hai anh em ông Đầu Xứ, những lúc trời ngớt hột mưa, vào mấy ngày mong chờ, thường nhẩn nha ở phố Hàng Giấy, chọn một thỏi mực, thử lông một cây bút thỏ hay là soi một tờ giấy bản lên ánh sáng. Ông Đầu Xứ Anh cố quên chuyện cũ, hết sức vui vẻ trong khi đi lục lọi giấy bút cho em ở các cửa hàng sách phố Hàng Giấy. Những con người văn nhân lượn lên lượn xuống nơi phố này nhiều đến nỗi không thể nào mà nhớ được mặt, ví có gặp lại ngay đó một lần thứ nhì.

Cái cửa hàng sách gọn ghẽ xinh xắn được nhiều thầy khóa lui tới nhất là cửa hàng cô Phương. Đám học trò vào cửa hàng cô để mua hàng, và để nghỉ chân và giải trí cũng có. Cô Phương ở phố Hàng Giấy, ngày trước là một người đanh đá chua ngoa có tiếng. Có một lần, một cậu học trò vào hàng cô chọn bút. Cô đưa bút Song Lan, Thanh Chi, Nhất Chi, rồi Kiều Lan, rồi đến Trúc Lan; người thư sinh mặt trắng rút tháp bút, cho bút vào miệng, ấn tòe đầu bút vào lòng bàn tay xòe, để thử soi lông bút lên ánh sáng cô đến mấy mươi lần rồi mà cứ lắc đầu hoài, chê xấu. Anh chàng nhất định hỏi cho được cái thứ bút Tảo Thiên Quân mới chịu lấy. Thấy thầy khóa ăn mặc đồ vải xuênh xoàng, cô Phương ra giọng bỉ thử: "Có Tảo Thiên Quân lông trắng nhưng mà những hai quan một chiếc". tiếp cái nguýt dài của cô hàng sách càng ngồi dãi thẻ thêm ra, người thư sinh mặt trắng chỉ tay lên tít trên đầu tủ: "Phải Tảo Thiên Quân lông trắng; có còn thứ nào những năm sáu quan một quản, cô lấy cho tôi chọn". Lúc nói câu này, thầy khóa cố dằn giọng vào chữ *những* có ý bảo thầm cho nhà hàng biết rằng nên khinh người vừa vừa chứ. Co Phương bẽn lẽn, nhưng cũng cố đứng dậy lấy thứ bút quý cất mãi trên cùng tột lớp tủ, đưa cho thầy khóa, chỉ đợi nếu anh chàng không mua nổi chiếc nào thì sẽ mắng một trận như tát nước vào mặt cho bõ ghét. Lấy luôn một lúc bốn chiếc Tảo Thiên Quân, trả tiền xong xuôi, người thư sinh mặt trắng dúng một ngòi bút mới vào nghiên mực, vờ thử ngòi bút vào một mảnh giấy nơi mặt hàng. Những dòng chữ viết rất tốt kia, sự thật chỉ là một bài thơ chữ nói mát mẻ cô hàng có tính chỏng lỏn. Từ đấy, cô Phương đâm ra gờm những thầy khóa có tính ỡm ờ và trở nên rất ngoan ngoãn đối với bạn hàng, bất cứ là ai. Sau cô hỏi thêm, mới biết người thư sinh rất khó tính trong sự lựa bút và tác giả bài thơ bóng gió ấy là cậu Đầu Xứ Ngoạt. Năm Mão, phong thanh người thiếu niên

tài hoa ấy thụ bệnh trong trường và bỏ dở khoa thi, cô Phương đã ra mặt ái ngại tiếc than với những người chung quanh. Trong tâm một cô hàng sách nho phố Hàng Giấy, đang nhú lên cái mầm sơ đầu của yêu thương gắn bó và đợi chờ.

Cho đến mãi năm Ngọ năm nay, ông Đầu Xứ Ngoạt mới trở lại cửa hàng cô Phương. Ông Đầu Xứ Em còn lần lữa ngoài mặt hàng, chưa bước vào nhà. Trên mấy tấm cửa lùa ngả xuống hai cái mễ gỗ nhỏ hẳn ra vỉa hè, một cuốn *Chinh Phụ Ngâm diễn Nôm* đã ghìm bước ông Đầu Xứ Em lại. Thấy có bóng khách vào hàng, cô Phương đặt cuốn truyện *Lục Vân Tiên* xuống, lấy móng tay đánh dấu vào cái đoạn nàng Kim Liên đang " *đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê*", sắp cất tiếng chào khách, bỗng cô ngờ ngợ, tủm tỉm muốn bật như cười. Cô nhìn không chớp mắt, đôi má lúm đồng tiền phơn phớt nhuộm đào – cái màu đào một ngày năm nọ.

Ông Đầu Xứ Anh hơi luống cuống, chưa biết hỏi món hàng gì thì may mắn quá, ông Đầu Xứ Em đã tiến theo vào phá hộ cái yên lặng:

- Này anh, lấy một cuốn *Chinh Phụ* bản Nôm, về nhà trọ, ta ngâm nga chơi cho nó hết mấy ngày đợi bảng nhập trường.

- Ờ thích được ngâm nga thì cứ lấy về. Có gì mà phải bàn.

Cô Phương hết nhìn người anh, lại nhìn sang người em. Cô đoán họ phải là anh em ruột thì mới giống nhau như tạc đến thế. Vả chăng hồi gần đây, cô có nghe đồn ông Đầu Xứ Anh cũng có người em đỗ Đầu Xứ và tài hoa đã làm trôi cả một vùng tỉnh Nam. Chắc là người mua truyện này đây. Chưa biết câu chuyện ông Đầu Xứ Anh không nộp quyển thi khoa này, cô Phương tự nói với mình: "Huynh đệ đồng khoa! Cái làng Cổ Nguyệt chuyến này tha hồ mà rước xách. Troing hai anh em, chả biết ai sẽ Tú Tài, ai Cử Nhân. Mọi năm hai trường Hà Nội và Nam Định hợp lại, lấy sáu mươi tư Cử Nhân. Năm nay khoa rốt, Nhà nước đ8ạc cách lấy những chín mươi Cử Nhân và cũng như mấy lần thi trước, cứ một Cử Nhân thì ba Tú Tài. Lọt sao được hai cậu Đầu Xứ này". Cô kéo cái ấm giỏ trong bục ra, giở nắp ấm thăm cái nóng chiếc ấm sứ, rót hai chén, cô hạ thấp vòi ấm xuống để nước không nổi bọt.

- Mời hai thầy quá bộ vào trong này xơi nước.

Nước trà nụ ướp sói vừa pha đấy, nên mới dám mời hai thầy tân khoa.

Cô Phương đưa tay che miệng cười, tự cho câu chúc sớm sủa đó là có duyên lắm, hẳn là phải hay và anh em ông Đầu Xứ Cổ Nguyệt phải thưởng thức. Thấy họ cứ đứng trân trân ra đấy, cô Phương thu dần nét mặt xởi lởi lại và ngồi ngẫm, càng nhận thấy cái vô duyên và vô lý của câu nói vừa rồi. Ai người ta đã thi cử được một kỳ nào, mà đã chúc với tụng. Cho đỡ ngượng, cô lại mời:

- Hai thầy xơi chén nước.

Ông Đầu Xứ Em chẳng biết cái gì cả, cầm chén, uống luôn, tưởng hễ cứ vào mua hàng người ta là mình có quyền xơi ngay nước mời. Khốn nạn, nào từ trước tới giờ anh mình có bao giờ nói cho nghe cái đoạn tình duyên thầm kín đã mấy năm nay giữa anh với cô hàng sách đâu mà biết. Ông Đầu Xứ Em thấy anh còn trùng trình chưa chịu ngồi xuống cầm lấy một chén nước mà đầu lưỡi rất tinh của ông phải nhận là thơm ngon, ông càng chèo kéo ồn mai lên.

Cô Phương, cũng phải phì cười và làm cho ông Đầu Xứ Anh cười luôn thể. Con người nào đã biết e dè với cuộc sống, những lúc cảnh ngộ tinh thần sớm không cho mình phỉ sức hưởng thụ khi ở vào một cái tuổi ăn và ngủ đáng lẽ phải nhiều mỗi lần được vui cười trên mặt thì cái cười ấy thật là thoả đáng, thật đầy đủ và lại xinh đẹp là khác nữa. Nhân một cái vui tươi thế chỗ nét mặt trang nghiêm luôn luôn của ông Đầu Xứ Anh, cô Phương nói một câu mà sự thân mật riêng tây đó đã không cần thầm kín nữa:

- Khoa Ngọ này là khoa cuối cùng. Ông Đầu Xứ nên giữ mình làm trọng, chớ có đau bụng như kỳ năm Mão mà để thiệt thòi nhiều cho vùng Sơn Nam hạ lắm đấy, ông ạ.

Đến chữ "ông ạ" ở cuối một câu nói, giọng rất thành thật và cảm động, cô hàng sách cố làm ra giọng bông lơn cho nó nhẹ bớt sự tha thiết của một câu nói đã lỡ nhời, đã thốt ra từ đáy một tấm lòng để đi sâu vào một tấm lòng khác bấy lâu nay cũng vẫn chờ lúc được đãi đằng. Sự rất hữu tình mà cố làm ra vô tình bằng một cái giọng cố gò lấy, làm sao cho tránh khỏi sự nhận xét thông minh của ông Đầu Xứ Anh được. Ông biết lắm. Ông hiểu cô Phương để ý đến ông lắm. Không cần các bạn nói cho hay, không cần gặp gỡ, không cần âm tín tiêu hao, ba năm nay rồi, linh tính bảo ông biết thế. Nhưng từ ngày vấp ngay khoa thi đầu tiên, ở một kỳ đệ nhất, ông buồn uất vô hạn khi nhận thấy mình ra có còn lều chõng nữa cũng là chỉ để làm sống dậy, trong vòng oan trái, một cái oán cừu xưa cũ của ông cha di lại. Một cái oán hồn đã hiện lên, đã

ốp đồng vào miệng người sống mà thốt ra toàn những lời hằn học, cái oan hồn ấy hẳn không chịu buông tha ông nữa rồi. Hóa cho nên, rớt khoa Ất Mão ngay kỳ kinh nghĩa, ông nhận luôn cho nó là khoa cuối cùngh, chẳng cần phải đợi đến khoa Mậu Ngọ cuối cùng này. Ngay dạo ấy, ông đã tuyên bố rất to rằng ông là thí sinh của một khoa thi thôi. Cô hàng sách không rõ, vẫn tưởng ông còn có bụng với sự lều chõng.

Ngắm kỹ cô Phương, ông thấy cái đẹp của cô già dặn hơn ngày năm trước. Còn muốn nói thêm vài ý nghĩ vui tươi nữa vào việc đánh giá cái đẹp, nhưng ông Đầu Xứ Anh bỗng ngừng lại. Bởi vì – quái, sao mãi đến giờ, ông mới nhận ra – khuôn mặt cô Phương đã hao hao tợ như diện mạo người đàn bà ẵm con xõa tóc ngồi rù than khóc nơi đầu chiếc chõng che trong trường thi khoa nọ. Tự nhiên ông thấy cô Phương không còn hiền hậu nữa. ông nghĩ đến những cái ghê sợ mà một sắc đẹp có thể giấu dưới nụ cười. Ông nghĩ đến những truyện ma quái lúc thay hình biến thể khi muốn hãm hại học trò. Ông nhớ lại cái cười gằn của oan hồn khi hiện thành người, quất đuôi tóc trần vào mặt ông cho ông hồn mê đi và cầm nghiên mực đổ chan hòa xuống quyển thi. Cái oan hồn ấy đã lên tiếng nói, thề quyết làm cho người sống phải lụn bại mới nghe. Biết đến lúc nào cái người nàng hầu cụ Huấn mới nguôi giận và cái âm oán kia hết đi theo ông... Chuyện cũ của cha, hồi sinh thời đi lại với người ta thật ông cũng chưa rõ hẳn đầu đuôi như thế nào.

- Vâng, nhà có thứ mực Kiêu kỵ đấy ạ - cô Phương nhanh nhẩu trả lời ông Đầu Xứ Em.

Choàng tỉnh cơn suy nghĩ, ông đã vội bắt lấy việc mua mực, khuyên em không nên lấy mực Kiêu kỵ:

- Đi thi không ai dùng mực Kiêu kỵ. Mực của xã Kiêu kỵ chế rất tốt, chỉ hiềm mỗi khi viết xuống giấy, nó cắn xuống giấy chắc quá khó tẩy đi lắm. Cô lấy cho mấy thỏi Hoàng tam xương – vàng, nếu hết thứ chữ vàng rồi, cô có thứ chữ bạc cũng được. Cái thứ mực hiệu Diệu tự "nhà ta" bán có được chạy lắm không hả cô...

Chà, người ta ăn nói sao mà xuôi tai, dễ nghe đến thế. Cô Phương nhìn ông Đầu Xứ Anh, nhẩm trong óc mấy chữ "nhà ta". tưởng đến cái lạc thú ngây thơ của một đôi vợ chồng son kia trong lúc đầu gối tay ấp ngửa mặt lên trần giời cao mà bảo nhau rằng trước khi làm bạn với nhau, mỗi người có một ông giăng, và nay thì mảnh giăng của cả thiên hạ kia cũng chỉ là vầng giăng của riêng của "nhà ta". Cô vui lòng quá, xuýt quên cả việc soạn thoi mực cho khách.

- Luôn thể cô cho tôi ít chục tờ giấy lịch nữa.

- Mấy chục tờ ạ...

- Cô đợi cho tôi tính xem dùng hết độ ngần nào thì không là thừa phí.

Làm ra bộ thông thạo thì ít, mà muốn tỏ sự thân mật thì nhiều – bao giờ được nên thân tình nữa nhỉ! – cô Phương co tay tính nhẩm những cái gì gì, rồi cô ngấc đầu, vuốt mái tóc, nói với ông Đầu Xứ Em, giọng nhẻ nhót mà tự nhiên:

- Nộp ba quyển: kỳ đệ nhất, kinh nghĩa một quyển bảy tờ, kỳ đệ nhị, thơ phú, một quyển sáu tờ và kỳ đệ tam, văn sách một quyển mười hai tờ nữa, có dày lắm cũng chỉ đến mười bốn tờ là cùng. Ông định mua trữ giấy mang vào trường đề phòng những lúc phải cánh quyển hoặc đổi trang hư hỏng, chỉ nên trữ lấy từng kỳ một.

Ông Đầu Xứ Anh, vừa soi giấy lịch, vừa hỏi:

- Tại sao thế hở cô...

- Thưa, tại…tại là giấy chuyến này, thú thật với hai ông rằng không được mịn lắm. Chuyến sau, có thuyền hàng phường neo về, thế nào cũng có giấy tốt hơn nhiều. Có lẽ kịp kỳ đệ nhị của các ông đấy. Để tôi xem nào.

Cô hàng sách, bán giấy bút cho học trò trường Nam đã mười năm có lẻ, đã không phụ cái tiếng là một người thông thuộc những phong tục nơi trường ốc. Cô Phương lại co tay tính nhẩm một hồi.

Được rồi. Mùng một tháng mười là ngày vào kỳ đệ nhất. Có chóng thì cũng phải hết cữ thượng tuần tháng mười mới có bảng vào kỳ đệ nhị. Phường giấy của tôi thể nào cũng có thuyền về bên trên mom sông trước ngày mùng mười. Đúng cái hôm tết trùng thập cúng cơm mới, các ông lại đây mua mở hàng cho kiện giấy lịch Bưởi. Giờ các ông lấy tạm ít chục tờ dùng đỡ trong kỳ đệ nhất vậy.

Cô đếm giấy, thổi những tờ giấy chập đôi, nâng tờ giấy lên với cái nâng niu nhẹ nhàng của một người chị cả săn sóc em thơ lúc mẹ già đi chợ xa. Chỉ có những người đàn bà đẹp và phúc hậu thì mới thổi được giấy như thế thôi. Cô đếm thành hai xấp, mỗi xấp đâu hai chục tờ, đùn một xấp vào phía ông Đầu Xứ Em, còn cái xấp thứ nhì là lấy sau ở trong ruột tệp khác, cô trao tận tay ông Đầu Xứ Anh, cặp mắt tình tứ linh động như muốn nhắc thầm ông rằng cái xấp sau đây tốt hơn xấp trước, và sự đối xử chênh lệch này trong lúc soạn giấy không phải là do ngẫu nhiên. Ra chiều tin chắc vào cái tài và cái may của

hai anh em ông Đầu Xứ thi khoa này, cô hàng sách vẫn lấy cái cười duyên dọn đường cho một câu nói mà ở một cái miệng khác thì không khỏi thành ra thiếu lễ phép:
- Cánh quyển mà dùng bấy nhiêu giấy là nhiều quá lắm rồi. Phải thay quyển, đổi quyển đến quá ngữ giấy này, thì chỉ còn có ngồi mà lắng ba hồi chín tiếng trống ngoại hạn…
Lúc ra về, ông Đầu Xứ Anh, trong một phút sầu hận, đã muốn trả lại cô Phương tập giấy, để thầm bảo cô hay rằng cô đã làm một việc thừa, riêng đối với ông Khoa Ngọ này, ông có đi thi đâu.
… Mấy bữa nay mưa to gió nặng. Nước trên trút xuống, nước ở dưới dâng lên, người thiu và cảnh ướt át sống trong một bầu không khí nồm ê ẩm và lo lắng. Trăm nhà vùng Sơn Nam hạ lại mới nhận được thêm cái tin đê vỡ đường trên vùng Kinh Bắc. Nằm nghe mưa rơi trên quán trọ xóm Cửa Trường, một đêm nguyệt tận năm Ngọ, ông Đầu Xứ Anh những hết lo xa rồi lại nghĩ gần. "Mình không đi. Chú nó đi khoa này, hay dở sao đây…". Trong một lúc mơ hoảng ông lại trông thấy bóng người đàn bà mặc đồ trắng, xõa tóc, kiểng gót, thu một đứa trẻ con vào tà áo sổ gấu, đi tuột vào phía nhà ngang. Ông ú ớ như người bị ma mộc đè, cố gắng mà không quẫy mình dậy được. Cái người đàn bà mặc đồ trắng, chân không sát đất, lại lẻn trở ra, và, khi lướt qua mặt ông, cười gằn mà không nghe thấy tiếng, tà áo quất vào má ông, nhức nhối và buốt lạnh như chưa bao giờ cảm thấy.
- Anh nói mê những gì thế...
Ông Đầu Xứ Em lắc mãi, ông mới hoàn hồn, nhìn em một lúc lâu rồi hỏi:
- Chú đã sửa soạn lều chõng đủ cả rồi...
trống đêm cuối thu và đông non điểm bốn tiếng dục. Uống hết một nai rượu để chống lạnh và trừ gió mà nhà trọ đã dọn sẵn từ khuya, ông Đầu Xứ Anh bỏ thêm một đinh vàng vào tráp của em.
- Khi nào thấy "khang khác" trong trường thi, chú đốt vàng cho nhiều vào. Thôi ta đi đi. Anh đưa chú vào đến cửa trường. Đưa tôi cái bộ gọng lều và chõng. Chú đeo lấy ống quyển và tráp, Đi đôi tất vào cho nó ấm.
Đêm mưa dầm vẫn tối như bưng lấy mắt. Hai cái tài hoa anh em kia, cộng lại không được bốn mươi nhăm tuổi đầu, bì bõm dắt nhau đi về phía cửa trường thi. Có tầm mưa gió và đi đêm như thế này, người ta mới thấy bước công danh là một con đường chật vật, nên xét lại xem có nên tiếp tục đi nốt hay không! Giá cô Phương Hàng Giấy có đứng đây mà nhìn này! Ông Đầu Xứ Anh cắn vào môi mà bước. Trong tối tăm, tiếng hơi thở người anh dẫn lối cho người em lặng thinh từng bước một. Bãi trường thi thấp hơn mặt nền tỉnh. Nước mưa lụt dồn về, cỏ mây chôn ngập lút cả ngọn. Đứng xa trông những cây đình liệu rọi trên bãi cỏ xâm xấp nước, người không có chữ tưởng đâu như dân cả một làng chài nào đó đốt đuốc là nghề trên bãi nước. Càng tiến gần lại trường, người ta có những cảm tưởng rùng rợn như khi chịu bó tay đứng nhìn một đám cướp lớn bật lửa hồng phá nhà lấy của trên xóm trên, trong những ngày lụt lội ở xứ bị thuỷ tai, quân cướp toàn đi bằng thuyền. Cái tiếng mắt nứa nổ to ở cây đình liệu cháy sáng, có khác gì cái tiếng quân hồi vô lệnh đốt ống lệnh bật hồng của phường đạo tặc.
… Ông Đề Điệu đã leo lên ghế chéo. Một người lính thể sát bắc ống loa, lia ống loa qua lại. Giọng loa hô:
" - Báo oán giả tiên nhập;
"- Báo ân giả thứ nhập;
"- Sĩ tử thứ thứ nhậ…ập"
("Những oan hồn báo oán vào trước; "Những oan hồn báo ân vào sau; "Các thầy khóa vào sau rốt")
Tiếng loa đồng xoáy sâu vào màn mưa lạnh. Trời còn tối đất. Ông Đầu Xứ Anh nghe tiếng hô, nhợt nhạt, luôn luôn nhìn trộm em. Người em bây giờ chỉ là một thân cây cột cứng đờ mà sự thi cử đã mắc vào đấy biết đến bao nhiêu là thứ múi dây lòng thòng: dây lều, dây chõng, dây buộc bộ gọng, ống quyển v. v… Cùng với ngàn ngàn người khác, hai anh em đứng nghếnh mãi cổ lên, kiễng mãi người lên như muốn nhìn rõ mặt người lại phòng xướng danh. Đã lâu chôn chân xuống bãi sũng nước, lòng dạ người người đều bàng hoàng. Bỗng ông Đầu Xứ Anh dun mạnh người em:
- Kia… làng Cổ Nguyệt! Tên chú! Vào đi.
Trời sáng tỏ đã từ lâu. Cái hàng rào sĩ tử có đủ các hạng tuổi từ một cái đầu xanh mặt trắng cho đến một chòm tóc bạc, một lớp da mồi, đã bị xé thủng. Ông Đầu Xứ Em lách mình qua rồi, nhưng lều chõng còn vướng mắc lại sau lưng, gỡ mãi mới ra. Nhốn nháo một lúc lâu, cái bể người, đã lấp được chỗ trống của một con sóng người tràn đi, lại bằng phẳng như cũ để chờ đợi một cái đổi dời khác. Ông Đầu Xứ Anh ra về, chỉ hận rằng, lúc tới tấp, quên không dặn lại em nên đốt một lúc cho hết đinh vàng lá trong tráp nếu ở trong trường có thấy "cái gì

khang khác". Dọc đường, ông gặp một toán lính khố xnah đội nón đĩa, nai nịt súng ống gọn ghẽ. Người ta bảo đấy là bọn lính nhà nước phái thêm vào trường giữ trật tự.
… Ông Đầu Xứ Em dựng lều, dọn chỗ ngồi dự thi giữa sự giằn dỗi của trời đất. Mưa to gió lớn trên một trường thi. Cứ thế mãi mãi, cho đến qua giờ ngọ, cho đến quá giờ mùi. Vậy mà xưa nay người ta vẫn bảo mưa không qua ngọ gió không qua mùi. Sĩ tử khắp bốn vị ất giáp tả hữu, co ro trong lều dột, thật đã coi tính mạng mình không quý bằng quyển thi chỉ luôn muốn những chuyện tì ố. Chốc chốc cái loa đồng ngoài cửa trường lại kêu inh ỏi gọi các tư gia ai có thùng gỗ hay thùng sắt tây thì cho đem vào trường bán cho học trò kê quyển viết và độn thêm lều chõng ngồi.
Cái bản nháp viết xong lâu rồi mà quái lạ, hễ cứ động ngòi bút lên mặt quyển là ông Đầu Xứ Em lại thấy đau bụng, đau quằn quại tựa chứng hoắc loạn cứ như giùi vào từng miếng tì vị. Ông cựa quậy nhiều lắm, vừa ôm bụng, vừa giữ ống quyển. Cái chõng tre đặt trên bãi cỏ ngập lún xuống lần lần. Giữa hai cơn đau bụng, những lúc trời ngớt mưa, từ khu nhà thập đạo, vẳng về lều ông những tiếng sĩ tử kêu nài: "Lạy các quan, còn chỉ có một khoa thi này, xin các quan thương cho anh em được đổi quyển. Trời mưa ướt lấm, anh em có muốn như thế làm gì…"
Thấy ở một vài lều chung quanh có khói lửa và tàn vàng bay ra, ông Đầu Xứ Em sực nhớ đến đinh vàng cất trong tráp, bèn lấy ra gỡ từng tờ một xếp ngay ở đầu mép chõng, một tay chận cơn đau nơi bụng dưới, một tay châm mồi lửa bùi nhùi. Gió thổi vào đống lửa vàng hóa bùng bùng, lửa kêu vù vù. Trong tiếng ngọn lửa reo, lại như có tiếng người nói cười lanh lảnh. Khói bốc lên, khói trụt toả xuống soai soải, những vệt nước thời gian trượt từ đầu ngọn tường xuống vách gạch những đền chùa xưa cũ có mốc vẽ hình có rêu phong dấu. Những vờn khói nhẹ đổ xuống nhanh, đổi màu rất nhanh chóng. Trước mắt ông Đầu Xứ Em mê mệt và hoảng hốt, những vờn khói - thoảng mùi gây gây, khen khét, và tanh lợm - bỗng sẫm hẳn lại thành một mớ tóc xõa u hiển đóng khung lấy một khuôn mặt người. Lửa vàng gần lụn, vụt bùng lên. Trời đất tối sầm xuống. Ông Đầu Xứ Em thấy bãi trường thi hình như nó rộng lớn hơn cả cái kiếp người. Trường thi âm u và không quạnh. Gió thổi bay quyển thi xuống làn cỏ dầm nước. Ông Đầu Xứ Em gắng nhoài người ra, muốn vớ lấy quyển bị gió vừa thổi bốc khỏi mặt tráp. Ông hụt tay, chỉ đủ giữ mình khỏi ngã. Cơn đau bụng trở nên dữ dội. Ông gục xuống tráp, thiếp dần. Ông Đầu Xứ Em tỉnh giấc, thấy trong người nhẹ hẳn, tưởng chừng như cơn đau dữ dội ban nãy chỉ là một cơn ác mộng. Ông bỡ ngỡ, mất hết cả ý thức về thời gian và không gian. Ông ngơ ngác trước hoàng hôn như một người còn ngái ngủ ngày. Từ một chòi cao, người ta đã điểm mau hồi trống ngoại hạn.
Ông Đầu Xứ Anh đã đón ở cửa trường. Bỏ lại cả lều và chõng, cầm chỉ vỏn vẹn có một bản nháp, ông Đầu Xứ Em đã rời bước trong một giấc thần thờ. Hai anh em gặp nhau không nói một câu nào suốt từ cửa trường về đến nhà trọ.
Tại nhà bà Phùng, ở mâm cơm tay đôi ấy, có một người hỏng thi khoa thi chữ Hán cuối cùng đã uống cạn ba bình rượi cúc, vào một đêm dài nhất trong đời người.

Lọan âm (Nguyễn Tuân) (xem file PDF)

Xác Ngọc Lam (Nguyễn Tuân)

Ở làng Hồ Khẩu có nhà họ Chu làm giấy nổi tiếng đã đến mấy mươi đời liền. Ông tổ bốn đời của nhà họ Chu, đâu suýt nữa có lần ra làm quan. Thời ấy, nhà vua xuống chiếu cho quan địa phương phải làm sổ đệ dâng về những môn bách nghệ trong nước và tên họ những người có tài thủ công trong các môn ấy. Về các phường làm giấy bán giấy, một hạt Hà Đông, nhà họ Chu được đứng đầu vào sổ kê khai bách nghệ. Ý chừng quan địa phương đã cho giấy là có mật thiết với văn chương khoa bảng của một nước sùng thượng kẻ sĩ nên đã liệt họ Chu lên đầu sổ. Chẳng rõ như thế có phải không, nhưng cứ cái chất giấy dó của nhà họ Chu đem ra xét thì đến giấy trúc của Tầu cũng xê ra lui chứ đừng nói là giấy dó của bất cứ lò nào xứ ta nữa.
Nhà họ Chu vốn không làm giấy moi bao giờ. Chỉ toàn làm giấy lụa và giấy lệnh hội để viết bằng viết sắc. Và vào khoảng đầu năm Tí Mão Ngọ Dậu có khoa thi, thì nhà ấy mới làm đến thứ giấy để học trò đóng quyển gọi là giấy thi. Giấy của họ Chu chế ra, bao giờ soi lên cũng có hai chữ Chu Hồ in lối thủy ấn. Hai chữ thương tiêu viết theo lối triện cổ trước đời Tần nhắc cho người dùng giấy biết rằng đấy là giấy của họ Chu làng Hồ Khẩu. Trông đến tờ giấy dó của nhà này là ai cũng biết ngay, chẳng cần phải soi lên mà tìm dấu thương tiêu thủy ấn nữa. Cái

đám đàn bà con gái buôn tạp hóa họ đã đố nhau là xếp ra trước mặt rất nhiều loại giấy của rất nhiều nhà làm giấy bán ra, rồi người bị đố sẽ nhắm mắt lại, chỉ được lấy tay rờ mà phải gọi được tên giấy của lò nhà nào ra. Chẳng bao giờ các bác các cô ấy gọi sai các loại giấy của nhà họ Chu cả. Thì ra gồng gánh ăn phường ăn hàng mãi khắp chợ thôn quê, họ đã hiểu hết những đức tính của giấy nhà họ Chu. Nó nhẵn mặt mà không cứng mình mà chất lại dai và lắm tờ khổ rộng mình dầy thế mà bắc đồng cân lên thì nặng chỉ như cái lông ngỗng. Mặt giấy xốp, nghiêng giấy ra ánh sáng mà nhìn chất cát dó thì nó như làn da má trinh nữ phẳng đượm chất tuyết của lớp lông măng. Vuốt vào mặt giấy, người ta có cái cảm tưởng được sống là một điều dễ chịu; mùa nực, rờ vào giấythấy mát cả lòng bàn tay và về tiết đông ấp tay vào giấy nhà Chu, thấy nó âm ấm như có sinh khí. Đưa lên mũi, tờ giấy đượm hơi thơm của một thứ mùi thảo mộc còn tươi sống, thật là một vật quý trên thế gian. Tờ giấy dó từ nhà Chu họ đưa ra thị trường, ai nhìn thấy cũng lấy làm sung sướng. Nó đẹp đến nỗi mọi người đều yên trí rằng dẫu đứa thất phu có cầm bút vẽ bậy vào đấy thì những nét lếu láo ấy vẫn cứ thành được hình chữ. Nhưng hồi ấy người ta còn trọng nho phong và chúng nhân đều là người trí sĩ cả, nên tờ giấy nhà họ Chu còn được may hơn là phận những vách đá giơ mình ra cho người dốt thích thơ vào. Người có chữ nhưng mà văn xoàng và chữ xấu thì đều không nhẫn tâm đè giấy họ Chu ra mà viết. Người dốt thì biết kiêng sợ và chỉ trông thấy giấy có thủy ấn Chu Hồ là đã chạy xa rồi. Thành ra, kẻ sĩ ở vào cái thời ấy thấy ai dùng đến giấy Chu Hồ là họ tìm đến; vì chẳng được văn đại khoa thì âu chữ cũng phải có nét bút thiếp – Mà sự dùng giấy dó nhà họ Chu Hồ đã thành một lối biểu dương riêng của một phái quý tộc trong làng văn mặc.

Cái lần ấy được triệu vô kinh và được hầu lạy quan thượng thư bộ Lễ để tỏ bày những đức tính của giấy dó lò nhà, ông cụ họ Chu đã làm cho bực lão thần và tất cả thuộc nha một bộ phải kinh ngạc và trầm trồ. Ông cụ đã bày các thứ giấy các loại án thư và bắt những con gián con nhậy con dài đuôi thả vào đám giấy ấy. Thì lạ quá, cả một lũ côn trùng kẻ thù truyền kiếp của sách và giấy đều chạy lảng xa rất nhanh khỏi chồng giấy và lẩn trốn đi đâu hết cả. Bộ Lễ bèn làm giấy dâng lên chỗ chín bệ và nhà vua bèn xuống chỉ cho ông cụ già họ Chu sung vào một chân trong Cẩn Tín Viện để ở luôn nơi Thành Vàng sớm tối chế giấy cung cho cả một hoàng tộc và cả một triều đình. Bộ Công đã có chỉ phải xây hai lò giấy dó bên sông Hương và ông già họ Chu sẽ là vị quan trọng dụng lần thứ nhất để coi mấy lò giấy mới mở đó. Nhưng ông già họ Chu lấy làm sợ hãi mà tâu lên rằng hiện trong mình đang mang cái tang mẹ và xin được lộn về bắc, cứ ở nơi Tây Hồ nguyên quán mà chế giấy Ngự Chỉ và thường niên đệ vào kinh do quan địa phương săn sóc việc đưa đi theo những kì hạn nhất định. Triều đình thấy việc ông già họ Chu cũng thuộc về một trường hợp đình gián nên cũng ưng và không nghị tội.

Vậy từ ấy, giấy Chu Hồ tiếng lại càng bay rộng ra. Thường niên gặp kỳ vạn thọ hoặc khánh đản triều đình vẫn nhớ đến công người làm giấy, ban cho nhà Chu hết Tưởng lục này đến Tưởng lục nọ và ân tứ cho vô khối là vàng lụa. Đời một người thôn dã lái buôn mà được đặc sủng đến dường ấy, thực cũng là một sự đáng ghi lại nơi ngoại sử của một thời trong một nước chỉ biết quý yêu có kẻ sĩ. Và cổng lò giấy nhà họ Chu làng Hồ còn nhiều ngàylại vui nhộn quá cửa hầu quyền. Lốt xe vệt móng trước nhà người thường nhân, hãn hữu lắm mới chịu ăn rêu đậu cỏ. Những bực cao sang tài huấn của một thành đô vẫn thường lấy chỗ ông già Chu là một nơi hẹn hò với hạnh phúc. Được cái nhà họ Chu có cái đức làm người bình dị rất vững, nên vẫn cố giữ mực thường, không vì thế mà thành kiêu lộng và lại càng vui với cần lao và nghề nhà ngày một càng tinh xảo. Vào nhà ấy người ta không thấy có gì là lộ ra cái lối phú quý chơi trèo. Giá vào kẻ khác thì ít ra ở đấy cũng đã điểm những vệt vàng lớp son - mà vả cũng chính đáng lắm chứ sao. Nhưng không. Ở đây vẫn chỉ có cái tầu dó gỗ xù xì, tảng đá ép ấy vẫn nhẵn lặng và hòn đá nghè giấy rất khiêm tốn nằm trên giữa nền đất trị. Từ đời ấy đến đời khác vẫn chỉ có bấy nhiêu. Rất cổ điển, cổ kính và đơn bạc. Cái gì mà cả dòng nhà ấy biết quý yêu thì vẫn lại là cái tờ giấy do mình chế ra cho người có chữ dùng.

Cho đến bây giờ.

Cái tảng đá xanh màu núi mùa thu và vuông mỗi chiều hai thước ta, dùng để nghè giấy cho nhẵn mặt, vẫn chỉ là một vật rất thành thuộc ở với nhà họ Chu đã đến sáu bảy đời. Nó câm lặng mà phụng sự như không biết có mình nữa. Và người ta quý nể nó như là nương nhẹ một người lão bộc. Ít khi người nhà họ Chu nỡ nặng tay gieo đầu chầy xuống miếng đá của tổ phụ lưu lại, những khi nghè mặt dó giấy. Mà người ngoài cùng làm nghề này thì cũng chỉ

thấy viên đá là một viên đá, đánh cho nó cái giá của một viên đá thôi. Cả đến nhà họ Chu cũng nghĩ vậy. Nhưng… hòn đá ấy vốn có một đời sống thuộc về tâm hồn. Kể cũng hơi lạ…

Rừng Hoành Bồ có một nương dó. Rộng sâu lắm. Cũng gần thành một cánh rừng riêng. Gió thung lũng thổi vật vào nương dó, mỗi đợt muốn đi gấp qua hết lòng nương thì cũng phải tàn mất nửa điếu thuốc quấn. Trong cái lỗ cùng tịt của rừng dó, có một cây dó không rõ mọc từ đời nào mà cao vút, cành lá vênh vào át cả những cây Thiên niên tùng gần đó. Loài dó vốn là một loại cây trung bình, thường chỉ cao hơn đầu người, mấy khi đã có được chút bóng dài. Vậy mà cây dó cổ thụ này mình to như mình lim, mỗi lúc mặt giời chỉ lệch quá ngọ một phần nén nhang là bóng nó đã rợp cả một khoảng lòng suối xa kia để làm vui cho một đàn cá hương ngư. Người trung châu mình vốn hay khiếp lánh những cái gì to quá, không dám nhận những cái cao to là hẳn vật riêng của thế giới mình bèn gọi cây đại thụ đó là Gốc Dó Thần, phải nhắc đến thì chỉ dám nói thầm và lần gặp mùa bóc dó, họ đều lảng xa khỏi gốc dó thần. Góc nương dó có gốc cây thần, chả mấy mà đã thành hoang vu và trở nên bí mật như một rừng cấm, gió ngàn có lách qua được kể cũng còn mệt. Chỉ có bọn thổ dân sơn cước muốn mở một lối đi tắt là còn dám lần vào đó chứ đến bọn người Kinh đi bóc dó thuê là đều lùi cả.

Nhiều buổi rừng dó lặng gió quang mây, từ góc rừng cấm nổi lên những tiếng hát, giọng không ra bắc không ra nam mà hơi hát thì toàn bắt chênh đi cả; lúc xa lúc gần, cái thứ tiếng nói không ai hiểu là tiếng gì đó đi khắp cả nương dó. Tiếng nói, đôi khi lại có chen vào ít tiếng trúc. Bọn người Kinh đi lên rừng Hoành Bồ bóc dó, nghe thấy tiếng hát giữa nơi mênh mông đìu hiu, giá đừng có những cái lối khiếp đảm tầm thường, thấy bất cứ cái gì không quen thuộc như là cơm áo và tiền là y như đã sợ - thì vào những ngày gió tạnh mây quang nơi nương dó ấy, là họ đã có dịp gần nghệ thuật và tai nghe được cái tiếng thuần túy của nghệ thuật rồi đấy. Họ nghe tiếng hát lần lần vẳng lên thì cái lòng kinh hãi nơi lòng họ cũng tăng lên dần dần. Thậm chí có người ngất đi và cấm khẩu, phải đốt đến hàng đống là khô mới tỉnh lại. Mới hay tiếng hát u hiển và tiếng trúc tuyệt vời có khi lại cũng làm tội đến cả những kẻ đi làm thuê ăn công nhật. Rồi có bao nhiêu người Kinh đi bóc dó thuê kia đều lấm lét bỏ cả việc, quây quần lại sát thít vào nhau bên đống lửa cho đỡ sợ. Tiếng hát tắt đã lâu lắm bọn họ mới lại dám lò dò ra làm nốt buổi. Nhưng người thổ dân cùng đi bóc dó chung với họ, lấy thế làm cười và bảo họ:

- Không việc gì mà thất đảm đến như thế. Cô Dó hát đấy. Cô Dó không có làm hại ai bao giờ.

- Các bác bảo cô Dó hát? Ai là cô Dó?

Đám thổ dân sơn cước vui vẻ chỉ đúng cái cây Gốc Dó Thần ở phía xa:

Cô Dó ấy đấy. Cô ở cái cây đấy. Cô là hồn sống của cái cây ấy. Chúng tôi vẫn thấy luôn. Hôm nào đi làm về, gặp cô thì y như về đến nhà, ở mãi trên kia – bọn tôi cũng đều vui và quên mệt. Cô lúc nào cũng mặc một cái áo màu chàm.

Họ còn nói bọn thợ Kinh nghe rằng cứ năm nào cô Dó hát trong nương thì giấy dưới vùng xuôi làm ra rất nhiều. "Chắc dưới vùng xuôi lại có khoa thi khoa thiếc gì , nên năm nay cô Dó lại hát". Bọn thợ Kinh tính ra thì năm họ đang bóc dó vụ chiêm đây là một năm Mão. Vả nghe thấy đám người núi nói chuyện giọng thành thực, nên bọn Kinh cũng đỡ sợ và từ đấy một vài người lại còn sinh ra tò mò nữa. Họ rình cô Dó ra hát – Bọn thổ dân nói đúng đấy. Cô Dó mặc áo xanh màu lam và cứ đi đến gốc Dó Thần thì vụt mất. Nhiều lần thấy thái độ bọn thợ Kinh là suồng sã lộ liễu quá, cô Dó giận dỗi mất hàng mấy hôm. Bấy giờ thấy nương vắng tiếng cô Dó, bọn thợ Kinh phần đông mới thấy nhớ và thấy hình như ngày làm của họ thiếu mất một cái gì. Nhưng sau đấy ít ngày, rừng dó lại vang tiếng sáo tiếng hát. Bởi vì vui hát là bẩm tính của cô Dó và cô vốn không phải là một sinh vật trong nhân loại nên lòng tha thứ ở người cô rất quảng đại.

Chuyện này đồn về đến vùng xuôi.

Có cậu Năm nhà họ Chu ở ven hồ Lãng Bạc nghe chuyện lấy làm mê lắm. Vụ bóc dó mùa năm sau cậu Năm bèn dặn dò lại công việc làm ăn cho người nhà trông đỡ lấy lò giấy làng Hồ Khẩu rồi theo luôn bọn thợ bóc dó lên rừng Hoành Bồ. Cậu tìm vào nương dó đánh gianh làm nếp nhà bên suối, ngày ngày ăn cơm lam chấm với tro giang tàn nứa đốt ra làm muối. Cậu Năm nhất định chờ cô Dó. Đôi khi cậu Năm bắt chợt được tiếng hát tiếng trúc, nhưng đến bóng người áo chàm thì từ ngày vào nương, cậu chưa được thoáng một lần nào. Thì ra cái giống tình xưa nay vẫn là thế, lúc không thì chẳng sao, khi mà một bên đã hơi hiểu đến tình ý thì y như e lệ thẹn lánh rồi là bày ra cái trò bất diệt đi trốn đi tìm. Biết có người trai đẹp dưới Kinh tìm đến chỗ cỏ cây

muôn năm xanh tươi để chí tình cầu đến cái thanh cái sắc của mình, cô Dó trở nên mất hết tự nhiên rồi lãng hết lối mọi ngày tung tăng trong nương. Và giờ, có cao hứng lắm thì cô Dó chỉ ngồi trong Gốc Dó Thần mà hát cho đủ thành điệu thôi. Thế mà cậu Năm đã chờ bên gốc cổ thụ hôm nào không rõ. Cậu Năm là người có chữ nên cậu ngờ rằng điệu hát cô Dó mang máng như lối trong giáo phường đọc phú và nhiều khúc thì lại có cái âm luật xốc vác của thơ cổ phong năm chữ ngâm bằng một giọng bi tráng khê nồng của người khách hiệp gặp đường cùng. Đến đoạn sau thì dài hơn, trong trẻo như pha lê và vui như tiếng thông reo giữa giời nổi gió. Có dờn dợn chăng thì là cái đoạn chót của bài hát. Nó lơ lớ ấm ế ôi a như lối ma hời đưa võng ru con. Đứt câu hát, lại có tiếng cười gằn và tiếng thở dài. Buồn cho hoang vu và cảm thấy lẻ loi, tay dờ dẫm Năm ta bấm móng tay vào vỏ dó thì thấy từ ruột cây tuôn rơi xuống hai dòng lệ đặc. Trời, như vầy thì đến phải lấy nhau mới xong. Cậu Năm bèn khấn xin cô Dó cho thấy mặt. Bóng dương đã ba lần chếch bên cây to mà cậu Năm vẫn một niềm chôn chân đứng chờ giữa trời. Cây to vẫn im lặng, gió rừng chiều gỡ một cái lá, thả từ chỏm cây vào lòng cậu Năm như trao cho nhau một bức thư không lời.

Ngày thứ tư, mặt giời vừa vươn lên khỏi ngàn trước mặt là đã thấy cậu Năm đứng dưới gốc dó tay cầm một cây rìu lưỡi sáng quắc. Người tình nhân ấy bữa nay trông quả quyết như một người sơn tràng sắp ngả một cây gỗ rừng rồi tay đè rồi đẽo sẹo rồi cốn nốt và thả đà. Cậu Năm vỗ vào thân cây, tiếng nói thất thanh, kêu rằng cậu không đợi được lâu hơn nữa – trong người cậu thấy rề rề mầm bệnh sốt rét rừng và nếu hôm nay cô Dó còn lánh mặt nữa, thì phải phá nhà cô nghĩa là chém cây cổ thụ mà "còn tình chi nữa là thù đấy thôi" rồi cậu xuôi luôn về Kinh đây này cho mà biết. Đến nước này thì cô Dó phải ra. Dưới gốc, kẻ khóc người cười. Cả hai cùng e ấp rồi cùng khấu đầu tạ lỗi. Sóng vai trên cỏ sương hai người bàn đến chuyện đưa nhau về Kinh. Chợt nhìn đến lưỡi tầm sét sáng như nước nằm dưới chân, hai người cười liếc nhau và cậu Năm cầm liệng luôn xuống dưới lòng con suối bạc. Sợ người ta ngượng vì mình và yêu nhau kém tự nhiên đi, mấy con bướm phấn đậu ra những ngọn lau xa. Đàn chim – má cũng ửng hồng lên vì chút thẹn lây – bay đãi lạc đậu lên chòm xanh, chừng cũng cho thế là phải, bèn rủ nhau đi sang rừng khác, sau khi gáy lên mấy dịp tươi nhanh để tỏ mừng. Mấy bụi sim quanh quất gần đều cho mở một loạt cánh tím, mặc dầu mùa hoa tím đã hết từ ngày hạ.

Cô Dó sụt sùi hỏi cậu Năm rằng:

- Trên này tôi đã quen với thảo mộc. Về dưới Kinh anh cây cỏ cằn vắng, chất xanh nghèo nàn sẽ biết gửi mình nơi nao và ở vào đâu?

- Em sẽ ở với đá với nước. Lấy cái xanh của nước thay tạm cho cái xanh của lá, lấy cái lành vững của đá thay cái mềm lạnh của cây, anh tưởng cũng tiềm tiệm được.

- Đá nào? Nước nào?

- Nước Hồ Tây. Và phiến đá làng Hồ Khẩu. Nhà anh làm giấy ở kẹt vào giữa một con sông và một cái hồ rộng. Có hòn đá nghè giấy, mỗi chiều bằng vai em, tưởng em cũng không đến nỗi chật quá. Vả em vốn sinh trưởng bằng nhựa dó và dưới ấy là nhà anh làm giấy, sự sống hàng ngày có thêm em nữa, cũng không phiền thêm chút nào. Thế giờ liệu đã xuống núi được chưa?

Cô Dó gật gật. Rồi cô xin phép cậu Năm cho cô khóc một lúc để tỏ chút nghĩa với Rừng Cao Cả. Cô quỳ xuống lạy Ngàn Xanh hai lạy, giọt dài không khác người con gái lạy sống cha mẹ để lúc bước chân về nhà chồng. Cậu Năm mắt cũng rớm lệ. Con suối bạc cảm động quá ngừng hẳn lại, không chịu chảy xuôi nữa. Lòng suối im ả như gương tàu phản chiếu không nhòe lấy một đường viền nào, cái bóng hai người đang lấy tà áo chùi lẫn cho nhau những châu lệ hạnh phúc sớm mờ. Hai người say sưa và mệt mỏi, đi trên một cái lối mòn ăn ra dốc đèo. Chúa rừng cho nổi một cơn gió nóng tiễn đưa cô Dó ra cửa ngàn. Có một con hươu đực đang vươn cổ cao nhìn cô Dó xuống đồng bằng, mỗi lúc một bé dần. Nó quật sừng nó vào cái cây đại có những cành ngang và lá to làm bận tầm mắt nó.

Cái bóng áo chàm người sơn thần nữ vu quy đã tan lẫn vào cái xanh lớn lao của ngàn già. Bữa ăn chiều ấy, hươu đực ngốn tấc cỏ thấy chát đắng.

Nương dó mất tiếng hát từ đấy. Sớm ngày sau rừng dó bỗng kêu một tiếng ầm như ngọn núi nào lở thụt ngã xuống vực. Gốc dó thần đổ vật. Người giai nhân đã đi. Đất này trơ lại những lá úa rầu.

Nhưng mà từ nay ven hồ Tây và trên dòng sông Tô Lịch lại có tiếng cô Dó bây giờ xuống hát ở dưới đồng bằng.

Hát riêng cho cậu Năm nhà họ Chu nghe thôi.

Hôm về tới làng Hồ Khẩu, trời đã canh hai, cả nhà đều đã ngủ say. Cậu Năm đưa cô Dó về nhà mà không ai biết tí gì cả.

Trông thấy viên đá xanh nghè giấy đặt chìm xuống nền đất trị, cô Dó cười hỏi chồng:
- Đấy phải không?
Cậu Năm đang dở tay đốt đèn quay lại gật gật. Thế là cô Dó lẩn mình ngay vào tấm đá, sau khi ăn hết hương thơm của mấy trăm tờ sắc vừa seo xong còn ướt để ở ngoài hiên – Mấy ngày đi đường, cô đói quá. Lại vừa mệt nữa. Nên chỉ kịp chào cậu Năm và nói có một câu "Đầu canh tư, anh đánh thức em dậy với" là cô đã ngủ ngay trong lòng đá.
Riêng cậu Năm thì không ngủ được. Ngồi uống rượu một mình cho đỡ lạnh, Năm thấy phải độc ẩm có ý buồn buồn, bèn thành kính rót một chén xuống mặt phiến đá và tuy mới sang canh ba được có một lúc, cậu cũng đánh thức vợ dậy để cùng nhắp một chén tân hôn.
- Này em này, đã sang canh tư rồi. Sao tua dua tháng mười đã gần tụt hết xuống phía đoài rồi đấy. Em ngồi dậy uống một chén mừng cho đỡ lạnh
- Anh lấy một ít bột dó chưa seo đắp lên mặt đá cho em kẻo trong này lạnh lắm. Ngày thường, anh bắt đầu làm việc từ lúc nào?
- Cứ trời gần hửng sáng thì anh đã trở dậy nghè giấy. Đúng ngọ, ngừng tay một lát ăn cơm. Mặt trời lặn thì anh nghỉ hẳn tay chầy.
- Từ nay có em về ở cùng, anh nên đổi thời khắc biểu cũ đi. Em thuộc chất âm, ít chịu được cái nóng sáng của mặt giời. Em muốn từ bây giờ, anh thay giờ làm việc, lấy đêm ra mà làm ngày. Như thế nó tiện cho em những lúc phải đỡ đần anh một tay. Vả chăng, cái việc em về làm bạn với anh, cũng không nên cho người khác biết cả đến người nhà nữa. Muốn giữ bền được hạnh phúc, chúng ta nên mai ẩn ít nhiều tung tích của mình đi để tránh những việc dòm giỏ của chung quanh. Lại còn thế này nữa: là thỉnh thoảng em có muốn lách mình ra khỏi đá để hát cho anh nghe hoặc đánh bóng mặt giấy cho anh, mà phải lộ tấm hình hài cho người ngoài thấy thì thực là một điều không những là bất tiện mà lại còn nguy hiểm cho hai mình nữa. Nào, anh đổ xuống mặt đá cho em một chén rượu nữa, người em vẫn còn mệt lắm, nhưng đã là ngày vui nhất trong cuộc đời thì phải say và phải hát chứ. Em sẽ hát bài ngắn thôi rồi đi nằm. Lúc nào gà gáy canh một đêm nay, em sẽ dậy. Anh cũng đi ngủ; để tối hãy làm giấy.
Cậu Năm nghe theo lời vợ hiền. Và từ bấy giờ cả nhà đều phải để ý đến những giấc ngủ ngày triền miên của cậu Năm. Hỏi, cậu bảo rằng cậu vừa tìm được một phương pháp mới để chế giấy cho tốt hơn: giấy nghè vào lúc đêm hôm thì mặt bóng hơn, chất chắc hơn vì… vì nó có hơi sương và tia trăng tia sao! Cậu nói thế mà cũng có khối người trong nhà nghe được đấy.
Ở ven hồ Tây, giờ cảnh đêm đông không còn lặng lạnh như mọi khi nữa. Trong sương, đùng đục những dịp tiếng chầy nhà cậu năm giã dó và lắm buổi lại còn lẫn một thứ tiếng hát, âm thanh lơ lớ và nhịp, lúc mau như tiếng khổ dựng trong nhà Tơ và lúc thưa thì giống hệt lối ngâm thơ Thiên Thai rồi ngân dần lên và lại dần dần ngân mà xuống đúng như hơi hát cung bắc hay lúc đổ con kiến. Đêm đêm, cậu Năm làm giấy và cô Dó cũng lách mình ra khỏi đá giúp chồng. Cả ngày chỉ ngủ không ăn, giờ, bữa cơm chính của cậu Năm thường lại là một bữa siu-dề có điểm mấy chén rượu. Vợ chồng vui vẻ, nói khôn nên lời. Ái tình và cần lao. Lắm khi ngà ngà mà say, phất phơ mà đi, nhìn đêm lạnh giăng suông, nhớ rừng cũ, cô Dó lại càng hát nhiều nhiều. Khuya im một mầu sương muối, cỏ cây đùng đục vẩn trong sữa giăng loãng, giời đất trông ra như lúc hỗn mang. Cô Dó đánh bạo ra ngoài. Đêm đông trường chỉ có tiếng hát của cô dó chập chờn đi từ giới hạn một bờ Tây Hồ đến bờ một khúc sông Tô Lịch. Tiếng huyền diệu và mờ mù bao la.
Từ đấy lò chế giấy nhà cậu Năm họ Chu làng Hồ Khẩu biết một kỷ nguyên mới – giấy tự nhiên thơm đẹp lên và bỏ xa sự cạnh tranh của nghìn vạn người sống bằng vỏ dó. Loại giấy Chu Hồ có từ bấy giờ. Ấp tờ giấy đẹp vào lòng, biết nó là cái công ơn của người vợ hiền nhiều đêm đã cần cù vì mình, cậu Năm đê mê vì chân hạnh phúc và thú cần lao nhiều phút ban ngày sướng quá, ngất đi và tỉnh cơn cuồng lại vỗ mãi vào phiến đá nghè có ý đánh thức vợ dậy mà xem mình đang khóc vì… hoan lạc.
Có một lần, cô Dó dở giời khó ở mất đến một tuần, giấy Chu Hồ tự nhiên xuống hẳn mặt. Đã có bao đêm liền, cậu Năm bó gối gác chầy bên phiến đá, nghiêm và rầu như kẻ sắp gieo mình xuống dòng. Dưới lòng đá, có tiếng phào phào đưa lên:
- Em đã rõ chứng bệnh em rồi anh ạ. Ra em không chịu được cái mùi hoa hòe nhà ta vẫn mua về để nhuộm giấy sắc. Đổ cái chất vàng ấy lên mình em, em ăn phải cho nên đầy và cứ phù dần người ra. Anh thử bỏ vứt bột hoa hòe đi em xem.
Có như thế. Sau khi cậu Năm cho đổ hết hòe xuống hồ - làm vàng ố cả một vùng xanh trong - thì cô Dó cất cơn ngay. Lò giấy nhà họ Chu, thôi hẳn việc chế giấy sắc vàng lại cũng từ đấy. Ngày tháng. Hai

người càng yêu nhau trong ca vui và cần lao; trăm năm cũng già. Không, cô Dó vẫn trẻ. Chỉ có cậu Năm là già đi vì cậu vốn thuộc chất dương và vốn thời gian chi phối. Cậu Năm chính là ông cụ tổ ba đời của ông cụ họ Chu được nhà vua cho quan bộ Lễ vời vào kinh để sung một chức ở Cẩn Tín viện đấy.

Cậu Năm trăm tuổi đi rồi, cô Dó đêm đêm ra ngồi ở ven Hồ Tây và ven sông Tô có mấy tháng liền, sự nhớ thương lại biến thành nhiều khúc hát buồn và những bài ca điếu ấy, cô có chép vào một tập đề là "Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc" giữ luôn dưới lòng đá và nét chữ cô Dó lởm chởm nhọn hoắt và so le như ngọn cỏ bồng. (Mấy mươi đời sau, đâu có một người tài về môn cách vật trí tri bảo đấy là thứ chữ không phải của loài người chế lấy mà dùng; nó là thứ chữ Sơn Hoàng của Chúa Rừng truyền dạy cho các hồn cây hồn quả hiến viết lúc dâng bài Chúc Thọ và chỉ những người nào có số hổ vồ là đọc thông được thôi).

Phiến đá xanh nghè giấy, từ cụ Năm về giời, bỗng trắng toát ra. Phiến bạch thạch lẫn vải bố góc bàn thờ mới. Sau ba năm, cô Dó rất có thể lộn về rừng-cái quê hương cũ vốn muôn năm xanh vui của mình. Nhưng không, cô vẫn còn thương cậu Năm nhiều lắm và thề ở lại giúp và dựng cho lũ con lũ cháu và lũ chắt nhà chồng, có cái định kiến là đến bao giờ dân trung châu hạ bạn tuyệt nghề làm giấy bản thì cô mới bỏ nhà chồng và lộn về rừng. Từ ngày theo chồng về Hồ Khẩu cho đến quá về sau cái thời chồng chết, người quả phụ ấy chỉ có một lần tìm đường qui ninh về rừng thăm lại Mẹ Ngàn.(Cô Dó quy ninh đâu vào cái khoảng người cháu bốn đời nhà cậu Năm)

Từ cậu Năm mất đi, con cháu nhà họ Chu lại trở lại tập quán cũ, nghĩa là nghè giấy vào lúc ban ngày. Dưới đá trắng cư tang, nghe những âm chầy non dại đổ xuống dó ướt, cô Dó mỉm cười. Thương trẻ, đêm đêm Cô lại hiện ra, hà ít hơi mình vào giấy và lấy tay vuốt từng tờ giấy một. Giấy Chu Hồ vì thế vẫn giữ được vẻ quý mà riêng lũ con cháu nhà cậu Năm thì vẫn không biết lấy mảy may về sự hiển linh nhà mình. Đời ấy và đời khác…

Năm 1925 vào cuối đời Hoàng Tôn Tuyên Hoàng Đế, đất Nam Kỳ, trấn Gia Định… có một ông huyện… tên là Khỏe. Ông huyện Khỏe là một người phú quý tột bực, hay gây ra nhiều điều thất đức. Lúc trẻ tráng, cái lối ngông lối hợm của ông huyện Khỏe lại… vô địch nữa. Điền địa của cha mẹ để lại cho thì là bờ xôi ruộng mật, đều là nhất đẳng điền cả. Thủa ấy ông thực là công tử số một, chơi vàng cả một giời và đến ngay đám công tử Bạc Liêu nghe đến danh ông thấy đều xanh cả mắt… Khoảng thời thiếu niên của ông huyện Khỏe, thật lúc nào cũng là vui như hội Tây. Giờ ông đã có tuổi vẫn giàu có như xưa nhưng đã trở nên phải chăng trong cử chỉ hằng ngày. Ông chỉ còn đi xe hơi hai mươi bốn ngựa thăm ruộng xa như một đất phong cường và các nhà máy xà phòng, gạo và dầu cù là của ông rải rác ở khắp lục tỉnh. Người thương nhân này lúc về già còn buộc thêm vào cái đời con toán của mình một cái thị hiếu chơi những vật hiếm trên đời. Những đồ vật không cứ là cổ và đẹp nếu là độc nhất vô nhị trên trần thì bao nhiêu ông cũng mua. Và những bực có tài xem đồ cổ ông đều giữ luôn trong nhà, lấy thứ lễ hạng nhất ra mà đãi. Trong đám thực khách nhà ông huyện Khỏe có một người tên là Chiêu Hiện được chủ nhân tin trọng lắm, coi gần như quản gia. Ông Chiêu Hiện quê vùng phủ Quốc, bỏ xứ Bắc vào trong Nam đã lâu, lúc bỏ nhà đi, có chỉ vào cái cầu Phùng mà thề độc rằng "bất thừa xa mã bất quá thử kiều". Ở Sài Gòng được ít năm, ông Chiêu Hiện bị vướng vào một vụ cướp có án mạng tại Chợ Lớn… Chiêu Hiện thụ cái ơn ấy canh cánh để bên lòng và tự nhủ trong suốt một đời thể nào cũng phải tìm lấy dịp để trả ơn lại ông huyện nghĩa là lúc nào cũng nghĩ đến việc đi tìm báu vật cho ân nhân. Xứ Bắc Kỳ cũng như về mặt nhân vật, về đường bảo vật vẫn còn nhiều cái lạ lắm. Đôi ba năm, Chiêu Hiện lại lộn về một lần để sục xem có được cái gì không. Lần ấy lộn về Hà Nội, không rõ dùng chước thuật gì mà đánh tráo ngay phiến bạch thạch đó, đem về cho ông huyện Khỏe.

Thâu ngày thâu đêm, đá đã qua hết giang khẩu và những con đèo rất hiểm nghèo. Về đến biệt thự ông huyện Khỏe, đá bỡ ngỡ với thời tiết ở đấy quanh năm nóng như lò nung vôi, đá bỗng đổ mồ hôi. Cầm chén rượu rũ bụi, lúc đã thong dong, ông Chiêu Hiện mới đứng lên kể lai lịch đá cho người ân nhân mình nghe. Và quả như lời ông Chiêu Hiện nói, đêm ấy lúc canh đã dịu lạnh, trong phiến đá có tiếng hát giọng buồn. Không rõ lời nhưng nghe cái âm tiêu sái ấy, đến như ông huyện Khỏe mà cũng sụt sùi. Chiêu Hiện bèn dẫn giảng rằng đấy là một trong những bài thương ở tập "Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc" của hồn đá làm ra từ lúc thiếu chồng. Tính hay khoe của, ông huyện Khỏe, ngay

ngày hôm sau, gửi luôn thiếp danh đi mời các khách quý đến ăn tiệc và "xem một hòn đá biết sụt sịt trong đêm". Tàn tiệc rượu có một cuộc dạ vũ. Chiêu Hiện mặc đồ lễ… ra xin với quan khách chỉ nên vui nhộn đến đúng giờ tý thôi, nếu có bụng chân thành muốn nghe những tiếng thương xót của hòn đá "nó là cái cớ đẹp của buổi hợp hoan này". Trong biệt thự im vắng và tắt hết điện chỉ còn leo lét một ngọn đèn cầy. Sau đấy một giờ, lòng đá lại như đêm trước, bật nổi lên những tiếng tương tư thê thảm. Tân khách thẩy đều rơi châu. Tờ mờ sớm, họ ra về và bắt chủ nhân phải hứa là có một ngày gần đấy phải cho họ được xem đến mặt người sương phụ trong đá kia. Và từ đêm ấy, còn tiếp bao nhiêu dạ hội khác. Mới hay, chẳng cứ là tiếng người mà cái tiếng ly khổ của hồn một phiến đá lương thiện có tình lại còn là cái cớ vui cho người đứng ngoài nữa.

Muốn đánh lừa cô Dó phải nhầm lẫn về hoàn cảnh mới gắt để thỉnh thoảng hiện hình ra như trước, ông Chiêu Hiện đã xui ông huyện Khỏe cho đào cả hai bên biệt thự lên, một bên giả làm dòng con sông Tô Lịch, một bên giả làm vùng nước ven Tây Hồ, tiền nhân công tính theo lối nhà nước ngăn đắp đập. Ngày lạc thành cái mẩu hồ lộn sòng và cái khúc sông giả vờ đó, lại tiệc yến. Những tân khách của những kỳ dạ hội cũ đã được nghe đá khóc thì bây giờ lại theo ước cũ đến đây uống rượu nữa để xem mặt cái hồn đá sầu. Nửa đêm ấy, cô Dó hiện ra thật, vẫn mặc tấm áo chàm như ngày ở rừng xa, nhưng dưới gấu đã xé xơ ra cho nó thành tấm áo trảm thôi (áo đại tang) và mớ tóc tang rối như xơ dó vừa ăn vôi. Có bao nhiêu người bừng bừng hơi rượu rải rác núp trong xó tối, khẽ trầm trồ với nhau là đẹp và đoan chính đến bực ấy là cùng.

Cô Dó chập chờn trên nước sông đào, trên nước hồ đắp, tỉ mỉ rờ vào các lá cây thân cây quanh đó. Cô thấy không phải là cây quen thuộc của xứ Bắc. Đây chỉ là những lá cành của kè, cọ, dừa xiêm, vú sữa, măng cụt, sầu riêng thôi. Ngờ ngợ đến sự nguy hiểm của một trung thổ lạ, cô lại vội lẩn ngay vào trong lòng đá trắng. Từ đấy không ra nữa và cũng ít khi lên tiếng nhớ cậu Năm.

Sau đêm ấy ông Chiêu Hiện bỗng nấc lên mấy tiếng rồi lả dần đi. Vực ông vào buồng bệnh, thấy Chiêu Hiện cứ mở thao láo mắt mà thiếp đi đã một ngày một đêm, ông huyện Khỏe biết là chứng bệnh cũ của người quản gia lại phát lại và chỉ dặn người nhà phải ngày đêm túc trực nơi giường bệnh, ngâm giấy phèn vào nước, cứ mỗi giờ lại đổ cho uống, chứ tịnh không phải thuốc thầy gì cả. Mọi khi vẫn thế. Nhưng lần này thì hơi phiền hơn; là đã quá mười ngày rồi mà Chiêu Hiện không thấy tỉnh lại. Mọi lần trước chỉ ba bốn ngày đêm thôi. Bệnh này trong sách Y Dược Đại Toàn gọi là bệnh Miên nhất khí và người nào hay có cái khiếu về hư linh học thì thường hay mắc phải.

Thế mà đến ngày thứ mười hai, ông Chiêu Hiện đã tỉnh lại. Nghe ông huyện Khỏe thuật lại cho hay rằng mình đã ngủ mười hai ngày có dư, Chiêu Hiện đã bốc đứng người dậy, kêu xong hai tiếng "hỏng rồi" thì lăn đùng ra giữa nền cẩm thạch, mồ hôi vã ra như tắm. Không hiểu là cái gì "hỏng rồi", ông huyện Khỏe mặt như chàm đổ, sợ sệt nhìn con bệnh bây giờ đang lăn lộn như có ai cấu rốn. Đến lúc tỉnh lại lần thứ hai, hai mắt dại dột Chiêu Hiện chán chường nhìn vào khoảng không và miệng – tiếng đã thất thanh, lại nhắc lại: "Hỏng rồi", đầu lắc mãi như từ chối một cái gì. Chiêu Hiện tập tễnh bước lại chỗ đặt viên đá trắng, ấp tay vào mặt đá, ấp tai vào mặt đá vẫy ông huyện Khỏe lại:

- Đến phải đập vỡ đá này thì may ra mới chữa được người trong ấy, cô Dó không khéo chết mất rồi ông Huyện ạ!

- Ông Chiêu nói chuyện cho tôi rõ đầu cuối với.

- Nguyên là thế này. Hòn đá này phải ăn chất vỏ dó. Thiếu nó thì cái người nằm khóc trong đó mọi ngày cho ông nghe sẽ phải chết khô. Ông nhiều việc không hay để ý đến, chứ thực ra từ ngày mang đá về, tôi đã mang theo về bao nhiêu là bó vỏ dó để ngày ngày ấp lên đá cho người trong đó ăn. Gần hết, tôi lại đánh giấy ra Bắc cho người bà con gửi vào. Từ hôm bị bệnh, đột ngột nằm xuống, không kịp dặn ai thay cho việc bón đá, đến nay là quá mười ngày, người trong ấy chết đói rồi chứ còn gì nữa.

- Vậy bây giờ nếu phải đập phiến bạch thạch ra để cứu lấy người trong đá thì ông cứ tùy tiện mà làm.

Một nhát búa. Một tiếng xé rất khô gọn và ít mảnh vỡ bắn tung lên. Hòn đá chẻ ra làm hai theo chiều ngang và phần trên khi đã bật ra thì quỷ thần ơi! Có một người đàn bà rất xinh bé đang nằm ngủ. Nàng mặc một cái áo lam, xiêm cũng màu lam. Lúc ông Chiêu Hiện đã nhẹ nhàng ẵm nàng ra đặt lên giường thì mảnh phiến đá vỡ vẫn còn in khuôn những nét hình một tấm thân người nhỏ, nhiều khoảng trũng xuống như chỗ đựng nước trong một cái nghiên dùng viết đại tự.

Chiêu Hiện rờ vào ngực cô Dó thấy còn nóng, vội gọi gia đình đem cái bó vỏ dó ông cất trong kho ra ngay mau. Chúng đều trả lời rằng không biết ai đã tưởng là thứ dây dợ gì lấy đi gói buộc hết cả rồi. Cái tia hy vọng cuối cùng đã tắt nốt. Ông Chiêu Hiện dẫm chân kêu giời, nước mắt đỏ như máu, tiếng mất hẳn đi. Bèn lấy giấy, bút đàm cùng ông huyện: "Ông phải làm ngay hai việc: nhất diện là cho đánh xe đi lên Sài Goòng về các miền lục tỉnh, vét lấy hết giấy bản của ta, chứ giấy moi và giấy tàu của các Chú chế ra thì vô dụng. Một mặt nữa thì cho đánh ngay dây thép ra Bắc – theo địa chỉ này – bảo phải gửi ngay vào cho dăm kiện vỏ dó theo lối đại tốc".

Trong lúc chờ giấy bản, vớ được mươi quyển chép dở những thi ca của mấy chỗ thế gia ngoài Bắc, ông Chiêu Hiện đem xé vò ra, chất thành một đống to, đốt sưởi cho cô Dó hồi lại. Người đá chết lả đã dần dần tỉnh lại, ngón tay động làm buột rơi một cuốn sách nhỏ ngoài bìa bằng lá cây có nét kim khí vạch sáu chữ "Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc". Cô Dó mắt vẫn còn nhắm nghiền nhưng môi đã mấp máy được và đang hé cười. Những những luồng khói đặc ở luồng giấy bản đã thưa loãng dần. Khói tắt, hương giấy tàn đi, người cô Dó càng lạnh, lạnh thêm lạnh mãi rồi cứng chắc lại, mồm ngậm kín một khóe cười không kịp nở hết. Cô Dó đã trở nên người thiên cổ. Cô Dó đã thành người của một thế giới khác, của một thế giới ngọc đá muôn năm. Cái màu xanh ở tấm áo đã đậm và bóng hẳn lên thành một thứ ngọc lam trong sáng.

Bên tử thi đá lam, có một người nấc lên mấy tiếng. Ông Chiêu Hiện tưởng còn có thể điên cuồng thêm nữa khi lũ gia nhân sai đi mua giấy bản về đưa trình vẻn vẹn được độ ba trăm tờ hoen nhàu với một câu: "Dạ, chúng con đang cho xe lên Sài Goòng và về cả lục tỉnh mà cũng chỉ vơ vét được có bấy nhiêu. Dạ bẩm trong này ít dùng thứ giấy này. Việc quan và tư thảy đều dùng có giấy tây thôi". Ngẫm nghĩ một hồi lâu, Chiêu Hiện trấn tĩnh được lòng tiếc và tự nhủ rằng thôi chẳng qua ông huyện Khỏe có cái số không được làm quý nhân nên quý vật nó mới không chịu ở với. Và cô Dó đã nhất định đi, giá có nấn ná lùi lại đến lúc này chờ giấy bản về kịp, thì cái đệp giấy khốn nạn mỏng và biển lận kia cũng không đủ để sưởi nóng cô, hồ cầm lấy chút hơi tàn mà chờ vỏ ở Bắc gửi vào theo lối đại tốc. Sau phút lấy nước ngũ vị tắm cho thi hài đá lạnh, Chiêu Hiện thấy lòng chứa chan hối lỗi vì đã phạm vào tội giết mất một thứ ngọc sống. Vì có biết thế này thì đã không khi nào ông dìu ngọc vào đất Sài Goòng để đến nỗi đắc tội với ngọc đá và đánh hỏng cả cuộc đời một vật báu. Chiêu Hiện lại khóc lên ba tiếng để sau ba tiếng của mình khóc ngọc tị trần vừa dứt thì tiếp theo nghe đến ba tiếng cười của ông huyện Khỏe. Ông huyện Khỏe đã ôm lấy xác cô Dó vui reo ồn ào:

- Trời, té ra là ngọc thạch. Thúy ngọc ông Chiêu ạ. Một khối ngọc toàn bích. Việc gì mà ông buồn khóc. Thì ra trước kia nó là thứ ngọc biết nói. Mất người nhưng chúng ta vẫn còn lành vẹn một phiến ngọc ví bán đi thì có thu về được cơ man là tiền bạc. Hoặc là bán, hoặc là để đem làm vật tạ lễ một vị quan thầy. Người ngọc ví có còn sống để lên tiếng một đôi khi mà làm vui cho đám tửu đồ nhà tôi thì cũng vẫn là một sự đáng quý đấy. Mất đi ai chẳng tiếc. Nhưng mất người mà còn sót lại ngọc, thì cái di hài này có lẽ còn quý giá hơn người lúc sống kia đó vậy. Để tôi đem dâng cho quan thầy tôi…

Thôi, nín đi mà bác Chiêu.

Chiêu Hiện đã nín thật. Nghe giọng lưỡi ông huyện Khỏe, ông Chiêu thấy khắp mình toát ra một thứ mồ hôi dầu. Trời, thế này thì ra từ bao nhiêu lâu nay ông đã thờ nhầm phải một người có nhân cách đê hạ quá. Đã thấm chưa! Ở vào một trường hợp tang tóc ngập lòng này, lòng người ta phải đau rầu gấp bội lòng người chết vợ trẻ hiền, mà ông huyện Khỏe đã vội tính đến nước bán Xác Ngọc, cũng là cho ngọc đi ở vào cửa hầu nhà khác thì tưởng không còn sự tuyệt tình nào phụ bạc hơn được nữa. Nhớp đến thế là cùng. Một người đã vô sở bất chí đến như thế thì còn cái gì ở thế gian này mà hắn không làm đến. Có khi rồi, nếu không sớm liệu, thì ông ta sẽ bán đến cả mình nữa như bán một tên nô lệ cho chủ khác. Ngọc về ở với ông ta, chẳng may xấu số về giời sớm, ngọc đấy mà ông ta còn đòi bán đi nữa, huống chi là mình. Ở sát cạnh một người thiên về danh lợi quá đến nỗi không còn lấy mảy may tình ý về kỷ niệm; cứ ở gần kề đứa bạo ngược, không sớm liệu thì rồi vạ kéo đến cũng chỉ một sớm một chiều đấy thôi.

Ngay đêm ấy, Chiêu Hiện đã bỏ ông huyện hàm. Lúc bỏ đi, không thèm chào, không thèm đem theo một vật gì là tặng phẩm của ông huyện vẫn đưa từ trước tới giờ. Chỉ để lại có mỗi một lá thư, trong nói là về Bắc chữa cho khỏi ít cố tật trong người; không dám hứa là có quay trở lại với ân nhân cũ nữa

không, nhưng dẫu sao ơn ngày trước tưởng cũng đã đáp lại được chín mười bằng một cái tử thi ngọc xanh đó.
Mười mấy năm bỏ làng đi vào trong làm… cho một tên bạo phú, giờ về quê cũ, một tấm vải đắp lên cái thân dầu dãi đã cuối chầu, ông Chiêu Hiện qua sông Hát Giang lại nhớ lời thề cũ là không có ngựa xe thì không chịu qua cầu Phùng đây mà lộn về phủ Quốc. Nỗi buồn ấy đã thấm vào đâu khi Chiêu Hiện lộn lại làng Hồ Khẩu hỏi thăm về sự làm ăn của nhà họ Chu. Thì ra, từ ngày bị đánh tráo phiến đá nghè, nhà ấy làm ăn mỗi ngày một xuống và giấy Chu Hồ bây giờ đã là một câu chuyện gần như cổ tích, một câu chuyện chỉ còn thuộc về lịch sử giấy đẹp của nghìn xưa.
Để duy trì cái sống hàng ngày, nhà họ Chu bây giờ cũng làm giấy nhưng là giấy moi…
Lòng nặng về tội ác, ông Chiêu Hiện có chép lại việc này, đủ ngành ngọn vào cuối cuốn gia phả tỏ ý ăn năn nhiều về chỗ đã giết chết mất ngọc biết nói và dặn con cháu từ sau chớ nên xúc phạm vào bất cứ một phiến đá tảng đá hòn nào; mặc dầu nó có là đá bên đường đi nữa.
Sau đấy một tháng, chứng bệnh cũ miên nhất khí bỗng phát lại và lần này thì ông Chiêu Hiện ngủ luôn một giấc để lũ con đưa ra một cánh đồng tỉnh Sơn Tây, huyệt đào sâu xuống mới có nửa thước, đã thấy lởm chởm lổn nhổn những đá tổ ong.

Tâm sự của nước độc (Nguyễn Tuân)

"Ai hay hát mà ai hay nghe hát...". Lãnh Út gọi Bá Nhỡ lên, bảo ban về việc ngày mai điều khiển dân ấp Mê Thảo đi đánh cây cổ thụ ở suối Vầu:
- Em phải trông cẩn thận kẻo chúng nó làm gãy mất ngọn. Bắt đầu vào dốc suối, đúng cái cây thứ ba về bên tay phải ấy.
- Thưa Cậu, phải qua sông?
- Không thể nào tránh sông được. Muốn đi lối nào thì đi, con sông Tấm vẫn nằm giữa suối Vầu và ấp ta. Cậu đã vạch rõ cho chúng nó cách thức đưa cây về ấp rồi. Nội trong ngày mai, phải đưa được cây về tới đây trước lúc mặt giời lặn. Quá nửa đêm sẽ hạ thổ cây gạo. Cho kịp ngày kia giỗ Mợ Lãnh. Em có mặt ở suối Vầu, chúng làm việc chu đáo hơn. Chậm trễ, hư hỏng, phần lỗi Em chịu lấy. Sáng mai phải đi vào suối từ lúc chưa tan sương, không phải lên trình Cậu nữa, để cho Cậu ngủ lâu hơn mọi ngày. Thôi cho Em xuống.
Trời sẫm rồi đen. Gió ngàn hôm lùa mạnh vào nương dâu. Cậu Lãnh Út thắp cây sáp ong, ngồi bên án thư, lần giở lại tập thơ Mợ Lãnh gọt rũa lúc sinh thời. Người chủ ấp Mê Thảo, qua những lời thơ di cảo đang mường tượng đến dáng dấp ngôn ngữ người vợ chết sắp đến kì giỗ hết. Cậu Lãnh Út thở dài tiến lại phía vách đối diện lửng lơ một bức tranh trung đường phong kín chỉ hé ra có hai đầu trục. Cậu trang trọng gỡ múi dây, đỡ dần bức tranh thả vào lòng tay run run. Giấy tranh bồi cọ loạt soạt vào tường phòng vắng rộng. Cậu Lãnh thắp thêm một cây hoàng lạp nữa, đi lại trong phòng và lúc dừng bước ngắm vào tranh thì thần thái trông thiểu não quá chừng. Lòng tranh lụa hiện lên một tấm hoạ mĩ nhân. Ấy là một người đàn bà áo trắng đang ngồi chép sách trên một cái đôn màu cốm, bên một khung cửa sổ có mấy tàu lá chuối già lọt vào. Màu xanh tái của tranh gia thêm xa lạ vào khí buồng rộng quạnh và đổ thêm buồn lên vẻ nhớ vợ của người ngắm tranh. Bức tranh trung đường ấy là bức truyền thần toàn thân Mợ Lãnh. Nguyên trước ở tường ấy chỉ treo vẻn vẹn có một tấm hình bán thân Mợ Lãnh do hiệu ảnh dưới tỉnh phóng đại theo hai chiều 24x32. Từ ngày Mợ Lãnh chết một cách bất đắc kì tử, Cậu Lãnh đâm ra thù oán và ghét máy móc, Cậu đã cậy một hoạ sĩ trứ danh phỏng hình người vợ vào tấm này và huỷ tấm ảnh của máy chụp kia đi. Mợ Lãnh bị vào cái tai nạn đoàn hoả xa lật úp xuống vực gần hầm Sen ga Liên Chiểu, làm người quan phu Lãnh Út ấy đã trở nên một kẻ thù ghê gớm của thời đại cơ khí, tưởng Tagore Ấn Độ cũng đến thế thôi. Thời đại khoa học phát sinh ra được máy móc nào là Cậu ngoảnh mặt đi đến đấy. Thậm chí Cậu dằn dỗi với những vật dụng cần thiết hàng ngày do đời cơ khí chế tạo ra. Ô-tô xe đạp máy bơm nước sông tưới nương dâu, Cậu bán rẻ đi và cho không nữa. Cậu bán cả những ống chì dẫn hơi nước để sưởi buồng nuôi tằm vào cữ tháng giá. Đến như máy và đĩa kèn hát, máy đánh chữ, bút máy, lò cồn đun nước, đèn măng-xông, ống hàn thử biểu, lịch có ngày tháng in bằng máy, Cậu đều vứt hết. Khẩu súng một nòng bắn đạn chì hoa khế trừ mãnh thú và khẩu hai nòng bắn chim, Cậu gói làm một quẳng xuống khúc sông Tấm.
Tang lễ Mợ Lãnh vừa xong được một tuần chay thì quanh chỗ giới hạn đất ấp Mê Thảo tự nhiên dựng lên mấy chòi canh. Ai ở các nơi vào đất ấp Tháo – tục danh của ấp Mê Thảo – đều bị dân hàng ấp giữ lại khám xét rất kĩ xem có giắt theo vật dụng gì có

tính cách máy móc không. Có nhiều bạn của Lãnh Út bị lẫn lộn đồng hồ mỗi lúc lên chơi ấp và lộn về. Ô-tô xe cộ của quan khách thường bị gạt xuống dưới chân đồi xa.

Từ khi Cậu Lãnh thành người goá bụa, trong sự đãi đằng khách khứa bà con lên chơi, Cậu Lãnh vẫn không giảm đi tí lễ nào và bớt đi khoản tiền tiếp tân nào. Người chủ ấp Tháo vẫn có danh là rộng rãi. Nhưng dù sao, cái thái độ phản khoa học và gàn ấy đã làm cho ấp vắng hẳn người các nơi lui tới thăm viếng. Cả người thăm viếng và người mua bán. Còn mồ ma Mợ Lãnh, ấp Mê Thảo phồn thịnh là thế mà giờ thì sự làm ăn ở đấy rời rạc thưa thớt và vẻ ấp gầy rạc hẳn đi. Cái vàng óng nuột của tằm ấp Tháo đã xuống hẳn màu tơ. Ở đấy sức hoạt động kinh tế chỉ còn gởi gấm vào những chuyến nước ống luồng tưới dâu lấy lên khỏi lòng sông Tấm cách xa nương hàng mấy mươi lượt đổi vai. Rồi để nối sự sản xuất và đổi chác của ấp với đô thị thương mại, mươi chiếc xe bò bánh gỗ đặc gập ghềnh trên đường đất đỏ khập khểnh đã đánh thụt lùi ấp vào đáy thời gian một đời sống trung cổ.

Ở đấy, giờ người ta sưởi cho tằm bằng than gỗ và tiết nóng nực, có những đứa trẻ chuyên môn cầm quạt giấy phẩy phất cho tằm. Ông chủ ấy không mặc đồ len vải có chỉ máy khâu nữa. Ông đã mặc thứ vải chàm của thổ dân gần vùng dệt tay, giặt giũ bằng nhựa trái bồ hòn, đêm đọc sách bằng sức sáng của dầu ép. Lúc giải trí, đi săn cầy bắn chim thì ông chủ ấp thù văn minh cơ khí đó đã có một đàn chó dày lông, một cái nỏ và vài cái bẫy. Việc ấp giao dịch với bên ngoài xa có cần kíp đến mấy đi nữa thì cái ông chủ sự Dây Thép ở tận cuối châu Tràng Sa này cũng đừng hòng thu của Cậu Lãnh Út tiền một tấm điện tín nào. Và đám chủ báo chí và xuất bản cục, hãy để yên cho người độc giả kẻ thù của máy in này. Đã lâu, Cậu Lãnh không đi tỉnh nữa vì xuống đến đấy thì thế tất nhiên, tai mắt lại sẽ phải thừa nhận cuộc đời cơ khí. Có lần người ta đồn rằng người Pháp mở rộng chương trình đại công tác và vẫy thêm đường thiết lộ xuyên qua châu Tràng Sa, sẽ bắc cầu qua sông Tấm men theo chân ấp Tháo, Lãnh Út mất ngủ đến nửa tháng và định sẽ bán rẻ ấp đi nếu có bọn cán sự chuyên môn sở Hoả xa nhô máy vào ngắm sơn xuyên vùng ấy. Rồi Cậu Lãnh sẽ lùi vào rừng.

° °

Mặt giời lệch bóng, ba chục dân ấp Tháo lực lưỡng bắt đầu thắt cổ cây gạo sừng sững trên dòng suối Vầu. Nhiều múi thòng lọng dây thừng thít mãi vào những cành to giang ra như cánh tay đầu hàng. Những cật người uốn cong gò bấy nhiêu đầu thừng về một phía. Cây gạo xiên dần xuống rồi vật mạnh xuống như một kẻ chiến tranh bị trúng độc kế ở mặt trận, làm tung bắn lên những thân hình người đang oằn oại trên những đoạn luồng già dùng làm bẫy cắm chèn vào kẽ gốc. Suối Vầu tung nước. Rừng Vầu vang bật lên một tiếng quật gốc già. Đầu rễ cái gốc gạo nhựa rỉ tuôn tợ máu phun. Bọn người đánh cổ thụ ấp Tháo dúi ngang vào dưới thân cây gạo rồi đẩy dần cây to xuống dốc. Đến những chỗ không thả đà được thì họ lại lồng đầu thừng vào cánh nách mà kéo, vừa kéo vừa hò dô ta. Thân họ vẹo về một chiều trước, như xống ngọn cỏ bị gió lùa mau.

"Một ngày đã ngả bóng dâu
"Trở về ấp Thảo tưới dâu (ta) chăn tằm… (dô ta)
"Rừng thiêng ta ngả cỗi sơn lâm (ta dô ta)
"Lần lừa ấp Thảo trông tằm (ta lại) thương dâu (dô ta)
"Con người rút ruột con sâu
"Đem tơ trả miếng lá dâu xót lòng
"Dô ta… ta ớ dô ta".

Bá Nhỡ lẩm bẩm theo: "Ấp Tháo chứ lại ấp Thảo!". Gỗ chạy ầm ầm, lăn thấm qua những giọt mồ hôi người ngả gỗ. Tiếng đồng vọng dô ta làm chấn động một cánh rừng bị thương và vang theo mãi xuống bến sông Tấm đã ken sẵn mấy bè nứa. Bè trôi ra giữa sông đưa cây cổ thụ về bờ bên kia. Bọn người ấp Tháo lau mồ hôi, dịt các vết thương, nói chuyện về ấp tàn, về chủ ấp cuồng và về cây gạo.

- Chơi lạ. Chỉ có Chúa Trịnh ngày trước thì mới giồng giọt như thế. May chuyến này không ai bị cây đè chết.

- Cái gì cũng phải theo lẽ tuần tự. Cây to này đưa về rồi cũng chết mà làm củi mục thôi. Sống thế nào được. Phải giồng nó từ lúc bé kia chứ!

- Cây gạo thì quý gì. Gỗ nó chỉ dùng làm áo quan cho bọn nghèo. Hoa thì chỉ quyến rũ được sáo đá và quạ thôi.

- Năm ngoái đã một cây. Lù lù đen sì giữa ấp như cột đồng trụ. Mà chẳng một cành nào đâm chồi. Quý gì cái gối quạ lấy được trên cái tổ cây ấy. Đen và tanh ngòm. Khéo không lại chạm vía yêu tinh và bóng các Cô các Cậu trên rừng mà khốn thôi.

- Mà làm sao cứ đến kì giỗ bà chủ thì ông chủ lại bắt đi đánh cây gạo về giồng ở ấp? Cúng à! Năm nay giỗ hết bà chủ đây. Sang năm có đánh cây cổ thụ nữa không?

- Cơ màu này rồi cũng đến bán ấp. Cứ uống những trận rượu như thế rồi phát điên phát cuồng lên thì còn lắm là dâu và tằm. Nếu ông chủ bán ấp, lại chỉ khổ cho bọn mình bị gán thân cho chủ khác. Công nợ như mình, vợ con ăn mặc đều tính vào dâu tằm người ta tự bao lâu nay, mỗi chốc vỗ được nợ mà đưa gia đình về dưới xuôi được sao.
- Cây của người ta đang ra quả. Chỉ vì nó ở giáp hàng rào ấp mình, cành quả nó ngả sang đất mình, thế mà đòi bẻ và nhận lấy nhận để là của mình. Tai ngược hơn cả đàn bà một mắt.
- Mà người sao gàn dở đến như thế. Ai có cái máy bật lửa cũng khám cũng phạt cũng cấm. Lắm khi định ăn điếu thuốc lào thì cứ như là thằng ăn cắp.
- Say rồi đâm càn rỡ quá. Bò của người ta lạc vào ấp, ông ta bắt người nhà giữ chân bò căng ra rồi xẻo lấy miếng thịt mông, nướng ăn tái. Nhăn răng ra cười, kêu rằng chỗ mông cắt ấy sẽ thành sẹo cũng không hại gì ai. Nói thế mà nghe xuôi tai được đấy!
- Thế đã khổ sở bêu riếu đâu bằng ông ấy hiếp cả người đi chợ qua vùng đấy. Ban ngày, giữa chỗ Ngã Sáu Quán Chuột ấy. Quây màn ra giữa giời mà làm được việc ấy giữa ban ngày thì có khổ cho rượu với chè không chứ!

Ba xe bò bánh gỗ đặc nối càng vào nhau đã chờ bên kia bờ. Cây gỗ tươi trệu trạo sau vòng bánh lăn dần về Mê Thảo. Họ cứ nói chuyện. Và chỉ riêng có Bá Nhỡ đi đốc thúc ở phía sau là hiểu riêng cái tâm sự của chủ ấp thôi.

Bá Nhỡ nguyên có dính vào một vụ giết người dưới trung châu. Tuy là tòng phạm mà cũng bị kêu án tử hình. Mợ Lãnh vì chút tình máu mủ xa, đã bảo chồng làm cho y một tập lí lịch giả và cho lên ẩn náu luôn trên ấp Tháo. Bá Nhỡ chịu cái ơn cứu sống ấy, ở với vợ chồng chủ ấp hết sức trung thành, việc tằm tang ở ấp, tịnh không tơ hào lấy một xu. Ở vào chân quản gia trông coi cả ấp rộng, Bá Nhỡ không một phút nào là lộng hành. Sổ sách hàng ấp, một tay y cả. Lắm việc hiểm hóc quanh vùng, có khi chủ ấp không biết gì và đều là ở Bá Nhỡ hết. Bấy nhiêu tuổi đầu rồi mà Bá Nhỡ vẫn xưng em với Cậu Lãnh. Mợ Lãnh chết vì nạn xe lửa, Bá Nhỡ buồn hơn cả người chủ ấp trẻ tuổi gãy gánh tình. Bá Nhỡ có tài đàn hát. Bất cứ nhạc khí nào, cái gì y chơi cũng thành ngón cả. Làn hát lắt léo nào, Bá Nhỡ cũng uốn giọng theo được miễn là cho y được nghe một vài lần. Đán hát ấy Nhỡ đem ra làm khuây cho chủ ấp. Lãnh Út chết vợ trẻ, đâm ra buồn phiền, xao nhãng việc sản xuất, bỏ mặc việc cai trị trong hàng ấp, chỉ ngày ngày uống rượu, lắm lúc say, phạm cả vào điều bạo nghịch làm cho dân ấp ta oán. Nếu không có Bá Nhỡ thì ấp Mê Thảo tan rồi. Cậu Lãnh uống nhiều quá, lắm kì hụt cả vào tiền thuế trạch. Một mình Bá Nhỡ lại vá víu bằng mọi cách. Mỗi lần Cậu Lãnh làm điều không phải với dân hàng ấp những lúc tửu hậu, Bá Nhỡ lại dàn xếp và đền bù. Ấp Tháo vì thế vẫn còn lay lắt nổi trong cảnh tằm tang và dân ấp cũng đều biết đến cái công ơn người quản gia chịu khó và công bằng.

Cậu Lãnh Út buồn khổ đến đâu, cái buồn khổ ấy thấm sang tâm hồn người quản gia trung thành đến đấy. Ngoài nỗi lo tính cho sự trung hưng kinh tế của Mê Thảo, Bá Nhỡ săn sóc đến tinh thần Cậu Lãnh không một lúc nào rời. Bữa rượu tối nào của Cậu Lãnh là cũng có người quản gia ngồi bồi rượu. Giữa những chén rượu uống một hơi, Bá Nhỡ bình cổ văn, ngâm thơ Đường Luật và diễn lại cho Cậu Lãnh nghe – theo một lối riêng – nhiều đoạn Kim Cổ Kì Quan, Đông Hán Tây Hán Hậu Hán và Đông Chu. Lắm lúc mang đàn ra gảy. Lại còn sắm lẻ từng vai tuồng một cho Cậu Lãnh xem. Chèo cũng thế. Có lần Bá Nhỡ một mình diễn vở Lưu Bình Dương Lễ, lần lượt hết sắm vai nam lại sắm qua vai nữ. Đôi khi chủ ấp có tang cũng nhoẻn cười. Nhưng cái vui đột ngột gây nên bởi trò lại héo úa ngay trên chén rượu nhờ người thiên cổ. Một mình không làm vui nổi cho Cậu Lãnh thì Bá Nhỡ lại cậy đến những đoàn thể chuyên nghiệp. Bá Nhỡ cho dựng nhà rạp lên rồi cho đi tìm phường ca công, gánh hát chèo hát tuồng ở các vùng lân cận về.

Nhưng, được hoà hẳn lòng vào cái vui của đàn trống múa hát ầm ĩ ấy, vẫn không phải là Cậu Lãnh. Vẫn lại chỉ có đám dân bình dị cần lao trong ấp Tháo thôi. Họ coi đó là những ngày hội hiếm có và sau những kì chơi hội đó thì họ lại cần cù thêm với việc tằm tang. Bá Nhỡ cũng tự an ủi được ít chút về chỗ tổn phí. Rảnh việc điều động ấp, nhìn trộm Cậu Lãnh, người quản gia đáng quý ấy thường tự hỏi mình: "Làm thế nào cho sức của người trẻ tuổi này được hồi sinh với sự sống hiện tại? Lòng kẻ chung tình ấy cứ chuyên hướng mãi về một phía tuyền đài thì rồi ấp này đến tan mất và rồi người chủ ấp trẻ tuổi tội nghiệp ấy cũng đến kết quả cuộc đời ở một nhà thương điên nào. Sống, đâu có phải là ngồi ì ra đấy để chuyên tâm nhớ một người vợ chết. Nhớ thương một cách tiêu cực. Phải cho Cậu Lãnh tục huyền với đời sống mới được".

° °

Quá đêm, cây gạo đánh ở suối Vầu về đã chôn đứng trước nhà khách Mê Thảo. "Phải, vào giờ này, chuyến hoả xa ấy lật úp xuống vực gần hầm Sen đây." Lãnh Út còn lẩm bẩm những câu gì nữa rồi mới chịu trở vào phòng thay quần áo thường ra thành đồ chế phục. Mọi khi dùng hoàng lạp, đêm tiên thường kì giỗ hết Mợ Lãnh, chủ ấp cho thắp toàn nến trắng. Cậu Lãnh lại mở và thả bức tranh trung đường xuống. Cậu quấn dối xong mấy vành khăn vải trắng, quỳ xuống và hướng vào lòng tranh lụa, dâng một tuần rượu.

Ngoài hành lang, dân hàng ấp đem vàng nhang trầu rượu lên góp vào ngày kị bà chủ ấp. Bá Nhỡ thu nhận lễ vật và xua tay nhẹ nhàng bảo họ lui dần đi. Vì trong nhà đã bắt đầu có tiếng khóc.

Cậu Lãnh khóc to dần mãi lên, gợi đến cái thống khổ của toàn thể một đám chuyển cữu. Nỗi lâm li lọt xuống từng gia đình dân ấp rải rác quanh đấy. Họ lây nỗi buồn riêng, thương cho chủ ấp và nhớ đến người hoá ma. Khác hẳn mọi đêm thường, chim cú vùng Mê Thảo tắt tiếng cầm canh. Rồi tiếng khóc vụt rống lên in hệt cái tiếng người rừng – mình mẩy mọc lông móng chân móng tay hoá ra vuốt – bỗng phẫn nhớ đến nhân loại bị xa cách lâu ngày. Cơn khóc rống đã đổi sang thành tiếng hú hồn. Gió hiu hiu trên nương dâu, kéo lê thê những tiếng thảm rợn ấy xuống những vùng phụ cận thấp xa.

Cất cơn khóc, não cân bị kích động, Cậu Lãnh không tài nào ngủ được. Cậu Lãnh lại đem rượu ra uống. Khác với mọi đêm chỉ uống rượu suông, bữa rượu này lại dùng đến đồ nhắm. Ấy là một mâm nhộng rang lối văn hoả, lòng mâm lót lá dâu da, ngọn mâm rắc lá chanh thái chỉ. Sinh thời, Mợ Lãnh bữa cơm nào cũng ăn nhộng, cho rằng nhộng là một giống sạch nhất và tin rằng ăn được nhiều nhộng thì tóc sẽ mượt óng. Kì giỗ này cũng như kì đầu trước, trong các món dâng cúng ở bàn thờ, Bá Nhỡ vẫn nhớ đến cái hèm này của người đã khuất và cho đặt lên một mâm đồng bạch nhộng rang rất to, đường kính mâm hai thước ta, phải để riêng một bàn.

Dờ đến nai rượu uống dở đêm trước thì hũ không còn lấy một giọt, Cậu Lãnh tìm cái mõ cá lớn, cầm dùi đánh bảy tiếng. Đấy là một ám hiệu trong ấp dành riêng cho người chuyên giữ việc rượu cho chủ ấp. Đánh hết bảy tiếng ấy mà chưa lên thì lại đánh tiếp bảy tiếng khác.

Người giữ việc rượu đã chạy lên, thở hồng hộc:

- Dạ, bẩm Cậu, ở hũ lớn cũng chỉ còn độc một bình.
- Vậy thì cho đào một hũ mới.
- Dạ đào về phía nào?
- Chỗ nào có chôn thì đào.
- Dạ nguyên là từ năm ngoái, cụ Quản (tức là Bá Nhỡ) đặt tên cho nhiều thứ rượu tuỳ theo từng lứa cất. Mỗi lần hạ thổ cụ đều có ghi tên và ngày tháng bằng dấu vôi. Lại còn nhiều hũ cơm mới tra men cũng hạ thổ. Con không được tường lắm, sợ đào nhầm, sẽ bị cụ Quản quở.

Cụ Quản – Bá Nhỡ – đã hiện vào. Vẫn hay rằng hiệu lệnh bảy tiếng mõ là để gọi riêng người dân ấp giữ việc lấy rượu, nhưng bao giờ đào đến rượu chôn là chẳng phải có Bá Nhỡ dòm nom đến. Cái người phụ việc kia thì có biết gì. Và đến Cậu Lãnh thì càng không biết đến gì nữa, ngoài cái việc cố hữu là say và thương và nhớ.

Bá Nhỡ lên tiếng: "Bác xuống kho lấy lên đây hai bó đuốc, lưỡi mai và cuốc bàn."

Cảnh ấp, những đêm đào rượu chôn, trở nên quái đản. Khách qua đường đêm vắng, tưởng đấy là một vụ chôn của hoặc là đào mả trộm.

Hướng vào nhà khách và cách nhà khách độ ba mươi bộ, có một cái gò con. Chỏm gò phất phơ toàn một giống thạch sương bồ. Sườn gò, đây đó ít gốc rền tía. Gò ấy, chính là huyệt rượu. Bá Nhỡ chôn cơm men và rượu cất ở mả rượu ấy. Ngoài Bá Nhỡ ra, cấm dân ấp không được ai lai vãng gần tửu phần. Tửu phần đã phân ra từng khu đông tây nam bắc và chia từng hàng luống như ở một nghĩa trang sơn thôn. Trên các khu và các luống tửu phần, có những thẻ tre sơn vôi trắng, viết chữ đen và sơn đỏ, có thể lẫn với bài bùa phù thuỷ. Ấy là Bá Nhỡ ghi ngày tháng từng lứa rượu và đặt tên cho từng mẻ rượu, lắm thứ tên những nghe không thôi mà đã muốn đem cái vui buồn trong lòng ra gởi ngay vào đấy. "Vô Cố Nhân" – "Mê Thảo Hầu" – "Thuần Hoành Quận Chúa" – "Ức Sấu Viên". Đến cái tên sau cùng này trong cách tìm chữ đặt tên riêng cho rượu ấp thì Bá Nhỡ đã bày rõ cái thân mật tình cảm mình đối với tâm sự của chủ nhân Mê Thảo. Chữ Sấu Viên là tên hiệu riêng của Mợ Lãnh lúc làm thơ, Mợ Lãnh qua đời rồi, thấy Cậu Lãnh nhớ vợ quá, Bá Nhỡ bèn đặt việc ấy vào một cái tên rượu. Đêm đêm nhớ vợ chủ ấp lại uống hàng chục chén và có khi hàng vò "Nhớ Con Vượn Gầy"! – người Mợ Lãnh vốn gầy và hai tay rất dài. Gợi cảm thay! Và cũng tốn nước mắt thay! Khi uống đến thứ nước say ấy, chính Cậu Lãnh đã ốm nhiều trận vì những

đêm suông bên cạnh vò sành "Ức Sấu Viên", tiếng khóc vượt qua mấy lần nương dâu trĩu sương cành. Cỏ gò chôn rượu bừng dậy chật xanh bóng thạch sương bồ, bên cái sáng bốc khói của đuốc lớn. Người phụ việc cầm cuốc, Bá Nhỡ cầm mai, hì hục đào. Những tiếng đục đục loài kim khảo ruột loài thổ. Lặng lẽ hơn hết là cái người chủ ấp ngồi trong phòng đợi rượu đào. Ánh sáng thản nhiên của bạch lạp toả quanh áo tang khăn trắng người tửu đồ tình chung đang vò võ đối mặt vào tranh lạnh.

Một hũ "Vô Cố Nhân" đã lấy lên khỏi sườn gò. Lau rửa sạch, Bá Nhỡ kính cẩn đưa nó lên bàn rượu và Cậu Lãnh kính cẩn cậy nắp gắn kín trám đường. Chén "Vô Cố Nhân" trôi vào cuống họng thì gà trong thôn ấp gáy lần thứ ba. Bó đuốc của người phụ việc lấp lại huyệt rượu gò đang lụn tàn đóm, xèo xèo trên cỏ dầm. Vài con rắn cạp nong trườn từ hang ra, nuốt những tàn lửa đã nguội.

Cú rừng giờ mới rủ nhau đổ một hồi tan canh. Sáng hẳn rồi, mà Cậu Lãnh chưa tàn bữa rượu giỗ, Cậu uống đến đâu, mồ hôi cứ theo chân tóc mà tuôn chảy. Rồi cậu cầm một lưỡi kiếm cũ, chạy ra vườn chuối, gặp cây nào là chém ngang vào thân cây ấy. Tiếng thân chuối gãy gục và tàu lá toạc rách, làm chấn động cả cái ấp ngái ngủ.

Sau trận rượu giỗ hết Mợ Lãnh, không lần nào người say rượu ấy khóc nữa. Chỉ có mồ hôi trào ra nơi các đầu sợi tóc thôi, hình như để thay cho nước mắt cạn. Bá Nhỡ càng lo, khi thấy chủ ấp không nói một tiếng nào, không khóc một lần nào. Có việc gì cần lắm, Cậu Lãnh chỉ cầm bút mà viết ra thôi. Bá Nhỡ ngờ rằng tâm con bệnh này đang nhảy sang một giai đoạn trầm trệ khác. Bá Nhỡ lại cầu đến bọn đàn hát nhà nghề để cứu vãn cái tâm hư ấy. Lại chèo, gõ, bộ, các phường hát có tiếng đều được quản gia vời vào đất ấp. Cậu Lãnh dở chứng, xuống bút ra lệnh bãi hết những cuộc vui ấy. Một điều lạ nữa là Cậu Lãnh cũng không thèm uống rượu nữa. Rượu của mẻ cất nào Cậu cũng chê là có mùi nước lã. Để thay vào sự uống rượu, chủ ấp bắt mua pháo để đốt. Pháo bánh kêu không được to thì mua diêm sinh về chế hoá mà làm ống lệnh. Tằm, giật mình, chết cứ từng lứa. Lắm lứa đang chín, bụng đỏ ửng và trong suốt như là hổ phách, sắp kéo tơ mà chết cả vì tiếng pháo của người cuồng. Dân ấp, những người không có gia đình, đã có một số bỏ trốn đi. Bá Nhỡ ngồi chờ cái ngày tận thế của Mê Thảo. Chủ ấp thôi không uống, không khóc, không nghe đàn hát nữa thì trông càng thê thảm vô cùng. Cả ngày cả đêm cứ ngồi sững mà nhìn tranh, dáng điệu như nhà sư nhập định, mắt không nhắm, miệng không mở lấy một tiếng.

Cậu Lãnh ngồi im như thế được một năm, bóng in hẳn vào tường, đường viền quanh bóng in trông sắc gọn như nét cắt. Lấy nước cọ không đi và lấy vôi đặc quét lên mấy lần, cục bóng xám trên vách ấy vẫn cứ hiện bật lên. Thân hình Cậu Lãnh khô sắt chẳng khác gì thân hình kẻ vận hoả tâm ra để tự diệt mình. Những lúc Cậu bất đắc dĩ phải cử động thì tứ chi cậu cứ như là chân mượn tay mượn, bước đi không thật nữa và tay cầm đến vật gì thì đều sai lệch đổ vỡ hết cả. Còn cái khối óc thì hình như là đã trót cầm cho Rượu và cho Tương Tư, cầm lâu ngày quá đến không chuộc được về nữa rồi. Cậu Lãnh đã đến cái bực lì. Một hôm chợt thấy bóng mình trong gương đứng và từ đấy cũng không dám rửa mặt và thau nước nữa. Trông thấy bất cứ cái gì lấp loáng như mặt nước đọng là Cậu rúm người lại; nỗi hốt hoảng ghê rợn hơn cả người mang bệnh nọc chó dại.

Bỗng một đêm mưa to gió lớn, chủ ấp choàng dậy, vớ lấy chiếc mõ cá mốc meo, đánh một hồi bảy tiếng. Đã lâu lắm những đêm Mê Thảo không bị khua động vì thứ hiệu lệnh gọi rượu này. Giữa hồi mõ thứ hai thì Bá Nhỡ đã lên, mình khoác chiếc áo tơi đêm mưa.

- Em lấy rượu Cậu uống.

- Ừ.

- Một năm nay Cậu từ rượu. Tửu phần vẫn bỏ hoang và rượu chôn vẫn nguyên đấy. Gắn kĩ, chắc hương vị vẫn giữ được. Để cho đào ngay lên Cậu xem.

Thấy chủ ấp đòi uống, Bá Nhỡ mừng rỡ cuống quýt. Hình như người quản gia được yên lòng hơn khi chủ ấp lại trở về với thói tật cũ. Ngắm chủ ấp cầm lại cái chén đã bỏ quên hằng năm, Bá Nhỡ lấy làm hân hoan lắm và tự nhủ thầm: "Cậu cứ uống đi. Rượu đã có Em này cất cho Cậu không bao giờ thiếu lấy một giọt. Còn việc làm ăn trong ấp, cái kén tơ cái lá dâu, thuế má công xá người làm, Cậu cứ mặc Em tính liệu. Miễn là Cậu đừng buồn, may ra ông Giời mà thương lại, xui cho Cậu lại tục huyền với đời sống – đời sống nhiều khi cũng lạ chỉ tượng trưng bằng cái hình ảnh cụ thể người đàn bà muôn năm! – Cậu lại tục huyền mà hồi dần lại với cuộc đời cần lao như ngày cũ thì Em này vui sướng biết đến đâu! Cậu cứ uống đều đều đi. Uống cho triền miên ngày tháng đi".

Rượu vào, Cậu Lãnh lại nhớ đến đàn hát đã bằng đi một năm tròn. "Này Em, cái Cô Tơ ấy độ này ở tỉnh hay nhà quê nhỉ? Hôm nào Em bảo Cô hát lại cho Cậu nghe. Một cây đàn đi theo với cô ta thôi. Giờ Cậu sợ những cái gì là đông đúc ầm ỹ". Câu nói của Cậu Lãnh thốt ra lúc ngà ngà, rồi tửu đồ cũng bỏ đấy và quên mất. Nhưng Bá Nhỡ thì quên thế nào được. Bá Nhỡ để tâm việc tìm Cô Tơ. Cho người đi tìm không ăn thua gì, Bá Nhỡ thân hành đi tìm lấy, lòng hửng lên như buổi mai ngày hè. "Cậu Lãnh rồi có lẽ khỏi. Phải, Cậu mà không nghe đàn hát tức là hỏng rồi đó, tức là bệnh không thuốc nào chữa nổi nữa. Trừ phi không đủ điều kiện thì thôi, chứ con người ta sống ở đời, có ai mà lại không nghe đàn hát bao giờ. Đến người chết rồi cũng còn muốn nghe nhạc nữa là".

Nghe nói Cô Tơ dọn nhà hát ở bất cứ chỗ tỉnh thành nào là Bá Nhỡ lộng hiểm mà tìm đến, chấp cả cái việc người ta có thể dò biết cái án cũ tử hình còn treo trên đầu mình. Đi thông mấy tỉnh mà đều không được gặp, Bá Nhỡ bèn tìm hẳn về làng nguyên quán Cô Tơ. Quả như điều dự đoán, Bá Nhỡ đã gặp người danh ca, ở một nếp nhà gianh vùng quê Nhộn. Ông Chánh Thú – chồng Cô Tơ – mất đi rồi là Cô không dọn nhà hát ở tỉnh nữa, lùi về quê sống cái đời người thôn nữ làm việc với đồng áng sương nắng hai mùa. Lúc Bá Nhỡ lần về đến quê Nhộn thì Cô Tơ đang làm cỏ ở ruộng ngoài chân đê, phải cho người đi tìm về.

- Cô đã về. Có lẽ Cô quên tôi rồi. Tôi ở trên ấp Mê Thảo mà Cô đã có lần lên hát, cách đây gần ba năm.

- Ông tha lỗi cho. Chúng tôi quên mất thật. Đời chúng tôi đi hát nhiều nơi quá, thật không nhớ cho hết được. Dạ ông cho tìm về, hẳn có điều gì dạy bảo?

- Chúng tôi đi mấy tỉnh tìm Cô. Nay được gặp, thật cũng bõ cái công lặn lội. Chũng tôi muốn tỉnh Cô về trên ấp chúng tôi hát một buổi.

Cô Tơ không trả lời ra sao, đẩy chén nước mời về phía Bá Nhỡ, tay sửa lại vành khăn tang. Giời chiều đã nhuộm vàng cây cau ngoài sân, chủ nhà xin phép ông khách cho lùi sang buồng bên để thắp tuần hương chiều thường lệ ở một cái bàn thờ. Lúc trở ra, ngồi ăn giầu, Cô Tơ nói chuyện với khách: "Chẳng nói giấu gì ông, từ khi ông Chánh nhà chúng tôi mất đi, chúng tôi không cầm đến lá phách nữa. Bất nhẫn lắm, ông ạ. Bởi vì hát lên thì lại động đến vong hồn người đàn ngày xưa, ông ạ. Không biết ông có nghe qua đàn ông Chánh nhà chúng tôi lần nào không nhỉ! Tội lắm ông ạ. Bây giờ, chúng tôi giải nghệ rồi, sống cái đời goá ở chỗ thôn quê, được cái cũng nhàn và đủ ăn đủ mặc. Phần ngựa xe trên tỉnh, chúng tôi nhường lại cho các chị em đồng nghiệp còn trung thành với nghệ với tổ."

Bá Nhỡ tưởng đấy là một câu khách sáo, cười một cách giao thiệp. Sẵn cơm rượu bưng ra, Bá Nhỡ ăn uống tự nhiên như người nhà và nhân tiện ngày hết đã lâu, cũng nhận luôn lời chủ nhà giữ lại nghỉ đêm ở đấy. "Ở vùng chúng tôi, hàng quán xa quá và không được tươm tất. Chẳng mấy khi ông về đến đất cố lậu này, mời ông nghỉ chơi lại, sớm mai hãy đi. Đêm hôm ông có cần dùng điếu đóm nước nôi gì, xin cứ gọi đứa bé nằm ở chõng tre kia." Thế rồi chủ nhà kiếu lùi xuống nhà ngang và Bá Nhỡ cũng đi ngủ ngay, định ngày mai sẽ nói chuyện tiếp với Cô Tơ về nhật kì khởi hành lên ấp và định về chỗ tiền thù lao.

Sớm ngày sau, sau tuần nước, lại có cơm rượu bưng ra nữa. Cô Tơ xin phép ăn riêng ở nhà ngang. Lúc Cô Tơ trở lên thì Bá Nhỡ đang ăn tráng miệng, nhồm nhoàm nói: "Vậy hôm nào Cô lên được ấp chúng tôi, xin Cô nhất định cho để chúng tôi cho người về đón."

Cô Tơ cười nhẹ và khoan thai nhắc đúng lại những câu hôm qua đã nói với ông khách. Cô thêm: "Chẳng mấy khi ông lần về đây tìm chúng tôi, thực là quý hoá quá. Không nhận được nhời với ông lên hát trên ấp, thật là phụ cái bụng quý của người tri âm lắm. Nhưng không thể làm sao được. Ông miễn chấp cho." Bá Nhỡ chào ra về, bụng nghĩ có lẽ Cô Tơ không nhận nhời ngay vì chưa có người kép nào xứng đáng để cùng lên ấp, đi với người đàn kém sợ phí tiếng đi. "Thì ta sẽ làm người kép đó trong một buổi chứ sao. Ta không rõ ngón đàn ngày trước của ông Chánh Thú chồng cô ta ra sao, nhưng Bá Nhỡ này có cầm đến cây đàn đáy thì cũng không đến nỗi là những tiếng bật bông. Rồi xem. Có lẽ ta đánh đàn đáy vào hôm đó. Đỡ được một tay kép ngoài. Cuộc vui sẽ thân mật hơn, Và ý Cậu nhà cũng chỉ muốn ít người thôi." Trên con đường trở lại Mê Thảo, người quản ấp vui tươi như hôm vừa rồi thấy Cậu Lãnh đòi uống lại.

Một tháng ròng, Bá Nhỡ cho đón một người kép nghiện về ấp để luyện lạ ngón đàn đáy, cung đốn thầy đàn quá là phụng dưỡng cha già, chỉ đinh ninh hễ thành thuộc hết cái bí mật của nhà nghề khi đã ghim được rồi, là sẽ hạ sơn đón Cô Tơ mà xóng tơ

mình với trúc người, – ít ra là một lần này – để Cậu Lãnh có dịp đầu thai lại vào đời sống.
Mà tập đàn đáy đến như Bá Nhỡ thì tức là cướp cả nghề của kép nghiện đấy. Bá Nhỡ không thèm buông một tiếng tơ nào. Đã bấm đến tiếng đàn nào thì tiếng đàn ấy cứ chín nục đi. Không một chữ nào sượng. Tưởng có đi đàn thờ ở một cửa đình nào, thì ông thần làng lấy giải cũng không bắt được Bá Nhỡ đàn lỗi ở bất cứ khổ nào. Trông Bá Nhỡ thắt cổ chó mỗi lúc nối dây, xinh đáo để. Mà người tỉ mỉ đến thế là cùng. Không một bộ phận cỏn con nào của nhạc khí lôi thôi kềnh càng ấy mà Bá Nhỡ không thuộc. Không nói gì đến cái quá giang cái thú của đàn, đến như cái mõ phím đàn, cái vú đàn, Bá Nhỡ cũng tò mò đến. Thế rồi những ngón đàn như vê, lẩy, chụp, vuốt, nhấn, những tiếng thoảng, những chỗ xoè, Bá Nhỡ đều nhập tâm cả coi cũng như là công việc sổ sách hàng ngày trong ấp tắm.
Bá Nhỡ đi bào lại một cây đàn đáy cũ, thành bằng gỗ trắc đã lên nước, tang bằng gỗ ngô đồng Chiêm Thành. Gỗ mặt đàn in sâu những thương tích của nghề do cái đầu gảy muôn thuở của cao bực tiền chủ đàn đã cần mãi vào tang. Bá Nhỡ lìa Mê Thảo, ôm cây đàn cũ ấy về quê Nhộn.
Lần này, gặp Cô Tơ, Bá Nhỡ nói ngay: "Có lẽ Cô sợ không có người đàn nên lần trước, thỉnh Cô, Cô không chịu đi. Lần này tôi đem luôn cả đàn xuống, đàn thử Cô thẩm âm mấy khổ, hễ Cô thấy không đến nỗi sượng lắm, thì Cô nhận lời mời nhé!" Thế là ngồi vặn trục, thử lại dây, Bá Nhỡ đàn luôn.
Tùng tung tếnh, dênh dênh a dênh
Tùng tung tùng tung tùng tếnh tùng tung tụng, tung tùng tếnh tùng tênh tùng tung (xoè)
Tùng tếnh tang tùng tang, tùng tang tếnh tang
Tếnh tênh tang tùng tếnh tênh tang
Tếnh tùng tếnh tênh tang
Tùng tếnh tùng tênh tang (xoè)
Đầu tiên, Cô Tơ còn bỡ ngỡ với những tiếng đàn mà đến mấy năm nay Cô coi như là việc cổ tích đã cất vào cái tủ mọt nào rồi. Ông Chánh Thú chết, Cô liền không cho tai mình nghe bất cứ tiếng đàn nào của người đàn ông nào. Cô chưa hết ngẩn ngơ thì Cô đã phải chú ý đến ngón đàn khuôn của ông khách. Những chỗ buông bắt, sao mà giống cái nghệ thuật ngày xưa của ông Chánh Thú đến thế. Miệng Cô mấp máy, cổ họng muốn dặng hắng, Cô muốn hít hơi cho đầy hai lá phổi. Cánh mũi cô phập phồng nhẹ, Cô muốn hát vo theo những khổ đàn của Bá Nhỡ cứ như thấm mãi vào người. Cô muốn quỳ xuống mà lạy tổ muôn lạy và hối vì đã có ý muốn giải nghệ. Bá Nhỡ để nằm cây đàn xuống giường, đầu dọc đàn đụng vào tà áo người chủ nhà goá. Cô Tơ nhích ra, thở dài.
- Cô có thể cùng đi với tôi lên trên ấp ngay giờ chứ?
- Biết nói thế nào cho phải với ông bây giờ. Chúng tôi cũng chẳng lấy làm cao quý gì cho lắm để ông phải vời đến mấy lần. Ngày trước thì lại chẳng được gặp những bực như ông cho. Tôi không thể nào đi hát được nữa ông ạ.
- Đàn tôi còn non, Cô sợ tôi không ghim nổi chăng?
- Không phải. Đàn ông chín lắm. Nghe đàn của ông, đến người đá cũng phải bật ra tiếng hát. Tôi nói thực đấy ông ạ.
- Vậy sao Cô không chịu nhận nhời mời? Phách, tôi chắc Cô không quên được rồi, dẫu có bỏ lâu ngày đến đâu đi nữa. Hay là Cô chưa được khỏe?
- Thưa ông, tôi không đau ốm gì cả. Thôi ông chịu phiền vậy. Để tôi cho tìm một người bạn tôi ở thôn dưới về ấp hát hầu các ông nghe vậy. Cũng gần đây.
- Nếu Cô không nhận nhờ cho thì Cậu Lãnh chúng tôi cũng không dám phiền đến ai. Nếu Cô ngại điều gì, thì chỉ dám phiền Cô cất công đi cho một lần này thôi. May ra mà Cậu Lãnh tôi khỏi được, thì chúng tôi chịu ơn Cô nhiều lắm.
- Nghe hát, khỏi được! Khỏi gì ạ? Ông nói thêm cho chúng tôi rõ.
Bá Nhỡ liền đem tình cảnh ấp Tháo và bệnh tình chủ ấp kể tường tận cho người đào nương nghe. Cô Tơ lấy làm suy nghĩ quá.
- Thế này ông nhá. Đáng nhẽ thì chúng tôi cũng không nói ra. Vì nó là một câu chuyện kín ở trong nhà, riêng đối với một người đã khuất. Nhưng ông đã đem việc trên ấp mà kể cho chúng tôi nghe, chúng tôi cũng không dám giấu ông về cái tâm sự của tôi nữa. Và khi tôi thuật xong ông nghe rồi, ông đừng nhắc lại chuyện lên hát trên ấp ông nữa nhá!
- Xin Cô cứ kể cho nghe đã.
- Đây là một câu chuyện nhà, tưởng không bao giờ có thể bận đến ta ông. Số là lúc ông Chánh nhà chúng tôi nằm xuống, vợ chồng thương yêu nhau quá mà không làm thế nào để cưỡng lại được mệnh giời, chúng tôi có thề độ với nhau một câu. Là vắng chồng rồi thì thề không uốn một tiếng hát nào cho thiên hạ nghe nữa, trừ phi… trừ phi lại có người nào dám cầm đến cây đàn đáy cũ của chồng tôi mà đàn lên lúc tôi gõ. Lắm lúc nhớ tiếng hát mình quá

và lại thêm công việc nhà nhiều khi thiếu sự chi dùng, chúng tôi cũng có ý rời quê lên tỉnh để dọn nhà hát lại. Nhưng cứ nghĩ đến nhời thề đối với cây đàn của chồng mà lại không nỡ, mà lại không dám…

- Tôi ngắt Cô một chút. Thưa Cô, tôi tuy không tài giỏi, bằng ai, nhưng tôi dám đàn vào cây đàn của Ông Chánh Thú. Ít ra là một lần trong đời tôi. Tiếng đàn hay hay không hay là ở ngón đàn của người đánh chứ có phải là của riêng nhạc khí đâu. Nếu có chiếc đàn của ông Chánh đấy, xin phép Cô cho tôi thử một vài khổ, xem nó khó khăn đến thế nào.

- Ông để tôi nói tiếp. Nguyên cây đàn đó hình như có phù chú yểm bùa biếc gì ấy. Tang đàn làm bằng nắp ván thôi cỗ quan tài một người con gái đồng trinh. Hồi còn mồ ma nhà tôi, cái đàn ấy cũng đã sinh ra nhiều chứng lắm rồi. Về sau này, cứ vào những đêm tối giời, thành đổ mồ hôi cứ vã ra như tắm và thùng đàn phát lên những tiếng thở dài và vật mình vật mẩy với bức vách, cứ lủng củng suốt đêm. Thấy thế mãi rồi nó cũng quen đi, chứ mấy lúc đầu, tôi sợ lắm. Vả chăng, vì có sự nhớ thương mà rồi cũng đỡ cái nỗi kinh hãi đi.

- Cây đàn ông Chánh đổ mồ hôi và thở dài?

- Vâng. Tôi không dám buộc ông tin những điều ấy. Nhưng việc đó ở nhà này, đàn bà chúng tôi thường vẫn thấy có sự linh ứng luôn luôn.

- Cô có thể cho tôi nhìn qua cây đàn ấy không? Hiện có ở nhà này chứ?

- Dạ vâng. Dựng ở cạnh bàn thờ. Nhưng tưởng nói qua ông nghe thế là đủ và chẳng cần ông phải xem đến.

- Không, Cô cứ cho tôi đứng cạnh nhìn qua. Với lại, Cô cũng nên cho tôi thắp một tuần nhang trước bàn thờ ông Chánh nhà. Tuy không được biết nhau lúc sống, nhưng có hề gì điều ấy. Cũng là một nòi tài tử cả mà. Lễ nhau một lễ cũng là điều phải.

Bá Nhỡ có một lối nói cứ xoắn lấy việc, không thể nào từ chối được. Vả chăng, người cũng có cái cốt cách phong nhã. Cô Tơ đành phải đưa một ông khách nhất kiến vào xem bàn thờ chồng và nhất là cây đàn cũ dựng đấy. Bá Nhỡ đang ngắm nghía cây đàn bụi bám đầy, mạng nhện giăng cả lên mấy sợi tơ dây – khom mình cách xa đàn độ một với tay – bỗng đàn cũ nổ một tiếng tách gọn như cái tiếng nứt dọc bóng đèn a phiến. Bá Nhỡ giật mình ngắc lên, lùi ra một chút. Thì ra một sợi dây vừa đứt phựt, nó đang xoắn quấn và rung rung gởi lại vào phòng vắng ít dư ba của thanh âm dùng dằng rỉ rền.

Bá Nhỡ lặng lẽ thắp hương, khấu đầu làm lễ trước bàn thờ lạnh mộc. Bát hương nấu âm, tự nhiên các chân nhang đều cháy bùng lên và tàn lụn dần trên gio bát. Cô Tơ sợ quá và sắc mặt Bá Nhỡ cũng có tái nhợt đi. Trở ra ngoài phòng khách, Bá Nhỡ gật gù:

- Hồn ông Chánh có điều thiêng lắm đấy, Cô ạ. Thế rồi cây đàn còn những làm sao nữa, hở Cô?

- Năm ngoái, cũng có một người đến đây nằn nì tôi hát nói. Ông ta cũng sành đàn lắm. Nể quá, tôi gõ mấy khổ, rồi phải bỏ dở. Và cho đến bây giờ vẫn còn hối hận.

- Sao, sao, Cô?

- Ông ta đàn được mấy khổ vào cây đàn của nhà tôi…

- Cây đàn cũ của ông Chánh dựng trong buồng thờ vừa rồi?

- Chứ ông bảo còn cây đàn đáy nào khác nữa. Nghĩa là tôi đã thề với ông Chánh tôi như thế. Tôi cũng tưởng cứ làm đúng với lời thề thì không việc gì. Nếu tôi biết trước được có sự xảy ra thế thì tôi đã ngăn được ông khách ấy. Không nghe hát thì có ai chết bao giờ. Chứ cứ nghĩ như cái lần ông khách ấy nghe hát mà tôi thấy tội cho tôi quá. Cái mạng con người, ông ạ.

- Ông ta chết bên cây đàn?

- Tôi không nói đùa. Và xin ông trang nghiêm lại lối nói cho. Ông khách ấy không chết. Nhưng thành ra bỏng mất hẳn nửa bên người. Ông có muốn gặp lại cái người bán thân bất toại vì ca nhạc ấy, tôi chỉ chỗ cho ông tìm đến mà hỏi chuyện. Ông ta người vùng Bắc.

- Đầu đuôi câu chuyện thế nào, xin Cô cho được nghe rành rọt.

- Ông ta ngồi đàn mà tôi thì gõ. Không có ai cầm trống. Mới xong được câu mưỡu. Tôi mới buông dở chữ quê sau ở câu "Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê" thì thấy ông ta rùng mình mạnh, tay đàn lìa hẳn đầy gảy, cả người rung lên mặt xám đi và mắt dại hẳn ra. Tôi vội bỏ cỗ phách đấy, chạy đến đỡ ông ta vì người ông ta cứ thế mà thỉu dần đi. Phải tìm ông thầy và đổ thuốc cho ông ta gần sáng mới tỉnh lại và nói được, miệng lệch hẳn về một bên. Nhớ lại câu ông ta nói mà nhiều lúc tôi muốn xoay nghề. "Tôi đam mê đàn hát quá, không nghe lời Cô dặn qua về cây đàn thờ, để đến nỗi thành phế nhân, lỗi thật chỉ tại tôi. Giờ phiền Cô cho người đưa hộ tôi về nhà được thì tôi chịu ơn Cô thật là nhiều lắm." Tôi có thuê cái võng và cậy hai người

khoẻ mạnh võng ông ta về vùng Bắc. Võng ông ta vừa ra khỏi cổng nhà ngoài sân kia, thì bên buồng thờ bát nhang cũng hoá và cháy bùng lên như hôm nay ấy ông ạ.
Bá Nhỡ ngồi một mình cạn hết chén này đến chén khác, không có hỏi thêm nói thêm một câu nào, khi cáo từ Cô Tơ, chỉ nài chủ nhà phải nhận chỗ tiền đưa về sự phí tổn lặt vặt.
Về tới Mê Thảo, Bá Nhỡ vào thẳng buồng riêng mất một đêm một ngày, mắt không phút nào nhắm và cánh tay để trên trán đọng hẳn máu lại. Viêc tằm việc ấp, có điều cần kíp đến mấy, dân ấp cho người lên vấn kế, Bá Nhỡ cũng xua tay đuổi xuống. Thậm chí Cậu Lãnh cho đòi, Bá Nhỡ cũng không chịu lên, lấy cớ rằng khó ở lắm. Bá Nhỡ không ăn không uống, chỉ nằm dài thế mà nói chuyện riêng với riêng mình thôi.
"Như thế nghĩa là cầm đến cây đàn của Chánh Thú là phải chết. Nếu không chết thì cũng phải thương tổn đến thân thể như cái lão gì bên vùng Bắc. Ta có nên quyến luyến với cái thể xác ta nữa không? Ta thử nghĩ xem ta có còn để dành ta vào việc gì khác không? Hay những ngày mai ngày kia cũng chỉ là sự tái diễn của ngày này thôi! Đổi tên đổi tuổi lên cái ấp nuôi tằm để rồi mà hết hẳn ở đây hay là hết ở một chỗ nào khác trong không gian? Cậu Lãnh đãi mình rất hậu. Đấy là một cái ơn tri ngộ. Ta muốn trở nên một chút ánh sáng, ta muốn trở nên một cái đốm lửa để làm bừng dậy trong lòng con người tê dại này. Có thể đấy là một cuồng vọng. Có thể chỉ là một cuộc thí nghiệm suông mà riêng mình chịu lấy phí tổn thôi. Nhưng cuộc thí nghiệm nào mà chẳng có trị giá. Hình như ta sắp đọc thấy cái ý nghĩa của thời giờ ta đang tiêu đây. Ta học nghề đàn, ta phải đánh lên thành tiếng, dẫu rằng đời chơi đàn của ta chỉ vẳng được lên có một lần, trong một trường hợp đặc biệt. Quái, sao cây đàn của Chánh Thú ám ảnh và thử thách ta đến thế! Cầm cái đàn ma quái ấy mà gảy để Cô Tơ hát, để Cậu Lãnh đánh trống! Ta muốn làm được việc ấy ngay bây giờ".
Bá Nhỡ nghĩ trước đến những nương dâu xanh lá um sau này mà mắt mình không ngó đến nữa. Bá Nhỡ nghĩ trước đến những lứa tằm chín – ruột đỏ trong suốt như hổ phách gọt mài – mà sau này tay mình không đụng đến nữa. Ý nghĩ trả nợ đời và đời y lúc này cũng chỉ là một sự rút ruột con tằm. Có còn vương được tơ nữa về sau hay không thì chưa biết, nhưng rồi đây cầm đến cây đàn Chánh Thú ấy mà đánh lên thì cái thác của đời tằm nào mà chẳng là say sưa. Nhả cái tơ lòng ấy ra, đánh lên cái tơ ấy cho dội vang lên một dây phút của thời gian rồi mà hết luôn với tất cả chung quanh! Bá Nhỡ muốn cười to một tiếng. Tiếng cười ấy không thành, nhưng Bá Nhỡ đã ngã vật được xuống. Và mắt người nằm đấy tuy không nhắm, nhưng lòng người ấy đang chiêm bao đến những giây khắc sắp tới của đời mình.
Từng cái một, tóc người ấy trắng mãi ra như sợi cước.
Vô tâm đối với xung quanh đến như Cậu Lãnh mà cũng phải giật mình khi trông thấy cái đầu trắng xốp như mây của Bá Nhỡ đang động đậy và đưa gần mãi về phía mình, bên lối cỏ của tửu phần.
- Có hai hôm vắng mặt, mà sao đầu Em đã ngả bạc hết cả rồi?
- Cậu tưởng đời Em còn xanh lắm sao?
- Chết chửa, không còn gốc nào xanh. Em chịu khó xuống lại buồng riêng lấy gương soi mà xem. Tóc Em thật như là tơ trên đầu một vị tiên ông nào.
Bá Nhỡ lại muốn cười to, tâm bận với một chữ tơ. "Tơ tóc". Tơ trên đầu. Tơ trong lòng. Tơ đàn. Sợi tơ cây đàn nay mai ở nhà Cô Tơ. Tiếng tơ tiếng trúc của một bữa tiệc lên đường nay mai bằng cái đi muôn thuở của âm nhạc.
Chủ ấp và quản gia đối ẩm, thân mật hơn mọi ngày. Chén rượu chen tiếng đàn. Nhân tiện, Bá Nhỡ cũng muốn ôn lại những khổ đàn đáy, tưởng như mình sắp đi thi làm quản nhạc. Hơi rượu ủ lấy hơi tơ. Tiếng gảy kẹp lấy tiếng rót. Thời gian thản nhiên lướt trên hai cái tâm sự. Một người uống để kéo dài đời mình ra bằng sự nhớ thương một cái bóng trắng. Một người đánh đàn để càng cảm thấy rằng đời mình rồi sắp là cuộc đời của một sợi tơ do tay mình cấu đứt. Thế mà lòng người đánh đàn quyết liệt ấy cũng vẫn cứ se thắt được để rồi lại tự nhủ thêm mình rằng: "Ta không vợ không con, đổi tuổi đổi tên họ, lẩn lút lần lữa nơi ấp người, trên đầu đội một bản án toà đại hình. Ta còn đợi gì nữa ở cuộc đời ta! Ta không chờ mong gì ai. Và tất cả cả các thứ tầu và chuyến tàu của cuộc đời này không chờ một kẻ hành khách cô độc đây. Có ai đưa ra được một lí lẽ chính đáng nào để ta không nhấn ngón tay vào phím đàn Chánh Thú! Đã nhìn thấy cây đàn cũ ấy thì phải đánh – đánh cái cuộc đời mình vào đấy – để rồi xem nó thành được ra tiếng gì". Bá Nhỡ thấy cái cám dỗ của những phút muốn thử đến một cái gì, muốn thử mình với một cái gì.
Gần tàn tiệc đêm, Cậu Lãnh vụt nhớ đến cái thèm ước cũ: "À, hôm nào Em cho tìm Cô Tơ về ấp hát

một buổi. Đàn của Em nghe chín lắm. Sao mọi khi không thấy Em chơi đàn đáy! Ừ, chưa có lần nào Em đánh đàn đáy. Có Cô Tơ hát thêm vào nữa, thì cuộc đời cũng không đến nỗi toàn là những chén "Vô Cố Nhân" đó Em ạ."
Chủ ấp lại đòi vợi thêm nửa bì "Vô Cố Nhân" nữa để cho mặt giời rọi lệch ánh buổi mai rừng vào miệng những chén trào sóng còn sủi tăm. Đã trên dưới nghìn đêm rừng rồi, gà ở ấp Tháo chỉ có gáy chõ vào một chén rượu của một con người này.
Bá Nhỡ lại xuống núi, tay không mà xuống núi chứ không có đem đàn theo như lần trước. Lần này là lần thứ ba mà một người đánh đàn tìm đến một nếp nhà gianh để cầu một tiếng hát.
Trông thấy Bá Nhỡ bước vào nhà, Cô Tơ càng lo sợ nghĩ đến cái mộng hôm trước không khéo mà ứng vào ông khách trên ấp này đây. Đêm nọ gần về sáng, Cô Tơ nửa thức nửa ngủ chờn chợn nghe thấy tiếng người rón rén đi từ trong buồng thờ ra. Cô quay mặt lại phía cửa màn thì đã thấy ông Chánh Thú đứng sững đấy, áo sô gai rộng tay và hoen ố. Cô định vùng chạy đi thì hồn người chồng ra hiệu là không việc gì mà sợ. Ngồi men vào thành giường, cái hồn mặc đồ vải trắng bệch ấy phào phào với vợ: "Một ngày rất gần đây, sẽ có một người tìm đến để nghe mình hát. Cứ để cho người ấy đàn vào cái đàn dựng ở bàn thờ tôi. Mình đừng có ngăn giữ người ta. Mình phải hát cho người ấy đàn. Đàn xong thì người ấy lăn ra chết. Thế nghĩa là người ấy sẽ thế mạng cho tôi ở dưới cung Thuỷ Tinh này. Thì tôi mới được trở lên làm người dương gian. Đàn dưới này cho Diêm Vương trong mười vương phủ, tối tăm khổ sở lắm. Những thanh âm ngục tối, mình ôi! Mình nhớ kĩ lấy để tôi được đầu thai về cái thế giới tơ trúc trên dương gian. Lần trước đã hụt mất một dịp đầu thai rồi vì mạng cái người bên Kinh Bắc ấy còn vững lắm, tôi bắt chưa được. Thôi tôi về đây". Một luồng gió lạnh lay động lá màn. Cô Tơ ngồi hẳn dậy thì không thấy gì nữa. Và một điều lạ là trong buồng thờ lại có ánh đèn. Ai thắp? Bao giờ Cô cũng tắt đèn thờ trước khi đi nằm. Cô vào đến nơi thì có ba tiếng nứt tách rất dứt khoát. Ấy là ba sợi dây tiếu dây trung dây đại ở đàn đáy kế tiếp nhau mà cùng đứt. Một con đom đóm vờn bay trên cây đàn nhễ nhại mồ hôi. Trên nền tang đàn gỗ ngô đồng, có những đốm lân tinh lập loè. Cô Tơ lại gần nhìn mới biết đấy là máu của dây đàn đứt. Đầu các dây còn rung lên, ruột sợi tơ rỉ tuôn ra một thứ nước đặc sệt như máu con giời leo và xanh đục như ruột bọ nẹt. Chất ấy đọng thành giọt ở các đầu dây và loé tia xanh lạnh lên dưới cái sáng chờn vờn của lửa con đóm. Cô Tơ thắp một tuần nhang bất thường và, đổ cỗ phách ra khỏi túi vóc, Cô gõ mấy câu hát thờ.
Công việc đồng áng của Cô Tơ vào sau giấc chiêm bao ấy có điều trễ nải hơn mọi khi. Rồi là thấy Bá Nhỡ vào nhà cô.
Sực nhớ lại mấy nhời trong mộng, Cô Tơ chỉ vội mời Bá Nhỡ uống nước, và bỏ mặc khách đấy, Cô lùi ngay vào buồng thờ châm đèn hương, thỉnh chuông và cầm hai đồng tiền gieo xuống đĩa xin âm dương, khấn: "Nếu mộng triệu ứng vào người khách chơi đàn trên ấp Mê Thảo đang ngồi ngoài kia, thì tôi muốn xin mình tha cho người ấy. Mình chờ đến người sau rồi hãy đầu thai lên lại với cuộc đời bằng thịt bằng xương thật này. Cũng không lâu gì đâu, Mình muốn lúc nào thì cứ báo mộng cho tôi là tôi tìm ngay được một người cầm vào đàn của mình mà đánh để rồi chết. Thiên hạ nào phải thiếu gì người cầm đàn chạy theo vợ Mình. Có trôi sông cũng không hết. Nhưng đến cái người ngồi ngoài nhà kia thì tôi thấy không đang tâm. Tôi xin mình, mình chứng giám cho tấm lòng ngay thẳng và thương người của vợ Mình. Tôi gieo tiền, Mình bằng lòng thì một đồng sấp một đồng ngửa."
Tiền khất đài một mặt bôi vôi, ba lần gieo xuống đĩa thì ba lần chỉ quay tít mà cười rồi lăn ngửa cả ra đĩa, chứ không keo nào được cả. Cô Tơ hoa mắt, nghẹn nơi họng và trong người như có ai đặt hoả lò. Rồi cô lặng cúi trở ra phòng khách, không dám nhìn thẳng vào Bá Nhỡ.
- Thưa Cô, tôi về ấp đã nghĩ kĩ rồi. Tôi sẽ đánh đúng vào cây đàn thờ dựng trong buồng. Sự gì sẽ phải xảy ra cho tôi, tôi vui lòng chịu lấy. Cô không nên lo sợ ái ngại gì cho tôi cả.
- Thưa ông… Thưa ông…
- Thưa Cô, tôi đã nhất định. Nếu tôi có tránh được cái việc đánh vào cây đàn ông Chánh, tôi thấy đời tôi nó cũng chẳng thêm hơn lên lấy được một điều gì. Có lẽ còn nhạt là khác nữa.
- Thưa ông…
- Thưa Cô… mà lần này chắc không còn có cách gì để Cô từ chối nữa. Vì Cô không phải lên hát tận trên ấp. Cô ngồi hát ngay ở bục kia. Tiện lắm.
- Thưa, không có trống?
- Điều đó, tôi đã tính rồi. Chừng vàng mặt giời thì võng Cậu Lãnh tôi sẽ có người cáng tới đây. Cậu Lãnh sẽ cầm chầu. Cô sẽ hát, tôi sẽ đàn – đàn ngay

vào cái đàn ông Chánh. Thôi, Cô bảo dọn qua loa cho tôi cái gì để tôi uống mấy chén cho nó ấm bụng.
Trông người quản gia ấy nâng chén độc ẩm, người ta phải liên tưởng tới cốc rượu mạnh của tội nhân sắp lên đoạn đầu đài. Bởi vì, chốc nữa – chỉ một chốc nữa thôi – khi mà Bá Nhỡ cầm đúng cây đàn thờ ấy lên, hễ bắt đầu sòng lên ba tiếng tức là kí vào một bản án tử hình đấy.
Cả người Cô Tơ là một cõi bồn chồn không có biên giới. Cô ở nhà ngang chạy lên nhà trên, nhìn vào mâm rượu rồi lại nhìn trộm Bá Nhỡ và rồi lại chạy xuống. Cứ thế mãi. Cô muốn được trốn lánh đi đâu chứ không muốn là một niềm xúc cảm gì ở cái nhà này nữa. Cái sinh mệnh của người tự tống tửu cho mình kia chỉ đang treo vào một sợi… tơ! Và Cô sắp hát cho người ấy nghe để cho sợi tơ kia đứt phựt.
Chiếc cáng điều ấp Mê Thảo đã dựng giữa sân nhà Cô Tơ hai đầu gác lên hai cái trấu gỗ ổi già. Cậu Lãnh vẫn chưa tỉnh rượu. Hai lực điền dân ấp vực Cậu Lãnh vào, đặt Cậu ngả lưng bên gối xếp. Bá Nhỡ ra hiệu cho chủ nhân triệt soạn và mời Cô Tơ đổ phách ra mà gõ ngay đi thôi. Sau khi châm mấy nén hương vĩnh quyết vào bát hương thờ Chánh Thú, Bá Nhỡ đã khệ nệ ôm cây đàn thờ từ trong buồng ra. Cô Tơ cầm phách gõ.
Bá Nhỡ thử dây, vặn trục đàn. Trục nghiến gắt và nấc dần mãi lên. Cần đàn ôm sát vào mặt, Bá Nhỡ ngửi thấy một mùi tanh tanh và gỗ đàn đã truyền sang lòng tay một chất nhờn sánh. Buông đầu gảy xuống dây, đàn vẳng ngân một tiếng cuồng loạn. Và những đầu ngón tay phải – Bá Nhỡ đàn tay trái cũng như cầm đũa cầm bút – nhấn xuống dây đã ran lên những cảm giác buốt nhức. Bá Nhỡ chững chạc buông ba tiếng sòng.
Cậu Lãnh còn đang li bì vội choàng dậy, cầm roi chầu đánh luôn mấy tiếng. Người Cậu Lãnh chỉ còn ở hai cánh tay và hai cái tai, chứ cật và chân cứng đờ và mắt thì nhắm nghiền, cầm vểnh lên giời. Cô Tơ như mất hẳn hồn, cái tâm chỉ còn lên xuống theo với bực đàn. Gỗ bục dưới thân tan loãng đi đâu để cả người Cô Tơ phiêu phiêu lững lờ trôi mãi giữa không.
Chưa bao giờ Cô Tơ thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đáy buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chừng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liễm kết cái u uất vào tận bên trong lòng người thẩm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết được ra. Nó là một nỗi ủ kín bực dọc bưng bít. Nó giống như cái trạng huống than thở của một cảnh ngộ vô tri âm. Nó là cái tấm tức sinh lí của một sự giao hoan lưng chừng. Nó là niềm vang dội quằn quại của những tiếng chung tình. Nó là cái dư ba của bể chiều đứt chân sóng. Nó là cơn gió chẳng lọt kẽ mành thưa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cữ cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhức nhối xương tuỷ. Nó là cái lả lay nhào lìa của lá bỏ cành. Nó là cái lê thê của nấm vô danh hiu hiu ngọc vàng so le, Nó là cái oan uổng nghìn đời của chỉ tơ con phím. Nó là một chuyện vướng vít nửa vời.
Tiếng đôi lá con cỗ phách Cô Tơ dồn như tiếng chim kêu thương trên dậm cát nổi bão lốc. Nhiều tiếng tay ba ngừng gục xuống bàn phách, nghe tàn rợn như tiếng con cắt lao mạnh xuống thềm đá sau một phát tên. Tay phách không một tiếng nào là nhụt. Mỗi tiếng phách sắc như một nét dao thuận chiều. Và gõ đến như thế thì thật là đem cái vinh quang đến cho tre cho trúc và tạo cho thảo một một tấm linh hồn. Dưới mười ngón tay hoa múa dẻo quánh, tre trúc bật nảy lên vì thoả thích. Đàn và hát dắt nhau mà lướt bổng. Cậu Lãnh Út mềm tay roi, càng mê tơi đi vì tơ trúc ríu ran. Chưa hồi tỉnh cuộc rượu của ấp, Cậu lại tự bồi thêm trận rượu của đêm nhạc. “Đàn ai đàn…”
Nắn những đương gân ngang nó gò cong mình xuống đàn nó day thịt da tê cóng trên dây sắc buốt như cật nứa, mấy đầu ngón tay Bá Nhỡ đang chịu một nhục hình bá đao tùng xẻo. Nghe phách Cô Tơ, ở những khổ rung thưa rồi mau, Bá Nhỡ say sưa trong cái nhận thức là mình đang chết dần giữa đàn hát và mỗi một tiếng trúc tiếng tơ đánh thêm lên là mình lại càng lả dần về cõi chết. Có người tự tử bằng mùi hoa ngát, có người tự tử bằng hơi nhạc. Người đang luyện phím khảo dây bỗng nở một nụ cười héo sững trên hai môi tái.
Máu chảy ra nhiều quá. Toàn thân Bá Nhỡ đỏ ngòm. Áo quần màu trắng của Bá Nhỡ vụt trở nên vóc đại hồng, trông hệt một người phục sức để ăn thượng thọ. Người Bá Nhỡ đã là một cái vại đựng chất lỏng có nhiều chỗ rò rỉ. Máu trong cơ thể Bá Nhỡ cứ đều một dòng tuôn mà thấm lậu ra ngoài, Bá Nhỡ đã thấy khát nước. Và khắp mình mẩy, xót nhức không biết đến đâu là chừng hạn nữa. Mỗi tiếng đàn là một miếng thịt lẩy ra. Tí một, tiếng đàn đưa nhau về nơi vĩnh quyết. Tùng. Tang. Tùng. Tùng! Tụng. Bá Nhỡ vấp một chỗ nhấn, đầu ngón chừng đỗi dây lát trên mõ phím cao quyện huyệt. “Đàn ai… đàn.. một tiếng…”

Vừa có một mũi kim nào châm vào cái đốt cuối xương sống Bá Nhỡ, làm cho cây đàn đột ngột bật hẳn cần dọc lên. Rồi không rõ từ đâu vào, vẫn ở đoạn xương sống, có rất nhiều hạt muối lạo xạo đánh loãng chất tuỷ người đang gò đàn. Ruột nhũn hẳn ra, óc se thắt lại, chỉ còn có cái tâm Bá Nhỡ là điều động với lớp tơ trúc dật dờ.

Gân tay Cô Tơ xuống phách đã có chiều lảo đảo vì chuột rút. Hạt châu lấy bẩy đọng trên môi người hát, sáng đục như mắt chuồn chuồn. Phải nuốt nước mắt mặn chát tuôn đều với máu người đàn đối diện, tiếng hát Cô Tơ có nhiều chữ buông bắt đã hết vuông hết tròn. Tiếng hát đã sưa làn rồi khê và mực hát đã có chỗ bửng. Cả hát cả đàn đang dắt tay nhau sa lầy trên cái mênh mông bùn sũng ngào vỏ ốc, mờ rộng xanh lơ ngút chân trời. Cô Tơ rùng mình. Hình như đây là pháp trường đang có những tiếng mớm chiêng đồng. Như ăn phải bát cháo lú bên sông Hắc Thuỷ, Cô mê thiếp đi. Tiếng hát méo dần.

Thoáng một tiếng dây đàn đứt. Cô choàng tỉnh để nhận cái đầu tơ ấy bắn vào mặt. Thái dương Cô tê dại trong khoảnh khắc. Rồi vững lại tay phách, chỉnh lại hơi cổ hơi mũi, Cô Tơ hát bây giờ mới vượt qua những đỉnh nhọn của thế giới âm thanh. Tiếng hát mọc cánh, thăm thẳm trong trắng tinh khiết quá pha lê gọt. Cô đang gọi nước suối đá ngọt trào dâng lên. Tiếng phách trúc díu dan như cô đục lại được muôn điệu của muôn giống chim. Có những tiếng tre đanh thép, sắc bén đến cái mực cắt đứt được sợi tóc nào vô tình bay qua khoảng nơi phách đang bốc cao vươn mình dựng dậy như vách thành. Đôi tai Cậu Lãnh Út chỉ là cái phễu để Cô Tơ rót vào đấy cả một rừng chim và cả một suối thuỷ tinh.

Cô Tơ giờ mới để ý đến những tiếng trống điểm. Trống người chủ ấp trẻ ấy sát phạt thật. Thật là một thứ trống lợi hại. Trong tiếng trống, có tiếng đổ nhào của ngói gạch vụn rời. Hình như tất cả những lâu đài cung điện của cuộc đời nhỡn tiền đều tan rã theo một cái roi quật xuống mặt da loài thú. Hình như phải có được vô vàn vàng lụa luỹ thế mà phí đi thì mới đổi được ra thành cái tiếng âm âm đục đục ấy. Chầu, điểm đến như thế thì khỏi nào mà tránh được chuyện oan trái với người gõ trúc.

Lúc này, Cậu Lãnh chỉ biết có sự thẩm âm. Âm trúc, âm tơ. Còn ngoài ra Cậu không biết gì hết. Chén tống rượu cứ liên tiếp mà vơi mà đầy, gia nhân đi theo rót đưa đến đâu thì Cậu uống đến đấy. Tưởng lúc bấy giờ, cả quê Nhộn này có phát hoả, cả chung quanh Cậu đất có sụt nứt hết, Cậu cũng mặc. Cậu đang ngủ cái giấc ngủ thôi miên của âm nhạc. Không một tiếng nào lép, roi cứ như ôm lấy tang mít, rồi cứ như dán vào mặt da.

"…nguyệt dãi tàn nhang… ư… Con sông hồ nước biếc…" Nhưng thật ra Cô Tơ chuyên hướng tiếng hát vào lòng người chơi đàn chứ không bận gì mấy đến người điếm chầu. Bá Nhỡ ngồi trước mặt kia, sinh mệnh chỉ còn dính vào cuộc đời bằng một vài khổ đàn nữa thôi. Tắt bản đàn, là cuộc đời người đang xuống cái đầu gảy bằng sừng bò tót kia cũng hết luôn. Hơi tơ thiểu não như lời gởi gấm giối giăng. Nó buồn rộng xa nhoè quá một tiếng lên đường. Thôi thì đây cũng là những tiếng cuối cùng của đời, Cô Tơ cố bắt buông từng chữ cho thật chín nục để kẻ sắp hết làm người kia đem đi cho thật đầy đủ cái dư âm của cõi sống. Làn hát chênh đi như lời giã từ ngượng nghịu.

Trong buồng thờ Chánh Thú, có tiếng cười sằng sặc ở sau cái bài vị. Bát hương bàn thờ sứ chẻ dọc làm hai mảnh, tiếng nẻ toác to gọn như mắt tre nổ trong lửa. Hai mảnh sứ nhào lăn xuống nền đất, kêu đánh xoảng. Riêng Cô Tơ nhận thấy tiếng đổ vỡ này và hiểu nó là điềm báo hiệu của một điều linh thiêng gì. Qua cái màn mỏng nước mắt, người hát trừng trừng vào người đàn. Bá Nhỡ vốn đã còm, giờ lại càng khô sút hẳn đi. Máu tuôn ra nhiều quá, đánh đống quanh chỗ Bá Nhỡ như một khối hồng hoa. Bắt tay đàn để xuống mạnh một cái đầu gảy thứ nhất ấy là máu trong người Bá Nhỡ vợi đi từ đấy. Và thân hình ngót dần đi và teo tóp mãi lại chẳng khác gì cái xác khô người tăng già khổ hạnh. Hình như tới một chừng mực siêu thanh nào đó, âm nhạc có cái vật tính là làm quắt lại da thịt và chuốt dài thân người ta.

Bá Nhỡ chỉ còn là một cái bóng. Bóng loãng dần và không động. Bóng cứ nhạt mờ thêm mãi qua cái hôn mê của nỗi thảm tình thương và Cô Tơ chỉ còn nhận thấy có mỗi một cái chấm sáng trên thân người ôm đàn là còn linh động. Ấy là cái mặt ngọc chiếc nhẫn ở ngón tay nắn dây. Tất cả sinh khí một kiếp người chỉ còn gởi có vào một cái mặt nhẫn linh động theo âm đàn. Nhưng mà ngón tay cầm đàn gảy cũng đã uể oải rồi trên con phím. Rồi bẵng hẳn đi trong phòng không có một tiếng đàn nào nữa. Như một thứ keo, máu cũ khô quánh đã gắn chặt mười đầu ngón Bá Nhỡ vào mấy sợi tơ đỏ sẫm và mặt tang ngô đồng hoen ố. Mười ngón như một đã bị đóng đinh liền vào phím cây đàn.

Máu tuôn đã hết chất nồng và chỉ còn toả ra một mùi tanh nhạt. Bá Nhỡ gục vào đàn, nách cắp lấy thành đàn mà nhoài ra giường. Gỗ bục đêm và thân người nhoài ra kia lạnh bằng nhau.
Phía sau gáy Bá Nhỡ, vụt bay lên một con bướm đen loang lổ những chấm tròn hồng hoàng. Tinh hồn Bá Nhỡ đã xuất thoát ra kia đang díu đôi cánh ốm rồi biến dần vào bóng khuya. Một con châu chấu ma nổ ruột trên tim nến lả lay.
Thế là hết hẳn ngân rung của chỉ đàn. Điệu hát Hoà Mã, chưa quá một phần ba.
Như một hành khách hoả xa tỉnh giấc lúc tàu đổ vào ga, Lãnh Út choàng dậy, hất hàm hỏi: "Kìa, sao lại nghỉ lâu thế! Nối lại dây chóng vào". Cô Tơ bỗng oà lên. Tiếng khóc nức nở thê thảm. Cô chạy lại đỡ xác Bá Nhỡ, đẩy chiếc gối may vào gáy một tấm thi hài co quắp. Cúi mình xuống cái xác dầm dề đỏ, Cô Tơ đang vuốt mắt cho Bá Nhỡ, bỗng lại giật bắn mình lên vì một tiếng tách nữa nổ ngay cạnh Cô. Cây đàn vừa bị tay người lạnh thả dần xuống mặt bục, đang tự tan vụn ra từng miếng con. Phím long rồi, cần, thành, tang đều tung bật hết mộng chốt, và cùng một lúc nhả hết những đường sơn gắn. Đàn chỉ còn là một đống vụn gỗ linh tinh những bừa bộn bên một cuộc đời đánh đàn đang khô dần lớp máu cuối cùng.
Lãnh Út – nước mắt vận chuyển hết vào nội tâm thành một niềm tư tưởng im vắng ghê lạnh – chống tay vào cằm, ngây sững như đất tượng nung, ngủ ngồi ngay dưới chân xác chết mất một nửa phần đêm và lan sang nửa ngày sau, mắt mở to, mi không chớp lấy một lần.
Tỉnh giấc ngủ ngồi, Lãnh Út nhẹ đặt thi thể Bá Nhỡ vào cáng đưa về Mê Thảo. Chiếc cáng đi theo cái đà của gió mưa thuận mùa. Lãnh Út bám vào đòn cáng mà lần về ấp. Lẽo đẽo chạy theo sau xa là Cô Tơ, mặt trùm kín vuông khăn lượt trắng mỏng.
Bá Nhỡ được hạ thổ vào lúc xế chiều. Và ngay buổi tối ấy, tửu phần cũng bị khai quật luôn lên. Mặt đất gò rượu ngổn ngang đất đào và vô vàn là chum là hũ bị tháo nút ngả nghiêng ở miệng huyệt rượu. Nhiều vò rượu, nước sánh đặc chảy ra lênh láng. Nhiều hũ cơm ủ đang kết men, – lắm cái hình bó và sắc cốt hiện lên đẹp như phát khanh tướng đến nơi. Sẵn bó đuốc cháy, Lãnh Út vứt luôn vào tửu phần khai quật. Gò rượu phát hoả. Lửa men khê nồng bốc lên liên tiếp. Cho đến hết canh ba mà ngọn lửa men rượu xanh lè cũng chưa dịu ngọn. Đêm phóng hoả tửu phần, thảo mộc chim muông vùng Mê Thảo bị một trận say lây. Cây cành cỏ lá đều mê man rũ rượi rầu nhũn. Thú ngàn rống to lên như cảnh động rừng. Chim bị say, cánh cụp cứng lại mà lìa khỏi tổ, rụng xuống đất như quả chín rời cành mẹ.
Lảo đảo, Lãnh Út lắp bắp ấm ớ nói mê giữa một giấc chiêm bao không ngày tháng: "Sau một cái tử biệt, giờ ta phải tính đến một nỗi sinh li khác. Đối với đàn, hát, từ bây giờ ta nguyện làm một người điếc, một người cô đơn một người phản bội. Và trên vong linh Bá Nhỡ, ta thề độc là không bao giờ cầm đến một cái chén nào của cuộc đời này."
***TÁI BÚT**. – Một năm sau, ấp Mê Thảo mọc lên một ngọn chùa. Chùa Đàn. Chùa Đàn nhận tượng mới và chuông mới vào trước kì giỗ đầu Bá Nhỡ mười hôm.*
Cô Tơ đòi giữ việc kinh kệ cho Chùa Đàn và nhận trông giúp luôn hai mẫu dâu ruộng bầu hậu cho Bá Nhỡ. Dưới nhà thờ, có bia bầu hậu cho Bá Nhỡ, ghi ngày kị và lễ vật dâng vào định kì ấy. Ngày kị Bá Nhỡ, dân hàng ấp đều được nghỉ việc tăm tang bốn buổi liền.
Bệ vôi nhà thờ tổ chưa có pho tượng Phật nào. Nhưng ở đấy, sau bát hương đặt một tảng gỗ đẽo có ngọn vút lên, trông xa như một gốc trầm. Lại gần nhận kĩ thì là cả một cây đàn đáy với những nét chính của nhạc khí tạc chìm vào gỗ mộc. Cứ vào hai buổi chuông chiêu mộ, tảng gỗ thờ đó lại đổ ít mồ hôi dầu và xê động khỏi chỗ. Ngày nào, Cô Tơ cũng phải kê đặt lại tượng đàn thờ.
Được hai năm thì ấp Mê Thảo sang tay chủ khác, người ngoại quốc.
Lúc bán ấp, Lãnh Út cố điều đình vẫn giữ lại hai mẫu tự điền vốn cất ra làm ruộng hậu.
Chùa Đàn dựng trên khoảnh đó.

Đám cưới hai u hồn chua Dâu (Vũ Bằng)
(xem file PDF)

Cái đèn Lồng (Vũ Bằng)

MỘT ĐÊM ĐÔNG Ở KHÂM THIÊN
Mười bảy ngày trước Tết Nguyên Đán năm 1950, một phái đoàn nghị sĩ Việt Nam ở Sài Gòn ra Bắc để cứu xét mấy vấn đề chính trị và kinh tế. Bây giờ tôi không nhớ rõ phái đoàn có bao nhiêu người, chỉ biết trong đó có bốn người mà tôi quen biết. Bốn người quen biết đó gồm một kỹ sư, hai chủ báo và một người trước đây làm việc cho một công ty bảo hiểm.
Vì đi dự mấy phiên họp đầu, tôi gặp bốn người bạn

đó rủ đi ăn. Để đáp lễ, hôm phái đoàn sắp ra về, tôi mời họ đi hát Khâm Thiên. Cả bọn đều nhiều lần nói với tôi rằng ăn mãi cũng chán, muốn thưởng thức một cái gì rất lạ và rất Bắc Kỳ; mà nếu có vể thơ mộng nữa thì càng hay.
Tôi nghĩ không có gì hơn là mời họ đi nghe hát cô đầu. Tối hôm đó khi lên xe tôi thấy một người thứ năm. Một trong hai ông nhà báo giới thiệu:
- Ông bạn già đây không phải là nghị sĩ. Ông ấy là người Nhật giúp việc cho một tờ báo Nhật và được cử sang Việt Nam cùng với phái đoàn Nhật để quan sát và gửi tin tức về cho tòa soạn.
- Hân hạnh. Cuộc tao phùng hôm nay chắc chắn sẽ nhờ đó mà vui vẻ đậm đà hơn.
Tôi cúi đầu chào ông nhà báo Nhật. Ông đưa cho tôi một tấm cạc đề tên ông: Foumiko Tayabashi.
Thưa ông, ông là quý khách. Tôi rất hân hạnh được mời ông đi thưởng thức một nghệ thuật có nhiều dân tộc tính của nước tôi.
Ông Foumiko Tayabashi là một người đã có tuổi, nhưng không khỏe mạnh như những người Nhật khác mà tôi thường gặp. Ông bao nhiêu tuổi? Tôi đoán có lẽ đến năm mươi, nhưng trông da mặt và cặp môi nhăn nhúm cùng với vẻ buồn rầu ở đuôi hai con mắt của ông có người cho ông khoảng sáu mươi hay sáu mươi mốt.
Khi trống và bàn đèn chiếu rượu dọn ra rồi, tôi hỏi thăm mới biết ông là ký giả kiêm văn sĩ. Trước khi Nhật, Đức, Ý kết liên thành Trục đánh Đồng minh, ông đã xuất bản hai quyển sách ngụ ngôn nói bóng nói gió nhiều đến cái nạn quân phiệt Nhật, một cuốn thơ và mấy cuốn tiểu thuyết xã hội nói về "số kiếp con người".
Ông Tayabashi có ý mến tôi hết sức. Không hiểu ông mến tôi như thế là vì câu chuyện của tôi nói với ông hay chỉ là tại ông thấy tôi là bạn văn chương thanh khí đồng ý với ông rằng nền văn minh, văn hóa Đông Phương chưa chắc đã dở như một số người ở các nước khác vẫn tưởng. Bây giờ ngồi thuật lại chi tiết câu chuyện, có lẽ không phải dễ... Tôi chỉ nhớ là khoảng mười một, mười hai giờ gì đó; chúng tôi gặp nhau không bao lâu mà đã trở thành đôi bạn tuy nhất kiến vi kiến nhưng thương yêu nhau thật tình y như thể đã quen biết nhau từ lâu lắm. Tôi nói:
- Trước đây, tôi có một lần đi qua Nhật ở một ngày. Quý quốc đẹp lắm, nhưng bây giờ, sau Thế Chiến Thứ Nhì, chắc chắn là thay đổi nhiều lắm. Qua những bài phóng sự đăng trên các báo ở Âu Mỹ mà tôi được đọc, con người ở quý quốc cũng có ít nhiều đổi thay, nhưng chẳng biết về phong tục thì có thay đổi gì không? Riêng ở nước chúng tôi đây, chiến tranh cũng làm đảo lộn hết cả trật tự từ ngày xưa để lại. Trái gái đĩ bợm nhiều hơn. Đó là chuyện trong thời chiến...
Khoảng một giờ đêm thì ba người về. Còn lại một ông chủ báo ở lại trò chuyện với ông Tayabashi.
Đêm đông ở Bắc buồn như một đám tang đi trong rừng. Chúng tôi nói hết với nhau về thảm cảnh chiến tranh và mỗi người có ít nhất vài ba chuyện để kể cho nhau nghe những oan khổ lưu ly do chiến tranh đã tạo ra cho xứ sở.
Ông bạn chủ báo của tôi đang nằm vội ngồi nhỏm dậy hỏi:
Tôi hỏi thật hai ông: những người gây ra chết chóc, những người tàn sát không gớm tay, có bị một đấng vô hình nào trừng phạt không?
Ông Tayabashi và tôi, trước câu hỏi đột ngột đó, lặng yên không đáp. Ông chủ báo nói tiếp:
- Phần tôi, mặc kệ ai chê là hư bại và chậm tiến, tôi lúc nào cũng tin có quả báo và hối hận. Đây là một chuyện tôi cam đoan chính tôi nghe thấy và trông thấy: một viên trung úy người Thượng, nhảy dù trong trận đánh Thái Nguyên, có tiếng là đa sát và hãm hiếp đàn bà con gái xong thì giết chết nhưng đánh trận nào cũng thoát chết. Đến trận cuối cùng, không hiểu vì hơi bom hay đạn bắn xuyên qua hàm lên óc nên ông ta bị mù hai con mắt. Ông ta được giải ngũ và đưa sang Phi Luật Tân để chữa bệnh. Nhưng chữa không khỏi. Ông ta điên điên khùng khùng... muốn chết không chết được... điên vì theo đúng lời ông ta thuật lại cho bạn hữu nghe khi tỉnh cơn điên rằng cứ mỗi đêm khuya ông thấy từ trong hai con mắt mù lòa của ông có những người bé tí nhảy ra, đi đi lại lại và bàn bạc với nhau những chuyện gì nghe không rõ sau đó rồi trèo lên mũi lên trán ông gõ chân theo nhịp và hát cho đến sáng lại chui vào hai lỗ mắt...
Nhưng thế là sự hối hận? Là ảo ảnh? Hay là ma quỷ hiện ra để chọc ghẹo ông?
.....
Mưa phùn mùa đông ở miền Bắc có cái đặc biệt là hình như biết bay và thấm qua tường và cửa sổ để làm ẩm ướt, giá lạnh cả những căn phòng đóng kín. Khêu to cái bấc lụi của ngọn đèn dầu lạc, chúng tôi thấy tê buốt đến chỗ sâu thẳm nhất của lòng. Ở trên trời khuya, gần sáng có tiếng sếu kêu buồn đứt ruột. Ông Tayabashi nhìn tôi hỏi:

- Ý ông ra thế nào?
- Thú thật với ông, tôi theo Tây học từ thuở nhỏ, người ta dạy tôi không có ma không có quỷ, chết đi là hết, nhưng tôi không cho thế là đúng. Trái lại, những chuyện như chuyện ông bạn vừa kể đây, tôi tin rất có thể là thực, nhưng tại sao lại thế thì tôi không giải thích được vì tôi chưa học về thần linh học, ma quỷ học. Nhưng tôi không vì lẽ chưa học, chưa tìm tòi, chưa thí nghiệm mà đã khẳng định là không có ma, không có tiền kiếp, không có luân hồi, không có báo ân báo oán.

Ông Tayabashi hút điếu thuốc thứ ba xong, rồi nói:
- Tôi cũng như ông vậy. Tôi cho rằng ở đời không có cái gì "hết", hóa rồi lại sinh, sinh rồi lại hóa. Người Tây không tin có luân hồi vì tại họ chưa học, chưa thấu, chưa hiểu. Mà họ không tin có ma có quỷ, không tin có quả báo, trừng phạt, không tin có tiền oan nghiệp chướng, không tin có âm phù dương trợ, đó là quyền của họ. Nhưng tôi không thể viện cớ nói họ không tin mà tôi vẫn nhắm mắt cúi đầu tin theo họ.

Các ông đã đọc truyện "Liêu Trai" nhiều rồi phải không? Tôi cũng đã đọc, không phải đọc bản dịch ra tiếng Nhật mà đọc nguyên văn chữ Hán.

Đọc rồi, có nhiều người cho rằng "Liêu Trai" là chuyện bịa đặt tưởng tượng ra để răn đời. Đó cũng lại là cái quyền của những người đọc sách. Nhưng riêng tôi thì tôi tin một cách thành thật là tác giả truyện "Liêu Trai" đã kể lại nhiều chuyện có thực vào thời đó.

Tại sao tôi lại tin như thế? Là vì chính tôi đã thấy ma, thấy trước Thế Chiến Thứ Hai, thấy sau khi nước tôi thua trận và chính vào thời kỳ đó những chuyện có thực mà có vẻ liêu trai đã diễn ra khá nhiều mà chính mắt tôi đã được chứng kiến.

Tôi rất tiếc không đem theo một cuốn tiểu thuyết mà tôi viết trước đây đã in thành sách và dịch ra tiếng Anh và tiếng Pháp, để biếu hai ông.
- Ông bạn viết gì trong đó?
- Tôi viết một truyện có thực, nhưng vốn biết rằng nếu truyện thực ấy mà nói là có thực thì nhiều người không tin nên tôi phải ghi là tiểu thuyết. Tiểu thuyết ấy có nhan đề "Cái Đèn Lồng". Nếu các ông không ngại mất ngủ, tôi xin thuật lại câu chuyện ấy để các ông nghe.
- Vậy thì còn gì hơn nữa. Những đêm như thế này, có muốn ngủ cũng không tài nào ngủ nổi. Được một nhà văn kiêm nhà báo danh tiếng như ông kể chuyện cho nghe, chúng tôi rất lấy làm hân hạnh.

Câu chuyện "Cái Đèn Lồng" của ông Foumiko Tayabashi như thế này:

NGƯỜI ĐẸP VÀ Ả NỮ TỲ XÁCH ĐÈN LỒNG

Sau mười năm đèn sách cần cù, Đại Thông Thái Lang đã chiếm được bảng vàng để có thể làm cho chàng sau này có một địa vị khá cao trong nước. Chàng vội vàng từ giã cái tỉnh lị nhỏ bé mà chàng ở bấy lâu để đến Yên Đô, cái kinh thành có trăm nghìn phù hoa sa vọng mà người ta có thể hy vọng lập được sự nghiệp lẫy lừng. Những ước mơ của Đại Thông Thái Lang thực không bờ bến: trẻ tuổi, đẹp trai, mà lại tài hoa, còn có gì ở đời này có thể cản trở được chàng?

Những người đàn bà nhan sắc nõn nà say mê cái vẻ mặt khôi ngô tuấn tú của chàng lúc nào như cũng vơ vẩn một mối buồn não ruột: cái miệng chàng mới dễ thương làm sao, nó đã làm cho biết bao nhiêu trái tim rung động và mắt chàng lúc nào cũng chói lọi sự hiên ngang, khí phách.

Chàng đến Yên Đô để tìm bước tiến thân, nhưng ở đó, chàng đã gặp một mối tình: Ngọc Hân Nương, một cô gái ngây thơ, trong trắng như một đóa hoa đào chớm nở. Đại Thông Thái Lang không nghĩ đến chuyện làm ăn sinh sống nữa.

Ngọc Hân là con một của một vị phú thương, được cha mẹ yêu thương cưng chiều, mà vị phú thương ấy lại coi người tình của con gái như là con trai ruột.

Sau ngày cưới, cặp uyên ương đưa nhau đi giấu hạnh phúc ở một làng hẻo lánh rất nên thơ đó là làng Hối Tử, ở ven hồ Bình Hoa thơ mộng. Trong một năm tròn, cặp vợ chồng trẻ yêu nhau quên cả tháng ngày. Nhưng, sang đến mùa xuân năm sau thì Ngọc Hân bị cảm mạo và vĩ vàng đi, nhan sắc nàng tàn tạ. Rồi một đêm kia, nàng bỏ chàng ở lại, để sang bên kia thế giới.

Mọi người đều tưởng Đại Thông Thái Lang phen này bị thất tình có lẽ đến điên. Suốt ngày chàng kêu khóc và gục đầu xuống một cái áo dài hãy còn thoang thoảng hương yêu của người đàn bà bạc mệnh. Sự khổ não của chàng làm cho người ta tưởng rằng chàng yêu vợ lúc chết gấp trăm lần lúc sống. Chàng gợi những chuyện sầu thảm, não nùng đến với lòng như thể xem sự sầu thảm và não nùng nó bao la đến bực nào. Ngày ngày chàng ra ấp mộ vợ để kêu thương khóc lóc. Ngọn cỏ ở trên mồ vẫn còn chưa xanh.

Bước một, cúi đầu, cõi lòng tan nát, chàng đi ra cái hồ đựng nước phép và lấy một cái gầu múc nước,

kính cẩn tưới lên trên mộ để cho người nằm bên dưới được mát mẻ linh hồn. Đoạn, chàng khóc nức nở, cổ họng chàng như bị nghẹn; nước mắt chàng trào ra và như đốt cháy con ngươi vậy... vì những tháng ngày hạnh phúc bên Ngọc Hân lại hiện về trong tâm trí...

Một ngày đẹp trời, chàng cùng Ngọc Hân dắt tay nhau đến đền Mỹ Đế cạnh hồ Bình hoa để viếng thăm mộ của các bậc trung thần và cả những ngôi mộ của gian thần.

Đại Thông Thái Lang nhớ lắm.

Ngọc Hân Nương, cũng như trăm ngàn người mộ đạo đã đến cái quán ở gần đó mua nước phép để rảy lên mộ. Nhìn cái dáng yêu kiều của nàng yêu kiều diễm lệ làm sao. Tóc nàng xức dầu thơm bóng lẫy như lông quạ, nàng cài những cái trâm nạm ngọc và cái lược đồi mồi vén tóc nàng lên để lộ một cái gáy thanh tân, trắng muốt. Như thấy tôi nhìn âu yếm, nàng quay lại mỉm cười. Tôi nói với nàng rằng:

- Em ơi, rảy nhiều nước lên mộ bực tôi trung nghĩa kia đi, còn anh thì anh sẽ làm vấy bẩn những nấm mộ của kẻ gian thần bạc ác. Và điều đó đã trở thành tục lệ: nước tốt thì dùng để cho linh hồn của những bực anh tài khí dũng, mà cái gì xấu thì lại cho những con người đê tiện."

Nàng quỳ xuống một cách rất nhẹ nhàng. Hai mắt đen lay láy của nàng như chan chứa một niềm kính cẩn và thương xót. Nàng khẽ trách tôi:

- Không anh ạ. Những người ác cũng như những người hiền, một khi đã nhắm mắt, không còn khác nhau gì hết. Linh hồn của những người tội lỗi, em nghĩ rằng chúng ta phải an ủi nhiều hơn linh hồn của những bực sĩ hiền. Nếu đứng vào địa vị của anh, em sẽ rảy một ít nước lên mộ này, anh ạ. Ta chớ nên đùa ở trước linh hồn của những kẻ đã khuất.

Ngọc Hân ơi, em đã sống, em đã được cha mẹ chiều chuộng, em không hề bao giờ biết sự đau khổ và lòng thù hằn như thế nào. Em chính là một viên ngọc quý giá vô cùng, em mềm mại thơ ngây như một con chim vô tội, em đem một tấm lòng trong trắng để yêu thương cả một đời mà chúng ta đã sinh sống với nhau. Ở trong khung tóc đen lay láy của em, hai lúm đồng tiền lúc nào cũng làm tăng vẻ đẹp của đôi má hây hây đỏ như hoa anh đào, nhan sắc của em tươi thắm như buổi sáng mùa xuân. Chao ơi, người con gái của mùa xuân ơi, em tựa như hoa mới nở chưa gì đã tàn mất rồi. Em chết. Không, không, hình dáng em, kỷ niệm của em sẽ mãi mãi như một cánh hoa, một nụ thắm ở trong tay anh, em ạ...

Cõi lòng tràn tiếc nhớ thảm thương, Đại Thông đứng dậy, không nghĩ nữa. Chàng đi lang thang ở quanh hồ Bình Hoa và nói lảm nhảm một mình:

- Hồ hỡi hồ, bao nhiêu thi sĩ đã ca tụng vẻ thần tiên của hồ, nào là những buổi chiều xuân, tiếng chuông đền Mỹ Đế làm rung động làn không khí đầy hương ngát hoa và tiếng chim họa mi ca hát ở trong những rặng anh đào nở tưng bừng như một buổi bình minh; nào là những đêm hè nóng bức mà cây thông cô độc ở trên đồi Kha La Sĩ lại còn ưa nhìn hơn những đóa hoa trăm sắc, và người khách bộ hành đi dưới chân dãy Hoang San đưa tay ra vứt quạt đi để tận hưởng sự vuốt ve của gió mát lùa qua những cành cây bên hồ.

Hồ ơi, sau những bài thơ như bướm đẹp của thi sĩ Bảo Sơn Điền, còn ai lại dám nghĩ đến sự đề vịnh những buổi chiều thu ở bên hồ Diễm Tứ, những đàn ngỗng trời bay ở trên đỉnh núi Cao Kha bay ở trên đỉnh Huyền kéo dài những tháng ngày mùa đông giá lạnh ngắn ngủi trong khi thuyền bè trôi mất hút trên mặt nước mịt mù của Hải Vi Giang.

Đại Thông yêu mến những cảnh hữu tình đó, những cảnh từng chứng kiến biết bao nhiêu kỷ niệm của chàng. Ngày nào cũng vậy, vào lúc mặt trời bóng xế, chàng cũng chắp tay sau lưng đi từng bước bên hồ, mặt mày sầu đau, làm cho người nào trông thấy cũng mủi lòng ngoảnh mặt, không dám nhìn lâu.

Thế rồi chàng bỏ căn nhà mà chàng đã hưởng một năm trời hạnh phúc với Ngọc Hân trong căn nhà nhỏ mà mỗi đồ vật đều nhắc nhở chàng nhớ đến người vợ đã chết yêu quý của chàng. Nào là cái bàn trang sức mà mọi khi nàng đã trau giồi nhan sắc để làm vừa lòng người yêu; nào là những cái gương nào đã soi; nào là những cây trâm kẹp tóc nho nhỏ xinh xinh, nào là... nào là... tất cả những vật dụng mà tay nàng đã cầm hay làm mắt nàng đã trông; cả khí trời nữa cũng là khí trời nàng đã thở.

Cho dù Đại Thông ở ẩn dật trong một gian nhà sơ sài, ngay trên đường cái đi từ Hối Tử đến Bình Hoa. Tuy vậy ký ức của chàng vẫn không để cho tim óc chàng quên lãng được những chuyện đã qua.

Một mùa xuân nữa lại qua đi. Con chim cá mà trong văn thơ Nhật, các thi nhân vẫn bảo là tiếng kêu thương của mặt trăng; Đại Thông kêu khóc người vợ bạc mệnh của chàng và dần dần thất thanh đi. Cái cười cái vui vẻ của chàng không còn đến với chàng nữa. Cho tới rạng đông ngày hội lễ Quần

Tính...
Ngày mai đây, nếu trời đẹp thì Chức Nữ sẽ đi qua dãy Ngân Hà để gặp Ngưu Lang. Đại Thông ngồi cạnh bên mộ vợ than khóc:
- Ngọc Hân em ơi, ngày mai đây là ngày hội của Ngưu Lang, Chức Nữ. Năm ngoái, em nhớ không? Em lo sợ vì trời giăng mây âm u quá làm em cầu Phật Trời đừng mưa để cho đôi lứa ấy gặp nhau. Em đã viết bao nhiêu bài thơ thần trên giấy ngũ sắc và cắt những hình người hình thú để treo lên ngọn tre trước nhà để chúc cho hạnh phúc đôi ta bền lâu và cầu mong trời kéo mây đi để nắng lên cho Ngưu Lang Chức Nữ được gặp nhau.
Thế mà... Thế mà năm nay em không còn, số phận anh không bằng Ngưu Lang bởi vì Ngưu Lang, Chức Nữ một năm còn gặp mặt một lần, chứ như anh đây thì mãi mãi, mãi mãi...
Sầu biết bao nhiêu, khổ biết ngần nào! Đại Thông đi thơ thẩn không thiết gì đến thời gian. Sau cùng, chàng định quay về thì bóng tối lúc ấy đã rải rác ở dưới những tàng cây trên đồng ruộng. Con đường đất nằm dài trước mặt chàng như một dải lưng quấn lấy người chàng. Chàng thấy những cây sồi ngã những bóng đen nặng nề ở vòm trời, như một bức tranh thủy mạc. Buổi hoàng hôn làm cho cảnh vật nhuốm một vẻ mơ hồ, huyền ảo. Ánh sáng còn rớt lại của ban ngày biến đổi thôn quê thành một thế giới hãi hùng, rùng rợn. Những con dơi bay là là mặt đất và chạm cánh vào vai khách bộ hành đi chơi về hơi khuya...
Hôm nay, chàng về trễ hơn ngày thường. Mọi khi ở đây, chàng thường gặp con sen ngồi rửa chén đĩa ở bờ suối, bên gốc thùy dương, cạnh một căn nhà trắng bệch một cách phi thường. Hôm nay, nó cũng đã về từ lúc nào, và chàng lấy thế làm sợ nên ôm đầu chạy, chạy thật nhanh.
Không bao giờ đường về đối với chàng lại xa thẳm như thế này. Chàng chạy mãi, sau tới một cái miễu u uất mà chàng chưa thấy bao giờ cả. Hay là chàng lầm mất đường rồi? Tuy vật, chàng cứ tiến, và sau cùng, đi tới một cái cổng tiêu điều, cột kèo xiêu vẹo, trông có vẻ thê lương làm sao. Những cái tường bằng đá xám, có rong rêu bám từng chỗ nứt ra một cách mệt nhọc; những cánh cửa đã tróc sơn từng mảnh. Chàng lờ mờ nhìn thấy ba chữ đại tự này ở phía trên "Tào Sơn Điền", ba chữ sơn son thiếp vàng, nhưng vì đã lâu ngày nên chỉ còn trơ những vết son then, mọt đục.
Đại Thông nhìn vào trong, qua những cái liếp ngang thì thấy cỏ dại mọc khắp nơi, bìm sậy leo lên cả mái nhà, trong đền thì vắng ngắt không một tiếng động, không có một bóng người lui tới.
Vừa sợ, vừa lo, chàng cảm thấy một cái gì ghê gớm ở trong cái điêu tàn, cô quạnh này. Chàng bèn chạy, chạy ở trong bóng tối yêu ma, nó đuổi theo chàng ... Chàng nghe thấy những tiếng động khẽ ở đằng sau; chàng quay vụt lại để nhìn xem cái gì đang đuổi mình trong cảnh hoang vắng đang say sưa trong giấc ngủ.
Một người đàn bà đẹp tuyệt trần ở trong bóng tối từ từ bước tới gần chàng.
Người đàn ấy đẹp vô cùng mặc một cái áo dài rất chẽn thêu toàn những hoa lá mùa thu, vừa hồng nhạt vừa xanh xám. Dáng điệu của nàng rất nhẹ nhàng yểu điệu mà sắc đẹp của nàng thì không có một tí gì có vẻ là người dương thế; nàng đẹp như tiên nữ: mặt hoa, da phấn, lông mày vòng nguyệt xinh xinh quyến rũ lòng người kỳ lạ. Đôi mắt nàng như chan hòa ngấn lệ và mái tóc xõa dài bay theo gió và xòa cả xuống vừng trán trắng mịn của nàng.
Đại Thông như ngây dại, đứng nhìn nữ lang không chớp mắt. Chàng cảm thấy lo sợ; lo sợ vì người đàn bà kiều diễm có nhan sắc này vừa làm cho chàng kinh hãi, vừa làm cho chàng say mê. Sau cùng, chàng nghĩ thầm nếu cứ trân trân nhìn người ta như thế thì bất nhã nên chàng quyết định phải hỏi một câu:
- Thưa tiểu thư, kẻ này có lời xin lỗi tiểu thư. Chắc tiểu thư cũng ra tỉnh như tôi. Tôi đi chơi thơ thẩn ở bên hồ Bình Hoa và lúc về tôi quá bước nên lạc lối.
- Thưa ngài vâng, thiếp ra tỉnh với con hầu vì ngày mai đây là ngày hội Quần Tinh, mẹ già thiếp sai thiếp đi mua vài thứ cần để ngày mai nhà cúng.
Nói đoạn, nữ lang quay lại bảo con hầu:
- Đêm khuya mà đường vắng, cô cháu mình lại được tiên sinh đây cùng đi, thực là may mắn.
Rồi nàng lại hỏi Đại Thông:
- Xin hỏi tiên sinh, như thế có tiện không? Tiên sinh bằng lòng để cho chúng tôi cùng đi một thể cho vui chứ?
Đại Thông thấy lòng mình như mở hội. Không khách sáo gì hết, chàng cùng nói với nữ lang đi song song ở trên con đường vắng vẻ, theo sau là đứa nữ tỳ mặc thanh y, trông y hệt một con đúm (đúm là một thứ búp bê của Việt Nam ngày xưa kết bằng vải mụn), có một cái mặt không hồn, còn mắt, mũi và miệng thì trông như dệt ở trên tơ lụa.
- Thưa tiểu thư ở gần đây?

- Dạ, vâng, ở gần đây, sau cái miễu cổ này.
- Cái miễu cổ đìu hiu vắng vẻ này, chắc là không có ai ở cả?
- Thiếp không rõ, nhưng hình như có một vị tăng già và một chú tiểu tu ở đó.
- Thưa tiểu thư, cảnh thôn dã này buồn day dứt cả ruột gan. Đối với một người đẹp như tiểu thư, một cảnh trí như thế có vẻ âm thầm quá, thê lương quá.
- Chao ôi, thưa tiên sinh, ngài cứ dạy quá lời, chứ nhan sắc của thiếp liệu đã được bằng ai. Thiếp biết: phu nhân ta ở nhà còn đẹp gấp trăm, gấp ngàn lần thiếp.
Đại Thông giật mình:
- Vậy ra tiểu thư cũng biết đến tiện nội sao?
- Sao lại không? Ở Hốt Tử này, còn người nào lại không biết Ngọc Hân Nương và gia quyến của nàng. Thực là một trang tuyệt thế giai nhân chỉ có thể đem ví với một cánh hoa mà thôi.
Đại Thông cúi đầu xuống và lẩm bẩm một mình:
- Chao ôi, nàng đã chết, giữa một mùa xuân tươi đẹp.
- Thiếp đã biết rồi. Và thiếp biết cả rằng ngày nào tiên sinh cũng ra mộ để cầu nguyện và than khóc. Tiên sinh thực là một người chồng thủy chung khả kính: Ngọc Hân Nương đã mất rồi, nhưng ở dưới suối vàng nàng cũng được ngậm cười sung sướng.
Tiếng nói của nữ lang rung động một sự ham muốn và một cái gì tựa tựa như muốn làm vừa ý người bạn đồng hành.
Vốn không quen nghe những lời nói ngọt ngào, tâng bốc. Đại Thông thấy máu chảy mạnh ở hai bên gò má. Chàng ngượng nghịu trả lời:
- Thưa tiểu thư, người đàn ông yêu kính tiểu thư chắc sẽ còn làm vui lòng tiểu thư hơn là tôi đối với Ngọc Hân Nương nhiều lắm. Tôi chắc vậy.
Nữ lang dừng bước lại, nghiêng đầu: nàng có vẻ âu sầu hơn trước và cắn hai làn môi hồng lại hai làn môi xinh tươi lạ lùng mà phong tình thay, nó lại điểm một màu son phấn ưa nhìn, nhưng đã hơi khô một chút.
Đại Thông Thái Lang, đoán chừng nàng kia đang có một mối sầu u uẩn trong lòng, chàng băn khoăn hết sức và đổi câu chuyện mà chàng đương nói:
- Thưa tiểu thư, xin đoán ngày mai hội Quần Tinh có vui không? Và thời tiết sẽ như thế nào? Đêm nay, mây trời hơi vẩn đục. Chẳng biết đến mai, tiểu thư có lại còn đi ra tỉnh nữa không?
- Cái đó, thiếp không lấy gì làm chắc lắm. Bởi vì mẹ già thiếp ở nhà nghiêm khắc lạ lùng; sở dĩ hôm nay, thiếp được phép đi như thế này cũng là vì bà mệt, thiếp phải đi thay để mua bán những thứ cần dùng, kẻo không thì không có đồ cúng ngày mai.
- Hôm nay tiểu thư phải đi mua bán thế này thì tôi tưởng đêm mai tiểu thư rất có thể xin phép cụ thưởng công cho phép đi ra tỉnh, bởi vì đêm mai là đêm hội của bàn dân trong nước.
- Vâng, thưa tiên sinh, nếu ngộ thiếp được đi xem hội thì sao?...
- Thì tôi sẽ lại đưa tiểu thư đi, như hôm nay chứ gì! Tiểu thư bằng lòng không? Tiểu thư biết nhà tôi rồi thì phải. Nhà tôi ở trên đường, trước cửa là một rừng thùy dương. Vậy là đêm mai, tôi có thể cứ chờ tiểu thư ở dưới bóng thùy dương, phải không tiểu thư?
- Chẳng dám giấu tiên sinh, thiếp không ưa đi xem hội bởi vì đông người quá.
- Nếu thế càng hay. Mời tiểu thư quá bộ lại nhà tôi nói chuyện và dùng trà với nhau.
- Ồ, thiếp! Thiếp mà lại nhà tiên sinh làm gì?
Nhưng nữ lang lại tiếp ngay:
- Nói thế mà thôi, còn đến thì cứ đến, chớ có gì đâu mà ngại?
Đôi má nàng không đỏ vì máu bốc lên đó nhiều, nhưng đôi mắt huyền bí của nàng liếc nhìn Đại Thông thì chứa chan tình tứ, dịu dàng và não ruột.
Sáng sớm hôm sau, Đại Thông dậy thực sớm và thấy lòng thênh thênh thản thản như là nở hoa. Đã lâu lắm, chàng chưa thấy vui như thế.
Suốt một ngày, chàng quét dọn nhà cửa và xếp đặt những đồ vật ở trong nhà cho có vẻ thật ưa nhìn. Chàng đặt cái này, chàng xếp cái nọ đến hàng trăm bận mà vẫn như không bằng lòng. Đến chiều, chàng tắm rửa thật cẩn thận và chải đầu, xức tóc cho thật láng mướt; đoạn chàng đi ra mắc lấy một cái áo lộng lẫy nhất bận vào cái áo mà từ khi vợ mất đến nay chàng chưa bao giờ nghĩ lấy đem ra mặc. Rồi chàng ra tựa gốc cây thùy dương đợi người nữ lang tuyệt sắc mà sự tình cờ đã cho chàng gặp gỡ đêm qua.
Giải Ngân Hà in rõ trên nền trong xanh như một dải dây lưng dát bạc. Phong cảnh hữu tình trong cái lặng lẽ dịu dàng của đêm khuya. Những tiếng vọng của hội hè đưa lại tưng bừng, rộn rịp: tiếng cười, tiếng nói, tiếng não bạt, tiếng thanh la, tiếng chuông, tiếng sáo hòa với tiếng đàn "sa-mi-sen" não nuột...
Ở dưới mái nhà, trong một góc tường kia – như báo một điềm bí mật, như báo một tai nạn vậy - một con

nhện lớn đương giăng tơ chăm chỉ bỗng sa xuống ở trước đèn ba dây.
Ngay lúc ấy, người láng giềng của Đại Thông là Kim Tứ ở trong nhà đi ra. Thấy Đại Thông tiên sinh! Hôm nay, tiên sinh ăn bận đỏm đang lắm, chắc tiên sinh xem hội cho tiêu sầu thì phải. Tôi hoan nghênh ý kiến tiên sinh lắm lắm.
Kim tứ là một ông thầy tiền định lừng danh. Ông đoán vận hạn, xem tướng bói giỏi nhất vùng này và có thể xem tay, lấy số, đoán vận mạng cát hung như thần.
Ông mình hạc, xương mai và râu ria đã bạc trắng cả ra rồi, nhưng cặp mắt vẫn tinh anh và quắc thước. Một nụ cười luôn luôn nở trên môi, làm cho hai gò má hơi nhăn một chút.
Kim Tứ chăm chú nhìn người bạn láng giềng. Đại Thông nói:
- Xin kính chào Kim tiên sinh! Kẻ hậu sinh này, hôm nay, không đi xem hội. Kẻ hậu sinh này, hôm nay, có một người đàn bà đến thăm. Thế cũng là hội chứ gì?
- Kỳ thú! Kỳ thú! Tiên sinh nghĩ chí lý. Phải, ta phải đổi cuộc đời đi, chứ cứ sầu bi, than khóc mãi thì cái buồn khổ nó cứ ám ảnh hoài, chẳng làm được vì gì, tiên sinh ạ. Nói thực với tiên sinh, tôi rất lo sợ cho tiên sinh. Có một hôm, tôi xem tướng cho tiên sinh, thấy tiên sinh gặp một cái tai nạn đấy. Phải coi chừng một chút, nhưng rồi cũng qua được.
Nói đoạn, Kim Tứ vuốt râu, thi lễ rồi đi xem hội, trong khi Đại Thông cứ đứng ở gốc cây thùy dương để trông chờ người đẹp.
Trên đường, thiên hạ kéo nhau đi tấp nập: từng đoàn trai thanh gái lịch xách đèn đi và cười nói huyên thiên.
Mãi tận khuya, mới vắng người. Cảnh thôn dã lại chìm vào trong bóng tối lặng lờ, dầy đặc. Chỉ còn có cái cửa sổ chiếu một thứ ánh sáng vàng vọt xuống bóng tối của đêm khuya.
Đại Thông không ngừng mắt nhìn con đường mà nữ lang sẽ đến với chàng. Chàng thắc mắc và nóng ruột. Đột nhiên không nghe thấy một tiếng guốc hay một tiếng hài đi trên mặt đất, Đại Thông thấy hiện ở giữa khoảng thinh không một cái đèn lồng đỏ vẽ toàn hoa mẫu đơn. Rồi một tiếng người rung động nhỏ nhẹ ở bên tay chàng: "Xin kính chào tiên sinh!"
Dụi mắt, chàng nhìn thấy hai người thiếu nữ tiến lại phía chàng: người nữ tì cầm cái đèn lồng mắc vào một ngọn cây tre và, sau lưng, thì là nữ lang, vẫn kiều diễm như đêm qua, mà ăn mặc vẫn lộng lẫy như đêm qua vậy.
Thoạt tiên, Đại Thông cũng hơi lấy làm ngạc nhiên sao nàng không chọn một màu áo gì lạ để mặc vào ngày hội, nhưng sau vì sung sướng quá, thành cũng không nghĩ đến điều đó nữa. Chàng mời nàng vào trong nhà và pha trà mời uống, trong khi ả nữ tì vẫn không nói một câu, xin phép chủ đi ra tỉnh. Những ngọn nến cháy rực rỡ, gió lay động những ngọn lửa chập chờn. Bánh trái, hoa quả xếp đầy những cái đĩa lớn đặt trong những cái khay sơn đỏ.
Sau khi đã rủ bức châu liêm xuống rồi, chàng và nàng ngồi cạnh nhau ở trên chiếu và nàng kể đời nàng cho chàng nghe:
- Em vốn sinh đẻ ở Na La, tên em là Giáng Tuyết. Thân phụ em vốn là nhà kinh doanh giàu có, nên chung quanh vùng em ở có nhiều đứa tiểu nhân nó thù hằn. Một hôm, một bọn người cáo xưng thân phụ em giết người nên thầy em bị hình ngục và đã bỏ mình một cách khổ não ở trong chốn sầu thành đó.
Em và thân mẫu em cực nhục quá không dám ở Na La nữa, đành phải dắt nhau về ở đây, từ mùa Xuân. Mẹ em và em có ý định chọn nơi này vì ở đây vắng vẻ, mẹ em chắc chắn có thể sống một cuộc đời kín đáo, không bận rộn mà cũng chẳng phiền ai hết. Đến ở đây được ít lâu thì em gặp anh đi với vợ vào đền Mỹ Đế. Anh bận một cái áo như cái áo hôm nay, anh trông dễ thương quá và vợ anh thì đẹp và tỏ vẻ vô cùng sung sướng. Chẳng dám giấu gì anh, em đã có lúc ghen cái hạnh phúc của vợ anh...
Giáng Tuyết nói thế xong, nhìn chàng một cách thơ ngây. Chàng nói:
- Em bảo gì? Đẹp như em , sao lại phải nói đến một câu như vậy?
Bằng lòng lắm, nàng cười:
- Em xin anh. Anh đừng nên nói những điều anh không nghĩ.
Đẹp một cách mê li, quyến rũ, Giáng Tuyết ngồi ở một chỗ tờ mờ tối sáng, cách xa hẳn ánh đèn mà hình như nàng có vẻ sợ sệt, có vẻ muốn xa lánh vậy.
Cũng như đêm hôm qua, vài sợi tóc sòa xuống trán nàng. Đầu nàng hơi nghiêng về một bên; nàng có vẻ lanh lẹ và tinh nghịch, nhưng đuôi mắt của nàng êm dịu và chăm chú nhìn chàng trẻ tuổi, như nói hết cả những điều mà nàng muốn giấu kín trong tim óc.
Nàng nói:
- Em đến thăm anh hôm nay, thực cũng vất vả, gian

truân quá.
Chàng hỏi tại sao.
- Em xin anh, em van anh. Em khổ tâm quá lắm rồi, anh đừng hỏi làm gì nữa cho em thêm đau đớn.
Nói đoạn, nàng đắm mình vào trong một cơn mơ mộng não nùng miệng lẩm bẩm những lời nghe không rõ, in như một đứa trẻ ngây thơ tập nói và lấy hai bàn tay trắng như ngà ra vò nát cái áo nhẹ nhàng như mây khói.
Hôm nay, Đại Thông uống nhiều rượu "sa-kê" hơn ngày thường nên hơi nóng bốc lên mặt bừng bừng và quả tim chàng đập mạnh. Chàng chống tay vào cằm, chăm chú nhìn Giáng Tuyết có đôi bàn tay đẹp lúc ấy bắt đầu run lẩy bẩy. Nàng ngước mắt nhìn chàng và cười, trong khi chàng ngồi lại gần nàng mà khẽ nói rất dịu dàng.
- Em ơi, anh yêu em ngay từ buổi gặp gỡ đêm qua, ở bên ngôi miễu cổ. Chiều nay, anh trông đợi em không biết ngần nào và anh có cảm giác rằng nếu em lỗi hẹn thì... thì... Nhưng mà thôi, em đã đến với anh rồi, còn nói đến chuyện ấy làm gì nữa? Anh chắc rằng trời đã run rủi cho anh được gặp em, hoặc chính Ngọc Hân Nương đã xui khiến ra như thế để gây lấy một mối hạnh phúc cho anh vậy. Áng chừng Ngọc Hân thấy anh thương tiếc nàng quá nên đã muốn đem em đến để thay nàng... Nếu anh quả thực không có ý tưởng đó trong đầu thì anh không thể không bao giờ lại tiếp một người đàn bà lạ ở trong căn nhà này. Anh xin lỗi vì đã không thể thu xếp để tiếp em thực chu đáo, nhưng anh xin nói để em biết anh còn quý em hơn là anh đã quý Ngọc Hân Nương nhiều lắm. Này, em xem trái tim anh đập vì em...
Đại Thông cúi xuống và hôn vào cái cổ ngà ngọc của Giáng Tuyết cái cổ lạnh như băng giá.
Giáng Tuyết thở nhè nhẹ và ôm lấy chàng.
Đêm lúc ấy đã khuya. Xa, chỉ còn tiếng ễnh ương và tiếng dế kêu sầu ở xa trong những cánh đồng tối đen, vắng ngắt. Những tiếng vang dội của đám hội từ phương tây đưa lại nhỏ dần, nhỏ dần. Thỉnh thoảng lắm, người mới lại nghe thấy tiếng đàn sa-mi-sen não ruột như tiếng khóc.
Giờ này, chẳng hiểu sao con nữ tì còn ở ngoài tỉnh chưa về?
Cửa phòng khách mở rộng. Ở buồng bên, hé lộ một bức màn riềm đỏ như chờ đợi, như sẵn sàng chờ đợi... Những cái gối xếp rắn chắc cũng bọc lụa màu: đó là những kỹ niệm cuối cùng của Ngọc Hân để lại. Ngọn nến để trên án thư sắp tắt, reo sè sè trong đêm khuya. Đại Thông ôm chặt lấy nữ lang kiều diễm. Nến tắt hẳn. Ở ngoài kia, cái đèn lồng mẫu đơn mà con nữ tì để lại chiếu vào căn buồng một thứ ánh sáng đỏ tờ mờ...
Sáng hôm sau, Đại Thông không ra nghĩa địa thăm vợ nữa và từ đó trở đi, cứ mỗi buổi chiều, vào khoảng giờ Tuất, giờ Hợi thì Giáng Tuyết lại đến với chàng, bí mật và kỳ dị, theo sau lúc nào cũng có con hầu quái lạ trông giống hệt một con "đúm" bằng mụn vải và không bao giờ rời bỏ cái đèn lồng mẫu đơn.
Đại Thông bắt đầu sống một cuộc đời kỳ lạ, suốt ngày chỉ ngủ, ngủ những giấc ngủ nặng nề có toàn những ác mộng đến thăm. Chàng yếu sút trông thấy. Ông già bên hàng xóm, Kim Tứ, nhận thấy điều này, hết sức để ý đến Đại Thông và một buổi trưa mùa thu nọ, đập cửa nhà Đại Thông mà gọi Đại Thông thức giấc.
Mặt trời đã lặn dần về phía trời tây, Đại Thông nằm nghỉ trong buồng kín. Nghe tiếng ông bạn già gọi, chàng giựt mình choàng dậy.
Mắt hãy còn nặng trĩu giấc ngủ dở dang, chàng bước qua mảnh vườn con, mở cửa và hai người ngồi cạnh nhau trò chuyện.
Giấu hết nỗi bâng khuân của mình, Kim Tứ thản nhiên nói:
- Chào Đại Thông tiên sinh, cả ngày tôi không thấy tiên sinh đâu. Ngài có đau yếu gì không?
- Tôi hơi bị mệt và không hiểu ít lâu nay sao lười tệ.
Nhận thấy da mặt Đại Thông vàng như nghệ và khí sắc kém hẳn đi, Kim Tứ nói tiếp:
- Đó là điều bất thường khi người ta đã trẻ lại có nhân tình. Nhưng tại sao tiên sinh lại có vẻ mệt mỏi khác thường và gầy róc đi như vậy? Xin tha lỗi cho tôi đã đường đột nói đến chuyện riêng của tiên sinh, nhưng vì tôi mến phục tiên sinh nên phải chạy tới hỏi thăm và mong tiên sinh hãy bảo toàn quý thể.
Kim Tứ hút một hơi thuốc. Tin chắc rằng có điều gì bất thường xảy ra đây. Đại Thông bèn nói:
- Tôi gầy lắm thực ư? Tiên sinh làm cho tôi sợ hãi.
Vừa nói chàng vừa giơ bàn tay xanh mướt như bàn tay kẻ chết rồi, sờ lên má.
Kim Tứ bỗng hắng giọng, nói to:
- Thật lạ! Tiên sinh để tôi bói thử một quẻ xem sao.
Nói đoạn, ông lấy ở túi áo ra những cái thẻ nhỏ bao giờ cũng mang theo trong mình, rồi ông cúi đầu xuống khấn, nhắm mắt lại, vứt bỏ thẻ xuống đất. Rồi ông mở mắt ra, ngả người xuống, chăm chú nhìn như để tìm cho ra bí mật, với một điệu bộ thất

vọng, ông giơ tay lên rên rỉ:
- Trời ơi, một tai nạn lớn. Tiên sinh sẽ chết trong vài ngày, hay cùng lắm là một tháng nữa thôi.
- Ôi!
Đại Thông vừa kêu được một tiếng thì mặt đã tái lại và gần như muốn xỉu.
Hai người bạn lặng yên không nói trong sự hãi hùng, nhưng chỉ trong khoảng khắc mà thôi.
Sau Kim Tứ nói trước:
- Nếu tiên sinh có quý sinh mệnh của tiên sinh thì xin trả lời rất thành thực những câu hỏi của tôi. Tôi biết rằng cứ đêm đêm thì lại có một người lén đến tìm tiên sinh. Có lẽ đó là nhân tình của tiên sinh. Tiên sinh biết người đó đã bao nhiêu lâu nay rồi?
- Trước ngày hội Quần Tinh ạ.
- Có phải nàng đến với tiên sinh lần thứ nhất nhằm đứng hôm hội phải không. Tôi hãy còn nhớ nàng đến với tiên sinh đêm ấy với một chiếc đèn lồng?
- Vâng, nàng đi với một ả nữ tỳ đem theo một chiếc đèn lồng ạ.
Đông mắt Đại Thông mơ màng như nhớ lại cuộc gặp gỡ ban đầu.
- Tiên sinh gặp nàng ở đâu.
- Gần đền Mỹ Đế mà tôi đi lầm đường trở về lối hồ Bình Hoa.
- Mỹ Đế! Đền Mỹ Đế! Có phải đền ấy ở về một miền quê hẻo lánh, chung quanh không có nhà cửa gì phải không?
- Thưa, đúng thế.
- Còn nàng tên gì?
- Tên là Giáng Tuyết. Hình như tôi đã nói cả với tiên sinh rồi thì phải. Đúng rồi. Nàng nói với tôi rằng nàng vốn là con nhà danh gia vọng tộc, nhưng mẹ nàng và nàng bắt buộc phải ở cách xa thành phố.
- Thật ư? Tiên sinh hãy nghe tôi kể chuyện nàng: Cha nàng là nhà nho. Nàng được nuôi dạy theo một nền giáo dục khuôn mẫu. Mẹ nàng rất nghiêm ngặt, không cho nàng ra ngoài, dù đi với một ả nữ tì. Vì thế nàng phải trốn đi ban đêm. Khi mẹ nàng ngủ, nàng trèo qua cửa sổ để đến với tôi. Đó là điều nàng đã thuật với tôi trong những buổi gặp gỡ sau này.
- Trời ơi, một người đẹp mà phải trèo qua cửa sổ! Tiên sinh mê nàng quá. Với tôi câu chuyện thật là quái dị; gặp gỡ một thiếu nữ ở gần một cái miễu hoang tàn, rồi thiếu nữ ấy đến nhà người yêu một cách dễ dãi ngay tối đầu! Tôi chẳng thấy dấu gì là dấu đôi bàn chân nhỏ víu ấy trèo qua cửa sổ. Thưa tiên sinh, những sự việc ấy quả bất thường. Phiền tiên sinh tả cho tôi biết mặt mũi nàng ra sao? Nàng ăn mặc thế nào?
- Nàng đẹp một cách lạ thường, dù nét mặt có đượm một vẻ buồn triền miên. Nàng chỉ bận một thứ áo và không bao giờ thay đổi... Quả thật tiên sinh đã làm cho tôi phải suy nghĩ nhiều... Cho đến con nữ tỳ cũng đến vào một giờ nhất định, mang theo một cái đèn lồng cũng không thay đổi, mà đặc biệt là con nữ tỳ không hề mở miệng một câu. Tôi tưởng nó câm, tiên sinh ạ.
- Câu chuyện mỗi lúc lại thêm lạ lùng.
Kim Tứ nghĩ đến sự bí mật ấy và tự hỏi không biết hai thiếu nữ ấy là ai. Mà Đại Thông thì không tin được nàng Giáng Tuyết - một nữ lang đẹp như tiên - lại có thể cầm được sinh mệnh của chàng trong tay.
- Đại Thông tiên sinh, bây giờ đã đến lúc ta phải quyết định rồi. Ta phải tìm cho biết gốc tích nữ lang ấy. Nếu không thì tính mệnh tiên sinh chẳng khác ngọn đèn trước gió. Vậy tiên sinh đã có ý kiến gì chưa?
Chàng thanh niên lắc đầu. Trán ông già nhăn lại vì suy nghĩ:
- Nhà tiên sinh chỉ cách nhà tôi có một bức tường thôi, phải không?
Chàng thanh niên gật đầu.
- Như thế tôi sẽ quay về nhà đục một lỗ tường để có thể trông sang xem người con gái đáng sợ ấy ra sao. Tôi van tiên sinh hãy lánh xa ả ấy đi. Thôi, xin phép tiên sinh tôi về, vì đã muộn.
Nói đoạn, Kim Tứ nhặt những cái thẻ ở dưới đất, cầm điếu thuốc ra về.
Ngoài vườn, mấy cụm hồng rung động dưới làn gió nhẹ. Đại Thông đứng dậy bước nặng nề vào nhà trong.
Ngày hôm sau, vừa mới bình minh, Kim Tứ đã sang gõ cửa ông bạn hàng xóm. Trông thấy Đại Thông, ông thốt lên một câu kinh ngạc:
- Ô, hãy còn sống! Mở toang các cửa ra cho ánh sáng lùa vào.
Lần này, Đại Thông tỉnh táo lắm.
- Thế nào, ông có trông thấy nàng Giáng Tuyết của tôi không? Nàng là ai? Hôm qua nàng đưa cho tôi một nhành hoa lê. Ông trông đấy, nàng có thật và tôi có bị ám hại gì đâu! Không sợ!
Nói câu ấy xong, Đại Thông cười có vẻ khoái trá và lấy tay trỏ nhành hoa lê để trên cái án thư bằng gụ đen bóng như mun.
Kim Tứ trông thấy mà ngạc nhiên vô cùng:

- Tiên sinh ơi, hãy tỉnh ngộ lại và thử ngẫm mà xem. Tiên sinh há chẳng biết mùa thu thì làm gì có hoa lê, có chăng chỉ có hoa hoắc lê là cùng.
- Quả thế, khi nàng Giáng Tuyết biếu tôi nhành hoa, nàng cũng đã nói rồi: Em đưa đến cho anh một đóa hoa buồn, em vẫn biết anh thích hoa đào đơn. Sau này, anh gặp gỡ một bạn tình vui tính và chắc rằng anh sẽ quên em ngay. Rồi nàng ngả đầu vào vai tôi mà khóc. Tôi an ủi nàng đừng có ngờ vực một điều nhỏ mọn, tôi yêu tất cả các thứ hoa mà bông hoa tôi yêu hơn cả thì là nàng vậy.
Nhưng có điều Đại Thông không nói ra và không nghĩ đến là trong tháng này, chẳng vườn nào lại có hoa lê nở. Một nỗi lo sợ không tên xâm chiếm lòng chàng, hai tay chàng nắm chặt lấy ông thầy tiền định:
- Vậy tiên sinh có thấy gì khác thường không? Tiên sinh làm cho tôi sợ hãi quá...
- Tôi phải nói để tiên sinh biết sự thật hãi hùng. Can đảm mà nghe mới được, vì tôi muốn cứu tiên sinh. ... Thiếu nữ đến với tiên sinh chết đã lâu lắm rồi. Tay tiên sinh sờ vào thây ma, môi tiên sinh hôn hít thây ma... Khi tôi trông thấy người yêu của tiên sinh đưa biếu nhành hoa lê, tôi đã định kêu lên. Nhưng trấn tĩnh được, tôi muốn tìm cho ra bí mật; với cái tinh thần của tôi, tôi có thể cho tiên sinh biết: nàng Giáng Tuyết chỉ là ma hiện ở dưới mả lên. Tiên sinh si tình thấy nàng đẹp đẽ uyển chuyển; tôi thì tôi thấy ghê sợ và kinh tởm?
Đại Thông hoảng sợ, níu lấy áo ông bạn già lạy van xin cứu cho sinh mệnh, nếu còn kịp thời giờ.
Kim Tứ nói:
- Đêm nay, tôi không ngủ, mặc dầu suy nghĩ nhiều. Chắc chắn thế nào tôi cũng tìm ra bí mật ở ngoài đền Mỹ Đế. Nhưng vì nghề nghiệp của tôi, các nhà sư sẽ tìm cách làm khó dễ. Tiên sinh làm ơn đi thay tôi. Ngay hôm nay, tiên sinh đến đó dò hỏi nhà sư trụ trì một cách khôn khéo để họ khỏi nghi ngờ gì mình. Tôi chắc có một các bí mật gì ghê gớm ở trong ngôi đền ấy. Tiên sinh nên đi ngay, làm thế nào đến được trước khi mặt trời lặn. Tôi nóng lòng chờ tiên sinh quay về. Biết được tiên sinh thấy những gì ở đó, tôi sẽ tùy cơ cứu tiên sinh.
Đại Thông có cái cảm tưởng như mình không còn sống nữa. Dù sao chàng cũng cố sức sửa soạn ra đi thật nhanh.
Một bụi rậm gai góc chắn ngang lối vào đền. Đại Thông không dám vượt qua, đành phải gõ cửa. Một nhà sư già lắm, gầy đét như con mắm, bận một cái áo xanh đã bạc mầu ló mình ra ngoài cửa sổ và hỏi:
- Ông hỏi gì?
- Bạch cụ, vụ tha lỗi cho câu hỏi tò mò, ở đền ta đây có bao nhiêu vị tăng ni?
Trông thấy bộ quần áo sang trọng của Đại Thông, nhà sư dịu dàng nói:
- Thưa ở đây chúng tôi chỉ có hai người thôi, tôi và một chú tiểu. Ngài trông đấy, ngôi đền điêu tàn lắm, khách thập phương không hề để chân đến lễ bái bao giờ.
- Thế có nhiều người làm ma chay gì không? Đại Thông hỏi.
- Bây giờ thì không có nữa. Tuy vậy, cách đây không bao lâu cũng có một đám. Vâng, đúng hai tháng, đám ma một thiếu nữ. Tôi biết mẹ của nàng, còn nàng thì tôi chưa bao giờ gặp mặt.
- Thế nàng không phải là người ở đây sao?
- Mẹ nàng ở tận Nam Hải. Bần tăng nghe nói nàng là thiếu nữ chưa chồng, chẳng biết vì chuyện gì, một đêm ra một cây đa quéo thắt cổ trên cành tự vận.
Đại Thông nghe mà muốn tắt thở, cổ họng chàng khô lại. Chàng lại hỏi:
- Thế bạch cụ, cụ có nhớ tên thiếu nữ là gì không?
- Hình như tên nàng là Giáng Tuyết.
- Giáng Tuyết?
- Vâng, thuộc về dòng họ Ngân Điền. Nếu ngài muốn biết rõ nữa, tôi sẽ chỉ để ngài biết quan tài nàng vì hãy còn để ở trong đền này. Mẹ nàng giao cho tôi coi cái quan tài ấy mà đã hai tháng trời nay rồi, họ hàng cũng không có ai đến nhận. Không được phép, tôi không dám chôn. Ngài sẽ thấy ngay trên quan tài có treo một cái đèn lồng rất đẹp.
Đại Thông run lên như cái lá trước gió thu, hai hàm răng đánh vào nhau cầm cập. Chàng muốn té xỉu xuống ngay lúc đó. Tuy vậy, chàng cũng cố hỏi thêm một câu:
- Bạch cụ, cụ có thấy sự gì thay đổi lạ lùng ở trong đền này không?
Vị sư già không hiểu ý nghĩa câu hỏi, mở to mắt tỏ vẻ ngạc nhiên và nghĩ có lẽ người này điên chăng, bèn trả lời một câu có vẻ đùa cợt:
- Không, không, chẳng có gì cả. Tuy vậy tối nào tôi cũng bị mất một cây nến. Tôi chắc chú tiểu ăn cắp để bán lấy tiền mua bánh, nếu không phải là chú chuột tha đi.
Đại Thông lạnh toát người, bỏ chạy, quên cả chào vị tăng già đứng sững ra đấy, vừa buồn cười mà lại

vừa bâng khuâng không hiểu chuyện gì cả.
Câu chuyện của ông Foumiko Tayabashi kể cho chúng tôi nghe đến đây thì trời vừa hửng sáng. Không thể nằm lâu hơn được, chúng tôi đành phải đứng dậy ra về. Riêng tôi thắc mắc không chịu được vì không biết câu chuyện đến đây đã hết chưa, mà tiếc một nỗi là ông Tayabashi lại không nói cho chúng tôi được biết.
Tôi định ngay tối hôm đó sẽ mời cả bọn đi hát nữa để hỏi ông Tayabashi câu chuyện hết chưa và nếu chưa hết thì rồi ra sao, nhưng chẳng may, đến buổi trưa hôm đó, phái đoàn nghị sĩ nhận được một bức điện kêu về gấp vì một biến cố chính trị mới xảy ra tại Sài Gòn.
Tàu bay cất cánh hồi ba giờ chiều. Tôi không kịp ra tiễn mấy ông bạn và do đó không biết gì hơn về chuyện "Cái Đèn Lồng" của ông Foumiko Tayabashi, nhất là không biết sau này có ai đến nhận chôn thi hài Giáng Tuyết không?

NGỌC HÂN, GIÁNG TUYẾT VÀ Á NỮ TỲ XÁCH ĐÈN LỒNG

Tháng Giêng năm 1967, tôi có dịp đi chơi thăm mấy nước Á Đông. Sau hơn một tháng ở Thái Lan, Phi Luật Tân, Đại Hàn, đáng lẽ phái đoàn báo chí của chúng tôi về nước, nhưng không hiểu vì lý do gì chính trị hay ngoại giao, ông Đại Sứ ở Nhật lại đánh điện sang Đại Hàn mời ghé qua Nhật. Theo chương trình ấn định, phái đoàn chỉ lưu lại Nhật ba ngày ba đêm, nhưng đến giờ chót thì máy bay không có, chúng tôi phải chia nhau thành ba nhóm, để về cách biệt nhau.
Vì ngán Sài Gòn một phần mà phần khác cũng vì yêu mến nước Nhật thơ mộng, tôi xin ở lại để về chót. Tưởng là chậm vài ngày, không ngờ chuyến nấy tôi lưu lại Nhật đến gần nửa tháng. Bao nhiêu xí nghiệp, thông tấn xã, báo quán, đài ti vi, bao nhiêu bộ phủ, cơ quan quân sự tôi đều đã đi thăm hết cả trong những buổi đầu rồi, tôi chỉ còn biết la cà đi vào các "đề-các-tô" để xem hàng hóa rồi nay quán này, mai tửu lầu nọ để xem xô (show) và thưởng thức miếng ngon Nhật Bản. Chính lúc ấy, tôi nhớ đến nhà văn kiêm ký giả Foumiko Tayabashi và tôi đã nhờ một người Nhật, thông thạo tiếng Pháp và tiếng Việt từng mở tiệm kem máy ở đường Hàng Trống trước Thế Chiến Thứ Nhì vẽ đường cho tôi tìm đến nhà ông.
Ông ở mãi trên một ngọn núi ở cách xa thành phố Đông Kinh chừng hai mươi cây số. Tôi đến thăm ông vào một buổi sáng rét dưới năm độ không. Đứng ở trên căn nhà gỗ nhìn xuống con đường quằn quèo trong vách đá, rộng thênh thang đủ cho hai xe hơi đi lại dễ dàng, tôi thấy những cây thông phủ tuyết trắng xóa, còn sông nước ở đằng xa thì đóng thành băng, người lớn và trẻ nhỏ chơi trượt tuyết đông như hội. Nhưng ở căn nhà gỗ của ông Tayabashi trên đỉnh núi thì im lặng hoàn toàn như một cái am. Cửa đóng kín như bưng, tôi kêu mãi mới có một cô bé chừng mười một, mười hai tuổi ra mở cửa. Đưa lá thiếp vào trước để tự giới thiệu mình, tôi được một bà trạc lục tuần ra tiếp. Bà này nói tiếng Nhật. Không nghe kịp, tôi xin lỗi. Lúc ấy bà mới nói tiếng Anh. Tôi nghe lờ mờ không hiểu rõ, nhưng câu được câu mất, tôi biết đại khái bà là vợ của văn sĩ Foumiko Tayabashi. Bà lòa cả hai con mắt. Chồng bà chết hai năm nay rồi vì bom nguyên tử, bởi vì hồi đó ông ở Xung Thằng để theo dõi tình hình chiến sự. Bây giờ bà ở với một đứa cháu nuôi làm con nuôi, bởi vì hai con gái và một con trai bà cũng đã chết trận sau chồng bà chừng độ dăm sáu tháng.
Tôi buồn não ruột khi nghe bà nói đến gia cảnh của bà. Tôi nói:
-Thưa bà, bao nhiêu lời chia buồn đều vô ích. Tôi đau khổ bằng cái đau khổ của bà. Ông nhà với tôi là bạn, không ngờ buổi chia tay bữa ấy ở thủ đô Bắc Việt lại là ngày vĩnh biệt.
Bà Foumiko nhất định giữ tôi lại vài ngày. Tôi cố từ chối nhưng không được, đành phải ở lại một ngày. Ăn xong hai bữa, tôi lại được đứa cháu nhỏ đưa đi các vùng lân cận để thăm các đền chùa miếu mạo. Buổi tối, chong một ngọn đèn mờ lên uống nước trà do chính tôi học pha lấy theo lối Nhật, bà Foumiko Tayabashi kể lại cho tôi những thảm cảnh chiến tranh, nhưng bà không khóc, kể cả những khi nhắc đến chồng con đã qua đời. Tôi nói với bà:
-Thực ra tôi không được tiếp chuyện ông nhà nhiều, nhưng chỉ trò chuyện một đêm, một đêm thôi, tôi đã biết ông nhà có một tâm hồn khoáng đạt, giàu tha thứ và dù trải rất nhiều biến thiên, ông vẫn giữ nguyên vẹn dân tộc tính và tỏ ra một lòng ái quốc sâu xa.
Câu nọ giắt câu kia, tôi nhắc lại chuyện "Cái Đèn Lồng" mà ông Tayabashi đã kể cho tôi nghe vào một đêm đông ở xóm Khâm Thiên, Hà Nội và tôi cũng cứ thực tình nói với bà rằng tôi rất tiếc là không được biết câu chuyện ấy đã kết thúc chưa. Nghe tôi nói, bà Tayabashi ngạc nhiên không hiểu. Nhưng sau khi đã dùng hết tuần trà, bà có vẻ như

nhớ dần dần ra một chuyện đã mờ trong trí óc và bảo tôi:
-À, bây giờ tôi nhớ ra rồi. "Cái Đèn Lồng"... Phải, chồng tôi lúc sống có viết một cuốn truyện như thế bằng tiếng Nhật và dường như đã đăng từng kỳ trên hai tờ báo Anh Ngữ và Pháp Ngữ.
Nói đoạn, bà gọi cô cháu nhỏ ra nói một hồi lâu bằng tiếng Nhật. Cô cháu đi vào.
Sáng hôm sau, cũng vào lúc dùng trà, bà Tayabashi đưa cho tôi một tập giấy và nói:
- Hôm qua, cháu đã tìm được tập bản thảo này đây. Ông nói đúng: chuyện "Cái Đèn Lồng" do chồng tôi kể cho ông nghe chưa hết. Tập này viết sau khi nhà tôi ở Việt Nam về, định đưa đăng tiếp, nhưng chẳng may thất lạc nên đành xếp đấy, mà tôi cũng chẳng nghĩ đến việc gửi cho nhà báo làm gì. Bởi vì ông thiết tha đến câu chuyện ấy, tôi xin kính biếu ông để ông coi. Còn tôi, vô phúc cho tôi là bị hư mất cả hai con mắt vì chất phóng xạ nguyên tử, tôi không thể đọc được nên cũng không biết gì. Ông đọc sẽ thấy câu chuyện rồi sau kết thúc ra sao. Tôi xin vì vong hồn của chồng tôi cảm ơn ông vì ông đã yêu mến chồng tôi và đến thăm chúng tôi ngày hôm nay...
Xe xuống đến chân núi, tôi ngửng đầu nhìn lên hãy còn thấy bà Tayabashi đứng dựa vào cánh cửa tiễn tôi và vẫy tay chào.
Muốn giơ tay ra chào lại, mà biết rằng có vẫy tay thì bà ta cũng chẳng thấy gì, tôi cảm thấy chưa buồn như thế bao giờ.
Về đến khách sạn, tôi nằm úp mặt vào cái áo kimônô mới do cô hầu phòng để sẵn cho khách thay mỗi sáng và bảo bồi đừng mang cơm lên sáng đó. Người bồi hỏi tôi:
-Ông bịnh? Có cần phải nói với bác sĩ không, bởi vì khách sạn lúc nào cũng có bác sĩ trông nom.
- Khỏi cần. Nhưng nếu có rượu mà không phải rượu "sa-kê" đem cho tôi một chai nhỏ uống chơi cho đỡ lạnh.Cả buổi trưa hôm đó, tôi cứ ngồi nhắm rượu một mình, vừa nhắm vừa giở tập bản thảo của ông Tayabashi ra đọc tiếp truyện "Cái Đèn Lồng: để xem có ai đến nhận chôn người con gái tự tử quàn ở trong Tào Sơn Điện gần hồ Bình Hoa không.
Chẳng có ai đến nhận xác Giáng Tuyết, kể cả người tự nhận là mẹ nàng đến xin với vị sư trụ trì làm chay cho nàng.
Thế là nghĩa lý gì? Tại sao người ta lại bỏ Giáng Tuyết như thế? Mà Giáng Tuyết tại sao lại tự tử để rồi nằm chết thân một mình trong ngôi đền hoang vắng thê lương?
Thì ra muốn biết đầu đuôi câu chuyện này, người ta phải quay về sống lại một khoảng thời gian đã mờ rồi, cách đó bảy năm trời.
Bảy năm về trước, Tào Sơn Điện đã là một cái đền bỏ hoang không có bóng người qua lại vì không có ai dám đến tu ở đó. Lau sậy mọc tràn lan cả lên trên tường vách, mái nhà. Ngói lợp mái ở nhiều chỗ đã sút cả ra; có nhiều bức tường nứt rạn và đêm đêm cầy cáo vẫn đến họp nhau ở đó. Cũng có người bảo rằng bọn trọm cướp lấy nơi đó để hội họp nhau chia công cắt việc làm lễ Đức Ông rồi từ đó xuất phát để "làm ăn", nhưng hầu hết mọi người thì tin rằng đó là một vùng đất dữ, có ma, đêm đêm vẫn hiện về tác yêu tác quái, làm cho người dân ở chung quanh hoảng sợ, cứ từ chạng vạng tối cho đến sáng không dám bén mảng từ ngôi đền ấy cho đến hết địa phận hồn Bình Hoa, nhất là ở chỗ cây đa Quéo và cồn "Cơm Toi".
Một hôm, có một người ở xa xôi đến sinh sống ở đó, nghe thấy câu chuyện đồn đại ấy, không tin, bèn thủ một chai rượu lớn vào ngôi chính giữa Tào Sơn Điện uống rượu một mình để xem ma ra thế nào. Hai đêm liền, anh ta đều uống rượu như thế và không thấy gì. Anh ta cười ha hả và bảo những người chung quanh:
- Các ông xem, toàn là chuyện láo toét cả. Tôi ngồi hai đêm mà có thấy gì đâu!
Người đàn ông bạo dạn này, ngờ là trong những lời đồn đại phao truyền ấy có một âm mưu đen tối của một lũ gian nào đó, bèn cố tìm hiểu tại sao lại có chuyện ma mãnh trong ngôi đền. Một bô lão cho biết:
- Theo chỗ tôi biết, Tào Sơn Điện trước đây vẫn là một nơi họp của tuần tráng phụ trách canh gác vùng này. Một đêm kia, vào mùa rét, có ba người con gái đi qua đó nhỡ độ đường, vào xin tuần tráng cho tá túc một đêm để sáng hôm sau đi chợ Na La sớm. Thấy ba cô gái xinh tươi, nói năng ngoan ngoãn dễ thương, bọn tuần tráng ưng liền và xếp một cái ổ rơm cho ba cô nọ nghỉ ngơi. Trong khi đó, bọn tuần tráng quây quần bên một ngọn đèn dầu uống rượu suông.
Một cô gái thấy thế bèn nói:
- Các ông uống rượu thế này, không có cái nhắm, buồn chết. Nhân chị em chúng tôi đi chợ sớm, có mang sẵn thức ăn sáng sớm mai, các ông cho phép chúng em được mời các ông.
Vừa nói, cô vừa lấy ở trong tay nải ra hai cái giò

heo. Trời thì rét, cảnh thì buồn, uống rượu suông ngán thực, bọn tuần tráng thấy hai cái giò heo tự nhiên sáng cả mắt lên. Thế là họ chia nhau ra, kẻ thì nhúm lửa, người thì chạy đi lại những ngôi nhà gần đấy mượn nồi, luộc hai cái giò heo lên rồi thái ra mấy đĩa đầy, cùng xoay ra chén trong khi ba cô gái ngồi bên lò lửa nói chuyện làm ăn và tính toán việc buôn bán sớm mai.

Đến gần sáng, cả bọn lăn ra ngủ, nhưng một ông sợ có xảy ra chuyện gì không hay, cố gượng mắt để ngồi canh. Thấy một cô trong bọn trằn trọc không ngủ được, anh ta lại gần tán chuyện gẫu. Thế rồi việc phải đến đã đến, hai anh chị đưa nhau ra bụi rậm ở gần đấy bầy chuyện nguyệt hoa. Rồi một anh nữa lôi cô thứ nhì ra. Anh thứ ba thấy anh thứ nhất và thứ nhì hành động như vậy, cũng nổi nóng tán tỉnh cô thứ ba. Đến sáng thì cả ba ông đều hả hê, còn ba cô thì vội vã cám ơn và từ tạ để lên đường đi chợ Na La cho kịp.

- Câu chuyện như thế có dính líu gì đến ma?

- Không. Ông cứ để cho tôi kể tiếp. Vậy là ba cô gái đi chợ Na La. Còn ba ông tuần tráng kia thì hết phiên canh rồi, vội vã về nhà đi ngủ. Một tuần qua đi. Cả ba ông đều bị bịnh chết bất đắc mà không có ai biết nguyên nhân. Họ chết thì thiệt thân họ, cũng chẳng ai buồn để ý, chỉ thương hại cho vợ một anh trong bọn, vì chồng chết hết kế sinh nhai, phải đi tha phương cầu thực rồi đến lúc cùng đường, ẵm hai đứa con nhỏ ở hai tay nhảy xuống hồ Bình Hoa tự trầm.

- Thế sau người đàn bà và hai đứa con ấy hoá ra ma?

- Chính tôi cũng không được rõ. Nhưng theo lời những người đã được thấy ma hiện thì không phải chỉ có một người hay hai người nhưng là nhiều người khác nhau, khi thì là một người đàn bà đẹp đi guốc kêu lóc cóc, khi thì là một bà có thị nữ theo hầu như mệnh phụ phu nhân, nhưng cũng có khi là đàn ông không đầu đi cà kheo, hay một lũ lạc loài rách rưới lê những cái thân hình tàn phế, đầy thương tích nối đuôi nhau than khóc.

- Ông nói không thể nào tin được. Nếu có, sao hai đêm tôi ở đó không thấy một con ma nào hiện ra?

- Cái đó, tôi lại cũng không biết nữa. Tôi biết thế nào, nói thế ấy, còn tin hay không tin là tùy nơi ông.

- Ông nói tức quá. Đêm nay tôi lại đi nữa và nếu không thấy, mai tôi lại đi nữa xem sao.

Người đàn ông ở phương xa mới tới lập nghiệp ở Hốt Tử nói thế và làm thế thật. Nói cho thật đúng, anh ta muốn tìm biết ma thì ít, nhưng lấy cớ đó để thi hành một âm mưu thì nhiều. Là vì anh ta vốn không phải là người lương thiện, ngay từ lúc còn tấm bé đã sinh sống về nghề đạo chích. Anh ta lấy cớ đó để dễ làm ăn; vì cứ đêm đêm mà ở nhà ra đi, không vì lý do gì hết thì hai bên hàng xóm nghi ngờ và do đó dễ để lộ thủ đoạn và nghề nghiệp bất chính của mình ra. Bắt lấy câu chuyện tìm ma ở Tào Sơn Điện, anh ta ngồi đến chừng nửa đêm thì đi "làm việc", thực không còn gì kín đáo hơn.

Một đêm, anh ta cũng mang một chai rượu đến ngồi như thường lệ, tạ sự là để rình ma nhưng chính lúc đang xếp đặt kế hoạch để vào ăn trộm một nhà giàu có ở trên con đường đi từ Hốt Tử đến hồ Bình Hoa thì tự nhiên thấy ở dưới bàn thờ Đức Ông chui ra một người gầy ốm, nhưng hết sức lanh lẹn, giắt ở sau lưng một con dao quai, đầu chít khăn tai lợn màu xanh, rảo bước đi ra phía vườn, mà tay thì cầm một cái dây thòng lọng. Tự nhiên, người ăn trộm ở Hốt Tử cảm thấy ngay là người vừa chui ở gần bàn thờ Đức Ông ra không phải là ma, nhưng chính là một gã ăn sương đồng nghiệp với anh chờ giờ tốt đi làm ăn gần đấy.

Anh lẩm bẩm: Thằng cha này cũng định bắt heo đây. Ờ, ta thử xem tài nghệ nó ra thế nào. Nhưng chẳng biết nó định bắt heo nhà nào vậy?

Đêm ấy có trăng. Trăng thượng tuần tỏa ra một ánh sáng xanh xao lạnh lẽo, làm cho người đi đêm, mặc dầu ăn sương đã lâu đời, cũng cảm thấy nao nao ở trong lòng. Thêm nữa, tiếng con chim cái ở đàng xa vọng tới lại càng làm cho đêm khuya thêm vẻ não nùng, rùng rợn.

Điền Bá tên người ăn trộm ở Hốt Tử theo dõi người đàn ông gầy ốm chui ở dưới bàn thờ Đức Ông ra được một quãng rất xa, bỗng dừng bước, lấy tay đập vào trán mấy cái mà nói một mình:

"Ủa, sao "nó" lại đi đàng này? Hay là nó cũng định làm ăn ở nhà Đông Bích tiên sinh?"

Đông Bích tiên sinh là nhà phú hộ ở xóm Cổ Gà, ngay ở ngã tư Na La, nổi tiếng là giàu có nhất vùng. Trước đây, tiên sinh đi khắp đó đây để buôn bán kinh doanh, tạo ra được một gia tài ức vạn, nhưng vì buồn nỗi đẻ đứa con nào chết đứa con nấy nên vợ chồng ông rút về ở vùng này lấy cây cỏ làm thú tiêu dao ngày tháng, rồi sau đó ít lâu thì có tin chết trong ngục tù. Chắc chắn tiền mặt ông còn nhiều, nhưng hình như lúc ông mất, bà Đông Bích để ở một nơi kín đáo ở tỉnh thành, một tháng đôi lần lại

ra lấy một ít về tiêu; nhưng gà, chim, heo, vịt ở nhà ông thì có cả trăm con, thỉnh thoảng vào làm một hai con heo đem sang vùng khác bán cũng đủ ăn cả tháng.

Chính Điền Bá, đêm hôm ấy, định vào "làm" mấy con heo ở nhà Đông Bích tiên sinh thì chính lúc sắp ra đi để động thủ thì lù lù hiện ra anh chàng ăn sương, gầy ốm thủ một con dao quắm ở lưng, tay cầm dây thòng lọng, xăm xăm tiến về phía nhà ông Đông Bích. Điền Bá lặng lẽ theo dõi anh chàng để xem y hành động ra sao, và nhân tiện cũng muốn học thêm nghề nghiệp nếu anh ta tỏ ra có một tài đặc biệt.

Dưới ánh trăng khuya lạnh, tên ăn trộm ốm o đi như gió, làm cho lắm lúc Điền Bá phải chạy theo mới kịp. Thỉnh thoảng, y lại quay lại nhìn lại đàng sau. Mắt y sáng như mắt con cầy trong đêm tối, nhưng mỗi khi y quay lại thế thì Điền Bá, nhanh như con beo đã kịp thời lẩn vào bụi rậm, lùm cây để trốn cho y không nhìn thấy anh ta. Quả là tên ăn trộm đi nhanh như gió đến nhà Đông Bích thật. Đột nhiên Điền Bá cảm thấy như tắc thở. Mắt anh ta vừa nhìn thấy gì? Tên ăn trộm ốm o, mà anh theo dõi từ nãy tới giờ, không chui vào trại Đông Bích do nơi cửa cái mà cũng chẳng lách hàng rào như tất cả những gã ăn sương khác. Nhẹ như một mũi tên, y nhìn ra sau một cái, nhìn ra trước một cái, rồi giơ hai bàn tay lên trời, phi hành lên trên mái nhà chính của ông Đông Bích. Điền Bá dụi mắt, tưởng mình mê ngủ. Sau một phút định thần, anh ngồi sụp xuống một bụi ô rô gần đó và ghé mắt qua một chỗ lá thưa, nhìn thật kỹ từng hành động của tên đạo chính cừ khôi.

Lúc ấy đã khuya lắm, tứ bề im lặng như tờ. Nhưng ở gian giữa nhà Đông Bích, người ta vẫn thấy le lói một ngọn đèn dầu. Điền Bá bò xuống bò lên tìm một chỗ ẩn núp thật kín đáo mà lại vừa có thể nhìn kỹ vào trong nhà để xem tên ăn trộm, một khi từ trên mái xuống được dưới nhà, thì làm ăn ra thế nào. Nhưng nói thế mà thôi, chớ "làm ăn" sao được? Là vì Điền Bá trông thấy rất rõ ràng, ở bên cạnh ngọn đèn, có một cô gái đẹp lạ đẹp lùng đang xõa tóc ngồi thêu. Hình như tất cả nhà đều ngủ, chỉ còn có cô con gái kia thức mà thôi.

Có người thức như thế, hẳn là anh trộm kia phải đợi. Điền Bá đoán chừng như thế, nhưng anh ta lầm. Là vì mắt anh trông thấy rõ rệt từng ly từng tí – không thể nào lầm được – anh trộm ở trên mái nhà không đợi mà cũng không chờ, nhưng ngồi xuống mái nhà, dỡ ngói ra một khoảng to bằng cái nong.

Ồ, lạ thật, vậy ra y không sợ cô gái đương ngồi htêu kia biết hay sao? Thôi thôi, phải rồi, mình lầm to. Đây không phải là một tên chích cược như mình đã đoán, nhưng hẳn đây là một gã hoa tường liễu ngõ, vào nhỏ ra to với người con gái đẹp đang ngồi đó. Mà người con gái này chắc chắn là có tình ý với y tự bao giờ rồi, cho nên giờ này vẫn chưa chịu ngủ, cố tình đợi người yêu đến để bày trò hoa nguyệt, không sai, Điền Bá tự nhủ:

"Cứ xem cách thức anh chàng này tới đây một cách quen thuộc rồi dỡ ngói mái nhà một cách hết sức tự nhiên, đủ biết là anh chị mèo chuột theo lối đó đã lâu rồi."

Gió thổi rào rào vào bụi cây. Con chim cá - tiếng kêu thương của mặt trăng - hót lên một tiếng khắc khoải, vừa não nùng vừa ghê rợn. Bao nhiêu thời khắc đã trôi qua? Điền Bá cảm thấy cảnh tượng đương diễn ra trước mắt anh mỗi lúc mỗi ly kỳ bí hiểm hơn. Tên ăn trộm ốm o dỡ xong ngói ở mái nhà Đông Bích rồi, không trèo xuống mà cũng không ra một dấu hiệu gì để kêu cho cô gái ngửng đầu lên. Rõ ràng, hai năm rõ mười, Điền Bá thấy tên ăn trộm kỳ lạ thò đầu xuống qua lỗ hỏng của mái ngói mới dỡ ra, nhìn xuống dưới nhà. Ở xa, nghe không rõ, nhưng Điền Bá cảm thấy y không nói gì cả, chỉ thở một hồi rồi đứng thẳng lên trên mái nhà.

Nhưng đúng rồi, nhất định là anh chị này mèo chuột với nhau, vì sau đó một lát thì cô gái đẹp nọ đứng lên, nhìn trước nhìn sau một hồi lâu rồi rón rén đi ra ngoài sân, sau khi đã vặn ngọn đèn nhỏ xuống. Dưới ánh trăng về gần sáng, Điền Bá thấy da cô gái trắng nõn nà, nhưng có một vẻ gì như lạnh lùng, như thơ thẩn. Điền Bá lại nghĩ:

"Ý hẳn cô này giận dỗi gì đây cho nên gặp tình lang mà không tươi cười. Chắc hẳn là tại anh chàng đến chậm, làm cho cô ta phải chờ đợi trong đêm giá lạnh."

Vì chú ý đến cô gái nhiều và suy nghĩ vẫn vơ một mình như thế, Điền Bá quên hẳn anh chàng ăn trộm (bởi vì theo Điền Bá thì ăn trộm tiền, ăn trộm heo hay ăn trộm tình, chung quy cũng chỉ là ăn trộm mà thôi). Khi quay lại, Điền Bá đã trông thấy y phi hành từ trên mái nhà xuống đất từ lúc nào rồi và đứng đợi ở ngã ba cây quéo. Cô gái đẹp đi thẳng đến đó một cách rất tự nhiên. Anh chàng ăn trộm đi trước, cô gái nọ đi sau. Điền Bá, từ trong bụi ô rô

bò ra, cũng nín thở đi theo để cho biết câu chuyện "trên bộc trong dâu" ra thế nào.
Thì y như rằng: cô gái và anh ăn trộm đưa nhau lên một mô đất cao gần đó, cây cối um tùm như thể một khu rừng. Chung quanh mô đất là một cái khe, về đêm, im lặng quá, người ta nghe thấy nước vỗ vào bờ ì à ì ộp. Điền Bá đợi cho họ lên được đỉnh mô đất rồi, cùng bò lên trốn vào một chỗ khuất có lá xum xuê che kín, trợn con mắt lên để nhìn rõ xem chàng trai và cô gái làm những trò gì. Điền Bá nghĩ thầm:
"Hai người này thực là kỳ lạ. Thường thường, trai gái nào gặp nhau thì cũng phải chuyện trò, mà giả thử cô này có giận ít ra cũng phải trách anh chàng vài câu chớ sao cả hai lại cứ lặng im không nói không rằng như thế?"
Anh cho là lạ kỳ lắm và óc tò mò của anh càng bị kích thích nhiều hơn. Một lát sau, anh thấy tên ăn trộm thở mạnh mấy cái rồi cô gái quỳ xuống rồi đứng dậy liền. Cùng lúc ấy, tên ăn trộm giở cuộn dây thòng lọng ra quăng lên một cành cây. Trời ơi, Điền Bá lúc mới đầu trông thấy tên ăn trộm từ Tào Sơn Điện bước ra, cầm ở tay cuộn dây thòng lọng, tưởng đâu rằng cuộn dây ấy là dùng để bắt heo, anh ta có biết đâu rằng tên ăn trộm lại quăng cái dây lên cành cây như thể làm phép lạ. Mà phép gì thế? Quăng sợi dây lên cành để làm gì? Điền Bá cảm thấy như ngực mình muốn vỡ, mà trái tim sắp sửa nhảy ra ngoài: cô gái đẹp đưa cái đầu vào trong thòng lọng, đạp chân một cái xuống đất và thân cô trong nháy mắt treo tòn ten lưng chừng trời. Điền Bá nhắm mắt lại, hét lên một tiếng hình như lớn lắm, đoạn nhảy ba bước lại chỗ cô gái vừa thắc cổ. Thì nhanh đến thế là cùng. Tên ăn trộm đã lủi đâu mất hút, không còn để lại một vết tích gì. Không kịp suy nghĩ lâu la, Điền Bá sẵn con dao quai giấu ở trong túi áo vội vàng chạy lại cắt sợ dây thòng lọng xuống và đỡ cô gái vào lòng. Thân thể cô lạnh buốt, nhưng chưa chết, vì đặt tay vào miệng hãy còn thấy hơi thở nhẹ.
Dưới bóng trăng tà, Điền Bá cõng cô gái trên vai, chạy về con đường Na La để trở lại nhà Đông Bích. Lúc ấy trời gần sáng, một vài con gà rừng đã gáy te te, nhưng chưa có người nào đi lại. Đến cổng, anh đặt cô gái xuống, giở tài nghệ ra mở cổng trong chớp mắt và xốc cô gái đi qua khoảng vườn, đẩy cánh cửa bức bàn khép hờ vào chỗ cô gái ngồi thêu hoa lúc canh khuya. Ngọn đèn dầu vẫn le lói một làn ánh sáng lờ mờ. Anh khêu to ngọn đèn lên, nhìn một lúc thấy ở gần đấy có một cái giường có gối thêu đệm gấm. Anh bế cô gái đặt lên trên giường rồi mới kêu người nhà thức dậy. Thấy có người lạ mặt đột nhập vào nhà mà Giáng Tuyết tên cô con gái nằm thiêm thiếp chưa tỉnh hẳn, cả nhà hoảng sợ và kêu lên. Mấy người hàng xóm ở gần đấy nghe thấy tiếng kêu đổ tới và hỏi Điền Bá đầu đuôi câu chuyện. Điền Bá thuật lại hết câu chuyện, không bỏ một chi tiết nào. Nghe thấy thế bà Đông Bích run lên cầm cập, muốn té xỉu, phải gọi mãi mới tỉnh. Tất cả nhà và những người hàng xóm bấy giờ mới chia nhau tíu tít đi tìm rượu và gừng làm thuốc hỏa thang để thoa vào khắp mình mẩy chân tay cho Giáng Tuyết. Đến sáng thì nàng tỉnh. Mọi người xúm lại hỏi sao cô lại mở cửa ra đi như thế và người nào đã dụ cô lên cồn nọ để cho đầu vào trong thòng lọng thì Giáng Tuyết quả quyết là nàng không biết gì hết và tưởng là mình đang cùng với hai người bạn gái đương ngồi trò chuyện vui đùa với bọn tuần tráng ở Tào Sơn Điện và thái hai cái chân giò heo cho bọn tuần tráng nhậu nhẹt cho quên buồn trong khi canh gác.
Tại sao lại có chuyện lạ lùng như thế? Thì ra, truy cứu mãi, người ta mới biết rằng Giáng Tuyết nguyên là một trong ba cô con gái đi chợ Na La một đêm rét mướt kia đã cùng với hai người bạn gái khác đến xin nghỉ đêm ở Tào Sơn Điện. Không hiểu vì sự tình cờ nào đó, một hôm ông Động Bích đi thuyền qua chợ, ghé lên mua đồ, gặp cô và thấy cô xinh đẹp, có duyên mà lại tỏ ra nết na đứng đắn, ông nhận cô làm nghĩa nữ và đem về nhà nuôi. Vì ông Đông Bích không con, Giáng Tuyết được thương yêu cưng chiều như con đẻ, cho học hành, dạy thêu thùa. Giáng Tuyết nghiễm nhiên thành ra một tiểu thư nhan sắc, tinh thông thi, họa, cầm, kì nhưng không hiểu tiền oan nghiệp chướng ra sao, cô không mấy lúc được vui và thỉnh thoảng lại tỏ ra như lãng trí.
Cô không biết người đàn ông đến rủ cô đi lên cồn đất. Cô quên hẳn cái đêm ngủ ở Tào Sơn Điện rồi bắt tình với một anh tuần tráng, làm cho nhà cử anh này tan hoang để rồi đi đến kết cuộc thảm khốc là vợ anh bế hai tay hai đứa con nhảy xuống hồ Bình Hoa trầm mình. Cô không muốn gì hết, chỉ mong có một điều đừng ai nói tới mình và đừng ai nói đến quá khứ của cô.
Từ đó, cả nhà bà Đông Bích giữ gìn cô cực kỳ cẩn thận không rời cô nửa bước. Cuộc đời trở lại bình thường, nhưng đùng một cái chừng sáu bảy tháng

sau đó Giáng Tuyết một hôm đi chơi về với một con nữ tỳ, lần vào cái mô đất trước đây, thắt cổ trên cây tự tử và lần này thì chết thật.
Con nữ tỳ thấy chủ chết hoảng sợ chạy như điên trong đêm tối và vấp phải một rễ cây, lăn xuống khe cùng chết ngay trong đêm ấy! Về sau này, những người biết chuyện kể lại với nhau rằng con nữ tỳ ấy là một người bạn cũ của Giáng Tuyết, trước dây cùng Giáng Tuyết đi buôn bán ở chợ Na La và chính là một trong ba cô gái đã xin nghỉ trọ một đêm ở Tào Sơn Điện và bày trò nguyệt hoa với một anh tuần tráng. Anh tuần tráng ấy bị bịnh hiểm nghèo, không chữa nổi, cầm dao rạch bụng ra tự tử để lại một bầy con và một người vợ, vì túng đói phải đi tha phương cầu thực rồi chết cả trong một trận dịch đậu mùa.
Còn người con gái thứ ba xin nghỉ đỡ ở Tào Sơn Điện? Người đó không ai khác hơn là Ngọc Hân Nương người vợ bạc mệnh mà Đại Thông Thái Lang lấy ở Yên Đô, cái kinh thành có trăm nghìn phù hoa xa vọng mà Đại Thông đã đến ở đó với hy vọng lập được những sự nghiệp lẫy lừng. Riêng về cô gái này, người ta không biết rõ tại sao cô có thể từ Na La trôi nổi về đến Yên Đô và tại sao cô ta từ một cô gái buôn bán tầm thường lại thành ra con gái một đại phú thương để rồi gặp Đại Thong kết duyên thành vợ chồng chung sống một cuộc đời hoa gấm ở Làng Hốt Tử. Theo lời một số người buôn bán ở chợ Na La sau này kể lại với nhau thì Giáng Tuyết, Ngọc Hân, và Anh Võ (tên con nữ tỳ của Giáng Tuyết) là ba bạn chí thân nhưng về sau vì một chuyện lãi lời gì đó cãi nhau rồi xa nhau. Ngọc Hân về quê ở Linh Yên nhưng vì không chịu được cuộc đời khổ cực, trốn nhà lên Yên Đô và tại đó nàng lấy một phú thương, nhưng vì bà vợ phú thương này quá ghen nên đem nàng bán cho một nhà chơi làm con hát đàn. Lúc Đại Thông lấy Ngọc Hân, nàng đang làm nghề đó, nhưng bởi vì vợ chồng chủ nhà chơi khéo bịp bợm và dàn cảnh nên Đại Thông tưởng nàng là con nhà quý phái, có cha là phú thương và được tâng tiu chiều chuộng như hòn ngọc.
Đem tất cả câu chuyện nghe được mà chấp nối lại với nhau, về sau người ta mới biết tại sao lúc Đại Thông gặp Giáng Tuyết đêm Quần Tinh hội, Giáng Tuyết nói ngay với Đại Thông rằng nàng biết Ngọc Hân và có ý ghen với số kiếp của Ngọc Hân.
Bây giờ thì cả ba người đẹp ấy cùng chết cả rồi, mỗi người chết một cách nhưng cùng chết khổ sở như nhau. Người ta bảo là tại vì mấy anh tuần tráng bị ba cô làm tan cửa nát nhà, vợ con bị điên đảo mà chết oan chết uổng nên theo dõi mà trả oán.
Sau khi biết hết đầu đuôi câu chuyện. Kim Tứ mỗi chiều lại làm bùa yểm, tự đi dán la liệt ở các cửa ngõ nhà Đại Thông.
Như thế, ma sẽ không đến trêu chàng được nữa. Đại Thông một hôm hỏi:
- Thưa tiên sinh, tôi vẫn nghe thấy nói ở đời lấy ân mà trả oán, chớ lấy oán mà trả oán, oán ấy không bao giờ tiêu tan. Sao những người tuần tráng kia không lấy ân trả oán?
- Tiên sinh nói rất đúng. Nhưng lấy ân trả oán, họa chăng chỉ có Đức Phật làm được mà thôi, chớ thế nhân tầm thường thì thường vẫn lấy oán trả oán, cho nên Nho giáo đã có câu: "Quân tử oán tam niên, tiểu nhân oán nhãn tiền". Người ta đang sống yên vui, bình dị, tự nhiên có người ở đâu đến làm xáo trộn gia cang của họ làm cho gia đình tan nát, vợ con chia lìa và chết tức chết tưởi, cái oán ấy không phải không hữu lý.
- Thế về phần tôi, tôi có tội tình gì mà ma quỷ đến ám ảnh tôi như vậy?
- Cái đó cũng không lạ nữa. Ông bị ám ảnh, trêu ghẹo vì ông là người đẹp trai mà lại có tài. Thiên hạ xưa nay vẫn ghét những người như thế. Nói rộng ra thì nước này đối với nước kia cũng vậy, người ta chỉ muốn chiếm những nước giàu có, bờ xôi ruộng mật, chớ ai lại đi xâm lăng những nước nghèo khó bao giờ.
Kim Tứ cấm Đại Thông bất cứ vì một lẽ gì cũng không được ra khỏi cửa trong hai mươi mốt ngày, và cứ vào khoảng giờ sửu mỗi đêm lại phải thức dậy đọc một bản kinh cứu khổ.
Linh hồn nàng Giáng Tuyết hẳn cũng có đến lảng vảng ở nhà chàng, nhưng chỉ lảng vảng ở ngoài, không vào được trong nhà vì có những đạo bùa yểm rất linh thiêng. Hai mươi mốt ngày trôi qua, Đại Thông đã quên dần Giáng Tuyết và sức khỏe đã hồi phục. Mùa đông qua đi, xuân tới với một bầu trời xanh ngắt và xanh lá non. Ngoài vườn, sự nức mùi hoa thủy tiên. Trên các cây anh đào, hoa nở đỏ như các cô tiên mặc áo hồng đang múa.
Trông hoa nở, Đại Thông trạnh lòng nhớ đến hai người con gái là Ngọc Hân và Giáng Tuyết, muốn đến thăm mộ Ngọc Hân và tìm đến Tào Sơn Điện xem quan tài Giáng Tuyết có ai đến nhận không, nhưng nhớ lời dặn bảo của Kim Tứ, chàng lại thôi, không dám. Nghe những người ở chung quanh đấy

nói nhỏ với nhau: vì ba bốn tháng sau gia đình ông Đông Bích cũng không thấy lại nên sư cụ trụ trì ở đó phải tự ý đem chôn nàng ở miếng đất sau chùa. Đó là vì gia đình Đông Bích sau khi làm chay ở chùa về được mấy ngày thì gặp tai biến. Nguyên trước đây ông Đông Bích lúc còn buôn bán ở tỉnh thành có giao du với một bọn quân nhân. Bọn này, đi đánh trận xa ở Á Đông, có gửi ông một số vàng khá lớn. Yên trí họ đi là chết, Đông Bích cướp sống cả chỗ vàng rồi dọn về Hốt Tử, nhưng chẳng may trong bọn quân nhân đi chiến trận ở xa xôi lại có một vài người trở về. Thăm dò tin tức, biết được chỗ ở của ông Đông Bích, họ bèn tìm đến để hỏi thì bà Đông Bích không chịu trả mặc dầu có chữ của ông Đông Bích biên nhận rành rành. Những người quân nhân mất của, vô cùng uất hận, một đêm đột nhập nhà Đông Bích giết bà và mấy đứa cháu, không chừa một người nào.

Thi hài của Giáng Tuyết vì thế đành bỏ thối ra đến nửa năm trong một gian phòng nhỏ, ẩm thấp, đêm đêm le lói một ngọn nến. Đứng ở đầu hòm, có một cái hình người trông như hình con đúm, tay xách một cái lồng đèn mẫu đơn.

Một hôm, một người bạn thân của Đại Thông tên là Bán Phúc đến thăm chàng và rủ chàng đi du ngoạn.

- Ở nhà mãi làm gì? Cảnh trời sáng lạng biết ngần nào. Cứ giam mình trong học mãi thế này thì ốm mất. Chuyện "ma" ấy đã cũ lắm rồi.

Đại Thông khoác cái áo mỏng và bình tĩnh ra đi với bạn...

Đại Thông thấy rất khoan khoái đã được dự một buổi du ngoạn thú vị bên hồ Bình Hoa.

Nước hồ lăn tăn gợn sóng, phản ánh màu da trời xanh ngắt. Đỉnh núi Hữu La, thay vì tuyết băng trắng xóa bắt đầu có lá xanh tươi, dưới chân núi hoa đào đua nở, hương thơm ngát cả bầu trời.

Hai người bạn thân vô tình cùng hát lên một câu: "Nếu không có rượu Hoàng Hoa..."

Rồi họ rủ nhau vào một quán rượu bên bờ hồ, ngồi xuống chiếu trải sẵn và uống hết chén này đến chén khác. Đến chén thứ chín, thứ mười Bán Thúc tiên sinh đã ngà ngà say, nói huyên thuyên. Tiên sinh đến ngồi bên bác lái buôn ở thành Hoành Tân để nói chuyện về mối tình duyên kỳ ảo giữa ma và người. Đại Thông lấy làm khó chịu nên bỏ ra đi chỗ khác.

Chàng đi chếnh choáng theo ven hồ vừa hát vừa cười một mình thì thấy ở ngay đấy có một chiếc thuyền bỏ không, chàng bèn bước xuống nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt. Chàng nằm xuống sàn thuyền, lấy tay làm gối, và ngủ một giấc thật say. Bỗng chàng hé mắt vì vừa ngửi thấy một mùi thơm thoang thoảng... Xa xa, tiếng chuông chùa vẫn ngân vang rền rĩ... Đại Thông giơ hai tay lên ôm lấy đầu. Chàng tưởng như trông thấy trong bóng tối một làn ánh sáng đỏ hé ra... ánh sáng của chiếc đèn lồng. Đại Thông một tay cầm mão tần ngần còn một tay cầm nhánh hoa có ai đó để trên thuyền tự lúc nào để lên mũi ngửi. Mùi thơm của hoa làm chàng ngất ngây...

Hoàng hôn đổ xuống ở bên kia sông. Du khách đã lả tả ra về. Bỗng nhiên một tiếng chuông chùa ngân nga đâu đó làm Bán Phúc tiên sinh như chợt tỉnh vội hỏi:

- Ông bạn của tôi đâu rồi?

Nói đoạn. Bác Phúc vội trở dậy đi tìm quanh hồ và gọi ầm lên. Không một tiếng trả lời, có chăng chỉ là tiếng vang đáp lại như giễu cợt. Ông lại quay về chỗ cũ, trong lòng bối rối. Chính lúc đó ông trông thấy trong khoang thuyền mập mờ cái mão đỏ của Đại Thông và bên cạnh còn có một cành hoa lê còn đẫm sương...

Sài Gòn, trọng xuân Kỷ Hợi.

Bóng ma nhà Mệ Hóat (Vũ Bằng)

Lời Nói Đầu: *Nhiều người hiện nay thiên về khoa học vật chất cho rằng linh hồn, ma quỷ hay những điềm báo trước đều là những sự tưởng tượng bịa đặt ra để mê hoặc lòng người, để lợi dụng những người cả tin. Sự thực trái hẳn: ngày nay có nhiều nhà tri thức, bác học tin rằng ngoài đời sống hiện tại của chúng ta, còn có một thế giới vô hình mà chúng ta chưa hiểu thấu được.*

Chép lại câu chuyện Bóng Ma Nhà Mệ Hoát mà các bạn sắp đọc đây, tôi chỉ làm công việc của một nhà soạn tuồng Hy Lạp khi xưa, của những nhà văn La Mã, của tác giả "Ursule Mirouet" cũng như biết bao nhiêu các nhà văn hiện đại Âu – Á khác; để ghi lại một ít hiện tượng và sự việc thuộc về tâm linh". Tôi chỉ thuật lại câu chuyện mà các ông già bà cả ở đây nhất là ở xóm Bến Nghé cũ, chạy dài từ khu Chợ Quán tới Hiển Trung Tự và Cơ Xưởng Thủy Quân (bây giờ là khu Trần Hưng Đạo, Lý Thái Tổ, vòng thành Ô-Ma) vẫn còn nhắc nhở tới mỗi khi kể lại chuyện "Sài Gòn ngày trước"... Vũ Bằng.

Chương Một

Quả tình đến tận lúc bấy giờ tôi mới biết Trần Hữu Lăng là người Nhật .

Giao thiệp với ông ta mười một năm trời, tôi cũng như bao nhiêu bạn bè khác đều yên trí Lăng là người Miên lai các chú, rồi làm ăn giàu có ở Cam Bốt, rồi vì lý do gì đó trở về đây để sống một cuộc đời yên ổn. Chính vì thế điệu bộ hơi ngờ nghệch, cái giọng lơ lớ không ra Tàu không ra Việt của ông không làm cho người nào trong bọn chúng tôi phải lấy làm ngạc nhiên.
Lăng ít nói, ngồi chuyện trò ở chỗ đông người thường thường chỉ cười tán thành, ít khi chống đối ai. Nói cho đúng ai cũng thương ông và công nhận ông là người thật thà. "Mà lại hiền lành tệ!". Nhưng cũng như hầu hết người hiền lành khác, Lăng có tính cộc. Tôi còn nhớ một hôm ngồi nhậu với nhau ở hàng hiên nhà một người bạn, chỉ vì một câu đùa cợt không đâu, Lăng không tiếc lời chửi rủa một người bạn đã nói rằng y mê gái và định lấy con gái một chủ vựa cá ở Cầu Ông Lãnh.
Lăng trợn mắt la lên:
- Tôi lấy con gái một người bán cá? Không đời nào. Nhất định là anh lầm rồi!
Thấy Lăng đỏ mặt, tía tai, tỏ ra tức giận, người bạn chọc thêm:
- Thôi mà, chỗ anh em thân cả, việc gì mà phải giấu. Chính bố cô ta đã nói thế với bà con họ hàng. Thêm một lẽ nữa, nói ra anh phải chịu, không cãi vào đâu được. Ba Quẫy, tức là bố cô gái, làm gì có tiền để mở vựa cá? Tiền ấy, cả làng biết là của anh . . .
Tuyệt nhiên không biết là bạn bè chọc mình trong lúc ngà ngà say rượu để anh em vui vẻ với nhau, Lăng cầm ly rượu ném xuống đất, đứng lên, nhất định không uống nữa.
- Tôi không thể ngồi với một người vu cáo tôi như thế.
Anh em xúm lại khuyên can giải thích đó chỉ là chuyện cà giỡn cho vui, nhưng Lăng nhất định không quan niệm anh em bè bạn với nhau lại có thể cà giỡn một cách độc ác và vô duyên như thế. "Đó là mạ lỵ nhau, đó là vu cáo!". Chưa hả giận Lăng còn đập bàn ghế om sòm và muốn xông lại đánh người bạn vừa nói giỡn một câu vô ý thức. Những lúc đó, Lăng không còn là một người hiền lành, ngớ ngẩn như người ta vẫn tưởng, nhưng quả là một con thú dữ muốn nhảy vào con mồi để nuốt sống ăn tươi.
Sau đó, một số người cho là tại rượu. Một vài người khác lại cho là ở đời vẫn có một loại người như thế: bất cứ việc gì cũng cho là quan trọng và không thể để cho ai đùa giỡn mình về bất cứ phương diện gì. Nhưng ý kiến của hạng sau chót này được coi như là có nhiều hy vọng đúng hơn hết: Lăng là người Miên lai các chú, nghĩa là người có 2 dòng máu; những người này tinh khôn, lèo lái và khéo chiếm được lòng người ta mỗi khi thấy có lợi tinh thần hay vật chất cho mình, nhưng cái máu du mục và hiếu chiến của ông cha họ sống không kiềm chế trên núi cao, trong rừng rậm, thỉnh thoảng lại bừng lên trong huyết quản họ và do đó phựt lên những hành động mà chính họ không thể nào kiểm soát. Nhưng muốn phê bình Trần Hữu Lăng cách nào đi nữa thì hầu hết anh em ở trong bọn chúng tôi đều phải công nhận rằng Lăng là "một người chơi được" vì anh thẳng tính. Mà phần đông những người thẳng tính là những người không phản bội. Đáng sợ là những người không có cá tính rõ ràng lúc nào cũng tìm cách làm vui lòng tất cả mọi người làm vui lòng để rồi đến khi cần, đến khi xét ra cần phải lấy lợi cho mình thì giở mặt phản bội và nếu cần có thể giết người không thương tiếc.

Câu chuyện con gái ông chủ vựa cá ở chợ Cầu Ông Lãnh qua đi. Sự giao du giữa Lăng và chúng tôi, vì thế, vẫn nguyên vẹn không có gì thay đổi. Thường thường ngày nào chúng tôi cũng khề khà uống rượu và trò chuyện với nhau, khi ở nhà người này, khi ở nhà người nọ.
So với anh em khác, Lăng cũng có đồng ra đồng vào, nhưng kể vào lớp tuổi chúng tôi, Lăng tương đối là một người vất vả.
Anh đã bao nhiêu tuổi? Có lẻ đến năm mươi lăm, năm mươi sáu. Nhưng vóc dáng khoẻ mạnh, đôi mắt tinh tường và các bắp thịt tay rắn chắc của anh chứng tỏ anh hãy còn mạnh lắm. Chẳng thế vì công việc làm ăn, có khi anh phải đi xa đến bốn, năm ngày, hay một tuần lễ, vậy mà về đến nhà chỉ tắm rửa qua loa rồi nghỉ ngơi chừng một tiếng đồng hồ anh lại tìm đến chúng tôi nhập bọn khề khà một hai chén rượu, có khi thức đến một hai giờ sáng vào bếp làm món ăn đưa ra nhậu mà không tỏ ra mệt mỏi.
Vào những lúc đêm khuya ngày rạng, anh em trò chuyện tâm tình với nhau như vậy, có lần tôi hỏi thật Lăng thỉnh thoảng đi xa như vậy là đi đâu. Lần nào, Lăng cũng trả lời:
- Đi ra Trung thăm nhà ở dãy Trường Sơn.
- Bộ anh làm rừng sao?
- Tôi vào dãy Trường Sơn có việc. Và tôi cũng có ý

muốn gặp vài người bạn làm sơn, nhưng chưa đến. Tôi mà gặp họ, chắc chắn là anh em mình giàu to. Sợ rằng hỏi thêm nữa sẽ mang tiếng tò mò, nhiễu sự, tôi không hỏi thêm gì nữa.
Thế rồi chuyện căn nhà có bóng ma ở Chợ Quán xảy ra. Trần Hữu Lăng chết bất tử, sau khi ăn bữa tiệc tân gia ra về. Anh bị cấm khẩu liền khi ngã lăn ra ở trước cửa nhà tôi. Ba người chở anh đến bệnh viện cấp cứu, nhưng vô ích; anh chết dọc đường. Mà lạ là lúc chở anh vào nhà thương, bác sĩ khám nghiệm thì xác của anh tự nhiên đầy những vệt nhỏ lăn tăn, có chỗ bầm tím, có chỗ rươm rướm máu như bị trăm ngàn miểng sứ, miểng sành cứa nát. Vụ này làm cho tôi mất công đi lại cò bót mấy tháng trời. Nhà chức trách thẩm vấn tất cả những người có mặt trong tiệc đó vì họ nghi ngờ là một vụ âm mưu cố sát, một vụ đầu đọc hay trả thù gì ghê gớm lắm. Nhưng rốt cuộc chẳng ăn thua gì cả: cái chết của Trần Hữu Lăng, mặc dù hết sức bí mật, hết sức khả nghi, vẫn cứ chìm vào trong lãng quên như thường.
Mấy năm đã qua rồi! Trong thời gian đó, bọn anh em chúng tôi thiếu mất đi vài người: hai người chết, một người đi ra nước ngoài, còn một người nữa thì đứt gân máu, nằm một chỗ liền ba năm trời. Chúng tôi chỉ còn lại có bốn người, vẫn hội hợp với nhau nhậu nhẹt và kể lại sự thương nhớ các bạn cũ cho nhau nghe và cùng buồn với nhau - chớ còn biết làm gì nữa? Cái thác nước nào lúc mới đầu chảy ở nguồn ra mà lại không dạt dào, dữ dội, gào thét gớm ghê? Nhưng cái thác nào chẳng vậy, đến lúc chảy xuống thung lũng, đồng bằng nhập vào sông lớn sông con cũng hiền hoà êm dịu.
Chúng tôi đang sống một đời sống êm diệu y như những con chim nằm trong tổ thò đầu xuống để nhìn cái thế giới biến đổi trong nệm cỏ bóng cây, trong phấn hoa hương gió thì ông Ômya, một buổi tối lạnh trời, đến tìm đúng nhà tôi nói chuyện…

Chương Hai

Tại sao ông Ômya lại tìm đúng nhà tôi? Mà để làm gì chứ?
Thoạt đầu, thấy ông hỏi, tôi tưởng là ông lầm địa chỉ, nhưng sau thấy ông kêu rõ tên tôi, tôi nghĩ rằng ông tìm tôi để một là nói về câu chuyện làm ăn, hai là để kiếm chuyện lôi thôi gì. Là bởi vì mặc dù tôi không quen ông Ômya bao giờ, nhưng tôi vẫn được nghe thấy bè bạn nói về ông rất nhiều mà phần nhiều câu chuyện đó lại đem lại cho những người Việt Nam biết suy nghĩ một ý niệm không lấy gì làm đẹp lắm.
Cũng như hầu hết người Nhật đến nước ta trong những năm gần đây, ông Ômya mặc áo sơ mi răn ri, đội kết, đeo kính trắng, đi giầy păng-túp và hai ống quần thì lung thùng nhăn nhúm che lấp cả mũi giầy. Ở túi sơ mi, có ba bốn cây viết chì máy, còn ở vai thì đeo một cái máy có vẻ khá nặng, bảo là máy ảnh, máy thu băng, máy quay phim, hay là bảo là cái va li trong đựng áo mưa, bánh mì, rượu sake và cá khô đều được….
Cử chỉ đầu tiên của ông làm cho ai cũng phải vừa lòng. Ông cúi rạp đầu xuống chào tôi. Mặt ông tỏ vẻ hiền lành thành thực làm người đối thoại vừa cảm động vừa thương mến. Tôi nói:
- Thưa đúng tên tôi. Mời ông vào trong nhà nói chuyện.
Vừa nhìn ông ngồi xuống ghế, tôi vừa tính sẵn ở trong óc cách đối xử cho thích hợp. Tôi tìm rất lẹ hai giải pháp để đối phó, vì tôi nghĩ ông đến tìm tôi không ngoài hai việc tôi đã nói ở trên kia. Nhưng nghĩ ngợi làm gì vô ích. Đối với cả mà hai đề nghị ông Ômya có thể đưa ra, tôi chỉ có một cách đối phó rất nhẹm là "từ chối". Không, tôi cảm ơn ông lắm, nhưng rất tiếc tôi không thể làm vừa lòng ông được.
Mấy năm gần đây, trong lúc bom đạn làm banh da xẻ thịt đồng bào ta, chia cành xẻ lá đất nước ta, có một số người nhật (có thể vì thương yêu dân tộc Việt Nam, nhưng cũng có thể vì yêu nước Mỹ) đã tìm đến những nhà văn, ký giả có tên tuổi, hoặc những người am hiểu thời cuộc, thông thạo tin tức, hoặc những người có bà con thân thuộc còn ở xa chưa về…để điều đình nhằm tìm một giải pháp kết thúc chiến tranh.
Điều đình thế nào? Bằng tiền, nhưng có thể khôn khéo hơn một chút là hợp tác bằng cách một bên có công, một bên có của, để làm thương mãi như buôn sắc vụng, khai thác cát trắng ở Nha Trang, Cam Ranh hay mướn đất ở thôn quê trồng chuối già xuất cảng.
Tất cả các dịch vụ đó chứng tỏ rằng họ rất tốt với người Việt nhưng riêng tôi thì "arigatô", cảm ơn lắm lắm mà không dám.
Không phải tôi sợ họ. Không. Cái thần tượng mà tôi đặt ở nơi người Nhật lúc Thế Chiến Thứ Nhì chưa xảy ra vẫn nguyên vẹn, nhưng tôi không muốn dính tới họ vì lẽ tôi không muốn dính…Thế thôi….
Tôi chờ ông Ômya ngỏ lời là từ chối tức khắc, không một, hai gì hết. Nhưng sau khi uống nước,

hút thuốc và nghe câu chuyện của ông Ômya trình bày thì việc lại hoàn toàn khác hẳn. Quả là không ai đoán trước được đối tượng câu chuyện của ông. Ômya đến tìm tôi không phải vì chính trị, không phải vì thương mãi, nhưng vì chuyện một người Nhật khác tên là Tôkubê.

- À, đến cái đó thì tôi nói thật là tôi chịu. Từ thuở cha sanh mẹ đẻ, tôi không hề biết một người Nhật nào tên thế. Quả là ông lầm địa chỉ rồi.

Ông Ômya cười khẽ, một lát sau mới nói:

- Rất có thể. Nhưng trước khi đi thẳng vào vấn đề, tôi xin một điều: gạt bỏ hết thành kiến giữa người Việt và người Nhật, gạt bỏ hết thành kiến cho rằng một số người Nhật ở đây, lúc này, làm mật vụ dưới chiêu bài dân chủ tự do, mà coi tôi như là người lương thiện như hết thảy các người lương thiện khác.

- Ông khỏi lo chuyện đó. Bao giờ tôi cũng coi người da vàng là anh em, mà không những thế, tất cả mọi người đều là anh em nếu họ không hại đất nước tôi, không đầu tư mấy chữ tự do dân chủ để thôn tính đất nước tôi.

- Xong rồi. Bây giờ tôi trở lại câu chuyện người đồng bào tôi là ông Tôkubê. Tôi đến đây để hỏi thăm ông tin tức của người bạn đó, hoàn toàn không vì vấn đề gì khác, ngoài tình bạn ra. Là vì Tôkubê và tôi là bạn. Từ khi Nhật bại trận, tôi theo quân đội Thiên Hoàng về nước, đến nay mới có dịp trở lại đây, tôi không được tin tức gì của y, nhưng tôi nghe nói y đã chết, mà chết lúc ăn cơm uống rượu ở nhà ông ra.

- Tôi xin nhắc lại, tôi không ăn cơm uống rượu với bất kỳ người Nhật nào hết. Tôi thiết nghĩ không nên quay trở lại vấn đề đó làm gì nữa.

Ômya ngồi lặng thinh, không nói gì. Năm phút sau, ông mới móc túi áo trong ra lấy một cái bóp mở ra, lấy một tập giấy, lật đi lật lại rồi lấy ra một bức hình nhỏ đưa cho tôi. Vừa đưa, ông vừa nói:

- Đây là một bức hình chụp đã lâu năm, nhưng trông nét mặt, chắc ông cũng nhận ra được phần nào.

Mặc dù hết sức giữ gìn từng lời nói, từng cử chỉ trong khi nói chuyện với người khách lạ, tôi không ngăn được mình thốt ra một tiếng ngạc nhiên: " Ủa, ông này…".

Ômya bình tĩnh nói, như không lạ về sự sửng sốt của tôi.

- Vâng, bức hình này chụp đã lâu năm, chắc không giống vóc dáng gần đây cho lắm nhưng chính ông này là Tôkubê.

- Tôkubê? Tôi không biết. Tôi không sợ gì mà phải chối, nhưng tôi không biết ông này là Tôkubê. Tôi chỉ biết một người giống hệt thế này, nhưng già hơn một chút, mà tên Lăng - Trần Hữu Lăng.

Chương Ba

Thì ra Trần Hữu Lăng không phải là người Minh Hương lai Khơ-me như anh em chúng tôi vẫn tưởng.

Trong một giây, tôi nghĩ ngay đến những chuyện bí mật ẩn náu sau vụ đổi họ cải tên này.

Như hiểu rõ tâm hồn tôi, ông Ômya nói:

- À! Ra là thế. Nhưng xét cho cùng thì cái việc Tôkubê lấy tên Trần Hữu Lăng và không cho ai biết cái quá khứ của anh ta, dù là đối với các bạn thân, cũng không có gì lạ hết. Các ông đã biết quá rõ ràng: Nhật thua trận Đồng Minh, một số người Nhật ở lại thành ra người "Việt Nam mới" và đổi tên họ để sống hoàn toàn như người Việt Nam. Trường hợp của Tôkubê y như vậy. Nhưng tôi đến đây không nhằm mục đích tìm biết điều đó, mà muốn được ông giúp một điều - một điều thôi: Tôkubê chết có phải đúng như biên bản của nhà thương và cò bót hồi đó hay không? Và nếu ông rộng lượng hơn, xin cho biết thêm là Tôkubê tức Trần Hữu Lăng quen biết ông thực, ông ta có trối trăn điều gì trước khi nhắm mắt không?

Tôi xin trình ông một điều: câu tôi vừa hỏi nhất định vừa hỏi là câu cật vấn, nhưng là một lời xin giữa một người da vàng với một người da vàng. Ông giúp cho tôi là mặc nhiên làm được hai việc thiện: một là giúp cho gia đình Tôkubê hiện giờ ở Nhật đang khắc khoải trông chờ tin tức của ông ta và hai là giúp cho tôi làm được một công viêc có lợi cho đất nước tôi.

Tôi nói thế mà không sợ ông tiết lộ vì mặc dù nghề nghiệp của tôi nhiều khi phải giả dối và bóp méo ý nghĩ đi. Nhưng xin thề là trong vụ này tôi hoàn toàn tin tưởng lòng cao quý của ông và chủ trương nhân bản của ông.

"Tất cả những người nói khéo đều nguy hiểm. Mật ngọt chết ruồi".

Tôi nghĩ thầm trong đầu. Và tôi hỏi:

- Ông vừa nói rằng gia đình Tôkubê tức Lăng hiện giờ đang khắc khoải chờ tin tức của anh ta. Câu nói ấy là thật hay phỏng đoán?

- Hoàn toàn thực. Trước khi sang đây, tôi có đến thăm gia đình ảnh nhiều lần. Tôi coi vợ anh ấy như

em tôi, còn hai đứa con ảnh thì chính tôi dạy dỗ và giúp đỡ tiền nong học hành. Tôi nhắc lại là trong việc này tôi lừa dối ông không có lợi gì cho tôi hết.
- Tôi cũng tin như thế, nhưng theo chỗ tôi biết thì khác, gia đình của Lăng tức Tôkubê hiện giờ ở miền Trung, tại dãy Trường Sơn, và chính anh ta vẫn nói với tôi như thế. Thỉnh thoảng anh ấy vẫn ra Trung thăm nhà…
Ômya gật đầu, hút một hơi thuốc lá dài, có lẻ như muốn thừa lúc kéo hơi thuốc để suy nghĩ một điều gì thật nhanh. Rồi nói:
- Không. Nói thế là sai, tôi đã hứa là hoàn toàn thành thật với ông, tôi xin giữ lời hứa đó. Trước khi đến đây, tôi đã ra Trung một tuần và tôi đã hỏi kỹ các nơi lân cận mà trước đây anh đã ở: Tôkubê không lấy một người vợ nào khác ngoài người vợ ở Nhật mà cũng không có thêm một đứa con nào dù là con nuôi. Tôi rất tin những lời ấy bởi vì đã nhiều lần thề thốt vời tôi như vậy, sau khi anh đã bị vướng víu vào một chuyện tình thê thảm ở dãy Trường Sơn.
Nhưng đó là chuyện đã qua của một cá nhân quá cố, tưởng rằng nên nhắc nhở lại làm gì.
Còn về việc ông ta thỉnh thoảng lại ra Trung, tôi nghĩ có lẻ là vì công việc khác mà anh ta giấu không chịu nói với bạn bè đấy thôi. Thực ra, dấu kín công việc đó cũng là hợp tình hợp lý, nhưng để chứng tỏ tôi tin ông đến bực nào và lòng tôi thành thực đến ngần nào, tôi không sợ gì mà tôi không dám nói. Công việc của Tôkubê ở dãy Trường Sơn liên hệ đến cái kho tàng của quân đội Nhật sau khi thua trận. Chắc ông đã biết chuyện kho tàng đó ra sau rồi…
- Tôi chỉ nghe đại khái và không tin là có thật.
Tin hay không là tự do của mỗi người. Nhưng riêng tôi thì biết chắc rằng có một số người Nhật có nhiệm vụ ở lại đây để canh chừng và trông số đó chỉ có một hai người biết rõ chỗ chôn giấu kho tàng ấy. Tôkubê là một trong số người hiếm hoi đó. Bởi vì tôi với y là bạn nên tôi biết rằng y biết rất nhiều về các bí mật ấy nhưng bản đồ, tổng số báo vật và cách thức xuống được kho tàng ấy thì chưa bao giờ nói với ai. Nhưng cứ theo những lời thì thầm, đồn đại lén lút với nhau thì kho tàng ấy gồm những chiến lợi phẩm vô cùng quý giá mà một số sĩ quan Nhật đã tịch thu được ở Bắc Việt, Nam Dương, Mã Lai, Tân Gia Ba, Nam Việt, Hồng Kông... Vì chiến tranh tiếp diễn mỗi ngày mỗi ác liệt hơn, các quý vật đó không đưa được thẳng về Nhật, nên quân Nhật phải tạm chôn giấu ở các rừng cây, khe núi với hy vọng một khi trời đất yên lành thì sẽ khai quật để đưa về xứ sở.
Giá trị kho tàng ấy chừng bao nhiêu? Không ai biết. Nhưng theo lời các người Nhật "lô can" phục vụ trong quân đội Thiên Hoàng lúc đó với tư cách dân công phụ trách khuân vác trốn tránh mà về được đến cửa đến nhà ở cuối dãy núi Trường Sơn, trong riêng một cái hầm cũng đã có cả trăm toa xe lửa bảo vật chia ra làm mười chuyến, mỗi chuyến mười toa.
Có người nói rằng chiến lợi phẩm ấy chôn ở nhiều hầm bí mật khác nhau: có cái ở ven biển, có cái ở chân núi, có cái ở trong rừng mà xuống được các nơi đó phải có bản đồ rõ rệt, nếu không sẽ bị rắn độc cắn chết thì cũng bị một chứng bệnh nguy hiểm không đi được nữa, nằm lăn ra rồi chết một cách khổ sở ngay tại chỗ.
Ông Ômya nghỉ một giây rồi tiếp:
- Tôi đến đây với hy vọng được gặp ông để hỏi xem ông có được Tôkubê tâm sự gì về cái kho tàng ấy trước khi y chết hay không…
- Thật quả không. Y không bao giờ nói cho tôi biết hết. Mà lúc chết y lại cấm khẩu ngay cho nên dù có muốn dặn bảo hay tâm sự điều gì cũng không thể được.

Chương Bốn

Nghe câu chuyện của ông Ômya, tôi bắt đầu có cảm tình vì không những ông đã cởi mở mà cái giọng ông nói, xét kỹ từng li từng tí, tôi thấy có phần nhiều thành thật. Nhưng tôi hơi buồn. Là vì lúc mới đầu nghe câu chuyện kho tàng bí mật của quân đội Nhật ở dãy Trường Sơn, không hiểu sau tôi nghĩ ngay đến cái chết của anh ta, nhưng tôi thất vọng.
Và tôi nói thế với người bạn mới:
- Tôi thú thực với ông là cái chết của ông Lăng đã làm cho tôi thắc mắc cả mấy năm nay. Tôi không hiểu…Nghe ông nói, tôi đã hy vọng câu chuyện của ông sẽ đem lại cho tôi một vài tia ánh sáng, nhưng tôi suy nghĩ rồi ông Ômya ạ. Tôi không thấy cái kho tàng này liên quan gì đến cái chết của ông Tôkubê, và cũng không dính líu đến cái bóng ma ở nhà tôi, cái bóng ma mà ông Tokubê đã chửi bới và hăm dọa đâm chết.
- Ủa, sao lại có chuyện Tôkubê chửi bới bóng ma ở nhà ông?
- Chuyện đã xảy ra cả chục năm nay và có lúc đã làm cho tôi vất vả, đi đi lại lại ở các cửa công môn. Nhưng sau đó ít lâu, tôi đã quên đi rồi thì bỗng đâu

ông bạn tới và nhắc lại tôi cái chết ấy mà tôi cho là bí ẩn chưa từng thấy. Lập tức tôi nghĩ đến chuyện chôn vàng, đào vàng có thần giữ cửa làm cho người tìm vàng bị chết đau đớn, nhưng bây giờ tôi nhận thấy rõ là Tôkubê chết không phải vì lẻ đó. Ờ nếu không phải chết vì lẽ đó thì vì lý do gì mà lại chết bất tử như vậy? Chết cấm khẩu liền! Mà toàn thân lại trầy trượt, bầm tím và rỉ máu ra như có trăm miếng sứ miếng sành đâm chọc?

Ông Ômya, chắc ông muốn biết rõ cái chết của Tôkubê. Để tôi kể ông nghe chi tiết. May ra ông là bạn cua Tôkubê sẽ có yếu tố để biết thêm và giải thích cho tôi hiểu câu chuyện phần nào, do đó đánh tan sự thắc mắc từng ám ảnh tôi trong nhiều năm nay.

Chương Năm

Câu chuyện đầu đuôi như thế này, có sao nói vậy, không thêm, không bớt.

Tháng 7 năm 1954, tôi di cư vào Sài Gòn, trong túi có bảy trăm bạc và một cái va li trong có hai sơ mi, hai cái quần. Trên đầu, có một nón nỉ và dưới chân có một đôi giầy. Thực tình tôi ý niệm đó là một cuộc đi chơi, một vài bữa lại về. Trước đó, tôi đã đi mấy chục lần như thế; mang cái sự vụ lệnh ra lấy một cái vé máy bay đi Sài Gòn nói là đi "công tác" nhưng chính là đi chơi bời bậy bạ và đánh bạc hết ở Đại Thế Giới lại đến Kim Chung, thua hết lại về rồi xoay được ít tiền lại đi.

Lần đó tôi cũng yên trí sẽ về rồi lại đi như thế thì xảy ra vụ quốc gia đánh Bình Xuyên. Ở một khách sạn đường Năng-xy, thấy ngọn lửa bốc lên ở chung quanh, tôi coi là trò đùa, không thu xếp đồ đạc chạy như người khác. Tôi khoanh tay đứng xem lửa cháy, và nghe súng nổ. Đến lúc cần phải lấy va li để ẩn vào một nơi tương đối yên ổn thì đã muộn.

Nhưng có một mình và còn nguyên vẹn cái đầu và hai bàn tay, có sợ gì? Tôi ở đâu chẳng được? Tôi ăn ở đâu chẳng được?

Hàng phố lên đèn đã thấy tôi đón một tắc xi vào Chợ Lớn ăn qua quít cái gì rồi tất tưởi vào sòng. Tôi vốn "không có cái số đánh bạc" mười lần thì cả chín bận thua cháy túi, về nằm lăn "như thằng chết rồi" ở trên giường. Vậy mà không biết thần đổ rác phù hộ ra sao, kể từ hôm bị cháy hết cả va li quần áo thì đánh bạc lại được hoài: tài sỉu được, ru lét được, đến đêm về, rẽ xuống Ngã Bảy đánh xóc đĩa cũng được luôn. Mà được thế không phải một vài ngày, nhưng luôn trong hai tuần liền; tiền nhiều quá đến nỗi không buồn đếm, cứ cuốn lại nhét từng mớ vào khe tủ, ngăn rút hay những chồng quần áo.

Đúng sự thật, tôi không thấy thú vị gì; trái lại, lại buồn vì đến lúc nhớ lại thân mình thì lịnh cấm không cho Nam Bắc đi lại thông thường như trước nữa.

Ngậm cái buồn thê thiết ở trong lòng, tôi đi lang thang các phố để đợi tối về thì vào ngồi ở một cái bàn nhất định của một nhà hàng nhất định uống rượu một mình để cho say khướt vì có say khướt mới ngủ được, bằng không thì thao thức cả đêm, mãi tảng sáng mới nhắm mắt chợp đi một chút.

Không phải đến lúc đó tôi mới tập uống rượu đâu: tôi chè rượu từ lúc mười lăm, mười sáu tuổi, có thời kỳ uống rượu đế một đêm một lít kèm thêm Mạcten và "A Mi Ô quả phụ sâm binh" mà không sao hết. Nhưng đến lần này thì khác hẳn.

Thôi thì các bác sĩ muốn bảo là thần kinh suy sụp, là ảo giác, là hôn mê thế nào cũng được đi, tôi chẳng cần biết làm gì cả; chỉ biết chắc một điều là những đêm không ngủ, nằm thao thức một mình trong căn phòng không có đàn bà, tôi nghe thấy rõ ràng là có tiếng nói ở bên tai!

Nhất định tôi nói đúng đắn chứ không cà rỡn một li: có khi giữa ban ngày ban mặt, tiếng nói đó cũng kề vào tai tôi nói… Mà đố ông bạn biết nói gì? Nói đi nói lại với tôi một số nhà!

Đồng thời, tôi nghe thấy văng vẳng ở xa hơn một chút: "Chợ Quán, ở hẻm 158 trên 367, nhà Mệ Hoát hai tầng ngoài có cây y lăng… hai tầng lầu". Nói cái gì mà nhanh thế! Nhanh quá, như thể là hối thúc, như thể là giục giã, nghe bực quá, không có cách gì chịu nổi.

Ông Ômya ngắt lời, hỏi:

Có tiếng nói ở bên tai, nhưng mắt ông có trông thấy người nói không?

- Không. Nhưng tôi nghe rõ lắm, rõ là tiếng đàn bà xứ Huế, nói rất khoan thai nhưng nặng và hơi gắt.

- Chung quanh đi quẩn lại, chỉ có mấy tiếng đó thôi ư?

- Chỉ có thế thôi. Vậy mới là lạ chứ. Thú thực với ông tôi không sợ hãi, nhưng tôi tức bực vì tôi không hiểu ra sao cả. Tiếng nói đó là tiếng nói của thần linh hay ma quái? Có phải trước đây, lúc còn đi học có tiếng nói đó phải không?

- Ông học sử ký Pháp hơi nhiều rồi lấy hiện tượng làm sự thật thành ra tiềm thức bị ảnh hưởng mà không biết.

- Vậy ư? để tôi còn duyệt lại xem lời ông có đúng không.

- Mà có khi đó chỉ là trường hợp của máu huyết lưu thông ở trong người: vì uống rượu hơi nhiều; máu dồn lên trên đầu làm cho tai ù, ông tưởng tượng nghe thấy như thế rồi lần lần bị ám ảnh vì mấy câu nói đó.
Nghe thấy thế, tôi hơi bực mình. Giả thử cũng là ý kiến đó mà một người khác diễn tả vụng về một chút, tôi rất có thể giận lẫy và lờ đi không nói tiếp, nhưng ông Ômya vừa tỏ ra lễ độ vừa nói năng tế nhị nhẹ nhàng, nên tôi không để ý và chỉ đáp một câu nhạt nhẽo:
- Vâng. Ông muốn nghĩ thế nào cũng được, nhưng tôi quả quyết tiếng nói đó có chứa cái gì khó hiểu bên trong và tôi nhất định đi hỏi cho được căn nhà hai tầng lầu của Mệ Hoát ở Chợ Quán, có trồng cây Y Lăng ở cửa, xem ra thế nào.
Một buổi sáng thấp trời, vào đầu tháng chạp năm 1955, giãi ra tê lạnh ở đường Trần Hưng Đạo vào chợ Lớn. Những nhà cửa bị bom đạn phá phách hồi xảy ra vụ Bình Xuyên được tái thiết lâu rồi, nhưng từ ngã tư Quốc Tế đến Chợ Quán vẫn có một cái gì lạnh lẽo ứ đọng trong không khí, một cái gì mà người ta chỉ cảm thấy mà thôi chớ khó mà diễn tả bằng lời được.
Thỉnh thoảng lại có một núi rác nằm chềnh ềnh trên bãi cỏ mà không có người đến dọn đi. Ở ngã tư phía ngôi chùa thờ Quan Thánh của người Tàu có một cái chợ lèo tèo.
Tất cả nhà ở hai bên đường cái đều ọp ẹp và xây cất theo kiểu cũ, còn ở trong các ngõ hẽm họa hoằn lắm mới có một hai cái nhà bằng gạch, còn tất cả thì bằng cây sơn các màu xanh đỏ như những cái đồ chơi bằng nhựa, thứ rẻ tiền, của trẻ con chơi bây giờ.
Tôi đi mấy tiếng đồng hồ rồi? Đã đi hết cả các hẻm vùng Chợ Quán, tôi vẫn không tìm thấy hẻm 158 trên 367.
Hỏi thăm ba bốn người đi đường cũng không biết nốt. "Thôi đích thị là mình bị ảo giác lừa rồi. Có muốn tìm suốt ngày đi nữa cũng không ra nhà Mệ Hoát ở hẻm 158 trên 367 vùng Chợ Quán".
Tôi đút hai tay vào túi nghĩ thầm như vậy và đang tính có nên trở về hay không thì gặp một đứa trẻ đang lôi sềnh sệch một con chó lường.
- Này em, ở đây có hẻm nào kêu là hẻm 158 trên 367 không?
Thằng nhỏ đứng lại, giơ một ngón tay lên trán xem xét tôi một lúc rồi trả lời:
- Hình như có. Tôi cũng ở đâu gần đấy. Nhưng bây giờ phải đem con chó này ra chợ, tôi không thể đưa ông đi được.
- Em chỉ dùm, cảm ơn.
- Đây nè. Ông cứ thẳng con đường này mà đi. Đến cái xe mì, ở dưới cây trứng cá ngã ba thứ nhất, ông quẹo sang trái đến cái chạp phô thì quẹo sang phải, thế là đến nơi.
Nghe thằng nhỏ nói, lòng tôi nhẹ hẳn. Cứ đúng theo lời thằng nhỏ mà đi, vừa đi vừa nhận xét, tôi thấy một tiệm chạp phô thực. Ngay trước tiệm chạp phô đó có một con đường đá lởm chởm loằng ngoằng dây thép gai và một vài cái xe ba gát đã nát không còn dùng được. Tôi quẹo sang tay mặt. Một con đường nhỏ tương đối rộng hơn cái hẻm vừa hồi trườn ra trước mặt.
Nhìn thoáng, tôi thấy chừng mười căn phố trệt, nhưng trong mười căn đó có ba cái liền nhau sửa lại và cất lên hai tầng lầu. Tôi gõ cửa căn nhà thứ nhất lúc thoạt vào trong hẻm. Một người làm có vẻ ghiền ma túy, bước ra. Tôi hỏi:
- Đây có phải là nhà Mệ Hoát phải không ông?
- Mệ Hoát nào? Ở đây không có ai là Mệ Hoát.
- Thế chủ nhà này là ai?
- Bán rồi.
- Mà bán cho ai?
- Bán cho người các chú ở ngoài đường lộ. Tôi là người nhà ông ấy. Muốn mua cũng bán, mà muốn mướn cũng được. Cứ ra mà nói chuyện với ông chủ là xong.
- Không có lý. Tôi biết nhà này của Mệ Hoát mà!
- Không đâu. Nhà này của ông Hồng Xương Phát. Nhưng à…tôi nhớ rồi…Tôi nhớ…nhưng mà không biết đích…người chủ nhà trước là một bà người Huế tên là Mệ Huyết chớ không phải là Mệ Hoát…à…cái người Trung họ vẫn thường có cái tục lệ cử tên như vậy: Thay vì Thành, họ kêu là Thiềng, Đỉnh kêu là Điểng, Cảnh kêu là Kiểng, Mệ Hoát, ở Chợ Quán đây đã ba bốn chục năm rồi, các ông già bà cả trước đây vẫn kêu là Mệ Huyết. Lúc đó tôi còn ít tuổi cũng kêu như thế, cho nên đến lúc ông hỏi Mệ Hoát tôi không biết là ngườii nào hết. À, Mệ Hoát…….phải rồi Mệ Hoát.
- Theo lời ông nói nhà này đã bán cho chủ mới. Tôi có thể biết Mệ Hoát bây giờ ở đâu không?
- Chết lâu rồi còn gì. Mua đi bán lại mấy lần, căn nhà này đến gần đây mới về tay ông Hồng Xương Phát.
- Tính ra ông Hồng Xương Phát mua được mấy năm rồi?

- Có cả năm sáu năm nhưng ít có người đến ở, nhiều khi bỏ không cả năm bảy tháng, một năm.
- Không có ai mướn hay sao? Vì ở đây vắng vẻ?
- Nào ai có biết. Thực ra từ khi tôi đến trông coi, có một gia đình một ông làm việc ở Tân Sơn Nhất đến mướn, chồng tiền ba tháng. Nhưng không hiểu vì có việc gì xảy đến, ông ta không dọn lại.
- Thế người mướn cuối cùng là ai?
- Một ông chủ thầu mướn cho vợ nhỏ ở với đứa con trai ba tuổi.
- Thế cũng không đến ở hay sao ?
- Đến ở chứ! Nhưng được một tuần thì có tin mẹ của bà vợ chết ở Nha Trang. Hai vợ chồng và đứa con về đưa đám rồi không thấy quay lại nữa.
- Trước ông chủ thầu đó là ai?
- Một ông làm đồ nhôm để làm xưởng chế nồi, soong, chảo…Có hai người nữa công ty với ông ta; giấy tờ xong suôi cả rồi, chỉ còn đem ra bỏ ngân hàng thì lại lôi thôi thể thức làm ăn sao đó. Công ty tan vỡ, rút cuộc tiền mướn chưa trả hết mà đồ đạc để lại chỉ có dăm ba cái bàn cái ghế đem bán chưa chắc được vài trăm đồng bạc.

"Nhà gì kỳ lạ. Hay là tại đất dữ nên không ở được chăng?". Tôi ngỏ lời muốn người gác cho tôi vào coi thử trong nhà ra sao.

Ba căn nhà hai tầng này trông bề ngoài cùng xây một kiểu, nhưng không có cái nào ăn thông với cái nào. Ai muốn ở rộng rãi có thể đục tường ra cho ba nhà thông nhau, nhưng gia đình nào ít người, muốn mướn một căn để ở vẫn cứ được, mà không lẽ gì bị mất tự do. Tôi vào xem căn thứ nhất. Theo lời người gác già, cả ba căn nhà này kiến trúc giống nhau, cứ ngã giá với nhau đi rồi căn nhà nào cũng được. Xem một căn là đủ.

Mỗi căn rộng chừng bảy tám chục thước vuông cửa ngỏ chắc chắn, gạch hoa, nhưng tường vách cũng như sàn gạch đầy những bụi bậm.

Đồ đạc có sẵn cho người mướn: ở dưới nhà có sa-lông, tủ rượu, một cái đi văng trải đệm, còn trên gác thì có một tủ áo, hai cái "giường một", và một bàn lớn để viết lách cũng được luôn. Tường ở trên gác cũng như dưới nhà, không được sạch, có một vài chỗ lở cả vôi. Đây đó gián một cái hình màu cắt ở báo Tây ra, vẽ những con chim con rùa. Sàn gác bằng gỗ thông, trải cao su, nhưng đi ở trên vẫn có chỗ kêu cót két một cách khả nghi. Trên trần, theo một ngọn đèn ống có hộp ni long xanh bao phủ, còn ở góc trái thì có một bàn thờ, dưới là một cái xích đông bộn bề báo cũ sách cũ và tranh ảnh. Tổng quát thì căn nhà này có một vẻ kỳ lạ, không có sinh khí mấy mà lại cũ kỹ, không thích hợp thời trang chút nào, nhưng không hiểu tại sao tôi lại thấy ưa.

Tôi mở cửa sổ chỗ kê hai cái gường một ra thì thấy mái nhà ở chung quanh, tương đối thấp hơn, nằm hớ hên cái nọ tiếp cái kia như xấu hổ tự thấy mình không kín đáo. Nhưng không sao: một khoảng vườn con ngay cửa sổ trông xuống dưới nhà làm cho căn nhà đỡ trần truồng nhưng làm cho đẹp lòng tôi nhất, đọt cái cây lớn ở giữa lá tốt xum xê đưa cả cành vào tới cửa sổ.

Đó là mộ cây Y Lăng, một giống cây thuộc loại Ngọc Lan, lá to và dài, sờ vào hơi ráp, mà cành thì thay vì chổng lên trời lại cụp cả xuống phía mặt đất, như thể bị người ta bẻ vậy.

Từ lâu lắm rồi tôi vẫn thích loại cây này bởi vì nó nhắc cho tôi nhiều kỷ niệm. Mồ mả người vợ tấm mẳn của tôi lúc hai đứa là tình nhân đêm chúng tôi vẫn gặp nhau trò chuyện trên một con đường trồng toàn Y Lăng. Vào bất kỳ mùa nào, nhưng nhất là mùa thu, hoa tiết vào trong gió một mùi hương ngát nhẹ không biết chừng nào, thơm không biết chừng nào. Có thể nói là cây ở cuối xóm mà hương tỏa ra không nhưng đầu xóm ngạt ngào mà cả những xóm chung quanh đều "nghe" thấy và cảm thấy lâng lâng sảng khoái.

Cây Y Lăng ở trong khoảng vườn nhỏ của căn nhà tôi đương coi bắt đầu trổ bông. Thấp thoáng trong chùm lá xanh màu ngọc bích, tôi thấy những cánh hoa màu vàng cũ, hình thù bé bỏng hé ra những cánh hoa trông từa tựa như hoa mống giồng ở Bắc, nhưng dài hơn, mềm mại hơn, uốn éo tình tứ hơn.

Tôi quay lại bảo người gác rằng tôi quyết định mướn căn nhà đó.

Chương Sáu

Nói đến đây thì vừa bữa cơm. Qua hai tiếng trò chuyện với ông Ômya, cái màn nghi kỵ, giữ gìn nhau đã được nhẹ đi vài phần. Thấy ông cũng có vẻ chân thật, chớ không giả dối như nhiều người khác, tôi nói :

- Nếu ông không bận việc, tôi mời ông ngồi lại nhậu chút đỉnh với tôi: Nhất kiến vi kiến, ông Ômya xin từ khước, nhưng có lẻ vì thấy tôi thành thật mà có lẻ cũng vì muốn nghe nốt câu chuyện xem ra thế nào, ông đứng dậy cuối đầu và nhận lời mời của tôi.

Ông không uống được rượu đế, cho là nặng quá "nặng hơn sakê rất nhiều". Ông uống một thứ rượu khác người: pha Martini vào nước lạnh, vắt chanh,

quậy với đường. Không sao, ai thích uống cái gì, tùy ý. Tôi xin kể câu chuyện đương bỏ dở. Ông ngắt lời tôi:
- Xin lỗi ông bạn. Ông quả là người lập dị. Tại sao lại thấy căn nhà như thế, ông quyết định mướn làm gì? Phần tôi, nếu gặp trường hợp đó, tôi không bao giờ chịu.
- Nói là tôi quyết định mướn thì không đúng lắm. Thực tình tôi không quyết định gì cả, mà cả kiến trúc căn nhà ấy lẫn cây Y Lăng ở ngoài vườn, tôi thấy cũng không dự một phần vào sự quyết định của tôi.
Lạ lắm ông à. Bây giờ tôi còn nhớ rất rõ ràng là lúc ấy tự nhiên có một cái gì lạ lắm, mơ hồ chạy vòng vòng như sóng điện ở ngực tôi, lên óc rồi xúi tôi bật nói ra như vậy, chớ quả là tôi không suy nghĩ và định tâm nói ra nhu thế.
Sau này nghĩ lại, tôi nhớ mang máng là ở trong đời đã thấy trạng thái tựa tựa thế ba bốn bận: đi xe trông thấy tai nạn hẳn hoi, tự bảo mình đạp một cái nữa thì nguy hiểm đến tính mạng nhưng óc cứ mê đi, cứ đạp; nhận lời đi chơi xa, nhưng đến giờ chót mặc dầu vẫn thích đi mà miệng lại từ chối, mà từ chối như thế, lại hay vì tất cả những người đi bữa đó chết cháy trong một tai nạn phi cơ thảm khốc; cùng với vài người bạn dắt tay nhau chạy tìm chỗ tránh bom, tự nhiên giựt tay chạy trở lại, được yên lành, còn mấy người bạn kia thì chết…
Có người bảo thế là cái số, có người bảo là giác quan thứ sáu, có người bảo là linh tính. Tôi không gọi là gì cả, chỉ biết nhận thức như thế mà thôi. Tôi nhận mướn căn nhà của Mệ Hoát và tôi bảo người gác già:
- Tôi ra ngay tìm ông chủ để mướn căn nhà này. Trong khi chờ đợi, ông làm ơn lau rửa sạch sẽ cả nhà dưới lẫn nhà trên… lau bong sàn gác dùm tôi. Này mạng nhện giăng đầy cả ra kia kìa, ông quét luôn cho sạch nhé.
Vừa nói, tôi vừa dúi vào tay ông gác già tờ giấy một trăm, rồi đi lại chỗ xích đông tung hết những sách báo và giấy lộn xuống sàn gác, tiếp:
- Những cái này đem bỏ cả đi cho gọn.
Chính giữa lúc tôi đang nói như thế thì từ trong đám giấy bụi bậm rớt ra một bức hình cỡ trung bình, mà mép giấy ở chung quanh thì đã ngả sang màu bạc ố.
Tôi cầm lên xem thì đó là một bức truyền thần một bà trạc bốn mươi, búi tóc cánh tiên, mặt áo gấm huyền chữ thọ, mắt phương, mũi hơi thô nhưng trông toàn thể thì là một người đàn bà đẹp một cách phong lưu đài các.
Nguyên lúc mới học ở trường ra chưa biết theo học về thuốc, về luật hay sang Pháp học nghề in, tôi có dạo đã ngã vào trường cao đẳng Mỹ Thuật mấy năm nên cũng biết sơ sơ về hội họa và thường thường các bức hình tôi thấy đều làm cho tôi chú ý, không nhiều thì ít. Cố nhiên thấy bức hình này tôi cầm lên ngắm một giây. Người đàn bà trong bức hình cầm một bông hoa nhỏ ở bên tay phải, còn tay trái thì để lên một cái xe-lét bằng cây chạm trổ.
Tôi thổi bụi, xem màu sắc kỹ hơn một chút thì thấy đại khái người vẽ hình không phải là một họa sĩ cừ khôi: tà áo, tóc, tai, bàn tay và những cái vòng, những cái cà rá của bà này vẽ bằng một nét bút thật thà, vụng dại.
Nhưng trái lại, ở trên nét mặt, nhất là cặp mắt và đôi môi thì tiết ra một cái gì linh động lạ lùng, một sự sống khủng khiếp khiến cho người hiểu đôi chút nghệ thuật phát sợ mà không thể không say sưa ngắm đi ngắm lại. Nhất là nét ở miệng thì phải nói là thần: những đường cong thoải mái ở cặp môi và cái chấm tròn mờ mờ ở nơi cằm cho thấy rằng đó là nét mà nghệ thuật không bao giờ đạt được.
Cố nhiên những nét ấy trong một phút xuất thần, vô tình mà tạo được chứ không phải cố ý mà làm nên, thành ra người trong hình có vẻ như sống thật và thoạt nhìn ai cũng có thể thấy ngay trên nét mặt người đàn bà ấy có một vẻ khinh thế ngạo vật, hơi hơi rầu một chút, hơi sầu sầu một chút, dễ làm cho người ta thương mến vì biết tiến lùi, nhịn nhục nhưng bất thần một lúc nào đó rất có thể nổi cơn giận dữ gớm ghê mà đã giận dữ thì trời đất cũng coi là nhỏ, gươm dài, giáo bén cũng là không.
Này ông bạn, có bao giờ ông đã thấy hiện trên cái cửa kiến, một hôm sương mù, một khuôn mặt thương yêu đẹp một cách lạ thường nhưng cũng có khi xấu xa một cách kinh tởm? Ông lấy một tờ giấy cây bút cố tìm cách để phổ bức hình đó lên mặt giấy, nhưng muốn họa lại cách nào cũng không thể được. Ông xé giấy đi, lấy mực tàu họa lại cái chân dung đã làm ông xúc cảm: vẫn không thể được. Bao nhiêu cái đẹp cái thần tiêu tán hết. Con người, dù là nghệ sĩ chân tài, không bao giờ lại cố ý có thể họa lại được những nét đó. Đứng về phương diện toán học, sự khác biệt không xa mấy, nhưng cái thần thì không thấy đâu hết: bức vẽ chỉ còn là một cái gì nhân tạo một cách vụng về lố lỉnh.
Ấy đó, bức vẽ mà tôi nhặt được ở căn nhà tôi đến

mướn cũng có một cái gì "nan tả" và "nan giải" tiết ra như vậy. Và tôi kết luận rằng cái "nan tải" và "nan giải" đó bất thần mà thể hiện được là nhờ cái thiên tài hay sự tình cờ mà có, chứ nghệ thuật không dự một phần nào trong ấy.
Thấy tôi đứng bần thần ra ở trước tấm hình, người gác già hỏi tôi:
- Ông cũng tính bỏ luôn bức tranh này?
- Không, ông giữ lấy.
- Nhưng điều cần là ông có thực tình mướn căn nhà này không đã? Nếu ông quyết định, ông nên sang ngay nhà ông chủ hiện giờ có ở nhà mà điều đình giá cả đi. Công việc dọn dẹp quét tước không lâu lắc gì đâu, tôi và lũ trẻ trần ra làm một ngày là xong hết.
Ông Hồng Lĩnh Xương Phát không khó tính.
Tôi nằn nèo bớt sớ ông mỗi tháng một nghìn đồng, ông cũng bằng lòng luôn.
Thế là ngay buổi chiều hôm sau, tôi thuê một chiếc xe ba gác dọn ba cái đồ lặc vặt đến căn nhà mới.
Đến sẩm tối, đồ đạc đã bày biện ra đâu đấy. Tôi bảo ông Yên một ông già cùng làng với tôi trông nom bếp núc và trông coi nhà cửa mỗi khi tôi đi vắng ra phố mua một cái khung ảnh bằng cây, sơn then, và tôi lồng bức hình vào đó, treo ngay ở trên chỗ bàn viết của tôi.
Đoạn tôi đi ăn cơm tiệm vì chưa tổ chức xong bếp núc. Vịn vào cớ mệt mỏi suốt ngày, tôi uống rượu nhiều hơn thường lệ và đúng như thường lệ, tôi lăn ra ngủ một giấc ngon lành. Nhưng khoảng hai giờ sáng thì chợt tỉnh, thao thức rất lâu, muốn ngủ lại không tài nào ngủ được.
"Kỳ cục đến thế là cùng! Tại sao bao nhiêu người dọn đến ở đây mà không ở được mà mình nói là dọn đến ở liền?"
Tôi là người tin số mệnh, tin may rủi và tin cả ma quỷ nữa. Nhưng tôi tin số mệnh mà không chờ số mệnh định đoạt đời mình, tin may rủi mà không há miệng chờ sung, tin có ma quỷ nhưng không sợ hãi.
Các ông già bà cả ở miền Nam này, ai lại còn không biết cũng như Hòa Hưng, Phú Nhuận, vùng chợ quán nổi danh là đất dữ từ ngày chợ Quán còn chia ra làm ba làng mang tên Tân Kiểng, Nhân Gian và Bình Yên.
Nhưng tại sao đổi ra là Chợ Quán? Cố gạn óc nhớ lại những tài liệu đã đọc, tôi mang máng nhớ rằng sở dĩ có cái tên "Chợ Quán" là vì ngày trước, mấy cái chợ bán thịt thà rau cải nhóm họp ở dưới gốc những cây me đại thọ (lối nhà thương Chợ Quán) hiện nay. Vì chung quanh chợ có nhiều lều quán cất bằng cây lợp lá "lốc cốc tựu một chỗ" cho nên thiên hạ mới đặt tên là Chợ Quán.
Gần chợ, từ đường nhà nước đi đến một cái ao lớn là làng Thợ Đúc ngày xưa: dân trong làng chuyên nghề làm đồng, nổi tiếng cũng như làng Ngũ Xá ở Bắc Việt, làm nên những cái lư kiểu đẹp và bóng loáng không kém gì lư chợ Phú Lâm.
Nhà cửa ở Chợ Quán ngày xưa đều lụp xụp và ốm yếu. Bây giờ, nhắc lại, các ông già bà cả chỉ còn nhớ mỗi cái nhà lớn của một ông nhà giàu sinh ở chợ Quán, đi Sa Đéc làm ăn giàu có, trở về xây một cái căn nhà đồ sộ, treo một tấm biển đồng khắc mấy chữ "Biệt thự Nhân Gian".
Nhiều người cho rằng người đặc tên ấy hơi khùng, nhưng không phải: ông ta cố ý nhắc tên làng cũ. Nhưng biệt thự "Nhân Gian" xây dựng công phu vĩ đại là thế tưởng đâu sẽ bền gan cùng tuế nguyệt, ai ngờ đâu cũng như hết thảy công trình ở thế gian này chẳng mấy chốc đã điêu tàn cùng với những lớp sóng phế hưng.
Một cuộc khủng hoảng kinh tế bộc phát sau khi thế chiến đầu chấm dứt. "Biệt thự nhân gian" đem bán đấu giá, hội "Đức Trí Thể Dục" mua được rất rẻ. Nhưng chẳng bao lâu quân đội Nhật nhảy lên Đông Dương trưng dụng luôn điểm ấy. Thấy cái thế mạnh bạt sơn cử đỉnh của Nhật lúc bấy giờ, ai cũng tưởng họ sẽ ở cổ hỉ mà nước mình sẽ là một "cái mặt trời nhỏ" trong lá cờ nhỏ của "đại cường Phù Tang", nhưng lại lầm phen nữa. Không nuốt được Việt Nam, họ xuống xin hòa. Trụ sở của "Đức Trí Thể Dục", tức là cái biệt thự Nhật Gian cũ lọt vào tay quân đội Pháp để rồi đến mấy năm gần đây, trước khi quân đội Mỹ rút khỏi Việt Nam lại trở thành cơ quan cố vấn quân sự Mỹ…
Rồi đây không ai biết địa điểm này còn đổi chủ nữa thôi, nhưng các người lưu tâm đến cổ tích nước ta, ở vùng Chợ Quán trước cũng như giờ, không thể chập chờn ma chơi như vậy, ai cũng không thể ở được lâu.
Những người tin địa lý, bảo rằng sở dĩ chỗ đất ấy không mấy yên ổn, không ai làm chủ được lâu là vì nó choán một đền cũ Chùa Miên ngày trước. Viện bảo tàng đã có cho người đến đó đào lên thì tìm được nhiều tảng đá lên kiểu Khờ-Me (hiện vẫn còn đặt ngoài hành lang của Viện) và các nhà khảo cổ ngờ rằng những tảng đá ấy là táng cửa, táng cột phướn Khờ-me, vẫn ghi rằng nếu hòa bình trở lại, có dịp tìm thấy cổ tích Prei Nokor nữa.

Ngoài ra, ở một vùng rộng rãi chung quanh đó, hãy còn dấu tích một xóm cỏ của người Miên và hiện nay ở đó còn một gò đất cao hơn mặt đường cái, ai đi qua đường Trần Hưng Đạo đều trông thấy rõ. Người ta bảo đó là nền chùa và xóm Thổ đời xưa. Nhiều phen dân cư ở đó đào được gạch cũ, tượng Phật Khờ-me, Viện bảo tàng đã xuống chỗ sưu tầm được nhiều tảng đá, Phật đồng, thần mặt trời, từ khí vụn vặt và mấy cây đèn đồng xưa của Khờ-me kiểu bông sen tạc hình một nông dân quỳ xuống, hai tay đưa bầu dầu nâng lên trên đầu.

Chương Bảy

Ông Ômya đặt chén rượu xuống, hỏi:

- Nằm suy nghĩ như vậy, có lúc nào ông đã thử đặt lại vị trí ngôi nhà ông mới dọn đến ở so sánh với Chợ Quán ngày trước không? Theo ông, nhà ông có nằm ở trong vùng Chùa Miên và xóm người Thổ không?

- Có. Nằm thao thức không ngủ được, tôi bật đèn ngồi dậy lục các sách cũ nói về cổ tích Sài Gòn, có cuốn mới viết năm 1968, có cuốn viết từ 1885, xem lại các bản đồ thì mang máng nhận ra rằng cái hẻm tôi ở đứng về phía Bắc ngôi nhà lầu của cố học giả Trương Vĩnh Ký chừng ba trăm thước và ở bìa xóm Thổ ngày trước, một đầu đi ra chùa Kim Chương, còn đầu kia đi mãi ra được đến Cầu Kho, trước đây nổi tiếng vì xóm ăn mày, tên chữ là "Tân Lộc Phương" mà người ta cho rằng nguyên thủy là ruộng lúa của người Khơ-me trồng trọt.

Thấy chỗ nào cũng nói đến dấu tích người Miên, đền chùa tượng Phật, nhang đèn… thú thực có một lúc tôi ngờ rằng cái nhà tôi đang ở có bao nhiêu người đến mướn mà không ở được có lẽ cũng vì những chuyện ân oán, choán đất chùa và ruộng lúa ngày trước chăng?

"Hừ, dị đoan…hoàn toàn là dị đoan". Tôi tự nhủ thầm như vậy, nhưng thật tình tôi vẫn bán tín bán nghi. Tuy vậy, tôi tuyệt nhiên không sợ hãi, lo âu gì hết. "Một tiếng nói huyền bí bảo mình đến đây… rồi có gì thúc đẩy mình hỏi mướn căn nhà này. Chẳng lẽ nào bao nhiêu sự việc đó lại để đi đến một cái kết cục vô nghĩa vô lý, không đầu, không đuôi?".

Từ thuở tôi còn nhỏ, cả họ cho tôi là một thằng lì lợm, chướng ách: ai làm gì thì tôi nhất định không làm như thế; ai khuyên tôi thế này thì tôi làm thế kia; ai chê tôi thì tôi hứng lấy và tôi lấy làm thích thú mỗi khi hành động trái ngược lại những người chung quanh. Hỏi làm như thế thì có lợi gì không? Tôi biết là có khi không có lợi, mà còn hại là khác nữa, nhưng cái thích của tôi như thế thì tôi cứ thế mà theo và cũng chính vì thế mà gần hết cả một đời người bị lao đao thất bại. Nhiều người đến lúc trời chiều bóng xế thường "nghĩ lại" và thay tâm đổi tính đi, nhưng tôi không thế.

Cái việc ở lì căn nhà Mệ Hoát, mặc dù bạn bè sa sả về đất chùa, tượng Phật của người Miên, không hề làm cho tôi lay chuyển. "Tái ông thất mã. Biết đâu ở trong cái dở lại chẳng có cái hay nẩy nở ra?" Tôi nghĩ thầm như vậy.

Thêm nữa, tôi yên chí mình là một người không căn bản mà đạo đức chẳng bằng ai, nhưng kiểm điểm lại tất cả các hành động từ khi còn nhỏ cho đến cho đến lúc gần kề miệng lỗ, không làm cho ai thất cơ lỡ vận, không giết chóc, tác hại ai, không phản trên lừa dưới làm cho âm hồn dương oán, hà có gì lại có người hại được tôi, dù người đó còn sống hay đã chết?

Ngoài thì giờ viết lách và đọc lảm nhảm hết sách nọ đến sách kia, tôi vẫn cứ triết lý vụn với mình như thế (cố nhiên là trong khi triết lý như vậy, bao nhiêu cái gì tốt đẹp cũng để về phía tôi).

Bao nhiêu ngày đã trôi qua? Có lẻ một tuần rồi, mà có lẽ được nửa tháng rồi cũng nên. Chẳng có gì lạ hết!

Không. Nói như thế không đúng hẳn. Trong những ngày đầu đến ở, tôi thấy có một sự khác lạ rất tầm thường, nhưng tôi không thể không lưu ý: công việc làm ăn suôn sẻ, kiếm tiền như vỗ tay, đánh bạc được hoài, lại có những món tiền từ đời kiếp nghiệp lai nào, cả trăm phần chắc mất, thì ở đâu lù lù dẫn lại….

Sống trong tình trạng ấy tôi mới thấy rõ là tiền không làm cho người ta sung sướng (tôi thề không giả đạo đức lên lớp khuyên người ta coi thường tiền) nhưng quả đúng như thế thật: lúc chưa có tiền thì khổ quá chừng là khổ, nhưng nắm một mớ thật bộn ở trong tay, lập tức mình thấy không thiết tha, thú vị gì nữa; hơn thế lại chán nản hơn cả khi nào hết vì không còn thèm gì cả, không muốn gì cả mà đời sở dĩ còn hấp dẫn được người ta một phần lớn là tại người ta muốn thế này, ước thế kia. Những người thật sướng ở đời này, theo tôi, là những người rất khổ, rất túng, tự nhiên một hôm được thỏa mãn một cách nhỏ nhoi giai đoạn rồi lại khổ, rồi lại túng, rồi lại ước mong hy vọng….

Tôi vẫn nói tôi là một người không có khoa học, hay tin bậy bạ. Thấy tiền bạc cứ thong thả đi vào

nhà mình như vậy, tôi thú thực là có lúc tôi giật mình lo ngại. Là rằng tôi yên trí rằng đời là một cuộc biến chuyển thường xuyên: hết sáng thì tối, nắng lắm thì mưa, một người hay một nước mà đến tột độ giàu sang, sung sướng (theo trắc lượng của người ấy, nước ấy) thì phải xuống, cũng như trèo lên đỉnh ngọn cây rồi phải tụt xuống chớ không thể trèo lên cao hơn nữa.

Biết làm sao bây giờ? Tôi suy tính trăm nghìn cách, chưa biết sử sự thế nào thì một ý tưởng nảy ra trong đầu.

Một ý tưởng rất hủ lậu, có lẽ; một ý tưởng cố nhiều chất dị đoan, nhưng tôi cứ tự cho mình là phải: sở dĩ tự độ đến ở đây được may mắn, chẳng qua là nhờ đất cát hết, chứ không phải là tháo vát, tài ba gì cả. Nhớ lại lúc còn đông đủ gia đình ở Bắc, bà nội tôi, bố mẹ tôi, tối tối ngồi trò chuyện với nhau, thường kể rằng có nhiều cái nhà tiền chủ rất dữ mà đến ở lại không việc gì, lại ăn nên làm ra thì khác vì nó "hợp" với mình, cần nhất là mình năng cúng vái để cho người ta phù hộ.

"Ờ phải. Mình quên mất hẳn điều đó. Hôm nào mình phải lập bàn thờ cúng ông thổ địa ở đây, ngày rằm mùng một lễ bà tiền chủ, khai quang tẩy uế mới được".

Tôi xem lịch kiếm một ngày thật tốt để nhân dịp ăn tân gia, thiết lập hai cái bàn thờ đó thì Mệ Hoát một đêm lững thững hiện ra, mờ mờ sương khói, như cái bóng.

Chương Tám

Nghe đến đây, ông Ômya, một người từng xông pha trăm nguy ngàn hiểm, vượt đạn trốn bom, một người đã từng một mình vào rung rợn hãi hung hơn cả địa ngục để tìm một mảnh giấy, một hồ sơ mật, vậy mà bất thần giựt mình và hỏi:

- Ông nói gì? Mệ Hoát? Ông trông thấy thực hay là ảo giác?

Tôi nhớ lại câu chuyện con chuột khôn của ông Tô Đông Pha và không lấy làm lạ về công việc ông Ômya giật mình khi nghe thấy nói đến bóng ma của Mệ Hoát hiện ra trong nhà tôi lúc nửa đêm.

"Người ta có thể đập nát viên ngọc bích đáng ngàn vàng mà không thể không sợ thất kinh khi nghe cái nồi đất vỡ, có thể đánh con hổ dữ mà không thể không biến sắc vì con ông đốt: đó là tại cái lòng không chuyên nhất vậy. Những điều ấy, mọi người vẫn thường nói mà quên rồi ư?"

Tôi cười một mình chậm rãi trả lời:

- Phải, cái bóng ma Mệ Hoát. Nhưng đó là thực hay ảo giác thì tôi không biết. Ông để cho tôi nói tiếp rồi ông suy luận lấy, bởi vì ông sẽ thấy không phải chỉ có một mình tôi trông thấy nhưng chính một đồng bào của ông, ông Tôkubê cũng trông thấy hai năm rõ mười. Không, tôi kể chuyện cho ông nghe, chớ tôi không có lợi lộc gì mà bịa đặt phải không? Tôi không nhớ rõ đêm ấy là đêm thứ mười mấy kể từ khi tôi dọn đến ở căn nhà này. Chỉ biết rằng đáng lẽ đi ăn cơm với mấy người bạn ở xa về, tôi lại khước nằm khàn ở trên giường đọc báo. Lại xin thú thực với ông nữa: tôi là nhà văn kiêm ký giả nhưng ít khi đọc báo, trừ khi nào có tin tức đặc biệt gì ghê gớm lắm.

Nhưng đêm hôm ấy tôi nằm đọc báo vì một nguyên nhân khác hẳn: tại lười. Lười một cách vô nghĩa, lười không vì nguyên nhân gì hết, lười đến cái mức nằm một bên mỏi quá cũng không buồn trở mình. Sợ rằng cứ nằm bề bệt như thế thì đau mất, tôi ngồi dậy bật cái đèn đêm ở đầu giường, đi thong thả ra cửa sổ ngồi nhìn xuống mấy cái mái nhà tôn ở sau vườn.

Hoa y lăng bây giờ trổ bông nhiều hơn; về đêm hương thơm tiết ra ngào ngạt cả không khí làm cho tôi buồn thê thiết trong lòng. Ấy là lúc tôi nhớ đến vợ con ở Bắc trước đây, vẫn dắc nhau đi chơi thong thả trên những con đường ngào ngạt hương thơm như thế này. Tôi hèn lắm, ông Ômya ạ. Tôi hèn vì tôi buồn hết sức là buồn và tôi ngồi ôm mặt khóc như đứa trẻ. Tất cả cuộc đời dĩ vãng của tôi hiện ra. Tôi nhớ lại từng li từng tí những sự việc tưởng đâu như đã chết không còn bao giờ quay trở lại; tôi tự hỏi không biết vợ con bây giờ no đói như thế nào, sống chết ra sao và tôi cố vẽ lại trong óc những đường lối đi về ngày trước, căn nhà Pháp Vân, vợ chồng con cái, cứ chiều thứ Bảy thì về đó nghỉ ngơi, có khi hợp nhau lại cầu cơ và xin thơ giáng bút.

Vào khoảng nửa đêm, gió thổi mạnh, kêu vù vù như gió mây ở Bắc. Lá cây y lăng đập vào nhau rào rào. Dưới bóng mờ của ngọn đèn đêm, tôi lấy một tờ giấy và cây viết ra định làm một bài thơ "Nhớ Nhà" nhưng nghĩ mãi không ra tứ lạ, tôi tiện có giấy bút đây vẽ bậy một hình đàn bà, vừa vẽ vừa ngâm lớn mấy câu thơ cũ:

Vạn Lí bi tha thuồng tác khách
Bách nhiên đa bệnh độc đăng đài
Gian nan khổ hận phồn sương mấn
Lạo đỏa tân đình ngọc tử bôi.

Muôn dặn thương thu, làm khác trọ
Trăm năm nhiều bệnh, dạo dài chơi
Sương in mái tóc đầy gian khổ
Nghiên ngã ngừng nâng chén rượu ôi. (Bản dịch của Trần Ngọc San)

Bốn bề im lặng. Ngọn đèn để đêm cháy mù mù như một con mắt chột kèm nhèm. Đặt bút xuống nhìn hình người đàn bà vừa nghệch ngoạc xong, tôi chột dạ trong một thoáng vì không hiểu tại sao cái đầu người đàn bà tôi vừa vẽ lại giống y hệt cái hình tôi lồng trong khung treo trên tường.
Tự nhiên tôi rùng mình, ngoảnh mặt đi không còn muốn nhìn cả bức hình treo lẫn bức vẽ nằm ở trên bàn viết. Thì chính giữa khi ấy tôi nghe thấy có tiếng dép đi khe khẻ ở cầu thang, sau khi cái cửa ở nhà dưới kêu két lên một tiếng mơ hồ. Tôi hỏi:
- Ông Yên mở cửa đấy à?
Không có tiếng trả lời.
Tôi ngồi im không động đậy, đầu óc tôi tỉnh táo lạ thường. Chiều hôm đó tôi không uống rượu, không ăn no, không nhức đầu. Mắt tôi nhìn tin tường hết sức, có lẽ còn hơn cả bây giờ tôi đang nhìn ông, ông Ômya à…Tôi nhìn ra phía cầu thang và hỏi khẽ:
- Ai lên đó?
Tôi hỏi như thế là vì ở chỗ cầu thang lên phòng ngủ của tôi ở trên gác, lúc bấy giờ có một hàng chấn song cao làm bằng cây, treo một bức màn hoa. Kế đó là một cái cửa ra vào lắp kiếng mờ, thường đóng để cho đỡ bụi mà cũng là để cho cửa nhà kín đáo lúc đêm hôm.
Lúc ấy, trời khuya lắm. Tôi nghe rõ tiếng các bật thang cũ kỹ kêu óp ép một giây rồi sau đó, mặc dầu ngồi ở trong gác không nhìn được ra ngoài cầu thang, tôi thấy rõ rệt một người bước lên thong thả và rất nhẹ. Kỳ! Ai vậy? Mà tôi hỏi lại không trả lời? Có một lúc tôi ngỡ là ông Yên lên có việc gì, nhưng trong giây lát, tôi biết ngay là không phải. Tại sao? Tôi cảm thấy như thế, còn hỏi tại sao thì tôi không có cách gì để trả lời.
Tiếng dép đi khẽ trên sàn gần hơn một chút, gần hơn một chút. Từ ngực ra phía sau lưng tôi tự nhiên lạnh toát. Tóc ở gáy tôi không dựng đứng lên như người ta vẫn tả trong trường hợp gặp chuyện gì sợ hãi, nhưng rung động khe khẽ và làm nhột ở cổ một cách khác thường. Chính trong lúc bối rối chưa biết sử sự ra sao (chạy ra mở cửa xem sao hay cứ ngồi yên mà chờ đợi?) thì cái cửa kiếng đi xuống cầu thang mở ra từ từ êm ru, tuyệt nhiên không nghe thấy một tiếng động nhỏ nhoi nào hết. Tôi dồn hết sức mắt để nhìn: cái cửa kiếng tự nhiên mở ra thật; ở ngoài tối như bưng; một ngọn gió lạnh tê tê hiu hắt tạt vào phòng trong, chỗ tôi đang ngồi.
Tim tôi đập, đập như trống trận. Trong nháy mắt máu dồn lên cả thái dương, nhưng tôi cố ngồi yên và cố giữ bình tĩnh như không có chuyện gì xảy ra. Những chuyện ma chọc người, ma không nhát được những kẻ sĩ tâm hồn cứng rắng, ma muốn thế nào cũng không hại được những người ăn ngay ở thẳng…mà ông bà, cha mẹ vẫn kể cho tôi nghe lúc tôi còn nhỏ và đã nhiễm vào trong tim óc tôi và thành ra một chất đặt biệt hòa vào trí óc, huyết mạch, da thịt tôi rồi.
"Ngày xưa tại một bảng thượng du có một cây bàng xum xuê thường hay có ngươi đến thắt cổ ở trên cành, người ta đồn rằng có ma ở đấy.
Tại xóm ấy có một người học trò hay chữ tên là Lê Quý đêm nào cũng thắp đèn học đến tận sáng mới đi ngủ. Láng giềng có một người đàn bà còn trẻ cũng thường hay thức đêm để dệt cửi.
Một đêm vào khoảng cuối canh hai, trời sáng trăng suông mờ mờ, người học trò nghe có tiếng sột sột bên ngoài, mở cửa sổ trông ra thì thấy bóng một người đàn bà tay cầm một khúc dây chừng ba bốn thước đang giấu quanh dấu quần, để chỗ này rồi đem chỗ khác, như sợ có người biết, rồi sau cùng đến bỏ vào đóng rơm mà đi. Người học trò đem đèn ra soi, lấy cái dây thấy mùi hôi tanh, đoán chừng là của con ma thắt cổ, liền đem vào để trên án thư, lấy kinh sách đè lên rồi đóng cửa ngồi chờ thử xem ra làm sao…"
Tôi cũng ngồi chờ thử xem ra làm sao, theo đúng tinh thần bất úy, bất khuất của người học trò trong truyện cổ.
Thế rồi cái cửa kiếng mở rộng: một cái bóng bé nhỏ mặc áo rộng và dài đi dép rất êm, hiện mờ mờ rồi rõ dần dần trong khuôn cửa. Một điều rất kỳ lạ nẩy ra trong óc tôi lúc đó, và chắc chắn không ai có cách gì thấu được: thay vì nghĩ: Ủa! Ma à!" tôi lại nhớ ngay đến một câu Kiều, đoạn Kiều gặp Đạm Tiên hôm đi tảo mộ về:
Sương in mặt, tuyết pha than
Sen vàng lững thững như gần, như xa.
Quả đúng như thế. Cái bóng hiện ra ở trước mặt tôi lúc đó quả đúng y như thế. Sau khi đã nghĩ như thế rồi, tôi mới nhìn kỹ cái bóng đương tiến nhẹ như

hơi gió đến trước tôi… Đó là một người đàn bà không có tuổi, bới tóc cánh tiên, có một dáng điệu phong lưu tuyệt trần. Mặt bà hình trái soan, mọng và đỏ thắm, hai con mắt sáng và dài, nhưng toàn thể thì có vẻ xanh xao, mệt mỏi, chán nản không thiết tha gì hết.
Cái bóng tiến thêm lên một chút nữa.
Tôi nhìn kỹ hơn thì thấy ở chung quanh mắt bà có một quầng thâm, không linh động, nhìn thẳng phía trước mặt không mục đích mà đôi môi, măc dù mộng và đỏ thắm nhưng không có lúc nào hé mở, trái lại luôn luôn mím chặt. Ở hai bên má, có hai hàng nếp nhăn lờ mờ.
Tôi nghĩ thầm: "Có lẻ là ma chớ không phải người". Và tôi tự lý luận với chính mình trong một giây: "Phải bằng người thì bằng xương bằng thịt, chứ đằng này mờ mờ nhân ảnh như là khói sương. Thêm nữa, mình đóng cửa, người thường vào sao được, phải là ma mới biến thẳng vào đây thong thả như thế này!".
Trong khi tôi nghĩ như thế, cái bóng đàn bà ấy lừ lừ lại gần, ngồi xuống cái ghế ở trước mặt tôi, cuối đầu chào một cách lạnh lùng rồi lặng im không nói gì.
Tôi lại nghĩ thầm: "Đích là ma rồi. Mình phải can đảm đối phó thì ma nó sợ, chớ la lên hay chạy thì nó nhát và đuổi theo bóp cổ, hớp hồn mình chết".
Tôi bèn thu hết cả lòng can đảm của tuyệt vọng, hỏi rất lớn (nhưng chính ra thì lì nhí ở trong miệng, không rõ rệt từng câu chữ):
- Thưa bà, có việc gì mà lại hạ cố tìm tôi vào giữa đêm khuya như vậy?

Chương Chín

Nghe câu chuyện đến đây, ông Ômya vùng đứng lên, tiến lại cạnh tôi và nói:
- Tôi nói câu này có điều gì không phải, xin ông tha lỗi. Rất có thể là ông không bằng lòng và cho tôi là người thiếu lễ độ với một ông bạn nhất kiến vi kiến, nhưng nếu tôi không hỏi cho ra lẽ, tôi băng khoăn trong bụng không chịu nổi.
- Không sao mà…Ông bạn cứ hỏi.
- Ở nước tôi, các ông già, bà cả, nhà thơ, nhà văn vẫn thường nói về…nhưng quả là chính mắt tôi chưa từng thấy ma quỷ bao giờ cả.
Tôi cũng không sợ ma quỷ như ông bạn, và tôi muốn được thấy ma quỷ một lần, một lần thôi cũng đủ, vì thấy ma quỷ hiện về, đối với tôi là một cái gì rất thơ mộng, rất thú vị…
Dám xin hỏi ông bạn, có thật chắc chắn là cái bóng đàn bà hiện ra, ngồi ở trước mặt ông, và nói với ông chớ không phải là ông tưởng tượng, không phải là ông nghỉ ngợi nhiều quá rồi ý nghỉ đó thành hình và diễn ra ở trong óc như sự thật, rồi truyền xuống mắt để mắt cung nhìn thấy y như thật?
- Tôi không phải nghĩ ngợi lôi thôi gì cả. Xin trả lời ngay. Tôi ngồi nói với cái bóng ấy như tôi với ông bây giờ vậy, chỉ khác có cảnh trí mà thôi: bây giờ có tiếng động mà lúc ấy thì im vắng không có tiếng gì; bây giờ sáng của mà lúc ấy thì tối tăm; bây giờ tôi trông rõ mọi vật đằng sau lưng ông, nhưng lúc ấy thì không thấy gì hết, không thấy cả bối diện của bóng đàn bà ấy.
Nhưng cái bóng ấy nhất định là có thật, tôi không bày đặt ra làm gì.
- Ông hỏi thế, cái bóng ấy có trả lời không hay chỉ có hình có bóng ngồi đấy rồi biến đi? Theo khoa học bây giờ, tôi tin chắc là không nói được.
- Khoa học khám phá được rất nhiều bí mật hiện nay và chế tạo được rất nhiều máy móc kỳ lạ y như phép tiên mà ta vẫn đọc thấy trong những truyện Tây Du, Phong Thần, Bát Tiên Quá Hải… Một ngày kia, người ta có thể chế tạo ra được ma quỷ, âm binh, thần tướng, nhưng hiện nay khoa học chắc chắn là chưa giải thích nổi sự kì lạ vô biên mà ông vừa hỏi tôi.
Ông tin chắc cái bóng ma đó nói không được? Thế là ông lầm rồi! Cái bóng đàn bà ấy ngẩn đầu lên chút nhìn tôi. " Hổng rồi! Câu mình vừa nói làm phật ý bà này". Tôi nghĩ thầm như vậy và tay tôi nắm chặt lại sẵn sàng. Phải, tôi sẵn sang vớ con gấu đồng dung để chặn giấy ném lên người khách lạ mà tôi không hề mời đến nhà tôi chơi lúc đêm hôm khuya khoắt, nếu bà ta có một cử chỉ gì khả nghi hay nói xấu một câu xúc phạm đến tôi.
Tôi lầm. Nói ông tha lỗi, lúc còn trẻ tuổi và cả ngay bây giờ nữa tôi quen biết đã nhiều bà, nhiều cô, nhưng thật tình chưa hề được nghe thấy một giọng nói nhỏ nhẹ, êm ái, mơ mộng đến như thế bao giờ. Sự khiêm nhường cùng với tư cách và lễ độ tiết ra những câu nói của bà làm cho tôi quý trọng liền.
Bà khách lạ trầm ngâm một giây lâu nữa. Rồi bà nhếch đi một chút trên ghế. Cái bóng trắng mờ mờ như sương mù một buổi sáng mùa đông mỗi lúc lại thay đổi đi một chút, có lúc lớn hơn, có khi to thêm ra, lại có lúc thu nhỏ lại, như một cái xác chết liệm trong vải trắng. Một lúc sau, lại trở lại nguyên hình khi mới tới.
"Đúng rồi. Đúng là một con ma!"

Nhưng con ma này muốn gì chớ? Sao hỏi mà không thấy nói gì? Ngờ rằng cái bóng không nghe thấy câu hỏi của tôi hoặc nghe thấy mà không nói được ra lời, tôi lập lại câu hỏi để xem trong hai giả thuyết, giả thuyết nào đúng. Một lát sau, cái bóng mới chậm rãi nói, y như thể nói một mình, để cho chính mình nghe vậy. Bà ta nói bằng tiếng Huế:
- Ngay khi thầy mới dọn đến ở đây, tôi đã hay rồi, nhưng chưa đến thăm ngay vì nhà cửa còn bề bộn, công việc chưa yên, cho nên không dám khinh động thầy. Đêm nay, thấy thầy ngâm thơ, biết là thầy đã rãnh rỗi nên tôi mới đến thăm, trước là để chủ cũ chủ mới căn nhà này làm quen với nhau, sau là để yêu cầu thầy chấp nhận cho tôi được lui tới nơi đây dọn dẹp quét tước vườn tược cửa nhà, may ra nhờ đó mà kiếm được một ít đồ vật đã mất trước đây.
"Đồ vật gì? Mà đồ vât gì mất trước đây?" Tôi tự hỏi nhưng không nói ra, cứ lẳng lặng nghe bà ta nói.
Bà nói tiếp:
- Nhiều lắm, đồ vật nhiều không kể siết, chính tôi cũng không biết số lượng là bao nhiêu.
Tò mò quá, không chịu nổi, tôi bèn hỏi:
- Nhưng đồ vật gì, mệ có thể cho tôi biết được không?
Nhưng không để tai đến câu hỏi của tôi, bà cứ nói tiếp, và càng nói tôi lại càng không hiểu.
Trong một thoáng, tôi cảm giác con người ta lúc chết đi mà cái hồn hiện lên được ở dương trần thì không còn minh mẫn, như lúc sinh thời nữa. Hoặc là lúc sống, chính thần kinh của bà ta đã không được thăng bằng rồi cho nên lúc mất đi, những lời do cái bóng bà phát ra không có mạch lạc mà gần như vô nghĩa lý. Bà nói tiếp:
- Phải, nhiều vô số kể, thầy à. Chẳng thế, họ lấy một lần không hết mà phải lấy bốn năm lần đem đi ấy là chưa kể bao nhiêu thứ khác mà họ đập phá, họ giày xéo, họ lấy dao, lấy búa, lấy kiếm, lấy gươm ra đập cho tan nát. Riêng những cái miếng còn sót lại cũng đầy cả ba gian nhà này, mà cao ngang đầu người!
"Ngót hai chục năm nay tôi đã đi khắp sông ngòi đồi núi, tôi đã đi khắp đầu chợ cuối thôn để tìm mà không thấy một món nào…Chẳng biết làm sao, tôi đành phải đi tìm những miếng còn sót lại ở đây để gom góp lại đem về nhắm nghía cho khuây khỏa nỗi tương tư bởi vì trình với thầy, tôi tương tư những món đồ vật ấy thật tình; không có, tôi thấy cái kiếp con người hoàn toàn nhạt nhẽo, hoàn toàn vô nghĩa".
Càng nghe càng không hiểu bà ta định nói gì, tôi kết luận thầm trong bụng: "Nhất định con ma này là con ma điên".
Tôi chán quá, không buồn hỏi nữa, nhưng vẫn tò mò muốn nghe hết những lời bà ta nói tiếp, hy vọng sẽ tìm thấy trong những lời đó có một câu gì giúp tôi hiểu được câu chuyện của con ma kỳ dị. Nhưng nghe cho đến hết, tuyệt nhiên tôi vẫn chẳng hiểu một tí một li gì cả. Đồ vật là đồ vật gì mà nhiều vô số kể? Mà cái gì lại có những cái miếng đầy cả ba gian nhà?
Tuy nhiên, vì kính nể bà nói năng lịch sự, cư sử phong lưu tao nhã, tôi làm ra vẻ hiểu biết câu chuyện của bà vừa nói, gật đầu ra ý tán thành triệt để ý định của bà vừa nói.
- Tôi cảm thong nỗi khắc khoải của bà. Đi kiếm tìm như thế là đúng lắm. Phải địa vị tôi, tôi cũng làm như thế. Vậy đã lấy tình thân đối xử nhau, xin bà cứ tự nhiên như ở nhà bà. Tôi xin chúc cho bà toại ý.
Cái bóng trắng khẽ cuối đầu xuống cảm ơn:
- Ngay trước khi thầy dọn đến ở đây, tôi đã biết thầy rất tốt bụng và rất hiểu biết. Tôi biết thầy không xua đuổi tôi, để cho tôi tự do đi lại tự do tìm kiếm đồ vật đã bị mất trước mát trước đây, tự do quét dọn để thu lượm những miếng còn sót lại, chớ nếu phải người khác thì ít hy vọng lắm. Nếu họ không nguyền rủa, chửi bới thì cũng tìm các cách lấy bùa trú ếm để cho tôi không vào được bên trong.
- Tôi xin cảm ơn ông thầy lần nữa và hứa sẽ tìm các cách để xin chư thần liệt thánh phù hộ cho thầy được phúc trạch dồi dào, may mắn về nhiều phiên diện.:.
Nghe đến đây, tôi chợt nhớ một điều dự định cả tuần nay mà vì nghì ngợi long bong "những cái gì ở đâu" nên quên khuấy mất. "Phải rồi, mai sáng ta phải ghi vào cuốn sổ lịch để ở trên bàn mới được: lập ngay một bàn thờ tiền chủ, một bàn thờ thổ địa và sửa một lễ tân gia".
Có lẻ cho rằng ngồi trò chuyện như thế cũng đã lâu lắt rồi, cái bóng trắng lại cựa mình lớn hơn một chút. Ở bên cạnh, có một vật gì trắng, mờ mờ và trong suốt rung động như một hơi khói. Bà khách lạ nói tiếng Huế đứng lên, cúi đầu chào tôi lần nữa. Cánh cửa tự nhiên khép lại từ từ lại đàng sau cái tà áo mơ hồ.
Tôi nghe thấy tiếng sàn gác rung lên như cánh con chuồn chuồn. Thế rồi, tất cả lại trở lại im lìm như trong thế giới hỗn mang.

Máu dồn lên thái dương làm cho đầu nhức như búa bổ. Một cảm giác lạ lùng chuyển đi khắp người tôi và gâm nhấm linh hồn như con một nghiến gỗ. Tôi vừa sợ mà lại vừa bực tức, càng nghĩ càng không hiểu câu chuyện bóng ma khi nãy.
"Được rồi. Chắc nó muốn thử ta đây, nhưng nói cho mà biết, ta không có ngán. Ta chịu trận và sẽ chịu trận mãi cho tới khi nào con ma áo trắng phát ngán mới thôi".
Cứ nghĩ lan man như thế, tôi ngủ thiếp đi đến lúc nào không biết. Sáng hôm sau, tôi gọi ông Yên hỏi:
- Đêm qua, đi ngủ, ông có đóng cửa cẩn thận không ?
- Ông khỏi lo. Bao giờ tôi cũng cài then kỹ và khóa hai lần. Có chuyện gì không?
- Không. Tôi hỏi thế thôi. Ông ngủ như thường. Tôi cũng vậy.
Từ thuở bé, tôi vẫn thường hay nói dối, nói dối không có ích lợi gì nhưng cứ nói dối chơi. Lần này tôi nói dối là để lạc hướng ông Yên, cho ông ta không hay biết gì về chuyện cái bóng ma trò chuyện với tôi ở trên gác đêm trước. Tôi không muốn cho một người nào biết chuyện đó cả.
Buổi trưa, tôi uống rượu thật say, ngủ một giấc thật kỷ, đến chiều dậy ăn qua quít một mẩu bành mì với thịt nguội rồi ngồi chờ tối, sau khi đã đưa tiền cho ông Yên đi ra phố mua hai cái bàn thờ đóng sẵn cùng với cây đèn, lư hương và bài vị để đem về thờ tiền chủ và thổ địa.
Tôi lại dặn ông đi hỏi thầy cẩn thận xem hôm nào tốt để sửa một lễ tân gia:
- Ăn tân gia ở nhà hàng không được. Phải ăn ở nhà. Mà nhà mình lại không đủ nồi niêu, soong chảo, bát đĩa, tôi nghĩ rằng ông nên đi kiếm một nhà hang nào ở Sài Gòn hoặc Chợ Lớn đặt thì hơn. Tôi tính mời độ mười lăm người, ông liệu đấy.
Chừng mười hai giờ đêm, tôi xức dầu thơm vào đầu vào mặt cho tỉnh táo rồi ngồi ở ghế viết lăng nhăng một bài báo người ta đặt viết.
Tôi viết chưa được một trang giấy thì cầu thang kêu cót két khe khẽ rồi có tiếng dép đi lên, cánh cửa kiếng lại tự động mở ra và cái bóng ma lại hiện ra như đêm trước.
Nhưng lần này không ngồi lại ở bàn nữa mà cứ đi quanh đi quẩn lại ở bên ngoài, cúi đầu nhìn hết chỗ này đến chỗ kia, có khi kại ngồi xuống giơ hai bàn tay trong suốt ra bới một cái gì bí mật ở khe tủ, gầm bàn. Thế rồi khi không cái bóng đứng thẳng lên trèo thang gác êm nhẹ xuống dưới nhà hồi lâu. Tôi đang tưởng nó biến đi thì bỗng đâu lại hiện ra ngồi sụp xuống tìm kiếm nữa… mà tuyệt nhiên tôi không thấy đồ vật gì hết trọi.
Phải nói thực, ngạc nhiên hết sức, ngạc nhiên đến mức khó chịu, không hỏi không thể yên tâm được:
- Bà có kiếm được gì không?
- Chẳng có gì hết, thầy à. Chỉ có một ít miếng thôi, nhưng có một ít miếng gom góp lại để ngắm cho đỡ thèm cũng còn hơn là không có gì phải không thầy? Vẫn chẳng hiểu gì, tôi cứ gật đầu tán thành câu nói. Bà khách lạ chép miệng, ra vẻ buồn hết sức"
- Một triệu lần như thế này bây giờ thâu lượm lại chỉ được một phần. Mà tôi tìm kiếm mấy năm nay rồi chớ có phải là ít đâu. Thầy xem, tôi bắt cả con cháu cùng đến tìm kiếm vời tôi mà củng chẳng hơn gì cả.
Tôi ngạc nhiên hỏi:
- Cháu nào? Con cháu nào? Tôi có thấy đâu?
- Kìa, nó đứng ở cửa sổ, đang kiếm ở ngoài hành lang hiên mà thầy không thấy à?
Chân tay tôi lạnh toát. Tôi không dám quay hẳn mình lại. Chỉ ngoẹo cái đầu về phía cửa sổ để nhìn thì thấy một hình mờ mờ mà trong suốt đứng quay lưng lại phía tôi, nhìn ra ngoài gác sân (vì cái gác của tôi ăn ra một cái sân nhỏ để khi nào có trăng thì tôi kê một ghế bố ra nằm chơi nhìn trời).
- Đây là cháu gọi bằng dì. Nó tên là Phương Thảo.
- Xin lỗi bà nói tôi mới nhớ. Tôi có một cái tội được bà đãi là chỗ quen biết mà đến bây giờ vẫn chưa được biết đến quí danh. Thêm nữa, tôi có một điều muốn trình bày: tôi đã cho làm một bàn thờ thổ địa và một bàn thờ tiền chủ. Nếu bà thấy không có gì bất tiện thì cho tôi biết quí danh để tôi ghi lên bài vị. Như thế, tôi nghĩ là cái tình nó có vẻ thân hơn mà mỗi khi tôi muốn lễ bái, cầu khẩn gì cũng tiện. Ông làm thế thì có hơi kiểu cách, nhưng lòng của một người ở cõi dương ăn ở với một người ở cõi âm đến như thế, quả thực là chu đáo. Cháu tên là Phương Thảo, còn tôi là Mệ Huyết nhưng gì bà sơ tôi trùng tên ấy nên gọi trếch ra là Hoát. Tôi là Mệ Hoát.
Chính giữa lúc bà khách vừa nói đến đây thì người cháu tên là Phương Thảo quay lại nhìn về phía tôi.

Chương Mười

Bây giờ, không phải là tôi mời rượu nữa, mà chính ông Ômya lại rót rượu mời tôi uống.
- Chuyện của ông lạ lắm. Tôi phải uống để thưởng thức. Thế thì tại sao lại còn một con ma nữa hiện ra để làm gì? Tôi không còn hiểu ra thế nào…

- Thưa ông Ômya, chính tôi sống cái chuyện ấy tình đến nay đã ngót hai chục năm trời mà cho đến tận hôm nay tôi vẫn không hiểu, huốn chi ông.
Luôn mấy năm trời tôi suy nghĩ và tìm một ý nghĩa, tôi tìm hiểu xem người đàn bà Huế ấy tìm kiếm cái gì và tại sao lại cùng đi với một cô cháu gái tên là Phương Thảo, nhưng vô ích. Luôn mấy năm trời, tôi đi hỏi thăm những người ở khắp vùng Chợ Quán, nhưng một phần vì những người ở đó là người mới đến đây cư ngụ, mà còn trẻ tuổi nên không thể biết; một phần vì những người có thể biết chuyện lại mệnh một hay là đi xa rồi tôi nên đành chịu, rồi dần dà cũng quên đi, không lưu ý nữa.
- Thế hai cái bong ma ấy có còn hiện lên không?
- Có. Nhưng không hiện liền như trước nữa. Đó là chuyện sau, rồi đây ông sẽ biết. Trở lại nỗi thắc mắc của tôi. Dần dần tôi cung quên đi không nhớ đến hai con ma ấy nữa thí tự nhiên ở đâu ông tới hỏi tôi về ông Tokubê tức Trần Hữu Lăng.
- Ủa, ông Tôkubê cũng dính tới vụ này sao?
- Có chứ. Nhưng ông cứ yên tâm, nghe cho có đầu đuôi mới được. Vậy chính lúc Mệ Hoát (từ đây gọi bóng ma sắc trắng đó là Mệ Hoát), nói đến đây thì Phương Thảo (cái bóng ma đứng ở cửa sổ nhìn ra ngoài gác sân) quay lại nhìn về phía tôi.
Trái với Mệ Hoát, Phương Thảo không có một hình sắc rõ rệt. Toàn thân nàng trong vắt, mặc dầu có một lớp gì tựa tựa như sương mù bao phủ lấy cái áo dài màu lòng chanh của nàng.
Mặt mũi, đầu tóc chỉ mờ mờ thôi, còn cặp mắt thì đờ ra như người mất hồn, tuyệt nhiên không có một tí tinh thần nào cả. Nhưng nàng có một điểm rất kỳ: mặc dù lúc ấy nàng đứng xa tôi đến ba bốn bước; từ cái thân thể trong suốt của nàng, tôi thấy tiết ra một mùi thơm mát thoảng ra, làm át hết cả mùi hương của hoa y lăng bay vào trong căn gác nhỏ. Mùi thơm ấy vuốt ve mặt tôi, vướng vít tóc tôi, trìu mến tôi.
Tôi tưởng như nghe thấy một tiếng thở dài khe khẽ. Tự nhiên, toàn thân tôi run lên một cách kỳ lạ vừa đau nhói mà lại vừa như khoan khoái. Tôi làm bộ nhìn trang giấy mà tôi viết dở, nhưng thật tình tôi có thấy chữ nào đâu.
Ấy là vì mùi thơm tiết ra từ Phương Thảo ra mê li quá, huyền ảo quá, làm cho tôi cảm thấy say như một người nghiền say á phiện: mắt vẫn mở và nhìn rõ ràng được những sự thật ở chung quanh nhưng trí óc thì lại vật vờ như bay lên cao lắm, bay đi xa lắm…
Ngửng mặt lên, tôi bỗng nhiên thấy ngời lên ở trước mắt một bộ mặt diễm kiều bao phủ trong một mớ tóc xanh mướt như đêm thu; đôi môi óng ánh hồng hé mở như van xin; còn cặp mắt thì long lanh một nỗi sầu khôn tả.
Lúc ấy Mệ Hoát lại cuối xuống tìm kiếm ở chân tường. Mặc dầu không trông thấy, tôi cảm giác rằng cái tối tăm ở bên ngoài lúc đó đặc quánh lại như có thể lấy dao mà thái ra từng khúc. Không có một tiếng chim, một tiếng lá rung cành, một tiếng lau tiếng lách rì rào trong gió. Mà cái bóng của Phương Thảo thì đứng im lìm trước mặt tôi, phản ánh lên trên tường gác như một ngôi sao hiện lên trong sương mù phương đông.
Không bao giờ, không bao giờ cõi đời này có thể tạo được một cái gì linh thiêng như vậy, tuyệt vời như vậy. Không bao giờ cái chết lại có thể hái đi một cái gì tràn trề một sự sống mãnh liệt và thiết tha như vậy. Không, Phương Thảo không phải là một con người ở trên mặt đất thô lậu này mà chính là màu sắc, là ánh sáng thay vì vóc dáng và hình thái; đó là một hơi thở ấm áp, du dương thay vì máu huyết; đó là tư tưởng thay vì tình cảm. Mà đó cũng không phải là một bóng ma giả dối và rỗng không bởi những nét mờ mờ, những dáng dấp mờ mờ ấy tiết ra sự mê li cấp bách, sự ham muốn, buồn rầu, đau khổ, xót xa, yêu đương, sợ hãi, ước mong; đó là những cái đẹp bao la tuyệt diệu mà ta vẫn thường tưởng tượng ở trong tâm óc khi còn trẻ, một trong những cái đẹp mà trong những giấc mộng não nùng, say sưa, nồng cháy mà ta vẫn quỳ xuống để hôn, ta vẫn ôm mặt khóc rồi cười, rồi lại cảm ơn trời, rồi lại khóc vì sợ có một ngày cái đẹp ấy mất đi.
Tôi không thể nào giải thích được nỗi cảm xúc lúc bây giờ, nhưng bắt đầu từ bấy giờ trở đi tôi coi hai cái bóng ma ấy như thể người nhà. Không có gì biệt âm dương, không sợ hãi; hơn thế nữa lại coi việc Mê Hoát và Phương Thảo đêm đêm đến tìm kiếm đồ vật ở trong nhà tôi như một việc rất tự nhiên.
Mệ Hoát dường như cũng cho việc đi lại, lên xuống căn nhà này là bình thường nên lần lần không còn sự giữ gìn e ấp như buổi ban đầu nữa, mặc dù lúc nào mệ cũng vẫn giữ nguyên giọng nói, tiếng cười và những cử chỉ của con người phong lưu, đài các.
Có đêm, mệ tự cầm lấy cây chổi quét nhà rồi gom lại thành đống rồi ngồi sụp xuống bới tìm; lại có lần mệ duỗi chân ra cho thân cao mãi lên, cao mãi lên để được lục lọi cả trên đầu tủ, xích đông mà khỏi

phải đứng lên trên ghế đẩu.
Một người sống cần cù nhất cũng chỉ có thể làm lụng siêng năng đến thế là cùng.
Tôi tự nghĩ hẳn Mệ Hoát mất những đồ gì quý lắm, hiếm lắm cho nên mới khổ công tìm kiếm vất vả công phu như thế, chớ phải chi là đồ vật thường thường thì đâu lại có phí phạm ngày giờ, lao tâm lực tìm hết đêm này sang đêm khác như thế bao giờ.
- Ờ, những đồ vật ấy là gì vậy?
Tính ra tôi đã hỏi mệ hai lần rồi, nhưng không thấy đáp cho nên từ đó tôi không hỏi nữa. Hỏi nữa mệ có thể là cho tôi tò mò, dò dẫm và do đó liệt tôi vào hạng người "không sự thể" là điều tôi không bao giờ muốn như vậy, dù là đối tượng với người đã mệnh chung.
Tuy nhiên nói như vậy không phải là bảo rằng đêm đêm Mệ Hoát hiện lên không năng nói chuyện với tôi. Tất cả chuyện của mệ, y như buổi ban đầu, tôi nghe mà không hiểu gì hết, nhưng vì thấy tôi gật đầu, ra vẻ hiểu biết và tán đồng, mệ cứ nói, cứ nói để cho mệ hiểu một mình.
Phương Thảo thì trái hẳn. Tính từ đêm tôi thấy lần đầu,nàng chỉ nói có ba câu ngắn ngủi không rõ ràng, y như thể một người bị nghẹn ngào, tức tưởi, nhưng mùi thơm tiết từ thân thể trong suốt của nàng lúc nào cũng tỏa ra ngạt ngào mà hình như mỗi đêm lại ngào ngạt mê li hơn một chút.
Mỗi đêm, tôi ngồi viết, nhưng ít khi viết được thành văn, mà ví có thành văn đi nữa cũng chẳng có hay ho gì. Trái lại, mỗi đêm, tôi lại được chiếm ngưỡng đôi mắt, nụ cười của Phương Thảo đôi mắt nụ cười mà tôi dám hy sinh tất cả ở trên đời này để đổi lấy – dù chỉ trong giây phút. Quả đến lúc bây giờ tôi mới hiểu tại sao trên đời này bao nhiêu công hầu khanh tướng, bao nhiêu liệt sĩ, trung thần, bao nhiêu danh nhân, cao sĩ, lại có thể hy sinh công danh, phú quí vì một đôi mắt, vì một miệng cười tươi, mà khi chỉ có một nét nhăn trên mặt, một lời nói đong đưa, nhõng nhẽo, một giọt lệ chảy trên gò má thương thương.
Không Ông Ômya, ông phải thành thật thú nhận với tôi rằng chiến đấu cho một lý tưởng, cho một chủ nghĩa, cho một dòng họ, nhiều khi cũng say sưa hấp dẫn, nhưng sống theo tôi lúc bấy giờ, hàng đêm chung sống với những cái bó ma hiền lành tử tế không bao giờ hại tôi mà lại phù hộ cho tôi, đời sống như thế còn thi vị, mặn mà và còn đẹp đẽ hơn cả đời sống thực tế rất nhiều, phải không ông?
Một tháng, hai tháng trôi qua, tôi thấy không cần phải dấu diếm gắt gao như những buổi ban đầu nữa. Trong những lúc ngà ngà chén rượu, lâng lâng trong lò tôi đem câu chuyện ấy ra tâm sự với vài ba bạn nhậu. Không một người nào tin cả. Tôi mời họ một hôm nào đó đến nghỉ đêm ở nhà tôi để xem tôi đặt điều hay nói thực thì người nào cũng tìm cớ khước từ, riêng tôi có một người ưng chịu.
Đến đây người bạn của ông là Tôkubê mà tôi quen biết với cái tên Việt là Trần Hữu Lăng, ra trò.

Chương Mười Một

- Ông nói thế nghĩa là Tôkubê có dính líu trực tiếp đến vụ này sao?
Ông Ômya nhìn tôi với cặp mắt tò mò, hỏi như vậy. Qua câu hỏi đó thì tôi nghe rõ thấy có một vẻ khó tin.
Ông cứ để cho tôi kể nốt, còn tin hay không tin – tôi đã trình bày với ông rồi - tin hay không tin cái đó là tùy ông.
"Điều đó, ông khỏi cần nhắc lại nhưng bảo là tin có ma, chưa chắc tôi đã tin hẳn, mà bảo là không tin thì tôi xin cải chính đến cùng".
Riêng tôi thì nhất định nghĩ rằng người ta chết đi, cái linh hồn không chết, chỉ có thể xác chết đi. Hỏi tại sao quyết đoán như thế, tôi chịu, nhưng bản than tôi đã hai lần kinh nghiệm như thế rồi. Cái linh hồn ấy có thể hiện bằng nhiều cách, dưới nhiều hình thức khó nhau.
"Người ta gọi là ma, là quỉ, là hồn, là gì gì cũng được nhưng tựu trung thì âm dương vẫn cảm thông được với nhau, người chết không phải tuyệt được hết liên hệ với người sống yên ổn với những hồn oan nó theo mình báo oán, còn người làm điều thiện thì không những dương trợ mà âm còn phù (hộ), nếu họ không được sung sướng về vật chất như ai thì ít ra tâm hồn cũng đọc thư thái, không lo âu sợ hãi một ngày kia bị hồn oan trả oán.
"Nhưng tại sao bạn tôi, là Tôkubê lại dính líu đến vụ hai cái bóng mà ông đương nói chuyện? Lúc nãy nghe thấy ông nói, tôi suy nghĩ rất nhiều. Tôi tự đặt ra nhiều giả thuyết nhưng vẫn không có cách gì đoán được. Nghe nốt câu chuyện của ông, tôi hy vọng sẽ tìm ra được lý do…
"Tôi hồi hộp lắm, nhưng tôi xin ông một điều: kể đến đây, câu chuyện bắt đầu gây cấn ít ra đối với tôi. Tôi xin ông ngưng lại, để đến mai kể tiếp vì tôi còn ở đây lâu ít nhất là vài tuần lễ. Tôi mong ông sẽ đãi tôi vào hạng bạn như ông đối với Tôkubê ngày trước, cho tôi được đến đây hỏi thăm ông mạnh

khỏe và trò chuyện với nhau.
"Tôi muốn ông ngưng câu chuyện ở đây, bởi vì thú thật là nghe ông kể tôi hồi hộp quá. Tôi muốn nghỉ để ghi câu chuyện và suy nghĩ vì tôi tin rằng mai đây, được nghe kể tiếp, câu chuyện của ông sẽ tạo cho tôi nhiều thú vị, hồi hộp hơn và tôi sẻ đủ sức minh mẫn để mà lãnh hội từng ý kiến, thấm nhuần từng chi tiết".
Chiều hôm sau, ông Ômya đến tìm tôi vào buổi chiều, đem theo một chai rượu sakê cùng với một bịch gỏi, mắm ruột cá và một thứ bánh vỏ bằng nếp mà nhân bằng đậu đen.
Ngồi uống với nhau một cách rất trịnh trọng ở gác sân, ông Ômya hỏi tôi:
- Bây giờ ban đêm hai cái bóng trắng có còn hiện lên thường thường nữa không?
- Đã có lần tôi nói với ông rồi thì phải. Ít lâu nay, nó ít hiện thường như trước.
- Ông có nghĩa tại sao lại có sự thay đổi như thế hay không? Tại vì họ tìm kiếm đủ rồi, nên không kiếm nữa? Hay là tại vì một cớ gì đó họ đã đi nơi khác, không còn ở đây?
- Điều đó, tôi không biết nên không dám nói. Nhưng theo sự nhận thấy của tôi thì hai cái bóng ít xuất hiện kể từ khi thấy ông Tôkubê tức Trần Hữu Lăng.
Ông Ômya nói:
- Ông làm cho tôi lạnh cả người. Có phải là hai cái bóng trắng không muốn thấy sự hiện diện của một người lạ ở đây không?
- Hình như ông đoán không đúng lắm. Tôi ngờ rằng hai cái bóng trắng ít xuất hiện vì một hành động của ông Tôkubê thì đúng hơn.
- Ủa, tại sao vậy? Có phải Tôkubê đã có nói một câu gì hay làm một cử chỉ gì không đúng đắn vời Mệ Hoát không cô Phương Thảo? Dám lắm. Tôi biết Tôkubê phần nào. Y có nhiều đức tính của một người hành động: cần cù, ít nói, có lương tâm phục vụ, nhưng mang một cái tật có thể làm hỏng đại sự như chơi…
- Xin lỗi, ông với ông Tôkubê là thế nào với nhau?
- Tôi không giấu ông bạn: chúng tôi là bạn cùng làm việc mật vụ trong Thế Chiến Thứ Nhì, nhưng ngoài cái đó, y với tôi còn là người đồng hương ở Kyôtô và lúc bé cùng học một trường với nhau. Ra đời, mỗi người đi một ngã, tưởng là không bao giờ gặp nhau, không ngờ cuộc chiến tranh Đức Ý Nhật liên hiệp đánh Đồng Minh lại khiến cho y và tôi phục vụ trong cùng cơ quan. Cùng phục vụ, biết thế mà thôi, chớ công tác của y tôi tuyệt nhiên không biết, mà đối với công tác mật của tôi thì y cũng mù. Trong mấy năm trời ở đây, tôi chỉ gặp y vài bận, nhưng theo chỗ biết ngầm của tôi thì y phụ trách một công tác mật gì đó ở Trường Sơn.
Nói cho thật đúng, điều ấy tôi mới vừa được biết mới đây thôi là vì Nhật bại trận, tôi về nước, gần đây lúc có tin lại được cử trở lại Việt Nam phụ trách về một phương diện kinh tế mới, tôi có gặp mẹ và vợ y nói nhỏ cho biết thế. Không phải là họ mở mồm miệng đâu, nhưng họ nói rành rẽ như vậy là vì muốn nhờ tôi một việc. Công việc đó là việc riêng, chắc ông chẳng muốn nghe làm gì.
Tôi nhắc lại là Tôkubê có nhiều đức tính, riêng phải một cái tật xấu có thể làm hại đến đại sự như chơi…
- Có phải ông nóng tính quá phải không?
- Về tật ấy, tôi chưa có dịp nhận xét kỹ và biết rõ. Tôi chỉ thấy là ngay từ lúc còn đi học, Tôkubê có tật ham đàn bà quá. Có phải là tôi đã nói với ông rằng lúc y công tác ở Trường Sơn, cơ quan đã nhận được một báo cáo về y có lien quan đến gái, nhưng tôi không kể lại vì là chuyện đời tư của y?
- Phải tôi còn nhớ….
- Lần nãy, nghe ông nói, tôi ngờ nữa: có phải Tokubê đã làm điều gì bất nhã, không đúng đắn nên hai cái bong trắng không xuất hiện thường thường như trước xuất hiện ở nhà ông nữa?
- Không, không phải thế, ông Ômya ạ! Nếu ông Tôkubê – tôi muốn nói ông Trần Hữu Lăng - có điều gì đáng trách, theo tôi, đó là cái tính hơi nóng nảy của ông ta. Bè bạn đã nhiều người biết thế, nhưng vì là chỗ anh em lớn tuổi mà đã giao du với nhau lâu rồi nên chín bỏ làm mười, không có ai lấy thế làm điều; hơn thế vẫn quý mến ông ta, vì cho rằng ông ta "thẳng như ruột ngựa", có thể nào thì tỏ thái độ ngay chớ không dấu diếm tâm sự hay gian xảo.
Vậy muốn chứng tỏ tôi chân thật, tôi mời mấy ông bạn đến nghỉ đêm ở nhà tôi để nhìn tận mắt hai cái bóng ma tìm đồ vật quý, nhưng không có một người nào ưng chịu. Riêng có một mình Tôkubê bằng lòng đến thôi.
Tôi còn nhớ rõ đêm ấy có trăng, nhưng nóng như nung như nấu. Hình như là vào khoảng tháng Ba, tháng Tư gì đó. Tôkubê và tôi cũng ngồi uống rượu ở gác sân như thế này. Uống đến gần sáng, gió trở lạnh. Có mấy hạt mưa bắt đầu rơi xuống tàn lá cây y lăng ngoài vườn bên kia. Chúng tôi, người nào

cầm ly của người nấy, vừa bước vào trong gác để trú mưa thì thấy Mệ Hoát và Phương Thảo đã đứng dựa vào bàn viết của tôi, nhìn ra ngoài gác sân tự bao giờ.
Vì quen thuộc quá, tôi chỉ khẻ gật đầu và không để ý. Nhưng Tôkubê thì tôi thấy ông ta trừng mắt ngó lên hai cái bóng trắng một hồi lâu mà mặt mày thì tái nhợt. Tôi thầm cười: "Còn không tin nữa hay thôi? Phen này gọi là bở vía nhé!"
Muốn cho ông ta đỡ sợ, tôi nói:
- Cứ tự nhiên đi ông bạn! Không có ai hại ông đâu mà sợ!
- Kìa, nhắm cái gì đi, chớ ngồi ì ra đấy ư, ông bạn?
Tôkubê không trả lời tôi. Bỗng nhiên tôi thấy ông hét to lên một thứ tiếng gì nghe không rõ. Bây giờ nhớ lại tôi cảm giác tiếng thét đó tựa như tiếng thét của người lính Nhật đêm chính biến hạ Pháp ở Hà Nội lúc họ tiến vào căn cứ của Pháp thực dân. Ngay lúc đó tôi không nghỉ thế. Nghe tiếng thét, tôi không hiểu lý do và ý nghĩa, thế thôi.
Tôi mở to đôi mắt để xem có gì lạ xảy ra (bởi vì rượu lúc đó bắt đầu ngấm, tôi say tằng tằng, hai con mắt nhíu lại và chỉ muốn nằm lăn ra ngủ).
Tôi đã thấy gì? Bảo là quái lạ, tôi phải nói là lạ không thể nào tưởng tượng được: rõ ràng mới đây tôi thấy hai cái bóng biến vào phía sau cửa kiếng, mà cái cửa kiếng tự động đóng lại rồi, mà không hiểu từ lúc nào và bằng cách thức nào, hai cái bóng Mệ Hoát và Phương Thảo đã hiện lên sừng sững ở cạnh Tôkubê.
Tôi trông thấy hai cái bóng rung động và mấp máy làn môi, tôi đoán là họ nói gì với nhau. Sau đó, bong Mệ Hoát rung động, cái màn vải mỏng bao trùm thân thể Mệ bay lên…. mắt mệ hết mờ, quắc lên như hai con đom đóm. Và tôi thấy môi mệ cắn chặt lại với nhau, trong khi Phương Thảo khe khẽ, nhỏ nhẹ nói vào tai Tôkubê.
Phương Thảo nói gì? Tuyệt nhiên tôi không nghe thấy gì hết. Mà Mệ Hoát tức giận như thế là tại vì sao? Tôi cũng chẳng hay gì cả.
Nhưng ông Tôkubê bây giờ thì không còn ngồi đừ ra như khi nãy nữa. Mệ Hoát nói, tôi nghe lọt được câu này:
- Khỏi cần hỏi nữa. Dì biết chắc rồi, nó muốn chối cũng không thể được. Bây giờ cháu chỉ cần hỏi một câu chót xem hắn có bằng lòng chỉ cho ta chỗ cất vật ấy không, thế thôi. Nếu không chỉ, hắn sẽ hối hận và sẽ gánh mọi hậu quả không hay.
Mệ Hoát nói đến đây thì Tôkubê thét lên một tiếng kinh khủng giữa đêm khuya thanh vắng như chúng ta vừa thấy. Rồi tôi thấy cặp mắt Tôkubê đỏ ngầu lên, ông chửi rủa, gào thét và nói:
- Tao không cần phải khai gì hết. Nếu tụi bây không ngưng phá ta, không ngưng tỏ thái độ hăm dọa, không ngưng thúc bách ta chỉ chỗ kia chỗ nọ, ta quyết ăn thua đủ đêm nay.
Đồng thời, tiếng ly chén vỡ vang lên. Tôi thấy ông Tôkubê đứng dậy, xách hai tay hai cái ghế ném vào chỗ hai cái bóng trắng vừa đứng mới đây. Miệng ông sùi bọt và không ngớt nói những câu gì mà sau này nghĩ mãi tôi không có cách nào hiểu nổi. May mà cái bàn của tôi lớn và nặng chớ nếu không thì Tôkubê cũng đã chụp lấy để ném cho chết cái bóng của Mệ Hoát và Phương Thảo rồi. Tôi kêu lên:
- Ông Lăng! Sao thế? Ông say à?
Tôkubê không nói, lấy hai bàn tay ôm chặt lấy đầu và ngồi sụp ở trên sàn gác.
Vừa lúc đó, ông Yên ở dưới nhà bước lên. Thấy tiếng đồ đạc rớt ầm ầm, ông đương ngủ vội vàng choàng dậy và lật đật chạy lên gác xem có việc gì xảy ra. Ông không dám vào ngay vì quá sợ, phải đứng đợi hồi lâu ở ngoài. Tôkubê hỏi:
- Ông lên từ bao giờ vậy? Ông có thấy hai con ma xuống dưới ấy không?
- Bẩm, ông nói gì? Không, không có người nào hết. Tôi đứng đây đã lâu rồi, nhưng quả không thấy một người nào, một bóng ma nào ra đây.
Tôkubê la lên như bị ai bóp cổ:
- Thế là nghĩa làm sao? Rõ ràng tôi thấy chúng nó, mà chúng nó lại rỉ tai tôi gắt gỏng, chửi rủa và hâm dọa tôi nữa. Tất cả những lời chúng nó thốt ra, tôi còn nhớ hết. Tôi quyết giết cho chúng nó chết. Tại sao ông không trông thấy gì?
Yên liếc mắt nhìn tôi như van nhờ tôi trả lời giùm. Tôi đưa mắt ra hiệu cho ông Yên xuống dưới nhà. Còn Tôkubê thì tôi dìu lên trên giường, khuyên nằm yên để nghỉ.
Nhưng cái bóng Mệ Hoát và Phương Thảo đã kề vào tai Tôkubê nói nhỏ những gì mà khiến cho ông giận dữ điên cuồng như thế?

Chương Mười Hai

- Ờ tại sao, tại sao lại có chuyện tự nhiên nổi nóng như thế, hở ông? Hai cái bóng trắng ấy nói nhỏ gì vào tai Tôkubê khiến cho y phát khùng lên ném bàn quăng ghế và đòi giết chết cả hai vậy? Chắc ông đã hỏi Tôkubê rồi. Thế thì Tôkubê đã nói gì với ông? Nói đi ông, tôi ham biết nguyên do câu chuyện quá!
Nóng ruột hết sức, Ômya đặt ly rượu xuống không

uống nữa, thúc dục tôi tới hai lần, tôi mới thong thả đáp:
- Có chứ. Hôm sau, đợi đến lúc Tôkubê bình tĩnh, tôi đem câu chuyện ra khẻ hỏi tại sao mà tự nhiên ông lại nổi nóng lên như vậy. Thì ông có biết thái độ của Tôkubê thế nào không? Y như người bận rộn nhiều vấn đề trong óc mà bị người khác làm phiền, ông ta vặc với tôi. Tất nhiên là ông cố giữ lễ độ với anh em, vẫn cười mà mặt thì cố không để lộ ra quạu cọ, nhưng cái gì chớ cái đó thì tôi biết lắm: đúng là ông Tô không muốn nói gì hết; ông muốn để cho ông yên; hỏi nữa thì mang tiếng là tò mò, dò chuyện không hay gì hết.
Sau đó mấy ngày, ông Tôkubê không đến nhà tôi nữa. Thường thường, trước đó, cứ cách một ngày ông lại đến chơi mặc dầu tôi ở Chợ Quán mà ông thì ở mãi bên Thị Nghè.
Ông năng đến nhà tôi như vậy vì tình bạn đã đành, nhưng ông vì công việc buôn bán nữa.
Tôi cộng tác với hai người bạn khác xuất cảng sơn mày đi một vài nước Á Châu. Ông Tôkubê đại diện cho một hang buôn ở Nhật đến tìm tôi đặt hàng. Gặp khi nào rãnh rỗi, ông cùng tôi lại nhậu nhẹt với nhau, nếu không thế thì lại rủ nhau đi la cà hết Chợ Lớn, Sài Gòn, Hàng Sanh, Vĩnh Hội để tìm mua đồ cổ vì tôi cũng biết xem đồ cổ ít nhiều mà ông Tôkubê thì ham mua lắm, vì ông cho rằng đồ cổ Á Châu quý nhất trần đời, không nước nào Âu Châu có thể sản xuất được; đầu tư vào đồ cổ "ăn chắc" nhất mà lại lời vô kể.
Từ khi tôi được quen biết ông ta, riêng tôi, đã thấy ông sắm được nhiều cổ đồng ten rỉ, điếu sứ lạc tinh mòn lỳ, nhiều độc bình, chóe toàn bích da rạm đậm nét lạ lùng, nhiều ngoạn ngạc kí Càn Long, Gia Khánh cùng tô đĩa, chén trà cái thì vẽ cành mai, nhành trúc, cái thì vẽ khúc sông con đò điểm những bài thơ ngũ ngôn bát cú… Vậy mà không hiểu ông cất đâu hết cả. Bằng chứng là đến phòng ông ở, tôi chẳng thấy gì hết. Hỏi thì ông bảo đem về nhà ở miền Trung, trong dãy Trường Sơn.
Vâng, sau ngày đánh nhau với hai cái bóng trắng ở nhà tôi, ông Tôkubê bẵng đi gần lễ không lại nữa. Vào lúc không ngờ nhất, một buổi sáng kia ông tự nhiên lại đến tìm tôi. Tôi cảm thấy tinh thần ông vẫn chưa trở lại bình thường. Ông nói nhiều câu khó hiểu. Thỉnh thoảng, nhân một hai câu chuyện không đâu, ông gắt gỏng với tôi. Lạ nhất là thỉnh thoảng ông lại nói một mình: "Tra khảo! Tra khảo! Tao lì lắm, chớ có trêu vào mà chết!".
Vừa nói, ông vừa nắm tay lại, tỏ ra hung mạnh và can đảm. Nhưng tôi thì nghĩ ngay đến những đứa trẻ sợ ma, đứng ở trong nhà nhìn ra trời tối ở bên ngoài mà la hét, làm ra cái bộ "ta đây không sợ" nhưng chính ra là sợ quá, sở dĩ la hét như thế chỉ để tự mình đánh lừa mình mà thôi.
Thấy ông Tôkubê hành động như vậy, tôi càng ngạc nhiên hết sức. Một trăm một nghàn lần, tôi tự hỏi không biết ông Tôkubê có chuyện gì với Mệ Hoát và Phương Thảo mà từ hai hôm bên đụng nhau thì ông Tôkubê tự nhiên lại thay đổi khác hẳn đi như thế.
Người ta vẫn thường nói, những người gặp ma dữ mà hợp nó, ma nó làm. Hay là trường hợp của ông Tôkubê là thế chăng? Tôi tự nghĩ thầm như thế và chính vì thế có nhiều đêm tôi thao thức không ngủ được. Kết cục, tôi vẫn hoàn toàn chưa được hiểu biết gì về vụ Tôkubê chưa hé thấy một ức đoán nào đáng để ý thì đã đến thì đã đến ngày ăn tân gia, tôi sửa lễ thiết lập hai bàn thờ tiền chủ và thổ địa.
Mấy hôm nay, tôi buồn muốn chết, suốt ngày chẳng đi đâu. Tôi cắm đầu viết –"viết như một con trâu con ngựa". Ở đời, thử hỏi đối với một thằng người, có gì xấu xa hơn, khổ sở hơn là làm nghề viết hay không? Không che đậy tâm trạng một li - mà tôi phải che đậy, giấu giếm tâm trạng làm gì chứ? – có rất nhiều lúc tôi cảm thấy tất cả những người đi lại cười nói ở trên đời này đều vàng khè ra cả - mà chỉ có người ta là vàng khè ra như vậy mà thôi.
Phải chi phong cảnh, đồ vật, khí trời, cây cối cùng vàng một mầu như thế thì cũng được đi, vì toàn thể cùng nhuộm chung một màu sắc như nhau cả, nhìn cũng đỡ gai con mắt…
Nhưng…trời sui khiến làm sao lại không như thế. Bao nhiêu cảnh sắc ở chung quanh tôi nguyên vẹn y như trước duy chỉ có người ta là biết đi biết nói…Tôi chán nản hết sức và chính giữa lúc ấy thì tôi nhớ hai bóng ma Mệ Hoát và Phương Thảo không biết chừng nào.
Ấy là vì từ khi xảy ra vụ ông Tôkubê ném ghế, liệng ly, chửi rủa Mệ Hoát và Phương Thảo, hai cái bóng trắng đi biền biệt đâu mất không thường xuyên xuất hiện ở nhà tôi như trước nữa. Thế rồi tự nhiên vào trước hôm tôi cúng tân gia, hai cái bóng trắng lại hiện ra đột ngột. Tôi nói:
- Chào Mệ Hoát và Phương Thảo! Sao lâu nay không thấy Mệ Hoát vào lại đây? Tôi có làm điều gì thất lễ chăng?
- Đâu có! Cách ăn ở của thầy Tư đối với chúng tôi

ít có ai theo kịp. Không nói lấy lòng thầy đâu, thầy là người xử thế ít có, nhưng….
Đến đây, Mệ ngừng lại không nói nữa. Đón ý Mệ, tôi hỏi:
- Nhưng có phải ông bạn tôi đá làm phật ý Mệ vào không? Nếu quả như thế, tôi xin lỗi giùm cho ông bạn. Ông ta tốt, nhưng nóng tính, có lẻ là vì rượu.
Mệ Hoát cựa mình, cái bóng lớn ra thêm rồi một lúc sau trở lại như cũ. Mệ đã quay đi từ lúc nào. Tôi nghe thấy văng vẳng ở bên tai: Thầy Tư không hiểu hết câu chuyện này đâu. Thầy không nên dính vào làm gì…vô ích…Việc đâu, rồi có đó…Trần Hữu Lăng là Tôkubê… Không có cách gì che đậy được nữa. Bây giờ tôi chắc chắn có thể nói với thầy như thế".
Thế rồi đến ngày tôi tổ chức lễ tân gia: ăn uống từ chiều đến khuya đứng dậy ra về, ông Tôkubê gục xuống ở trước cửa nhà tôi, cấm khẩu liền, chưa chở được đến nhà thương thì chết, không trăn trối được câu gì cả.

Chương Mười Ba

Thấy ông Ômya nhổm lên, ra vẻ định hỏi gì, tôi giơ tay bảo ông ngồi yên để cho tôi nói tiếp:
- Buổi tân gia hôm đó có cả thảy mười sáu mười bảy người ăn, chớ không phải chỉ có ông Tôkubê và tôi, như ông sắp hỏi đâu.
Làm theo đúng lời tôi dạy, ông Yên đặt hai thợ nấu ăn tại một nhà hàng lớn ở đường Trần Hưng Đạo. Từ mười hai giờ trưa, họ chở một xe đồ nghề, soong chảo và lò dầu lửa cùng với hai mâm thịt thà đồ nấu đã cắt thái sẵn sàng; đến nơi chỉ việc nhóm lò lên thổi nấu. Trong lúc họ bắt đầu chia ra, người thì bày bàn, cắm bóng, người thì rửa rau, vo gạo, ông Yên đặt bàn thờ tiền chủ lên cái xích đông đóng sẵn ở gian trong nhà dưới, còn bàn thờ thổ địa thì để ở ngoài hàng hiên trông ra cửa rồi bày trái cây, rót rượu, đốt nhang đèn lên sáng chưng nhà.
Thay quần áo tử tế, tôi ra lễ, lầm nhẩm cầu khấn hồi lâu. Mọi việc xếp đặt chu đáo rồi, tôi ra xem lại một lần nữa hai bàn tiệc thì thấy mọi việc đều vừa ý: tất cả có mười sáu người ăn hôm ấy, thêm tôi nữa là mười bảy, ai ngồi cạnh ai, nhất nhất có ghi vào một mảnh giấy cắm ở trên bàn.
Mười sáu người khách ăn nấy đều là chỗ tôi quen biết thân mật cả.
Ông Tôkubê ngồi ở bên mặt tôi, bên trái là ông bạn có tuổi quen tôi ba chục năm nay, anh em vẫn quen gọi là ông Ba Sang, trước đây cũng ở vùng Chợ Quán nhưng vì từ ngày có cuộc đảo chánh nhà cửa bị cháy cơ nghiệp tan tành nên bỏ đô thành lên Ban Mê Thuộc làm đồn điền cà phê với con rể và con gái, ít khi về Sài Gòn chơi. Lần này nhân có việc nhà cửa đất cát và sang tên bằng khoán cho người mua, ông về đây một tuần. Thừa dịp, ông đi thăm vài bạn cũ vì nghĩ rằng có lẽ không còn dịp nào về nữa phần thì lười nhác không muốn xê dịch lôi thôi, phần thì vì tuổi đã cao rồi – ông đã bảy mươi tư tuổi – đi máy bay mệt quá mà sợ xảy ra chuyện rủi ro thì phiền phức cho con cháu.
Khách ngồi vào bàn khoảng năm giờ chiều.
Hôm ấy trời lại có gió y như gió heo may cữ vào thu ở Bắc nên ai uống rượu cũng thấy ngon. Mười bảy người vô tất cả ba lít đế và bốn năm chai Uýtki, mạc-ten gì đó, tôi cũng không nhớ nữa, nhưng không có một người nào say - kể cả ông Tôkubê nữa.
Đến khi dùng đồ nước, hầu hết đều khen nhà hàng nấu các món ăn khéo lắm. Mười một giờ hơn, một số khảng tảng ra về - trong số đó có ông Ba Sang, ông Bảy Bích, bà Liên Phát làm xuất nhập cảng ở đường Hàm Nghi. Mười hai giờ, chỉ còn có hai người ở lại là Lăng và giáo sư toán Lê Hồng Tài.
Khác hẳn mấy ngày trước đây, ông Trần Hữu Lăng mau mồm mau miệng hơn ngày thường.
Ông nói là ông ăn một bữa cơm vừa bụng lắm, ông không uống cà phê vì sợ mất ngủ và có lẽ vài hôm nữa thì đi ra miền Trung mấy ngày.
Không. Ông Lăng mạnh lắm, không có một mảy may gì tỏ ra bệnh hoạn. Ông cũng không hề đụng chạm một câu nào đến cái đêm ông đánh hai cái bóng ma ở nhà tôi. Có nhiều phần chắc chắn là ông đã bỏ qua chuyện đó, không lưu ý tới nữa.
Nhìn đồng hồ tay thấy đúng mười hai giờ rưỡi, ông đứng lên chào tôi kiếu về. Tôi giữ ông lại nghỉ, sợ rằng say rượu ra ngoài đường gió máy nhỡ xảy ra chuyện gì không hay, ông cười và bảo tôi:
- Ông lầm rồi. Hôm nay, tôi uống thật nhiều thật, nhưng không say chút nào. Đây này, tôi đi có loạng choạng đâu.
Quả vậy, ông đi rất vững. Chính tôi, cũng lấy làm lạ sao hôm nay ông uống hay như thế. Thường thường, vào những ngày khác, uống như thế thì ông nói nhừ nhừ và đi chuệch chà chuệch choạng. Tuy nhiên, tôi không lấy thế làm lạ chút nào: ai đã uống rượu đều nhận thấy có những hôm ta uống rất nhiều mà chẳng làm sao hết, nhưng có những hôm khác chỉ làm mươi tợp thì đã say rồi, có khi không cất chân lên nổi và ngã ngay nơi bàn tiệc.

Xuống hết thang gác, ông còn đứng lại nói với tôi một giây lâu về công việc. Ông cười khá to, đi ra cửa, theo sau là giáo sư Tài cùng về một đường với ông.
Lúc ấy là mười hai giờ ba mươi lăm phút.
Tôi vừa quay lưng lại sắp bước lên thang gác thì thấy ông Yên thét lên một tiếng dữ dội trong đêm vắng. Giáo sư Tài, đi lui thủi ở đàng trước, cách đó chừng năm bước, quay trở lại xem có chuyện gì thì tôi cũng vừa chạy ra đến cửa.
Ông Trần Hữu Lăng nằm co quắp ở thềm nhà tôi như một đống giẻ rách, mồm há ra như thể muốn kêu mà kêu không được, một chân duỗi ra, một chân co lại, trong cực kỳ thê thảm.
Giáo sư Tài, ông Yên và tôi nâng ông dậy đem vào trong nhà. Người ông lạnh toát. Ông Yên giựt gió, lấy dầu thoa khắp mình mẩy ông Lăng, còn giáo sư Tài thì chạy vội kêu một cái tắc xi đưa vào nhà thương gần đó. Tôi nói với ông Yên:
"- Ông Lăng bị gió độc đấy. Thế lúc ông ấy té, ông có nhìn thấy không?"
"- Tôi nhìn thấy rõ từ đầu đến cuối. Đúng là ông Lăng chưa bước chân ra khỏi nhà mình, một chân ông còn để ở trong, một chân đương bước qua cái thềm. Lạ không kể đâu cho hết, ông chủ à. Tôi tưởng là tôi mê, nhưng không, không phải là tôi mê đâu. Nhứt định là tôi tỉnh. Mắt tôi nhìn thấy rõ ràng mà".
"- Nhìn thấy cái gì? Ủa, sao ông nói mà tay run lên bần bật thế?"
"- Vâng, tôi nhìn thấy rõ ràng. Ai nhìn thấy như tôi lúc bấy giờ mà không sợ? Ngay bây giờ tôi còn sợ muốn chết đây này".
Để cho ông Yên thở một giây tôi hỏi:
"- Ông nhìn thấy gì mà sợ vậy? Chắc là thần hồn nát thần tính chớ gì?"
"- Ông chủ muốn nói thế nào thì nói, nhưng nhất định tôi trông thấy đúng in như thế. Ông Lăng còn đương chân trong chân ngoài, chưa ra hẳn thì tự nhiên tôi thấy có một cái gì bốc mù lên ở ngay trên đỉnh đầu ông ta rồi hình như trên trời, trên gác sân hay từ đâu không rõ, có hàng trăm cái roi quất vào mặt ông ta cho đến lúc ông ta ngã sõng soài trên mặt đất".
Tôi nghĩ thầm: "Đúng. Lúc khiêng ông Lăng vào trong nhà, mình cũng nhìn thấy còn hằn rất nhiều vết bầm tím trên mặt thật, nhưng không nói ra vì cứ tưởng lá hoa mắt". Tuy nhiên, tôi cũng làm ra vẻ không tin, nói chọc ông Yên:
"- Ông nói cái gì kì quặc. Roi ở đâu? Mà ai quất. Tại làm sao lại quất ông ta?"
Tức quá, ông Yên trả lời tôi một câu thiếu bình thường:
"- Ông chủ hỏi thế thì ông cố nội tôi cũng không thể trả lời ông được. Tôi trông thấy thế nào thì trình lại đúng thế chớ hỏi tại sao, tôi chịu. Nhưng nói cho đúng y hịch cái lòng tôi nghĩ lúc đó và ngay cả bây giờ nữa, tôi cho là ma, ông ạ. Ma thật".
Tôi không nói thêm gì nữa, khóa cửa cùng với ông Yên đi vào nhà thương. Giáo sư Tài đứng đợi tôi ở cửa, cho biết là chở ông Lăng gần đến nhà thương thì ông ta hết thở. Đã đưa vào nhà xác rồi. Sáng mai bác sĩ mới khám nghiệm và cho chôn.
Cả đêm hôm ấy chúng tôi không ngủ được. Giáo sư Tài và tôi bàn tán cho đến sáng bạch về cái chết của ông Trần Hữu Lăng. Trưa hôm sau, bao nhiêu bè bạn xa gần đều biết hung tin đó. Lại một loạt bàn tán nữa: đa số cho là ông trúng gió, một vài người quả quyết ông đứt gân máu, lại có một vài người ngờ rằng ông bị tắc tim, máu không lưu thông được nên chết mau lẹ lắm.
Riêng bác sĩ phụ trách khám nghiệm tử thi tuyệt nhiên không cho biết là ông Lăng chết vì chứng bịnh gì. Đa số bác sĩ vẫn thường có cái tính thâm trầm như thế: biết là người xấu số chết vì bịnh gì rõ ràng rành mạch, nhưng nhất định không chịu tiết lộ cho ai biết, tưởng như nói ra thì người ta biết hết bí mật của nghề y vậy.
Ông Lăng chết rồi, nhưng biết làm sao bây giờ? Vì trước sau ông không hề cho bất cứ ai biết gia đình ông ở tỉnh nào, quận nào ở miền Trung và vợ con ông tên là chi, làm ăn buôn bán gì, nên chúng tôi không có cách nào báo cho biết để họ về đây lo liệu công việc ma chay chôn cất. Cuối cùng, chúng tôi phải góp sức nhau lại lo việc chôn cất ông ta, nhất là giấy tờ, hòm ván, khâm liệm, xin đất xin cát, đưa ra đồng, các bè bạn đều chia nhau ra làm cả, không có một điều đáng tiếc.
Tôi nhớ rõ lúc khâm liệm ở nhà xác, về phía chúng tôi có bốn người trông nom chứng kiến – trong số đó có tôi.
Ông Ômya, ông có biết tôi đã thấy gì không? Đến cái lạ này, tôi cam đoan với ông rằng ông không thể nào tưởng tượng được.
Xin nhớ rằng lúc ông Lăng vừa té xuống, chính tôi đã khiêng ông vào trong nhà; đến lúc kêu được tắc xi chính tôi đã vực ông lên xe; nghĩa là tôi đã nhìn đã nhìn mặt mũi ông, tay chân ông kĩ lắm.

Vậy mà không hiểu tại sao lúc chứng kiến khâm liệm ông Lăng thì tôi lại thấy toàn thân ông, từ mặt đến chân, nổi lên không biết bao nhiêu vết bầm đen, có nốt ri rỉ máu đã đông lại, có nốt như bị mũi dao cứa da lủng thịt.
Không một người nào hiểu tại sao. Tôi đã thấy những người đứt gân máu, gặp thầy thuốc gà mờ chích thuốc không đúng, làm cho da thịt người bịnh nổi lên những vết tròn tròn, tim tím hay đo đỏ. Tôi lại cũng thấy có những người hoặc uống một chất thuốc gì độc quá hoặc ăn nhung bổ quá, nứt thịt ra rồi từ những vệt nứt đó rỉ ra một thứ nước vàng sanh sánh, có khi lờ mờ máu cá.
Nhưng đến cái xác của ông Lăng thì lạ không thể quan niệm được: những cái vệt trầy ở trên da thịt ông đúng là vệt dao cắt – không, không phải thế, đúng là vết cứa, vệt đâm của những miễng sành, miểng sứ " Thế là nghĩa làm sao? Chịu. Không thể nào hiểu nổi.".
Khâm liệm xong rồi, tôi đem sự kiện đó ra hỏi bác sĩ. Ông đưa ra một loạt chữ la-tinh, nói về máu, về thần kinh, về tuyến để giải thích cho tôi nghe, nhưng rút lại tôi không hiểu gì hơn.
Tôi sẽ còn suy nghĩ và tự đặt nhiều ức huyết.
Nhưng thâm tâm thì tôi thấy có một cái gì rờn rờn ở trong đầu; tôi cảm thấy một cách không rõ rệt rằng đây không phải là một chứng bệnh, một trạng thái nào của cái chết, mà là một cài gì huyền bí lắm có liên quan đến cái bóng ma Mệ Hoát và Phương Thảo.
Nhưng liên quan thế nào?
"Tại sao hai cái bóng đàn bà yếu ớt ấy, mà chỉ là cái bóng hư hư thực thực, tại sao hai cái bóng đàn bà yếu ớt đó đó lại có thể lấy cái gì quất vào đầu cổ mặt mũi ông Lăng cho đến chết?".
Đến hôm đưa đám, vẫn không có một người bà con nào thân thích của ông Lăng đi dự - trừ những anh em quen thuộc mà chúng tôi đã biết.
Khoảng một tháng sau, tất cả bạn hữu đều quên ông, trừ tôi ra. Không phải vì tôi thương nhớ ông hơn các bạn bè khác nhớ thương ông, nhưng bởi vì tôi có muốn quên đi cũng không thể được vì còn hai cái bóng trắng hiện lên trong nhà.

Chương Mười Bốn

Ấy là vì cứ khi nhìn thấy hai bóng ma đó hiện lên trong nhà thì tôi lại nhớ đến người bạn quá cố là Trần Hữu Lăng tử tế thực thà là thế mà lại đi chết tức tưởi, chết một cách vô nghĩa vô lý thế.
Nói cho đúng, không thiếu gì cái chết vô nghĩa lý ở đời, nhất là trong thời tao loạn như lúc này. Nhưng cái chết của ông Lăng lại còn gài thêm một cái gì huyền bí, kỳ quái làm cho người còn sống khó chịu, bực tức vì nghĩ mãi không thể nào hiểu nổi, không thể nào tìm ra được một ý nghĩa, một lý do.
Là vì tôi yên trí một cách chắn chắn ông Lăng không chết vì bịnh tật.
Sau đó ít lâu, vì nguyên nhân gì không rõ, nhà chức trách áng chừng cũng nghĩ như thế đã mở một cuộc điều tra làm cho tôi và một số bạn hữu phải đi lại cò bót có tới hơn tháng trời, nhưng rốt cuộc lại thì vụ này cũng xếp qua một bên.
Tuy nhiên, vì thế mà cái chết của ông Lăng đã bị quên lãng một thời gian tự nhiên nổi lên trong bọn chúng tôi sau mỗi khi đi cò bót để khai với nhà chức trách. Tôi không hề kể cho nhà chức trách nghe một chút gì về hai cái bóng hiện lên trong nhà tôi và cũng không đả động tới vụ ông Lăng chửi rủa và quăng ly liệng ghế vào hai cái bóng đó, nhưng bây giờ thì tất cả bọn chúng tôi đều biết vụ đó và thường hỏi thăm về hai con ma có còn hiện lên thường như trước nữa không?
Chắc ông bạn chưa quên là trước khi tôi làm lễ tân gia đặt bàn thờ tiền chủ và thổ địa, có một dạo Mệ Hoát và Phương Thảo không thường hiện lên ở nhà tôi. Từ ngày ông Lăng mất, hai cái bóng ấy lại hiện lên thường xuyên, nhưng bây giờ thì họ không lấy chổi quét nhà, hay moi móc trong hộc tủ, khe bàn, không ra gác sân hay với lên xích đông để tìm kiếm đồ vật như trước nữa.
Tôi thấy họ nói với nhau những cái gì lâu lắm rồi cúi xuống, đứng lên như thể bày biện những cái vật gì quý lắm, thế rồi có khi họ biến mất cả tuần lễ, rồi đột ngột một hôm trở lại ra cái vẻ vui hơn thường lệ. Một hôm, Mệ Hoát ngồi xuống cái ghế kê ở trước mặt tôi, nói:
"- Tôi đã bắt đầu tìm được chỗ nó cất giấu rồi ông ạ. Nhưng một trăm phần, may ra còn được năm sáu phần mà thôi, nhưng có còn hơn không, ông ạ. Thể nào tôi cũng trả ơn ông vì ông đối xử với tôi quý hóa vô cùng. Những quân độc ác, ỷ mạnh cậy giàu, đến cướp nhà người ta, hãm hiếp đàn bà con gái, làm cho cả gia đình người ta xáo trộn tan nát, ta không thể nào tha thức được.
Ai tát mình bên mặt, đưa má bên kia cho người ta tát luôn đi… Lấy ân trả oán, oán mới tiêu tan, lấy oán trả oán, oán kia còn mãi….Chèng ơi, tất cả những lời đó nghe đều đẹp cả nhưng có phải ai sinh ra đời cũng là Phật, là Chúa cả đâu…Thấy giáo chủ

Mohamed tương đối thực tế hơn: ai đánh mình thì mình đánh lại, nếu không nhịn được…. thầy Tư à, trước khi tôi chết đi, tôi cũng là người…ai đánh thì tôi đánh lại…"
"Chết tôi rồi! Càng ngày tôi lại càng không hiểu được Mệ Hoát nói gì, càng ngày tôi càng thấy hai bóng ma này quá ư rắc rối. Không chừng mình loạn trí mất rồi".
Tôi nói như thế với một hai người bạn. Ai cũng bảo tôi nói dại.
- Chẳng qua là tại anh cảm xúc về cái chết của Trần Hữu Lăng quá mạnh đó thôi. Thêm một lẽ nữa là vì mệt mỏi vì bận rộn nhiều việc quá. Anh nghỉ ngơi một ít lâu thì lại bình thường ngay chớ gì!
Một ông bạn khác khuyên tôi mỗi buổi tối uống một hai viên thuốc an thần. Nhưng ông Ba Sạng thì nhất định cho thuốc men là bậy hết vì, theo ông, bao nhiêu chuyện xảy ra thế này, hoàn toàn tại vì cái đất hết, cúng kiếng đã đành là tốt đấy, nhưng chẳng có gì hay hơn là dọn béng nhà đi nơi khác mà ở, có phải là chắc bụng không.
Tất cả những " truyền thuyết" về vùng Chợ Quán, tôi đã nghe và đọc thấy trong các sách vở, tự nhiên lại trở lại trong óc tôi và tôi kêu lên những tiếng nhỏ bé như tiếng trong tổ ong lúc "chia quân". Tôi hỏi ông Ba Sạng:
- Thưa cụ, theo cụ thì những lời truyền đó, có đúng không? Cụ có tin rằng Chợ Quán có ma nó phá vì nhà cửa ở đó choán đất chùa Miên và đồng ruộng của người Miên?
- Tôi cũng nghe thấy thế. Ngoài ra lại còn nhớ mang máng rằng các cụ ngày xưa còn cho là đất Chợ Quán ở không yên, ma hoành hành dữ dội là vì người ở đấy đã phát nát hai ngôi chùa ngang nhà Thờ Chợ Quán: một là chùa "Kiêm Tiên Tự" sau đổi là "Nhân Sơn Tự" và một là "Chùa Gia Điền" bị phá năm 1885.
Trước đây, lúc còn hai ngôi chùa ấy, thiên hạ làm ăn êm ả lắm. Từ ngày chùa bị phá đi, ma quỷ không còn ai coi ra gì nữa, tác ác lộng hành quá cỡ, do đó Chợ Quán thành ra một đất dữ dằn, không kém khu Thuận Kiều ngày trước. Nhưng nói thế không phải tất cả khu Thuận Kiều hay Chợ Quán đều dữ đâu. Ở khu Thuận Kiều đất dữ là cái vùng đồng ruộng khỏi Chợ "Cây Da Thằng Mọi" mà đến bây giờ người ta còn nhắc trong câu hát:
"Cây Da Thằng Mọi, coi bán đủ thuốc Xiêm cau mứt
Cái cầu Cao Miên, thấy làm nguyên cột vắp ván trai"
Còn ở Chợ Quán, đất dữ nhất là cái vùng Kim Tiên Tự ngày trước, và những cái hẻm chung quanh đấy đi ra "Chợ Hôm", "Chợ Mai", "Xóm Bột", "Rạch Bà Đô". Lâu lắm, tôi không về đay thành ra không biết tên những con đường mới kêu là gì, nhưng tôi nhớ mang máng ngày trước ở đây có bà người Huế lập một cái Quán tên là " Quán Bánh Nghệ" ở dưới một gốc me lớn. Bánh nổi tiếng quá đến nổi cả xóm phải lấy cây me làm mục tiêu mà gọi là "Quán Bánh Nghệ của bà người Huế ở xóm cây me mát".
Chuyện này kéo nhằng ra chuyện nọ, tình cờ, tôi được ông Ba Sạng cho biết về Mệ Hoát - người đàn bà Huế nói vào tai tôi, hiện lên trong nhà tôi, mến thương tôi nhưng từng làm cho tôi loạn óc, muốn vào nhà thương Biên Hòa.

Chương Mười Lăm

Bà người Huế bán bánh nghệ ở xóm Cây Me Mát chính là Mệ Hoát mà chúng ta đã thấy xuất hiện lên cùng với cháu là Phương Thảo tại căn nhà nhỏ của tôi ở khu Chợ Quán. Mệ ở đâu mà lại tới đây lập quán? Theo các cụ kể lại, khu Võ Tánh hiện nay, trước đây, kêu là khu Thuận Kiều. Ở đó có trại Ô Ma, Chợ "Điều Khiển", "Sở nuôi ngựa", của binh Pháp cất trên một ngôi chùa cũ kêu là "Kim Cương Tự". Trong thành lính tập Ô Ma, có miếu thờ các công thần nhà Nguyễn lập năm 1804, kêu là "Hiển Trung Từ" có bài vị thờ 1,015 tử sĩ liều mình vì nước. Năm 1927, miếu này được trường Bác Cổ trùng tu.
Qua năm 1930, triều đình Huế cử một đại thần vào trong này tế tự. Ngài cùng đi với phu nhân. Không hiểu vì sao hai ông bà bất đồng quan điểm ra sao (ông thì kêu một ngàn mười lăm tử sĩ ấy là những nhà ái quốc liều mình vì nước trong các trận chống Tây Sơn mà bà, trái lại, lại cho những người ấy mù quáng không biết phân biệt thù với bạn), bà ở lại không trở về Huế nữa, can đảm lập ra cái quán bánh nghệ nói trên và sống với một người cháu (kêu bằng dì nhưng thật ra là cháu nuôi).
Vì không muốn lưu lại một tàn dư với người chồng trước, bà xưng là Mệ Hoát (lấy cớ tên cố sơ là Huyết, phải cữ, nhưng chính thực để khỏi nhắc đến tên chồng cũ là Huyết) nhưng dân ở đó kêu bà là "bà người Huế bán bánh nghệ". Ai cũng mến thương bà vì không những bà lịch sự khéo ăn khéo ở với lối xóm mà lại còn thông văn sách, đêm đêm rãnh rỗi mà ngâm thơ chữ nôm thì ai cũng phải say mê, mặc dầu không hiểu ý câu thơ phú đó.

Ngoảnh đi ngoảnh lại được mười hai năm trời, cái quán bánh nghệ của bà đã được sửa sang to tát, rồi quên đi một dạo nữa, bà đã xây thêm được ba gian nhà ở cách cái quán bánh nghệ chừng hai trăm thước.

Ba gian nhà ấy, theo lời ông Ba Sạng, tức là chỗ tôi đang mướn ở một gian bây giờ.

Năm 1940, Nhật đổ bộ lên Đông Dương. Thấy tình hình rối ren, bà không bán quán nữa, giao cho cháu là Phương Thảo trông nom. Còn bà lúc ấy đã già rồi, vào khoảng bảy mươi tư bảy mươi lăm gì đó – thì rút về ở trong giãy nhà ba gian do bà xây cất để ngâm thơ, đọc sách và thỉnh thoảng lại làm một vài thứ mứt, kẹo để trước là thưởng thức sau là đem biếu các bà con trong thôn xóm. Vì bà là một người không những không văn hay chữ tốt mà lại tài nghệ nấu nướng, nhiều sĩ tử lúc bấy giờ thường đến sưởng họa và bàn thời thế, nhưng đặc điểm của bà không phải ở chổ đó.

Bà được nhiều người mến phục, còn vì một điểm khác mà có thể nói là ít có người đàn bà con gái nào sánh được: Mệ Hoát sành đồ cổ đến cái mức mà nhiều người đàn ông chơi đồ cổ lúc bấy giờ đã phải suy tôn là "người có ngọc nhỡn trong khoa chơi đồ ngoạn" và mỗi khi mua sắm thức gì vẫn phải đến hỏi ý kiến hay nhờ bà coi giúp.

Vào lúc bà được ngót bảy mươi hai tuổi, nhà bà là cả một kho tàng cổ ngoạn, đồ nhiều và quý có khi còn hơn cả Viện Bảo Tàng.

Thôi thì không còn thiếu thức gì: lọ lục bình đời Đường, men Tống Ngọc, thúy hồng, thúy lục, các cỡ ấm, bình, chóe, nước da Đông Thanh, đỉnh đồng thời Thương, Ân, Châu, Hán nhất nhất đều có, nhưng quý vào bậc nhất là những cổ vật đào tại Trường An, Hàm Dương ở nhà bà cũng có. Thậm chí những nhà chơi đồ cổ nổi tiếng ở Đế Kinh, Bắc Việt nghe tiếng bà tìm đến, thảy thảy đều phải lấy làm ngạc nhiên sao nhà bà nhiều đồ xưa quý lạ quý đến thế và tự hỏi không biết bà sưu tập tự bao giờ mà có được một kho tàng báu vật lạ lùng đến thế.

Có người sưu tập sách cổ; có người mê chim mê đoàn; có người mê tranh mê chữ; nhưng mê cổ ngoạn đến như Mệ Hoát thì có lẽ chưa thấy có ai như vậy.

Thường thường, người ta mê cổ ngoạn vì cho cổ ngoạn là đồ xưa, quý tại cách chế tạo tinh vi đến tột bực mà phương pháp đúc nặn, chế men, pha thuốc đã thất truyền; ngày nay, khoa học dù tân tiến đến cái bực bắn phi đạn lên được cung trăng, thả người xuống hang tháng trời dưới biển cũng không thể nào nhái được cách chế men, pha thuốc ấy hay tìm được phương pháp làm lại cái thể chất của món sành, món sứ y như ngày trước.

Mệ Hoát mê cổ ngoạn, sưu tầm cổ ngoạn suốt đời người không phải chỉ vì thế, nhưng chính vì tin tưởng cổ ngoạn là những cái gì thiêng liêng có muôn ngàn phép thần thông và tiềm tàng những tác dụng phi trường, kỳ bí.

Còn ai không biết chuyện viên ngọc bích Biện Hòa nước Sở đời Chiến Quốc? Sử ký Trung Hoa chép rằng: ngày xưa Tần Thủy Hoàng được ngọc ấy sai thợ gọt thành quả ấn, trên núm trạm năm con rồng và khắc ở dưới tám chữ triện, nguyên chữ của thừa tướng Lý Tư: "Thụ mang vu thiên, kí thọ Vĩnh Xương" để làm "trấn quốc chi bửu ấn". Một hôm Tần Thủy Hoàng đi tìm thuốc trường sinh qua Dương Tử Giang bị Hà Bá làm cho sóng to gió lớn không thể nào qua được. Tần Thủy Hoàng sai quan cầm cái ấn ngọc ném xuống Dương Tử Giang. Tức thì sóng lặng gió êm; thuyền bè đi lại trên sông thong thả. Việc đó há chẳng đủ chứng tỏ rằng ngọc quý có thể trấn ếm được quỷ thần làm dữ hay ít ra chư thần sông núi thấy ngọc quý củng phải mê mẫn mà là điều tham nhũng đó ư?

Đến chuyện ngọc tỉ trong Tam Quốc, bọn Thập Thường Thị làm loạn, hiếp bức thiên tử, đem Thiên Đế ra Bắc Man rồi đánh mất viên ngọc tỉ.

(Tài liệu do Vương Hồng Sển thương thập được đưa ra nói chuyện tại trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn ngày 30-12-1957).

Sau đó ít lâu, Tôn Kiên thấy hào quang chiếu nơi giếng loạn ở sau đền Kiến Chương, bèn sai người xuống mò, thì tìm thấy ngọc tỉ do bà Hớn Hậu tránh nạn Thập Thường thị ôm ngọc tự trầm dưới giếng. Tôn Kiên vì ham giữ ngọc cho mình nên bị chư hầu hiệp nhau đánh bại, giết đi. Con của Tôn Kiên là Tôn Sách có óc thực tế hơn. Sách nối nghiệp cha, lại là người có chí lớn, đem dâng ngọc ấn cho tướng Viên Thuật, đổi được ba ngàn tinh binh, nhờ đó Sách gây dựng cơ đồ lập nên nghiệp bá, làm chúa đất Đông Ngô. Như vậy có phải lả cổ ngoạn quý đến cái mức giúp người ta xây dưng được nghiệp lớn không?

Nhân câu chuyện này, sách cũ còn ghi rằng chỉ có người có tài có đức thì ngọc quý mới theo mình, còn những người bạc phúc, kém đức thì ngọc bỏ đi mất.

Thì đó, sau này khi họ Tư Mã đánh thắng ba nước Ngô, Ngụy, Thục tóm thâu thiên hạ làm một mối, dựng nên nước Tấn thì ngọc tỉ lại trở về nước Tấn. Có người là Anh Vương nghiệm ra rằng "luôn luôn ở nước Trung Hoa, đời này kế tiếp đời kia, hòn ngọc bích Biện Hòa, do Tần Thủy Hoàng chế nên ấn truyền quốc ngọc tỉ, ấn ấy được xem là báu, quý nhất trong nước, hễ lọt vào tay ai thì người đó làm vua cả nước Trung Quốc. Lại đến mấy viên ngọc thêu trên lá Trân Châu kì của tướng Địch Thanh đời Tống, đi bình Tây Liêu lấy đem về. Anh Vương ghi chép trong sách là mãi mấy trăm năm giữ kín trong kho quốc gia như bao nhiêu vật quí khác mà không biết dùng, qua đến đời nhà Thanh, gặp vua Càn Long là tay lịch duyệt phong lưu nhất đời, vừa thông thạo khoa chơi đồ cổ, vừa có óc tân ký, vua Càn Long bèn lấy ngọc ra kết làm nút áo trên chiếc ngự bào. Những hột ấy như sau:

- Tị thủy châu, có phép cản nước, ngăn nước không cho chảy lan trần ướt át.
- Tị trần châu, có phép kị bụi, kị cát, làm cho trọc khí biến thanh.
- Tị hỏa châu, có tài đón gió, kị bão tố phong ba.
- Định kiếm châu, đón ngăn kiếm khách đao thương, khiến không chạm được đến mình.

Mặc được cái áo có trạm năm hột nút báu ấy thì khỏi lo nước lửa, gió bụi, đao kiếm chi cũng động chạm đến bản thân.

Nhiều người nghe thấy chuyện ấy cho là hoang đường, dè đâu đến năm 1945, một tờ báo Pháp lại kể chuyện phế đế Phổ Nghi không được chánh phủ Nhật chu cấp đủ dùng, phải đem năm viên bảo ngọc ấy thế chân trong một ngân hàng (hình như là của Nga).

Sưu tầm cổ ngoạn, Mệ Hoát quan niệm cầu kì như thế nhưng ít khi nói ra với người khác. Người đàn bà ấy, bề ngoài khiêm nhượng nhưng thực ra thì ở trong lại cao kỳ, cho rằng có nói ra thì cũng chẳng mấy ai hiểu nổi, nên chỉ giữ ở trong lòng. Do đó, có nhiều người lạ tìm đến mệ xin coi cổ ngoạn, mệ thường cho người ra nói là đi vắng, hoặc có cho vào thì cũng chỉ tiếp cho có lệ mà thôi.

Chương Mười Sáu

Một buổi sáng mùa thu có gió lạnh thổi về nhiều, trời bàng bạc và thâm thấp, có một người đàn ông mặc áo gấm chữ thọ, đội nón dứa, chống gậy tìm đến quán bánh nghệ ở xóm Cây Me Mát hỏi thăm nhà Mệ Hoát. Phương Thảo, chắp tay nói:

- Thưa bác, đó là dì cháu, ở cách đây một quãng. Cứ đi thẳng con đường này vào rồi quẹo sang bên trái, đến dãy nhà ba gian có lầu thì đúng đó. Mà chẳng hay bác có chuyện chi dạy bảo?

Người đàn ông đó là ông Ba Sạng. Ông lắc đầu cười đáp:

- Không có chi đâu, cháu à. Chỉ là vì nghe thấy nói mệ có nhiều đồ xưa quý giá lắm thì tôi tới đó thăm thôi.

Ông ba gõ cửa vào thì thấy bà đương gội đầu ở sân. Ngồi xuống ghế kê gần đó, ông đợi một lúc cho bà gọi xong xuôi, đứng dậy trình bầy:

- Tôi là người khách lạ, tìm được đến đây là nhờ có cô cháu ở ngoài quán chỉ dùm.

Thấy ông ba là người lạ, đường đột tới nhà để xin xem cổ ngoạn, Mệ Hoát có ý không sốt sắng, nhưng vì lịch sự cũng mời ngồi sơi nước rồi bảo một con nhỏ đưa xuống dưới nhà dưới coi.

Mệ ngồi ăn trầu trên sạp không muốn phiền vì cho rằng bất quá đây chỉ là người hiếu kỳ chớ cũng chẳng hiểu biết gì nhiều cho lắm. Ba Sạng đi theo con nhỏ qua cái sân vào trong nhà trong thì thấy hoa cả mắt lên vì chóe lớn, chóe con, lọ bất giác, lọ lục lăng, cái thì men chàm, cái thì giang tây, thúy hồng, thúy lục vô số kể, bầy la liệt trên những cái giá bằng trắc đánh bóng như sừng, bên cạnh những cái sập khảm đá nhìn kỹ thì rõ là xuân hạ thu đông, cầm kỳ thi họa hay lan, mai, cúc, trúc.

Ba Sạng ngắm đi ngắm lại từng thứ một rồi phê bình từng nét chấm, từng nét chạm… một mình. Không ngờ những lời phê bình ấy lọt vài tai Mệ Hoát. Cho rằng đó cũng là một thứ người sành cổ ngoạn mà phê bình cũng xác đáng phần nào, Mệ Hoát bèn đứng dậy, mời khách ra sơi nước. Bộ đồ trà này vẽ Mai Hạc, đề hai câu thơ nôm:

"Nghêu ngao vui thú yên hà
Mai là bạn cũ, hạc là người quen".

Ba Sạng vừa nhắp trà vừa nói:

- Thưa Mệ, đồ sứ Mai Hạc này, mệ có nhiều không?
- Sao ông hỏi vậy? Hay là ông nghĩ rằng đây là Mai Hạc giả chăng?
- Đâu có. Tôi không thong thạo về cổ ngoạn, nhưng nhìn một lát cũng biết đây là loại Mai Hạc gì…
- Vậy ra Mai Hạc lại có nhiều kiểu khác nhau sao?
- Tôi không dám múa rìu qua mắt thợ, nhưng đại khái cũng biết rằng cái kiểu Mai Hạc đầu tiên, được coi là quý nhất, đã được những tay thợ khéo nước Trung Hoa chế tạo trước mắt cụ Nguyễn Du, khi cụ làm chánh sứ, sang Tầu vào năm Gia Long thứ

mười ba, tức là năm Quý Dậu. Lò chế tạo ấy là lò Canh Đức Trấn tại Giang Tây, nổi tiếng vì chuyên làm đồ sứ ngự dụng cho các vua Mãn Thanh.
Sau này, thấy đồ trà Mai Hạc đẹp, các sứ thần của ta qua Trung Hoa cũng đặt làm để cho các quan viên và Nội Phủ dùng, nhưng lò chế tạo không phải là "Cảnh Đức Trấn" nữa nên cái mặt nó dại, tuy là bắt chước theo đúng kiểu vở của lò "Cảnh Đất Trấn" nữa nên cái mặt nó dại, tuy là bắt chước theo đúng kiểu vở của lò "Cảnh Đức Trấn". Nhưng nào đã hết đâu: ngoài kiểu Mai Hạc thứ nhì này, lại còn kiểu Mai Hạc thứ ba, nhưng chế riêng cho người Trung Quốc dùng, cũng vẽ cây mai, con hạc nhưng thay vì hai câu thơ nôm nói trên kia thì là hai câu chữa:
"Hàn mai xuân tin tảo
Tiên hạc tháo vi đầu".
Có nghĩa là:
"Mai hạc sớm báo tin xuân
Hạc kêu trước tiếng chim khác".
Tất cả các đồ trá kiểu Mai Hạc đều ký ở dưới đấy hai chữ hiệu "ngoạn ngọc", nhưng đối với mệ là người sành sỏi, nhất định không thể nào lầm được. Ngay tôi đây là kẻ phàm phu mắt giấy, cũng đại khái biết rằng bộ đồ này là kiểu chế lần đầu, thuộc loại "đồ sứ Mai Hạc chánh hiệu" chế vào khoảng cụ Nguyễn Du đi sứ Tàu.
Mệ Hoát nghe Ba Sạng nói, gật đầu, không trả lời. Mệ đứng dậy đưa chum chìa khóa cho con nhỏ, bảo mở cửa dẫy nhà ngang để mời ông coi. Đến lúc ấy, Ba Sạng mới biết rằng cái gian nhà đồ cổ mà ông vừa vào coi khi nãy chỉ mới là gian nhà bếp của Mệ Hoát.
Thấy Ba Sạng nói về đồ Mai Hạc tỏ ra là người hiểu biết, mệ mới đưa chìa khóa cho con nhỏ mở gian trên, mời Ba Sạng vào coi.
Gian này cón quý bằng cả trăm gian trước: có những cặp sừng tê lớn có phần hơn cả những đứa trẻ lên năm, có những bức trạm khẩn ngọc trăm màu ngàn sắc, những cây chóe da lươn bé bằng nắm tay, viết nguyên một bài "Chính Khí Ca", những cây đèn bằng đồng đen cao bằng đầu người lớn, những cái lọ lục lăng toàn bích trắng toát màu trứng diệc, và bao nhiêu bộ đồ trà khác nhau, cái thì vẽ sơn thủy đề thơ:
"Nhứt ẩm thanh khí vị
Vật đắc thiểu nhân tri"
(Một hớp đủ thấm giọng, vật lý người biết giá (Vương Hồng Sển dịch))
Cái thì vẽ bông mai và nhành mẫu đơn một bên, còn một bên thì vẽ hai con chim hai đầu bốn cánh riêng biệt nhưng than thể dính chung làm một, kèm câu thơ"
"Tại thiên ty dực điểu
Tại địa liên lí chi"
(Trên trời làm chim liền cánh, dưới đất làm cây liền cành (VHS dịch)
Cái thì vẽ một rừng trúc không có người nào cả, mà trên sông có một con thuyền vắng lạnh cũng không có người nào lái cả, kèm một câu thơ:
Thu giang điếu nguyệt nhạn hoành phi.
(Trên sông ngắm trăng, có con nhạn bay)
Ba Sạng tưởng tượng mình đang đứng ở trong một động tiên của một thời đại xa xưa cũng chỉ quý đến thế là cùng thì Mệ Hoát đã lên tiếng mời sang coi gian cạnh đó.
Té ra Ba Sạng lại lầm! Cái gian ông vừa mới coi đây lại không có nghĩa lí gì so với gian này. Chính Mệ Hoát dẫn ông Ba đi thưởng thức các đồ mà mệ kêu là "đồ sưu tập chánh thức".
Thôi thì đủ các loại cổ ngoạn, mắt ông hoa lên không còn biết coi thứ nào trước thứ nào sau. Từ trên xuống đến đất cao ngất những cái bực bằng gỗ mun, gỗ trầm, trên xếp thứ tự và rất sạch sẽ không thiếu mất loại mất loại cổ ngoạn nào: đây là tượng sứ Đế Thích đánh cờ, Mạnh Mẫu gánh sách đưa con đi học, Lý Bạch say rượu giơ tay lên bắt mặt trăng trên đầu, kia là các kiểu chóe, nậm, be, bầu, ngỗng, hũ, nhạo, vò chum, lục bình, cái thì vẽ tích Nghiêm Tử Lăng đề ba chữ "Điếu đái đồ", cái thì vẽ Cao Biền dậy non, cái thì trắng toát trứng điệc vẽ Bá Nha, Tử Kì đề câu thơ chữ Hán:
"Cao Sơn lưu thủy trường
Nhứt khúc ngộ tri âm"
(Cây đàn gảy Cao Sơn, Lưu Thủy, một khúc nay gặp bạn tri âm.)
Trên một cái xích đông gần đó, xếp toàn những đồ men lam của Thanh Triều, Nguyễn Triều, Mạt Minh.
Một cái tủ kiếng khác bày toàn xu hào: có đồng xu đời Mãn Thanh đem qua đây dùng, xu khác hình rồng bay (Long Phi) từ triều Mãn Thanh, đời vua Quang Tự và đời bà Tây Thái Hậu, có đồng xu Ăng-lê dầy cạnh, xu khắc hình con ó Hoa Kỳ do binh sĩ Pháp và bọn đánh giặc mướn đem qua nước ta trong trận đánh với vua Tự Đức chầu xưa, lại có đồng xu lá bài, mặt liền, không khoét lỗ tròn ở giữa, đồng xu in hình Tôn Dật Tiên phát hành năm Tân

Hợi, xu ”Onxonchem” buộc người ta nhớ lại lúc Pháp đến cướp miền Nam giết dân như giết ngóe. Ôi thôi, kể cho đến mấy đi nữa, thì cũng chẳng có cách gì hết được các quý vật ở trong gian nhà này. Ông Ba Sạng nhức đầu vì ngó vì nhìn, chắp tay lại cáo từ Mệ Hoát sau khi đã xem hết gian này, nhưng mệ giữ lại và nói:

- Thôi, đã có công coi thì coi luôn một thể. Rất có thể lần sau ông tới, tôi không có nhà. Ông đi theo tôi lên lầu, coi chơi mấy cái đặc phẩm mà tôi cho là “khá”.

- Bẩm mệ, tôi phải nói thực là cứ ăn xong rồi đi coi thế này, tôi dám đi hết năm này sang năm khác. Nhưng tôi sợ làm mất thì giờ quý báu của mệ nên không dám lợi dụng quá mức.

- Không có sao đâu. Ông đã biết đồ cổ, tất rành tâm lý của người chơi đồ cổ như thế nào. Người chơi đồ cổ gặp kẻ nào thô lậu, không biết gì, không buồn nói không buồn trò chuyện, không buồn đưa ra cho xem món quý vật này hay vật bảo kia; nhưng nếu gặp tri âm biết thưởng thức cổ ngoạn biết chuyện xưa tích cũ, biết lịch sử của từng thứ, giá trị của từng thứ dù là công việc cấp bách đến đâu cũng cho là thường, miễn là đưa cho người bạn của mình xem hết các báu vật mà mình sưu tầm được, nói lên cái đẹp, cái quí của từng thứ và cùng thảo luận để cùng tìm thực, giả, tìm sự tích, tìm nguồn gốc xem cổ ngoạn đó là đồ quan diêu, quân diêu hay là dân diêu.

Lãnh ý của mệ, Ba Sạng bước theo mệ lên trên lầu. Ôi chao, đến nơi đây thì quả là một thế giới cổ ngoạn mà ta có thể nói là mắt người thường chưa được thấy bao giờ.

Không. Người được thưởng thức không thể nói mình “may mắn được coi” nhưng phải nói là mình tốt phước cả một đời chỉ có một lần được hưởng cái phước đó mà thôi chớ không thể gặp hai lần được. Bất cứ ai củng phải hoa mắt choáng đầu khi bước vào ba căn phòng ăn thông liền với nhau chứa không biết bao nhiêu bảo vật trông y như một cái động tiên. Ở bốn góc tường, có hai cặp lộc bình một người lớn ôm không giáp, cao muốn đụng trần nhà, men lam chấm ngư, tiều, canh, mục, toàn bích, toàn hảo, không có một tì ố chứ đừng nói là khờn hay mẻ.

Cứ thế thôi, người chơi biết đồ cổ một chút cũng đủ choáng hồn rồi, vậy mà chưa thấm vào đâu với những tủ kiếng có khóa đồng trạm tay to bằng cổ tay, kê dựa vào cột cái, bên trong bày không biết bao nhiêu ngọc ngà, châu báu…

Đây là chuỗi ngọc, sắc vàng ong óng mầu mật ong, mỗi hạt to bằng đầu ngón tay cái; kia là ba viên hổ phách lớn bằng trái nhãn lồng nạm vào trong một cái vỏ bằng đồng bạch; nọ, một xâu chuỗi bồ đề tiện bằng ngọc mã não bên ngoài trạm trỗ rất tinh vi. Lại còn đây nữa, còn bao nhiêu là vật lạ mà ngọn bút của ta làm cách gì tả nổi được những cái khéo, cái lạ, cái đẹp dễ khiến cho người ta phát sợ? Thật không ai có thể ngờ được cái bàn tay con người lại có thể khéo léo một cách ghê gớm đến như vậy mà cũng không thể nào tưởng tượng rằng trước khi có nền văn minh tân tiến như ngày nay, ở thế gian này lại có nền văn minh, văn hóa siêu một cách lạ kì đến thế.

Tượng Đông Phương Sóc ngậm một cành đào có ba trái bằng ngọc lưu li vừa đánh cắp ở vườn bà Tây Vương Mẫu. Cây “lâm vồ” thân bằng sừng u-tây, lá bằng cẩm thạch màu xanh lục có đức Phật ngồi bên dưới. Hàng chục cái bể con hình dáng khác nhau đựng những ngọn đồi bằng trầm hương. Không biết bao nhiêu ngọc bội, ngọc khánh, ngọc lien ôi không biết bao nhiêu bảo vật, không biết bao nhiêu bằng chứng cổ thời, đừng nói động đến sợ bể làm chi, chỉ riêng đứng cạnh mà nhìn cũng đã rờn rợn cả người vì cảm thấy như mình không xứng đáng được đứng cạnh các đồ vật đó.

Bao trùm tất cả, có hai cái cửa võng ngăn ba gian gác thông nhau. Đay mới thức là đồ quý nhất và có lẽ cũng xưa nhất nữa. Khung bằng trắc “hồ bì”, vân mun từng đám y như mây mùa thu, tròng long khảm ngọc thạch nguyên miếng, mà những hạt cầm thạch to bằng những trái mù u chưa lột vỏ. Cả hai cùng trạm trỗ cả hai mặt rất khéo: Lý Nguyên Bá tung trùy, Bát Tí Na Tra bị phật bà Quan âm úm phép. Tây Thi Phạm Lãi du ngũ hồ, Quan Vân Trường đốt nến đọc sách cho Hoa Đà lóc thịt…

Còn ở trên tường thì la liệt không biết bao nhiêu tranh cổ, vô số kể những miếng sành miếng sứ lằn lên những cách văn khác thường lồng trong những cái khung vàng bạch rất nhiều những đấu rượu làm bằng ngỗng, hũ, chai, nậm, vò có cái vẽ “kì sơn dị thảo” nhưng cũng có những cái trắng tinh chỉ khắc vẻn vẹn một bài thơ ngự chế của vua Càn Long hay di bút của vua Gia Khánh….

Chương Mười Bảy

Sợ quá lạm thời gian quý báu của người đàn bà sành sỏi, Ba Sạng một lần nữa xin kiếu từ và nói:

- Thưa mệ, tôi nói thật là tôi coi đồ xưa của mệ một

đời không ngán. Nhưng biết làm sao được… muốn ham thích đến bao nhiêu đi nữa thì rồi cũng phải về. Xin cảm ơn mệ và xin thưa để mệ rõ là đời tôi chưa có một lúc nào được vui sướng như ngày hôm nay.
Mệ Hoát nói vài lời khiêm nhượng tiễn Ba Sạng ra đến cửa. Quay lại nhìn căn nhà lần chót, Ba Sạng dung dằng nói:
- Đúng. Xin chào mệ. Nếu tôi có tài viết chữ, tôi phải tặng mệ mấy chữ mà Cao Thiên Tứ được thấy lúc viếng nhà Lưu Dung ở miền Nam: "Thiên hạ đệ nhất gia".
Mệ Hoát xua tay:
- Bậy nào! Ông không biết rằng Cao Thiên Tứ không bằng long năm chữ vàng đó hay sao? Lưu Dung còn không xứng thì tôi đâu xứng đáng nhận câu ông tặng.
Quả như thế thật. Thấy năm chữ "Thiên hạ đệ nhất gia" đề ở trước nhà Lưu Dung, Cao Thiên Tứ không hài lòng thật và đã tìm hiểu sao Lưu Dung lại dám đề mấy chữ vàng như thế ở trên cửa nhà mình.
Bèn kêu cửa vào.
Nhà Lưu Dung rộng mênh mông, chia làm hai chục trái, chung quanh có hào lũy, và tường xây kiên cố như dinh thự của các vì vua chúa.
Bước vào trái đầu, Cao Thiên Tứ thấy cháu nội của Lưu Dung, hãy còn đi học, chưa biết gì. Bước vào trái nhì, gặp con trai của Lưu Dung, nhà vua hỏi tại sao lại dám đề năm chữ như thế ở trước cửa thì y ấp úng không thể giải thích cho dứt khoát.
Vào đến tận trái thứ năm, gặp một ông cụ đầu tóc bạc phơ, mà trong còn mạnh khỏe, dáng điệu lại thành kì, Cao Thiên Tứ đem ra hỏi mới biết là Lưu Dung treo biển đó phần nhiều hữu lý.
Thì ra ông già râu tóc bạc phơ đó là ông nội cua thừa tướng Lưu Dung, năm đó đã được một tram linh năm tuổi. Theo lời cụ, lúc cụ vừa chẵn một trăm, bà con trong xóm thấy ông khoa giáp nối tiếp năm đới liền không dứt, phú quí vinh hoa tột phẩm, trong gia đình trên thuận dưới hòa, xum vầy vui vẻ mà người nào cũng thọ cho nên họ hùn nhau tặng một bức hoành sơn thếp vàng năm chữ "Thiên hạ đệ nhất gia".
Ông Ba đứng lặng một hồi lâu rồi tiếp:
- Thưa mệ, tôi không nghĩ mệ là Lưu Dung mà tôi là Cao Thiên Tứ đến thăm, nhưng quả thực hôm nay, tôi vừa được viếng một căn nhà xứng với năm chữ "Thiên hạ đệ nhất gia" sơn then thếp vàng treo ở trước nhà Lưu Dung.
"Đệ nhất gia" đây, không hẳn có nghĩa là phú quý giàu sang khoa giáp tiếp nối, xum vầy trường thọ…nhưng đệ nhất gia chính là vì lẽ không có một nhà nào trên đời này lại có thể chứa nhiều trân châu bảo vệ như nhà mệ…
Mệ Hoát lại nói mấy lời khiêm nhường, hai hột kim cương đeo ở nơi tai long lánh như sao hôm mọc ở giữa đêm xanh vậy. Một lát sau, mệ nói:
- Xin cảm ơn lời khen tặng của ông. Mai sau, có dịp gì qua đây, xin quá bộ rẽ vào thăm tôi, nghe. Ông thử làm như thế để tỏ ra hơn Cao Thiên Tứ một chút chơi.
- Mệ nói gì, tôi nghe chưa kịp! hay là cái đoạn đó tôi chưa đọc cũng nên.
- Ông không biết rằng lúc Cao Thiên Tứ đứng đậy cáo từ ông nội của thừa tướng Lưu Dung ra về thì ông cụ một trăm linh năm tuổi, cũng như tôi bây giờ, mời Cao Thiên Tứ khi nào rãnh thì rẽ vào thăm cụ. Nhưng Cao Thiên Tứ như chúng ta đã biết, có phải là thường dân đâu, mà chính là vua Càn Long trá hình. Về đến trào, Cao Thiên Tứ vì quá bận rộn việc triều chính, quên bẵng mất, không bao giờ đến thăm nữa, khiến cho ông cụ. Lúc mất, cứ nhắc nhở hoài mà vẫn chẳng thấy đâu.
Ba Sạng không bao giờ quên được nhà Mệ Hoát, nhưng về nhà một ít lâu sau thì dân ta vùng lên đánh Nhật rồi đồng minh đưa Pháp trở lại Đông Dương, gây nên cuộc chiến mấy chục năm trời chưa dứt…
Ông Ba Sạng tảng cư về Cần Đước bốn năm, sống bằng nghề địa lý để đất để cát cho người ta không lấy tiền.
Đến năm 1946, nhân có việc trở lại thủ đô, ông rẽ vào Chợ Quán thăm nhà cũ và định tâm đến thăm Mệ Hoát để coi "tháp ngà chứa toàn bảo vật" của mệ ra sao thì thấy chỉ còn một đống gạch ngói chất cao lên như trái núi, có tiếng quạ kêu rất buồn. Lúc đó là buổi chiều, Ba Sạng muốn đi quá vào phía trong để tìm lại một chút di tích của ngôi nhà Mệ Hoát nhưng không được, vì có những hang rào thép gai ngăn cản và một vài người lính da đen vạch mặt, tay lăm le khẩu súng, chặn ông lại.
Tiếng kèn đồng từ ở trên cao rúc lên một hồi như tiếng thở dài của một tên khổng lồ sắp chết tan và bóng hoàng hôn.
Cúi đầu đi bước một ra về, ông Ba Sạng hỏi thăm mấy người quen còn lại ở Cầu Kho thì biết đại khái rằng năm 1940, Nhật đổ bộ vào Đông Dương, đến chiếm chỗ đất xây cái quán bánh nghệ của Phương

Thảo, rào cả một vùng rộng lớn hai mẫu ở chung quanh đó, bắt giữ bất cứ người nào chống Nhật, giam ở khu có rào thép gai. Sau đó ít lâu, Đức, Ý, bại trận, Nhật bị hai quả bom đầu hàng, khu quân sự ấy sang tay quân đội Pháp. Rồi đến quân đội Việt Nam đến đóng làm thành một xưởng dạy đóng giày và may quân phục mà bây giờ thì thành trại Yên Thế suốt ngày quân lính tấp nập ra vô….

Chương Mười Tám

Câu chuyện của ông Ba Sạng kể đến đây là hết. Mới nghe xong, tôi thấy khoan khoái trong lòng bởi vì tưởng như hé thấy được một cái gì mới lạ trong cái vụ hai bóng ma nhà Mệ Hoát và Phương Thảo hiện lên ở nhà tôi trong chợ Quán, nhưng sau khi ông Ba ra về, kiểm điểm lại và nằm một mình suy nghĩ, tôi lại nản vì thực ra nó chẳng giúp cho tôi biết them được chút nào về cái việc mà tôi muốn biết.

Mệ Hoát chết ra sao? Bị giết hay chết già? Mà quân Nhật chiếm tất cả khu cây Me Mát và chung quanh để làm trụ sở hiến binh thì cô Phương Thảo ở đâu? Có chết cùng với Mệ Hoát không? Mà sao hai người lại thành ma cùng xuất hiện một lúc ở nhà tôi như vậy? Họ có oan ức gì không? Họ kiếm tìm gì vậy? Mà có phải là chính họ quật chết Trần Hữu Lăng tức Tôkubê hay là y chết vì bệnh, vì bị thuốc, hay vì một nguyên nhân nào khác, không dính líu tới Mệ Hoát và cô Phương Thảo?

Thì hóa ra là bao nhiêu câu hỏi đặt ra từ lúc đầu đến tận lúc này vẫn hé ra được một chúc nào, mặc dầu ông Ba Sạng đã cho tôi biết rành rọt về Mệ Hoát và Phương Thảo khi còn sống.

Hôm từ biệt Sài Gòn để trở về Ban Mê Thuật, ông Ba Sạng đến cáo biệt tôi và ăn với tôi một bữa cơm. Gần xong, tôi đem mấy điều thắc mắc đó ra hỏi ông thì ông cũng chẳng hay biết gì hơn những sự việc đã kể lại ở trên kia. Mệ Hoát và cô Phương Thảo chết rồi. Cái nhà của mệ bị phá hủy không còn gì nữa. Không có một người nào biết số phận của những cổ ngoạn trong ba gian nhà Mệ Hoát bây giờ ra thế nào. Nhưng tại sao mệ và cô cháu lại thành ra những cái bóng lờ mờ đi đi lại trong nhà tôi như để tìm kiếm cái gì, tại sao mệ vào lại nói nhỏ vào tai Trần Hữu Lăng làm cho Lăng giận đến cái độ phải chửi rủa và liệng ly ném ghế để đánh hai con ma ấy, tại sao Trần Hữu Lăng lúc chết rồi, cả người lại nát ra như thể bị trăm ngàn miểng sứ miểng sành đâm nát bấy cả người?

Ông Ba Sạng cũng như ông Ômya và tôi, tuyệt nhiên không thể hiểu một li nào hết.

Thế rồi tháng một và nửa tháng chạp qua đi. Một hôm, đương giúp tay ông Yên lau nhà dọn bàn thờ, bát hương, bài vị ở mấy bàn thờ thiên, thổ địa, tiền chủ, ông Ômya đến tìm tôi, cho biết là ông về miền Trung thăm mấy người bạn có lẽ mùng hai mùng ba tết gì đó sẽ trở lại đây, chúc tết và lì xì cho tôi. Tôi biết vậy, tôi không để ý nhiều, vì Tết bận rộn nhiều công việc không đâu, một phần cũng tại vì buồn phiền, chán nản vì nỗi xa nhà cửa, vợ con. Nếu chiến tranh cứ kéo dãi mãi thế này, không biết đến bao giờ mới lại đoàn tụ như ngày trước.

Đêm mùng hai Tết, tôi uống rượu thật say đi ngủ. Nửa đêm, mở mắt nhìn ra sân khoảng tối tăm mù mịt ở ngoài gác sân thì thấy cái bóng trắng của Mệ Hoát đi qua những cái chấn song sắt ở cửa sổ, bước vào phòng tôi. Trên cổ mệ quàng một cái khăn voan trắng, còn ở tai đeo một chiếc vòng không biết bằng gì nhưng long lánh như một ngôi sao sáng trong đêm tối.

Tôi hỏi:

- Hôm nay mệ đi một mình, o Phương Thảo đâu rồi?

Mệ đáp:

- Cháu có công việc bận.

Nét mặt của mệ nguyên vẫn mờ mờ, trông không được rõ rệt bao giờ, hôm nay, tiết ra cái gì khắc hẳn những lần tôi gặp trước.

Nó bềnh bệch mà lại bàng bạc như một cái cây ta thấy trong mơ, thực ra thì đứng xa chỉ thấy lá rung lên khe khẽ nhưng tự ta lại biết chắc rằng những cái lá ấy ướt đẫm những mưa móc ban đêm.

Tự nhiên, nhớ lại giọng nói của mệ vừa đây, tôi có cảm giác là mệ nghẹn ngào nước mắt. Mệ đứng lặng một hồi lâu không nói gì. Tôi mời mệ ngồi, mệ nói:

Tôi đến đây hôm nay để chào thầy vì phải đi xa.

- Ủa! Mệ đi đâu vậy?

- Vâng, tôi phải đi xa một dạo và có lẻ lâu lắm mới về. Hôm nay, xin giã biệt thầy và nói lời cảm ơn thầy trước sau đối với tôi và cháu Phương Thảo thập phần chu đáo. Ít lâu nay, ai cũng nói đến nhân vị, nhưng theo quan niệm của phần đông, nhân vị chỉ nhằm vào người sống. Hình như tôi cũng nghĩ như thầy vậy, tôi có yêu một người nhưng người ta ác quá, thành thử không làm theo Đức Phật hay Chúa Giê-su được. Đối với tất cả những người tàn ác đó, tôi không đối xử tàn ác trả lại, nhưng tôi phải tự vệ để cho họ hồi tâm; nhưng họ vẫn không để

cao cảnh giác cho nên tôi phải buộc lòng đối phó. Tuy nhiên đối phó không phải là nuôi cái oán đời đời: họ thua rồi thì lúc ấy mới lấy lòng từ bi ra để rửa oán chứ không lấy oán trả oán ngay, họ chỉ ỷ vào sức mạnh không bao giờ giác ngộ được, hơn thế có khi lại được thể mà lấn át nữa, lấn át để chinh phục những người chung quanh làm nô lệ. Thầy Tư à, ý nghĩ như thế không biết có đúng không, nhưng riêng tôi thì đã thấy kẻ ác không còn làm hại được ai nữa mà đã biết hối hận rồi. Nhưng tôi buồn không biết bao nhiêu thầy ạ. Nhà cửa tôi tan nát hết, bà còn thân thích của tôi cũng không còn. Chỉ còn lại một mối an ủi nữa là cái lẽ sống của tôi, ý nghĩa của tôi gói ghém cả vào trong mớ đồ vật cũng mất luôn và có lẽ mất hẳn, không còn bao giờ thấy ở trần gian nữa.

Cuối năm ngoái, được tin các đồ vật mà tôi tìm kiếm suốt cả mấy năm trường chôn giấu với nhiều thứ khác trong một cái hầm xây rất kiên cố ở dãy Trường Sơn, tôi và cháu lặn ngòi noi nước ra tìm, chan chứa không biết bao nhiêu hy vọng. Thì nay được biết đích xác là cả cái hầm ấy đã bị đào lên, bao nhiêu cổ vật cùng với châu báu kim cương mà quân Nhật cướp được của nước ta và Tân Gia Ba, Mã Lai, Thái, Lào, Cam Bốt đã bị những người lạ không biết từ đâu lại khiêng đi hết.

Của đời người thế... Thầy Tư à, muôn chung nghìn thứ ở đời, đến lúc trời mà thu lại cũng là không phải thế không thầy? Tiếc nuối cái đã qua đi là tỏ ra mình lì lợm, không chịu hiểu lẽ huyền vi của Hóa Công và chữ sắc không của Phật. Nhưng tôi buồn... buồn lắm... là vì một khía cạnh khác của vấn đề. Chắc thầy Tư đã biết những đồ vật tôi kiếm tìm mấy năm nay không có gì khác hơn là cổ ngoạn đã sưu tập được trong cả một đời người.

Vốn là người cũng biết đôi chút về cổ ngoạn tôi biết như thế thầy Tư đừng giấu Thầy Tư thừa rõ là nhiều đồ xưa vì nhờ tồn tại lâu đời nên đa số đều có thần ở bên trong, có thể giúp cho người chủ được phúc trạch dồi dào, vượt nguy tránh hiểm.

Vì thế báu vật chỉ ở với những người có phúc đức, có nhân nghĩa mà thôi. Tôi nhớ có một lần chính thầy đã nói chuyện với bạn về viên "truyền quốc ngọc tỉ" mà Tôn Sách đổi cho Viên Thuật lấy ba ngàn tinh binh? Cái vận của ba nước Ngụy, Ngô, Thục suy tàn rồi, họ Tư Mã thống nhất được Trung Quốc, lập nên nước Tấn, ngọc tỉ lại trở về nước Tấn, đó cũng là theo cái lẽ phúc đức, nhân nghĩa vừa nói ở trên kia.

Chính hòn ngọc đó, nguyên thủy của ai? Của Biện Hòa nước Sở. Ba phen Biện Hòa ôm đá có ngọc dâng vua. Đầu tiên Lệ Vương sai thợ xét xem thực giả; thợ bảo "Đá chớ không phải ngọc". Vua kết tội Biện Hòa vào tội khi quân, chặt bỏ một chân bên trái.

Biện Hòa lại đem ngọc dâng Võ Vương. Vua lại truyền đem thử. Thợ lại bảo: "Đá, chớ không phải ngọc". Vua lại kết tội khi quân, chặt một chân bên phải.

Đến lượt vua Văn Vương lên ngôi, họ Hòa không đi được, ngồi ôm ngọc ở chân núi Sở khóc ba ngày ba đêm, máu theo nước mắt chảy ra. Vua Văn Vương nghe đồn sai đến hỏi. Họ Hòa nói: "Khóc đây không phải là thương tiếc hai chân bị chặt nhưng tức giận vì ngọc thật mà lại cho là đá. Văn Vương sai thợ xem cho thật kỹ thì lấy ở trong phiến đá ra được hòn ngọc thật, quý nhất ở trên đời". Ai lại còn không biết Văn Vương là vua thánh, hòn ngọc Biện Hòa vào tay ngài chớ không vào Lệ Vương hay Võ Vương chỉ là vì hai ông vua ấy bạc phúc, thiếu âm đức không xứng làm chủ nhân viên ngọc.

- Câu chuyện mệ vừa nói có dính líu gì tới vụ mệ sắp đi xa?

- Sao lại không thầy? Đã mấy năm nay tôi khổ công đi tìm kiếm những cổ vật do tôi sưu tập được khi còn sống, việc đó thầy đã biết. Đến bây giờ biết đích chỗ quân gian cất giấu, tôi lặn lội đến coi thì hầm hố chôn giấu đã bị người khác đào lên lấy sạch bách hết rồi, như thế mà thầy lại còn không nhận thấy gì sao? Chẳng phải là tôi bạc phúc, thiếu đức là gì?

Hai vai Mệ Hoát rung lên nhè nhẹ trong một giây. Gió thổi ào ào làm cho những nhánh y lăng va chạm vào nhau kêu lào xào. Tôi nhìn ra ngoài vườn xem hoa rụng nhiều hay ít thì quay vào cái bóng trắng Mệ Hoát đã biến mất tự bao giờ rồi.

Chương Mười Chín

Mãi đến tận rằm tháng Giêng năm ấy, ông Ômya mới từ miền Trung trở lại Sài Gòn, đến thăm tôi.

Có lẽ đường xa mệt mỏi, ông có vẻ bơ phờ, lười biếng hon những lần gặp gỡ trước đây. Ông nói:

- Miền Trung ít lâu nay không mấy yên, ông Tư à. Tôi đi nhiều tỉnh lắm. Ở đâu cũng điêu tàn, hầm hố xẻ khắp nơi, dân cư sinh sống khổ sở hơn những năm trước đây gấp bội.

Sau ít câu chuyện về thời thế, ông hỏi tôi?

- Ông ở nhà có chuyện gì lạ không?

- Cũng chẳng có gì lạ. Hai bên cứ nhùng nhằng chẳng ra sao cả. Thỉnh thoảng lại có tin ngưng bắn nhưng toàn là chuyện hão.
- Ở miền Trung có hôm phi cơ dội bom suốt cả ngày. Tỉnh nào cũng bị thương tổn không nhiều thì ít, nhưng bom ném dữ dội nhất là ở khắp dãy Trường Sơn?
- Phải. Tôi đi ra đó gặp vài người bạn cũ. Người ở trong núi di tản cả. Nghe nói là "họ" đào nhiều địa đạo. Tôi đi mất công vì các bạn tôi đã tản mác mất rồi, không thể đến được nơi dự định. Về sau này về đến Phan Rang tôi mới biết là chỗ tôi định đến hiện bị coi là cấm địa không ai được bén mảng tới.
- Thật không may.
- Không may nhất là lại nghe thấy nói rằng cái kho tàng mà người bạn tôi là Tôkubê phụ trách trông coi lại ở chính ngay chỗ đó. Người ta bảo rằng cái kho tàng ấy đã bị đào lên, bao nhiêu đồ vật cất giấu bị lấy đem đi hết.
Chắc ông còn nhớ có lần chúng ta đã nói tới cái kho tàng ấy với nhau... Bao nhiêu chiến lợi phẩm – nói là phẩm vật ăn cướp được ở Việt Nam, Mã Lai, Nam Dương, Phi Luật Tân, Thái Lan thì đúng hơn – một số sĩ quan mật vụ được lệnh đưa về Sài Gòn chôn giấu vào những cái hầm rất lớn để chờ ngày thắng trận thì đào lên lấy đem về nước.
Các hầm ấy đào ở khe núi, trong rừng. Theo chỗ biết của tôi thì riêng một trong các hầm ấy đã chứa được một trăm cái thùng gỗ nặng to bằng cánh phản. Các thùng này chứa đủ bảo vật quý nhất ở các nước Á Châu mà quân Nhật đặt chân lên được. Một vài người bạn của tôi hiện đã hồi hương kể chuyện rằng những thùng cây đó chở bằng xe lửa đến gần nơi đào hầm thì đỡ hàng xuống chất cả ở trong rừng núi và lấy lá cây, rơm rạ ngụy trang để cho máy bay của đồng minh không thể nhận ra dể ném bom. Từ đó, đưa vào hầm, quân sĩ Nhật tự làm lấy không để cho các lao động người Việt Nam phục vụ trong hàng ngũ quân đội Nhật được mó tay vào đó.
Tôi biết Tôkubê là một trong những người biết một trong mười hai đường bí mật đi tới mười hai cái hầm nói trên. Anh ta giữ một cái "cốt" gồm mười bốn chữ có thể giúp đi tới được một trong mười hai hầm đó. Tôi định tìm một người bạn mà tôi biết trước đây cùng làm việc với anh, không ngờ đến nơi thì họ đã tản mác đi hết cả.
Người bạn mà tôi gặp ở Phan Rang không biết nhiều về những cái hàm ấy hiện giờ ra thế nào, nhưng may cho tôi là nhờ có anh ta tôi được biết hơn một chút về Tôkubê hồi còn là sĩ quan mật vụ, chưa cải tên là Trần Hữu Lăng.
Thì ra đúng như lời ông Ômya đã nói với tôi trước đó ít lâu, Tôkubê theo quân đội sang Đông Nam Á, một mình, không có vợ con gì cả, hay nói cho đúng thì anh để lại một vợ, hai con ở Nhật và trong mấy năm trời không hề lấy một người vợ nào hết mà cũng hề có nhà cửa ở dãy Trường Sơn. Ở Sài Gòn ra đấy, ông sống chung với mấy người "Việt Nam mới" trốn tránh ở trong rừng, nhưng công tác chính vẫn là canh gác kho tàng bí mật.
Ở ít lâu, Tôkubê lại trở về Sài Gòn sống một cuộc đời khiêm nhường.
Nhưng thực ra, Tôkubê có phải là người khiêm nhượng hay không? Những người biết Tôkubê từ ở Đông Phương tin rằng anh ta là một người có lương tri và bản tính tốt, nhưng theo lời người bạn của ông Ômya ở Phan Rang từng biết rõ gia thế Tôbukê hồi còn nhỏ thì Tôkubê là một con người không hẳn như thế mà lại nuôi ở trong lòng nhiều phức tạp hơn.
Ku-ma-gai Tôkubê nguyên là con một nhà lái buôn trên sông nước ở Kyoto. Cha mẹ chàng buôn giang nứa bán từ bến này sang bến nọ, tỉnh này sang tỉnh kia. Anh mạnh lắm, khiêng giang, nứa bương tre từ dưới thuyền lên trên bờ không biết mệt.
Thấy anh mạnh mà lại tinh khôn ngoan ngoãn, một ông nhà giàu xin làm con, đem về nuôi trong một cáo lâu đài có lính canh gác cẩn thận (vì ông này là một daimyô nghĩa là một nhà quý phái có một địa vị cao cả trong hệ thống phong kiến của Nhật Bản trước Thế Chiến Thứ Nhì).
Lớn lên trong bầu không khí đó, Tôkubê suốt ngày mặc áo giáp, đeo gươm nai nịt hai chân theo lối võ sĩ, tập đánh kiếm chứ không chú ý đến kinh sách thánh hiền như các bạn đồng tuổi của anh ta hồi đó, nhưng nói thế không có nghĩa là Tôkubê là một người mất nết hư thân; trái lại, anh là một người võ sĩ có đạp đức vì thấm nhuần tinh thần võ sĩ đạo là cái tinh thần cố hữu của dòng bố nuôi ông.
Mỗi khi anh đi đâu, dân chúng trong vùng thường chỉ vào anh mà nói thì thầm với nhau:
"Tôkubê đấy! Anh ta mạnh như một con beo gấm!"
Luôn luôn, người ta thấy anh ta can thiệp vào những việc gì có tiếng là bất bình. Anh không hề sợ kẻ địch, không sợ chết mà cũng không sợ hiểm nghèo, đau đớn. Anh tả xông hữu đột giữa đám đông và anh múa cây gươm sáng lên vun vút y như

là sấm sét. Luôn luôn người ta thấy anh chống đỡ đến cùng, mặc dù các bạn đã bỏ anh và mặc dù thân thể anh đầy những vết thương, bởi vì anh quan niệm rằng đã là võ sĩ thì phải đánh cho đến thắng, thu mà chạy thì chỉ có cách mổ bụng chết đi thôi. Tôkubê thường nói: "Người ta không sống được bao nhiêu lâu, nhưng tên tuổi thì lưu truyền mãi hết đời nọ đến đời kia".

Chính vì quan niệm con người một cách thiển cận như thế, Tôkibê lần lần quan niệm sai cả nghĩa đời người, mà chính anh không biết. Anh tự coi mình là một anh hùng, khác hẳn những người tầm thường ở chung quanh: tất cả những người ấy đều phải thua kém anh vì nhiều lẽ: thứ nhất tại anh là anh hùng, thứ hai là tại anh giàu có, thứ ba là tại anh được trời giao phó cho sứ mạng thiêng liêng: anh chỉ thắng chứ không bao giờ thua ai. Sự đắc chí của tuổi thanh nhiên quả là một thứ rượu nặng uống say lúc nào không biết. Tôkubê tự coi mình là vô địch, giúp ai thì người ấy thành công mà chống lại ai thì người đó tất phải chết không thể nào tránh khỏi.

Quả nhiên, lúc đầu những sự việc xảy ra cũng đúng như anh ta nghĩ: "Tôkubê đến đâu thành công đến đó thực, nhưng có một hôm... có một thanh niên đi từ nghĩa địa Sengaku đến lâu đài Kira trên một con ngựa còm phạm phải cái tội là đi qua chỗ ở của Tôkubê lại không cúi đầu chào người lính gác. Lính xông ra bắt, chàng thanh niên lạ mặt kia không chịu, đòi gặp Tôkubê nói chuyện.

Átmuri và Tôkubê thỏa thuận với nhau mấy điều: đánh nhau tay đôi, không có một người nào ở ngoài can thiệp, chết thì thôi, không được trả thù ngầm. Tôkubê bằng lòng và bắt các gia nhân của mình phải thề theo đúng lời cam kết đó theo tinh thần võ sĩ đạo cổ truyền.

Átmuri đội một cái nón có cài ngôi sao trắng, và đeo lủng lẳng ở bên vai một ống tiêu mà chính thân phụ anh đã để lại cho anh. Trước khi hai bên giao tranh, Átmuri thổi một khúc tiêu thật buồn và làm một bài thơ tạ từ cõi đời này, đồng thời nói lên sự vô nghĩa của cái sống và chết và tính cách phù vân của cái lợi danh.

Tôkubê hét lớn:

Ta không muốn nghe gì hết. Ta khiêu khích nhà ngươi. Lại đây, lại đây đọ sức với người anh hùng số một ở Kyôtô nổi tiếng là một con beo gấm.

Átmuri chịu liền. Chàng giơ gươm lên, tiến lại phía Tôbukê. Một trận đấu rùng rợn diễn ra, cả hai lăn ra mặt đất, có lúc Átmuri đè lên trên, có lúc Tôkubê vật Átmuri té lăn cù trên cỏ.

Nhưng được chừng mười hai hiệp Tôkubê thắng thế.

Một tay bóp lấy cổ Átmuri, một tay cầm cây kiếm bén lăm lăm chém đầu địch thủ. Chính giữa lúc ấy, đòn bất ngờ xảy ra: Átmuri áp dụng một lối đánh kỳ lạ chưa từng thấy bao giờ, chồm lên vít cổ Tôkubê xuống, lấy chân đè lên mặt anh ta. Toàn thân Tôkubê cứng đơ. Átmuri nhìn vào mắt Tôkubê nói: Ta có thể giết chết nhà ngươi, nhưng theo lời tổ tiên ta truyền lại, không bao giờ nên giết một người bị hạ. Đứng lên đi.

Theo tinh thần võ sĩ đạo, một người bị hại, dù là được địch thương tình mà tha chết cũng chẳng nene sống làm gì phải lấy gươm mổ bụng thì khỏi nhục mà giữ toàn được thanh danh.

Tôkubê không làm như thế. Anh đứng dậy, cúi đầu mà đi về như một con chó ghẻ, trước con mắt ngạc nhiên của bao nhiêu quân hầu, đầy tớ...

Chương Hai Mươi

"Nhiều khi con tim và khối óc của chính mình lại là thù địch của mình". Tôkubê có nhiều lúc đã nghĩ thầm như thế và cũng có nhiều lúc cảm thấy nhục nhã không chịu được. Anh ta đã định vào ngôi chùa Kurôđani ở Kyoto thí phát đi tu và ăn năn sám hối những tội lỗi trước đây mình gây ra, đồng thời suy ngẫm và cải tâm cải tánh để trở lại làm một người khiêm nhường, hiếu hòa hơn.

Nhưng trục Phát xít Đức, Ý, Nhật thành lập, chiến tranh bùng nổ, nhiều ý niệm tốt đẹp, nhiều tư tưởng rộng rãi của người ta đang hình thành không thể nào thực hiện được như ý muốn.

Các nhà lãnh đạo, vì quyền lợi riêng tư, vì muốn thực hiện tư tưởng làm bá chủ, mà cũng có khi vì mù quáng, chạy theo sự sai khiến của ngoại nhân, kêu gọi dân chúng lao mình vào thù oán và giết chóc. Sự hăng say đo máu gây ra làm cho óc người ta cằn cỗi lại, con mắt của người ta mù lòa đi, không còn phân biết đâu là thiện ác, đâu là trái phải, đâu là thù và đâu là bạn... Tôkubê sung vào cơ quan mật vụ của quân đội Nhật sang chiếm đóng Đông Dương; thế là bao nhiêu tư tưởng tốt đẹp nuôi dưỡng trong đầu óc bỗng tiêu tan hết ra mây khói. Anh không còn phải là "con bao gấm" nữ nhưng đúng là một tên đồ tể tham tàn độc ác, trông vào bất cứ ai cũng thấy là Átmuri ngày trước. Câu anh ta thường nói ngày trước, một dạo đã quên đi, bây giờ lại trở lại với anh: "Người ta không sống được bao nhiêu lâu, nhưng tên tuổi thì lưu truyền mãi, hết đời

nọ đến đời kia".
Ở vào thời buổi chiến tranh giết không thể nào hết được những người nuôi tư tưởng cho rằng muốn cho tên tuổi được lưu truyền mãi mãi thì nếu không có được những hành vi lớn lao cao đẹp thì ít ra những hành động gì dữ dằn, độc ác cũng có thể làm cho thiên hạ nhớ đời. Tôkubê lấy hai chữ "ái quốc" để làm cái "vỏ" bao những hành vi độc ác dữ tợn của anh ta và lấy làm kiêu hãnh mình đã làm đầy đủ bổn phận của một công dân ái quốc.
Không một lúc nào Tôkubê nghĩ rằng anh ta đã làm tội ác này chồng lên tội ác kia.
Hơn thế, anh ta lại còn cho rằng khi mà người ta vì nước mà hành động thì người ta có thể làm tất cả, cũng như một người làm việc đã có trách nhiệm thì phải có quyền lợi, không ai có cách gì trách móc hay phê phán.
Câu chuyện sau này xảy ra chính giữa lúc Tôkubê đang "lên" và đang ôm ấp những tư tưởng đó.
Lúc ấy, quân Nhật đang thắng thế, quân đội Pháp đang bị dồn vào thế bí lùi dần. Tôkubê cùng một đoàn ba nhà buôn Nhật hoạt động từ Cam Ranh ra Cà Ná, Phan Thiết, Phan Rang, Phan Rí, Huế, một hôm vào một xóm kia để mua chuối già về ăn cơm thì gặp một cô gái nền nã nhu mì đương ngồi dưới bóng cây mù u nói chuyện với cô bạn về "chợ Cây Da Thằng Mọi".
Một cô nói:
- Chị nói đúng. Ở vào cái khoảng trại Võ Tánh bây giờ, theo lời ông già bà cả nói lại thì ngày trước có một cái chợ kêu là "Chợ Điều Khiển".
- Tôi cũng chẳng biết. Nhưng nghe thấy nói rằng chợ này do một ông điều khiển lập ra.
- Mà ông Điều Khiển lại là cái gì chớ?
- Hình như "điều khiển" là một chức quan võ cầm binh đánh giặc thuở trước đời Gia Long. Nhưng ta bỏ chợ Điều Khiển đó. Nói về "Chợ Cây Da Thằng Mọi" cần hơn. Tôi muốn nói với chị về chợ đó!
- Ủa! Sao vậy nè?
- Đi khỏi chợ Điều Khiển một quãng thì là chợ "Cây Da Thằng Mọi". Khoan. Thấy cái tên như thế, chị đừng tưởng chợ này có cây da và do một người đứng ra xây như ông Điều Khiển. Chợ có cái tên như vậy là vì ở bên trong thuở ấy, có một món hàng không đâu bán: ấy là một thứ đèn thắp dầu phọng hay dầu dừa làm bằng đất nung, nắn hình một người Mọi quỳ hai chân chắp hai tay, mà ở đầu thì đội một thếp dầu.
Chỗ chị em, tôi nói thật, không có chút chi giấu diếm: những cái đèn loại đó, nhà tôi có cả chục kiểu, không có chi là xưa lắm nhưng cái hình đồng của dượng Tư nhà chị thì phải nhận là hiếm có. Nó không phải là đồ xưa của Việt hay Tàu, nhưng mà là của Miên. Phần nhiều đồ Miên làm bằng đá hay đất nung. Tôi xem kỹ lắm rồi: cái hình đồng của dượng Tư là đồng bạch, tạc hình một người đàn bà Chàm tai to, cởi trần, vận phá mà tay lại bưng thếp dầu thay vì đội lên đầu.
Hai người bạn gái nói chuyện tâm sự với nhau có vẻ đằm thắm lắm. Từ bên hàng xóm vọng sang một câu hò Đồng Tháp. Mãi nghe, cả hai cũng không biết rằng ngồi ở đằng sau làm cây bên vườn nhà bên cạnh, có ba bốn người Nhật đương ngồi ăn chuối già với bánh bao, vừa ăn vừa ngắm hai cô gái.
Họ nói gì mà kể ra chợ Điều Khiển và chợ Cây Da Thằng Mọi? Cả bốn người Nhật ấy đã ở Việt Nam lâu rồi, từ năm sáu năm trước khi chiến tranh bùng nổ. Họ nghe tiếng Việt cũng lưu loát lắm. Nghe mãi... nghe mãi... họ biết ra rằng cô gái đẹp nõn nà, mặc áo bà ba trắng là người ở nơi khác đến đây với bạn ma mục đích chính là để nèo mua một cái tượng bằng đồng bạch tạc, hình một người đàn bà Chàm ôm một thếp dầu giơ ra trước mặt.
Người con gái đó trạc mười bảy mười tám tuổi là cùng, trông ra dáng học sinh, nói năng nhẹ nhõm. Ở vào lứa tuổi đó, các cô còn đọc truyện, đi coi chiếu bóng... vậy mà kỳ lạ làm sao, cô này lại có vẻ khác thường, nói năng đứng đắn mà lại điều đinh mua bán vật xưa như thể một người rất ư thông thạo.
Tôkubê hết sức ngạc nhiên và để ý đến cô gái ngay từ lúc đó. Cũng ngay từ lúc đó, anh cảm thấy như cô ta có một sức hút rất mạnh, muốn bỏ đi không nghĩ tới cũng không thể được.
Ngay hôm sau, Tôkubê lại một mình trở lại chỗ cây mù u hôm trước để tìm lại bóng hình người đẹp muốn mua cái tượng đồng bạch tạc hình người đàn bà Chàm thì nghe thấy nói rằng, cô ta đã đem cái tượng ấy về Sài Gòn rồi... Tôkubê ngơ ngẩn mấy ngày, nhưng một người như anh ta mà lại đành chịu thúc thủ hay sao?
Sau khi thăm hỏi dò la bí mật và ghi chú vào cuốn sổ tay kỹ càng rồi, Tôkubê một mình về Sài Gòn, đến Chợ Quán và tìm đến "Quán Bánh Nghệ" ở xóm "Cây Me Mát" để gặp cho kỳ được o Phương Thảo.
Đúng thế! Người con gái mặc áo bà ba trắng nói chuyện về đồ xưa một cách thông thạo lạ thường

chính là o Phương Thảo, cháu gái của Mệ Hoát, người đàn bà chủ nhân "cái tháp ngọc chứa toàn bảo vật" mà ông Ba Sạng đã khéo tôn là "Thiên Hạ Đệ Nhất Gia".
O Phương Thảo thông thạo về cổ ngoạn và nói năng rành mạch về xuất xứ và sự tích các đồ cổ ngoạn không có chi lạ hết. Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh.. Mà Tôkubê, một người mê đồ cổ sưu tầm đồ cổ cảm thấy say o Phương Thảo như ta say một thứ men gì huyền ảo, cũng chẳng phải là sự ngạc nhiên.

Phải. Tôkubê say Phương Thảo thực. Hết ngày này sang ngày khác, anh ta lân la đến quán bánh nghệ tìm cách chuyện trò với o Phương Thảo và tin tưởng trước sau gì rồi cũng chiếm được lòng người đẹp ở xóm Cây Me Mát. Chớ lại không ư? Là sĩ quan một nước giàu mạnh vào bực nhất, mang cái nhãn hiệu đi "giải phóng các nước da vàng" để lập một thế giới mới là "Đại Đông Á", có tất cả quyền hành, sức mạnh trong tay, Tôkubê nắm chắc tương lai huy hoàng ở trong tay nhưng chỉ quên mất một điều: O Phương Thảo cũng như Mệ Hoát là người có học, dù có một nhân vị rộng rãi đến đâu đi nữa cũng không thể quên rằng trong khi đất nước bị dày xéo chà đạp thì những người có trí óc, có lương tâm, không thể hợp tác với chính những kẻ đã dày xéo, chà đạp lên đất nước, giang sơn mình...
Thế là Tôkubê thất vọng dài dài. Thì đã bảo rằng nhiều khi con tim và khối óc của chính mình lại là thù địch của mình mà! Cái tính tự cao tự đại, tự cho mình là anh hùng là rốn của vũ trụ, đã từng có một thời kỳ bỏ Tôkubê mà đi, một hôm lại bất thần trở lại và gậm nhấm, và đục khoét, và ray rứt tim gan tì phế Tôkubê khiến cho chàng ta tức giận và nổi nóng, và uất giận, và muốn đập phá hết cả... đập phá hết tất cả... chỉ vì không được chiều theo sở thích.
Mệ Hoát dám trái ý không cho o Phương Thảo lấy chàng? Mà o Phương Thảo lại cũng dám trái ý chàng, không đáp lại tình thương yêu của chàng nữa?

Chương Hai Mươi Mốt

Thế là sụp đổ vỡ diễn ra một cách vô cùng thảm thiết. Sau một thời gian dò thám kỹ càng, Tôkubê chờ đúng một hôm o Phương Thảo ra bãi sông chờ tàu để đi mua cổ ngoạn ở miền Tây cho dì, xông ra bắt cóc o Phương Thảo đem đi mất và việc đáng tiếc đã xảy ra một cách vô cùng man dại...
Chiều hôm đó, dân chúng xóm Cây Me Mát tìm thấy o Phương Thảo nằm trong một bụi lau ở gần Kinh Tàu Hủ (lúc đó có nhiều quân Nhật đóng). Là vì Kinh Tàu Hủ, ngoài tính cách nối liền thủ đô Sài Gòn với các sông ngòi chảy xuống miệt Hậu Giang và là cái bến cho các tàu nhỏ, ghe thương hồ, ghe chài "ăn lúa" từ Bạc Liêu, Bãi Xâu, Sóc Trăng kéo lên, hoặc thuyền "Cá Đen" từ Biển Hồ đổ xuống, còn là một con đường chiến lược. Trước đây, tàu binh Pháp đã mượn kinh này vây đồn Cây mai, do đó, đánh úp chợ Mỹ Tho, nay quân Nhật cũng lại chiếm đóng địa điểm ấy, căng dây kẽm gai và cấm người lạ không được bước chân vào đó "nếu vi phạm, nổ súng liền".
Tôkubê đã hãm hiếp o Phương Thảo và sau khi thỏa mãn thú tính, đã bỏ nàng tại đây, trở về tìm Mệ Hoát và trình bày sự việc trắng trợn và đê mạt:
- Dù cách gì đi nữa thì o Phương Thảo bây giờ cũng đã bị thất tiết rồi. Nhưng tôi cũng cứ bằng lòng lấy cô ta làm vợ, nếu như bà ưng thuận.
Mệ Hoát nhất định không chịu, Tôkubê la hét như một con thú dữ bị tên, hết lời đe dọa tưởng rằng một ngày hai ngày Mệ Hoát bằng lòng, không ngờ sau đó một ngày thì o Phương Thảo đâm đầu xuống một cái ao gần đó tự tử vào lúc nửa đêm.
Sáng hôm sau, tin đó loan đi, Tôkubê uất ức tưởng chừng như có thể hộc ra máu. Không những y thương tiếc người đẹp không về được tay y, Tôkubê còn uất ức hơn về một nỗi là y cảm thấy bị nhục như chưa hề bị nhục đến như thế bao giờ.
Cái chàng sĩ quan Nhật mê gái ấy, vốn đã nóng, lại bị xúc cảm quá mức, nổi một cơn điên rùng rợn, y gầm lên, hét lên, và cái máu hung hãn của anh khi còn là "con beo gấm" ở Kyôtô thoắt đâu trở lại. Lập tức anh cho năm cái xe đến chở cổ ngoạn của Mệ Hoát đi. Không thể nào chở hết được! Tuốt cây kiếm dài đeo lủng lẳng bên hông, Tôkubê vung lên múa như một thằng ngộ dại. Trong nháy mắt, bao nhiêu kỳ châu, dị ngọc, bao nhiêu cổ vật sưu tập hết đời nọ đến đời kia, bao nhiêu chứng tích của văn minh văn hóa tự nhiên tan nát ra từng mảnh, khóc thét lên, rồi vung ra khắp chung quanh như sương thịt tan tành của người ta dưới trận mưa bom do một lũ quỷ không óc, không tim trút xuống.
Tuy nhiên, cổ ngoạn hình như có thần cho nên Tôkubê phá hoại cũng không thể bể vỡ hết. Ngay chiều hôm đó, năm cái xe lớn của nhà binh lại đến chở hết những báu vật còn lại đem đi. Công việc ấy kéo dài từ buổi tối cho đến mãi trưa hôm sau mới

hoàn tất. Miểng sành, miểng sứ cao ngất lên như cái núi.
Tôkubê và mấy tên bạn đổ xăng khắp cả ba gian nhà, nổi lửa đốt. Lửa bốc lên cao đến nỗi người ở Sài Gòn đứng nhìn về phía đó cũng thấy rát cả mặt lên.
Đám cháy kéo dài suốt một ngày một đêm mới dập tắt được, nhưng bao nhiêu nhà cửa ở chung quanh đấy đều ra tro, không còn lấy một bức tường nào đứng vững. Về sau này, người ta kể lại rằng mùi khét từ đám cháy tiết ra dây dưa đến cả tháng trời không hết, mặc dầu có những trận mưa to lắm, là vì có hàng trăm người ở chung quanh đó vì tiếc của cố chạy đồ chạy đạc, mà cũng vì chậm chân nữa, nên đã bỏ mạng trong đống lửa và cháy thiêu mất xác.
Còn về Mệ Hoát... Từ lúc Tôkubê nổi cơn điên lên tuốt gươm ra phá vỡ các cổ ngọan trong nhà Mệ cho đến lúc lửa cháy bùng bùng đỏ cả một góc trời, không có một người nào, tuyệt nhiên không có một người nào trông thấy Mệ đâu. Thế là tại sao? Thế thì Mệ đi đâu?
Sau này, một người ở Chợ Quán thoát chết trận cháy kinh hoàng đó nói với người quen rằng:
- Sau khi mấy anh quân phiệt Nhật đi rồi và thấy lửa từ nhà Mệ bốc lên, tôi cố chạy lại đứng ở bên ngoài kêu Mệ cả tiếng đồng hồ. Chính tôi trông thấy Mệ từ ở gian đầu bước ra ngoài, nhưng không hiểu nghĩ ngợi ra sao Mệ lại quay trở lại... Hình như là Mệ tiếc của, muốn vào trong nhà để nhặt nhanh xem có còn thu nhặt được đồ vật gì hay không. Tôi la thét ầm ỹ cả lên, bảo rằng đồ vật gì thì cũng mặc đấy, hãy lo chạy thoát thân trước đã, nhưng Mệ hình như điếc không nghe thấy gì cả hay là mất trí rồi cũng nên, thành thử cứ lom khom mãi trong đống lửa để mà kiếm cái này tìm cái nọ... Thế rồi, một lát sau, ngọn lửa cuốn lấy Mệ...
Hai vợ chồng một người trẻ tuổi khác cãi lại:
- Đâu có. Chính ngay lúc bọn ăn cướp kia đến phá nhà Mệ Hoát, chúng tôi đã đi cửa sau vào lôi Mệ - lúc ấy đương trốn ở dưới gầm một cái tủ chè - để đưa ra cái hẻm ở sau nhà. Mệ không có làm sao hết.
- Thế thì bây giờ Mệ ở đâu?
- Thì các công các bà còn lại gì cái cảnh đạo tặc thủy hỏa xưa nay lúc nào chẳng thế: mạnh ai nấy chạy... Chúng tôi cũng phải tự lo thân, chạy lấy một ít đồ đạc. Đến khi quay lại thì thấy mất Mệ Hoát. Chúng tôi ngờ rằng Mệ đã gặp được một người quen đưa đi tá túc ở đâu rồi.
- Nhưng tôi nghe thấy thì lại khác: một bọn chó săn của Nhật, đi lảng vảng ở chỗ cháy để xem xét tình hình đã bắt cóc Mệ đem về giam giữ ở một căn cứ rồi ở đó Mệ bị tra tấn cực kỳ dã man cho đến chết và chết hai ba ngày rồi Mệ vẫn mở trừng trừng con mắt không làm sao nhắm được.
Người nói chuyện tặc lưỡi tiếp:
- Theo các cụ ngày xưa ghi lại thì có phải chết như thế là chết oan không?
- Chết oan hay không, chưa càn biết làm gì vội, nhưng chắc chắn chết như thế là chết tức tưởi, chết không nhắm mắt được. Người ta bảo rằng những người chết như vậy rất linh thiêng và sau này thế nào cũng báo oán kẻ đã hại mình...
Về cái chết của Mệ Hoát mỗi người nói một cách, thành ra không ai biết Mệ đã thật sự chết như thế nào, nhưng sau khi hỏa hoạn ở Chợ Quán này xảy ra được ít lâu thì hầu hết những người ở làng Thợ Đúc và những người ở con đường ngang nhà thờ Chợ Quán bây giờ (tức bên hông chùa "Nhơn Sơn Tự" và "Chùa Gia Điền" lúc đó) đều nhận thấy một sự việc giống in nhau, không ai chối cãi được.
Hàng đêm, nhất là hôm tối trời, và vào cái khoảng nửa đêm về sáng, khắp từ Tân Kiểng, Nhơn Giang, Bình Yên đến vùng Cây Mai, chùa Gò, người ta thường nghe thấy có tiếng khóc não nùng vẳng ra. Tiếng khóc đó, nhiều hôm gặp gió ngược hun hút đưa vào tới "Mả Biền Trụ" ở trên cánh đồng ruộng khỏi "Chợ Cây Da Thằng Mọi".
"Mả Biền Tru" còn gọi là "Mả Ngụy" hay "Đồng Tập Trận" nguyen là mả Ngụy Khôi" Khôi là người Nùng, bị Tả Quân Lê Văn Duyệt bắt được, nhưng thương tài không giết, nuôi làm dưỡng tử và lấy họ Lê. Đến khi Tả Quân mất đi, Khôi vì không chịu nổi được cử chỉ đê hèn, dê chó của bọn gia nô tham nhũng, nổi lên giết quan triều đình, chống lại chánh phủ trong ba năm trường. Sau, Khôi bị chết, triều đình mới hạ được thành Sài Gòn. Vua Minh Mạng, chưa đã giận, sau phá thành, san làm bình địa và giết gần hai ngàn dân lành, không phân biệt lớn nhỏ, trẻ già, chôn chung vào một huyệt.
Những người ở gần Mả Ngụy cho rằng tiếng khóc than vãn văng vẳng trong đêm khuya thanh vắng là tiếng khóc của ngót hai ngàn dân vô tội bị nhà vua ghép vào tội phản nghịch "theo giặc Khôi ở lại trong thành". Và sau này gặp đêm suôi gió, tiếng khóc than đó lại bay về hướng "Chợ Bột", Chợ Hôm, chợ Mai, thì người ta ngờ là không đúng. Do đó mấy người bạo dạn quyết tâm liều mạng đi xem xét coi tiếng khóc đích thực vẳng ra từ nơi nào thì

tất cả đều ghi nhận rằng phát ra từ khu nhà cháy ở Chợ Quán trước đây.
Họ kể lại như sau:
- Chúng tôi nhất định như thế, không có cách gì làm được. Thức mấy đêm liền để ngồi canh chừng ở đấy, chúng tôi không những được nghe thấy tiếng khóc phát ra từ những núi vôi gạch vụn mà chính mắt chúng tôi được vài lần trông thấy những bóng ma đi đi lại lại trên những cái nền nhà đổ nát tại đó: có cái bóng ôm mặt khóc rất lớn; có cái khuân vác những tảng vôi, hòn gạch chồng chất lên thành đống cao; lại có cái bóng cứ gập mình xuống đi đi lại lại như thể tìm kiếm vật gì rất lâu rồi vụt một cái kêu lên những tiếng thất thanh tức tưởi.

Chương 22

- Ông bạn! Hẳn ông bạn còn nhớ lần gặp gỡ đầu tiên, tôi có nói với ông bạn một câu về Trần Hữu Lăng tức Tôkubê liên quan đến đời tư của anh ta.
Ômya đặt ly rượu xuống bàn, thong thả hỏi tôi như vậy.
- Thú thực, tôi không còn nhớ nữa. Chớ câu chuyện đời tư của Tôkubê như thế nào?
- Tôi nhớ rằng lúc ấy ông bạn có nói rằng thỉnh thoảng Trần Hữu Lăng tức Tôkubê lại bỏ Sài Gòn đi về miền Trung để thăm gia đình tại đó. Tôi nói: "Theo chỗ tôi biết, Tôkubê không có gia đình, vợ con nào ở Việt Nam. Tôi còn nghĩ rằng ngoài người vợ và hai đứa con ở Nhật hiện nay, Tôkubê không thể lấy một người đàn bà nào khác. Ông bạn hỏi tôi tại sao thế. Thì tôi nhớ đã trả lời rằng câu chuyện ấy thuộc về đời tư của anh ta, chắc ông bạn không muốn nghe làm gì".
- Phải, tôi đã nói với ông như thế! Bởi vì tôi không muốn cho ai biết về đời tư của Tôkubê, nhưng đến hôm nay tôi thấy rằng không nói hết cả chuyện liên hệ đến Tôkubê thì không thể nào hiểu được tất cả bí ẩn trong cái chết của ông ta.
Mà nhiệm vụ của tôi là phải hiểu biết rõ về cái chết đó, vì một lời đã hứa với vợ con của anh ấy trước khi tôi dời Nhật để trở lại Việt Nam lần này.
- Ông hứa làm sao? Mà thật tình tôi nghĩ hơi tò mò: có lẽ mẹ và vợ Tôkubê đến tận lúc này vẫn chưa biết là anh ta đã chết, cho nên mới nhờ ông bạn sang đây tìm kiếm để biết tin tức phải không?
- Có lẽ vậy. Nhưng đó là chuyện sau này. Đã coi nhau là bạn thân thiết, không giấu diếm nhau điều gì trước sau thế nào tôi cũng nói hết cho ông bạn biết tất cả đâu đuôi gốc ngọn...
Nhưng bây giờ, tôi hãy nói về Tôkubê sau khi cướp một số cổ ngoạn của Mệ Hoát đem đóng thùng gởi về chôn trong cái kho tàng bí mật ở dãy Trường Sơn, còn một số thì đập phá tan tành rồi nổi lửa đốt cháy nhà Mệ Hoát làm cho hàng trăm ngôi nhà chung quanh đó thành ra tro bụi.
Theo lời anh bạn Nhật mà tôi gặp ở Phan Rang hôm Tết, Tôkubê sau khi đã làm xong hành động điên rồi, man dại đó, sống ngất ngư như một người si.
Ông bạn có quan niệm như thế nào là một người si không? Chiến tranh tàn phá trí óc của con người và tạo ra nhiều loại điên khùng khác nhau. Có người điên tưởng rằng mình được Trời phú cho làm cha thiên hạ; có người cho rằng mình càng giết được nhiều người thì càng có tiếng là anh hùng hảo hán; có người nghĩ rằng càng lợi dụng được chiến tranh, làm giàu trên xương máu đồng bào thì càng được tiếng là khôn; có người không có gì hết nhưng yên trí nếu không đánh địch thì mình mất hết không còn gì; có người cho rằng xứ mũ ni che tai, mặc cho thiên hạ chém giết nhau là ổn hơn hết, rốt cuộc thì là trời định đoạt, con người bé nhỏ làm sao mà lo liệu được... Có hàng ngàn thứ suy nhược thần kinh, có hàng ngàn thứ điên khùng do chiến tranh tạo ra, ông bạn ạ... Si là một thể của cái chứng suy nhược thần kinh đó, mà Tôkubê đã mắc phải sau khi cướp đi và phá phách các cổ ngoạn nhà Mệ Hoát.
Bắt đầu, anh ta mất hẳn trí nhớ, nói trước quên sau. Dần dần, anh ta sinh sự với tất cả những người là mtrái ý hay không làm trái ý mình. Những lúc lên cơn như thế anh cảm thấy co thể giết người như bỡn, nhưng nhiều khi sau đó thì lại thấy rã rời ra, không muốn gì hết, không thù hận ai hết, không muốn nói với ai hết. Anh ngồi ì ra đó hàng tiếng đồng hồ, mắt trân trân mở ra nhìn không chớp vào khoảng không, lòng vắng lặng như quán chợ chiều hôm nhưng có lúc lại rạt rào ý nghĩ chán chường, muốn tìm một cái gì mới nhất, lạ nhất để chết. Ở vào thời buổi chiến tranh; không có gì rùng rợn hơn là cái tư tưởng của con người khi con người cúi xuống nói chuyện với lòng mình và thấy tất cả cuộc đời mình chỉ là một số không, một cái gì tối ư vô nghĩa lý.
Tôkubê nghĩ gì về cuộc đời của anh? Về hành động của anh? Và sự tàn phá các thành phố, các công trình văn hóa, các tâm tình và đầu óc người ta do chiến tranh đã tạo nên?
Không có ai biết hết, nhưng cũng chẳng ai tìm biết làm gì.
Sự sợ chết, sự túng thiếu, sự lo đói làm cho lòng

người khô cằn lại và đầu óc của người ta trở nên ích kỷ hơn. Bởi thế, chẳng ai tự hỏi tại sao Tôkubê đương ngồi thần ra hàng tiếng đồng hồ lại ôm lấy mặt khóc rưng rức; tại sao Tôkubê đang ngồi lại đứng giơ hai tay lên như muốn thu can đảm lại để đối phó một vụ gì quan trọng lắm, tại sao Tôkubê đang nhìn vào bóng mình trong cốc rượu lại đổ hất cả chén rượu đi rồi cất tiếng hát như khóc như than, như gào như thét...

Nhưng không phải lúc nào Tôkubê cũng si dại như thế đâu, có những ngày, và có những khi anh tỉnh táo và nói chuyện tử tế, điềm đạm y như người bình thường vậy.

Có một hôm, chính anh bạn mà tôi gặp ở Phan Rang đã nói với Tôkubê:

- Tôi với anh làm việc cùng ở một cơ quan, biết nhau đã nhiều, tôi có một đôi điều muốn nói với anh.

Tôkubê cúi gập lưng xuống, trả lời:

- Không có gì quý báu hơn. Tình bạn ăn ở với nhau, chỉ cần có thế.

- Tôi thấy ít lâu nay anh không mạnh khỏe. Có lẽ chính anh không biết như thế, nhưng bè bạn của anh đều nhận thức như tôi.

- Anh nói đúng. Có lúc tôi cũng biết thế, nhưng biết làm sao bây giờ?

- Tôi không có tư tưởng cao xa. Tôi chỉ có những ý nghĩ thiển cận nhưng thực tế. Anh Tôkubê, anh nên nghe tôi, anh nên nghe những lời của chúng bạn. Anh phải kiếm một người yêu thương anh, trông nom sức khỏe cho anh và săn sóc anh, an ủi anh những khi tối đèn, tắt lửa!

Chưa bao giờ có ai lại thấy Tôkubê ôm mặt khóc lớn tiếng khóc não nùng, thảm thiết như hôm ấy.

- Nghĩa là anh bảo tôi kiếm một người vợ phải không?

- Chính thế.

Tôkubê đứng dậy, cúi gập lưng xuống lạy người bạn, vừa khóc vừa nói:

- Tôi xin cảm tạ anh và các bạn và xin thề là cho đến khi chết tôi cũng không quên được cảm tình của các anh đối với tôi. Nhưng bất cứ điều gì tôi cũng không thể nghe theo lời các anh được, tôi đã suy nghĩ kỹ lắm rồi...

- Tôi biết là anh sẽ phải trả lời như thế. Anh không muốn phụ vợ, dối con ở Nhật, nhưng anh lầm rồi: đàn ông lấy năm thê bảy thiếp là chuyện thường. Vả lại trường hợp của anh là một trường hợp đặc biệt, anh lấy một người nào ở đây có phải là vì đam mê, sa ngã gì đâu, nhưng lấy là để cho có người làm bè bạn và trông nom săn sóc trong những lúc trở trời trái gió.

- Không, tôi không hề băn khoăn về điểm đó. Nhưng tôi không thể nào lấy được. Tôi đã suy nghĩ nhiều đêm lắm rồi anh ạ, tôi không có quyền lấy bất cứ người đàn bà nào khác nữa, ngoài o Phương Thảo.

- Phương Thảo là ai vậy?

- Anh không có quyền biết.

Người bạn tưởng chừng Tôkubê lại sắp lên cơn nói sảng gì đây nên gạt đi không nói nữa, nhưng Tôkubê như không hề để ý cứ nói tiếp và nói như thể cho chính mình nghe vậy:

"Nhưng bây giờ, ví thử chính Phương Thảo có sống lại mà lấy tôi, tôi cũng không lấy nữa. Là vì ít lâu nay, tôi đã hiểu tôi hơn: tôi không phải là thằng người anh ạ, nhưng chính là một con quỷ - một thằng người mà chiến tranh đã biến thành con quỷ - mà con quỷ không có quyền lấy vợ để sinh ra những con quỷ nhỏ kế tiếp nhau là dơ dáy loài người, làm nhớp nhúa thêm trái đất đã tràn đầy nhớp nhúa".

Càng nghe, người bạn lại càng không hiểu Tôkubê nói gì. Ông Ômya im lặng một giây, hút hết nửa điếu thuốc mới nói tiếp với tôi:

- Chính lúc anh bạn tôi thuật lại câu chuyện cho tôi nghe vẫn không hiểu, và yên trí Tôkubê lên cơn nói nhảm.

Riêng tôi hơi hiểu, nhưng không nói ra làm gì. Thâm tâm tôi mừng một chút là vì thấy Tôkubê đã nhận thức được phần nào cái thực chất của mình và tỏ ra hối hận về những hành vi tàn ác mà mình đã tạo ra.

Tôi thành thật hy vọng rằng sự cảnh giác đó sẽ lần lần cải hóa để giúp cho tội lỗi của anh mỗi ngày mỗi vơi đi.

Nhưng tôi đã lầm. Thực sự là không có cái gì bí hiểm, phức tạp hơn con người ở trên cõi đời này, ông bạn ạ.

Tôkubê nhận mình là con quỷ và hiểu rằng những hành động của y là hành động phi nhân loại - điều đó thành thực và rất thành thực - nhưng y chỉ nghĩ thế mà thôi, biết thế mà thôi, chứ đến khi hành động thực tế thì cái ám ảnh làm anh hùng, cái ám ảnh không chịu thua ai, không chịu nhận mình đã lầm lặc, cái ám ảnh cho rằng mình đứng trên hết mọi người, không có ai có thể đụng chạm đến mình được, cái ám ảnh ấy vẫn hướng dẫn chi phối anh ta

trong mọi lời nói và hành vi cử chỉ.
Những lúc đó, Tôkubê lại hiện nguyên hình thành một người hùng hổ, hiếu chiến, không hề chịu thú nhận với ai rằng mình lầm lạc và không chịu quỳ xuống xin lỗi những người mình đã ám hại và gây tang tóc, hơn thế, anh ta lại kiếm cách bịp bợm để lừa đảo họ cho họ vào tròng, và nếu có cách gì làm cho họ chết được Tôkubê cũng không e ngại.
- Ông bạn! Có phải trong cuộc đời ông đã từng gạp những kiểu người như thế rồi phải không? Đó là những người có lúc thương yêu đồng bào thật thương yêu, nhưng một khi đụng chạm đến quyền lợi, ý thức hệ - nếu có - thì họ chỉ nghĩ cách để tiêu diệt người khác, làm như chỉ có những người như họ mới có quyền sống, ngoài ra nên thanh toán hết để cho đời đỡ chật vật.
Có khi muốn thực hiện chủ trương đó họ đeo cái mặt nạ hiền hòa và nói ra những lời nhân ái, nhưng cũng có khi họ tỏ ra trắng trợn và không ngại nói to những ý tưởng đen tối, rùng rợn bò lổm ngổm trong đầu óc họ như những con rắn độc.
- Thế sau đó, Tôkubê ra sao? Anh ta nhận thức mình là quỷ, nhưng vẫn tiếp tục gây những tội ác như trước hay sao?
- Đúng thế. Điều quan trọng nhất mà tôi sắp nói đến đây: sau mười một tháng trời nằm ở quân y viện và được thuốc thang chữa chạy tận tình. Tôkubê khỏi bệnh và trở lại khỏe mạnh như ngày trước. Người ta vẫn thường nói rằng một tin thần mạnh phải nằm trong một thân thể khỏe mạnh. Ở trường hợp Tôkubê, cái tinh thần mạnh khỏe ấy lại hại y, sau khi thân thể y khỏe trở lại, nghĩa là bao nhiêu ý tưởng "yếu" tan mất nhường chỗ cho những ý tưởng "mạnh" lại là những ý tưởng hạ người khác để cho mình lên, giết người khác chết đi để cho mình sống, uy hiếp người khác để cho mình đè đầu cưỡi cổ....
Thưa ông bạn, chính những lầm lạc đó đã giết chết Tôkubê lúc ở nhà ông bạn ăn tân gia ra về.

Chương Hai Mươi Ba

Tôi giật mình khi nghe thấy ông Ômya nói thẳng vào tai tôi như thế.
Tính đốt tay, tôi biết ông Ômya đã được hơn hai tháng. Thực tình, lúc mới biết ông tôi cũng có giữ gìn ý tứ trong cử chỉ và lời nói (vì nói thực bao giờ tôi cũng nghi ngờ những người ngoại quốc tự động đến tìm tôi) nhưng ít lâu sau này thì tôi mến ông thực tình.
Ấy là vì trong những lúc nói giỡn hay kể cho nhau nghe những chuyện đứng đắn cũng như lúc àn về thời thế trong những khi uống nước suông hay nhậu nhẹt say sưa bí tỉ, ông Ômya lúc nào cũng tỏ ra là một người lịch sự, có một thái độ nghiêm túc, với những lời bình luận triết trung nhân ái.
Thường thường, ông cũng giữ gìn lời nói không dùng những ý kiến hay danh từ gì quyết liệt. Thế mà hôm nay, kể xong câu chuyện đem từ dãy Trường Sơn về... Ông Ômya gật đầu và nhắc lại:
- Vâng. Chính những lầm lạc đó đã giết chết Tôkubê lúc ở nhà ông bạn ăn tân gia về... Nhưng xin nsoi ngay rằng đó chỉ là ý nghĩ của tôi thôi, xin tùy nơi ông bạn suy xét mà cho là say hay trúng gió.
Trước khi nghe ông bạn đưa ra ý kiến, ta hãy cùng nhau tóm tắt câu chuyện Tôkubê như thế này: Trần Hữu Lăng, bạn tôi, là một người Nhật tên là Tôkubê. Anh ta làm mật vụ phụ trách trông coi một kho tàng ở dãy Trường Sơn, không có vợ, có con ở Việt Nam. Hồi Nhật chiếm đóng ở đây, anh muốn lấy một cô gái tên là o Phương Thảo, cháu của Mệ Hoát, nhưng cả Mệ Hoát lẫn cô gái khước từ tình cảm của anh nên anh nổi nóng phá hết cả cái lâu đài của Mệ Hoát cướp đi một số cổ ngoạn đem đi. Phương Thảo đã tự trầm và Mệ Hoát chết trong ngọn lửa. Tôi di cư vào Nam ở cái nhà xây trên cái nền cũ nhà Mệ Hoát, đêm đêm tôi thấy bóng ma Mệ Hoát và o Phương Thảo hiện ra nhưng tuyệt nhiên không làm hại gì đến tôi hay là các bạn hữu của tôi. Duy có một người bị hai cái bóng ma lưu ý từ bao giờ không biết đó là Trần Hữu Lăng tức Tôkubê. Hai cái bóng ma đó đã mấy lần hiện ra gần Trần Hữu Lăng. Họ làm gì, nói gì bên tai Lăng thì tôi không biết. Và cũng không ai biết vì Trần Hữu Lăng lầm lì ít khi tỏ bày tâm sự với ai. Chỉ biết rằng lần sau càng thấy hai cái bóng trắng ấy hiện ra thì Lăng nổi nóng không chịu được nên cất lời chửi rủa tàn tệ và cầm ly vác ghế ném vào hai cái bóng ma đó như muốn thanh toán dứt khoát hai cái hình ảnh làm cho mình khó chịu và bất mãn.
Thế rồi đến hôm ăn lễ tân gia, Lăng đang khỏe mạnh như bình thường nhưng khi mới bước chân chưa ra khỏi nhà tôi thì có những cái roi vô hình quất vào đầu và mặt y cho đến khi y ngã lăn ra tại chỗ. Chở chưa đến bệnh viện thì y đã chết. Lúc nhập quan tài, người ta thấy toàn thân y bầm tím và trầy trụa như bị miểng sành, miểng sứ đâm vào thịt...
Tất cả câu chuyện rút lại như thế, phải không? Tôi

không hiểu tại sao ông bạn lại cho rằng Trần Hữu Lăng chết vì những ý niệm sai lầm của anh ta về hai chữ anh hùng, về ý nghĩa của sự sống mạnh? Hỏi vắn tắt đã: theo ông bạn, Tôkubê chết do ai giết? Có nói rõ ra thì mới có thể có một ý nghĩ khái quát về lời quyết đoán của ông bạn được. Ông bạn nghĩ sao?
Ômya không trả lời tôi ngay. Ông hỏi:
- Có tiếng gì lào xào ở vườn đàng sau như thể có nhiều người nói cùng một lúc vậy ông?
- Không mà, có gì đâu.
Ông lặng im, đợi một lúc coi. Đó là tiếng người hay tiếng chân con vật gì đi trên lá mà kêu lào xào như vậy?
- Tôi nghe một chút nữa:
- Ô, tưởng là gì! Đấy là tiếng gió đập và những cành y lăng ở sau vườn nhà tôi đấy mà.
- Thế mà tôi cứ tưởng là tiếng chân người đến rình rập chúng ta trò chuyện. Uống đi ông. Cái chai rượu này ngon lắm, người bạn của tôi ở Phan Rang biếu tôi hai chai đem về.
Ông Ômya uống cạn ly rồi tiếp câu chuyện đang bỏ dở:
- Ông hỏi tôi nghĩ sao à? Tôi không có nghĩ sao cả. Tôi chỉ biết tôi tin tưởng rằng linh hồn của người ta sau khi chết rồi vẫn cứ tồn tại như thường và có thể hiện lên, nếu cần. Có người bảo thế là "người chết hiện hồn" nhưng có người lại gọi là ma. Theo tôi, hai thứ đó chỉ là một. Trường hợp Mệ Hoát và o Phương Thảo mà chúng ta đã biết không phải là trường hợp chưa từng thấy từ trước đến nay. Chính một người cô tôi ở Nhật cũng đã bị một cái linh hồ về trả oán và cũng lấy roi quất thâm tím cả mặt mày.
- Nói vậy thì ra ông tin là linh hồn của người chết có thể trả thù người còn sống một cách cụ thể hay sao?
- Tôi tin, mà cũng không tin. Tôi chỉ biết nhận xét như vậy mà thôi. Vả lại, tôi không còn cách gì khác để mà luận về cái chết của Tôkubê nữa.
Thú thật với ông bạn, từ sau hôm hội kiến với ông bạn lần thứ nhất ra về, tôi đã đi tìm mấy người bạn Nhật còn ở lại đây sau khi chiến tranh kết thúc mà tôi biết là vẫn còn thường đi lại với Tôkubê. Tất cả những người đó đều công nhận rằng ít lâu trở lại đây, Tôkubê khỏe mạnh không có bệnh tật gì. Xem lá phiếu khám sức khỏe tổng quát hàng năm của y còn lưu lại trong nhà thương Đồn Đất, gan, phổi, tim, máu, nước tiểu của anh ta bình thường. Một người như thế, theo khoa học mới, không thể chết bất thình lình được.
Chỉ còn cách bảo là y say rượu hay bị đứng tim hoặc đứt gân máu. Thì giả thuyết đó lại cũng không chắc chắn nữa: thứ nhất, ông già Yên, không uống rượu và rất tỉnh táo đã xác nhận là Tôkubê hôm đó không say, mà chính ông cũng thấy như thế vì ông bảo "Tôkubê hôm đó tỉnh táo và cười nói như thường", thứ hai là giấy chứng chỉ của thầy thuốc khám nghiệm tử thi của anh ta ghi rõ ràng là Tôkubê không bị nghẹt tim, cũng không hề bị đứt gân máu, bây giờ chỉ còn cách bảo là y bị người ta chài ếm.
- Ủa, ông bạn cũng tin là có chài ếm nữa hay sao? Tôi vẫn thường nghe thấy nói rằng có những người thù oán ai thường chài ếm thư phù kẻ thù cho đến chết hoặc ếm một con dao ở trước cửa nhà, hoặc chài một con vịt con gà vào trong bụng nó; có khi thư cả một hộp đinh hay một mới kim vào bụng; lại cũng có trường hợp ngồi ở nhà mà phù cả một miếng da trâu vào bụng những người mình muốn hại. Tôi không hiểu là thực hay hư.
- Điều đó, tôi có thể quả quyết với ông là mắt tôi đã được trông thấy rồi, hồi tôi đến Việt Nam lần đầu tiên.
Có được trông thấy thế tôi mới tin chứ thực tình trước đó tôi cho là huyền hoặc, dù tôi đã đọc nhiều sách của PHáp nói về vấn đề chài ếm.
Phải, tôi nhận là có thực và tôi tin hết sức những trường hợp phù ếm ghe trong một cuốn sách có nhan đề là "Amulettes et envoutement" của mười hai "y sĩ thuộc địa" trong đó có một ông hiện giờ vẫn còng nổi tiếng ở nước Pháp. Ông Huard soạn thảo mà tôi còn nhớ rõ có in kèm nhiều hình ảnh. Điển hình nhất về chài ếm, cuốn sách này đã kể trường hợp một người nông dân Bắc vì vấn đề sinh sống phải lên mạn ngược làm ăn rồi không hiểu vì công nợ hay thù óan ra sao khi anh ta trở về kinh thì bị bệnh, bụng cứ to lên như cái trống và đau đớn chịu không thấu.
Chụp hình quanh tuyến thì thấy bụng người bệnh đen òm. Lấy kim chích xem có nước ở trong như trường hợp bịnh báng thì không có nước mà mũi kim tiêm lại bị cong queo. Sau gần một tháng xoay sở đur cách không ăn thua gì hết, các bác sĩ chán nản và gần như chịu thua bó tay may sao gia đình người bệnh xin cho y ra khỏi bệnh viện đem về nhà rồi họ rước một ông thầy đến coi thì thầy bảo là bệnh nhân bị ếm một miếng da trâu. Thầy cho bùa

uống rồi làm phép được vài hôm thì bụng người bệnh nhân nhỏ dần. Cuối cùng, ông thầy đánh vào bụng bệnh nhân mấy cái thì từ trong thịt ở bụng người bệnh lòi ra một miếng da trâu có lông to bằng đồng xu. Sau đó người bệnh nhân hết bệnh, lần lần khỏe lên rồi trở lại bệnh viện cho bác sĩ chụp hình lại thì thấy lần này họ thấy cái bụng của người bệnh như người bình thường.

Ông bạn! Sao tôi lại không thể nghĩ rằng Tôkubê chết vì bị người ta chài ếm? Nhưng về điểm đó, tôi cũng đã suy nghĩ kỹ rồi: phàm người bị chài ếm thì phải khó chịu đau đớn trong lòng, trong ruột cả mấy tháng trời rồi mới chết, chứ đâu có chết tức tưởi như vậy, với lại tôi đọc sách nhưng không thấy quyển nào nói bị chài ếm mà chết đột ngột, chết bất thình lình như trường hợp anh bạn của chúng ta.

Bây giờ, tôi biết kết luận thế nào đây? Tôi chỉ còn biết tin vào lời của ông Yên đã nói với ông sau khi Tôkubê ngã lăn ra ở bực cửa nhà ông: "có một cái gì như thể một mớ roi da từ một chỗ rất kín đáo ở ngay gác sân thòng xuống, sáng lòe lên rồi quất lia lịa vào đầu vào mặt ông Trần Hữu Lăng kỳ cho đến khi ông ấy ngã lăn ra mặt đất, co quắp chân tay lại như đống giẻ rách."

Vào những ngày đầu năm ở miền Nam, cái lạnh năm tàn vẫn còn sót lại vào cái khoảng nửa đêm về sáng. Gió bây giờ thổi mạnh hơn, các cành y lăng vỗ vào nhau kêu rắc rắc. Một mùi thơm nửa như dạ lan hương, nửa như móng giồng tạt vào trong căn gác lạnh có hai người già ngồi đối ẩm với nhau. Tôi đứng dậy pha một tuần trà uống cho ấm lòng trong khi ông Ômya ôm cái gối vào lòng cho đỡ lạnh mà ngồi thừ ra suy nghĩ còn đôi mắt thì cứ ngó trân trân ra khoảng vườn tối mù mù ở bên ngoài. Rồi đột nhiên ông nói:

- Nhưng bóng ma Mệ Hoát và o Phương Thảo hiện lên nói với Tôkubê những gì, tôi rất tiếc là không ai biết hết...

Chương Hai Mươi Bốn

- Tiếc thật! Nhưng làm thế nào được? Mình có nghe thấy khỉ mốc gì đâu!

Tôi vừa chuyên trà từ cái tống sang hai cái chén quân, vừa nói với ông Ômya như thế.

Thế cho nên tôi mới bảo là rất tiếc. Tuy nhiên, theo ý tôi, mình có thể tưởng tượng được ra nội dung câu chuyện giữa hai bên mà không sợ sai sự thật. Tôi nhớ rằng ông bạn, lúc thuật lại câu chuyện cho tôi nghe, đã hai lần nói rõ rằng Mệ Hoát và Phương Thảo trong lúc hiện ra ở nhà ông để tìm kiếm đồ vật ở dưới chân bàn, góc tủ đã trông thấy Tôkubê (lúc ấy tên là Trần Hữu Lăng) mấy lần rồi, nhưng bỏ đi và ra ngoài nói thì thầm với nha. Mãi sau này, hai cái bóng ấy mới tiến đến đứng ở cạnh Tôkubê và rồi nói nhỏ vào tai Tôkubê, và Tôkubê đã nổi giận lên chửi bới, xô bàn đẩy ghế, rượt theo hai cáo bóng rồi ném ly, xô ghế muốn đánh chết hai cái bóng ấy cho hả giận. Có phải thế không?

- Đúng như vậy. Nhưng mà ông bạn nói thế để rồi đi đến kết luận thế này:

- Trần Hữu Lăng tức là Tôkubê, là người đã hãm hiếp o Phương Thảo để cho nàng phẫn uất mà phải đâm đầu xuống sông tự tử, và là người đã đập phá không biết bao nhiêu báu vật ở nhà Mệ Hoát rồi lại cướp những thứ mà y không đập phá được mang đi, người, là người đổ xăng lên khắp ba gian nhà rồi nổi lửa lên để đốt làm cho bao nhiêu cổ ngoạn còn sót lại đều bị cháy, bị nổ, bị tan thành than hết. Sau khi Mệ Hóat và o Phương Thảo nhận diện ra được kể thù phá nhà, cướp của và hủy diệt cổ ngoạn quý báu hơn cả các kho tàng của vua chúa, Mệ Hoát và o Phương Thảo chưa đinh ngay được thái độ phải đối phó với Tôkubê ra thế nào. Người ta, nhất là những người có học, bao giờ cũng giàu lòng tha thứ phải không, ông bạn? Kẻ thù của ta, dù ghét cách mấy đi nữ mà đã ngã ngựa rồi, ta cũng thấy thương. Tôi nghĩ rằng hai cái hồn ma Phương Thảo và Mệ Hoát dù thù oán Tôkubê cách mấy đi nữa, dù có lần đã nói với ông rằng "phải lấy oán trả oán, chớ có phải là Phật hay Chúa đâu mà đi trả oán bằng ân", nhưng đến lúc hành động thì lại thấy không đành lòng... Vì thế mới có chuyện "hai cái bóng sau khi gặp Tôkubê mấy lần đã bỏ đi và ra ngoài nói thì thầm với nhau."

- Ờ, họ nói gì? Ông thử đoán xem sao.

Tôi nghĩ thế này: người da vàng, nhất là người Việt có tâm hồ kỳ lạ hết sức, khó hiểu hết sức. Có nhiều khi, chính họ giữ lẽ phải ở trong tay, chính họ nắm được ưu thế thì họ lại nhường đến cái mức tự làm mình bé nhỏ để van xin kẻ thù, họ tự hạ họ xuống và đưa kẻ thù lên cao...

- Ông bạn ơi, có phải tôi đã nói với ông bạn rằng chính Tôkubê đã chết vì y đã bị chính tim gan y phản y không?

- Phải, Tôkubê chết, theo ý tôi, chính là vì hai chữ anh hùng mà y đã quan niệm một cách lầm lạc, y chết vì y nuôi nhiều tham vọng quá, y tưởng rằng chỉ có y mới là người xứng đáng làm chủ còn bao nhiêu người khác thì đều hèn hạ.

Tôi nghĩ rằng Mệ Hoát và o PHương Thảo đã nói với Tôkubê với những lời lẽ ôn hòa khiêm nhường theo lối đó. Có thể họ van xin Tôkubê thương tình mà nghĩ lại, chỉ họ chỗ cất giấu những cổ ngoạn còn sót lại để thọ thỉnh thoảng được đến ngắm nghía cho khuây khỏa lòng.
Nhưng cái máu "anh hùng" mưu toan chinh phục người khác làm nô lệ cho mình, cái quan niệm lầm lạc tự cho mình là mạnh mà mạnh thì làm cái gì cũng được... và cũng chính vì ý niệm đó đã giết chết y. Anh ta tự giết mình mà không biết cxung như anh ta không biết rằng hai cái bóng gầy còm èo uột đó tiềm tàng ở bên trong một sức mạnh vô bờ bếntạo ra bằng lòng căm thù. Tôkubê đã chết một cách tội nghiệp vì những mớ roi phát ra từ chỗ vô hình quất vào đầu vào cổ, vào thân thể cho đến lúc ngã lăn ra chết ngất trên mặt đất.
Tôi lặng im, không nói một hồi lâu. Lúc ấy đêm đã khuya lắm. Ở bên ngoài, không có tiếng một người đi lại. Thỉnh thoảng chỉ có tiếng máy xem của một chiếc xe nhà binh chạnh như bay trên đường. Lá y lăng gặp gió mạnh kêu lào xào như gọi nhau đề phòng như bất trắc đang rình mò trong đêm tối. Xa xa, có tiếng quạ kêu ong óng buồn. Tôi chép miệng:
- Tội nghiệp!
- Ông bảo tội nghiệp gì?
- Tội nghiệp cho Tôkubê. Chớ chẳng lẽ tội nghiệp cho con quạ kêu sương sao.
Ômya cười lạnh lẽo, nói:
- Nếu phải tội nghiệp cho Tôkubê, tôi là người đầu tiên tội nghiệp cho y vì tôi đã thấy gia đình y khắc khoải chờ đợi y như thế nào... Họ nhờ tôi nhiều việc... Nhưng chỉ tội nghiệp cho Tôkubê thôi thì không đủ. Những người như chúng ta phải tội nghiệp cho tất cả... vì tất cả đều đáng cho ta thương hại. Trước khi tội nghiệp Tôkubê, sao ta không biết tội nghiệp Mệ Hoát và o Phương Thảo và bao nhiêu cổ ngoạn tốt đẹp yên ổn qua bao thế kỷ nhưng tự dưng ở đâu có người lạ đến đập phá tan tành, đốt nhà đốt cửa...
Những người biết suy nghĩ đều cảm thấy một cái buồn mênh mông lan tràn trên dương thế và cái kiếp vận của con người thật não nùng ai oán. May là các nhà trí thức, các vị tu hành, các ông giáo chủ lại nghĩ ra được đạo giáo này, đạo giáo kia để ru ngủ người ta, họ chủ trương rằng người ta sống khổ ải ở trên thế gian này khi chết đi tức là hóa sinh, tức là liễu đạo, vì vậy người ta mới không được phép tự tử, trái lại người ta lại cố sống để chờ ngày ra đi sung sướng hơn hiện tại bi thảm, nhục nhã, đau khổ này.
- Không có lúc nào, mà tôi thấy ông bạn bi quan như hôm nay.
- Có công việc làm để quên đi thì thôi, còn khi rảnh rỗi lại suy nghĩ đến thì trong lòng lại buồn ray rứt, tuy không nói ra mà thôi.
- Sống đã khổ trăm đường ngàn nỗi, con người đến lúc chết có được sung sướng hơn hay không?
- Tôi chưa được thấy một người nào, chết mà vui vẻ, đẹp đẽ hết. Có người chết vì đói, có người bị xe nghiến nát nhừ; có người lại chết trong lúc đang tràn trề nhựa sống, có người lại chết nơi tha phương không được người thân nào vuốt mắt, ấy là chỉ nói đến thời bình. Còn chết trong thời loạn nalj càng rùng rợn hơn. Đương sống yên vui với vợ con tự nhiên bom đạn dội xuống chết lòi ruột nát thay, có người lê gót cả ngày đi kiếm miếng ăn cho gia đình thì bị mìn nổ cụt cả tay chân, có người để vợ chữa ở nhà đi hành quân bị chết nơi xa trường v.v...
Nghĩ đến bao nhiêu cái chết đó, tôi buồn hết sức.
- Về cái chết của Tôkubê, mới nghe thì thê thảm nhưng nghĩ kỹ lại một chút tôi thấy cũng thường như bao nhiêu cái chết khác trong thời chiến tranh. Tuy có một điều tôi băn khoăn một chút là tại sao sau khi chết, mặt mũi và thân thể Tôkubê lại bầm nát và trầy trụa những bị những miếng gì đâm lủng da lủng thịt.
- Ông Tư (ông Ômya bây giờ kêu tôi bằng ông Tư), ông Tư à, không phải chỉ có một mình ông nói cho tôi biết như thế đâu. Đọc tờ chứng nhận của viên bác sĩ khám nghiệm tử thi Tôkubê, hiện còn lưu trữ trong nhà thương Đồn Đất, tôi cũng thấy ghi như thế mà không có kết luận. Thế nghĩa là sao? Bác sĩ không biết lý do? Có lúc nào người ta nghi ngờ rằng ở sau cái chết này có một vụ đầu độc không?
- Điều đó, ông bạn khỏi lo. Ít lâu sau đó, nhà hữu trách đã mời tất cả những người ăn tiệc tân gia hôm đó ở nhà tôi lên cơ quan xét hỏi, nhưng tuyệt nhiên không tìm được điều gì hữu ích chứng tỏ Tôkubê bị người ta mưu hại. Tôi còn nhớ lời chứng của hai bác sĩ khác đã nói hôm thẩm vấn cuối cùng: nếu người chết bị đầu độc, các dấu hiệu hiện ra trên da thịt và mắt mũi sẽ thành những vệt đen và chung quanh miệng, mắt và ở bụng sẽ có những lằn đỏ khác thường chứ không bao giờ thịt da lại bị lủng từng lỗ nhỏ như bị những cái miếng gì đâm vào.
- Thế rồi họ kết luận ra sao?

- Không ai kết luận gì cả. Như tôi đã có lần nói với ông, việc ấy xếp lại, không xét nữa.
- Không xét nữa là phải. Đưa ra vấn đề ngộ độc hay đầu độc chỉ là để nói cho đủ lẽ mà thôi, chứ thật ra tôi không có một chút nào tin rằng có vấn đề này.
- Thế thì theo ý ông tại sao mặt mũi đầu cổ của Tôkubê lại có những vết lạ kỳ như vậy?
- Đã nghĩ rằng thuyết linh hồn có thực thì phải nghĩ cho đến hết chứ không thể nghĩ nữa chừng mà thôi. Có phải ông Tư đã có lần nói cho tôi nghe rằng những báu vật trong thiên hạ có thần linh phải không?

Ngay bây giờ đây, các sách Đông Phương trong đó có cả nước Nhật mỗi khi nói đến việc đúc gươm vẫn thường kể lại những cây gươm thần khi đêm thanh vắng phát ra tiếng gươm đao va chạm nhau, còn nói về hột xoàn thì họ nhắc đến những hột xoàn nổi tiếng làm chết liên tiếp hàng chục người bạc phúc mua về để đeo...
- Ông bạn nói thế để đi đến kết luận gì, tôi không hiểu được.
- Báu vật đã có thần linh thì cái miếng của nó cũng linh thiêng lắm chứ không phải đùa. Tôi không biết nhiều về lịch sử Việt Nam nhưng nhớ rằng hình như có một ông tướng Tây Sơn, phò mã Nguyễn Văn Trị, đã tin như thế về sự linh thiếng của miếng sành miếng sứ và đã nói ra ý nghĩa ấy trong một bài thơ, để tôi đọc cho ông nghe nếu có sai chữ gì thì ông cứ tự do chỉ bảo:

Sa cơ một chút hóa tan tành
Thiên hạ đều kêu miếng miếng sành
Sắc lẻm như gươm, người gớm mặt...
Có thuở làm chông giữ vách thành
Chuông khánh dầu ai không dám sánh
Gõ chơi cũng có tiếng canh canh!

Thế nghĩa là...
- Phải. Nghĩa là tôi tin rằng Tôkubê chết một cách không tự nhiên. Tôkubê chết vì bị hồn linh báo oán, mà những vệt bầm tím lỗ chỗ trên da thịt anh ta chính là những miếng sành miếng sứ của Mệ Hoát do anh ta đập phá còn lại trên nền gạch đâm lủng da lủng thịt anh ta.
- Tưởng tượng đến như thế thật kỳ lạ, tôi không bao giờ có thể nghĩ một cách mơ hồ đến như thế. Nhưng mà ông có thể giải thích cho tôi biết sơ sơ tại sao hay vì lý do gì ông lại đi đến cái giả thuyết đó?
- Đã giải thích được thì sao lại gọi là huyền bí? Nhưng đưa ra giả thuyết ấy thì tôi phải dựa vào một hai chứng tích...

Đây, ông bạn xem đây rồi biết tôi nghi ngờ về cái chết của Tôkubê như vậy có phải hoàn toàn mê tín dị đoan không?

Chương Hai Mươi Lăm

Ômya nói đến đây thì kéo cái túi vải ông ta thường đeo ở trên vai xuống, chậm rãi mở ra, lục ở bên trong lấy một phong bì dày cộm và đặt trên cái kỉ mà chúng tôi đang uống trà.

Tôi đưa mắt nhìn ông không hiểu gì cả. Ông nói:

- Không. Ông bạn cứ tự nhiên mở ra mà coi thong thả, không cần phải giữ gìn gì hết. Tôi lấy cái phong bì này ra chính là để cho ông coi mà!

Thấy ông Ômya bảo thế, tôi cầm cái phong bì khá nặng, ước lượng xem bên trong đựng gì.

Món quà? Quyển sách? Hay cây súng tặng tôi?

Tôi ngần ngại chưa mở ra thì ông Ômya đã đỡ lấy, mở cái băng keo ra.

Thì ra đó chỉ là mấy tấm hình Tôkubê chụp ở Nhật trước khi sang công tác tại Việt Nam hồi Thế Chiến Thứ Nhì, với một sắp thư từ thì viết trên giấy học trò, tất cả đều bằng chữ Nhật. Tôi hỏi:
- Ông đưa những thứ này cho tôi để làm gì?
- Để ông coi mà.
- Đây là những bức hình của Tôkubê. Đúng, anh ta đúng là Trần Hữu Lăng. Nhưng còn những thư từ này, ông đưa cho tôi vô ích vì những chữ này đối với tôi không khác gì chữ Hy Lạp. Tôi còn biết gì mà đọc?

Ômya cho tôi biết những thư này là thư trao đổi giữa ông với mẹ và vợ Tôkubê trong ba tháng vừa qua. Tất cả đều đánh dấu theo thứ tự ngày gửi đi cũng như ngày nhận được, bởi vì ông Ômya giữ cả những bản sao các bức thư của ông giử về Nhật cùng với những thư của vợ Tôkubê gửi cho ông.
- Tôi đã nói nhiều lần với ông rồi, tôi và Tôkubê là bạn cũng làm việc với nhau, hơn thế còn là bạn đồng hương nữa.

Trước hôm tôi dời Nhật để đi Việt Nam chuyến này với tư cách là một mại bản đại diện cho một công ty sản xuất mái in ốp-sết, mẹ và vợ Tôkubê có tìm gặp tôi, khẩn khoản nhờ một việc là kiếm giùm Tôkubê xem hiện giờ đang ở đâu và sinh sống như thế nào mà hơn một năm trời nay không thấy một tin tức gì gửi về. Trước đó, xuân thu nhị kỳ, Tôkubê còn một vài lá thư nhờ những người bạn Nhật di đi về về trao tay cho vợ con ở Kyôtô cho biết đời sống của anh ở Việt Nam và hỏi thăm sức khỏe hai đứa trẻ,

nhưng một năm trở lại đây, quái lạ, sao không thấy thư từ gì hết? Chẳng biết anh ta còn ở Việt Nam không? Hay bị bắt bớ, tù tội rồi? Hay là...
Ômya hứa chắc với mẹ và vợ Tôkubê rằng đến Việt Nam, ông sẽ tìm các cách để hỏi thăm cho ra tin tức Tôkubê và nếu không có gì trở ngại thì sẽ tìm gặp người bạn đó và đồng thời lại hứa sẽ có thư liền liền về Kyôtô để cho gia đình Tôkubê biết rõ diễn biến cuộc kiếm tìm đó ra sao.
Đây là nội dung các bức thư xếp theo thứ tự ngày tháng, trao đổi giữa hai bên mà ông Ômya đã lần lượt dịch cho tôi trong hai ngày liền.

Sài Gòn ngày 26 tháng 4 năm 1956
Thân gửi chị Tôkubê
"Tôi đã tới Việt Nam được ba hôm rồi. Mai một tôi sẽ ra miền Trung gặp anh bạn của tôi hỏi thăm tin tức về Tôkubê. Tôi chưa biết nên đi máy bay hay đi xe đò. Máy bay tương đối an ninh hơn nhưng lấy được một tấm giấy để đi thì khó lắm, có khi phải mất hai ba ngày; còn đi xe đò thì dễ dàng hơn nhưng lại sợ xảy ra tai nạn.
Nhưng dù sao tôi cũng đi và làm cái công việc mà bác và chị đã giao phó cho tôi. Chị yên tâm. Chúc cả nhà vui mạnh.

Kyoto ngày 4 tháng 5 năm 1956
Thân gửi ông Ômya
Tôi đã nhận được thư anh, đọc cho cả nhà nghe ai cũng lấy làm xúc động về tấm lòng tốt của anh đối với gia đình chúng tôi.
Riêng tôi biết làm phiền anh rất nhiều, nhưng không quấy rầy anh thì tôi biết trông vào ai nữa đây?
Anh Ômya, tôi nói thật với anh rằng tôi không hiểu vì sao ít lâu nay tôi nóng ruột khác thường, lúc nào hình như cũng lo sợ một cái gì không tốt xảy ra. Chồng tôi là người nóng tính lại không khéo ăn nói, đôi khi lại độc đoán dễ làm mất lòng người ta... Tôi van vái trời Phật cho anh gặp được nhà tôi. Anh lựa lời khuyên bảo chồng tôi anh nhé! Ở đất nước người, không phải chuyện dễ đâu. Hơn nữa, nếu anh xét là nên làm, anh vì mẹ tôi, vì tôi, thương lấy hai cháu thì khuyên chồng tôi tìm cách để mà hồi hương thì lại càng quý.
Tôkubê sống đơn chiếc không có tôi ở bên cạnh khuyên can... tôi không thể an tâm được. Anh cố giúp chúng tôi nhé, anh Ômya! Chúc anh vạn sự như ý.

Sài Gòn ngày 27 tháng 5 năm 1956
Thân gửi chị Tôkubê

Tôi đã đi gần hết miền Trung và đã gặp một số bạn bè cũ để thăm dò tin tức của chồng chị nhưng chưa có gì hay cả cho nên chậm viết thư về cho chị.
Tình hình ở dây thay đổi triệt để. Cái kho anh Tôkubê phụ trách trước đây bây giờ đi lại không dễ dàng như trước vì có những người lạ đến đóng ở đây và đào bới lộn xộn, không còn biết đâu mà dò. Cố nhiên là tôi phải thận trọng trong việc hỏi thăm người địa phương. Không ai biết người một người Nhật nào cả, theo họ, người Nhật đi hết cả rồi nếu còn thì họ đã vào làng Việt Nam, kêu là Việt Nam "mới" và sống y như người Việt Nam.
Tôi thấy công việc mà tôi đảm nhận khó khăn hết sức, nhưng xin chị cứ yên tâm. Đối với người Nhật, không có chữ "khó khăn" bao giờ. Tôi nhất định có tin vui gửi về cho chị.

Kyoto ngày 1 tháng 4 năm 1956
Thân gửi anh Ômya
Anh ơi, có phải vẫn chưa có tin tức gì vui phải không? Là vì nếu có tin vui thì anh đã gửi thư cho tôi rồi mà hơn hai tháng nay tôi không nhận được lá thư nào của anh, tôi nghĩ là chồng tôi vô tâm tích hoặc là anh ấy..., có lẽ anh biết nhưng không sự việc không vui vẻ gì cho lắm cho nên anh không viết thư về cho tôi nữa, sợ tôi buồn khổ có phải không?
Anh Ômya, anh viết thư cho tôi đi, anh hãy nói thực cho tôi biết. Nếu anh thương tôi mà giấu diếm thì càng làm khổ cho tôi thêm. Thà tôi biết sự thật cho yên hẳn một bề còn hơn là cứ sống thấp thỏm, băn khoăn, lo sợ hết đoán này lại đoán thế kia.
Tôi khổ quá. Tôi không nói với ai câu chuyện này kể cả mẹ tôi, nhưng đối với anh tôi phải nsoi vì tại sao anh sẽ biết. Cách đây đúng một tuần, tôi nằm mơ thấy Tôkubê hiện về, đi thẳng vào giường tôi, hỏi các con đâu anh ạ. Tôi mới hỏi "Anh đi đâu mà lâu quá mới về vậy?" Nhưng khi tôi mở mắt ra thì tôi trông thấy gì anh biết không? Cái người đang đứng trước tôi đúng là Tôkubê, nhưng là một Tôkubê ghê gớm, mặt mày nát bấy ra, có máu chải dòng từ khóe mắt, lỗ tai và miệng. Tôi thết lên kinh khủng và hỏi: Trời ơi! Anh! Làm sao mình mẩy anh đầy cả máu thế này?
Tôkubê đứng lặng một hồi lâu không nói. Tôi hỏi

gặng mãi, anh mới bất đắc dĩ trả lời "Tôi bị người ta đánh chết rồi. Những vệt thâm tím ở đầu và mặt là vệt roi quật vọt máu mồm máu miệng ra, còn những lỗ thủng ở trên thân thể là những miếng sành miếng sứ đâm thủng di thịt tôi lúc tôi ngã lăn bất tỉnh nằm trên mặt đất."
Nghe thấy chồng tôi nói thế, tôi gào lên khóc... Tôi nhớ rõ ràng từng chữ của chồng tôi và của tôi đã nói với nhau trong giấc mộng.
Một lát sau, bóng Tôkubê mờ dần đi như một cái hình do sương mù đọng lại trên cửa kính gặp ánh sáng mặt trời chiếu rọi vào. Tôi giựt mình tỉnh giấc không thể ngủ được cho đến sáng.
Mà không phải chỉ có hôm đó mà thôi. Từ đêm nằm mộng đó, tôi không thể nào ngủ được nữa phần vì sợ, phần vì lo, phần lại thắc mắc vẫn vơ suy nghĩ không biết đó chỉ là giấc mộng hay chính là sự thật. Anh ơi tôi khổ và lo sợ quá. Anh có biết tin gì về Tôkubê thì nói thực cho tôi biết ngay đi, bở vì biết sự thực, dù là rùng rợn đến đâu thì tôi cũng cam lòng còn hơn là cứ nghi ngờ viễn vong làm khổ tâm trí còn hơn là chết.

Kyoto ngày 26 tháng 8 năm 1956
Thân gửi anh Ômya
Tại làm sao mà anh không viết thư cho tôi nữa hở? Có phải Tôkubê đã mất thực rồi không? Có phải giấc mộng của tôi là một sự thực mà hồn người chết hiện về để báo tin cho người nhà biết, phải không anh?
Lúc còn đi học, tôi đã đọc những quyển sách về linh hồn do anh viết bằng Pháp ngữ dịch ra Nhật ngữ, tôi đã thấy người trường hợp tương tự như thế xảy ra, như trường hợp đại úy Blomberg ở Martinique. Đại úy Blomberg có nhiệm vụ đem tin tức đến đảo Martinique, một hôm chết bất thình lình ở dọc đường, hồn ông hiện về báo tin này cho hai viên sĩ quan ở chung một phòng với ông và nói cho hai viên sĩ quan đó như sau: "Tôi đã chết hồi chiều này. Xin bạn săn sóc giùm thằng con tôi ở Luân Đôn tại số... đường... Trong cái ngăn kéo này (ông vừa nói vừa chỉ tay) có những giấy tờ cần thiết để cho con tôi được hưởng tất cả tài sản của tôi để lại. Vì không thể sống mãi trong cảnh ngộ kỳ bí đó, một hôm đánh liều hỏi chồng tôi "Anh chết thực rồi sao? Anh nói cho tôi biết đi. Tôi muốn biết tin tức thực của anh. Tôi đã nhờ bạn anh là Ômya đi Việt Nam dò hỏi nhưng mấy tháng nay, anh ấy không cho em biết tin tức gì của anh cả. Có phải Ômya a đã biết anh chết rồi không?
Tôkubê gật đầu và nói: "Bốn ngày nữa, em sẽ có tin của anh ấy gửi về." Thế là nghĩa làm sao hở anh Ômya? Tôkubê chết thật rồi phải không? Anh cho tôi biết sự thực đi. Cứ sống băn khoăn, thắc mắc như thế này tôi đau khổ quá, không chịu nổi."
Đến đây, Ômya ngừng lại và chú thích:
Bức thư tôi sắp dịch cho ông nghe đây gửi đi trước khi tôi nhận được bức thư vừa rồi. Tính ra thì rất có thể người vợ của Tôkubê ở Kyoto nhận được bốn ngày sau khi chị ấy gửi bức thư đề ngày 26 tháng 8 cho tôi.

Sài Gòn ngày 21 tháng 8 năm 1956
Thân gửi chị Tôkubê
Tôi đau lòng viết lá thư này cho chị.
Tôi đã tìm được người bạn chứng kiến từ đầu đến cuối cái giờ cuối cùng của anh Tôkubê rồi. Một ngày kia, gặp chị, tôi sẽ kể lại cho chị nghe cái giờ phút đó, nhưng bây giờ! Bây giờ... xin chị tha thứ cho tôi, vì kể lại không phải một mình chị khổ mà thôi, chính tôi đây cũng đau xót vì mất một người bạn quý.
Tôi thành thực chia buồn với bác và chị.

Kyoto ngày 3 tháng 10 năm 1956
Thân gửi anh Ômya
Thôi thế là được yên tâm vì tôi biết chồng tôi đã chết, dù chết rồi nhưng chồng tôi vẫn nhớ đến tôi hiện hồn về để báo tin, ngoài ra còn chăm sóc đến hai đứa con nữa.
Biết đích được như thế, tôi không còn lo sợ thắc mắc, trái lại tôi thấy trong lòng vững vàng hơn vì tôi biết rằng tôi tuy là góa bụa nhưng không cô độc, bởi linh hồn chồng tôi lúc nào cũng ở cạnh tôi vì anh ấy thỉnh thoảng lại hiện về khuyên bảo và nâng đỡ tinh thần cho tôi trong cuộc chiến đấu cam go với đời sống thời hậu chiến.
Tôi chỉ buồn một nỗi là mãi đến tận hôm nay tôi vẫn không biết chông tôi đã chết trong trường hợp nào. Cố hỏi mãi, anh ấy cũng không chịu nói, chỉ trả lời một cách vẩn vơ: "Chết rất dễ, nhưng sống quả thực là rất khó. Bây giờ, đã ra người thiên cổ, anh mới biết thêm một chút về cách sống, nhưng đã muộn. Tuy nhiên, muộn vẫn còn hơn không." Anh ấy hứa với tôi sẽ giúp đỡ tôi dạy dỗ hai con cho chúng nó đừng sống lầm lạc như anh nữa, đừng bao giờ kiêu hãnh như anh mà trái lại phải khiêm tốn, phải thương yêu nhau, phải biết nâng đỡ

những người ở dưới lên ngang hàng với mình chứ đừng bao giờ hạ thấp những người khác xuống rồi đưa mình lên cao.
Tại sao chồng tôi khi chết đi lại thay đổi tâm tánh như vậy? Có phải là tại nhờ cái chết không?... Với những đức tính khiêm nhường, tha thứ và nhân ái của chồng tôi mỗi khi hiện về với tôi làm cho tôi yêu chồng tôi gấp bội.
Gây ra tội lỗi thì phải nhận lấy hậu quả tội lỗi do mình gây ra. Anh ơi chồng tôi đã căn dặn tôi như thế đấy và lần nào hiện về cũng xin tôi một điều là đừng nói một tí gì cho hai đứa con được biết về cái thuở sinh thời của cha chúng nó, nhất là không cho chúng nó được nghĩ đến việc tìm hiểu ai đã giết cha chúng và tai sao cha chúng lại bị chết.
Không. Tôkubê giờ khác hẳn lúc trước, anh Ômya ạ. Anh ấy không tham, không giận, không hung hăng gây gỗ... Có lần anh ấy khẩn khoản với tôi tìm cách nào đem tro than anh ấy về quê cha đất tổ để được sống cạnh vợ con chớ sống tha hương chết tha hương buồn khổ đau xót không gì bằng.
Anh Ômya, đó là lời mong muốn cuối cùng của bạn anh. Anh nghĩ sao? Có thể chiều ý người quá cố không? Tôi đợi thư anh.

Chương Hai Mươi Sáu

Vào một buổi sáng tinh mơ vào cuối mùa đông năm 1957, có một bọn ba người cúi đầu đi lủi thủi vào nghĩa trang Gò Vấp.
Lúc ấy, bóng tối chưa tan hẳn. Ngọn cỏ làm ướt các gấu quần. Cây ở hai bên đường đen như những cái bóng ma vĩ đại sù đầu đứng im lìm, thỉnh thoảng lại nhỏ xuống những hòn đá lăn lóc ở lối đi những tiếng kêu than nhỏ bé. Đó là sương rơi. Xa xa có một vài đóm lửa hắc từ những cái lều ở bên kia đường ra như những con mắt chột. Vài con chó bới những đống rác rến ở cổng nghĩa trang để kiếm thức ăn và sủa ran lên khi thấy bóng ba người đi tới. Ba người đó là Ba Sạng, Ômya và tôi.
Sau khi nhận được bức thư chót của bà Tôkubê ở Ôtôyô gửi về nhờ cất mả chồng, ông Ômya và tôi đã đi vận động khắp các cơ quan hữu quyền thời đó, để làm vừa ý người quả phụ. Trong đơn chúng tôi cũng trình bày sự thật, hoàn toàn thật: người quá cố là Trần Hữu Lăng nhưng có hai quốc tịch Việt Nam và Nhật Bản.
Bây giờ vợ Tôkubê (tên Nhật của Trần Hữu Lăng) được tin chồng mất đã gửi đơn xin chính phủ Việt Nam cho phép cải táng Tôkubê và lấy xương cốt còn lại hỏa táng ở Phú Thọ, cho vào cái bình đem về Nhật để thờ. Tất cả mọi công việc, bà Tôkubê ủy quyền cho ông Ômya lo liệu và gửi kèm thư ủy nhiệm với đơn xin cải táng.
Công việc đó, thực ra không có gì khó khăn, nhưng bộ trưởng xã hội thời đó lại không nghĩ như thế, một là vì ông sợ trách nhiệm về sau này, mà hai là vì ông theo đạo Hồi.
Về trách nhiệm, ông sợ rằng cho phép mang tro than của một người Nhật về nước - vì lúc ấy Nhật vẫn còn bị coi là một nước đi với nước Đức, Ý Phát xít chống lại đồng minh Anh, Mỹ có khi phạm đến vấn đề chính trị mà chức bộ trưởng của ông sẽ không cánh mà bay - đó là điều tối kỵ.
Còn về đạo đức thì ông yên trí rằng đối với người chết, đạo nào cũng phải theo đúng như đạo Hồi của giáo chủ Mohamed, nghĩa là ai chết ở đâu thì phải chôn ngay tại đó - cùng lắm là trong một chu vi không quá mười cây số chỗ người ấy chết, chớ không được xa hơn - mà nhất là đã chôn ở đâu thì cứ để nguyên tại chỗ đó mãi mãi, chứ không được cải táng để đem đi chỗ khác.
Vì gặp nhiều cản trở không đâu như thế, công việc xin phép bốc mả Tôkubê đòi hỏi rất lâu thì giờ. Đơn xin phép gửi đi từ cuối tháng mười mà đến tận cuối tháng chạp âm lịch tức là tháng 2 năm 1957 mới được phép chính thức.
Hôm ấy chúng tôi đi vào nghĩa trang Gò Vấp chính là để bốc mộ Tôkubê.
Đáng lý ra chúng tôi chỉ có hai người là Ômya và tôi, thêm ba bốn người phụ giúp việc, nhưng may làm sao là trước hôm dự định bốc mộ Tôkubê hai ngày, ông Ba Sạng ở Ban Mê Thuộc về ký giấy sang tên một cái đồn điền cà phê cho cháu nội nên chúng tôi mời ông cùng đi nhân thể vì lẽ ông Ba Sạng có biết ít nhiều về Mệ Hoát là người có liên hệ tới Tôkubê mà cũng vì ông Ba lại còn là một nhà địa lý thường để mồ mả cho những người biết. Tôi nói:
- Bây giờ công việc giấy má đã xong rồi, ông ở nhà cũng buồn, sao không cùng đi với chúng tôi vừa để chỉ bảo cho người ta đào sới cùng với cách thức lượm cốt và rửa ráy mà cũng là vừa để tiễn biệt một lần chót một người bạn tốt của chúng ta chẳng may đã chết một cách không bình thường?
- Công việc tôi xong xuôi rồi, ở nhà cũng chẳng làm gì, ừ thì đi.
Sự có mặt của ông Ba Sạng không ngờ lại giúp ích cho chúng tôi rất nhiều. Công việc bốc mộ đòi hỏi

những cách thức không theo đúng không thể được.
Ông Ba nói:
- Bây giờ có lẽ năm giờ rưỡi rồi. Chúng ta nên bắt đầu ngay thì hơn bởi vì để cho có ánh sáng mặt trời hé lên, không tốt.
Dưới ánh sáng chiếc đèn măng sông, bốn người phu lặng lẽ cuốc đất ở trên cái mả hình bầu dục lưa thưa một ít cỏ đã vàng.
Trong khi đó, ông Ba Sạng rút ở trong túi áo ra một lá bùa, đặt lên một cái đĩa nhỏ, lấy ba trái cau, ba lá trầu chặn lên trên rồi trịnh trọng đặt lên mô đất, nơi phía đầu cái mả, và lấy cả một thể nhang đốt hết cắm ở chung quanh cái đĩa. Ông chắp tay lạy bốn phương trời. Xong đâu đó, ông quay về phía mả, lễ một hồi lâu rồi bắt quyết, miệng không ngớt đọc những câu chú chúng tôi không hiểu mà chính vì không hiểu, chúng tôi thấy trang nghiêm và rùng rợn lạ lùng.
Bốn người phu lúc ấy cũng vừa đào tới áo quan. Tiếng cuốc, xẻng chạm vào gỗ kêu lộp bộp. Nắp quan tài bật ra. Ông ba đốt thêm một tuần nhang nữa, đưa đi đưa lại trên quan tài. Rồi hét lên một tiếng to.
Ánh đèn măng sông chiếu xuống cái lỗ tối đen sâu hoắm. Cả bốn người phu cùng kêu lên một lượt:
- Ủa! Sao không thấy xương cốt gì hết vậy?
Cả ông Ômya và tôi cùng thò đầu vào xem có gì lạ xảy ra. Không có gì hết. Tôi đưa mắt nhìn ông Ba. Ông Ba có vẻ ngạc nhiên một chút, bảo bốn người phu:
- Cứ đào sâu xuống một chút nữa coi!
Bốn người phu lại hì hục đào chừng hai mươi phút đồng hồ nữa, nhưng vẫn không thấy có gì thay đổi hết, cái áo quan của Tôkubê trống rỗng, bốn người phu trèo xuống, đứng ở trong chiếu đèn nhìn vào thật kỹ chỉ thấy một thứ nước đục như nước bùn, thỉnh thoảng lại nổi lên vài cái bọt như tăm cá.
- Thế là nghĩa làm sao? Không ai hiểu cả.
Thường thường, trong những vụ bốc mộ như thế này, người ta lượm nguyên vẹn bộ xương, trừ quần áo mặc cho người chết và những tập giấy moi chèn ở chung quanh để cho cái xác chết trong quan tài khỏi lắc lư xiêu vẹo khi khiêng từ trong nhà ra mai táng.
Đàng này trái ngược hẳn: bộ xương của Tôkubê tiêu hết, mò mãi chỉ còn cặp xương hông, và mấy đốt ngón tay chìm sâu dưới đáy hòm, nhưng trái lại tấm vải khâm niệm, quần áo và cả đôi giầy nữa vẫn còn, mặc dù sũng nước. Thế là nghĩa làm sao?
Bóng tối đã bắt đầu mờ dần ở đàng đông. Đây không phải là lúc đặt những câu hỏi vẩn vơ như thế.
Ông Ba thúc giục bốn người phu lấy rượu rửa mấy cái xương còn lại, cho vào một cái quách bằng sành.
Ngồi sổm trên bờ huyệt tôi lấy một cành tre quậy tấm vải liệm lên thì thấy bây giờ đã ngả màu nâu, nhưng có vẻ vẫn như còn chắc lắm không mủn ra như tôi đã tưởng.
- Ông Ba, mấy cái này có lấy lên cho vào quách không, ông?
Ông Ba Sạng lắc đầu:
- Không thể làm như thế. Một người vừa chết mà đem hỏa thêu ngay, thì có quyền thiêu hết cả quan tài nghĩa là cả quần áo vải liệm và những đồ vật chôn theo người chết, nhưng một cái xác cải táng mà lấy đem hỏa thêu thì chỉ được thiêu nguyên xương của người quá cố mà thôi, ngoài ra không được trộn lộn bất cứ một thứ đồ gì khác.
Chuyến về hết sức tẻ lạnh. Chúng tôi đặt cái quách sành lên xe ra về, không ai nói với ai một lời, bởi vì mỗi người đều có những thắc mắc riêng, những câu hỏi tự đặt cho mình mà không thể trả lời được với bao nhiêu ngao ngán mà nói ra sợ làm tủi vong linh người chết.
Ờ, tại làm sao xương thịt người ta là những thứ mà ai cũng cho là rắn nhất, bền nhất thì lại tiêu tan hết cả trong khi những cái mà ai cũng biết là mau mục nhất như vải liệm, quần áo, và giày mang ở chân lại gần như nguyên vẹn? Thế là tại làm sao? Mà tại làm sao cả thân hình to lớn như Tôkubê lại tiêu mất hết cả xương, trong khi những người khác chôn bảy tám năm, mươi mười lăm năm, có khi cả trăm năm, đào lên hãy còn đầy đủ cả xương, kể cả những khúc xương đốt ngón tay nhỏ xíu?
Ờ, tại làm sao?

Chương Hai Mươi Bảy

Đưa cái quách đặt vào cửa một ngôi chùa ở Phú Thọ rồi, chúng tôi ngồi nghỉ và uống nước, trong khi ông Ômya nói chuyện nốt với nhà sư về việc xin nhà chùa làm lễ hỏa thiêu.
Tôi hỏi ông Ba:
- Ông khuyên chúng tôi thế nào?
- Người ta hỏa thiêu nguyên cả cái xác, may ra chỉ được một nắm tro, đàng này chỉ có vỏn vẹn mấy cái xương thì có nên hỏa thiêu không, hay là nên đóng một cái hộp đựng để thờ?
Ông Ba nói:
- Phải thiêu chứ! Cách gì cũng phải hỏa thiêu. Để

nguyên xương trong cáo hộp để thờ là điều tối kỵ, mà độc lắm.
Chừng nửa tiếng đồng hồ sau, nhà chùa làm một cái lễ rồi bắt đầu cuộc hỏa thiêu: mấy cái xương còn lại của Tôkubê được lượm từ cái quách sành ra, bỏ vào trong một cái hộp gỗ nhỏ bề ngang chừng nửa thước, bề cao chừng năm phân rồi đẩy vào trong một cái lò có dây kẽm đan ở chung quanh. Lửa bắt đầu cháy bùng lên vì hình như có tẩm xăng thì phải. Có tiếng kêu lép bép. Rồi lửa bốc lên ngùn ngụt.
Đến sáng hôm sau, cời củi cháy âm ỉ ra, nhà chùa thu được một dúm tro do những cái xương cháy để lại. Một dúm tro cầm không kín lòng bàn tay đứa trẻ con lên sáu. Một dúm tro không káhc gì tro ở bếp lửa mà to đốt gộc để sưởi cho ấm vào những đêm đông. Một dúm tro mà người ta không biết sẽ không ngần ngại gì mà không tung hê ra trước gió cho khỏi làm dơ lòng bàn tay.
Chưa có một buổi tối nào tôi lại buồn tha thiết, buồn não nề như thế.
Ở ngôi chùa làm lễ hỏa thiêu xong ra về, hai ông Ba Sạng và Ômya cùng về nhà tôi ăn cơm uống rượu. Tất nhiên câu chuyện bốc mộ ông Tôkubê lại được đem ra đàm luận. Đến lúc ấy, sự bực tức mới được bộc lộ ra câu nói:
- Vô lý! Tôi không tưởng tượng được vì "nó" vô lý quá.
Ông Ômya hỏi tôi:
- Ông nói "nó" vô lý là cái gì vô lý?
- Là cái việc mà chúng ta cùng chứng kiến, chứ gì! Là cái việc bốc mộ ông Tôkubê chớ gì! Thú thật với hai ông, tôi cho là vô lý hét sức và cho đến tận bây giờ tôi vẫn không tin là thật.
Ông Ômya nói tiếp:
- Tôi không nghĩ là vô lý. Tuy nhiên nói thật tình, tôi đã đi xem nhiều đám bốc mộ rồi, nhưng chưa hề thấy một đám nào kỳ lạ đến như đám này. Sao mà xương cốt lại tiêu hết trọi, trong khi những thứ đồ vật đáng lý phải mục nát lại còn nguyên vẹn?
Thì ra không phải chỉ có một mình tôi buồn mà cả ông Ômya và ông Sạng cũng buồn ray buồng rứt đêm hôm ấy. Chưa hôm nào chúng tôi uống say đến như thế. Về khuya, ông Ba Sạng có hơi men đưa đẩy mới lên tiếng:
- Cho rằng vô lý thì quả vô lý thật. Tôi cũng đồng ý kiến với hai ông. Nhưng chúng ta lầm cả hai ông ạ. Lầm vì chúng ta đã lấy cái đầu óc khoa học bây giờ để mà tìm hiểu những vấn đề huyền bí. Đã là huyền bí thì bao giờ có lý. Nếu lý giải được thì còn đâu là huyền bí?
Phần tôi, trong vụ này, tôi không dám nói là vô lý mà tôi cũng không tìm cách lý giải xem tại sao lại thế.

Nói về những chuyện huyền bí, không lý giải được, chúng ta đây ai cũng đọc nhiều sách, nhiều truyện lạ kỳ mà theo đó thì các nhà thông thái không hiểu ra thế nào. Tuy nhiên, đó chỉ là những sự việc mà ta thấy chép ở trong sách vở, chớ không được mắt thấy rõ ràng. Chính tôi đã được thấy một vụ bốc mộ cũng vô lý như thế, làm cho nhiều nhà bác học nghi ngờ phỏng đoán, nghiên cứu tùm lum mà kết cuộc cũng đành chịu thua, không hiểu ra thế nào.
Tôi không bịa đặt. Tài liệu hãy còn lưu trữ ở sở quản thủ Viện Bảo Tàng Sài Gòn hiện nay.
"Hôm ấy nhằm ngày 16 tháng 11 năm 1953, tôi cùng một người bạn đi chơi đến làng Hòa Hưng thì gặp một ông bạn khác là Anh Vương.
(Câu chuyện này do chính anh Vương đã thuật lại trong một cuốn sách xuất bản năm 1960 nói về Sài Gòn ngày trước.)
"Tôi hỏi anh đi đâu mà lặn lội đến chỗ này. Anh Vương cho biết rằng anh nhân danh đại diện quản thủ Pháp viện Bảo Tàng Sài Gòn đến làng này để coi cho người ta bốc một ngôi mả không người nhận ở trong một ngõ hẻm chi nhánh đường Lê Văn Duyệt.
Nguyên trước đây, lăng miếu cổ tích miền Nam được trường Viễn Đông Bác Cổ gioa phó cho quản thủ Pháp của Viện Bảo Tàng Sài Giòn chăm nom. Viện này có nhiệm vụ sưu tập, bảo vệ các cổ tích, do đó mỗi khi có ai mua được đất thổ mộ, để cất nhà thì viện phải cử người đến xem có đụng chạm đến các cổ tích hay không, hay có đào bới được cổ vật gì không.
"Vậy anh Vương đại diện cho viện đến coi người ta bốc một ngôi mả ở hẻm chi nhánh đường Lê Văn Duyệt để rồi cất nhà lên trên đó ở."
"Hôm ấy, phu phen cậy nắp quan tài, bởi vì trước đó mấy hôm người ta đã bắt đầu phá ngôi mộ rồi. Phá mất mấy ngày vì đất ở đấy là đất đỏ, rắn lắm."
"Công cuộc cậy nắp hòm bắt đầu. Bạn tôi, anh Vương, muốn tìm biết xem mộ này là mộ của ai, bao nhiêu tuổi, quê quán ở đâu, nhưng tiếc thay, các chi tiết như mộ bia, liễn đối ghi trên mộ đều đã bị đập phá hết, không còn nữa."
"Anh chỉ còn thấy được cái quan tài mà thôi. Đó là một cái quan tài đẹp, chắc chắn, mặc dù chôn đã lâu

năm, nhưng mới trông cũng biết là làm bằng gỗ huỳnh đàng. Bằng vào cái gỗ này đóng quan tài mà đoán thì người chết phải là một người khá giả, gia đình sung túc lắm, vì ai còn không biết là hòm đóng bằng gỗ trai, gỗ huỳnh đàng là thứ hòm hạng sang, những gia đình bình thường không dễ gì sắm được để chôn người quá cố."
"Đến khi cậy được nắp hòm ra, nhìn vào trong thì thấy xương cốt của người quá cố còn nguyên những tím ngắt, thịt nát rữa ra, nhưng trên trán thì còn nguyên lành một miếng da bầy nhầy. Nhìn kỹ miếng da thì còn thấy rõ được cả lỗ chân lông. Gò má thì nguyên vẹn như gò má người sống, ánh lên một màu hồng y như thể là đọng máu."
"Bạn tôi lại gần cái xác, cầm cái quạt giấy mà người chết cầm ở tay. Lạ lùng hết sức: cái quạt giấy y nguyên không mục, cầm lấy xòe ra vẫn như quạt thường, không có một dấu vết gì tỏ ra là cái quạt ấy chôn cùng với người chết ít ra đã được 150 năm rồi."
Ông Ômya ngắt lời hỏi:
- Bằng chứng vào đâu mà quyết đoán được như vậy?
"Bằng vào cây quạt giấy. Là vì trên cây quạt có đề chữ nhỏ, nét chữ sắc sảo viết bằng một chất gì như ngân nhũ, ghi chú như sau:
"Gia Khánh đệ... niên". Gia Khánh hoàng đế, vua Mãn Thanh trị vì xứ Trung Hoa từ năm 1796 đến năm 1820. Thế là tính đến năm 1953 là năm bốc ngôi mộ, chẳng phải đã được trên dưới 150 năm là gì?"
- Thế người chết là người Việt hay là người Trung Hoa?
"Là người Việt. Để tôi kể câu chuyện dưới đây, ông sẽ thấy là người Việt, nhưng tại sao thay vì "Gia Khánh" cây quạt ấy lại không ghi "Cảnh Hưng", cái đó tôi chịu, chưa thể tìm ra câu trả lời.
Sốt ruột vì câu chuyện dở dang, tôi nói:
- Thôi bỏ đấy. Gia Khánh hay Cảnh Hưng, cái đó không cần lắm tôi chỉ cần biết rõ câu chuyện sau xảy ra như thế nào.
"Câu chuyện về sau cũng lạ như chuyện của Tôkubê vậy. Tất cả những cái gì mà ta cho là bền vững không bở được, không mục nát được, tất cả những cái gì mà ta cho là có tính cách trường tồn thì đều hóa ra tro bụi, trái lại, những cái gì mà ta cho là phù du, mau hư mau hỏng, mau tan rã, mau tiêu thì lại còn nguyên vẹn gần như mới vậy.
"Ngoài cây quạt nan phết giấy cầm lên xòe ra như thường không lủng một lỗ trên giấy phết, không gẫy một cái nan tre, người ta còn lần lượt lượm lên được nhiều thứ khác không hư hao gì hết, mặc dù đã chôn kỹ dưới đất trên dưới 150 năm trời, như vỏ cau ăn trầu, giấy tiền vàng bạc, bọc vải đựng trầu, thuốc xỉa, bút lông, khăn chít đầu..."
"Vỏ cau ăn trầu nửa xanh nửa vàng còn dính liền vào trái; giấy tiền vàng bạc còn nguyên từng xếp buộc bằng lạt, mực in không phai nhòa, không rách (duy có thuốc xỉa ra gió một lát thì tan ra thành bụi) nhưng trái lại những đường chỉ kim tuyến thêu trên túi đựng trầu thì vẫn ràng ràng sáng chói y như mới; hai cây bút lông bọc trong một tấm vả hồng điều cũng y như mới, cán bằng trúc, không hề hấn gì, lông ở ngòi mềm mại, mới tinh, tưởng chừng như có thể chấm vào nghiên mực viết nhu bút mới, nhưng chỉ ra ngoài gió một lát thì lông rụng tả tơi và rơi ra khỏi quản."
"Ông Ômya vừa hỏi tôi người là người Trung Hoa hay người Việt. Đây, tại sao anh Vương, một học giả lão thành rất giàu suy nghiệm lại quả quyết như thế, vì hai hàm răng của người chết còn nguyên trong miệng và nhuộm đen. Sự việc đó đủ chứng tỏ rằng người chết là người Việt gốc gác không ở Bắc thì ở Trung. Ngoài ra người chết lại còn chí khăn vấn tay ở trên đầu, mặc áo dài lồng vào với nhau và có đẫy đựng trầu cau chạy chỉ kim tuyến!"
"Như vậy đã đủ chứng minh là người Việt chưa? Chắc rồi, nhưng người Việt đây không phải là một người có chức tước triều đình (vì chít khăn cài lược đồi mòi chớ không đội mão), tuy vậy, ông ta nhất định phải thuộc vào cái hạng phong lưu khá giả, chứng cớ là có đem theo xuống suối vàng hai ngọn bút lông, cây xỉa rằng làm bằng bạc, cái móc tai dát vàng, hai bao đựng thuốc xỉa, thuốc hút và cái đẫy đựng trầu ăn"
"Tôi nhớ sau vị này, anh Vương đã ghi lại cảm xúc của anh trong những câu rất buồn sau đây:
Ô hô! Giàu sang một đời, nằm xuống đất, nay đã gần một trăm năm mươi năm, thế mà chưa được yên thân! Cháu con lâu đời ắt đã lui về quê cũ hoặc Bắc hoặc Trung, còn sót những đứa ở lại đây, một nắm xương tàn đối với chúng sao trọng bằng tiền bạc, nên chúng đã ký tên bán đất, phú cho phu phen phá mồ đào cốt, cải táng về đâu mặc kệ. Ván hòm cứng thật. Bề ngoài mốc mốc, đất ăn xầy xầy, tưởng bở, chạm sâu một phân tây mới biết là cứng vô cùng, thậm chí đến cái máy khoan điện thuở nay nào biết kiêng nể thứ gì, sức bực sắt đá mà nó còn

nhai như bánh bột, thế mà máy khoan không đâm thủng nắp hòm! Khoét được lỗ nào chỉ đứt được lỗ đó, còn chung quanh thì vẫn y nguyên. Khoan cả mấy giờ, không xuể đâu vào đâu, phu phá mồ xổ chữ nho nghe mà mệt! Thét rồi chùng chạy về lấy búa thầu và đục thép cỡ lớn ra nói chuyện với cái hòm gỗ huỳnh đàng! Nghĩ mà tội nghiệp cho người nằm dưới đó! Sắm hòm cây danh mộc, tưởng đủ chịu đựng với thời gian, không dè kẻ thù ngày nay là đứa cháu bất hiếu, với tên võ phu tay cầm búa thầu đục thép. Không một tiếng não bạt, ê a, không một câu kinh an ủi. Nằm trơ đó cho người ta mổ búa lớn vào nắp vào đầu... Chung quy có mớ đồ vật ký thác Viện Bảo Tàng còn lưu lại hậu thế; kỳ dư trở về tro bụi hết, trở về tro bụi hết!"

Ông Ba kết luận:

- Đấy, chuyện vô lý như thế đấy, nhưng không tin cũng không được vì là thật, hoàn toàn thật.

- Chuyện cậy hòm ông Tôkubê có khác gì không?

- Nếu Sở Quản Thủ Bảo Tàng Sài Gòn đến bây giờ vẫn chưa tìm ra được lý do câu chuyện huyền bí đó, tôi thiết tưởng cái cá nhân hèn mọn của chúng ta cũng chẳng nên tự phụ đi sâu hơn vào vụ bốc mộ ông bạn của chúng ta làm gì!

Chương Hai Mươi Tám

Tôi đồng ý với ông Ba Sạng. "Ta cũng chẳng nên tự phụ đi sâu hơn làm gì". Đành thế rồi, đành là huyền bí thì không thể nào lý giải được, ta chỉ biết ghi nhận mà không cần vặn hỏi lôi thôi vô ích, nhưng tôi không phải vì thế mà không được suy nghĩ về cái chết của con người một chút.

- Hai ông bạn à, tôi thú thật là có phen tôi đã ngồi suy nghĩ về lẽ sống chết của con người nhưng thật quả chưa bao giờ tôi thấy buồn rầu và chán nản những ngày hôm qua. Người chết ở chi nhánh đường Lê Văn Duyệt chết đi tan ra tro bụi hết trừ phi mấy đồ vật mang theo còn lưu lại được đến bây giờ thì ông Tôkubê ngẫm ra cũng chẳng hơn gì: cả một cuộc đời vào nguy ra hiểm tưởng chừng như có thể làm đảo lộn được cục diện thế giới ... vậy mà rút lại còn gì sau khi chết? Một nắm tro tàn không đầy lòng bàn tay đứa trẻ con, một ít than dơ bẩn có thể làm hôi tanh hơi gió thổi...

- Ai cũng biết như thế, có phải không hở hai ông? Ấy thế mà thế hệ này qua thế hệ kia, từ bán cầu này sang bán cầu nọ, lúc nào cũng đầy rẫy những người quên hẳn rằng mình đương sống đây mà chưa biết lúc nào lăn ra chết, mà chết đi thì bất quá chỉ là một nắm tro hôi hám. Ấy là nói đến thời bình. Chứ ở vào thời buổi chiến tranh, cái mạng con người chắc gì đã được như thế? Hay là không còn lại gì hết, thịt xương tan ra từng mảnh tung cả ra bốn phương trời, ghê tởm đến nỗi chó chẳng buồn ăn, mà chuột cũng không muốn ngửi.

- Tất cả, tất cả mọi người đều tưởng rằng mình sẽ sống mãi, không bao giờ chết và tiền bạc và chức tước mà thường thì họ quỳ mọp xuống dưới chân người khác để kiếm ra sẽ cũng trường tồn mãi mãi không bao giờ mất.

Ông Ômya tự nhiên xịu mặt xuống, buồn muốn khóc. Ông nói:

- Chán không để đâu cho hết. Tôi chẳng biết nói thế nào với mẹ và vợ ông Tôkubê. Nói tất cả sự thật lúc bốc mộ thì họ buồn, mà không nói không được vì họ đặt tin tưởng nơi mình.

Tôi nói:

- Có lẽ không nói gì thì hơn hết. Mà nếu tôi ở địa vị ông, tôi cũng sẽ không nói chi tiết cái chết của Tôkubê làm gì vì mẹ và vợ Tôkubê biết rõ thì họ chỉ càng buồn rầu, đau khổ thêm thôi.

Chúng tôi lại uống. Buồn quá, mà uống rượu, có nhiều khi uống không biết thế nào là say. Ômya tưởng tượng đến cảnh gia đình Tôkubê ở Kyotô lúc này thảm đạm không biết chừng nào; có lẽ mẹ anh nhớ con mà chết rồi cũng không chừng! Còn vợ anh ta thì chẳng biết bây giờ đắp đổi lần hồi ra sao để nuôi hai đứa con thơ ấu?

Ông Ba Sạng hỏi đi hỏi lại về ngày, giờ chết của Tôkubê và phàn nàn mãi tại sao lúc khâm liệm không nhớ cho một miếng vàng vào miệng người quá cố "vì việc đó hệ trọng lắm."

Riêng tôi, không nghĩ gì đến Tôkubê nữa vì những gì tôi thấy hồi sáng ghê rợn quá, đến lúc ấy còn làm cho tôi muốn ói.

Giờ đây tôi cứ ngồi uống và chỉ biết uống thôi. Tôi là tay rượu, nhưng chưa có bao giờ lại uống dữ đến như thế uống đến độ mà hai ông bạn ra về hồi nào tôi cũng không hay.

Nửa khuya, tôi chợt thức dậy vì cánh cửa sổ đập ầm ầm. Lá cây y lăng kêu rào rào, thỉnh thoảng lại có mấy cành khô gãy kêu răng rắc và rơi lộp bộp xuống cái sân sau nhà.

Tôi nằm im không động đậy để nghe.

Ở ngoài kia, trời tối om om, tối mịt mù, thỉnh thoảng lại có một lằn chớp xanh lè lóe lên và chạy ngoằn nghèo như những con rắn ở trên nền trời thấp lè tè, sũng nước,

"Quái, sao lại thế này? Bay giờ là cuối tháng chạp

sắp Tết, khí hậu phải hanh hao mới đúng, sao khi không lại nổi dông gió và như muốn mưa to thế này?"
Tôi lắng nghe một chút nữa thì trời chuyển ầm ầm rồi mưa xuống như trút nước. Những lằm chớp xanh lè lóe lên nhiều hơn. Tôi lười biếng ngồi dậy đóng cửa sổ lại thì vừa lúc ấy, Mệ Hoát bước vào với o Phương Thảo. Họ chào tôi. Tôi hỏi:
- Ủa, Mệ đi đâu mà khuya khoắt thế này?
- Chúng tôi đi lễ Phật vì hẳn thầy Tư đã rõ là chỉ còn vài ngày nữa thì đến Tết. Chúng tôi đi các chùa để nghe kinh. Lần trước, lúc giã biệt thầy tôi còn nói "còn lâu lắm mới trở về". Nhưng hôm nay, qua đây, gặp trời mưa chúng tôi và tạm lánh ở đây và cũng nhân dịp chúc mừng thầy một năm mới tốt lành.
Lần thứ nhất, tôi mới gặp hai cái bóng nhếch miệng cười. Tự nhiên tôi thấy vững dạ hơn một chút.
Hệ Hoát nói:
- Thầy Tư dạo này có mạnh không?
- Cảm ơn mệ. Tôi bình thường. Nhưng riêng hôm nay tôi cảm thấy buồn quá vì chúng tôi vừa nói chuyện với nhau về cái lẽ sống và chết ở đời.
- Những người hay suy nghĩ bao giờ cũng buồn, chớ chẳng phải riêng những lúc bàn luận về cái sống và chết. Tôi nhớ hình như có một lúc thấy thầy Tư nói rằng sống mới khó chứ chết thì dễ lắm. Tôi ngờ rằng chưa hẳn thế đâu, thầy ạ. Chết cũng khó như sống vậy. Khoan nói rằng có nhiều người sống muốn chết mà vẫn tiếc nuối; chỉ nói về những người chết thật mà thôi thầy Tư có thấy bao nhiêu người chết thật rồi mà vẫn làm khổ cho người sống không? Đó là những người chết mà còn mang cái oán ngày trước đi theo mình xuống suối vàng chờ đợi một dịp nào đó trả lại cái oán ngày trước mới được siêu sinh, chứ không vẫn cứ còn bận tâm, thắc mắc mãi, không thể nào yên.
Tôi chợt nhớ đến vụ Tôkubê bị roi quất vào mặt, ngã lăn trên mặt đất chết tươi và tôi lại nhớ đến đám bốc mộ hôm nay, quan tài Tôkubê đầy nước bùn, chỉ còn lại mấy cái xương đem về Phú Thọ hỏa thiêu.
- Mệ vừa nói... tôi nghe ra rồi... thế thì tôi có thể nghĩ rằng cái quan tài của Tôkubê đầy nước... không còn gì hết... có phải là...
- Tôi hiểu ý thầy Tư nói gì rồi. Lạy Trời Phật... tôi xin trả lời đây: Tôi là người không bao giờ lại nuôi cái oán hận sâu độc đến thế, không bao giờ lại có tâm đại xấu xa đến thế. Từ trước, tôi không muốn nói chuyện này ra sợ làm phiền lòng thầy Tư. Nhưng bởi vì bây giờ thầy Tư đã biết câu chuyện rồi, tôi thiết nghĩ cũng nên nói ra để cho thầy Tư khỏi ngộ nhận tôi là một người xấu, không xứng đáng nhận một cảm tình của thầy Tư đã giử cho tôi.
"Tôi nhận mình không có một tấm lòng cao cả của các bận giáo chủ yêu thương nhân loại hơn cả yêu thương mình, chủ trương lấy ân trả oán, ai tát má bên phải thì đưa má bên trái cho người ta tát. Không, tôi là người thấp kém. Ai làm nhục tôi thì tôi né, ai đánh tôi thì tôi đỡ, nhưng nếu đã né hay đã đỡ mà cứ nhục mà tôi, cứ đánh tôi thì tôi đối phó và tôi sẽ đánh lại!"
"Chắc thầy Tư đã biết tôi đã đem phương pháp sống đó ra thực hành với Tôkubê như thế nào rồi. Tôi không nế, nhưng tôi van xin, tôi không đánh nhưng tôi chạy. Vậy mà Tôkubê không biết thương tôi lại chửi rủa, khinh miệt và đuổi theo tôi, định đánh chết người đã chết. Dẫu hèn đến chừng nào đi nữ, tôi cũng phải căm thù. Chính vì lòng căm thù đó đã tạo cho tôi một sức mạnh mà chính tôi cũng không ngờ."
"Hôm Tôkubê ở nhà thầy Tư ăn lễ tân gia ra về, tôi không ngờ cái sức mạnh của thù hận, của căm hờn lại ghê gớm đến thế. Thực tình tôi quất vào đầu, vào mặt của ông ta chỉ là để cảnh cáo mà thôi. Tôi giận nhưng mà thương ông ta, tôi oán nhưng mà không quên ông ta có vợ trẻ và hai đứa con nhỏ. Phải, tôi chỉ muốn cảnh cáo thôi. Không ngờ... thực không ngờ... Tôi tự hỏi không biết có phải là định mệnh đã sắp như thế không, có phải cái phần số mệnh của ông đến ngày ấy, tháng ấy, là hết không, chớ thật tình tới tận bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao mấy cái roi cảnh cáo đó lại có thể làm cho ông ta chết bất đắc kỳ tử như thế được.
"Dầu sao, tôi cũng thấy rằng bao nhiêu tội lỗi về phần tôi cả và nếu có là ngộ sát chăn nữa thì tôi cũng phải nhận lấy trách nhiệm đã sơ xuất trong hành động, thiếu bình tĩnh trong khi đối phó. Không biết bao giờ tôi mới trả được cái nợ này. Hẳn là bây giờ thầy Tư đã biết tại sao tôi và cháu Phương Thảo chỉ tìm đến các chùa chiền để nghe kinh và đem hết tâm thành ra sám hối...
"Người chết không bao giờ nói dối. Thầy Tư có thể tin tưởng tôi. Chúng tôi thành tâm sám hối việc đã chót làm, thế thì nhất định không bao giờ lại có thể theo dõi Tôkubê mà hại cả ở trong quan tài... như thầy Tư đã nghĩ. Không, không thể như thế được. Một người hèn đến chừng nào đi nữa cũng không

thể làm như thế. Chúng ta là con người khi thấy kẻ thù ngã xuống thì đều quay lại xót thương. Bao nhiêu thù hận đều xóa hết, cả người sống lẫn người chết đều là anh em, không còn phân biệt, đâu là thù đâu là bạn...".

Mưa ở ngoài mỗi lúc một to hơn.

Tôi say quá, gục đầu xuống bàn giấy ngủ lúc nào không biết.

Đến sáng, mở mắt dậy thì hai cái bóng mệ Hoát và o Phương Thảo đã biến đi từ lúc nào rồi.

Xa xa, có tiếng gà gáy te te. Ở ngôi chùa gần đấy, tiếng nhà sư tụng kinh lúc trầm lúc bỗng. Mưa đã ngớt hạt nhưng vẫn rơi đều đều. Trời buồn quá thể là buồn. Lòng tôi buồn quá đến là buồn. Tôi vấn một điếu thuốc lào và ngâm khe khẻ mấy câu thơ cũ của Bạch Lạc Thiên:

Bôn lưu phó hải vô đồi ba,
Hiền ngu quí tiện đồng quí tận.
Bắc Mang trủng mộ cao ta nga
Cổ lai như thử phi độc ngã,
Vị tử hữu tửu thảo cao ca
Nhan Hồi đoản mệnh, Bá Di ngã,
Ngã kim sở đắc diệc dĩ ta...

Rồi lấy giấy bút chép mấy câu tạm dịch ra lời Việt:

Nước trôi ra biển có về được đau!
Ngàn xưa quý tiện, nghèo giầu,
Chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì.
Bắc - Mang ai đó đi về,
Thấy chăng mả nọ mồ kia ngút ngàn?
Huyền vi cái lẽ tuần hoàn,
Phải dân tua chịu riêng oan một mình.
Rượu ngon hãy uống cạn bình
Hát vang quên khuấy cái hình phù du.
Nhan Hồi chết yểu nhớ chưa?
Bá Di chết đói đến giờ còn ghi.
Ngẫm mình dám oán hận chi
Được như thế ấy, có khi đã nhiều...

Bỗng nhiên tôi cảm thấy lành lạnh ở lưng. Ngồi thật yên lặng để nghe thì hình như có người đứng ở đâu gần đó. "Ủa, thế ra Mệ Hoát và o Phương Thảo chưa đi à?".

Tôi quay lại, yên chí rằng hai cái bóng ma đứng ở cạnh tôi đang đọc hai câu thơ tôi vừa viết lên mặt giấy. Hóa ra lầm. Đó chỉ là tiếng gió thở dài. Mà tiếng thánh thót như gần như xa không phải là nước mắt tuôn rơi, mà là những giọt mưa đọng trên những tờ lá y lăng rách mướt nhểu từng giọt, nhểu từng giọt xuống mảnh sân rêu ướt đầy những xác hoa vàng ố.

Viết xong vào mùa mưa, 3 giờ sáng ngày 30 - 4 Quý Sửu 1973

Bút Máu (Vũ Hạnh)

Lương Sinh người ở Mãn Châu, con nhà thế phiệt, nổi tiếng thông minh đỉnh ngộ từ khi tóc để trái đào Lên tám đã giỏi thơ ca, từ phú, ai cũng ngợi khen là bậc thần đồng.

Năm lên mười hai, gặp thời loạn ly, cha mẹ đều bị giặc giết. Sinh sầu thảm mấy tháng liền, mất ăn, mất ngủ, lại thêm căn tạng yếu đuối nên lâm bệnh nặng, thần kinh hốt hoảng, luôn luôn giật mình, nằm mơ thấy toàn là máu lửa, sọ xương. May có người cậu đem về săn sóc đêm ngày Sau nhờ đạo sĩ họ Trình ở núi Hoa Dương dùng biệt dược trị liệu nên được lành bệnh, tâm thái trở lại an tĩnh điều hòa Khi lên mười lăm, Sinh được người cậu gởi đến Lã Công, một quan thủ hiệu bãi chức từ lâu ở nhà mở trường dạy võ. Sinh học rất chóng, nửa năm đã làu thông cả mười hai môn võ bí truyền của nhà họ Lã. Lã Công quý mến, một hôm lấy thanh bảo kiếm của mấy mươi đời họ Lã lập công trao cho Sinh luyện tập. Giữa buổi Sinh đang múa kiếm, bỗng dừng phắt lại, đưa kiếm lên ngửi rồi cau mày, kêu lên:

- Máu người tanh quá!

Đoạn đem thanh kiếm nộp trả, cáo từ mà về.

Đến nhà, lạy cậu thưa lên:

- Võ nghệ không phải là con đường cháu nên theọ Máu người chảy trong cơ thể quý vô cùng nhưng dính ra ngoài lại quá hôi tanh. Kẻ cầm lưỡi dao trọn đời sao cho khỏi đổ máu người! Điều tàn nhẫn ấy cháu không làm được.

Người cậu giận lắm, bảo rằng:

- Mày thực cạn nghĩ, phụ cả lòng ta trông đợi lâu nay Đành rằng máu người là quý, nhưng để máu ấy chảy trong đầu bọn ác nhân thì càng có hại cho người, lại càng có tội!

Lương Sinh cúi thưa:

- Ai cũng cho mình là phải, lấy đâu để nói tốt xấu rõ ràng? Làm thiện một cách hăm hở mà không ngờ rằng đấy là điều ác, lại càng có tội vì đã lừa mình, lừa người Trộm nghĩ binh đao là điều dứt khoát, cháu chưa dứt khoát trong người, tự thấy không dám theo đuổi

Cậu nói:

- Hoài nghi như thế, e rồi không khéo mày tự mâu thuẫn với mày Không phân biệt được giả, chân, thiện, ác, làm sao có thể tự tin mà sống trên

đời! Xã hội chưa đâu có thể gọi là chốn thiên đường, bên cạnh nhà trường còn có nhà ngục, bên cạnh ngòi bút còn có lưỡi dao, không thể chỉ lấy một chiều, chỉ yêu một cạnh. Vị tất nhà trường đã không tội lỗi, ngòi bút đã không oan khiên! Ta không có con, từ lâu kỳ vọng nơi mày, nhân thời tao loạn, những mong cho mày múa gươm trận địa hơn là múa bút rừng văn. Bây giờ, thế thôi là hết. Từ nay tùy mày định lấy đời mày, ta không nói nữạ

Từ đấy, Lương Sinh sẵn có nếp nhà giàu đủ, chuyên nghề thơ văn, tiêu dao ngâm vịnh tháng ngày Lời thơ càng gấm, ý thơ càng hoạ, tiếng đồn lan xa, lan rộng như sóng trên biển chiều nổi gió. Quan lệnh trấn mới đổi đến địa phương vốn người hâm mộ văn chương, cho vời Sinh đến. Thấy Sinh tướng mạo khôi ngô, lòng cảm mến, tiếp đãi hết sức trọng hậu Sau đó, quan lệnh mượn những thi tuyển của Sinh trong một tháng trường. Khi quan giao trả, Sinh thấy có những bài thơ hay họa lại những bài đắc ý nhất của mình dưới ký tên Tuyết Hồng, con gái của viên quan. Sinh vui mừng nghĩ rằng gặp được người hợp ý. Sau quan lệnh ngỏ lời kén Sinh làm giai tế. Sinh sung sướng nhận lời

Sau lễ hôn phối, Sinh mới ngỡ ngàng biết rằng Tuyết Hồng không đẹp, cũng không biết làm thơ. Càng ngày Sinh càng chán nản khôn khuây, ảo tưởng vỡ tan, tưởng như tuyệt vọng tình đời Thiếu thốn hình ảnh giai nhân, cuộc sống tự nhiên cằn cỗi Nhân tết nguyên đán, Tuyết Hồng về thăm song thân, Sinh bèn thừa dịp, noi gương Tử Trường ngày xưa phiếm du xuân thủy

Sinh chọn đường ven theo suối đẹp, đi mãi đã mười ngày, tiền lương muốn cạn, ý thơ chừng đầy, chợt đến một miền tiêu điều, dân cư thưa thớt, Sinh chán nản định quay về, nhưng ruột đói lưỡi khô, bèn đi tìm một tửu quán nghỉ chân. Qua ba dặm đồng trơ trọi vẫn chưa thấy bóng một người để hỏi thăm nơi Bỗng nghe phảng phất tiếng trống, tiếng chuông lẫn tiếng reo cười Dò theo âm thanh vọng lại, lần bước đến nơi, thấy đám hội trước chùa, bèn vào quán nhỏ gần đấy ăn uống. Chủ quán cho biết, đã mấy năm rồi ở đây mới có một ngày hội lớn, vì quan khâm sai triều đình sắp về địa phương nên quan tổng trấn họ Lý bày ra trò vui để cho dân chúng thỏa thuê ít bữạ Chợt có tiếng hò hét và mọi người sợ hãi dạt ra, từ xa là chiếc kiệu hoa của tiểu thư Lý Duyên Hương, con quan Tổng Đốc. Người đẹp vừa kiêu hãnh vừa sắc sảo khiến Sinh ngây ngất, nhìn đến quên ly rượu trong tay rơi xuống vỡ toang. Người đẹp quay nhìn thấy, nhoẽn miệng cười Nụ cười lộng lẫy như hé sáng một trời tình. Sinh lảo đảo đứng lên trả tiền rồi theo chiếc kiệu chen vào chùạ Vào trong thấy Lý tiểu thư thành kính đàm đạo với mấy vị Tăng già rồi lên chánh điện lễ Phật. Sinh đến phòng kế lấy bút và giấy hoa tiên theo phỏng mấy câu:

Tiên hoa gài mộng, vấn vương đền Phật bâng khuâng

Đông biếc, thoáng cười tiên nữ

Mặt nước hồ in, xao động bốn mùa sóng gió

Bóng đêm hang thẳm, long lanh một vẻ giai nhân.

Rồi bẻ cành hoa kẹp vàọ Khi Lý tiểu thư lễ xong, khoan thai xuống thềm, mọi người sợ hãi bật ra hai bên thì Sinh vội vã đi theọ Đến lúc nàng vừa lên kiệu, Sinh ném cành hoa lên chỗ nàng ngồị Lính hầu thoáng thấy kêu lên:

- Có người ám hại tiểu thư.

Lập tức mười lưỡi gươm dài vung lên, lính hầu vây lấy Lương Sinh. Những người xem hội thất sắc lùi lại, dồn dập đẩy vào nhau kêu la náo động. Tiểu thư ngồi trên, vén rèm nhìn xuống không nói một lời Vẻ mặt hết sức kiêu kỳ. Lương Sinh đã toan mở lời khống chế, nhưng lính xông vào trói chàng.

Đám đông có tiếng thì thào

- Anh ta chỉ ném một cành hoa thôi đấỵ

- Bấy nhiêu cũng đủ héo cuộc đời rồị

- Qua dinh Tổng trấn không lấy nón xuống đã là bay đầu, nói chi xúc phạm đến tiểu thơ vàng ngọc!

Về đến nha môn, lính dẫn Lương Sinh nhốt vào trại giam, rồi tâu trình lên Tổng trấn. Lương Sinh nằm rầu rĩ trong bốn bức vách đá, e phải mang nhục phen nàỵ Đang mơ màng về thế giới bên kia, chợt nghe tiếng người gọi dậy, lập tức được lính dẫn đến công đường. Tổng trấn ngồi giữa, vóc dạng phương phi, hàm én râu hàm, trên tay còn cầm tang vật là mảnh hoa tiên.

Sinh cúi đầu thi lễ, toan tìm lời kêu oan gỡ tội thì quan ra lệnh mở trói Trước sự kinh ngạc của Sinh, quan bước xuống thềm, dắt Sinh vào trong, kéo ghế bảo ngồi, Sinh từ chối hai ba lần không được. Quan nói:

- Ta thường ước ao gặp được một người tài đức, nay biết người là danh sĩ nên thực hết lòng hâm mộ. Lính hầu sơ xuất phạm điều vô lễ vừa rồi, ta sẽ nghiêm trị. Gác đăng thuận nẽo gió đưa, người hãy cùng ta ở đây hưởng mấy ngày xuân vui câu xướng họa, cho thỏa tình ta khao khát lâu nay

Đoạn truyền đem rượu ngon thịt béo ra thết đãi nồng hậu Lương Sinh thích thú uống rượu ngâm thơ suốt ngày Tổng trấn có vẻ đặc biệt kính trọng tài năng của Sinh. Độ chỉ hôm sau, quan tổ chức cuộc du xuân, đưa Sinh đi xem cảnh trí trong miền. Nơi nào quan cũng cho thấy kỳ công đại lực của quan tạo lập cho dân: Kia là dòng suối quanh co quan đã khai thông để để dân lấy nước cày cấy, nọ là đồng ruộng bao la trước kia toàn là rừng rậm hoang vu quan đã tốn công khai phá cho dân trồng trọt.

Ngồi trên kiệu cao, Sinh nhìn theo ngón tay quan trỏ phía xa xa, mơ hồ thấy suối thấy đồng nhiều vẽ khác màu miệng không ngừng tán tụng. Hơi men nồng nàn, lòng Sinh chứa chan nhiệt tình đối với những bậc "Dân chi phụ mẫu" mà xưa nay Sinh thường tỏ ý rẻ khinh.

Đến đâu quan cũng xin Sinh lưu bút để cho khắc vào bia đá, cột đồng. Sinh phóng bút thao thao bất tuyệt. Mực thơm bút quý, lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu Trước khi giã từ, Sinh còn lưu lại bài tán tổng kết công đức của quan để khắc vào chốn công đường và bài minh, ký để ghi tạc vào mấy cổ hồng chung tại các tháp đền quy mô trong hạt. Quan ân cần tiễn Sinh ra khỏi nha môn, đưa tặng một cỗ ngựa bạch, mấy nén vàng, nhưng Sinh một mực từ chối từ không nhận để giữ vẹn lòng thanh khiết.

Giữa mùa xuân ấy Sinh lâm bệnh nặng, nằm liệt suốt một tháng liền, Tuyết Hồng hết sức săn sóc thuốc thang, nhiều đêm không ngủ. Bệnh cũ như muốn tái phát, thần kinh rạo rực không yên, giấc ngủ chập chờn ác mộng.

Mấy lần chống tay ngồi dậy, nhưng lại bủn rủn nằm xuống, hơi thở nóng ran như lửa Một sớm đang nằm, nghe tiếng chim hoàng anh hót ngoài vườn vụt tắt, thấy một tia nắng lọt qua khe cửa chợt tàn. Sinh hốt hoảng tưởng chừng mùa xuân bỏ mình mà đi, bèn gượng ngồi lên xô mạnh cửa sổ. Mấy nụ hoa thắm cười duyên trước thềm, lá xanh tươi màu nhựa mới Sinh gọi đem nghiên bút và tập hoa tiên. Vừa cầm bút lên, Sinh bỗng kinh ngạc. Nghiên mực đỏ tươi sắc máu Thử chấm bút vào, lăn tròn ngọn bút đưa lên, bỗng thấy nhỏ xuống từng giọt, từng giọt thắm hồng như rỉ chảy từ tim. Khiếp đảm, Sinh ngồi sửng sờ, tâm thần thác loạn. Cố viết đôi chữ lên giấy, nét chữ quánh lại, lợn cợn như vệt huyết khô trên cát. Sinh vội buông bút, tưởng chừng bàn tay cũng thấm máu đầy Đưa lên ngang mũi, mùi tanh khủng khiếp. Quệt tay vào áo, đau nhói trong người Sinh nằm vật xuống mê man bất tỉnh. Sau mấy ngày, Sinh tỉnh dậy, lòng lại khao khát cầm bút. Nhưng nhớ hình ảnh vừa qua, tự nhiên đâm ra e ngại. Sinh cố tập trung thần lực, men đến án thư vừa cầm bút lại thấy lãng vãng sắc máu, không sao có đủ can đảm vạch được nét nào Sinh ném bút, hất giấy, vô cùng khiếp sợ, tưởng như xôn xao chung quanh vô số hồn oan đòi mạng. Từ đó Sinh gầy rạc hẳn, liệu không sống thoát.

Người cậu của Sinh từ lâu đã vào trong núi Hoa Dương ở với đạo sĩ họ Trình, một hôm tạt về thăm nhà thấy cháu suy nhược, rất là lo lắng. Sau khi nghe Sinh thuật hết những điều quái dị vừa qua, ông suy nghĩ hồi lâu rồi nói:

- Ta từng bảo cháu ngòi bút không phải không có oan khiên. Lưỡi gươm tuy ác mà trách nhiệm rõ ràng, lỗi lầm tác hại cũng trong giới hạn. Mượn sự huyền hoặc của văn chương mà gây điều thiệt hại cho con người, tội ác của kẻ cầm bút xưa nay kể biết là bao, nhưng chẳng qua vì mờ mịt hư ảo nên không thấy rõ hay không muốn rõ mà thôi Làm cho thiếu nữ băn khoăn sầu muộn, làm cho thanh niên khinh bạc hoài nghi, gợi cho người ta nghĩ vật dục mà quên nhân ái, kêu cho người ta tiếc tài lợi mà xa đạo nghĩa, hoặc cười trên đạo nghĩa của tha nhân, hát trên bi cảnh của đồng loại, đem sự phù phiếm thay cho thực dụng, lấy việc thiển cận quên điều sâu xa, xuyên tạc chân lý, che lấp bần hàn, ca ngợi quyền lực, bỏ quên con người, văn chương há chẳng đã làm những điều vô đạo Tội ác văn chương xưa nay nếu đem phân tích biết đâu chẳng dồn thành ngàn dãy Thiên Sơn! Thần tạng của cháu kinh động thất thường, nhưng mà bản chất huyền diệu có thể cảm ứng với cõi vô hình, chắc cháu làm điều tổn đức khá nặng nên máu oan mới đuổi theo như vậy Hãy xem có lỡ hứng bút đi lệch đường chăng? Soát lại cho mau, soát lại cho mau, chớ để chậm thêm ngày nào!

Lương Sinh nghe xong bồi hồi tấc dạ, trí tuệ xem như minh mẫn hơn nhiều, cơn bệnh do đó lui được khá xạ Sinh đem mấy tập thi tuyển của mình đọc lại từng câu, dò lại từng chữ, thấy toàn là ý bướm tình hoa, phát triển cảm xúc mà xao lãng trí tuệ, tán tụng thiên nhiên mà bỏ mất cảnh đời, trốn tránh thực tại, từ chối tương lai, nhưng nghĩ kỹ vẫn chưa dò được lối máu từ đâu Bỗng sực nhớ đến những lời phóng bút viết cho quan Tổng trấn, không ghi lại trong thi tuyển, tâm não trở nên bàng hoàng. Đồng thời bao

nhiêu gương mặt hốc hác trong ngày hội chùa lại hiện rõ, mấy cánh đồng trơ trọi, những tiếng thì thầm hai bên kiệu hoa, vẻ người nhớn nhác sợ hãi, những đòn dây trói, mấy dãy nhà giam, lần lượt như sống lại trước mắt. Những cảnh ấy thật trái ngược với những bài tán bài mình đã viết. Mồ hôi toát ra như tắm, Sinh đứng lên được, quyết định trở lại chốn cũ để tìm hiểu sự thật.

Sinh đến chốn cũ vào một buổi chiều nắng vàng thê lương phủ trên cảnh vật tiêu điều xơ xác. Qua khỏi dòng suối cạn, Sinh bước vào một thôn trang vắng vẻ, thưa thớt những mái tranh nghèo, không một bóng người thấp thoáng. Đến một gò cỏ úa héo chợt thấy một người nông phu ủ rủ trước nấm mộ mới hiu hiu mấy nén hương tàn, Sinh dừng bước, lại gần ngồi một bên, khẽ hỏi:

- Bác khóc thương thân quyến nào vậy

Người kia ngước lên không nói, ngắm nhìn lại bụi đường trường bạc thếch trên quần áo của Sinh, dịu đôi mắt xuống:

- Người nằm dưới mồ không phải là bà con quen thuộc của tôi

Sinh nghĩ: "Chẳng lẽ người này cũng là một kẻ thi nhân khóc thương cho kiếp hồng nhan bạc mệnh nào chăng?"

Chưa kịp dò ý, người kia chợt hỏi, ra vẻ hoài nghi:

- Ông từ đâu mà đến đây

- Tôi ở chốn xa, nhân bước đường phiêu lưu ghé tạt qua thôi Buồn thấy miền này có vẻ tiêu điều hơn các nơi khác.

Người nông phu bỗng long lanh đôi mắt như không dằn được tấm lòng dồn nén bật lên những tiếng căn hờn:

- Nói cho muôn ngàn khách qua đường cũng chưa hả được dạ này Ví dù phải chết ngày nay thân này chẳng tiếc, miễn sao bộc bạch cho được sự thật uất hận từ lâu Đã bao năm rồi, sống dưới nanh vuốt của tên Tổng trấn họ Lý độc dữ hơn hùm beo, đồng ruộng gầy khô, dân làng đói rách. Đầu xuân này có khâm sai đi về, cụ thôn trưởng của chúng tôi, mặc dù già yếu cũng quyết vì dân làm bản trần tình, cản đầu ngựa, níu bánh xe mà tỏ bày sự thật. Thế nhưng khâm sai đi khắp mọi nơi, chỗ nào cũng thấy bia đá cột đồng đầy lời hoa mỹ tán dương công đức Tổng trấn của thằng danh sĩ đốn mạt nào đó nên ném bản trần tình, không xét, bảo rằng: "Muôn ngàn lời nói của lũ dân đen vô học đâu bằng mấy vần từ điệu cao xa của kẻ danh nhọ Danh sĩ bao giờ cũng biết tự trọng. Tổng trấn đã được hạng ấy tôn xưng, hẳn không phải bất tài". Thế đã thôi đâu, khâm sai đi rồi Tổng trấn phái sai nha về tróc nã những người đã đầu đơn tố cáo nó. Bao người phải chết vì nỗi cực hình thảm khốc, vợ góa con côi, một trời nước mắt, ruộng đồng từ đây dành để nuôi loài cỏ dại mà thôi!

Sinh chết điếng cả người, giây lát mới gượng gạo hỏi

- Chẳng hay bác có biết... danh sĩ ấy tên gì không?

Người nông phu trợn trừng cặp mắt, gào lên:

- Làm gì mà biết! Mà biết làm gì? Những hạng hiếu lợi hiếu danh, trốn trong từ chương để tiếp sức cho kẻ ác mà cứ tưởng mình thanh cao, hạng ấy thì đâu chẳng có! Dân làng đây ai cũng nguyền rủa hắn mà hắn nào có biết đâu! Nghĩ thương cho cụ trưởng tôi mấy lần đứng ra chịu nhận tội để cứu bao người mà bọn chúng chẳng chịu tha, cứ việc tàn sát thẳng tay, lôi đi lớp người này rồi đến lớp người khác, nên khi bị dẫn qua đây cụ tự móc họng cho trào máu ra mà chết để khỏi bị đày đọa Trước khi nhắm mắt cụ còn gượng nói: "Được chết trên cánh đồng đã đẫm mồ hôi ta, thế là quý rồi Chôn ta ở đây cho ta gần gũi với các người". Hơi thở gần tàn cụ nói tiếp: "Tội ác là ở lũ vua quan. Tên danh sĩ kia chỉ là cái cớ để chúng vịn vào mà che lấp sự thật. Đừng oán hờn tên danh sĩ. Đáng thương cho nó!".

Người nông phu dừng lại nghẹn ngào nói tiếp:

-Nhưng bao nhiêu người khổ ở đây, bao kẻ chết nơi kia, nghĩ còn đáng thương xót gấp trăm ngàn lần!

Đoạn gục đầu trước mồ khóc thảm thiết.Sinh cũng sụp xuống hòa tiếng khóc theo

Bóng đêm xóa nhòa, gió lạnh như từ cõi âm thổi về rung động bờ lau bụi cỏ. Sinh có cảm giác như theo cơn gió, oan hồn của người đã khuất hiện về chứng kiến cho những giọt lệ chảy ra từ một tấm lòng hối hận chân thành.

Hoa Đại trắng (Đức Ban)

Trong số lịch tôi treo trên tường, có một tờ in ảnh một bông hoa đại, ai đó tặng tôi bằng cách bỏ qua cửa sổ vào chiều tất niên. Bông đại trắng lạnh giữa nền xanh mỏng như sương khói, dính vào cành gầy tựa nét bút lông của một nhà nho già yếu.

Suốt mấy ngày Tết, tôi ngắm bông đại trắng dường như có một thôi thúc nào đấy trong cõi tâm linh. Vợ tôi thì không riêng gì hoa đại, các tờ lịch khác trên tường đều nằm ngoài mắt nàng; như trong cuộc

đời này, chỉ có tôi nằm trong mắt nàng vậy. Một hôm, vào lúc nửa đêm về sáng, bỗng nhiên tôi choàng tỉnh, tâm thần hoảng loạn. Tôi bật công tắc điện. Căn phòng trong bóng đêm trở nên lạnh lẽo, chập chờn thứ ánh sáng càng có cái gì đó u uẩn, kỳ bí.

Tôi nhìn tờ lịch trên tường và giật mình: bông đại trắng đã biến đâu mất; giữa mảng mầu xanh lam chỉ còn hình hài của nó đen mờ, hư ảo.

- Lạ lùng! – Tôi kêu lên và lay vai vợ.

Nàng cuộn tròn trong chăn như một con mèo lười.

- Đời này chuyện gì chẳng là chuyện lạ. – Nàng nói, giọng tỉnh khô như từ thuở lọt lòng đến giờ nàng chưa hề ngủ.

Tôi nhìn đôi mắt không mở của nàng, nói:

- Mất bông hoa đại trên tờ lịch rồi!

Vợ tôi dửng dưng:

- Một bông hoa thì có sao! Ngủ đi anh!

Nói xong, vợ tôi xoay lưng về phía tôi, kéo chăn trùm kín đầu.

Tôi đứng giữa phòng. Và bỗng có những làn gió nóng như lửa quét qua đầu tôi.

Mắt hoa lên, tôi khuỵu xuống nền nhà ướt lạnh.

…

- Chuyện gì thế, thưa bác sĩ.

Ông bác sĩ có khuôn mặt hồn hậu nhìn xoáy vào tai tôi, hỏi:

- Anh cưới vợ từ bao giờ?

- Tôi sang nhờ ông khám bệnh, ông lại hỏi chuyện riêng tư.

- Mọi thứ trên đời này đều dính vào nhau, mắc vào nhau như cái mạng nhện. Không có chuyện gì là chuyện riêng của ai đâu.

Tôi bất giác rùng mình. Và tôi kể:

- Tôi gặp nàng vào đêm rét se sắt trong cuộc thi người đẹp thị xã. Tôi là phóng viên tờ báo tỉnh, đến đó để chụp hình. Nàng có cơ thể đẹp tuyệt trần. Ba số đo lý tưởng, ngực, eo và mông 85-60-88 trong chiều cao một mét bảy Mọi cái trên con người nàng đều quyến rũ ghê gớm, kể từ sợi lông măng. Vậy rồi tôi bỏ vợ tôi – một cô giáo dạy trẻ con ở quê – đi theo nàng…

- Anh đơm đặt vợ ngoại tình làm cớ li dị phải không? – Bác sĩ ngắt lời tôi.

Tôi ấp úng. Rồi nói tiếp:

- Bữa tôi cưới nàng, vợ tôi đến, dù là tôi không mời Cô mặc bộ quần áo trắng, đội mũ trắng, đi giày trắng. Cô tựa một khối tuyết trắng lạnh và buồn. Cái hộp cô tặng tôi cũng trắng nốt.

- Có cái gì trong hộp? – Bác sĩ hỏi, đầy vẻ nôn nóng.

- Tôi chưa dám mở.

Bác sĩ lắc đầu, nói:

- Thôi, anh về uống bốn liều thuốc an thần rồi xem trong hộp cô ấy có gì.

Vợ tôi ngủ, thỉnh thoảng lại rùng mình; chắc nàng đang mộng mị.

Tôi lóng ngóng mở cái hộp làm bằng bìa cứng. Trước mắt tôi là một bông hoa đại bằng vải giống y như thật bởi lớp da trắng, mịn màng và đường răng cưa viền nơi đài hoa. Như một cái máy, tôi bỏ cái hộp vào túi áo ngực, dắt xe đạp ra khỏi nhà. Tôi đi như một kẻ mộng du trong đêm sương mù đùng đục.

Tôi đến nhà người vợ cũ lúc mưng mửng sáng. Một ngôi nhà nhỏ nhắn nằm ngoài rìa thị xã. Người cô móm mém cho tôi biết sau khi tôi cưới vợ mới cô bỏ bà, bỏ lũ trẻ con đến nương nhờ cửa Phật. Hiện cô ở chùa Tích Phương. Mặt trời mọc, tôi lần đến được chùa.

Hoa đại trắng trời, trắng đất chùa.

Một nhà sư gom hoa đại rụng giữa mảnh sân thanh tịnh cho tôi hay rằng cô vừa lên cõi Niết Bàn lúc nửa đêm về sáng.

Tôi run rẩy đặt cái hộp đựng bông hoa đại trắng lên bàn thờ. Quay ra, ngửa mặt nhìn lên chín tầng mây cao mịt mờ.

Chính ngọ, tôi về nhà.

Tờ lịch in ảnh bông đại trắng vẫn vẹn nguyên trên tường.

Hoa Lạ (Nguyễn Đình Bổn)

Phan ngoài ba mươi tuổi vẫn còn độc thân và sống rày đây mai đó nhưng rất ít khi về quê nhà. Chàng có nhiều tài vặt, có thể làm thơ, viết một vài truyện ngắn gởi đăng báo kiếm chút tiền. Là một người trung thực, trọng chữ tín nhưng chàng cũng rất đa tình. Năm Phan ba mươi tuổi tự dưng suốt từ đầu năm cứ gặp hết chuyện xui này đến chuyện xui khác. Một ngày gần cuối năm, vừa khỏi một cơn bệnh kéo dài chàng bỗng thấy nhớ cha mẹ liền lên đường về thăm nhà ở một vùng trung du nơi cha chàng đến định cư mười năm về trước. Ông tuy đã gần bảy mươi nhưng còn khỏe mạnh và ham thú làm vườn, nên khi về vùng đất mới, khi người còn thưa, đất rộng, ông đã khai phá và sở hữu cả một sườn đồi lớn trồng toàn đào lộn hột – còn gọi là cây điều. Sống lang chạ mãi ở tỉnh thành, Phan bỗng

mê mẩn với khung cảnh thiên nhiên thuần khiết ở vùng bán sơn dã và mê nhất là không khí tĩnh lang, thơ mộng của vườn điều nhà mình, nên chàng liền xin phép cha được coi sóc vườn thay ông trong một khoảng thời gian ngắn. Được gia đình đồng ý, Phan thu xếp vào ở hẳn trong rẫy, nơi chỉ cách phố huyện vài cây số đường đồi, với ý nghĩ sẽ ở lại đây cho qua năm "vận hạn" của mình.

Không phải mùa thu hoạch nên nhiệm vụ của Phan chỉ là coi chừng đừng cho bọn trẻ chăn bò đốn cây hoặc đốt lửa làm cháy rẫy. Khoảng thời gian sáng sớm và chiều tối chàng thường đi thăm thú những vùng lân cận. Chàng đã từng theo đường mòn tìm đến một "buôn" của người dân tộc xa hàng mười cây số, từng vào thăm một vài làng nhỏ của công nhân cao su trong những cánh rừng cao su bạt ngàn, nhưng chàng lại thích thú nhất khi một hôm phát hiện ra một cái hồ khá rộng nằm giữa ba quả đồi lớn. Mặt hồ trong veo, đứng trên đỉnh đồi Phan đã cảm thấy hơi nước mát lạnh tỏa ra khắp xung quanh. Giữa hồ là một nhà thủy tạ nhỏ làm khung cảnh càng thêm thơ mộng. Lúc ấy đã chiều nhưng chàng vẫn tuột theo con dốc dẫn xuống bờ hồ. Chàng ngạc nhiên khi thấy không khí vắng vẻ như tờ. Khi theo chiếc cầu ván bắc ra nhà thủy tạ, Phan cho rằng nơi này hẳn đã bị bỏ hoang ít ra cả nửa năm rồi. Cỏ và dây leo các loại mọc đầy trên các kẽ ván. Những chú rắn mối bò sột soạt trong lá khô giương mắt nhìn khách lạ. Quanh nhà thủy tạ, dọc theo lan can treo đầy những chậu lan. Vùng trung du, chiều sập xuống rất nhanh nên Phan vội quay về mà không kịp ngắm những giò lan đang đâm hoa và thoang thoảng hương. Từ nơi đó về đến rẫy của chàng cũng khá xa...

Sáng hôm sau, từ sớm Phan đã quay trở lại cái hồ đẹp ấy. Rừng cao su vào mùa xuân là một trong những cảnh tuyệt vời. Lá rụng dày tạo thành một tấm thảm êm ái dưới chân ta, còn lá mới trên cành thì mơn mởn như thể trời vừa đổ xuống một cơn mưa mỡ.

Nắng lên, Phan cởi quần áo nhảy ùm xuống hồ, vì đã lâu chàng không được bơi lội. Nước hồ lạnh nhưng trong suốt đến tinh khiết. Lòng chàng lại thầm ngạc nhiên tự hỏi, tại sao một cái hồ đẹp như thế này và người ta đã tốn công dựng lên một nhà thủy tạ cũng đẹp không kém rồi lại bỏ hoang? Và đây là một công trình công cộng hay của riêng một cá nhân nào?

Tắm xong, Phan leo lên và bắt đầu đi vòng quanh theo lan can hình lục giác để ngắm những chậu lan vừa trổ hoa. Lan ở đây phần lớn là Ngọc điểm và Thủy tiên, hai giống lan đẹp và mọc nhiều ở rừng miền Đông. Đi gần hết chu vi nhà thủy tạ chợt Phan dừng lại, nhìn như thôi miên vào một cành hoa lạ. Những bông hoa màu tím sậm, gần giống như hoa uất kim hương, nhưng nhỏ hơn, nở từng chùm lộng lẫy. Từ những chùm hoa ấy, một mùi hương ngào ngạt lan tỏa khắp xung quanh. Phan như mê mải bởi vẻ đẹp khó tin của chùm hoa lạ và ngây ngất vì hương thơm quá quyến rũ. "Ôi, ta muốn đem giò hoa này về cùng ta quá! Đây có lẽ là một loại lan cực quý hiếm – chàng nghĩ thầm. Nhưng mà nơi đây thuộc quyền sỡ hữu của ai? Lẽ nào ta lại đi trộm cắp hoa của một người nào đó?".

Nghĩ thì như vậy, nhưng không dằn lòng được, cuối cùng Phan gỡ cành lan lạ và quá đẹp ấy. Lạ lùng là nó không được trồng trong chậu mà như thể tự mọc lên từ một chiếc cọc gỗ cắm sâu dưới đáy hồ. "Tết này mình sẽ có một giò lan độc nhất vô nhị đây!". Phan cố tình nghĩ vậy để xua đi cảm giác có lỗi.

Đêm ấy trời hơi lạnh. Còn chưa đầy mười ngày nữa là Tết đến. Phan đốt một đống lửa nhỏ như thường lệ trong bếp và đem treo giò lan ngoài gốc điều trước trại để nó hứng sương. Chàng ngồi mơ màng, cảnh đơn độc làm chàng hồi tưởng lại những người con gái đã qua đời mình, những cuộc tình đến rồi đi, những hẹn thề, những bội bạc... Cơn gió Đông Bắc xào xạc bên ngoài đêm ấy sực nức một mùi hương quyến rũ. Phan leo lên một chiếc vạt tre dùng làm giường, lâng lâng trong hương thơm ấy và chập chờn... Bỗng chàng trông thấy một cô gái đứng kế bên chiếc chõng tre của mình. Phan lồm cồm ngồi bật dậy. Cô gái mặc toàn màu tím, tóc xõa dài, mắt lung liêng ánh lửa.

- Cô là ai? – Phan hỏi - Tại sao cô đến đây được vào lúc này? Cô gái hơi lùi lại như lúng túng. Nét mặt cô ta thật đẹp nhưng u buồn.

- Cô là ai? – Thấy cô gái không trả lời, Phan hỏi gằn.

- Em tên là Lan. Nhà em cũng gần...

- Tại sao cô lại đến đây vào lúc này?

- Tự em không đến đây được. Chính anh đã đem em đến! Giọng nói nàng êm ái như tay ta đang chạm vào một miếng nhung.

Một mùi hương quyến rũ, ngọt ngào từ phía người đẹp sực nức lan ra. Phan như mê mẩn và

mất hết cả tự chủ. Chàng sỗ sàng nắm tay cô gái kéo về phía mình. Cô ta yếu ớt chống lại rồi ngã vào lòng Phan, nhưng đưa tay ngăn chàng lại:

- Em sẵn sàng trao thân cho anh, nhưng anh phải hứa một điều.

- Em cứ nói! Anh sẽ làm tất cả cho em. Sẽ không từ nan bất cứ chuyện gì! – Phan hổn hển đáp vội.

- Ngày mai anh phải quay về chợ và phải mang em theo!

- Ngày mai?

- Phải! Ngay ngày mai! Người ta sẽ bắt đầu bán hoa rừng ngoài thị trấn. Anh hãy đưa em đến đó và bán em ngay cho người hỏi mua đầu tiên!

Phan hoàn toàn không hiểu gì về điều kiện mà cô gái tên Lan đưa ra, nhưng bị quyến rũ đến mê muội, lúc ấy chàng sẵn sàng hứa bán cả trái đất nếu người đẹp yêu cầu để sớm được bước vào chốn đào nguyên đầy hương sắc lạ lùng, huyễn hoặc và nồng cháy. Chưa bao giờ Phan cảm thấy say sưa, đắm đuối như vậy. Chưa có cô gái nào từng qua đời chàng lại mềm mại, thơm ngát như cô gái tình cờ lạ lùng trong đêm nay. Phan gần như trút hết sinh lực vào cuộc truy hoan rồi rã rời thiếp đi...

Những tia nắng ban mai chiếu vào mắt làm chàng giật mình tỉnh dậy. Cảm giác đầu tiên là cái đầu nặng nề và đau buốt, nhưng rồi sực nhớ lại chuyện đêm qua, Phan bàng hoàng nhìn quanh. Vắng lặng. Tiếng một con chim sâu lích chích ngoài vườn điều. Đêm qua mình mơ chăng? Không, hương ấy vẫn còn rất nồng trên chiếu. Phan đưa cánh tay lên mũi ngửi. Chàng bần thần nhớ cái cảm giác lúc bàn tay mình chạm vào da thịt mềm mại và nóng bỏng của cô gái tên Lan. Những hình ảnh đêm qua giờ diễn qua ý nghĩ chàng từ đến cuối. Chợt Phan bật dậy bước ra ngoài. Lan? Hay là...? Giò lan lạ hôm qua vẫn còn treo trên cành điều trước trại. Một mùi hương thoảng qua quen thuộc. Phan đứng như chôn chân bên cạnh những chùm hoa. Nàng là ai? Là những bông hoa tím đẹp não nùng này sao? "Em không tự đến đây được..." Lời nói ấy như còn văng vẳng bên tai Phan, rồi nàng còn bắt mình phải hứa bao điều? Phan ôm lấy đầu. Cơn nhức đầu có dịu đi nhưng lòng chàng thì loạn lên vì bao nhiêu thắc mắc lạ lùng. "Người ta sẽ bắt đầu bán hoa rừng ngoài thị trấn. Anh hãy đưa em đến đó và bán...". Bán? Cho người hỏi mua đầu tiên?

Phan đưa tay sờ vào những cánh hoa. Nó mềm mại và âm ấm, khác hẳn những cánh hoa bình thường. Chàng lặng lẽ thu xếp đồ đạc. Dù gì thì mình cũng đã hứa. Dù chỉ là hứa trong một giấc mơ!?

Càng về gần chợ, những người đi đường càng trầm trồ nhìn giò lan. Ai cũng khen quá đẹp và hỏi Phan đã tìm được ở đâu. Phan chỉ mỉm cười, không đáp. Vừa bước vào khu vực nhóm chợ, chàng kinh ngạc hơn khi thấy đúng là ở góc chợ có một số người tụ tập để bán hoa rừng. Phan đến gần, họ bán phần lớn là mai vàng và các loại lan lấy từ những cánh rừng quanh khu vực. Bỗng chàng chú ý đến một người đàn ông mập mạp đang bước ra từ cửa chiếc xe hơi sang trọng. Ông ta nhìn chàng chăm chăm rồi nhìn cành lan trên tay chàng.

- Anh bán giò lan này bao nhiêu? Ông ta hỏi khi bước lại gần, mắt nhìn xoáy vào những cánh hoa tím như đang run rẩy.

- Tôi... tôi..

- Ồ, giò lan này thật đẹp, mà lạ. Chắc là phải lấy từ một khu rừng nào đó xa xôi. Ông cứ trả cao giá vào! – Anh thanh niên bán mai vàng, mặc đồ công nhân cao su, đứng cạnh Phan bảo.

- Anh bán bao nhiêu cứ nói!

- Tôi không... Phan tính nói "Tôi không bán!", nhưng nhớ lời dặn dò của cô gái đêm qua chàng trả lời xuôi: " Tùy ông! - Tôi trả anh năm trăm ngàn. Được chứ? - Được!"

Người đàn ông móc một xấp giấy bạc, đếm sơ rồi nhét vào tay Phan và gần như giằng lấy giò lan, xong bước vội về phía xe hơi của mình. Mùi hương lan ra rồi tan dần theo cơn gió xuân.

Phan bỗng cảm thấy như kiệt sức. Chàng nhét tiền vào túi và cố gắng lắm mới về được đến nhà. Vừa vào đến sân chàng đã quỵ xuống, tai còn nghe tiếng la thất thanh của mẹ!

Tiếng đì đùng làm Phan hồi tỉnh. Chàng nhận biết ngay là tiếng pháo. Mẹ chàng là người đầu tiên thấy Phan mở mắt ra, bà reo lên mừng rỡ: "Phan! Con tỉnh rồi!" Cha chàng và người chị chạy đến đứng quanh giường. Phan cảm thấy không mấy mệt mỏi. Chàng hỏi:

- Con nằm đây được bao lâu rồi?

- Gần tuần lễ rồi! Con như một người ngủ say! Mẹ sợ lắm, nhưng bác sĩ cũng không hiểu là con bị bịnh gì!

Phan cố gắng nhớ lại tất cả. Đúng là tất cả đã xảy ra quá đỗi lạ lùng!

- Ai đốt pháo nhiều quá vậy mẹ?

- Pháo rước ông bà đó! – Cha chàng trả lời – Con cảm thấy ra sao?

- Con khỏe rồi! Cho con xin ly nước!

Mẹ chàng mang đến một ly sữa lớn và Phan uống ngon lành. Giờ thì chàng thấy tỉnh táo thực sự, chỉ có người hơi yếu.

Cha chàng nhìn con trai một lát rồi hỏi:

- Cha thấy con đã tỉnh thật. Giờ cha muốn hỏi con một chuyện!

- Điều gì vậy cha?

- Hôm con về đến nhà thì bị ngất đi, nhưng trong túi lại có một món tiền khá lớn. Con... con đã làm gì để có một số tiền như vậy?

Nghe giọng nghiêm khắc của cha mình, Phan thật cảm động. Ông là một người sống trong sạch và trung thực suốt đời. Chàng trả lời ngay:

- Cha đừng lo. Đó là tiền con bán hoa mà!

Rồi chàng lập tức kể cho cả nhà nghe chuyện về giò lan lạ tình cờ kia. Tất nhiên Phan không kể đến chi tiết chuyện gặp gỡ với cô gái tên Lan đêm nào.

- May cho con tôi! – Bà mẹ thở phào – Cành lan đẹp ấy là hiện thân của một cô gái bất hạnh nhập vào đó để trả thù!

- Mẹ nói gì hả mẹ? – Phan ngơ ngác hỏi.

- Cái ông mua giò lan của em đã chết rồi! – Chị chàng trả lời – Ông ta chết đột ngột trong phòng ngủ của mình cùng với giò lan lạ mới mua. Nhà chức trách bảo rằng các bác sĩ đã cho biết ông ta bị ngộ độc vì hoa Linh Lan! Nhưng cũng có những lời đồn đại khác...

- Em không hiểu gì cả! Chị kể cho em nghe đi!

- Ông ấy là chủ của một công ty lớn. Người ta đồn rằng ông chủ ấy đã giết cô thư ký trẻ đẹp của mình vì cô ta có thai với ông. Giết bằng cách xô xuống cái hồ mà em đã đến tắm và mang giò lan độc ấy về bán. Nơi đó, trước kia là nhà nghỉ của gia đình ấy. Sau cái chết, mà người ta giải thích là chết đuối của cô thư ký kia, không ai còn dám đến nữa vì người ta đồn nơi ấy có ma! Em mới về nên không biết! Mà thôi, em nghỉ đi! Để chị nấu cho em một nồi cháo gà!

Phan nằm im. Nhắm mắt lại. Linh Lan? Phải rồi. Chàng đã từng đọc sách nói về giống hoa cực đẹp mà cũng cực độc này. Nhưng còn cô gái áo tím có đôi mắt u buồn đêm ấy? Rồi hình ảnh nàng bỗng hiện ra. Phan mở bừng mắt. Không! Đó chỉ là ảo ảnh. Hình như trời sắp tối...

Độc Huyền (Nguyễn Đình Bổn)

Làm thân con gái đừng nghe đàn bầu. (Ca dao).

Ven bờ một dòng sông lớn thuộc ngoại ô thành phố nọ, có một xã cù lao. Dân ở đây phần lớn sống bằng nghề chài lưới, giăng câu và một số canh tác trên những khoảng đất hẹp. Về phía cuối cù lao dân cư thưa thớt, chỉ có dăm bảy nóc nhà nhưng trong ấy có một gia đình khá nổi tiếng. Họ không nổi tiếng về sự giàu có, dân cù lao chẳng mấy ai giàu, mà nổi tiếng vì chủ gia đình vốn là một danh cầm từng theo đàn cho những gánh hát lớn. Nhưng không biết vì sao người nghệ sĩ ấy bỏ gánh hát, ôm cây đàn độc huyền trở về quê. Người thì đồn anh ta thất tình một cô đào thương vốn là nhân tình của bầu gánh, kẻ lại bảo chỉ đơn giản vì chán làm cánh chim lang bạt nên anh ta ôm đàn về quê cưới vợ. Không biết ai đúng, chỉ thấy anh ta cưới vợ thật và sinh được một đứa con trai. Đêm đêm, khi xóm cù lao ngủ sớm, những người làm nghề câu thường nghe vẳng tiếng độc huyền ai oán, nhức nhối mà đầy ma lực từ phía căn nhà ấy vọng ra lan khắp trên mặt sông như một lời nỉ non tiếc nuối về một thuở xa xôi

Năm tháng dần trôi qua, đứa bé lớn lên như mọi đứa trẻ bình thường khác nhưng lại được người cha mang dòng máu nghệ sỹ dạy đàn rất sớm. Nhưng rồi đứa bé sớm mồ côi mẹ còn cha thì lâm vào cảnh nghiện ngập và cũng mất đi khi nó tròn mười sáu tuổi. Không nghề nghiệp, gia sản chỉ là một mảnh vườn nhỏ và cây đàn một dây, cậu bé đành về sống nương nhờ bên ngoại. Nhưng ông bà ngoại thì quá già còn cậu mợ thì hất hủi nên chỉ được vài năm cậu bé, giờ đã ra dáng thanh niên, đành trở về căn nhà xiêu vẹo của mình, xin học nghề câu ở một ông lão tốt bụng và đêm đêm lại đem đàn ra gảy những khúc bi ai. Xóm làng đông đúc lên dần, chàng trai cũng trưởng thành nhanh chóng. Rồi cái nòi tình lại xui chàng đem lòng yêu một cô gái duyên dáng, xinh đẹp nhất vùng mà ngày ngày vẫn đi ngang nhà chàng để ra bến đò qua chợ. Đáng buồn thay nàng là con nhà khá giả nhất cù lao trong khi chàng chỉ có túp lều rách với một cây độc huyền. Mà người ta ai còn cần đến cây đàn cổ xưa này nữa? Đám thanh niên trạc tuổi chàng chỉ biết chơi ghi ta và chê tiếng đàn một dây ai oán, không thích hợp với những giai điệu mới. Thậm chí có một vài người có uy thế trong vùng còn

hăm dọa sẽ đem ném cây đàn xuống sông vì họ cho rằng tiếng đàn ấy cũng như tiếng tiêu, tiếng sáo sẽ đem lại điều xui xẻo cho cả địa phương!
Trái tim chàng trai sớm mang dòng máu tài hoa như bị bóp nát mỗi khi chàng nhớ về người mà chàng yêu thầm nhớ vụng. Cô gái vẫn vô tình, thậm chí có hôm cô đi cùng với mấy chàng trai hoạt bát, hào phóng và họ thản nhiên đùa giỡn khi đi ngang qua căn nhà lá bé nhỏ đang chứa đựng một linh hồn run rẩy vì tuyệt vọng.
Nhưng dù ôm mối tuyệt tình chàng cũng phải ra đi hàng đêm cùng đi với những chiếc cần câu. Chàng chỉ có một công việc ấy để kiếm sống. Và khuya về, những khuya mùa khô gió bấc non se sẻ thổi, không thể nào ngủ được chàng lại đem đàn ra gảy. Tiếng đàn lại càng tha thiết, bi thương hơn bao giờ hết. Dưới ánh trăng, những tán lá trong vườn cũng run lên bần bật vì những sợi tơ âm thanh như đang cuốn lấy chúng mà dày vò. Những người đi giăng lưới khuya chép miệng: “Thằng nhỏ giống ông già nó. Rồi cũng khổ một đời!”.
Nhưng họ đã lầm. Chính tiếng đàn ấy đã đem đến cho chàng trai những đêm tuyệt diệu trong cơn hoan lạc ái tình. Một đêm kia, khi vầng trăng non sắp lặn, chàng đang chìm đắm trong một khúc nhạc do chính cha chàng sáng tác và truyền lại thì bỗng sững sờ, bàn tay trên cần phím quắp lại cứng đờ và miệng lắp bắp mãi không nói được một câu. Đứng kề bên chàng, không biết tự bao giờ là người mà chàng hằng mơ tưởng, hằng khát khao.
-Sao anh không đàn nữa?
-Tôi tôi
-Em hiểu những gì mà anh gởi gắm qua tiếng độc huyền này. Em đến với anh đây!
Cô gái bạo dạn lạ lùng. Thế nhưng chàng trai bất ngờ đến suýt vỡ tim thì không còn chỗ cho lý trí làm việc. Lúc ấy chàng chỉ thiếu điều quỳ xuống ôm lấy chân nàng mà thôi.
-Đàn nữa đi anh! Em thích nghe lắm! Cô gái nhắc, giọng nói thánh thót như một chuỗi nốt nhạc.
Nhưng với bàn tay run rẩy chàng không còn làm chủ được cả âm thanh lẫn giai điệu nữa. Cô gái cười khúc khích:
-Chắc tại em đến làm anh không đàn được. Thôi em về đây! Cô dợm bước nhưng chàng trai đã nhanh hơn. Họ ngã vào nhau và mê đắm ngay từ phút đầu. Trăng lặn, cây đàn không lên tiếng nữa
Gần sáng, cô gái vuốt lại tóc, sửa lại quần áo rồi bảo:
- Em dặn anh điều này và anh phải nhớ cho thật kỹ. Cha em không thích anh nên nếu mà ban ngày có gặp nhau ta cũng nên xử sự như hai người xa lạ. Anh nhớ nghen. Rồi em sẽ đến từng đêm!
Chàng đồng ý ngay. Tất cả mọi chuyện quá đột ngột và còn hơn cả trong mơ. Khi nàng đã nhanh nhẹn và uyển chuyển khuất sau con đường nhỏ đã bắt đầu mờ mờ sáng chàng nâng cây đàn lên môi và hôn thắm thiết. Nhờ nó mà chàng đã chinh phục được người mình say mê. Giờ đây chính cây đàn cũng nhuốm một mùi hương ngây ngất.
Cứ vậy, sau khi chàng đi câu về, ngồi đánh một hai bản nhạc là nàng đến. Họ lại đắm đuối như mọi cặp tình nhân mới bắt đầu hưởng vị trái cấm. Nhiều lúc chàng mê man không còn nhớ về bất cứ chuyện gì. Đang sức trai mới lớn nhưng chàng cũng gầy đi vì những đêm hoan lạc còn những người giăng lưới khuya thì khác nhau: “Quái! Độ rày tiếng đàn thằng nhỏ nghe lạ lùng

quá. Hình như là âm u hơn. May mà nó đã ít đi!”.
Gần một năm trôi qua. Mọi chuyện vẫn bình thường đến nỗi không một ai để ý hoặc tò mò gì. Vào buổi sáng, cô gái duyên dáng nhất vùng ấy vẫn đi ngang qua nhà chàng để đến bến đò qua chợ. Đôi khi chạm mặt nhau họ làm ngơ như đã giao ước từ ngày đầu. Nhưng một đêm nàng bảo:
-Vài hôm nữa sẽ có người đến cưới em nhưng mong anh đừng buồn. Em đã lo liệu hết rồi!
Cả cù lao như sụp xuống đáy sông sâu sau câu nói ấy. Chàng nắm lấy vai nàng lắc mạnh:
-Cưới em? Tại sao em lại bỏ anh?
-Anh! Nàng đáp buồn – Ba em đã hứa gả và bắt buộc phải nghe lời. Nhưng từng đêm em vẫn đến mà. Anh đừng lo!
-Làm sao mà em đến được nếu như em lấy chồng? Chồng em rồi sẽ biết và anh sẽ mất em!
-Em đã lo xong hết rồi! Sẽ không ai biết!
Nàng đáp với một nụ cười bí ẩn và quyến rũ nhất. Và chàng lại mê man chìm vào đôi gò ngực rắn chắc mà bồng bềnh như sóng cù lao.

Mấy hôm sau thì đám cưới thật. Đó là cái đám cưới lớn nhất cù lao từ trước đến nay. Nhà trai ở bên kia sông tức là bên thành phố. Cô dâu cười rồi lại khóc nức nở khi con đò rước dâu rời khỏi bến nhưng mọi người chứng kiến đều thấy rõ đó là những dòng lệ chứa chan hạnh phúc!
Thế nhưng kỳ lạ làm sao, đêm ấy, nghĩa là ngay trong đêm động phòng hoa chúc, khi mà chàng trai ôm đàn gảy những khúc tuyệt vọng thì lá cây lay động ở đầu ngõ rồi nàng hiện ra. Vẫn nóng bỏng, vẫn mềm mại, vẫn ngát thơm
Họ lại đắm chìm trong cơn hoan lạc. Và gần sáng, nàng lại vuốt lại mái tóc, sửa quần áo ra về.
Và cứ như thế từng đêm
Bây giờ chàng không đủ sức để đi câu đêm nữa. Chàng chỉ có thể quanh quẩn nơi bến sông trước nhà dùng chài và lưới mành bắt những con cá nhép sống đắp đổi và đợi chờ đêm đến. Chỉ có màn đêm mới đem lại hạnh phúc cho chàng dù càng ngày chàng càng cảm nhận được rằng đó là một hạnh phúc đầy ắp phù du.
Thành phố bên kia ngày một đông đúc, chật chội. Rồi chính quyền thành phố công bố một bản quy hoạch mới theo đó xã cù lao sẽ thành một khu dân cư cao cấp dành cho người giàu đến an dưỡng và những nhà cao tầng sẽ xây lên cho người nước ngoài thuê. Người ta làm móng để đúc một chiếc cầu lớn qua sông, nối cù lao và nội thành. Đất trở nên đắt như vàng. Mọi dân cư ở đây đều xôn xao bởi bỗng chốc họ trở thành giàu có tột cùng. Người ta bỏ làm vườn, bỏ nghề câu để bàn về việc bán đất và xây nhà, sắm xe. Chỉ có chàng trai hạnh phúc và bất hạnh kia thì vẫn thờ ơ với mọi biến cố. Thế nhưng một đêm kia nàng đến với khuôn mặt u buồn nhất và bảo:
-Em đến để vĩnh biệt anh!

-Vĩnh biệt? Chàng bàng hoàn.
-Phải. Chúng ta không thể gần nhau được nữa. Em phải đi xa vì bị trục xuất!
-Ai trục xuất em? Em không thể đi! Không thể bỏ anh. Anh sẽ chết vì thiếu em!
Nàng lại hôn và lại vuốt ve chàng bằng đôi môi nóng bỏng và thành thạo. Thời gian đi rất nhanh. Mới đó mà đã qua đêm
- Nghe em dặn đây – Khi từ giã nàng nói: - Và anh đừng bao giờ cãi lời em nếu không thì sẽ là tai họa. Từ đây, nếu có bao giờ gặp lại em thì anh hãy nhớ, bất kỳ trong hoàn cảnh nào, trong thời gian nào đôi ta vẫn là người xa lạ!
Chàng gật đầu. Mấy năm sau chàng đã quen không cãi nàng dù chỉ nửa lời. Nhưng nước mắt chàng rơi lã chã. Họ chia tay nhau như vậy.
Sáng hôm sau chàng nhìn thấy từng đoàn nhân công xây dựng kéo qua nhà mình. Cây cầu lớn đã hoàn thành. Giờ họ đến đây san nền chuẩn bị xây một tòa nhà lớn trên mảnh đất cách nhà chàng vài trăm mét. Cả ngày hôm ấy họ đào làm móng nhà và phát hiện ra vô số xương nhưng bên dưới. Thì ra đó là một nghĩa địa cũ chắc đã bị bỏ quên từ bao nhiêu năm. Những xương đào lên ấy được bỏ chung vào một cái quách lớn và đem đốt đi theo lệnh những chủ thầu xây dựng.
Đêm ấy tiếng đàn như một lời rên. Những công nhân nằm cạnh ngôi nhà ấy rùng mình ngỡ như có tiếng thở thanh của những linh hồn trong khu nghĩa trang vừa phát hiện đang hiện về ám ảnh. Nhưng nửa đêm tiếng dây đàn đứt "phựt" rồi im bặt!
Đất cù lao, giờ nhộn nhịp như nội thành và vẫn tiếp tục lên giá đến khó tin. Cái nền nhà và mảnh vườn nhỏ của chàng nếu bán cũng có thể nuôi chàng cả đời. Nhưng chàng không bán, đêm đêm vẫn ngồi chơi đàn trong nỗi chờ đợi tuyệt vọng và tiếng đàn càng ngày càng làm người ta nổi da gà vì mức độ truyền cảm đầy u uất.
Một hôm có một thương gia trẻ đến tìm chàng và trả giá một trăm lượng vàng cho tất cả số đất mà chàng sở hữu. Còn đang kỳ kèo thì vợ người thương gia ấy bước vào. Chàng trai ngây ra và bừng tỉnh. Chàng xông lại ôm cứng lấy người thiếu phụ trong tiếng kêu mê sảng. Đó chính là nàng. Người tình mê đắm vẫn đến hàng đêm. Hai vợ chồng người thương gia trẻ vừa hốt hoảng vừa giận dữ. Cô vợ kêu thét lên và anh chồng xông vào. Khi mọi nhưng xúm lại thì chàng câu cá – chơi đàn đã ngất xỉu vì bị đánh mạnh vào đầu.
-Hắn khùng rồi! Thôi anh chị chấp trách làm gì!
-Chính cây đàn độc huyền này đã hại hắn! Cây đàn như có ma. Phải ném bỏ nó đi!
Họ đem cây đàn vứt xuống sông. Chàng trai vẫn bần bặt. Trong cơn mê, chàng thấy nàng hiện ra, vẻ mặt thương cảm:
-Em đã dặn anh rồi! Cô ấy không phải là em. Em chỉ là một linh hồn sống trong nghĩa trang kế bên. Vì yêu tiếng đàn và hiểu anh đang ôm mối tuyệt tình nên mới hiện lên giao duyên bằng

hình ảnh ấy. Giờ thì họ đã phá vỡ, đã đốt bỏ nơi trú ngụ của em rồi và em phải ra đi. Hãy quên em!
Nàng xa dần rồi tan ra như một làm sương.
Người ta cạo gió, giật tóc mai, đổ gừng nóng vào miệng và chàng dần hồi tỉnh. Sau đó vài hôm chàng kêu bán mảnh đất của mình và bỏ đi biệt tăm. Cù lao nhanh chóng thành một nơi sầm

uất với phố xá và xe cộ ken dầy. Vợ chồng người thương gia trẻ dọn về đó ở. Họ xây lên một căn nhà đẹp và mở một tiệm cà phê sang trọng. Ở đó họ đặt một dàn máy hát karaokê hiện đại.
Và giờ đây hàng ngày có rất nhiều thanh niên nam nữ dắt tay nhau vào vừa hát vừa gào:
"Không, tôi không còn, tôi không còn yêu anh nữa! Không "
Mấy ai còn nhớ tiếng độc huyền xưa?

Anh lính Tony D. (Nguyễn Minh Khuê)

Một gã đàn ông mặt mũi tối tăm, loại người nhan nhản vẫn lượn lờ ở các chốn đô hội, ghé vào nhà lão Thiến.
Gã đàn ông đứng ở cửa, thân thể vạm vỡ của kẻ được nuôi sống bằng chất bột lấn át dữ dội ở khuôn mặt nhờ nhờ, không ra thiện ác, khuôn mặt trên cái đầu nhỏ tí. Lão Thiến hỏi mà không thèm đứng lên:
- Chuyện thằng Thán hả?
- Vâng, sao ông biết?
- Điều đó tính sau. Sao?
- Thằng Thán chết mất xác rồi.
Lão Thiến nghe câu đó, hơi động đậy cục hầu to tướng trông như cục gạch bám vào cổ. Thằng Thán con trai lão đi đào vàng ở miền Trung. Nó nhập vào đội ngũ những kẻ đào vàng tứ xứ đã gần năm nay. Đây là lần thứ ba có kẻ đến nhà báo tin thằng Thán chết: Một lần chết đuối, một lần chết chém. Lần này chết mất xác. Gã đàn ông báo tin đứng ở cửa liếm môi. Trông bộ gã đói ăn. Lão Thiến thừa biết tâm địa bọn này nên lão hỏi mà không thèm động đậy các cơ mặt.
- Vì gì mà mất xác?
- Sập hầm! Không moi được.
- Ba kiểu chết!
- Ông bảo gì?
- Ba thằng báo ba kiểu chết. Mẹ chúng mày!
Gã đàn ông đưa tin có vẻ hơi sững người. Gã quan sát căn phòng của cha con lão Thiến. Không có gì đáng cho gã cầm lên tay. Đồ giẻ rách! Gã lầm bầm rồi cố nài:
- Nhưng tôi đã đến đây. Tàu xe tốn kém. Xin ông vài bữa cơm bụi.
Lão Thiến khoát tay chỉ ra cái hõm tối tăm: Xem đấy! Gặm được cái chó gì thì gặm! Gã đàn ông rõ là loại cố cùng. Gã bước chân qua lưng lão Thiến, giơ tay túm cái quạt tai chuột, cánh quạt thủng lỗ chỗ như cóc gặm:
- Xin ông tạm!
Gã kẹp cái quạt vào nách đi ra. Lão Thiến nói to: - Giờ hồn. Thằng Thán nhà ông nó về xin tí tiết mày bù vào, xéo mẹ mày đi!
Lão Thiến thừa biết thằng con lão loắt choắt như loài chuột nhắt, chứ nó thuộc loại trời đánh không chết. Nó như loại cỏ dại đốt bảy lần lại bảy lần mọc lại, lần sau mạnh hơn lần trước. Chả thế có lần nó đi ăn trộm ngã từ sân thượng tầng ba xuống, phúc bảy mươi đời lại có cụ tổ đỡ cho rơi vào đống cát. Lão đố thằng nào vật chết được nó… Tuy vạy, sau khi tống được gã đàn ông ra cửa, lão Thiến cũng thấy nôn nao trong dạ. Lão chờ đêm đến, lão lôi cái rađiô nhỏ giấu kỹ trong đống bát rếch ở gậm giường ra. Và lão bắt đầu dò đài. Không bao giờ lão nghe trọn được một câu người ta nói trong đài. Cái thú của lão là cầm núm điều chỉnh mà xoay. Chỗ nào sọt sẹt, lão lắng nghe rồi vặn tiếp. Hàng xóm láng giềng lườm nguýt, hậm hực. Lão cho qua tất. Việc lão lão làm. Động đến mả bố chúng mày đấy à? Lão sẽ trả lời như vậy vì lão không thể tưởng tượng được con người ta, tại làm sao chỉ vì những tiếng động mà lại mất ngủ? Có nổ bom tấn bên tai lão, lão vẫn an giấc như thường. Lão chén bữa tám bát cơm gạo mốc, cho nó rẻ, ăn kèm với thứ mắm muối từ đầu cá ruột gà nhặt nhạnh ở chợ chiều. Mỗi khi lão ăn mắm, cả xóm nín thở. Lão bảo chỉ có những thứ nặng mùi thế này mới hợp khẩu vị lão. Lão to kềnh to càng như cái máy kéo cổ lỗ hết dầu mỡ và bỏ xó từ đời tám hoánh nào. Đôi khi người ta bảo lão là cái hồn ma từ địa ngục trở về hoành hành nơi dương thế. Ăn ngủ như thế nên lão cường tráng nhất khu nhà này. Không ai muốn dây vào lão.
Trước kia lão hù dọa láng giềng là nhà lão ba đời trong sạch, lại có công lao. Hơi một tí lão lôi công lao ra kể, ai muốn nghe thì nghe, thường là con trẻ muốn nghe, như vịt nghe sấm. Đến lúc các thứ hù dọa như thế có vẻ hết hiệu lực, lão lấy sức mạnh bù vào. Lão đi qua sân là cả khu nhà rung lên như động đất, nói theo nghĩa đen vì lão khỏe lắm, như

một con bò mộng. Mà lão lại xuất thân từ tầng lớp không bao giờ đếm xỉa đến chữ "sỹ", cái thứ xa xỉ của những con người hèn yếu vì có đôi chút lương tâm. Lão muốn gì lão làm cho bằng được. Lão xéo lên tất cả. Lão làm chân gác cổng, về hưu từ chục năm nay. Lão có nhà ở ngoại ô, có vườn, ao thả cá. Đột nhiên lão bán tất để chuyển vào thành phố. Lão dùng tiền mua vàng giắt túi, giả nghèo giả khổ, bắt cả nhà chui vào cái hốc chưa đầy chục mét vuông, không cửa sổ, một bên là khu vệ sinh công cộng, mà đã là của công thì không thiếu gì mùi. Một bên là cái sân thượng giờ đây người ta tràn ra che cót để ở. Mỗi cái hốc bốn bên cót ép là một gia đình. Thật là đủ màu sắc. Có những cặp vợ chồng phường chèo chửi nhau như chó với mèo, đêm vẫn ôm nhau ngủ trên một cái giường, rúc rích cười đùa khi đêm về có trận mưa làm không khi bớt nồng nặc hôi thối. Có những nhà toàn đàn ông con trai lộc ngộc. Ban ngày tứ tán kiếm ăn, đêm cùng chui vào hốc. Điện mất. Quạt không có. Nước hiếm không dội được cái thân thể tràn trề sinh lực vì mồ hôi. Họ cởi trần nằm ngủ như cá xếp trong nồi. Khắp cái sân thượng ngày sửa ngày xưa đã từng là nơi hóng mát của các cậu ấm cô chiêu giờ đây khò khè khọt khẹt vang lên tiếng ngáy của đám chúng sinh yên ngủ dưới bầu trời đầy sao của thượng đế che chở họ. Ban đêm họ ngủ như những con người khốn khổ hèn mạt. Ban ngày họ là lũ quỷ dữ, một bầy súc vật sống với nhau như bầy đàn, con nào mạnh thì tranh được miếng ngon. Đó là bộ mặt của trăm ngàn cái nhà tập thể đổ ra từ khi người ta cứ quyết tâm nhốt, từ linh hồn đến thể xác con người vào cùng một rọ… Lão Thiến bán gia tài ở nhà quê, vàng giắt đầy người mà vờ đói khổ như đồ giẻ rách. Lão cũng chui vào một trong những cái hốc trên sân thượng này và trong bầy thú ở đây, lão là con thú có bộ răng dữ tợn nhất.

Vài hôm sau thằng Thán lù lù xuất hiện. Hắn có cái ba lô căng phồng đằng sau lưng, bên trong không hiểu đựng thứ gì. Thán bước đi oai vệ vào khu tập thể. Mọi ánh mắt phóng ra từ các hang các hốc đều hội tụ vào cái ba lô thằng du côn đang đeo sau lưng. Có tiếng chớt nhả giọng Nghệ pha giọng Bắc vang lên trong hốc cầu thang: Thán! Gì? Thằng Thán quay nhìn mụ đàn bà béo ngấn cổ, son phấn loè loẹt như gái ở ngoài ga, miệng toe toét cười, một cọng hành còn dính ở răng cửa: - Chào chú? Vâng, chào bà chị! Mày mang cái gì trong ba lô mà hùng thế? Quần áo thôi! Mẹ mày, quần áo cái chó gì. Có là vàng mới nặng thế chứ! Lão Thiến chạy ra đón con, lão đỡ lời: Vàng gì, có là vàng thoi!

- Vàng thoi đấy! - Thằng Thán hiên ngang đi lên gác.

Cái cầu thang xây từ thời Pháp thuộc rên rỉ, cót ca cót két, lúc nào cũng gây cảm giác "a lê hấp, sập cho mà xem!" Nhưng hàng chục năm nay nó vẫn chưa sập. Người ta bào là vì nó được xây từ thời Pháp. Thời ấy thợ thuyền chưa biết ăn cắp xi măng, chưa hề đếm xỉa đến cái thói gian dối đã trở thành nạn dịch thời nay nên nhà cửa thời ấy chứa năm người bây giờ chứa cả hai trăm người mà không có sao hết.

Mấy thằng nhãi đang chơi bài ăn tiền ở sân túa ra, reo ầm lên khi trông thấy thằng Thán: Công tử đã về, "quan đại thần" khao chúng cháu đi.

Sở dĩ lão Thiến có cái tên "quan đại thần", vì lão sống như súc vật, ai cũng nghĩ lão như súc vật, trừ có lão. Lão hoàn toàn hài lòng khi ở trong cái hốc tăm tối mà cha con lão gọi là nhà. Lão cũng làm lễ sinh nhật. Trời phật ơi, sinh nhật hẳn hoi! Đám nhãi con nín thở theo dõi lão làm sinh nhật. Ngày xưa lão đã làm thường trực ở một cơ quan to đáo để ngoài phố nên lão biết mùi vị của các thứ lễ lạt này lắm. Lão kéo hai gã đàn ông vô tích sự ở cùng phố tới nhà, ngồi nhắm bia với lạc rang và đọc thơ. Gì chứ thơ thì các lão làm như trẻ con đánh rắm. Mỗi giờ làm được vài chục bài… Rồi lão làm giỗ chạp, tết nhất. Đám anh em họ hàng lão đã tràn từ cái làng xa tít tắp kia ra hết thành phố. Lão là một tài năng ghê gớm ở xứ này. Đám anh em lão chẳng học hành gì sất mà có trong biên chế Nhà nước tất tật. Người thì bán rau mậu dịch. Kẻ thì làm bảo vệ. Lúc về hưu cũng lương bổng như ai. Lão mang cái bằng "có công với cách mạng" đi làm tấm bùa hù dọa các ông thủ trưởng yếu bóng vía. Lão đi lại năm bảy lần, hai mươi lần. Lão ngồi lỳ ở nhà các thủ trưởng, không quà bánh gì sất, chỉ nói oang oang. Ấy vậy mà hai lão em trai, hai bà em gái và hàng chục họ hàng hang hốc được cấy hết vào các cơ quan Nhà nước, hộ khẩu tem phiếu đàng hoàng… Giỗ chạp, lão tập trung cả đám trong cái hốc nhà lão, lão thường đãi cả đám một con vịt cỏ - nhà lão giỗ vào mùa vịt - năm nào cũng thế. Con vịt được nấu trong nước loãng, thêm gia vị và cả đám hàng chục nhân mạng ngồi quanh sì sụp ăn uống. Chật chội nhưng thành thị vẫn hơn đất nhà quê… Lão ngồi giữa,

đàng hoàng lên giọng phê phán, đi ra đi vào giữa đám em út cháu chắt ngồi quanh con vịt trong khi vàng lão giắt nặng trong người. Chưa có một ông quan, ông vua nào trên đời lại thỏa thuê sung sướng trong cảnh điền viên như lão. Và biệt hiệu "quan đại thần" đặt cho lão thật là xứng đáng. Chỉ có vua quan mới sống trong vương quốc của mình được như thế, bất kể trời nóng trên 40 độ C, bất kể mưa dột, mùi chuột chết, mùi nhà xí... Lão cứ làm việc lão, cứ ăn ngủ như thường…

Thằng Thán ném cái ba lô, ra chiều mệt nhọc. Nhưng nghĩ thế nào nó lại ôm vào lòng, nhìn quanh quất rồi giúi vào góc, chỗ vẫn thường nấu nướng bằng bếp dùng điện ăn trộm.

Hắn trông chừng lão Thiến. Lão kềnh càng thế thôi chứ khi ăn cắp, lão nhẹ nhàng hơn mèo. Suốt ngày lão chăm chắm xem ai có gì là lão thó. Lão thó tất, từ quần lót đàn bà đến cái đoạn dây điện nối từ ngoài vào nhà người ta. Lão lấy cả cái bô trẻ con để ngoài sân. Lão tống tất cả vào cái ba lô to, thỉnh thoảng lão làm một chuyến về quê. Ở đây lão còn có ông anh ruột ở lại quê vì không thể chuyển tải lũ con cả mười đứa ra thành phố. Lão Thiến thường đổi cái ba lô đựng đồ ăn cắp vặt cho anh lão rồi mang ra thành phố nắm khoai sọ, nắm đỗ… Cả khu nhà này biết lão ăn cắp mà không bắt được bao giờ. Thằng Thán là môn đệ của bố nhưng hắn thường làm các quắn to, "không lèm nhèm ăn vặt như ông!" Hắn hay quát bố như thế.

Vợ lão Thiến đã chết. Đứa con gái gả chồng trên miền núi. Còn lão với thằng Thán.. Thằng Thán theo chúng bạn đi tứ phương kiếm ăn thỉnh thoảng cho lão tiền nhưng hai bố con không bao giờ ăn cùng mâm. Khi thổi cơm, lão hoặc thằng Thán ăn trước. Hai bố con làm cái dây móc trộm điện ở công ty bên cạnh, đun sùng sục ngày đêm. Lão thường đun nhừ mớ đầu cá hoặc xương lợn mua rẻ ngoài chợ để húp nước, khi không có gì đun lão cũng cắm điện vào bếp. Lão chặc lưỡi: - Ăn cắp thì cho bõ. Ăn cắp như tớ thì ăn thua chó gì. Báo đài nói đầy ra đấy. Có kẻ ăn cắp bạc tỷ mà chả sao sất. Tớ là gà què ăn quẩn cối xay!

Lúc này lão Thiến quanh ra quẩn vào, mắt liếc liếc cái ba lô. Ruột gan lão cồn cào. Chưa bao giờ lão Thiến thấy thằng Thán mang về được cái ba lô to như thế. Lão hào phóng chìa cho thằng con cái bánh mì. Nhìn thằng con im lìm ngồi ăn, lão không thể nhịn được nữa.

- Thán, quắn này mày vớ bẫm, hả?

- Cái chắc.

- Quả gì đậm thế?

- Quả c…! Thằng Thán văng tục, nhặt nhạnh mấy mẩu bánh rơi dưới chiếu, quệt tay chùi mồm, vào xó mở cái nắp bô. Một mùi khai thối khủng khiếp lan ra khắp nhà. Thằng Thán làm phận sự xong, chui vào cái xó nhà bố nó phân chia cho nó, ngáy như sấm. Một tay nó ngoắc vào cái dây ba lô.

Trong khi thằng con ngủ, lão Thiến như ngồi trên lửa. Lão cố đoán xem cái gì mà không tài nào đoán được. Gần tối lão dò dẫm lại chỗ thằng con:

- Thán, dậy tao bảo.

- Gì?

- Mày có của sụ, coi chừng thằng Hùng. Nó về hơn tuần nay. Trốn trại.

- Vậy hả? - Thằng Thán bật dậy, ôm ghì cái ba lô.

Thằng Hùng con mụ Phàn người Nghệ mà buôn bán ranh ma hơn bất cứ một dân thổ cư nào. Thằng Hùng hai mươi nhăm tuổi, đã ba lần ở tù. Mỗi lần một năm lại ra. Mỗi lần ra lại anh hùng hơn. Loại thằng Thán còn phải kiềng. Kỳ này thằng Hùng lĩnh án 5 năm tù về tội hiếp dâm. Chưa được một năm, hắn đã trốn trại.

- Có bị nã không?

- Chắc có. Bây giờ hắn nằm tít trên gác xép. Cả nhà này không đứa nào dám hé răng. Hắn xin tiết liền… Mày cứ nói thật. Cái gì ở trong đó. Rồi hai bố con cùng lo, mình mày tao e không xong.

- Bố phải kín mồm nhá.

Lão Thiến nhổ nước bọt vào tay, hươ lên trước mặt hai lần như một cử chỉ hành lễ. Hai bố con thề thốt coi bộ rất nghiêm trang. Thằng Thán xích lại gần bố…

- Trong này là xương.

- Mày đùa.

- Đùa với bố đấy. Xương này quý hơn vàng. Xương Mỹ.

Lão Thiến khịt mũi. Lão nhướng cái cổ lên thật cao. Đó là kiểu lão xúc động. Lát sau lão thì thào:

- Thật không? Khéo nhầm bỏ bố.

- Tôi với thằng Đảo đào được. Có cả dây vàng đeo ở cổ. Chỗ dây vàng móc cái lọ nhựa, bên trong đựng thỏi nhựa in tên. Bị tróc mất cái đuôi tên. Còn rõ mỗi chữ Tony D. Phiên hiệu đơn vị cũng mờ mờ. Lọ đó thằng Đảo cầm đi chào hàng. Xương Mỹ trăm phần trăm. Thằng Đảo có kinh nghiệm. Nó còn đo kích thước nữa kia.

- Nếu bán được thì giá bao nhiêu?

- Thằng Đảo bảo còn phải chi cho cả dây, cũng

nhiều ra phết. Còn bọn đào được khoảng năm triệu. Tôi với thằng Đảo chia đôi.
- Mẹ kiếp khối tiền.
- Thằng Đảo đi bắt mối ngoài cảng. Thằng Đảo chờ ở đó. Bán cho bọn thủy thủ. Bọn nó đưa qua Mỹ, khối tiền. Nếu vụ này xong tôi sẽ cho bố năm trăm ngàn. Được chưa?
- Tùy mày. Nhưng ăn thì cũng ăn mỏng thôi. Nó mới bền.
- Bố không phải dạy. Tôi cho bố năm trăm là bố lãi. Chả mất giọt mồ hôi chó nào mà vớ năm trăm…
- Được rồi mày ngủ lấy sức mai lại đi. Tao canh cho.
Lão Thiến ngồi cạnh cái cửa làm bằng cót ép. Lão có kiểu ngồi của chó trong ổ, khoanh tay chân cho vừa ổ. Lão bố sau cơn xúc động, bắt đầu đến trạng thái tinh thần kỳ lạ mà lão vẫn có khi nghe tin con có tiền. Thằng Thán không bao giờ giấu bố số tiền kiếm được. Đôi khi hắn còn khuếch thêm lên nhưng đố nhả cho xu nào. Tiền có khi hàng triệu nhưng quanh quẩn dăm hôm là nướng vào đề hết. Của thiên trả địa, làm sao giữ được nếu nó không đưa cho bố nó giữ hộ? Lão bố vừa ghen tức, vừa thèm khát. Hàng loạt những âm mưu xuất hiện trong đầu lão nhưng nghĩ đến cái máu hung dữ của thằng con, chưa bao giờ lão ra tay. Lão cứ loanh quanh trong cái mớ bùng nhùng ý nghĩ mờ ám và nỗi sợ hãi triền miên, bất kể lúc nào thằng con có tiền, mỗi lần như thế miệng lão nhạt như ngậm phải bèo, mắt lão đục lờ đờ, nhìn không rõ… Lúc này lão đang trải qua trạng thái nửa thèm nửa sợ ấy, tai lắng nghe tiếng động bên ngoài. Lão lơ mơ ngủ cho đến khi có bàn tay ai đập nhẹ vào vai. Lão ngẩng lên, rõ ràng như ban ngày, lão nhìn thấy mặt thằng Mỹ đen như hắc ín, răng trắng như vôi, hắn đưa bàn tay chỉ còn xương ra vuốt tóc lão. Lão cố cựa mình mà không cựa nổi. Người lão như được quết một lượt sơn, dính cứng vào nhau. Lão ú a ú ớ gọi thằng Thán. Thấy lão lúng túng, thằng da đen cười nghiêng ngả nhưng không ra tiếng. Hắn cứ đứng bên lão, chỉ cái đầu còn nguyên, toàn thân là xương trắng hếu, hắn cười mà coi bộ cực kỳ thê thảm.

Lão Thiến khiếp sợ, đạp mạnh chân vào cánh cửa bằng cót ép và tiếng động ấy làm lão tỉnh ngủ, thằng da đen biến mất. Thán bàng hoàng hỏi bố vì hắn cũng vừa tỉnh dậy.
- Thằng Hùng hả bố?
- Hùng nào. Thằng da đen…
- Thằng da đen gì?
- Có lẽ tao mơ. Tao thấy thằng da đen cười tao.
- Bố mơ thấy thằng da đen hả? Mẹ khỉ, tôi cũng vừa mơ thấy. Hãi quá, muốn gọi bố mà không được… Thán bật đèn. Cả hai cha con đầu trộm đuôi cướp lần đầu tiên khám phá ra rằng có một cái gì bí ẩn vẫn khống chế những giấc mơ con người. Nó khống chế cả tham vọng tiền bạc, cả sự độc ác và ngu muội của con người.
- Thằng đó nói gì với mày không?
- Không, hắn chỉ cười thôi, mà toi ngửi thấy cả mùi tanh.
- Mày mang nó đi đi. Để ở nhà hãi bỏ mẹ… Đưa tao mấy que hương.
Lão Thiến thắp ba nén nhang, múc một tách nước để lên cái ba lô, lấy ống bơ gạo cắm nén nhang vào, cũng để lên cái ba lô. Cả đời lão không biết khấn ai, nhưng lúc này như có cái gì mạnh khủng khiếp nhập vào người, lão xì xụp trước cái ba lô.
- Ông có khôn có thiêng thì ông ngủ đi, ngày mai thằng con tôi tìm đường cho ông về quê quán. Như vậy thằng con tôi đã làm phúc chứ không phải nó gây tội. Ông về với cha mẹ vợ con, còn hơn là ông nằm lại rừng núi mà không ai tìm thấy ông.
Thằng Thán im lặng nghe cha khấn. Hắn ít tin rằng linh hồn anh lính da đen Tony nào đó lại oán hắn. Hắn cũng có học lên đến lớp bảy. Hắn biết Tony D vì sao bị giết. Ác giả ác báo chứ. Anh ta giết người thì anh ta bị người giết. Anh ta cô đơn lủi thủi ở chốn rừng xanh núi đỏ, hắn có công tìm thấy anh ta và anh ta phải trả tiền cho hắn. Vậy thôi. Nghe nói bên Mỹ người ta sòng phẳng trong mấy vụ tiền bạc lắm.
Lão Thiến khấn xong lại giục con trai đi ngủ. Lão không dám tắt đèn. Lão ngồi chong chong ở cửa chờ sáng. Tuy vậy gần sáng lão lại thiếp đi. Lão nhìn thấy rõ ràng hai bàn chân bằng xương đang dạo quanh người lão và một mùi hôi thối nồng nặc bốc lên, làm lão phát nôn. Sợ hãi quá, lão nhắm nghiền mắt và vẫn nghe tiếng chân khô khốc, như tiếng động của kim khí dạo quanh chỗ lão ngồi. Lão thiếp đi mê mệt cho đến sáng.
Ba ngày thằng Thán đi vắng, lão Thiến không ngủ được vào ban đêm. Lão mơ liên tục. Vẫn là anh lính da đen, lúc thì có da có thịt y như ông Tây đen hàng binh Pháp ngày hòa bình vẫn lái xe ở quê lão. Lúc đó lão còn trẻ. Người lính Pháp có lần dừng xe mời lão hút thuốc lá. Anh lính da đen ngày đó hiền lành là thế mà sao cái ông Tony này lại im lìm bí hiểm.

Ông ta giống hệt anh hàng binh Pháp khi xưa, nhưng chả nói năng gì sất. Cứ đứng trong góc phòng nhìn ra. Mỗi lần lão mơ, lão lại ngửi thấy mùi hôi của xương của thịt được đào lên từ mồ mả. Có lúc lão lại thấy trần xì bộ xương trắng hếu đi lách cách trong nhà, bộ xương leo lên giường, lên thành cửa sổ rồi cái mồm xương với hai hốc mắt nhìn lão chằm chằm ghê gớm. Xưa nay lão chưa hề yếu bóng vía, thế mà mấy ngày này lão cứ bủn rủn cả chân tay mỗi khi nghĩ tới giấc ngủ. Ban ngày lão khóa cửa, ra vườn hoa chỗ ngã tư phố, leo lên cái ghế đá còn có cả dấu vết của các cuộc trăng hoa ban đêm, lão ngủ. Ở đấy lão ngủ yên, mặc kệ nắng gió vì xưa nay nắng gió không là quái gì đối với lão. Đến tối lão phải về. Cả đêm lão chong đen dò đài. Lão bắt chước mụ Phàn rắc muối ra cửa sổ, thắp hương cắm ở lối đi. Lão nghe rõ tiếng động của bầy thú ngủ đêm trên sân thượng. Cạnh cái hõm nhà lão là vợ chồng thằng Xét bán thịt chó ngoài chợ. Thằng Xét bỏ con vợ nhà quê, ra đây mở hiệu thịt chó và chiếm được một hõm trên sân thượng này. Hắn kiếm đâu ra được con bò lạc về làm vợ. Nàng người miền trong, da trắng giọng nói ỏn ẻn. Nàng sướng phát điên vì được tắm xà phòng Camay, được mặc xilíp Thái Lan, được xức nước hoa Tàu. Thằng Xét chiều cô vợ mới, chịu khó mua sắm cho nàng để ban đêm nàng ban phát cho hắn cái thứ hạnh phúc của một con cái hùng hổ bên cạnh một con đực cũng dư thừa sức lực vì rượu, vì thịt chó… Xét sắm cả áo kiểu "ký giả", quần bò mốc, giày "bít" cho nàng. Và hắn sung sướng khi thấy bất cứ một mốt mới nào xuất hiện trong đám con gái bán thịt ở chợ là vợ hắn cũng có… Mấy đêm nay, tiếng chân đi lại của lão Thiến bên kia cản trở vợ chồng Xét khá nhiều. Nàng nằm im nghe ngóng tiếng động của lão Thiến và ngay đến con hổ cái khi nằm cạnh con đực ban đêm cũng trở nên mềm oặt, nàng nép đầu vào cái nách hôi hám của thằng Xét, thứ mồ hôi của kẻ ăn nhiều thịt chó. Nàng nũng nịu bằng cái giọng miền sơn cước quanh năm gió Lào:

- Em sợ lão Thiến quá!

Thằng Xét xoa đầu vợ y như cái cảnh phòng ngủ hắn vẫn được xem trên tivi. Hắn cũng muốn bắt chước phim ảnh nói một vài lời nịnh vợ, âu yếm vợ nhưng hắn không quen. Hắn ậm à rồi văng ra trong lúc nàng vẫn chờ đợi một lời nói khác.

- Đ. mẹ, "não" điên, chấp "nàm" đ… gì? Quay sang bên "lày", khiếp, dạo "lày" béo thế, y như con "nợn" cạo "nông".

Tiếng cười nghèn nghẹt như tiếng chuột cống ăn đêm của vợ chồng Xét lại khiến lão Thiến yên tâm. Lão mở đài, dò đài, thắp đèn sáng trưng và mong cho hết đêm… Một tuần sau thằng Thán hí hửng mang về bọc tiền to. Hắn cười toét cái miệng đầy những răng:

- Trúng đậm!

Hắn mang về một bọc lá chuối tướng đựng đầy lòng lợn, có cả mắm tôm và ba cân bún. Hai bố con lão Thiến làm một lèo hết sạch mớ lòng lợn và ba cân bún. Quanh đi quẩn lại, lão Thiến không nhìn thấy bọc tiền của thằng con đâu:

- Mày nhét nó đâu rồi?

- Ở trong nhà này thôi. Tôi đi vắng một ngày, khi về tôi sẽ chi cho bố năm trăm. Quân tử nhất ngôn. Thằng Thán đi, ở nhà lão bố không thể ngồi yên. Ba ngày mà lão không ngủ được. Lão lò mò khắp nhà để tìm bọc tiền. Xó xỉnh nhà này có chỗ nào mà lão không mò ra. Lão tìm, lão móc ở tất cả chỗ nào kín nhất mà không thấy. Buổi trưa mệt quá, lão nằm ngay trên sàn nhà, bụng nghĩ xem còn chỗ nào? Lão chỉ cần rút vài con "ngan nằm" trong đống kia, đến mẹ nó cũng không biết được. Nghĩ ngợi, lão thiếp đi và phải bật dậy ngay khi trông thấy bộ xương ngồi chồm hỗm trên kèo nhà. Lão văng tục:

- Đ. mẹ mày, mày đang về quê cha mày, mày còn muốn cái chó gì nữa mà dọa tao?

Bộ xương cứ ngồi như thế, lúc lắc đầu, những khớp xương lỏng lẻo, chuyển động rung leng keng như tiếng nhạc ngựa. Lão Thiến sợ hết hồn.

Lão xua tay xua chân cho nó đừng làm thế nữa nhưng nó càng làm già. Mùi hôi thối khiến lão tắc thở… Lão chống cự với bóng ma trong giấc ngủ chập chờn, đến khi tỉnh dậy, lão cảm thấy mình gầy tọp, chán ăn, người ngợm bải hoải như phải gió. Ngày hôm sau, lão Thiến lại phải mò ra vườn hoa ngủ. Buổi chiều, thằng Thán về nhà, nó xộc ra vườn hoa kéo cổ bố:

- Về ngay!

Thấy mắt thằng con ngầu đỏ, cái môi nó đen sạm lại một cách dữ tợn, lão Thiến đi theo con. Thằng Thán về nhà trước, và khi bố nó vừa bước qua cái cửa cót ép, nó túm cổ lão Thiến:

- Tiền đâu?

Lão Thiến sửng sốt:

- Sao lại hỏi tao tiền?

- Tiền tôi để dưới cục gạch này, bố đem đâu rồi?

Lão Thiến chỉ biết lắc đầu, lùi xa bàn tay cứng như gọng sắt của thằng con. Lão không nói nên lời.

Thằng Thán thấy bố như vậy càng nghi ngờ một cách điên dại.
- Ông nôn ra. Tiền mồ hôi nước mắt của thằng này, ông nuốt không trôi đâu. Ba triệu đồng của tôi, không phải của thiu thối.
- Tao không lấy!
Lão Thiến bắt đầu lắp bắp được.
- Không ông lấy thì chó vào đây à? Nôn ra!
- Tao thề với mày, tao có tìm thật, định rút vài con nhưng không thấy. Tao thề với mày, tao mà nói điêu thì tàu xe chẹt tao nát ra như bụi.
- Ông có mà chết. Ông thề mà chết được thì tôi ăn cứt chó. Nghe thủng chưa? Nôn ra, oẹ ra. Tôi bóp cổ ông lè lưỡi bây giờ!
Và nó xông vào, túm lấy cái cổ có cục hầu to như cục gạch của lão bố. Lão Thiến kêu ặc ặc như một con chó già bị trấn nước.
- Nôn ra. Một mình ông ăn không xuôi đâu. Nôn ra cho tôi đi nộp đề.
- Tao không lấy. Tao thề!
- Thề cái con chó. Nếu ông không lấy thì tự cầm con dao kia rạch mặt ra cho tôi xem, không là tôi bóp cổ ông chết. Dao đây!
Lão Thiến run lập cập. Cầm con dao sắc như nước, lão Thiến nhìn con van nài:
- Tha cho tao, tao không lấy của mày đâu. Con ơi, đời nào bố làm thế? Bố già rồi, bố làm thế phải tội.
- Rạch mặt đi!
- Thôi, đau lắm tao chịu sao được?
- Không rạch thì chặt đi một ngón tay. Làm ngay. Ông có làm thế tôi mới tin, không là tôi bóp cổ chết tươi. Chặt đi!
Thằng Thán xông tới. Cái mặt nó xù ra vì độc ác. Một cách vô thức, tội nghiệp, lão Thiến kê ngón tay lên thành giường, nhìn con. Thằng Thán hét:
- Thề đi, chặt đi, đồ sâu bọ! Chặt ngay không là thụt lưỡi với thằng này.
Con dao giơ lên, phập một tiếng khủng khiếp, một dòng máu trào ra theo ngón tay trỏ bên bàn tay trái của lão rơi xuống sàn. Thằng Thán nhìn cảnh đó, không một chút xúc động. Hắn thấy bố hắn mặt tái mét, miệng lệch sang một bên vì đau đớn. Tất cả điều đó chỉ làm hắn tĩnh trí lại. Hắn bước ra ngoài, còn biết né chân cho khỏi giây vào máu. Hắn bừng bừng ý muốn trả thù đứa nào cướp không của hắn ba triệu. Ngón tay của lão Thiến có lẽ làm nó tin là lão không lấy thật. Nhưng thằng nào, thằng nào vào đây? Biết lấy gì trả nợ? Đối với lão chủ đề này, không trả hắn cho rửa mặt bằng a xít ngay. Mẹ kiếp, thời này đứa nào cùn đứa ấy thắng. Tao trốn!
Và trong những bước đi như say, hắn mơ thấy đất thánh Hồng Kông!
Trông thấy thằng Thán xăm xăm bước xuống cầu thang, mụ Phàn muốn cười với hắn mà không dám cười. Cái mặt hắn hãi quá, y như vừa uống máu người. Mụ đi lên sân thượng, định vào nhà thì nghe tiếng rên đau đớn của lão Thiến. Chưa hiểu chuyện gì mụ đã hô hoán.
- Giết người, có người bị giết.
Người ta thấy lão Thiến đang gục đầu xuống miệng ngậm chỗ tay bị thương, máu từ đó nhuộm đỏ cả cằm lão, chảy xuống ngực áo. Cái thân thể to tướng của kẻ tạp ăn và lười nghĩ ngợi, cái thân thể hung dữ của kẻ chỉ chuyên dùng cơ bắp vào mọi chuyện giờ đây rúm ró lại, đến đứa trẻ có con tim độc ác cũng phải mủi lòng. Ngay giây phút ấy lão Thiến hơi mê đi. Lão nhìn thấy trong làn sương mờ mịt ở đâu đó, bộ xương người trắng hếu đang nhìn lão, bộ xương mờ mờ, hơi cử động và giơ bàn tay lên đỉnh đầu. Lão nghĩ là nó gọi, định đi tới nhưng hóa ra không phải, bộ xương đang chào lão. Thậm chí lần này bộ xương còn ré lên cười y như đàn bà. Lão muốn giơ tay chào lại nó nhưng không được, tay lão bị trói chặt…
Lão loáng thoáng nghe tiếng cười.
- Lão tỉnh rồi gọi tắc lô cho lão đi. Đi "tắc lô" cho nó êm.
Một tiếng nói rất tục. Tiếng cười đàn bà lại ré lên. Lão Thiến hiểu ra đó là tiếng cười của mụ Phàn. Và cái đám thú mà lão vẫn chung sống bấy lâu nay trong cùng một cái sân thượng này giờ đây đang là những con người bên cạnh lão. Lão được băng bó, được rửa mặt, được mặc thêm cái áo, được khiêng xuống cầu thang cấp cứu…
Từ đó lão không bao giờ mơ thấy bộ xương và anh lính da đen nữa. Lão đã được yên, ngoại trừ thằng Thán đi biệt tích… Một đêm thằng Xét giục vợ đi ngủ sớm. Hắn ôm cái của mũm mĩm trời cho vào hai cánh tay đồ tể chó, phả hơi rượu vào mặt nàng:
- "Của lỗm" ơi, ngày mai anh sẽ mua cho "làng" một cái áo "nông" cực xịn.
- Của đâu mà xộp thế? -Nàng bắt đầu dùng ngôn ngữ đô thị.
- Bắt được… Mà đừng có bép xép ông xẻo "nưỡi" nghe chưa? Mà sắp tới ông có mua cúp thì cũng phải "lói" tiền riêng của mình, nghe chưa? Không nghe ông "nà" ông xẻo tất… Món chôm được cực to, "ló" mà biết thì tù. Hiểu chưa?

Nàng cười thét lên như bị cắt tiết. Đêm nào nàng cũng có những trận cười như thế. Khắp cái sân thượng đang mờ mịt trong giấc ngủ nặng nề, sau một ngày vật lộn với miếng ăn, chỉ có vợ chồng thằng Xét là ồn ào nhất, thức khuya nhất. Chúng vẫn là con thú ngay cả khi màn đêm khiến cho thú trở thành người. Đêm nay lại oi nồng, trời đang chuyển cơn giông. Lão Thiến lên cơn đau ở ngón tay cụt. Lão ngồi ở cửa sổ nhìn ra, chờ cơn mưa cho vết thương dịu lại. Ngoài kia là đô thị. Nhà nhà xếp chồng lên nhau. Anh lính Tôny D không còn quấy nhiễu lão nữa. Lão lại hài lòng, mãn nguyện, như quan đại thần chính hiệu, chỉ tức những lúc này. Cơn đau khắc khoải, đỏ màu máu, khiến lão chán ngán sự đời… Lão bỗng nghĩ ra, và ngớ cả người ra trước một điều mà lâu nay lão không nghĩ tới: Chính thằng lính da đen kia đã chôm bọc tiền. Mẹ nó, chả thế mà từ hôm chõm được đến nay, không thấy nó xuất hiện nữa! Thằng xỏ lá đến thế là cùng!

Giấc mộng tâm giao (Lê Thanh Tùng)
(xem file PDF)

Đêm Bướm Ma (Võ Thị Hảo)

Riêng Thuận trông thấy nó. Đó là một con bướm to cỡ bàn tay. Đôi cánh đen điểm vằn nâu và xanh biếc của nó xoã im lìm trên bậc thềm mé lối đi. Đoàn người đi qua rầm rập. Vậy mà không bắt gặp con bướm. Thuận lại gần, ngần ngại chạm tay vào. Cánh bướm khẽ động đậy. Thuận lập tức rụt tay lại. Một luồng ớn lạnh người lên ngực. Từ bé Thuận vẫn vừa sợ vừa thích những bướm ma. Chúng đẹp một cách rầu rĩ, huyền bí thách đố. Và thông thường, chẳng bao giờ gặp chúng, trừ phi chúng sắp chết. Như hôm nay chẳng hạn. Con bướm ma này không biết từ đâu đến nằm xệ bên đường dưới gốc cây mộc lan trong biệt điện. Nơi đây, xưa kia đã in gót sen của các phi tần. Thuận ngước lên những vòm cây cổ thụ xanh thẫm tuyệt đẹp và tự hỏi: Ngày xưa, mỹ nhân nào đã được vua dìu trên cánh tay đưa về động phòng trong biệt điện thênh thang này? Bao năm đã trôi qua. Ông vua cuối cùng giờ đã sống nốt trong những ngày cuối đời tại một chung cư ở Pháp. Song biệt điện này vẫn phảng phất mùi đế vương. Trong vẻ hoang phí vẫn có chút gì đó thiêng liêng và thành kính. Lìa bỏ cõi đời trong một chung cư. Biết đâu hồn ông đã tìm về lơ lửng đêm nay trong biệt điện và phả vào buổi chiều sám sẫm này một nỗi buồn lạnh lẽo bể dâu?

Sợ run người lại xéo vào con bướm. Thuận cố nén sợ hãi, run run nâng cánh bướm ma để đặt vào tờ báo nàng vừa mua đang cầm trên tay, mang về phòng đặt bên cửa sổ. Nàng hé cửa. Cửa sổ được chắn bằng những song sắt uốn hoa lá màu xanh. Có lẽ đêm nay con bướm sẽ hồi lại. Và nếu hồi lại, nó sẽ bay đi. Nàng vẫn để con bướm trên bậu cửa, rồi quay ra bàn pha trà. Cảm thấy như có ai nhìn mình chằm chằm từ phía sau, nàng quay phắt lại. Nhưng không thấy gì khác. Trời đã tối. Cây ngoài vườn đứng lặng. Cánh bướm vẫn nằm im trên tờ báo. Nàng thở phào quay lại, rót nước ra cái chén sứ rẻ tiền trông thấy nhan nhản khắp hè phố, thong thả nhấm nháp thỏi kẹo mè xửng một người bạn ở Huế vừa cho.

Rồi Thuận buông rèm cửa sổ. Tấm rèm xanh thẫm nặng nề vung ra một làn bụi lưu cữu khiến nàng hắt hơi. Theo thói quen. Thuận trút bỏ quần áo, bước lên giường. Tấm gương lớn ngang dọc những đường rỉ đặt cuối phòng in mồn một thân thể nàng. Bộ ngực trĩu nặng với đầu vú màu nâu nhạt, ửng hồng hơi chúc xuống thuỳ mị dịu ngọt. Đôi vài dìu dịu chảy xuôi tôn cao chiếc cổ có ba nốt ruồi xếp thành chuỗi hạt đỏ luôn chuyển động theo hơi thở, làn da bụng qua ba lần sinh nở vẫn không gợn vết nhăn. Và xa xa dưới kia giữa hai đùi và một vòng hông nở nang hơi thái quá, bồn cỏ óng ánh màu hạt dẻ vẫn đầy vẻ thơ trẻ. Đôi chân duỗi dài với những đường lượn cong nhẹ nhàng phủ mơn man một lượt lông tơ ngắn mượt mà làm dịu bớt màu trắng muốt của làn da. Lâu lắm rồi nàng mới có dịp ngắm kỹ thân mình, thoáng buồn vì nhận ra rằng, theo tuổi tác, bộ ngực đã trĩu xuống hơn xưa kia. Rồi với tay tắt đèn, nàng chui vào chiếc chăn mà cô bồi thề sống thề chết rằng mới giặt. Vậy mà chăn vẫn sực ra mùi ẩm mốc. Mặc kệ, nàng định làm một giấc cho đã mấy ngày đi đường vất vả.

Nàng chìm rất nhanh vào giấc ngủ không mộng mị. Cỡ hai tiếng đồng hồ thốt nhiên nàng tỉnh giấc. Xung quanh vẫn im phắc không tiếng động. Nàng chợt nhận ra nhịp thở mình ngắn và gấp gáp hơn bình thường và chợt mơ hồ lo sợ. Nàng bật đèn tìm con bướm ma. Đôi cánh to lớn lạ thường của nó vẫn trải rộng trên bậu cửa sổ. Con bướm đôi mắt giương to nhìn nàng. Cái nhìn của con bướm ma bỗng khiến Thuận bối rối. Nàng cúi xuống, nhận ra mình hoàn toàn trần truồng. Nàng hối hả chui

thật nhanh vào chiếc váy ngủ lùng thùng màu tím, nhảy đại lên giường, kéo chăn lên ngang cằm, cố nhắm mắt lại nhưng không dám tắt đèn.
Bỗng có tiếng sột soạt mơ hồ. Thuận khẽ hé mắt. Và cái nhìn đầu tiên nàng vẫn bị hút về bậu cửa sổ. Con bướm không còn ở đó. Nàng bỗng cảm thấy lo sợ liền bật dậy, nhẩy chồm tới bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Đêm vẫn sẫm tối, le lói vài ánh sao mờ. Hương hoa ngọc lan nồng nàn choàng lên biệt điện. Biệt điện hào hoa này đã biến thành khách sạn hạng xoàng đẫm mùi son phấn. Nhưng hương ngọc lan như hơi thở của một người đàn bà sang cả và nồng nhiệt phả dài dọc khắp khu vườn, trả lại cho biệt điện vẻ hào sáng thuở nào.
Làn hương nồng nàn ban đêm ấy quyến rũ nàng mở cửa phòng, bước dần dà theo mấy chục bậc tam cấp xuống vườn. Nàng đi nhanh tới đám cỏ tóc tiên trồng bên dưới chậu cửa sổ để tìm con bướm. Nàng xuống xem nó đã sống lại, bay đi hay đã rơi từ tầng hai xuống với một đôi cánh nát.
Nhưng đám cỏ với những bông hoa thiêm thiếp trắng đẫm sương vẫn ngủ yên. Con bướm đã biệt tăm.
Sương và cái lạnh dìu dịu ban đêm ở cao nguyên làm nàng run rẩy vì trên người chỉ có chiếc váy ngủ bằng lụa mỏng. Nàng rùng mình nhìn ra xung quanh. Những gốc cây với tán đen sẫm hình như đã bắt đầu cựa quậy. Một cơn gió lạnh buốt thổi đến tiếng than thê thiết. Nàng chợt nghĩ đến phim "Ma cây" của Mỹ nhớ đến hình ảnh cả rừng cây bỗng rùng rùng săn đuổi và nhập vào con người làm biến dạng khuôn mặt, nàng run bắn lên, tóc gáy dựng ngược. Cố trấn tĩnh mà không được, chân nàng khuỵu xuống, rồi nàng guc xuống bậc tam cấp.
Tất cả mọi cái sau đó diễn ra lờ mờ như trong sương. Hình như có ai đó bế nàng vào phòng. Hình như nàng được ẵm trên một cánh tay đàn ông rắn chắc trong nhịp bước đu đưa tình tứ. Hình như người đó mặc áo choàng lụa và những nếp nhàu, rêu lên êm ái dưới sức nặng thân hình nàng. Hình như có một bàn tay vuốt dài từ trán, xuống ngực qua bụng, qua bồn cỏ qua đùi và dừng lại ở gót chân đang tái nhợt của nàng khiến chúng ửng hồng. Hình như có ai đó đã nằm xuống cạnh nàng bên gối.
Có mùi đàn ông mặn, đắng cuồng si pha lẫn mùi ngọc lan nồng nàn đang chảy ùa từ cánh cửa sổ rộng vào khiến nàng ngây ngất. Có một đôi mắt đàn ông đăm đăm nhìn nàng từ bên trên. Đôi mắt ấy lặng lờ, không nài xin, con người nửa nâu nửa đen. Nửa nâu rầu rĩ, nửa đen ngả xanh. Rồi đôi mắt nâng lên, cao dần, xa dần. Như bị hút theo, nàng từ từ nâng người lên khỏi gối và bừng tỉnh.
Quả thực trong phòng, cạnh giường nàng đang có một người đàn ông. Anh ta chằm chằm nhìn nàng một cách thèm khát. Đôi mắt cháy rừng rực dưới đôi mày rậm. Anh ta bước lại phía nàng tay vươn dài. Đôi cánh tay ôm thít lấy nàng như trăn quấn. Anh ta hộc lên một tiếng và đẩy nàng ngã xuống giường, chặn tấm thân lực lưỡng đang giật lên một cách kỳ cục xuống người nàng. Đôi môi anh ta mở rộng trong cơn thèm khát đang dịch lại gần mặt nàng. Nàng bị ngẹt thở, không cựa nổi, những tiếng gào rú tắc nghẹn trong cổ họng.
Bỗng có cái gì rơi rất êm, rất nhẹ trên mặt Thuận. Và hình như gã đàn ông lỏng người ra.
Đó là con bướm ma.
Con bướm ma từ đâu bay tới. Nó xoải dài đôi cánh to dị thường lên mặt Thuận, che khuất đôi môi và gương mặt nàng. Khi môi của gã đàn ông ham hỗ đập xuống, mồm hắn lập tức nghẹn phấn bướm. Gã đàn ông cáu tiết gạt phắt con bướm ra khỏi mặt Thuận - Con bướm rụng xuống giường nhưng lại lập tức phủ ngay lên mặt nàng. Ba bốn lần như vậy, và nó giương đôi mắt nhìn chòng chọc vào gã đàn ông. Đôi cánh vẫy vẫy một cách ma quái. Đôi cánh như đôi tay như một tiếng rên dài ảo não.
Gã cảm thấy ở đây có cái gì quái đản. Dục vọng của gã chùng xuống, người bải hoải. Gã trân trân nhìn con bướm. Ngoài hành lang như có tiếng chân bước. Gã đi giật lùi, mắt không dám rời con bướm kì dị cho đến tận lúc gót chân đặt vào cửa. Gã co giò phóng vụt ra ngoài lẫn vào vườn cây.
Thuận đã hết ngẹt thở. Nàng gào lên một tiếng lớn như tiếng mèo hoang và lật người dậy, mồ hôi toát đầm đìa.
Bên gối, con bướm ma đã chết. Cánh nát vụn. Đôi mắt nó vẫn mở to lặng lẽ.
Nàng nhìn vào trong gương. Giật mình thấy má in hai quầng nâu nhạt. Hai quầng nâu đó hệt đôi cánh bướm.

Đêm Vu lan (Võ Thị Hảo) (xem file PDF)

Con thú lớn nhất (Nguyễn huy Thiệp)

Ngày ấy, ở Hua Tát có một gia đình ngụ cư không biết ở mường nào chuyển đến. Họ dựng nhà ở ngoài rìa bản, chỗ gần rừng ma. Nhà ấy chỉ có hai vợ

chồng đều luống tuổi. Họ đi đâu cũng có nhau. Người vợ lúc nào cũng âm thầm, im lặng, suốt ngày không hề thấy nói một tiếng. Người chồng cao lớn, gầy guộc, mặt sắt lại, mũi như mỏ chim. Đôi mắt của lão đục và sâu hoắm, phảng phất những tia lân tinh lạnh lẽo.

Người chồng là tay thợ săn cự phách. Khẩu súng kíp trong tay lão như có mắt. Mỗi khi khẩu súng giơ lên, ít khi có chim chóc hoặc thú rừng nào thoát chết. Đằng sau nhà lão, lông chim, xương thú chất đầy thành đống. Những đống lông chim xơ xác đen xỉn như màu mực tàu, còn những đống xương thú màu đá vôi thì lốm đốm những vệt nước tủy vàng khè, hôi hám. Những đống ấy to như những cái mả. Lão thợ săn như là hiện thân thần Chết của rừng. Chim chóc và thú rừng sợ hãi lão. Cánh thợ săn ở Hua Tát vừa ghen tị, vừa bất bình với lão. Lão không tha bất cứ con vật nào trong tầm súng của mình. Có người kể rằng đã tận mắt nhìn thấy lão bắn chết một con công đang múa. Một con công đang múa nhé: cái đầu cong như lá lúa, cái đuôi xòe nửa vòng cung với đủ mầu sắc, tia nắng mặt trời hắt ánh lửa lấp lánh như vàng, đôi chân kheo khéo lươn vòng. Chỉ có tình yêu thì mới lượn vòng tinh tế như thế. Con công đang múa, thế mà - □Đùng□ - khẩu súng trong tay lão già giật lên, phụt ra một lưỡi lửa đỏ. Con công ngã gục, cái cánh có ánh cầu vồng ngũ sắc nhòe máu. Vợ lão già đến, khô đét, đen ngòm, âm thầm nhặt con công cho vào cái lếp(l) sau lưng.

Tuy vậy, suốt đời lão già chỉ săn được những con chim, con thú bình thường. Lão già chưa bao giờ săn được con thú lớn ba bốn tạ thịt. Khẩu súng lão chỉ bắn được những con vật nhỏ ngu ngốc. Đấy chính là điều lão già khổ tâm, dằn vặt.. Cả bản Hua Tát xa lánh vợ chồng lão, không ai nói chuyện, chơi bời với gia đình lão. Nhìn thấy vợ chồng lão, người ta tránh ngoắt đi. Cứ thế, lão thợ săn sống cô đơn bên người vợ âm thầm.

Cuối năm ấy, ở Hua Tát động rừng, cây cối xơ xác, chim chóc trốn biệt, không có dấu chân một con thú nào trong rừng. Chưa bao giờ người Hua Tát sống vất vả đến thế. Người ta đồn là Then bắt đầu trừng phạt. Lão thợ săn ngụ cư kiếm ăn cũng rất khó khăn. Vợ chồng lão lang thang khắp rừng. Lần đầu tiên trong đời lão già gặp phải cảnh này. Ba tuần trăng, khẩu súng của lão không hề được nổ. Lão già dậy từ gà gáy canh ba vác súng đi đến tối mịt. Người vợ gầy của lão không còn đủ sức đi theo chồng nữa. Mụ ở nhà nhóm lửa chờ đợi. Ngọn lửa mụ nhóm như có ma ám, không đỏ mà lại xanh lét như mắt chó sói.

Lần ấy lão già đi vắng cả tuần liền. Người lão mệt lả. Đầu gối lão chùn xuống, các bắp thịt nhão ra tưởng chừng có thể dùng tay bấu được như bấu những con vắt nhẽo bết máu. Lão đã lết khắp nơi mà không gặp gì. Đến một con chim sâu, thậm chí một con bướm lão cũng không thấy. Lão hoang mang sợ hãi. Then đã trừng phạt thế gian như lời người ta đồn đại hay chăng?

Cuối cùng, mệt lả, lão già kiệt sức phải lết về nhà. Đến con suối đầu bản, lão dừng lại nhìn về nhà mình. Nhà lão có ánh lửa, cái ánh lửa xanh lét, chắc là vợ lão vẫn thức đợi chồng. Lão nhắm nghiền đôi mắt đục và sâu hoắm lại. Ngẫm nghĩ một lát, lão lộn lại rừng. Mũi lão đã đánh hơi thấy mùi thú...Lão gặp may thật. Lão đã nhìn thấy nó. Cái con công ấy đang múa. Kìa, đôi chân con công di chuyển nhẹ nhàng về phía bên phải, cái đuôi xòe thành đường tròn lại dịch về phía bên trái, cái ánh xanh gay gắt trên túm lông dầu của nó rực rỡ làm sao! Lão già giương súng lên: □Đùng! Phát súng nổ. Lão nghe thấy tiếng rú thất thanh. Lão chạy lại con thú bị bắn ngã. Đấy là vợ lão. Mụ đi ra rừng đợi lão, tay mụ còn cầm bộ lông chim công.

Lão thợ săn nằm sấp xuống, úp mặt vào vũng máu trên lớp lá mục nồng nồng, ngái và hoi như mùi chuột.

Miệng lâo hộc lên như tiếng lợn lòi. Lão nằm thế rất lâu. Mây đen sà xuống thấp, khu rừng tối sẫm, nóng hâm hấp như da người sốt. Gần sáng, lão già .. bỗng đứng phắt dậy nhanh như con sóc. Lão nảy ý định lấy xác vợ lão làm mồi để săn con thú, con thú lớn nhất đời mình. Lão nằm trong bụi cây gần cái xác thối rữa của vợ lão một sải tay, đạn lên nòng, khắc khoải chờ đợi. Nhưng Then đã trừng phạt lão. Không có con thú nào đến với lão, chỉ có cái chết đến với lão.

Ba ngày sau, người ta lôi cái xác còng queo của lão ra khỏi bụi cây. Một vết đạn xuyên qua trán lão. Lão đã bắn được con thú lớn nhất đời mình.

(1) Giỏ đeo.

Tàn đen đốm đỏ (Phạm Ngọc Tiến)

(trích)

T hực ra gọi thế cho phải phép, chứ hình hài ông già, rất trẻ. Ông chỉ cứng hơn tôi chút ít. Nếu thọ, tuổi ông tính đến bây giờ phải trên thất thập. Ông

mất hồi đầu kháng chiến *chín năm*. Lúc đó ông mới hai nhăm tuổi. Mấy chục năm qua hồn phách giữ nguyên nên hình hài ông y vậy. Ở dưới âm thì khác. Thấy bảo trần sao, âm vậy, con người ta đều quy theo tuổi. Thế lại hay.

Ông vào vệ quốc rất sớm, ngay từ ngày đầu. Trước đó ông hoạt động tuyên truyền. Hai nhăm tuổi, tính đến lúc mất, ông đã có chục năm thâm niên cách mạng. Ông mất trong khi vận chuyển vũ khí bằng đường giao liên bí mật vào Sài Gòn. Trong hang dơi này còn cất giữ nhiều súng ống, đạn dược của đơn vị. Ông vẫn là người coi kho từ ngày ấy. Quê ông cách đây cũng không xa, ở miệt đầu đồng bằng miền Tây. Ông chết vì một trận sốt ác tính.

Những người như tôi và ông kẹt giữa trần thế và âm cung. Những kẻ chết không mồ, không mả, không tên, không tuổi, không hương khói, hồn cứ dật dờ không bay đi được. Kiếp trần không với được đã đành nhưng cõi âm trước mặt mà không tới được, thật hết chỗ nói. Phận vong hồn buồn vui không thấu, mặc mọi sự lặng lẽ trôi qua. Có hôm, thấy rõ cả tiểu đoàn âm binh hành quân qua. Nhìn, biết đủ mặt các đơn vị. Ai cũng tươi tắn, hơn hớn, quân phục chỉnh tề. Lại nghe thấy rõ ràng:

- Hoà bình rồi, ta trở về nhà thôi.

- Khiếp thật. Không tin được, dạo mình chết, tình hình còn mù mịt lắm. Mới mấy năm đã xoay chuyển.

- Rảo rảo lên. Ra khỏi rừng về quốc lộ, muốn đi tàu hoả, hay ô tô cũng được.

- Thế thì vào bố Sài Gòn chơi một phen cho đã. Mấy đợt tổng tấn công, nào được nghỉ lấy một ngày.

- Về quách cho xong. Làng tớ điểm quân chắc phải đại đội cứng. Hồi 74 chưa đến mình, đã ngót nghét năm chục thằng.

- Bao nhiêu cũng đáng. Thống nhất phải bõn đâu.

- Ơ, thằng này lớ ngớ thế, đi đứng ra làm sao vậy. à lính tăng, không quen đi bộ hả? Nào tớ dìu. Ngày xưa các tướng coi bộ binh chúng tớ ra đéo gì. Nào…

Ồn ã cả một khúc rừng. À, thế là hoà bình rồi đấy. Mong thì mong thật nhưng hoà bình chúng nó về nhà hết cả, khúc rừng này quạnh lắm. Ông già chín năm (tôi vẫn gọi thế) nhìn đoàn âm binh diễu qua, vuốt tưởng tượng bộ râu của mình, tủm tỉm cười. Ông hay cười lắm. Tính lại hiền và tốt bụng. Người như thế ở đời, thời nào cũng hiếm, chết thật phí.

Hôm đầu tiên gặp ông, chính vào ngày thứ ba, kể từ lúc thằng Vịnh bỏ đi. Ông đứng giữa màn sương khói. Vô số những con dơi chập choạng đảo cánh. Ông nhìn tôi không chớp mắt. Mặt căng thẳng chờ đợi một điều gì đó. Lâu lắm. Tôi thấy người bồn chồn, khắc khoải. Đau đớn của vết thương, của đói khát hành hạ không còn nữa. Người cứ nặng trĩu, nặng trĩu. Sàn hang bằng đá như tụt dần xuống. Ông vẫn đăm đắm nhìn tôi. Cho đến lúc thấy người nhẹ bẫng thì ông bước đến. Ông như muốn đỡ tay tôi, mỉm cười:

- Xong rồi, chàng trai ạ.

- Xong cái gì? – Tôi ngơ ngác không hiểu.

- Xong một kiếp người. Linh hồn con vừa trút khỏi thể xác. Từ nay con ở với ta.

- Nhưng ông là ai? Trẻ thế, sao dám gọi tôi bằng con.

- Ta không trẻ đâu. Đấy là so với con. Lại đây đã, rồi khắc biết.

Xong một kiếp người. Ra mọi chuyện chóng vánh và giản đơn đến vậy. Cái chết chẳng có gì đáng sợ lắm. Tôi dò dẫm bước lại phía ông. Ông tọa trên một phiến đá ngất ngư. Ông bảo:

- Rồi con sẽ quen. ở đây cái gì cũng động, chúng ta bị vòng trầm luân lãng quên. Nhưng không sao. Không tài nào chạm vào được người ông. Ông bảo, đấy là cái phải gánh chịu của vong hồn. Ông kể cho tôi nghe về cuộc đời ông. Tôi lắng nghe với tất cả sự lạ lẫm, tò mò. Thời của ông khác nhiều thời tôi. Ông lại bảo:

- Lâu rồi, ta không còn tên. Cứ gọi ta là ông già chín năm. Để ta nhớ lại một thời trai. Không khác nhiều đâu con ạ. Ta và con, hồn đều lẩn khuất nhưng tâm chúng ta thanh sạch. Chúng ta chết vì dân, vì nước. Lọ phải sợ kiếp vong hồn.

Tôi hay ra cửa hang dơi nhìn xuống vạt rừng phía trước. Mồn một mọi thứ rõ ràng. Cánh rừng này, tôi không quen lắm. Chẳng hiểu tại sao thằng Vịnh lại cáng tôi vào đây. À nhớ ra rồi, lúc đó có một chốt dù chặn mất đường về đơn vị. Hoá ra mắt vong hồn cũng chẳng khác mắt người trần là mấy. Cũng có hôm, tôi liều mạng đi xa một chút. Xông thẳng vào vạt rừng. Thì ra, từ đây về đơn vị cũng chẳng bao lâu. Tôi dậu dạo chán chê. Lạ thế, chỉ quanh quẩn ở gần hang. Đi vượt ra ngoài, người nặng trĩu, buốt nhói không thể chịu được. Hỏi lại điều này, ông già chín năm giải thích:

- Có gì lạ đâu con. Phàm kiếp người đến số, xác tiêu tán thì hồn thanh thoát. Chúng ta vô danh, hồn

không thể siêu thoát được. Đất này mãi mãi là chốn hồn ta.
Tôi không khỏi chạnh lòng. Có hôm, mười mươi nhìn rõ đại đội trợ chiến hành quân qua, tôi sấp ngửa chạy theo. C trưởng An đi đầu đang giận dữ điều gì, đù đẹc liên tục. Cứ chạy, mặc cào xé đau đớn. Đúng lúc tiểu đội trinh sát hiện ngay trước mặt thì tôi bị quật quỵ xuống. Tôi đếm từng thằng một, gọi từng thằng một. Bình – Long – Thắng – Cường – Ngọc – Biên. Sao chỉ còn lại có sáu? Thằng Vịnh đâu? Tôi gào đến rách cả họng:
- Chúng mày ơi. Dừng lại đi. Tao đây. Phương đây. Cho tao đi với.
Không đứa nào nghe thấy tiếng của tôi. Mặt đứa nào cũng lầm lũi, căng thẳng. Tôi cố lăn đến. Người như bị giằng xé. Không một cực hình trần gian nào có thể sánh nổi. Tôi lăn xả vào giữa hàng quân. Người sắp sửa tan ra thì tôi víu được vào chân thằng Bình. Không thấy nó một mảy may phản ứng. Tôi liều mạng cắn chặt răng vào quai dép đúc, để giữ nó. Tịnh không một tác dụng nhỏ nhoi. Nghe thấy rõ tiếng thằng Bình ca cẩm:
- Thánh họ thằng Ngọc khợp. Chuyên đi nhầm dép. Đôi này chật, vướng víu quá.
Tôi cố cắn mạnh hơn. Nó vẫn đi phăm phăm. Chân chỉ hơi dợn dợn. Đoàn quân đi qua đã lâu, tôi vẫn lăn lộn trên mặt đất. Những chiếc lá khô mục, giờ đây sắc cạnh như gài kim buốt nhói. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy những người bạn thân yêu nhất của mình. Giá không có ông già chín năm, chắc hôm ấy tôi không về được hang dơi. Dù sao, có một chỗ trú ngụ chắc chắn vẫn tốt chán. Còn khối kẻ dật dờ, không có cả một nơi gửi thân như tôi. Không đâu xa, phía ngoài vạt rừng, có vô khối hồn ma không nhà. Lang thang tụm thành từng đám, không rõ mặt mày, hình hài, nỉ non kêu khóc. Đám ấy, ông già chín năm cũng chỉ biết phong phanh. Nghe đâu như B52 dập trúng nơi gom xác của một tiểu đoàn không vận ngụy hồi Mậu Thân.
Lại nói về chỗ trú ngụ. Vài hôm sau khi Vịnh đi rồi, lúc đã quen chuyện ông già chín năm, tôi chợt bắt gặp một người quen. Thoạt đầu, tôi không nhận ra hắn. Đó chính là thằng tù binh ngụy đã cáng tôi ròng rã suốt tuần lễ. Tôi gặp hắn ngay trước cửa hang. Nhác thấy thân hình đẫy đà của hắn, tôi chỉ hơi ngờ ngợ. Lúc biết hắn, tôi đã bị thương, không còn tâm trí nào để ý. Hắn vặn vẹo đến trước mặt tôi:
- Chào ông.
- Mày là ai? – Sắc phục dù của thằng ngụy dẫu đã tơi tả, mướp mơi vẫn không giảm được sự thiếu thiện cảm nơi tôi.
- Ông không nhận ra tôi thật ư?
- Mày là ai? – Tôi vẫn sẵng giọng.
- Tôi chính là thằng tù binh các ông bắt được. Suốt một tuần lễ, tôi phải chịu khốn khổ với cuộc hành trình của ông. Cuộc hành trình kết thúc ở cái hang này.
Nó lắm lời quá. Dù sao tôi cũng đã nhận ra nó. Một thằng lính phía bên kia. Nhưng nó đến đây làm gì nhỉ. Tôi hỏi, giọng vẫn chẳng mấy mặn mà.
- Mày cần gì?
- Còn cần gì nữa hả ông. Bạn ông đã thả tôi. Vâng, đúng vào lúc ông hấp hối. Ông ấy thả tôi trong sự điên khùng của tuyệt vọng. Tôi thoát khỏi họng súng của bạn ông nhưng lại không thoát khỏi những viên đạn của đồng đội tôi.
Thằng ngụy gào lên nỗi uất ức của nó. Hoá ra, nó bị đồng bọn băn chết. Chính cái chốt dù chặn đường buộc chúng tôi phải rẽ vào hang. Tiếng súng vang động của Vịnh đánh thức cái chốt dù đang ngủ. Thằng ngụy bớ rớ chạy vào bị chộp gọn. Có lẽ thân hình rệu rã và sự hoảng loạn cùng cực của nó đã khiến bọn kia quyết định. Những phát đạn găm từ phía sau, đẩy thằng ngụy rơi xuống vực phía trái hang dơi, thành hồn ma lang bạt.
- Thì đằng nào chả chết, mày còn kêu ca nỗi gì.
- Khác chứ. Chết vì các ông đã đành một nhẽ. Chiến tranh mà. Nhưng chết như tôi thì thảm khốc quá.
Đoạn thằng lính bưng mặt khóc rất não nề. Phải cắt ngang nó.
- Thôi im mồm. Về chỗ đi. Đừng quấy nhiễu sự tĩnh lặng của tao.
Bất ngờ thằng ngụy tròn mắt:
- Chỗ nào?
Mưa xối xả trút xuống. Cơn mưa mùa không báo trước ào ào đổ như thác. Cả khoảng trời phía trước hang vẫn xanh ngắt. Có mỗi một đám mây mọng đang từ từ nở ra. Chốc lát, tràn ngập cả thinh không một màu chì xám ngắt. Nhanh hơn cả dầu loang trên cát. Mưa vẫn ào ào. Không thấy rõ thằng ngụy nữa, nó lập tức bị lút vào màn mưa ngày một dày thêm. Nhưng vẫn thấy tiếng của nó lóp ngóp:
- Làm gì có chỗ nào cho tôi. Thân xác bị vực thẳm nuốt gọn. Tôi bây giờ không nhà, không cửa, không hang, không hốc. – Bất đồ, nó tru lên, hơn cả chó

sói bị mất con. – Xin ông cho tôi vào hang. Xin ông?
Giọng nó bị ngắt ra, nấc lên. Hình hài nó lại trôi ra sũng mưa, bệnh bệch.
- Nhưng tao không có quyền!
Tiếng của ông già chín năm vọng từ phiến đá u u:
- Gì đấy con?
- Có một thằng lính bên kia xin được vào hang.
Tôi lật bật vào, kể tường tận. Ông già cười, bảo:
- Cho nó vào con ạ. Chết rồi, còn ta, địch gì nữa. Tội nó, nó gánh. Phúc mình, mình làm. Cho nó vào.
Từ hôm ấy, thằng lính được trú cùng trong hang. Sau này, xương cốt của nó được một nhóm hám tiền chuyên xăn lùng xác Mỹ lượm lên từ đáy vực, đóng gói chở về thành phố. Không biết nó có tìm được về nhà không? Đấy là việc của nó.
°
Thằng ngụy trạc tuổi tôi. Quê chính gốc Sài Gòn. Nhà nghèo nên là sinh viên vẫn bị bắt quân dịch. Nó giải thích:
- Số tôi xui quá. Lẽ ra đã vô Thủ Đức. Nhưng mần mè gì suất sĩ quan. Tưởng thoát nào ngờ. Tựu trung cũng tại tiền cả. Đủ tiền nạp, sức mấy đến lượt tôi đi quân dịch.
Nó đang học năm thứ hai y khoa thì bị bắt, xui thật. Còn bốn năm nữa chứ mấy thì thành doctor. Chiến tranh có những lí riêng của nó. Tôi cũng thế, nếu không vào đây chắc cũng hết năm thứ ba rồi. Thằng ngụy hỏi:
- Tôi đã đành. Còn ông? Ông tận Hà Nội, vô làm gì cho cực xác?
Giá không phải là vong hồn khất khưởng, hẳn tôi đã cho nó lĩnh đủ. Vào làm gì ư? Ngày tôi về đại đội trợ chiến, em gái tôi viết thư vào. Nó viết: "Anh Phương ơi, bom đánh trúng khu phố mình. Căn gác nhỏ của anh sập rồi. Con liếu điếu, ngày đi anh thả, nhưng nó vẫn bay về quanh quẩn. Sáng sáng vẫn vang vang tiếng hót của nó. Lúc moi tìm đồ đạc của anh, tay em gặp nó. Con chim vẫn mượt nguyên, óng ả. Và kì lạ, em nghe thấy tiếng hót của nó. Lúc ấy người em run lên. Anh Phương. Anh phải không? Anh về trong tiếng hót để an ủi em…".
Thằng ngụy thần người khi tôi đọc cho nó nguyên đoạn thư em gái tôi viết. Đoạn thư tôi đã thuộc lầu lầu. Dạo đó, thằng Ngọc lén xem thư, phán:
- Nàng thật tuyệt vời. Mày viết thư bảo. Không phải anh đâu. Bạn anh đấy. Anh Ngọc khợp đấy. Tao sẵn sàng trong lốt một con chim chết, để ngon lành đậu giữa tay nàng.
Tôi không muốn giải thích gì thêm, nếu thằng lính kia không hiểu. Nhưng nhìn vào mặt nó, tôi biết. Mỗi người có riêng cho mình một cuộc chiến tranh. Cả nguyên cớ cũng vậy. Hãy gạt đi những ngôn từ to tát, những lí tưởng cao vời, chiến tranh của em gái tôi, rất có thể bắt đầu từ tiếng hót của con chim liếu điếu đã chết. Và tôi, một thằng trai mười bảy tuổi, đặt bút kí vào đơn tình nguyện giữa hai tiết học, lòng không một mảy may bận tâm, có chăng chỉ là những canh cánh về một học kì cuối cùng của năm cuối cùng phổ thông. Tuyệt nhiên, thằng trai mười bảy tuổi ấy không hề nghĩ ngợi đến cái chết của chính nó, ba năm sau đó. Dù rằng, lúc ấy – lúc đặt chữ kí – thì tất cả mọi điều có thể đã được bầy ra. Chiến tranh của tôi, nói một cách dông dài, ngợp trong xúc cảm khó thể cắt nghĩa. Nó cụ thể – cụ thể đến mức không nắm bắt được, tỉ như mùi hương hoa sữa thoảng ra từ những vòm lá âm u. Lại mỏng manh mơ hồ – mơ hồ đầy ấn tượng, khiến con tim run lên khi chợt gặp một con thuyền đôi nhỏ nhoi, chở cặp tình nhân trên hồ Tây chiều đông đầy sương khói. Còn nhiều nữa, tất cả trộn quyện vào nhau. Đấy, chiến tranh của tôi bắt đầu từ đấy. Vả chăng, khi mang cuộc chiến tranh của riêng mình nhập vào cuộc chiến tranh lớn, tự thân sự nhập cuộc ấy là nguyên cớ – cái nguyên cớ chắc chắn để mỗi một bản thể người tìm ra điểm đặt số phận mình.
Tôi nhìn vào hình hài thằng ngụy. Chỉ mươi ngày trước, nó và tôi sẵn sàng nổ súng vào nhau. Chiến tranh là thế. Cần phải loại bớt sinh mạng. Song le, từ hai phía, mỗi người, nó và tôi đeo đuổi cuộc chiến tranh của riêng mình. Nếu có một trục thẳng, nó và tôi sẽ ở hai đầu mút đối lập. Cả hai cùng bị hút vào tâm điểm. Lõi của tâm điểm ấy chính là bản chất cuộc chiến. Kẻ thắng – được khẳng định – phải là kẻ ý thức được bản chất cuộc chiến tranh của mình.
Nhưng bây giờ tôi và nó, mọi điều, thảy đều vô nghĩa. Cả hai đã bị loại ngoài cuộc chơi. Mặt thằng ngụy lộ vẻ xúc động chân thành. Nó nói:
- Một đoạn thư của em gái ông là tôi hiểu. Tôi cũng có gia đình. Thực lòng, tôi không muốn dính vào chuyện chính trị. Nhưng xin được thành thực. Liệu bao giờ cuộc chiến này kết thúc? Và ai thắng? Ai sẽ thắng?
Tôi không nhớ mình đã nói những gì với nó. Mọi ý kiến lúc ấy chỉ là những niềm tin áp đặt. Chừng dăm tháng sau, có một chuyện xảy ra ngay trong

hang dơi làm chấn động thằng ngụy. Chuyện thế này:
Hôm ấy trời hanh hao. Rừng miền Đông cuối năm, lá trút ào ào. Đêm lạnh buốt nhưng ngày, nắng vẫn đổ lửa. Vạt rừng phía trước trơ trụi. Từ đỉnh hang dơi, bằng mắt thường, nhìn thấy rõ núi Bà Rá và cả tiểu khu Phước Long. Chiến sự đang căng thẳng. Đang có một chiến dịch vây ép lớn. Các đơn vị chủ lực miền tập trung tiêu diệt sinh lực địch. Giải phóng tiểu khu Phước Long. Những chuyện này, sau tôi mới được biết. Mấy ngày liền, thấy những đoàn quân chuyển dịch liên tục. Đủ cả tăng, pháo. Nhiều nhất là bộ binh, nườm nượp hết đoàn này, đoàn khác. Ông già chín năm, thường chỉ tọa trong phiến đá, ít khi ra ngoài, cũng phá bỏ thông lệ. Ông bảo:
- Kết cục tới rồi. Nhìn quân đi thế kia ta biết.
Thằng ngụy nhún vai, tay làm dấu thánh giá. Miệng lầm rầm cầu kinh.
- … Amen.
Còn tôi? Một sinh linh yếu đuối vẫn tự biết phận mình song không thể kìm nén nổi những ham muốn đang ngờm ngợp dâng lên. Chao ôi, nào có cao sang gì đâu, chỉ một ước muốn nhỏ nhoi thôi cũng được. Phải, cái ước muốn mà trước đây ít ngày còn là nghĩa vụ. Hoàn toàn không dối lừa, nếu phải chết lần nữa, để được chấp nhận thành một người lính trong hàng quân kia, tôi cũng cam lòng. Từng khuôn mặt người lính lầm lụi diễu qua mắt tôi. Khuôn mặt nào cũng dầu dầu dãi. Lính già có, lính trẻ càng nhiều. Họ giống nhau đến kì lạ. Tuyệt nhiên trên khuôn mặt họ, ngoài những dầu dãi trận mạc, không thể bắt gặp một chút gì đó của những điều sắp xảy đến. Không phải sự bình thản lì lợm. Càng không phải sự hăm hở chém giết. Đến cả một chút sợ hãi cũng không có. Họ mang nét đúc của tạo hoá, tự nhiên đến chân thành. Đó là dáng vẻ của người nông dân đến với thửa ruộng cày. Người thợ đến với xưởng máy. Viên chức đến với công sở. Vân vân và vân vân.
Ông già chín năm thốt lên:
- Các con nhìn kìa. Đó là dấu hiệu của chiến thắng. Hoà bình lại đến rồi.
Thằng ngụy không hiểu. Cặp mắt cận của nó lồi ra. Có vẻ nó đang cố ngẫm nghĩ. Miệng nó lắp bắp:
- Hoà bình thật ư. Nhưng ai thắng?
Không phải chờ đợi nhiều. Ngay ngày hôm đó tự nó tìm ra chân lí.
Vào lúc chạng vạng. Sương đã bắt đầu sa xuống lộp bộp. Khoảnh khắc ngắn ngủi giữa trời đỏ và đêm đen, không gian đột ngột trắng bạc ra. Đá bàng bạc. Rừng bàng bạc. Trời bàng bạc. Tất cả một màu bàng bạc. Chính lúc ấy, một tốp biệt kích áo đen không biết đến từ đâu, men theo vách dựng của núi đá, đột ngột xuất hiện ở cửa hang dơi. Bọn biệt kích mò mẫm, rình rập là những điều quá thường. Nghề của chúng vốn thế. Hồi còn sống, tôi đụng bọn này như cơm bữa. Đánh đấm với chúng khó chịu lắm. Có khoảng dăm đứa. Nom cả bọn đều tơi tả. Có vẻ như chúng vừa qua một cuộc đụng độ ở đâu đó. Chắc chắn không phải con đường dưới kia rồi. Quân đi như suối thế, bố bảo bọn này dám chàng màng. Chợt tôi thót người. Lẫn trong sắc phục đen có mầu lam lục của quân phục. Một cô gái. Trời ơi, một chiến sĩ gái rất trẻ. Màu kia của trang phục chứng tỏ cô gái đã chiến đấu ở vùng này, ít cũng vài năm. Cô gái bị trói giật cánh khuỷu. Chúng lôi cô vào hang, thô bạo đẩy ngã sấp vào góc. Đoạn, cả bọn lục cục móc đồ ăn. Không đứa nào nói một tiếng. Chúng ăn chậm rãi đáng ngạc nhiên. Có cả rượu. Loại mạnh, chai bẩy Johnnie Walker chuyền tay nhau, chúng hớp từng ngụm nhỏ nhẩn nha. Bữa ăn dềnh dàng đến cả tiếng đồng hồ. Thằng uống ngụm rượu sau cùng, đập mạnh chai rượu xuống nền hang. Tiếng thuỷ tinh va vào đá rít chói tai. Chính thằng đó lôi cô gái ra chỗ đập chai. Tiếng nó êm đáng ngờ:
- Quỳ xuống đi cưng.
Không quỳ. Cô gái đứng bất động.
- Quỳ xuống!
Bất đồ, thằng biệt kích dằn mạnh. Giọng nó vón cục chan chát.
Không quỳ. Cô gái vẫn đứng.
Hốc miệng ngòm ngòm của thằng biệt kích buông ra một tràng cười sằng sặc. Âm thanh vống lên trần hang, lõm tõm rớt xuống. Lại cười, cười như điên, như dại. Tiếng cười của nó xoáy vào đá. Đá run rẩy từng đợt. Nãy giờ, ông già chín năm nhấp nhổm trên phiến đá của ông. Làm sao có thể tọa yên được. Không lường đến tình huống này, chân tay ông luống cuống nom rất tội nghiệp. Phải trước kia xem, cứ nhìn bộ dạng kia đủ biết, chắn chắn ông đã nhào dô ăn thua đủ. Tôi và thằng lính ngụy cũng luýnh quýnh không kém. Nhưng không ai biết phải làm gì. Mà còn làm gì được nữa. Đêm đã đông sệt lại nhưng trong hang hôm ấy, không biết vì lẽ gì vẫn hưng hửng sáng. Dẫu nhạt nhưng còn trông rõ

mặt người. Thấy môi cô gái mím lại. Mặt ngùn ngụt dương khí. Dơi chấp chới vờn vào người cô. Đến hàng ngàn con vỗ cánh cùng lúc. Động hang rồi, ắt có sự chẳng lành.
Có một quãng im lặng kéo dài sau tràng cười ghê rợn. Thằng ngụy đứng cạnh tôi đã bắt đầu run lẩy bẩy. Nó sợ. Sự im lặng chết người kia, ai không sợ. Giá có một phép mầu nhiệm nào đó, giải thoát được cô gái, dầu rằng phải đổi lấy ngàn năm cõi âm, tôi cũng quyết làm.
- Quỳ xuống!
Vẫn là thằng biệt kích đập chai. Dường như nó đã hết cả kiên nhẫn. Đúng hơn, nó không chịu đựng nổi nữa. Có vẻ, nó là chỉ huy của cả bọn.
Sau tiếng quát của thằng biệt kích, cô gái vẫn không hề thay đổi tư thế. Thằng chỉ huy đi vòng một lượt quanh tù binh của mình. Gót giầy của nó di vào thuỷ tinh, vỡ lạo xạo rít tai. Bất ngờ, nó giáng một cái tát cực mạnh vào mặt cô gái. Máu rỉ từ mép thành dòng đỏ tươi. Cô gái ngã xuống nhưng loạng choạng đứng lên. Cô gắng sức chống đỡ.
- Cởi trói cho nó!
Thằng chỉ huy ra lệnh. Hai, ba thằng áo đen nhảy vào dùng dao găm cắt đứt dây trói.
- Lột quần áo nó ra!
Ngón đòn này tác dụng tức thì. Cô gái quýnh quáng dùng tay che đậy chỗ kín trên người. Thằng chỉ huy lại cười, vẫn tràng cười ma quái lúc trước. Nhưng không, nó không kéo dài được nữa, tràng cười bị cắt đứt giữa chừng:
- Quỳ xuống đi. Tao hứa sẽ bảo toàn mạng sống.
Như chỉ đợi có thế. Cô gái phắt lên. Lần đầu tiên từ lúc vào hang cô nói. Rành rọt từng tiếng khô sắc:
- Không đời nào. Đồ chó! Giết tao đi!
Thằng biệt kích chồm đến quật ngã cô gái. Nó gầm gừ:
- Được! Nhưng mày sẽ phải chết một cái chết khác đồng đội của mày. Ngay bây giờ đây, tao sẽ rửa hận cho chiến hữu của tao.
Sau này tôi được biết, trung đội biệt kích định đánh tạt sườn một đơn vị vận tải. Chúng bị diệt gần hết. Trên đường rút chạy, chúng lại gặp một tốp tải thương của ta. Cuộc đụng độ này khiến nhóm tàn quân chỉ còn năm thằng. Không may cô gái giao liên dẫn đường cho tốp tải thương bị chúng bắt được…
Nó đè ngửa cô gái trên nền thuỷ tinh vỡ. Bốn thằng còn lại kéo căng chân tay cô gái. Không thể chống cự được bọn hung thú đang điên mồi. Cô gái hét lên, ngất lịm.
Hang dơi muốn vỡ tung ra từng mảnh. Tiếng hét không giản đơn là tiếng kêu đau đớn của một con người. Đó là tiếng kêu tích tụ của nỗi đau nhân gian, kéo suốt từ thuở hồng hoang đến ngày tận diệt. Đức chúa trời. Nếu có thật một đức chúa thì đó là sai lầm lớn nhất của Người. Đức chúa sinh ra con người, đồng thời sinh thành những mầm mống tội ác. Hắn để răn mình nên buộc Jêsu bị câu rút đóng đinh trên thập ác. Nhưng nỗi đau thánh linh kia, nào có thấm tháp gì với nỗi đau trần thế. Thân hình cô gái, phút chốc bị thuỷ tinh cứa nát bấy. Dòng máu đỏ âm thầm thấm đẫm cơ thể.
Năm đứa hình nhân lần lượt hành xác. Không biết đã bao lâu. Thời gian phỏng còn nghĩa lí gì. Ông già chín năm nhảy chồm chồm trên phiến đá. Ông đã mất đi vẻ trầm tĩnh vốn có. Thằng ngụy bưng mặt không dám nhìn. Tôi cũng thế, chạy ra cửa hang. Than ôi, âm dương cách biệt, không thể có cách gì giúp được cô gái.
Lúc năm thằng biệt kích rời hang đã quá nửa đêm, hang dơi tịch lặng như tờ. Dơi treo mình thành móc, chả buồn đập cánh. Đêm quánh lại phủ kín thi thể cô gái. Sự bao bọc này, liệu có làm dịu đi nỗi đau kia. Nỗi đau quằn vào từ thân thể bị cứa nát, bầm giập. Nỗi đau xoắn vặn trong sinh linh thương tổn. Và máu. Máu khuất trong đêm đen vẫn không ngừng chảy. Sinh thể cô gái đang lịm đi, tắt dần.
Lần đầu tiên tôi thấy ông già chín năm khóc. Khóc ròng ròng, vật vã. Tiếng ông thẳm sâu. Đó là tiếng của thời gian tích tụ:
- Ta đã sống ở đây gần trọn hai cuộc chiến tranh. Mắt của ta nhìn thấu mọi điều. Nhưng chưa bao giờ phải chứng kiến điều thảm khốc đến thế. Các con, hãy lại bên ta, xòe hồn mình đỡ lấy linh hồn tội nghiệp này.
Tôi làm theo lời ông già. Cả thằng ngụy nữa. Nhưng tay nó vẫn bưng mặt. Nó không dám nhìn. Giọng nó vụn vỡ:
- Các ông là người chiến thắng!

L ại có tiếng loạt soạt. Vẫn phát ra chỗ bụi cây sau lều. Cường choắt vớ lấy đèn pin. Ngọc khợp bảo:
- Hay là chúng nó về.
Cường choắt đã dợn bước thấy thế chùn ngay. Đấy là cu cậu khiếp. Thắng vịt bảo:

- Mày leo đến thiếu tá, cầm cả một trung đoàn quân chinh Nam, chinh Bắc, sợ cái nỗi gì. Chúng nó có về thật, cũng là anh em mình, bạn bè mình.
Đoạn, Thắng giật lấy cái đèn pin phăm phăm đi ra. Nó không bật đèn. Trong cả bọn, mỗi mình nó là tợn nhất. Đấy là khoản âm dương. Nói nôm theo cách của các cụ nhà mình, vía của nó cứng. Hồi *bẩy hai*, đơn vị đóng quân trong một vùng rừng cao su ở Bù Đốp. Rừng cao su này của người Pháp ngày trước. Chuyển chủ mấy lần, giờ không còn người khai khẩn. Cây cao su ứ nhựa, cành cây giòn khộp. Tiểu đội trinh sát dựng cọc, treo võng dưới tán một gốc cao su già. Ngày đầu yên ổn không có chuyện gì. Ngày kế tiếp, thấy muỗi bay ra nhiều. Tinh loại muỗi to chưa từng thấy. Loại muỗi vằn vện, lính tráng rất khiếp. Vòi của nó to gộc nhọn hoắt như lưỡi kiếm phập vào da thịt, đốt đến đâu biết đến đấy. Lính mới, ớn tỉ loại này còn hơn cả pháo chụp. Muỗi bu hết cả vào tăng màn, bò lổm ngổm. Nói không ngoa, có con to phải bằng hạt đậu xanh. Cả bọn không hiểu đầu cua tai nheo ra sao, ngơ ngác hết lượt. Lạ, đuổi không đi, đánh đành chịu chết. Trưa hôm ấy tất cả vẫn ngủ. Đứa nào nhát nhất cũng chỉ nghĩ đấy là muỗi chúa, túa ra do động trời. Đang chuyển mùa mà, bắt đầu có những trận mưa rây phần phật. Đang ngủ, đột nhiên cả bọn bị dựng bật dậy. Thằng nọ hốt hoảng ngó mặt thằng kia. Hỏi, không thằng nào biết vì sao, chỉ thấy giật mình rồi tỉnh. Lúc ấy, thấy muỗi bay vù vù tán loạn, bậu hết vào gốc. Lại ngủ say sưa. Chợt, Thắng vịt la hoảng hốt. Nó tháo võng giục mọi người di chuyển ngay. Căn vặn nguyên cớ thì nó cáu, chửi bới hết lượt. Mọi người đành làm theo nó, vì lạ. Xưa nay, nó là thằng điềm đạm, ít khi gây lộn. Lại có tính nhường nhịn mọi người. Cú lắm cũng chỉ lầu bầu một mình. Nay đổi tính thế, ắt phải có chuyện khác thường. Thôi, theo nó vậy. Một tí chút cũng chẳng chết ai. Chẳng ai chết thật. Tiểu đội di chuyển ra chỗ mấy cây bé hơn. Vừa yên vị trên võng thì roành một cái. Không khác gì bom tấn nổ gần. Chả riêng gì tiểu đội trinh sát, cả xê trợ chiến túa đến. Ai cũng vã mồ hôi hột. Riêng mấy thằng trinh sát mặt tái hải, cứng đơ như người chết, tóc tai dựng ngược bơ phờ. Cây cao su đổ gục, đè nghiến đúng chỗ cả tiểu đội vừa nằm. Không nghe Thắng vịt, chắc chắn tất cả ra ma cùng lúc. Chỗ cây gẫy gần sát gốc. Nhựa trắng phun phè phè như nham thạch. Muỗi chết kín đất. Lát sau, chân tay đứa nào cũng vẫn run cầm cập. Mình Thắng vịt là bình tĩnh. Nó gật gù lượn quanh cây cao su đổ, miệng lẩm bẩm gì không rõ. Nó lừ lừ nhìn tận mặt từng đứa. Thoải mái, lừ thế chứ lừ nữa cũng bõ. Bất ngờ nó chỉ vào đám xác muỗi như hoa xoan rụng chạt quanh gốc:
- Thần phù đấy. Gom vào hoá cho Ngài.
Thật, chẳng còn hiểu ra làm sao nữa nhưng bây giờ nó là nhất, không nghe nó còn nghe ai. Đợi vun xong, nó rút phắt cái bật lửa mới choang từ túi Ngọc khợp, bật choách choách. Muỗi cháy xèo xèo. Xong việc, không thèm nhìn ai nó lậm lừ đi về chỗ nằm.
Cả bọn xốn xang không ngủ được. Cú bồi đầu tiên này, sau những gian nan dọc đường hành quân, quả là một đòn nặng nề đánh vào cân não. Không phải sợ. Sợ đã chả vào đến đây. Nhưng mà kinh. Đúng là nhớ đời. Có đến già cũng vẫn nhớ. Chết cứ như đùa vậy. Thắng vịt đâm oai. Mà lạ, làm sao nó lại biết trước cây đổ để giục giã nhỉ. Nó vào cùng với mọi người, đâu phải là thổ công, hà bá gì. Gặng, nó nhất định không chịu nói. Sau phải viện đến Ngọc khợp. Cả tiểu đội, chỉ mỗi mình Ngọc khợp là đủ võ để moi móc. Quả nhiên, ngon ngọt tỉ tê một lúc thì thành công. Thắng vịt tuồn tuột khai hết. Ngọc ta chạy bổ đến võng thằng Đinh A trưởng:
- Căng lắm. Nó nhất định không chịu nói. Sợ phạm đến Ngài. Muốn biết phải biện cái lễ.
- Lễ gì? – Thằng Đinh vào từ năm trước, đánh chác mươi trận được kể là lính cũ nhưng chưa gặp trường hợp tương tự thế này bao giờ, cũng hốt, hỏi lại mà vẫn mắt tròn, mắt dẹt.
Ngọc khợp tỉnh bơ:
- Kiếm lấy con gà khơ khớ là được. Mình lính tráng, cốt ở lòng thành.
Một con gà, chứ mười con gà vẫn còn rẻ chán. Thằng Đinh cử ngay hai đứa, cầm toàn bộ số tiền dành dụm từ ngày vào của nó, sục vào đoàn tăng gia. Trong ấy đến thịt hùm cũng có.
Con gà thiến béo nẫn nặng phải già ba kí, vớt ra vàng mởn, ngụt hơi, nhìn thoáng đã tiết đầy miệng nước miếng. Ngọc khợp phán:
- Biện đến võng Thắng vịt. Vái sống nó để tạ lễ.
Thằng Thắng vùng từ trên võng xuống. Mặt rần rần đỏ. Nó vớ lấy khẩu AK lên đạn đánh rốp. Ngọc khợp biến tăm, nhanh còn hơn sóc. Đến lúc này thằng Đinh mới ngã ngửa biết mình bị lừa. Đi tong mất chục tháng phụ cấp, ít ỏi gì. Cả tiểu đội không thằng nào thoát mắc lợm Ngọc khợp. Khoản láu cá, nó giỏi nhất hạng. Chính mồm nó kể lầu lầu. Năm lên chín tuổi về quê chơi. Nhiều lần được bà ngoại

kể về một ông cậu có tật ở chân, chết trẻ. Nghe, nhập tâm nên thuộc. Một lần cu cậu thèm ăn thịt gà, bảo bà:
- Đêm qua cháu thấy một người nhỏ lắm, đi tập tễnh, cứ lăn lộn trên bàn thờ, khóc kêu đói.
Bà ngoại sụt sịt tức thì:
- Khổ thân con tôi. Nông nỗi gì mà đói đến thế.
Tất nhiên bà ngoại thịt gà cúng ngay. Đấy, mới lên chín đã thế. Tuổi ấy nhân đôi, làm gì mà không chết với nó. Lừa thế là còn nhẹ.
Vừa chặt gà xong thì Ngọc khợp lần về. Nó cười nhơn nhởn như không có chuyện gì. Thắng vịt có lầu bầu, song không vì thế mà bữa đánh chén giảm giá trị. Đinh nờ cay hơn ớt cũng cố nuốt để khỏi mang tiếng tiếc tiền. Cả xê trợ chiến cuồng lên vì phát thèm. Chết hụt thế, có mà chết đời cũng sướng. Thì ra chuyện cũng chẳng có gì. Sau lúc cả bọn giật mình tỉnh giấc, ngủ lại, Thắng vịt mơ thấy một người bẹp dí, thịt da bèo nhèo, lòm lòm đầy máu, đứng ngay đầu võng. Phải người khác hẳn đã són đái vì sợ. Nhưng Thắng vịt thì không. Nó gồng giọng:
- Ông là ai, cần gì?
Người kia không nói, chỉ vào võng của nó. Đứng gần, ngửi thấy cả mùi máu tanh. Bắt đầu hốt nhưng Thắng ta vẫn cố cứng:
- Ông nói đi. Cần gì?
Người kia thở dài, phẩy tay rồi đi. Muỗi vù vù bám theo. Nhìn thấy đến gốc cây thì mất dạng. Chợt tỉnh giấc không ngủ lại được. Chuyện mộng mị, chẳng bận tâm làm gì. Nhưng nó bị những con muỗi to khác thường ám. Bỏ mẹ rồi, rừng này, nghe nói đã nhiều người cả ta, cả địch, cả dân bị cây cao su ứ tức mủ do không khai thác gẫy gục đè chết. Vô khối cái chết oan uổng thế đã xảy ra. Muỗi bu vào gốc cây. Đúng rồi, đúng là điềm báo. Nghĩ thế nên Thắng vịt vùng dậy. Không ai tin lời Thắng vịt tiết lộ nhưng chuyện thoát chết còn rành rành, bắt bẻ nỗi gì. Con gà ba kí chỉ còn nắm xương vụn, mọi người vẫn bán tín, bán nghi. Mừng thì nhất định rồi nhưng vẫn thấy thế nào ấy. Mộng mị tin thế đếch nào được. Biết đâu cu cậu mơ thấy máu, lại chả hoảng hồn cuốn xéo. Sợ mang tiếng nên giục giã mọi người cùng đi. Có lẽ thế thật, chứ vía viếc gì. Mãi đến đầu *bẩy nhăm,* đánh giải phóng Phước Long thì mọi người tin Thắng vịt cứng vía thật. Chuyện có người chứng kiến.
Hôm ấy, Phước Long đã bị ta vây bốn mặt, sắp thất thủ. A trinh sát tiếp quản một quả đồi ban chiều bộ binh vừa chiếm được. Hì hụi sửa hầm, lắp điện đài, chuẩn bị cho trận đánh hôm sau, không ai để ý trong ngách một hầm ngầm còn kẹt lại hai xác chết. Mấy bố thu dọn chiến trường, làm ăn thế này có chết người ta không. Để thế thì không đành. Mà giải quyết, biết giải quyết bằng cách nào, vả lại không thể để thế được. Còn đánh kéo dài, lù lù hai cái thây ở đấy, đánh đấm cái con khỉ. Bàn đi, tính lại đành phải lôi ra ngoài để tạm, mai tính sau. Hai thằng một xác khiêng gọn ghẽ. Vẫn còn ấm, chưa cứng nên vuốt nắn cũng dễ. Cả hai đều hàm lính cả. Nhìn mặt khó đoán nhưng biết vẫn còn trẻ. Nào, lên mặt đồi nằm cho thoáng, hai bố trẻ nhé. Chẳng nhẽ để nằm đất tội nghiệp. Giặc thật nhưng chết rồi cũng không nên phân biệt. Nghĩa tử, nghĩa tận mà. Ngó quanh quất không tìm được cái gì khả dĩ đắp điếm được, Bình ních bảo:
- Thôi cúng chúng nó một cái tăng vậy.
Sau vụ thằng Vịnh, thằng Phương mất tích, Bình ních được bạt A trưởng. Tiểu đội còn trần sì sáu thằng. Mấy lần C trưởng An hứa bổ sung quân nhưng chưa nhìn thấy chút tăm nào. Đành, sáu thằng cò cử với nhau. Công việc vẫn thế, có phần ụn hơn. Trung đoàn mới nhận thêm một tiểu đoàn cao xạ 57 li, đưa từ tuyến ngoài vào. Sáu thằng, luôn phải luân phiên thay nhau trực ở các đài quan sát xa.
Nói thế nhưng không thấy Bình ních động đậy gì. Biên mu-gích lủi ngay vào máy, vờ vẫn chỉnh sóng. Tác phong sệt nông dân nhưng lõi đáo để. Tính Biên lành, tuy vậy cục một cây. Lại rất cẩn thận. Trong bồng trữ đủ thứ. Nhỏ thì viên đá lửa, lưỡi lam. Nhỡ thì có củ sâm, hộp thịt. Lớn, lận hẳn chỉ vàng mười và một cục tiền mang từ miền Bắc vào. Kín như bưng, thỉnh thoảng lại mang các thứ ra kiểm kê. Không có việc , ai gạ gẫm thế nào cũng phớt. Tài tán như Ngọc khợp cũng phải sài lắc. Chỉ những lúc cần mới vung vít. Đã vung, vung đến tận giời, không tiếc bạn bè cái gì. Nhưng đừng có ai dại dột tí toáy vào cái kho ngầm kia. Một lần, Cường choắt thèm thịt quá, sờ nắn đến tróc cả sơn hộp thịt Trung Quốc trong bồng của thằng Biên mà không dám xài. Ăn thế có mà lãnh đủ. Sức Cường choắt, chắc chỉ nửa trái đấm của thằng Biên là xong ngay. Mân mê đến mức mồm sùi bong bóng vì thèm thì Cường choắt nghĩ ra kế hiểm. Nó phục, đợi bằng được thằng Biên. Lại gọi Bình ních hỗ trợ bằng cách làm chứng. Lát sau thằng Biên lọ mọ về. Cường choắt đã dấp nước vào mặt ướt nhoè, ướt

nhoẹt. Vừa tường mặt nhau thì Cường choắt oà lên. Thấy lạ, thằng Biên hỏi:
- Mày làm sao thế?
- Không sao… hu hu… – Cường choắt oà thế nào thành ra khóc thật, nước mắt lã chã. Bố sư khỉ chắc ông con thèm ăn quá nước miếng phọt cả lên mắt. Cường choắt gan cóc tía xưa nay có khóc bao giờ. Lạ thế!
Thằng Biên gặng:
- Mày nói đi, làm sao?
- Hu hu… tao với mày… sống thế… giờ xa nhau… hu hu…
Chả là thằng Biên và Cường choắt cùng phố, lại học với nhau từ nhỏ nên thân nhau hơn những đứa khác. Ông con ấp úng, đại loại kì này hai đứa phải xa nhau. Cường choắt bị thuyên chuyển lên sư đoàn. Xa, buồn nhớ bạn nên không cầm lòng được.
Cẩn thận, thằng Biên quay sang Bình ních:
- Thật thế hả Bình? Bao giờ nó đi?
Thằng Bình lia mặt sang ngang không dám nhìn thẳng. Cũng tại nó có gì hiện lên mặt hết, cả đời chưa nói dối nổi ai một câu.
- Thật! Ngay chiều nay đi. – Thằng Bình ấp úng.
Thằng Biên thừ ra. Khoảng độ một phút mà mặt già đến chục tuổi. Những nốt trứng cá dày sần lên giần giật đỏ. Đoạn, nó mở dây bồng, vứt bịch ra hộp thịt, thêm cả bao Capstan xịn.
- Thôi nín đi mày. Lớn rồi khóc làm gì.
Giọng hách nhưng âm thấp, mượt, kiểu giọng của người lớn dỗ dành trẻ nhỏ. Cường choắt ăn già chưa nín ngay còn cố hu thêm vài khúc. Bình ních hấp tấp mở hộp. Vội quá suýt lộ, Cường choắt phải đánh mắt dè chừng mấy lần. Thịt hộp đậm mồm, thuốc thơm phì phèo, đời tưởng chẳng còn gì hơn nữa. Bữa liên hoan chia tay đang đậm đà thì Bình ních không kìm được, phì cười toé ra cả bã thịt. Thằng Biên trợn tròn mắt. Đến nước ấy, Cường choắt không cố được nữa, dù hộp thịt còn đến nửa, đành bỏ của chạy lấy thân. Ngây người nhưng thằng Biên kịp hiểu ra mọi chuyện. Nó phản ứng tức thì. Cường choắt mới chạy được mươi bước bị ngáng chân ngã đến oạch. Sấp mặt, đau điếng nhưng nó không chịu nhả đầy mồm thịt đang ngậm. Bình ních hết hồn, người đơ ra như bị trúng gió độc. Thằng Biên đỡ bạn dậy. Không nói một tiếng, nó xoa xuýt chỗ xước trên mặt Cường choắt. Nó dìu Cường choắt lại chỗ hộp thịt. Vẫy cả thằng Bình đến. Bất ngờ nó nấc lên, nước mắt tràn ra. Giọng nó nghẹn ngào:
- Chúng mày… bom đạn thế này… anh em mình…
Cả ba thằng cùng tức tưởi. Nước mắt cứ thế tràn ra, tràn mãi. Chẳng còn bụng dạ nào mà ăn tiếp. Hộp thịt để vữa đến chiều tối mới được thanh toán.
Lại nói chuyện cái tăng. Biên mu-gích lủi đi còn trơ khấc lại Thắng vịt và Long tẩu. Hai thằng kia, Ngọc khợp và Cường choắt đi vây ép cùng với tiểu đoàn 37 suốt hai tuần nay. Thấy bảo đánh ngon lắm. Cao xạ kéo hẳn lên tuyến một, vừa chặn không kích vừa bắn thẳng. Hạ tầm xơi mặt đất còn gì ngon bằng. Hai thằng thế mà bẫm. Long tẩu cứ nguyên vị đứng một chỗ, mặc kệ. Lầu bầu chán chê, rồi Thắng vịt cũng tặc lưỡi mở bồng lấy tăng. Rọc làm đôi, một nửa lót dưới, một nửa đậy trên. Thế là tươm rồi.
Quần áo của hai thằng chết được sửa sang ngay ngắn. Lại buộc chân, buộc tay cẩn thận. Thắng vịt sai:
- Mày lấy cho tao bi đông nước. Đã thương thì thương cho trót. Mặt mũi chúng nó lem nhem thế này, hồn phách biết đằng mù nào mà nhập.
Đất cát, máu me bết bệt, rửa không phải dễ. Loay hoay mãi mới xong. Chợt Thắng vịt hốt hoảng:
- Bỏ mẹ, mắt hai ông trẻ mở trừng trừng thế này, khiếp quá.
Long tẩu móc hộp cao "Sao vàng", sà xuống một thằng:
- Bôi nhiều vào. Vuốt đi. Người đang tươi, vuốt còn kịp.
Móc một cục dầu tướng bôi vào mi mắt thằng lính, vừa vuốt Thắng vịt vừa lẩm nhẩm khấn:
- Xót một tí ráng chịu. Ở đây thì đào đéo đâu ra rượu, chịu khó nhé. Nhắm lại đi. Mắt mở, kinh lắm.
Quả có dịu lại thật. Mắt hai thằng chết như người thiêm thiếp ngủ. Mi mắt hờ hờ đậy. Long tẩu bảo:
- Thế được rồi.
Rời tay vuốt, mắt hai thằng kia lại mở. Tiếp tục vuốt đến rã cả tay mới nhắm. Thắng vịt hỉ hả:
- Thế, thế, luyến tiếc gì cõi trần này nữa mà nhìn.
Quái quỷ, tay vừa ngừng, mắt đã mở. Lạ thật. Con người ta chết vẫn mở mắt. Thắng vịt cáu:
- Cố tăng nữa. Quá tam ba bận. Mắt chúng nó mở thế kia, mình ở đây cũng không yên.
Lần này vừa làm, Thắng vịt vừa cao giọng. Nó đã cáu thật sự:
- Oan thác gì mà mắt mở trừng trừng. Chúng mày sống thì quàng quạc, quốc gia tử thủ, tử thiếc. Đấy, bây giờ được chết vì quốc gia lại tiếc đời. Rách việc, nhắm mắt đi cho xong.

Vẫn mở. Thắng vịt cố đấm ăn xôi, mồm quát toang toác:
- Có nhắm lại không thì bảo. Ông nói thật. Làm phúc chứ không tội nợ, dây dưa với chúng bay đâu đấy. Điên lên ông găm cho cái giấy vào người. Xuống âm ti lại chả bị bắt lính ngay. Lần này ra vùng I nhé. Ra đấy, một mảnh xác cũng không còn, lấy đâu ra mắt mà nhìn ngó.
Mắt hai thằng lính khép lại thật. Ra, chúng nó sợ xuống kia phải đi lính nữa. Thánh thế. Long tẩu ngớ ra, mồm hấp háy như cá ngạt. Không tin được câu doạ lại tác dụng đến thế. Lần này thì rõ ràng nhé. Đích thị Thắng vịt cứng vía rồi. Có thế nó mới doạ nổi người âm chứ. Lần trước, nó át được vía tay bị chết vì cây đè nên cả bọn thoát hiểm. Trăm phần trăm là thế.
°
Không bật đèn, Thắng vịt phăm phăm ra sát bụi cây. Quái lạ, tiếng loạt soạt vẫn còn nhưng lùi xa ở bụi cây phía sau. Người hay ma không biết. Nhỡ người thì sao. Người thì không thể đùa được. Nó táng cho một cái là toi. Thắng vịt vội vã bật đèn. Rà đi, quét lại không thấy động tĩnh gì, chẳng lẽ bọn kia về thật. Nó dằng giọng:
- Chúng mày phải không? Đinh, Lệ, Quang, Vịnh, Phương ơi. Cứ về đây với bọn tao đừng ngại. Anh em tao không bao giờ dám quên chúng mày đâu. Sống linh, chết thiêng, chúng mày về…
Tiếng Long tẩu vọng ra cắt ngang:
- Thằng Biên ra lôi cổ nó vào. Nốc lắm đuỗn cả lưỡi. Ra ngoài đấy líu lô cái gì không biết. Vào đi, gió máy cấm khẩu, vợ con ai gánh!
Ngọc khợp xỏ lá:
- Cứ giao cho Bình ních là tươm tất. Vợ thiên hạ, nó còn chăn dắt được, huống hồ bạn bè.
Đấy là Ngọc khợp ám chỉ vụ bê bối mấy năm trước của Bình ních. Cu cậu tí táu, tí mẻ với một cô bán quán giải khát. Chuyện cũng chưa nghiêm trọng, mới ở mức thân tình thái quá đã bị ngăn chặn. Chạm nọc, Bình ních lồng phướn lên như ngựa chiến bị ghìm cương:
- Chỉ được cái mồm xoen xoét là giỏi. Mày thích móc không để tao móc.
Ngọc khợp nhũn ngay, cười roè roè. Nhũn là phải, đứa nào chả đeo một bị tật đằng lưng.
Thắng vịt vào, bảo:
- Ngoài kia tối tăm, hệt như đêm ba mươi. Cời lửa lên đi. Bỗng dưng tao thấy sợ.
- Sợ cái gì? – Thằng Biên gà gật trong góc hỏi vọng.
- Không biết nữa. Cứ thấy lành lạnh, sờ sợ.
Cả bọn cười hô hố. Tiếng thằng nào đó:
- Mày "thuộc quân âm" mà còn biết sợ. "Tu lát" chúng tao phải không. Quên đi nhé!
- Không. Tao nói thật đấy. Đêm nay có điều gì khác lắm. Kìa, cời lửa lên đi. Tối thế này, không chịu được nữa.
Giọng van vỉ của Thắng vịt khiến không còn ai nỡ đùa cợt. Long tẩu hỏi:
- Mày thấy khác cái gì?
- Đã bảo là không biết. Vừa rồi hình như có người chúng mày ạ.
Có một khoảng im lặng chen vào. Nghe rõ cả tiếng nước hồ vỗ oàm oạp. Củi được chất thêm. Lửa đã bén thành ngọn, lập bập, lập bập. Chợt cả bọn lặng đi. Tiếng loạt soạt rất khẽ. Rõ dần tiếng chân người. Chưa ai kịp phản ứng thì con bé lái đò đã đứng sững ở cửa. Lại nó, con bé lầm lì không nói một tiếng, lạ vô cùng. Trong đêm, người nó vẫn nhỏ quắt nhưng mặt mũi dáng vẻ hoàn toàn khác. Chắc chắn nó không phải trẻ con. Tay nó xách một con cá to tướng còn đẫm nước. Con cá nặng trĩu, lệnh một bên người. Mặt nó không còn vẻ khó chịu như ban chiều nữa. Song nó vẫn nín lặng. Ngọc khợp nhổm dậy, hỏi một câu rất tối nghĩa:
- Gì, hở cháu?
Con bé định trả lời song kịp bậm môi. Nó giúi con cá vào tay Ngọc khợp. Không đón kịp, con cá rơi xuống nền đất, giãy đành đạch. Tất cả ngơ ngác chưa kịp hiểu thì con bé đã sẽ sàng quay gót. Thân hình nó bị bóng đêm hút gọn. Lạ thật. Bất ngờ Thắng vịt tương một câu chả ăn nhập gì cả:
- Hồi còn sống, thằng Vịnh là chúa thích ăn cá.
Lại im lặng. Lát sau Ngọc khợp phán:
- Gì thì gì, cũng phải xơi tái chú mình cái đã. Chà, giá có tí gạo làm nồi cháo, cứ gọi là tuyệt cú mèo.
Như phép thần thông con bé lại xuất hiện. Lần này nó mang đến chiếc xoong lớn. Trong đủ cả gạo và hành, thơm. Vẫn không cậy được răng nó. Long tẩu xem đồng hồ. Đã gần nửa đêm. Gió thổi mạnh dần. Rừng cây bắt gió, phát ra tiếng hu hu rền như người khóc.

K hông biết gã đã miên mải bao nhiêu ngày, đêm trong kí ức của đời gã. Bàn chân đi đến bật máu trên những vùng chiến trường vừa quen, vừa lạ. Tiềm thức như vũng bùn nhão nhoẹt, gã mầy mò

lần bước đi trong đó. Cũng có lúc, đầu óc tăm tối vụt loé sáng, gã dần ý thức được tình cảnh của mình. Vào những lúc ấy, ý nghĩ đầu tiên ùa đến với gã chính là cái hang hun hút bám đầy dơi. Thằng Phương. Thằng Phương nằm trong đó. Hình hài co quắp. Nó vẫn sống. Thằng Phương vẫn sống. Vịnh ơi, mày đã bỏ nó. Chính mày giết nó. Ngay lập tức gã lại rơi vào hoảng loạn. Trí óc gã chìm sâu trong màn đen tăm tối. Và gã tiếp tục miên mải. Không ít lần, gã thoát chết. Thoát rất tình cờ và vô cùng may mắn. Sau này, không biết bao nhiêu lần, gã nguyền rủa số phận không để gã chết quách cho rồi. Một cái chết u mê, hẳn vô cùng nhẹ nhõm. Cái chết như thế, hơn biết bao nhiêu lần kiếp sống nhục nhã, gã phải è lưng gánh chịu. Thật chẳng tử tế chút nào, khi tạo hoá phú cho con người bản năng sống quá mạnh. Gã thoát chết, phần nhiều nhờ vào sức mạnh ấy. Có một lần, gã chợt nhận ra trước mặt mình điểm cao 517. Thực ra đó là một sự nhầm lẫn tai hại. Ở miền Đông này, biết bao đồi núi nhấp nhô. Gã dở dại thế, sao dám liều lĩnh quả quyết. Phải lên với chúng nó một lát. Ba thằng bạn gã nằm ở đấy. Chính tay gã chôn, nhầm sao được. Quanh quẩn đến gần tối gã mới mò lên. Đâu được lưng chừng dốc, mệt quá gã nằm gục. Gã mang máng thấy những ụ đất. Đây rồi chăng? Gã bò đến. Mộ thằng Đinh nằm bên phải. Gã sờ soạng. Tay gã chợt lạnh ngắc. Bàn tay gã nắm gọn chiếc càng đế khẩu cối. Cách đó mươi thước, trong đêm tối nhờ nhịt gã vẫn nhận ra đám pháo thủ ngụy đang quây tròn ăn uống. Nhầm rồi. Gã nín thở bò lùi. Quá nén, gã làm bật ra tiếng ho khô khốc. Cả đám ngụy rùng rùng đứng dậy. Không một tấc sắt trong tay. Nguy thế. Yếu sức gã vẫn bổ xuống rất nhanh. Đám ngụy vội vã nằm rạp. Gã lăn chí chết. Không biết bao nhiêu vòng. Đằng sau gã, lửa nhoáng nhoàng. Các loại súng bắn như đổ đạn. Lăn đến vùng đất bằng, gã biết mình còn sống. Tất nhiên gã dông thẳng một mạch. Gã đinh ninh rằng chính bọn thằng Đinh đã cứu gã. Một lần khác, gã lạc vào hậu cứ một trung đoàn bộ binh của ta. Với gã, ta, địch bây giờ đều nguy như nhau cả. Gã bị tóm sống. Không moi được tẹo gì ở gã. Mảnh quân phục tơi tả, hoá lại là bằng chứng nhận chính xác hàng ngũ đứng của gã. Cánh bộ binh cho gã chén một bữa đã đời. Cơm gạo thường thôi nhưng với gã, còn quý hơn thần dược. Gã hồi rất nhanh. Và gã chuồn êm trước khi cánh kia giải giải về đơn vị chính sách Miền. Nhiều lần đụng độ nữa, gã đều thoát lọt. Vì sao thoát, đến gã cũng chịu, không thể giải thích được.

Đến cái lần bị mối đùn suýt chết thì sức gã kiệt hẳn. Mối mới xông chạm lần da, nhưng thế cũng đủ thành tật. Gã hầu như phải bò lết. Chân không thể đi được nữa, đau nhức, rát bỏng. Giống mối cực kì nguy hiểm. Có người bị sốt bất chợt, nằm gục ven đường giao liên. Mối tưởng xác chết đùn ngay. Biết, nhưng yếu không dậy được, đành nằm chịu chết, chỉ một đêm đã thành gò lùm lùm. Hôm sau đơn vị quay lại tìm, thấy súng ống vương vãi mới biết đồng đội mình chết. Moi ra, đã chẳng còn rõ hình hài, tội lắm. Lết mãi, bất ngờ gã choài được vào một bãi rau muống xanh um. Quý giá quá, chẳng cần tay, gã ngoạm lấy, ngoạm để những ngọn rau non bời bời. Làm một bụng cứng. Đã quá. Gã vật ngửa nhìn trời. Trời xanh ngăn ngắt diễu qua mắt gã. Bầu trời quê gã cũng xanh như thế. Mây nữa, bồng bềnh trắng. Hồi chưa vào đại học gã khoẻ như một con trâu mộng. Dù được chiều chuộng, công việc đồng áng gã vẫn thành thạo. Thi thoảng cao hứng gã đánh trâu ra đồng. Gã cày rất mẻu. Rãnh cứ tăm tắp. Đất mới, lật ngả mầu son nâu, toả thứ hương nồng nồng làm nao hết cả gan ruột. Quần con trâu đến lử lả gã mới giải phóng nó. Gã nằm nghỉ, đầu ghếch bờ cỏ mềm mại, nuột êm như cánh tay trần con gái. Mồ hôi ướt rượt lúc trước, gặp gió mơn man lan ra, khô dần. Gã rút một nõn cỏ ngái chát, ngậm đến tan ra mới thôi. Gã lơ đễnh thả mắt ngút vào bầu trời. Cảm giác hồn gã tuồng như tan ra. Gã hiu hiu ngủ. Gã choàng tỉnh, khi thấy tất cả lòa sáng. Nắng đấy mà. Nắng bắt vào mây, bắt vào đất, bắt vào cỏ. Người gã ran lên. Vị cỏ ngái chát. Hương đất nồng nồng. Bất giác gã buột ra lời hát tình, trai làng thời gã thường hát vụng lúc tụ đám với nhau:

… áo nâu em giọt nắng đậu ngọt ngào
Mắt xanh em trời cao thả gió
Bờ môi em vương vấn hồn anh…

Bây giờ, cặp môi vệu vạo nứt toác của gã cũng mấp máy. Dáng chừng gã muốn hát bản tình ca cũ. Nhưng không thành tiếng. Còn hơi sức đâu nữa mà hát với hò. Chợt mắt gã sầm tối. Đám mây đen kịt nhô ra, trĩu xuống. Nắng tụ cả vào đấy. Đám mây rừng rực đỏ. Lửa từ đám mây phun ra tưới đẫm mặt đất. Gã cuống cuồng. Lửa ngụt bốn phía không còn đường nào chạy. Gã tấp mặt xuống đất. Đến cả đất cũng có lửa phun. Lửa chạy vào trong thân, cháy ngụt. Nóng quá. Rát quá. Chết mất, chắc chắn chết.

Hang dơi ở đâu lại ngòm ngòm hiện ra. Cả nó nữa, cũng đầy một miệng lửa.

°

Thiên nhiên ưu đãi phú cho nơi đây cảnh tượng đẹp như trong mộng. Khúc suối nhỏ nhưng nước sâu và trong vắt. Trong đến mức nhìn kiệt đáy, rõ cả những hạt cát mịn vàng, óng ả. Bờ suối thoải, trải kín sỏi ngà. Đủ mọi hình thù rất ngộ. Đám sỏi này, trẻ con đồng bằng ngoài kia vớ được, cứ gọi là thích hạng nhất. Chơi gì cũng tiện. Sỏi tròn chơi ô ăn quan, đánh chắt, đánh chuyền được cả. Chơi đồ hàng nữa. Nhiều thứ lắm. Đấy là con gái. Con trai, nội chỉ chuyện xây cất vườn tược, thành quách, bày trận giả đủ đủ hết ngày chưa chán. Ở đây, tụi con gái làm điệu, gánh sỏi đổ vào nền lán, tiện vô cùng, đi chân trần, sạch bong lại mát mẻ. Rừng, rặt loại cây dẻ gai ngắn choằn, thân to, tán rộng kết thành vòm, làm chỗ trú quân cực tốt. Mới năm ngoái, nơi đây còn tấp nập như hội. Quân sang Đông, tạt Tây đều ngụ chốn này cả. Lại gần trục đường hành lang, mọi bề tiện lợi. Thành thử, không quy định nhưng ai cũng coi đây là bãi khách phụ, có dịp đều ghé vào nghỉ ngơi. Nhưng bây giờ thì khác. Chiến trường lan xa. Điều kiện cũng hơn những năm trước, cơ giới nhiều nên dần dần "trại khách" bị lãng quên. Nguyên đây là hậu cứ của một đơn vị bộ binh từng tham gia tổng tấn công dịp 68 và 72. Sau thành khu tăng gia. Bây giờ đường vận chuyển thông suốt, nhiệm vụ tăng gia không còn mấy quan trọng, quân số hút vào chiến đấu hết. Trông coi cơ ngơi này, giờ vẻn vẹn có ba chiến sĩ nữ. Chủ yếu họ trông giữ các di sản liệt sĩ. Một gian kho bằng gỗ, đựng những thứ các liệt sĩ để lại. Mỗi người một bọc gọn ghẽ, đánh số theo thứ tự thời gian hi sinh, đã niêm phong, chờ gửi cho chính sách.

Ba chiến sĩ nữ đều quê miền ngoài. Cũng mới cả, Sương người Nam Định, Thu Thanh Hoá, cả hai thuộc lớp lính sau hiệp định, vào đây từ năm ngoái. Lanh, quê Vĩnh Phú, già dặn hơn. Có mặt ở chiến trường năm 70, dạo chiến tranh cực kì ác liệt. Từng nếm cả bom B52, trải qua không còn thiếu món gì của chiến trường. Hai ba tuổi nhưng sốt nhiều, người quắt như cá lóc khô, tóc bợt bạt rụng gần hết, mặt vàng võ, già phải tính đến hơn chục tuổi. Càng già, khi khu trại này có cơ bị lãng quên thật sự. Đến cả tháng nay, không có một người lính nào lai vãng đến. Cái Thu táo tợn nhất bọn vẫn hay ca cẩm (đùa thôi nhưng là ca cẩm thật):

- Có họ. Bọn đàn ông ấy mà. Mình chỉ cần chút hơi hướng, người cũng đỡ quắt. Đây này, chị nhìn xem. Nó phăm phăm lột áo. Cởi cả áo con, lộ ra bộ ngực trần lúc lỉu. Trắng quá. Trắng rợn cả mắt. Để nguyên thế nó chạy ào xuống suối. Con bé đến là buồn cười. Hai mươi tuổi, nhí nhảnh còn hơn con trẻ. Nó có thói quen rất khó chịu. Cứ tắt nắng là tắm. Nhồng nhộng ngâm dưới suối. Cấm bao giờ bận lấy một mảnh vải gọi là. Thật, không coi trời đất cao, thấp gì nữa. Bảo, nó nhe hàm răng đều tắp như hạt na sắp hàng, chống chế:

- Chị cứ vẽ. Em thế này quen rồi. Dân sông Mã mà, chị biết không? Cả làng em, con gái đứa nào cũng thế. Nhờ vậy nên da dẻ mịn màng. Em so với gái làng đã nước non gì. Chưa chừng, không có chiến tranh, lại chả ế chồng. Làng em, chị biết không, hồi bom đánh Hàm Rồng, cá chết nổi trắng sông, trai làng đi trận hết, còn toàn con gái túa ra vớt. Em còn nhỏ, ngồi trên bờ xem các chị lớn bơi, thích lắm. Bộ đội phòng không trên đồi, chĩa ống nhòm xuống, lại reo hò cổ vũ. Vừa dứt bom xong, khói còn mù mịt vậy mà vui như làng có hội. Sau, có một chị lấy chồng là lính pháo. Đêm tân hôn anh kia đùa:

- Đằng ấy có cái nốt ruồi rõ to ở ngực. Chẳng biết mầu gì, đen hay đỏ? Cho xem nào.

Thót người vì ngượng. Sao lão ta lại biết. Thẹn quá, quẫn lên không biết làm sao, bèn khóc. Anh kia dỗ dành mãi không nguôi. Sau mới ngã ngửa, hoá ra anh ta dọi ống nhòm nhìn mồn một. Mê người từ đấy, thành ra chồng vợ.

- Nỡm ạ, cắt phim đi. Bịa!

Chuyện của con bé Thu chả biết thật, giả thế nào. Nó kể hết ngày này, ngày khác không biết chán. Vô tư lắm. Nó diễn mãi trò tắm tiên kia, lâu thành quen, không còn khó chịu. Phải công nhận, người nó đẹp. Ngâm dưới suối nhìn như người của cõi tiên giáng thế. Chả trách đàn ông bâu vào còn hơn kiến gặp mồi cửa tổ. Trong ba chị em, cái Thu mạnh mẽ, băm bổ nhưng duyên may nhất. Người yêu nó là lính xe ở đoàn vận tải Miền. Chả tháng nào, không dong xe về thăm vài lượt. Cu cậu mết nó còn hơn điếu đổ. Chuyện tình của nó, mang đọ khắp chiến trường, chắc chả ai hơn. Cũng là do nó kể. Hôm ấy Thu về từ tuyến một. Dọc đường, xe đơn vị hỏng chữa mãi không được, lái xe bàn:

- Để tôi vẫy xe, Thu về trước.

Việc vẫy xe dễ như trở bàn tay. Chính là xe của anh chàng kia. Thoạt đầu, Thu thấy ớn tỉ hắn. Người

đâu to vật vã. Râu bò xanh rì nửa mặt. Cái mắt mới khiếp chứ. Nhìn chằm chặp như muốn nuốt chửng người ta. Lúc chuyển gói bọc sang xe, hắn hỏi:
- Hàng gì đấy?
- Di vật liệt sĩ.
Vừa bồng, vừa ba lô có chừng chục cái. Hắn xoa cằm, buông một câu lạnh phát tởm:
- Nể người đẹp đấy nhá. Bằng không, xe này còn lâu mới chở thứ đồ âm ấy. Xui lắm!
Giận đến sôi máu, Thu đã ngần ngại không muốn đi. Tay lái xe đơn vị phải động viên:
- Kệ hắn. Dân xế bỗ bã, báo hại miệng ấy mà. Không có gì đâu. Tay này tôi biết, lì một cây. Không bị họa mồm miệng, chắc đã anh hùng từ năm trước.
Tạm nén để yên tâm đi, dọc đường Thu không thôi ác cảm với hắn. Mặt cứ lạnh băng như sông gặp sương muối, nửa câu cũng không buồn thốt. Hắn có vẻ chẳng mấy để ý đến thái độ Thu. Bâng quơ dăm ba câu không ăn nhập gì, đến lượt hắn phớt ăng lê. Chuyển sang huýt sáo môi. Sôi nổi lắm, toàn bài hành khúc. Huýt mãi, hơi không thấy hụt. Đã thế mặt cứ ngâng ngâng, cằm phướn ra nom rất tức cười. Mấy lần kìm được. May đấy, phì cười thì chẳng ra làm sao. Dần dần cái bực cũng lắng đi. Nhưng vẫn chưa có một thiện cảm với hắn.
Đột nhiên trời đổ mưa. Mưa rất to. Nước trắng xoá, chịu không nhìn thấy đường. Hắn táp xe vào dưới một gốc cây. Bảo:
- Lên thùng kiểm tra lại đồ. Kẻo ướt tội nghiệp.
Cả hai hì hụi kê kê, đậy đậy. Ổn thoả công việc thì ướt như chuột lụt. Thu hài lòng, thầm cảm ơn hắn có chút nghĩa với đồng đội đã khuất. Thầm thế thôi, chứ cũng chẳng nói gì. Trời tạnh. Hắn cười, đánh hẳn mặt sang cạnh:
- Tiếc nhỉ. Mưa đến sáng mai phải tốt hơn không. Rõ, ông trời vô duyên.
Mặt hắn bỗng đuỗn ra, không quay lại được. Mắt hắn đậu ở ngực Thu. Hoảng hồn, Thu liếc xuống. Trời ạ, mưa ướt, quân phục dán sát vào người. Đồ vi ni lon gặp nước mỏng tang. Bộ ngực trời đánh không giấu vào đâu được, trồi ra, thây lẩy dưới lần áo. Hắn không huýt sáo được nữa. Mắt đánh sang liên tục. Thấy hắn thở dài sườn sượt, Thu ran hết cả mặt. Nghĩ vẩn vơ. Trăm tội đều ở bộ ngực mà ra cả. Một lần, hồi mới vào chiến trường, lúc trại còn đông khách ra vào, Thu đợi sẩm tối mới dám tắm. Vẫn cẩn thận lội ra giữa dòng, khuất vào mấy kè đá. Thế mà vẫn bị mai phục. May, xuôi chiều gió nên phát hiện được. Nghe giọng, biết là đám lính mới toe, chân ướt, chân ráo vừa vào. Phiễu phão rất tục:
- Trời, đã quá, như tiên giáng.
- Ngon quá ta.
- Mày bảo, nàng ngon nhất cái gì?
- Nước da. Tối thế kia vẫn trắng ngời ngợi. Ngon thật.
- Ngu. Chưa ai khen da người ngon cả. Trắng, mài ra ăn được chắc.
- Thế cái gì ngon?
- Mù à. Ngực kia, úp mặt vào đấy, đánh một giấc đã đời, chết cũng đáng.
- Con xin bố. Bố chỉ nói phét. Cho úp lại chả chạy són đái. Chết, có mà chết lỗ mồm.
- Đồ ngu. Mày nói to thế. Lộ bem bây giờ. Chả mấy khi vớ được dịp bẫm…
Vừa ngượng, vừa tức, lại vừa sợ nữa, không biết tính sao Thu bèn đứng phắt dậy:
- Quân trộm cắp. Thích chết, ra đây được chết.
Liều, định nói quấy quá, không ngờ hiệu quả. Đám kia cười rinh rích bỏ chạy thục mạng. Nhìn trộm, xưa nay ở đâu cũng bị coi là một thứ tội.
Xe chuệnh choạng. Hắn đánh mắt mau hơn. Thằng cha này có vẻ liều, phải xem chừng. Nghĩ thế, Thu chặn trước:
- Nhìn gì mà khiếp thế?
Hắn không trả lời. Thấy mắt hắn dại hẳn đi. Xe từ từ táp vào lề. Thu hoảng hốt:
- Làm trò gì thế, điên à?
Hắn vẫn không nói. Nhoài hẳn người, đổ sang ghế phụ. Thu luýnh quýnh quờ tay tìm khẩu súng. Khoang xe chật chội không quay được người. Nguy mất. Vùng vẫy thế nào, mặt hắn gục gọn vào giữa ngực Thu. Thoáng rất nhanh một cảm giác nóng sực, ran hết lồng ngực. Thu nghẹn hơi, giáng cái tát rõ mạnh vào mặt hắn. Thấy hầm hập, hình như hắn lên cơn sốt thật. Chỉ có thế, xe lại bon đi. Thu khóc thút thít. Khóc mãi vẫn không hiểu mình khóc vì lẽ gì. Tuyệt nhiên không thấy giận hắn. Lạ thế.
Xe về đến trại thì trời tối. Hắn quày quả đi ngay. Lanh và Sương giữ thế nào cũng không được. Sáng ra mới phát hiện xe hắn đỗ ngay rìa trại. Hắn nghỉ đêm ngay dưới tán dẻ gai. Không thể hiểu nổi. Từ lúc "kia" hắn không nói một tiếng. Đến cả lời xin lỗi cũng không.
Một tuần sau, hắn xộc xe vào giữa sân. Cười toe toét đến ghét. Lại có quà cho tất cả. Thu làm mặt giận, lánh không tiếp. Đến bữa, hắn cứ thơn thớn

ngồi ăn, coi như không có chuyện gì. Qua lại vài ba lần, thân thiết như người nhà. Tên tuổi, quê quán tường cả rồi, hắn mới giở chuyện cũ thưa lại. Cáo đến thế thì thôi.
Lúc Thu nhận lời ngỏ, hắn mới thú thật. Hắn xoa xuýt, vần vò, lại rúc rúc cái cằm đầy râu vào đấy, rên rỉ:
- Anh đến chết vì hai quả thủ pháo này thôi. ối giời ôi! – Mặt hắn đẫn đờ như người ngây. – Chết thật đấy. Có chết cũng không quên được.
- Dễ không có nó thì không thèm người ta chắc? Đang cơn say, hắn đáp phứa.
- Chứ không. Hôm ấy mệt bữ bã, không có hai ông thiên lôi này, sức mấy người ta để ý.
Người đâu thật chán mớ đời. Tức ít thôi nhưng Thu vằng mạnh, hắt đầu hắn ra. Cố tình thế để doạ. Xem tinh tướng đến đâu. Thấy mặt hắn ngơ ngơ, miệng cứ lắp bắp "ơ… ơ". Thì ra gan cũng chỉ bằng thỏ nhốt. Lại thương, kéo đầu hắn vào. Hắn bảo:
- Anh không đợi hết chiến tranh được đâu. Để báo đơn vị tổ chức.
Kể đến đoạn này cả Lanh và Sương đều thốt:
- Ừ, gật phắt cho xong. Nghe thế đủ biết thằng này cáo. Nó mết cặp vú của mày, chứng tỏ nó đã sờ nẫu thiên hạ. Lính xế mà. Phải cẩn thận!
Cái Thu cười khanh khách:
- Sợ gì. Bảo bối của em đủ giam giữ hắn cả đời. Có mà chạy đằng trời.
Tội nghiệp thế, sau này hai người Lanh và Sương đã phải quay mặt, không đủ sức chứng kiến nỗi đau đớn của người lính lái xe. Anh vật vã ấp mặt mình vào nấm mộ phủ đầy sỏi của người yêu. Thu ơi, thi thể của em không còn nguyên vẹn, khuyết mất nửa bầu ngực trinh nữ. Mãi mãi, ước vọng giam giữ cuộc đời người em yêu, không thành được nữa. Nhưng nó còn vẹn nguyên nơi đây. Người lính kia đã giành lấy ước vọng đấy. Anh mang theo đến trận cuối cùng. Người lính hi sinh cuối tháng tư năm bẩy nhăm, khi lái xe cảm tử nghi binh thu hút hoả lực địch, để đại quân vượt sông Vàm Cỏ đánh vào Sài Gòn. Bằng nửa bầu ngực trinh nữ còn lại, Người lính đã ra đi thanh thản.
°
Ảo giác lửa thiêu là nguyên căn của cơn sốt ác tính. Chắc chắn gã đã đi tong, nếu không may mắn bị quật ngã ngay giữa vạt rau muống của ba cô gái. Thu là người phát hiện. Bữa tắm của Thu hôm ấy kéo dài bởi cô gặp một hoàng hôn rất lạ. Mặt trời dùng dằng mãi không chịu khuất dạng. Cứ ôi ối đỏ phát rợn người. Linh tính như mách bảo một điều gì đó. Thường những lúc thế này, Thu tắm táp rất kĩ. Cô chăm chút tỉ mỉ thân thể mình. Thu có thể ngâm hàng giờ dưới suối. Nhưng hôm ấy khác lắm. Chân tay cứ líu ríu như có người kéo. Chả thiết gì, đến cả nhìn ngắm cũng không. Cứ đứng chết trân một chỗ. Dùng dằng mãi chưa dứt khỏi mặt nước trong buốt. Lạ thật. Đến lúc cả khúc suối nhuộm hồng rực thì Thu hết chịu nổi. Quái, lão mặt trời đánh chén ở đâu về say sưa hay sao mà khề khà đến vậy. Không biến đi cho người ta nhờ. Đã thế cóc thèm tắm nữa. Chưa kịp mặc quần áo, đã phát hiện thấy thằng người khòng khoeo giữa vạt rau. Hoảng quá, Thu không kịp một tẹo phản ứng, đứng chết ngay đơ. Đến phút sau mới hoàn hồn. May, đó chỉ là một xác chết. Vớ vội đống áo xống, Thu phi một mạch về lán khiến Lanh và Sương ngạc nhiên trợn cả mắt. Ba người xách súng đi xuống. Chả biết ta hay địch, người hay ma. Lanh nâng đầu anh ta lên:
- Vẫn sống. Người sốt hầm hập. Nào các em giúp chị một tay.
Gã được khênh lên trên lán. Nhìn gã bây giờ hãi lắm. Chỉ còn da bọc xương. Mắt hoắm tụt tận đáy hốc. Lưỡng quyền nhô nhọn hoắt. Thay quần áo cho gã còn kinh hơn nữa. Xương sườn đếm được, không thiếu một dẻ. Gã nằm nom như đứa trẻ con lên mười. Nên nhớ gã từng là đô vật đấy nhé. Cái Sương hiến bộ quần áo cũ. Người nó nhỏ hin hin, khoác vào gã kia vẫn còn rộng. Loay hoay một lúc, người pha sữa, người cậy răng, người bón, gã cũng liếm láp được chừng nửa cốc. Gã sốt đùng đùng. Ngấm sữa thì chân tay bắt đầu đụng cựa. Cái Sương hỏi:
- Làm sao đây chị?
- Còn sao nữa – Thu hấp tấp – phải phục cho hắn gượng lại sức. Có người, ta gửi hắn đi quân y.
Thật may phúc, ấm ớ thế, mà gã thoát chết. Ngẫm ra mệnh hệ con người ta thật chẳng biết nói thế nào. Ví thử, cái Thu không có bệnh tắm chắc gã xong rồi. Ví thử, mặt trời hôm ấy không giở chứng? Nhiều cái ví thử lắm. Tóm lại, một lần nữa gã tuột khỏi tay tử thần.
Được ba ngày thì gã tỉnh. Sốt cũng đã giảm. Lại thêm một điều may cho gã. Ba chị em thay nhau đi tít cuối rừng để đón xe chở gã đi nhưng chả thấy ma nào lai vãng. Thành thử, ba chị em lại phải tiếp tục nuôi báo cô gã. Cũng tạm yên tâm, khi mang máng đoán, gã không phải người của phía bên kia. Cung cách người cộng với manh vải rách đeo trên thân

kia, chắc đến bẩy chục phần trăm người đàng mình. Cùng lắm là dân tụt tạt. Thôi, cho gã ở ké đây mươi hôm cũng không sao. Lanh đùa:
- Cho có tí hơi hướng đàn ông Thu nhỉ?
Cái Thu tỉnh bơ.
- Phải đấy. Em quản thằng hộ pháp là đủ rồi. Cái Sương cũng có nơi có chốn. Xem ra chỉ mình chị chơ vơ. Ráng phục cho hắn sống. Chị đeo vào, biết đâu lại chả tươm nhất hội.
Lanh giãy nảy:
- Con nỡm.
Không ai nói gì thêm. Chẳng ngờ câu nói của Thu sau này ứng nghiệm. Âu cũng là cái duyên tiền kiếp. Câu đùa có phần nghiệt của Thu xét ra đúng cả. Tay lái xe kia chẳng nói làm gì. Dính vào cô nàng Thu, còn hơn sam biển chơi trò chồng vợ. Cái Sương cũng vậy. Vừa chân ướt chân ráo về trại, loạng quạng thế nào, lại vớ ngay được cậu bạn cùng phố, học với nhau từ hồi phổ thông. Cậu kia trước đã có tình ý. Song, cũng chỉ dám trèo đến mức hí hoáy ghi ghi, chép chép nhật kí. Lại làm thơ nữa, để tặng người trong mộng. Chẳng phải nhát mà phong trào lúc ấy thế. Đất nước ùng ùng bom đạn, ba tuổi ranh xí xớn yêu đương, ai người ta chấp nhận. Cậu kia đi trước. Vào đây, nhận ra nhau cứ mừng mừng, tủi tủi. Mọi người hỏi cũng chỉ bảo: "Người cùng phố". Mà thế thật. Dùng dằng mãi, cậu kia đưa ra quyển sổ, nói hụt cả hơi, mặt lựng còn hơn gấc nẫu trên giàn:
- Sương đọc ngay nhé. Sớm mai mình đi, cho xin lại.
Hôm sau, Sương mang quyển sổ trả. Cậu kia vồ ngay lấy. Thấp thỏm cả đêm, nào có ngủ được, mắt quầng như đeo kính. Giở sổ, thấy trang viết dở, điền thêm chữ của Sương. Trần sì có hai chữ to tướng, tô đậm: Đồ ngốc! Dưới còn nguệch ngoạc hình vẽ đôi chim bồ câu và chữ kí rất mềm của Sương. Cậu kia thở hộc lên, bỏ võng đấy đuổi theo Sương. Cả hai, mặt đều tái, tay đan vào tay, xoắn chặt, mồm cấm thốt được tiếng nào. Cứ đứng như thế, đến lúc đơn vị rục rịch đi, cậu kia mới lắp bắp được:
- Sương chờ mình nhé!
Câu nói vừa dứt, tự nhiên hai người đổ vào nhau, môi tìm môi, mặt áp mặt. Thanh thiên bạch nhật, lại giữa chốn ba quân nhốn nháo, hai người đứng cứ như không. Cái hôn kéo dài dằng dặc. Họ, như thể đã thuộc về nhau từ lâu lắm, chứ không phải mới bắt đầu. Đám lính tráng, mọi khi táo tợn và dạn mồm, giờ lặng lẽ quay mặt hết lượt. Về sau cái Thu tô toa:
- Tiên nhân con đượi, nó hôn mới khiếp chứ. Chục phút chứ không ít. Mình thử theo nó, ngạt sặc cả cơm lên mũi. Suýt chết. Gớm, cảnh ấy mà đưa được lên phim cứ gọi là hết ý. Cả đoàn quân phăng phắc, đánh mặt. Anh nào, anh nấy mặt mũi chùng cả xuống.
Mối tình của Sương ngoài những bức thư chỉ duy nhất có một chiếc hôn ấy. Cậu kia đi biền biệt. Đến đầu bẩy nhăm thì bẵng thư. Sau nhận được tin, cậu mất lúc đơn vị tràn vào giải phóng Phước Long. Còn Lanh? Lúc nghe cái Thu tếu táo, giãy nảy thế nhưng Lanh buồn vô hạn. Buồn chứ. Công bằng, về sắc, Lanh kém xa hai đứa. Cái Thu trội hơn Sương chút ít nhưng bù lại cái Sương duyên mặn mòi hơn. Đám khách nào đến trại, cũng chỉ bâu vào hai đứa. Mặc nhiên, Lanh phải khoác vai trò bà già chủ nhà. Chả có ma nào hỏi han đến. Thậm chí có đứa, tuổi hơn đứt Lanh, vẫn chị chị, em em ngọt xớt. Lanh biết, mình chỉ là cái cớ để họ xáp đến hai đứa em của mình. Thường, những cuộc vậy, Lanh lẳng lặng rút.
Nhưng không phải buồn vì thế. Lanh lén lấy gương ra rìa suối soi. Mới hai ba tuổi. "Xem ra chỉ mình chị chơ vơ.". Có lẽ đời mình thế thật. Biết là cái Thu vô tình nhưng nỗi buồn cứ man mác lan toả. Từ kẽ nhỏ tâm hồn, từ li ti mạch máu, nỗi buồn thấm đượm. Gần năm năm trời ở chiến trường, chẳng tâm trí đâu để bận tâm đến chuyện "ấy", nhưng không tránh khỏi những lúc vẩn vơ. Hồi mới vào, tuổi con gái mới lớn tuy chẳng bằng ai nhưng cũng có da, có thịt. Dạo ấy chiến trường ác liệt quá, chẳng ai lại nghĩ đến chuyện riêng tư, trong khi phải lo ti tỉ thứ bà rằn. Cũng không phải không có dịp bắt gặp. Quên thì thôi, chứ cứ nghĩ đến đoạn này, Lanh càng buồn. Dạo hiệp định vừa kí, có một người đến tìm hiểu Lanh, đặt vấn đề nghiêm chỉnh. Anh ta phải mỗi tội, tuổi khí cứng, hơn Lanh tròn một giáp. Đâu như đi bộ đội đợt nghĩa vụ đầu hoà bình. Tuổi cứng cũng chẳng sao. Mọi người ủng hộ lắm, ai cũng vun vào. Lúc đến với Lanh, anh đã là cán bộ tiểu đoàn. Gốc gác con nhà nghèo thuộc thành phần cơ bản nên chọn lựa rất kĩ. Soi lí lịch Lanh còn hơn dò tìm địch tình. Cũng không sao, xin cứ việc "bới lông, tìm vết", thành phần Lanh còn cơ bản hơn cả anh ta. Nghèo thì đã đành, còn mồ côi cha mẹ nữa. Chế độ mới không còn cụm từ "đi ở" nên chả thể gọi đoạn đời thuở nhỏ của Lanh

bằng gì. Tiếng là ở với họ hàng nhưng làm quần quật, cực còn hơn cả con ở thời trước. Cực quá, lớn lên bà con dân làng phải gồng gánh cưu mang mới dựng nổi cho nếp nhà gianh nho nhỏ. Mọi việc rồi đâu cũng vào đấy, ổn thoả cả. Tưởng đã yên thân, có một tấm chồng cho xong, nào ngờ kết cục lại chẳng ra gì. Anh kia, sau khi gật mọi tiêu chuẩn bèn gặp Lanh lần cuối để quyết định công việc. Buổi gặp có cả thủ trưởng đơn vị Lanh. Cứ nghĩ gặp để bàn chuyện tổ chức, ai dè anh ta còn xoáy một câu rất phũ:
- Chả nói cô cũng biết, chuyện vợ chồng là hệ trọng. Với tôi, hình thức thế nào cũng được. Nhưng những chuyện khác cần phải kĩ. Chiến trường xa xôi, không tìm hiểu được, trước thủ trưởng đơn vị đây, cô thông cảm cho biết động cơ vào chiến trường. Sau đó ta sẽ bàn tiếp.
Suýt nữa thì Lanh bật khóc. ừ thì mẽ Lanh có kém người một chút, đã sao. Chuyện chồng vợ mà như khẩu cung trước toà. Đầu tiên đã thế này, sau ăn ở còn đến đâu. Vừa tủi, vừa ức Lanh vùng chạy. Coi như bỏ cuộc, chồng chả có thì đừng. Mọi dàn xếp đều thành vô ích. Sau đó, cũng có một vài đám nhắn nhe, Lanh mặc cảm chuyện cũ, lại tủi phận mình nên cũng chả đến đâu. Bây giờ, trải mấy năm sốt rừng, người rạc hẳn, móc cả quân trang chưa đầy bốn chục kí, người thế còn ai thiết, chơ vơ là phải.
Mải nghĩ, Lanh đến bên người lạ mặt tự lúc nào không hay. Anh ta đang ngủ. Mới mấy hôm nhưng nom người đã chuyển lắm rồi. Da thịt đã bắt đầu hồi. Cũng may cơn sốt giảm rất nhanh. Người ăn được nên cũng chóng lại sức. Ngữ này, chắc chỉ mươi hôm nữa là bình phục. Không hiểu gã thuộc đơn vị nào. Lúc mê, cả lúc tỉnh gã cứ lảm nhảm những điều chẳng ai hiểu nổi. Chỉ mang máng biết, gã từng chiến đấu ở vùng này. Kệ xác gã, tỉnh hẳn hẵng hay. Lanh se sẽ kéo lại tấm dù hoa đắp trên người gã bị tụt, chợt gã mở mắt, rên khe khẽ:
- Nước, nước…
Lanh bón cho gã. Cứ thun thút như chim con hớp mồi. Được một lát, mắt gã mở rộng hẳn. Vẫn dài dại. Lanh đã định bỏ đi chợt thấy bàn tay gã nguều ra, run run. Môi gã mấp máy không thành tiếng. Bàn tay vẫn run run. Lanh cầm lấy tay gã. Bàn tay ấm nóng vì sốt. Lanh rùng mình, chợt nhớ đến lời của Thu: "Chị đeo vào biết đâu lại chả tươm nhất hội.". Không cầm được, Lanh thấy mắt mình rưng rưng. Kìa, gã nhoẻn cười. Nụ cười ngô nghê, méo mó. Tủi quá, Lanh oà lên, chạy ra khỏi lán.

P hải rất lâu sau mới thấy hình hài cô gái hiện lên. Thoát khỏi đau đớn trần tục, cô trở lại dáng vẻ mảnh mai. Trẻ quá, tôi đồ rằng cô chỉ bằng em gái tôi. Như không tin sự thoát xác của mình, cô lùi vào góc hang, mắt canh chừng chúng tôi. Hẳn trong cô còn nguyên vẹn sự hãi hùng. Ông già chín năm tiến lại bên cô. Chưa kịp vỗ về an ủi thì cô gái đã tọt vào một ngách hang. Cô hét lên, giọng nhọn sắc như kim châm:
- Không… không!
Ông già trở về phiến đá của mình. Thấy tay ông ôm đầu. Lát sau ông vẫy tôi:
- Vào với em con đi. Nó đang cần được che chở. Mà thôi, lát nữa.
Quay sang thằng nguỵ, ông bảo:
- Còn mày. Đi đâu đó một lát. Bộ dù vằn của mày không làm nó chết lần nữa đâu, mà sẽ ngược lại. Đi đi.
Thằng nguỵ lại lồi mắt. Sao nhiều thứ nó không hiểu thế. Tội nghiệp, hạng lính như nó chết thật không oan uổng. Song nó vẫn đi ra ngoài. Bộ điệu thiểu não. Nó bị cuốn vào một cợ sốc cực mạnh. Chả gì, nó cũng đã năm thứ hai y khoa. Chắc hẳn ở trường học, không một thầy giáo nào lại dạy nó cách giết người man rợ đến thế. Ít nhất cũng không một vị thầy tài giỏi nào lại có thể tiên lượng cho học trò của mình. Một bác sĩ tương lai sẽ được tiếp thu một phương pháp hành hạ con người tối ưu đến vậy. Dẫu mới chỉ ít ngày ở giảng đường để học cách cứu rỗi phần xác con người, hẳn thằng lính kia cũng đã đủ sức gom góp ý thức nghề nghiệp, để thấy rằng đó là tội ác. Bất chấp lũ người kia là đồng minh của nó. Hiển nhiên, sự tự thú là chính đáng. Chiến thắng không bao giờ thuộc về những kẻ tàn bạo.
Thằng lính bệt ở cửa hang. Có lẽ nó không đủ sức đi tiếp nữa. Nhác thấy tôi, nó nhắc lại:
- Các ông sẽ chiến thắng!
Điều ấy không có gì lạ. Tôi không còn tâm trí đâu để cò kéo với nó nữa. Dù sao, tự nó cũng tìm được chân lí. Nó tiếp tục lải nhải:
- Khủng khiếp quá. Chưa bao giờ tôi hình dung ra cảnh này. Tại sao cứ phải có chiến tranh? Nói ông đừng giận. Chúng ta chỉ khác nhau có vài ba chục năm lịch sử, còn thì cùng một gốc hết. Cũng bốn

nghìn năm ấy. Đất nước mình nhỏ nhoi vậy, sao cứ chiến tranh hoài?
Không cần biết tôi có nghe hay không, nó đều đều tuôn ra những ý nghĩ vơ vẩn, rời rạc. Chắc nó đang ngẫm ngợi thân phận nó với cuộc chiến mà nó từng tham dự.
- Nó thật với ông, bây giờ tôi yên tâm với cái chết của mình. Ông nói đúng. Đằng nào cũng thế. Cái chết dành cho tôi chỉ là một. – Nó gào lên. – Nhưng ông không biết được rằng, với tôi cái sống và cái chết cũng chỉ là một, bây giờ!
May, nếu nó còn ở kiếp trần với mớ bòng bong loạn tưởng kia, chắc chắn nó sẽ phát điên lên mất. Từ hôm ấy nó nín bặt. Họa hoằn mới lên tiếng. Mặc xác nó.
Tôi quay vào hang. Cô gái vẫn co ro trong ngách. Ông già chín năm chưa tọa được như cũ ở phiến đá ngất ngư. Ông gục gặc đầu, rũ trong bờ vai của mình. Chợt, tôi thấy tóc ông bạc trắng. Mặt vẫn trẻ thế không còn một sợi tóc đen nào. Tóc của chàng trai hai nhăm tuổi trắng tuyết như tóc người già cổ tích. Tôi không nỡ nói cho ông biết. Nghịch lí này chắc sẽ làm ông buồn. Ông vốn tin vào kiếp sống vong hồn.
Không biết bắt đầu với cô gái như thế nào, tôi lúng túng mãi ngoài cửa ngách. Có lẽ điệu bộ rụt rè ấy, cộng thêm với bộ quân phục tôi mặc trên người, dần làm cô gái bình tâm lại. Cô nhìn tôi không chớp mắt. Giống em gái tôi thật. Có già dặn hơn chút ít. Hồi tôi, đi, em gái tôi đang học lớp 8. Người đã lớn vổng. Hai đuôi tóc sam dài, nhún nhảnh. Nó dẫn một lô, mộc lốc bạn gái tiễn tôi đi ở sân nhà hát lớn. Không động viên, không dặn dò, chỉ bảo:
- Anh Phương. Anh chấm đi. Thích đứa nào cứ chấm. Em ở nhà giữ giùm cho. Hết chiến tranh chỉ việc cưới, không phải lọ mọ tìm.
Đám kia cười hết lượt. Lại bảo:
- Bọn em bàn rồi. Hai năm nữa học xong, nếu chưa hoà bình, bọn em sẽ tình nguyện đi vào trong đó.
Chưa kịp nói gì đã thấy một đứa, tôi nhớ mãi hai lúm đồng tiền tròn lủng trên bầu má trắng mịn của nó, nói rất bạo:
- Trai tráng đi hết rồi. Có vào trong đó cũng chỉ để kiếm tấm chồng cho đáng thôi, hí hí…
Thùm thụp đấm vào vai nhau, cười rinh rích rất vui. Bây giờ đã hơn hai năm. Biết đâu em gái tôi và đám bạn của nó đã chả tình nguyện đi thật. Cô bé lúm đồng tiền kia nữa. Rất có thể các em đang ở một cánh rừng, một con suối nào đó ở chiến trường. Cũng rất có thể cô gái trong ngách hang kia là một trong số bạn của em tôi. Tim thắt lại, tôi trân trối nhìn vào mặt cô gái. Đột nhiên, tôi buột ra tiếng gọi:
- Em ơi!
Tiếng gọi, hẳn phải da diết lắm, mới khiến cô gái rũ bỏ mọi nghi ngại. Cô từ từ bước ra, tiến lại gần tôi. Bàn tay cô chìa ra tin cậy. Không thể nắm được tay nhau nhưng thế là đủ. Khuôn mặt cô thanh mảnh. Mái tóc cô đen nhánh, gợn vồng những lọn búp xoăn. Cặp mắt cô trong văn vắt, không có gì cả. Không một chút đau đớn của giày vò lúc trước, không một tẻo teo bóng dáng chiến tranh. Không có gì cả. Trước mặt tôi là một cô gái trẻ. Trẻ lắm. Bất giác tôi lại buột ra lần nữa tiếng gọi:
- Em ơi!
Cô gái bỗng mỉm cười. Có hai lúm đồng tiền thật. Tiếng cô mảnh như gió:
- Bao nhiêu tuổi?
- Hai mươi.
- Kin thế, dám xưng anh, liều thật.
- Thế đằng ấy?
- Mười chín cộng một.
- Bịa.
- Không tin, tuỳ. Nhưng cấm chỉ gọi bằng em.
Không phải bạn của em gái tôi. Thì đã sao. Cô gái lại hỏi:
- Đơn vị nào?
- Đoàn 77.
- À, lính kiểng…
- Không kiểng đâu – tôi chống chế – còn đằng ấy?
- Giao liên G.
Cứ nhấm nhẳng thế, chỉ một lát chúng tôi đã như người quen thân từ lâu. Cô xấp xỉ tuổi tôi, vào chiến trường cùng đợt. Cùng quê với thằng Đinh. Lí do vào đây rất đơn giản. Cô kể:
"Làng tớ, trai tráng ra trận không sót một mống. Nhà nào cũng có người đi. Chính vì thế mà bố tớ buồn. Ông đẻ toàn vịt giời mà. Chiến tranh, đành chẳng phải riêng của nhà mình nhưng làng nước thế không suy nghĩ sao được. Mẹ tớ bảo:
- Ông cứ vớ vẩn. Mình có trốn tránh đâu mà ngại Một cái chân của ông là đủ rồi.
Chả là bố tớ hồi đánh Điện Biên đi dân công hoả tuyến, trúng bom cụt mất một chân, được công nhận thương binh. Bố tớ quắc mắt:
- Biết thế nào là đủ. Nhà cụ cả Doạch, cả con lẫn cháu bảy người. Bét dem nhất làng này là mõ Tình,

con trai lớn, hồi ở nhà mắt đánh ba vành, cũng vừa được phong dũng sĩ. Đấy, mở mắt mà nhìn.
Vô lí thế. Đấy là bố tớ cay cú đẻ toàn con gái. Làng tớ hẻo, cách thị xã đến hai chục cây số nên lạc hậu lắm. Nếu thời bình cũng chẳng nhằm nhè gì. Đằng này thời chiến, cả nước sôi sục, cả làng sôi sục, mỗi nhà mình, bình chân như vại, bố tớ buồn là phải. Tớ là út. Ba chị đã lấy chồng. Chồng lại cũng đi cả. Vị chi có ba rể là lính. Bố tớ không vừa lòng:
- Con rể là con người ta. Ai tính ngược, ăn vào đằng vợ. Các cụ đã định thế rồi…
Ông tránh dần việc làng xã, ru rú ở nhà, buồn cười thế. Có đợt tuyển quân, tớ liều lên xã, vật nài xin đi. Nài nhiều, ông uỷ ban cáu:
- Làng này, trai đinh chưa phải đã hết để đến lượt cô.
Ức thế, tới rủ thêm mấy đứa cùng chi đoàn, đấu quan điểm hẳn hoi:
- Cứ bảo nam, nữ bình đẳng. Nào, bình đẳng ở đâu? Dùng dằng mãi, mấy ông xã phải chịu. Đợt ấy làng tớ sáu, bẩy đứa được đi. Bố tớ lọc cọc nạng gỗ đi tiễn. Mặt không ra vui, ra buồn, chỉ bảo:
- Bố không ép, nhưng con làm thế là phải. Thời loạn, gái, trai là một. Con đi nhá. Cố phấn đấu bằng anh, bằng em.
Tớ biết ông thương con đứt ruột nhưng cố bấm bụng. Con gái vào chỗ nước sôi, lửa bỏng, bố mẹ nào không xót. Trước khi vào đây, tớ được về phép dăm hôm. Ông bắt tớ quân phục tề chỉnh, đi chào làng xóm hết lượt. Có ông đi cùng. áo mũ xênh xang cứ như là con đỗ trạng vinh quy. Cười, bảo ông thế. Ông mắng:
- Chứ không. Mày làm vinh cho cả nhà. Còn bằng mấy trạng. Trạng thì nước non gì.
Mẹ tớ sụt sịt:
- Con nó đi, hòn tên, mũi đạn đã biết thế nào. Ông nói làm gì chuyện vinh, nhục.
Phải mọi khi xem, ông đã nổi đoá. Lần này thì không, cứ mân mê chiếc nạng gỗ.
Tớ chết, phận mình chẳng có gì đáng nói. Chỉ lo mỗi điều, liệu đơn vị có biết đường báo tử. Có chuyện gì xảy ra, chắc bố tớ không sống nổi. Cả mẹ tớ nữa…".
Đang kể, cô dừng lại, ngắc ngứ. Tôi nhìn ra. Thảo nào, thằng ngụy dật dờ đi vào. Nó không dám nhìn vào mặt cô. Chuyện kia vẫn ám nó. Cô gái đứng phắt dậy. Thằng ngụy hốt hoảng giật lùi. Cứ thế, một người tiến, một người lùi. Sau cùng, thằng ngụy đứng lại. Nó đã hết đường. Mắt cô gái sáng rực. Có cảm giác, bao đau đớn lúc trước tạm lắng, giờ hồi lại nguyên vẹn. Tôi vội vã chen vào giữa hai người. Định nói một câu gì đó nhưng chưa nghĩ kịp. Thằng ngụy là người lên tiếng trước. Chắc nó đã hết chịu nổi cái nhìn của cô gái. Khó cắt nghĩa cái nhìn ấy lắm. Vừa căm thù, vừa đau đớn, vừa khinh bỉ, lại có cả xót xa. Tiếng thằng ngụy phều phào, dứt quãng:
- Không… không phải lỗi của tôi.
Chỉ đợi có thế, cơn giận dữ của cô gái lập tức bùng phát. Chẳng nhẽ cô quên mất, mình đang ở một thế giới hoàn toàn khác hay sao? Cô nhào vào thằng lính. Vẫn biết vong hồn chẳng chạm được vào nhau nhưng tôi vẫn chắn cô lại. Chưa biết sẽ ra sao, nếu ông già chín năm không ra kịp. Ông bảo:
- Không cần thiết phải thế, con?
- Ông là ai?
- Ta là thế hệ trước của con. Hãy tin ta. Không chỉ mình con đau đớn đâu. Nỗi đau ấy chung cho tất cả.
- Nhưng…
- Ta biết. Thằng ngụy này không được quyền chia sẻ nỗi đau của chúng ta. Nhưng sẽ không công bằng nếu trút mọi thứ lên đầu nó. Ở hang Dơi này, chiến tranh đã kết thúc rồi. Cần phải biết tha thứ con ạ.
- Để làm gì hả ông?
- Để khép lại một trang đời. Để ít nhất nỗi đau của chúng ta được khoả trong thanh thản. Và hi vọng…
- Hi vọng?
- Đúng. Gần ba mươi năm nay ta vẫn hi vọng. Một ngày nào đó, ta sẽ được ra khỏi nơi này. Dẫu cái chết của ta vô danh, tên tuổi của ta không còn, nhưng hồn ta sẽ được phiêu diêu trên mặt đất này. Ta sẽ trở về quê hương gặp lại những người thân của mình. Vết thương của chúng ta không bao giờ lành. Đừng quên điều ấy, nhưng cần phải biết tha thứ. Tha thứ để hi vọng. Vẫn biết là mỏng manh nhưng ta tin. Tin vô cùng. Đơn vị ta ngày ấy hi sinh và thất lạc hết cả. Chỉ mình ta nằm đây. Các con, hi vọng của các con lớn hơn nhiều. Đừng đánh mất nó. Hãy tin ta. Đất nước không bao giờ quên chúng ta đâu. Nào, hãy nghe ta, tạm gạt sang bên nỗi đau trần thế…
Bất chợt một dây sét rạch toác không trung. Chuỗi tiếng nổ ầm ầm rền động. Không phải sét. Nhằng nhịt rạch chớp của đạn pháo tầm xa tọa độ. Hang Dơi rung bần bật. Ngàn, vạn con dơi choàng tỉnh, đập cánh chấp chới. Mặt cô gái biến đổi nhanh chóng. Mắt cô vẫn sáng rực nhưng miệng cô thầm thì rất đỗi âu yếm:

- Con sẽ về. Con sẽ về…
Nét mừng vui hiện trên mặt cô. Nãy giờ, thằng ngụy ngây người, hớp lấy từng tiếng của ông già. Nó chợt quỳ xuống làm dấu thánh giá:
- Chúa ơi! Chúa lòng lành… tha tội cho con.
Nó nấc lên, nước mắt tuôn thành dòng. Chúa của nó nghẹn ngào mắc nơi đầu môi. Chẳng biết nó có được bao nhiêu hi vọng. Nó vút ra khỏi hang. Bóng nó chập chờn trong khói pháo đen sặc. Thằng ngụy lao xuống vực. Hẳn nó muốn kiểm tra lại xương cốt của mình.
°
Cô gái hay rủ tôi đi dạo mỗi chiều. Thú vui này tôi không thể quen. Từ tấm bé, chưa bao giờ tôi lại sống những ngày nhàn tản đến thế. Hồi nằm viện, dứt sốt chờ ngày về đơn vị, cũng nhàn nhưng rặt thằng ốm yếu, quặt quẹo nên chỉ nằm khan, tán gẫu. Bây giờ được chơi, lại kề cận bên một cô gái không xinh lắm nhưng giữa chiến trường ùng oàng bom đạn, hẳn đó phải là điều không chê vào đâu được. Có đi thế này mới biết, dẫu cô đã trải vài năm ác liệt nhưng tính tình vẫn hệt như con trẻ. Nhiều lúc, tôi tưởng cô chỉ là đứa lên mười. Nghịch lắm. Cô bệt hẳn xuống đất, gom lại ngồi hàng giờ với những chiếc lá vàng. Chắc là cô thương chúng, những chiếc lá con rời khỏi cây mẹ. Phụ nữ, nói chung giầu lòng trắc ẩn. Cô loay hoay mãi để cứu một con ong sa trong lưới của loại nhện xám. Thứ nhện rất độc, đến lính tráng cũng phải khiếp. Không cứu được, cô cứ rấm rứt mãi. Em gái tôi ngày trước cũng thế. Đến một con kiến cũng không nỡ đánh. Ôi, em gái bé nhỏ của tôi. Em ngây thơ tin rằng, trong hình hài kiến, chứa những linh hồn tiền kiếp đang chu du trong sự dịch chuyển luân hồi. Bây giờ thì tôi tin, con chim liếu điếu đã chết thật, vẫn cất cao được giọng hót. Con chim chỉ hót được trong tình yêu của em tôi đối với anh mình. Và bây giờ nữa, tôi hiểu vì sao em tôi với đám bạn nghịch ngợm của nó dám rời bỏ tất cả để vào chiến trường. Không đùa đâu, chúng nó vào thật đấy, dù rằng chúng không nỡ đánh đến cả con kiến.
Cô gái vạch hình vẽ tưởng tượng trên đất, rủ tôi chơi lò cò. Thằng trai thành phố như tôi đâu biết thứ trò chơi ấy. Cô đành chơi một mình. Dáng vẻ rất buồn cười. Thấm mệt, cô nằm bệt trên đám cỏ mật. Thứ cỏ thân mập, lá dầy xanh mướt, lúc nào cũng toả thứ mùi ngai ngái. Lúc cô dậy rồi, nệm cỏ mượt ẹp xuống xoắn hình hài cô. Cô tung tăng trong rừng, thảnh thơi như không hề có chuyện gì xảy ra. Như đứa trẻ đến trường. Như thôn nữ cầm đọn mạ cấy. Nhìn cô lúc này, tự nhiên tôi lại nghĩ đến cái đêm khủng khiếp hôm nọ. Mình cô đứng giữa bầy quỷ, tự mình chọn cái chết đau đớn. Đơn giản quá, sự thảnh thơi nhường kia, sao có thể quỳ xuống được, để cầu mạng sống.
Có một lần, cô đi dạo một mình. Chiều muộn không thấy cô về. Tôi bổ đi tìm. Tìm mãi. Chợt thấy cô nép sau một thân săng lẻ thắng tắp. Cô đưa tay lên môi ra hiệu cho tôi im lặng. Tôi ren rén lại chỗ gốc cây. Phía trước, ngập cả cánh rừng lính tráng, xe pháo đủ loại. Ngay bên này cây săng lẻ, có một đôi trai gái đang ôm nhau tưởng đến ngẹt thở. Tôi đành bắt chước cô gái, làm cái trò rình mò chẳng mấy hay hớm. Những nụ hôn hấp tấp, vội vã. Thi thoảng họ mới trao gửi bằng lời, lúc nghỉ giữa hai đợt hôn. Cô gái vểnh tai lên nghe.
- Ôi, em nhớ anh quá.
- Dễ anh thì không. Còn nhớ bằng mấy.
- Sao anh gan thế. Đến năm nay, chẳng thư từ gì.
- Hì… hì…
Lại hôn.
- Em vào bằng gì?
- Hỏi dớ dẩn. Đường thông hết rồi. Xe nườm nượp cứ như trẩy hội. Vui lắm. Em đi xe của ban tôn giáo. Theo hướng này, vào tiếp quản Tây Ninh.
- Ghê nhảy. Con nhớn bằng ngần nào rồi?
- Gặp, anh không nhận ra đâu. Vồng lắm. Phải sắm cho chị chàng quần áo con. À, biết mẹ vào, nó gửi cho bố quà. Đây này… chút… chút.
- Hí… hí…
- Thôi em đi đây, kẻo xe đợi. Họ trêu phải biết.
- Có mà trêu cây sêu cổng đình. À, liên lạc thế nào nhỉ?
- Cứ viết thư về nhà vậy. Có hòm thư cố định đâu. Di chuyển liên tục. Thôi em đi nhá.
…
- ối, ngạt quá. Tham thế.
- Hí… hí… truy lĩnh mà lại. Chào. Hẹn hoà bình. Không lâu đâu.
Tiếng dép xa dần, cô gái vẫn đứng lặng, bất động. Mặt cô thẫn thờ. Không biết cô nghĩ gì. Động lòng trước cảnh trùng phùng của cặp uyên ương trận mạc? Thèm muốn hạnh phúc lứa đôi? Nhớ nhà? Hay cô tủi phận mình? Không biết nữa. Giọng cô lạc hẳn đi:
- Sắp hoà bình rồi đằng ấy ạ.
- Ừ, sắp hoà bình.

Tôi nhắc lại như cái máy. Hoà bình, lẽ tất nhiên, có gì lạ. Thấy mắt cô nhấp nhánh:
- Bố mẹ tớ đang mong lắm…
Ôi, tôi chưa biết tình yêu là gì. Giá có thể được, hẳn tôi sẽ choàng ôm lấy cô. Tôi sẽ đặt lên môi cô nụ hôn thanh xuân của tôi. Nụ hôn của thằng trai hai mươi tuổi. Không phải nụ hôn đầu đời mà là nụ hôn tích tụ của cả cuộc đời hai mươi năm. Nụ hôn ấy sẽ mang vị gì nhỉ? Ngọt ngào, đắng chát, gì, gì nữa, mặc kệ. Miễn là nụ hôn của tôi, trắng trong, tinh khiết. Tôi sẽ dâng cho em. Chúng tôi sẽ nhận từ nhau năm tháng của đời mình. Cả những gì còn lại…
Cõi hồn cuộn xoáy, ánh mắt tôi và ánh mắt cô gái chập thành một, giao nhau, quyện vào nhau quấn quýt. Chúng tôi cứ đứng mãi như thế. Không còn làm gì hơn được. Không thể ngã vào lòng nhau. Không thể tỏ bầy như triệu triệu cặp tình nhân khác vẫn làm. Chúng tôi, hai sinh linh bé bỏng bên nhau, thấu cảm nhau bằng quá khứ, bằng hiện tại, bằng tương lai, bằng nỗi ước vọng và cả niềm đau đớn. Tôi chưa gặp tình yêu, chưa biết tình yêu nhưng bây giờ tôi đã gặp, đã biết. Tình yêu ấy là em. Mong manh như tia nắng cuối chiều. Mỏng mảnh như sợi gió đầu mai. Tình yêu của tôi là cõi hồn em thanh khiết. Tay tôi và tay em vịn vào thân cây săng lẻ trắng ngà. Cây ơi, hãy chứng cho tình yêu chúng tôi.
- Hoà bình, tôi sẽ đưa em về. Đưa em về. Nhất định thế.
Tiếng của tôi thầm thì. Không phải tiếng của tôi. Tiếng của gió? Không phải tiếng của gió. Tiếng của cây? Không phải tiếng của cây! Hình như tiếng của con chim liếu điếu? Đúng rồi, tiếng hót lảnh lót. Đúng tiếng hót hôm chết bom, nó cất lên an ủi em gái tôi. Bây giờ, tiếng hót của con chim liếu điếu vượt hai ngàn cây số vào đây, để chúc mừng tình yêu của tôi.
- Hoà bình, tôi sẽ đưa em về. Đưa em về. Nhất định thế.
Em khẽ gật. Mắt long lanh như cười. Cả khu rừng vang rộn rã.
Ông già chín năm đến bên chúng tôi tự bao giờ. Ông có vẻ xúc động mạnh. Hai tay dang ra rất rộng:
- Các con. Các con…
Ông chỉ nói được có thế. Phía sau ông, thằng ngụy đang quỳ xuống làm dấu thánh giá. Chắc ông già chín năm dẫn nó đi tìm chúng tôi. Nó cầu nguyện gì dài lắm. Phập phõm:
- Lạy đức mẹ đồng trinh… Chúa hài đồng sinh từ máng cỏ…
Tất cả im lặng. Cứ để nó yên với đức tin của nó. Tiếng nguyện rền rĩ tan vào đêm. Đêm đặc sẫm vốn nhân từ, chưa từ chối bất cứ điều gì bao giờ.

C ái chết cùng lúc của ba thằng Đinh, Lệ, Quang là một đòn nặng giáng vào đầu C trợ chiến. Không phải lần đầu tổn thất, cũng không phải tổn thất nhiều. Hồi chiếm Lộc Ninh, nội chỉ hai tuần chiến dịch, cả C đã phải vuốt mắt cho hai mốt thằng cả thảy. Đằng này chỉ có ba mống. Nhưng mà đau, C trưởng An bỏ cơm trọn hai ngày, người sọp hẳn. Đau là phải. Cái chết của ba thằng chỉ xảy trước kí hiệp định có ít bữa. Thêm nữa, gia tài A trinh sát coi như sạch bách. Máy truyền tin khả dĩ còn kiếm được nhưng bộ TZK và máy đo xa thì đào đâu ra. Rặt những của độc mang từ Bắc vào. C trưởng An sau khi họp trên đoàn bộ về, kéo đủ tám thằng A trinh sát leo lên 517. Giọng cục dễ sợ:
- Tao bị mấy ổng lóc, còn hơn lóc thịt trâu chết ngày giáp hạt. Suýt bị cắt chức. Chức, sức mấy tao ham. Lí ra, chả thằng nào có tội. Chỉ nghĩ thương tụi nó. Đù mẹ, cũng từ mấy thằng lính dù mà ra cả. Từ nay cho tụi bay được quyền bắn bỏ, nếu vớ được lũ ấy.
Lúc đứng trước mộ ba thằng, giọng An vẫn căng như thế:
- *Qua* thăm mấy em đây. Phận mấy em xong rồi. Ráng phù cho tụi *qua* ngon lành. Đặng còn người cúng tế.
Đoạn, rút súng bòm liền mấy phát. Bắn ngay xuống đất, toé đá. Tám thằng trinh sát xanh hết mặt mũi.
- Tụi mày sống sao tuỳ. Thằng nào hổ mặt ba thằng dưới đất, nhìn cho rõ.
Lại bắn tiếp, kiệt băng đạn mới thôi. Hệt như người khùng. Đấy là vì An quá căm nên khùng thế. Không ai lạ tính C trưởng mình nhưng vẫn kinh. Hôm ấy bọn dù chụp quá nhanh. Vì thế C trợ chiến có trăm tay, ngàn mắt cũng đành chịu. Việc hi sinh là tất nhiên. Đang đau vì mất người, mất của thì tuyên huấn Miền phong thanh chuyện, mò xuống tìm hiểu. Chắc là để biểu dương gương hi sinh của chốt trinh sát. Hi sinh thế, đáng phong anh hùng chứ biểu dương thì nước non gì. C viên(°) Thuỷ đang tiếp cánh tuyên huấn thì An ở đâu xộc về, buông ngay một câu rất nặng:
- Đánh đấm như cứt còn thích huếch!

Lửng lơ thế, chắc cũng chưa chết ai, đằng này An đột nhiên nổi quạu, chỉ thẳng mặt cánh kia:
- Nè, thích tìm hiểu gì, ra chốt. Đây không đánh trận bằng nước bọt.
Thuỷ ngăn lại không kịp. Mấy vị kia, tất nhiên chuồn. Đụng vào cánh tuyên huấn, xưa nay ít người dám. Lại là tuyên huấn Miền cao chót vót. Phen này hẳn là xong phim. Quả nhiên, An bị chần ra bã, quần lên, quần xuống mãi mới thoát. Thế mới có chuyện bắn súng. Chả biết An định răn mấy thằng trinh sát hay định răn mình.
Thằng Vịnh vừa thoát khỏi trận sốt rét ác tính lần ở viện về, chân tay còn lẩy bẩy, đi vẫn phải chống gậy, nói đỡ cho cả bọn.
- Anh Hai yên tâm đi. Anh Hai đau một, bọn em đau mười.
Ngu không, đỡ thế có khác gì dập lửa bằng dầu. Thằng Vịnh lãnh đủ.
- A… ai cho mày ra viện. Mặt xanh thế kia, yên tâm cái con khẹc. Đù mẹ.
Thằng Vịnh sốt đúng nửa tháng mới chịu cắt cơn. Nó quỵ ngay khi chôn xong ba thằng. Nửa tháng còn ít. Sức nó khá, phải đứa khác còn lử khử chán. Nói đâu xa, thằng Quang chân ướt, chân ráo vào được một tháng đã sốt đùng đùng, kéo đủ hai tháng. Đầu đang xanh mướt, chỉ trận sốt đã thụi lụi như đầu chim sẻ bị vặt tiệt lông. Hãi thế, ngay hôm sau, thằng Vịnh bị tống trả lại quân y. Nó đã được chỉ định thay thế thằng Đinh làm A trưởng.
°
°
Tin kí kết hiệp định lan còn nhanh hơn gió. Ngừng bắn rồi, lính tráng hoan hỉ ra mặt. Cả C trợ chiến tưng bừng. Anh nuôi Đáng, người cao tuổi nhất đơn vị nhưng tuổi quân lại ít nhất, mới bổ sung về, mắt cập quèm chỉ còn mấy phần mười, cứ gà lên chuồng lại bị quáng, đành chịu chết ngồi tịt một chỗ. Mắt mũi thế, không hiểu khám tuyển thế nào mà cũng lọt được vào tận trong này. Thánh thật. Từ ngày vào, chỉ quẩn quanh với nồi niêu, xoong chảo, có được bắn beo gì đâu, thế mà dám lèn cả một băng cứng, vác súng ra suối. Lúc đi hùng dũng lắm. Gặp ai cũng cười, bảo:
- Hết chiến tranh rồi, tao phải làm chơi vài phát. Nay mai về còn loè mẹ đĩ. Mang tiếng đi B không biết bắn thì còn ra chó gì nữa.
Không ai để ý. Mà để ý quái gì. Đúng là lão gà mờ. Thích cái khác còn phải đắn đo, thích bắn, chậc. Thoải mái. Thấy roẹt một cái, đạn xổ cả băng, súng quay đủ một vòng tròn, đạn chiu chíu toé nước, lại chàn chạt va vào đá toé lửa. Hãi quá, Ngọc khợp đang toe toét tắm với Bình ních, may ngụp kịp. Thấy đạn bùm bụp, cả hai thằng lặn đến lồi mắt, hết chịu nổi mới dám trồi lên. Định thần, đã thấy lão gà mờ đang giãy đành đạch, mặt lòm lòm đầy máu. Chả hiểu đầu cua tai nheo ra sao, hai thằng cứ thế nhồng nhổng chạy lên. Không phải chỉ có Bình ních, Ngọc khợp, sau kè đá bọn Long tẩu đang uống trà cũng hút chết. Phúc tổ, không có đá chắn, bọn Long tẩu dắt díu nhau đi vừa đủ một cỗ tú. Cả bọn chạy đến sờ nắn hết lượt. Không sao cả, máu ở mặt do mấy mảnh đá sắc bị đạn phá văng ra găm trúng má. Không ai nhịn được cười khi thấy anh nuôi Đáng rống rất thảm thiết:
- Ối, ối chết tôi rồi bu đĩ ơi.
Thì ra ông tướng để nấc liên thanh, nhằm ngọn cây bóp cò. Đạn AK nổ đanh, súng giật mạnh, không quen, sợ quýnh quáng, tay cứ ríu chặt cò. Không giữ được, súng lia tròn, kì hết băng mới thôi.
Thân làm tội đời, tối ấy mặt mũi vều như bị ong đốt, song lão gà mờ vẫn phải nghiến răng xuất đôi gà mái to nhất đàn, ki cóp nuôi từ đầu năm dành cho tết, để bồi thường bọn Ngọc khợp bị hao tổn về thần kinh do đạn bắn chết hụt. Đau thế, tiếng để đời, họan chắc gì đã đau bằng vố này. Đã vậy, Cường choắt còn lễ phép bê đến cái đùi gà bự, nhoáng mỡ:
- Bố cố nhai cái đùi gà này cho đỡ xót ruột.
Thế có cú không. Nó đã được ăn lại còn xiên xỏ. Thật là vừa đau, vừa ức. Chán, chẳng buồn nói. Thắng vịt khề khà:
- Tao đã bảo mà, bọn thằng Lệ thiêng lắm. Chúng nó cứu mình đấy. – Nó vỗ vai thằng Biên. – Ăn ở có đức cũng khác.
Ý Thắng vịt muốn nói đến nửa chai Napoleon, thằng Biên vừa đãi cả bọn. Nhưng quan trọng là chai rượu vẫn còn một nửa. Y như rằng, thằng Biên khùng ngay:
- Đức cái gì, thích xài nốt thì toẹt mẹ nó ra cho xong. Dễ, tao giữ uống một mình chắc. Đức! Đi đứt cái Seiko hải cẩu của tao rồi. Gạ đứt lưỡi nó mới đổi.
Đợi thằng Biên tòi chai rượu ra, Cường choắt mới phán:
- Xin bố. Thằng kia ngu nó mới đổi. Cái Seiko dởm của bố, bán cân ở chợ Lộc Ninh, cho trẻ con không đắt.

Thằng Biên ức quá, má bạnh ra như rắn hổ. Đúng lúc ấy, C trưởng An ở đâu sầm sập đi vào:
- Lại bọn trinh sát, bầy đặt nhậu nhẹt tầm bậy. Tụi bây tưởng hiệp định là vĩnh viễn hoà bình chắc. Đáng treo cổ tụi mày lên cả lượt – chợt mắt chạm vào chai rượu – Trời đất, xài sang quá ta. Chơi ngon đấy, thằng nào đây.
Rượu ngon ngấm lịm đã bốc nhưng không thằng nào ho he một tiếng. Vớ ông cạp lửa này, ngang gặp hạn.
- Thằng nào đây?
Tiếng C trưởng An đã sắt lại. Vẫn im thít cả lũ. Mắt mũi thằng nào, thằng ấy dồn cả vào Biên mu-gich. Nhìn thế quá bằng khai. C trưởng An cầm chai rượu, dí gần sát mặt thằng Biên:
- Mày hả?
Mặt Biên mu-gich thuỗn ra. Rõ làm phúc phải tội, tiền mất tật mang.
- Khá!
Cả bọn thở phào. Không ai ngờ kết cục lại hậu hĩnh đến thế. C trưởng An bệt luôn cùng đám trinh sát. Ngày đầu tiên của ngừng bắn thật chẳng đến nỗi nào. Nhưng chẳng thể ngờ rằng, đó chỉ là khoảnh khắc bình yên giả tạo. Mọi việc sau đó lại bắt đúng nhịp cũ. Người đầu tiên, không phải ai khác chính là Đáng anh nuôi.
°
Thực ra, nỗi hoan hỉ hoà bình kéo không được mấy lả. Ngày đầu tiên, giá không có sự kiện bắn súng của anh nuôi Đáng cuốn vào, chắc cả A trinh sát chẳng còn bụng dạ nào để vui thú. Không hẹp hòi gì, cả nước mừng, mình đâu nỡ không vui. Nhưng vui sao đành. Cả A trinh sát, ruột thằng nào cũng như đang ngậm lửa. Ngót tháng trời chưa đứa nào nhận được thư nhà. Mà bom đánh vào Hà Nội khiếp thế. Những mười hai ngày đêm, B52 rải bom như vãi trấu, biết bề nào nguyên vẹn. Có lẽ chả đâu như nước mình, thằng ngày đêm giáp mặt với cái chết lại sốt vó lo cho người ở nhà. Chiến tranh khùa khoang khua đến tận hang cùng ngõ hẻm, chẳng còn biết xác định đâu ác liệt hơn. Thành thử, tiền tuyến hay hậu phương cũng vậy thôi. Đấy, tiếng là lính chiến nhưng toàn A trinh sát mười một thằng, mới chỉ có thằng Đinh đã chết và thằng Vịnh được thực sự nếm món cháo cám B52, còn thì toàn chỉ nhòm ngó từ xa cả. Vậy mà ở Hà Nội, có người cả đời không biết viên đạn xanh đỏ thế nào, lại lãnh đủ. Thế mới oái ăm, không khí A trinh sát lặng hẳn. Đến hôm trung đoàn mang phim về chiếu phục vụ thì cả bọn hết chịu nổi. Đâu chỉ có hơn chục phút phim tài liệu ghi chép cảnh Hà Nội đánh B52, chiếu đầu buổi. Cả bãi xem im phăng phắc vì xúc động. Cánh trinh sát oà hết lượt. Đến C trưởng An, người chỉ nhếng nháng vài năm ở Hà Nội, lại gan lì tướng quân cũng phải lén quay mặt lau mắt. Cả bọn bỏ dở buổi xem, về chui kín đầu trong võng, không nói với nhau một lời. Cũng may, tình trạng kia kéo không lâu. Cường choắt nhận được thư đầu tiên. Nhà không làm sao cả. Mừng, nhưng không nỡ cười vui, miệng chỉ hơi mêu mếu. Nó sợ những đứa khác tủi. Rồi lần lượt đều biết tin nhà. Chỉ mình thằng Vịnh, nhà bị vệt bom đi qua. Tanh bành cả nhưng còn phúc không ai bị hề hấn gì. Còn người là còn tất. Chuyện coi như xong.
Yên ổn được ít bữa, tình hình bắt đầu căng trở lại. Thằng Vịnh, biệt phái đi công tác bảo vệ hiệp định, thấy nhắn về, bảo mệt lắm. Đầu óc cứ căng như dây đàn, hết đấu lí lại đấu trí. Thế thì mệt thật. Đánh nhau bươu đầu, mẻ trán, giờ ngồi cùng nhà, thậm chí cùng bàn nhòm ngó tia tót nhau, quả là khó chịu. Thà cứ dàn ra, mỗi thằng một góc, thằng nào nhanh thằng ấy sống, đỡ nhiều hơn. Long tẩu nói ra mồm điều này, bị C viên Thuỷ cạo gáy cho một chầu lử lả. Tư tưởng quái gì đâu, chẳng qua nói cho sướng mồm, sướng miệng. Bị cạo, tưởng phải cạch, nhưng không, nó vẫn cười hềnh hệch, phô trọn hàm răng lởm khởm. Hàm răng nám xuộm khói thuốc lào, Cường choắt vẫn thường giễu: "Răng tranh nhau làm B trưởng". Long tẩu cợt:
- Chán bỏ mẹ cái thứ hoà bình mèo chuột này.
- Rũ tù đấy ông con ạ – Bình ních giả bộ lên giọng.
- Tù chó gì. Lão Thuỷ làm lông tao vì cương vị của lão thôi. Lại chả nhấp nhổm bằng mấy mình. Ngay lão An cũng vậy. Quê lão ở phía bên kia, không nhẽ cứ suốt đời biền biệt. Rồi mày xem, trời không chịu đất thì đất phải chịu trời. Đất nước này, lịch sử nghiệm rồi chẳng chịu chia cắt đâu.
Ngọc khợp tỉa vào:
- Để mày làm lính hơi bị phí. Lẽ ra phải cử mày vào tổ hoà hợp dân tộc. Đến đấy tha hồ phán. Có điều không đất thì trời, với giọng ấy mày tiêu là cái chắc.
- Để xem, – Long tẩu thủng thẳng, – phận lính tráng như tao với mày thiết gì đánh chác. Về nhà học hành làm lụng, rồi vợ con, lại chả sướng gấp vạn lần. Nhưng đời nào chúng nó chịu để thế cho mình. Nói đâu xa, tuần trước bọn D18 để phơi trận địa, bị ngay một dây bom A37 hút chết. Đấy, cứ cung cách

này, còn choảng nhau ốm. Thế thì chả hoà bình mèo chuột là gì?
- Đúng! – Cường choắt đồng lõa. – Hồi tao được đẻ ra đúng vào dịp hoà bình 54, mẹ tao nự: "Thằng cún con này. Đời con sướng nhé, hoà bình rồi.". Bố tao, mùi thuốc súng Điện Biên còn ám, chỉ tủm tỉm cười. Đến bây giờ tao bằng ngần này. Bố một đầu chiến trường. Con một đầu chiến trường. Mà đã xong đâu. Trộm vía thằng Long, ngày đi nó loạng quạng được thì bây giờ cái Hạnh cũng đã đẻ. Ai dám bảo con nó sướng không phải cầm súng nữa. Nói thế thôi, dứt khoát không để con cái mình phải tiếp tục công việc này.
Thằng Phương hiền, ít nói nhất bọn, chẳng hiểu sao hôm nay bỗng dưng hăng hái:
- Chắc gì mày đã giữ được gáo mà nói chuyện con cái… Soi gương xem, mặt mày âm khí ngùn ngụt. Liệu giữ mình đấy. Còn chuyện kia, bàn làm gì cho mệt xác. Đã có trên lo. Thấy bảo hai bên đang dàn quân ở Bến Cát. Đánh lớn như thời Tam quốc. Tao cũng mong dứt điểm một chầu cho xong. Cò cưa thế này, buồn bực chân tay lắm.
- Ối giời ôi! – Thắng vịt mồ hôi mồ kê nhễ nhại, la toang toác. – Các bố mà cũng nói chuyện dàn quân, dàn queo. Rõ dơ. Đấy không phải việc của các bố. Nhìn đây này. – Con cá quả dài đến hàng mét, to hơn cả thân phích, đầu nứt toác, máu vẫn nhỏ giọt, nằm khượt trên đất. Nhìn mà khiếp, đen sì sì như bị sơn đen, vẩy chằn chặn như những lớp đồng xu ken nhau – Đấy, hoà bình, chiến tranh đều phải sực hết. Không có nó, ẩm thực ấy mà, thế giới này tùng phèo hết lượt.
Cả bọn bâu vào con cá.
- To thật – Bình ních gật gù. – Tao chưa nhìn thấy con cá quả nào khiếp như con này. Chục cân không ít.
Thắng vịt mặt vênh như giấy ướt hơ:
- Chứ không. Cả tuần nay, tao với thằng Vịnh phục suốt. Phải dùng đến mìn điện mới hạ được nó…
Thằng Phương cắt ngang:
- Nói phét. Bệu thịt như mày có phục ăn. Chẳng qua theo đóm ăn tàn. Thằng Vịnh không nói làm gì. – Tướng nó sát cá.
Ngọc khợp phụ họa:
- Chí lí. Chuyện cá mú với thằng Vịnh thì chịu. Cá gì nó chả tôm được. Nhưng hẵng hượm, con cá này mốc meo rồi, loại cá thành tinh. Liệu có giống con ba ba dạo trước. Hãi bỏ bố!
Thắng Vịt nhảy dựng như bị điện giật. Nó ức:
- Thì mày treo mõm lên, đừng hốc nữa. Còn thằng Phương? Lúc nãy mày bảo buồn bực chân tay. Giờ đến lượt mày. Cứ theo đóm trước, ăn tàn sau cho ngon miệng. Làm đi.
Tưởng gì, chuyện ấy đơn giản quá. Có đến bốn thằng xắn tay áo. Nhoáng cái, con cá đã gọn ghẽ trên đĩa.
°
Không phải đợi lâu. Sân bay Lộc Ninh vẫn đều đặn đón, đưa tù binh hai phía trong các cuộc trao trả định kì theo tinh thần hiệp định, song toàn miền Đông súng đã nổ. Không quân địch ngày một hoành hành. Từ chiếc lẻ, đánh lén, chúng ngang nhiên bắn phá tự do vùng kiểm soát của ta. Các cửa khẩu vẫn mở nhưng ngột không khí chiến trận. Xảy tranh chấp trên toàn tuyến giáp ranh. Bầu trời không lúc nào ngớt tiếng ò è, rên rỉ của thằng L.19. Hiệp định coi như đã bị phá vỡ. Lệnh chiến đấu đã được truyền xuống. Hoà bình thật ngắn ngủi.
C trợ chiến thực sự trở lại chiến tranh sau cái chết của anh nuôi Đáng. Lúc chết, anh bốn mươi tuổi. Những vết sẹo găm trên mặt, ngày hoà bình đầu tiên vừa kịp khô. Có lẽ anh là người già nhất đơn vị. Một cái chết – điều bình thường quá. C trợ chiến tính đủ số liệt sĩ, phải bằng nửa quân số hiện tại. Nhiều cái chết lắm. Mỗi người chết một vẻ, không ai giống ai. Tựu trung, những cái chết dù khác nhau, vẫn chung ở một điểm: Chết lúc lâm trận. Cũng có vài người chết vì sốt rét ác tính. Chết bệnh tật vẫn chấp nhận được. Đằng này, tội nghiệp cho anh, cái chết đến rất ngẫu nhiên như một trò đùa và cực kì phi lí. Hôm ấy, C trợ chiến hành quân theo một tiểu đoàn 37 li xuôi đường 13. Vùng này ta và địch đang tranh chấp dữ dội. Chưa đến đích, đại đội nghỉ ăn trưa trong một khu rừng rậm toàn đào lộn hột. Đáng cặm cụi thổi cơm. Lính tráng uể oải vì bụng đã phương phưởng. Thằng nào, thằng nấy ních bằng kĩ thứ quả dị dạng chẳng lấy gì ngon lành lắm. Ăn, chẳng qua vì lạ và đua nhau. Đáng đi đến từng tiểu đội đốc thúc:
- Ăn đi chứ. Đừng để thừa thãi thế này. Phải tội chết. Hạt cơm, hạt máu đấy. Quý lắm. Cố đi, cố cho no.
Chẳng kiêng khem gì, nhưng từ "máu" là từ kị. ít người phạm huý nhắc đến. Có thằng lính trẻ đùa:
- Bố đốc chứng hay sao mà "máu me" khiếp vậy. Này đừng gở mồm nhé.
Cười tuế toá:
- Vật được tao, còn lâu. Tao chết họa có trời sập.

Vẫn đang cười, chợt mọi người thấy anh lạng đi, tay ôm ngực. Máu phè qua kẽ ngón tay, xối ra. Không có một tiếng nổ nào. Người tinh tai mới nghe thấy tiếng gió rít. Chưa ai kịp đến đỡ, người anh đã vật ngửa, đi luôn. Nụ cười trên môi vẫn chưa tắt. Mọi người không tin vào mắt mình. Chạy túa ra bốn phía, tịnh không thấy động tĩnh gì. Thì ra đạn lạc. Viên đạn không biết từ đâu bay đến, chui vào nằm gọn trong khoang ngực. Cỡ đạn như thế nào cũng không ai biết. Anh chết, mặt tươi nguyên. Như người ngủ. Hắn anh cũng không biết mình đã chết. Đột ngột và phi lí vô cùng. Đơn vị chôn anh ngay trong rừng đào. Tất cả vét không sót một hạt cơm nào, chất cả lên đỉnh mộ. Hạt cơm – hạt máu, đúng đấy. Đành để đây, vun thành đống nhỏ lùm lùm. Dành cho anh.

Cái chết của người lính nuôi quân, bạt tan hết những dư âm hoà bình cuối cùng. Dẫu chỉ một, nhưng tất cả mọi người đều chung cảm giác, đó là cái tang lớn họ chưa từng gặp. Hiển nhiên đó là cái giá đầu tiên, C trợ chiến trả cho hoà bình thật sự.

ít lâu sau, đến lượt hai thằng lính của A trinh sát. Thằng Vịnh và thằng Phương. Nhẽ ra có cả thằng Bình tham gia trận này. Đúng một ngày trước hôm hai thằng mất tích thì Bình ních được đại đội rút về làm nhiệm vụ khác. Đài quan sát đặt trên một vách đá thẳng đứng gần sát ngầm Đa pốc. Vị trí rất thuận tiện. Có thể quan sát rõ sân bay Bà Rá bằng ống kính cực đại. Những thông tin kịp thời của nhóm công tác đã giúp đơn vị kiểm soát chặt khoảng không, bảo vệ hành lang chiến dịch. Ngày thằng Bình rời chốt, tiểu đoàn 37 li lập một chiến công rất đẹp, bắn gục tại chỗ một chiếc F5E đang bổ nhào đánh trận địa. Chiến tranh không tránh khỏi những ngẫu nhiên, bất ngờ và sự trùng hợp đáng tiếc. Thằng giặc lái kịp bật dù là là đúng tọa độ đài quan sát đang chốt. Từ Bà Rá một phi đội 8 chiếc HU1A lập tức cất cánh rà kĩ lưỡng tọa độ tên giặc lái nhẩy dù. Bộ binh ta cũng ào lên. Đài quan sát bị kẹt giữa trận chiến. Bầy trực thăng đáp xuống mỏm yên ngựa kề sát vách đá đặt đài. Tình huống quá bất ngờ. Vịnh điện về xin ý kiến. Đơn vị hạ lệnh chôn cất khí tài, rút lui. Khá vất vả và mạo hiểm hai người mới thoát lọt. Phương bị thương vào chân. Hai người mất liên lạc hoàn toàn từ đấy.

Hôm sau, Bình ních dẫn một trung đội của C trợ chiến sục tìm suốt buổi vẫn không thấy tăm hơi hai người. Khí tài vẫn còn nguyên vẹn cả. Tiếp tục tìm kiếm, ba ngày sau họ phát hiện ra một số tư trang. Bình ních nhận đúng của thằng Vịnh và Phương. Bẵng một thời gian, đành xếp hai thằng vào quân số mất tích.

°

Món cháo cá, quả là được việc. Nó làm hồi lại cái dạ dày đã nhão ra vì ngâm sũng các loại bia, rượu hổ lốn. Nồi cháo hết veo. Ngọc khợp lúc lắc đầu:

- Tuyệt đấy chứ nhỉ?

- Còn phải nói. – Biên chép miệng. – mấy chục năm rồi, nết ăn của các bố chẳng khác xưa là mấy. Thuồng luồng, ba ba vẫn gọi bằng cụ.

- Thả hổ về rừng mà lị – Long tẩu vuốt bụng hể hả. Thắng vịt, nãy giờ ngồi vét nồi quèn quẹt. Cháy cháo cũng đến được bát vật.

- Này Ngọc khợp, tinh cá nằm cả ở đáy nồi. Mày sực không?

- Cảm ơn ông!

- Thằng này đã chê coi như đủ. Bữa cháo kết thúc tốt đẹp. Ngày xưa, của này bao giờ thằng Vịnh cũng dành phần. Còn thằng Phương, thấy cháo sợ hơn hủi.

- Bố sư, cứ như ông cụ non, mở miệng là ngày xưa.

- Thế không phải để sống với ngày xưa thì mày đến đây làm gì?

Cái thằng lạch bạch thế mà chí lí. Không vì thế, họa là điên mới bỏ công, bỏ việc đàn đúm nơi này. Chơi, thiếu gì chỗ. Lại Thắng vịt.

- Hồi ở bên Tây, hiếm khi được ăn cá tươi thế này. Chúng nó sợ bẩn, giã toàn đồ hộp. Ngu thật.

Chợt Bình ních hốt hoảng:

- Đúng rồi. Thằng Vịnh chúa thích ăn cá. Lại sát cá nữa. Ngọc khợp. Ban nãy mày đã tường mặt bố con bé chưa?

- Nói rồi còn gì. Thấy bọn tao, gã tót ngay vào nhà. Mồm ngang, mũi dọc, nào đã biết. Sao mày hỏi thế?

- Tao thấy là lạ. Con cá trước, chuyện mua bán, thôi không nói. Còn con cá sau, lạ nhỉ, tự dưng sai con xách ra. Lại bày đặt chuyện gạo, cháo. Mà việc gì gã phải vội vàng lánh mặt. Cả tiền nong cũng thế, tịnh không một lời nhắc. Chúng mày xem…

Thắng vịt bập vào:

- Xem gì cũng phải hượm đến mai. Việc quái gì mày cứ sồn sồn lên thế. Rặt tưởng tượng rồi lắp ghép, mệt xác.

- Không! Sáng mai phải xộc thẳng vào nhà gã mới được. Tường mặt nó mới yên tâm. Chúng mày biết không, ngày xưa…

Lại tiếng loạt soạt. Lần này rất gần. Rõ cả tiếng cành khô gãy răng rắc. Cả bọn ngây thuỗn, phút sau, Cường choắt chụp lấy súng. Thắng vịt can:
- Đừng, nhỡ con bé thì khốn. Rọi đèn lên đã.
Vẫn hai đốm sọc bắt đèn. Con chó ngơ ngáo nhìn vào lều. Thắng vịt bước ra suỵt suỵt mồm. Con chó vẫn đứng trơ khấc. Nó vớ được một khúc cây xông thẳng. Con chó quay quắt. Bỗng Thắng vịt ngã bật ngửa, kêu oai oái. Nó vùng dậy rất nhanh. Giọng phều không ra hơi:
- Có người!

Đ ây là đâu? Gã tự hỏi mãi mà không tìm ra được câu trả lời. Mái tranh, vách nứa rõ là quen. Nhưng cái sạp cứng này, đích thị gã chưa nằm bao giờ. Gã nằm võng đã thành quen. Lần sốt trước phải đi viện, gã không thể chịu nổi cái giường nứa tập thể. Phần mỗi thằng được ranh giới bằng những cái chiếu một. Chiếu ni lông, quân nhu kiếm được ở các chợ vùng tạm chiến. Bí rì rì, cái thứ chiếu chết tiệt, mồ hôi cấm có đường thoát. Đừng có còn hơn. Gã thử ngúc ngắc chân, tay. Có ê oải đấy nhưng còn khả dĩ. Đầu nặng trình trịch. Người gã vẫn âm ỉ luồng khí nóng ngốt. Quái quỷ thật, cái thứ sốt rừng, cảm giác ngốt thế nhưng lại lạnh thấu xương. Cái lạnh từ trong phang ra, không có gì ngăn cản nổi. Đắp đến núi chăn cũng vậy. Môi khô không khốc, rộp nứt, uống nước xót tận đáy óc. Gã cố mở to mắt. Thánh họ, đom đóm ở đâu nhiều thế, bay loạn xị ngậu. Dần dần, gã cũng nhận ra mọi thứ trước mắt. Lờ mờ thôi, như trong màn khói. Thế cũng tốt. Đây là đâu? Chịu! Có điều chắc chắn gã đang nằm trong một ngôi nhà. Và gã còn sống. Gã cố mở to mắt hơn nữa. Ra cái bóng sậm ngay sát người gã là người. Người thật. Bây giờ thì gã nhận ra đó là một người con gái. Sự nhận biết ấy làm gã yên tâm. Gã phều phào đòi uống. Nước vào, gã tỉnh hẳn. Cái lạnh cũng đã bớt dần. Gã thấy người con gái nhìn mình chăm chú. Có thể căn nhà này là của cô ta. Đầu gã vẫn đau buốt, nhưng từ mớ chỉ rối bòng bong, gã vẫn lờ mờ hiểu rằng, người con gái này đã cứu gã. Đích thị cô ta là ân nhân của mình. Gã nói lời cảm ơn. Lại cố cất tay lên. Môi gã khô nứt, hơi phào phào không rõ tiếng. Chắc thế nên mặt cô gái cứ ngơ ngác. Bỗng gã thấy mát dịu. Bàn tay gã đang nằm gọn trong tay cô gái. Gã cảm thấy cả những nốt chai sần ở bàn tay cô. Có một luồng điện từ những nốt sần truyền sang người gã. Thân thể gã bừng lên. Ơ hay, cảm giác này gã gặp ở đâu nhỉ. Quen lắm. Gã vận sức xiết chặt bàn tay. Cảm giác kia rõ hơn. Gã reo lên và mỉm cười. Rõ là ngu. Tay Thuyên chứ còn tay ai nữa. Màn sương chập chờn nứt ra. Đom đóm tản đâu hết cả. Gã cười dài hơn. Đúng Thuyên rồi. Thuyên đang ngồi kề bên gã, tay cầm tay. Gớm thật, vào đây từ bao giờ mà kín thế, cấm báo một tiếng cho biết. Gã sung sướng quá. Chứ lại không. Đang tình cảnh này, được gặp người quen, quá bằng ngã cây víu được cành. May thật là may. Đấy mới chỉ nói ở mức quen. Đằng này quen đã nhằm nhè gì. Hơn mức ấy nhiều. Không chiếnranh chắc chắn đã thành vợ, thành chồng. ít khi gã tâm sự những chuyện này. Cũng tại bọn Long tẩu một phần. Những thằng kia mít đặc không nói. Còn Long tẩu, mở mồm là huếch hoác chuyện yêu đương. Vẫn biết thời gã, yêu được sớm phải là giỏi giang hơn người nhưng hay hớm gì mang những chuyện ấy ra bỗ bã. Gã cất tiệt ảnh Thuyên dưới đáy bồng. Những lúc nghe bọn kia phiễu phão nhăng nhít, gã không thèm tham gia. Nếu có, chỉ là những cái nhếch mép bí ẩn mình gã hiểu. Gã khôn chán vạn. Đấy, gương tày liếp còn rành rành. Long tẩu có cái ảnh người yêu để bọn kia xem nhiều, nhầu còn hơn ảnh cắt từ họa báo. Có lần ngắm nghía chán chê mê mỏi, thằng Bình ních còn đưa cả ảnh lên môi hôn. Long tẩu giật ảnh lại, chửi té tát. Thằng kia hề hề cười:
- Gớm, có đi đâu tí phấn nào. Hương hoa cho bạn bè ngửi tí chút. Kẻo lúc ngoẻo củ tỏi…
Long tẩu điên quá, vớ cả cái ca đang pha trà, liệng thẳng vào Bình ních. Con giời Bình hôm ấy ăn đủ. Bộ ga-ba-đin mới khựng loang vàng khè. Cái giống nước trà dây vào quần áo, có mà hố giặt. Coi như đi đứt một bộ cánh.
Gã kín bưng, thành thử không đứa nào tọc mạnh được chuyện riêng của gã. Không như ảnh của người yêu Long tẩu hin hin như mắt muỗi, ảnh Thuyên to bằng bàn tay xòe. Bọc ni lông cứng cẩn thận, lại công phu tô mầu xanh xanh, hồng hồng rất rực rỡ. Việc tô màu, gã mất đứt một buổi ra thành phố, cả đi lẫn về đúng năm chục cây số đạp xe. Thi thoảng, gã mới lén giở ảnh ra xem. Chả vụng trộm gì, nhưng phải làm thế để tránh họa. Ai chứ Bình ních dám mất thêm bộ cánh nữa để lặp lại chuyện đã làm với ảnh người yêu Long tẩu. Dám lắm, bọn trời đánh, thánh vật chả có việc gì chê cả. Phớn lên, chúng nó làm tất. Cứ cẩn thận, tránh là hơn.
Ơ kìa, nước mắt Thuyên chảy. Mừng quá đấy mà. Lạ nhỉ, con người ta buồn khổ khóc thì đúng rồi

nhưng mừng vui cũng lại khóc, rõ thật buồn cười. Tay gã bị văng mạnh. Gã thấy Thuyên chạy ra khỏi lán. Gã lại cười. Bao mệt mỏi rũ đâu hết. Gã thấy người hớn hở. Chả mấy, mình sẽ qua đận ốm này. Gã cố nhỏm người nhưng không được. Gã cất tiếng gọi:
- Thuyên ơi!
Không thấy tiếng trả lời. Thuyên đi trốn rồi. Ngượng mà lị. Ngày ở nhà Thuyên chúa hay trốn gã. Mặc kệ. Rồi lại chả ùa đến ngay bây giờ. Cứ đợi xem…
°
Ngày ở nhà.
Thoạt đầu, gã không mấy để ý đến Thuyên. Trong đám trai làng, dù mẽ ngoài chỉ bình thường nhưng gã vẫn là người sáng giá nhất. Đã nói, gã là người học rất giỏi. Cái sự học thời ấy là thống soái. Khi con người ta chưa giầu, chưa được phép giầu thì sự thông thái của học vấn vượt lên trên tất cả. Chưa thành này nọ, gã đã là tấm gương cho cả làng, cả xã soi vào. Khối đứa trẻ cùng trang bị quắn đít vì gã. Có gì đâu, tại bố mẹ chúng đang dưng lại suy tị:
- Ối giời ơi. Tiên nhân mày, con với cái. Trông con người ta kia kìa. Thằng Vịnh nào có trơn lông, đỏ da hơn chúng mày. Sao nó sáng dạ thế. Còn mày đầu đặc như đất sét.
- Khổ thân tôi chưa. Chăm bẵm lắm vào. Ngong ngóng mãi để mở mày, mở mặt. Có mà mở mặt với giun. Thằng Vịnh đấy. Bố mẹ nó cũng dây mơ khố lòng thòng, khác gì. Ngày xưa đua được với tao còn mướt. Thế mà bây giờ, nhục ơi là nhục.
Không ít thằng bị đòn đâm thù. Nhưng làm qué gì được. Vùng gã là đất vật. Trai tráng, đứa bét dem nhất cũng vài lần vào sới. Riêng gã, chưa được đai đẳng nhưng cũng được liệt vào loại cứng cựa, từng đấu cả với người thiên hạ. Bởi vậy cái sự thù kia chẳng qua cũng chỉ để nuốt ngược vào bụng. Bất quá xăm xói sau lưng, chứ trước mặt thì bố bảo. Được cái, gã giỏi nhưng không ngang ngạnh, tính tình thuần phác nên được đa số mọi người quý mến. Đám thanh nữ thì khỏi nói. Nhiều cô mê gã tít thò lò. Của đáng tội, người gã cũng cao ráo, chẳng đến nỗi nào. Ừ, mẽ ngoài gã bình thường đấy, thì đã sao. Con giai đâu cần phải đẹp trội. Thích đỏm mã họa có là gà trống thiến. Buồn cười, làng Cồ của gã sản sinh toàn trai lộc ngộc, vậy mà chỉ đệm một chữ Kim. Gã là Nguyễn Kim Vịnh. Vẫn biết chữ Kim nhiều nghĩa nhưng nghe vẫn thấy trái khoáy thế nào.
Ngày gã trúng tuyển vào đại học, loạng quoạng lại trùng đúng hội vật của làng. Niềm vui gần như nhân đôi. Hứng khởi, gã đăng kí vào sới. Làm vài keo cho giãn xương cốt bõ những ngày còm cõi, đèn đuốc luyện học. Không khí chiến tranh đang ngột sệt làng nước nhưng chẳng vì vậy mà hội vật kém khí thế. Thời bình, hội hè cỡ này khỏi nói. Cứ gọi là huyên náo cả vùng. Đô vật các nơi kéo đến kìn kịt, gạt đi không hết. Lần này, hội chỉ bó hẹp trong phạm vi làng. Thế cũng tốt chán. Từ sáng sớm, cả làng đã tưng bừng cờ giong, trống mở. Loa truyền thanh oang oang trong làng, ngoài xóm:
- Đây là đài truyền thanh làng Cồ. Tiếng nói của nhân dân Quỳnh – Kim – Vồi – Lõng (tên gọi bốn xóm của làng) chúng tôi thông báo chương trình lễ hội vật…
Gã có tên trong cặp đấu đầu hội. Thoáng nghe tên đối thủ, gã đã ơn ớn. Gặp thằng Lít gù, cứ gì gã, chả thằng nào không ớn. Thằng Lít học cùng lớp với gã hồi cấp hai. Sau nó bỏ vì sức học không theo được. Bù lại, nó khoẻ và vật nghệ nhất làng. Bố nó là ông Tư Kít vô địch Bắc Kì về vật tự do hồi còn thuộc Pháp. Người nó cân nặng cũng vừa phải, nhưng cái lưng gù gù như lưng gấu, nom đã thấy hãi. Thằng này nổi tiếng từ ngày nhỏ. Nó bế em nựng thế nào, xốc ngược, đứa bé vọt qua vai, ngã phọt óc chết ngay. Bây giờ, nó thuộc loại khoẻ nhất làng. Không nhẽ bỏ cuộc. Giá không vật đầu, bỏ cũng chẳng sao. Nhưng đầu hội làm thế sao được. Sắp cho gã đầu sới, hẳn ban tổ chức có ưu ái. Chẳng gì năm nay, chỉ mình gã trúng đại học. Cũng vinh đấy chứ, đành tặc lưỡi. Cùng lắm là thua. Mà thua là chắc chắn. Thua Lít gù có gì là nhục.
Gã không thể lường sự việc chẳng đơn giản vậy. Từ lâu thằng Lít đã theo đuổi Thuyên. Không ngầm nghè gì mà công khai. Lít ta còn cậy nhờ cả bạn bè trong chi đoàn giúp đỡ. Oái ăm thế. Có sự rắc rối này vì Thuyên đâu có đồng ý Lít. Cũng từ lâu, cô đã để mắt đến gã. Mải học hành, thực tình gã không hề biết chuyện này. Nói thế vì Thuyên được đánh giá trội nhất làng. Có cuộc thi ắt phải đỗ hoa khôi. Chân thon, mình trắm, ngực ụ, lưng ong, mắt hươu, tóc dài, da giòn bánh mật. Đấy, tiêu chuẩn nào cũng cứng cựa. Người thế không mê chắc chỉ có người ngây. Thế thì đích thị gã ngây còn gì.
Trống thong dong từng nhịp ba khoan thai. Gã đĩnh đạc tiến vào. Cũng khố đỏ, đai đỏ, khăn đỏ chít đầu như ai. Đã xác định nên gã bình tĩnh lắm. Chưa kịp vờn vèo thì thằng Lít gù đã sấn vào. Chân nó thọc

qua háng gã, tì trụ. Tay như hai gọng kìm thép bấu chặt bả vai. Miếng "lừa hạ, khoá thượng" này không đáng ngại lắm. Vừa nghĩ thế gã đã thấy buốt nhói bụng dưới. Chưa kịp hiểu gì thì gã mất trụ. Cả người gã như bị quằn chéo. Thằng Lít gù quật gã xuống như quật một cây chuối. Nó ra đòn độc, đểu quá. Gã không ngờ sự thể lại tồi tệ đến thế. Mồm mũi gã tanh sực. Gã nằm bết không thể gượng dậy được. Tai gã như có sấm oà. Trống tắt lịm. Có tiếng ai đó gào thất thanh:
- Thằng Lít gù phạm luật, đánh dưới.
Nhốn nháo, ồn ạo. Gã được khênh ra khỏi sới vật. Không biết gã xỉu trong bao lâu. Mở mắt, thấy Thuyên đang dấp khăn ướt lên mặt gã. Đau ê ẩm, xương như rời ra từng khúc nhưng gã vẫn thấy ngượng tê tái. Quái, cái con bé này ngồi đây làm gì. Thuyên hỏi:
- Đau không?
Suýt nữa gã buột ra câu đệm rất tục. May kìm lại được. Rõ vớ vẩn, người chứ có phải củi đâu mà không đau. Gã không trả lời. Thuyên lại hỏi:
- Đau không?
Lần này gã hỏi lại:
- Sao không ra xem hội?
- Ứ thèm.
Hiểu rồi. Gã hiểu rồi. Tim gã đập phòm phọp. Trống hội so với nhịp tim gã bây giờ cũng thua đứt. Gã lồm cồm bò dậy. Định nói câu gì đó nhưng họng tắc nghẹn. Máu rần rật chuyển. Người gã đuỗn ra, cứng đơ như phỗng đá. Ngu ơi là ngu, ngu đến thế là cùng. Chả tìm được lời gì để nói, gã quay ra rủa thầm mình. Thảo nào thằng Lít gù chơi đòn độc. Ra, nó cay cú vì không cưa đổ được Thuyên nên trút hận tình vào gã. Cứ trút thoải mái, đau thế, đau nữa cũng bõ. Đòn thù này gã thừa sức chịu.
Không tuần nào gã không phới từ trường về một, hai lần. Gã và Thuyên rất tâm đầu ý hợp. Ngay hôm sau, gã chủ động tìm Thuyên. Hai đứa dắt nhau ra khúc thành Cổ Loa cũ ngồi mãi. Sương thấm đầm vai, vẫn chẳng ai mào được một câu gọi là. Cần quái gì, cùng làng, cùng xóm, đẩu đâu cho cam, hiểu nhau từ chân tơ, kẽ tóc, gật là được. Lúc đã thắm thiết, hai người cứ tình tự, lại ra đoạn thành cũ ấy. Gã đùa, bảo:
- Người mới, tình xưa.
Thuyên bíu chặt vào gã.
- Ứ thế.
- Sao?
- Sao dưới giếng. Sợ lắm.
- Sợ cái gì?
- Sợ làm Mỵ Châu, Trọng Thuỷ.
Gã cười ha há:
- Đằng ấy không làm Mỵ Châu thì thôi. Còn đây quyết làm Trọng Thuỷ. Giếng Ngọc mát lắm. Để đây bổ xuống cho xem.
- Thủi thui cái mồm. Nỡm ạ.
Thấy người yêu rơm rớm nước mắt, gã mới thôi. Gớm, yêu nhau được như người xưa đã phúc tổ. Lại nói chuyện Lít gù. Sau đận ấy, Lít tránh mặt cả hai người, lầm lì ít nói hẳn. Gã không muốn thế. Không phải vì sợ mà muốn chuyện ai, người nấy dứt. Nhắn nhe mãi, lại sang cả nhà, thằng kia vẫn tránh. Nó ngượng thì phải rồi. Ngượng chứ. Dân vật, coi ai dùng đòn gầm thuộc loại hèn hạ. Ngày xưa, tội ấy còn bị làng phạt vạ ốm xác. Nhưng nhẽ ấy ít thôi, nhẽ kia mới là chính. Thất tình ấy mà. Ra vào nhìn thấy nhau mỗi ngày, không yêu được nhau, kể cũng tội nghiệp cho nó. Anh chàng võ biền thế, cũng tương tư ra phết. Người rạc đi như con cuốc lẻ đàn. Nhưng biết làm sao được. Gã có ăn không, ăn hỏng gì của nó. Cũng chả phải hớt tay trên, tay dưới. Cái số đã định thế chứ ai muốn.
Một hôm, gã và Thuyên đang đắm đuối cùng nhau trên đoạn thành cổ quen thuộc thì Lít gù đột ngột xuất hiện. Quá bất ngờ, gã ngây ra không kịp phản ứng. Cũng may thằng Lít chủ động nói ngay:
- Xin lỗi các bạn. Tôi không định thế. Nhưng chờ lâu quá. Mai tôi đi rồi. Mai tôi nhập ngũ.
Nó chìa tay sang gã:
- Không còn dịp nào khác. Chuyện hôm trước bỏ quá cho mình. Mình không làm chủ được. Có vào hoàn cảnh ấy mới hiểu.
Nó quay mặt sang phía Thuyên nói gấp gáp, giọng run bần bật:
- Cũng tại vì mình quá yêu Thuyên.
Hình như chỉ thế là gánh nặng đã cất khỏi vai thằng Lít. Nó phăm phắm đi ngay. Cái bóng gù gù khuất rất nhanh. Thôi thế cũng được, ngày mai ra đi chắc Lít gù đã rất nhẹ nhõm. Cầu cho nó được bình an. Sau đó không lâu đến lượt gã. Cũng rất nhẹ nhõm, gã thanh thản lên đường.
Gã dành trọn đêm cho Thuyên. Vẫn khúc thành quen thuộc. Đêm cuối tháng, không trăng, sao. Có lẽ tinh khí của truyền thuyết xưa về ngôi thành cổ cộng, với tiết hạ đẩy được đêm tối mịt mùng. Trời nhờ nhờ. Gió hẩy nhẹ mái tóc xõa buông của Thuyên. Mùi hương quen thuộc, cảm giác xốn xang của chia tay, đẩy gã vào một mê trận chưa từng. Gã

như người say. Hơn cả say. Hồn phiêu diêu, rưng rưng. Gã ôm riết tấm thân mềm mại của người yêu. Cứ thế, cả hai đắm đi, mê man. Có một lúc, Thuyên bừng tỉnh. Cô lay, gọi gã:
- Anh nghĩ gì thế?
Gã không trả lời. Gã đang nhìn thấy những chiếc lông ngỗng trắng đến rợn mắt rải trên đường. Con đường hun hút với những chiếc lông dờ dật. Kể cũng lạ, tại sao phải là lông ngỗng? Sao truyền thuyết không dùng đến lông gà, lông vịt? Những con vật ấy gần gụi hơn nhiều. Gã bươn bả gom nhặt những chiếc lông ở khúc đường trước mặt. Nhặt, nhặt mãi mà không hết. Một quầng sương khói quẩn lên, tan ra. Trọng Thuỷ lộng lẫy trong bộ chiến bào trắng:
- Tại sao nhà ngươi dám nhặt đi những chiếc lông này?
- Để không còn dấu vết.
- Nhưng đó là dấu vết của tình yêu. Nhờ có nó mà ta tìm được nàng.
- Phải thôi. Nhưng chính những chiếc lông này đã lưu đày Người, suốt mấy nghìn năm dưới đáy giếng.
Quầng sương khói tụ lại thu vào lòng giếng. Tiếng Trọng Thuỷ văng vẳng:
- Bọn hậu thế các ngươi hay sinh sự thật. Hãy nhớ, tình yêu của ta bất tử!
Những chiếc lông ngỗng lại bay trắng xoá trên đường. Gã cứ nhặt. Nhặt mãi.
- Kìa, anh nghĩ gì thế?
Gã dụi mặt mình vào suối tóc dày mượt.
- Nói đi, lại chuyện Mỵ Châu, Trọng Thuỷ phải không? Hâm!
Không trả lời, gã ôm Thuyên thật chặt. Thời gian lại đắm đi. Bất chợt gã thấy miệng mình cắn chặt đuôi tóc của người yêu tự bao giờ. Những sợi tóc ram ráp không mùi vị. Phải chăng, đó là những chiếc lông ngỗng của đời gã. Mỗi tình yêu đều có những dấu vết riêng để tìm nhau. Sau này, gã hối tiếc vô cùng. Gã đã dại dột nhặt đi những chiếc lông ngỗng trắng trên đường. Để không bao giờ còn tìm được đường về với nàng. Thành người mù vô phương.
Đó là sau này. Còn lúc ấy? Tình yêu bất tử là tình yêu dành để thờ cúng. Tình yêu của gã không được thế. Nó trần tục. Gã dồn ép Thuyên quyết liệt.
- Đừng. Đừng, anh!
- Không!
- Đừng. Em sợ lắm.
- Chúng mình là của nhau cơ mà.
- Vâng. Nhưng em sợ!
Người Thuyên mềm nhũn, lả đi trong vòng tay vâm váp của gã. Thuyên không còn chút sức lực nào để kháng cự. Dù miệng cô vẫn thầm thào:
- Em sẽ đợi anh. Bao nhiêu lâu em cũng đợi được. Mai anh đi rồi, thương lắm, nhưng…
Tay gã lỏng dần. Gã lại ngây ra như tượng. Trời vẫn còn nhờ nhờ. Có lẽ đã gần sáng. Gà bắt đầu eo óc gáy. Gã nâng Thuyên dậy:
- Thôi về đi em.
Gã dìu Thuyên thập thõm bước trên mặt thành. Gã thốt thành tiếng:
- Tạm biệt nhé, thánh đường của ta.
Một trận gió đột ngột cất lên. Gió ào rít xoáy cuộn. Thuyên sợ hãi nép chặt vào ngực gã. Choãi chân, gã gồng người vững chắc như một phiến đá tảng dựng ngược. Mắt gã lại chạm vào những chiếc lông ngỗng trắng. Gió hất tơi tả, những chiếc lông xoáy tròn hút vào đêm. Và mưa. Mưa ràn rạt quật xuống. Người gã như tan ra. Gã khuỵ dần. Đến lượt gã phải tựa vào người Thuyên. Đêm cuối cùng của gã kết thúc.
°
Lanh chạy ào ra bờ suối chỗ vạt rau muống. Người hầm hập như sốt. Chỗ bàn tay nóng rực. Lanh xòe tay. Những nốt sần chai ửng hồng. Lanh nhìn xuống mặt nước. Cố tìm bóng mình ở mặt gương lặng phắc nhưng chỉ thấy nhập nhoà. Lanh xổ tung mái tóc. Còn đâu nữa, mái tóc ngày xưa. Không nuột nà, óng ả, mái tóc dù dầu dãi vẫn là tóc của con gái dầy dặn. Bây giờ nó xác xơ, mỗi lần vuốt lại vương mấy sợi bợt bạt trong lòng tay sần chai. Lanh gắng giữ người nghiêm ngắn, để hình mình đậu yên trong bóng nước. Vẫn không thể được. Nước trong suốt lạnh lùng. Mà thôi, cần gì phải nhìn ngắm. Lanh, mày điên rồi sao. Có cái gì đâu mà vẩn vơ, xốn xang. Cái anh chàng bơ bất kia, có quan hệ gì đến mày. Đừng vơ vào những cái không phải của mình. Kệ xác, hai mươi ba tuổi đã đâu phải già. Nhưng liệu chiến tranh còn kéo bao lâu nữa. Chúng nó chắc gì đã đùa. Biết đâu, nó lại chả thương mình mà vun vào thật sự. Bao nhiêu giằng kéo cùng lúc ùa đến. Hẫng hượm đã Lanh ạ.
- A, tương tư rồi. Hoan hô.
Cái Thu ở đâu xộc đến nhanh thế. Nó hệt như con ma xó. Lại cả con nỡm Sương nữa. Hình như hai đứa rủ nhau rình. Thế này thì tệ quá chừng. Lanh vờ cáu:

- Tao không đùa đâu nhá.
Cái Thu sừng sộ:
- Ai đùa với bà. Mặt như ăn vụng bị tóm kia, còn cãi gì nữa. Liệu mà khai cho thật. Thế nào, chàng nàng cắn câu chưa?
Không đợi Lanh trở lời, hai đứa xáp lại gần nhau, vờ vẫn làm bộ yêu đương. Đến mức này thì không chịu được nữa, quá mù ra mưa rồi, Lanh cáu thật:
- Chúng mày sao nỡ đùa ác…
Chỉ nói được có thế, Lanh đã thấy nghèn nghẹn nơi ngực. Chắc khuôn mặt Lanh hiện rõ nỗi nghẹn ngào, tủi phận nên hai đứa kia dừng ngay. Cái Thu lỗ mỗ:
- Chúng em đùa một tẹo thôi, chị buồn làm gì.
Cái Sương chêm vào:
- Cũng là để khây khoả. Nhưng mà, em nói nghiêm chỉnh nhé. Anh chàng kia ấy mà. Mặt mũi đấy chắc cũng là người lành, chị em mình gắng chăm sóc. Chả gì cũng được tiếng làm việc nghĩa.
May, chúng nó chưa biết đoạn cầm tay, cầm tiếc. Mọi việc qua rồi, người Lanh vẫn ran ran. Và đêm nào Lanh cũng xốn xang trong nỗi niềm mơ hồ không thể cắt nghĩa.
Gã hồi sức rất nhanh. Mình gã đã tự lần ra bờ suối. Người đã lại phổng phao, dù mặt vẫn xanh xao. Bộ quần áo của cái Sương, chả mấy lúc đã chật cứng. May, anh chàng người yêu Thu về kịp, nên gã được bộ quần áo tươm tất để mặc. Cái Thu đã lại cợt:
- Cứ như ngâm bột nở chị Lanh nhỉ.
- Nỡm ạ, không đùa đâu.
Mắt đánh sang anh chàng lái xe, nó cười toe toét:
- Chị chê, để em vậy. Em bao nhiêu cũng ít.
Tay kia không vừa:
- Thế hả? Đợi đấy nhé.
Của đáng tội, mặt gã vẫn ngô nghê nhưng cũng đã ra dáng lắm rồi. Gã hồi phục dần trí nhớ. Nói chuyện với tay lái xe, gã đã kể tương đối mạch lạc lai lịch của mình. Không có điểm nào nghi ngờ, mọi người yên tâm hẳn, không còn lo ngại gì về nhân thân của gã. Cùng cảnh lính tráng cả, thông cảm nhau rất dễ. Tay lái xe bàn:
- Cứ tạm để hắn ở đây. Lần sau về, tôi sẽ đưa hắn trả đơn vị.
Nghe được câu này, thậm chí gã còn biết cảm ơn. Mọi việc thế là tạm ổn. Ai cũng mừng. Có mỗi một điều, Lanh giấu mọi người. Những lúc kề cận, gã toàn nhầm tưởng Lanh với một cô gái nào đó tên Thuyên. Không biết là vợ hay người yêu. Cử chỉ của gã rất đỗi thân mật, âu yếm. Gã cầm tay Lanh đến hàng giờ và mồm thì liến thoắng đủ mọi thứ chuyện. Đã mấy lần gợi, để gã thấy sự nhầm lẫn nhưng tịnh chẳng một chút tác dụng. Lạ thật. Chẳng nhẽ gã giả vờ. Nhưng tình cảm của gã chân thành lắm. Người giả vờ không thể đạt được thế. Hẳn gã phải có căn cớ gì sâu xa. Chắc chắn gã có tình yêu với người con gái nào đó tên Thuyên. Có thế bây giờ, gã mới nhầm tưởng Lanh là người con gái đó. Lanh vô cùng lúng túng không biết phải xoay trở ra sao. Trong cơn mộng du miên mải, gã lảm nhảm toàn những điều Lanh không thể hiểu. Một lần khi bóng tối chầm chậm men vào khoang lán chật hẹp, bất ngờ gã choàng ôm lấy Lanh. Lanh cụng cựa, vùng vẫy. Đang yếu nhưng trong gã như tiềm ẩn một sức mạnh vô hình nào đấy. Người gã nóng rừng rực. Mắt gã phát sáng như có lửa châm. Gã ghì Lanh đến nghẹt thở. Không thể thoát được, Lanh cố dồn hơi để kêu cứu. Đúng lúc tiếng kêu nghẹn ngào sắp bật ra được thì gã đặt vào môi Lanh cái hôn bỏng rẫy. Nụ hôn đầu tiên, người con gái được nếm thử. Không có mùi vị. Cảm giác người như đông đặc lại. Cơ bắp toàn thân được dồn động để chống lại cái sự đông khó hiểu kia. Tiếp đến là cảm giác lạ lùng hơn, người tựa hồ như sắp sửa tan ra. Lần này thì không chống cự nổi. Cả đầu óc cũng quay cuồng. Chỉ đến khi gã buông lỏng người, Lanh mới hồi tỉnh được. Gã nằm vật ra sạp. Gã vẫn còn yếu. Mới cái hôn đã hụt hơi, thở hào hển. Mắt gã nhìn Lanh vẫn bừng bừng, quăng quắc sáng. Lanh phải quay mặt, không dám nhận cái nhìn ấy. Cũng không hiểu sao, chân Lanh bị ríu lại như thể có ai gò kéo. Cần phải rời khỏi căn lán ngay lập tức. Trái tim Lanh mách bảo thế. Song không đi nổi. Không thể đi nổi. Người Lanh run bần bật. Lanh đã mong đợi không biết bao nhiêu ngày cái hôn đầu đời. Từ lâu lắm rồi kia. Tận thuở còn là cô bé con tóc kẹp, quần cộc, chân đất, một buổi bỗng thấy ngực mình cứng nhức và những giọt máu hồng xíu xiu, lần đầu tiên lặng lẽ nhỏ giọt từ thân thể. Tuổi trẻ con chấm dứt từ đấy, để nhen lên ước muốn ban đầu. Cái hôn đã thành hình trong những năm tháng rong ruổi của đời thiếu nữ. Cái hôn chín dần, treo trong trí tưởng và mong đợi, kể cả lúc người Lanh suy kiệt nhất vì dầu dãi và sốt rừng. Đó là một cái hôn khác.
Hoàn toàn khác. Cái hôn đời của Lanh đã không đến. Đúng hơn, không bao giờ còn có dịp để nó đến nữa. Gã trai xa lạ, trong cơn mộng du điên đảo đã mang đến Lanh cái hôn dành cho một người con gái

khác. Tự nhiên, nỗi xót xa kết thành cơn tức giận trào lên. Chưa bao giờ Lanh giận dữ đến mức ấy. Có lẽ đó là kết quả của sự tự thị mình bị chiếm đoạt. Còn có cách gọi nào khác. Sự tức giận lớn đến mức, Lanh ngã vật ra. Cú ngã đẩy Lanh áp sát vào người gã trai. Không thể đòi lại từ gã cái hôn đời. Không cần biết gã đang là một kẻ đau yếu, nương nhờ. Bằng một sức mạnh không ngờ của cơn giận trào đến đỉnh điểm, Lanh thộp ngực áo, xốc gã dậy. Không thể biết Lanh sẽ tiếp tục những gì, nếu mắt gã không bỗng nhiên ánh những tia ấm áp, chan chứa và miệng gã thốt ra những lời dịu dàng. Thật dịu dàng:
- Em. Kìa em, mai anh đi rồi.
Lanh thõng tay, nức lên:
- Trời ơi…
- Mai anh đi rồi…
- Trời ơi!
Giọng nói của gã âm âm đến kịch bậc, âu yếm, da diết. Mơ hay tỉnh đây, gã thầm thì với Lanh hay với người con gái khác? Kìa, cái nhìn gần gụi xiết bao. Chẳng nhẽ lại là mơ. Gã đang nói với Lanh đấy chứ. Mắt kia, giọng đấy không dành cho Lanh còn dành cho ai nữa. Trời ơi, ngọn lửa từ mắt gã trai đã chuyển sang cho Lanh. Không còn giận dữ. Không còn dằn vặt. Không còn bất cứ một điều gì. Lanh choàng lấy gã trai, hấp tấp ghì chặt, môi kề môi. Bây giờ mới là cái hôn của Lanh. Ngọt ngào đến tê dại. Đích thị là nó. Không thể chượi vào đâu được, đúng như mong đợi. Mằn mặn, chan chát. Phải rồi, đúng là cái hôn của Lanh.
- Mai anh đi rồi.
Đi làm sao được anh. Hãy ở đây với em. Chiến tranh còn kéo dài. Dài bao nhiêu mặc kệ. Bom đạn phỏng có nghĩa lí gì với hạnh phúc chúng mình. Những cái hôn nối nhau, bất chấp bóng đêm đã bò kín đậm đặc khoang lán. Lanh như mê đi, hồn rộng ra, rộng mãi. Có cái gì tựa như tiếng hát lan toả trong cõi hồn cô. Tiếng hát chưa bao giờ Lanh từng gặp. Tay gã lần lần từng chiếc cúc áo quân phục. Bản năng phụ nữ khiến Lanh co người lại.
- Đừng, anh!
- Chúng mình là của nhau cơ mà.
- Đừng…
Tay gã dừng lại. Có một khoảnh khắc im lặng. Nghe rõ tiếng dồn của nhịp tim. Mồ hôi mệt nhọc túa ra ướt đầm. Tiếng gã thoang thoảng:
- Thôi ta về đi em.
Lanh hoảng hốt:
- Về đâu?
- Ta về đi. Tạm biệt. Em biết không, anh vẫn đang nhìn thấy những chiếc lông ngỗng trắng xoá trên đường. Trọng Thuỷ đúng. Đó là dấu vết của tình yêu!
Tiếng của gã đều đều nhỏ từng giọt. Từng giọt xoáy vào tim Lanh. Không phải. Không có cái gì dành cho Lanh cả. Cô đã nhầm. Vận hết sức, Lanh bịt lấy mồm gã. Không có cái gì của mình cả. Tiếng của gã lọt qua kẽ tay cô. Lanh vằng mạnh. Thuận đà, Lanh giáng một cái tát vào mồm gã. Tiếng nói im bặt. ánh đèn pin quét lấp loáng. Thu và Sương ào vào. Cả hai khựng lại. Lanh đổ vào vòng tay hai người bạn. Giọng cô lạnh buốt:
- Tha lỗi cho chị. Hãy tha lỗi cho chị.
Đó là tiếng nói của số phận. Mọi việc xảy ra sau đó chỉ cách chưa đầy nửa tháng.

B ẵng một dạo, cánh rừng trước cửa hang Dơi đột nhiên im ắng. Không còn những đoàn quân lớn di chuyển trên con đường chiến dịch. Xe cơ giới hầu như tiệt hẳn. Thi thoảng mới có một vài tốp quân nhỏ lẻ tẻ đi về. Họ có vẻ không vội vã. Phần nhiều, đó là đám lính thu dung đang tìm về đơn vị. Cũng có hôm, thấy cả bọn tàn quân, nhớn nhác chạy ngược trở lại. Nom nhếch nhác lắm. Đủ mọi sắc phục lính, đứa nào cũng tơi tả, không còn vũ khí, trần sì mỗi đứa một bộ quần áo trên người. Có thằng lanh lẹ, đã thuổng đâu được bộ đồ dân, vận vào để thay lốt. Rồi đến cả những đám lính ấy cũng không còn. Cánh rừng nằm im như ngủ. Thức bao nhiêu lâu rồi, giờ ngủ tràn cũng chẳng sao. Chim chóc trước giạt ở đâu, lúc cúc lần về từng đàn. Có cả những con thú thập thò từ bên kia núi mọ mẫm thăm dò. Hoà bình rồi chăng?
Các thành viên hang Dơi không còn ngụ yên trên chỗ của mình nữa. Tất cả đều mò ra cửa hang ngong ngóng. Mỗi người đeo đuổi một niềm riêng, trước sự im ắng bất thường này. Ông già chín năm bảo:
- Đây thuộc rẻo rừng cực Đông. Vùng này xưa hoang vắng, heo hút. Nhờ có chiến tranh nó mới tấp nập, náo động. Chim thú mò về là rừng im rồi. Các con này, cuộc chiến tranh đã đi ra khỏi rừng. Tất cả sắp kết thúc.
Có vẻ như thế thật. Thằng ngụy quỳ ngay trước cửa hang cầu nguyện. Chúa của nó thật may phúc có được những con chiên ngoan lành. Cô gái mừng vui

ra mặt. Cô không ngồi yên được lâu một chỗ. Chốc chốc cô lại rủ:
- Ta ra chỗ cây săng lẻ chơi đi anh.
Sau hôm ấy, cây săng lẻ là cái đích đến của các cuộc dạo chơi. Nó là cây tình yêu của tôi và cô gái. Thường, cô vẫn hay tha thẩn một mình. Dù rất thương cô, tôi vẫn không thể nào quen được những cuộc đi ấy. Tính tôi thế. Từ nhỏ tôi đã thích nhốt mình trong căn gác riêng. Có khi cũng chẳng để làm gì. Tôi chúa sợ ồn ào. Càng ghét lang thang. Hãn hữu lắm mới nhập vào cuộc chơi của chúng bạn. Những năm cấp ba, thì giờ rảnh rỗi tôi thường đóng chặt cửa ngồi đọc sách. Em gái tôi hay giễu:
- Anh hệt như công chúa cấm cung. Có điều, anh là công chúa chắc chẳng ai dại gì làm phò mã.
Có lần nó dẫn bạn bè của nó đập cửa thình thình, tràn vào. Chúng tàn phá tơi bời căn phòng tội nghiệp của tôi. Đứa nhăn mũi:
- Hôi quá!
Đứa cầm chổi:
- Làm cách mạng đi.
Sau những cuộc cách mạng ấy, quả tình căn phòng có thoáng đãng hơn thật. Nhưng chỉ sau vài ngày, lại đâu vào đấy. Tôi tiếp tục bám trụ như một ẩn sĩ đắc đạo. Lúc đã vào bộ đội, cuộc sống tập thể ào ạt cuốn đi mọi nếp sinh hoạt riêng lẻ, song tôi vẫn giữ được phần nào thói quen cũ. Ít khi tôi đi đâu, nếu không phải nhiệm vụ và không thật cần thiết. Bây giờ có cô gái, không như trước được nữa nhưng cũng chỉ thỉnh thoảng tôi mới đi dạo cùng cô. Cô bảo:
- Anh buồn cười thật đấy. May không phải ở làng em. Người như anh, lì xì thế chỉ có ôm đầu gối suốt đời.
Đấy là cô muốn nói tôi sẽ ế vợ. Ế cũng được. Cả A trinh sát, chả đứa nào tính khí như tôi. Bọn nó lúc nào cũng ồn ạo như phát cuồng. Ngọc khợp, một bữa ăn nhấp nhổm đứng lên, ngồi xuống không dưới chục lần. Cường choắt tợn hơn. Đóng quân ở đâu, chỉ vài ngày sau, nó đã thành thổ địa. Sục không bỏ sót một xó xỉnh nào. Mỗi thằng một tính, chẳng thằng nào giống nhau. Nhưng chúng nó chung ở một điểm: cuồng nhiệt với cuộc sống. Nói thế, không có nghĩa là tôi thiếu cuồng nhiệt. Sự hăm hở của tôi ở trạng thái tĩnh. Thắng vịt từng có lần phán về tôi:
- Thằng Phương ấy mà. Cốt cách của nó là cốt cách thành hoàng. Nó sẽ làm thành hoàng!
Không đứa nào dám gọi tôi bằng cái tên kèm ấy. Nghĩa văn tự của biệt danh "thành hoàng" làm chúng nó hốt. Bởi vậy, tên tôi trần trụi đúng như cha mẹ sinh ra, đặt cho. Ngẫm, thấy Thắng vịt có lí. Bây giờ, tôi chả là thành hoàng của hang Dơi là gì. Có lần, hồi kí hiệp định, Bình ních rủ tôi đi chợ cửa khẩu. Chợ búa là món xưa nay tôi chúa ngại. Thấy tôi từ chối, Bình ních cáu. Nó nhìn tôi từ chân lên đầu và ngược lại. Giọng rất đểu:
- Ngữ mày, may mà có chiến tranh, nên còn tiêu thụ được. Bằng không, chả được cái tích sự gì.
Tôi không nói lại, vì biết nói cũng bằng thừa. Chẳng có ai sinh ra dành cho chiến tranh đâu Bình ạ. Nhưng thôi, nói chuyện ấy làm gì. Bất luận thế nào, mỗi người cũng phải làm tròn bổn phận của mình. Trước ngày về ngụ hang Dơi, bổn phận của tôi chẳng có gì đáng để người khác phàn nàn. Những lần dạo chơi cùng cô gái, chúng tôi có rất nhiều chuyện để nói với nhau. Cũng vì hiện tại chẳng có gì, nên quá khứ bội phần sinh động. Sự im ắng của rừng có chi phối phần nào, song không vì thế tâm tình của chúng tôi bị cắt đoạn. Cô gái đặt tay lên thân cây săng lẻ, mắt nhắm nghiền:
- Ở vườn nhà, bố em trồng một cây bạch đàn. Thân cũng thẳng tắp và trắng ngà thế này. Tất nhiên, nó nhỏ gấp nhiều lần. Hồi chưa đi, em cũng hay đặt tay lên thân cây. Hệt như bây giờ. Giá biết trước sẽ được gặp anh, hẳn lúc ấy em đã ước. Đừng cười nhé, con gái nhà quê có gì, nói thế. Sau này, nếu anh không chê em, chúng mình sẽ cùng nhau đứng dưới gốc bạch đàn và…
- Đừng lo, anh sẽ đánh cây săng lẻ này về trồng ở vườn nhà em.
- Bịa!
- Không bịa đâu. Vì em, ấy chết, quên, có em, anh sẽ làm được tất cả.
- Ứ tin. Trai thành phố xạo lắm!
- Em đã biết thành phố vuông tròn thế nào mà quả quyết như đóng đinh vậy.
- Ừ nhỉ. Nhưng em đã ra thị xã rồi. Thị xã chắc chỉ thua thành phố chút ít. Chả cứ con trai, con gái cũng thế. Họ sống thế nào ấy. Đừng ngắt lời, để em kể cho mà nghe. Kề sát nhà em có một cặp. Tay chồng từng công tác ở nước ngoài. Không hiểu đầu, cuối thế nào, cưới một bà vợ thị xã. Chuyện chồng vợ chẳng có gì đáng phàn nàn. Hiềm một nỗi, chị vợ không thể xuôi chèo, mát mái được với gia đình chồng. Chị ta, người cũng trơn tru, ăn nói nhỏ nhẹ, nom mũm mĩm, ai nhìn cũng ưng. Vậy mà, chỉ đâu

được dăm tháng, rồi thì vợ chồng phải dắt díu đi. Cũng chả có cái gì lớn. Chị ta chỉ hay kêu ca, thêm cái tật hay nói "nhà quê". Bà mẹ chồng, nhịn như nhịn cơm sống, cuối cùng vẫn phải lên tiếng:
-Ừ, chúng tôi nhà quê đấy. Có con nhà quê này mới có cái mặt chồng chị. Tôi bảo cho nhà chị biết… Đấy, mới thị xã đã thế, thành phố còn đến đâu, ai mà biết được. Cứ cảnh giác là hơn.
Cô cười giòn tan. Cô có vẻ quá thích thú về kết luận của mình. Tôi đùa:
- Cũng may, bọn mình không thể cưới nhau được. Nên em chẳng có gì phải nghi ngại bọn trai thành phố.
Cô gái sững người. Mắt chớp chớp. Cô vòng tay cố bám vào thân cây săng lẻ. Thấy bờ vai cô rung bần bật, tôi luống cuống không hiểu. Vai cô rung mạnh hơn. Cô khóc. Mãi sau tôi mới hiểu. Sao mình vô tâm đến thế. Tôi đã vô tình khơi vào nỗi đau của cô. Đó cũng chính là nỗi đau của tôi. Nỗi đau mang từ nhân gian. Nỗi đau tưởng dứt cõi sống trần thế sẽ trút bỏ được. Nhưng không, cuộc đời vong hồn vẫn ôm giữ trọn vẹn những khao khát cháy bỏng. Bởi vậy, nỗi đau kia mãi còn – Nỗi đau của những chiếc lá rụng lúc còn xanh. Cố gắng hết mức tôi cũng không cất nổi một lời an ủi cô gái. Cứ thế cả hai cùng im lặng. Rất lâu sau, cô buông khỏi thân cây săng lẻ. Cô nhìn rất sâu vào mắt tôi. Và cô nói rành rọt:
- Hoà bình, em sẽ về thăm thành phố của anh!
Nhất định thế! Tôi sẽ đưa em về thành phố yêu dấu của tôi. Từ căn gác nhỏ nơi tôi đã sống, tầm mắt em sẽ ngút vào sắc xanh của sóng nước Hồ Gươm. Em sẽ thấy Tháp Rùa rêu phong cổ kính. Tôi dẫn em đi một vòng Bờ Hồ. Này, cây lộc vừng thân ngả. Ngày nhỏ tôi hay chuồi xuống sát mặt nước, trên chiếc cành ngang la đà. Hẳn em sẽ thích những dây hoa lộc vừng giăng giăng rất đẹp. Đây cầu Thê Húc cong cong. Em nhìn xuống mặt nước. Sao nó xanh thế nhỉ. Cảm giác, có thể cắt lát mặt hồ xanh thẫm thẫm ra được. Nhìn lâu, thấy xanh rờn cả mắt. Em gái tôi ngày trước cũng thế. Nó tưởng tượng mặt hồ là đĩa thạch khổng lồ. Ôi, trí tưởng tượng trẻ thơ… Còn đây là Tháp Bút, Đài Nghiên. Văn hiến đấy, bốn ngàn năm đất nước mình viết bằng ngọn bút này, bầu mực này. Ngọn bút mang hồn thiêng của mũi tên thần An Dương Vương, mang tinh khí của thanh gươm Lê Thái Tổ hoàn trả Rùa thần. Và mực chính là máu. Máu của từng thế hệ kế tiếp nhau. Trong đó có phần máu ít ỏi của tôi và em.
Tôi đưa em lên tầng chót của nhà Thuỷ Tạ. Gió lồng lộng thổi. Đây là gió của sông Hồng mặn mòi phù sa. Em xoà tóc. Mái tóc sốt rừng của em, dẫu thưa thớt vẫn mượt bay, óng lên trong ánh đèn đêm. Em biết không, ngày tôi đi đang mùa đông. Đêm cuối cùng, hai anh em tôi dẫn nhau lên căn gác thượng này. Rét lùa như kim châm tí tách vào da thịt. Đã thế, tôi còn ôm lên cả một bọc tướng kem que, Hà Nội mùa rét vẫn có kem. Lạnh đến mức từng que kem khô róc không chảy được. Tôi ăn chậm rãi. Lạnh tê cứng hàm răng. Em gái tôi bảo:
- Anh hâm à. Rét mướt thế này.
Có gì đâu, tôi muốn mang theo một ấn tượng đặc biệt về cái lạnh quê hương. Lúc ấy tôi nói với em gái:
- Để không bao giờ anh quên được Hà Nội.
Làm sao tôi có thể quên được. Chuông tàu điện leng keng. Cũng chỉ Hà Nội mới có tàu điện. Sáng nào tầm bốn rưỡi, bố tôi cũng thức dậy pha trà. Đã thành quen, chuyến xe điện đầu tiên leng keng đi qua, thành cữ báo thức. Tôi nằm im nghe rõ tiếng rít của bánh xe xiết vào đường ray. Âm thanh ấy, bây giờ vẫn vẹn nguyên trong tôi.
Tôi cùng em đi lang thang khắp thành phố. Cái gì em cũng lạ lẫm:
- Nhiều cây to như ở trong rừng ấy nhỉ?
Tôi thèm thuồng nhìn những trái bàng mỡ rụng đầy gốc. Trẻ con đâu hết nhỉ? Ngày xưa, chúng tôi cấm để thoát một chú nào. Bàng mỡ ruột vàng. Bàng đào hồng rực. Ăn hết cùi đập hột, lấy nhân. Chả bõ bèn gì nhưng tranh nhau phải biết. Hay là bây giờ hoà bình rồi, bọn trẻ con không thèm thứ quả phập phèo này nữa. Buồn cười, chúng tôi lấy lá bàng làm mũ vua, mũ quan rất ngộ. Lại phân tước vị từng đứa, theo kiểu truyện Tam Quốc. Đứa làm vua, mặt mày hớn hở. Gặp thăm phải vai gian thần phản nước, buồn đến hết buổi.
Tôi giảng giải rất lâu cho em hiểu về cụm từ "dân trèo me, trèo sấu" mà cánh lính thường gọi những thằng trai Hà Nội. Gốc sấu già này có từ hồi nảo, hồi nào. Nó là chứng nhân tuổi thơ của tôi. Chắc em không hình dung ra nổi. Có một trận mưa rào. Thằng bé con mười tuổi bươn bả chạy. Cả một bụng áo may ô phồng đầy sấu chín. Mưa quất ràn rạt. Thằng bé vẫn chạy. Bỗng nó vấp ngã sõng sượt. Bụng sấu ào ra. Những quả sấu chín, vàng xuộm, tung toé lăn dài giữa đám bong bóng nước phập phồng. Thằng bé vùng dậy, cuống quýt nhặt. Lại ngã. Những quả sấu tròn lại ào ra, lăn đi, lăn nhanh.

Thằng bé ấy là tôi. Em không hiểu thật, cứ ngơ ngác, ngơ ngác mãi.
Tôi tiếp tục dẫn em đi vào miền riêng của tôi. Những kí ức đằm sâu, thân thương. Sao lại gọi là Quán Gió? Tôi cũng chịu không biết vì sao. Thành thử phải toét miệng cười trừ. Công viên Thống Nhất. Thống nhất rồi còn gì? Ừ thì thống nhất, vẫn tên gọi ấy để nhớ ước mong một thời. Hồ Tây bát ngát. Sao lại gọi là Hồ Tây? Lại cười trừ.
- Đằng ấy nhiều thứ không biết thế?
Hắn mặt tôi phải đỏ lắm. Ngượng thật. Nhưng làm sao biết hết được mọi thứ hả em. Ngày đi, tôi mới là thằng trai mười bẩy tuổi, đầy bỡ ngỡ và vụng dại, đã kịp biết nhiều đâu về thành phố của mình. Đường Thanh Niên lồng lộng. Công nhận Hà Nội nhiều gió thật. Em khẽ thở dài khi gặp một tốp thiếu nữ quần trắng, áo dài đủ mầu. Gió phần phật vẫy phấp phới những tà áo. Hoà bình rồi mà em. Con gái cần phải làm đẹp. Bao nhiêu năm chắt chiu. Không, em có ghen tị gì đâu. Em đang chia sẻ niềm vui đấy chứ. Mắt em thả vào mặt hồ. Nước Hồ Tây xanh trong, in bóng những đám mây lững lờ đủ màu. Những con chim đậu rất tài tình trên mặt sóng. Đấy là chim sâm cầm. Những con chim dập dình trên mặt sóng tự do, yên bình quá. Chợt em ngoảnh mặt. Những chiếc thuyền pê-rít-xoa quấn quýt. Những chiếc thuyền đôi từng rẽ sóng lướt vào thi ca. Ai trong những cặp tình nhân kia vừa đi ra khỏi cuộc chiến. Họ xứng đáng được hưởng hạnh phúc này. Còn chúng mình thì sao? Chúng mình cũng hạnh phúc đấy chứ. Anh đang chẳng cạnh em đây là gì. Dù vẫn biết rằng, đó không phải là thứ hạnh phúc trần gian. Có sao đâu, hạnh phúc nào chẳng là hạnh phúc. Chúng mình được bên nhau là đủ.
Cứ thế hai chúng tôi miên mải khắp thành phố kỉ niệm. Đường phố còn đầy vết tích chiến tranh. Em lặng cúi đầu trước bia căm thù phố Khâm Thiên. Em đòi bằng được, đi trên cầu Long Biên. Em dừng rất lâu trước cửa Bắc thành. Cổng đá uy nghiêm. Rêu phong bờm phủ. Chuyện Hoàng Diệu tuẫn tiết, em đã được học. Thành Hà Nội hay thành Hoàng Diệu là một. Em chỉ vào những vết hoắm trên mặt cổng thành:
- Những vết gì đây?
- Đây là vết đạn đại bác của quân Pháp bắn vào.
- Bắn từ thời cụ Hoàng Diệu hay trong kháng chiến?
Lần này tôi không cười trừ. Không phải tôi không biết, thời nào cũng thế thôi em ạ. Những phát đạn ngoại xâm bắn thời nào cũng thế, đều là nỗi đau dân tộc.
- Anh trả lời đi. Bắn từ thời nào?
Tôi không trả lời. Chúng tôi lặng lẽ đi dưới tán cây rậm roà đường Phan Đình Phùng. Hãn hữu, nắng mới đọt xuống được dưới gốc. Chợt em dừng lại, mắt ngước lên vòm lá. Hình như em vẫn chưa thôi ám ảnh về những vệt hoắm trên cổng thành đá. Tiếng em buột ra:
- Sao dân mình nhiều đời đánh nhau thế nhỉ?
Em không hỏi tôi. Em tự nói với mình. Tiếng của em bồng bềnh, loang dần dần. Những giọt âm thanh đậu lại trên chiếc lá con mỏng tang. Mắt em lọt vào một ô trống. Em vẫy tôi rối rít. Khoảng trống đỏ hồng. Nắng rờ rỡ. Trong ô nắng ấy in hình lá quốc kì đang bay. Màu đỏ loang loang trong nắng gió. Em thốt lên:
- Cờ đỏ.
Đấy là lá quốc kì trên đỉnh Cột Cờ. Tôi thấy người em run lên. Mắt em ngân ngấn. Em đang xúc động mạnh. Bất chợt tôi thấy người em hồng rực. Toàn thân em như đang choàng lá cờ của Tổ quốc. Bây giờ, chắc em đã tự trả lời được điều em buột ra ban nãy. Cần phải thế em ạ, những cuộc chiến tranh, để lá cờ được tung bay giữa mênh mang bầu trời.
Có mùi hương thơm ngái lan toả. Em thích thú hít căng lồng ngực. Tôi thầm thì vào tai em:
- Đấy là hương hoa sữa.
°
Thằng lính ngụy, hoá ra cũng nôn nóng hoà bình không kém. Suốt ngày nó cầu nguyện không biết mỏi.
- A men, lạy đức chúa Jê su xin hãy đến!
Tội nghiệp, chúa đã bỏ sót nó. Nếu không, dù không được rước lên thiên đàng, nó cũng ít nhất thoát khỏi nơi này. Nơi, chắc chắn nó chẳng dễ chịu gì. Nhưng thôi, đánh đồng với hoà bình, chúa của nó chắc cũng chả bị thiệt. Thành thử, niềm tin của nó rất có cơ sở. Hoà bình nhất định sẽ đến. Ông già chín năm bảo nó:
- Ta lạ là con mong mỏi hoà bình dữ vậy.
Nó vẫn nguyên trong tư thế cầu nguyện, đáp:
- Sao lại không. Con mong mỏi về nhà lắm lắm!
Nó đã nhiều lần chạy được giấy hoãn quân dịch, cuối cùng vẫn phải chịu chết. Dạo này, ông già chín năm đã đổi cách xưng hô. Ông gọi nó là con, ngang bằng tôi. Ông bảo:

- Mọi hận thù phải xoá bỏ hết. Cần phải xoá bỏ. Có thế, vết thương mới mau lành. Nay mai, đến cả cõi dương cũng vậy. Rồi các con xem…
Nay mai thì tôi không biết. Nhưng bây giờ, tôi có thể chấp nhận được. Từ lâu, tôi đã coi nó bình đẳng với tôi. Thâm tâm, tôi chỉ căm ghét bộ lính dù nó vận trên người. Còn bản thân nó, loại đi những ý nghĩ về sự đối nghịch hàng ngũ, nó cũng là một con người bình thường. Thậm chí, có lúc mải mê đàm đạo, tôi quên béng mất mình và nó từng cầm súng bắn vào nhau. Chỉ duy nhất cô gái không chấp nhận thằng lính. Nỗi đau riêng của cô quá lớn. Trái tim đau kia không còn chỗ cho sự bao dung. Cô bảo:
- Dương sao, âm vậy. Nếu cần thiết phải có một cuộc chiến đấu, em sẽ không từ chối.
Thằng lính biết rất rõ điều này. Nó ý thức được lòng căm thù của cô gái. Nó hạn chế tối đa chạm mặt với cô. Thường, nó lùi tít vào ngách hang của nó.
Lại nói chuyện thằng ngụy. Hoá ra nó là người bồn chồn nhất. Từ đây, đường chim bay về đến nhà nó chỉ chưa đầy trăm kilômet. Má nó đã phải vất vả nhiều song không cứu được nó. Chạy quân dịch tốn kém lắm. Khổ, nhà có khá giả gì cho cam. Bì sao được với con nhà thần thế. Đã tiền lại có quyền. Ra, thời nào cũng vậy, chỉ anh nghèo là khốn nạn.
Thằng ngụy kể, nhà nó đông người. Ba má đều dân lao động. Anh, chị em mỗi người mỗi nghề, mình nó được học hành tử tế. Cả nhà trông vào nó sẽ thành này, thành nọ. Niềm mong ước ấy đã tan thành mây khói. Má nó chắc buồn lắm. Ngày nó bị bắt lính, má nó khóc, bảo:
- Con ráng giữ mình. Có bề nào, chắc má chết luôn.
Bây giờ, bặt tin con, người đàn bà ấy chắc đêm ngày mong mỏi. Người mẹ Việt nào không thế. Tôi cố hình dung ra khuôn mặt mẹ thằng lính. Chắc cũng là khuôn mặt dầu dãi. Và những giọt nước mắt lăn trên gò má nhăn nheo. Tôi tin vào những giọt nước mắt của bà.
Tự nhiên tôi nghĩ đến mẹ của tôi. Bà cũng đang mong tin con. Mong lắm. Dẫu rằng, những giọt nước mắt của bà mẹ thằng ngụy cũng được chắt từ tình thương yêu mẫu tử, những giọt nước mắt ấy, ai dám bảo không chân thành, tôi vẫn quả quyết rằng, nước mắt của mẹ tôi khác. Không cần giải thích nhiều về sự khác biệt. Chỉ điều này thôi. Mà cũng chẳng cần phải dông dài.
Hồi tôi làm đơn tình nguyện, chưa kịp báo thì mẹ đã biết. Mẹ bảo tôi:
- Chuyện hệ trọng sao không nói với mẹ trước?
Tôi lúng túng chưa kịp trả lời, mẹ đã lại nói:
- Trai thời loạn, con nghĩ thế, mẹ mừng cho con. Có điều đi đánh giặc, gian khổ, con gắng chịu đựng. Làm điều gì không phải là có tội con ạ.
Mẹ tôi chắc sẽ không chịu đựng nổi nếu tôi chui nhủi, trốn tránh nghĩa vụ của mình. B52 đánh Hà Nội, bố tôi viết thư vào, kể: "Phương ơi, trong tiếng bom B52 con có biết mẹ con nghĩ gì không? Tuyệt nhiên bà không hề nghĩ đến nguy hiểm trên đầu. Lúc ấy bà nghĩ đến con: "Thằng Phương nhà mình yếu lắm. Gió mùa đông bắc thế này không biết nó có chịu quàng khăn không? Chắc là nó rét lắm, thằng Phương…".
Đấy, thực lòng tôi không muốn so sánh. Thằng ngụy có vẻ ngẫm nghĩ rất lung. Sau cùng nó bảo:
- Tôi hiểu.
Ông già chín năm, mặt vời vợi ưu tư. Ông cũng có một bà mẹ mong đợi. Ông quay sang thằng ngụy:
- Nếu cầu nguyện, con hãy cầu nguyện cho nước mắt của tất cả các bà mẹ. Con hãy bảo với Chúa Trời rằng, đủ rồi, nước mắt thế đủ rồi, nếu có phép mầu, Chúa hãy làm cho nước mắt của các bà mẹ ngừng chảy.
°
Hôm ấy là một ngày khác thường. Buổi sáng trời quang, mây tạnh. Quãng trưa, trời vẫn xanh nhưng toàn bộ các cánh rừng, mây đùn cuồn cuộn, kết thành những đám lớn đủ mầu. Cô gái kêu lên:
- Mây đẹp quá.
Những đụn mây là là quấn quýt bên nhau. Có đụn trắng xốp như bông. Có đụn xanh, tròn như một chiếc lá sen. Có đụn vàng óng như một nấm rơm mới. Có đụn nâu sậm lù lù. Lại có đụn đỏ rực. Có cả bè mây đen lừ lừ giạt phía cuối rừng. Nhiều nhất là những đám mây kết mầu. Trời vẫn xanh. Gió u u thổi. Cô gái không ngớt miệng trầm trồ. Thằng ngụy lồi mắt ngơ ngác không hiểu. Tôi cũng thế, người cứ nhấp nha nhấp nhổm. Chỉ có ông già chín năm là yên vị. Ông xếp bằng ngồi ở phiến đá cửa hang. Ông nhìn trời, nhìn mây, nhìn đất, lại quay nhìn vào hang. Miệng ông cứ tủm ta, tủm tỉm. Ông vuốt râu cười ngắc ngư. Râu, đấy là ông vuốt tưởng tượng. Mái tóc của ông trắng không còn một sợi đen nào từ sau cái đêm dạo nọ, xập xoà bay trước gió. Mắt của ông rực sáng. Lạ thật, ông cứ tủm tỉm cười mãi.
Mây tiếp tục kéo lên ùn ụn. Trời vẫn bát ngát xanh. Âm thanh không biết từ đâu vẳng đến, rộn rã. Chịu,

không phân biệt được tiếng gì. Chim nhiều lắm, vỗ cánh lẫn vào mây. Cả dơi trong hang cũng túa ra, chấp chới đảo những vòng bay kì dị. Bất chợt, ông già chín năm đứng dậy. Thấy tay ông dang ra. Tiếng ông cất lên trầm vang:
- Hoà bình rồi! Các con ơi, hoà bình rồi!
Cô gái reo lên. Tiếng reo háo hức như đứa trẻ đang mong chợt thấy mẹ đi chợ về:
- A, hoà bình. Hoà bình!
Thằng ngụy lập cập quỳ xuống. Nó làm dấu thánh giá và miệng lầm rầm khấn. Cuối cùng chúa của nó cũng đã đến. Đức tin của nó được dịp thốt thành lời:
- A men…
Cô gái quá sung sướng đã chạy vút vào rừng. Hình hài cô thấp thoáng trong mây. Người cô óng ánh đủ màu sắc. Tôi thấy ngực mình nghèn nghẹn. Cảm giác nghèn nghẹn mãi dâng. Cả lồng ngực trĩu nặng. Chẳng nhẽ cảm giác đầu tiên của hoà bình lại thế này. Tôi hỏi ông già chín năm:
- Hoà bình thật rồi ư?
- Thật rồi con ạ!
- Nhưng tại sao ông biết?
Ông già chín năm vuốt râu, tủm tỉm cười:
- Ta đã ở đây hai cuộc kháng chiến. Ta biết! Con hãy nhìn kĩ những đám mây. Đấy là linh hồn của những người chết trận đang trở về quê hương, bản quán.
Ngực tôi nặng thêm. Hệt như có đá tảng chất chồng trên đấy. Những linh hồn… tôi cố hất tảng đá xuống khỏi lồng ngực. Thằng ngụy đã thôi cầu nguyện. Chắc nó đã gặp được chúa. Không biết chúa của nó có quở trách gì không mà mặt nó buồn đến thế. Buồn nẫu. Nó vẫn quỳ. Lần đầu tiên tôi thấy nó ở trong tư thế ấy nhưng không cầu kinh. Tiếng của nó rành rọt:
- Má ơi!
Đá vẫn đè nặng trĩu. Tôi vừa nhìn thấy những người lính đi trong rừng. Mang theo cả sức nặng của đá, tôi băng xuống. Những người lính thấp thoáng. Tôi cất tiếng gọi khản đặc: – Đợi tôi với, các bạn ơi. Đợi tôi với… các anh ơi…
Mọ mẫm mãi, tôi cũng xuống được vạt rừng. Mặc tiếng gọi của tôi, cả đoàn quân vẫn hăm hở bước. Mặt ai cũng hớn hở. Phải đến một tiểu đoàn. Nhìn cũng biết đủ mọi binh chủng. Không có ai trả lời tôi. Họ cười nói ồn ĩ vui vẻ lắm, hoà bình rồi mà. Thoáng chốc, cả tiểu đoàn âm binh đã diễu qua. Ban nãy, mây còn ngùn ngụt giờ đã tạnh vắng. Rừng lại trở về quang quẻ. Tôi ngồi bệt xuống đất. Mắt đăm đắm nhìn vào vệt đường. Những dấu chân còn tươi nguyên. Đầu óc mông lung, tôi cố nghĩ một điều gì đó để khoả tan nỗi tủi quạnh lúc này. Không nghĩ nổi một điều gì cả. Giấc mơ về Hà Nội cũng không đến. Không biết thời gian đã trôi bao lâu.
Ông già chín năm đứng ở cửa hang, tay hươu hươu kêu gì đó. Không rõ tiếng, thấy ngân dài như hú. Có lẽ ông gọi chúng tôi về. Đúng lúc chân tôi đã dợn bước, chợt thấy vạt đất ven đường đụng cựa. Rung rinh cả mặt đường. Chẳng nhẽ động đất. Hồi 73 tôi đã được chứng kiến động đất. Ban đầu cũng rung rinh như thế. Một lát, bất thần cả một sườn đồi nứt ra, ụp xuống. Kinh lắm, nổ rền rền cả chuỗi dài, không một thứ bom đạn nào do con người chế ra sánh được. Hôm ấy cả A trinh sát hút chết. Cả bọn cứ ngây ra, chân líu ríu như bị trói, không một đứa nào kịp chạy. May thế, chỗ đồi sụt, cả bọn vừa đi qua xong. Cú đó khiếp đến nỗi, sau đấy, không một thằng nào dám ho he bình phẩm. Đến Thắng vịt, chuyên khua mép phão chuyện âm dương cũng ngậm hột thị.
Đất rung gần cả chân. Tôi thấy lại cảm giác ơn ớn dạo nào. Sực nhớ đến tình cảnh mình. Việc quái gì phải sợ. Sụt thế, chứ sụt cả khu rừng này cũng làm cóc gì được tôi. Thấy "cách" một cái, đất nứt ra thật. Thành một vệt dài ngoằn, mầu đất sậm nâu như mầu máu đông. Nói cứng, nhưng tôi vẫn thấy ngột tim. Tôi nhắm mắt chờ tiếng nổ của đất sụt. Ắng như tờ. Thoảng thoảng mùi thơm hăng hắc của dầu diệp, bèn mở mắt, thấy trồi lên từ kẽ nứt, chiếc mũ tai bèo có đính lốm đốm những mẩu dù hoa bé xíu rất ngộ. Hiện dần dần khuôn mặt, rồi cả người một gã lính rất kẻng. Gã vận bộ Tô Châu xanh bóng còn nguyên nếp gấp. Cả đôi dép rọ trắng cũng mới khựng. Chà, thằng cha nom thật hách, cứ như đi duyệt binh vậy. Quá bất ngờ, tôi trân mắt ngắm. Gã nhún nhẩy co chân, duỗi tay. Lại múa may hết lượt mấy chục động tác võ thể dục. Nhìn mặt, biết đang phởn, cứ hơn hớn như đào xuân hé nụ. Đoạn, gã cúi xuống kẽ nứt lôi lôi, kéo kéo. Mồm giục giã liên hồi:
- Dậy, dậy. Dậy đi mày. Ngủ gì mà kĩ thế.
Lát sau, gã lôi lên mặt đất một bọc tướng, dài khượt. Tôi dụi mắt cố nhìn. Hoá ra đấy là một cái xác được gói bọc rất kĩ. Phía ngoài trùm tăng có quấn dây dù cẩn thận. Những cái xác thế này, tôi gặp đã nhiều. Dạo đánh núi Quýt, không quân ngụy

giã xuống toàn bom tấn. Bom quật thế nào văng lên một bọc hệt bây giờ. Rơi bịch ngay cửa hầm chốt. Dứt bom chạy ra, thấy sức ép đã thổi tướp lớp võng, tăng bọc ngoài. Riêng thi thể còn nguyên vẹn. Thịt da cứ tươi roi rói. Đấy là xác liệt sĩ hồi Mậu Thân. Dạo đó điều kiện chiến trường còn khắc nghiệt, lại hi sinh nhiều, hậu cần không lo kịp quan tài, đành gói vào tăng võng chôn tạm. Hôm ấy chốt có tôi và Thắng vịt. Hai thằng đang chưa biết tính bề nào, chợt thấy thi thể người lính rùng rùng. Đánh nhoàng một cái thịt da, đầu tóc, quần áo tan ra như có phép thần, hoá thành một cột khói mỏng tang, bốc thẳng đứng. Có cảm giác cột khói bốc đến tận đỉnh trời. Chớp mắt, đã thấy thi thể tan hết, còn lại độc xương cốt. Sạch sẽ hệt như xương bốc mộ được tẩm rửa cẩn thận. Thắng vịt hốt quá nhắm tịt mắt, khấn lầm rầm. Sau đó mang chôn lại, đắp như mả thường, có mộ chí hẳn hoi. Xong xuôi việc, Thắng vịt mới bảo:

- Thiêng lắm. Người hoá thế, lên giời ít cũng phải làm vua một xứ.

Chuyện ấy thì tôi chịu. Có đánh đu với con nhà giời cũng không thể biết. Kể lại, không một đứa nào tin mới ức.

Gã kia mồm vẫn giục giục:

- Nào, chui ra đi mày, gan thế?

Cuối cùng, người trong gói tăng chui ra, dụi dụi mắt.

- Khiếp, làm một giấc ngon quá. Ngủ đã đời.

Người lính này cũng ăn diện không kém. Chừng như anh ta còn tiếc giấc ngủ dài, làu bàu:

- Gì mà mày ầm ĩ thế. Chả ngủ còn biết làm gì.

Gã kia cười toáng lên:

- Hoà bình rồi bố ạ. Thiên hạ người ta rầm rầm đi về, bố còn tiếc giấc ngủ xó rừng này. Đấy, thích thì ngủ nữa đi.

- Hoà bình thật à?

- Chứ lại không!

- Thằng Cương đâu?

- Ừ nhỉ. Nó biến đâu mất dạng. Gọi to xem nào.

Tiếng gọi cất lên rền vang. Hoá ra mấy ông tướng này nằm đây đã lâu. Có mộ phần, được nhận hương khói, thảo nào các bố im tiếng thế. Người lính tên Cương đi đâu, tất tả chạy về:

- Đéo gì mà ồn ã như có loạn ấy. Bảo mãi rồi cứ vác tên cúng cơm người ta ra réo. Để vợ tao giật mình, chúng mày liệu liệu cái thần hồn.

- Bố nằm mục xương ở đây, vợ bố lại chả kịp lấy đến hai đời chồng nữa rồi. Đâu đến phần bố mà giật mình. Rõ tinh tướng.

- Thế nãy giờ mày đi đâu?

- Ngó nghiêng xem binh tình thế nào. Đằng kia đông lắm chúng mày ạ. Lập thành trạm hẳn hoi. Có cả xe ca chở quân, không phải đi bộ như lúc vào đâu, tươm lắm.

- Đi, bọn mình đi đi, kẻo ở nhà mong.

Bóng những người lính khuất dần. Tôi nghẹn ngào nhìn theo. Họ đang đi về nhà của họ. Chao ôi, niềm vui ấy mới lớn lao làm sao. Họ không hề nhìn thấy tôi, dù tôi đứng sát cạnh. Phận vong hồn là thế. Nhìn thông bốn cõi nhưng chẳng cõi nào biết đến mình. Ví thử, họ biết tôi, đồng đội của họ đang đứng đấy, thèm khát có được niềm vui kia, hẳn những người lính sẽ không làm ồn ĩ. Nếu không chia sẻ được, họ biết phải làm gì. Mà thôi, xin chúc mừng các anh. Xin chúc mừng cuộc diễu binh âm thầm của những linh hồn liệt sĩ.

Tôi miên man đến bên cây săng lẻ tự bao giờ. Cô gái cũng thế. Cô đặt tay lên thân cây trắng ngà. Có vẻ như cô đã đợi tôi từ lâu lắm. Niềm vui hòa bình đã lắng xuống. Chắc cô đã chứng kiến cảnh những người lính rời bỏ khu rừng. Và cô đã hiểu ra tình cảnh mình.

Hai chúng tôi đứng bên nhau. Cây săng lẻ hôm ấy như to hơn, cao hơn. Trời vẫn xanh. Xanh như không thể xanh hơn được nữa. Nắng sóng sánh vàng. Mây đã cuộn cả về phía cuối trời. Phía ấy, mẹ tôi, em tôi, những người thân của tôi đang mong đợi tôi trở về. Con chưa thể về ngay được mẹ ạ. Hẫy tha lỗi cho con. Em gái của tôi. Em hãy giữ cho riêng mình tiếng hót của con chim liếu điếu. Đó là tiếng hát của cõi hồn anh. Rồi đây, những thằng lính của A trinh sát sẽ lần lượt trở về. Cả những thằng sống và thằng chết. Chúng mày hãy đến đấy. Ngôi nhà nhỏ ven hồ Hoàn Kiếm. Chúng mày hãy bảo với mẹ tao, gia đình tao, rằng: “Tất cả hãy yên lòng. Thằng Phương chưa về ngay đâu. Nó còn bận. Hãy yên lòng. Nó đã làm xong phận sự của nó. Thằng Phương sẽ về. Nhất định nó sẽ về!”.

- Kìa, sao anh lại khóc?

- Không, anh có khóc đâu. Anh mừng quá đấy mà. Từ nay không còn chiến tranh nữa…

- Nhưng…

Cô gái không nói được hết câu. Những giọt nước mắt của cô tròn, to, lóng lánh lăn xuống má, loang vào lớp vỏ cây trắng ngà. Cây săng lẻ chao

nghiêng. Những dấu khắc, những kí hiệu, vết chặt chém trên thân cây, từ nay vĩnh viễn thành dấu vết một thời. Những giọt nước mắt nóng bỏng này là thứ sau cùng, cây săng lẻ nhận của chiến tranh. Tất cả đã kết thúc. Giọt nước mắt của cô gái đã trả cây về với rừng thẳm.

Đột nhiên tôi thấy bừng trong mình hi vọng mãnh liệt. Đừng khóc nữa em. Chúng tôi lặng nhìn vào mắt nhau. Hai đứa trao gửi, đón nhận từ nhau niềm hi vọng kia. Nhất định thế. Chúng tôi sẽ trở về. Sẽ trở về!

T hắng vịt tọt vào lều nhanh còn hơn thỏ.ục ịch, vụng về nhưng ở những trường hợp đặc biệt nó lanh lẹ không kém một ai. Cường choắt vác súng sục kĩ các bụi cây. Tối mò mò, bốn bề đen như hũ nút. Bấm đèn đến mỏi tay cũng chả thấy dấu vết gì khả nghi. Nó chĩa súng lên trời "phạch" một cái lầu bầu:

- Ông con thần hồn nát thần tính, có cóc khô gì đâu.

Long tẩu đang chết dở vì bị nấc, ợ khan:

- Tao bảo rồi mà. Thằng này cứ nốc nhiều bao giờ chả sinh chuyện.

Thắng vịt cáu:

- Suýt nữa nó xơi tái tao. Rõ ràng, tao ngã đè lên người nó. Thấy chạy về phía nhà con bé.

Bình ních bật ngay dậy:

- Thế hả? Thế thì đúng rồi. Đúng là bố con bé kia. Thằng này đáng ngờ lắm. Sáng mai phải xộc vào thật sớm.

- Chắc gì, – Cường choắt vẫn lầu bầu, – tin thế nào được thằng bệu. Bao nhiêu lần rồi.

Bình ních quả quyết:

- Thằng Thắng vịt chỉ bạo về đường âm còn thì nhát như cáy. Nó không bịa đâu. Kia kìa, ông con vẫn đang còn run như dẽ mắc lưới.

Run thật. Thắng vịt xưa nay vốn chẳng mạnh mẽ gì. Ngang tắt, đêm hôm nó thuộc loại đầu bảng, từng ngủ ngon lành cạnh xác chết. Nhưng khoản va chạm dương thế, nói công bằng, nó cũng khí kém thật. Ấy vậy mà mấy lần gây ra chiến tích, lại nhờ vào chỗ kém người này.

Một lần đi với đại đội 57 li, Thắng vịt ngủ đêm cùng cánh lính pháo. Cửa nhà bạt thông với hầm pháo. Buổi tối, chả biết trà lá thế nào, đêm cứ dậy tiểu soành soạch. Quãng nửa đêm, ông con mót cứng bụng lần ra. Mấy lần trước còn trăng, nên chịu khó ra xa. Lần này trăng tắt, trời tối nhờ nhờ nên ông con hốt. Có người gác thật nhưng nói dại chỉ vài thằng thám báo phục ngoài, loạng quạng bị nó chịt cổ có mà giời cứu. Nghĩ thế, Thắng vịt nhìn trước, sau, đứng ngay cửa lều tương xuống. Ngày mai, có khai một tí cũng biết đếch thằng nào. Đang roè roè chợt thấy cục kịch phía dưới. Mắt nhắm, mắt mở vẫn nhận ra ngòm ngòm ngay dưới chân một đống vằn vện. Chết cha rồi, có người. Đúng là người. Cái đống kia ú a, ú ớ. Thắng vịt cũng ú ớ, sợ đến tụt lưỡi vào họng. Ông con ngã đổ vật xuống như bị trúng gió độc. Thằng người phía dưới ướt lép nhép, mềm nhũn. Thấy động, đám lính pháo túa dậy tóm sống không phải một mà hai thằng rằn ri hẳn hoi. Hai thằng kia, gần như chết lả, người khai mù, khai mịt. Hóa ra, đó là hai thằng tàn quân, đói quá liều mò vào kiếm đồ ăn. Bắt được hai thằng tù binh (dù chúng tay trơn không có vũ khí) cũng là một chiến công không nhỏ. Tất nhiên Thắng vịt giấu tịt đoạn tương bậy. Cú ngã sấp cũng được dệt lại tử tế. Thành thử, đận ấy Thắng vịt ăn đủ. Cũng không dám ăn già, gạt đi chuyện đề nghị khen thưởng, chỉ moi của bọn pháo cây thuốc lá "quân tiếp vụ" làm quà cho bọn ở nhà.

Đấy, ấm ớ thế mà vừa được tiếng lẫn miếng, ngon xoét. Tóm lại, Thắng vịt chúa nhát, run thế kia ắt chuyện chạm người là có thật. Nhưng nếu là bố con bé thì lão rình mò nhằm mục đích gì?

Vẫn là Bình ních:

- Không thể bỏ qua chuyện này. Con bé lái đò, rõ ràng lần đầu gặp nó vậy mà mặt nó cứ nhang nhác quen.

Lần này không thấy đứa nào phản đối, hưởng ứng cũng không. Giọng thằng Biên khê đặc như bị nghẹt họng:

- Mấy giờ rồi nhỉ, ngủ đi.

- Hai giờ. Lạ cho thằng này thật. Dễ đây là công trình năm trăm của mày chắc. Thích thì ăn uống, xà xẻo thoải mái. Thích nữa, lúc no cơm, ấm cật thì ngủ. Mấy chục năm trường mới có một đêm ngồi với nhau. Ngủ, lúc nào ngủ chả được. Ngủ, cứ ôm riết con vợ trẻ của mày tha hồ mà ngủ. Ngủ như cú ngủ.

Đấy là Ngọc khợp kê. Thằng Biên lấy vợ muộn nhất hội. Mới cưới năm ngoái. Cô vợ trẻ, kém Biên ta gần hai chục tuổi. Phải mọi khi xem, nó đã khùng ngay. Đụng vào đề tài vợ con với nó, không khác gì trêu phải ong mất mùa hoa. Đâu xa, Cường choắt chứ ai, đã một lần bị thằng Biên đập tan một cốc bia trên mặt bàn, khi hai thằng đang cốc thù, cốc tạc. Sau đấy phải đến hai tháng nó không nhìn mặt Cường choắt. Dàn hòa mãi, Cường choắt phải biện một chầu uống xả láng cho cả bọn mới xong. Mà

cũng có gì to tát đâu. Hai thằng đang uống ngà ngà, chợt thằng Biên cáo lui về đón vợ, Cường choắt chọc mỗi câu: "Vợ trẻ, sướng thì có sướng nhưng phải hầu hạ, nhục!".
Hôm nay thằng Biên không thèm chấp. Nó ngáp:
- Đã thế, ông đếch thèm ngủ.
Nói hết câu, đã thấy đầu nó ngật xuống, ngáy kho kho.
Thắng vịt gạ:
- Ừ, hay là chợp mắt một lát vậy.
Long tẩu bảo:
- Mày muốn thì ra ngoài kia mà nằm.
Hồi chiều đã mắc một loạt võng ngoài bụi cây. Nói thế ngang bằng đánh đố. Có các tiền "đô" Thắng vịt cũng chả dám. Ông con rụt tịt cổ, lưỡi thè lè rất hề:
- Là nói thế, ngủ nghê gì. Với lại, lâu không nằm, võng viếc đau lưng lắm.
- Ừ nhỉ. Đời cũng nhiều cái trái khoáy. – Ngọc khợp triết lí. – Ngẫm ra đời người toàn dựa vào thói quen cả. Chết ở chỗ ấy. Hồi ra quân, tao không tài nào quen được nằm giường. Cứ như nằm trên đá, mình mẩy như bị giần. Đành phải treo võng. Chúng mày bảo, nhà bằng lỗ mũi, vắt vẻo cái võng, bố ai chịu được. Chướng lắm. Thế mà mọi người chịu. Chắc cả nhà tặc lưỡi, nó mới ở nơi hòn tên, mũi đạn về, chiều chuộng một tẹo vậy. Đến hôm mẹ tao lụi cụi ban đêm, vấp phải võng ngã, tao cạch hẳn. Giường phản ê ẩm độ một tuần thì quen.
Cường choắt "xì" rõ dài:
- Tưởng bố trẻ phát hiện ra cái gì mới. Thế mà cũng đòi. Cái đấy người ta gọi là thích nghi. – Nó vỗ bồm bộp vào bụng. – Đây, vô tư như cái dạ dày của tao, hồi bẩy hai suốt tháng trời không có miếng mều (thịt) nào vào bụng, đến lúc được ăn, tương miếng đầu tiên, bụng cứ réo òng ọc, đau quặn cả tóc. Thì ra, anh dạ dày quen đồ chay rồi, thịt vào không chịu nên phản ứng. Đồ vô tri, ngu thế không biết, mày không quen nhưng tao quen. Thịt, miếng nào, miếng nấy to vật vã, hơi hôi hổi bốc, đau cũng phải diệt. Bí bích mất một ngày thì chịu hẳn. Đấy…
Long tẩu cắt ngang:
- Gớm, người ta bảo: "đói nói chuyện ăn, khát nói chuyện uống, no nói chuyện… ịt" đằng này các bố đói khát gì nữa mà bàn chuyện ấy. Hết chuyện rồi à?
- Mày đừng có ti toe, – Cường choắt hăng hẳn lên. – Tưởng "no" rồi đấy hả? Giám đốc đã là cái đinh gì. Ừ, cứ cho là bây giờ no đủ đi, cũng phải nhớ đến đói khát ngày xưa. Đến viên đường phên cũng thèm rỏ dãi.
Cả bọn phì cười. Chuyện đường phên này dính dáng đến thằng Biên. Hồi ấy không hiểu sao, thằng nào cũng háo ngọt ghê gớm. Sau mới vỡ nhẽ vì thiếu chất. Mặt xanh bủng, vớ được đường ngọt, táp còn hơn lợn táp cám. Bằng cớ là bây giờ đố đứa nào nhón đến một cái kẹo. Họa hoằn, tết nhất vì xã giao phải ăn, không khác gì bị tra tấn. Đêm ấy, sau một ngày dài hành quân, cả bọn ngủ vùi không biết trời, đất là gì. Long tẩu mắc võng cạnh thằng Biên. Đang mê mệt, Long tẩu nghe thấy tiếng chóp chép. Chắc là nằm mơ, Long tẩu bụng bảo dạ thế. Vẫn thấy chập chờn tiếng chóp chép. Lần này thì tỉnh hẳn, không ngủ được nữa. Nó hé mắt nhìn. Hôm ấy có trăng. Thấy võng thằng Biên rung nhẹ. Tiếng chóp chép phát ra từ đấy. Thêm cả tiếng soạt soạt của ni lon. Cố lắng tai nghe, xem có nhầm không. Đúng rồi, không thể nhầm được. Long tẩu dắng:
- Biên. Mày ăn cái gì đấy?
Tiếng chóp chép bặt ngay tắp lự. Võng cũng im. Thêm cả tiếng ngáy khò khò. Biết mười mươi ông bạn vàng rặn ngáy nhưng Long tẩu khôn lắm, cũng nằm im xem sao. Quả nhiên, chỉ một lát tiếng chóp chép lại vang lên. Rõ mồn một võng động đậy. Lần này, tiếng chóp chép nhẹ và thưa hơn, giọng Long tẩu tỉnh như sáo sậu:
- Mày nhai cái gì hả Biên?
Chẳng ngờ, giọng thằng Biên cũng tỉnh không kém:
- Tao nhai lưỡi.
- Cái gì?
- Không ngủ được, tao nhai lưỡi cho đỡ buồn.
Không có lí để bắt bẻ, mồm Long tẩu cứng ngắc. Bây giờ thằng Biên không cần giữ ý nữa, nó thoải mái chóp chép. Nó còn cố tình nhai rõ to để trêu ngươi. Long tẩu vật mình hết sang phải, lại sang trái, vẫn không tài nào đoán được thằng Biên nhai gì. Thằng này có nhiều đồ dự trữ bí mật lắm. Dứt khoát nó đang nhai một thứ gì đó. Lưỡi gì mà lưỡi. Lưỡi thì nhai thế chó nào được. Giọng Long tẩu hạ rất dịu:
- Biên ơi!
- Chóp chép… chóp chép…
- Biên ơi, mày ăn gì đấy?
- Ngủ đi. Hỏi đéo gì. Đã bảo lưỡi còn cố.
Long tẩu ức nghẹn cổ. Tiếng chóp chép khoan vào tai nó. Long tẩu thu mình nằm im, ghé mũi sát mép màn hít thật sâu. Người Long tẩu run lên. Hình như có mùi đường mật. Nó lại hít. Lần này không riêng

gì mũi, đến lỗ chân lông cũng ngạt mùi đường. Sư thằng ăn mảnh, Long tẩu nhổm hẳn người lật màn thằng Biên ra:
- Tao không tin. Mày nhè lưỡi tao xem.
Thằng Biên chủ quan, tưởng đá viên đường cứng xuống gầm lưỡi là ổn, bèn há miệng rõ to. Trăng sáng, lưỡi thằng Biên lại nhỏ, thòi hẳn một góc viên đường phên. Vả lại, lưỡi nó bây giờ như được tráng mật nâu sậm.
- Giời ơi, thế này mà dám bảo là nhai lưỡi.
Chạm nọc, thằng Biên đá hẳn viên đường lên, nhai công khai. Nuốt, má nó phồng bạch:
- Ừ, không phải lưỡi đấy. Đường của tao. Tao ăn. Cắc cớ gì đến mày.
Đúng thế thật. Long tẩu không lường đến tình huống này, mặt đuỗn ra. Miếng ăn ngay trước mặt. Long tẩu run lên vì thèm. Nước miếng tứa ra chật cả mồm. Ba mươi sáu chước Trư, chước năn nỉ là thượng sách. Long tẩu mở miệng, nước miếng vãi cả ra võng:
- Biên ơi! Cho tao ăn với.
Chừng như hả hê, thằng Biên hỏi lại rất hách:
- Cái gì?
Giọng Long tẩu xuống đến kịch bậc:
- Tao thèm quá! Cho tao xin mấy viên.
Tay thằng Biên lục sục rồi tuồn sang mấy viên. Long tẩu vứt cả vào miệng, nhai rào rạo. Khoái quá. Đã quá.
- Cho mấy viên nữa đi.
Long tẩu nói ông ổng. Mấy cái võng lục đục liền lúc. Ngọc khợp nhảy xuống. Kế đến là Thắng vịt. A trinh sát dậy không sót thằng nào. Biên ta, mặt cứ ngẩn ngơ mãi, tay vân vê cái túi ni lon rỗng không. Nhanh quá, chỉ một loáng đi tong cả bịch kí đường phên, thằng đồng hương cùng phố, ngoài Bắc mới vào, vừa cho ban sáng.
Ngày hôm sau cả C trợ chiến cứ khúc khích cười suốt. Anh nào, anh nấy lưỡi cứ chóp cha, chóp chép, đá lên, đá xuống đến vui. Trò đời, vui quá hoá rồ, quá mù ra mưa, trên ra lệnh hành quân, dưới cả đại đội nhai lưỡi, C trưởng An nổi quạu:
- Từ giờ thằng nào còn chơi trò này, bắt được tao bắn bỏ.
Tất nhiên chẳng có ai bị bắn. Chỉ mỗi mình thằng Vịnh nhận đủ cơn sấm sét của ông cạp lửa.
Cường choắt khơi ra chuyện đường phên, cả bọn khoái trá lắm. Cười khành khạch cả lũ. Thằng Biên đang ngủ ngồi, bị tiếng cười giật choàng dậy. Mắt tròn, mắt dẹt:
- Chúng mày cười gì?
Không ai bảo ai, thằng nào cũng chóp chép rõ to. Nhưng đầu nó đã lại ngật xuống. Bình ních cười phì phì:
- Ông con ngấm đòn rồi. Nó phải làm đến chục lon không ít. – Bình ních chép miệng. – Buồn cười ngày ấy, vụ nhai lưỡi, chung quy chỉ thằng Vịnh là lõm nhất: – Nó chỉ vào thằng Biên. – Ông con này mát lòng, mát ruột, hả hê ra mặt.
Có gì đâu, C trưởng An vừa dứt lời thì thằng Vịnh đã "chép" luôn một tiếng rõ to. Đen quá, thằng Vịnh đứng ngay đầu hàng quân nên không thể thoát được. Không phải nhờn mà vì nhỡ mồm. Thật đúng "tai họa từ miệng ra", các cụ nhà mình nói, cấm có sai câu nào. Thấy mắt C trưởng An trợn cứng, đầu gắc về phía sau, yết hầu chạy lên, chạy xuống. Không ai lạ gì tính ông cạp lửa. Phen này nguy mất, thằng Vịnh ra bã rồi. C trưởng An gầm lên một tiếng, tưởng rách toạc họng:
- Đù mẹ. Mày…
Một tay xoắn ngực áo thằng Vịnh. Tay kia lăm lăm khẩu Côn 9 li. Cả đại đội xanh xám. Đến cả C viên Thuỷ chân tay cũng luýnh quýnh. Vẫn túm ngực áo, An lôi xềnh xệch thằng Vịnh lên trước hàng quân.
- Đù mẹ. Mày nhạo tao. Có tù, tao cũng ăn thua đủ với mày.
Chưa bao giờ C trưởng An cáu đến mức ấy. Người như có sóng dềnh. Đến độ không còn giữ quân phong, quân kỉ là biết rồi. Cả đại đội ngẩn ấy người như bị chôn sống. Họng súng khẩu Côn đen ngòm ngòm, day đi, day lại trên mặt thằng Vịnh, ghê quá. Sẩy tay một cái là rồi đời cả hai. Thằng Vịnh sợ, mồ hôi toát ra đầm đìa, áo quần ướt bết bệt. C trưởng An cũng thế. Con người ta giận còn kinh hơn sợ rất nhiều. Cầm C trưởng An bành ra. Anh nói mà răng vẫn cắn chặt:
- Tao đã nói… là giữ lời.
Ai đó đụng đậy. C phó Thạnh định nhào ra can. C viên Thuỷ vội giữ lại. Can lúc này, quá bằng hắt lửa vào xăng. Phải đến hàng phút. Mặt thằng Vịnh vàng như xát nghệ. Đấy là mặt của người chết. Không thể chịu đựng được thêm, C phó Thạnh vằng tay C viên Thuỷ, nhào ra. Nhưng cũng chính thời khắc đó, C trưởng An vứt khẩu súng xuống đất, tay kia buông ngực áo thằng Vịnh, người lả xuống. Cơn giận dữ đã vắt kiệt sức anh. Bàn tay vừa vứt súng huơ lên, quào chút tàn lực cuối cùng bật vào mặt thằng Vịnh. Cái tát không mạnh, cũng đủ ghi dấu những ngón tay hằn trên má. Thằng Vịnh đứng chết

trân. Người ngay đơ như Từ Hải. Mặt đổi mầu từ nghệ xát sang bầm tím như gà toi. Răng nó cắn chặt vào môi dưới. Cái tát trước hàng quân cũng chẳng khác gì viên đạn xổ ra từ khẩu súng Côn kia. Hàng quân vẫn phăng phắc. Nhẽ ra, mọi người đã có thể thở phào sau khi khẩu súng được vứt xuống đất. Nhưng cái tát đã ngăn lại tất cả. Chưa bao giờ những người lính phải chứng kiến cảnh tượng này. Thằng Vịnh cắn môi đến bật máu. C trưởng An lòng không trước mặt nó, nom rất tội. Chả gì thằng Vịnh cũng là trí thức. Dù nó mới là sinh viên và mang hàm lính trơn. Thành phần trí thức, xưa nay vẫn bị mang tiếng là hèn. Nhưng đấy là trí thức khác. Ở đây, thằng Vịnh là lính. Đừng có đùa với trí thức cầm súng. Như đoán biết được điều gì sẽ xảy đến và tường tận về vai trò của mình, C viên Thuỷ lúc này mới tiến ra. Anh đã bình tĩnh lại. Dù sao, điều lo sợ nhất cũng đã qua. Thuỷ tin chắc mình sẽ dẹp được vụ này. Bất quá, thằng Vịnh sẽ khùng lên. Cũng đến như ông cạp lửa là cùng chứ gì. Được, sẽ có cách.

Nhưng không cần đến sự ra tay của người nắm sinh mệnh chính trị đơn vị, sự việc vẫn ổn thoả, đâu vào đấy. Lại vẫn C trưởng An. Cũng hệt như lần trước, đúng vào đỉnh điểm của kịch tính, An đặt cả hai tay mình lên vai thằng Vịnh. Đoạn, anh xoay người nó về phía đơn vị. Khuôn mặt An lộ vẻ đau đớn chân thành:

- Tánh qua thế nào, mấy em hiểu cả. Bỏ lỗi cho qua nghen. Chiến tranh còn dài dài, mấy em…

Ngày thường băm bổ thế, bây giờ lời nghẹn ngào không diễn đạt nổi. Mặt thằng Vịnh lập tức hồng lên. Ai cũng nhẹ nhõm, kể cả thằng Biên, nguồn gốc của cái sự động trời này. Sau đấy, cả C trợ chiến không thằng nào nỡ diễn lại cái trò nhai lưỡi. Chợt Bình ních "à" lên một tiếng. Trán nhíu lại, làm như có chuyện gì suy nghĩ lung lắm. Nó chất ít cành khô vào cái bếp đang tàn rạc chỉ còn chút than âm ỉ ngậm lửa. Điệu bộ của nó rất quan trọng. Đợi cho lửa bập lên, nó mới cà rà:

- Nhân nói chuyện thằng Vịnh, cái con bé lái đò này, cứ bảo sao thấy nhang nhác, tao ngờ rằng nó có quan hệ chi đấy với thằng Vịnh. Vóc hình thì không phải. Nhưng khuôn mặt ấy, nhất là đôi mắt. Đúng rồi, đôi mắt. Ngợ lắm, hay là…

Phát kiến của Bình ních quả là bất ngờ, khiến tất cả, trừ thằng Biên đang "gừ rừ, gừ rừ" rung cả lán, đều bật nhổm. Quái quỷ, cái thằng này nghĩ ngợi gì lạ thế. Ừ, từ lúc đến đây, quả có mấy điều khó hiểu thật nhưng làm sao lại liên quan đến thằng Vịnh được. Từ ngày mất tích, hai chục năm rồi, tịnh không một tẹo tăm hơi, nó "tiêu" là cái chắc. Còn con bé kia, cứ cho là nhang nhác giống thằng Vịnh đi, thiên hạ thiếu gì người giống nhau. Suy diễn kiểu thằng Bình, vô lí. Long tẩu thận trọng:

- Ý mày là…

- Tao đồ rằng, con bé lái đò rất nhiều khả năng có quan hệ ruột thịt với thằng Vịnh. Cháu chắt, biết đâu con nó thì sao.

Thắng vịt bật ra:

- Vô lí. Không thể được!

- Hượm, để tao nói. Ngay bây giờ, tao vẫn cảm giác có người đang rình rập cái lều này. Trộm cắp, tất nhiên không. Thằng ngu nhất cũng thừa biết chả ăn bạc thước gì ở tụi mình. Bố con bé tránh mặt – Nồi cháo cá – Rồi thằng người ban nãy. Con bé nữa, chúng mày có để ý thái độ của nó? Khác hẳn với hồi chiều trên đò. Nhìn mặt nó, tao biết không phải người câm. Chúng mày thấy không, ai hơi đâu mà rình mò chúng mình.

Lí lẽ của thằng Bình nghe cũng được. Nhưng nếu là thằng Vịnh, sao nó không về nhà? Phân vân quá, vẫn Long tẩu:

- Cũng tại thằng cả đuỗn Thắng vịt. Ban nãy, nó túm chặt lấy thằng kia, có phải mọi chuyện rành rành rồi không. Ngu quá là ngu!

- Bố láo! Mày bảo ai ngu. Ra đấy mà túm. Nó khoẻ như trâu ấy, mới hẩy khẽ đã ngã bổ chửng.

- Hả? – Bình ních hấp hoảng. – Mày bảo cái gì?

- Thằng kia khoẻ lắm. Người tao vẫn ê ẩm.

- Thằng Vịnh ngày còn ở nhà là đô vật!

Bình ních kết luận chắc nịch. Không đứa nào nói gì thêm. Mãi sau Ngọc khợp mới thẽ thọt: "Mới đây, tiện công tác tao có ghé vào nhà thằng Vịnh. Mẹ nó giờ yếu lắm. Khổ, cứ níu lấy tao, mếu mếu, khóc khóc. Tao mới bảo:

- Thôi mẹ ạ, hai mươi năm rồi, phận trai của nó thế là xong. Mẹ có thương thằng Vịnh cũng để trong lòng, gắng giữ gìn sức khoẻ, để thỉnh thoảng tụi con còn về.

Mẹ nó oà lên:

- Khốn nạn, anh bảo thương nó không để trong lòng, mẹ biết để đâu bây giờ. Con người ta, chết thì xanh cỏ, sống thì đỏ ngực, không nghĩ thì thôi, nghĩ là đứt từng khúc ruột. Con mình…

Tao lại phải lựa lời an ủi:

- Chiến tranh, chả biết thế nào được mẹ ạ. Con người ta có số. Cái số thằng Vịnh thế, khác làm sao

được. Nó chết vì dân, vì nước, nằm đâu chả là nhà. Mẹ đừng nghĩ ngợi nhiều.
- Anh thương mẹ, anh nói thế. Mẹ biết lắm. Biết cả cái nghĩa đồng đội, các anh đối với nhau. Nhưng anh không làm mẹ, không hiểu được. Người mẹ… Khốn khổ, rầm rĩ hết cả nhà lên. Mãi, bà cụ mới nguôi ngoai. Lại bảo:
- Anh đừng cho mẹ lẩn thẩn. Mẹ thấy khác trong lòng lắm. Thằng Vịnh từ ngày đi, biệt luôn. Trong làng này, thiếu gì đứa chết trận. Tết nhất, giỗ chạp chúng nó về cả. Cứ như là chúng nó quanh quẩn đâu đây. Còn thằng Vịnh, từ ngày ấy, mẹ không một lần gặp nó. Đẻ con, biết tính con, thằng Vịnh không thế đâu. Ngày ở nhà, nó hiếu nghĩa lắm, lại quấn mẹ. Không thể nó không về. Mẹ ngờ có chuyện chi khúc mắc đây. Nói khí không phải, càng gần đất xa trời, mẹ càng… Anh bỏ quá, mẹ nghĩ thằng Vịnh chưa chết. Cứ thế này, mẹ không thể nhắm mắt nổi.
Lạ là nói đoạn này bà cụ rất tỉnh táo. Không khóc. Tao nghĩ, bằng linh cảm, người mẹ tin rằng con mình còn sống. Nghĩ thế song tao phải gạt ngay chuyện ấy. Nhưng thú thực, lòng cũng phân vân. Tao nghiệm rồi, linh cảm của các bà mẹ về con mình ít khi sai. Cũng có thể do quá đau đớn và yêu thương con nên bị ám ảnh. Bà mẹ nào chả mong muốn thế. Ngay nhà thằng Phương cũng vậy. Cả nhà vẫn hi vọng.".
- Hi vọng gì? – Thắng vịt chen vào.
- Sao mày nhiều lúc ngớ ngẩn thế. Thiếu gì cái để hi vọng. Hi vọng như mẹ thằng Vịnh chẳng hạn. Biết đâu, chúng nó lại chả mò về được nhà, dù chỉ là xương cốt. Nhà thằng Phương, bà mẹ, thôi không nói. Thì, bà mẹ nào chả giống nhau. Đến cô em tin mới hãi.
- Em nào? – Bình ních hỏi.
- Mày đừng có giả ngô. Còn em nào nữa, ngoài con bé chim liếu điếu. Thằng Phương có mỗi đứa em gái.
Bình ních thở dài. Ngọc khợp nói không sai. Nó giả ngô thật. Ngày về, đến thăm nhà thằng Phương, gặp cô em gái, Bình ních chết mê, chết mệt. Em thằng Phương xinh lắm. Da trắng như bột nếp nặn. Giọng cứ êm mượt như nhung. Ngày ấy, chả cứ gì thằng Bình, khối thằng thầm nuốt nước bọt. Buồn cười nhất là giống trai si tình. Băm bổ ở đâu không cần biết, đến cửa ấy, nín thít hết lượt. Mặt cứ đuỗn ra như chú tễu gặp phải khi buồn. Thằng si tình nào cũng đần. Vừa đần vừa dại. Đận ấy, thằng Bình có cảm giác, người cái gì cũng thừa ra. Chân tay thừa, lẽ dĩ nhiên. Đến cái lưỡi cũng thừa thì trái khoáy quá. Thằng Bình vốn là dân lém lỉnh có hạng. Khoản miệng lưỡi, có lẽ chỉ xếp sau Ngọc khợp. Đã nói ở trên, Bình ních mặt mũi trong sáng, có gì hiện hết ra mặt. Của đáng tội, nó, người cao ráo sạch sẽ. Mặt kia, có khắt khe vẫn phải tính vào quân số đẹp giai. Kể nó với em thằng Phương cũng cân xứng. Cả bọn rất ủng hộ vì Bình ních đã có nhời. Nói trai si tình dại vì Bình ních mất không biết đâu mà kể các thứ chi để khoản đãi chiến hữu. Cường choắt nói vụng sau lưng thằng Bình: "Đấy là tiền lễ lạt quan ôn". Quan ôn thật. Đi tìm hiểu mà cứ rầm rập như quan ôn đi tuần sau ngọ. Nhà người ta đến chết khiếp với các bố. May, nếu không phải là bạn thằng Phương chắc đã bị tống khứ.
Đi lại một dạo thân tình lắm. Đã như người nhà. Chỉ mỗi đoạn kia chưa dám nói. Cánh "chân gỗ" đã ăn lộc nhưng vẫn phải bặt miệng. Nhà người ta gặp chuyện buồn, đến để khoả lấp chưa xong, lại bày đặt tìm hiểu, tìm hiếc, họa là điên. Thành thử chuyện cứ dùng dằng mãi. Hình như em thằng Phương biết, mặt thấy cứ buồn buồn. Càng hãi, không dám lấn tới.
Đến một hôm (sau khi thằng Phương được công nhận liệt sĩ) cả bọn tề tựu đông đủ, quyết định vào việc. Ngọc khợp tặng không cho Bình ních chi tiết đoạn thư con chim liếu điếu chết. Hôm ấy đúng vào Tết. Sau khi diệt gọn ghẽ ba chai rượu cam tiêu chuẩn của nhà thằng Phương, cả bọn quay ra nói chuyện chiến trường. Đã bàn định nên chuyện rất khớp. Cả nhà thằng Phương, dù nỗi đau chưa thể nguôi ngoai vẫn bị cuốn vào câu chuyện. Vòng vo tam quốc mãi rồi thì cũng đến lượt Ngọc khợp. Rượu ngấm, mặt đã tái xanh, tái tử nhưng vì vai trò được phân công, nên giọng Ngọc khợp vẫn gồng cứng:
- Bố mẹ biết không, dạo nó đánh ngoài này, bọn con hốt lắm. Thằng nào cũng phấp phỏm, chỉ ước nhận được thư nhà. Được lá thư nào cũng bóc ra xem chung. – Cường choắt ngồi cạnh bấu một cái rõ đau vào mông Ngọc khợp để nhắc. Áng chừng, Cường choắt sợ thằng kia lan man quên mất mục chính. Cú bấu quá tay làm Ngọc khợp nhổm hẳn người. Đã thế, nó còn nói rõ to: "Biết rồi" khiến cả bọn đứng tim. – Mà có thư đâu. Họa hoằn mới được một lá – Quay sang em gái thằng Phương, Ngọc khợp hạ giọng rất mềm – Cái thư của cô viết vào, cả đơn vị đọc. Cái thư kể con chim liếu điếu chết

vẫn hát vang ấy mà. Đọc đến đoạn đó xúc động lắm. Ấy thế, vẫn cứ rộ cả lên. Tếu táo, thì cô tính lính tráng có kể gì. – Ngọc khợp ngừng một tí. – Ờ phải rồi, chính ông tướng Bình này đây, hét toáng lên: "Thật tuyệt vời. Thằng Phương, mày viết thư bảo, anh Bình đấy, con chim liếu điếu là anh Bình đấy. Tao sẵn sàng trong lốt con chim chết để đậu giữa tay…" – Đột nhiên không khí lặng đi, Ngọc khợp vội vã phun nốt kịch bản – Thằng Bình, mày thích làm con chim liếu điếu thì hót lên đi, hì… hì…, hót đi để bố mẹ còn hội ý. Hí hí…
Mấy thằng kia cười theo phụ họa. Tiếng cười không ăn nhập, bởi bầu không khí ắng lặng là có thật. Bố mẹ thằng Phương quay mặt đi. Cô em gái cúi đầu. Chỉ một thoáng, cô bỗng oà lên, đấm thùm thụp vào vai thằng Bình: – Sao anh về muộn thế!
Cô ào chạy ra khỏi phòng. Cả bọn ngơ ngác. Mẹ thằng Phương, giọng run run như trộn lẫn với nước:
- Em nó sắp lấy chồng!
Còn hơn sét đánh. Trời lạnh mà trán thằng nào cũng vã mồ hôi. Hỏng rồi. Đi đứt rồi, Bình ních ơi. Thẫn thờ hết lượt. May, Long tẩu nhanh trí, gỡ cả bọn ra khỏi tình thế nguy ngập bằng câu hô như hô khẩu hiệu:
- Hoan hô. Sắp được ăn cỗ rồi. Hoan hô!
Sau hôm đấy, Cường choắt chia buồn:
- Cũng còn vớt vát được mấy cái đấm.
Chứ lại không, Bình ních qủa quyết:
- Nàng yêu tao!
Bất đồ Bình ních nổi xung, có thể vì tức bị hụt, hoặc giả, căm bọn "chân gỗ" móc mõi. Nó chỉ vào mặt Cường choắt:
- Chiến tranh hết sớm một năm thì đâu đến nỗi tao bị muộn. Hoặc, thằng Phương còn sống cũng được. Sao lại là thằng Phương mà không phải mày với Ngọc khợp.
Cường choắt biến ngay. Ai dại gì dây với thằng thất tình.
°
Bình ních không cự lại câu bóc mẽ của Ngọc khợp. Thắng vịt hỏi:
- Em thằng Phương tin gì?
- Tin vào tiếng hót của con chim chết. Cũng như nó tuyệt đối tin rằng, anh nó sẽ về.
Ai đó đứng ngay ngoài lều không kìm được tiếng nấc. Tiếng nấc "hức, hức" vang rõ ràng, khiến cả bọn há hốc mồm vì kinh ngạc. Cường choắt gằn giọng:
- Ai?
Không đợi trả lời, nó đã lộn rất nhanh, người cuộn tròn như một con nhím. Cường choắt có võ. Thấy "huych" một cái. Rồi tiếng chân người chạy thịch thịch. Bỗng Cường choắt thét lên đau đớn:
- Á… á á…
Tất cả chạy ra. Biên mu-gich cũng choàng dậy. Cường choắt lăn lộn trên đất, tay bịt chặt bắp vế.
- Cái gì thế?
- Chó cắn!
Máu rơm rớm ở ba, bốn vết răng chó.
- Tao đã quật ngã được thằng người, thì con chó xông vào tớp luôn. Chó má thế!
Bình ních hùng hổ:
- Bố con bé lái đò! Đi, chúng mày theo tao.
Long tẩu can:
- Để sáng mai. Tối như mực quét thế này. Loạng quạng, chó tợp cho thì khốn.
Tối thật. Trời đất đen ngòm ngòm. Đến cả dãy núi cũng đã lút vào đêm.
N hững chiếc lông ngỗng trắng xoá đầy trời. Hệt như có một trận mưa lông ngỗng vậy. Gã không ngờ chỉ một chiếc áo huyền thoại lại có thể dệt đủ lông, rải suốt ngàn đời. Trọng Thuỷ đúng. Đó là dấu vết của tình yêu. Gã bật cười. Gã vừa nhận ra những chiếc lông ngỗng mang hình mũi tên. Phải, hình mũi tên. Tại sao chưa bao giờ gã nhận ra điều này nhỉ? Truyền thuyết có lí khi chọn lông ngỗng chứ không phải bất cứ lòai nào khác. Những chiếc lông cánh hình mũi tên, chỉ có nó mới đủ sức bắn xuyên vào thời gian, bay từ đời này, đời khác, bay qua tất cả. Gã gặp một giấc mơ kì lạ. Gã đi trên đường. Phía cuối con đường, Thuyên của gã thả từng túm lông ngỗng. Những chiếc lông dờ dật, chợt vun vút nhằm thẳng vào gã. Gã vung tay gạt. Lông ngỗng rơi lả tả dưới chân. Gã giật mình, đó là những mũi tên đồng. Một mũi tên xuyên vào má gã. Không thấy đau, chỉ tê giật một tẹo. Vậy thì kệ xác. Lại một mũi tên nữa. Gã phát hoảng lên, khi thấy thằng Lít gù cưỡi con ngựa trắng rất đẹp. Vó ngựa sải tung những đám bụi lông ngỗng cũng trắng xoá. Sao nó không bị trúng tên như gã nhỉ? Gã rút phắt mũi tên trên má, trên cánh tay phi thẳng vào Lít gù. Thằng kia cười, khiến gã muốn điên lên. Nó bắt mũi tên rất nghệ. Gã thấy nó cầm mũi tên ngắm nghía. Không phải tên, trên tay nó bây giờ là chiếc lông trắng phau phau rất đẹp. Gã lại phi tiếp. Đúng lúc ấy, một mũi tên cắm phập vào tim gã. Lần này thì đau. Gã rút tên. Máu chảy nhiều quá. Máu trắng

chứ không đỏ. Gã khuỵu xuống. Thuyên ơi, tình yêu sao dùng tên bắn vào nhau?
Sau này, gã gặp lại một phần giấc mơ kì lạ kia trước bia mộ của mình trong nghĩa trang liệt sĩ. Chừng dăm năm sau chiến tranh. Đó là thời khắc mệt mỏi nhất trong cuộc đời gã. Hành trình, đúng hơn là cuộc chạy trốn chính bản thân mình, đã đẩy gã trở về nơi, từ đấy gã ra đi. Gã trở về vào một đêm tối trời, trong sự thôi thúc không nguyên cớ. Gã mò mẫm lần về, nằm tịt trong bãi mả của làng. Không còn một chỗ nào khác dành cho gã. Ở làng gã, bãi tha ma nằm kề sát cuối làng, chỉ cách một rẻo bãi rất nhỏ. Hẳn, tổ tiên làng gã lập thế để âm, dương đỡ cách biệt. Mãi khuya, gã mới dám lần về. Trong đêm âm u, gã vẫn nhận ra cái bóng lùm lùm của cây gạo già. Làng gã, cây đa, cây đề rất nhiều nhưng gạo chỉ mỗi một, trồng ở bãi mả. Cây gạo già lắm. Gốc sùi ra, gai gạo không còn chỗ để mọc. Bao nhiêu lần, cỗ xe tang đã đậu dưới gốc gạo, trước khi tiễn những linh hồn sang một kiếp khác, thế giới khác. Gã nép sát vào gốc, phía kề với tường nghĩa trang liệt sĩ. Ngay cả nghĩa trang liệt sĩ ở làng gã cũng đặc biệt. Được dựng ngay trong bãi mả của làng. Để các liệt sĩ được gần gụi với gia đình. Âu cũng là một cách an ủi.
Ngày còn chăn trâu, gã thường ngồi ở chỗ này. Một chỗ ngồi cực tốt. Mùa hè mát mẻ, mùa đông kín gió, lại nhìn thấy làng rõ mồn một. Bây giờ, gã chỉ thấy làng mình mờ mờ như một pháo đài ảo, có những ánh đèn đỏ, nom như những con mắt tọc, man dại. Đã khuya, thoảng có những vệt chó sủa rộ dài. Gã ngồi mê man. Gã chui nhủi ra khỏi cuộc chiến tranh, để đến nỗi không còn đường về. Cuộc chiến tranh của riêng gã kết thúc bi thảm ở hang Dơi dạo nào. Không còn đường về, từng ấy năm gã nhục nhã trong kiếp người lầm lụi. Khoác áo của đủ mọi lốt người. Gã sống như một sinh vật thừa thãi trong vương quốc trần gian. Gã cay đắng nhận ra rằng, làm nên đời một con người chỉ là vệt ranh giới mỏng mờ phân định vinh và nhục. Từ cái trại nhỏ của ba cô gái, gã sống lang thang trong rừng như một con vượn già thành tinh. Gã không dám về đơn vị. Thằng Phương đâu? Câu hỏi ấy tước của gã mọi điều, kể cả quyền được chết. Đấy, chiến trường rộng lớn, đến cả một chỗ chết, gã cũng không có. Dù chẳng có ai tranh giành. Thằng Phương đâu? Gã không hề được hưởng một ngày hoà bình. Gã lang thang hết vùng này, vùng khác, làm đủ mọi thứ nghề để sống. Nhục lắm, đến cái tên của mình cũng không dám gọi.
Gã miên man. Đêm nay gã trở về. Gã đã quá mệt mỏi. Đằng nào cũng thế, sống và chết đều nhục cả, gã phải chọn lấy một. Phải chọn, bây giờ hoặc không bao giờ. Cuốn phim đời của gã chầm chậm trôi.
Có tiếng chân người. Bản năng sống bao giờ cũng mạnh. Gã nhoài người ẹp xuống sát chân tường nghĩa trang. Có người thật. Một đôi trai gái. Gã nhận ra họ bằng giọng nói.
- Tối quá. Em sợ lắm.
- Có anh đây, sợ cái gì.
- Thế mà đã chục năm trôi qua. Hôm anh ấy lên đường, trời cũng tối hệt thế này.
Gã rùng mình. Đã mười năm. Người con gái kia là Thuyên.
- Đừng gợi lại làm gì những điều đã qua.
- Vâng. Nhưng sẽ không bao giờ em quên được anh ấy.
- Anh hiểu. Em và anh không có lỗi gì cả. Đấy là do chiến tranh.
- Đừng anh. Để thắp hương đã. Tội nghiệp.
Thằng Lít. Nó đã trở về và bây giờ Thuyên là của nó. Tự nhiên, gã thấy lại giấc mơ dạo nào. Thằng Lít gù cưỡi con ngựa trắng. Đúng là nó, không thể chượi được. Vó ngựa sải tung những đám bụi lông ngỗng trắng xoá. Nó đã tìm được Thuyên. Gã thấy nhói ở lồng ngực. Gã rút ra mũi tên bằng đồng. Máu trắng chảy. Không, gã lại cắm mũi tên vào ngực. Gã sẽ gieo mình xuống giếng Ngọc. Tại sao lại không. Gã thua kém gì Trọng Thuỷ. Gã không có lông ngỗng nhưng gã có mũi tên đồng. Tình yêu của gã ngang bằng với tình yêu của Trọng Thuỷ. Nào biết ai hơn?
Những đốm hương lập loè. Đôi trai gái về rồi. Họ về với hạnh phúc muộn màn của họ. Gã lần vào nghĩa trang. Dãy bia mộ thẳng hàng quét vôi trắng xoá. Gã không hiểu tại sao, mộ liệt sĩ lại quét màu trắng. Cái gì thế này. Gã sờ sẫm. Dường như chưa tin, gã bật quẹt để soi cho rõ. Hoá ra giấc mơ ngày trước có thật. Gã muốn kêu to lên. Gã chưa chết. Gã chưa được chết. Và bây giờ gã chưa chết được. Trọng Thuỷ ơi. Người đành cô đơn một mình dưới giếng vậy. Gã bật quẹt soi thêm một lần nữa. Lửa nháng nhàng. Gã đọc kĩ tấm bia: "Liệt sĩ Nguyễn Kim Vịnh… hi sinh tại chiến trường Đông Nam Bộ…".
Bia để trống ngày chết.

°
- Mặc xác hắn, chị bận lòng làm gì.
- Chị khổ lắm.
- Ôi dào ơi, nó tưởng mình với con nào thì mặc nó. Miễn là mình thích hay không. Em bảo thật. Nó cứ ngơ ngơ thế lại hoá hay. Đàn ông ấy mà, sợ nhất là những thằng tỉnh. Tỉnh quá, nó bay như chim trời ấy. Ngơ ngơ càng dễ trói.
- Không! Thu đừng nói thế phải tội.
- Ơ hay, cái bà này. Ăn không, ăn hỏng của ai mà phải tội. Có mần thì mình thiệt chứ nó mất gì. Như cái thằng xế nhà em đấy. Chị bảo ai lãi? Nó đi Đông, đi Tây, về là vồ lấy, rúc rúc, gại gại, – cái Thu tỉnh bơ trỏ tay vào bộ ngực vĩ đại của nó, – nhột chết khiếp. Mà nói thế thôi. Em vẫn cứ nghĩ cái chuyện "tằng tịu" này, – nó rặt dùng cái từ nghe chết khiếp ấy để chỉ chuyện tìm hiểu đôi lứa nghiêm chỉnh, – nó thuộc về số. Ông trời đã định, muốn cưỡng cũng chả được. Chị có thích hay không là tuỳ ở chị. Nói thực lòng, bọn em cợt nhả cũng là đùa cho vui. Nhưng bọn em thương chị, Chị không bằng người, sự thực ấy không thể nhìn khác đi được. Bởi vậy, mong cho chị có nơi, có chốn, ấy là tâm của bọn em. Cái ngữ đàn ông như thằng ngơ ngơ kia, nếu suôn sẻ có các vàng chị em mình cũng không thèm "dí". Nhưng bom đạn ùng oàng thế này, biết hồi nào dứt. Lúc ấy… thôi chị ạ, tóm lại nó lần thần, mình mới giữ được nó. Bằng không, mấy hôm nữa, anh nhà em về, ta tống quách đi cho rảnh.

Cái Sương cũng góp:

- Cái con bốp báp này nói hơi quá, dưng mà có lí. Chuyện kia, chị tự liệu lấy. Bọn em cũng chỉ biết nói thế thôi. Còn ông mãnh, mình chăm bẵm vậy đủ rồi. Nhà nó tốt phúc nên mới run rủi gặp được chị em mình. Thôi, không nói chuyện này nữa. Cắt phim.

Lanh nghẹn giọng không nói được một câu. Cơn giận gã trai kia cũng đã chuội đâu mất. Dư vị của những cái hôn cũng không còn. Có chăng, chỉ còn lại chút cặn đắng của nỗi buồn tủi vừa trào sóng. Một chút, cũng đủ để khoé mắt rưng rưng:

- Chị cảm ơn. Hai em tốt với chị quá.

Cái Sương nhẹ nhàng:

- Chị!

Còn cái Thu lại vùng vằng:

- Cái bà này hâm tỉ độ. Ở đây mà cứ nói chuyện tốt, xấu thì sống sao nổi. Chị cảm ơn cái gì. Vào mà cảm ơn cái thằng thần trùng kia kìa. Hâm!

Tính nó bao giờ cũng thế.

°

Gã đã dứt khỏi cơn mơ. Cũng mông muội như khi nhập vào nó. Không có mũi tên đồng nào găm trên má. Gã mân mê những vết ngón tay lằn, sau cái tát của Thuyên. Buồn cười nhỉ, bỗng dưng Thuyên lại tát mình. Gã bật cười. Gã đã gặp vô khối cái tát trong tiểu thuyết nên không lạ. Đó chỉ là một vị của tình yêu. Tình yêu là thang thuốc thập toàn, chứa bà rằn đủ thứ. Chắc Thuyên phải yêu mình lắm nên mới tát mạnh đến thế. Song, dù thế gã vẫn chạnh lòng. Giấc mơ ám ảnh gã. Hồi đi công tác hoà hợp, gã có gặp Lít gù. Cái thằng lù khù thế mà khá. Nó gặp được đúng đất dụng võ. Sau hiệp định, Lít gù đã là B phó đặc công. Ở binh chủng ấy, với vốn liếng gom ở sới vật, được học hành lại dư cơ may thử sức nên tiến bộ là phải. Lít gù gọi toáng lên. Nó mừng quá. Vừa giáp nhau, nó đã bế bổng gã xoay đến mấy vòng, chóng cả mặt. Đồng hương, lại cùng làng, gặp nhau sướng lắm. Chuyện trò chán chê mê mỏi, lúc sắp chia tay, Lít gù tháo chiếc đồng hồ Nhật sáng loáng đang đeo ở cổ tay đưa cho gã:

- Đồng hương, cầm lấy làm kỉ niệm.

Gã ngần ngại. Nãy giờ, chưa một lần thằng Lít nói nửa câu về chuyện cũ. Chuyện trò thân tình như thể hai đứa không hề có một thời từng là tình địch. Gã định từ chối song thằng Lít đã đón được ý. Cái thằng ranh ma đáo để:

- Cầm lấy đồng hương ạ. Từ ngày vào, mới gặp đồng hương là đứa đầu tiên cùng làng. Cầm lấy, đừng chê.

Tự tay nó tròng chiếc đồng hồ vào cổ tay gã. Không thể từ chối được, gã lí nhí cảm ơn. Hai thằng chia tay nhau. Cả gã và Lít gù ôm nhau rất chặt. Lúc đã quay đi, Lít gù mới hỏi, rất nhỏ:

- Đồng hương có hay nhận được thư Thuyên không?

Gã gật. Thấy ngón chân thằng kia di tròn tròn trên đất.

- Cô ấy thế nào?
- Cô ấy khoẻ.
- Đồng hương viết thư… bảo… mình hỏi thăm nhé!

Như có kiến bò trên da thịt. Chỉ một bước nhanh, gã đã vót sát Lít gù. Gã ôm xiết lấy nó, lắc rất mạnh. Giọng gã run lên vì cảm động:

- Mình… cảm ơn.

Gã rưng rưng nhìn theo cái lưng gù gù khuất dần, khuất dần. Hình ảnh ấy, sau này luôn trở về trong nỗi ám ảnh của giấc mơ kì lạ kia.

Gã dứt sốt. Hệt như có phép tiên. Không phải phép tiên, thể trạng suy kiệt đến mức ấy làm sao gã sống nổi. Cơ thể gã phồng lên từng ngày. Gã trở lại y nguyên vóc dáng của thằng lính trinh sát dạo nào. Gã ngốn như thần trùng. Cũng may, gia tài của ba cô gái tương đối dư dật. Cứ tăng gia cũ mà. Cái gì chả có. Miệng gã lúc ăn, cứ thun thút như chim cút đớp mồi. Rõ ngộ. Cái Thu bảo:
- Thằng cha này, chả mấy làm cho cánh mình khánh kiệt. Nhìn hắn ăn mà phát thèm.
Cái Sương nói:
- Làm phúc, kể làm gì. Biết đâu lại chả như chim thần. Ăn một quả khế, trả ba cục vàng, may túi ba gang…
Cái Thu cười tanh tách, nói rất tục:
- Bà Lanh chê rồi đấy. Mày mang cái túi nửa gang của mày ra mà đựng. Gì chứ nó và mày tòi ra vàng là cái chắc.
- Sư mày, mỏ bạ đâu cũng quẹt, để tao "mét" lão hộ pháp.
Dạo này, gã hay lững thững thả bộ trong rừng. Đi chán chê lại về tắm uồm uồm dưới suối. Suối không sâu nên gã bơi, chân phải đạp phành phạch, nước bắn tung toé, ầm ĩ cả một khúc suối. Thêm mỗi gã mà cái trại vắng, nhộn nhịp tưng bừng hẳn lên. Chuyện tắm táp của gã, đâm ra ảnh hưởng đến thói quen của Thu. Con bé táo tợn thế cũng phải e dè, không dám lộ liễu như trước. Lúc tắm, cứ ren rén, ren rén như nước có bọ cạp. Sau, cái Sương phải bảo thẳng:
- Này anh, từ giờ không được xuống suối buổi chiều nghe không?
Gã cười. Nếu không biết gã từ trước, hẳn sẽ chẳng nhận ra, nụ cười vẫn ngô nghê của gã.
- Sao không được tắm chiều?
- Buổi chiều, dành để đàn bà, con gái tắm. Hiểu chưa?
Lại cười. Thế không hiểu còn hiểu cái gì nữa. Gã chấp hành ngay, chấp hành nghiêm túc. Cái Sương khen:
- Thằng cha ngoan ra phết. Mặt này, hiền lành lắm đây.
Cái Thu cong cớn:
- Hiền. Mày nhìn người thế có ngày ốm đòn con ạ. Hắn ngơ ngơ như bò đội nón lá thật. Nhưng đừng có đùa. Ngữ này thả ra, nó lại chả xơi tái mình ngay. Cảnh giác đấy kẻo mất không với nó. Thằng bạn thư sinh của mày, chắc chỉ còn mỗi cách ngồi hít gió.
Sương cũng không vừa:
- Mày làm ai cũng như thằng xế hộ pháp nhà mày. Có nọc hết trai tráng miền Đông, cũng không tìm được thằng thứ hai trắng trợn như thế. Ban ngày, ban mặt dám sấn sổ đè nghiến con người ta. Rõ, "ngưu tầm ngưu, mã tầm mã.".
- Á, con này, ăn phải bả rồi hay sao mà bênh chằm chặp thế. Nói không biết ngượng cái lỗ mồm. Thằng mặt dầy nhà mày kém chắc. Ban ngày, ban mặt lại giữa chốn ba quân, nó cũng kiêng khem gì đâu. Đứng đeo dính vào nhau, chả hay hớm lắm mà còn lên mặt. Sĩ diện!
Lời qua, tiếng lại ồn ã. Hai đứa như chó với mèo. Người ngoài nghe lần đầu thót tim, tưởng sẽ "hàng tôm, hàng cá" đến nơi. Nhưng không, chỉ một tẹo là cười rinh rích ngay. Quả nhiên, cái Thu xuống giọng trước:
- Là tao nói thế. Sức mấy, ông mãnh này dám. Còn cầu thêm cho nó dám. Biết đâu, bà Lanh lại thành tấm, thành món.
Lanh giãy nảy:
- Chúng mày cứ vơ tao vào là làm sao. Mà thằng xế nhà mày lâu về thế. Tống khứ hắn đi cho yên chuyện.
- Gớm mong gì chuyện tống khứ. Có hơi hướng của hắn, cái trại này mới được thế. Thôi bà chị ạ, đừng cành cao nữa, được đấy. Ông trời xe duyên, mới cho hắn lạc vào đây chứ. Thôi nhé, hết phim.
Không thể ngờ câu nói tầm phào của cái Thu lại thành sự thật. Sự thật khắc nghiệt, như thể được gắn từ tiền kiếp.
°
Sau những cái hôn đầu tiên, Lanh thực sự e ngại gã. Thường thì Lanh tránh. Cái Thu, cái Sương đã biết chuyện nhưng chẳng hiểu có âm mưu gì không, chúng nó rặt lảng tránh gã. Như thế, việc trông nom gã, không phải việc của chúng. Bảo, cả hai đứa đều nhơn nhơn:
- Có được ăn ốc đâu mà phải đổ vỏ.
Lanh ngượng chín mặt, không dám cà rà thêm một câu nào với chúng. Phần gã, sức khoẻ đã lại, trừ đoạn nhầm tưởng kia, còn thì trí óc gần như người bình thường. Tuy vậy, vẫn phải canh chừng gã. Đáng sợ nhất là những cơn mộng du kéo dài. Những lúc ấy, ai mà biết được gã sẽ làm gì. Hai đứa tránh việc, thành thử tất tật mọi thứ về gã, đều phải qua nơi tay Lanh. Việc thì Lanh không ngại, bởi bản thân gã đã làm được khối thứ. Thậm chí, gã còn mò xuống suối, bắt được vô kể cá các loại. Người

thế này, không bệnh chắc tài lắm. Lanh đã báo cáo về đơn vị trường hợp của gã. Trong lúc chờ đợi giải quyết, không thể thoái thác được nghĩa vụ chăm sóc gã. Dù sao, cũng đồng đội của mình cả. Sự ngại ngùng khiến Lanh phải hạn chế tiếp xúc, chính vì chuyện kia. Bây giờ gã hoàn toàn tin Lanh là Thuyên. Cái tát hôm nọ, hoá chả một tẹo tác dụng. Ngược lại, gã còn tỏ vẻ thích thú. Ghê nhất là những đoạn gã lảm nhảm về lông ngỗng gì đấy. Những lúc ấy, mặt gã rất nghiêm trang. Khổ, đâu lại có thứ thích lạ lùng. Lông ngỗng thì làm quái gì được, đem đổ còn khó. Quê Lanh nghèo nhưng mọi thứ lông súc vật đều bị chê.

Còn chuyện này, tuy tủi hổ vì bị nhầm tưởng nhưng những cái hôn của gã đã vô tình khơi dậy một miền sống nằm lặng trong thân thể Lanh từ bao giờ. Đêm hôm ấy, Lanh không tài nào ngủ được. Cứ thao thức, xoay trở mãi. Đôi môi khô của Lanh, sau những cái hôn đã mềm ấm trở lại. Và những đợt sóng run rẩy dâng theo từng nhịp tim. Dâng lên, dâng mãi, ứ nghẹn, đòi hỏi. Trước gã bây giờ, Lanh hoàn toàn mất tự nhiên. Có lúc, Lanh có ý nghĩ điên rồ muốn ôm chầm lấy gã. Lanh tự xỉ vả mình. Giới hạn của danh dự đã giúp cô chế ngự được thứ tình cảm yếu đuối kia. Mọi chuyện sẽ hoàn toàn bình thường, đúng như thế, hoàn toàn bình thường và cuộc sống của Lanh sẽ không có thay đổi nào đáng kể với những gì cô vốn có, nếu không có buổi tối ác nghiệt xảy ra liền sau đó.

Dễ phải đến hai hôm liền, Lanh không chạm mặt gã. Cô bận. Sắp có một đợt làm chính sách liệt sĩ, Lanh cùng với hai đứa kia kiểm tra lại toàn bộ các gói tư trang. Công việc hòm hòm, tối hôm thứ hai đang ăn cơm chợt cái Thu bảo:

- Gã lại ốm rồi.

- Hả?

Mắt cái Thu trợn tròn khi thấy vẻ hốt hoảng lộ rõ trên mặt Lanh.

- Ơ, cái bà này, gì mà như mất của vậy. Gã ốm là chuyện bình thường, gì đâu mà mà…

- …

- Ái chà chà, bà tẩm ngẩm, tầm ngầm này ghê thật. Thôi nhé, hết chối nhé.

Cái Sương phải quát lên:

- Thu! Mày có thôi ngay đi không?

Người Lanh ớn lạnh. Suýt nữa cô khóc oà lên. Khóc vì lẽ gì cũng không biết nữa. Lanh buông bát. Cái Sương bấm vào người Thu. Hai đứa và quấy quá cho xong bữa, rồi lẳng lặng chuồn. Sương với lại:

- Hắn chẳng thiết gì ăn uống. Em nấu cháo rồi. Chị cố ép xem sao.

Khoang lán của gã tối ngòm. Lanh se sẽ bước vào. Thấy gã nằm bệt trên sạp. Có người, nhưng gã chẳng buồn nhúc nhích. Lanh quay lui. Lát sau, cô lụi cụi mang lên chiếc đèn ắc quy. Đèn của người yêu cái Thu tặng. Căn lán sáng bừng lên. Lạnh phải lấy vải bịt lại. Ánh sáng vừa đủ hắt một quầng nhỏ. Gã vừa kịp nhận ra Lanh. Chao ôi, ánh mắt ấy, chỉ một khoảnh khắc rất ngắn, nhỏ gấp nhiều lần một phần giây, chỉ thế thôi, đủ cho Lanh suốt cuộc đời bàng hoàng, run rẩy. Gã nhổm phắt dậy:

- Em!

Giá gã gọi tên người con gái kia, không biết sự thể sẽ xảy ra thế nào. Lanh cũng không thể biết. Hoặc Lanh sẽ trở về căn lán của mình. Hoặc… Hoặc nữa… Tiếng "em" ngọt ngào đánh thức miền sống ẩn lặng kia, đồng thời làm mê mụ đi miền hiện tại Lanh đang sống.

- Em! Sao để anh đợi mãi?

Lanh nhìn vào mặt gã. Tất cả, từ tinh lực của đôi mắt rực sáng, từ vẻ mặt mong đợi, đến giọng nói ấm áp, đều toát ra sự chân thành. Không một chút giả dối. Không một gợn nhỏ lọc lừa. Gã phiêu diêu trong mảnh đời rất thực của gã. Dẫu đang mê mụ, dẫu miền sống tiềm ẩn kia quặn lên những cuộn sóng vật vã, Lanh vẫn thừa hiểu rằng mình đang phập phõm đi vào cõi ảo của gã. Trời ơi, trong vai một người con gái khác, mình đang làm gì thế này? Nhận chút tình yêu của kẻ hoang tưởng. Nhận hay là đánh cắp? Mặc kệ, không phải ham muốn, đó là một cái gì âm ỉ, kết tụ từ những cuộn sóng của miền lặng kia. Không cắt nghĩa được, nó kéo dần Lanh đến với người đàn ông xa lạ. Cố chống lại cảm giác ấy nhưng kì lạ, càng chống, Lanh càng như bị thôi miên, càng bị kéo mạnh hơn. Trái tim cố đập những nhịp rời rạc. Máu như nghẽn lại, mồ hôi ròng ròng khắp cơ thể. Gã dang rộng cánh tay. Trong tích tắc, Lanh lọt thỏm, nhỏ bé trong vòng tay của gã.

Môi hai người lần tìm nhau. Những cái hôn nóng bỏng của gã đốt kiệt sức lực Lanh. Lanh lả dần, mềm nhũn, mặc bàn tay gã miết mát khắp cơ thể. Động tác của gã hăm hở, có phần cục cằn. Mặc kệ. Thời gian như ngưng lại trong sự tĩnh lặng. Cả cánh rừng cũng yên ắng. Không phải thứ yên ắng thanh bình. Đó là thứ yên ắng ngột lại của chiến trận, dồn vào khoảng ngừng giữa hai trận đánh. Thân thể

Lanh không trang phục, nằm nguyên sơ trong quầng nhỏ của chụp vải đèn ắc quy. Quầng sáng vô tình, viền thành hình quả trứng. Hình một cái nôi, ý nghĩ mình là đứa hài nhi nằm trong nôi như sợi chỉ mầu mỏng manh, chảy vào trí não Lanh. Cô đợi một tiếng ru trầm ấm của người cha, lời ru tha thiết của người mẹ. Nhưng không có gì cả. Lanh đợi, đợi mãi. Chỉ có tiếng kêu muộn của con tắc kè già độc thân, phía cây dẻ gai, khảm vào đêm từng nhịp thống thiết. Lẻ rồi, ngày mai nắng. Ngày mai sẽ nắng. Ánh nắng chan vào nôi nhỏ đầm ấm.
Gã thầm thì vào tai Lanh. Vẫn điệp khúc cũ. Những cái lông ngỗng chết tiệt. Người con gái nào đó. Mặc kệ, dẹp hết tất cả. Bây giờ, Lanh cũng đã mộng du như gã. Cô thả hồn vào miền ẩn của chính mình. Cũng có lúc, phần đời thực gào thét đòi dừng lại. Lanh gắng gượng chống. Song, lí trí giờ chỉ còn là những bọt bóng. Gã thả sức dò tìm những lạ lẫm của cơ thể Lanh. Khi gã chạm đến vùng bụng mềm ấm, nơi ẩn chứa điều thiêng liêng nhất của đời con gái, Lanh bỗng rùng mình như thoát xác. Cảm giác đau buốt dội đến. Hệt như có con rắn trườn bò, châm lưỡi, phun nọc khắp thân thể. Cái đau lan tỏa từ gót chân đến tận đỉnh tóc. Bầu máu nóng oà vỡ, âm ỉ thấm đến từng kẽ thịt, góc xương. Lanh lịm dần, lịm dần. Tim ngắc ngư, níu giật từng nhịp mỏng manh, mơ hồ. Con rắn trườn ra cùng lúc từ các hốc hở trên cơ thể. Cả Lanh nữa, xoài bò theo con rắn. Lanh thấy mình bõm vào một màn đen đặc quánh.
Cảm giác này, còn đến với Lanh một lần nữa. Nhiều năm sau, trong phút giây hấp hối, trút lại kiếp sống để bay vào màn đen thăm thẳm cõi vĩnh hằng. Lanh ra đi vì căn bệnh chiến tranh, nhiễm chất độc da cam, để lại trên đời đứa con quặt quẹo và một tình yêu côi cút. Cô chết tại ngôi nhà nhỏ của mình. Nơi từ đấy, cô mang cuộc chiến tranh riêng nhập vào cuộc chiến tranh lớn của dân tộc. Gã là người tỉnh dậy đầu tiên. Tất cả yên ắng. Con tắc kè già cô độc, bất chấp quy luật thời gian, vẫn thả vào rừng đêm những chuỗi kêu tuyệt vọng. Người gã bừng bừng. Gã dụi mắt định thần. Nhìn thật kĩ người con gái bé nhỏ nằm thiêm thiếp trong quầng sáng hình nôi. Gã kinh hãi nhìn xuống thân thể mình. Lại một Adam, một Eva ăn trái cấm. Chẳng biết cặp uyên ương khởi tổ lòai người có mang cảm giác này không? Gã thấy sợ. Gã cố nhớ. Loáng thoáng trong óc gã hiện những gì vừa xảy ra. Chỉ là những hình ảnh lộn xộn không thể chắp nối vào nhau được. Không thể hiểu nổi. Gã đã chiếm đoạt người phụ nữ này. Gã quỳ xuống cạnh người đàn bà. Gã thấy mình khỏe khoắn và tỉnh táo. Cơn mộng du miên man đã biến mất một cách kì lạ. Nhưng dấu vết của nó còn đây. Trên thân thể người đàn bà. Gã không thể ngờ, dấu vết ấy mãi tươi nguyên. Nó gắn chặt vào số phận gã.
G• chạnh nhớ đến Thuyên. Cả cái làng quê trù phú của gã nữa. Tất cả đều lắc lơ, xa vời. Gã run run gạt mấy sợi tóc vương trên khuôn mặt người đàn bà. Cử chỉ nhẹ nhàng. Lanh thức giấc. Bắt gặp ánh mắt xót xa của gã, Lanh giật thột mình, vội quành tay che phần ngực trần dăn deo.
- Chị là ai?
Lanh cuống cuồng mặc quần áo. Cả gã nữa. Vậy là gã đã tỉnh.
- Chị là ai?
Không còn nghi ngờ gì nữa. Căn bệnh nhầm tưởng của gã đã kết thúc. Cái tủi kia ra đi, thì tủi phận mới lại ào đến. Lanh đổ vào ngực gã. Cô oà khóc như một đứa trẻ.
Hai người ngồi với nhau đến sáng. Gã kể hết tình cảnh mình. Gã đã cùng đường. Không thể tìm về đơn vị được nữa. Cái án bỏ đồng đội, bất luận trường hợp nào, đều không thể tha thứ. Lanh đầy bao dung:
- Bây giờ anh định thế nào?
Gã suy nghĩ rất lung:
- Tôi cũng không biết nữa. Hay là chị cho tôi ở tạm đây vài bữa rồi tính sau.
Những ngày kế sau đấy thực sự là những ngày hạnh phúc của Lanh. Không công khai nhưng các thành viên của trại mặc nhiên đều công nhận tình cảm của gã. Tất nhiên, gã bây giờ so với mấy hôm trước hoàn toàn khác. Lanh có vẻ ngượng ngùng với hai đứa kia. Ngượng chứ. Đang đâu lại vơ vào một gã ất ơ. Lanh không biết được rằng, chúng nó đã biết cả. Đêm hôm ấy, Sương và Thu không thấy Lanh về, bèn bổ đi tìm. Đến căn lán của gã kia, cả hai không tin vào mắt mình. Dưới ánh sáng đèn, hai thân thể trần quấn vào nhau, ngủ bình thản. Cái Thu trầm trồ:
- Nhìn họ hạnh phúc quá. Ai bảo chiến trường chỉ rặt chết chóc, ác liệt.
- Suỵt. Mồm mày cứ bô lô lên ấy, im nào. Họ nằm trong cái khung tròn viền sáng, đẹp thiên thần. Bà Lanh thế mà ghê gớm. Đừng nói gì nhé. Kệ họ. May thì thành.

Tuy không nói ra nhưng hai đứa đều có ý vun vén. Thấy thái độ lạ, Lanh phải bảo:
- Các em ạ, hắn tỉnh táo rồi. Cho hắn đậu nhờ vài bữa.
Cái Thu, mặt trơ khấc:
- Hắn đậu được cả đời càng tốt, chị ạ.
- Kìa, em nói thế là làm sao?
Cái Sương vội vàng đỡ lời. Khoản ăn nói, bao giờ nó cũng khéo léo hơn:
- Chúng em biết hết rồi. Chị đừng ngại. Thực lòng chúng em mong muốn cho chị…
Lanh vội cướp lời:
- Thôi, chị cảm ơn các em nhiều. Các em tốt quá. Nhưng không giữ nổi hắn đâu. Chị biết!
Gã như con gà cồ lệt bệt quanh quẩn cối xay. Ngược lại với Lanh, gã đầy thấp thỏm, lo âu. Gã biết không thể kéo dài cuộc sống nơi đây được. Nhưng đi đâu thì gã chịu. Đơn vị không được, đành một nhẽ. Tìm một đơn vị khác? Khó lắm, để người ta dò ra gốc tích còn chết nữa. Hay về nhà? Làng xóm ai dễ để yên. Thằng đào ngũ cuốc mặt, vuốt không hết nhục. Mà chiến tranh lại đang còn, chưa biết ngày nào dứt. Chỉ có chết! Chết cũng không phải dễ. Phương ơi, giá kể tao đi được cùng với mày ngày ấy, phải tốt hơn bao nhiêu không. Gã rùng mình khi nghĩ về bạn mình. Chắc chắn nó chết ngay, khi gã vừa bỏ đi. Hối hận bây giờ cũng đã muộn. Chẳng phải lỗi lầm nào con người cũng có cơ sửa được. Mắt gã mờ dại khi nhìn về tương lai phía trước. Mịt mù lắm, biết làm sao đây. Chưa thể biết trước điều gì sẽ xảy ra nhưng rõ ràng, gã đã đánh vuột tất cả. Cánh cửa trường đại học khép lại. Làng xóm, người yêu. Cả những năm tháng chiến tranh cũng không còn. Với Lanh, ơn cứu mạng gã biết lắm. Nhưng để gắn bó với người đàn bà này? Gã hoang mang cực độ. Gã lần lữa trong mớ bong bóng rối mù. Có lần gã bảo:
- Tôi không biết phải làm gì. Nếu Lanh thực sự thương tôi…
Lanh vội vã bịt mồm gã lại. Đến cô cũng chưa biết phải xử sự thế nào. Những gì đã xảy ra, dường như Lanh hoàn toàn không ngờ tới. Cả hoàn cảnh nghiệt ngã, gã đang lâm vào. Như có bàn tay của số phận đẩy đến. Nhưng rồi một việc xảy ra sau đó đã chấm dứt mọi vướng mắc về gã. Chính Lanh là người quyết định.
Hôm ấy, một ngày rất đẹp trời. Sẽ là một ngày bình thường như mọi ngày bình thường khác, nếu vào lúc hoàng hôn, không bất thần có một loạt bom quăng xuống. Cả ngày trời quang đãng, nắng như mật vàng rưới đẫm cỏ cây, hoa lá. Khúc suối bắt nắng, ánh vàng. Đang thấp thỏm như gã, cũng phải thốt lên:
- Chà, đẹp quá, cứ như tranh vẽ ấy.
Gã cao hứng, trổ tài lội sùng sục suốt buổi chiều bắt được một chậu tướng cua đá. Chà, canh riêu cua với rau muống chẻ ghém, có nằm mơ cũng chả dám ước món nào sang hơn. Cái Thu bảo:
- Hôm nay, đằng ấy đạo diễn toàn bộ nhé. Để bọn này cải thiện một chầu "phụ nữ", ăn cho ngon miệng.
Nó cười giòn tanh tách. Ý nó muốn nói đến chầu tắm tiên. Lanh đỏ lựng mặt. Độ này, Lanh rất hay ngượng. Cái Sương, vốn chẳng mấy mê khoản tắm táp cũng hăng hái:
- Đúng đấy, ủng hộ cả hai tay.
Tất nhiên Lanh phải chấp hành. Thiểu số mà. Gã thì khỏi nói. Gã hì hụi xóc xóc, giã giã, chả mấy chốc nồi canh đã nghi ngút khói. Gã tương vào mấy quả quéo xanh. Ngon phải biết. Mới có thế, nước miếng đã tứa bủm chân răng. Cái món rau chẻ, gã cũng thạo đáo để. Chẻ đẹp, chả thua gì mấy bà nội trợ đảm.
Hòm hòm mọi việc, gã sắp sẵn mâm bát. Đoạn, gã hú dài làm hiệu. Gớm mấy bà trẻ này, tắm táp gì kĩ thế.
Ở dưới suối, nghe thấy gã báo hiệu, Lanh bảo:
- Thôi, lên đi mấy em.
Cái Sương cũng giục:
- Nhẩu nhẩu lên Thu, nắng sắp tắt rồi.
Nắng nhạt dần. Mặt trời đã khuất đầu rừng, hắt lại những vệt đỏ sậm hình thanh thước. Thanh nào cũng thẳng tắp, vuông cạnh. Gió đột ngột ngừng thổi. Khúc suối chuyển sang màu trắng. Cái Sương rùng mình:
- Tự nhiên thấy lạnh. Ngâm lâu quá. Lên đi.
Cái Thu cũng giục:
- Ừ, hai chị em lên trước đi. Em tắm thêm một lát.
Đã leo gần hết bãi sỏi thoải, Lanh ngoái lại nhìn. Chợt Lanh khựng lại. Cô gọi giật:
- Sương ơi.
Cả hai nhìn xuống. Trước mắt họ, cả khúc suối trắng phắc. Cái Thu đứng in bóng xuống nước. Thân hình nó trắng rợn như một pho tượng tạc, dựng giữa suối. Người nó trong suốt. Trong đến mức, có cảm giác đấy không phải là da thịt người sống mà là thuỷ tinh mỏng tang, chỉ chạm khẽ là vỡ. Đến lượt Lanh rùng mình:

- Thu ơi, bỗng dưng chị thấy sợ. Lên đi em.
Pho tượng thuỷ tinh kia cất tiếng cười. Âm điệu bay là là, khô sắc:
- Cứ mặc em. Chắc chỉ nay mai là thằng xế nhà em về.
Hai người mới chỉ kịp bước vào lán, đã thấy tiếng rít rợn gáy của một thằng F soẹt rất thấp. Hơi táp mạnh đẩy tung mái lán. Nồi canh cua lật nghiêng. Đất sôi, sủi khói. Không nghe thấy tiếng nổ. Khói bốc cuộn đen sặc phía suối. Thôi chết, cái Thu.
Cả ba người chạy ào xuống. Khói vẫn cuộn đặc. Không phải tìm lâu, xác cái Thu lật sấp mép bờ. Nước dềnh kín người. Lanh chạy đến đầu tiên lật người Thu lại. Cô hét lên một tiếng rồi gục xỉu. Cả người Thu hầu như nguyên vẹn, khuôn mặt hệt như lúc sống. Chỉ có bầu ngực bên trái bị mảnh sắc tiện gọn. Những tia máu nhỏ phun ra, thổi mạnh vào nước làm sùi bọt bóng. Những bọt bóng máu không tan, li ti như hoa bèo, dập dềnh trong làn nước trong suốt. Phía Tây, những vệt nắng đỏ sậm hình thanh thước vẫn nguyên cạnh.
Suốt đêm, ba người lính đốt đuốc tìm kiếm. Sang cả hôm sau, vẫn không thấy bầu vú bị bom phát đứt. Đành phải chôn Thu bằng bên ngực độn. Biết điều này, chắc Thu buồn lắm. Ngôi mộ được phủ kín sỏi trắng. Người lính lái xe kịp về chôn cất người yêu. Anh không khóc. Nỗi đau lớn, nước mắt thường chảy ngược. Anh áp mình vào ngôi mộ. Tất cả đều quay mặt không dám nhìn.
Ngay sau đấy, số phận gã được định đoạt. Lanh nói, mắt chỉ nhìn vào ngôi mộ:
- Đây là địa chỉ nhà tôi. – Cô đưa cho gã một tấm ảnh nhỏ. – Anh đi đi. Rất có thể tôi đang mang trong người giọt máu của anh. Nếu có, khổ thế nào tôi cũng gắng giữ. Mai sau, nếu anh không quên được những ngày này, anh có thể tìm đến…
Gã không nói một lời. Dù cái tin kia làm gã rung rẩy toàn thân. Gã lẳng lặng đi. Không còn một cơn mộng du nào nữa. Gã đi trong phần đời thực của gã. Gã biết rằng, với gã, với cuộc chiến tranh này, với hoà bình mai sau, với tất cả, thằng lính Nguyễn Kim Vịnh đã không còn tồn tại.

C uối cùng thì hoà bình cũng đến được với hang Dơi. Đúng hơn, niềm tin của ông già chín năm, mãi rồi cũng được khẳng định. Hoá ra thời gian, ở bất kể thế giới nào cũng vậy, đều cắm mốc phân định khoảng cách. Nhờ thế nó trường tồn. Tính một cách hào phóng, ông già chín năm đã ngụ trong hang Dơi gần nửa thế kỉ. Ông không còn nhìn thấy gì nữa. Ông bảo:
- Ta đã sống gần trọn kiếp vong hồn. Đời vong hồn cũng tựa như một kiếp người. Nó hữu hạn.
- Thế còn sau đó?
- Không biết được điều gì vượt ra ngoài kiếp sống của mình!
Chẳng biết ông căn cứ vào đâu để nói những lời ấy. Tin hay không cũng chẳng quan trọng gì. Ông chép miệng:
- Kiếp nào cũng vậy thôi các con ạ. Ta vẫn mong được trở về quê hương.
Bây giờ, ông ngồi yên trên phiến đá của mình. Phiến đá vẫn ngắc ngư, còn ông đã bất động. Chân ông xếp bằng. Tay đặt trên đùi. Mắt nhắm nghiền. Có mở mắt cũng như người lòa cõi trần. Ông nhập tọa từ dạo các âm binh rời bỏ cánh rừng này về quê. Đã gần hai mươi năm. Ông không theo đạo nào. Ông bảo:
- Đạo cốt ở tâm. Tâm trong ấy là đắc. Tâm vẩn, nhân cũng bất thành.
Tâm là tấm lòng. Nếu sống, hẳn đời nhờ ông được khối việc. Cô gái, điềm tĩnh hơn xưa, dù vậy vẫn giữ thói quen đi dạo. Còn tôi, lẽ dĩ nhiên, hãn hữu lắm mới đi ra ngoài. Tính tôi thế. Tôi, thỉnh thoảng lại ra cửa hang. Vạn vật trước mắt mình. Vạn vật trong mắt mình. Cuộc đời đổi thay nhiều lắm. Ngắm rồi nghĩ. Nghĩ rồi ngẫm. Cô gái bảo:
- Bây giờ thì em biết rồi. Anh có sống cũng chẳng được tích sự gì. Đến làm thầy cúng là hết.
Đấy là cô bực tôi, ít chịu đi cùng cô. Tôi phì cười:
- Thầy cúng, sao lại thế?
- Ở làng em, có một lão thầy cúng. Bị chính quyền dẹp không cho hành nghề, lão ngồi suốt ở cửa nhà, mắt giương mục kỉnh, như hai cái đít chai đen ngòm. Đeo thế nhưng mắt lão sáng. Lão cứ ngồi ngắm rồi ngẫm nghĩ. Ấy, vậy mà cấm có chuyện gì trong làng thoát khỏi mắt lão. Lạ thế, những lúc cần, lão phán rành mạch đâu ra đấy. Thành thử, vẫn khối người phải lén lút nhờ vả lão.
- Ơ, cái lão thầy cúng làng em thì quan hệ gì đến anh?
- Ngốc thế, quan hệ ở cái tư thế ngồi. Anh nhìn thấy gì nào?
Tôi bật cười. Trẻ con đến thế thì thôi.
- Nhìn thấy nhiều thứ chứ. Chẳng hạn, cây săng lẻ không còn. Chẳng hạn…
- Thôi thôi…

Cô xịu mặt, xua xua tay. Quả thật, có quá nhiều thay đổi. Ngay như cánh rừng này. Ngày xưa bom đạn tàn phá. Ngày nay con người tàn phá. Hoà bình, rừng tươi tốt lại được mươi năm thì bắt đầu thấy xuất hiện những nhóm khai thác rừng. Ngày một đông. Ô tô kìn kìn vào chở, nhộn nhịp còn bằng mấy dạo chiến dịch mở. Một ngày kia, cây săng lẻ của chúng tôi chịu chung số phận. Hôm ấy cô gái rất buồn. Kỉ niệm bị triệt hạ ngay trước mắt làm sao không buồn được. Đến gỗ đá cũng phải buồn. Đám cây kề cận, mất đi bóng dáng thẳng cao của cây săng lẻ, cây nào, cây ấy rũ ra, phờ phạc.

"Đến làm thầy cúng là hết". Ngộ nghĩnh thật. Liệu có được bằng lão thầy cúng ở cái làng bé hin hin kia? Vẫn biết là bịp bợm, nhưng cùng lúc lão có thể tiết lộ hậu vận, tiền vận của người khác. Còn tôi, đến tương lai của mình cũng không dám định trước. Còn quá khứ? Đến hôm nay quỹ sống trần gian của tôi ngang bằng với ngày tháng ở hang Dơi. Cô gái cũng thế. Chúng tôi có mặt trên đời hai mươi năm. Và hai mươi năm chờ đợi trong hang. Dẫu rằng, niềm tin trong tôi vẫn nguyên vẹn, song không khỏi có lúc tôi nghĩ đến hình ảnh ông già chín năm, trên phiến đá ngắc ngư. Có một lần, nói đến chuyện này, ông cười rất hiền:

- Nếu ta trọn kiếp vong hồn ở hang Dơi này, ta vẫn tin con ạ. Kiếp nào đi chăng nữa, cũng cần đến niềm tin ấy.

Hai mươi năm. Mẹ tôi bây giờ chắc già lắm. Nỗi đau mất con hẳn đã nguôi ngoai. Tôi không hình dung nổi khuôn mặt mẹ tôi bây giờ. Những nếp nhăn tuổi tác chằng chéo trên khuôn mặt già nua? Có lẽ thế và lưng của mẹ còng hẳn xuống? Ngày trẻ, mẹ tôi đẹp lắm. Nghe kể, cha tôi phải vất vả mới lấy được mẹ. Không biết cha tôi bây giờ, có còn đủ sức thức dậy pha trà vào lúc bốn rưỡi sáng, theo nhịp chuông leng keng của tầu điện nữa hay không? Còn em gái tôi. Không biết nó đã quên hay còn nhớ tiếng hót của con chim liếu điếu. Chắc nó nhớ. Bởi, có một thời nó từng tin rằng, anh trai nó trở về bằng tiếng hót ấy. Bạn bè tôi nữa. A trinh sát thằng nào còn, thằng nào mất?

Ngày A trinh sát còn nguyên vẹn, đề tài hậu chiến tranh bao giờ cũng xôm trò. Chẳng khác gì dạo còn đi học, cô giáo hỏi: "Sau này em ước làm gì?". Long tẩu bảo: "Hết chiến tranh, tao mặc nguyên bộ đồ trận này để tổ chức lễ cưới. Cưới ngay, không đợi thêm một ngày nào nữa!". Cường choắt ước: "Chiến tranh thích hợp với dạng người tao. Tao sẽ làm tướng. Tướng, hiểu không?". "A thằng khốn, mày định kiếm chác bằng chiến tranh hả?" – "Không, tướng không chiến tranh mới đáng mặt tướng. Tao sẽ làm tướng!". Mỗi thằng một ước muốn. Nói chung đều nghiêm chỉnh cả. Duy có Ngọc khợp thủng thỉnh: "Tao hả, tao sẽ ra phố Hàng Buồm mua một con ngỗng quay thật bự. Con ngỗng vàng rộm. Còn nóng. Mỡ của nó láng ra loang bóng tờ báo bọc. Tất nhiên, với con ngỗng ấy, phải vòng xuống Cổ Tân làm hai vại bia hơi – mới có thế yết hầu thằng nào cũng đã đánh lên, đánh xuống – để nguyên con ngỗng, không dao thớt gì cả, a lê phập! Răng cắm ngập vào cái lườn béo ngậy!…". Không thằng nào bình phẩm một lời về cái ước mơ đểu giả của Ngọc khợp. Nước miếng tứa ra hết lượt. Ước muốn của Ngọc khợp thực quá. Thực đến tàn nhẫn. Có lẽ, chỉ mình nó dễ dàng thực hiện điều ước. Ai chứ Ngọc khợp chắc chắn sẽ giữ lời. Một con ngỗng sau một cuộc chiến tranh. Hay thật.

Thằng nào còn, thằng nào mất? Thằng Vịnh chắc chắn không trong số những thằng còn sống. Nếu sống, nó đã không bắt mình phải chờ đợi đến ngần ấy năm trời. Những thằng sống, bao nhiêu thằng thực hiện được ước muốn của mình? Bất luận thế nào, chúng nó đều hạnh phúc. Chúng mày ơi, sự sống đó mới là cái quý giá nhất.

Tất nhiên cũng còn nhiều điều quý giá khác. Chẳng hạn một ước muốn nho nhỏ của cô gái. Được đứng trong vườn nhà, tay vịn vào gốc xoan, nghe tiếng nạng gỗ của người bố thương binh gõ cộc cộc từ ngoài ngõ vào. Thế thôi. Thế là đủ. Ngày mới hoà bình, sau những phút giây sung sướng ban đầu, đến lúc biết mình không trở về được, cô buồn ghê gớm. Nỗi buồn lớn đến mức, nếu ở cõi trần chưa biết sự thể cô sẽ ra sao. Không phải nỗi buồn vì tuổi thanh xuân của cô dừng ở con số hai mươi. Nỗi buồn ấy qua lâu rồi. Một nỗi buồn khác, giản đơn. Nó xuất phát từ ước muốn nho nhỏ kia. Rất nhiều lần cô lo sợ:

- Cha em chết mất. Ông chỉ sống được bằng niềm kiêu hãnh.

Hẳn thế. Kiêu hãnh làm nên phẩm chất chiến thắng của mọi cuộc chiến tranh giữ nước. Chỉ riêng nỗi buồn của cô đủ để người cha thương binh kia kiêu hãnh. Dù có hay không tờ giấy chứng nhận mầu vàng. Nhất định thế!

Đã hai mươi năm. Cô gái vẫn canh cánh nỗi niềm kia. Tôi cũng thế. Khao khát được trở về ngày một

mãnh liệt. Dạo còn thằng ngụy, góc hang của nó đặc sánh bầu không khí tuyệt vọng. Tuyệt vọng đến cùng kiệt. Đến nỗi, cô gái phải thay đổi. Cô từ bỏ thái độ thù địch với nó. Suốt một thời gian dài, nó tự câu rút, đóng đinh mình vào vách đá hệt tư thế chúa của nó. Có điều chúa của nó bị hành hình còn nó tự mình làm công việc đầy đọa ấy. Chẳng biết chúa Giê su lúc bị câu rút trên thập ác nói những điều gì. Còn nó? Nó lảm nhảm suốt. Rặt những mẩu độc thọai rời rạc về cuộc đời gián đoạn của nó. Nó gọi má, gọi chúa. Không ai giúp được gì cho nó nữa. Thằng ngụy không xuống. Cứ thế, nó treo mình dán vào vách đá. Nó tạo thành một hình ảnh vừa đau lòng, vừa nực cười. Giá kể âm dương giao hoà, người trần thế nhìn thấy nó, khối người cảm động. Kể cả những kẻ đã bán sống nó. Hẳn lúc ấy, có người sẽ nghĩ rằng, nó làm thế là để sám hối. Oan cho nó, tột đỉnh cao sang như Giê su, môn đồ Ju đa cũng chỉ đổi lấy ba mươi đồng bạc trắng. Nó, nước non gì, những kẻ cầm cuộc cờ đẩy nó vào vách đá không cần tính toán. Nỗi tuyệt vọng của nó cũng thế, không cần sự sám hối. Có chăng, đó chỉ là sự hối tiếc muộn mằn của một kẻ lầm đường.
Có lẽ, nó sẽ câu rút mình trọn một kiếp vong hồn, nếu chúa của nó hoặc má của nó không động lòng. Tuy nhiên, để thoát khỏi tuyệt vọng này nó lại tiếp tục bị sa vào tình cảnh tuyệt vọng khác. Nếu được chọn, cũng không biết, nó ở lại hay đi. Chuyện xảy ra sau hoà bình khoảng chục năm gì đấy.
Bấy giờ, việc khai thác gỗ đang nhộn nhịp. Tuy vậy, có rất ít người lai vãng đến hang Dơi. Thảng hoặc mới có một vài người bạo gan mò vào. Vì tò mò hơn là định kiếm chác. Có định kiếm cũng chẳng nhằm nhè gì. Bởi trong hang, chỉ có lũ dơi móc ken vào vòm đá. Nền hang, phân dơi dày thành lớp. Xương cốt của chúng tôi, được lưu giữ trong chính lớp phân dày đặc ấy.
Hôm ấy, toán người kia đi đến bằng một chiếc xe Jeep nhà binh cũ kĩ. Có sáu người cả thảy. Nom người nào, người nấy dữ dằn và gian giảo. Phường này, mù mắt cũng không thể xếp chúng vào hàng lương thiện. Xe, chúng vứt dưới cửa rừng rồi leo bộ lên hang. Điệu bộ rất hùng hổ. Cả bọn bu đặc cửa hang. Đầu chúng châu vào nhau. Một thằng dùng ống nhòm dọi đi, dọi lại. Lát sau nó quả quyết:
- Đúng chỗ này!
- Chắc không?
- Tao đã rà kĩ tọa độ. Tính toán cả thời gian bay từ Bà Rá về đây. Rừng thay đổi nhiều nhưng vẫn có thể nhận ra. Xác chiếc CH47 cách đây khoảng 5km đường chim bay, đã tìm ra từ tuần trước.
- Nhưng làm sao mày dám quả quyết chỗ này?
Thằng cầm ống nhòm cười gằn:
- Mày quên ngày ấy biệt đội của tao quần nát khu rừng này, chỉ tìm thấy mấy vuông dù, còn cái thây biến tăm.
- Nhưng sao biết là thằng Mẽo đã chết.
Lần này nó cười, to, váng cả hang:
- Ngu thế mày. Cái dù bị Việt cộng bắn lủng, quẳng từ lưng chừng trời đến thiên lôi cũng ngắc, huống hồ người trần. Duy nhất cái vực này không thằng nào sục xuống.
- Bắt đầu chứ?
- Hãy khoan. Làm một tiệc nhỏ, mừng cho sự khởi đầu thuận lợi.
Thằng nhỏ con nhất hội, mặt quắt, ria mép để dài thành túm, lộn xuống xe vác lên một bịch đồ ăn và thùng bia lon "333". Chúng túm tụm ăn uống ngay trên phiến đá cửa hang.
Nãy giờ, những người trong hang chăm chú dõi theo bọn người kia. Thì ra chúng đi kiếm hài cốt Mỹ. Đã có mấy toán săn lùng trước bọn này. Đa phần, chúng là binh sĩ của chế độ cũ, thông thạo vùng tác chiến rừng núi, nhập thành băng đi sục tìm, hi vọng kiếm được xác Mỹ bán lấy tiền xài. Ông già chín năm yên vị trên phiến đá tủm tỉm cười. Cô gái có vẻ hoảng hốt. Nhìn đám người này, chắc cô nhớ lại chuyện cũ. Cũng dáng dấp ấy, chỉ khác mỗi quần áo mặc trên người. Tôi, chẳng có việc gì phải bận tâm. Riêng thằng ngụy thấp thỏm. Cái vực, bọn người kia sắp mò xuống là nơi gửi nắm xương của nó. Tuy vậy, nó vẫn ngúc ngắc trên chiếc thánh giá vô hình, không chịu xuống.
Lát sau, bọn kia lần xuống chân dốc. Từ đấy chúng men dần xuống. Tiếng là vực nhưng không sâu lắm, chừng hai trăm mét trở lại. Gai góc um tùm, xuống được đáy không phải dễ dàng. Một lúc, bỗng có tiếng thét nhào đau đớn dội lại hang. Dù không bận tâm, tôi vẫn nhào ra khỏi nơi ẩn. Cô gái ra theo. Trước tiếng kêu của đồng loại, đến loài thú cũng không nỡ ngoảnh mặt. Hoá ra, một người trong bọn trượt chân ngã nhào xuống vực. Ngã thế, chết là cầm chắc. Quả nhiên, đám người sống chưa lần kịp xuống, thì thằng chết đã lò dò lên đến nơi! Thấy hai chúng tôi, mặt nó xám ngoét. Chính là thằng nhỏ con, mặt quắt, ria mép để dài thành túm. Có vẻ nó kém vế nhất trong đám kia. Nó sợ hãi là phải. Trên

người chúng tôi, quân phục vẫn xanh rờn. Nó lắp bắp:
- Ông, bà…
Lưỡi nó líu lại, không nói được hết câu. Tôi nhẹ nhàng:
- Đừng sợ, chúng tôi là bộ đội hi sinh hồi chiến tranh ở đây.
Chả ngờ câu nói làm nó sợ hơn. Thậm chí nó không còn phát ra tiếng được nữa. Cứ "u u" ở đầu lưỡi.
Tôi bảo:
- Đừng sợ. Anh bây giờ thành hồn ma rồi. Cú ngã vừa xong đã đổi kiếp cho anh.
Nó rống rất thảm thiết. Ra, nó chưa biết mình đã chết. Nó cuồng lên chạy tọt xuống vực. Dáng chừng để cầu cứu bọn kia, xem phải thật thế không. Hoặc, để kiểm chứng thân thể mình. Được một lúc, nó lò dò quay trở lại. Bộ điệu rất thiểu não. Nó so vai, gục đầu, miệng rên ư ử:
- Hết đời rồi, còn vợ, con tôi, hu hu…
Khóc chán chê mê mỏi, nó ngơ ngác nhìn tứ phía. Dấu tích bữa ăn còn đây, vương vãi tàn diêm, bã thuốc, giấy báo. Đàn kiến núi to gộc bâu kín chỗ thức ăn thừa. Còn nguyên cả mà đã hai thế giới khác. Nó dọ dẫm lần vào hang. Nó vội quỳ thụp xuống làm dấu thánh giá:
- Giê su ma lạy chúa!
Thằng ngụy phì cười. Thằng nhỏ con ngước mặt. Nó nhận ra đức chúa trên vách mặc đồ trận rằn ri. Thằng ngụy vẫn cười:
- Tao là lính chết trận dạo bảy tư. Dưới vực kia làm chó gì có xác Mỹ. Chỉ có xác tao thôi, hiểu không?
Thằng nhỏ con chợt nổi xung. Có lẽ nó tiếc thân nó tiêu oan uổng. Chỉ có xác thằng mập này, ngu ơi là ngu:
- Nè, tao ngán là ngán mấy cha cộng kia. Còn mày sức mấy. Nhìn đây này. – Nó vén tay áo để lộ những hình xăm chật hai cánh tay. Đủ hết rồng rắn, đại bàng, cả hình đàn bà, con gái lõa thể. – Ông nội mày đây mới là lính dù chính hiệu. Nhằm nhè gì, thứ lính tẩy ngữ mày. Giỏi, xuống đây mà cao giọng.
Ông già chín năm chợt cất tiếng cười. Tiếng cười được thời gian tu luyện xoáy ầm ầm, dội vào vách đá. Bầy dơi hoảng hốt chao động. Thằng nhỏ con chết trân sợ hãi. Nó lùi dần, lùi dần:
- Lại một cha áo trấn thủ. Vệ quốc đoàn. Kì quá, cái chốn này. Phát điên lên mất.
Nó chạy bổ ra khỏi hang.
Đến quá trưa, đám tìm xác cũng bìu díu nhau lên đủ. Chúng quấn xác thằng vừa chết vào một tấm vải bố. Không đứa nào buồn vì đồng bọn gặp nạn. Ngược lại, mặt cả lũ cứ hơn hớn như bắt được của. Của thật. Đấy là dúm xương tàn của thằng ngụy. Trước đấy, trong hang Dơi, thằng ngụy đột nhiên bị rơi bịch từ vách đá xuống. Nó nằm thõng thượt trên nền hang, không gượng dậy được. Mặt nhợt đi, lìm lịm, lìm lịm. Sau mới biết, thời khắc đó bọn kia vừa bới được chỗ nó nằm. Một thằng vớ được cái đầu lâu mốc xỉn, huơ huơ lên, hôn đánh "chụt" vào trán sọ:
- Ngài đây rồi. Vàng, đô đây rồi. Hơ hơ…
Cả bọn sục sạo, nhặt nhạnh không sót một mẩu xương, tống đại vào cái bao xác rắn. Thằng ống nhòm gật gù:
- Tao tính không sai. Ngài khuyết mất bộ giò. Nhưng không sao, lát nữa sẽ "mông" cho Ngài đầy đặn. – Quay sang cái xác mới. – Tội nghiệp nhỏ em này. Ngài thiêng thật, vật thế chỗ đấy. Em đừng buồn. Tụi qua trúng mánh này, đặng cúng lễ cho em đầy đủ.
Giá không tìm được đám xương tàn kia, dám xác thằng nhỏ con nằm vĩnh viễn nơi đây lắm. Nó vẫn còn may.
Đặt xương của thằng ngụy vào tấm nhựa ni lông trải phẳng, bọn kia bắt đầu chọn lựa, lắp ghép. Bộ giò thiếu thật. Một thằng chạy về xe vác ra cái bao xác rắn khác. Trong lủng củng toàn xương xẩu. Bới nhặt mãi cũng lựa được đủ. Chúng lắp vào, hoàn chỉnh một bộ hài cốt. Cả lũ nhảy tưng tưng. Chắc chúng đang tưởng tượng bộ xương khô kia đã hoá thành vàng thật, đô thật. Cứ việc tin. Giấc mộng nào mà chả đẹp. Thằng nhỏ con cười sằng sặc. Nó buồn cười quá. Quên hẳn mình vừa chết, nó cũng nhảy tưng tưng, quay vòng tròn rất ngộ. Nó đã phát điên.
Trong hang, thằng ngụy bò dậy. Nó khúc khắc đôi chân mượn. Xác của nó đã bị tống vào bao, chất lên xe. Cả cái xác mới kia nữa. Thằng ngụy khập khễnh bước. Số phận nó một lần nữa được định đoạt.
Thằng ngụy buộc phải rời khỏi hang. Dù sao, nó cũng đã quen thân chốn này. Nó chào từng người, mêu mếu rất thảm. Tội nghiệp cho nó. Không biết nó phải theo đám người kia đến tận đâu? Liệu nó có tìm được đường về nhà?
Thằng nhỏ con vừa cười, vừa xoay tròn tiến về phía xe. Phía sau nó, thằng ngụy vất vả khập khiễng từng bước. Giá không bị mông má, nó đâu đến nỗi

phải khổ sở thế. Ba chúng tôi đứng ở cửa hang tiễn nó. Thằng ngụy quay lại nhìn. Nó giơ tay vẫy vẫy. Tiếng nó thoảng trong gió:
- Vĩnh biệt…
Rõ cả tiếng nấc ngắt ra: "Má ơi, má…". Quá đau đớn, nó đã quên gọi chúa.
°
Hoà bình đến với hang Dơi đột ngột nhưng không bất ngờ. Đúng mười chín năm sau hoà bình của đất nước. Cũng bởi niềm tin sắt đá của ông già chín năm truyền sang chúng tôi, đã ngấm sâu vào hình hài từng đứa. Lạ thế, ao ước bao nhiêu lâu, đau buồn cũng lắm, vậy mà giây phút hạnh phúc đến, ai cũng thấy bình thản. Tựa hồ việc đó ắt phải diễn ra như thế.
Khi đoàn người tiến vào hang, chúng tôi đã hiểu rằng, họ đến để giải phóng chúng tôi khỏi kiếp vong hồn. Rõ ràng có một thứ linh cảm gì đó rất đặc biệt. Ông già chín năm bảo:
- Linh cảm ấy chỉ những người biết tin, dám tin mới có.
Quả thật, trong suốt hai mươi năm ở hang Dơi, phải đến giờ phút ấy tôi mới gặp linh cảm này. Thoạt đầu, thấy người nhấp nhô ngoài hang, tôi đã tưởng là bọn người tìm xác, khá hơn một chút là những người đến bắt dơi. Nghe họ lào phào với nhau, dơi bây giờ là đặc sản. Cái giống nửa chim, nửa thú chỉ hơi phân loài chuột tí tẹo, lại được tôn vào hàng đặc sản, lạ thật. Cuộc sống trần gian, hẳn phải thay đổi nhiều mới có sự đảo lộn, ngược đời thế. Thảo nào, vài ba năm lại đây, dơi trong hang bị bắt vãn. Ngày xưa, dơi đen đặc bám nhung nhúc ở thành hang. Vòm trần, dơi kết thành dây lúc lỉu. Bây giờ, dơi cũng khôn chán vạn, treo người tít trên cao, bắt nổi một con cũng còn mướt. Suy cho cùng, giống nòi nào cũng thế, đều phải khôn để tồn tại.
Đoàn người đi hàng một vào hang. Phải đến gần chục người. Một nửa mặc quân phục. Một người mặc quân phục cũ, người cũng hom hem, già nua, lúi húi cắm bó hương ngún khói sát chỗ tôi nằm. Mùi hương. Khói bay đến đâu hương lan đến đấy. Không gian hang Dơi âm u cũng tan dần ra, thoáng đãng. Những đốm hương đỏ xíu đủ làm hang Dơi sáng rực. Ông già chín năm tủm tỉm cười. Cô gái luýnh quýnh chạy vào, chạy ra. Người thắp hương quỳ xuống. Hàng người đứng cúi đầu. Họ đang mặc niệm. Không một lời khấn khứa. Tất cả im lặng. Tôi nghe rõ cả tiếng khói toả rất nhẹ. Những đốm đỏ đầu hương xíu xiu lấp lánh. Khói vương vít quấn quýt, tụ vào, tan ra. Ông già chín năm rời bỏ phiến đá. Ông dọ dẫm từng bước. Miệng ông thầm thì:
- Các con. Các con ơi!
Ba chúng tôi đứng cạnh nhau, nghẹn ngào chờ đợi. Đồng đội của chúng tôi đã đến. Ông già chín năm đứng nghiêm ngắn như đang trong đội ngũ. Cô gái, mắt long lanh nửa cười, nửa khóc. Cô đang sung sướng. Tôi nữa, cõi hồn tôi khói hương quấn vào, làm dậy lên cảm xúc kì lạ. Bàn chân tôi dợn dợn. Tôi thấy mình như đang đứng giữa thành phố quê hương. Mẹ của tôi. Đột nhiên, tôi bừng tỉnh. Tiếng hót lảnh lót của con chim liếu điếu vang lên. Tiếng hót nứt ra từ kẽ đá. Tiếng hót nhỏ giọt từ trần hang ấm áp. Và tiếng hót nóng hổi lăn trên gò má tôi. Những đốm đỏ vẫn rực. Khói vẫn quấn quýt, hương ngan ngát lan ra, lan xa.
- Chỗ này! – Người thắp hương, vẫn đang quỳ, trỏ tay đúng vào chỗ tôi nằm. – Cả góc kia, ngày ấy tôi thấy vương vãi nhiều thứ quân trang.
Giọng nói quen quá. Trời ơi. Giọng nói quen quá. Tiếng một người ra lệnh:
- Các đồng chí. Ta đào thật nhẹ. Từng điểm một. Đồng đội của chúng ta dưới này…
Nhát xẻng đầu tiên "sụt" khẽ. Phân dơi kết thành lớp, ấm và mềm. Cái hang nhỏ rùng rùng. Hang sáng lòa. Từng dây sấm gượng nhẹ nổ rền rền khe khẽ. Đàn dơi thức giấc chấp chới đảo cánh. Có con vụt bay ra khỏi hang rồi lại liệng vào.
- Đây rồi. Các đồng chí, ta tiếp tục đào. Nhớ thật nhẹ. – Có tiếng nấc. Người thắp hương chạm tay vào xương cốt của tôi.
- Phương ơi! – Tiếng kêu bật ra, khắc khoải như tiếng kêu của con chim trúng tên đuối sức.
Giọng nói quen quá. Tôi nhào vào. Trước mắt tôi là thằng Vịnh. Tôi đã nhận ra nó. Thằng Vịnh còn sống. Nó đã không bỏ tôi. Vịnh ơi…
Tôi như vừa dứt khỏi cơn sốt mê man, người khoẻ khoắn lạ thường. Tôi vút ra ngoài hang. Giây phút ấy, tôi quên mình đã chết. Quên đi hai mươi năm chờ đợi. Tôi như con chim non vừa đủ lông cánh vút vào bầu trời tự do. Nắng mênh mông tràn đầy. Khu rừng chiến tranh lùi lại thật xa. Con chim liếu điếu bay đến đậu vào vai tôi. Cả tôi và nó cùng cất tiếng hát.
Ông già chín năm cất tiếng gọi tôi. Tay ông cầm tay cô gái. Tôi kinh ngạc trước vẻ đẹp chưa từng thấy ở cô. Một vẻ đẹp rạng rỡ, thuần khiết và trinh bạch. Không một tì vết nào của chiến tranh đọng trên khuôn mặt ấy. Tất cả đã qua rồi. Tôi lao đến ôm

chầm lấy hai người thân yêu. Chúng tôi trong vòng tay nhau, bồi hồi.
- Các con. Chúng ta không bao giờ bị lãng quên. Ước mơ của ta đã thành sự thật. Các con…
Mắt ông lóng lánh. Ông đã nhìn lại được. Vụt cái, ông trở về với tuổi thực của mình. Một ông già quắc thước, tóc trắng, râu trắng, hiền hậu. Tôi, cả cô gái nữa. Tất cả chúng tôi đã trở về được với thế giới của mình. Tôi áp bàn tay tôi lên bàn tay cô. Tiếng nói cõi hồn tôi bật ra tự nhiên:
- Anh sẽ đưa em về…
- Vâng! Quê em và thành phố của anh!
Tôi dắt em đi. Con đường bồng bềnh như trong giấc mơ. Con đường, ông già chín năm và thế hệ của ông đã đi. Một thời của chúng tôi cũng đã trôi qua trên con đường này, chưa xa. Tôi sẽ đưa em về…
Phía sau, ông già chín năm im lìm như bức tượng tạc vào trời đất. Ông tủm tỉm cười. Nụ cười của một người biết thế nào là hạnh phúc.

Padyamu (Trần Mộng Tú) (xem file PDF)
Miếu Cẩm Lưu Sơn Minh(xem file PDF)

Bến Trần gian (Lưu Sơn Minh)

..Anh vẫn ngồi núp phía cuối thuyền. Cô lái đò hình như đang lẩm bẩm gì đó. Anh chỉ nhìn thấy những chấm đỏ ẩn hiện ở phía trước. Anh muốn nhảy xuống sông để chạy trốn. Đúng cô ta là ma rồi, chỉ có ma mới khóc không ra tiếng và nói không ra tiếng. Nhưng dường như chân anh cứng lại, dính chặt vào thuyền. Mùi khói hương thơm nhè nhẹ đưa về phía anh. Bất giác anh sờ lên vành tai, chiếc lá vẫn còn. Sắp hết khoảng tối của bóng cây, anh khẽ xoay người cho đỡ mỏi nhưng không được. Chẳng biết rồi con thuyền ma này đưa anh về đâu. Anh hét lên: "Hãy buông tha tôi ra, xin đừng đưa tôi về xứ của ma, tôi còn phải về thăm u, mấy chục năm rồi..."
Dở dang nào có ra gì
Đã tu tu trót, qua thì thì thôi
(Kiều)
Anh đã đi mấy chục năm, vượt qua bao nhiêu khuôn mặt chỉ để đêm nay tới đây và gọi "Đò ơi!"
Dòng sông không hiểu là đang chảy hay đã ngừng chảy từ lâu. Chỉ có ánh trăng rụt rè sáng một nửa sông phía bên kia không bị bóng cây si che lấp. Anh chợt thoáng rùng mình, ngày xưa, chỗ này có một người con gái chết đuối. Anh vẫn nhớ kỹ người ta đã khênh cô ấy lên và để cô nằm ngay đây, gối đầu lên gốc si già. Anh vội liếc trộm vào gốc si tối thẫm. Chẳng thấy gì cả ngoài một hõm đen lờ mờ, chỗ ngày xưa nước lụt xoáy vào. Anh lại gọi to lên "Đò ơi". Tiếng gọi đò khẩn thiết. Hồi còn bé, bà hay kể cho anh nghe ngoài sông đêm có tiếng ma gọi đò. Tiếng gọi như một lời cầu khẩn tha thiết có sức hút huyền bí đến lạ lùng. Bao nhiêu cô gái đã chạy ra bến và chèo đò một mạch qua sông rồi lại chèo về, cứ thế cho đến sáng. Sau đó chẳng ai dám lấy các cô ấy nữa.
Bóng anh trôi nhè nhẹ ven sông, đổ lên những thân cây đẫm sương. Mấy chục năm cỏ cây vẫn thế. Anh cứ trôi, trôi mãi... và cất tiếng gọi "Đò... ơi đò".
*
Bà cụ Lăng lọm khọm đi ra sau vườn. Đêm nay là đêm rằm, trăng sáng vằng vặc, bà không sao ngủ được. Bà nhớ lại đêm trước ngày thằng Lăng đi bộ đội. Sau khi dự hội diễn ngoài đình trở về, nó lặng lẽ ngồi đầu hè thổi sáo. Bà thì ngồi trong nhà nhìn ngắm đứa con trai duy nhất. Bóng nó đổ xuống sân lừng lững. Bà thấy mắt mình nhòa đi, hình như bà khóc. Cái bóng tự nhiên cứ mờ dần dưới chân Lăng. "Chết... mất bóng thì mày thành ma hở Lăng?"... Bà vội giụi mắt, không, cái bóng Lăng vẫn còn nguyên ở dưới sân. Đúng, bà nhớ lắm, nó quay lại vười với bà: "U đi ngủ đi, con ngồi thêm chút nữa rồi con cũng đi ngủ. Đêm nay trăng sáng quá"...
Ngoài vườn, cây nhài lặng lẽ thơm. Hồi thằng Lăng đi rồi con Thùy mang cây nhài sang trồng ở vườn. Nó bảo bà: "Con chờ anh Lăng hết đời". Chiều chiều, nó sang nhà nấu cơm quét tước giúp bà. Thế mà bây giờ con bé đã một nách năm đứa con. Lấy nhau mười năm thì chín năm mười một tháng bị chồng đánh. Bà biêt,s con bé vẫn thỉnh thoảng ra bờ sông khóc. Bà lập cập mở cánh cửa ra bờ sông, trăng đã lên cao tít trên kia.
* *
Anh đã đi mấy chục năm mà vẫn luẩn quẩn ở trong rừng cho tới một hôm, trong cuộc viễn du vô định, anh gặp một ông già râu tóc bạc phơ. Ông bảo: "Lại đây con, ta biết con lang thang đã lâu lắm rồi. Ta cho con cái lán này con hãy gài vào vành tai. Cái lá sẽ giữ cho linh hồn con không tan ra khi quay về chốn cũ. Từ giờ con sẽ bay được. Lên đường đi con. Hãy tìm về nơi con đã ra đi..."
Và suốt mấy chục ngày trời, anh trôi nhẹ nhàng qua những làng mạc, những cánh đồng khô cằn và phì nhiêu, những con sông và núi đồi. Anh trôi qua tất

cả, vậy mà đến con sông này thì anh không vượt qua được nữa. Phải có một con đò đón anh qua sông. Và thế là anh gọi "Đò... ơi đò".

*

Thùy ngồi trên bến sông khóc. Đã lâu chị mới lại được một mình ở đây. Chị mong bà cụ Lăng ngủ yên. Mọi khi, đêm nào chị khóc bà cũng ra an ủi. Thương chị bà mới ra, thế nhưng bà không biết bà đã ngăn Thùy được sống lại những ngày Lăng còn sống, những ngày chưa có tin anh mất tích. "Lăng ơi, về với em...". Thùy đã có lúc ước mơ Lăng trở về đón chị đi. Nhưng khi nhìn mấy đứa nhỏ thì chị không cầm lòng được "mình cứ nghĩ dại, nỡ ra... bọn trẻ con sống với ai...". Chiều nay anh ta lại đánh Thùy, không, đúng hơn anh ta tát Thùy một cái. Đi làm về mệt nhọc thấy vợ ngồi viếtlách gì đó, anh nói nặng lời. Chị cãi lại và thế là anh tát Thùy.

Thùy đứng phắt dậy, chị cần phải qua sông, chị cần phải rời bỏ cuộc sống này đi tìm Lăng của chị. Không cần suy nghĩ gì nữa, chị lao xuống bến, với lấy chèo và chèo cắm cúi. Gió thổi nhẹ vào tóc chị, vào gáy chị. Thùy như thấy đang quay về thời con gái...

*

Đúng rồi... có một con thuyền nhỏ. Như vậy là công anh gọi đò không uổng phí. Nhanh lên cô lái ơi! Anh không nhìn xuống dòng sông nữa, anh nhìn sang bên kia sông, nơi anh sẽ trở về, u, u ơi... Mấy chục năm rồi, nhanh lên, tôi không thể đứng dậy được nữa, tôi phải về với u tôi. Tự nhiên anh liếc trộm vào gốc si. Chẳng hiểu có ma không nhưng anh vẫn thấy rờn rợn, nhanh lên, cô lái ơi...

*

Thùy thoáng giật mình. "Bây giờ có ai trông thấy mình thì mang tiếng quá". Chị tháo cái khăn vuông trên vai che kín khuôn mặt và chèo tiếp. Bây giờ chị lại chèo rấtchậm. Có lẽ đúng ra là chị không chèo mà để mặc cho con thuyền trôi từ từ. Cứ như thế, gió sẽ đưa đến chị một bến bờ, không thời gian, không còn những ràng buộc. Lăng sẽ đón chị ở đó mà cũng có thể anh không còn ở đấy nữa, nhưng chị cứ đi, con thuyền sẽ trôi theo những xoáy nước của định mệnh. Gió đêm nay thổi mạnh và con thuyền trôi từ bờ này sang bờ kia thẳng băng như theo một con đường định sẵn. Đuôi thuyền dần dần khuất hẳn trong bóng tối của cây si cổ thụ...!

* *

Anh lượn đi lượn lại trên bờ một cách sốt ruột "Sao cô ta lại chèo chậm như thế? Mà hình như cô ta không chèo nhưng con thuyền vẫn trôi về phía anh. Nỗi ám ảnh đè nặng lên anh. Ngày xưa cái cô chết đuối gối đầu lên cái rễ cây gần anh nhất... không phải, hình như cái rễ bên kia. Anh lại phải liếc vào gốc cây một cái. Lá si rụng nhè nhẹ và đôi lúc có một quả si rơi xuống mái cái miếu thờ phía bên kia đánh bộp.

Con thuyền cứ chầm chậm trôi!

Và cuối cùng thì nó cũng chạm vào bờ đất. Anh hấp tấp nhảy xuống đò. Trời ơi, cô lái bịt kín mặt bằng cái khăn vuông. Đôi mắt quen lắm, hay là... anh không dám nghĩ nữa. Có cái gì giống cái nhìn vô cảm của cô gái chết đuối ngày xưa. Đúng đây là con đò ma rồi. Anh ngồi rúm lại phía cuối thuyền "cô cho tôi qua".

Dường như không nghe thấy, cô lái đò quay mũi thuyền và lại chậm chạp chèo trở về. Anh miên man nhìn lên những rặng cây quen thuộc.

* *

Thùy vừa thấy mũi thuyền chạm vào bến thì nghe tiếng gọi "Thùy ơi, về đi con". Lại bà cụ Lăng rồi. U không cho con đi tìm anh Lăng ư, bao giờ cũng thế, khi nào con muốn về với Lăng thì u lại giữ con lại với xóm làng. "U ơi"... Thùy bật khóc, chị quay mũi thuyền và chèo về. Chị biết rằng thế này cón nghĩa là lại sống như ngày như vừa rồi. Thùy quờ tay lên mũi thuyền rút mấy que hương. Chị vừa châm hương vừa lầm rầm khấn. "Lăng ơi, em không thể đi với anh được, em còn phải trông nom u nữa, với cả... còn anh ấy và các con em...".

* *

Anh vẫn ngồi núp phía cuối thuyền. Cô lái đò hình như đang lẩm bẩm gì đó. Anh chỉ nhìn thấy những chấm đỏ ẩn hiện ở phía trước. Anh muốn nhảy xuống sông để chạy trốn. Đúng cô ta là ma rồi, chỉ có ma mới khóc không ra tiếng và nói không ra tiếng. Nhưng dường như chân anh cứng lại, dính chặt vào thuyền. Mùi khói hương thơm nhè nhẹ đưa về phía anh. Bất giác anh sờ lên vành tai, chiếc lá vẫn còn. Sắp hết khoảng tối của bóng cây, anh khẽ xoay người cho đỡ mỏi nhưng không được. Chẳng biết rồi con thuyền ma này đưa anh về đâu. Anh hét lên: "Hãy buông tha tôi ra, xin đừng đưa tôi về xứ của ma, tôi còn phải về thăm u, mấy chục năm rồi..."

Nhưng không có tiếng động nào phát ra cả, ngay cả lưỡi anh cũng như hóa đá. Anh cuống cuồng nhìn sang hai bên nhất định chỉ vì khói hương của loài ma mị này mà anh bị dính chặt ở đây...

* *

Thùy cập con thuyền vào bờ. Bà cụ Lăng thì thào: "Mẹ cha mày, mày định bỏ mà đi hả con. Làm thân con gái khổ thì phải chịu, mày trốn sao nổi".

Thùy sà vào lòng bà và khóc. Bà cụ lập cập quờ tìm tay Thùy: "Thôi con, về nhà đi. Bọn trẻ nó dậy không thấy mày thì khóc hết nước mắt. U hiểu mày, thằng Lăng nó biết thế này cũng mát lòng con ạ. Về đi...".

Thùy neo con thuyền vào cái cây ven sông và lẩm lũi biến dần vào bóng đêm.

Còn lại một mình, bà cụ Lăng thở dài chậm chạp trở về nhà vừa đi vừa đấm lưng "Rõ khổ con bé, thằng chồng phải cái nóng tính. Đẻ lắm thì nuôi nhiều, khổ sở quá rồi hay cáu, mai lại phải sang bảo nó một nhời"...

* *

Con đò vừa cập bến, anh ngạc nhiên thấy cô lái nhảy lên bờ và khóc trong lòng một bà cụ rất lâu. Thế rồi cô ấy biến mất vào sau những rặng cây ven sông. Còn bà cụ thì lập cập chống gậy quay về. Cái dáng đi quen thuộc của những người quanh năm còng lưng vì hạt lúa. Bao nhiêu mùa lúa còng xuống vì thóc thì cái dáng người cũng còng xuống bấy nhiêu. Ơ, nhưng mà... đúng là u rồi. U vẫn cầm cái gậy đánh chó ngày xưa, cái gậy con chặt ở bụi trúc sau nhà. Đúng rồi, "U ơi, con bị trói ngoài này!...". Anh không hề cảm thấy rằng mấy nén hương đầu thuyền đã lụi...

ình như có tiếng ai gọi dưới sông, mà lại là giọng người làng này. Lạ nhỉ, đã về đến đây không lên bờ còn ngồi dưới ấy mà gọi. Bà cụ Lăng lại quay ra bến sông "Ai đó... ơ ới?".

- Con đây mà u.

Thằng Lăng, đúng thằng Lăng ngồi ở trên thuyền. Bà đánh rơi cái gậy ở tay và lập cập chạy xuống bến.

- Sao mày ngồi đấy hả Lăng, lên với u đi.

Lăng ngẩng đầu lên - con ngửi phải hương ma nên hóa đá ở đây rồi!

- Đâu, làm gì có ma.

- Cô lái đò lúc nãy là ma đấy, u ơi!

- Mày mơ rồi con ạ, nó là con Thùy đấy.

- Thùy hả u? - Anh cuống cuồng đứng dậy - U, bây giờ cô ấy đâu rồi, u kéo con lên với!

Bà cụ đưa tay lên. Lăng cầm vào tay mẹ. Chợt bà cụ thảng thốt kêu lên - Sao tay mày lạnh thế, Lăng?

Lăng vụt bay lên bờ, anh chơi vơi trên những đám cỏ đầm đìa ánh trăng.

- Thôi rồi, mày là ma hả Lăng, mày chết rồi có phải không?

Và Lăng chợt thấy lờ mờ trong trí nhớ rằng anh đã chết. Anh đã trúng đạn từ lâu rồi, từ mấy chục năm trước hồn anh cứ luẩn quẩn trong rừng cho đến ngày gặp ông già tóc bạc.

Anh kêu lên.

- U ơi, thế người chết là ma hả u?

- Ừ, chết rồi phải thành ma chứ còn gì nữa! Thế sao mày lại biết nẻo về đây, ai rắc vàng cho mày mà mày về được! Và Lăng kể cho mẹ nghe những tháng ngày, những năm, mấy chục năm phiêu bạt, chuyện ông già và chiếc lá.

Bà cụ lặng người đi. Đâu đấy có tiếng chó nhà ai sủa nhau nhảu nghe là lạ...

- Người chết thì phải đi thôi con ạ, đừng luẩn quẩn trần gian làm gì nữa. Bây giờ mày chỉ là nỗi sợ của mọi người thôi.

- U ơi, u để cho con đến thăm Thùy đã!

Bà cụ kéo vội dải yếm lên chùi mắt.

- Không được, con mà đến thì nó cũng sợ con với cả còn chồng con nó nữa. Lăng, quay về xứ của con đi. Con không được ở lại để làm hại người sống. Bà xua đuổi đứa con với một vẻ quyết tâm ghê gớm. "U thương con lắm Lăng ạ, nhưng mà không thể để con ở lại được, u còn mặt mũi nào nhìn xóm làng nữa...".

Lăng dật dờ mấy vòng, chẳng rõ anh có khóc không bởi sương đêm nay rơi nhiều quá. Bãi cỏ ven sông ướt đẫm.

- U, u có nhớ con không?

Bà cụ Lăng quay mặt đi.

- Không, đi nhanh lên con, mặt trời sắp lên rồi, cái lá ấy sẽ làm con trở thành kẻ bị mọi người thù ghét. Bao giờ giỗ thì con lại về với u, thế rồi tết nhất lại về. Con xuống dưới ấy cũng có anh có em, cả thầy con nữa...

Lăng từ từ gỡ chiếc lá ra khỏi vành tai.

- U ơi, u cố ăn uống cho khỏe, u nhớ...

Cả một đoạn sông tối hẳn lại, hình như có những đám mây vừa kéo ngang bầu trời. Bà cụ Lăng sụm xuống...

* *

Buổi sáng ngày mười sáu là một buổi sáng đẹp trời. Thùy chạy sang nhà bà cụ Lăng từ sớm. Lúc chị cắm mấy nén hương lên bàn thờ thì thấy trong khung ảnh Lăng có một chiếc lá màu xám, kiểu màu của lá rụng đã lâu. Thùy vội vào nhà trong tìm bà cụ.

- U ơi, u khóc hở u?
- Đâu, tao có khóc đâu. Bà cụ chối đây đẩy.
- Đúng u khóc, u lại nhớ anh Lăng hở u?
- Mẹ cha mày, - bà cụ giụi mắt, tao đang lo vợ chồng mày cãi nhau, chốc tao định sang bảo nó một nhời.
- Sáng nay anh ấy xin lỗi con rồi, u ạ.
- Rõ khéo trẻ con, có với nhau năm mặt con rồi mà cứ như là...
Thùy khẽ kêu lên "U..." rồi giấu mặt vào lòng bà "Thế mà lại sắp giỗ anh Lăng rồi u nhỉ..."
Bà cụ Lăng không nói gì, bà mải nhìn ra vườn. Ngoài ấy cây ổi thằng Lăng trồng đang xào xạc. Chốc bà phải ra vườn hái mấy quả vào thắp hương nó. "Tội nghiệp thằng bé, u nhớ mày lắm, Lăng ơi". Hai giọt nước mắt chậm chậm lăn trên gò má răn reo rồi rơi xuống tóc Thùy.
... Hình như ngoài sông người ta bảo đêm qua có ai lôi thuyền nhà chị Thùy ra ngoài này rồi lại thắp hương trên mũi thuyền mà chị ấy không biết... Nắng lên...

Con chuột lông vàng (Nguyễn Quang Thiều) (xem file PDF)

Huyền thoại về người đẹp (Kiều Bích Hậu)

Người đàn bà ấy đã là niềm tự hào của làng Giành. Đó là một người đàn bà đẹp. Các cụ cao tuổi khẳng định rằng từ xưa đến nay, làng Giành chưa bao giờ sinh được người con gái đẹp như thế. Khi cô mới 16 tuổi, lắm kẻ ngấp nghé đã nện nhau chí tử. Nhưng rồi cô gái vu qui về nhà họ Phạm, một họ có thanh thế, giàu có nhất trong làng, xã và bây giờ lại chiếm cô gái đẹp nhất vùng.
Nhà ông trưởng đông con. Ông bà sinh hạ cả thảy tám lần thì bảy lần được quí tử, càng củng cố thêm sức mạnh của dòng họ. Khi cô Xoan ngỡ ngàng bước chân vào ngôi nhà nguy nga bề thế của ông bà, thì ông bà trưởng đã có cháu nội. Số là cậu trưởng, con đầu của ông bà lại thường đau yếu, bệnh tật, nên ông bà cưới vợ cho cậu thứ hai trước. Khi cậu hai đã yên bề gia thất, ông bà mới tính chuyện lo cho cậu trưởng. Cậu sẽ thay ông làm trưởng họ sau này khi ông mất đi nên vợ con cho cậu là một đại sự của cả dòng họ. Người ta kén nhiều cô gái đảm đang, con nhà danh giá cho cậu, nhưng cậu trưởng chỉ nằng nặc đòi lấy Xoan. Ông trưởng và nhiều người đồng ý ngay, nhưng riêng bà trưởng còn băn khoăn ko phải vì nhà cô Xoan nghèo rớt, mà bởi sắc đẹp của cô. Bà sợ cái nhan sắc ấy lấn át cái thằng con trai loẻo khoẻo của bà. Nhưng ông trưởng đã quyết định rồi, bà còn biết nói làm sao.
Họ lấy nhau được non tháng thì cậu trưởng lăn đùng ra chết vì bệnh lao. Họ Phạm xót xa ai oán. Nỗi đau đớn nào rồi cũng nguôi ngoai. Vẻ tươi tỉnh đã trở lại trên khuôn mặt của ông trưởng. Ko có con trưởng thì có con thứ, nhà ông còn khối con trai, lo gì! Vợ thằng thứ hai nhà ông lại vừa mới sinh thêm một đứa cháu trai. Phúc đức nhà ông còn dài.
Nhưng bà trưởng thì vẫn trầm ngâm. Bà tự nhiên sinh ra ghét Xoan. Bà cho rằng vì nó mà con bà chết. Nhất là dạo này ông trưởng sinh đốn. Hay liếc nhìn con Xoan, rồi lại tỏ ra quan tâm, hỏi han săn sóc nó hơn cả bà, bà vừa lo lắng, vừa ghen tức. Ông ấy mới 50, còn khỏe như vâm, ăn đứt khối anh con trai mới lớn. Xoan thì sợ ông như sợ cọp, nhưng dưới con mắt bà thì hình như con bé còn õng ẹo, lúng liếng với ông trưởng (!). Để trút nỗi căm tức, bà bắt đầu chửi mắng, đe nẹt Xoan, bắt cô làm việc quần quật sớm tối. Thế nhưng bà ko dám hé răng nói gì với ông trưởng, vì bà vốn sợ ông.
Một khi đã ghen, đã tức, thì bà bắt đầu xét nét. Bà nghi ông trưởng với cái Xoan đã có gì với nhau. Giời phật ơi! Nếu thế thì còn mặt mũi nào nhìn vào làng xóm nữa. Người ta sẽ chê cười, người ta còn chửi cho ấy chứ, mà đúng là thế rồi, vì dạo này ông ấy thờ ơ với bà lắm. Tối tối, ông ấy ko chịu ngủ chung giường với bà nữa. Đã thế, ông còn ngủ ở cái sập gụ bên cửa buồng con Xoan. Bà tức lắm nhưng biết nói sao.
Thế rồi chuyện ấy xảy ra thật. Ông trưởng đợi một hôm bà trưởng lỡ ngủ say, sau những đêm dài thao thức canh chừng ông, ông mò vào buồng con dâu. Ông quờ quạng lại gần giường. Xoan đang ngủ say thì có một bàn tay sờ lên ngực. Cô ú ớ choàng dậy, chưa kịp kêu thì một bàn tay hộ pháp đã bịt chặt miệng cô. Rồi hơi thở nóng hổi, nồng nặc phả vào mũi, làm Xoan ngạt thở.
Cô cố vùng vẫy thì bị cái thân hình kia đè cứng lên người và một giọng nói thì thào vang lên bên tai cô:" Mày im! La lên ông bóp chết mày". Xoan sợ hãi, cô gần như ngất đi, để mặc cho ông trưởng muốn làm gì thì làm.
Sáng ra, với con mắt soi mói và với linh cảm đặc biệt của đàn bà, bà trưởng đã biết rõ chuyện gì xảy ra giữa ông trưởng với con Xoan. Cái con trời tru đất diệt, cái đồ đĩ rạc loạn luân. Nó dám quyến rũ

chồng bà. Ới ông trưởng ơi là ông trưởng, còn nỗi nhục nào hơn! Bà trưởng chỉ dám rít lên với lòng mình như thế chứ vẻ mặt bà vẫn lạnh tanh, bà ko hé răng nói nửa lời. Nhưng càng im lặng, nỗi căm tức lại như ngọn lửa âm ỉ, thiêu đốt tâm can bà, chỉ chờ dịp là bùng lên. Thừa lúc ông trưởng đi chơi, bà mới chễm chệ ngồi lên cái sập gụ, dóng dả gọi xuống nhà bếp:
- Con Xoan đâu? Lên tao bảo đây!
Xoan từ dưới bếp đi lên. Cô cố gắng nén nỗi sợ hãi phập phồng trong ngực. Cô biết bà trưởng muốn gì.

- Thưa mẹ, có chuyện gì gọi con ạ.
Mẹ con cái gì, đồ giả nhân giả nghĩa! Bà trưởng những muốn gào lên, nhảy xô lại, xé toang cái mặt nó ra cho hả cơn ghen đang lồng lộn trong lòng bà. Nhưng bà vẫn ghìm lại.
- Này con kia. Tại sao sáng nay mày dậy muộn thế hử?
- Dạ con vẫn dậy sớm như thường lệ đấy chứ ạ.
- À, con này giỏi. Còn dám mở mồm ra cãi bà. Mày dậy nấu cơm muộn, để cho cái con mẹ mày gào rít ở ngoài chuồng điếc cả tai tao. Mày đã nghe thấy chưa?
Xoan mím môi. Thực ra năm con lợn cái đó, hôm nào cũng gào rít ầm ĩ trước khi được ăn, nhưng hôm nay nó thành cái cớ để bà trưởng chửi mắng cô. Tủi nhục quá, Xoan ko nói được gì. Cô cắm mặt đứng im để mặc những giọt nước mắt lã chã rơi.
- Đồ mặt dày kia. Tao hỏi mày ko vén mồm lên giả lời tao một câu được à?
Bà trưởng bỗng nhảy xổ lên túm tóc Xoan, dúi đầu cô xuống đất, tát lia lịa. Cơn ghen đàn bà bùng nổ. Bà trưởng vừa chửi vừa bới, vừa xoắn mớ tóc dày của Xoan vào tay mình, lúc dúi cô xuống đất, lúc lật ngửa cô lên mà tát, mà nhổ. Xoan chỉ biết giơ tay chống đỡ. Cô con dâu thứ hai thấy ầm ầm vội chạy lên nhà, trông thấy cảnh đó, xanh mắt lùi ra cửa. Mấy đứa con trai đứng lố nhố ở ngoài cổng trông vào, chỉ riêng cậu út chạy xô lại, ôm chặt lấy bà trưởng kêu thất thanh:
- U ơi, u buông chị ấy ra. Con xin u, con van u!
Bà trưởng hẩy thằng út ra, tiếp tục dúi đầu Xoan vào góc tường. May thay lúc đó ông trưởng đi chơi về. Ông quát:
- Có chuyện gì mà ầm ầm lên thế?
Bà trưởng lúc bấy giờ mới buông tay ra. Xoan ngẩng lên, trên khuôn mặt xinh đẹp của cô, những vết ngón tay lằn đỏ cùng những vệt tím do bị đạp vào tường hằn rõ trên nước da trắng mịn. Ông trưởng đã hiểu ra tất cả. Ông vào nhà, xách chai rượu trắng và con dao bầu chọc tiết lợn. Chẳng nói chẳng rằng, ông ngồi giữa phản tu ừng ực, ko thèm rót ra chén. Mọi người xung quanh xanh mắt nhìn ông. Một ko khí lạnh ngắt bao trùm căn nhà. Hết nửa chai rượu, ông lẳng con dao xuống nền nhà gạch, giọng đanh, rõ từng tiếng một:
- Từ rày đứa nào đụng vào con Xoan tao giết!
Cậu út nhìn cha với vẻ biết ơn. Tuy bị bà trưởng đánh nhưng xoan ko hề oán bà, cô hiểu nỗi lòng của bà. Lão trưởng, con dê già hôi thối mới chính là nguyên nhân gây nên nỗi đau khổ cho cô.
Từ hôm đó, ko hôm nào ông trưởng ko hành hạ Xoan. Bà trưởng biết, nhưng ko dám làm to chuyện. Nỗi ghen tuông đã lên đến tận đỉnh. Bà cho rằng Xoan cố tình quyến rũ ông trưởng. Ko đánh được Xoan trước mặt ông trưởng, bà đầy đọa cô, bắt cô làm việc quần quật. Bà muốn xé nát, vùi dập nhan sắc ma quỉ của cô. Thế nhưng như có một phép lạ nào đó, bông hoa đẹp của làng Giành càng tỏa sắc hương qua những cơn bão tàn ác đầy đọa. Dù phải còng lưng gánh nặng, cái dáng lưng ong ấy vẫn uyển chuyển, khuôn ngực tròn trịa vẫn phập phồng sau làn áo, gợi những ước mơ, làn da dãi dầu mưa nắng vẫn trắng trong, sáng như ngọc, cặp môi vẫn đỏ mọng, đầy đặn thơm như trái chín, đôi môi của cô qua những đau khổ lại vương thêm nét buồn quyến rũ. Cái đẹp của Xoan như gai sắc cào cấu, đâm nát lòng bà trưởng. Ngay cả mấy thằng con trai mới lớn của bà cũng nhìn chị dâu với con mắt thèm muốn. Chao ôi, nó đúng là tai ương trong nhà bà. Bà phải tìm cách diệt nó đi. Trong đầu bà quay cuồng những dự định tàn ác.
Câu chuyện dù kín thế nào cũng ko che nổi con mắt tò mò của thiên hạ. Dân làng Giành bắt đầu xì xào bàn tán. Mối quan hệ mờ ám giữa ông trưởng và cô con dâu cả trở thành chủ đề hấp dẫn của những người ngồi lê đôi mách. Trước đây, mỗi khi bước chân ra đường, Xoan thường cảm thấy thích thú trước những cặp mắt ngưỡng mộ và ghen tỵ trước sắc đẹp của cô, nhưng bây giờ thực là một cực hình đối với cô mỗi lần có việc phải bước ra ngõ. Những cặp mắt xoi mói, những lời thầm thì mỉa mai đuổi theo những bước chân cô làm cô chỉ muốn chui xuống đất. Cô phải làm gì để thoát khỏi cảnh nhục nhã này? Có lẽ chỉ còn cách xin về nhà mẹ cô.
Buổi tối, khi cả nhà đã ăn cơm xong, Xoan đánh bạo nói:

- Thưa bố mẹ, anh trưởng chẳng may mất đi, để phận con bơ vơ, buồn tủi. Bây giờ con muốn xin phép bố mẹ cho con được về nhà con. Mẹ con ở có một mình lại già yếu, có con về, mẹ con đỡ vất vả.
Bà trưởng chộp ngay lấy cơ hội, nói:
- Được, tôi đồng ý. Ngay từ ngày mai chị có thể về bên ấy được rồi.
Ông trưởng trừng mắt:
- Bà này nói lạ nhỉ? Thằng chồng nó mới chết được vài tháng mà đã cho nó đi là thế nào?
Quay sang Xoan, ông dằn giọng:
- Nhà chị phải ở đây đúng ba năm rồi có muốn về, mới cho về. Phép tắc dòng họ là như vậy.
Xoan cắm mặt đứng im. Vậy là lão ko chịu buông tha cho cô. Cầu cho diêm vương lôi cổ lão xuống chín tầng địa ngục. Lão sẽ còn hành hạ cô đến bao giờ? Ba năm nữa ư? Ba năm đằng đẵng. Ko, cô ko thể chịu đựng thêm một đêm nào nữa. Cô ghê tởm hơi thở nóng hổi nồng nặc mùi hôi của lão. Dù có phải chết, cô cũng ko thể để lão đụng đến người cô được nữa.
Tối hôm ấy, Xoan bình tĩnh đem con dao phay ra sân giếng mài sắc. Cô thái hai rổ sền rau lợn, xong xuôi, cô lén đem con dao vào buồng, để dưới gối. Cô đi nằm sớm, đầu óc quay cuồng. Cô nghĩ đến mẹ và trào nước mắt. Mẹ ơi, con khổ quá! Xoan trằn trọc ko sao ngủ được, nước mắt ướt đẫm mặt gối. Lúc thì cô lại cười gằn, răng nghiến lại. Người cô lên cơn sốt nóng hầm hập. Xoan như bị ma ám. Giữa canh ba, ông trưởng mới lần mò vào buồng Xoan. Cô lẩm nhẩm cầu xin thánh thần đến phù hộ, tay nắm chắc con dao chờ đợi. Lão trưởng xà đến. Cô chồm lên, dùng hết sức chém mạnh vào đầu bóng đen, mồm rú lên điên dại. Bóng đen hộc lên một tiếng rồi ngã gục xuống. Cửa buồng bật tung, bà trưởng là người đầu tiên đạp cửa nhảy bổ vào buồng Xoan. Bà chưa nhìn rõ cái gì trong bóng tối, dù vẫn nghe thấy tiếng cô con dâu gào lên man rợ. Anh con trai thứ hai của bà lao vào, tay cầm cây đèn thắp vội. Mấy cậu em mắt nhắm mắt mở chạy vào theo. Cây đèn soi tỏ căn buồng. Mọi người kinh hoàng, rợn tóc gáy trước thảm kịch bày ra trước mắt. Xoan đầu tóc rối tung, mắt trợn trừng ko còn trí lực đang vung dao, băm vằm cái thây đẫm máu của ông trưởng, miệng hú hét điên dại. Bà trưởng ngã ngất. Anh con trai thứ hai đánh rơi cây đèn vỡ choang. Ngọn lửa loang ra theo vết dầu chảy, cháy bùng lên, cô bỗng cười ngơ ngẩn. Cô đã phát điên. Qua phút giây bàng hoàng kinh sợ, mấy đứa con trai của ông trưởng nhảy vào, giằng con dao ra khỏi tay Xoan, trói nghiến cô lại. Cô lồng lên dữ tợn, cào cấu cắn xé điên cuồng, miệng vẫn ko ngớt rú lên. Những tiếng rú của cô đánh thức hàng xóm. Người ta xô cửa xông vào chẳng ai cản nổi. Cái xác đẫm máu của ông trưởng trong buồng Xoan và cô gái điên dại bị trói đang vùng vẫy với một sức mạnh ko bình thường kia, khiến mọi người hiểu ra tất cả.
Xoan bị trói một ngày một đêm trong buồng bằng những sợi dây chão to như ngón chân cái. Cô ko ngớt gào rú, giãy giụa, có lúc ngất đi. Cuối cùng để khỏi phải nghe tiếng rú ghê rợn của cô, người ta lấy khăn tống vào miệng cô. Xoan ko kêu được nữa, đôi mắt man dại của cô trợn lên bất lực. Mẹ đẻ của Xoan đến khóc lóc, đòi cởi trói cho con gái bà, nhưng khi vừa nhìn thấy cô, bà ngã ngất vì kinh sợ. Người ta lại phải đưa bà đến nhốt ở chỗ khác.
Sáng hôm đó, lúc cả nhà đi đưa tang ông trưởng, ko hiểu bằng cách nào mà Xoan cởi được dây trói. Cô lao ra khỏi buồng. Vớ được cái đòn gánh, cô đập vỡ tan bất cứ cái gì mình nhìn thấy. Rồi cô tự xé nát hết quần áo của mình và chạy ra đường. Đứa con út của ông trưởng trở về đúng lúc đó. Cậu ta định lao theo chị dâu, nhưng khi nhìn thấy Xoan, cậu bỗng đỏ mặt lùi lại. Xoan vừa đi, vừa gào thét những tiếng gì ko rõ, giọng cô lạc đi, có lúc lại khóc rưng rức. Tay cô vẫn lăm lăm cái đòn gánh. Mái tóc dài mềm mại như dòng suối đổ tràn xuống che phủ tấm thân nõn nà của cô. Ko ai dám xông lại giữ cô. Những người đàn bà sợ hãi đẩy chồng, em trai mình vào nhà đóng cửa lại. Nhưng sau những liếp cửa là con mắt tò mò, ham muốn dõi theo cô. Chao ôi! Cái vùng quê đồng chiêm trũng ngập bùn và nước chua úi xùi này lại sinh ra một người con gái đẹp đến thế ư? Nước da nàng trắng như trứng gà bóc, tròn trịa điểm hai búp sen hồng đẹp như vẽ, cặp chân nàng dài, thon thả uyển chuyển như chân vũ nữ. Dù vẫn biết nàng đẹp, nhưng chưa bao giờ người ta được chứng kiến tận cùng vẻ đẹp của nàng. Tất cả mọi người đều im lặng, ko một đứa trẻ mất dậy nào văng một lời tục tĩu. Họ để cho nàng đi...
Sáng hôm sau, người mẹ của Xoan, được thả ra. Bà chạy tới giếng đất đầu làng ngồi khóc. Một lúc sau bỗng xác của Xoan nổi lên lập lờ. Mái tóc cô dập dềnh trên mặt nước trong veo. Ba người đàn ông can đảm nhất vớt xác cô lên. Người ta cho xác cô gái vào quan tài đưa đi chôn ngay. Đám ma ko kèn ko trống, chẳng cờ hoa, chỉ có tiếng khóc gọi con xé ruột của người mẹ đau khổ và ngậm ngùi của

dân làng Giành tiếc thương cho một số phận hồng nhan. Còn cái giếng đất đầu làng nơi Xoan trẫm mình đến nay nước vẫn trong nhất vùng, nhưng chẳng ai dám đến lấy nước ăn. Người ta vẫn sợ khi ban đêm có việc gì phải đi qua đây.
Sau cái chết của Xoan, dân làng đồn ầm lên rằng vào những đêm trăng lạnh, những người đi chơi khuya phải rợn tóc gáy vì một bóng ma lõa lồ với mái tóc dài đến gót chân ôm quanh người lúc ẩn, lúc hiện. Có lúc bóng ma còn cất lên tiếng cười nghe lạnh đến tận xương. Người ta bảo vì cô chết oan uổng nên hồn cô hay hiện về.
Nhà bà trưởng chi họ Phạm sợ lắm. Đêm nào cũng thắp hương khấn vái linh hồn Xoan hãy lượng thứ cho bà. Đời cha ăn mặn, đời con khát nước. Những đứa con trai sau của bà cứ hễ đứa nào lấy vợ là đêm tân hôn lại chết bất đắc kỳ tử. Đã ba đứa con dâu của bà hôm trước còn là gái tân, hôm sau đã thành gái góa. Chúng đều kể lại rằng, vào đêm tân hôn, khi chúng vừa quấn lấy nhau thì một làn gió từ cửa sổ ùa vào rồi một tiếng cười ghê rợn vang lên làm chúng lạnh cứng người. Bóng một người đàn bà khỏa thân mờ ảo hiện lên. Bóng ma từ từ vươn bàn tay dài ngoẵng ra vút lên mặt người chồng, rồi lên mặt người vợ. Sáng ra khi người vợ tỉnh dậy thì thấy chồng mình đã chết. Chuyện loang ra làm mọi người kinh sợ. Ko một cô gái nào dám lấy con trai nhà họ Phạm nữa. Hai đứa con trai còn lại của bà trưởng cũng ko dám lấy vợ. Cậu trai út một năm bỗng bỏ đi mất tích, ko thấy trở lại hay nhắn nhủ gì về nhà...
Xoan chết gần ba năm. Bà trưởng cũng mất đi. Hơn chục năm nay ko có ai trong số những người con trai thuộc chi trưởng họ Phạm bị chết nữa vì ko có ai lấy vợ. Đứa cháu trai đích tôn của ông bà trưởng cũng đã ba mươi tuổi, nhưng vẫn chưa dám lấy vợ. Các cô gái làng đều lắc đầu quầy quậy khi có ai ướm hỏi các cô cho cháu nhà họ Phạm. Câu chuyện người đàn bà thành tinh xảy ra đã lâu, nhiều năm rồi cũng ko thấy bóng ma hiện hình, thế nhưng các cô cũng chẳng dại phiêu lưu làm gì.
Thế rồi có chuyện oái oăm xảy ra. Mới gần đây làng Giành lại đồn ầm lên chuyện cái Thương (con gái bà Đào, cái người đàn bà tai tiếng ko chồng mà có con) lại yêu thằng Đạt, cháu ông bà trưởng. Nghe đâu chúng nó còn định lấy nhau. Mà đâu phải đồn đại, hai anh chị đã công khai đi lại với nhau. Ông bà Phạm bố mẹ của Đạt thì vừa mừng vừa lo, mừng ở chỗ đã có đứa dám nhận lời với con trai mình, lo vì mối hận truyền kiếp kia, liệu có còn ứng nghiệm với đứa con trai thứ hai yêu quí của ông bà ko? Còn bà Đào, mẹ của Thương thì đau khổ hết mức. Bà đã phải chịu nhiều tiếng nhục để có Thương, thế mà nó lại đâm đầu vào chỗ ấy để phí hoài cả một đời đi ư. Ba người thím thằng Đạt đã phải đi bước nữa, mà đã đi bước nữa là phải nhắm mắt đưa chân, dù chưa gì, vẫn mang tiếng là gái góa, vớ phải toàn những thằng ko ra gì. Tấm gương tày liếp còn sờ sờ ra đấy mà con Thương ko thèm đếm xỉa đến. Bà Đào mắng chửi con, cấm ko cho Thương yêu Đạt, rồi bà khóc, bà van xin nó. Bà đã dùng đủ mọi cách để ngăn cản con, nhưng con bà cứ khăng khăng mà cho rằng nó chỉ yêu thằng Đạt, ko lấy thằng Đạt nó sẽ ko lấy ai nữa. Mà nó cũng có lý. Ở làng này, bà đã mang tiếng là gái chửa hoang, nó cũng bị vạ lây của bà, rồi chuyện nó đi lại với thằng Đạt thì ai dám hỏi lấy nó nữa. Ấy, ở làng quê khổ như thế đấy. Bà đành nhắm mắt chiều theo con vậy. Ngày đêm bà khấn vái linh hồn người đàn bà kia hãy buông tha cho con gái bà và thằng Đạt. Lòng bà ko lúc nào vơi nỗi lo.
Đám cưới của Đạt và Thương là một sự kiện lớn của làng Giành. Người ta túm năm tụm ba xì xào bàn tán. Ai cũng hồi hộp trước sự kiện đang xảy ra.

Ko biết người ta lo sợ cho Đạt và Thương hay người ta tò mò. Nhưng những người thân của đôi trẻ thì lo lắng thực sự. Ông bà Phạm đã lập bàn thờ khấn vái hàng tháng trời nay. Hôm cưới con, họ còn mời cả một thầy cúng có tiếng đến giải ma trừ tà. Đêm hôm đó, cả làng Giành hầu như ko ai muốn ngủ. Họ hồi hộp chờ đợi xem sự việc gì sẽ xảy ra. Liệu người đàn bà thành tinh ấy có trở về làng nữa ko. Ko ai dám nói chắc. Lũ thanh niên hăng máu cá cược với nhau. Nhà họ Phạm vô cùng lo lắng. Họ thắp đèn sáng choang cả trong nhà lẫn ngoài sân. Cả nhà sẽ thức suốt đêm bảo vệ cho đôi trẻ. Đạt và Thương dù mệt đến đứt hơi nhưng cũng ko sao chợp mắt được. Trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn ngủ họ nằm bên nhau yên lặng, mở mắt chong chong. Hết canh ba vẫn ko có chuyện gì xảy ra. Bà Phạm thỉnh thoảng lại đập tay vào cửa buồng của đôi trẻ. Bà vẫn nghe tiếng của hai đứa trả lời. Nhưng bà vẫn ko thể yên tâm vội. Bà quyết thức cho đến sáng dù bà quá mệt bởi mấy đêm thức trắng.
Lúc ấy, khoảng giữa canh tư, một làn gió nhẹ bay lướt vào nhà. Làn gió mát rượi êm dịu làm mọi

người quên hết tất cả, lăn ra ngủ say như chết.
Thương bỗng rùng mình ớn lạnh, cô thấy một bóng người trắng toát đứng ngay đầu giường cô, đang vươn bàn tay dài về phía Đạt. Đạt vẫn nằm bất động như chết. Thương sợ hãi kêu lên:
- Đừng, xin đừng bắt anh ấy đi.
Cô nhào lại giữ lấy tay bóng ma. Nhưng cô trượt ngã vì chẳng túm được cái gì cả. Bóng ma khẽ lay động, phát ra tiếng cười lạnh băng, giọng bóng ma ngân lên âm u như vẳng từ dưới lòng đất:
- Ta phải bắt chồng cô đi. Nó phải gánh tội của ông nó.
Thương quỳ xuống van xin:
- Ko, anh ấy là người tốt, anh ấy trong trắng ko đáng chịu tội thay cho ai cả. Xin bà hãy tha cho anh ấy.
- Ko thể được - bóng ma lại lay động phát ra tiếng cười.
Thương bất lực. Cô trào nước mắt. Ôi Đạt, người cô yêu tha thiết, chẳng lẽ cô ko cứu được anh sao?
Thương chắp tay lại, giọng cô run lên vì đau khổ:
- Ôi thưa bà, tình yêu của chúng con thật tha thiết, con yêu anh ấy, anh ấy yêu con, chúng con ko thể rời nhau được. Nếu bà ko thể tha cho anh ấy thì xin bà hãy ban cho con một ân huệ.
- Điều gì vậy? - bóng ma lạnh lùng hỏi.
- Xin bà hãy cho con được chết cùng anh ấy.
- Cô còn trẻ, đời còn dài. Cô ko nên chết.
- Nhưng con sống mà ko có anh ấy, thì đau khổ hơn cả cái chết.
- Xin bà hãy cho chúng con cùng chết bên nhau.
Bóng ma bỗng lay động, đầu gục rũ xuống. Thương thoảng nghe như có tiếng khóc. Rồi một làn gió bay qua mặt cô, bóng ma biến mất. Thương sợ hãi nhìn Đạt. Cô lay lay anh. Đạt mở choàng mắt:
- Gì vậy em?
- Ôi Đạt! Thế là anh ko chết!
- Em nói gì lạ vậy? - Đạt cười - Anh mệt quá nên chợp mặt một chút thôi mà. Kìa, sao em khóc? Thôi nào, nằm xuống đây với anh. Em đừng lo, ma quỉ cũng chẳng làm gì được tình yêu của chúng ta đâu.
Trong vòng tay ấm áp của chồng, nước mắt Thương cứ tuôn rơi vì vui mừng và hạnh phúc.
Sáng bảnh mắt, những người nhà họ Phạm cùng ông thầy mới tỉnh dậy. Bà Phạm giật nảy người, vội vã đập tay vào cửa buồng gọi:
- Đạt, Thương ơi!
- Con đây - Đạt bước ra. Anh vươn vai mỉm cười - Đêm qua mẹ ngủ ngon chứ? - Trời ơi! Con tôi! - bà Phạm chỉ thốt lên được như thế. Bà nhìn Dạt trân trân.
Ông thầy cũng làm ra vẻ uể oải:
- Đêm qua tôi phải thức niệm thần chú suốt. Con ma phải chịu phép rồi, ko dám bắt cậu Đạt đi nữa...
Đạt chỉ cười, anh im lặng bước ra sân...

Bướm trắng (Ngô Văn Phú) (xem file PDF)

Cặp bồ với ma (Ngô Văn Phú)

Tôi cũng chẳng tử tế gì, háu gái, coi thiên hạ bằng nửa con mắt. Tự cho mình là thiên tài. Cãi lại thủ trưởng. Vặc: " Ông là cái thứ chó gì. Bằng cấp loại bổ túc, chuyên tu. Cưỡi đầu cưỡi cổ người ta bằng cái chắp tay, bằng nụ cười: Dạ, dạ thưa anh, em đã làm xong ạ!"
Từ chức trưởng phòng văn nghệ một Sở văn hóa, tôi trôi nổi đi các nhà văn hóa khác, cuối cùng là nhận được quyết định: Về phụ trách nghĩa trang X....Đêm 30 tết, tôi về coi sóc các mồ ma! Trong nhật ký tôi ghi:
"Giám đốc các mồ ma! Ma ơi, nếu có thật thì mời đến uống rượu với tớ! Ma kể chuyện ma, tớ kể chuyện người!"
Tôi độc thân. Vợ bỏ. Con đi theo vợ. Khu nhà nghĩa trang rộng, ở ko hết. Tết, buồn. Chẳng chuẩn bị gì, định 3 ngày tết ăn nhờ bạn bè, đến ông bà ông vải cũng phó mặc cho mấy đứa em.....Về với khu "nhà" của ma, mang theo độc chiếc balô...Màn, chiếu, bộ đồ trà, đồ nhậu....hết, ngoài ra ko có gì.
Ngồi trong nhà, tự nhiên thấy gió lạnh đùng đùng thổi về. Tôi đi bật hết các công tắc điện. Chỗ nào có là bật. Bật hết. Khốn nỗi, bóng điện cũng bị bọn trẻ con ở ngoài vào lấy. May ra còn một cái nguyên.
Trong nhà ko có giường tủ, ko có đồ đạc. Một chiếc chiếu hoa cũ trải ra, bày biện các thứ trên mặt chiếu. Thị xã ở phía trong kia, mình tôi ở ngoài này. Giờ anh cũng có gia đình, ở trong cái phút dương thịnh, âm theo dương, có nghĩa là ma phải theo người về ăn tết, còn tôi, tôi coi nghĩa trang, ở với góc âm thịnh dương suy, mình là "giám đốc" của họ, nhưng họ lại "giám đốc" linh hồn mình. Mình lấy phép dương để trấn họ, lấy ngày làm mốc để xác định phần tồn tại của mình, họ lấy âm mà "phản ứng" lại mình. Có lúc mình nhiều, dựa vào phần đêm....Lấy chuyện người đối xử với ma, được ko? Ma có chấp nhận ko? Thế còn lối sống của ma như thế nào? Luật lệ của ma có xóm giàu, xóm nghèo, người nọ cai quản người kia, có cướp bóc trấn lột

nhau, lừa lọc nhau, có mở quĩ tín dụng nhân dân ko?...Tôi nghĩ ra đủ mọi trò, mọi vẻ, lẫn lộn giữa người và ma...Rồi tôi ngồi vào uống rượu, tôi uống cho tới lúc mắt lòe nhòe hư thực, tự dưng thấy các cửa ra vào, cửa sổ dày đặc những bóng ma đói lang thang, nhòm vào, mắt sâu hoắm, nhìn trừng trừng thăm dò. Có những kẻ nguyên hình người lúc chết, dáng ăn mày, dáng thất nghiệp, dáng đứng đường, đứng chợ, dáng bụi đời, dáng ko nhà ko cửa. Lại có cả loại ma trẻ con, long tong đứa nọ chạy theo đứa kia dồng dồng một lũ. Ma mở cửa sổ, mở cửa chính. Ma đầu trâu mặt ngựa, ma mặt trắng bệch, ma mặt đen, ma gầy khẳng khiu, ma bóng lên như phết quang dầu, ma hau háu cặp mắt nịnh, ma đỏ vằn cặp mắt tình dục, ma hụt hơi vì tàn tạ xác thịt, ma người tanh lợm mùi tiền, ma mặt đau đớn vì oan ức chưa cởi, bần thần bị tình duyên trắc trở. Ma tu sĩ già râu dài... Ma ôm một chồng sách trước ngực, đeo kính trắng, đầy tư lự; ma bị cưỡng hôn, ma 15 tuổi bị hiếp dâm, còn ôm mặt ko dám mở bàn tay cho người ta xem mặt... Tôi còn thấy ma xếp vòng trong vòng ngoài để thử gan mình, thử tài mình, xem mình có đáng người cai quản chúng ko? Chợt nhớ, mình quá ư đãng tử, lại quen cái thói cao ngạo vô lối, cậy tài khinh người. Mỗi khi được nhận công tác mới... Việc mình đến coi các mồ ma, có phải là việc thường đâu mà quá đơn giản, thô tháp thế này. Những gương mặt, con mắt ma vẫn chằm chằm hau háu, chõ vào tôi. Tôi nói:

- Chào chư vị! Chư vị đến chào ta chăng? Ta mới đến, nhà thanh, tiếng cả, đến nước cũng chẳng có, nhưng chỉ có tấm lòng. Nếu quí nhau , cứ vào đừng câu nệ.

Thấy tôi ăn nói tử tế, bọn ma đứng im phăng phắc. Tôi lại nói:

- Tết nhất chư vị đều là kẻ ko gia đình, ko nơi nương tựa ư? hay là khi ở dương thế, có lỗi với người đời, thẹn ko dám nhìn mặt người thân mà ko về? Đừng thế, ai có thân thích hãy tìm lấy cái đầm ấm dù âm dương cách trở, còn ai thật sự ko còn ai để tìm về, thì ở lại với ta....

Nhiều tiếng ma thở dài và dần dần biến mất. Tôi thấy căn nhà bớt lạnh lẽo, thắp đèn, pha một ấm trà nóng, sờ trong balô còn mấy bò gạo nếp, liền lôi ra, thổi vội một nồi cơm nếp, rồi đơm lên chiếc bát, chiếc đũa, chính là bộ sinh sống hàng ngày của mình, lại lấy cút rượu, rót một chén, kê chiếc bàn hỏng ra sân, sắp các lễ vật lên, thắp hương, thân cẩn khấn rằng:

- Cùng chư vị có mặt ở nghĩa trang. Tôi Nguyễn Văn Nhân, nhạc sĩ nghiệp dư, giám đốc nghĩa trang, có chút lòng thành, lễ vật đơn sơ, gọi là tưởng nhớ tới vong linh, sống bơ vơ, thác phảng phất về lai lâm hiến hưởng. Âm dương cách trở nhưng lòng thành thì dương âm là một, có thể thông cảm với nhau. Từ nay trở đi điều hay ko nói làm gì, nếu tôi có gì ko phải với các vong hồn ở đây xin cứ báo mộng về cho rõ...

Khi khấn cây lặng gió im. Khấn xong thấy cây lá rì rào, những rặng dương vi vút theo lên dìu dặt, đám lửa nhang bập bùng sáng, như thể các hồn ma, cảm tấm lòng của tôi mà linh ứng! Mấy ngày tết qua đi, tôi làm quen với các nhà lân cận xung quanh. Nghĩa trang ở cạnh đường đi, cũng có mươi nhà ra mở quán, tạo thành một xóm, cũng ko đến nỗi buồn. Cũng có người cởi mở, mời tôi vào nhà trò chuyện. Sau buổi tiếp xúc đầu tiên, đám ma nhà bữa trước ko thấy trở lại. Mồng một trong tiếng pháo nổ, tôi trầm ngâm đi dạo khắp các ngôi mộ, lấy hương thắp ở bàn thờ chung, hái hoa trong vườn đem cúng. Cũng có một vài người khách xa về thăm, đến liên hệ cho hoa quả, tôi cũng thành kính đặt lên bàn thờ. Tôi tha thẩn bước thêm vài bước đến ngôi mộ nhỏ, ngước lên mộ chỉ thấy vẻn vẹn dòng chữ:

Hoàng Thu Huệ, sinh năm...,mất ngày...

Mộ chí ko giống xung quanh, tấm bia là thứ gỗ ván thôi, nguệch ngoạc mực nho, trái hẳn với ngôi mộ của vị linh mục, bằng hoa cương, lại có cây thánh giá, đứng nổi trội hơn các mộ khác. Tôi ngồi lại nhặt cỏ, lòng bùi ngùi, cảm khái. Một nỗi buồn thấm thía từ đâu òa đến, tụ lại, đuổi ko đi, rũ ko nổi. Tôi cảm thấy, người dưới mộ, cuộc đời trên trần thế hẳn cũng chẳng ra gì. Từ đó, cứ đi qua ngôi mộ này, tôi lại ghé, có hương thì thắp ko có hương thì ngắm nhìn, để người dưới mộ lại cảm thương cái kiếp người coi nghĩa trang cô quạnh của mình.

Một đêm trăng, tôi ngồi bên bàn đọc sách, chai rượu uống dở còn đặt trên bàn. Đĩa lạc luộc còn sót vài củ. Đống vỏ lạc còn chưa thèm vứt. Chợt gáy tôi sởn lên vì chút hơi gió lạnh ào qua và khi thấy phía ngoài cửa bước vào một dáng phụ nữ, mảnh mai, ăn mặc giản dị. Nàng đến, kéo sát ghế ngồi cạnh và nói:

- Chào anh, em xin được làm thân. Em là Huệ đây.
- Huệ nào nhỉ?
- Huệ nào nữa! Anh quên rồi chăng? Người đa sầu đa cảm chóng quên thế? Sao anh đọc sách khuya vậy?

- Thì còn cách gì hơn. Khi nào đọc sách, chính là lúc tôi thanh thản nhất!
- À ra vậy! Chị và các cháu đâu cả?
- Tôi và nhà tôi li dị được 3 năm rồi. Con bé con theo nhà tôi!
- Anh có nhớ nó ko?
- Nhớ chứ! Nhưng mẹ nó hận tôi, ko cho lại thăm!
- Đàn bà hận đàn ông là phải lắm!
- Sao Huệ nói thế?
- Em cứ ngẫm thân em, đi tìm chẳng gặp một người đàn ông nào tử tế cả.
- Cô làm nghề gì?
- Ca sĩ!
- Chẳng trách mà cô vẫn còn nét duyên dáng!
- Anh biết đấy, em vốn là văn công xưa. Thời chiến văn công sướng lắm, đi đến đâu cũng được tướng tá chiều. Cái đám lính tráng gặp con gái, mắt sáng lên, nước bọt nuốt ừng ực... Anh nào cũng thèm một cô mà tý táy. Nhưng cái khoản ấy chị em thời.... trước 30/4, nghiêm lắm...Lơ mơ là rụng sao, mất gạch như chơi...Hì...Hì...Hì...
- Sao cô lại cười?
- Bọn tướng, tá gọi đám văn công chúng em lên hầu. Mà càng to thì lại càng thích gọi lúc vắng. Có lúc bị ôm, có lúc bị sờ tí, có lúc phải chạy vùng ra... Cũng nhiều người đứng đắn, nghiêm túc, lòng có vẻ mến thật, tôn trọng mình, hỏi chuyện, quan tâm đến mình. Đó là những vị có văn hóa và tiếc thay họ đều có vợ có con cả!
- Em có yêu ai thời đó ko?
- Ko yêu tướng tá, họ đều là đám cổ cày vai bừa hoặc từ một hai đi đều bước mà lên...Vả lại em vẫn hướng về một người yêu phía Bắc, ở tuổi học trò...
- Huệ có tìm được anh ấy ko?
Cô gái thở dài:
- Người ấy có ở nhà đi bộ đội, ở đơn vị tên lửa, và sau này hi sinh ngay tại trận...
- Ra thế...Đoạn tiếp thì sao?
- Yêu chứ, yêu đắm đuối. Em yêu một nhạc sĩ, rồi anh ta lại thuộc về vòng tay một người khác. Em yêu một bác sĩ, lại phải bỏ nhau vì ghen. Em lấy một tay thợ mộc nhiều tiền, thử xem có sống, chết vì mình ko? Lão chiều em hết mức, muốn gì cũng được. Nhưng gã quá thô lỗ, coi em như một báu vật. Cái gì mà quá đi thì thành khó chịu. Có hôm em ngủ, hắn khóa nhốt em trong nhà kèm theo một con chó dữ. Hắn đi mua gỗ đến tối mới về, em và con chó đói mềm, tìm thức ăn mới biết gã mua xôi và chả để ở trong chạn. Em ăn chút ít, vứt cho con chó ăn hết...Tức cứ ấm a ấm ách... thế là lại li dị...Em li dị hơi nhiều phải ko anh?
Cô cười lanh lảnh, ghê rợn. Tôi nhìn cô, lòng trĩu buồn. Tìm gặp nỗi cô đơn ở cô, trong tâm thức, tôi ko phân biệt ở cô, đâu là người đâu là ma. Cái khổ của kiếp người xuống đến tận kiếp ma chưa hết. Tự nhiên tôi ngẫu hứng, cầm cây đàn lên bảo:" Em ngồi đây, nghe anh hát nhé. Anh vốn là một nhạc sĩ tùy hứng". Tôi dạo đàn, búng dây, vào bài hát:

Mình vương đầy sương...
Mặt tràn nắng, gió,
Em đến vào lúc đêm...
Em đi gà báo sáng...
Chuyện đời kể bao giờ thì chán,
Em đi rồi, dấu chân em ở đâu...

Huệ xúc động thật sự, làn da mái trắng, bềnh bệch hơi một chút đỏ hồng rồi lại bệch. Nàng xán lại gần tôi. Tôi thốt kêu lên:
- Em lạnh quá!
- Nữ là âm. Nam là dương. Anh truyền cái ấm sang em đi... Em yêu anh...Em yêu anh mất rồi. Khổ quá...
Tôi cũng cảm thấy xiêu lòng. Tôi nhớ đến một người con gái như Huệ, đến với tôi, yêu tôi thật sự, nhưng ko dám, bởi lúc ấy tôi gìn giữ quá, con người lúc nào cũng tỏ ra gương mẫu. Tôi cố yêu thương, trung thành với vợ, ko bao giờ dám nghĩ đến yêu ai...
Huệ thì thào:
- Thôi khuya rồi. Anh hôn em đi, yêu em đi...Em khổ quá!
Tôi hôn Huệ. Tôi thấy bớt cái cô đơn. Tôi cảm thấy ở bên cái nghĩa trang, toàn mồ mả, dễ sợ, luôn bị ám ảnh bởi các hồn ma, thì mình lại bớt cô độc...Tôi cảm thấy trở lại với hơi ấm của người mình yêu. Tôi ôm choàng lấy Huệ...
Tôi mệt thiếp đi, dậy thì thấy trời lại sáng.
Đêm thứ hai, Huệ lại đến, trong bộ quần áo tím mỏng, nhẹ nhàng. Tôi ko biết Huệ vào bằng cửa nào, đằng trước hay đằng sau, chỉ biết mình bâng khuâng chờ mãi Huệ, thì nàng ko tới, đến lúc thật bất ngờ thì nàng lại tới.
- Anh! Anh của em.
Nàng choàng ôm lấy tôi, hôn vào mắt và nói:
- Mắt anh đẹp lắm! Một đôi mắt buồn!
Tôi hôn Huệ. Huệ hỏi:
- Nhớ em chứ?
- Nhớ.
- Hôn em đi

Tôi hôn Huệ. Huệ thành thật bảo:
- Có gì ăn ko anh! Em đói quá!
Tôi lấy xôi và hoa quả cho Huệ ăn. Huệ ngửi và ăn. Tôi cũng cùng ăn với Huệ. Ăn xong, Huệ nói:
- Anh sống xô bồ quá! Thiếu bàn tay một người đàn bà...mà anh cứ sống nghèo mãi như thế này ư?
- Quen rồi. Giờ mà giàu thì cũng mệt. - Tôi nói đùa.
Đêm nay nàng nói ít hơn, ôm ấp tôi nhiều hơn. Thỉnh thoảng Huệ lại khóc. Tôi đối với Huệ thật lòng. Huệ bảo tôi:
- Anh kể chuyện đời anh cho em nghe đi!
- Kể làm gì em! Chỉ biết bây giờ anh có em là đủ. Anh ko ngờ em lại đến với anh...
- Em làm phiền anh đấy! Buồn quá! Sao đời em lại khổ thế, tìm mãi trên đời ko có một ai. Lộn kiếp rồi mới thấy...Buồn thế!

Huệ cảm thấy hình như mình lỡ lời, lộ cái chất ma của mình ra. Nhưng tôi ko để ý. Hễ ai có tình thì ma hay người đều quý. Người trên đời ko có tình thì chính là ma. Ma có tình bởi vì ma khát làm người một lần nữa, có gì mà ngại! Chúng tôi yêu thương nhau, đêm nào cũng như đêm nào. Sáng ngày tôi ngủ lăn lóc, mặt trời đỉnh con sào mới dậy. Nhưng luôn vui vẻ và hứng khởi, tự tin. Khu nghĩa trang khi có tôi về cũng được sửa sang hơn, có người trông coi. Mấy người láng giềng thấy tôi sống quá đạm bạc, gà cho tôi mở một quán nửa trà nửa rượu. Tôi chỉ bán hàng từ lúc tám, chín giờ sáng đến khoảng bốn, năm giờ chiều... Vậy mà hàng lúc nào cũng đông khách. Sân nghĩa trang rộng, tôi nuôi một đàn gà, thả cho chúng đi từ sáng đến tối. Lạ thế, gà láng giềng thì mất, gà của tôi cứ về đầy sân. Những con gà mái đẻ mỗi ngày cũng được hơn chục quả trứng. Tôi cũng lại mua một đôi dê con về nuôi. Chúng lớn như thổi... Cứ thế sinh nhai, chỉ thấy khấm khá hơn trước, chẳng mất gì. Nàng đêm nào cũng đến, Huệ của tôi. Âu yếm tôi, xả cho tôi những nhọc nhằn cay đắng. Những đêm mưa, nàng bắt tôi kể chuyện đời. Trời ơi, yêu đương hoa lá, cái chất nghệ sĩ tàng tàng, lúc trẻ trung tưởng mình là hoàng tử trong cái xóm thị tỳ. Tôi yêu, tôi thôi rồi lại yêu. Phụ tình và bị phụ tình, có cả. Những chuyện tôi giấu kỹ mọi người, nhưng với Huệ tôi ko giấu, tôi khai ra hết. Huệ nghe và hỏi:
- Lần yêu cuối cùng của anh, ko được đáp ứng phải ko?
- Đúng như thế, tại mình hèn. Ko dám nhận lời người mình yêu, đi theo người ta!
- Vượt biên à?
- Ko! Cô ta con một vị thủ trưởng, nhà giàu, lấy con một ông bộ trưởng. Thằng này đêm nào cũng vũ hội, đem cả bồ vào phòng ngủ của vợ... Kẻ có quyền bao giờ cũng khinh người dưới quyền. Con cái họ cũng thế. Bởi thế, khi gặp mình, bạn học cũ, đúng là lúc cô ta buồn. Chúng tôi đến với nhau, thông cảm và yêu nhau. Cô ta định đi làm báo ở Miền Nam rủ mình đi...nhưng thằng chồng ghen lắm, vả lại mình là thằng cầu bơ cầu bất. Cô ta dù bất hạnh, nhưng sẽ ko khổ như trốn đi theo mình. Mình khuyên cô ta ở lại, chiều chồng. Mình yêu cô ấy...Mình ko muốn cô ấy khổ...
Huệ ko nói. Tôi giải thích:
- Rồi mình chủ động ko tìm đến cô ấy nữa...Trời ơi, cái thời gian ấy mới dài làm sao. Bởi thế khi được điều về coi nghĩa trang, mình nhận ngay.
- Bây giờ cô ấy đâu rồi?
- Huệ đừng hỏi nữa! Mình van Huệ...Cô ấy...cô ấy...
- Cô ấy làm sao?
- Cô ấy chán đời, chích ma túy, rượu chè...Chỉ vài tháng thôi, thân hình tiều tụy lắm!

Và tôi gục đầu xuống bàn, lòng héo rũ, Huệ ngồi bên tôi, ko nói năng gì, bàn tay khẽ vuốt lên mái tóc tôi.
Nàng nói:
- Tội nghiệp cho anh. Gần trót đời mới tìm được tình yêu, lại đánh mất...Huệ nói, giọng bùi ngùi, pha một chút hờn dỗi. Rồi như để phá đi cái ko khí nặng nề, Huệ dắt tôi sang một hướng khác:
- Anh kìa, ngoài kia trăng đẹp quá. Ta đi dạo đi.
Tôi ngẩng mặt và đi theo Huệ. Huệ dẫn tôi đi vào thế giới hoa cỏ. Nàng vừa đi vừa khe khẽ hát. Những bài hát quen thuộc quá, dịu ngọt quá. Những bản tình ca trong nước và ngoài nước, thời trẻ, dễ thường ai cũng thuộc. Tôi lặng nhận từng lời, từng giai điệu, lòng dịu đi như đứa trẻ được ru. Tôi đi bên Huệ. Người này cao thượng quá, thương yêu quá, nên tâm hồn mới đẹp thế...

Huệ hát và dừng lại ở một lối đi, chúng tôi đi xuống bên hồ.Huệ ko hát nữa, nói:
- Em hôm nay hơi buồn! Đến để yêu thương anh một ngày nữa. Ngày mai, em sẽ có một biến cố mới trong một đời đã chết...Em ko ngờ lại phải xa anh. Em yêu anh. Em yêu anh lắm.

Huệ ôm chầm lấy tôi và khóc. Tôi cũng ghì chặt lấy Huệ. Da thịt Huệ mát lạnh, trời khuya, trăng thu nhạt trong làn sương, càng lạnh. Tôi hôn Huệ, hôn nồng nàn yêu thương. Huệ nhắm mắt lại gọi tôi:
- Anh! Anh!
Mười giờ sáng hôm sau, khi tôi bừng mắt dậy thì đã thấy khách chờ ngoài cửa. Một anh bộ đội, mắt bên phải là mắt giả. Một vết sẹo lớn còn để ở đuôi con mắt ấy. Mảnh xương vỡ làm vầng trán rộng hơi bị hẹp đi một chút.
Tôi xin lỗi, rửa mặt rồi mời khách vào nhà.
Anh bộ đội tự giới thiệu và nói luôn vào việc:
- Tôi mới ở chiến trường K về quê...Ở nhà một thời gian, biết tin cô bạn gái hi sinh thời chống Mỹ cứu nước, chôn tại đây. Tôi xin được tìm mộ đem về nguyên quán.
Tôi hơi chột dạ hỏi:
- Anh tìm mộ ai?
- Hoàng Thu Huệ.
Tôi sững cả người. Chợt nhớ đêm trăng hôm qua, tôi rùng mình một chút. Tôi thở dài và nói:
- Anh là thế nào với Huệ?
- Bạn thôi! Trước đây, trước khi vào bộ đội, tôi yêu Huệ. Nhưng yêu đơn phương. Huệ lúc ấy đang thời kỳ lộng lẫy, nhiều người yêu lắm! Tôi chỉ là một anh bạn học cù lần. Tuy nhiên, trước khi đi chiến trường, tôi viết một bức thư thật dài, nói về mối tình đơn phương của mình, mong Huệ chờ tôi... Và tôi nhờ một người bạn trao cho Huệ... Tôi nhát lắm! Anh ạ... Đi chiến trường hơn mười năm, gần đây mới về nhà! Chưa vợ con gì. Vẫn giữ một tình yêu đơn phương thuở học trò... nghe chuyện Huệ buồn quá, thương Huệ quá. Nếu tôi ko nhát, nếu tôi cứ đến với Huệ như tất cả mọi người, có thể tôi sẽ được Huệ yêu và chắc chắn, tôi sẽ tìm cách về quê cưới Huệ. Huệ sẽ ko đến nỗi như thế! Do đó, tôi hối hận lắm! Tôi có bổn phận phải đưa hài cốt Huệ về quê.
- Gia đình Huệ đâu?
- Bố mẹ cô ấy mất từ khi cô ấy còn nhỏ. Ông anh thì ích kỷ, có nghĩ đến ai đâu. Tuy nhiên, tôi cũng xin phép được ông ấy rồi!...Tôi sẽ sống với người đã khuất như tấm lòng tôi thường nghĩ đẹp về cô ấy...
Tôi biết làm thế nào được, thần người ra. Anh bộ đội giục.
- Anh ko phải tìm đâu. Mộ cô Huệ gần đây thôi, ở ngay đây mà. Tôi biết! Để tôi đưa anh ra...
Anh bộ đội mừng ra mặt:
- Trời đất ơi, đúng là Huệ thiêng thật. Tôi đinh ninh sẽ phải ở đến vài ba hôm mới tìm ra mộ Huệ. Vậy mà, phiền anh đưa tôi ra đi...
Tôi cố nằn nì một câu vô vọng:
- Mộ Huệ đã yên ổn. Anh đem về quê làm gì! Để đây thỉnh thoảng anh lên thăm có được ko?
- Xa xôi diệu vợi lắm! Ko, tôi phải mang Huệ về. Huệ ơi! Thế là em phải theo hài cốt về ư? Người này tâm thành với em quá! Anh ngăn làm sao được.Tôi cố ghìm những xúc động lớn đang trỗi dậy trong lòng mình. Tôi nói:
- Mời anh đi theo tôi...
Người bộ đội đi. Khi đến bên mộ, anh tự quỳ xuống, gục mặt, và anh khóc. Anh khóc nức nở, thân hình quằn quại, đau đớn. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người lính khóc trên nấm mồ của người con gái như thế! Ôi, tình yêu đơn phương của tuổi trẻ, của một tâm hồn trong trắng, được nếm đủ mọi thiếu thốn trong chiến tranh, trở về với một hi vọng mờ ảo, mà lại tuột mất, để bây giờ òa khóc, cho Huệ, cho anh và anh khóc cho cả tôi nữa.
Nước mắt tôi cũng chảy ròng ròng trên má.
Tôi đón anh như một người thân, một người mình kính trọng yêu mến. Chúng tôi ăn với nhau một vài bữa cơm, cúng thần linh một buổi. Hai đứa khấn, mỗi đứa một kiểu, khấn trong cơn say, khấn trong tâm trạng kẻ thì buồn bối rối, người thì hào hứng đến lạ lùng. Tôi nhìn người lính ấy, một cái nhìn ngưỡng mộ, trân trọng, phát hiện thêm những điều quý giá. Tôi nghĩ về Huệ, thấy mất đi một cái gì đó, và lại thấy rằng, cái mất ấy cũng có một giá trị mình ko lường nổi.
Người bộ đội mắt giả đem nắm xương của Huệ ra khỏi nghĩa trang thì mặt tôi quay cuồng. Tôi choáng váng ko đứng nổi, ko trụ nổi, tôi phải đứng gục đầu vào một gốc cây nhỏ, người rũ đi, như một cái cây bị dội nước sôi, nước mắt tôi lại òa ra ko ngăn nổi...
Ngôi mộ của Hoàng Thu Huệ vẫn được đắp lại tử tế, như thể chưa bao giờ hài cốt được mang đi. Một bia mộ bằng đá hoa cương, một bát hương ngoài trời, một vài loại hoa dễ sống, màu sắc tươi tắn được trồng trên mộ.

*

**

Đó là tấm lòng người coi nghĩa trang đối với một mối tình hư ảo, anh nhận được, yêu thương thật sự. Đôi khi có những người bạn thân, ko loại trừ cả những người đàn bà có học, ở trong vùng, quý trọng đến thăm anh. Anh tiếp lịch sự, trang trọng

nhưng ko bao giờ kể lại câu chuyện tình độc đáo của anh ở nghĩa trang này...
Anh trồng huệ quanh nhà. Khi huệ có hoa, anh đem những bông đẹp nhất cắm trên mộ và ở trong nhà, anh lập bàn thờ Huệ. Anh nhớ về dáng nét những đêm Huệ đến với anh và vẽ lấy một chân dung treo lên mà thờ. Đêm đêm, anh mở cửa sổ để đón chờ một dáng nét nào đấy, quen thuộc đến với anh, nhưng chỉ thấy những hơi lạnh của một cõi hoang ùa vào... Chờ mãi ko thấy gì, anh đóng cửa lại, bật đèn lên, mắt hướng về chỗ bàn thờ, gảy những nét nhạc buồn, u mặc, trầm ngâm. Căn nhà như rộng thêm, nỗi buồn ko kích thước.
Tiếng đàn của người coi nghĩa trang lảnh lót, đêm nào cũng vậy, như những trang nhật ký bằng giai điệu gửi vào trong cõi ko gian bao la..., đi tìm gặp một linh hồn, ở một chốn nào đó, trên đất nước này. Hoàng Thu Huệ, em ở đâu? Sao lại vô duyên ko ghi địa chỉ người bộ đội mang hài cốt của em về đêm ấy...Anh dừng đàn, than, mắt hoe đỏ... Và anh lại gảy đàn. (1991)

Chuyện kinh dị (Lý Lan)
Lần đầu tiên nhìn trực diện chàng trai, tôi rùng mình. Cảm giác qua rất nhanh. Nhưng một cái gì gai gai nơi xương sống vẫn trở lại nhiều lần sau này khi tôi gặp gỡ anh ta thường xuyên hơn do công tác hướng dẫn thực tập sư phạm. Chuyên môn anh ta trung bình nhưng nhiệt tình đứng lớp thật đáng cảm động. Về mặt này sở dĩ tôi không cho điểm tối đa vì anh ta phạm một khuyết điểm quan trọng: thay vì đưa ánh mắt nhìn bao quát lớp hoặc thỉng thoảng chú ý vài học sinh, thì anh ta chỉ một mực hướng mắt về phía tội Tôi ngồi cuối lớp nhìn chàng trai nhỏ hơn mình mười tuổi, đang toát mồ hôi nổi gân trán, cong môi uốn lưỡi phát từng âm tiết rõ hơn cả mức cần thiết, lại dùng động tác thân mình lẫn vẻ mặt hỗ trợ cho bài giảng. Một tiết dạy của anh ta là diễn cả một vở kịch ngắn trên sân khấu nhỏ. Và tôi thấy rất rõ ràng anh dốc toàn lực để diễn. Cũng phải, bởi vì điểm thực tập mà tôi sẽ cho đóng vai trò đáng kể trong điểm thi tốt nghiệp. Nhưng tôi nhầm. Anh ta nhắm vào một cái đích xa hơn. Sau vài buổi trao đổi kinh nghiệm giữa người đi trước và kẻ đi sau theo đúng bài bản, sự thân mật và tin cậy đã đủ đô cho anh ta để lộ có ý tứ cái "sở nguyện". Xuất thân ở một làng cách Sài Gòn ba trăm cây số, anh ta quyết không cầm mảnh bằng đại học bái tổ vinh qui. Sài Gòn càng ngày càng đầy hấp lực đối với những chàng trai trẻ đã có ba bốn năm nếm mùi thành thị. Họ luôn luôn đủ trẻ để tin rằng chốn phồn hoa ấy thế nào mà chẳng có một chỗ cho chen chân. Anh chàng sinh viên khoa Anh văn năm thứ tư này không dấu giếm ý đồ nương lấy tôi mà chen lấy một chỗ đứng giữa đất Sài Gòn. Cô có dạy các trung tâm không? Chắc cô quen nhiều trung tâm, biết nhiều nơi cần ngoại ngữ. Em từng dạy kèm, có lần làm hướng dẫn viên du lịch, cũng đã nộp đơn cho các cơ quan có tuyển người, nhưng... Tôi biết chữ "nhưng" đó. Nhưng em không thân thế, không quen biết, không kẻ đỡ đầu Tất cả cái anh sinh viên trẻ này có chỉ là cái anh ta tin là "tài năng" của mình. Suốt đợt thực tập anh ta tận dụng mọi cơ hội để phô diễn khả năng và lấy lòng tôi. Phải nhìn nhận rằng anh ta có một kịch bản tốt, lại là đạo diễn kiêm diễn diên xuất sắc. Cuối đợt thực tập tôi hứa sẽ giới thiêu anh ta với ông giám đốc trung tâm ngoại ngữ nơi tôi đang dạy, sau khi anh ta có bằng tốt nghiệp.
Trước mắt, tôi nhường anh ta một chỗ dạy kèm. Nói có trời làm chứng, tôi làm việc này vì lợi ích bản thân. Chỗ dạy ấy là chỗ quen biết lâu nay, tiền bạc sòng phẳng nhưng vừa xa nhà lại thêm đám đệ tử làm biếng. Nghĩ dạy thì phụ lòng bạn cố tri, lẵng nhẵng dạy hoài không kết quả chỉ tổ mất uy tín. Đem anh chàng trẻ tuổi nhiệt tình này vô thế mạng có khi có lợi cả ba.
Anh ta mang ơn tôi về việc này, sâu nặng hơn là tôi tưởng. Với hai trăm ngàn đồng mỗi tháng nhận được từ một chỗ dạy khá chắc chắn ở ngay Sài Gòn, anh ta đã từ chối không đắn đo quyết định bổ nhiệm sau khi ra trường. Cũng không có gì đáng chê trách. Tại sao phải về một hóc bò tó nào đó cày như trâu để nhận trên dưới một trăm ngàn đồng? Có hàng trăm ngàn tân cử nhân, kỹ sư, giáo viên, bác sĩ mới tốt nghiệp có cùng suy nghĩ như vậy. Họ đang gõ tất cả các cánh cửa có thể mở ra, đang chen bước trên mọi nẻo đường tìm việc tiến thân. Là người trong cuộc, anh sing viên hiểu mình là kẻ may mắn như thế nào. Và dù tôi chẳng tự thấy mình là kẻ thi ân, nhưng cảm động mỗi khi anh ta ghé lại thăm để nhắc đi nhắc lại tiếng cảm ơn.
Anh ta không chỉ đến để cảm ơn. À, mà quên. Có lẽ đặt cho anh ta một cái tên nào đó. Đăng chẳng hạn, để tiện nhắc tới từ đây về sau.
Đăng thường thường đến thăm tôi sau ca dạy buổi tối. Có khi Đăng đi thẳng từ chỗ dạy kèm đến nhà tôi để nhắn là bạn tôi tức phụ huynh mấy đứa nhỏ

Đăng đang dạy, mời tôi chủ nhật ghé lại ăn cơm. Có khi Đăng cầm theo một giáo trình mới photo đến hỏi tôi một chi tiết nào đó. Có thể Đăng là người hiếu học nhiệt tình thật. Nhưng động cơ thật sự để Đăng bám tôi là lời hứa về dạy ở trung tâm ngoại ngữ. Thật sự có một nhu cầu giáo viên Anh văn ở các nơi này. Nhưng cánh cửa không mở rộng cho tất cả mọi người. Đăng kiên trì theo tôi với hy vọng tràn trề. Miễn là có được vé vô cửa, sau đó sẽ là bản lĩnh của anh tạ Những Chàng trai trẻ này, dường như đòi hỏi: "hãy cho tôi một điểm tựa tôi sẽ bẫy cả thế giới này lên cho mà coi". Tôi không cho rằng óc thực dụng và lòng tự tin của tuổi trẻ là xấu. Ngược lại, tôi thích người trẻ tuổi lao vào tương lai bằng thực lực cộng với sự khôn ngoan thức thời. Và tôi cũng không cần dối lòng rằng tôi mến Đăng.
Ở anh ta có một điều mà ngay từ thuở còn bằng tuổi anh ta tôi đã đánh mất, thực ra là không hề có. Đó là tình yêu cuộc đời. Khi Đăng nói chuyện, toàn thể cơ môi, cơ mặt, mắt, chân mày, cả tóc chải lật ngược trên vầng trái cao, cùng với tay chân và cả thân hình đều tập trung vào mục đích diễn đạt ý tưởng sao cho hiệu quả nhất, thuyết phục người nghe hùng hồn nhất. Ở con người Đăng luôn phả ra một cái "thần" rất dũng mãnh có thể trùm lên cả người đối diện và chinh phục họ Chỉ kẻ nào khao khát sống lắm mới toát lên một sức sống dữ dội như vậy. Nhiều buổi tối, dù đi dạy về mệt mỏi, tôi ngồi nghe Đăng kể chuyện, nhìn Đăng nói, rồi cười, rồi nói theo, rồi tranh luận, rồi sau đó giật mình thấy mình bị một thằng oắt con dắt mũi Tôi không phải loại người cởi mở, và tự cho rằng ít người chi phối được tính cách tội Lẽ nào, trong số ít người đó có chàng trai cung kính gọi tôi là cô, xưng là em này? Nhiều lần Đăng chào tôi ra về rồi, tôi vẫn đứng trong khung cửa nhìn theo một vóc dáng thanh niên vững chãi bước chắc chắn mà thanh thản trên đường Sài Gòn đêm, đầu ngẩng lên, gió thổi lồng cổ áo và đưa tiếng huýt sáo vui tươi bay ngược lại. Đăng đã làm cho tôi tin cuộc đời này là của anh ta, hoặc nhất định anh ta sẽ có cả cuộc đời này.
Tôi đã sống một cuộc đời khác hẳn. Nói một cách nào đó, tôi sống trong một thế giới hoàn toàn khác cái thế giới mà Đăng đang háo hức lao vào để khẳng định chính mình. Hai thế giới ấy xài chung hệ thống điện nước, người ở thế giới này quan sát được tất cả hành vi chuyển dịch ở thế giới kia như nhìn qua một tấm kính trong suốt, nhưng không bao giờ hòa nhập được với nhau. Phải, có một tấm kính trong suốt nhưng bất khả giao lưu giữa những thế giới con người. Từ trong thế giới của tôi, tôi quan sát Đăng bên kia tấm kính và hiểu rằng không bao giờ tôi bước được vào chốn tưng bừng rực rỡ ấy. Có chăng một chút rạo rực dậy lên khi tôi nghĩ: con người ấy dám lao theo niềm tin của mình, giành lấy cái mình yên quí bất chấp mọi thành trì thách thức. Và tim tôi nhói đau với ý nghĩ rằng hạnh phúc thay cô gái trẻ nào dược Đăng yêu.
Khi Đăng yêu, tình yêu toát ra từ hơi thở và mồ hôi ở chân lông kẽ tóc, Không đợi Đăng nói, không cần Đăng kể, tôi cũng biết Đăng đang yêu. không phải yêu tôi, tất nhiên. Hẳn là Đăng đang yêu một người nào tuyệt vời lắm. Bằng một tình yêu tuyệt vời lắm. Con người đó, với mối tình đó cuốn Đăng mất tiêu cả tháng trời. Khóa mới ở trung tâm sắp mở, tôi nhắn Đăng mấy lần mà không thấy anh ta tới. Thật là chuyện lạ. Cuối cùng Đăng đến. Tôi nhìn chàng trai trước mặt mà rùng mình nổi gai ốc. Trong cái con người này, trên cái gương mặt này có một cái gì hoang dại, một cái gì tàn khốc, một cát gì cực kỳ điên rồ. Đăng nói, thoạt đầu như kẻ chiêm bao nói lảm nhảm, rồi như gã say tuôn trút ra những ẩn ức đáy lòng, sau cùng là loạn ngôn của người bệnh tâm thần. Tôi muốn tóm tắt một câu chuyện tình mà xét ra ngoài hai người trong cuộc, không có gì mới mẻ thú vị đối với người thứ ba, nhất là người thứ ba đó là tôi. Một buổi tối Đăng gặp trên đường một cô gái mặc tấm áo nhung xanh màu đại dương. Hai người yêu nhau ngay cái nhìn đầu tiên. Họ không mất thời giờ cho những trò ỡm ờ đẩy đưa tán tỉnh. Hai người cuốn hút nhau như hai nam châm khác cực. Ngay đêm đầu tiên đó dưới bầu trời sao trên nệm cỏ công viên, âm dương đã hòa hợp. Đêm sau đêm sau, đêm sau nữa... hoan lạc triền miên. Ngày của Đăng chỉ là sự chờ đợi mặt trời đi ngũ sớm. Anh ta đi lang thang trên phố như kẻ mộng du hay ngồi thừ ở một ghế đá công viên như tên du thủ, chờ hoàng hông tắt và cô gái đến với anh. Cô ta nói rằng cô không còn nhà cửa, phải ở đậu trong chùa. Cô cũng không còn cha mẹ anh em, không có tiền của sự nghiệp. Sá gì điều đó bởi Đăng cũng không tiền, nghề nghiệp lênh đênh, cha mẹ nơi quê nhà xa tắp, bản thân cũng phiêu linh, phiêu lãng vì đã bị đuổi ra khỏi ký túc xá sinh viên sau khi tốt nghiệp. Họ gặp nhau ở góc đường, hẻm tối, hay công viên vắng vẻ. Sá gì điều đó khi người ta yêu! Một đêm họ nằm dài bên nhau trên lề đường lát đá. Đăng ôm tấm thân mềm mại mà nhẹ tênh của cô gái mà thủ thỉ.

Những hoài bão của tuổi trẻ. Những nỗ lực không ngừng để giàng lấy một chỗ đứng dưới ánh mặt trời Và cũng như mọi chàng trai khác. Đăng cũng hứa hẹn với người yêu. Mai mốt, có thể đầu tháng tới, người đỡ đầu của Đăng tức là tôi, sẽ giới thiệu cho Đăng vài lớp ở trung tâm như lời hứa. Đăng sẽ tiền sẽ mướn phòng ở đàng hoàng để đưa nàng về.
Nghe đến tên tôi, người yêu của Đăng hỏi lại. Cô ta hỏi vài chi tiết về lý lịch tôi như để kiểm tra rồi im lặng nhìn Đăng đăm đăm. Lần đầu tiên Đăng nhận thấy từ đáy mắt thăm thẳm như đại dương ấy gợn lên một nỗi buồn như sóng vô tận.
Đêm sau, đêm sau, đêm sau nữa, cô gái không xuất hiện. Đăng hoảng hốt, sợ hãi, điên cuồng vì chờ đợi. Đến lúc chàng trai trẻ sắp đốt cả thành phố này để tìm kiếm người yêy thì cô gái đến. Vẫn tấm áo nhung xanh màu đại dương, đôi mắt thăm thẳm sóng trùng trùng vô tận làm cho Đăng có cảm giác gương mặt cô xa xăm không thực. Chờ cho Đăng vồ vập rồi trách móc rồi hờn dỗi rồi vỗ về, cô bình thản nói lời vĩnh biệt. Qua ba ngày cô đã quyết định dứt khoát được là không gặp Đăng nửa. Không bao giờ nửa. Tại sao? Tại sao ư? Nếu Đăng muốn biết thì hãy kể lại câu chuyện này cho người đỡ đầu, tức là tôi, và nói với tôi tên cô gái là Du Thảo.
Tôi thoạt đầu nhíu mày lại, nghiên tai như muốn nghe lại cái tên mình lơ đãng nghe không rõ. Rồi tôi chăm chú nhìn Đăng để chắc rằng anh ta không xạo mà cũng không điên. Nói cho cùng chuyện mà Đăng kể hôm nay cũng không vượt ra ngoài sự tưởng tượng hay đức tin tôi lâu nay. Nhưng tôi càng nhìn Đăng càng nhận ra là chuyện thật, càng nghe lòng buồn da diết. Tội nghiệp bạn tôi. Tội mày quá, Du Thảo à.
Du Thảo là bạn học chung lớp ở trường trung học. Hồi đó nó đi học có xe hơi đưa đón. Chiến tranh qua đi, gia đình tan tác, nó lưu lạc ở tuổi mười sáu, vô Thanh Niên Xung Phong đi phá rừng đào kênh. Ít lâu sau liên lạc được với bà con ở nước ngoài, nó về Sài Gòn sống bằng đô la viện trợ. Tôi nhớ dạo lạm phát phi mã, không, phi thuyền chứ, sáng vàng mười tám ngàn một chỉ, chiều hai mươi, hôm sau hai mươi lăm. Tôi lãnh lương ra cầm sấp tiền trong tay như cầm cục nước đá, tiêu hết ngay biết lấy gì sống ngày mai. Không tiêu ngay thì nhìn giá trị nó tan ra teo đi nhanh chóng. Thảo cầm tờ năm mươi đô la tựa ban công nhìn xuống phố nói tôi rằng để đến ngày mai không chừng bán ra được gấp đôi tiền, mua được gấp đôi gạo đường sữa... Cái vui của mình thành ra tỉ lệ thuận với nỗi lo của đa số đồng bào. Tôi bảo không việc gì nó phải bận tâm vì lòng thương nước lo dân là độc quyền của người khác rồi. Nó nói nó không sao xua đi được cái cảm giác người ngoại cuộc, kẻ ở một thế giới khác. Tao không phải là người của cõi mà mọi người đang sống. Tôi còn nhớ nó hay nói như vậy và tôi cho rằng nó nghĩ vậy tại nó bơ vơ một mình. Thỉnh thoảng nó mang tiền quăng qua cửa sổ, rủ bạn bè đi Đà Lạt, Nha Trang, Vũng Tàu... chơi. Tụi này hay ngồi trên bãi biển ban đêm, khi thủy triều kéo mép nước lùi thật xa, bãi cát lộ ra rộng dài im mát. Tụi này hay nói chuyện tào lao, nhắc kỷ niệm học trò, bàn luận văn chương vớ vẩn. Một đứa nói sao hồi nhỏ đi học lượm được trái me rụng dọc đường vô lớp ngồi ăn gì mà ngon. Bây giờ cây me đó rụng trái me đó trên con đường đó mà ăn vô chỉ thấy chua lè. Thảo nói hình như cái gì ngon lành hay ho nhất là cái mình đã hưởng qua thời niên thiếu. Nó cho rằng sống chừng một phần tư thế kỷ người ta đủ biết hết cuộc đời này rồi. Như nó, miếng ngon từng hưởng, đói khác từng qua, vinh cũng có mà nhục không phải không. Bắt đầu từ tuổi hai mươi lăm trở đi, người ta sống là để thấy những ảo ảnh vở đần. Tôi nhớ một chuyện ngắn của Lỗ Tấn, nhân vật trong truyện đi coi hát, nghe nói tuồng tích hay lắm, kép nọ lừng danh, nên cố đứng trong đám đông xem hết hồi này đến hồi kia, tuồng tích gì lê thê chẳng biết đầu đuôi ra sao cũng không biết bao giờ kết thúc, kép gì đó cũng không biết là ai chờ hoài cũng không biết bao giờ xuất hiện. Ở lại xem thì chán, xem mãi cũng chỉ thấy ngần ấy diễn viên, ngần ấy động tác. Bỏ về thì lỡ lúc mình về rồi xuất hiện cái gì hay lắm, uổng lắm không được xem. Vì vậy người ta cứ sống cho tới bảy tám chục tuổi, nếu trời để cho sống. Du Thảo đứng dậy nói thôi tao chết đây, như tôi nói thôi tao đi ngũ đây, khi duỗi người trên cát để chấm dứt chuyện tào lao, nhắm mắt ngũ. Sáng dậy mới hay đêm qua Du Thảo đã bơi ra biển, hôm sau nữa mới tìm được xác nó bị sóng tấp vô ghềnh đá. Tự tay tôi đã mặc cho nó chiếc áo màu đại dương, đã vuốt mắt và trang điểm cho nó lần cuối, rồi đưa nó vào lò thiêu.
Đăng hỏi tôi có biết Du Thảo không, có biết tại sao cô ta lại dứt bỏ mối tình đột ngột và tàn nhẫn như vậy? Đăng biết Thảo yêu mình như chính mình yêu Thảo. Một tình yêu tuyệt đối. Đăng sẵn sàng đánh đổi tất cả, tất cả, cho tình yêu. Tôi tin, căn cứ vào những việc đã qua. Anh ta đã đánh đổi sức lực, sĩ

diện, tư cách, tham vọng cho mối tình ở lề đường góc phố ấy. Anh ta yêu mà không đặt câu hỏi người mình yêu có thực hay không. Tôi nhìn cái con người ngồi trước mặt đã khác hoàn toàn chàng trai trẻ đầy sức sống, đầy tự tin, đầy tham vọng, đầy tương lai của một tháng trước. Tôi nói thầm. Đâu phải mày, hả Du Thảo. Còn nhớ đêm ấy trên bãi biển, tao hỏi mày chắc đã sống đủ chưa, mày chưa yêu mà. Mày cười ngất, làm gì có cái gọi là tình yêu. Giờ biết gọi là cái gì đây? Tôi bảo Đăng đi theo tôi, phải nhận diện trước đã.

Tôi dắt Đăng vào chùa, dẫn ra hậu liêu, nơi để bài vị, ảnh thờ và tỉnh cốt. Tôi đi trước, không ngoái lại nhìn Đăng nối bước phía sau, nên không thể tả vẻ mặt hay dáng vẻ anh ta, càng không thể nói được đều gì đang diễn ra trong lòng anh tạ Tôi chỉ bức chân dung Du Thảo hỏi có phải người này không, Đăng trợn trắng mắt nhìn, lưng dựa vào cột chùa, mà đầu gối vẫn khụy xuống. Và dù anh ta cố gắng khép hai đầu gối lại, khoảng vải quần dưới đũng vẫn loang ra vết sậm vì ướt.

Tôi thắp nén nhang cho bạn mình, Hương trầm thoảng đưa, khói nhang phảng phất trong đôi mắt thăm thẳm trùng trùng sóng đại dương. Tôi quay lại không thấy Đăng đâu nửa. Tôi cũng chẳng quan tâm đến anh ta làm chi. Chỉ ngậm ngùi thương bạn mình. Chắc thế giới kia cũng chẳng có gì vui lắm, nên mày quay lại cõi này ghẹo thằng nhỏ đỡ buồn. Nhè thằng nhỏ dở quá, mới thấy ma đã té đái trong quần.

Thợ may (Phạm Hải Vân)

Hoàng Tiểu Thủy là thợ may có tiếng ở Hà Nội. Vải vóc chất đầy nhà. Khách xếp hàng ra tận ngoài phố. Thủy lấy công cực đắt mà không hề giảm khách. Lại có tính tham, thường ăn bớt vải. Phàm là thợ may, ai chẳng ăn bớt ít nhiều. Nhưng Thủy càng ngày càng quá. Nhờ vậy Thủy xây nhà lầu, trong sắm không thiếu thứ gì. Khách hàng vẫn đông, thường phải nịnh Thủy. Thủy càng lên mặt khụng khiệng.

Một hôm có người khách lạ may quần. Đó là một người đàn ông đứng tuổi, vóc người tầm thước. Thủy thấy khách tỏ vẻ lạnh lùng, không vồ vập mình, đã hơi khó chịu. Đến lúc khách đưa vải ra, Thủy choáng cả người. Cả đời làm thợ may chưa bao giờ Thủy thấy loại vải đẹp như thế. Màu sắc sang nhã, sờ vào mịn sướng cả tay. Mặc loại vải này mùa đông thì ấm, mùa hè thì mát. Lấy số đo xong, khách ra về, dặn:

- Vải tôi đưa thừa thãi, ông làm ơn may rộng giúp cho. Tôi thích làm túi cùng một thứ vải. Hẹn một tuần lấy.

Khách vừa đi khỏi, Thủy đem vải ra mân mê, ngắm nghía. Máu tham nổi lên, nghĩ thầm: Mình mà có vải này may cho con gái một cái áo khoác thì tuyệt. Đo lại vải, thấy thừa rất nhiều. Thủy bèn bắt tay tính toán, tìm cách ăn bớt cho khéo. Hì hục tô đi vẽ lại, áo khoác của con gái dần dần thành hình, mà quần của ông khách ngày càng bé lại. Cũng vì vậy, hết một tuần quần vẫn chưa xong. Ông khách đến lấy, Thủy nhăn nhở hẹn hôm khác. Lần lữa mãi, hơn một tháng mới trả được.

Khi mặc thử, thì xỏ chân đã khó, nói gì đến kéo được qua hông. Ông khách giận lắm, ném quần vào lòng vợ Thủy, khi ấy bụng to đang ngồi ngoài cửa hàng, bảo rằng:

- Quần thế này để cho con trai anh mặc.

Nói rồi hầm hầm bỏ đi. Thủy vội nhặt quần đuổi theo ra cửa, thấy ông khách đi đến gốc cây bàng ngoài hè thì mất hút. Đành băn khoăn quay trở vào.

Nguyên vợ Thủy là con nhà tử tế, đẹp đẽ quý phái. Lấy nhau được gần mười năm, sinh hai gái, Thủy vẫn có ý mong con trai để nối dõi sau này. Nay vợ lại đang có mang lần thứ ba, Thủy khấp khởi mừng thầm, ngày ngóng đêm mong, cũng sắp đến kỳ sinh nở.

Kịp đến kỳ hạn, sinh được con trai, khôi ngô khỏe mạnh. Thủy mừng khôn xiết, bèn đặt tên là Tú.

Tú lớn lên trong nhung lụa, cả nhà cưng chiều, không thiếu thứ gì. Lạ thay đến tuổi dậy thì không thấy phát triển mấy, ngày càng kém thua chúng bạn. Năm hai mươi tuổi, Tú vẫn nhỏ nhắn như đứa trẻ mười ba. Kể ra thiên hạ không ít người bé nhỏ, nhưng cái chính của đàn ông vẫn giữ được như thường. Tú thì không thế: đã nhỏ, cái gì cũng nhỏ. Đẹp trai, con nhà giàu, Tú cũng đi được với nhiều con gái xinh, nhưng đến chuyện kia thì chịu chết. Lâu ngày, tiếng đồn lan xa, không ai muốn lấy Tú nữa. Bố Tú chán nản vô cùng, lo phiền thành bệnh. Vợ Thủy không đành lòng ngồi nhìn con trai như vậy, tìm thầy hỏi thuốc, ai mách cũng tới. Lại sửa lễ cúng bái khắp các đền chùa, mà vẫn chưa có kết quả.

Một bữa đang cầu khấn ở chùa Lý Quốc Sư, đến đoạn chính yếu, có người đứng bên cạnh nghe lỏm được, cười phá lên. Vợ Thủy vừa bực vừa thẹn, quay sang toan mắng, thấy đấy là một ông lão mù,

đeo kính xẩm, mặc quần áo thâm, vóc người tầm thước. Dứt tiếng cười, ông lão bảo:
- Tưởng gì chứ chuyện ấy, dễ như bỡn.
Nói xong quay ra. Vợ Thủy vội đi theo, hỏi ông lão nói thế là ý thế nào. Ông lão chỉ cười. Sau nài nỉ mãi, ông lão mới hỏi:
- Thế ông nhà làm nghề gì vậy?
Đáp:
- Thưa cụ, nhà con làm thợ may.
Ông lão lại cười:
- Thảo nào, ta hiểu rồi. Ông ấy làm thợ may, chuyên ăn bớt vải của khách. Nay giời quả báo, ăn bớt thằng con ông ấy chút ít, có gì mà phải kêu cầu.
Vợ Thủy khóc, kể lể sự tình, nhà cửa cao sang, nghề nghiệp gia truyền, không ai nối dõi. Lại van xin ông lão chỉ cách chữa chạy, nguyện không tiếc tiền bạc. Sau, ông lão bảo:
- Ta không cần gì đến của cải nhà chị. Từ giờ phải liệu bảo nhau mà làm ăn trung thực, sống cho lương thiện. Hẹn đúng đêm rằm, hai bố con đến gặp ta ở chùa này, sẽ chữa khỏi cho.
Vợ Thủy mừng quýnh, không tin ở tai mình. Sụp xuống lạy tạ, ngẩng lên đã thấy ông lão bỏ đi đâu mất. Vội trở về nhà loan báo tin vui.
Hôm rằm, cả nhà sửa soạn lễ vật, hai bố con ăn mặc chỉnh tề, đưa nhau đến chùa Lý Quốc Sư. Tới nơi đã thấy ông lão đứng ở cửa chờ. Không để cho kịp chào hỏi, lôi tuột hai bố con vào một gian nhỏ sau chùa, ẩm thấp, tối om. Vừa cài cửa lại, ông lão bảo luôn:
- Ta đã hứa giúp, sẽ được như nguyện. Song có một sự rất khó, không biết bố con ngươi có chịu không?
Bố con Thủy đồng thanh thề thốt, gì cũng theo cả.
Bấy giờ ông lão mới nói:
- Chỉ có một cách, là hai bố con đổi cho nhau. Như thế là bố đã về già, chịu thiệt thòi, nhường cho con còn trai trẻ để duy trì nòi giống. Ngoài ra không còn cách nào khác.
Thủy tái mặt bảo:
- Sao không đổi cho người khác, bố con còn ra gì nữa?
Ông lão nghiêm giọng:
- Người khác ai chịu đổi cho nhà ngươi? Chỉ có bố con mới nhường nhau được.
Đáp:
- Tôi có thể mua được.
Ông lão mắng rằng:
- Ngươi chỉ cậy tiền của phi nghĩa, tưởng muốn làm gì thì làm à? Ngươi cũng định mua cả ta chắc?
Nói rồi toan bỏ đi. Thủy vội níu lại, bảo:
- Xin cụ bớt giận. Việc này tôi đã quyết rồi. Xong thiết nghĩ nên hỏi ý kiến mẹ nó thì hơn.
Ông lão giương đôi mắt mù nhìn Thủy, bảo:
- Sao anh ngu vậy? Anh thừa biết đời nào vợ anh chịu như thế. Cho nên ta mới hẹn gặp hai bố con mà thôi.
Thủy bị bức, phát phẫn, nghĩ thầm: "Ta nay đã gần năm mươi tuổi, sắp lên lão được. Sự đời nếm trải mấy chục năm không thiếu thứ gì. Mẹ nó cũng đã ngoài bốn mươi, dạo này có vẻ thờ ơ với chuyện chăn gối lắm. Chi bằng cho quách thằng Tú, kẻo lại ân hận sau này!"
Nghĩ vậy, thưa rằng:
- Ý tôi đã quyết, xin cụ giúp ngay cho.
Ông lão không trả lời, lẳng lặng lấy ra một quả bầu to, đổ ra chậu một chất lỏng màu đen sẫm. Mùi tỏa lên hắc, khó chịu. Đoạn bảo hai bố con cởi bỏ quần áo, đến đứng trước chậu. Hai người cảm thấy bàn tay xương xẩu của ông lão chộp lấy của mình, thốt nhiên đau nhói. Nhìn ra đã thấy ông lão khoắng khoắng rồi vớt từng cái một ra khỏi chậu, đem chắp rất nhanh vào chỗ trống, đoạn bảo hai người bưng lấy của mình một lúc cho thật chắc, rồi mặc quần mà về. Khi hai người mặc quần xong, lần tìm đồ lễ để cảm ơn, đã không thấy ông lão đâu nữa. Gọi tìm một lúc, chẳng thấy tăm hơi, lại dắt nhau ra về.
Đến nhà, kể chuyện với vợ. Vợ đòi xem, rồi lặng im không nói gì. Từ đấy Thủy ngày một béo ra, đến năm mươi tuổi đã rất bệ vệ. Khi ấy vợ Thủy hồi xuân, Thủy không thể đáp ứng. Bèn cậy nhan sắc, đi với bọn trai trẻ đáng tuổi con mình. Thủy biết mà không làm gì được.
Lại nói Tú, từ khi được của bố cho, thả sức chơi bời, hại đời không biết bao nhiêu con nhà tử tế. Dần dần xóa được tiếng cũ. Năm hai mươi tám tuổi lấy vợ, sinh hai con trai, đều có vóc dáng trung bình. Riêng Tú, đến già vẫn mặc vừa chiếc quần ông khách bỏ lại năm xưa. Chỉ có đũng hơi bị chật chút ít./.

Không thể là hiện thực (Cung Tích Biền) (xem file PDF)
Đào Hoa (Duệ Anh) (xem file PDF)

Con hổ mun (Đặng Thư Cưu)

Ông Trì Gầm ngồi yên lặng như một gốc cây cổ thụ, đăm đăm nhìn mặt trời đỏ sậm màu máu, hạ chầm chậm xuống mặt đầm lầy mù mù chướng khí.

Những tia nắng cuối cùng sáng rực, lấp lánh như nhiều mũi giáo nung già lửa trong lò, đâm xuyên qua làn sương trắng. Cánh rừng bao bọc chung quanh dần bắt đầu ngả màu đen sẫm. Gió đứng. Bầy muỗi bay lào xào, thỉnh thoảng va mạnh vô khuôn mặt sạm màu sắt, lạnh câm như đẽo trên tảng đá. Tiếng loài thú nhè sột soạt trong lùm bụi phía rừng chồi. Tiếng cá sấu thở cạnh bờ sông nghe như tiếng rên trầm trầm. Muỗi táp vô mặt ông mỗi lúc một nhiều bám đầy trên cái đầu cạo nhẵn. ông hậm hực:

- Hổng ngồi yên được với cái đám muỗi rừng ôn dịch này.

ông đứng dậy chậm rãi. Dáng cao lớn gù gù như một con gấu lực lưỡng. Bắp thịt ngực phồng to, chắc nịch loáng thoáng những vết sẹo dài, nổi vồng lên có màu tai tái ông Trì Gầm nhóm lửa bằng những nhánh bằng lăng khô. Ngọn lửa vàng cam hắt ánh sáng lên mặt ông, rung rinh, chờn chợn những nét vẻ kỳ quái. Chỉ có đôi mắt nhỏ và sâu, lạnh và bén, xọc thẳng vào màn đêm vừa chớm như mắt thú rừng. Đó là thứ vũ khí phòng vệ chắc chắn, đáng tin tưởng của những con người đặt chân lên vùng đất hoang vu ở phương Nam này.

- Sao ổng chặt mây lâu dữ vậy cà ?

Như trả lời câu hỏi một mình của ông, một tiếng thú vang lên cuồn cuộn như tiếng bão. Nó chứa đựng một sức mạnh man dã, rừng rú. Nó trườn qua khu rừng, dội mạnh vào những gốc cây già, lướt trên chồi xanh, phá vỡ cái tịch mịch nặng nề của đầm lầy và sau cùng hòa tan vào những âm thanh rì rầm bất tận của dòng sông.

ông Trì Gầm nhếch môi:

- ông đã về.

ông quay vào chòi lá lấy một tảng thịt rừng khô treo trên mặt đám than hồng. Phút chốc mùi thịt nướng ngọt đậm lan rộng. Cái giọng ngập ngừng nhưng sang sảng như tiếng đá vỡ:

- Chà ... màn nguyên ... màn nguyên ... ta đói bụng quá.

- Tôi chờ ông từ hồi mặt trời còn ở trên đọt rừng bằng lăng.

- Hà ... hà ... màn nguyên ... màn nguyên ... Ta chém được cái đuôi của con tinh khù lỳ.

Người đàn ông xuất hiện nhẹ nhàng như một con beo đen. ông liệng bó mây nước xuống sân và quăng trước mặt ông Trì Gầm một vật vằn vện dài hơn thước tay ông già lặng lẽ nhìn cái đuôi cọp mềm mại như còn rung động:

- Sao không chặt luôn ổng ?

Người đàn ông cắm cây mác thông xuống đất, xếp bằng ngồi cạnh đống lửa:

- Ăn uống đi rồi ... màn nguyên ... ta kể cho nghe.

ông già rót rượu ra chén, xé thịt nướng đưa cho người đàn ông. ông ta uống đánh ực một hơi cạn chén, bỏ thịt vô miệng nhai ngồm ngoàm khoái chí. Đôi mắt to của người đàn ông rực lên như hai hòn than cháy.

ông già yên lặng ngắm người bạn rừng. Chính ông cũng không biết rõ tuổi tác thật sự của người đàn ông là bao nhiêu ? Với tấm thân đen bóng, dè dặt như các sớ gỗ mun cùng mái tóc rối bời bò xấp xõa ngang vai tạo cho người đàn ông một nét man dại cổ sợ ông già đánh bạn với người đàn ông trên hai năm nay. Cũng là dân lưu lạc xuống vùng đất rừng hoang vu này, nghề nghiệp khác nhau ông Trì Gầm chuyên nghề câu sấu đem bán ngoài xóm dân. Dụng cụ của ông là lao mun, là câu móc, là dây thừng. Người đàn ông là thợ săn cũng là người chặt mây rừng đem đổi chác ngoài xóm. Những lần dừng chân bên bờ sông, qua chén rượu, bên bếp lửa đêm, những thỏi thịt rừng, thịt cá sấu đã cho hai người cái tình bạn thật tự nhiên như cây rừng, như đầm nước. Nó không pha tạp một thứ gì hết. Nó trong vắt như nguồn sông nguyên khai. Nó đậm dà như mật ong mùa tháng giêng. Đất rừng hùng vĩ, phong phú nhưng cũng đầy nghiệt ngã, nguy hiểm. Trong cuộc sinh tồn đơn giản đó, họ thấy cần nhau, thương nhau một cách lặng lẽ.

Bằng cái giọng ngập ngừng, phải lót thêm tiếng đệm vô nghĩa nhưng quen thuộc, người đàn ông kể cho ông già việc ông chặt đứt đuôi cọp mà ông gọi là tinh thù lỳ. Khi vô tới khu vực có mây nước mù thì trời đã xế. Người đàn ông ăn gói cơm nắm xong tính đốn mây rồi về sớm vì đã hẹn với ông già uống rượu đêm nay ông lần vô cụm mây già đủ tuổi thì một con hổ vằn chặn đường. Có lẽ nó qua đói vì không tìm được mồi, chớ bình thường ít khi nó dám tấn công ông một cách trực diện như vậy. Con hổ gầm gừ, quật đuôi liên tục và ứa bọt miệng trắng xóa. Người đàn ông bực tức giơ cao ngọn mác thông:

- Màn nguyên ... màn nguyên ... ta chém chết bây giờ. Con hổ bươn tới chầm chậm vì cái đói cồn cào nơi bụng. Bất ngờ nó đập mạnh đuôi về phía trái. Theo kinh nghiệm, người đàn ông hiểu con dã thú sẽ tấn công bên mặt. ông tràn ngang và ngọn mác thong sắc bén trên tay vớt ngược, dọc theo sườn

con thú. Sức mạnh ghê gớm của người thợ rừng đã chém ngọt một phần đuôi con hổ vằn và thuận đà rẹp thêm mấy cây mây gai góc. Con gỗ hộc lên một tiếng kinh hoàng, vụt vào bụi, lê theo mấy vết máu đỏ thẫm.
ông Trì Gầm rót thêm rượu:
- Thật là may cho lão. Tui tin rằng ông sẽ chém đứt hông lão chỉ với một nhát thôi.
Người đàn ông cười sằng sặc:
- Màn nguyên ... ta cũng không muốn chặt lão chút nào hết ... miễn là lão đừng động chạm tới ta.
Tảng thịt rừng còn trơ lại khúc xương bị gặm nham nhở. ông già liệng thêm nhánh khô. Bếp lửa bùng cháy. Gió đêm bắt đầu hú ầm ào. Bầy muỗi rừng chốn biệt. Thật ra tiếng hổ gầm no mồi như uất nghẹn.
Đột ngột hai người thợ rừng im bặt, nghiêng đầu nghe ngóng, mắt quắc lên, rực lửa. Người đàn ông đứng dậy ngó ra bờ sông. Tấm thân cuồn cuộn bắp thịt sừng sững, hắt lên trong bóng lửa chập chờn như một hình thần linh. Giữa cái âm thanh rì rầm như than thở của dòng sông họ nghe rõ tiếng mái chèo rẽ nước. Ai dám vào tận cùng ngọn rạch sâu thẳm giờ này ?
Tiếng động của chiếc ghe mỗi lúc một gần. Tiếng người nói chuyện thì thầm. ông già bật dậy, lao ra bờ sông:
- Ai ?
Trăng lùi lũi chui vào cụm mây mù. Góc rừng tối sầm lại như vừa có một cơn bão đen lướt qua thật chậm chạp. Bếp lửa chỉ còn những vụn than hồng. ông già không nhóm thêm để lắng nghe người khách lạ kể chuyện. Cả ba ngồi quanh bếp than. Vụn than nổ lép bép, vụt sáng bừng, rọi lấp lánh lên mớ râu muối tiêu phất phơ dưới cằm của người khách lạ. ông nâng chén rượu của bạn rừng mới, uống một hớp:
- Tôi và chiếc ghe này đi lang bạt giang hồ. Rất nhiều khu rừng phương Nam đã có dấu chân tôi. Tôi là dân ăn ong các bác à! Các bác có nghe chớ? - ông Trì Gầm và người thợ rừng nói lắp im lặng gật đầu.
- Nghề này không đụng chạm tới ai. Ong của rừng. Chỉ tội là phải lặn lội vất vả. Nhiều khi dân rừng không hiểu, hay nghi ngờ, làm khó dễ. Ong nhiều lắm. Ong là vị ngọt, là hương thơm của rừng. Mật không của riêng ai ông Trì Gầm nhếch môi:
- Tui nghe người ta nói mật của thần rừng.
Người khách lạ ngước mặt lên nhìn sâu vào thăm thẳm bóng đêm. Trăng vàng quạch phía rừng già:
- Dà. Bác đã nghe nói đến thần rừng là bác biết nghề của chúng tôi rồi. Nó như một lời nguyền truyền kiếp. Phải cúng tế, phải van vái. Nhiều dân ăn ong bỏ qua tập tục này, không tin tưởng thì suốt mấy tháng liền không kiếm được một giọt mật, rồi ốm đau liên miên, vốn liếng cạn sạch, thân sơ thất sờ. Ghê gớm vậy đó bác.
Người thợ rừng nói lắp nãy giờ câm lặng như đêm, chợt lên tiếng:
- ... Màn nguyên ... mà cúng bằng gì ?
Người khách chưa kịp hiểu câu nói của người thợ rừng. Lát sau, ông nghĩ ra, vui vẻ:
- Có gì cúng nấy bác à. Cái cần là do lòng thành của mình, lời hứa của mình. Khi thì heo quay, thủ vĩ luộc. Cũng có khi ...
Người khách chợt cắt ngang câu nói. Âm thanh rơi hẫng vào màn đêm mất hút. Người khách quay đầu ngó xuống bờ sông. ông Trì Gầm chợt nhớ ra lúc ra đón chiếc ghe, ông nhác thấy dáng một người thật nhỏ nhắn, lúi húi trong mui bằng lá chàm. Người khách quay lại:
- Nhiều khi cúng cả con cái mình.
ông già ngạc nhiên:
- ông nói thiệt hay nói giỡn ?
- Rừng linh thiêng lắm, không nói chơi được. Nhiều khu rừng quá nặng ám lực huyền bí, cúng vật chết không làm ăn được phải tế bằng vật sống.
- Rồi con người bị cúng đó ra sao ?
- Cũng về với gia đình thôi. Chưa thấy thần rừng nào nhận hết, nhưng không có lời van vái, thành thật thì không làm ăn được. Tôi cũng không hiểu.
Đêm đã khuya. Trăng khuất dưới tán rừng đen kịt. Tiếng thú kiếm ăn cũng vắng bặt, chỉ có đám côn trùng rỉ rỉ suốt đêm. Người khách từ giã hai người thợ rừng để xuống ghe.
- Tôi còn ở đây, mình còn nhiều dịp để tâm sự, nếu thần rừng ở đây cho phép tôi xin ít mật của rừng.
ông Trì Gầm đứng lên, dúi vào tay người khách thỏi thịt rừng phơi khô và một nắm muối. Người khách nhìn ông, lòng cảm tạ ngập ngời trong ánh mắt. ông Trì Gầm trở vô chòi. Người thợ rừng nói lắp đã nằm yên trên sàn lót bằng những thân gỗ tròn, bóc vỏ. ông Trì Gầm nhồi thuốc vào cái vố bằng gốc tre, bước ra ngoài châm hút và đứng tựa ngó mông lung về dải rừng xa hun hút. Mảnh đất hoang vu này còn chứa biết bao nhiêu điều mà ông không thể hiểu hết. Đời người quá ngắn ngủi trước

bí mật của thiên nhiên. Với ông thì ông có thể tự hào về sự am hiểu các bãi cạn, các vực xoáy, những con lạch đầy bùn dẫn vô đầm lầy, chỗ nghỉ ngơi của bầy cá sấu. Đánh bạn với người thợ rừng nói lắp, ông biết thêm về cây mây đầy gai, những con chồn làm ổ trong bụi chà là hay những cái trứng rắn hổ mây to lớn. Bây giờ nói chuyện với người khách lạ ăn ong, ông hiểu rừng chỉ mới ban phát cho ông một vài vấn đề thông thường. Còn nhiều cái chất chứa ngập trong lòng khối đen thẫm trước mặt, trong muôn ngàn âm thanh kỳ quái của rừng đêm ... Nhất là thần rừng. Cái bí lực huyền hoặc đó có thật không ? Có tham dự thật sự vào những đời sống đơn giản của những người thợ rừng hay không? ông Trì Gầm nghe giữa ngực có một cái gì đó nặng như treo lên một khúc gỗ mun. ông đằng hắng một tiếng lớn, khạc mấy sợi thuốc vướng trong cổ họng. Đêm lạnh câm đầy đe doạ. Bỗng nhiên đêm rừng nay khác hẳn mọi đêm khác. Nhiều dấu hỏi hiện ra trong đầu ông ngoằn nghèo như những con rắn hổ đất con vừa mới nở.

Hai cha con men theo ven đầm lầy đi một quãng khá xa mới tới vùng gò tranh. Mùi bùn, mùi nước đọng quanh năm, mùi cỏ ướt như quyện kín lớp không khí yên ả buổi sáng. Qua cánh đồng tranh hai cha con bắt đầu đi vào vùng trời tím nhạt của cánh rừng bằng lăng đang độ trổ bông. Tiếng ong rì rầm không ngớt. Người cha hít thật sâu mùi hương ngây ngất. Đứa con gái hái một nhánh bông cầm nơi tay. Không ai có thể ngờ được rằng với những bước chân thong thả, nhẹ nhàng như một cuộc dạo chơi đó, hai cha con đang dẫn nhau đi tế thần rừng. Cuộc sống dềnh ra trước mặt bằng những bí ẩn chập chờn, bằng một sức mạnh mà con người chỉ thấy qua hơi thở. Rừng lặng im như chất chứa ngồn ngộn sức sống. Nó sẵn sàng dâng hiến và cũng s ẵn sàng tiêu diệt.

Qua rừng bằng lăng, mặt đất đổ dốc, nghiêng xuống một dải rừng tràm mịt mùng không nhìn thấy giới hạn. Mùi bông sực nức trong gió và tiếng ong rộn rã một giai điệu bất tận. Người cha ngó đăm đăm vào rừng tràm mường tượng nhìn thấy một dòng mật màu hổ phách, trong suốt, đặc quánh chảy trong đó. Người cha nói với đứa con gái:

- Hãy thành tâm cầu nguyện với thần rừng cho cha con mình may mắn trong chuyến làm ăn này đi con.

Đứa con gái ngước mắt nhìn dải rừng có màu sáng xanh yê n bình. Nắng đọng thấp thoáng trên tán rừng những vệt màu hồng tươi. Cô ngửi thấy mùi hương bông, mùi mật đến mùa. Người cha đứng bên cạnh nói lớn:

- Xin thần rừng cho phép cha con tôi được ăn ong trong khu rừng này tròn một vòng trăng. Tôi hứa sẽ không phá hại của cải của rừng. Đêm trăng tròn tới tôi cho con gái tôi một trinh nữ mười tám đến tạ ơn thần rừng. Số phận của nó tùy ý quyết định của thần rừng.

Tiếng nói chậm rãi, gọn gàng từng âm một như liệng vào rừng yên ả những hòn sỏi của số mệnh. Thốt nhiên người con gái rùng mình. Cô cảm thấy có một nỗi bứt rứt kỳ lạ chạy rần rật trong máu. Cô nắm lấy tay người cha:

- Ba! Con thấy sợ.

Người cha quay trở lại:

- Con yên lòng. Mình chỉ dâng phần tinh thần cho rừng. Rừng không bắt con đâu. Như những lần trước.

- Nhưng đêm qua con chiêm bao.

- Con thấy gì ?

- Con cỡi trên lưng một ông hổ bay vun vút, qua hết một dãy rừng thiệt dài. Sau đó con thấy mình hóa thành hoa rừng, một bụi hoa có màu đỏ như máu.

Người cha im lặng một lúc. ông tin tưởng sự có mặt linh thiêng của thần rừng nhưng ông không ưa chiêm bao, mộng mị. Nó dễ làm cho người ta xiêu lòng. ông an ủi con:

- Tại trước cảnh lạ, lòng con hốt hoảng hay nhìn thấy bậy bạ.

- Mấy bác thợ rừng nó i ở đây có nhiều ông hổ.

- Thì cũng như mấy khu rừng miệt trên thôi. Cha tin ở con.

Hai cha con không nói chuyện gì với nhau khi đi qua đồng cỏ tranh. Phía đầm lầy mà sương còn quánh đặc, lơ lửng trên mặt đầm cái màn trắng mờ, rung rinh huyền ảo. Chợt người cha nói to một mình:

- Cầu nguyện với rừng, lần này làm ăn khấm khá, có một số vốn, cha con tôi sẽ định cư ngoài bờ sông. Không vào rừng nữa.

Bất ngờ một tiếng hổ gầm vang lên thật gần phía rừng bằng lăng như trả lời người cha. Âm thanh dội mạnh, kéo dài ra thành tiếng rền u u rồi lắng tan, đứa con gái siết chặt bàn tay người chạ ánh mắt trong sáng của cô vừa lướt qua một bóng mây hãi hùng.

*

Thời gian được tính thành vòng cung mặt trời lên ở phương đông và lặn ở phương tây. Đơn giản như

cuộc sống của những người thợ rừng, kể cả người khách lạ ăn ong. Mỗi người một việc. Họ không làm phiền nhau cũng như ít khi giúp lẫn nhaụ ông Trì Gầm thì mải mê với những con lạch đầy muỗi dẫn vô đầm lầy và tiếng sấu thở trầm trầm. Người thợ rừng nói lắp thì gắn bó với rừng mây đầy gai nhọn. Cha con người ăn ong lầm lũi về phía rừng tràm nức hương mật. Không biết do lời cầu nguyện đã đến tai thần rừng hay do nguồn mật dồi dào của cánh rừng hoang dã mà những lu, hũ của ông ta đã đầy ăm ắp ?

Một đêm khi vòng trăng bắt đầu trở lại, người khách mang lên chòi một tảng mật lớn pha vào rượu. Đứa con gái lo nướng một con cheo bị bẫy. Họ ngồi túm tụm nhau như đêm đầu tiên bên bếp lửa nhóm bằng nhánh bằng lăng khô. Rượu rót đầy chén, thơm ngát mùi mật, ngọt đẫm đầu lưỡi và họ uống không biết say vì đêm nay có lẽ là đêm chia tay.

ông Trì Gầm vẫn với cái nhìn lạnh căm như dòng nước đêm:

- Cha con ông có thể ra đi được rồi. Rừng quá rộng rãi với cha con ông.

- Vầng trăng đã trở lại. Thời hạn xin làm ăn ở đây đã hết. Chắc kỳ này tôi sẽ dành dụm làm vốn, định cư ngoài vàm sông và lo cho nó một tấm chồng.

Đứa con gái bẽn lẽn cúi mặt dấu vào mái tóc dài óng ả. Người thợ rừng nói lắp bật cười:

- Mắc cỡ làm chi con ? Về xóm sống cho thoải mái. Rừng khắc nghiệt lắm con ơi.

ông Trì Gầm ngó mông về hướng rừng đêm.

- Còn lời cúng tế ?

Người khách quấn một điếu thuốc lớn, nghiêng đầu châm vào bếp lửa:

- Phải trả chớ.

- ông bỏ đi không được sao ?

- ồ không. Lời hứa vẫn là lời hứa. Số mệnh là số mệnh. Phụ lời nguyền tôi không hiểu hậu quả sẽ ra sao ?

- ...Màn nguyên ... nghĩa là ông giao con cho rừng ?

- Phải vậy thôi. Đêm mai, đúng kỳ trăng tròn trở lại, tôi đưa con gái tôi vào trong rừng. Sau đó nếu thần rừng tha cho nó thì nó sẽ theo tôi về xóm.

- Thần rừng cho hổ ra đánh với con gái tôi. Nó đã thắng tất cả và như thế thì lời cúng tế của tôi như đã xong.

Hai người thợ rừng mở tròn mắt nhìn hết người khách đến cô gái bé nhỏ. Họ vẫn im lặng như câu chuyện đó thật bình thường, như việc dùng dao tre gạt cái túi mật căng tròn, tươm ra một dòng vàng sánh, óng ả.

- ... Màn nguyên ... thiệt à ? Ta chưa nghe nói như vậy bao giờ ?

Người khách nâng chén rượu uống một hơi dài. Cô gái vẫn nhìn vào bếp lửa. Thỉnh thoảng cô liệng vào một nhánh khô. Lửa bùng lên, uốn éo, so rạng gương mặt trông dễ thương của cô gái.

- Đêm mai tôi mời hai ông chứng kiến một cuộc trả lễ. Tôi tin rằng chúng tôi sẽ ra đi an toàn. Họa hoằn ... đó là số mệnh ...

Người khách không nói tiếp. Tiếng chim rừng rít lên thảm thiết ở một góc trời.

Đêm im sững không một chút gió. Trăng lên ngang đỉnh đầu, tròn vành vạnh, sáng lóa. Quãng đất trống ngăn vạt cỏ tranh và dải rừng già trắng lạnh. Ba người đàn ông dừng lại. Cô con gái bước tới sau lưng. Người khách quay đầu lại:

- Xong chưa con ?

Cô gái gật đầu. Cô mặc bộ đồ đen. Quần túm ống. Một chiếc khăn buộc chặt ngang cái bụng nhỏ xíu. Mái tóc dài được bới cao gọn ghẽ. Cô cầm trong tay một cây roi vừa tầm làm bằng một thứ cây rừng vừa dẻo, vừa nặng. Người khách cùng cô con gái bước ra khoảng đất trống. ông nói to, chậm rãi như ném tiếng vào rừng già:

- Thưa thần rừng linh thiêng, ngày trăng trở lại đã tới, tôi đã được ít mật của rừng cho. Như lời xin, đêm nay tôi đưa con tôi đến cho thần rừng, mong thần rừng thương nó còn bé bỏng. Số phận nó trong tay ngài. Tôi chỉ trông cậy vào tình thương của ngày.

Hai người thợ rừng ngồi lại trong đám cỏ tranh. Lần đầu tiên họ rùng mình trước lời van vái khủng khiếp. Người khách quay lại ngồi với họ. Đêm rừng im phăng phắc. Cô gái chống roi đứng giữa vùng trăng sáng, rực rỡ như huyền thoại, ma quái vào bí ẩn như đời rừng.

Đột nhiên tiếng chim lạ gào lên như âm thanh một tiếng khóc nức nở. Rồi tiếp theo là một tràng cú rúc kinh hoàng. Dáng nhỏ nhắn người con gái vẫn bất động. Phía rừng già vang ầm ào như có gió lốc xoáy lên. Một tiếng gầm dũng mãnh ác độc và đe doạ ập tới như có thể sờ thấy nó lướt ngang mặt cỏ tranh sắc cạnh. Con hổ vằn to lớn vọt ra từ trong rừng già co người lại tụ hình trước mặt cô gái. Cụm lông bạc phía dưới hầu như phát sáng trong ánh trăng. Con hổ lom lom nhìn cô gái bằng cặp mắt hừng hực lửa. Cô gái vẫn đứng bất động. Cô đã

chết đứng rồi chăng ? Con hổ vẫn vươn mình, mềm mại, uyển chuyển thành cái bóng trườn dài ra, phớt tối như một ánh mây vừa che lấp mặt trăng. Và người ta nghe thấy tiếng roi vun vút, xé gió cuộn ánh trăng thành những chùm bông kim ngân tơi tả. Con hổ gầm gừ, vây phủ cô gái bằng những cái vuốt xoè ra và đôi nanh ướt đẫm. Cô gái như đã biến thành bóng khói nhẹ lướt êm như sương né tránh những cái vồ độc hiểm. Cô tiếp sát vào sườn con dã thú, ngọn roi đánh đúng vào xương sống rồi đốc roi hất ngược lên giữa ức con vật. Con hổ hộc lên một tiếng văng ra và biến vào màn đêm đen kịt.

Hai người thợ rừng thở phào. Họ nghe như cái khối nặng nãy giờ treo trên ngực đã được cất đi. Họ toan đứng lên những người khách vội níu lấy vai họ dằn xuống, thì thào:
- Thần rừng mới thử sức thôi chưa đấu thật đâu.
Đúng như lời nói, khoảng đất trống lại xuất hiện một con hổ khác. Con này chỉ bằng bảy phần con hổ vằn, thong thả từng bước mềm oặt. Nó mang bộ lông màu xám trắng. Những vằn đen hằn mờ mờ. Con hổ xám có vẻ thận trọng và cô gái cũng không đứng thản nhiên như trước. Cô lùi lại cầm ngang ngọn roi. Con hổ xám tiến tới trước mặt cô gái. Nó chụm hai chân trước lại, thân hình vươn dài, áp sát xuống mặt đất như chờ đợi một sự âu yếm. Cái hung hãn, dữ dằn của nó chỉ ngập ngời trong ánh mắt biếc xanh.
Cô gái và con hổ nhìn nhau thật lâu như thôi miên, như tìm kiếm sơ hở, như uy hiếp tinh thần đối thủ: Một đám mây phớt qua ánh trăng. Con hổ hực một tiếng nhỏ nhưng sắc rồi chồm tới. Một chân nhắm vào bả vai, một chân nhắm vào cổ họng và cái miệng rộng ghê gớm sẵn sàng bẻ gẫy những đốt xương cổ của con mồi. Cái phóng mình của nó thật khít khao và lẹ như một tia chớp. Cô gái cuộn mình lăn tròn dưới ức con vật, lòn ra sau và dùng đầu roi đâm mạnh vào hạ bộ còn vật. Ngón sát thủ trong đường tơ, kẽ tóc. Con hổ xám bây giờ mới chịu vang lên tiếng gầm nhưng là một âm thanh nghẹn đi của sự chiến bại. Nó rớt xuống đất và lết vào khu rừng già thật hèn hạ.
Người khách dợn mình muốn đứng lên. ông nghĩ thần rừng đã thử sức với cái vật tế nhỏ nhoi đó. Nhưng thần rừng như đang giận dữ vì tài năng cô gái mỏng manh kia. Rừng không tha thứ. Con hổ thứ ba tiến ra. Đó là một con hổ mun, thật nhỏ, hiền hậu, nhút nhát và non nớt, nếu như nhìn thoáng qua vóc dáng bên ngoài của nó. Nó không thị uy bằng tiếng gầm giận dữ, bằng cái dáng điệu sẵn sàng uống máu con mồi. Con hổ mun tiến ra khoảng đất trống, rụt rè nhìn cô gái như một con vật nhỏ ngoan ngoãn. Nó đi vòng vòng chung quanh với những bước chân mềm mại, uyển chuyển. Cô gái chống cây roi, tấn công vững chắn như không quay đầu theo con hổ mun vì cô thừa hiểu đó là một cách phân tán sức lực của cô. Mồ hôi đẫm ướt chân tóc. Thần kinh cô căng thẳng dữ dội vì cô đang đối đầu với một đối thủ hết sức nguy hiểm. Cô gái không theo dõi con hổ mun bằng ánh mắt mà cô nghe ngóng bằng toàn thân, bằng xúc giác đang gợn lên trong làn da, bằng thính giác của một con người đứng bên bờ vực lắng nghe tiếng gió hú từ đáy sâu của cái chết. Con hổ mun bình thản như một con vật đang dạo chơi. Nó có vẻ như không chú ý tới cô gái.
Trăng sụp nhanh xuống mí rừng. Khoảng đất vụt tối. Con hổ mun lẹ làng tấn công từ phía sau lưng cô gái bằng cú vồ nhẹ nhàng không tiếng động. Cô gái xoay người như đã nhìn thấy bằng đôi mắt ẩn sau búi tóc. Ngọn roi đâm vào ức con vật. Nó uốn mình như một tay làm xiếc và rớt xuống bên phải cô gái nặng không hơn chiếc lá rụng. Cuộc chiến đấu thầm lặng. Những người ngồi quanh chỉ nghe thấy hơi thở nặng nề của cô gái. Nắm tay người khách siết chặt một gốc cỏ tranh và nhổ bật nó khỏi mặt đất.
Cô gái đã đuối sức vì qua nhiều lần chiến đấu cũng như cách vờn mồi nguy hiểm của con hổ mun. Cô nhất quyết đánh đòn sau cùng. Cô run người xuống, xoay cây roi thành vòng tròn ... Nhưng bất ngờ mái tóc dài óng mượt của cô sút ra, xoã tung và cuộn lấy một phần roi như một sợi thừng đen biếc. Cô gái lúng túng, vướng vít với chính mái tóc của cô. Con hổ mun chờ có vậy, nó chồm lên, trườn mình như một cơn gió đen.
- Cha ơi! ...
- Cha ơi! ...
Tiếng con hổ mun gầm lên thanh và sắc. Tiếng gào chiến thắng của nó biến mất như chưa hề xuất hiện. Cô gái nằm sóng xoài trên mặt đất. Người khách rùng mình chấn động. ông Trì Gầm đứng vụt dậy. Người thợ rừng chụp lấy ngọn mác thông chồm người tới từ khi tiếng kêu vĩnh biệt, đau đớn của cô gái vang lên, từ khi con hổ mun còn há họng rú lên kiêu hãnh và ác độc. Nhưng người khách ấn tay lên vai ông, lắc đầu:

- Không. Phải giữ tròn lời hứa với thần rừng. Số mệnh là số mệnh.
- Con ông đã phải chống chọi quá sức.
Giọng người khách cố ngăn nỗi nghẹn ngào, ăm ắp trong cổ họng:
- Nó đã làm rạng danh. Nó đã hiên ngang chống chọi với mãnh lực của thần rừng. Hãy để nó ngủ yên với cái vinh quang của con nhà rừng và lời cúng tế. Số mệnh đã khép lại nơi mảnh đất xa lạ này.
Người đàn ông đứng lên tiến ra khoảng đất trống. ông Trì Gầm thấy ông chợt già đi thêm mấy mươi năm. Nỗi đau đớn của người cha đang vật ngã ông từng bước. Rừng đã rộng rãi cho ông nhưng cũng hết sức khắc nghiệt khi cố tình cướp khỏi đời ông người con gái thân yêu ông quỳ xuống, nhỏ bé hơn bao giờ hết.
Chiếc ghe của người khách ăn ong đã đi xa. Trên ghe chỉ còn một mình ông. ông thật đơn côi và yếu đuối. Cô gái ở lại bên góc rừng. Nắm đất nhỏ nhoi cùng ngọn roi cắm đứng trước mộ như một tấm bia.

Nhiều lần ông Trì Gầm ra đứng trước mộ cô gái. Rừng vẫn vang động những âm thanh trầm trầm hoang vắng. Rừng chất chứa nghìn trùng bí ẩn vừa quyến rũ, vừa nghiệt ngã. Con người tới với rừng bằng sức lực mỏng manh, bằng trí khôn và cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn. Rừng không từ chối cũng không bao dung.
Ông ngó ngôi mộ và tự hỏi, không biết có con hổ mun thật không ? Hay tất cả chỉ là một giấc chiêm bao ?

Đốm lửa (Nguyễn Thị Minh Thúy)

Mỹ buông chèo và quay lại nói với ngọc:" Lạ thiệt! Vùng này là quê em, em thuộc như lòng bàn tay. Vậy mà ko hiểu sao đêm nay cứ đi lạc?" Ngọc ngước nhìn trời đêm::"Trời tối thui! Kênh rạch chằng chịt! Chị thấy chỗ nào cũng giống chỗ nào, mình lạc cũng phải".
"Em tức thiệt! Có lạc thì lạc một lần thôi chớ, ai dè vòng vo cả tiếng đồng hồ! - Nàng thở dài: - Tội anh Thanh chờ lâu!". Ngọc gật đầu:"Thế nào ảnh cũng đợi mình để lấy lương thực, nhứt là thư từ..."
Mỹ khua mạnh mái chèo:" Thôi mình chèo đi chị. Cứ thẳng hướng này... Đêm nay trời ko sao nên em chẳng tài nào biết được phương hướng!".
Hai cô du kích vừa chèo vừa tỉ tê nói chuyện. Mỹ gợi lại chuyện lúc nãy:" Lần này...có thư của anh Thanh ko chị?" - " Hình như có..." Mỹ thăm dò:" Chắc thư bố" - " Ko biết...!"
Ngọc biết Mỹ yêu Thanh, chàng trinh sát 20 tuổi ấy đang chờ hai người.
Quả thực anh chàng người Bắc khéo tay và vui tính ấy đi đến đâu gây náo nhiệt đến đó. Các cô giao liên cứ cười bò ra khi nghe Thanh kể chuyện tiếu lâm.
Mỹ yêu Thanh ra mặt khiến Ngọc phải rụt lại. Có lần chính nàng lại đẩy Mỹ:" Ảnh coi bộ thích em..." Mỹ thật tình: Thiệt ko chị? Em ớn trai Bắc, hay có vợ ở quê lắm!" Ngọc cũng lo vậy, nhưng nàng kín hơn.
Một chiều, Ngọc đang lúi húi nấu cơm trong hầm thì Thanh đi qua, xẹt vào, anh giả bộ đứng nghiêm chào Ngọc rồi trịnh trọng hai tay trao nàng một kỉ vật: bức tượng mỹ nhân ngư nhỏ xíu được khắc tinh xảo trên vỏ hạt đậu - " Tặng mỹ nhân đầm lầy", Thanh nói thế rồi biến nhanh theo toán quân. Lúc đó Ngọc đã hết sức sung sướng và cảm động.
Ko biết sau đó Thanh có khắc tặng ai nữa ko? Nhưng từ khi Ngọc đeo nó lên cổ làm vật trang sức thì ai thấy cũng đều trầm trồ hỏi thăm. Ngọc vốn rất thân với Mỹ mà nàng cũng ko hé răng.
" Nước đang ròng, - Mỹ nói, - mình ra ko kịp sẽ bị kẹt cạn". - Nói xong nàng ngồi thụp xuống, khum tay che ngang tầm mắt và nhìn lại địa hình, những bóng mờ của hàng sú vẹt hai bên lạch càng làm nàng thêm mù mịt, nhưng nàng cũng nói:" Coi bộ sắp tới kênh sáu rồi...mình chèo mạnh đi chị".
Ngọc lắng nghe tiếng thở của dòng sông phía trước, yên ắng quá! Nàng linh cảm thấy càng lúc càng lạc sâu vào đầm lầy hoang vu. Tiếng dế rả rích, tiếng ếch nhái, ễnh ương oàm oạp kêu vang, tạo thành một âm thanh buồn bã, thê lương. Đêm làm đầm lầy càng thêm âm u và rùng rợn. Ngọc rùng mình liên tiếp, nàng thuộc loại gan và đã từng quen với bóng đêm mà còn thấy rợn! Tự dưng Ngọc thấy lòng buồn vô cùng! Ôi quê hương, chiến tranh khiến thân gái cũng dặm trường! Ngọc ko sợ gian khổ nhưng Ngọc buồn vì trễ hẹn với Thanh. Mỗi tháng một lần nàng và anh mới có dịp gặp nhau - dù chỉ đôi ba tiếng đồng hồ - nàng đã chờ mong từng giờ thế mà...
Ngọc mỏi nhừ đôi tay, chiếc ghe ba lá quanh co qua bao con lạch mà vẫn chưa ra được cửa kênh, nàng đâm giận Mỹ, con nhỏ cố tình hay sao mà cứ dẫn đi lạc? Đây là cái địa bàn của nó mà?
À mà nó cũng đang mong gặp ảnh. "Kìa! Có đốm

lửa!". Ngọc nhổm dậy chỉ về phía trái. Mỹ mừng rỡ quay lại: " Đâu chị? Em ko thấy...?" Ngọc dụi mắt:" Chị mới thấy..." - " Chắc anh Thanh hút thuốc báo hiệu cho mình... mình quay lại đi". Ngọc gật đầu và trở tay chèo.
" Sao em hổng thấy chi hết!?" - Mỹ phân vân. - Coi chừng ánh lân tinh... Đêm đêm trong đầm lầy em vẫn hay thấy...có người bảo ma trơi..." - "Ko, lửa đỏ mà..."
Hai cô gái khuya mạnh mái chèo. Mỹ bỗng giật mình:" Hình như...trở về chỗ hồi nãy...?! Lạ thiệt! Làm như ma dẫn?" Ngọc rùng mình và nổi gai khắp người! Chiếc ghe bỗng chùng hẳn lại. Giọng Mỹ lầu bầu:" Chết rồi! Kẹt vô khúc lầy!" Ngọc lo lắng:" Tính sao đây?" - " Thì...cứ chèo tới... Nước đã rút thì chỗ nào cũng vậy. Em nhớ cái eo này rồi...Qua được chỗ này, quẹo phải chừng trăm mét là tới cửa kênh".
Nói tới đây Mỹ bỗng chỉ về phía phải:" Kìa! Đốm lửa!" Ngọc nhìn theo, lần này chính nàng ngạc nhiên:" Đâu... Chị hổng thấy?" - " Em thấy...ủa? Biến đâu mất rồi."
Hai cô gái ngơ ngác một chút. Mỹ buông chèo nhảy xuống lạch: " Mình cứ đi đại... Cũng đúng hướng đang tới...Xuống đẩy đi chị". Ngọc tắc lưỡi rồi nhẹ nhàng trườn xuống bùn lạnh.
Hai chân Ngọc vướng đặc toàn rễ lục bình, nàng cảm tưởng như có hàng trăm cánh tay thuồng luồng đang quấn kéo mình xuống lòng con lạch. Ngọc một tay vịn thành ghe, tay kia cầm mảnh đậu hình mỹ nhân ngư do Thanh tặng đưa lên miệng ngậm, lầm bầm:" Anh Thanh ơi! Ráng đợi em..."
Ngọc rút chân thật cao, dận lên đám lục bình và bùn lầy nhão nhoẹt phía dưới, rồi cố sức đẩy. Đằng trước, Mỹ cũng ra sức kéo. Chiếc ba lá chở có tạ gạo càng lúc càng nặng, gần như lết ko nổi trên sình. Có những đoạn, hai cô gái phải dùng tay gỡ từng búi lục bình quăng ra xa mới nhích thêm được vài mét.
Mỹ buông thõng hai tay:" Mệt thiệt! Nghỉ chút đi chị." Ngọc cũng thở hổn hển:" Khúc sình này xa ko?" - " Cũng xa...- Mỹ chép miệng, - tội anh Thanh chờ!"
"Hừ, mệt và lạnh vậy mà còn nghĩ tới người yêu! Ừ, mà mình cũng vậy. Hổng biết anh Thanh chờ nổi ko?" Ngọc nghĩ vậy và giục:" Thôi, mình tiếp tục ráng đi..."
Ngọc và Mỹ lại tiếp tục. Người đẩy, người kéo, cả hai im lặng làm việc một cách cương quyết. Cuối cùng thì cũng qua khỏi khúc eo lầy, dù mực nước đã cạn ko chèo chống được nữa, nhưng họ vẫn có thể kéo ghe là là trên mặt nước sình.
Giờ thì Ngọc và Mỹ đều quá mệt! Nhất là lạnh! Suốt mấy tiếng qua hai cô phải dầm mình dưới sình. Tiếng gà rừng te te gáy. Ngọc giật thở dốc: " Mệt quá! Trước sau cũng trễ rồi! Mình kiếm chỗ nào nghỉ đi". Mỹ gật đầu, giương mắt nhìn quanh. " Phải đó... anh Thanh chắc giờ cũng biết mình bị lạc hay kẹt cạn, sẽ chờ khi nước lên... Mình chui vào bụi đằng kia cho chắc ăn đi chị, lỡ ngủ quên..."
Trời vẫn tối như bưng, xòe bàn tay ra cũng ko thấy. Hai cô gái hì hục đẩy ghe sát bờ lạch và luồn dưới một bụi bình bát um tùm.
Ngọc dường như ko nhấc nổi chân, nàng vừa khoát nước rửa vừa nghỉ mệt, rồi leo lên bờ.
Mỹ trải tấm tăng cạnh bao gạo rồi lăn ngay xuống lòng ghe. Ngọc vắt sơ tóc cho ráo nước rồi cũng nằm xuống bên cạnh. Mỹ ôm chầm lấy nàng, hai cô gái run bần bật ôm cứng lấy nhau.
Ngọc thấy tuy da thịt bên ngoài mỹ lạnh buốt nhưng bên trong lại nóng bừng bừng, nàng giật mình:" Sốt hả?" Mỹ gật đầu, hơi thở nóng hổi phả lên má Ngọc: " Chị ngủ đi..."
Ngọc quên cả giận hờn vu vơ lúc nãy, nàng hối hận ôm chặt lấy Mỹ vào lòng. " Ừ, anh Thanh chắc gì đã yêu mình? Mỹ ngây thơ và đẹp thế này, mình cũng còn yêu nữa là..."
Ngọc áp sát ngực mình vào ngực Mỹ, thấy nhựa sống căng tràn, nàng muốn đưa tay xoa nhẹ vòng ngực mềm mại của bạn mà ko dám.

**

Thanh lội lại gần, anh nheo mắt chọc Ngọc rồi nắm mạn ghe lắc mạnh. Ngọc bám chặt hai bên thành ghe cười khúc khích:" Hổng giỡn nghen!... Coi chừng lật!" Thanh lắc mạnh thêm làm Ngọc càng bám chặt... Rồi Thanh buông ra, bơi vòng quanh ghe, thỉnh thoảng tạt nước lên Ngọc và cười khanh khách. Ngọc lấy tay che mặt và âu yếm trách:" Coi cà! Ướt em hết!" Thanh chống hai tay lên thành ghe, vươn mạnh người lấy trớn phóng lên, Ngọc xấu hổ thấy thân hình rám nắng và gân guốc của anh! Thiệt đẹp! Trai miền biển có khác, sông nước với anh chắc chẳng ăn thua gì.
Ngọc hồi hộp quay mặt đi khi Thanh tiến lại phía nàng, chàng tươi cười:" Anh xin lỗi!... Để anh lau cho em..." Ngọc chờ đợi giây phút này đã lâu, nàng cứ để yên cho anh lau tóc nàng, lau mặt nàng... Khuôn mặt anh từ từ sát lại. Ngọc nhắm mắt tận

hưởng hạnh phúc anh trao qua chiếc hôn nóng bỏng và dài tưởng như bất tận, nàng sung sướng muốn nghẹt thở và ôm chặt lấy anh.
Ôi bàn tay anh tham lam quá! Ngọc oằn người, Thanh hôn nàng như mưa:" Mình lên bờ đi..." - " Đừng anh...!" Thanh cương quyết:" Lên bờ đi". Rồi nhấc bổng nàng lên.
Ngọc giật mình mở mắt thì thấy trời vừa hửng sáng, cùng lúc Mỹ cũng choàng tỉnh. Họ thẹn thùng nhìn ngực nhau khi thấy cả hai cùng cởi toang cả cúc áo. Mỹ quay mặt đi:" Xin lỗi chị...Em mơ..."
Ngọc ngẩn ngơ. "Mơ à? Tiếc thật! Tưởng Thanh, ai dè Mỹ! Mà sao Mỹ cũng..." Ngọc cài lại cúc áo mình, định nói:" Chị cũng mơ" nhưng rồi giấu bặt. Nàng thắc mắc:" Em mơ làm sao?" Mỹ thành thực:" Mơ thấy...anh Thanh..." Ngọc run rẩy:" Sao?..." Mỹ vô tình kể tiếp:" Ảnh cứ...cứ..." Ngọc ngước lên hỏi nhanh:" Hai người yêu nhau hả?" Mỹ đỏ mặt bẽn lẽn:" Chưa...Mà...Sao chị biết?" - " Ờ... đoán vậy". Mỹ ôm ngực mỉm cười:" Ảnh mới bồng em lên bờ thì em tỉnh dậy... Ai dè lại là chị".
Ngọc quên cả ghen, nàng lẩm bẩm:" Lạ thiệt!? Sao lại mơ giống nhau?"
Vừa lúc ấy có tiếng gà rừng toang toác kêu vang, rồi tiếng đập cánh xao xác một mé rừng. Mỹ giật mình:" Có ai...?" Ngọc gật đầu nhìn quanh. " Coi chừng anh Thanh..." Hai cô vớ vội lấy hai khẩu súng AK để dưới lườn ghe, Ngọc hấp tấp:" Lên bờ đi. Cứ để ghe đó... Mình kiếm chỗ núp đã."
Mỹ chạy trước mới được mươi bước thì bỗng vấp phải một lon đồ hộp, nàng cúi xuống nhặt lên:" Trời! Bọn chúng vừa ở đây đêm qua!" Ngọc giật mình dừng lại, nàng cũng vừa nhận ra những cành củi đã tàn:" Đúng rồi! May là mình bị lạc. Nếu đến sớm trước khi bọn chúng rút thì..." - nàng ôm ngực - " Thanh!?" Mỹ cũng lo lắng:" Hổng biết có *****ng tụi nó ko?"
Ngọc nghĩ đến giấc mơ đêm qua mà rùng mình! Nàng nói để tự trấn an:" Chắc ko đâu...Nếu có mình đã nghe thấy tiếng súng bắn nhau."
Khi hai người đã phục kín trong một gò mối cách ghe chừng độ 50 mét, Ngọc nói với Mỹ:" Chưa chắc bọn chúng đã càn..." Mỹ gật đầu:" Dám tụi biệt kích? Em lo quá chị à..." Ngọc nghiến răng và siết chặt tay súng:" Nếu biệt kích mình sẽ t**** nó".
" Chị nằm đây nghen..." Mỹ vừa nói vừa nhỏm dậy, nàng chạy lại phía cây si già phía trái và thoăn thoắt leo lên...
Trên cao, nàng nhìn về chỗ giấu ghe và quan sát chung quanh, thấy vẫn lặng yên. Mỹ định tuột xuống thì bỗng thấy từ xa một chiếc ba lá - trên có hai người đàn ông mặc áo đen - đang từ từ theo con nước xuôi vào...
Mỹ nín thở, nàng căng mắt theo dõi, thấy rõ người ngồi phía sau móc trong bị cói ra một khẩu súng ngắn rồi giấu vào bụng. Mỹ vội ra dấu cho Ngọc rồi từ từ tụt xuống, nàng ghé tai Ngọc:" Biệt kích!"
Mắt Ngọc sáng lên, nàng nhẹ nhàng lên đạn.
Chiếc ba lá càng lúc càng tiến lại gần tầm bắn.
Ngọc bảo Mỹ:" Em bắn thằng phía sau..."
Hai tiếng súng nổ vang lên gần như cùng một lúc, một tên ngã ngửa trên ghe , tên kia hoảng hốt phóng ào xuống lạch, nhưng những phát đạn chính xác tiếp theo làm hắn quằn quại và lật úp người dưới nước.
Khi Mỹ chống mạnh chèo vào bờ để đẩy ghe ra thì bỗng một cái xác nổi bềnh lên! Hai cô gái thảng thốt ôm chầm lấy nhau:" Trời ơi! Anh Thanh!"
Thì ra đêm qua trời tối quá khiến hai cô ko thấy, khi ép ghe vào vô tình ép xác Thanh sát bờ lạch và họ đã nằm ngủ trên anh chỉ cách một tấm ván.
Mỹ và Ngọc nhớ lại giấc mơ đêm qua mà rùng mình! Rồi ko ai bảo ai, họ cùng lội xuống ôm xác Thanh khóc nức nở.
Sau đó họ khiêng anh lên bờ và đặt nằm lên cỏ.
Mỹ như người điên, nàng vừa lau khô cho anh vừa lảm nhảm:" Anh cứu tụi em mà... Anh dẫn tụi em đi lạc...Anh còn gọi tụi em dậy trước khi chúng tới..."
Ngọc yên lặng, mặc cho dòng nước mắt tha hồ chảy. Rồi nàng đi quanh gom những cành khô, mang lại đốt hơ cho anh, khói ấm cứ cuộn lại ko bay lên nổi. Máu ở miệng Thanh ứa ra, Ngọc xé tay áo lau đi, nàng muốn hôn anh lần cuối nhưng chợt rùng mình khi thấy khóe miệng ấy hình như đang cười. *10-93*

Trái tim con rắn (Nguyễn Đông Thức)

Ịch ình, ịch ình, ịch ình...
Thuật nín thở, lắng nghẹ Nín thở, nhưng ông vẫn nghe thấy nó đang đập ở đâu đó trong người mình ồn ào, hối hả.

Ịch ình, ịch ình, ịch ình...

Càng nín thở, tiếng đập nghe càng rền rĩ. Bên cạnh Thuật, Trinh đã ngủ say, vẫn kiểu ngủ nằm sấp "thấy ghét", nhưng hôm nay Thuật đành bất lực nằm nhìn.

Ịch ình, ịch ình, ịch ình...

Vẫn nín thở, Thuật đè chặt bàn tay lên ngực trái

Lồng ngực ông lặng thinh. Vậy thì cái gì đang đập, nếu không phải là nó, trái tim con rắn mà ông đã nuốt sống hồi chiều

Lưỡi dao phập xuống, cái đầu con rắn bị đóng đinh xuống mặt thớt nằm lại với hai con mắt trợn trừng. Thân hình vặn vẹo những co giật cuối cùng trong đôi tay của lão nhà bếp, phun những tia máu đỏ tươi xuống chiếc phễu cắm vào cổ chai rượu thuốc. Mũi dao nhọn rạch một đường nhỏ điệu nghệ, và ngón tay thành thạo thọc vào moi ra một quả tim nhỏ bằng ngón tay, còn thoi thóp thở. Nó dường như vẫn còn co bóp, khi đã yên vị trong chiếc ly nhỏ. Người ta đổ rượu thuốc đã trộn đều với máu vào ngập miệng ly Đó sẽ là ly rượu bắt đầu cho buổi tiệc, và theo thông lệ, luôn được dành cho nhân vật quan trọng nhất.

Hôm nay, đó là Thuật.

Với Thuật, trái tim rắn ấy phải kể ở đơn vị hàng chục. Ngay từ trái tim đầu tiên được thưởng thức, thường thì mọi người đều cảm thấy cái gì đó nhờn nhợn, nuốt vội cho trôi, thậm chí còn có người từ chối cái quyền.tiên chỉ. (ưu tiên), Thuật đã chứng tỏ sự lì lợm khác người của mình: Ông thò hai ngón tay vào ly rượu, nhón lấy trái tim rắn và cho vào miệng nhai chóp chép ngon lành, rồi mới chiêu cạn ly rượu để đưa tiễn nó vào dạ dày mình. Đặt ly xuống, Thuật há miệng cười, khoe hàm răng còn lem nhem máu Hành động đó được tái lập từ trái tim thứu hai trở đi, và đã làm sáng thêm cái danh.chịu chơi của Thuật.

Nhưng chiều nay...

Thuật đã có cảm giác là lạ lúc kẹp lấy nó ở đáy ly Dường như nó quẫy nhẹ như muốn tuột khỏi tay ông. Cảm giác chưa từng có ấy thoáng qua rất mau, và Thuật cho rằng có lẽ vì hai độ nhậu dữ dằn ở hai điểm khác kéo dài từ mười giờ sáng cho đến giờ, đã làm ông run tay Nhưng vừa cho nó vào miệng, thì rõ ràng nó lăn lên lưỡi của ông và tuột vào yết hầu, rồi dường như dừng lại ở thực quản. Ngay lúc đó, ông đã nghẹn thở mất mấy giây Ly rượu tống tiễn nó vẫn không làm ông thấy cổ họng mình thông suốt, như có gì cứ nghèn nghẹn trong đó.

- Ủa sao anh Hai không nhai nó? Một tên đàn em vọt miệng hỏi

Thuật trấn tĩnh rất nhanh, giả lả:

Thôi mày, cho lẹ đặng nhậu cho rồi Dô đi!

Bữa tiệc hào hứng với đám chiến hữu thân thiết và các em nhân viên mặc quần sọc, áo thun lỗ tận tình phục vụ, đã làm Thuật quên ngay cảm giác khác thường ấy Cái quán này vốn có biệt tài đó. Vào đến đây, chuyện quốc gia trọng đại gì nữa, người ta cũng quên hết, nói chi đến cái chuyện cỏn con không nhai được tim rắn! Em nào cũng thơm như múi mít, ngồi sát rạt trong vòng tay, nân từng ly bia, đút từng miếng mồi cho mình, còn hai tay mình thì cứ tự do như chưa bao giờ được tự do như vậy Rồi kết thúc bữa tiệc, anh thích thì em chiều, phòng riêng tại chỗ, có máy lạnh, giường đệm... Hố hố, có thằng chó nào mà chẳng mê tít mắt!

Thuật thường kết thúc hành trình một ngày nhậu của mình tại cái quán hẻo lánh này, chính là vì vậy Để cho đầu óc nó thoải mái, đặng hôm sau mới làm việc tốt được. Chiêu đãi người ta nhân vừa "trúng" lớn, Thuật cũng dẫn lên đây Mà được trả ơn, Thuật cũng gợi ý đến điểm "vui vẻ" này Ai theo Thuật đến lần đầu, sau đó thảy đều giơ một ngón tay cái: Ông anh đúng là số một! Ngay chính vợ Thuật, Thuật cũng đã đưa lên đây Từ lâu bà đã sợ Thuật như sợ cọp, vậy mà gần đây, chịu hết nổi, dám sinh chuyện cự nự:

Ông đi đâu mà đi hoài, đêm nào cũng một hai giờ sáng mới về? Vừa vừa thôi, ít ra ông cũng phải tôn trọng tôi phần nào chớ! Rồi uy tín làm việc của ông nữa Cái ghế ông ngồi không phải là muôn đời đâu

Lúc đó là năm sáu giờ chiều, Thuật ghé về nhà tắm rửa và thay quần áo lịch sự, ngồi chờ một thằng bạn đến kéo đi "tham quan" nhà hàng nổi một lần cho biết. Cú điện thoại hẹn lại giờ chót của thằng bạn, cộng với lời cằn nhằn của vợ con, bất ngờ làm Thuật nổi điên. Ông kéo tay vợ ra xe:

Bà muốn biết tôi thường đi đâu phải không? Được rồi xin mời bà đi theo tôi!

Ban đầu, các em thấy Thuật đi với vợ, chỉ dám thập thò sau quầy ngó rạ Thuật ngang nhiên gọi một lúc sáu em ra ngồi cùng bàn, ôm hôn mỗi em một cái ngay trước mặt vợ. Bà chủ quán đi ra, chào Thuật bằng kiểu chào thường lệ; đứng sau lưng, đặt hai bàn tay lên vai Thuật, cúi xuống cọ má với Thuật. Vợ Thuật xanh mét cả mặt mày, muốn ngất xỉu Thuật rút tiền bo cho mấy em, rồi đuổi hết cả đám đi, xong mới nói với vợ:

Bà thấy chưa, ở đây chúng nó đẹp như vầy, trẻ như vầy còn bà già còm, lép kẹp như vậy, có biết mắc cỡ hay không mà đi ghen với tụi nó? Biết điều thì cứ ngậm miệng, mỗi tháng tôi phát tiền cho dư xài Tôi còn ở với bà là phúc đức lắm rồi Lộn xộn tôi dẹp luôn, cho treo mỏ cả lũ. Còn cái ghế tôi ngồi

hả? Chắc hay không thì tôi tự biết, nhưng bà ráng mà cúng bái hàng ngày cho nó. Nghe chưả

Thuật điềm nhiên ngồi ăn cho hết bữa, trong lúc bà vợ chạy ra ngoài vường nôn thốc nôn tháo những miếng ăn vừa nuốt. Lần "giáo dục" kiểu đó đã có hiệu quả thấy rõ. Một tuần sau, vợ Thuật đến cơ quan tìm ông giữa trưạ Cửa phòng giám đốc chỉ đóng chứ không có khóa, vì đố thằng nào dám gnang nhiên bước vào! Thuật và một cô nhân viên đang ôm nhau trên chiếc đi văng dành cho giám đốc nghỉ trưạ Thấy vợ Thuật, cô gái sợ hã toan vùng dậy Thuật ghì cô ta lại, nói cứ bình tĩnh, không việc gì phải sợ. Rồi ông quay qua đuổi vợ về, mắng vợ là bất lịch sự, vào phòng không biết gõ cửạ Vợ Thuật chỉ nói được một câu: "Rồi trời sẽ tru đất sẽ diệt ông!", rồi run lập cập đi rạ Thuật cười hô hố.

Bữa tiệc vẫn tiến hành náo nhiệt, mới đó mà đã qua thùng bia thứ bạ Hai tay Thuật giang ra ôm hai cộ Miệng Thuật thỉnh htoảng há ra để ực bia, để táp mồi, để cười khùng khục, để quay qua quay lại hôn hít trên mấy cái má hồng mịn màng thơm phức. Cứ mỗi lần đến đây Thuật lại có cảm giác mình đang làm vuạ Có đêm, Thuật kéo luôn năm em vào một phòng, quần nhau cho tới sáng. "Nhất dạ đế vương" cũng sướng đến đó là cùng! Hôm nay là ngày Thuật trúng lớn, vừa đẩy được mấy tấn nguyên liệu còn tốt mà Thuật chạy được quy thành phế liệu, nhậu hết cái nhà hàng này còn được, nói gì đến cái bàn tiệc chục thằng này Dzô đi, dzô nữa đi! Còn bao nhiêu bia, nhà hàng cứ đem hết ra, cho tụi này tắm bia một bữa nhớ đời! Thằng Thuật này đã từng chi ba triệu cho một bữa tiệc ở đây, bằng lương một tháng của cả văn phòng xí nghiệp cơ mà! Tên kế toán trưởng hơi chợn, nhắc Thuật nên giữ lại một tấn cho bọn công nhân có việc làm, chứ hổm rày chúng nghỉ việc ăn 70 phần trăm lương, kêu trời như bọng rồi! Thuật trợn mắt, nói đồ ngu, ai có phần nấy Người nào đã chịu nhiều gian khổ, sống chết, thì bây giờ phải được hưởng. Còn số thằng nào mạt thì ráng mà chịu Đời này, ai ăn được thì cứ ăn. Đã chấp nhận cuộc chơi mà còn bày đặt chuyện lương tâm!

Nỗi lo gợn lên, vào đúng lúc Thuật kê miệng húp chén cháo rắn được em Trinh bưng lên mời Giữa ngực ông bất chợt nhói một cái đau đến nín thở. Kẹt cả hai tay, Thuật lắc đầu dùng cằm đẩy chén cháo rạ Cái gì mà đau như vậỷ Thuật đổ mồ hôi khi cảm nhận dường như nó đang cựa quậy Nãy giờ, bao nhiêu là bia là mồi tống xuống, vậy mà nó vẫn kẹt lại ở khoảng giữa ngực saỏ Thuật bỗng thấy nhợn nhạo trong họng. Ông cố trấn tĩnh, từ từ đứng dậy, gạt hai em, bước ra vườn. Đến sau một gốc cây khuất, ông đưa mấy ngón tay vào miệng, móc họng cho ói ra hết những gì vừa ăn uống. Đó là một động tác quen thuộc mỗi khi Thuật muốn hồi phục để có thể ngồi tiếp tục chiến đấu trong những độ nhậu kéo dài Nhưng lần này không phải do ông thấy mệt, mà là để tống cái của nợ đáng sợ kiạ

Hoàn toàn yên tâm, Thuật bước vào bàn nhậu đầy khí thế trở lại Mọi việc tiếp tục diễn biến bình thường. thuật nói nhỏ vào tai Trinh, tối nay, anh chọn em làm hoàng hậu đó nghẹ Trinh giả bộ trợn mắt, rụt vai, lè lưỡi Cái lưỡi hồng dẻo quẹo đầy hứa hẹn, vậy mà làm Thuật liên tưởng đến cái lưỡi thở phì phì giận dữ của con rắn khi nãy, lúc nó đang bị lão đầu bếp lôi vào trò đùa trước khi chết.

Cái nhói đau thứ hai xảy ra khi Thuật đã nằm trên giường, nhìn Trinh đang uốn éo cởi quần áo dưới ánh đèn hồng. Ông thánh cũng phải chào thua trước thân hình tuyệt mỹ của cô gái được phong làm hoa hậu ở quán này, vậy mà Thuật vẫn nằm yên, tay đè lên ngực. Máy lạnh chạy rì rì mà mồ hôi Thuật vẫn vã ra, ướt cả mặt đệm.

Ịch ình, ịch ình, ịch ình...

Đó là lần đầu tiên trong đời, Thuật nghe thấy những âm thanh quái đản ấy Nó dội lên trên đỉnh đầu, rồi cứ thế bục rạ

Ịch ình, ịch ình, ịch ình...

Rồi Thuật nhìn xuống bụng, chợt ré lên một tiếng, lồm cồm ngồi dậy Ông vừa trông thấy đầu con rắn quặc qua quặc lại giữa hai đùi mình. Thuật đưa tay bật đèn nê- Ông, lúc đó con rắn biến mất. Ông nhìn quanh quất. Còn Trinh thì co rúm người, nhìn ông bằng con mắt sợ hãị

Gì vậy anh?

Ịch ình, ịch ình, ịch ình...

Thuật thở dài, tắt đèn, ôm lấy Trinh:

Không có gì.

Khoảng vài phút sau, Thuật thở dài, xô Trinh ra, nằm vật xuống.

Thôi, hôm nay cho em nghỉ. Ngủ đị

Trinh nằm xuống bên Thuật, và chỉ vài phút sau, cô đã ngủ ngon lành. Trong khi đó, tiếng đập ồn ào trong ngực Thuật vẫn cứ vang lên đều đặn.

Ịch ình, ịch ình, ịch ình...

Ở chỗ giữa ngực ông, có cái gì đó chư nhô lên thụt xuống. Thuật úp hai bàn tay đè mạnh lên chỗ đó. Nó vẫn cứ phập phồng dưới tay ông.

Ịch ình, ịch ình, ịch ình...

Thở hổn hể, Thuật ngồi bật dậy, kinh hoàng khi nhìn rất rõ giữa ngực mình nổi hằn lên một khối u nhỏ. Thật nhanh, Thuật chộp lấy nó, nghiến răng bóp mạnh. Ông cảm thấy như nó đang vỡ ra bên trong lồng ngực mình. Một cảm giác đau chết người ập đến. Thuật lăn ra giường cố gắng lết đến bên Trinh, ông cố gắng vươn tay ra định chạm vào người Trinh để gọi cô dậy nhưng đã kiệt sức...

Sáng hôm sau, Trinh thức dậy thấy Thuật đã chết cứng đơ từ hồi nào Khi đem xác của Thuật đến bác sĩ pháp y thử nghiệm thì các bác sĩ đều kết luận rằng Thuật chết vì nhồi máu cơ tim (heart attact). Ngực ông bị tím bầm, nổi hằn những vệt móng tay của chính ông cào cấu

Nhưng khi giải phẫu tử thi, mọi người chứng kiến đều rởn tóc gáy khi thấy ở giữa lồng ngực trái tim của Thuật là một trái tim nhỏ xíu, chỉ bằng đầu ngón tay, đã bị bóp bể ra làm hai.

Người cùng phố (Nguyễn Anh Thư) (xem file PDF)
Đỏ (Nguyễn hữu Hồng Minh) (xem file PDF)

Xác chết trả thù (Ngô Tự Lập)

Mùa hè năm 1987, Nguyễn Văn Hãn, tức Hãn Râu, một con sói biển già hãnh tiến, thuyền trưởng chiếc "TC-9071" chín trăm ngựa, hai giò(1), đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng khi quyết định chạy vào tránh bão ở cửa Hoàng Long, vùng nước mênh mông, quanh năm hoang vắng, với những đám rong trôi nổi dễ đánh lừa cảm giác và vô số bãi cát ngầm di động, khiến cho việc quay trở hết sức khó khăn, nguy hiểm. "TC-9071" đã vật lộn, cày, dũi suốt một đêm ròng mới ra được, nhưng đành chịu mất neo chính và bị sợi dây nilông phi ba mươi(2) quấn chặt vào giò bên phải.

Những cuộc cãi cọ đỗ lỗi cho nhau kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Cuối cùng Hãn Râu cảm thấy xấu hổ về nghề nghiệp, hơn nữa cũng lo ngại những hậu quả xấu khi trở về, ra lệnh quay lại Vụng Giải, hy vọng sẽ xử lý xong xuôi mọi chuyện mà không gặp phải người quen trong giới tàu bè.

Chiếc tàu một giò(3) lặc lè lết đi. Hai bên, những đảo đá lô nhô, xám xịt gieo vào lòng người cảm giác u sầu và bứt rứt.

Vụng Giải nằm cách luồng chạy tàu chừng năm hải lý về phía bờ, bốn bề vách đá cao vút, nước trong vắt, lạnh lẽo rợn người. Tàu bè lớn ít khi ghé vào đây, chỉ có dân đào ngán hay chèo thuyền qua để đi tắt sang Lạch Tỉnh.

Giữa trưa, "TC-9071" thả neo mũi, tắt máy, nhưng không một ai dám yên tâm. Chiếc neo phụ quá nhẹ, lại đã cũ mèm, chẳng lấy gì làm chắc chắn.

Dân sông nước ngán nhất công việc lặn gỡ dây neo quấn chân vịt. ở đây có một lý do bí hiểm nào đó không ai giải thích nổi. Hình như càng những tay bơi lội như rái cá càng hay gặp nạn.

Đã là thuyền trưởng, cho dù là thuyền trưởng tàu chiến, đố anh nào dám đùa cợt với tử thần. Hãn Râu cho giết gà, cầu khấn cẩn thận, sau đó hạ lệnh chuẩn bị đồ lặn. Gọi là đồ lặn, nhưng thực ra chỉ có một cuộn dây mồi, mấy cái áo phao dự trữ và con dao nhọn dùng để cắt dây.

Toàn tầu tập trung sau lái, nhìn xuống nước trong bầu im lặng căng thẳng. Gió nhẹ, biển bình yên một cách đáng ngờ.

Mặt cau có, Hãn Râu đi lại như giẫm vào tổ kiến. Tấm lưng gấu lực lưỡng cúi gập hẳn xuống.

- Một chỉ, ai dám nhận không? - Giọng Hãn Râu vang to và bình thản, vẻ bình thản của người không còn đủ tự tin.

Cuộc mặc cả mang dáng dấp của sự ve vãn. Hãn Râu tăng phần thưởng lên hai chỉ, sau đó lại kèm thêm mười lăm ngày phép. Dĩ nhiên ai cũng biết rằng thuyền trưởng không có quyền cho lính nghỉ phép, nhưng Hãn Râu vẫn quen hành động như vậy, còn vàng thì chỉ có người trên tàu mới biết ở đâu ra.

Thuỷ thủ là những người thận trọng, nhưng bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng liều lĩnh, nếu như sự liều lĩnh ấy được trả giá xứng đáng. Không khí dễ thở hơn, vài người, toàn những thằng trẻ tuổi, giơ tay xin lặn.

Đúng là người ta ở đời sống chết có số cả. Hãn Râu đã chỉ định Thiều Méo, nhưng thằng báo vụ quê Thái Lọ ấy chưa kịp cởi quần áo thì Hải Bần sầm sầm từ khoang máy chạy lên.

- Để tui lặn cho, anh Hãn hề! - Hải Bần nằn nì bằng thứ tiếng Nghệ An chưa hề pha tạp.

Sau này ai nấy nhớ lại, giọng thằng Hải nghe lạ hoắc, còn hôm đó tất cả đứng như hóa đá.

Hải Bần là lính cơ điện, mới mười chín tuổi, vốn dân miền biển, thấp bé nhưng rắn chắc, suốt ngày cởi trần, da đen như tắm nước la canh(1) vừa cưới vợ chưa đầy hai tháng. Có thể ai đó bị hai chỉ vàng hấp dẫn, nhưng Hải Bần thì lại khác. Hắn chỉ nghĩ đến mười lăm ngày phép mà thôi.

Hải Bần không đợi thuyền trưởng đồng ý, xăm xăm

tiến lại gần đống đồ lặn, vội vã buộc sợi dây mỗi ngang lưng, cầm dao, trèo qua lan can.
Nhưng vòng tròn mờ đi rất nhanh, chỉ còn lại từng đám bọt trắng nổi lên và vỡ tan trên sóng.
Mọi người bắt đầu thấy rằng chọn Hải Bần là đúng đắn - Rõ ràng, có thể qua mặt cả Hãn Râu. Hai phút, rồi ba phút trôi qua mà Hải Bần vẫn chưa chịu ngoi lên.
Nhưng đến phút thứ năm thì một nỗi kinh hoàng bao trùm lấy toàn tàu.
- Kéo lên! - Hãn Râu ra lệnh.
Hai thằng bảo hiểm vội vàng giật mạnh sợi dây mồi. Nhưng sợi dây nhẹ bỗng.
Không ai kịp hiểu ra điều gì xảy ra. Lần thứ hai họ như hoá đá. Đột nhiên có ai đó kêu lên:
- Thằng Hải bị rồi!...
Thuyền trưởng như sực tỉnh.
- Tất cả!... chúng mày... nhảy xuống!... - Hãn Râu hét lạc giọng, chẳng theo một nghi thức mệnh lệnh gì.
Cử động của mọi người chậm chạp. Tiếng nước bắn toé lên xung quanh tàu ung oang dường như không thật. Cả thế gian này - trong đó có chiếc tàu, mấy chục con người và hành động ngụp lặn của họ - cũng vậy, dường như chỉ là hư ảo.
Sự hư ảo ấy kéo dài hai tiếng đồng hồ, (cả thời gian có thể cũng là hư ảo nốt), nhưng kết quả thì hoàn toàn chân thực: thằng Hải đã biến mất.
Thằng Hải biến đi đâu? Nước lặng, dòng chảy không có, mà họ đã lặn ngụp từng ấy thời gian.
Ba giờ liền sau đó họ vẫn thay nhau ngụp lặn, nhưng không phải để cứu mà tìm xác kẻ xấu số. Vài người nói rằng họ thoáng thấy bóng cá mập lớn vởn gần tàu. Có lẽ đó là lời giải thích?
Trên boong, người ta bắt đầu nhắc lại vẻ khang khác của Hải Bần. Hình như nó đã linh cảm thấy ngày tận số của m ình, hình như nó khóc khi nhắc đến con vợ mười sáu tuổi làm nghề muối cá ở quê nhà.
Trời đã về chiều. Dân đào ngán(1) lác đác từ Lạch Tỉnh trở về, Hãn Râu vẫy một chiếc thuyền.
Chủ thuyền cao lớn, râu bạc trắng, tay dài như tay vượn, mặc quần rộng ống bằng vải thô nhuộm chàm. Trên bộ ngực để trần vô số những vết sẹo phồng rộp, chồng chéo lên nhau như một bầy đỉa bám vào hình hai con cá mập xăm bằng những đường xanh mờ, đứt đoạn - kiểu xăm của dân chài vùng Cái Hống. Đầu ông già trọc lốc, bị rạch đôi bởi một vết sẹo bóng như xác rắn, chạy dài gần tới mang tai(2).
- Lâu chưa? - Ông già hỏi sau khi nghe thủng đầu đuôi câu chuyện.
- Năm tiếng rồi - Hãn Râu đáp.
- Các chú định trả bao nhiêu?
- Năm xách(3).
- Được rồi, bỏ lên thuyền đi.
Hãn Râu sai hai thằng lính boong đi lấy năm xách dầu, đem ra trút xuống lòng thuyền.
Ông già ngồi xuống boong, móc thuốc trong túi, nắm tay lại làm tẩu, lặng lẽ hút và theo dõi, sau đó gọi xuống thuyền:
- Thắm, đưa ông cái túi, con!
Hoá ra trên tàu còn có người nữa. Một đứa bé gái khoảng mười một tuổi, gầy nhom chui ra, đứng dạng háng ở mũi thuyền, đưa cho ông già cái túi nhỏ bằng lụa cáu bẩn, đã sờn, rồi lại chui vào.
Bàn tay to lớn, sần sùi của ông già run run lần mở sợi dây gai đen xỉn buộc miệng túi, lấy ra một mảnh xương nham nhở. xỏ vào một sợi dây vừa tháo, đeo lên ngực.
- Cầm lấy, con! - Ông già lại gọi.
Cũng như lúc nãy đứa bé lẳng lặng chui ra, dường như bị câm, cầm lấy túi và ngay tức khắc biến mất vào mũi thuyền.
Ông già cởi quần dài.
- ùm!...
Cùng với tiếng động, nước bắn lên tận boong tàu. Ông già biến mất dưới làn nước đang chuyển dần sang màu ghi sẫm.
Chưa được một phút, ông già đã ngoi lên, bám vào đệm va (1), miệng lầm rầm những câu gì đó không ai nghe rõ. Đột ngột, ông ngẩng lên:
- Các chú có ai phạm trọng tội không?
Không ai nhúc nhích.
Các chú có ai giết người không? - Ông già hỏi lại và đưa mắt nhìn những người đứng trên boong.
Nhận thấy ai nấy đều im lặng cảnh giác, ông chậm rãi giải thích: - Vụng Giải là chỗ nước dữ, từ lâu nổi tiếng linh thiêng. Các chú tìm xác người chết trôi mà không biết đường khấn vái thì đến Tết! Người chết trôi bao giờ cũng nằm sấp, nhưng nếu được khấn thì tức khắc lật ngửa. Lúc đó ai phạm tội giết người sẽ hộc máu tươi mà chết!
Giọng ông gia bình thản nhưng xa xăm lạnh lẽo. Mọi người đều rùng mình, nhưng vẫn không ai mở miệng.
- Rồi! - Ông già nói và leo lên boong, mặc quần dài.
Tất cả những gì ông già làm sau đó đều bí hiểm - cả

những câu thần chú, cả giọng nói trầm trầm khi to khi nhỏ, cả động tác chậm chạp như trong mộng.
- Lên ngay bây giờ đây!
Quả thật, phía xa xa một khối đen đang từ từ nổi lên cùng với những đám bọt nước màu gạch cua sôi sùng sục. Mọi người nhất loạt kêu lên, nhưng đó là kêu không thành tiếng.
Cái xác chết nằm sấp, bập bềnh trôi lại gần tàu. Trên boong lặng như tờ. Không ai để ý thấy rằng bầu trời đang sẫm dần và gió đông nam mỗi lúc một mạnh thêm.
Thằng Hải kìa! Tấm lưng đen thui của nó đã bắt đầu bợt nước. Đột nhiên cái xác dừng lại, khe khẽ xoay rồi lật ngửa.
Một tiếng rú khủng khiếp, không rõ của ai. Mấy chục con người ngã vật ra boong tàu.
+
Một trận gió bất ngờ ném chiếc tàu "TC-9071" vào vách đá và nó vĩnh viễn nằm lại trong lòng biển. Không ai biết ông già đào ngán đi đâu. Còn những người trên tàu, trước khi chết không ai kịp thú nhận rằng họ đã lặn ngụp một cách hoàn toàn hình thức, rằng chuyện gặp cá mập cũng chỉ là bịa đặt mà thôi.
(Bắc Ninh 04/06/1991)

Mùa đại bàng (Ngô Tự Lập) (xem file PDF)
Hồn Trúc (Nguyễn Văn Thông) (xem file PDF)

Vũ Phương Đề

CỌP BÁO SỐ MỆNH CHO NGƯỜI

Khoảng năm Canh Thân, Tân Dậu, ngoài biên giới có tin cấp báo, nhất là tỉnh Hưng Hóa thì giặc cướp nổi dậy như ong, phương dân đều bị tàn hại. Lúc ấy, triều đình phái quan lên tiễu. Trong số quan quân có một thư sinh quê ở tỉnh Sơn Tây cũng đem 20 gia nhân theo quan bổn tỉnh đi tiễu. Khi tiến lên đến địa phận Hưng Hóa thì giặc đã chạy trốn hết. Nhân lúc đêm khuya thanh thản, thư sinh đem sách ra coi, bỗng thấy một con chuột từ ngoài chạy vào, miệng nó công một cành lá phủ lên trên mặt một tên gia đinh, giữa lúc tên ấy ngủ say mà tên ấy không biết gì cả. Sinh bèn đứng dậy xua đuổi con chuột, rồi nhặt cành lá ném đi, chẳng ngờ sau khi ném xong, vừa mới quay lại chỗ ngồi, thì nó lại công ngay cành lá ấy phủ lên như trước. Sinh lấy làm lạ, đứng phắt ngay dậy, cầm lấy cành lá bẻ vụn rồi đem quăng ra ngoài sân, nhưng rồi nó lại công nắm lá vụn ấy phủ lên như mấy lần trước. Bấy giờ Sinh mới nghĩ ngợi: hay là có sự chi đây, nên con chuột kia mới làm ba lần như vậy để báo trước cho ta điềm dữ cũng chưa biết chừng.

Thế rồi sáng hôm sau, Sinh gọi gia đinh ấy đến trước bảo cho y biết: hiện nay thế giặc cũng đã tạm yên, vậy chú hãy trở về quê thăm nhà, rồi mấy tháng sau lên đây với tôi cũng được.

Gia đinh thấy vậy hỏi lại: Con đây được ông tin cẩn từ trước đến giờ, sai bảo điều gì cũng không hề dám bỏ giở. Thế mà ngày nay ông lại cho con về trước là cớ làm sao?"

Sinh đáp: "Ta đây được chú giúp đỡ cũng ví như chân với tay, có lẽ nào chẳng muốn để chú ở lại giúp đỡ công việc, chỉ vì đêm qua thấy chuột công lá phủ mặt chú đến mấy lần, cho nên ta thấy áy náy, vậy chú hãy cứ tạm về xem sao, chứ không phải là ta đây có ý ruồng rẫy mà ngại".

Gia đinh nghe xong biết rằng chủ không muốn giữ lại nữa. Chú bèn cáo biệt lên đường chỉ đem theo có một mũi dọa để tự vệ. Anh ta đi suốt từ sáng đến chiều vẫn được bình an vô sự. Nhưng khi đến chỗ ngã ba thì lại quên bẵng không biết rõ theo lối nào, may sao gặp một lão bà đi qua, hỏi thăm thì mụ chỉ ra một con đường cái phía trước rồi bảo: " Ông cứ theo đó mà đi rất mau, hết một trống canh thì mới đến được nơi có quán trọ, nếu không thì sẽ lạc vào thâm sơn cùng cốc, chẳng có lối ra đó".

Chú gia đinh ghi rõ những lời mụ chỉ bảo, tất tưởi đi ngay, nhưng vì đường núi nhiều ngả quanh co, nên chú lạc vào rừng sâu; lần mò đi đến một chỗ, thấy đống xương trắng lù lù, hôi thúi xông lên không thể chịu nổi. Muốn quay trở lại thì mặt trời đã lặn, núi rừng đang chìm đắm trong cõi âm u, tiến thoái thảy đều vô lộ. Nhìn sang bên cạnh thấy có cột cây Hám lãm (cây trám to đến mấy quầng, cao hơn ba trượng), chú bèn trèo lên rồi bắt khom cành lại che kín chỗ ngồi, tạm tính kế an toàn một đêm rồi mai sẽ liệu.

Chẳng ngờ hôm sau trời vừa tảng sáng, bỗng thấy một con hổ lớn, sắc vàng, đầu trắng, sồng sộc nhảy vào. Trên lưng nó có cõng một người đem quăng vào giữa đống xương đó, rồi quay ra để dùng miếng võ đà đao, bất thần quay lại vồ lấy người kia, tung lên ném xuống cả thảy ba lần; bấy giờ nó mới bắt đầu ăn thịt. Tiếng hổ nhai sồn sột như thể ta nhai miếng dưa; ăn xong thấy nó trút xác ra rồi gối đầu lên xác nằm ngủ, trông rõ là một ông lão, đầu tóc bạc phơ.

Lúc ấy chú gia đinh ngồi ở trên cây trông xuống thấy rõ như vậy thì rất hoảng sợ. Nhưng rồi chú lại nghĩ rằng: Cái điềm bất thường hôm trước đâu phía là sự ngẫu nhiên. Nếu ta ngồi mãi trên cây thì cũng chết đói chết khát, mà liều tụt xuống ắt cũng bị nó xé thây, tính mạng của mình khác gì treo trên một sợi tóc, biết tính sao đây?

Ngờ đâu giữa lúc nguy nan như thế thì chú bỗng nhớ ra được

một điều... Vì chú nghe nói: Giống hổ khi ăn thịt người thấy rất ngon ngọt tất nhiên là nó ngủ say, vậy ta phải nhân lúc nó ngủ say để thoát thân, họa may có thể tìm được cái sống ở trong cái chết, nếu không cũng chẳng còn cớ gì.

Tính toán xong chú bèn từ từ tuột xuống, khi tuột đến nửa thân cây, chú bẻ một cành ném xuống, thấy lão nằm yên. Chú mới đánh bạo tuột xuống gần đất, lấy một cành lớn quăng vào bên cạnh, thấy lão vẫn ngáy khò khò, bấy giờ chú mới tuột hẳn xuống đất tay cầm lưỡi dao lén đến tận nơi. Thế rồi từ từ nâng đầu lão dậy, rút lấy bộ lốt đem dấu trên trốc cành cây, kéo lá phủ kín xong rồi, chú thấy hăng hái tự nhủ rằng:

- Kìa như vợ của Thôi Thao ngày trước, bị giấu mất da mà cũng không hóa đi được. Huống chi ngày nay lão kia già khọm mà ta còn đương tráng kiện thế này, lại thêm trong tay có sẵn khí giới bén nhọn: thì lão làm gì nổi ta?" Nghĩ xong chú lại tự trên cây tuột xuống, tay hữu cầm vững đốc dao, tay tả chẹn lấy cổ họng rồi mới đánh thức lão dậy. Lão nhìn bộ lốt gối đầu thì lốt đã biến đâu mất, bây giờ lão mới hoảng sợ, run lên cầm cập; còn chú gia đinh thì lại can đảm lên thêm. Chú chỉ tay vào đống xương trắng quát hỏi: Mi đã hại bao tánh mạng. Tội ấy mi nghĩ thế nào"?

Lão đáp:"Mỗ đây vâng lệnh Thượng đế sai xuống, chẳng may một sớm sa cơ, tội đáng muôn chết. Nhưng nay kỳ hạn bị trích chưa xong, dẫu có phải hoá kiếp khác chăng nữa, thì cũng chỉ hóa ra cái thân này đó thôi".

Chú gia đinh hỏi: " Nếu quả thực là người bị trích xuống trần gian, sao không tìm các loài thú, mà lại đi ăn thịt người"?

Lão đáp: "Phàm người bị hại đều do thiên số, hoặc giả kiếp xưa mắc phải nghiệp chướng, hoặc do kiếp này làm nhiều tội ác thấu đến thiên đình, cho nên trời mới phó thác cho ta, như vậy cũng là ác giả ác báo".

Chú lại quát mắng: "Mi chỉ khéo mượn hai chữ thiên số, giết uổng bao người vô tội, hiện nay cái lốt của mi đã bị ta lấy mất rồi, mi còn khua môi múa mép, toan kiếm lời nói ngon ngọt để hòng thoát tội sao? Vả lại mi bảo: những người bị hại đều do thiên số, thì câu nói ấy có chi làm bằng?"

Lão đáp: "Nếu vậy xin ông nới tay một chút để cho dễ thở, rồi

tôi sẽ xin nói thực ông nghe. Rồi trong giây phút lão ói ra một cuốn sổ độ 7 trang giấy, chú bèn cầm lấy mở ra coi thử, thì thấy trong đó ghi rằng: Phủ huyện xã nào? Tên họ là gì? Năm, tháng, ngày, giờ nào sẽ bị hổ đảo v.v... Khi chú lần giở đến trang thứ 3 thì thấy có cả tên họ của mình, chỉ khác một điều là chỗ danh tính các người ở trên, đều thấy vết máu bôi lên mặt chữ, còn từ tên chú trở xuống thì vẫn để nguyên chữ mực, và lại hôm ấy còn thuộc tháng ba, mà trong ghi rõ đến tháng năm sẽ bị hổ đảo, bây giờ chú mới hoảng sợ, phải gọi lão bằng Tôn Ông để kêu xin tìm mưu giải cứu.

Lão đáp: "Ta đây với ông, hôm nay tình cờ hội ngộ cũng là bởi có tiền duyên, vậy ta có một phép này chưa chắc ra sao, nhưng ông hãy cứ làm thử, cắt máu năm đầu ngón tay đem phết vào lá, để ta liếm vào trong bụng, cho vết máu ấy thấm trước vào chỗ tính danh để cho Nam Tào trông thấy, tưởng rằng bị hổ đảo rồi, tất nhiên ông sẽ tránh khỏi tai nạn".

Chú gia đinh, nghe nói cả mừng, làm theo đúng như lời lão chỉ bảo. Lão bèn nuốt cuốn sổ đi rồi sau liếm những giọt máu ở lá, chỉ sau một lát lại ói cuốn sổ ra, thì thấy những chữ tên họ của chú đều có huyết tích hệt như danh tính các người đã bị hổ đảo ở trên. Lão vui mừng bảo chú: "Thôi thế là ông vô sự".

Chú gia đinh thấy việc của mình được thanh thản, nhân tiện chú lại cầm sổ mở xuống đến tờ thứ năm thì thấy có cả tên người em ruột, dưới có ghi rằng sẽ bị hổ đảo vào đúng giờ Tý ngày 14 tháng tám năm nay. Thấy vậy chú lại cầu cứu với lão. Lão bảo: tiếc rằng người ấy không có ở đây, thì cũng khó cứu. Vả lại thiên số đã sắp đặt sẵn mà mình đã làm man trá một lần, e rằng đến lần thứ hai vị tất đã được.

Thôi thì ông cứ trở về làm theo đúng phương pháp trên, phải kết một hình nhân, rồi lấy áo quần của người ấy, mặc vào cho nó, đợi khi đúng hẹn tôi đến liếm những vết máu trên lá, tiện thể cắn cả hình nhân, hoặc giả có thể thay được tính mạng đó.

Gia đinh nghe xong lấy làm mừng rỡ, cảm tạ toan đi, Lão níu lại hỏi: "Tôi đã thổ lộ chân tình với ông, vậy thì ông trả bộ lốt cho tôi với chứ!"

Chú gia đinh đáp: " Bộ lốt của ông tôi đương để ở ngoài kia, vậy ông cứ việc dẫn tôi ra khỏi chỗ này tôi xin hoàn lại lập tức."

Ông lão nghe lời tiễn chân ra đến đường cái, bấy giờ chú mới bảo cho lão biết là bộ lốt ấy tôi đã giấu ở trên cành cây trám, vậy ông cứ việc trở lại mà tìm, thế rồi hai người chia tay, mỗi bên đi về một ngả.

Nói về chú gia đình, khi trở lại tới quê nhà, lập tức đem câu chuyện đó kể lại với em, rồi đến tháng tám cũng chuẩn bị các thứ đúng như lời lão chỉ bảo. Đến đêm 14 tháng tám, lúc trước giờ Tý đem ra để ở ngoài sân rồi bảo chú em lên giường nằm ngủ để xem sự thể ra sao.

Chẳng ngờ đến quãng nửa đêm thì chú em thấy đau dữ dội như bị hùm cắn. Chú chỉ thét lên được một tiếng rất to rồi tắt thở ngay. Đến sáng hôm sau người nhà ra sân xem xét, thì thấy bao nhiêu giọt máu trên lá vẫn còn, chỉ riêng hình nhân là bị cắn xé tan nát, bởi vì người nhà vô ý để lá có máu ở chỗ quá cao, cho nên hổ không liếm được, đành phải quay ra để cắn hình nhân, cho nên em chú không thoát được nạn, như vậy cũng do thiên số đấy thôi.

Phạm Đình Hổ

MẸ RANH CÀN SÁT

Ở khoảng làng Hạ Hội và Thượng Cát thuộc huyện Từ Liêm, có một thằng bé, con nhà làm ruộng, tuổi ước lên năm lên sáu, thường nói với cha, xin sang ngủ ở nhà ông ngoại thôn bên. Tối đi sớm về, mấy tháng đã quen lệ thường như vậy. Người chú thương cháu đi lại vất vả, một hôm gặp ông bà ngoại nó giữa đường, bèn xin cho cháu ngủ ở nhà. Người bà ngoại giật mình nói:

- Đã lâu cháu nó sang ngủ nhà tôi nữa đâu, sao lại có câu chuyện ấy!

Người chú bấy giờ mới biết, không trả lời sao cả. Đến tối, ngầm đi theo thằng bé. Ra khỏi cổng làng, đến gần một cái gò, cây cối rậm rạp, thằng bé gọi:

- Mẹ ơi! con đã đến đây.

Người chú ngồi nép ở cái gò bên, rình xem, thấy trong bụi cây có mấy chục đứa trẻ, đứa cười, đứa khóc, một người đàn bà hai vú dài đến một thước, ôm lấy thằng bé cho nó bú. Thằng bé nói:

- Sớm đi tối đến, chỉ sợ rồi họ biết. Sao mẹ chẳng đem con đi luôn có được không?

Người đàn bà yên ủi:

- Hạn nợ chưa hết, con hãy đợi vài năm nữa. Họ cho con ăn cá chép, ba ba thì chớ có ăn, không thì mẹ sẽ không thể gần con được nữa.

Thằng bé vâng lời, rồi hai mẹ con lại nói chuyện với nhau lào xào. Người chú im lặng, trở về. Đến sáng, mua hai thứ kia nấu

chung làm một, gọi thằng bé bảo ăn. Quả nhiên, thằng bé từ chối không ăn. Người chú cố đè ra đổ vào miệng, đổ tóe cả ra mình nó. Buổi tối, lại đi vào dò theo, thằng bé đến cách cái gò độ mấy chục bước, con mẹ ranh cả kinh mà rằng:

- Mày không nghe lời dặn của tao, lại còn đến đây làm gì!

Rồi đuổi, không cho đến. Thằng bé đứng lùi lại, khóc. Người chú liền quát lớn thì mẹ con kia phắt biến đi. Người chú lại lấy xương ba ba, cá chép vứt khắp bụi cây. Đêm hôm ấy, thấy con mẹ kia đến gõ cửa van xin bỏ hai vật kia cho, nếu không sẽ làm yêu quái. Người chú bất đắc dĩ phải bằng lòng. Sớm hôm sau người chú thức dậy ra nhặt vứt hai vật kia xuống nước. Thằng bé từ đấy cũng không hề gì.

(Tang thương ngẫu lục)

NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ

Ông Ninh Lại kể chuyện:

"Năm ấy, ở một làng nhỏ trong huyện An Mô, có người nông phu rất nghèo khổ, phải đi ăn xin, đêm cùng với một người đồng bạn ngủ ở cái quán trống không, bên cạnh đường cái quan. Về khuya, bụng đói cồn cào, nằm trằn trọc không sao ngủ được. Bấy giờ trăng sáng mờ mờ, trông thấy đằng xa quân mã kéo đi đông nghịt. Hai người nhìn nhau sợ hãi, chui xuống gầm chõng nằm, khẽ nhìn, nín hơi không dám thở mạnh. Ước độ nửa trống canh, thấy tiếng trống cờ quạt đi xúm chung quanh một cái kiệu bát cống đến, dừng lại trước quán. Trống chiêng tạm ngừng, thì có tiếng truyền gọi xã lệnh làng ấy ra hỏi, vang vang như tiếng sấm. Không mấy chốc, có một người đội mũ phốc đầu[1], mặc áo thụng, đến quỳ trước kiệu nói rằng:

(1) *Như mũ cánh chuồn.*

- Tôi là xã lệnh ở làng xin ra bái yết.

Bác nông phu nhìn thấy, thấy giống pho tượng ở đình làng. Trong kiệu truyền hỏi số lính đã làm xong chưa. Xã lệnh dập đầu nói:

- Chúng tôi, làng nhỏ dân nghèo. Nay sau cơn binh lửa, họ đã phiêu bạt chưa về, không lấy ai để bắt nộp được.

Có tiếng quát lớn từ trong kiệu đưa ra:

- Ta phụng lệnh điểm binh. Lệnh ra đã lâu mà nhà ngươi cố ý nói quanh, không nộp đủ. Vậy phải thi hành quân pháp.

Bên cạnh kiệu có mấy viên mặc đồ triều phục quỳ xuống kêu xin:

- Vị thần này thành thực, vẫn được Đế đình ban khen, xin ngài hãy rộng tha cho.

Rồi thúc viên xã lệnh đưa số lính ra nộp. Xã lệnh bất đắc dĩ khai hai tên đinh ở trong làng, một tên chính là bác nông phu này. Cả hai đều nghèo kiết, không biết bấu víu vào đâu mà sống. Trong kiệu truyền ra cho quan hầu nhận sổ. Đoàn quân lại rầm rộ kéo đi. Gà trong xóm bắt đầu gáy sáng.

Bác nông phu sợ toát mồ hôi, cùng người đồng bạn lật đật ra về. Nhưng bác cũng lấy sự được thoát khỏi bể khổ làm mừng, bèn nói với người làng cho một bữa ăn no say để chết. Người làng cũng ưng cho. Sau đó không bao lâu thì ốm chết. Một người nữa bị biên tên vào sổ cũng vậy.

(Tang thương ngẫu lục)

NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH

Tùng Niên

Năm Kỷ Dậu (1789), binh lửa vừa yên, bệnh dịch nổi lên dữ dội. Người ta thường trông thấy ma, giữa ban ngày, tiếng kêu rên xen lẫn tiếng khóc. Bạn tôi, ông Ninh Quý Hoằng, người ở Khôi Tri[1] thuật cho nghe câu chuyện sau: "Một bác nông phu,

1. *Chỗ này có hai dòng như mất chữ nên thiếu nghĩa, tạm lược.*

người làng Như Kinh, đi ra đồng kiếm củi, gặp một đám đại quân tiến đến, bèn đặt gánh xuống, đứng tránh ra bên đường. Người lính đi đầu, quấn khăn đỏ[1], tay cầm gươm, chính là người quen cũ. Thấy bác, người ấy rất mừng, trật khăn ở trên đầu mình, đội cho bác rồi rủ vào hàng cơm, uống rượu chả nướng. Chẳng thấy chủ hàng nói gì cả. Bấy giờ đương hồi đói khát, bác nông phu được bữa thết, ăn uống thật no say. Chẳng mấy chốc, đạo trung quân đến; xe ngựa kéo qua đông nghìn nghịt và đi rất gấp. Người lính vội đứng dậy giật lấy cái khăn rồi đi ra. Bác nông phu ngồi trơ ra đấy. Chủ hàng và khách ăn đều giật mình. Họ bắt giữ lại vì cho là ma. Bác kể việc mình đã thấy, đưa chủ hàng đến chỗ mình đặt gánh củi bên đường thì hai bó củi vẫn còn nguyên vẹn. Chủ hàng bèn tha cho đi".

SÔNG DÙNG

Tùng Niên

Sông Dùng ở huyện Nam Đường (nay là Nam Đàn) là con sông lớn ở Hoan Châu. Nguồn phát ra từ Trầm Châu, đi qua Đại Đồng, Đồng Luân, lướt bên trại Sà Nam, bến Phù Thạch mà chảy ra bể. Sóng xô dữ dội, chỗ nào cũng có vực sâu, nhất là về khoảng những làng Đại Đồng, Đồng Luân, càng nhiều lắm. Cảnh những vực ấy, có làng xóm ở đông đúc. Người ta thường thấy có mấy người đàn bà con gái đến chợ mua bán ăn mặc nói năng ra lối thị thành. Có người dò theo, thấy bọn người ấy đi gần hết bến sông thì mất. Một hôm, có người dân làng, xuống bến Đồng Luân rửa tay, rồi đứng hóng mát trong khoảng lau sậy, thấy trên bãi cát có hai người cưỡi ngựa chạy quanh ba vòng rồi cùng nhau sóng cương mà đi xuống nước. Người ấy nín thở, đứng lặng xem ra thế nào. Một lúc,

1 Phạm Công Trứ (1601 - 1675), người làng Liêu Xuyên, huyện Đường Hào (Hải Dương). Đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1628) niên hiệu Vĩnh Tộ đời Lê Thần Tông, làm quan đến chức Thái bảo, gia Quốc lão tham dự triều chính, được Chúa (Trịnh Tạc) tín nhiệm, nói gì cũng theo.

thấy mấy tòa lâu đài nổi lên giữa lòng sông, nhỏ như quyển sách, chỉ trong chớp mắt đã cao lên đồ sộ, kẻ đi người lại rộn rịp. Lúc lâu, người ấy ngửa cổ không thể nhìn được, dặng hắng lên một tiếng. Lập tức những tòa lâu đài ấy chìm nghỉm cả. Rồi có hai con cá lớn cụt đầu nổi lên ở bến sông, nước sông đỏ khè.

Đinh Quân, người làng Đại Đồng, làm quan tri phủ, một lần qua chơi bến Rái Cá ở Hải Dương, thấy một bà già bán hàng, tuổi chừng 63, 64, hỏi mình rằng:

- Ông có phải là người làng Đại Đồng không? Sao tiếng nói giống thế!

Đinh Quân nói:

- Làng ấy cách đây nghìn dặm, làm sao bà lại biết?

Bà già cười:

- Đại Đồng là nơi tôi vẫn chơi khi xưa, ông không biết đấy thôi.

Hỏi kĩ thì bà ta nói:

- Tôi người ở đây, thuở nhỏ ra sông tắm, bị thần sông là Giang Đông Hầu bắt lấy. Ở sông này được ba năm thì Hầu cải bổ vào làm việc ở trấn Đồng Luân, coi vực Đại Đồng. Ngoài những lúc hầu hạ chăn màn, thường lên chợ chơi, tiêu đao ở đấy đã nhiều ngày tháng lắm! À, cha con Thiếu Vệ, cha con Lý Chánh, nay vẫn còn cả chứ? Đều là những người hào trưởng trong làng. Thiếu Vệ có người con gái chết đuối ở đấy phải không?

- Phải.

- Đứa hầu cận của Hầu tôi chính là chồng nó đấy. Long cung hay lấy vợ trên trần, đó là hành vi của bọn lính tráng, còn các quan thì cũng một đôi khi lấy, nhưng rất ít. Ở trấn được năm năm, một lần có cánh bè từ mạn ngược xuống, chở kèm theo bốn cây gỗ chò. Hầu bụng thích những cây gỗ ấy, tung nước lên cho bè đắm. Mấy tên thủy thủ chết oan. Họ kiện đến quan trấn, quan trấn xử Hầu phải đuổi về chỗ cũ. Về đến đây, Hầu thả tôi lên. Tôi theo sóng chìm nổi bồng bềnh, bàng hoàng như trong giấc mộng. Người nhà vớt lên, mấy ngày mới tỉnh lại. Làng mây cung nước, đến nay trước mắt còn như thấy rành rành.

Câu chuyện bà già kể rất rành mạch. Đinh Quân đem chép vào trong quyển gia thư.

Đầm Đông Liệt ở huyến ấy (Nam Đàn) cách sông khá xa, thuyền

bè không đi thông vào được. Tục truyền có con thuồng luồng ngắn, vuốt linh thiêng lắm.

Một người lái buôn nước mắm ở huyện Hưng Nguyên, một hôm từ Hoan Châu ra kinh, đỗ thuyền ở bến sông Nhị. Bấy giờ đang mùa hạ, nước to, người lái bán hàng xong, nhưng chưa giong buồm về được. Một hôm, người ấy thấy có ba, bốn người công sai, đem rượu thịt đến cùng mình đánh chén. Tiệc rượu gần vãn, họ lấy ra một phong thư ghé tai bảo người lái buôn rằng:

- Tôi là quân hầu của thần thuồng luồng đầm Đông Liệt. Thần đi đánh núi Tản Viên, dọc đường bỏ mình, nhờ bác đưa giúp thư này đến vực Đông Luân hộ.

Người lái vâng lời, nhổ thuyền về nam. Thuyền đi như tên, chốc lát qua nghìn dặm, tối hôm ấy đã đến Đông Luân. Đến đây, người lái gõ thuyền gọi, thấy dưới nước có tiếng thưa, rồi nhận lấy thư, dặn người lái hãy chờ đấy. Lúc đầu, nghe văng vẳng thấy tiếng khóc. Đêm khuya, có hai người lính đội lên một hộp trầu, trong đựng 20 lạng vàng đưa tạ ơn. Người lái từ chối:

- Xin cứ phù hộ cho sông nước vững vàng, đã là ban ơn nhiều rồi, tôi đâu dám nhận số vàng ấy.

Người lái chỉ xin nhận cái hộp mà trả vàng lại. Từ đấy, đi xuôi ngược giang hồ, một đời không gặp rủi ro gì cả.

(Tang thương ngẫu lục)

Vũ Trinh

ĐẺ LẠ

Ở Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên, có một người đàn bà có chửa được bảy, tám tháng, mắc bệnh mà chết. Nhà chồng chị ta nghèo quá không có quan ván chôn, chỉ vùi lấp qua loa ở ngoài thành.

Trong làng có một bà lão vốn quen biết chị ta, mở một cái quán bán chè nước vặt, cách mả chị ta khoảng một tầm mắt. Mấy ngày sau, bỗng thấy chị ta đem tiền đến mua bánh đường mang đi. Bà lão lấy làm lạ, nhìn dõi theo. Đến mả, chị ta thoắt biến mất. Cứ thế hàng mươi ngày, bà lão hỏi mua bánh làm gì? Chị ta đáp, mới đẻ không có sữa, con khóc không chịu được, phải đi mua bánh về mớm cho nó. Bà về nói lại với gia đình chị ta.

Ngày hôm sau, anh chồng đến dõi xem thực hư thế nào?

Khoảng trưa, quả nhiên chị ta tới quán. Chồng ló ra hỏi, chị ta không đáp, té chạy, loáng mắt đã biến mất. Anh chồng đến tận mả, nghe bên trong văng vẳng có tiếng trẻ khóc. Đào mả lên thì thấy một đứa bé trai nhỏ, nhau thai vẫn còn lòng thòng, đang nằm sấp trên bụng mẹ, quằn quại khóc. Mồm nó hãy còn dính vụn bánh. Mọi người đều ngại nó do thây ma đẻ ra, nên đều lánh đi không ai dám gần. Người cha phải bón bằng hồ cháo.

Đứa trẻ lớn lên không khác gì những đứa bé bình thường khác.

Lê Quý Đôn

LONG UYÊN ĐẠI VƯƠNG

Tháng 4, năm Ất Mùi (1715) niên hiệu Vĩnh Thịnh, triều đình hạ lệnh cho quan chức hai ty các xứ xét trong bản xứ có thần tối linh, thì hiếu bảo dân địa phương khai sở trình bày đủ bằng chứng dấu tích để nộp kịp kỳ hạn, để giao quan xét duyệt và định thứ phong sắc. Lúc ấy ở Thanh Hóa có Nguyễn Bùi Tuấn thuộc lại ty Hiến sát và Lượng Trung, thuộc lại Ty Thừa chính, đều về kinh nộp sổ. Đến ngày xét định, hai người đề ứng chức ở cửa phủ đường, khi xướng đến tên xã... vị hiệu thần là Long Uyên đại vương, hiển linh đánh ngã con trâu xuống đất, độ hơn một khắc, con trâu ấy mới sống lại, viên quan phụng sai liệt vị thần này vào hạng tối linh. Lượng Trung và Bùi Tuấn cùng nhau ra về, đi đến quán Thịnh Liệt[1], các nhà đều đã lên đèn, hai người nằm nghỉ ở bên trái đường đi. Một lát, thấy một đôi lính, như hình trạng quan quân, đánh trống hiệu đi qua, hai người hỏi: "*Đi đâu?*", thì người lính trả lời rằng: "*Anh có cùng đi với tôi thì đi*". Lượng Trung hỏi Tuấn: "*Có đi không?*". Tuấn nói: "*Đêm tối không đi được*". Lượng Trung liền theo đi. Thình lình họ lội qua một con sông, nước đến đầu gối, lại lội một con sông nữa nước đến bắp chân, lại lội một con sông

1. Thịnh Liệt: tục gọi là làng Sét, nay thuộc huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

nữa, nước đến mất cá chân, phút chốc đến một tòa đình, đương hát xướng vui vẻ. Lượng Trung thấy quan quân đi trước đều vào, hắn cũng theo vào, thì thấy có người xem chèo, người nghe hát, hai bên phố chợ đều có hàng hóa buôn bán, nhân đấy hắn uống vài ba chén rượu rồi nằm ở trong hàng gối đầu vào cái hộp để ngủ. Khi tỉnh giấc, trời đã sáng bừng, trông ra thì là miếu thờ Long Uyên đại vương. Hắn nhìn vào chỗ nằm, chỉ thấy một đống tro, sợ hãi sụp lạy, về nhà làm lễ lạy tạ, rồi vào yết kiến quan bản ty, viên Thừa chính thấy hắn về một cách mau chóng, lấy làm ngờ, nhân đấy hắn trình bày về việc đã gặp. Còn Bùi Tuấn đêm ấy nằm ở Thịnh Liệt, sáng hôm sau lên đường về, khi về đến cửa ty, trông thấy Lượng Trung liền hỏi, mới biết chuyện. Lượng Trung, người làng Đông Khối, huyện Đông Sơn[1], vốn là người chất phác thực thà, năm 23 tuổi, không ốm đau gì mà mất; Nguyễn Bùi Tuấn, người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn[2], sau sung bổ làm quan vào thị nội, rồi được tuyên bổ chức Đồng tri phủ Tiên Hưng[3]. Năm Ất Hợi (1775) niên hiệu Cảnh Hưng, Bùi Tuấn đã 72 tuổi, nói chuyện này cho tôi nghe.

(Kiến văn tiểu lục)

1. Huyện Đông Sơn: nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.
2. Huyện Đông Ngàn: là huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cũ.
3. Tiên Hưng: nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Phạm Đình Dục

MA THẮT CỔ

Ở xã Trình Phố, huyện Chân Định có lão Định góa vợ, hàng ngày nấu rượu và vốn là bạn thân thiết của ma men, mỗi khi say lại ngồi chửi bới linh tinh. Người ta coi là phường nát rượu, không ai qua lại chơi bời với. Thành thử lão ta đành lủi thủi một thân. Mỗi khi uống rượu, một mình một chén, lẩm bẩm tự mình nói chuyện với mình.

Hôm ấy, hàng xóm nghe thấy lão vừa uống vừa như đang chuyện trò với người nào đó. Rằng:

- Tôi từ khi đăng lính "đánh phá sầu thành"[1] vẫn tự xưng là vô địch. Dù có trăm chén ồng ộc xốc vào, tôi cũng không chịu kéo cờ hàng. Tửu lượng của anh tuy khá thật đấy, song sao địch nổi tôi đây.

Người ta đã quá quen với thói say sưa lảm nhảm của lão ta, cho nên cũng chẳng ai lấy làm lạ. Lát sau lại nghe tiếng hắn:

- Đưa đầu chịu trói buộc, ai lại ngu ngốc quá thế? Thằng say nào chả điên dại, song đâu chịu vậy...

Một lát bỗng nghe tiếng "ùm" dưới ao. Mọi người cả kinh bảo nhau:

1. *Ý nói uống rượu.*
2. *Tức mặt trăng.*

- Ôi! Có thể lão nhảy xuống nước bắt chị Nguyệt[2] rồi cũng nên. Phải vào cứu thôi!

Thế là họ phá rào xông vào nhà. Lão ta đang chìm chìm nổi nổi trên mặt ao. Trên cây sung còn cái dây thừng lòng thòng rủ xuống. Vớt lão lên hỏi. Lão đáp:

- Chẳng là hôm nay có một người khách đến cùng tôi uống rượu, nói chuyện rất vui. Uống xong, hắn treo một sợi dây thừng lên cây bờ ao, bảo tôi chui vào thòng lọng. Tôi không nghe. Hắn ấn đầu tôi vào. Tôi cố sức giãy giụa, rơi được xuống ao. Thấy bóng các ông sang, nó biến đâu mất. Hay là vị thần nào chăng?

Hàng xóm bảo:

- Làng ta vẫn có ma thắt cổ, vẫn phải làm bùa yểm. Có khi là nó đấy cũng nên. Ôi! May mà gặp lúc trời quang mây tạnh, bụng anh còn đôi chút tỉnh táo chứ không thì nó đã chôn mất Lưu Linh[1] rồi.

Lúc ấy lão ta mới hoàn hồn. Ý như cảm giác, trong be rượu còn mà tay vẫn cầm cái chén tống.

1. *Thần rượu.*

Trương Quốc Dụng

CHUYỆN LẠ

Vũ Khắc Kiệm[1] lúc đầu du học Bắc Thành, có thuê một cái nhà riêng để trọ. Nhà ấy thường có ma, bấy lâu vẫn đóng cửa, Kiệm không biết. Mới ở được vài hôm, một đêm ông ta đang một mình đọc sách bên đèn, bỗng nghe có tiếng rên rỉ ở trên rường nhà. Ngửa mặt lên thì thấy một người vận võ phục, tay cầm đao đang tự cắt bắp vế của mình, máu chảy ròng ròng xuống đất. Kiệm bảo:

- Người làm gì thế? Có oan uổng gì thì nói, chứ ta đây những loài ma quỷ không thể dọa được.

Người đó mới nhảy xuống, đặt cây đao tự kể rằng:

- Tôi là lính triều Thanh, theo Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị sang đây, chết ở chỗ này, bị người ta làm nhà lên trên, giày giẫm luôn luôn, di hài không yên mà chẳng biết ngỏ với ai, cho nên thường phải làm sự quái gở. Bây giờ ngài đã biết nỗi oan uổng của tôi, nhờ ngài cứu giúp tôi với!

Kiệm hỏi:

- Di hài ở đâu? Để ta nói với chủ nhà cất đi cho.

Con quỷ nọ chỉ chỗ, lạy tạ rồi biến mất. Ngày hôm sau, Kiệm nói lại với chủ nhà, đào lên quả có một bộ xương và cây đao. Liệm

(1) Quê làng Việt Yên, phủ Đức Thọ, Hà Tĩnh, đỗ Cử nhân năm 1813.

lại, chôn ra chỗ khác, nhà ấy mới yên. Kiệm sau giữ chức Tri huyện.

*

Sách *Phong tục*[1] có nói: "Thấy quái, mà không lấy làm quái thì quái tự mất". Đầu đời Gia Long, Trấn thủ Hải Dương là Nguyễn Văn Ân[2] phá tháp Đồ Sơn để lấy gạch làm dinh. Tự nhiên có một vật hình như tấm lụa trắng từ trong tháp bay ra. Được hơn một tháng, Nguyễn cảm bệnh. Trong dinh thường hiện ra quái. Có khi ban đêm ở trên nóc nhà thấy phảng phất có ánh sáng. Bọn liêu thuộc cũng sợ, muốn cầu đảo. Có người đem việc ấy nói với ông, ông không nghe. Một đêm ông đang đắp chăn nằm, nghe đằng sau góc nhà có tiếng dế dần dần đi tới giường. Ông lặng thinh thì bỗng có một vật hình như người đè lên mình ông. Ông vội cuốn chăn bọc lấy được. Vật ấy dần dần rút nhỏ lại bằng cánh tay. Ông đánh chết ngay, giở ra xem thì là một con chuột bạch. Lấy lửa đốt đi, từ đó quái mới dứt. Và bệnh ông cũng khỏi.

1. Thần rượu.

2. Quê làng Việt Yên, phủ Đức Thọ, Hà Tĩnh, đỗ Cử nhân năm 1813.

Nguyễn Thượng Hiền

MINH HỘN

(Đám cưới dưới âm phủ)

Làng Đồng Kỳ (không rõ ở huyện hạt nào) có họ Nguyễn, đẻ được một người con gái, sắc đẹp tuyệt trần, đến 20 tuổi thì chết non, người làng dựng một gian miếu lên thờ, gọi là miếu Công Chúa.

Bên miếu Công Chúa cách độ vài bước, thì có đền thờ vị Thành hoàng: vị thần này rất thiêng, bỗng một năm trong làng có trận dịch, cầu đảo ở ngôi đền, có tiếng từ trong không nói vọng ra rằng: *"Ta với nàng Công Chúa có túc duyên, bọn chúng bay nếu cầu lấy cho ta thì trong làng sẽ yên"*.

Mọi người đều vâng theo lời, bèn chọn ngày đến miếu Công Chúa kèn trống rước Công Chúa sang bên đền: đến nơi, làm lễ thành hôn ở trước cửa đền, khấn rằng: *"Trăm năm chớ lìa bỏ nhau"*.

Sau 10 năm, bà đỡ trong làng, đang nửa đêm, có người đến gọi, xin dẫn đi, đến một chỗ, cửa mở rộng toang, đèn đốt sáng rực, thấy một chàng trai trẻ tuổi áo mũ ngồi trên, dáng mạo rất đẹp, người hầu đến trước báo rằng: *"Bà đỡ đẻ đến rồi đó"*.

Trong nhà trước, gấm cuốn lên, phu nhân vừa bước đến lúc lâm bồn, bà đỡ bước vào trong, chốc lát nghe có tiếng khóc, trông ra thì đã đẻ được đứa con trai to lớn vạm vỡ.

Cả nhà vui mừng bảo bà đỡ rằng: *"Cám ơn khó nhọc, sẽ có tặng đáp"*.

Sai người dẫn ra ngoài nhà khách, nằm nghỉ, bà đỡ bất giác ngủ mất, kịp đến lúc dậy thì đã sáng ngày, trông ra thì nhà cửa không có, mình nằm trên mộ công chúa, bèn trở về nhà, thì ở giữa sân, thấy có vàng của thần đưa đến cho vậy.

(Hát đông thư dị)

Khuyết Danh

TINH HOA CÚC

Ở đất Sơn Nam có Đỗ Sinh là con nhà thế gia, hình dung thanh tú, mi rủ, ngón tay búp măng, trông như vị tiên bị trích xuống hạ giới. Chàng vốn chuộng khí tiết, ghét bon chen, giữ cho mình thanh đạm, do vậy rất ưa hoa cúc. Mỗi khi thu tới, sắc hoa đầy ngõ, cánh hoa rơi không ngớt bên giậu. Vợ Đỗ họ Hoàng, tuyệt vời nhan sắc, nhưng mới lấy nhau được hai năm thì uyên ương sảy mái. Đỗ đau buồn khôn xiết, những muốn chết quách. Những khi canh muộn đèn tàn, thân góa bụa một mình côi cút.

Một đêm đang cầm bút viết, chợt thấy thấp thoáng bóng người ngoài cửa sổ, lại nghe có tiếng gõ cửa. Ngoài trời trăng chếch nửa vành, bóng hoa lay động, tưởng đâu như tiên tử giáng trần. Cất tiếng hỏi, không thấy đáp, chỉ khúc khích cười. Lại hỏi, có tiếng con gái thỏ thẻ:

- Em là quỷ Tây Sơn tới gây họa đây.

Sinh ướm bảo:

- Nàng chẳng phải là kẻ như vậy. Ta với nàng vốn không hiềm oán. Cớ gì mà gây họa cho nhau. Đi đi! Nếu không, ta chẳng việc gì phải tránh ai.

Lát sau lại có tiếng nhỏ:

- Thấy chàng đêm thanh miệt mài, cô độc, mến chàng phong nhã, cho nên em định đến ở cùng. Chàng thử nhìn xem, em thế này có thể gây họa cho người được không?

Mới nghe tiếng nói Sinh đã thấy say. Giọng yểu điệu này, dù có là quỷ chăng nữa cũng tốt. Bèn mở cửa cho vào. Nhìn kỹ, cô gái chừng đôi tám, da trắng môi hồng, tư phong tuyệt thế. Chàng mừng đến ngây ngất, lại gần mời vào thư phòng, vái chào rồi nói:

- Tôi đâu dám nghĩ đến ơn huệ tiên chịu đến chơi. Hân hạnh lắm, hân hạnh lắm!

Nàng đáp:

- Em đã để ý bậc tài sĩ phong lưu, cho nên không nề hà thô lậu, rẽ sương vịn cây mà tới, bắt chước lối hái hoa lan, tặng thược dược. Thế mà đến đây lại bị ngờ là quỷ, đâu có là tiên!

Nói xong định bỏ đi, Sinh không nỡ, thiết tha xin lỗi mãi. Rồi cũng xuôi, dắt tay lên giường, tắt đèn nài ân ái và mau chóng lịm đi trên gối mộng. Cuộc trao tình không sao kể xiết, da ngọc nức hương làm mê mẩn hồn, mười ngón tay thon nhỏ tựa búp măng, song song đôi búp sen non còn chưa đầy nắm. Cô gái ngượng ngùng:

- Chàng dạn dĩ quá thế này, chết mất thôi?

Sinh hứng khởi:

- Trước hoa được bày giãi tấm lòng, gặp tri ân sắt cầm hòa điệu, đáng coi là liều thuốc bất tử chứ!

Xong cuộc, gối tay nhau mà ngủ. Hỏi đến quê quán đáp là con nhà vọng tộc Tây Hồ, tiểu tự A Phương (Á Thơm), chỉ có một mình, nhà ở xóm Đông đã ba mươi năm nay.

Sáng ra nàng đi ngay. Tối lại đến. Đến đâu mang đồ dùng, ấm chén tới, vừa ăn uống, vừa thủ thỉ tâm tình. Tiếng nói cười vui vẻ chẳng khỏi làm kinh động đến gia nhân. Cô gái bảo:

- Em rong ruổi sương sa đến đây chẳng phải cứ để mang tiếng là con gái trọ đêm bất lương. Vậy xin được cùng chàng kết bạn trăm năm, vì chàng coi sóc việc gia đình, vun vén cuộc giai lão.

Sinh được lời, mừng lắm. Bèn giả vờ đi chơi xa, mươi ngày sau trở về mang theo cô gái Hồ Tây. Từ đó người cha mới khỏi ngờ vực, dò hỏi. Còn nàng cai quản việc nhà cửa, thong dong thư thái, ai cũng cho là tiên nữ giáng thế.

Một đêm, cô gái tự nhiên bỗng trở nên âu sầu, thảm thiết, bảo Sinh:

- Em sắp gặp đại nạn, khó được cùng chàng hưởng cuộc duyên tình cờ này vĩnh viễn. Có lẽ xin chia tay từ đây.

Sinh vội hỏi nguyên cớ. Đáp:

- Em không phải người mà là tinh hoa cúc. Vì cảm cái tình chàng sớm hôm chở che, tưới tắm cho cây nên mới được như thế này. Nào ngờ thần hoa giận em cuồng dãng đem tố cáo với Thượng đế. Thượng đế trừng phạt, khó tránh đâu được. Chàng nếu còn yêu em, đúng giữa trưa mai, đem phên mùng đến bờ giậu phía đông, gốc cây thứ ba đang nở hoa vàng chính là thân em đó. Nếu chàng bảo vệ được thì em mới thoát nạn.

Sinh nhận lời rồi nàng mới đi.

Sáng hôm sau, bầu trời đang trong sáng bỗng mưa gió ập đến, Sinh ra sức che chắn như lời cô gái dặn. Ba ngày sau, trời tạnh ráo. Ban đêm, cô gái lại đến tạ rằng:

- Từ nay có thể chụng sống cùng chàng đến đầu bạc răng long.

Rồi chưng cất rượu cúc và bảo Sinh:

- Dùng thứ này có thể cùng lên tiên được.

Dùng được mấy năm, mặt mày Sinh trẻ hẳn lại. Cô gái tự nói mình không thể sinh đẻ được, khuyên Sinh nên lấy vợ lẽ để có con cái nối dõi. Sinh ngạc nhiên:

- Em mà không đẻ được sao?

Vốn là từ khi Sinh được cô gái, đã quyết ý trọn đời không lấy ai nữa. Nhân thế, chàng ngửa mặt lên trời, khấn thề đại ý, nàng cũng tuyệt không nói đến việc lấy vợ lẽ nữa.

Cô gái thấy vậy lộ vẻ không vui, bảo:

- Em vốn dĩ là tinh của hoa. Vì thương chàng góa bụa, đơn chiếc và tự đến chung sống. Sao chàng lại còn muốn em phải có con cháu nối dõi. Em với chàng đã không đồng cảm được thì duyên phận đôi ta đến đây là dứt.

Sinh còn đang trong cơn bàng hoàng, cô gái đã biến đâu mất. Đợi ít lâu sau, Sinh tự ca cẩm:

- Tình bạc đến thế này sao?

Nàng tuy bỏ đi, song gốc hoa dễ trốn đâu cho được?

Ngày hôm sau, đến giậu phía đông xem lại ra sao thì thấy cây hoa ấy đã héo khô. Bèn cầm lên ngửi và nói:

- Lúc hoa nở sao mà thơm vậy. Khi hoa tàn, sao đến nỗi thế này.

Rồi cứ một mình than thở mãi. Chợt đằng sau hiện ra một thiếu nữ đẹp tựa Tây Thi, cấn hoa lên, mỉm cười và nói:

- Anh chàng này thực là kẻ si tình đệ nhất trong làng hoa vậy!

Nói rồi không thấy đâu nữa. Từ đó Sinh đâm ra như ngây như dại, trọn đời không lấy vợ nữa, chăm sóc hoa đến hết tuổi đời.

Nguyên ôm chặt nàng sợ hãi nói:

- Không! Không em à, em hãy ở đây đừng đi đâu cả! Đừng đi đâu nghe em!!!

Nàng đáp:

- Không được, vì số âm cung đã định rồi, dẫu chàng có giữ em lại cũng vô ích. Trong bấy lâu em khóc, chỉ vì nghĩ đến phút phải xa chàng...!

Triệu Nguyên đau đớn nhìn nàng hỏi:

- Trong bao lâu nữa em sẽ đi?

Nàng áo xanh thở dài đáp:

- Giờ Tý, nhưng cũng sắp đến rồi!

Một tiếng sét nổ đánh ầm và tiếp theo một làn chớp lóe sáng trước cánh cửa trước.

Triệu Nguyên hốt hoảng nhìn ra, đến chừng nhìn lại nàng áo xanh đã tan thành mây khói lúc nào.

Nàng áo xanh mất. Thế rồi vài hôm sau, Triệu Nguyên cũng mất bóng. Trên Tây Hồ chừa lại chiếc lều có bó hoang bên dường độc lộ...

Người biết mẩu chuyện trên đây ai ai cũng độ chừng chàng đã tìm nơi chết theo nàng thiếu nữ áo xanh, chớ có ai ngờ... Triệu Nguyên hiện đang sống trong một ngôi chùa. Chiều chiều chàng ngồi lần chuỗi hạt lắng nghe hồi chuông thu không ngân dài trong gió để trút bản đàn lòng...

NÀNG ÁO HỒNG

Hoàng Lang người đất Long Giang, đậu thủ khoa triều Lê xuống Trường An lãnh chức.

Thuyền đến một khúc sông hai bên bờ vi lau xao xác. trăng tỏ sao thưa. Gió đập ngàn lau như một điệu đàn ai oán. Thoảng trong tiếng gió hình như có tiếng ai than khóc nỉ non.

Hoàng vội cho thuyền vào bờ. Dưới ánh trăng Hoàng thấy một thiếu nữ độ 17-18, mặc áo lụa hồng đang ngồi khóc trên bãi cát. Hoàng hỏi:

- Đêm khuya vắng vẻ, sao nàng còn ngồi ở đây một mình mà khóc lóc như thế?

Nàng áo hồng vội lau nước mắt rồi nói:

- Thiếp quê ở Phong Châu. Cha mẹ thiếp làm nghề buôn không may bị quân cường đạo giết chết. Nay còn lại mình thiếp tấm thân yếu ớt, chưa biết sống gởi vào đâu.

Dứt lời lại cất tiếng khóc rất thảm thiết, Hoàng cảm động, an ủi rằng:

- Sống chết có số, có mấy ai mà khỏi chết đâu. Tôi hiện về Trường An, nếu cô muốn đi nhờ thuyền xin hãy cứ xem tôi như là bạn.

Thiếu nữ nói:

- Chàng thương phận thiếp thật cảm tạ muôn vàn. Chỉ hiềm vì hài cốt song thân chưa vớt lên được, nên chưa đành bỏ đi.

Chàng nói:

- Việc ấy không khó, tôi sẽ chu toàn giùm nàng.

Sáng hôm sau, Hoàng thuê người lặn xuống sông vớt hài cốt, cùng chở một thuyền về kinh. Giữa đường, Hoàng Lang ra bộ cợt nhả để thử ý. Nàng một mực đoan trang thẳng thắn. Hoàng lấy làm kính yêu.

Đến Trường An, Hoàng cho đem hài cốt táng ở bên sông gần cửa sông Bạch Hạc. Nàng thấy cảm tình Hoàng đối với mình quá hậu một hôm bảo với chàng rằng:

- Duyên vốn không hẹn mà gặp, tình vốn không buộc mà nên. Thiếp đã mang ơn chàng rất nhiều, không biết lấy gì báo đáp. Nay việc táng cha mẹ đã viên thành, thân hèn mọn này tức của chàng vậy.

Hoàng mừng rỡ nói:

- Một lời vàng đá, nghìn thuở keo sơn. Giúp người người không nên nhận ơn, nhưng cách đền ơn nàng thì không thể không nhận được.

Nàng thẹn đỏ mặt. Hoàng cười rằng:

- Mới đùa thế, có gì mà đã thẹn? Nàng đã thẹn thì thử đùa nữa coi cơn thẹn của nàng đến bực nào.

Bèn kéo nàng vào lòng mơn trớn. Nàng vùng vẫy mà rằng:

- Đã là của chàng thì còn tiếc gì nữa mà thẹn. Nhưng xin chàng đợi ngày hoa chúc, cho đủ lễ nghi.

Hoàng không biết làm sao, cười rằng:

- Đến giờ mà nàng vẫn còn làm khó! Thôi chịu nàng vậy.

Đêm ấy làm lễ hoa chúc. Hoàng từ đấy say mê, mối tình càng ngày càng thêm mặn nồng thắm thiết.

Làm quan được mấy tháng, Hoàng bỗng mang bệnh điên cuồng. Thường thường mê sảng lịm đi, tỉnh thì hát ca nhảm nhí. Nàng sớm tối bên giường bịnh, khóc lóc thảm thương. Các y sĩ đều chạy không biết phương nào cứu chữa.

Một hôm có một đạo sĩ giày cùn áo nát, vào nói với bọn y sĩ rằng:

- Bốn các ông chỉ ưa khoác lác, tới chừng gặp bệnh thì đau Đông chữa Tây. Ta đây là thần y, chẳng những chữa được bịnh mà còn có thể làm cho người mọc cánh thành tiên nữa.

Nàng khó chịu, hỏi:

-Ông chữa bằng cách nào?

Đạo sĩ đáp:

- Muốn biết bệnh thì phải thăm bệnh. Muốn trị bệnh thì phải có thuốc. Phương thuật của lang băm hay của thần y đều cũng như nhau.

Chẩn mạch Hoàng xong, đạo sĩ thản nhiên nói:

- Bệnh rất thường mà trị không nổi thì thật là lạ!

Các y sĩ đều thẹn đỏ mặt. Nàng áo hồng hỏi:

- Vậy chớ bệnh gì mà ông cho rằng thường?

Đạo sĩ nói:

- Phủ tạng không điều hòa nên sinh ra mê hoặc. Nên uống thang thuốc tiến thực để ăn được, thang bác tiên để định tâm, bệnh Hoàng Lang ắt sẽ khỏi.

Bèn lấy thuốc hòa vào chén, dốc cho Hoàng uống. Uống xong Hoàng nôn mửa dữ dội, rồi nằm la thiếp đi. Nàng áo hồng cả giận, ném chén thuốc vỡ tan, mắng rằng:

- Loài yêu đạo sao dám dùng huyễn thuật hại chồng ta?

Đạo sĩ điềm nhiên đưa tay lên vẽ bùa. Nàng áo hồng bỗng ngã nhào xuống đất.

Đạo sĩ lấy nước nóng thất hương rưới vào ngực Hoàng. Giây lâu Hoàng tỉnh lại, ngơ ngác thấy người bu xung quanh mình.

- Ông nhớ gì không?

Hoàng đáp:

- Tôi nhớ rằng tôi đang vui hưởng hạnh phúc với người yêu của tôi là nàng áo hồng.

Đạo sĩ chỉ xuống đất nói:

- Người yêu của ông đang nằm dưới chân ông đấy.

Hoàng nhìn xuống chỉ thấy một đống xương trắng, xiết đỗi kinh ngạc. Mọi người đều lấy làm lạ, cùng hỏi nguyên cớ. Đạo sĩ nói:

- Lúc đi ngang qua đây, tôi chợt thấy nhà nầy đầy những yêu khí, mới rõ ông nầy bị yêu quái huyễn hoặc mà không hay. Cũng may ả không lợi hại lắm, mới trừ được nạn tai giùm ông đó.

Hoàng hết sức cảm tạ, thành kính hỏi rằng:

- Chẳng hay yêu quái ấy là ai, mà lại hiện thành một bộ xương trắng như thế?

Đạo sĩ đáp:

- Nguyên ở hạt Phong Châu, có người họ Hồ vì ốm mà chết. Người vợ nghèo túng, đem bán đứa con gái nhỏ là Thị Nghi cho nhà phú thương họ Phạm. Thấy nàng có nhan sắc, Phạm lấy làm yêu mến rồi cùng nàng tư thông. Việc đổ bể, Thị Nghi bị vợ tên phú thương đánh cho một trận đến chết, đem chôn ở cạnh làng. Từ đấy hồn Thị Nghi hung yêu tác quái, gây ra không biết bao nhiêu là thảm họa dâm sát. Người làng chịu không nổi, đào mả nàng đem xương cốt vứt suống sông.

Hoàng nghe dứt, dậm cẳng mà rằng:

- Phải rồi! Lúc thuyền tôi về kinh đô ở hạt Phong Châu, gặp nàng ngồi khóc trên bãi cát, nhờ tôi vớt giùm xương cốt của cha mẹ nàng dưới sông lên. Tôi tình ngay, đâu có ngờ nàng lại định tác quái?

Đạo sĩ nói:

- Nếu nàng không có nhan sắc, thì chưa chắc ông đã vớt giùm! Cho hay: "Thuyền tình sóng sắc hay đắm được lòng người" là vậy đó.

Nói rồi cất tiếng cười ha hả, từ giã Hoàng ra đi. Hoàng cố ý lưu lại mà không được.

Cách hơn một tuần, Hoàng đang ngồi xem sách ở thư phòng,

chợt có hai người lính vào bắt đem đi. Đến một cung điện trang nghiêm, nghe tiếng quát lớn. Hoàng ngẩng lên nhìn, thấy một người đội mũ miện, mặt đỏ râu dài có vẻ như một vị thần ở một đền miếu nào. Người ấy nói:

- Ta vâng chỉ Diêm Vương, tra xét án nhà ngươi đó.

Hoàng đáp:

- Tôi là kẻ sĩ hoạn, chưa hề biết tham nhũng, chưa hề làm việc ác, có tội trạng gì mà Ngài xét xử?

Vị thần cả giận thét rằng:

- Vậy chớ nhà ngươi biết ai đây chăng?

Thét chưa dứt, một người con gái từ mái hàng phía tả bước ra. Hoàng kinh ngạc, người con gái ấy không ai lạ, chính là nàng áo hồng.

Hoàng vội tâu rằng:

- Loại quỷ quái vốn là loài huyễn thuật, kẻ phàm tục làm sao có huệ nhãn mà phân biệt được chánh tà. Xưa Triệu Sư Hùng đời Tùy gặp người đẹp ở rừng thông, ân ái đổi trao, đâu có ngờ là gặp quỷ? Tống Tiềm đời Tấn gặp người đẹp đứng dưới đèn ngâm thơ khêu gợi, đâu có rõ là gặp yêu? Nay tôi dưới trăng gặp gỡ, bị yêu quỉ mà hôn mê. Nếu không thần y, sớm đã phải vật vờ chín suối.

Vị thần nói rằng:

- Tội trạng ngươi đã rõ, còn lẻo mép chữa mình. Ngươi tự xưng là kẻ sĩ hoạn, vậy mà người há quên: Nhan Thúc Tử đời Chu, đêm mưa bão gặp người đẹp trong nhà, bắt nàng cầm nến sáng đêm, giữ lòng trong sạch. Nhụy Nguyên Trung đời Đường gặp người đẹp trước giường mặc cho họ cợt đùa, giữ lòng thanh thản. Sao nhà ngươi không bắt chước Thúc Tử, Nguyên Trung lại đem chuyện Sư Hùng, Tống Tiềm mà nói.

Hoàng Lang hổ thẹn cúi đầu. Vị thần cầm bút phê rằng:

- Theo đòi nho học còn giữ thói dâm tà, giảm thọ một kỷ.

Xử xong sai lính đưa Hoàng về.

Năm sau Hoàng có dịp về quê, lại đỗ thuyền ở bến Phong Châu. Lên bờ chơi, thấy trong hạt có một tòa miếu cổ, đền đài, tường vách, tượng thần đều giống hệt như chàng đã thấy trong chiêm bao.

Hoàng mới biết chính vị Thần nầy đã xét án mình năm trước.

Thế Lữ

TRẠI BỒ TÙNG LINH

I

"Trại Bồ ngày... tháng 9 năm 1930

"Anh Bình,

"Chỗ tôi đến ở là Trại Bồ. Tôi gọi đùa là Trại Bồ Tùng Linh. Cái tên đặt trong lúc cợt tính đó không ngờ lại hợp với cảnh biệt tịch này đến thế. (Nhất là từ bữa xảy ra ở đây những việc có thể gọi là rất dị thường).

"Anh thử tưởng tượng một cái trại rộng ngót hai mẫu và rậm như một khu rừng. Cây toàn là cây cỗi. Gần hết là nhãn, mươi gốc mít, và mấy thứ cây ăn quả mà người ta không nghĩ đến sự lấy hoa lợi; lại thêm hai gốc đa cổ kính, buông từng súc rễ chằng chịt xuống lối đi. Trên là bóng lá rườm rà. Dưới là cỏ và hoa. Những thứ cây bụi không biết tên là gì và thường thường chỉ mọc ở những cánh đồng hoang, cũng tìm đến sống ở đây, chen lẫn với những khóm hoa không được chăm bón. Một khoảng đất vuông vắn trên đó cỏ lau đâm lên tự do, có lẽ đã là những thửa vườn cũ. Trên con đường rộng nhất trở vào từ cái cổng xây đã đổ nát và mất cánh cửa, một đoạn còn thấy dấu gạch lát, nhưng gạch chỗ thì lún, chỗ thì bị bẩy chồi lên vì những rễ ngầm. Một cái ao lớn, bèo tấm xanh lè kín gần khắp mặt chắc là một chỗ trước kia rất đẹp; vì trên một

ai có thùng gỗ hay thùng sắt tây thì cho đem vào trường bán cho học trò kê quyển viết và đệm thêm lên chõng ngồi.

Cái bản nháp bài viết xong lâu rồi mà quái lạ, hễ cứ động ngòi bút lên mặt quyển là ông Đầu Xứ Em lại thấy đau bụng, đau quằn quại tựa chứng hoắc lặn cứ như dùi vào từng miếng tì vị. Ông cựa quậy nhiều lắm, vừa ôm bụng vừa giữ ống quyển. Cái chõng tre đặt lên bãi cỏ ngập, lún xuống lần lần. Giữa hai cơn đau bụng, những lúc trời ngớt mưa, từ khu nhà thập đạo, vẳng về lều ông những tiếng sĩ tử kêu nài: "Lạy các quan, còn chỉ có một khoa thi này, xin các quan thương cho anh em được đổi quyển. Trời mưa ướt lắm, anh em có muốn như thế làm gì..."

Thấy ở một vài lều chung quanh có khói lửa và tàn vàng bay ra, ông Đầu Xứ Em sực nhớ đến đinh vàng cất trong tráp, bèn lấy ra gỡ từng tờ một, xếp ngay ở đầu mép chõng, một tay chận cơn đau nơi bụng dưới, một tay châm mồi lửa bùi nhùi. Gió thổi vào đống lửa vàng hóa bùng bùng, lửa kêu vù vù. Trong tiếng ngọn lửa reo, lại như có tiếng người nói cười lanh lảnh. Khói bốc lên khói trụt tỏa xuống soai soải, như những vệt nước thời gian trượt từ đầu ngọn tường xuống vách gạch những đền chùa xưa cũ có mốc vẽ hình có rêu phong dấu. Những vờn khói nhẹ đổ xuống nhanh, đổi màu rất nhanh chóng. Trước mắt ông Đầu Xứ Em mê mệt và hoảng hốt, những vờn khói - thoảng mùi gây gây, khen khét, và tanh lợm - bỗng xẫm hẳn lại thành một mớ tóc xoã u hiển đóng khung lấy một khuôn mặt người. Lửa vàng gần lụi, vụt bùng lên. Trời đất tối xầm xuống. Ông Đầu Xứ Em thấy bãi trường thị hình như rộng lớn hơn cả kiếp người. Trường thi âm u và mông quạnh. Gió thổi bay quyển thi xuống làn cỏ dầm nước. Ông Đầu Xứ Em gắng nhoài người ra, muốn vớ lấy quyển bị gió vừa thổi bốc khỏi mặt tráp. Ông hụt tay, chỉ đủ giữ mình khỏi ngã. Cơn đau bụng nổi lên dữ dội. Ông gục xuống tráp, thiếp dần. Ông Đầu Xứ Em tỉnh giấc, thấy trong người nhẹ hẳn, tưởng chừng như cơn đau bụng hồi nãy chỉ là cơn ác mộng. Ông bỡ ngỡ, mất hết cả ý thức về thời gian và không gian. Ông ngơ ngác trước hoàng hôn như một người còn ngái ngủ ngày. Từ một chòi cao, người ta đã điểm mau hồi trống ngoại hạn.

Ông Đầu Xứ Anh đã đón ở cửa trường. Bỏ lại cả lều và chõng, cầm chỉ vẻn vẹn một bản nháp, ông Đầu Xứ Em đã rời bước trong

một giấc thẫn thờ. Hai anh em gặp nhau không nói một câu nào suốt từ cửa trường về đến nhà trọ.

Tại nhà trọ bà Phùng, ở mâm cơm tay đôi ấy, có một người hỏng thi khoa thi chữ Hán cuối cùng đã uống cạn ba bình rượu cúc, vào một đêm dài nhất trong một đời người.

Hà Nội, tháng Giêng - tháng Mười 1939

LOẠN ÂM

Ông Kinh Lịch họ Trịnh quán làng Phú Giang tỉnh Đông, ở chức tại tỉnh Bắc, được cáo đình gián[1] về quê giữ tang mẹ mới có chưa đầy một năm, lòng bận vô cùng, phần vì việc triều đình đổi mới, phần vì việc nhà lạc gần hết thói cũ. Thường đêm - nhất là bắt đầu vào tiết hè này - ông thức rất khuya chong một ngọn đèn thổ hà, làm khuây bụng mình bằng những lời sách của người ngày trước. Cuốn sách in bản gỗ bìa đánh cậy gáy gắn sơn, có khi quá canh ba vẫn chưa chịu rời tay ông Kinh Trịnh. Một đêm, nằm giữa sân, ngả mình trên trường kỷ tre, nằm ngửa mặt lên nền trời rất cao và rất trong gắt để luyện thêm về khoa chiêm tinh, ông Kinh bất chợt ngửi thấy một mùi khen khét rất lạ trong không khí. Không phân rõ là mùi gì, nhưng linh khiếu bảo ông nên đi vào nhà đi chứ không nên kéo dài việc nằm ở ngoài giời độc nữa. Ông thấy các lỗ chân lông khắp mình như mở rộng hơn lúc thường để đón lấy những đợt gió gây gấy lạnh. Bầu trời cao khi nãy bắt đầu tỏa sương và trở lên thấp tức. Giữa ngày hè, sương! mà lại sương có chất mặn, thế có biến không? Ông Kinh liếm mép khô, chặc lưỡi, đi vào nhà đóng cửa. Trong nhà càng lạ nữa. Nồng lên một

(1) Ngày xưa, người đương làm quan mà vướng phải việc đại tang, thường phải cáo đình gián, xin lùi nghỉ cho hết tang ma rồi mới lại xin ra sau để triều đình bổ dụng. Ai ẩn nặc bị tội nặng.

mùi khói chổi sể và khói đốt rác. Mùi lan buồng sách của ông bạt đi đâu mất cả. Ông chạy lại án sách, thì hai giò Chu Mặc Lan vẫn còn tươi nơi ống bút. Ông định gây một lư trầm và pha một ấm nước. Xuống bếp định gọi đứa tiểu bộc dóm lò than thì ra nó bỏ nhà đi đâu từ bao giờ, cửa cổng mở toang. Và cùng phút nghi ngại này, từ các lối xóm dồn về không biết bao nhiêu là tiếng chó sủa vang. Ông Kinh chặn cổng rất kĩ, lòng nghĩ đến những tai biến có thể đang xảy ra giữa nhà ông và quanh nhà ông. Dưới ngọn đèn khuya, ông thao thức không ngủ. Đọc sách, chữ không vào, mà đêm thì còn dài. Nguy hiểm nhất là lúc khuya vắng, đọc sách mà chữ thánh hiền không chịu vào. Cái lòng người có chữ, lúc ấy đã là biến lắm. Ông Kinh biết lấy gì mà thức? mà ngủ ngay được? Ông đành nằm đếm suông những dịp ngắn dịp dài tiếng mọt đục khoét lòng chiếc cái gỗ sơn son đỡ cái bát nhang thờ trên cái tín áp tường. Có tiếng sột soạt khô nỏ và cứ cách quãng một. Lắm lúc tiếng ấy lại đều đều như tiếng lá khô bị gió ru chạy trên mặt đường nỏ. Soi đèn tìm mãi, thì ra đấy là một con mối vừa đớp được một con gián, nuốt chưa hết - lớp cánh gián còn xòe tung ngoài miệng - và quật mãi cánh gián đập vào nền giấy một bức tứ bình mép rách cong cứng lên. Ngoài ngõ đưa vào tiếng bụi tre già cọ mình vào nhau, tiếng kêu kẽo kẹt y như tiếng nước xiết vặn thừng cọc mái chèo một con thuyền mỏi cấm nghỉ ở bến nước khuya. Hình ảnh một con thuyền nghỉ nơi bến thường hiện lên luôn luôn trong đầu ông Kinh - một người làm quan sống một đời lãnh hoạn và chỉ thèm được lùi hẳn về nghỉ với vườn quê hương.

Đêm vắng nỏ lắm. Ông Kinh lại như nghe thấy tiếng sáo lúc xa lúc gần. Ấy là tiếng sáo thiên nhiên của bụi tre già ngoài ngõ. Chả bụi tre già bị kiến đục nhiều lỗ thủng trên từng đốt tóp cằn, mỗi đợt gió lùa qua bấy nhiêu lỗ thủng suốt, mỗi lỗ lại vang lên một âm thanh cao thấp khác nhau và bụi tre già đã là một cây phong cầm vang âm trong gió đêm tiết hạ. Mọi ngày vui vẻ trong lòng, ngà ngà mấy chén rượu thuốc, nghe điệu sáo bụi tre ngõ nhà, ông Kinh lấy làm thú và ví nó với một khúc địch Thiên Thai. Nhưng lòng ông Kinh giờ này tràn ngập những ngờ sợ, ông chỉ thấy tiếng gió lùa qua lỗ tre là một thứ thanh âm đủ những cung bậc quái đản của một thứ nhạc huyền bí tấu từ một thế giới u linh

nào lạc về. Thêm vào ngón sáo ma quái ấy, ngoài hiên, đợt gió lả lay mỗi lúc đổi chiều lại ru cái ống bơ sắt văng vào thành cong nước đầy. Cái ống bơ nổi lềnh bềnh trên mặt nước vại bị gió xô quanh thành ang sành có những tiếng rụt rè lén lút. Đêm quạnh hiu lẻ bóng, nghe mà thêm giợn. Nghe nó cứ như ma múc nước trộm và nghịch cái gáo ấy. Ông Kinh muốn tìm pho Kinh Dịch ra đọc để trấn vững lòng mình. Ông nghĩ thế thôi, chứ chưa kịp trở dậy lấy sách thì mí mắt đã thấy nặng. Ông mệt quá, muốn thiếp đi.

Bỗng hai cánh cửa lùa từ từ mở rộng, gió ùa dần vào. Ông Kinh nghển mình dậy rất nhanh như một người có nghề võ tự vệ lúc ngờ có ai định xúc phạm vào thân thể mình. Rất rõ rệt, có hai người lính áo dấu nẹp đỏ, đầu đội nón sơn, hiện hình trong khung cửa. Họ từ tốn bước vào, cung kính đặt giữa bàn một khay lễ vật rất xinh và cúi đầu nói qua vào trong lá màn ông Kinh:

- Thưa ngài, Ông Lớn chúng con hành hạt qua vùng đây, có chút lễ vật truyền cho chúng con đưa đến hầu ngài. Ông Lớn chúng con có lẽ sắp tới bây giờ.

Ông Kinh không rõ là Ông Lớn nào, lòng phân vân mà tay thì đã với áo dài thâm mặc vào mình. Vừa quấn xong mấy vòng khăn rồi thì quý khách đã bước vào. Ấy là một vị thượng quan, bằng trạc tuổi mình, mặt tròn và đen và không râu không ria, đầu đội mũ đuôi cá, chân đi hia, mình mặc áo bào cánh hạc đỏ - lưng và ngực thêu một con giao long đen, dát bạc. Cứ phẩm phục ấy, thực ông Kinh cũng chưa thấy có vị quan cả nào ở triều đình thế gian này như vậy. Vị quý khách và ông Kinh vẫn vòng tay kính cẩn, hai bên lặng nhìn nhau trong lạ lùng và lễ độ. Sau cùng, ông Kinh chợt nhớ chưa mời khách ngồi, vội kéo ghế và tạ lỗi:

- Tôi vốn là một chức tiểu lại của triều đình vừa cáo đình gián về cư tang mẹ được hơn năm nay. Tính lại vốn quen với việc thôn ổ, ít khi được đi tới những chốn tử các lệ viên. Nay Quan Lớn lại không hiềm nhà gianh vách đất mà giáng lâm lúc khuya khoắt, ắt hẳn có điều chỉ giáo.

Bây giờ vị quan áo bào xanh mới lên tiếng, giọng sang sảng như chuông đồng:

- Anh quên em rồi à? Chỗ anh em trong nhà cả, anh xưng hô

làm gì như thế cho nó cách biệt ra. Quan là quan với chỗ âm phủ và chỗ dương gian có việc thôi chứ; còn riêng đối với anh thì em đâu dám thế.

Ông Kinh Trịnh lại càng không hiểu, giương đôi mắt nhìn không chớp, trong sự ngỡ ngàng giờ lại pha thêm ít e sợ.

- Quan Lớn có thương yêu kẻ thôn dã áo vải này được điều gì trong đức hạnh liêm cần hoặc trong tính tình cao khiết mà giáng lâm để luận đàm đôi chút về lời chư sư chư hiền nơi cổ thư vào lúc tĩnh vắng đây thì kẻ thất phu tôi xin được hầu chuyện và kể cũng đã là may lắm rồi. Còn như chuyện Quan Lớn nhận cho là có tình ruột thịt thì trong họ tôi đây, cả bên nội lẫn bên ngoại, thực cũng ít người có chữ mà được điều hiển đạt. Xin Quan Lớn nghĩ lại, e có điều nhầm lẫn chăng?

Vị quan áo bào xanh cả cười:

- Anh để em nói thêm. Anh em cách biệt nhau đã mấy chục năm và lại âm dương cách biệt - em giờ làm quan dưới âm - anh không nhận được ra em là phải lắm. Số là em vốn học trò cụ Đắc. Hồi còn nhỏ em vẫn được hầu điếu đóm thầy. Anh tức là thế huynh của em. Được cùng anh học chung đèn đến lớp đại tập thì em chẳng may không được làm người nữa. Em rất tiếc rằng không được học nốt năm ấy để làm rạng cửa thầy. Thầy vốn thương em như thương anh và tin em sao cũng lấy được ít ra là cái cử nhân về cho thầy. Em chết xuống dưới âm ty, Diêm Vương nhận ra em là oan uổng và thấy tư chất thông minh, lại thêm có sĩ hạnh, nên cho em làm quan luôn dưới ấy, giữ về việc kiểu lương đạo lộ. Một đôi năm, những lúc có việc đại công tác, thiếu phu phen lính tráng để hưng công hoặc trùng tu đình đài miếu võ và đường sá thì lại cho em lộn về dương thế tuyển lính và bắt phu. Như năm nay chẳng hạn. Năm nay dưới âm em mở rộng đoạn đường nối từ bến đò U Minh đến Quán Cháo Lú, thiếu phu đấu đất, nên em lại được lệnh trở lên đây bắt phu. Công việc đem đủ người xuống phải làm cho xong trong vụ hè này. Phần việc của em nặng lắm. Chậm trễ sơ suất, sẽ bị khiển trách to. Nói qua để anh biết rằng sự giao thông ở dưới âm giờ bận rộn lắm. Các oan hồn thác xuống nhiều quá, không tiêu tan hết, chứa vào ngục tối thì không có quyền, nên ngày đêm họ nhan nhản trên đường. Nên năm nào, cũng phải tu sửa và mở thêm.

Vậy ra cái anh khóa Lương - ông Kinh Trịnh nhớ ra rồi. Ông nhớ cả cái tật hay ăn khoai lang sống của người bạn đồng song đáng yêu của mình - vậy ra khóa Lương giờ làm quan dưới âm, có áo bào xanh và lính áo nẹp đỏ đứng vòng tay hầu sau lưng. Ông Kinh Trịnh hơi rùng mình khi hiểu rằng giờ người bạn học cũ lĩnh chức Quan Ôn và cũ học này, quanh vùng đang có bệnh dịch tả phát hiện. Giữa lúc ấy, tiếng chó các lối xóm sủa vang lại dội về inh ỏi.

Vị Quan Ôn ngước nhìn hai tên lính và truyền khẽ:

- Bay ra truyền cho quân đội trong hàng ngũ quanh ta hãy nghỉ tay làm việc, chớ làm kinh động làng quan Kinh đây vội. Nói ông còn dở tí chuyện với Quan Lớn đây. Khi nào ông xong câu chuyện, sẽ hay, nghe.

Hai tên lính lĩnh mệnh đi ra. Vì Quan Ôn bèn nâng khỏi lòng khay lễ vật lấy ra hai vật xinh xinh và nói với ông Kinh:

- Thưa thế huynh, em ăn mày được ít chữ của thầy và gần gũi được cái đức của thầy, nay được xuống làm quan dưới ấy. Làm quan nơi xa và là chỗ quanh năm lạnh lẽo, quà cáp đưa được lên, gọi là có mấy vật mọn này, xin thế huynh nhận hộ em thực lấy làm vạn hạnh.

Đó là một cái nghiên bút bằng đá đen và một cái thủy trì cắm bút nho cũng bằng đá đen. Vị Quan Ôn chỉ mấy thứ văn phòng tứ bửu đó, nói tiếp:

- Thứ đá làm nghiên và làm thủy trì này lấy ở lòng sông Hắc Thủy. Nó có cái đức tính là ướt quanh năm. Chẳng cần cho nước mà lúc nào mài mực cũng được, chẳng cần đổ nước mà lúc nào cắm bút vào, ngòi cũng mềm dẻo.

Ông Kinh Trịnh còn do dự chưa biết nên nhận vật tặng hoặc việc lễ từ chối thì vị Quan Ôn lại rút thêm ở trong túi ra một cuốn sổ con mở đưa cho ông Kinh, tay bấm sẵn vào chỗ trang có tiêu tên làng Phú Giang quê ông Kinh lên đầu số mục.

- Công việc em làm năm nay, riêng về vùng Hải Dương này, phải bắt cho đủ một nghìn phu. Sẽ lần lượt đi qua khắp các làng mà nhặt phu, nhặt được đến đâu sẽ có áp tải quân đưa về dưới ấy trước. Làng ta, tức là ở vào chặng thứ ba nơi chương trình tuyển phu của em và phải cung mất... mất - anh cho em mượn lại cuốn

sổ em quên mất rồi - ừ, phải mất chín mươi nhăm tên phu, kể cả già trẻ đàn bà con trai. Em đưa trình thế huynh xem kỹ sổ này. Tên tuổi, nghề nghiệp và quê quán mỗi phu đinh bắt đưa xuống đều có ghi rõ cả, không thua gì một cuốn sổ bộ trên thế giới anh. Vậy anh nhận cho kỹ tên họ từng người và tìm xem trong số đó, có ai là ân nhân riêng của thế huynh, hoặc người trong gần họ xa hoặc những người mà thế huynh biết là hay tu nhân tích đức làm đình, chùa xây cầu quán và hay tô tượng đúc chuông thì xin thế huynh kê riêng ra mảnh giấy. Em sẽ liệu cách châm chước. Nghĩa là sẽ lại để nguyên cho họ làm người. Và số phu thiếu hụt ở làng ta, em sẽ cho quân đi bắt ở các làng quanh mà điền vào cho đủ.

Ông Kinh chăm chú đọc hết tên những người làng mình bị bắt đi phu xuống âm phủ vào cữ vụ dịch tả năm nay. Đến lúc này thì nét mặt ông bình thản vô cùng. Đây là việc Giời. Việc số mệnh. Ông vẫn giữ nguyên được vẻ điềm đạm của nhà nho, mặc dầu ông vừa thấy rõ trong sổ tên và tuổi đứa tiểu bộc của ông. Nó mười sáu tuổi. Thấy ông Kinh đọc hết hai ba lượt trong sổ rồi mà không nói gì, vị Quan Ôn bèn giục:

- Thế nào, ý huynh ra sao, xin cho biết, để tôi còn liệu châm chước. Cũng nên định cho chong chóng đi. Thời giờ của em ngồi được với anh, không thể dềnh dàng ra được. Vào thăm anh thế này cũng là đủ lắm rồi. Để em còn cho đám tùy tòng họ lĩnh mệnh mà làm việc rồi còn trấy xuống làng dưới. Quân án mãi ngoài ngõ đã lâu cũng bất tiện. Vả chăng đêm đã gần nhạt. Canh đã gần cuối tư rồi. Xin thế huynh nhất định đi cho. Có thể để sống lại cho làng anh chừng hai mươi kiếp phu. Nhiều hơn số đó, em không dám nhận.

Ông Kinh mới thủng thẳng:

- Thưa Quan Lớn, trong cái đời liêm chính của tôi, chưa lúc nào tôi có làm điều gì khuất tất trong lòng. Nay Quan Lớn hành hạt qua đây, lại nghĩ đến cái tình đồng song cũ và thứ nhất có nghĩ đến cha tôi mà vào chơi, thế là quý lắm rồi. Việc Quan Lớn gia ơn cho làng Phú Giang này, tôi rất thâm tạ, nhưng thực không dám xin cho ai. Xin Quan Lớn cứ thừa thiên mà hành đạo. Việc sống chết của chung quanh tôi, xin Quan Lớn cứ phải mà làm và người áo vải này không dám nói thêm vào lấy nửa lời.

Sắc mặt vị Quan Ôn bỗng tái hẳn đi. Sự giận dỗi quả đã là rõ rệt.

- Thế huynh thực phụ bụng tôi nhiều quá. Lòng, cố nhân ngay thẳng quá, điều đó thực là đáng quý. Nhưng từ sau phút này chia tay, lộn về dưới âm, bụng tôi không đành chút nào. Và như thế này tức là thế huynh không muốn cho tôi lui tới cửa nhà thầy nữa đây.

- Tôi đâu có dám nghĩ như thế. Tôi sở dĩ không dám nhận xin sống cho một ai ở làng đây vì sợ điều này sẽ biến thành một chuyện ẩn nặc có thể gây luỵ cho Quan Lớn lúc thừa hành công vụ. Để tỏ rõ lòng tôi vẫn có chỗ quyến luyến với tình đồng song cũ, tôi xin nhận cái nghiên bút và thủy trì đá đen và trân trọng tưởng nhớ mỗi khi dùng đến.

- Vậy anh cứ nhất định không xin cho một tên phu nào? Cái thế tôi có thể làm được thì mới dám nói.

Nói xong vị Quan Ôn định rũ áo ra đi. Ông Kinh nể lời bèn lấy móng tay sắc nhọn gạc sang bên chỗ tên tuổi đứa tiểu bộc hầu mình.

- Vậy thì xin Quan Lớn tha phúc cho tên này. Nó mới có mười sáu tuổi. Nó cũng lanh lẹn. Nhà vốn lại neo người. Mất nó hầu, kẻ cũng hơi bận. Và đâu trong họ nhà nó, nó lại là con một.

- Một tên ấy thôi?

- Tưởng như thế cũng là đủ rồi. Cô nhân gia ơn cho mà không nhận thì thật là lỗi với đạo bằng hữu.

Vị Quan Ôn mỉm cười, xin cáo biệt. Ông Kinh vừa tiễn ra đến sân thì thấy biến mất. Trống canh chòi phủ phía trên điếm bốn tiếng. Ông Kinh lộn vào, lòng nghĩ ngợi liên miên. Truyện gì mà như chiêm bao. Ông đang ngắm nghiên mực đen, thì từ lối xóm dưới, chó sủa không ngớt tiếng và lại có tiếng người nhôn nhao chạy qua lối ngõ nữa. Mà hình như có ai mở cổng. Tên tiểu bộc đã hớt hải chạy vào, mặt cắt không ra giọt tiết. Nó nói ngay nghe chữ được chữ không:

- Ghê quá, ông ạ. Làng ta chuyến này bị bắt phu nhiều quá. Các quan và lính tráng đóng chật cả đình làng. Con chắc kỳ nước năm nay rồi sẽ to lên lắm và các quan tuyển sẵn người để đi đê vụ nước sắp tới đây.

Thì ra tên tiểu bộc vẫn chưa hiểu gì. Ông Kinh giả vờ như không hay chi hết, hỏi thêm nó:

- Sao mày biết? Ai bảo mày rằng nhà nước bắt phu đi đê từ bây

giờ?

- Dạ thưa ông, thì con vừa ở đấy về. Lúc tối, nóng quá, con trộm phép ông ra sông tắm rồi thiếp ngủ luôn ở nền quán đầu làng. Con ngủ được một giấc kể cũng đã dài. Bỗng có nhiều người đánh thức con dậy, bảo con đi theo. Đến đình làng, con thấy các quan đóng ở đấy ra đã từ bao giờ ấy. Ông nào trông cũng tợn cả, ông ạ. Các quan cho gọi tên từng người. Nhà xã bên hàng xóm nhà ta cũng có hai người phải đi. Lại cả vợ chồng Nhiêu Hữu ở xóm Cầu cũng đều phải đi cả. Con nghe thấy tiếng hai vợ chồng khóc to lắm và kêu xin tha, nhưng mà không được. Đông lắm ông ạ. Tiếng khóc như đi. Gọi đến tên con, thì thấy có một ông mặt đen ngồi giữa, mặc áo xanh, trông rất tợn - bảo tha cho con. Vậy là con chạy luôn về đây, xem ông có sai bảo gì không. Nếu không có gì bận - thưa ông, nước con gánh đầy cả các vại và cong rồi, - ông cho phép con lại chạy ra đình. Nhộn nhịp lắm. Mà sao con lại không thấy ông lý đâu cả?

Té ra cái tên tiểu bộc vừa thoát chết dịch này vẫn không hiểu gì cả và nói chuyện âm phủ như chuyện dương gian. Ông Kinh bèn quát nó không được đi đâu và xuống dóm ngay lò đun nước cho ông.

Giời đông hửng dần ngoài con song trúc. Ông Kinh uống ấm trà thấy lạc vị. Từ nãy mải mê nghe chuyện tiểu đồng, ông quên đi, chứ thực ra, từ một lúc lâu rồi, đã im hẳn những tiếng chó cắn gà gáy. Lò than quạt nước còn ửng hồng, ông Kinh bỏ vào đấy ít thỏi trầm Tử Đàn Hương và giở bài Chính Khí Ca ra tụng. Những lời lẽ chính trực trong bài văn đầy nghĩa khí của Văn Thiên Tường được ngâm lên dõng dạc như lời kệ buổi niệm của sư chùa làng. Theo một thói cũ nhà nho, ông Kinh Trịnh tin rằng những buổi độc giờ xấu giời, giở Chính Khí Ca ra tụng thì những tà khí tản đi hết.

Tụng Chính Khí Ca xong, ông uống ba chén rượu thuốc để giữ độc rồi khăn áo đi xem động tĩnh trong làng.

Lúc ấy, bóng dương độ con sào.

Quanh co qua các ngõ, ông Kinh ngửi thấy toàn một mùi khói bồ kếp và chổi sể. Một vài nơi trong lối xóm đã nổi lên tiếng khóc. Đúng là tiếng khóc người chết. Ông Kinh tìm đến gần những nơi có tiếng khóc để dò xem ai chết ở nhà ai. Một nhà, hai nhà rồi **dăm bảy** nhà, "Thảo nào, mà ấm trà buổi sáng chẳng đi hết nhang!". Ông Kinh nhớ lại cuốn sổ vị Quan Ôn đưa đọc tối qua.

Thì những kẻ xấu số vừa thiệt mạng kia đều là những người có tên ở đấy cả. Ông Kinh gật gù. Cứ lời Quan Ôn nói thì làng Phú Giang phải cung mất những chín mươi nhăm xuất phu kia. Ông Kinh đi vòng hết làng, và một buổi sớm dữ dội ấy, không thấy ai chết thêm nữa, ông bèn lộn về nhà. Trên con đường về qua các ngõ hẻm có tiếng tiếc thương người chết, miệng ông Kinh lẩm bẩm: "Chín mươi nhăm chết mất bảy rồi. Chín mươi nhăm, trừ bảy còn... còn tám tám". Bước vào đến sân nhà, nhìn thấy thằng bộc đang lom khom quét sân, ông à một tiếng và tiếp: "Thế nghĩa là còn tám mươi bảy mạng nữa. Nhưng quái, sao không bắt nốt cả đi, trong một đêm qua? Có lẽ thiếu người làm việc, còn đợi bắt dần chăng?

Giữa đêm ấy, ông Kinh Trịnh đem kinh Phật ra tụng, tiếng chầy nệm xuống cái mõ con cúng cháo nghe đều đều. Và những tiếng kèn Lâm Khốc của bảy nhà bất hạnh lại chốc chốc dội về như muốn hùa theo đánh bạn với những điệu siêu sinh tịnh độ.

Cho đến hết một cái tháng tư.

Và qua tháng năm. Ngày nào, làng Phú Giang cũng có ít người qua đời. Qua một cách nhanh chóng quá. Chỉ đi có một hai lần, chỉ nôn có vài lần, thế là đã xong một kiếp người.

Ông Kinh Trịnh cứ ngồi đấy mà tụng kinh và cộng dần số người chết dịch. Ông tự nhủ rằng làng ông còn được kinh động chán, kỳ cho đủ đến cái số gần một trăm mạng kia. Việc bí mật này ông giữ mồm giữ miệng, tịnh không hề dám ngỏ với ai. Ông vốn là người kiêng dè đến những việc của quỷ thần. Nhà sẵn có ít cây cau liên phòng, mỗi đêm ông lại bẻ ở buồng cau xuống một quả đặt tên là cây hương ở ngoài sân với một lá trầu, rồi đứng ra giữa trời khấn vái cầu bình yên. Sớm mai dậy, buổi nào cũng vậy, ông đều nghiệm duy chỉ có bát nước cúng là không có váng, còn như mặt nước các ang cong chum là đều nhờn váng như có ai rỏ giọt dầu xuống. Ông hiểu đấy là những lệ khí của một bầu giời loạn âm. Ấy, nhà mà không có âm phù dương trợ, kém âm công, nhỡ mà uống phải những nước váng ấy tức là "đi phu" dưới âm phủ đấy. Ông Kinh lại còn nhận thấy điều này nữa là từ độ vào hè đến giờ, các thứ quả thời trân mua ở chợ về, là đều có vết móng tay của quan quân bấm vào vỏ, lắm vệt đánh dấu rất sâu, cứ đỏ như máu tươi chứ không chịu tối thâm xuống.

Như thế này thì làng Phú Giang còn làm ăn gì nữa.

Chợ làng vắng hẳn đi. Đầu tiên, tuy nắng nỏ và nhân tâm nao núng, chợ vẫn có người. Nhưng buồn và lạnh ghê lắm vì trong số người gồng gánh có mặt ở đấy thì đến quá nửa là chít khăn trắng. Có người, trên đầu đeo ba bốn cái tang dồn trong một lúc. Ở chỗ đám đông, số khăn trắng tăng mãi. Trông xa cứ như là cò đậu. Người sống họp chợ cứ vợi dần mà ma mới thì cứ thêm mãi. Chết nhiều quá. Sau cùng đến cả những người đội khăn trắng cũng chết. Âm thịnh mãi mà dương thì suy dần. Rồi có một buổi, chợ làng đến ba phần tư là ma họp. Thậm chí, còn một số ít toàn ông già bà cả, vì đói kém mà không còn biết sợ là gì, cố đem quang gánh đi họp vào ngày phiên. Nhưng tan rất sớm. Đầu giờ mùi mà đã không còn một ai ngồi đấy. Chõng ghế lổng chổng, bên những nồi nước lã đầy có những đồng tiền nổi lềnh bềnh trông rất là gở quái. Từ ngày có việc loạn âm, ma quỷ được dịp lên nhiễu người dương gian cả giữa ban ngày, các bà ấy đi chợ bèn sinh ra cái tục là thử tiền của người mua vào chậu nước. Ai trả đồng nào và mua bán gì là họ đều quăng luôn vào chậu nước để bên cạnh, những đồng nào chìm thì mới vớt ra và đếm đến. Còn những đồng nổi thì coi là tiền của ma và không kể. Có bà cụ bạo là thế mà cũng đã có hôm chết ngất đi vì suốt một buổi họp chợ từ đầu ngọ đến sang mùi bà toàn nhận có những đồng tiền nổi thôi. Giận quá, ngước mắt lên hỏi thì đám người trả tiền nổi ấy phá lên cười, ù té chạy, chân không sát đất và biến vào cái lùm tre xanh đầu đình chợ. Eo ơi, bà cụ lăn đùng ra. Mọi người ù té chạy. Thế là tan chợ. Như lúc có loạn dương vậy. Kế đến những ngày chợ làng không còn ai họp nữa. Và đường lối trong làng, lắm hôm mới qua ngọ được có không bao lâu mà đã không có bóng một ai. Mặt giời chưa chếch hẳn bóng mà nhiều nhà đã sập hẳn cửa ngõ xuống rồi. Ai gọi cũng không thưa nữa. Mỗi khi có ai kêu đúng tên mình ngoài lối ngõ, người trong nhà, già bảo trẻ rằng chớ có lên tiếng vì đó là ma nó gọi đi đấy. Lên tiếng là mất, là không được làm người nữa. Ngoài đường, trên những con đường rác rưởi bừa bộn vì thiếu người quét, giờ nhiều nhất thì chỉ là lũ chó đuôi cụp lưỡi lè, vẩn vơ như đi tìm bóng chủ cũ, lớp lông thưa phờ trên một lớp da gầy hằn lên những bộ xương đói. Ấy là những con chó vô chủ của những gia đình bị "đi phu" cả nhà. Cả làng không có tiếng gà

gáy sớm trưa nữa. Nhưng chiều giời vàng mặt, đã có những tiếng chó già thay vào. Nó kêu như tiếng người bị bóp cổ kêu cứu sống. Cảnh tượng làng Phú Giang vắng quạnh và thê thảm vô cùng. Trông những bóng rợp, to rộng từng miếng đen mát rợi nơi đường vắng mà lại càng rợn lòng. Mọi khi, đấy là mát, đấy là có sinh khí vì nó che cho vô số bóng người nghỉ chân dưới gốc. Bây giờ những bóng râm ấy chỉ gợi đến lạnh lẽo. Không một ai dám đến đấy mà nghỉ chân, tin rằng quan quân đóng cả đó, nhỡ tới mà chạm phải vía các ngài thì khốn to.

Không khí khô nỏ. Giếng làng thảy đều ngót vơi hết nước. Và ở các rãnh cống ăn ra ao hồ hoặc lạch con, nhan nhản những thuyền bát nhã bị rêu nhờn nước tù gắn chắc chèo lái lại. Những thuyền giấy mã của những đàn tế cúng hung thần ấy khô quắt lại trên những tảng nước giả vờ đang cho sủi những cái bọt xanh đặc mỗi lúc nổi cục lên là to bằng cái ung thư. Khắp dọc cái lối ngõ ngang đường chính, cứ vài bước là lại có một cái que nâng lấy một chiếc lá đa khoanh tròn đựng ít cháo thí cho chúng sinh cô hồn. Nắng ngày dịch đã cô đặc cháo cúng giữa giời và rút dần mực cháo xuống, để lại từng ngấn tròn trong lòng lá khoanh chứa thứ nước ngũ cốc đã trở nên sền sệt như mũi. Kèm vào sát ngay mỗi lá đa cháo cúng là những lá cờ đuôi nheo xanh đỏ chói lòe và muôn thuở không lung lay giữa một giời đứng gió. Bởi giời nỏ, chốc lại vang về ít tiếng vọng âm u những hơi thở của vong hồn oan khổ. Ngoài các đầu ngõ, trên những đống gio mới, ngổn ngang các mẩu chõng tre và cói chiếu cháy dở.

Ghê thảm nhất là cảnh đò ngang Phú Giang không có người chở. Trên con đò chợ bến dưới, chỉ có hai chị em đứa bé ngồi khóc bên mạn thuyền vắng, trên đầu mỗi trẻ, lôi thôi một giải khăn ngang.

Cha mẹ chúng nó vừa chết chưa đầy một tuần cơm cúng đầu. Bây giờ ai có việc muốn qua sông sang bên kia huyện dưới thì cứ bước chân xuống thuyền nhưng phải cầm lấy sào mà chống đẩy. Sang bờ sông lạ bên kia, trẻ càng bỡ ngỡ và khóc nhiều.

Lắm buổi có chút gió dưới xuôi về, ông Kinh Trịnh nghe tiếng khóc của đôi trẻ ấy mà lấy làm ái ngại vô cùng.

Một hôm ông Kinh đang nghĩ có nên đem hai đứa cô ai tử ấy về mà nuôi không thì có người vén rèm bước vào. Ngọn đèn thổ

hà lay ngọn, ông Kinh giật mình, nhìn lên thì té ra ông quý khách ngày nọ. Vẫn mặt đen, áo bào xanh, nhưng lần này không có lính đi hầu theo.

- Kính chào thế huynh. Lâu nay thế huynh vẫn mạnh giỏi?

- Kìa Quan Lớn đã lại đến. Hẳn lại có điều gì chỉ bảo nữa.

Thấy vẻ mặt ông Kinh có vẻ lo sợ, vị Quan Ôn vội cười:

- Thế là gần một tháng nay, em đã làm xong xuôi mọi công việc ở vùng làng anh. Đêm nay, em xin trẩy xuống các làng xa phía dưới. Để cáo biệt cùng anh. Và có chút vật mọn này, gửi anh gọi là đồ kỷ niệm buổi chia tay.

Vị Quan Ôn đang loay hoay lấy ra khỏi tay áo rộng từng cái gối quạ xinh xinh và đen bóng - lấy ra từng cái một - thì đứa tiểu bộc nhà ông Kinh mang hỏa lò nước lên. Nó nhận rõ mặt khách này chính là cái ông quan ngồi bắt phu ở giữa đình làng đêm tháng trước, nó sợ quá, đánh rơi hỏa lò than xuống nền vỡ tan và chạy mất.

Vị Quan Ôn, bình thản ra khép kín cánh cửa lại. Rồi ghé sát vào tai ông Kinh: "Thôi em xin đi. Cốt lại chào anh và báo luôn cho anh một tin này. Là qua năm, vụ hè, anh sẽ cùng làm việc với em. Em đã tâu với Diêm Vương. Diêm Vương cảm cái đức lớn của anh, định để anh làm Chánh Tuyển Quan và em là Phó Tuyển, mỗi kỳ có việc tuyển phu trên này".

Vụ hè năm sau. Ông Kinh Trịnh vẫn còn ở vào thời hạn cáo đình giản tại làng Phú Giang, lấy lời chữ sách và gió giăng chỗ quê nhà mà khuây khoả lòng nhớ mẹ khuất. Và về câu chuyện Diêm Vương mời làm việc âm giúp - cứ vào lời vị Quan Ôn nói từ hè năm ngoái - ông Kinh Trịnh cũng quên hẳn.

Một đêm nóng nực ấy, phải thức quá lệ thường để nghĩ dùm một bài văn tế làm dở cho một hiếu chủ hàng xóm, ông lắng thấy có tiếng móng ngựa nền ngoài sân đất trị, rồi lại có tiếng nhạc rung. Vội mở cửa thì thấy có đông người tiến vào nhà, ông vội thêu đèn to thêm, hai con bấc nữa. Trời ơi, cố nhân. Lại vẫn vị Quan Ôn ngày năm nọ nhưng năm nay lại không mặc áo bào xanh mà lại mặc áo bào màu ô bóng. Và dáng điệu có phần e dè hơn mấy lần trước. Những người tùy tòng đã khệ nệ đặt nhiều hòm con lên mặt bàn xong xuôi đâu rồi, vị Quan Ôn mới xoa tay vào nhau và thưa với ông Kinh một cách rất kính cẩn.

- Dạ thưa anh, đây là áo mũ Diêm Vương ban để anh dùng lúc làm việc. Nói để anh biết rằng anh không thể vin lẽ gì mà từ nan được đâu. Từ nay có anh đỡ đần cho một tay, công việc em chắc sẽ được nhẹ nhàng hơn trước nhiều.

Thấy ông Kinh hốt hoảng, vị Quan Ôn hiểu ý, nói đón:

- Thưa anh, anh không phải xuống hẳn dưới ấy mà làm việc đâu. Anh vẫn cứ ở nguyên dương thế với những bổn phận và những dật lạc của cuộc đời trên này. Một vụ hè, cứ mỗi thượng trung hạ tuần mỗi tháng, anh dành cho ba ngày giúp em. Vậy xin ngày mười tới đây, em sẽ trở lại thỉnh anh đi điểm hộ ít phu và soát sổ bộ. Thôi, lạy anh.

Vị Quan Ôn vụt ra cửa. Tiếng nhạc ngựa thưa dần trong gió khuya. Ông Kinh ngồi ngẩn người ra trước bộ áo bào ô xanh mới nguyên để giữa bàn mình với một đôi hia và một cái mũ đuôi cá.

Gió khuya vẫn còn đưa lại cái tiếng lanh lảnh thưa thớt của nhạc ngựa. Ngọn đèn thổ hà lụt một con bấc, kém hẳn sáng đi. Một con thiêu thân bay ập xuống cánh dập tắt nốt ngọn đèn dầu. Cũng như đêm hè năm ngoái, ngoài hiên, gió sang canh lả lay lại ru cái gáo múc nước văng cụng vào thành ang nước đầy.

(Trung Bắc chủ nhật số 161-1943)

XÁC NGỌC LAM

Làng Hồ Khẩu có nhà họ Chu làm giấy nổi tiếng đã đến mấy mươi đời liền. Ông tổ bốn đời nhà họ Chu, đâu suýt nữa có lần làm quan. Thời ấy, nhà vua xuống chiếu cho quan địa phương phải làm sổ đệ dâng về những môn bách nghệ trong nước và tên họ những người có tài thủ công trong các môn ấy. Về các phường làm giấy bán giấy, một hạt Hà Đông, nhà họ Chu được đứng vào đầu sổ kê khai bách nghệ. Ý chừng quan địa phương đã cho giấy

Bá Nhỡ được hạ thổ vào lúc xế chiều. Và ngay buổi tối ấy, tửu phần cũng bị khai quật lên luôn. Mặt đất gò rượu ngổn ngang đất đào và vô vàn là chum là hũ bị tháo nút ngả nghiêng ở miệng huyệt rượu. Nhiều vò rượu, nước sánh đặc chảy ra lênh láng. Nhiều hũ cơm ủ đang kết men, - lấm cái hình bó và sắc cốt hiện lên đẹp như phát khanh tướng đến nơi.

Sẵn bó đuốc cháy, Lãnh Út vứt luôn vào tửu phần khai quật. Gò rượu phát hỏa. Lửa men khê nồng bốc lên liên tiếp. Cho đến hết canh ba mà ngọn lửa men rượu xanh lè cũng chưa dịu ngọn. Đêm phóng hỏa tửu phần, thảo mộc chim muông vùng Mê Thảo bị một trận say lây. Cây cành cỏ lá đều miên man rũ rượi rầu nhũn. Thú ngàn rống to lên như cảnh động rừng. Chim bị say, cánh cụp cứng lại mà lìa khỏi tổ, rụng xuống đất như quả chín rời cành mẹ.

Lảo đảo, Lãnh Út lắp bắp ấm ớ nói mê giữa một giấc chiêm bao không ngày tháng: "Sau một cái tử biệt, giờ ta phải tính đến một nỗi sinh ly khác. Đối với đàn, hát, từ bây giờ ta nguyện làm một người điếc một người cô đơn một người phan bội. Và trên vong linh Bá Nhỡ, ta thề độc là không bao giờ cầm đến một cái chén nào của cuộc đời này".

Tái bút

Một năm sau, ấp Mê Thảo mọc lên một ngọn chùa. Chùa Đàn. Chùa Đàn nhận tượng mới và chuông mới vào trước kỳ giỗ đầu Bá Nhỡ mười hôm.

Cô Tơ đòi giữ việc kinh kệ cho Chùa Đàn và nhận trông giúp luôn vài mẫu ruộng bầu hậu cho Bá Nhỡ. Dưới nhà thờ, có bia bầu hậu cho Bá Nhỡ, ghi ngày kỵ và lễ vật dâng vào định kỳ ấy. Ngày kỵ Bá Nhỡ, dân hàng ấp đều được nghỉ việc tắm tang bốn buổi liền.

Bệ vôi nhà thờ tổ chưa có pho tượng Phật nào. Nhưng ở đấy, sau bát hương đặt một tảng gỗ đẽo có ngọn vút lên, trông xa như một gốc trầm. Lại gần nhận kỹ thì là cả một cây đàn đáy với những nét chính của nhạc khí tạc chìm vào gỗ mộc. Cứ vào hai buổi chuông triêu mộ, tảng gỗ thờ đó lại đổ ít mồ hôi dầu và xê động khỏi chỗ. Ngày nào, Cô Tơ cũng phải kê đặt lại tượng đàn thờ.

Được hai năm thì ấp Mê Thảo sang tay chủ khác, người ngoại quốc.

Lúc bán ấp, Lãnh Út cố điều đình vẫn giữ lại hai mẫu tự điền vốn cắt ra làm ruộng hậu.

Chùa Đàn đứng trên khoảng đó.

Vũ Bằng

ĐÁM CƯỚI HAI U HỒN Ở CHÙA DÂU

Tiết tháng bảy, mưa dầm sùi sụt
Toát hơi may, lạnh buốt sương khô!
Não người thay, buổi chiều thu!
Hoa lau nhuốm bạc, lá ngô rụng vàng.
NGUYỄN DU

Đến đêm thứ sáu, sư Phổ Giác yên trí mình không thể nào lầm được.

Xen vào tiếng gió thổi vi vu ở lưng chừng núi, quả là có một tiếng gì nhỏ bé, tựa như tiếng thở dài của một đứa trẻ con, nổi lên ở đằng sau dãy cửa "bức bàn".

Sư Phổ Giác thoạt tiên không để ý. Nhưng đến đêm thứ tư, quay lại, lúc tiếng thở dài đó nổi lên thì thoáng thấy có một bóng trắng biến vào sau phương trượng.

Cây phướn rủ từ trên mái chùa xuống giữa Phật đài rung khe khẽ... Không có gì hết... Chỉ có tiếng gió rì rào trong kẽ lá ở ngoài hiên.

Vì thế, đêm nay, sư Phổ Giác quyết định phải xem cho biết cái bóng trắng ấy ít lâu nay cứ hiện lên ở chỗ tu hành để làm gì. Đó là một linh hồn mồ côi? Một hồn oan của kẻ chìm sông lạc suối? Hay là một con ma?

Ngài không phải là người mê tín dị đoan.

Cách đây mười bảy năm, ai từng theo dõi báo chí ở Sài thành hẳn

còn nhớ vụ bác sĩ Lê tự nhiên bỏ nhà ra đi mất tích. Họ hàng bác sĩ đổ đi tìm. Ngót hai năm sau mới thấy bác sĩ ở một trái núi cách ngọn Thanh Long, Bạch Hổ ở Bà Đen chừng hai mươi cây số.

Lúc đó, bác sĩ Lê không còn như trước nữa: ông đã trút những bộ âu phục đắt tiền để đổi lấy bộ cà sa.

Thì ra ông đã đem hết của cải trong nhà để mua vật dụng tự cất lấy một căn chùa gọi là chùa Dâu; ông tu lối Tiểu Thừa, tự làm lấy mọi công việc, không quản gian nguy, khó nhọc; suốt cả trong căn chùa ở chốn thâm sơn cùng cốc đó không có lấy một chú tiểu đỡ đần ông.

Sư Phổ Giác chính là bác sĩ Lê đã bỏ nơi đô thị để xuất gia đầu Phật. Hồi đó, có nhiều báo đặt giả thuyết ông chán cảnh sống xa hoa, muốn lấy Phật làm lòng để quên lãng "giai không vạn cảnh"; có người cho rằng ông được hưởng phép mầu, cảnh giác, nên quy y với tin tưởng muốn nhờ Đức Phật từ bi "giải oan cứu khổ, độ về Tây phương", nhưng lại cũng có người bảo ông thất tình với cô Ba Trà nên mượn "giọt nước cành dương để tưới tắt tình duyên tục lụy".

Sự thực không phải thế. Ông tu chỉ là vì đã hé thấy tất cả sự cao siêu trong cái đạo nhiệm mầu của Đức Phật từ bi.

Cố nhiên một người đã đậu hai bằng tấn sĩ như ông, lại tinh thông Hán học, không thể hiểu đạo Phật một cách tầm thường, thấp kém. Ông tu là vì nhận thấy có một nỗi buồn mênh mông trên trái đất; ông tu để tự giác và cũng vì thương xót những người ở chung quanh mình. Nát bàn ở đâu? Nại hà ở đâu? Thế giới chúng sinh ba ngàn nước mắt ở đâu?

Giả sử một nhà sư khác mà thắp ngọn đèn dầu ngồi tụng kinh ban đêm như thế thì tập trung hết cả tư tưởng để mà tụng niệm, chớ không chịu để cho trí óc loãng ra vì những sự việc diễn ra ở chung quanh, nhưng sư Phổ Giác thì không thế.

Đêm nay, vừa tụng kinh, sư Phổ Giác vừa lắng tai nghe tiếng gió đập ở ngoài hiên để canh chừng xem có cái gì lạ thì quay lại, may ra bắt chợt được chính cái bóng trắng mấy đêm nay vẫn thường hiện lên.

Cả vũ trụ đều im lặng. Từ tầu tiêu ở cạnh cửa xuống vườn, thỉnh thoảng lại rỉ rả tiếng sương rơi lộp bộp. Gian chùa tối mù mù. Một ngọn đèn dầu nhỏ bé leo lét soi vào quyển kinh và cái mõ. Giọng sư Phổ Giác niệm Phật đều đều, rầu rầu, trong đêm khuya.

Thương thay thập loại chúng sinh,
Hồn đơn phát chiếc linh đinh quê người.

Hương lửa đã không nơi nương tựa,
Hồn mồ côi lần lữa bấy niên!

Quả như sư dự đoán, đến cuối trang thứ hai mươi bảy kinh Tiểu Nhã thì tiếng thở dài ở bên cái cửa bức bàn nổi lên.

Sư Phổ Giác quay lưng lại. Lần này cái bóng trắng không kịp biến đi như những lần trước đây. Sư bình tĩnh đứng lên, tiến về phía cái bóng trắng thì vừa lúc đó một ngọn gió lạnh thổi qua kẽ cửa, làm cho ánh đèn dầu lạc chao đi.

Một con thạch sùng tặc lưỡi trong bóng tối.

Con tim đèn lụi dầu soi lờ mờ bóng Đức Phật Bà Quan Âm ẵm Thiện Tài đồng tử chiếu xuống cái bục cây ở trước Phật đài.

Sư Phổ Giác không trông rõ cái bóng trắng ấy ra sao vì một phần lớn của bóng chìm vào trong đêm tăm đặc quánh, nhưng ngài cảm thấy rằng đó không phải là một đứa trẻ như đã ước đoán trước đây, mà lại là một người con gái nhẹ nhàng như hơi sương, mông lung như khói núi.

Nhà tu hành lại gần cái bóng trắng hơn chút nữa. Vừa khi ấy, người con gái cũng ngẩng mặt lên. Tuy không trông rõ, sư Phổ Giác cảm thấy người con gái ấy gầy như liễu, hai mắt to, tròn và đẫm lệ. Ngài bèn hỏi:

- Nếu bần tăng không lầm thì mấy đêm nay con vẫn tìm đến am thanh cảnh vắng này. Chẳng hay có việc chi? Nếu có điều gì oan ức, không siêu thoát được, con cứ nói, bần tăng xin tụng kinh phổ độ cho.

Hoa dạ lí hương tiết ra trong đêm khuya vắng lạnh một mùi thơm hắc. Xa xa, trên nền trời cao tít, có tiếng chim đêm kêu đìu hiu.

Nàng con gái cúi đầu xuống cái bục gỗ ở trước Phật đài một giây lâu. Ý chừng là nàng khóc vì hai vai rung động.

Trong chùa, vắng lặng như tờ. Một lát sau, sư Phổ Giác nghe thấy một tiếng nói nhẹ như hơi gió.

- Bạch lạy sư, con xét mình có tội nhiều vì đã mạo muội đến đây làm kinh động nhà chùa. Nhưng bạch lạy sư tha tội cho con vì hoàn cảnh của con khổ quá... con không còn biết trông cậy vào đâu được nữa...

Nói đến đấy, người con gái khóc nức lên. Nhà tu hành thấy lòng thắt lại. Ngài nói:

- Bần tăng đã biết... Nơi đây xa chốn phồn hoa cát bụi, mà tuổi

con là tuổi thanh xuân, con phải lặn ngòi noi nước đến chốn này, ắt hẳn là có điều gì oan khổ lắm, muốn tìm phương giải thoát. Bần tăng ăn mày cửa Phật, đạo hạnh còn non, đức độ lại không có gì; nhưng nếu có thể giúp cho con được phần nào, bần tăng xin nguyện đem hết tim óc ra giúp đỡ...

Nàng con gái chần chừ một lát rồi mới nói:

- Bạch lạy sư nói đúng. Con không còn là một người sống nữa. Con từ trần đã được hai mươi mốt năm nay rồi, nhưng hai mươi mốt năm nay linh hồn con không được siêu thoát vì có một nỗi oan khổ không thể tiêu tan đi được.

"Sinh thời con tên là Chi, Mai Chi, ở trên bờ một con sông nhỏ nước xanh ở miền Trung. Cha mẹ con cho con vào học ở miền Nam. Lên đến Đại học, có một chàng thanh niên người Bắc thương yêu con. Chàng tên là Thạch. Chúng con yêu thương nhau như non thương nước, như nước thương trăng, như trăng thương gió.

"Được sự chấp thuận của đôi bên cha mẹ, chúng con sắp định lấy nhau và đang bàn tính cái mộng xây nhà bên suối thì chiến tranh tàn khốc lan vào trong Nam. Miền Bắc của Thạch chìm trong điêu tàn, tang tóc. Khói lửa bùng lên khắp mọi nơi, tiếng ta oán vang lên đến trời. Nghe theo tiếng gọi từ phương Bắc vọng về, Thạch xếp bút nghiên lại để đi theo tiếng gọi của non sông. "Em ơi, đất nước còn bị chà đạp thì sao mà đành yên vui với hạnh phúc vị kỉ của mình. Anh đi, nhưng anh sẽ về và anh quyết phải về để cho em xứng đáng là vợ của một thanh niên đã làm tròn bổn phận".

"Bạch lạy sư, con nhờ ơn cha mẹ cũng biết đôi ba chữ thánh hiền nên không những không ngăn cản mà lại còn khuyến khích Thạch lên đường nữa... "Anh đi đi và khi nào diệt hết ngoại xâm thì trở về với em".

"Đêm từ biệt, con đưa Thạch ra đến chân một trái đồi ở Vàm Cả, uống một li rượu với nhau và cùng khóc với nhau một chút. Thạch nói với con: "Đôi đứa mình dù chết cũng không quên nhau, em nhé!".

"Rồi chia tay. Đêm cuối cùng buồn quá. Lưu luyến nhau thế nào rồi cũng có lúc phải phân li. Còn quay về thành nội; còn chàng bước xuống thuyền đi vào bến nước đìu hiu.

"Mùa xuân đi, có trở lại cùng bằng thừa. Mùa hạ đến, rền rền tiếng đỗ quyên nhỏ máu, nhưng từ bến nước đìu hiu buổi ấy vẫn không có

âm vang gì dội lại của người hôn phu nơi tiền tuyến, mà ở nhà thì lại chết người vị hôn thê chờ đợi tin xa.

"Một buổi chiều, một đoàn phi cơ bay tới vùng con ở, gieo tang tóc, không chừa một mảnh vườn, một căn nhà. Con không thoát khỏi bom đạn của lũ xâm lăng man rợ. Trong lúc trút linh hồn, con cố kêu Thạch nhưng không thấy chàng đâu hết. Từ đó, linh hồn còn nặng nề, rầu rĩ lang thang khắp đó thì đây để kiếm chàng, nhưng vẫn chẳng thấy chàng đâu.

"Con đã đi hỏi tất cả những oan hồn ở những nơi bị bom rơi đạn réo lúc bấy giờ thì có người quả quyết đã gặp chàng, nhưng hiện giờ ở đâu, ở Bến Hải hay Cà Mau, ở Bạch Hổ hay Kinh Câu, tuyệt nhiên không có người nào biết cả.

"Tìm chàng ở cõi dương, ở cõi âm, con đã đi khắp các nẻo đường đất nước, mà vẫn không tài nào thấy, cho nên chỉ còn cách trông vào Trời, Phật thương con mà chỉ bảo cho. Vì vậy, mấy đêm nay con đến đây để trộm nghe kinh và cầu nguyện Phật, Trời thương xót một linh hồn đau khổ... vạch đường chỉ lối cho con tìm được người thương..."

Gió mưa sấm sét đùng đùng,
Dãi thây trăm họ làm công một người.
Khi thất thế, tên rơi đạn lạc,
Bãi sa trường, thịt nát máu rơi,
Mênh mông góc bể bên trời,
Nắm xương vô chủ biết rơi chốn nào?
Khi sầm sầm, mưa gào gió thét,
Khi âm huyền mờ mịt trước sau.
Ngàn cây, nội cỏ rầu rầu,
Nào đâu điếu tế, nào đâu chưng thường?

Sư Phổ Giác trầm ngâm một giây lâu rồi nói:

- Vận nước không may, mọi người đều khổ. Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc, quỷ không đầu đứng khóc nhiều hơn là cát sông Hằng. Hàng triệu gia đình tan tác phân li chớ không phải riêng con. Thôi đi cũng phải đành chịu vậy, chớ biết làm sao bây giờ?

- Bạch lạy sư, con cũng trộm biết như thế. Nhưng riêng con nghĩ thì tình cảnh của con khác hẳn người ta. Lòng con trong trắng, tình

con thiết tha, con không làm gì nên tội... Con cảm thấy nếu con không được gặp Thạch để nối lời thề cũ thì...

Nói đến đây. Chi khóc nức nở và phục xuống dưới chân sư Phổ Giác.

- Bạch lạy sư, xin thương xót chúng con, xin ngài lấy đức cả của ngài ra tìm kiếm Thạch cho con, để cho chúng con được nối lời thề cũ. Xin ngài thương lấy một linh hồn cô chích, lang thang...

Sư Phổ Giác cúi đầu, không nói gì.

Mà biết nói gì bây giờ?

Đến khi có tiếng gà gáy, bóng trắng Mai Chi vẫn còn gục trước Phật đài.

Không biết làm thế nào khác được, nhà tu hành bèn bảo:

- Việc con vừa nói là việc của Phật, Trời; điều con mong ước là thuộc về thiên mệnh. Hơn ai, bần tăng biết là cảnh của con thật xót xa, nhưng với tài đức của bần tăng, bần tăng chỉ biết cám cảnh mà quả tình không biết làm cách gì để cứu giúp được con.

"Tuy nhiên, bần tăng cứ xin tụng kinh, cầu Trời khấn Phật thương lấy chúng sinh oan khổ... Biết đâu rồi đây con chẳng gặp người thương như điều con mong muốn?

"Duy có một điều bần tăng biết chắc là làm một công việc như thế bần tăng đã đi quá phạm vi của mình về đạo và chắc chắn là đạo nào cũng cấm làm như thế nhưng nghĩ cho cùng thì đã là kẻ tu hành, mình có phải tội chăng nữa mà cứu được một linh hồn thì cũng vẫn còn hơn là xây mấy đợt phù đồ...

"Bần tăng xin hứa sẽ giúp cho con trong phạm vi thế lực của bần tăng..."

Một tiếng chim rơi trong đêm dài thăm thẳm. Bóng trắng mờ dần... mờ dần... rồi biến mất theo khói núi...

Lạy trời đất thánh thần! Lạy Đức Phật từ bi cứu khổ cứu nạn!

Đất nước này trong mấy chục năm nay đã trải qua không biết bao nhiêu cuộc biến thiên đứt ruột nát lòng: người chết như rạ, máu tuôn lai láng, cửa nhà tan nát, thân thích lìa tan. Lạy Trời, Phật, Thánh, Thần, lạy Đức Phật từ bi cứu khổ cứu nạn, thương xót chúng sinh thập loại chiếu ánh sáng thiên thần để đem lại hòa khí cho quần chu tứ hải, trút sạch não phiền, rửa không thù oán để cho những người còn sống yêu thương nhau, trút bỏ hết nỗi ghét ghen, uất hận mà những người chết cũng được an vui nơi chín suối, không phải lang

thang nay đó mai đây ở đầu khe ngọn suối, ở điếm cỏ bóng cây, ở cuối sông đầu chợ.

Từ đêm hôm đó, sư Phổ Giác suốt đêm tụng kinh gõ mõ; có nhiều khi đến tận sáng bạch, ngài vẫn còn quỳ lạy trước Phật đài cầu nguyện cho linh hồn của một người con gái bơ vơ và xin Trời, Phật linh thiêng run rủi cho u hồn của chàng thanh niên người Bắc tên là Thạch ở đâu thì về để cho ngài được gặp.

Ngày rằm tháng Chạp năm ấy, có việc đi qua Vàm Cả, ngài lưu lại đó một đêm và lân la hỏi thăm hết cả mọi người xem trước đây có ai biết Thạch không.

Một bô lão ở trong làng, năm ấy kém hai tuổi đầy một trăm, kể chuyện rằng cụ có một người con trai chơi với một người tên ấy, tuổi ấy, đúng như hình dáng mà nhà sư đã tả. Ông cụ nói:

- Tôi có ba người con trai cùng chết cả trong trận chiến tranh giành độc lập. Người thứ nhì có biết Thạch, nhưng sau này tôi nghe nói anh ta đã bị chết vì bom giữa một chiều rằm tháng Bảy ở chính nơi đây, nhưng chưa chết.

"Người ta chở anh ấy về quân y Đồng Tháp; ở đây, người ta cắt một chân anh, nhưng không khỏi; chiến tranh lan đến đấy, người ta chở anh vào "Chiến khu D" và anh lại bị cắt một tay; máy bay lại ném bom khu này, rồi không ai biết anh ấy trút linh hồn ở đâu...".

Một người mà chôn ở ba nơi như thế thì biết phụ lên ở đâu bây giờ?

Sư Phổ Giác không biết làm thế nào hơn là lập một đàn tràng ở gần Vàm Cả, cúi lạy các đấng tối cao che chở, xót thương những người bị bom đạn ở nơi đây và, nếu có thể, thì run rủi cho u hồn của Thạch về phối hưởng chén nước lạnh, nén nhang thơm.

Khấn như vậy, nước mắt nhà sư chảy ròng ròng.

Nước sông ở gần đấy réo lên, cạnh trời mù sương tối sầm hẳn lại. Xa xa, có tiếng quạ kêu réo rắt.

Nước khe cơm vắt gian nan,
Dãi dầu nghìn dặm, lầm than một đời.
Buổi chiến trận, mạng người như rác,
Phận đã đành, đạn lạc tên rơi!
Lập lòe ngọn lửa ma trơi
Tiếng oan văng vẳng, tối trời càng thương.

Hai đêm sau, về đến chùa Dâu, sư Phổ Giác lúc giở kinh ra tụng, cảm thấy có một cái gì nặng nề, bức bối ở trong không khí.

Đến nửa đêm trời mưa phùn, gió lạnh đập vào cành phướn, nhà sư khêu ngọn đèn lụn bấc, vừa giở sang trang kinh khác thì thấy có một bóng trắng phủ phục ở bên cạnh ngài.

Sư Phổ Giác ngừng tay mõ, đứng lên nâng cái bóng trắng dậy thì là một thanh niên. Thanh niên nói:

- Bạch sư, con tên là Thạch. Mới đây, còn đương lang thang đi từ đồn Linh Cảm qua Thường Sơn để về dồn Phố Châu có việc thì con gặp một oan hồn báo cho con biết là hôm rằm tháng Chạp ngài có lập một đàn tràng cúng cho những oan hồn cơ khổ ở Vàm Cả và trong khi cúng ngài có nhắc đến tên con. Vậy con vội về đây để xem đại đức chỉ bảo điều gì.

Sư Phổ Giác bỗng thấy toàn thân ớn lạnh. Không phải vì sợ cái bóng ma con trai phủ phục bên ngài, nhưng sợ... sợ đạo Phật rất mầu, sợ Đức Phật "thần thông quảng đại, chuyển pháp luân tam giới thập phương". Giọng ngài run lên một lát. Ngài muốn ôm lấy bóng ma của Thạch nhưng chỉ ôm lấy rỗng không, mà nhìn kĩ thì cái bóng vẫn phủ phục ở trên bục, bên cái mõ và ngọn đèn dầu hiu hắt.

Ngài bèn nói (và chính ngài cũng nghe thấy giọng nói của ngài run run):

- Phải, bần tăng có ý tìm con. Bần tăng đã cầu Trời khấn Phật rủn rủi cho con về nơi đây. Quả là bần tăng không ngờ ý chí của kẻ đức bạc này lại thấu đến cửu trùng mà được gặp con ngày hôm nay.

- Bạch sư, con chết đi lúc hãy còn trẻ lắm, mà sư năm nay thì đã cao niên. Không biết Phật huệ gì đã cho con được cái hân hạnh ngài thương mà nhắc nhở đến tên con như vậy?

- A di đà Phật! Bần tăng thực quả là không biết con lúc sống, mà con mất đi rồi bần tăng cũng chẳng hay. Nhưng... một sự tình cờ mới đây...

Sư Phổ Giác chắp hai tay lại, cúi đầu suy nghĩ một giây lâu rồi tiếp:

- Bần tăng tìm con là vì một người... Người đó là một u hồn vất vưởng đi tìm con hai mươi mốt năm nay mà không gặp... Tìm ở ngang bờ dọc bụi, tìm ở quán nọ cầu này, tìm ở đầu chợ cuối sông, tìm ở chân mây ngọn suối, tìm ở gò đống, lau tre... Vậy trong thời gian đó con ở đâu ta?

- Bạch sư, thời gian đó con vất vưởng không có nơi ở nào nhất định: lúc sống đời con đã lang thang thì lúc chết con cũng chỉ là một u hồn vô định, ăn nhờ hớp cháo lá đa "nghe gà gáy, kiếm đường lánh ẩn, lặn mặt trời lẩn thẩn tìm ra".

Ở Hương Sơn đi về dồn Phố Châu có sông La chảy một dòng về Bến Thủy, nước độc vô cùng. Vì nhiều người đi qua sông về nhiễm độc bị chết, dân vùng đó cho là con sông thiêng lắm bèn lập một cái miếu con lên ở hữu ngạn bờ sông để thờ các cô hồn; con vẫn sống nhờ tại đó và ngày rằm mồng một thường được người ta thí bỏ cho bát cháo, nắm xôi, có khi lại có cả thoi vàng, manh áo".

- Tại sao con không ở một nơi nào nhất định, lại cứ kéo dài mãi một cuộc đời lang thang như vậy?

Bóng trắng chàng trai rung động.

Sư Phổ Giác cảm thấy nước mắt của Thạch rơi xuống bục; nhưng không phải đó là tiếng mưa rơi trên giàn đậu lên chùa. Thạch nói:

- Bạch sư, con ở yên một chỗ làm sao cho được? Con đi, đi mãi là vì con có một lời thề chưa giải được, bao giờ con cởi được oan tình mới thôi.

- Lời thề gì vậy hả con?

- Lúc sống, con có yêu một người con gái...

"Đêm cuối cùng ở trên bến biệt li chúng con có nguyện chết cũng không quên nhau, lúc sống không lấy được nhau thì về cõi âm cũng phải tìm nhau để mà nối lại lời thề ở cõi dương. Hai mươi mốt năm nay, con đi tìm người thương ấy... u hồn con lang thang các khe suối ngọn nguồn, hết thị thành thiên hạ đua tươi đến những chỗ ma thiêng nước độc, nhưng con vẫn không thấy bóng dáng người thương. Hai mươi mốt năm nay rồi..."

Sư Phổ Giác chắp hai tay lại niệm A di đà Phật, một giây lâu, nói:

- Người ta sanh ra đời khổ từ khi cất tiếng khóc sơ sinh. Thế gian là vô thường. Vũ trụ có bao nhiêu đại dương là có bấy nhiêu nước mắt. Nhưng con ơi, chính cái đau, cái khổ ấy nâng cao ý nghĩa kiếp sống của con người ta lên.

"Làm thế nào mà trút được hết tục lụy? Nếu chưa hết tục lụy thì đau khổ vẫn còn, duy có một cách làm cho lòng được lâng lâng, trong sáng là đạo lí cao siêu, là tư tưởng. Đời thực rộng, nhưng quanh đi

quẩn lại vẫn gặp nhau, ở hiền lại gặp lành, ở phúc lại gặp đức, hết bĩ cực rồi phải tới thái lai, không ai lại gối đầu tay cho tới sáng...

"Con ơi, bần tăng muốn gặp con có lẽ cũng vì một túc trái, tiền duyên qua một người khác đối với con có lẽ hãy còn nặng nợ...."

- Người ấy là ai vậy, bạch sư?

- Là một người con gái tên Chi. Mai Chi. Mai Chi.

Ở cạnh cửa bức bàn, một tiếng thở dài khe khẽ nổi lên. Sư Phổ Giác quay lại thì thấy cái bóng trắng quen thuộc, gầy như cành liễu, đương gục đầu xuống đất lễ với tất cả niềm thành kính nhất trên đời.

Sư Phổ Giác chỉ vào bóng đó và nhìn Thạch, nước mắt chảy ròng ròng trên má.

Mười loài là những loài nào?
Gái, trai, già, trẻ, đều vào nghe kinh,
Kiếp phù sinh, như hình như ảnh,
Có chữ rằng Vạn cảnh giai không.
Ai ai lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát, khỏi trong luân hồi.

Đêm nay, hai mươi tám Tết, cảnh chùa Dâu lại êm tịnh, vắng lặng hơn cả bao giờ. Các oan hồn, phảng phất u minh, nghe thấy tiếng mõ trong trời đất tối tăm tụ tập chung quanh chùa để nghe kinh: Có những kẻ trước đây lăm le thay đổi non sông nhưng gặp phải vận cùng thế khuất; có những kẻ màn lan trướng huệ gặp phen thay đổi sơn hà chỉ còn mảnh lá che thân; có những kẻ lâu đài phượng các bây giờ không còn ai bát nước nén nhang; có những kẻ vào sông ra bể, đem thân chôn giấp vào lòng kình nghê; có những kẻ mắc đoàn tù rạc, gửi mình vào chiếu xác một manh; có những kẻ chìm sông lạc suối, có những người gieo giếng, thắt dây; có những đứa trẻ lỗi giờ sinh phải lìa mẹ cha từ tấm bé, không có ai bồng bế xót xa... Các thổ thần, thổ địa hình như nhân dịp đôi mùa giao tiễn nhau cũng tìm đến đấy để nghe kinh Phật và nhân dịp để tìm những linh hồn quen thuộc hầu nương dựa nhau ba ngày Tết sắp tới cho đỡ phần hiu quạnh.

Chiều vừa đổ xuống thì khí núi bốc lên che kín cả ngôi chùa.

Sương thấm lạnh qua mái lá, chân tường, làm cho ngôi chùa huyền ảo như chìm trong một khối pha lê mờ; tượng Phật, nhà sư, chuông

mõ đều như là không có.

Nhà tu hành tụng kinh với một giọng trầm trầm, buồn buồn. Tiếng mõ rơi vào đêm tối như ra hiệu cho thời gian ngừng đọng lại.

Hai cái bóng trắng của Thạch và Chi gục xuống lễ trên nền đất. Sang đến canh ba, có tiếng gà rừng, ở trên một cái đồi xa, gáy te te.

Sư Phổ Giác quay lại bảo hai cái bóng:

- Hai con lại gần đây. Vậy là đến đêm nay, bần tăng đã tụng được bảy pho kinh cho hai con rồi. Hai con lễ tạ đi. Rồi bần tăng có điều nhắn nhủ.

Thạch và Chi phủ phục trước Phật đài, sát lại với nhau như sợ lạnh, mà cũng như muốn để cho Trời Phật trông thấy họ yêu nhau, nương dựa vào nhau mà thương xót họ hơn. Sư Phổ Giác thỉnh một hồi chuông, đứng dậy xếp lại mấy đĩa hoa trên bàn thờ rồi quay lại phía Chi và Thạch, nói:

- Ở đời, khổ nhất là sinh li, tử biệt. Thảm thương thay cho những người lúc sống mến yêu nhau mà bị chia rẽ, những người dương chung sống với nhau mà bị tình thế làm cho lìa tan, những người nguyện ước được ở bên nhau mà bị sóng gió cuộc đời làm tan rã đi muôn ngả...

"Người ta vẫn bảo đời là bể khổ, mà âm cảnh mới là quê hương yên ổn cuối cùng của con người. Hai con đã chỉ cho bần tăng thấy rằng âm cảnh cũng như dương thế không có nơi nào sung sướng, vui vẻ cả, nếu người ta còn chất chứa những khổ thống trong lòng, nếu còn những ý nguyện chưa thành tựu, những hoa mộng chưa kết nhụy...

"Khổ thay cho những người lúc sống đã bị chia lìa, mà đến khi nương nhờ cõi âm vẫn không được gặp nhau!

"Cảm thông nỗi khổ đó, bần tăng đã liều vi phạm Phật pháp mà làm cái việc bần tăng đã làm, dẫu rằng về sau đây có bị tội lỗi, bần tăng cũng xin cám cảnh mà chịu vậy.

"Chỉ có tình thương yêu ở đời này rửa được hết mọi nhơ bẩn mà thôi".

Sư Phổ Giác ngừng lại một giây, khêu to ngọn đèn dầu và đốt thêm nhang trên bàn thờ Phật. Khói trầm bốc lên nghi ngút, quyện với hơi sương và tỏa ra trong bầu không khí một mùi đạo hạnh tôn nghiêm. Sư Phổ Giác tiếp:

- Hai con, năm sắp tàn rồi. Các con không thể ở đây lâu hơn nữa vì dù sao các con cũng nên tìm sự giải thoát trước khi bước sang năm mới. Lại gần đây, hai con.

"Hôm nay, tụng xong bảy pho kinh cho các con rồi, bần tăng cảm thấy đã làm tròn nhiệm vụ. Bây giờ, bần tăng xin khấn Trời khấn Phật cho hai con được chung sống với nhau, không còn bao giờ bị lìa tan như trước nữa. Bần tăng xin chúc cho hai con được an vui, sung sướng".

Hai bóng trắng phủ phục xuống chân sư Phổ Giác. Vũ trụ im lặng y như thuở hồng hoang. Tiếng nhà sư nhỏ yếu rơi vào trong bóng đêm đặc quánh như là từng hạt trong một chuỗi tràng hạt chạm vào nhau.

- Hai con lại đây!

Sư Phổ Giác cầm một bó nhang vái trước bàn thờ Phật rồi quay lại giơ cao trên đầu hai cái bóng đang quỳ. Ngài nói:

- Lúc sống, hai con không được ở với nhau, thì lúc chết không có lí gì hai con cứ phải chia lìa. Đêm nay, trước Phật đài, bần tăng xin chịu tội với các đấng tối cao, làm lễ cưới cho hai con... Bần tăng xin chịu hết các tội lỗi sau này bởi vì bần tăng không thể nào sống mà trông thấy hai linh hồn lưu lạc, chơi vơi, đắm chìm trong nước mắt.

Trong bóng đêm người con gái thở dài. Một lát, có tiếng khóc rưng rức của người con trai.

Sư Phổ Giác giơ bó nhang lên làm lễ. Đôi mắt bức tượng Phật Quan Âm bồng Thiện Tài đồng tử dường như có một lúc sáng ngời lên. Nhà tu hành chắp hai tay lại lễ, như từ trước tới nay chưa từng lễ như thế bao giờ.

Sư Phổ Giác cảm thấy mình nhẹ như hơi khói. Ngài nói:

- Hai con lễ tất đi.

Bóng người con trai và người con gái sát lại với nhau hơn nữa. Mùi trầm hương mỗi lúc mỗi ngát hơn. Sư Phổ Giác cầm một chùm bông trang, nhúng vào bình nước thải ở dưới bàn thờ vẩy lên đầu Chi và Thạch. Hai bóng trắng đưa mắt nhìn nhau. Nhà tu hành chắp tay trước ngực:

- Bần tăng xin chúc cho hai con yêu thương nhau mãi; quân giặc muốn dùng độc kế hay võ khí gì cũng không chia lìa được hai con. Ở âm cảnh cũng như dương trần, sự li biệt chia lìa còn khổ hơn là cái chết. Đạo Phật chỉ hợp nhau lại, chứ không bao giờ chia nhau ra.

Sư Phổ Giác mỉm cười với Chi và Thạch, nhưng nước mắt Ngài chảy ròng ròng xuống má.

Chi và Thạch lại quỳ xuống đất, cảm tạ nhà sư một lần chót rồi dắt nhau đi. Cánh cửa bức bàn đóng kín, nhưng hai cái bóng thanh niên ấy đi qua dễ dàng như thể đi trên một bãi cỏ mông mênh.

Cả hai vẫn còn khóc nức nở.

Nhà sư đứng trước hiên chùa nhìn theo mà tưởng như hãy còn nghe thấy nước mắt họ rơi tí tách.

Không. Đó là sương khuya. Sư Phổ Giác chụm hai bàn tay lại ngửa lên trời hứng lấy và đưa lên miệng. Nước sương khuya uống vào mát như là nước suối Ngọc Tuyền.

CÁI ĐÈN LỒNG

Phần Thứ Nhất

MỘT ĐÊM ĐÔNG Ở KHÂM THIÊN

I

Mười bảy ngày trước Tết Nguyên Đán năm 1950, một phái đoàn nghị sĩ Việt Nam ở Sài Gòn ra Bắc để cứu xét mấy vấn đề chính trị và kinh tế. Bây giờ tôi không nhớ rõ phái đoàn có bao nhiêu người, chỉ biết trong đó có bốn người quen biết. Bốn người quen biết đó gồm một kĩ sư, hai chủ báo và một người trước đây làm việc cho một công ty bảo hiểm.

Vì đi dự mấy phiên họp đầu, tôi gặp bốn người bạn đó rủ đi ăn đi hút. Đáp lễ, hôm phái đoàn sắp ra về, tôi mời họ đi hát Khâm Thiên. Nguyên cả bọn đã nhiều lần ngỏ ý với tôi là ăn mãi cũng chán, muốn thưởng thức một cái gì rất lạ, rất Bắc Kì; mà nếu có vẻ thơ mộng lại càng hay.

Lã Thanh Tùng

GIẤC MỘNG TÂM GIAO

Hàng tháng trời, Tiệm mất ngủ. Chỉ từ hôm lấy thuốc Ông lang Quắc trên phố, giấc ngủ mới lại trở về.

Nhưng giấc ngủ trở về như kèm theo một kẻ lạ mặt, những giấc mộng lạ, những giấc mộng khác thường. Hơn nữa, giấc ngủ cũng không giống mọi khi. Cứ mỗi ngày, giấc ngủ lại đến muộn hơn một giờ đồng hồ, cứ thế lân đi, lân đi cho đến một hôm...

*

Hôm ấy, Tiệm buồn ngủ vào lúc mọi người trở dậy: năm giờ sáng. Vốn làm nghề tự do, Tiệm không phải lo lắng gì về giấc ngủ, muốn ngủ lúc nào cũng được, chỉ hơi phiền là phải biết chuẩn bị để trước khi ngủ có cái gì vào bụng, ngủ đói dễ bị hạ đường huyết. Lúc này, sau khi đã lèn xong hai ổ bánh đúc nhân lạc, hắn gạt bộ ấm chén đã tri âm với hắn qua suốt cả một đêm sang một bên, chồng thêm cái màn lên chốc cái chăn cáu bẩn, tắt ngọn đèn đỏ quành quạch rồi ngả lưng như một đạo sĩ I-ô-ga đang biểu diễn màn kiệm sinh thành thạo.

Đâu đó, có người đang lạch cạch đóng đinh vào một tấm ván gỗ xấu, tiếng búa lộp bộp nghe thật dễ nản lòng. Những con nhặng xanh ở đâu mà ùa ra lắm thế, bay vè vè dưới ánh mặt trời. Tiệm

bỗng thấy một gã cao lớn, ăn vận xuềnh xoàng nhưng lạ mắt đang đi tới gần. Nhổm dậy, Tiệm đã nhìn rõ cái mặt trắng như sáp của gã đang hướng về hắn trong một trạng thái thăm dò.

- Chào ông chủ.

- Dạ, chào anh - Tiệm chào mà hơi phân vân về tuổi người lạ.

- Tôi có món hàng mới muốn thưa với ông chủ.

- Dạ, mời anh xơi nước đã. - Chén nước mời của Tiệm hơi rung rung khi người lạ đã ngồi bệt xuống nền xi măng - Tôi cũng ít...

- Ấy không phải - Người lạ cắt ngang lời Tiệm - Tôi không làm phiền ông chủ như bọn tiếp thị xanh đỏ vẫn hay phiền các quý thượng đế của chúng đâu. Vả lại, món hàng của tôi chính là thứ mà ông chủ vẫn dùng nhưng vẫn hằng khao khát bởi chưa bao giờ ông chủ có một mặt hàng chính hiệu.

- Dạ, tôi sợ là...

- Ông chủ đừng ngại. Tôi xin được nói ngay để ông chủ khỏi băn khoăn - Gã khẽ gạt chén nước đầy sang một bên - Thời gian, ông chủ ạ. Thời gian là thứ mà ai cũng dùng hàng ngày thường chẳng mấy người thấy thỏa mãn. Kẻ thì cho là thời gian hết nhanh quá, người lại bảo thì giờ thật vô dụng. Ngay như ông chủ cũng vậy, trước đây ông chủ không để ý bởi ông chủ có việc gì phải bận tâm đâu. Nhưng đã hơn tuần nay, ông chủ luôn bị dày vò vì đồng hồ sinh học trong con người ông chủ đang nhiễu loạn. Mỗi ngày ông chủ luôn dài hơn vòng quanh trái đất một giờ. Tất nhiên sau hai mươi tư ngày, nhịp sinh hoạt của ông chủ lại trùng với vũ trụ một lần, nhưng cũng chỉ được một ngày ấy mà thôi.

- Đúng đúng - Tiệm như được gãi đúng chỗ ngứa vội vàng hưởng ứng - vậy ra ông là bác sĩ hay chuyên gia tâm lý?

- Xin ông chủ khoan vội. Bác sĩ hay chuyên gia tâm lý cũng chỉ như mấy tay thợ vụng trước cỗ máy huyền vi của tạo hóa. Nhưng thực ra cũng chẳng có việc gì trách họ, văn minh nhân loại mới đạt được đến có vậy; Điều tôi muốn nói với ông chủ ở đây chính là sự trái khoáy trong con người ông chủ. Nó làm cho ông chủ hoang mang, đúng không? (Lại gật) Và ông chủ chưa biết thoát ra kiểu gì. Nhưng vấn đề chính là ở chỗ này đây!

Tiệm gần như nhổm hẳn lên mà nghe như muốn nuốt từng lời vị khách lạ. Từ lúc nào hắn đã coi con người dị dạng ấy như một

đấng cứu tinh đầy quyền năng.

- Trong mỗi con người - Vị khách chậm rãi nói tiếp - đều có một con yêu mù, nhưng rất thông tuệ. Con yêu này cai quản mã gien ham muốn của chính chủ nhân nó cư ngụ. Khi nó trái tính trái nết, con người hay ham mê những điều viển vông. Nhưng khi nó phởn phơ, thường những lúc trời đẹp, con người chỉ thích làm việc thiện. Sao biết nó mù? Bởi nó không hề nhìn thấy bàn tay tạo hóa có thể lừa nó như bỡn khi Ngài đã chán ngấy việc xem nó làm mãi một trò. Ông chủ thấy những thằng điên không? Con yêu trong đó đang bị cù đấy, nó giẫy sằng sặc và rổ mã gien bị xóc như xóc ốc. Vậy sao bảo nó thông tuệ? Ờ, vì nhiều trò của nó biến ảo rất đặc sắc. Ông chủ xem đấy, các vị tu hành cứ ra sức dùng thiền để tìm diệt nó, nhưng biết đâu nó đang khoái trá vì thiền chính là thứ nước cam lồ cho nó tắm mát sau những đận lao lực vất vả, để rồi nó hồi sức lại tiếp tục quậy dữ hơn. Thực ra nó lừa các vị rất ngoạn mục.

Tôi nói thế khí hơi dài, nhưng để ông chủ hiểu một điều; Người ta không bao giờ làm chủ được ham muốn của mình. Nhưng có thể lừa được con yêu kia khi có cơ hội. Ông chủ chính là đang có dịp may muôn một vậy.

- Ấy chết, tôi... tôi... Tiệm như bị điểm huyệt.

- Chẳng có gì phải mặc cảm, thưa ông chủ.

Ông chủ hiện nay có bộ mã ham muốn không nằm trong tay con yêu. Nó mù nên không biết nhịp sinh học của ông chủ đang lệch so với cái mà nó có. Khi nó bảo ông chủ ngủ thì ông chủ không hề thèm ngủ, bảo thèm đàn bà thì ông chủ lại đang khò, bảo kiếm tiền đi thì ông chủ đang trong nhà vệ sinh... Chà, sướng thật, nhỡ chẳng may nó lại bảo lên tát cho thằng cha chủ tịch xã một cái thì có phải là ông chủ đã thoát được một cái hạn lớn không?

- Ờ, chết thật - Tiệm toát mồ hôi - Đúng là hôm qua lúc đi qua uỷ ban tôi cũng thấy buồn bã chân tay, có điều mình không hiểu vì sao.

- Đấy, chuyện có phải đùa đâu. Nhưng thôi, ông chủ hãy nghe tôi trình bày tiếp món hàng mà vì nó tôi mới đến gặp ông chủ.

Mải nghe người lạ nói chuyện, Tiệm không để ý đến có một chuyện kỳ quặc đã xảy ra: chềnh ềnh một cỗ áo quan mối mọt ai đã mang để trước sân nhà từ lúc nào. Những vết đinh rõ ràng còn mới, nhưng gỗ thì như đã dùng rồi, vẫn còn mùi nằng nặng âm

khí và những con nhặng xanh. Tiệm run bắn người toan kêu thì gã lạ mặt ngăn lại, chỉ tay vào đó nói tiếp:

- Ông chủ đừng sợ. Đây là cỗ quan tài cũ đã chôn tiền kiếp ông chủ. Kiếp trước, ông chủ là một bà mẫu nghi thiên hạ, công dung ngôn hạnh ngời sáng khắp cả mặt đất này. Chỉ tiếc là về cuối đời, bà trót đam mê ngón bài mạt chược từ tay một gã đĩ đực nên toàn bộ gia sản ông lớn để lại đã đội nón ra đi. Tiền mất tình mất, bà đã khuất núi bởi bệnh lậu ngấm vào tim trong túp lều người chăn vịt. May mà những gia nhân cũ của bà còn kịp đưa bà về chốn tuyền đài trong cỗ áo quan này. Nó hơi cũ, nhưng không phải vì thế mà rẻ rúng.

Tôi sẽ bán cho ông chủ một loại thời gian mới: Thời gian chậm tức là thời gian con sâu đo. Chiếc quan tài này chứa đựng thời huy hoàng của bậc mệnh phụ kia, nay trộn lẫn với cõi đời yếm thế của ông chủ. Hai cuộc vãng sinh ấy sẽ chập vào nhau, bện xoắn nhau, chế ngự nhau. Hai con yêu mù sẽ gặp lại nhau như đôi trai gái xa nhau lâu ngày. Chúng mải vui thì chẳng biết trời đất gì nữa. Ông chủ nhờ thế mà thoát hẳn được vòng kiềm tỏa của ham muốn. Còn hơn thế, dưới mắt thiên hạ, ông chủ đã từ trần, chẳng ai còn bận tâm đến cái thằng Tiệm khật khù đen đen bẩn bẩn lúc nào cũng như ốm đói nữa. Ông chủ nghiễm nhiên được toàn quyền trong mọi hành vi hành động. Ông chủ sẽ có một cuộc đời mới chân lạc. Quỹ thời gian của ông chủ là loại vô cùng vô hạn, siêu thoát vô phàm...

- Khoan! - Tiệm bỗng chặn gã lại - Vậy anh bảo tôi phải chết đi để trộn cuộc đời với mụ già bệnh lậu kia ư?

- Không phải, xin ông chủ bình tĩnh.

Nói rồi gã đưa cho Tiệm một con bù nhìn xanh đỏ bé bằng ngón tay cái.

- Đây là mệnh bùa của ông chủ. Xin ông chủ hãy đeo nó nơi rốn. Nó sẽ đưa ông chủ bí mật trở lại cõi trần và nhập vào bất cứ ai mà ông chủ muốn.

Khi đó toàn bộ những cát hung cũ của ông chủ có còn đáng để mà tiếc nuối nữa không?

Tiệm lật trở kỳ vật trong tay, đưa lên mũi ngửi, chỉ thấy mùi hơi tanh. Bán tín bán nghi, Tiệm thả ra mặt ghế:

- Tôi cảm thấy có điều không sáng tỏ. Vậy cuối cùng anh là ai?

người hay... - Hắn định nói là ma nhưng không dám.

- Tôi là thương nhân ở gần đây. Thực ra đã đôi lần bán hàng cho ông chủ nhưng đều không trực tiếp. Ông chủ hãy tin vào những điều tôi đã hao tâm tổn trí nghiên cứu suốt nhiều năm nay.

- Vậy anh đã bán hàng này cho ai bao giờ chưa?

- Chưa. Nhưng tôi đã dùng thử cho chính tôi. Có điều trước khi tôi dùng tôi đã sơ suất không uống thuốc Hoa lạc mãn như ông chủ, nên sự đào tẩu khỏi loài yêu chưa triệt để.

- Tôi uống thuốc Hoa lạc mãn bao giờ?

- Dạ, ông chủ đã uống rồi. Thuốc Ông lang Quắc có vị này do tôi thêm vào bởi tôi thấy ông chủ thực là người lạc nẻo. Tôi hy vọng nếu ông chủ thoát khỏi bùa mê thì sẽ không quên kẻ bạc phận này. Còn nếu ông chủ còn quyến luyến cõi trần thế thì... Thôi, hãy coi đây là buổi tâm giao một đời.

Tiệm định hỏi nữa nhưng gã lạ mặt đã vớ cái chén ném cơn chuột đang chạy trên mái nhà. Tiệm mải nhìn chuột, quay lại đã thấy gã đi ra đến cổng. Vội đuổi theo thì vấp phải cạnh ghế ngã bổ chửng. Tỉnh ra thì hóa là giấc mơ. Cỗ quan tài và mảnh bùa chú chẳng thấy đâu. Nhưng đầy sân vẫn còn lũ ruồi nhặng đang phởn phơ dưới ánh mặt trời.

*

Tiệm băn khoăn lắm, quyết định đi hỏi người nhà Ông lang Quắc thì được biết có một nhân viên tán thuốc lâu năm trong cửa hàng vừa mới chết độ mười ngày. Những ngày sau, mộng mị không về nữa, giấc ngủ cũng dần trở lại bình thường, nhưng Tiệm ngây ngất mất một thời gian dài. Tiệm vẫn làm những công việc tự do nhưng trở thành con người khác hẳn, cẩn trọng và trầm mặc. Hàng ngày, Tiệm hương khói cúng lễ người nhân viên rất đều, trên bàn thờ luôn có chiếc bát mình đã uống thuốc Hoa lạc mãn và hình vẽ mảnh bùa chú.

Chỉ có một điều Tiệm không dám kể với ai, đó là việc hắn tằn tiện dành dụm tiền để mua gỗ tốt cất ở chỗ nằm như một lão già lẩm cẩm.

Lập thu 7/97

Võ Thị Hảo

ĐÊM BƯỚM MA

Riêng Thuận trông thấy nó. Đó là một con bướm to cỡ bàn tay. Đôi cánh đen điểm vằn nâu và xanh biếc của nó xõa im lìm trên bậc thềm mé lối đi. Đoàn người dự Hội nghị ở Tây Nguyên đi qua rầm rập. Vậy mà không ai bắt gặp con bướm. Thuận lại gần ngần ngại chạm tay vào. Cánh bướm khẽ động đậy. Thuận lập tức rụt tay lại. Một luồng ớn lạnh người lên ngực. Từ bé Thuận vẫn vừa sợ vừa thích những con bướm ma. Chúng đẹp một cách rầu rĩ, huyền bí, thách đố. Và thông thường chẳng bao giờ gặp chúng, trừ phi chúng sắp chết. Như hôm nay chẳng hạn. Con bướm ma này không biết từ đâu đến, nằm xập xệ bên đường dưới gốc cây ngọc lan trong biệt điện. Nơi đây, xưa kia đã in gót sen của các phi tần. Thuận ngước lên những vòm cây cổ thụ xanh thẫm tuyệt đẹp và tự hỏi: Ngày xưa, mỹ nhân nào đã được vua dìu trên cánh tay đưa về động phòng trong biệt điện thênh thang này? Bao năm trôi qua. Ông vua cuối cùng giờ đã sống nốt những ngày tháng cuối đời tại một chung cư ở Pháp. Song biệt điện này vẫn phảng phất mùi đế vương. Trong vẻ hoang phế vẫn có chút gì đó thiêng liêng và thành kính. Lìa bỏ cõi đời trong một chung cư. Biết đâu hồn ông đã tìm về lơ lửng đên nay trong biệt điện và phả vào buổi chiều xám sẫm này một nỗi buồn lạnh lẽo bể dâu?

ĐÊM VU LAN

Vu lan Vu lan hỡi.Vu lan
Dật dờ hồn khô cốt tàn...

Lão Ngạc thõng cần vó, đáy vó nhễu lượt thượt. Dưới ánh trăng mượt như tơ của đêm rằm, chiếc vó đập xuống mặt nước phát ra tiếng "tũm" nhẹ như cá bống quẫy.

Rồi một làn gió mịn màng bỗng từ đâu vuốt qua mặt sông, khiến lão Ngạ rùng mình khoan khoái. Hẳn đã chênh sang giờ Tý vì cây cầu đá cục mịch vươn mình qua sông đã đổ bóng đúng vào chân nó. Đột nhiên mặt nước dưới chân cầu dềnh lên, căng nứt, rồi nhăn nhúm lại, cuộn thành một xoáy hoăm hoắm. Luông xoáy đó hút chặt mắt lão Ngạc, lão thấy rợn tóc gáy. Từ giữa xoáy nước, một khối đen rờn rợn lừ lừ trồi lên, trườn lên bờ không một tiếng động. Mặt sông tức thì phẳng lặng. Nhưng hình như có một cái lưỡi lạnh buốt mang tử khí vừa từ đâu liếm qua chỗ lão Ngạc đứng khiến lão bủn rủn cả chân tay.

Trong cái rùng mình ớn buốt sống lưng, lão Ngạc bỗng nhớ lại câu chuyện từ lâu hầu như đã quên. Có một lần ông Kình, bố lão đi cất vó bè, mình mẩy ướt lướt thướt chạy về ú ớ đập cửa vào lúc nửa đêm. Mẹ con lão lập cập chạy ra mở thì thấy mất ông trợn tròn, vừa run vừa kể líu cả lưỡi. Sau đó mới biết, ông vừa gặp quỷ hiện hồn. Người làng nói: " Lúc ươn mình, quỷ đói mới vật vờ đến các nhà chài nhòm vào giỏ cá. Lúc đó thì đừng tiếc, nhớ đổ cả giỏ mà chạy thoát thân...Lần khân, quỷ thè lưỡi liếm một nhát thì mất cả người lẫn cá..."

Và lão Ngạc đinh ninh là mình gặp quỷ. Cá thì lão không tiếc. Song lão lo cho con Câm. Cô con gái của lão, sắp mang đồ nhắm cúng rằm ra đây. Lão có mụn con gái xinh xắn nhưng chỉ biết cười mà không biết nói. Lão quý Câm nhất nhà, nhiều đêm không ngủ được, lo nó tật nguyền sau này bố mẹ chết đi, anh em thiên hạ ruồng bỏ. Đêm nay đêm Vu Lan. Bà lão ở nhà cúng cháo lá đa và bánh đúc cho các vong hồn. Con Câm sẽ mang rượu và đồ nhắm

cho lão. Ruột lão Ngạc như bị ai nắm lấy mà xoắn một cái. Lão xoay nghiêng, hai tròng mắt như lạc hẳn đi để vừa trông cái vật đen lù lù nọ vừa trông chừng con Câm.

Quả thực, cái khối đen kia đang lừ lừ tiến về phía lão. Cái khối trùi trũi dị dạng ấy trông lấp loáng dưới ánh trăng, đi như lướt, không hề phát ra một tiếng động nhỏ và để lại trên mặt đường những vệt nâu sẫm. Rất lạ lùng là vệt nâu sẫm đó lại nổi bật dưới ánh trăng, quền quện như máu loãng. Gần lại, lão mới nhận ra cái khối lù lù ấy có bốn chân. Trên lưng ấy có một đống gì cao cao dựng ngược. Trăng như sầm tối, phủ lên không trung một màu xám đen bàng bạc lạnh lẽo. Tất cả như đã chìm trong một bãi tha ma. Lão Ngạc tưởng đến những cửa mộ, nơi mà bộ xương bỗng nối liền vào nhau, lẳng lặng đứng dậy, dỡ nấm mồ chui ra và hù hụ khóc kể những nỗi oan khổ của mình đã phải chịu trên dương thế. Chân lão nhún xuống. Lão không bước nổi lấy nửa bước, mắt như bị thôi miên cứ nhìn chằm chằm vào bóng đen.

"Con quỷ" vẫn lặng lẽ lướt tới. Và bây giờ, lão đã nhìn rõ hơn. Lão "ối" lên một tiếng và khuỵu xuống đất, mắt vẫn trừng trừng nhìn. Đó là một con ngựa - Ngựa đen, ngựa ô hẳn hoi, cái bờm đẹp bết máu. Trên lưng ngựa, cái đống cao cao dựng ngược lúc nãy, giờ lão mới biết. đó là một thây người cụt đầu đến tận vai, mặc áo gấm thêu. Trước ngực cái thây có một mảnh giáp đồng đã đen xỉn. Tay phải người cụt đầu cầm bảo kiếm, tay trái đỡ một cái đầu lâu râu tóc xõa xượi. Dưới hàng lông mày rậm xếch, mắt cái đầu lâu vẫn mở trừng trừng. tròng mắt trắng đưa đẩy được và ánh lên xanh biếc trong đêm. Cái đầu đó không biết là của ai. Chỉ biết trên cổ cái thây cụt đầu có một mảnh vải trắng loang lổ máu lõa xõa phủ lên. Hóa ra những giọt nâu sẫm mà từ xa lão Ngạc đã trông thấy, chính là rỏ xuống từ cái cổ đó.

Ngựa và người vẫn dấn tới. Cách lão chừng năm bước, ngựa dừng lại, cúi đầu. Và đôi mắt trắng nhợt, rất rộng nổi bật giữa bộ râu quai nón bết máu bỗng bật lên tiếng thì thào khàn khàn:

- Này ông già! Ta đi trận cụt đầu. Nay đầu có liền vào cổ được không?

" Hệt như chuyện bố mình kể. Tướng đi đánh trận, lúc đi nguyên cả, lúc về thành quỷ cụt đầu. Tay đỡ đầu, gặp ai cũng hỏi "đầu có

liền được không". Lão há miệng, cứng hàm.

Cái giọng âm u như vẳng từ địa ngục đó lại tiếp:

- Này ông già! Trả lời đi chứ. Máu trong người ta sắp kiệt. Ta đã ẩn mình dưới dưới chân cầu cả trăm năm nay chờ sống lại. Mà mỗi năm chỉ có một đêm Vu lan...

"Phải- Đêm nay Vu lan- Bà lão ta vừa cũng cháo và bánh đúc cho các vong hồn...Thôi chết rồi con Câm sắp ra đây...". Lão Ngạc bò bốn chân như một con rái cá, hướng về phía làng.

Nhưng con ngựa lại chở người cụt đầu lướt tới chắn đường. Trên chiếc đầu lâu nằm nơi tay người cưỡi ngựa, những giọt nước mắt nâu sẫm chảy xuống. Giọng nói van lơn, thiếu hơi, cạn cợt như bước hụt:

" Ông già ơi! Cả trăm năm nay ai cũng lắc đầu. Vì vậy đầu ta nằm trên tay vô dụng như một chiếc gáo dừa chứ không ở trên cổ. Tay ta mỏi rời rã đã trăm năm. Giọt máu cuối cùng trong người ta sắp rụng xuống đất. Sao độc ác quá vậy. Các người muốn rằng người chết cứ mãi mãi chết. Các người ca tụng ta, dựng tượng đài cho ta. Mà chẳng ai chịu cho ta trở về...

Đôi mắt trên tay tráng sĩ nhìn lão Ngạc chăm chắm khẩn nài. Nghe đâu đây như gió gào trong đêm trăng.

Lão Ngạc nghe nhồn nhột trên da như có bàn tay ai nắm nhẹ. Hình như đó là một bàn tay nhợt nhẽo và giá lạnh. Mặt sông rờn rợn muôn vòng tròn đuổi nhau đi và hình như vừa dậy lên tiếng rì rầm thê thiết của ngàn vạn oan hồn.

Cổ lão Ngạc ngay như khúc gỗ. lão không cử động nổi.

Lão như mê đi, không biết là mình muốn gật đầu hay lắc đầu. Ngực bị bóp trong một cảm giác khổ sở. Rồi lão bưng mặt hù hụ khóc. Đôi mắt tráng sĩ sầm tối, hun hút nỗi tuyệt vọng dài như cả trăm kiếp người chết trận. Rỉ rắc gieo trong hư không tiếng chim lợn kêu "eng éc" thê lương. Bỗng tráng sĩ cụt đầu rời mắt khỏi lão và lóe lên một tia sáng. Lão Ngạc ngừng khóc, ngơ ngác ngoái lại. Thì trời đất quỷ thần ơi! Con gái lão đang cắp chiếc rá tung tẩy bước tới. Khuôn mặt nhỏ nhắn dịu dàng hắt sáng dưới trăng.

Lão Ngạc chỉ kịp rên rỉ " Con ôi!" và lết tới, tay lão run rẩy đẩy vào chân cô Câm, bắt cô chạy mau về nhà. Nhưng cô con gái không để ý đến bố. Cô sững lại nhìn con ngựa, nhìn cái thây cụt đầu và sau rốt, dừng lại ở chiếc đầu lâu râu tóc lõa xõa trên tay cái thây.

Đôi mắt xếch hẹp dõi theo con, chỉ lo nó sợ quá phát rồ lên thì khốn. Nhưng lạ quá, không hề tỏ ra sợ hãi, miệng người câm nở rộng một nụ cười trẻ thơ, như đứa bé vừa bứt được thứ đồ chơi lạ. Cô gái bước tới, vuốt lên đôi má bệch bạc của cái đầu. Lão Ngạc sợ quá ngã lăn ra đất miệng ú ớ. Nhưng lão vẫn kịp trông thấy đôi mắt mở trừng trừng trên đầu tráng sĩ bỗng dịu xuống. Dòng nước mắt màu nâu sẫm chan chứa rỏ xuống đẫm ướt hai gò má. Đôi mắt trắng nhợt cất tiếng nghe như tiếng nấc: - Cô bé ơi! Võ tướng đi trận, cụt đầu, có liền vào cổ được không?

Nghe rõ hay không không biết, nhưng người câm lại nhoẻn cười và gật đầu. Gương mặt trẻ thơ của cô ngời sáng thánh linh. Người câm nghe bằng mắt và bằng ngực. Với người câm, ngày qua không vạch nét. Ngày đang sống không hiện diện. Và ngày sau không đong đếm. Người câm không bị đóng gông.

Và thế là đêm như chợt sáng lòe. Cô Câm giật mình choàng tay giữ chặt chiếc rá. Cái vó không ngểnh lên trời tự bao giờ bỗng khua kẽo kẹt như lên đồng. Lão Ngạc te tớn chạy ra giữ vó.

Ngẩng được mặt lên thì thấy chiếc đầu đã ở ngay ngắn trên cổ tráng sĩ tự bao giờ.

Con ngựa ô quỳ rạp xuống trước bố con cô Câm. Tráng sĩ vẫn ngồi trên lưng ngựa, đầu ngay đơ không dám cựa quậy, nói "Đội ơn"! rồi thúc chân vào hông cho ngựa phóng vút về hướng kinh thành. Tiếng vó ngựa bây giờ nghe lộp cộp. Lão Ngạc ngồi bệt xuống vệ cỏ, trệu trạo nhai chỗ bánh đúc và nắm xôi đỗ đen trong rá. Miệng lão nhạt thếch. Cô Câm, mặt vẫn sáng rỡ nụ cười, lum cum vớt giỏ cá đổ ra rổ. Dăm chú cá diếc quẫy mình lấp lánh ánh bạc. Trăng đã chếch canh tư. Bố con lão lục tục ra về.

Bỗng có tiếng vó ngựa rầm rập. Nhìn lên, lại là tráng sĩ lúc nãy với một đoàn kỵ binh đội nón dấu, tay cắp hỏa mai oai hùng đã từ đâu phi về.

Nhưng ô kìa. Lão Ngạc hoảng hốt. Cái đầu của tráng sĩ không gắn vào cổ, mà chỉ bay là là hững hờ trên cổ và trong những chiếc nón dấu, đầu của đám kỵ binh cũng lung liêng chập chờn, trắng bệch trong nón. Những chiếc cổ vạm vỡ của họ vẫn ngăn cách với cái đầu bằng một mảnh vải trắng lõa xõa loang lổ máu. Mặt tráng sĩ buồn thiu. Cả đoàn quân kỵ quỳ trước bố con lão Ngạc, rồi lặng lẽ, lặng lẽ, mất hút dưới chân cầu.

Trần Mộng Tú

PADYAMU

Gió, gió, gió, góc phố nào cũng có gió không trốn vào đâu được, gió xoay tròn trên không, gió xoa đầu những ngọn cây, gió vỗ vào mặt kính, những cửa hiệu, gió đánh ngang, gió tạt dọc trong lòng phố. Gió thổi tốc đám lá phong khô trên mặt đất bám chặt vào chân hai người, cả khu Pioneer Square đang cong mình dưới trận gió mùa thu. Kéo hai vạt áo len màu rêu che kín ngực, nàng hỏi cháu:

- Lạnh không cháu?

- Không, cháu không lạnh. - Người cháu lấy tay giữ lấy những lọn tóc đằng sau cho khỏi tung ra phía trước hỏi lại:

- Cô có lạnh không?

- Có, lạnh nhưng mà thích.

Những người Mỹ da đen đứng chật đường, họ chia cho nhau những điếu thuốc bẻ làm hai, những miếng bánh nhân thịt cắn một nửa, những lon nước ngọt uống chuyền tay, những con chim bồ câu màu xám đứng dưới chân họ nhặt những mẩu vụn rơi trên mặt đất. Trên những chiếc băng dài của công viên thành phố, những túi ngủ để ngổn ngang, cái áo len ẩm mốc, cái áo khoác nhớp bẩn, những mảnh chăn rách, vài bị quần áo. Công viên là nhà của những kẻ không nhà.

Hai cô cháu co ro đi sát vào nhau, họ chen lách giữa những người da đen, những sinh viên, những con mọt sách (như cô cháu nàng) băng qua công viên để vào hiệu sách bên kia đường. Hiệu sách Elliot đối diện với hiệu "Con Mèo Giấy" bên này đường, là hai cửa hiệu lúc nào cũng đông nghẹt người, nhất là những ngày cuối tuần. Hai cô cháu đứng lại bàn nhau nên ghé vào đâu trước, cháu nói:

- Mình có hai tiếng đậu xe thôi cô, ghé vào "Con Mèo Giấy" trước, thời giờ còn lại bao nhiêu mình dành cho hiệu sách.

Hai đôi chân lại ríu vào nhau, đi ngược sang bên kia đường, cả hai cô cháu cùng nhỏ bé, gió chỉ muốn xô họ ngã xuống mặt đường, nàng giữ tay cháu lại.

- Đứng xem lá bay một chút cháu.

Một cơn gió khác lại ập đến, kéo tung ra khỏi thân cây hàng ngàn chiếc lá, một trận mưa vàng điệp trút xuống, bay lượn trong không gian. Những chiếc lá ôm lấy nhau, thả nhau ra, rồi lại quấn vào nhau, chao qua, ngã lại, những chiếc lá đang khiêu vũ trên không. Những chiếc lá nằm bên nhau áp mặt vào nhau, hôn nhau, vuốt ve nhau, những chiếc lá đang tỏ tình trong gió. Nắng mùa thu rất mỏng chỉ đủ thắp một quầng sáng vào hai cánh tay nàng, đang chụp bắt những mảnh vàng rơi. Cháu kéo tay cô xuống, nói:

- Cháu phải cứu cô, chứ để cô đứng đây thêm ít phút nữa, thì cô sẽ biến thành một cái lá khổng lồ mất.

Nàng thấy cay cay trong mắt, mùa thu đẹp quá làm nàng muốn khóc, hình như cái gì đẹp quá cũng đều làm nàng thấy nhói ở ngực và muốn khóc cũng như mỗi lần nghĩ đến mối liên hệ tình cảm giữa nàng và chàng, nàng đều cảm thấy đau đau ở ngực và nôn nao rơm rớm nước mắt, mặc dù những lá thư gửi đến cho nàng từ bên kia những dãy núi, chàng đều dặn dò - Em không được khóc - lá thư gần đây chàng còn vẽ thêm một cái mặt, có nụ cười gửi cho nàng.

Hai người bước vào hiệu "Con Mèo Giấy", hiệu này bán hai thứ rất đặc biệt là giấy viết thư và những tấm thiệp. Thiệp ở đây là những tấm thiệp không tìm thấy ở hiệu bách hóa, hiệu bán văn phòng phẩm và ngay cả ở Hallmark cũng không có loại thiệp này. Nó là những tấm tranh thu nhỏ lại của Monet, Gauguin, Van Gogh, Genia Ó Keffe, những tấm tranh của hội nghệ sĩ Hoa Kỳ, của Mary

Cassatt, Susan Boulet và đặc biệt có cả tranh của Beverly Doolittle, nàng đã được xem tranh của họa sĩ này. Mỗi bức tranh của bà đều giấu trong đó một hai điều khác biệt, người xem phải tự tìm lấy. Chẳng hạn là vẽ một dãy những tảng đá chồng lên nhau, khi nhìn kĩ thì hóa ra một đàn gấu. Một người da đỏ lùa một đàn ngựa trong sa mạc lại có tựa là "Cánh Diều Hâu", vì đứng xa nhìn vào tranh thì đúng là hình chim diều hâu đang soãi cánh. Mỗi phó ấn bản của bà, loại bích chương lên đến cả 4, 5 ngàn đồng và số in rất có giới hạn. Giấy viết thư ở đây thì chỉ dùng để viết thư tình, nên muốn kiếm một tờ giấy trắng để viết thư đòi nợ thì ở đây không có. Giấy màu tím nhạt, màu xanh ngọc, màu hồng, màu hạt dẻ, màu ngà. Giấy của những người yêu nhau, dùng để viết cho nhau, đòi nhau một món nợ tình. Hai cô cháu sờ hết thứ này, lại nhắc đến thứ kia, cầm lên, bỏ xuống, chụm đầu vào nhau thì thầm bàn bạc. Nàng nghĩ đến chàng, đến những lá thư sẽ gửi đi, đến những tấm thiệp có tranh của Monet để viết những bài thơ vào cho chàng. Nàng chọn được một tấm của Gauguin, một ít tấm của Monet, bức thiếu nữ ngồi khâu trong vườn của Mary Cassatt cũng bắt mắt lắm, có cả tấm Isis and Osiris của Susan Boulet, dân Egyptians thờ Isis như Thượng đế của họ, khuôn mặt xinh đẹp của bà Chúa Isis có cặp sừng bò trên đầu tượng trưng cho sự thông minh và khôn ngoan, nàng muốn gửi cho chàng cả hai điều sau.

Ở một góc gần lối ra cửa hiệu, trưng bày toàn giấy viết thư, tranh, lịch, sách, sổ tay mang hình những con mèo. Mèo tam thể, mèo mun, mèo bạch tuyết, mèo bố, mèo mẹ, mèo con. Đủ kiểu, đủ dáng, từ hai con mắt trong veo, ngây thơ, đến cái ngoẹo đầu nũng nịu, từ khuôn mặt nhăn nhó tức giận, đến khuôn mặt láu lỉnh hạnh phúc, có cả con mèo ốm, con mèo ngái ngủ (của ông thi sĩ Nguyên Sa). Nàng đứng ngắm nghía lũ mèo, không biết có nên gửi cho chàng một con không? Nàng mỉm cười với ý nghĩ đó. Cháu đến nói nhỏ vào tai cô:

- Cô ơi! Cháu không thích mèo lắm đâu, mình trả tiền rồi còn sang hiệu sách.

Hiệu sách Elliot. Sách trên kệ, sách trên bàn, sách trước mặt, sách sau lưng, sách nhiều như lá mùa thu vây quanh nàng. Hiệu có hai tầng và một gian hầm rộng. Tầng trên cùng bán sách cũ và

sách đã hạ giá, tầng chính giữa chia ra từng khu như ở thư viện. Khu sách nhi đồng, sách thể thao, sách chính trị, sách giáo dục, tiểu thuyết và không tiểu thuyết v.v... Đặc biệt có một khu riêng cho Thơ với tấm bảng đề "Khu tổng hợp Thơ". Nàng sà ngay vào, cháu lại đến kéo tay cô:

- Cô ơi! Xuống hầm đã, cháu khát nước.

Gian hầm bên dưới rất rộng, chia làm hai phòng. Phòng trong dùng làm chỗ ra mắt sách, phòng ngoài dùng để bán cà phê và bánh ngọt. Cả hai gian đều có những kệ sách đóng sát vào tường cao gần đụng đến trần nhà, trên kệ kín mít không một kẽ hở, những quyển sách cũ, bìa dày, đóng gáy, có một cỡ gần như bằng nhau, trên thành kệ có gắn bảng - Sách không bán - Phòng cà phê với những chiếc bàn vuông, bốn ghế, đông kín người ngồi. Hai cô cháu phải đợi mãi mới tìm được một chỗ, cháu nhanh nhẹn kéo cho cô cái ghế.

- Cô ngồi đây, cháu ra xếp hàng mua nước.

Nàng ngồi quay lưng về phía kệ sách, xoay người lại, rút ra một quyển sách trong kệ, nàng sờ lên những hàng chữ tưởng chừng như đặt tay mình vào tay một người bạn rất thân lâu ngày mới gặp lại. Những tờ giấy mỏng, mịn, mát lạnh dưới những ngón tay nàng, nàng nao nao xúc động, chợt nhớ đến câu thơ của Vũ Đình Liên:

Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ

Rồi lại nhớ đến câu nói của Robert Frost: "*No tears in the writer, no tears in the reader*". Nếu tác giả mà không nhỏ lệ khi viết thì làm sao mà lấy được nước mắt độc giả, nàng bỗng thấy cay cay ở mắt. Hình như có bàn tay ai vừa chạm vào vai nàng, kéo nàng ra khỏi ghế, nàng đứng dậy đi chung quanh gian hầm, đặt tay vào những quyển sách, lấy ra lật lật từng trang rồi lại cất vào, nàng như một người đang ở trong cơn đồng thiếp. Hình như có tiếng ai gọi tên nàng, hình như có ai đang dắt nàng đi. Có những chiếc bóng lượn qua lượn lại trước mặt nàng, những khuôn mặt chợt hiện ra, chợt biến mất, những khuôn mặt đàn ông, đàn bà mang những quốc tịch khác nhau và khuôn mặt họ thì đều đẹp như những bài thơ, đặc biệt là thân thể họ thì như những chiếc bình thủy tinh trong suốt, nàng có thể nhìn được cả bên trong cái bình thân thể

đó. Ngoài trái tim duy nhất còn treo phía bên trái lồng ngực không ai có gan phổi, xương sống, xương sườn gì cả, trong bụng và ngực của họ xếp ngổn ngang đầy những trang giấy chi chít đủ mọi ngôn ngữ, nàng nhìn kĩ thì ra là những bài thơ được viết theo các thể khác nhau, từ tự do, ngụ ngôn, tứ tuyệt, lục bát v.v... Nàng đoán ra rồi, họ là những thi sĩ. Thi sĩ chỉ cần có trái tim và Thơ thôi, còn tất cả những thứ khác đều vô ích, bỏ, bỏ hết. Nàng đi theo họ, hình như nàng đang bước lên những bậc thang đưa nàng lại tầng trên, lọt hẳn vào khu để Thơ, những chiếc kệ vây quanh nàng như vòng tay khép kín của người tình. Những quyển Thơ trên kệ sách ngang tầm mắt, nàng đọc được những: *Above the river* của James Wright, *Poetical works* trọn bộ của Wordsworth, *The Yellow Heart* của Neruda, *Autumn Sonata* của George Traki, có cả *Dead Languages* của Tamura Yuichi và bản văn của Václav Havel, *Living in Truth*. Nàng quỳ xuống sàn, lôi ra những quyển khác, xếp ở ngăn kệ sát xuống mặt đất. Một giọng đàn ông rất ấm cất lên sau lưng nàng:

- Cô đã tìm được quyển nào ưng ý chưa?

Nàng quay lại, vì còn đang quỳ dưới đất nên nàng chỉ nhìn thấy hai ống quần jean xanh, đôi dép một quai, đôi bàn chân với những ngón xương xẩu, nàng nghiêng đầu ngước mắt nhìn lên. Chúa ơi! Một đáy mắt đen sâu thăm thẳm làm nàng bất động sững sờ. Người đàn ông đứng ngang với kệ sách cao nhất, ông ta cúi nhìn xuống khuôn mặt nàng với cái nhìn dò hỏi, tóc ông dài gần chạm vai, những sợi tóc đen dợn sóng, mũi ông khá dài, khó mà đoán được ông ta từ phần đất nào trên địa cầu đến. Nàng lúng túng chưa biết trả lời thế nào thì lại nghe ông nói, tiếng nói như vang đến từ một nơi chốn xa xăm nào.

- Tôi là *Padyamu*, cô đọc thử cuốn này - Trong thành phố nơi tôi yêu em - (*The city in which I love you*) của Li-Young Lee tác giả mới được chọn Academy Ward cho 1990 của Lamont Poetry Selection, anh ta còn trẻ, sinh trưởng ở Mỹ, nhưng thơ vẫn mang nặng tâm hồn Đông phương.

Nàng vụng về đưa ra đón tập thơ trên tay Padyamu, những ngón tay của ông ta dài, trắng xanh, ông lại hỏi:

- Cô có thích Mưa Vô Ảnh (*Unseen Rain*) của Rumi không? Loại

thơ tứ tuyệt đó cô đã đọc chưa? - Ông ta lại giơ tay với một quyển sách khác đặt vào tay nàng. - Đừng giở ra vội, mang về nhà hãy đọc, đọc vào buổi tối, khi mọi tiếng động đã đi ngủ, cô sẽ thấy gần với tác giả hơn, để tôi đọc thử cho cô nghe một đoạn, chỉ một đoạn thôi, để cô có khái niệm về tập thơ.

Tôi sống bên bờ điên loạn
Lòng vẫn tự hỏi nguyên nhân
Tôi gõ hoài trên cánh cửa
Cửa mở - Tôi gõ phía trong[1]

Nàng như bị thôi miên trong đáy mắt Padyamu, ông ta như vừa bước ra từ kẽ hở của những cuốn sách để trên kệ. Nàng chắc chưa gặp ông ta bao giờ trong đời, nhưng sao lại tưởng chừng thân mật quá, tưởng như đã biết nhau từ thuở nào, từ ngày thơ dại, không, nàng không nghĩ là ông ta có thể sinh ra cùng thời với nàng, trông ông khác biệt quá mà nàng vẫn chưa dám hỏi ông từ đâu tới, ông không phải là người Âu châu. Đặc biệt là sự hiểu biết về thơ của ông uyên bác quá. Ông thuộc thơ của các tác giả từ thế kỉ 12, 13 cho đến những tác giả hiện đại. Ông cứ nói tên từng người; rồi lại đọc một đoạn thơ. Nàng vẫn nửa ngồi, nửa quỳ dưới sàn nhà, sững sờ nghe Padyamu đọc thơ, mỗi lời thơ ông đọc như nhả ra một đóa hoa, ông thuộc cả thơ Lý Thương Ẩn đời Đường "*Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền. Nhất huyền, nhất trụ tư hoa niên*" (Cây đàn năm chục dây. Mỗi dây mỗi trụ nhớ ngày còn anh - T.T. San). Nàng tò mò hỏi ông:

- Ông có biết Tản Đà của Việt Nam không?

Padyamu mỉm cười, đưa tay vuốt những sợi tóc dài rơi xuống trán cho ngược về phía sau, ông cứ phải làm như thế luôn vì ông thì cao quá, mà đang đứng, còn nàng thì vẫn quỳ dựa lưng vào kệ sách.

- Có phải ông thi sĩ của đầu thế kỉ 20 không? Tôi nhớ ra rồi.

Tuổi xanh như ngựa đầu xanh bạc
Chán cả giang hồ, chán cả ngông.

Nàng tròn xoe mắt, ngước nhìn ông khâm phục, ông đưa tay ra

(1) *Trần Mộng Tú chuyển ngữ thơ Rumi.*

như muốn đỡ nàng đứng lên, nàng do dự một giây, rồi đưa tay cho ông kéo, bàn tay ông lạnh khô như một phiến đá, nàng khẽ rùng mình. Nàng chỉ đứng đến ngực Padyamu và nàng đứng gần ông quá, kệ sách sau lưng ông và sau lưng nàng làm cả hai không có chỗ nào để mà lùi lại. Nàng nhìn ông rõ hơn, khuôn mặt ông trắng xanh như một người cả ngày chỉ ngồi trong tháp ngà đọc thơ, làm thơ, không biết đến ánh sáng mặt trời bên ngoài, cặp môi nhợt nhạt không có sinh khí, hai giếng mắt sâu thẳm có quầng đen chung quanh làm nàng liên tưởng đến những cặp mắt của người Ấn. Ông mặc một chiếc sơ mi bằng vải trắng, không có cổ, dài xuống đến đầu gối nhưng bên dưới ông lại mặc một chiếc quần jean xanh trông không có ăn nhập gì với nhau cả. Nàng nghe thấy cả hơi thở rất nhẹ của ông và khoảng cách quá gần gũi với một người đàn ông lạ làm nàng thấy hai tai nóng bừng, nàng nghe rõ cả tiếng tim đập mạnh trong lồng ngực mình, mặt nàng chắc lúc đó phải đỏ lắm, nhưng hơi thở của Padyamu thì rất nhẹ, nhẹ đến nỗi nàng có cảm tưởng là ông không thở.

Padyamu nhìn nàng nói dịu dàng:

- Cô cứ làm thơ đi, đừng bao giờ hết làm thơ, thơ là tinh hoa của ngôn ngữ, càng viết nhiều, càng viết lâu, càng hay, Thơ như một viên ngọc, càng già càng lên nước. Thi sĩ không phải là diễn viên sân khấu, không phải là ca sĩ mà sợ thời gian làm tàn úa nhan sắc, làm mất đi làn hơi ngọt ngào. Tất cả mọi sự vật đều tan biến, mục nát theo thời gian, nhưng văn chương sẽ tồn tại vĩnh viễn. Con người khôn ngoan lắm, họ gìn giữ văn chương hơn báu vật, vì ở đó họ gạn lọc, học hỏi được những giá trị riêng của nó mà không có một viên ngọc nào sánh được. Cô thử so sánh một bài thơ hay và một viên kim cương xem. Viên kim cương có thể làm cho người ta động lòng ham muốn, nhưng một bài thơ hay, đọc lên, nó làm cho người ta rung động đến tận cùng tế bào và sự rung động đó nó mạnh đến nỗi diệt hết được cả những ham muốn khác, như vậy cô thấy cái nào có giá trị hơn?

Ngừng một lúc Padyamu nhìn vào hai mắt nàng, đáy mắt ông sâu thăm thẳm như bóng đêm làm nàng thấy rờn rợn trên da thịt,

tiếng ông nhẹ như tiếng gió thoảng.

- Làm thơ, yêu thơ cô đơn lắm, điểm tựa không phải là người chung quanh, người chung quanh họ bận sống cuộc đời thực, mình làm thơ là mình sống cuộc đời người chung quanh không cho là thực, mình sống một mình một cõi. Thi sĩ giống như một căn lều mọc lên giữa cánh đồng, bốn phía là gió, trên đầu là trăng sao, không có điểm tựa. Nhưng làm thơ có cái hạnh phúc riêng, làm xong một bài thơ, đọc lên, nghe một mình mà tưởng như đang nói chuyện với một người thân thiết lắm, thân hơn cả một người bạn, thân hơn cả một người tình. Nếu được may mắn khi vừa làm xong một bài thơ ưng ý, đọc cho một người yêu thơ, cùng một trình độ thưởng thức với mình thì không có điều gì đáng quý hơn nữa. Giá trị của đời sống của đó là chỉ một *Bài Thơ*, không có một thứ giá trị vật chất nào có thể thay thế được.

Padyamu giơ tay làm một cử chỉ như kéo nàng gần vào ông chút hơn nữa, nàng thấy một luồng hơi lạnh toát ra từ phía ông, nàng có cảm tưởng vừa mở một cánh cửa của chiếc tủ đông lạnh, bất giác nàng đưa tay kéo hai vạt áo len lại và đưa quyển thơ "Mưa Vô Ảnh" lên che kín ngực.

- Có, có một thứ giá trị nữa, ngang với văn chương, đó là Tình Yêu. Đừng bao giờ để mất đi hai thứ này. Trái tim cô còn đập cô hãy yêu, hãy tiếp tục làm thơ tình - giọng ông bỗng trở nên ngậm ngùi - có một đôi khi trái tim đã hết đập mà vẫn còn muốn được làm thơ, vẫn còn muốn được yêu, vẫn để hồn đi lang thang trong thư viện, trong hiệu sách đó là trái tim của thi sĩ. Thi sĩ sau khi chết đi linh hồn họ sẽ biến thành những bài thơ, thiên đàng của thi sĩ là thư viện, là hiệu sách. Cô và tôi chúng ta đều là Padyamu[1] hết, chúng ta là Thơ.

Ông nói xong lách mình ra khỏi những kệ sách đi nhanh ra phía cửa, vạt áo sơ mi trắng dài của ông mất hút giữa đám đông trong hiệu sách.

Nàng ngẩn ngơ, cúi nhìn quyển thơ "Mưa Vô Ảnh" mà ông đã đặt vào tay nàng, nàng lật giở một hai trang đầu viết về tiểu sử tác giả: *Jelaluddin Rumi 1207 - 1273 sinh tại Afghanistan* (Ấn Độ)

---

(1) Padyamu: Ấn ngữ có nghĩa là "Thơ".

tác giả cuốn Divan-i- Shamis Tabriz (1570 trang, 42 000 dòng thơ) bên cạnh là hình ảnh tác giả, chụp bán thân, đội một chiếc mũ cao không vành, những sợi tóc đen dợn sóng gần chấm vai, đôi mắt sâu như bóng đêm, chiếc mũ cao, chiếc áo sơ mi vải trắng không cổ. Nàng vội giơ tay che lên miệng để khỏi bật ra một tiếng kêu - Padyamu, ông ta, đúng là ông ta - Jelaluddin Rumi, nàng vứt quyển sách xuống đất, chạy như bay ra khỏi tiệm, những người đang đứng chung quanh vội tránh ra hai bên theo đà xô của nàng.

Ngoài phố một cơn gió thu vừa ập đến, những chiếc lá khô bay thốc vào mặt nàng, nàng đứng ngơ ngác nhìn hai đầu phố, cất tiếng gọi to:

- Jelaluddin Rumi, - tiếng nàng lạc vào trong gió, Jel-la-lud-din Rumi...

Gió vẫn thổi, lá vẫn bay, hai đầu phố chỉ có những người Mỹ da đen đang chia nhau điếu thuốc bẻ hai. Một cơn gió khác lại kéo ập đến, bốc đám lá khô dưới đất bay thốc lên cao, tung vào người nàng, một chiếc lá bám chặt trên áo nàng, phía gần trái tim.

Lưu Sơn Minh

MIÊU CẨM

Nhà giàu họ Vương thường đi lại buôn bán khắp bốn phương. Năm ấy chuẩn bị cưới vợ cho con trai bèn để ý tìm mua sản vật quý lạ nhưng chưa thấy. Một đêm trăng sáng, Vương lững thững đi chơi bỗng gặp một lão già ngồi ở gốc cây ven đường. Lão mời Vương quá bộ tới thăm nhà. Vương khi ấy mắt mũi kèm nhèm nhìn không rõ đường, Lãaben bảo để lão dắt đi. Đi trong rừng cây được một lúc thì tới chỗ đường hẹp, hai bên là tường đá dựng đứng, khí lạnh tỏa vào người như ở trong cung trăng. Bấy giờ Vương rét quá cứng hàm chẳng nói được gì cứ cắm cúi đi theo lão già. Ánh sáng lu dần, mắt Vương lại càng không nhìn gì nữa, chỉ biết bước mà thôi.

Chợt lão già à lên một tiếng, nói:

- Nhà lão đây rồi, mời quý nhân vào chơi.

Rồi quay lại gọi cửa. trong nhà thấy có tiếng ríu rít giục nhau rồi đèn đuốc sáng trưng. Cửa mở. Một bà già dắt theo thằng bé chạy ra cúi chào. Vương đáp lại rồi đưa tay xoa đầu thằng bé, nhưng nó tránh sang một bên và chạy vụt vào trong. Lão già nói;

- Mời quý nhân ngồi tạm, hàn gia quạnh quẽ may lại được đón khách, quả là đại phúc. Đoạn, lão đi vào trong nhà. Vương ngồi xuống, trong lòng phân vân không biết bà già vừa rồi có phải vợ lão không? Chợt trên vách có treo một chữ Tâm màu đỏ son trên lụa bạch. Vương bước tới xem, thì nghe ngoài sân có tiếng líu ríu

của con gái trẻ, lại thấy vỗ tay, rồi lão già chạy ra cười nói:

- Mấy con nhỏ hàng xóm đi chơi ghé qua đấy.

Vương toan chạy ra mời vào thì lão ngăn lại, nói:

- Khỏi phải nhọc lòng quý nhân, chúng nó thấy nhà có khách thế nào cũng đi ngay thôi! Quả nhiên lao xao một hồi thì ngoài sân trở lại yên ắng. Lão già mời Vương uống nước rồi đi nghỉ. Vương sốt ruột muốn về thì lão cười, nói:

- Đã sai người đi báo rồi, mời quý nhân cứ ở lại chơi. lát nữa có lái buôn từ Ấn Độ về thế nào chả đem nhiều hàng quý, khéo hay lại mua được khối thứ đấy!.

Thấy Vương có vẻ mệt, lão mời Vương đi vào trong nghỉ ngơi, lại hẹn lúc nào lái buôn đến sẽ gọi... Vương chợp ngủ chẳng biết được bao lâu thì có người chạm vào vai. Mở mắt thấy lão già thì thào:

- Lái buôn họ Sở vừa đến xong, mời quý nhân ra mà xem. Vương bò dậy, chờ lão già quay lưng đi vội sờ vào bọc thấy vàng mới yên dạ, bèn theo lão ra ngoài.

Lái buôn họ Sở mặt mày không giống người thường, nhác trông tưởng như một con mèo thiến. Đi lại uốn éo, cười cợt chào đón vẫn không ngoài một kiểu khiến người ta lạnh gáy... Vương ngồi xuống bàn thấy trên đó có bày một cái chặn giấy bằng ngọc mắt mèo chạm nổi chữ "Bạch", nét chữ cực kỳ tinh xảo, bèn cầm lên xem thì lái buôn họ Sở vội nói:

- Đây là vật quý của tôi, không bán, không bán... Rồi giằng lấy cất ngay vào bọc.

Vương trong lòng ngần ngại, toan đứng lên nhưng nghĩ đến việc vỡ mất đồ quý nên thôi. Họ Sở rút từ trong bọc ra một tấm đệm gấm màu huyết dụ giở cho Vương xem, nói:

- Nếu ông mua được vật này cũng là hi hữu thế gian!

Lão già vẫn ngồi yên từ nãy giờ cũng chêm vào, nói:

- Ai dà, người Ấn Độ dệt gấm khéo quá nhỉ! Vương cầm lên xem, biết ngay không phải là gấm Ấn Độ nhưng quả là hết sức đẹp. Từng sợi kim tuyến đỏ chìm bên trong tấm gấm nhấp nhánh ánh nên tỏa ra một thứ ánh sáng quyến rũ. Hoa văn thêu trên chăn dày đặc. Càng nhìn mắt Vương càng nhòa đi, lại trông hình như trong đó có hình mỹ nhân nằm nghiêng giữa khuôn trăng vẫy gọi. Lắc đầu nhìn lại thì chẳng thấy gì, vẫn chỉ toàn là kim tuyến đỏ mà thôi.

Bèn hỏi mua, lái buôn họ Sở nói giá cao quá, hai bên mặc cả cò kè mãi. Chợt nghe tiếng gà gáy lao xao, lão già nói:

- Này họ Sở kia, đây là quý khách của ta, nhà ngươi không bán rẻ được sao? Sở bèn đồng ý bán. Đến khi giở vàng ra trả, Vương thấy gã lái buôn nhìn túi vàng mắt sáng rực lại có ý gian, tự nhiên rùng mình và ngấm ngầm kinh sợ, đếm chắc xong xuôi đòi về ngay. Lão già bèn nói:

- Thôi được, vậy để lão đưa chân quý nhân. Đi một đỗi đường, lão nói:

- Thôi, đến đây quý nhân đi được rồi! Đoạn quay lưng đi miết.

Vương còn lại một mình giậm chân nghĩ thầm:

- Chắc lão già bỏ mặc ta để lũ cướp tiện việc đây! Sợ quá, Vương vùng chạy. Thấy trời sáng dần, sương mù tan hết thì về tới nhà mới nghĩ lại" Thì ra chẳng phải lão già hại mình. Tối qua ta mang tiếng ở đó chơi nhưng nào đã nói được chuyện với nhau đâu. Đến ngay tên họ lão ta cũng quên hỏi. Chà, lú quá mất rồi!"

Vương gọi cửa thấy gia nhân ra mở bèn hỏi, mới biết đêm qua có người đứng ngoài đường gọi to "Vương quý nhân đi chơi sáng mai sẽ về, người nhà không phải đi đón đâu!". Bấy giờ có người mở cổng ra xem nhưng người kia đi nhanh lắm, đã thấp thoáng rồi chẳng thấy đâu nữa.

Vương vội vã mang chăn ra khoe, lũ gia nhân trầm trồ khen ngợi. Con chó săn của Vương chừng như thấy đồ lạ nhảy chồm lên toan cắn xé, may giữ kịp. Vương cười, nói:

- Các người xích nó lại cho ta! Lâu quá không được đi săn chắc đã cuồng cẳng rồi đấy.

...

Con trai Vương vớ được cái chăn sướng lắm, đêm ấy mang ra dùng ngay. Đến sáng bạch cũng không thấy dậy, mẹ hốt hoảng sai gia nhân vào xem thì vẫn ngủ nên không dám gọi. Mãi gần trưa gã mới tỉnh, mặt mũi ra vẻ khoái trá, nói với Vương:

- Cái chăn này quả có chỗ diệu dụng!

Rồi gã đòi đi ăn cơm ngay. Vương không kinh ngạc thấy con ăn được nhiều hơn hẳn mọi khi thì lấy làm mừng rỡ, tự nghĩ chắc nhờ có cái chăn... Lâu ngày thằng con Vương hóa như tương tư cái chăn. Ban ngày ngồi đứng không yên, lại có khi nói ra tiếng "Sao lâu

đến tối thế". Ăn được nhiều nhưng cứ gầy đi, mặt hốc hác, mắt sưng húp. Sau rồi suốt ngày gã chỉ ngồi trên giường giữ cái chăn. Con chó săn của Vương một hôm sổng xích chạy vào thấy chăn nhảy xổ tới định cắn bị gã chém suýt chết. Vương mắng nhiếc con thậm tệ nhưng gã cứ lờ đi.

Lại tới khi bàn chuyện lấy vợ gã khăng khăng không chịu. Vợ Vương khuyên giải thế nào cũng không được, năm lần bảy lượt bèn cầm dao dọa nếu con không nghe thì đâm cổ mà chết. Gã mới đành thuận theo nhưng mặt vẫn hậm hực bỏ đi. Gần sáng gia nhân nghe thấy tiếng đổ vỡ trong phòng chạy vào xem, thì ra gã treo cổ lên xà nhà, tay vẫn ôm cái chăn. Vội vã hạ xuống, may mà cứu được.

Được nữa tháng lại ép gã lấy vợ. Gã xin cho nghĩ một đêm rồi sẽ trả lời. Sáng hôm sau, Vương nhắc lại thì gã trợn mắt "Vậy thì cha cứ dùng cái chăn một lần xem sao?". Nói xong mặt có vẻ hối. Vương thấy quái dị, thành ra sốt ruột, chỉ mong chóng đến đêm để thử xem cái chăn có gì lạ.

Buổi sáng, vợ không thấy dậy toan vào đánh thức thì con ngăn lại nói:

- Mẹ cứ để cha ngủ, may ra tới trưa mới dậy, cho mà xem!

Chợt có con ở chạy vào nói nhỏ gì đó làm vợ Vương đứng dậy, tất tả đi. Thì ra trong phòng con trai có một hũ rượu lớn hết sạch lăn lóc trên nền nhà. Con ở nói:

- Ngày thường dọn phòng cậu, con thấy có hương gì lạ lắm, không hiểu sao hôm nay lại hết? chỉ còn toàn mùi rượu thôi!

Vợ Vương chạy ra mắng con. Gã cười nhạt:

- À tại cha đấy mà. Cha ngủ ngon thì con mất ngủ...

Quả nhiên quá trưa Vương mới phờ phạc bò dậy, đòi ăn ngay. Con hỏi:

- Cha trả con cái chăn chứ?

Vương mắng:

- Mày dùng đã lâu, nay đến lượt ta.

Hai cha con cãi nhau to lắm. Vợ Vương khuyên:

- Cái chăn đâu có gì lạ! Lại còn giành nhau với con nữa!

Vương trợn mắt quát:

- Con mụ xấu xí kia, cút mau! rồi rút giầy ném ngay vào đầu vợ. Vợ uất quá khóc chạy ra ngoài, Vương cũng chẳng thèm nhìn đến

lại quay sang chửi con. Hai cha con giằng co nhau rồi chui tọt vào trong buồng Vương đấm đá. Vợ Vương trong lòng không yên lẻn lên nghe trộm thì lẫn trong tiếng huỳnh huỵch của chân tay lại có tiếng khanh khách. Vợ Vương rụng rời không biết làm thế nào. Sau rồi chẳng biết nghĩ sao khóa luôn cửa buồng Vương lại. Suốt đêm không sao ngủ nổi nhưng sợ nên chẳng dám rình nghe trộm nữa.

Đám gia nhân bị cấm không cho lên nhà tụm lại bàn chuyện. Bầy ngựa bị bỏ đói, gõ móng cồm cộp cả đêm. Còn con chó săn già của Vương chạy đi chạy lại dưới sân và tru cho đến sáng.

Ngoài sân khi ấy đã rõ mặt người, vợ Vương mới dám gọi lũ gia nhân lên cửa phòng Vương nghe ngóng. Mãi chẳng thấy gì bèn mở cửa mang đèn nến vào xem. Trong phòng có một thứ hương kỳ quái tựa như là mê hồn. Gia nhân cuộn rèm cao lên rồi mang trầm tới đốt, lúc lâu mới hết. Vợ Vương mãi mới dám vào, vén màn thì thấy cha con Vương nằm lịm như chết, tay vẫn tóm chặt mép chăn. Sờ vào mũi, hơi thở chỉ còn tựa đường tơ, vội vã sai đi mời thầy thuốc.

Thầy bốc thuốc xong lại đứng chờ xem người nhà sắc thuốc, đổ thuốc cho cha con Vương chợt nhớ ra bốc nhầm thuốc ngủ. Nghĩ tới số tiền công, trả thì tiếc, bèn lẻn về dẫn ả thị tỳ trốn biệt. Sau vợ con chẳng biết đâu mà tìm...

Vợ Vương thấy thầy thuốc bỏ đi mất, chồng con lại càng li bì không sao tỉnh được, dậm chân mắng:

- Ai dà, cái chăn yêu nghiệt này, chỉ tại mày mà thôi! Bèn sai gia nhân đốt lửa quẳng vào. Cái chăn ré lên như người phải bỏng. Khi xem đến thì lửa đã tắt mà chăn cũng chẳng làm sao. Đem ra bỏ xuống thủy trì tự nhiên sóng lại tấp cái chăn lên bờ. Mấy đường thêu tựu hồ hơi ướt một chút, con chó già bỗng ở đâu chạy tới, ghếch chân đái vào cái chăn rồi lại nhảy vào cắn xé. Chăn nhũn ra, văng vẳng có tiếng đàn bà khóc mà lại như tiếng mèo kêu. Trong nhà vợ Vương thấy chồng con lăn lộn tựu hồ đau đớn lắm thì hoảng hốt sai gia nhân lôi con chó ra, họa may hại kẻ kia tỉnh lại.

Sau chờ mãi chẳng thấy chủ đỡ, gia nhân bàn nhau đem chăn lên trình quan. Quan phủ lấy làm lạ xuống tận nơi xem xét. Thấy chăn đẹp bèn nổi lòng tham tra hỏi dằng dai đến chiều rồi sai lính cất vào kho để ngày mai quyết ý. Dẫu thế trong bụng vẫn có lòng uý kỵ cái chăn. Chợt thấy lính canh báo có một đạo sĩ chân thọt

xin vào gặp. Quan cho vào. Đạo sĩ ăn mặc rách rưới, bẩn thỉu không chào hỏi gì, nói luôn:

- Nghe đồn quý Phủ có chăn đẹp, lão đến xin đây!

Quan phủ phá ra cười ha hả. Đạo sĩ cũng cười. nói:

- Chắc quý Phủ không cho, vậy để lão giúp quý Phủ đạo bùa, họa may trấn được sự quái lạ.

Lão trỏ gậy về phía cái chăn, vẽ gì đó vào khoảng không, đoạn phất tay áo bỏ đi. Chỉ chốc sau bóng người đã mờ mịt rồi mất hút... Cái chăn cũng im bặt không còn thấy rên rỉ nữa. Quan Phủ đuổi bọn gia nhân nhà họ Vương về, rồi sai lính cất chăn, định bụng đến mai sẽ dùng thử ban ngày xem sao. Sáng hôm sau, khi mở kho thì chăn đã bị lũ chuột gặm hết. Giũ trong đống rách nát lăn ra một viên đá trắng đục, đem ra nắng thì tan thành nước nhờ nhờ như nhựa cây. Quan thở than mãi không thôi.

....

Cha con họ Vương ngủ mấy ngày thì tỉnh, nhưng nói năng đi lại ngơ ngác như người trên mây. Về sau chẳng nhà nào dám cho con gái về làm dâu họ Vương cả. Mà đám gia nhân cũng bỏ đi dần. Gia cảnh ngày càng lụn bại, vợ Vương đành phải bán nhà cho kẻ khác. Nghe đâu đó là một lái buôn, họ Sở...

BẾN TRẦN GIAN

"Dở dang nào có hay gì
Đã tu tu trót, qua thì thì thôi"
(Kiều)

Anh đã đi mấy chục năm, vượt qua bao nhiêu khuôn mặt chỉ để đêm nay tới đây và gọi "Đò ơi".

Dòng sông không hiểu đang chảy hay đã ngừng chảy từ lâu. Chỉ có ánh trăng rụt rè sáng một nửa sông phía bên kia không bị bóng

cây si che lấp. Anh chợt thoáng rùng mình, ngày xưa, chỗ này có một người con gái chết đuối. Anh vẫn nhớ kỹ người ta đã khênh cô ấy lên và để cô ấy nằm ngay đây, gối đầu lên gốc si già. Anh vội liếc nhanh vào gốc si tối sẫm. Chẳng thấy gì cả ngoài một hõm đen lờ mờ, chỗ ngày xưa nước lụt xoáy vào. Anh lại gọi to lên "Đò ơi", tiếng gọi đò khẩn thiết. Hồi còn bé, bà thường kể cho anh nghe ngoài sông đêm có tiếng ma gọi đò, tiếng gọi như một lời khẩn cầu có sức hút huyền bí đến lạ lùng. Bao nhiêu cô gái đã chạy ra bến và chèo một mạch qua sông rồi lại chèo về, cứ thế cho đến sáng. Sau đó chẳng ai dám lấy cô ta nữa.

Bóng anh trôi nhè nhẹ ven sông, đổ lên những thân cây đẫm sương. Mấy chục năm, cây cỏ vẫn thế. Anh cứ trôi, trôi mãi... và cất tiếng gọi "Đò. .. ơi, đò..."

* * *

Bà cụ Lăng lọm khọm đi ra sau vườn. Đêm nay trăng sáng quá, bà không sao ngủ được. Bà nhớ lại đêm trước ngày thằng Lăng đi bộ đội. Sau khi dự hội diễn ở ngoài đình trở về, nó lặng lẽ ngồi đầu hè thổi sáo. Bà thì ngồi trong nhà ngắm nhìn đứa con trai duy nhất. Bóng nó đổ xuống sân lừng lững. Bà thấy mắt mình nhòa đi, hình như bà khóc... Cái bóng cứ tự nhiên mờ dần dưới chân Lăng. "Chết... mất bóng thì mày thành ma hả Lăng?"... Bà vội giụi mắt, không, cái bóng Lăng vẫn còn nguyên ở dưới sân. Đúng, bà nhớ lắm, nó quay lại cười với bà: "U đi ngủ đi, con ngồi thêm chút nữa rồi con cũng đi ngủ. Đêm nay trăng sáng quá"...

Ngoài vườn, cây nhài lặng lẽ thơm. Hồi thằng Lăng đi rồi con Thùy mang cây nhài ra trồng ở vườn. Nói bảo bà "Con chờ anh Lăng suốt đời". Chiều chiều, nó sang nhà nấu cơm quét tước giúp bà. Thế mà con bé bây giờ đã một nách năm đứa con. Lấy nhau mười năm thì chín năm mười một tháng bị chồng đánh. Bà biết con bé vẫn thỉnh thoảng lẻn ra ngoài bờ sông khóc. Bà lập cập mở cánh cổng ra ngoài bờ sông, trăng đã lên cao tít trên kia.

* * *

Anh đã đi mấy chục năm mà vẫn luẩn quẩn trong rừng. Cho tới một hôm, trong cuộc viễn du vô định, anh gặp một ông già râu tóc

Nguyễn Quang Thiều

CON CHUỘT LÔNG VÀNG

Khi tôi kể câu chuyện về con chuột này thì chính tôi cũng chưa một lần nhìn thấy nó. Cả làng tôi cũng chưa ai nhìn thấy. Nhưng cũng như tôi, mọi người đều tin là con chuột có thật. Người duy nhất nhìn thấy con chuột là ông Lẫm Cùi. Ông chính là người đã săn lùng nó suốt cả cuộc đời. Cuối cùng thì ông thất bại và chuốc lấy cái chết. Một đêm như mọi đêm ông đi đặt bẫy chuột và sáng ra người ta thấy xác ông nổi ở đầm sen đầu làng. Có người cho ông bị cảm, ngã xuống đầm mà chết. Nhưng hầu như mọi người lại cho ông bị con chuột lông vàng ám hại, vì cái đầm sen làng tôi chỗ sâu nhất cũng chỉ đến ngang ngực, mà ông là người có vứt ra biển chưa chắc đã việc gì.

Làng tôi tên xưa gọi là làng Chùa, tuy bây giờ trong khai sinh, trong lý lịch người ta đều đề là sinh quán Hoàng Dương, nhưng dân làng tôi đi đâu bị khảo cũng xưng là người làng Chùa. Gọi là Chùa vì trước kia những ngôi Chùa chiếm một phần ba làng. Đầu những năm sáu mươi, ở làng có chiến dịch phá chùa. Người ta tuyên truyền là phá đi tư tưởng mê tín để xây dựng nông thôn mới, tiếp cận với thời đại khoa học kỹ thuật. Ngày phá chùa thực sự là ngày hội của làng. Lũ trẻ chúng tôi cũng náo nức chờ đợi ngày ấy. Rồi cái ngày ấy đến. Thanh niên là lực lượng xung kích. Cánh nam

giới lăm lăm cuốc, xẻng, xà beng búa chim. Còn phụ nữ thì kìn kìn quang gánh. Nhưng tôi nhớ nhất là ông Lẫm Cùi. Người làng tôi gọi vậy chứ ông đâu bị cùi hủi gì. Chỉ vì đôi ống chân ông lúc nào cũng sần sùi, tấy đỏ. Khi bước đi thì thôi, chứ cứ dừng lại thì ông ngồi thụp xuống gãi lấy gãi để. Mặt ông vẹo sang một bên, mồm há hốc, mắt lờ đờ như người say thuốc lào. Ông là người miền Nam tập kết, lấy vợ làng tôi. Nghe nói trước kia ông bị tù Côn Đảo nhiều năm cùng với một số cán bộ cao cấp bây giờ. Sau đó ông vào bộ đội và trở thành thương binh. Hàng năm cứ đến tết nguyên đán là ông ăn mặc chỉnh tề, ngực đeo đầy huân chương, đi khắp làng. Ngày phá chùa ông hăng hái lắm. Ông phăng phăng vác những pho tượng phật to lớn, uy nghi ném xuống ao chùa. Từ dưới đáy ao tăm phật sùng sục nổi lên. Lũ trẻ con chúng tôi cùng nhau gào thét: " Phật chết đuối, phật chết đuối, chúng mày ơi!" Mỗi lần ném xong một ông phật xuống ao, ông Lẫm Cùi lại bước đi hùng dũng như một hiệp sĩ vừa chém gục kẻ thù. Hai bàn chân ông to bè nện xuống đất thình thịch. Đôi mắt ông sáng lên kiêu hãnh.

Những năm tôi đang theo học phổ thông là những năm làng tôi có nhiều chuột lắm. Có lẽ địa hình làng tôi là nơi thuận tiện cho việc cư trú và sinh sôi của loài chuột. Làng tôi nằm kề sông Đáy. Làng chia làm hai phần. Một bên là nhà cửa với những lối ngõ sâu hút mọc đầy cây duối, cây dâm bụt. Và với những khu vườn nửa như vườn cây ăn quả lưu niệm, nửa như vườn hoang. Quanh làng được bao bọc bởi đồng lúa và những gò đất cao mọc đầy những bụi tầm xuân, bụi cây gai và dứa dại. Còn suốt dọc bờ đầm, bờ ao cỏ mọc um tùm và những cây ổi hoang quấn đầy dây leo. Xuyên qua những bụi cây trên khắp bờ ao, gò đất và những bờ rào là những con đường mòn nhỏ. Đấy là những con đường riêng của lũ chuột. Những con đường kín đáo, trơn lì và khá sạch sẽ. Dài dọc những con đường ấy là những viên phân chuột nâu sẫm và rắn như đất nung, tỏa một mùi tanh nồng nặc đến nôn mửa. Đến mùa lúa chín hay mùa thu hoạch khoai ngô, chuột từ những con đường mòn ùa ra tấn công. Nếu bạn ngủ ngoài đồng, nửa đêm tỉnh giấc, bạn sẽ

nghe thấy tiếng chuột phá đồng rào rào. Tiếng chuột gọi nhau, cắn chí nhau nheo nhéo cả đêm. Người làng tôi đã dùng mọi biện pháp để xua đuổi chúng như gõ mõ, đốt lửa và mang cả chó, mèo ra ruộng. Nhưng tất cả những biện pháp ấy chỉ có tác dụng được mấy đêm đầu, sau đó thì vô hiệu. Nhiều nhà nhốt mèo vào trong một chiếc lồng đặt giữa ruộng. Lũ chuột tấn công vào mèo và mèo sợ hãi kêu gào hoảng hốt. Hết mùa, lũ chuột tấn công vào làng. Đêm nghe tiếng chuột chạy qua sân, chạy trên mái nhà rình rịch. Vịt gà bị mất. Trứng gà đang được ấp trong ổ cũng bay đi. Thúng mủng, bao tải, hòm xiểng bị chuột cắn tung. Có nhiều người trong lúc ngủ say bị chuột cắn chân, cắn tay. Có đứa bé mới sinh được vài ngày bị chuột cắn đứt cả của quý. Lũ mèo trong làng kinh hoàng và bất lực. Cứ đêm xuống là chúng bám sát lấy người không dám mò ra khỏi cửa. Có một đêm tôi tỉnh giấc vì tiếng mèo gầm gào. Qua cửa sổ nhìn ra sân, dưới ánh trăng vằng vặc tôi thấy một đàn chuột cống lông trụi gần hết đang vây quanh con mèo nhà tôi. Con mèo rúm ró ngồi sệt xuống nền sân gạch xoay tròn không dám tấn công và cũng không dám bỏ chạy.

Trong lúc các gia đình đang hoang mang trước nạn chuột thì ông Lẫm Cùi xuất hiện như một vị anh hùng với một loại bẫy chuột được chế tạo đơn sơ bằng tre nhưng lợi hại vô cùng. Dân làng ùa vào giúp ông gấp rút sản xuất loại bẫy này. Chỉ sau đó vài ngày ông Lẫm Cùi đã có trong tay gần ba trăm cái bẫy. Khi trời xâm xẩm tối thì ông đặt bẫy, và sáng dậy sớm thu bẫy về. Sáng nào hàng xóm cũng đến nhà ông để chứng kiến thắng lợi của ông. Một đống chuột lớn đổ giữa sân bê bết máu, tanh ngòm. Sau khi uống xong ấm trà đặc và hút gần chục điếu thuốc lào, ông Lẫm Cùi bắt đầu phân loại chuột. Ông chọn những con chuột to bằng bắp chân, béo múp để làm thịt. Số còn lại ông băm nhỏ để nuôi gà vịt hoặc nấu cùng bèo cám cho lợn nái. Phải nói rằng món thịt chuột đồng nướng thật tuyệt vời. Ai đã một lần ăn, tôi cam đoan không bao giờ quên được. Nhà tôi ở cùng xóm với ông, nên tôi thường được thưởng thức món đặc sản ấy. Ông dùng nước nóng già làm lông

chuột. Sau đó dùng rơm nếp đã được vò thật rối, thật mềm mà thui. Những con chuột được thui vàng rộm, căng tròn, tỏa mùi thơm lựng. Rồi ông rửa sạch sẽ đợi cho thật ráo nước mới mổ. Chuột đã rửa xong không được để dính một giọt nước lã. Nếu dính nước thì thịt chuột sẽ tanh như máu chuột tươi, không làm cách nào chữa được. Ông nhồi vào bụng con chuột một thứ gia vị tổng hợp gồm sả, riềng, lá nghệ non thái chỉ, vừng rang giã nhỏ, dấm thanh và ớt tươi bỏ hạt. Sau đó ông xoa muối tiêu vào da chuột và lấy lá chanh quấn từng lớp kín, và dùng than lãi ngô nướng. Thịt chuột nướng phải ăn nóng với tương gạo nếp đặc sánh với gừng giã nhỏ cùng một thứ rau ghém gồm: lá chanh non, lá đinh lăng, chuối xanh lát mỏng và măng tay tre ngâm với nước tương trong. Tất nhiên phải có một bình rượu trắng đựng trong hũ sành được chôn lâu ngày dưới chân ông Táo. Còn dân làng tôi cứ đếm đầu chuột mà thưởng công cho ông. Người cho ông bơ lạc, đấu gạo, người cho ông qua bầu, mớ rau. Lũ trẻ chúng tôi đi đánh dậm về thường cho ông mớ tép hay vài chục con cua. Nhưng chiến công của ông mỗi ngày một giảm. Lũ chuột tinh quái phát hiện ra thứ vũ khí tiêu diệt một số lớn họ hàng nhà chúng. Trên mỗi con đường mòn và trước mỗi cửa hang, chúng luôn luôn cảnh giác trong mỗi bước đi. Một thời gian sau thì chúng đùa bỡn cả với thứ vũ khí của ông. Chúng dùng đuôi làm cho những thanh đòn bẫy sập xuống. Nhưng làm như vậy vẫn có nhiều con bị thiệt hại. Nhiều con mất hẳn cả đuôi. Chúng đổi phương pháp bằng cách cắn vào những que củi ở bẫy. Những ngày đầu ông Lẫm Cùi nghĩ có đứa trẻ nào trêu chọc ông. Ông rình bắt và phát hiện ra tội phạm là lũ chuột. Ông thay đổi hình dáng bẫy và bôi mỡ chuột vào đó, đồng thời bôi cả vào tay mình để lũ chuột không phát hiện được hơi mình. Nhưng rồi cũng chỉ một thời gian ngắn, những phương pháp mới nhất của ông cũng bị lũ chuột phát hiện. Chỉ còn lại những con chuột ngờ nghệch, hoặc là những con quá tham ăn và liều lĩnh mới bị sa bẫy. Những con không bị sa bẫy càng ngày càng tinh quái và táo tợn. Chúng không chỉ kiếm ăn ban đêm mà cả ban ngày. Thỉnh thoảng

người làng nhìn thấy hàng chục con chuột bơi dòng dòng từ bờ ao này sang bờ bên kia. Người ta thấy lũ chuột ngồi vắt vẻo như một đàn khỉ tí hon trên những cây ổi hoang. Một điều tệ hại hơn là lũ chuột đã cảm hóa được không ít những con mèo trong làng. Bởi vì hầu như lũ mèo bị đói, nên lang thang kiếm ăn khắp xó xỉnh trong làng ngoài đồng. Một vài con đã phát hiện ra cái gò lớn ngoài làng bên cạnh đầm sen. Chúng phát hiện ra ở đó rất nhiều thức ăn. Đó là số thức ăn bầy chuột chưa sử dụng hết. Nào là những quả trứng gà dập vỏ. Nào là những con cá ăn dở. Đôi khi có cả cổ cánh của một con gà xấu số. Chính ở đó mèo và chuột gặp nhau. Những lần đầu chúng gầm gừ nhau. Lũ mèo không làm gì được bầy chuột vì đường đi lối lại của lũ chuột lắt léo quá. Hơn nữa mèo lại đang quá đói và bầy chuột quá đông. Cứ thế dần dần mèo chuột quen hơi nhau. Chúng còn ăn uống bên nhau, mặc dù chúng vừa nhai vừa liếc nhau cảnh giác. Cũng chính vì những con mèo kia mà ông Lẫm Cùi đã phát hiện ra hang ổ của lũ chuột.

Vào một đêm trăng, ông mò ra gò đất đầm sen. Và ở đó ông đã gặp một cảnh tượng hãi hùng. Ngay những phút đầu ông run lên, dọc sống lưng lạnh buốt. Trên mỏm đất cao nhất của gò đất ông nhìn thấy một con chuột khổng lồ. Thoạt đầu ông không nhận ra đó là một con chuột. Nó ngồi trên mỏm đất như người, mặt ngửa lên trời tru những tiếng trầm đục. Quanh nó là một bãi đất rộng nhung nhúc đủ loại chuột lớn bé. Những tấm lưng chuột lông bóng mượt trườn nhấp nhóa dưới trăng, nhìn thật quái đản. Mỗi khi con chuột chúa (ông Lẫm Cùi cả quyết con chuột khổng lồ ấy là con chuột chúa) cất tiếng kêu thì cả bầy chuột ngửa cổ lên nhìn và kêu theo với đủ giọng chuột. Bỗng con chuột chúa quay lại phía ông và đánh mũi kịt kịt. Tất cả đàn chuột con đều quay lại nhìn theo hướng con chuột chúa đánh hơi. Ông Lẫm Cùi vội vàng bỏ chạy. Ông cảm thấy lũ chuột đang rầm rập chạy theo sau ông và cười rú lên. Sáng sau ông dẫn đầu một đoàn người làng tôi đến gò đất. Họ mang theo rơm, cuốc, thuổng và những cái bẫy chuột: chỉ loáng sau họ đã tìm thấy những con đường mòn chạy dưới bụi cây dại.

Họ phát quang bụi rậm. Một cái cửa hang chuột lộ ra to như miệng cống. Mọi người kinh ngạc nhìn. Xung quanh cửa hang và bên trong đầy lông và xương gà. Từng chồng vỏ trứng gà mốc đen bên cạnh từng lớp xương cá. Họ chất rơm củi trước cửa hang và đốt. Họ dùng những chiếc quạt dùng để quạt lúa quạt khói vào hang. Khói chui sâu vào hang chính là luồn đi mọi ngóc ngách. Một lúc sau, khói phun ra từ những miệng hang nhỏ. Cả cái gò đất như đầu một con quái vật khổng lồ với hàng trăm lỗ mũi phì phì phun khói. Lũ chuột con, gọi là chuột con thôi chứ con nào con ấy chừng bắp chân, sặc khói lao ra tứa tủa. Mãi đến trưa mọi người vẫn không thấy con chuột chúa đâu. Họ mệt mỏi lau mồ hôi nhìn ông Lẫm Cùi.

- Thế nào ông Lẫm, con chuột chúa của ông đâu? Chắc ông nhìn gà hóa cuốc rồi.

Ông Lẫm Cùi đứng nhìn gò đất im lặng. Lúc này trông ông như một vị tướng chỉ huy trận đánh thất bại. Ông bước nặng nề đến trước cửa hang chuột khổng lồ. Trong đầu ông hiện lên một ý nghĩ kiên quyết tiêu diệt con chuột chúa.

Những ngày sau đó ông lang thang đến những nơi nghi con chuột chúa có qua lại để tìm dấu vết. Nhưng ông không hề tìm được gì. Một hôm, khi ông đang thất vọng và nghi ngờ thần kinh của mình thì ông nhặt được một chiếc lông. Ông cho đó là lông con chuột chúa. Chiếc lông to và dài như một chiếc lá thông. Chiếc lông vàng óng tỏa ra một mùi khen khét. Ông mang chiếc lông về cho mọi người xem.

- Nó là một con chuột lông vàng. - Ông Lẫm Cùi đứng giữa sân nói với giọng quả quyết. - Con chuột này đã sống ở đây có lẽ đến hàng chục năm. Không dễ gì bắt được nó nhưng tôi đã có cách.

Mọi người im lặng. Hàng ngày họ tập trung ở nhà ông Lẫm Cùi vào buổi tối về con chuột.

- Tôi cho là, - một cụ già trong làng nói, - con chuột này là nguyên nhân làm cho làng ta đói kém và bệnh tật. Nếu trị được nó thì tất không còn chuyện mùa màng bị thất bát, không còn

chuyện những đứa trẻ con làng ta chết vì những bệnh quái gở. Và, khi con chuột chúa chết rồi thì giống chuột phá hoại khác cũng không còn.

Đêm đêm ông Lẫm Cùi mò mẫm dọc bờ đầm.

Trong lúc đó dân làng đang giúp ông làm những cái bẫy khổng lồ. Và cứ sau mỗi bước đi của ông, ông nghe thấy có tiếng chân thình thịch phía sau. Ông ngoảnh lại thấy con chuột đang đi sau ông to như một con chó. Ông dừng lại. Nó cũng dừng lại và ngồi xuống nhìn ông, răng nó nhe ra và từ cổ họng nó phát ra một âm thanh khùng khục. Ông và con chuột nhìn nhau. Nó không dám tấn công ông bằng răng nanh và móng vuốt. Ông cũng không dám tấn công nó bằng con dao trong tay. Nhưng một thời gian sau con chuột biến mất. Những cái bẫy khổng lồ được giăng khắp ngả. Nhưng sớm sớm ông chỉ nhận lại những cái bẫy không, hoặc có hôm trong bẫy là con mèo đói nhà ai chết nhăn răng.

Rồi đến một hôm ông phát hiện ra đường đi mới của con chuột. Trên con đường mới mở ấy còn in đậm những vết chân to như vết chân chó. Trên con đường ấy có cả đôi ba chiếc lông vàng óng. Ông mừng quá và hồi hộp lần theo dấu chân con chuột.

Thật bất ngờ, con đường ấy lại dẫn ông đến bên bức tường của nhà ông Phát. Ông Phát là người dằng họ nhà vợ ông Lẫm Cùi. Ông Phát đã về hưu. Nghe nói trước đó ông Phát làm một chức gì to lắm. Con cái ông ở hết ngoài tỉnh. Trước khi về hưu ông Phát xây một ngôi nhà lớn có tường chắc bao bọc xung quanh ở đầu làng bên cạnh đầm sen. Ông Phát nói ông muốn những năm cuối cuộc đời được về sống trên mảnh đất chôn rau cắt rốn của mình. Cũng đã đôi ba lần ông Lẫm Cùi đi qua cổng nhà ông Phát và được ông Phát mời vào nhà uống nước. Họ thường ngồi uống trà trên bộ ghế trúc dưới giàn thiên lý. Bên trong nhà ông Phát đẹp lắm. Cái gì cũng đắt tiền. Từ tấm rèm trúc cho đến những chậu sứ trồng hoa và cây cảnh, bể cá vàng có bóng điện màu chạy bằng ắc quy. Nhưng cái mà ông Lẫm Cùi mê nhất là đôi chó Đức. Đôi chó hùng dũng và vạm vỡ như một đôi ngựa chiến.

- Thế ông bà cho chó ăn gì mà nó béo khỏe thế? - Ông Lẫm Cùi thực thà hỏi.

- Ấy, cũng thỉnh thoảng mua cho nó mớ tép, mớ tôm của bọn trẻ đánh dậm. - Bà Phát nhanh nhẩu trả lời thay chồng. - Còn thì... mình chẳng có mà ăn nói gì đến chó. Vợ chồng tôi có thích thú gì đâu. Các anh các chị nhà này gửi từ tỉnh về nhờ nuôi hộ.

- Ấy này, ông bà mà cho nó ăn chuột thì còn to lớn nữa. - Ông Lẫm Cùi hào hứng. - Tôi đang săn con chuột chúa. Có lẽ hôm nào ông bà cho mượn một buổi. Cứ phải hai con chó này mới trị nổi con chuột kia.

- Úi giời! Cái thứ chó cảnh này trông béo thế thôi chứ chân cẳng yếu ớt lắm. Chạy được một quãng là thở hồng hộc. - Bà Phát bĩu môi nói.

"Thế mà bây giờ..." ông Lẫm Cùi thầm nghĩ và cúi xuống bên cái hang to đen ngòm dưới chân tường. Thế mà bây giờ con chuột lông vàng dám đào chân tường nhà ông Phát. Phải tiêu diệt con chuột này. Trong đầu ông Lẫm Cùi bừng bừng ý nghĩ ấy. Ông thận trọng thò bàn tay vào cái hang đen như miệng cống. Hơi đất trong hang tỏa ra lành lạnh. Bàn tay ông run run chạm vào thành hang và ông thấy đất rung lên nhè nhẹ từng đợt. Ông vội vàng nằm xuống áp tai vào mặt đất và nhận thấy âm thanh của một vật gì đó đang cào bới trong lòng đất. Đúng rồi! Ông thầm kêu lên, đúng là tiếng móng chuột đang đào hang. Ông nghĩ và cười. Thế là con chuột đã đến ngày tận số. Bây giờ ông sẽ lấp kín cửa hang bên này bức tường vào nhà để gọi ông bà Phát cho hai con chó giúp sức. Con chuột sẽ không có đường chạy vì xung quanh kín cổng cao tường. Ông luống cuống và ngã từ trên mặt tường xuống vườn. Khi ông ngồi dậy thì giật mình nhận ra trước mặt mình là ông Phát và đứa con trai cả của ông. Bố con ông Phát cũng giật mình kinh hoàng. Họ không kịp phản ứng và đứng trơ như tượng. Qua ánh sáng của bóng đèn chạy bằng ắc quy từ hiên nhà hắt ra ông Lẫm Cùi nhận thấy hai bố con ông Phát đang đào một cái hố trong vườn sát chân tường. Bỗng ông Lẫm Cùi hoảng sợ vì hành động của

mình. Đang đêm tối sao mình lại vào địa phận nhà người ta bằng cách như vậy. Chính vợ chồng ông Phát vẫn thường mời ông Lẫm Cùi vào nhà uống trà sen với lời lẽ hết sức lịch sự và quý trọng cơ mà. Chính vì thế mà lúc này ông Lẫm Cùi càng thấy lúng túng và hoảng sợ. Ông cứ ngồi nguyên như vậy trên đất mà nhìn bố con ông Phát. Ông Phát cũng không nói gì. Đôi mắt ông nhìn xoáy vào ông Lẫm Cùi.

- Dạ... dạ, thưa ông, con chuột - Ông Lẫm Cùi cố gắng giải thích.
- Vâng, thưa ông...con...con chuột....ấy.

Đến bây giờ, giữa cái năm cuối cùng của thập kỷ tám mươi này mà người làng tôi vẫn tin là con chuột vàng ấy có thật và vẫn đang sống. Họ lý giải rằng bây giờ vẫn đầy chuột. Mùa màng vẫn thường xuyên thất bát. Lúa gạo trong chum, trong bồ nhà họ vẫn bị lũ chuột cắn phá, moi móc vơi đi và trong làng vẫn có đứa trẻ chết bởi những bệnh quái gở. Mỗi lần người làng tôi nói về con chuột và cái chết của ông Lẫm Cùi thì ông cụ Hoàn, đã chín mươi tuổi, người già nhất làng tôi vẫn nói:

- Ngày xưa ông Lẫm Cùi thua một con chuột lông vàng bởi vì chỉ một mình ông ấy tìm diệt nó. Muốn giết được con chuột chúa ấy để trừ hết lũ chuột thì cả làng phải hợp sức đồng tâm với nhau thì chuyện ấy mới thành.

Dĩ nhiên, cho đến nay ngoài ông Lẫm Cùi người làng tôi vẫn chưa ai nhìn thấy con chuột kỳ lạ ấy.

Làng Chùa, tháng 7 năm 1989

Kiều Bích Hậu

HUYỀN THOẠI VỀ NGƯỜI ĐẸP

Người đàn bà ấy đã là niềm tự hào của làng Giành. Đó là một người đàn bà đẹp. Các cụ cao tuổi khẳng định rằng từ xưa đến nay, làng Giành chưa bao giờ sinh được người con gái đẹp như thế. Khi cô mới 16 tuổi, lắm kẻ ngấp nghé đã nện nhau chí tử. Nhưng rồi cô gái vu qui về nhà họ Phạm. Cô lấy anh con trai đầu của ông trưởng chi họ Phạm, một họ có thanh thế, giàu có nhất trong làng, xã và bây giờ lại chiếm cô gái đẹp nhất vùng.

Nhà ông trưởng đông con. Ông bà sinh hạ cả thảy tám lần thì bảy lần được quý tử, càng cũng cố thêm sức mạnh của dòng họ. Khi cô Xoan ngỡ ngàng bước chân vào ngôi nhà nguy nga bề thế của ông bà, thì ông bà trưởng đã có cháu nội. Số là cậu trưởng, con đầu của ông lại thường đau yếu, bệnh tật, nên ông bà cưới vợ cho cậu thứ hai trước. Khi cậu hai đã yên bề gia thất, ông bà mới tính chuyện lo cho cậu trưởng. Cậu sẽ thay ông làm trưởng họ sau này khi ông mất đi nên vợ con cho cậu là một đại sự của cả dòng họ. Người ta kén nhiều cô gái đảm đang, con nhà danh giá cho cậu, nhưng cậu trưởng chỉ nằng nặc đòi lấy Xoan. Ông trưởng và nhiều người đồng ý ngay, nhưng riêng bà trưởng còn băn khoăn không phải vì nhà cô Xoan nghèo rớt, mà bởi sắc đẹp của cô. Bà sợ cái

Ngô Văn Phú

BƯỚM TRẮNG

Ái thỉnh thu phần quỹ xướng thi
(Thơ cổ)

1

Ngô Hoàng thi lần thứ ba không đỗ, buồn rũ. Nhà nghèo lại càng nghèo. Chàng phải đi chăn vịt thuê, ngủ ngoài đồng. Đêm đến, ếch nhái kêu inh ỏi, đom đóm bay lập lòe. Gió mưa mùa hè đùa nghịch kẻ chưa gặp vận hội, lúc đập mái, lúc tốc cửa, thổi phụt đèn. Ngô Hoàng cứ lẳng lặng một mình, thắp đèn lên, chặn cửa lại, đắm đuối vào trang sách. Chàng học như thợ mài đá tìm ngọc, vất vả, khổ sở. Ngoài kia, thỉnh thoảng những con vịt cái đang mùa sinh nở, lại kêu vang lên những tiếng cồn cào gọi đực...

Thường đêm chàng lặng lẽ đọc thơ. Chàng tìm những bài thơ hay đầy ắp nỗi đời, đọc cho mình, đọc để nghiền ngẫm nhân thế. Gặp những bài thơ đắc ý, chàng lại hý húi chép vào một trang sách nhỏ. Nhiều khi cao hứng chàng lấy nghiên, mài mực, chép dán lên tường.

Đọc mãi cũng buồn. Một bữa, cuối tiết thanh minh mưa phùn lất phất. Vịt ngủ yên trong lều. Ếch nhái thì vẫn gàotrời vào hạ.

Nghĩ đến thân phận hẩm hiu chàng gối đầu tay, bắt chân chữ ngũ nghĩ tha thẩn, buồn trĩu...

Chợt ngoài cửa ồn ào.., lại như có tiếng người đằng hắng, Hoàng khêu to đèn vục dậy, cao giọng hỏi:

- Ai ngoài đó...
- Em đây!
- Đàn bà con gái đang đêm có việc gì gọi cửa.
- Em là đào hát, đi hát thờ ở làng Đào vừa về, gặp mưa thấy lửa sáng, cắm thuyền xin trú nhờ...
- Thế không có ai đưa nàng về sao?
- Trời ơi, thân gái dặm trường để đàn ông đưa về, sông nước mênh mông em sợ lắm!

Thấy lời nói đoan chính. Ngô Hoàng mở cửa mời vào. Nhìn quanh quẩn, nàng nói:

- Nhà chàng có gì ăn được không?

Ngô Hoàng cười:

- Chỉ có trứng vịt thôi!

Nàng cười. Hoàng đứng dậy đi luộc trứng, khi quay lại không thấy nàng đâu cả. Ngờ là ma, chạy theo tận bờ sông thì thấy một dáng thuyền lờ mờ ở giữa dòng, tưởng rằng nàng thử mình rồi vội vàng về. Hoàng lại lên lều vịt đọc nốt những trang thơ chàng mến mộ. Đêm sau mọi việc xong xuôi Ngô Hoàng lại chong đèn lên, đọc sách. Song, chàng không thể nào đọc nổi: Một nỗi khắc khoải không sao dồn nén được, Hoàng liền đặt sách trên bàn đi ra bờ sông có ý ngóng chờ.

Nhưng chờ đến tàn nén nhang, không thấy bóng nàng đâu. Hoàng thở dài về lều vịt. Vừa đặt mình nằm xuống thì thấy liếp cửa có một bàn tay trắng ngà, rồi nàng hiện ra, đẹp gấp mấy lần đến trước.

Ngô Hoàng nhỏm dậy, sững sờ!

Nàng cười:

- Chàng chờ em phải không?
- Sao em biết?
- Em nhận ra từ nét mặt chàng, từ cuốn sách chàng vốn say mê bị quẳng dưới chân giường.

Chàng thật lòng cảm phục, mời nàng vào. Hôm nay chàng có ý

đãi nàng. Một đĩa lạc tiên chín thơm, những múi bưởi đào ngọt lịm...

Nàng long lanh mắt, thầm khen:

- Chàng đãi em nhiều quá!

Rồi cầm quả lạc tiên thơm nhất, đặt lên môi đỏ tươi và hít hà hơi thơm hoang dã của một thứ quả hoa hậu của bọn trẻ chăn trâu. Nàng đặt quả lạc tiên xuống thì héo hẳn đi, khác hẳn những quả lạc khác trong đĩa. Nàng lại cầm một múi bưởi đào lên trân trọng ngắm nghía, khen:

- Múi bưởi màu như hoa đào. Vị thơm ngon như biết giá trị của mình. Chàng kiếm ra thứ bưởi này ở đâu thế?

Chàng thật thà nói:

- Tôi xin của một nhà ở cuối xóm.

- Cây bưởi này hẳn là bưởi của nhà giàu!

Ngô Hoàng kinh hãi thốt lên:

- Sao nàng thông tuệ thế?

Người con gái cười:

- Ở làng nào chẳng thế, của ngon vật lạ chỉ nhà giàu mới cầu kỳ làm sang cho vuông đất của mình.

- Nàng trước cũng là con một nhà gia thế sao?

- Không hẳn thế! Mà thôi, nói chuyện đó làm gì? Hỡi chàng chăn vịt. Chàng có sành âm điệu không? Em chỉ muốn hát cho chàng nghe thôi.

Chàng sợ hãi nói:

- Ở lều vịt hôi hám giữa đồng này chỉ có hai người, hát xướng giữa đêm khuya e có tiện không?

Nàng trầm mặt xuống, buồn thật sự:

- Em muốn hát cho chàng nghe. Thế thôi! Chỉ cần có thế! Chàng có nghe thì em hát. Nếu không nghe thì thôi.

Biết mình thất thố, Hoàng xin lỗi:

- Xin em chớ giận, chẳng qua là lòng thực thà nghĩ thế thôi.

Nàng rút trong túi ra đôi phách tre già, và đôi đũa gõ. Chỉ tiếng phách nhỏ mà ran ríu khơi gợi không biết bao nhiêu điều. Đây là lần đầu tiên chàng được thẩm từ một ca nữ nổi tiếng cả một vùng. Bài hát mở đầu khá nghịch ngợm:

PHƯỢNG GỌI HOÀNG

Phượng là Phượng, Hoàng là Hoàng
Ai đến cùng ai, đã rõ ràng!!
Phượng gọi chim Hoàng, Hoàng gọi chim Phượng!
Tiếng của mùa yêu vẫn ríu ran...

Lời hay, giọng ngọt, câu thơ thần được nhấn, nháy... Chàng đê mê trong âm điệu. Thỉnh thoảng, chàng nhìn lên thấy nàng khí sắc tươi tốt lạ thường, mắt long lanh như ngọc tự sáng, mắt biết cười. Tay đánh phách dẻo làm sao. Và cái miệng hát rất tự nhiên. Môi cười theo những lời vui, buồn theo những lời trầm mặc. Thoáng buồn, thoáng vui, nét nghịch ngợm tinh anh thật tuyệt vời. Hát đi hát lại, vài lần. Nàng nói:

- Em hát tặng chàng rồi! Chàng đọc thơ em nghe đi!

Chàng giở sách, lật những chỗ đánh dấu những bài hay. nhưng tay nàng ngăn lại:

- Em muốn được nghe chính bài thơ của chàng kia!

Ngô Hoàng sửng sốt song trấn tĩnh ngay, ứng khẩu đọc luôn:

ĐÊM KHUYA LỀU CỎ

Lều cỏ, trai nghèo gặp Giáng Tiên
Phượng, Hoàng muôn kiếp đẹp nhân duyên.
Là hoa hay chính là sương nhỉ?
Mờ sáng em về, đến nửa đêm!

Nàng cười khanh khách, liền vặn hỏi:

- Chàng nghi em là ma chăng?

- Đâu thế, hạnh phúc bất ngờ, nên người được hưởng nghĩ là không có thật.

Nàng đọc:

MA HAY NGƯỜI

Ma chăng...? Hay thật, đó người ơi!
Âm đến tìm dương vốn lẽ đời!
Người long đong mãi thành ma dại.
Ma khát yêu thương sẽ hóa Người!

Chàng kinh ngạc thật sự, cầm lấy tay nàng. Thấy lạnh ngắt. Một cơn gió lọt vào lều cỏ, đèn phụt tắt. Khi chàng thắp đèn lên,

trời cũng vừa sáng. Nàng cười to một tiếng, đi khỏi lều trong lúc chàng thổi lửa... Chàng mời ở lại thế nào cũng không được.

Nàng vẫn đến như thường lệ. Tình đằm thắm hơn, nhưng càng gần nhau càng đoan trang. Có lúc chàng say nàng, tay chân có phần lơi lả. Nàng cười rất dịu dàng, khẽ gỡ tay nói nhỏ vào tai chàng:

- Mùa thi lại đến rồi, mê gái là trượt đấy!

Chỉ một câu ấy chàng ngồi ngay như cây gỗ. Có đêm chàng hỏi:

- Sao em chỉ đến vào ban đêm?

- Ban ngày còn phải đi kiếm gạo.

- Hình như không phải thế!

- Thế chàng còn đi chăn vịt mơ đỗ Trạng Nguyên thì sao?

Chàng cười không dám hỏi thêm nữa.

Nàng cảm động thật sự, lại cầm phách hát.

2

Cứ mỗi mùa thi, Ngô Hoàng lại rùng mình. Ba kỳ thi vừa qua chàng bị đánh trượt toàn những chuyện oái oăm... Một lần nộp quyển chậm. Rõ ràng bài xong rồi thì bị cơn gió đen thốc vào mặt, cứ thế gục mặt xuống bàn viết đến nỗi không ai nộp quyển cho một. Kỳ thi thứ hai lại phạm huý. Một câu văn bình cả một triều đại nhà Đường, ca ngợi vẫn bị loại. Đó là câu: "Tam bách niên xã tắc chi trường, ninh phi lại ư thử tai" dè đâu, chữ Trường Ninh ghép lại hóa tên một cung vua. Phạm húy, chàng lại bị đánh hỏng. lần thứ ba vào đến tam trường, những tưởng phen này đỗ cao lại có một bóng đen à qua trước mặt, câu văn cuối cùng viết thiếu một vài chữ kết thúc. Trống nộp quyển đã vang, chàng tưởng mình đã viết xong cứ thế đem nộp, và thế là chỉ đậu tam trường!

Và lần này nữa thế nào đây? Văn chương đỗ đạt có nhiều pho sách hướng dẫn, sách ta, sách Tàu chỗ nào cũng bán loạn xạ. Học xem đủ kiểu rồi, biết đủ biết thiếu thế nào. Học trò đoán đề thi xem ai làm chủ khảo, giám khảo để lựa lời văn mà viết. Ông chủ khảo ưa văn bay bướm, mình lại làm đĩnh đạc. Ông giám khảo thích văn nghiêm túc, mình lại phóng ngòi bút tài hoa. Quyền chấm ở người ta, đua tài trận bút mà cứ quáng gà, quáng vịt thì lại nếm mùi thêm

một lần nữa. Ngô Hoàng băn khoăn day dứt mãi.

Trước đêm lên đường đi thi nàng lại đến, lộng lẫy khác thường. Thấy sách vẫn còn mở trên án mộc thô sơ, nàng gập lại bảo:

- Bây giờ còn học cho ai, thôi hãy nghe em hát!

HOA MAI

Trăm thứ hoa trong vườn đua nở
Đã chơi hoa nên biết đủ mùi hoa
Kìa hoa lan, hoa sen, hoa huệ, hoa trà
So sánh có mai là đệ nhất
Đã đẹp lại thơm, hương cũng ngát
Màu trong so ngọc trắng nào thua
Mặn mà thay, mỗi vẻ mỗi ưa
Tạo hóa khéo điểm tô trọn vẹn
Nắng chẳng ải, gió chẳng lay, mưa chẳng phai,
sương chẳng bén
Cứ trơ trơ không thẹn một lòng tơ
Nhụy trên cành phong kín lửng lơ
Cao chót vót đợi chờ tri kỷ
Ướm hỏi khách giai nhân tuyệt mỹ
Để ai mà dám vi cùng ai
Yêu hoa hồ dễ mấy người

Thơ hay, hát ngọt, người đẹp, Ngô Hoàng quên cả mình vẫn là một người chăn vịt. Phách tre giản dị có linh hồn, chàng cầm đôi phách nói:

- Đêm nào nàng cũng đến với ta. Phách ngọt hát hay, ta chẳng có chi đãi lại. Ta nghèo quá!

- Người nghèo tốt bụng là được.

- Nàng là ai?

- Em là Điệp. Hay mặc áo trắng hát đêm, nên quan viên coi hát và chị em gọi là Bướm Trắng.

- Bướm Trắng, tên em sang trọng quá! - Nếu anh thi đỗ, em có lấy anh không ?

- Lúc đó chỉ sợ ông Cống, ông Nghè chê bọn con hát lẳng lơ không đứng đắn. Người ta thường nhìn lên chứ mấy ai nhìn xuống!

- Em nhầm rồi, anh chỉ biết có em thôi.

Nàng cảm động lắm. Chàng đến sát gần nàng, ôm vai khẽ nói:

- Anh chỉ muốn trọn đời được sống bên em!

Nàng im lặng không nói gì! Chàng vẫn bị ám ảnh về chuyện thi cử cũ, nói:

- Anh tự xét mình, học vấn chẳng thua ai mà thi cử sao lận đận đến thế!

Nàng nói:

- Ân oán có tự nghìn đời trước, làm sao giải thích được.

Ngô Hoàng đi thi. Chàng lại chen chúc trong đám sĩ tử đứng trước cửa trường thi. Tiếng quan đề điệu thét loa trước khi bốn cửa trường thi mở, nghe rợn cả người:

Hồn trả ơn vào trước
Hồn trả oán vào theo
Học trò đi thi tiếp bước... (1)

Chàng lựa bước đi vào không hấp tấp như những lần thi trước... Chàng căng lều chắc chắn, bình tĩnh đến kỳ lạ.

Chàng rất tự tin, nhất là phía sau chàng còn có một người đẹp ngày đêm ngóng đợi. Nàng là con hát. Chẳng sao cả! Miễn là nàng yêu chàng! Đức vua có thể không dùng chàng, thì chàng sẽ đi theo nàng đến tận chân trời góc biển, miễn là trả cái nợ bút nghiên cho đời biết chàng là người tài...

Chàng qua được kỳ thi thứ ba, đến kỳ thi cuối cùng... Chàng vẫn tự tin như trước. Kinh nghiệm thi cử cũ đã khiến chàng già dặn. Chàng làm văn tự lòng mình, không nệ quan chủ khảo họ Nguyễn hay họ Trần. Không hiểu sao đến lúc nộp quyển cứ thấy một bóng đen đi đi lại lại trước lều. Chàng vẫn tưởng là những viên lại đi kiểm soát xem có thí sinh nào gian lận, trao đổi bài cho nhau hoặc làm những điều mờ ám. Chàng vẫn rung đùi vì những câu văn đắc ý.

Nhưng vừa đến lúc đọc lại bài văn hoàn tất của mình, thì cái bóng đen ấy đi lại dày đặc hơn. Chàng ngước nhìn lên thấy gương mặt đầy sẹo, ăn vận bẩn thỉu, không phải là quan coi thi mà giống một hồn ma báo oán như chàng mơ thấy những lần thi cử trước. Chàng thấy chóng mặt, mắt hoa lên, chân tay chới với. Bóng ma rẽ vào trong lều, cầm chiếc nghiên mực hất vào trang giấy trắng

1. Nguyên văn lời Hán: "Báo ân giả tiên nhập, báo oán giả thứ nhập, sĩ tử thứ tứ nhập..."

rồi hóa thành một luồng khói đen bay vút lên trời.

Tiếng trống của trường thi đòi nộp quyển lần thứ hai lại vang lên rộn rã! Như thế chàng lại mắc phải làm tỳ ố quyển vở, biết làm sao được... Chàng đau đớn ngã vật ra trên chiếc chiếu trải... nhưng cũng lúc ấy một con bướm trắng đã bay vào... trang giấy của quyển văn, mực vẫn còn ướt nhẹt... Chàng thấy bướm đậu trên trang văn ố mực, dùng vòi ra sức hút... Vòi chấm đến đâu giấy sạch đến đấy, những con chữ tươi tắn lại hiện ra... Bướm vẫn ra sức hút mực. Những dòng mực báo oán bị bướm trắng hút đều biến mất tang... Trời thu hanh heo, bướm hút đến đâu giấy trả lại màu như cũ, như thể chưa hề có vết bẩn nào đã chà lên trang giấy. Chàng cảm động quá... Nhưng kìa, mực lặn đi trên trang giấy lại hiện lên cánh bướm, cánh bướm đen dần đen dần. Màu trắng tinh khiết hút phải mực báo oán thành màu đen xỉn, trông như một con bướm ma...

Chàng thốt lên:

- Bướm Trắng! Bướm Trắng! Có phải hồn em đến giúp anh không?

Bướm vẫn lê mình nốt trên trang sách tỳ ố... cho đến giọt mực cuối cùng được bướm tẩy sạch trơn, thì mình bướm đã cạn màu trắng thơ mộng lúc mới bay vào lều thi.

Chàng xúc động quá, xa xót quá kêu lên:

- Trời ơi bướm trắng, sao em lại khổ thế này...

Nhưng con bướm thân tàn ma dại đã cất cánh bay lên, bay quanh vai chàng đầy lưu luyến... Cũng lúc ấy trống giục nộp quyển lần chót thôi thúc đổ hồi. Bướm dẫn chàng nộp quyển đến tận nơi, trông thấy chàng đặt vào tay quan đề điệu mới cất cái bóng đen lờ mờ bay ra khỏi trường thi...

Hai hàng nước mắt ròng ròng rơi trên mặt Ngô Hoàng...

Ngô Hoàng đậu giải nguyên, vinh qui về làng. Các bậc quan trong vùng đến làm thân với chàng. Nhiều nhà giàu trong vùng muốn gả con gái cho chàng!

Nhưng chàng vẫn ở một gian nhà tranh do làng chu cấp và thôi không đi chăn vịt nữa... Chàng lại học hành tiếp để đi thi hội... Chàng để ý đến cô đào hát đến thăm mình. Lều vịt cũ của chàng đã có người khác chăn thay. Song một đêm chàng đã ra đó, nói với người chăn vịt để chàng coi vịt hộ mấy đêm. Gã chăn vịt ngạc nhiên

không hiểu sao ông cử nhân lại có ý nghĩ lạ đến thế. Chàng cười:

- Ta nhớ nghề cũ trông hộ ngươi vài đêm thôi, ngươi cứ yên chí mất con vịt nào ta đền!

Chàng chăn vịt thích quá, giao lều cho chàng và bỏ đi hát đú.

Chàng lại chong đèn đọc sách như xưa. Đêm thứ nhất, đêm thứ hai không thấy gì! Đêm thứ ba mới thấy mái chèo khua nước. Và cô gái đào hát quen lại mở cửa bước vào lều:

- Chào quan cử.

Chàng vục dậy. Chàng nhìn nàng. Trông nàng không được như xưa, dáng tiều tụy hẳn đi. Chàng hỏi:

- Em ốm đấy ư?

Nàng hơi buồn, khẽ nói:

- Vâng, em không được khỏe như trước. Em tưởng là anh biết chứ!

Chàng thoáng nghĩ đến cánh bướm trắng hút cạn mực trên trang quyển văn bữa nọ... Biết nàng không phải người trần, khẽ nói:

- Đa tạ nàng Bướm Trắng! Nàng đã giúp ta đỗ đạt nên người. Ơn ấy kết cỏ ngậm vành cũng không trả nổi.

Nàng nói:

- Đấy là em trả ơn chàng đấy chứ?

- Sao nàng lại nói thế?

- Chàng thử nghĩ xem...

Ngô Hoàng nghĩ lại... Phải rồi, có một buổi kiếm cá ở ven sông chàng thấy một xác người con gái vận áo trắng, không biết sao trôi vật vờ bên bờ, chàng hô hoán lên... mọi người đến. Xác chết đã rữa hôi hám không ai dám đến gần. Chỉ có chàng dám nhận lời của đám hào lý kiếm chiếc quan tài gỗ tạp, và đem thi thể người xấu số chôn ở gò tha ma... Có lẽ chuyện ấy chăng? Chàng rụt rè hỏi:

- Hay nàng chính là người đàn bà ta gặp ở bờ sông bữa nọ...

Nàng không đáp chỉ cười. Chàng hỏi về hậu vận. Nàng nói:

- Ân oán cũ trả xong rồi... Từ giờ về sau phúc phận tự chàng mà có...

Ngô Hoàng quay lại lấy hoa quả đãi nàng. Lúc ngoảnh lại thì nàng bướm đã không còn đấy nữa...

Chàng thi hội, đỗ quan Nghè. Chàng vẫn không quên ơn bướm

trắng... Vinh qui về làng, chàng lo bốc hót phần mộ cho nàng, xây mộ trên gò rất đẹp, bia cẩn bằng hoa cương, tự tay viết lên những câu thơ tao nhã.

Bài thơ như sau:

BƯỚM TRẮNG

Bướm thuộc trời sinh mang dáng mây
Trắng trong tinh khiết nhẹ nhàng bay
Nửa đêm mờ sáng tình xưa ấy
Duyên kiếp nghìn xưa, có hẹn ngày?

Chàng xây mộ xong, ngồi lỳ bên đó. Hơi lạnh cuối thu khiến chiếc áo mền không đủ ấm, chàng vội kéo áo lên... Chợt nghe như đáy mộ có giọng con gái ngâm những câu thơ vọng lên, giọng vô cùng trang trọng:

Đến lúc trời khuya, ngày lặn bóng
Tình ma liệu có được bằng Người...
Người đà chết rồi sao sống lại...
Bướm trắng hòa trong ánh sáng trời!

Chàng ngạc nhiên và thương cảm quá gục mặt vào thềm mộ, nhẩm thuộc mấy câu thơ... Khi về nhớ lại, dùng giấy trắng, mực nho vẽ một bức tranh thủy mặc một thân bướm trắng đậu trên sườn cây, cánh rung rinh như tỏa sáng, lại lấy bốn câu thơ dưới mộ đề vào một góc, thành một bức tranh nổi tiếng ai cũng phải khen...

Ngô Hoàng được vời ra làm quan. Chàng rất cẩn trọng. Chàng được vào Quốc sử quán, lo việc chép sử. Đi đâu chàng cũng đem sách học theo sau... Mỗi năm chàng về làng một lần, lấy ngày gặp ân nhân trong lều vịt làm ngày giỗ, thăm mộ Bướm Trắng rồi lại trở về kinh đô...

Chàng lấy vợ, có con và cần mẫn chép sử. Một lần chép không hợp ý vua bị gọi đến. Đức vua nói:

- Ta được cận thần cho biết, người chép sử chưa theo ý vua. Việc ta bãi quan tể tướng là hợp với triều đình. Quan tể tướng là kẻ đáng tội sao người lại dám ghi công của gã ấy.

Ngô Hoàng dập đầu nói:

- Thần đi thi ba lần, oán cũ nghìn đời bị báo không đỗ nổi. Lần

thứ tư vì chút ơn mà có ngày nay. Người báo ơn đã giúp thần và có dặn: Ân oán bao giờ cũng bao phủ một đời người. Chuốc oán thì đa đoan. Làm ơn trước thì sau cũng được trả... Một con chữ viết sử là một đọi máu. Ân oán đâu phải ở ngoài việc đời. Ân oán còn nằm trong con chữ, viên tể tướng kia trước khi mắc vào tội lấn quyền tham nhũng nhưng công phò vua giúp nước trước, sao có thể quên. Thần cứ đúng như hành trạng của y mà chép, đó cũng là làm rõ ân oán mà thôi!

Nhà vua nghe ra, không hạch hỏi nữa lại dịu giọng hỏi:

- Người trả ơn cho ngươi là ai vậy?

- Là một con bướm trắng!

- Người không đùa với trẫm đấy chứ!

Ngô Hoàng đem chuyện thật của mình kể cho đức vua và quần thần cùng nghe. Vua bùi ngùi cảm động thốt lên:

- Trời ơi, ta mong sao các khanh có tấm lòng báo đáp người đời như nàng Bướm Trắng.

Rồi ban thưởng rất hậu cho Ngô Hoàng.

1992

CẶP BỒ VỚI MA

Tôi cũng chẳng tử tế gì, háu gái, coi thiên hạ bằng nửa con mắt. Tự cho mình là thiên tài. Cãi lại thủ trưởng. Vặc:

"Ông là cái thứ chó gì. Bằng cấp loại bổ túc, chuyên tu. Cưỡi đầu cưỡi cổ người ta bằng cái chấp tay, bằng nụ cười: Dạ, dạ thưa anh, em đã làm xong ạ!"

Từ chức trưởng phòng văn nghệ một Sở văn hóa, tôi trôi nổi đi các nhà văn hóa khác, cuối cùng là nhận được quyết định: Về phụ trách nghĩa trang X... Đêm ba mươi tết, tôi về coi sóc các mồ ma! Trong nhật ký tôi ghi:

à? Ngươi cũng định mua cả ta chắc?

Nói rồi toan bỏ đi. Thủy vội níu lại bảo:

- Xin cụ bớt giận, việc này tôi đã quyết rồi. Song thiết nghĩ hỏi ý kiến mẹ nó thì hơn.

Ông lão giương đôi mắt mù nhìn Thủy, bảo:

- Sao anh ngu vậy? Anh thừa biết đời nào vợ anh chịu như thế. Cho nên ta mới hẹn gặp hai bố con anh mà thôi.

Thủy bị bức, phát phẫn. Nghĩ thầm: "Ta nay đã gần năm mươi tuổi, sắp lên lão được. Sự đời nếm trải mấy chục năm không thiếu thứ gì. Mẹ nó cũng đã ngoài bốn mươi, dạo này có vẻ thờ ơ với việc chăn gối lắm. Chi bằng cho quách thằng Tú, kẻo lại ân hận sau này!"

Nghĩ vậy, thưa rằng;

- Ý tôi đã quyết, xin cụ giúp cho ngay.

Ông lão không trả lời, lẳng lặng lấy một quả bầu to, đổ ra chậu một chất lỏng màu đen sẫm. Mùi tỏa lên hắc khó chịu. Đoạn bảo hai bố con cởi bỏ quần áo, đến đứng trước chậu. Hai người cảm thấy bàn tay xương xẩu của ông lão chộp lấy của mình, thốt nhiên đau nhói. Nhìn ra đã thấy ông lão khoắng khoắng rồi vớt từng cái một ra khỏi chậu, đem chắp rất nhanh vào chỗ trống. Đoạn bảo hai người bưng lấy của mình một lúc cho thật chắc, rồi mặc quần mà về. Khi hai người mặc quần xong, lần tìm đồ lễ để cảm ơn, đã không thấy ông lão đâu nữa. Gọi một lúc, chẳng thấy tăm hơi, lại dắt nhau ra về.

Đến nhà, kể chuyện với vợ. Vợ đòi xem, rồi lặng im không nói gì. Từ đấy Thủy ngày một béo ra, đến năm mươi tuổi đã rất bệ vệ. Khi ấy vợ Thủy hồi xuân, Thủy không thể đáp ứng. Bèn cậy nhan sắc, đi với bọn trai trẻ đáng tuổi con mình, Thủy biết mà không làm gì được.

Lại nói Tú, từ khi được của bố cho, thả sức chơi bời, hại đời không biết bao nhiêu con nhà tử tế. Dần dần xóa được tiếng cũ. Năm hai mươi tám tuổi lấy vợ, sinh hai con trai, đều có vóc dáng trung bình. Riêng Tú, đến già vẫn mặc vừa chiếc quần ông khách bỏ lại năm xưa. Chỉ có đũng hơi bị chật chút ít.

Cung Tích Biền

KHÔNG THỂ LÀ HIỆN THỰC

"Đạo là con đường.
Con đường vẫn đi, có phải đường là Đạo".

Phùng Tác người to lớn, da ngăm đen, tóc rễ tre, mắt một mí, bắp thịt cuồn cuộn, nom như một tượng đồng đen. Gia đình khá giả nhưng cha mất sớm, mẹ đi bước nữa; Phùng được người chú đem về nuôi, cho ăn học đàng hoàng; năm Phùng mười lăm tuổi, người chú không may bị tai nạn chết, Phùng bắt đầu lêu lổng. Hai mươi tuổi đã bất mãn, khinh đời, lại muốn làm anh hùng cái thế. Cha Phùng thuở xưa là một võ sĩ, người cao to như vượn gấu, cuộc sống khá giang hồ, sau này Phùng lưu lạc nay đây mai đó với một sức khoẻ hơn người, đô con như một lực sĩ. Thuở bé một thầy bói thấy Phùng tướng lạ, bảo với mọi người: "Thằng bé này bị phá tướng vì hai con mắt ti hí, lại lé, một âm một dương. Khuôn mặt này, dáng người này, nếu có được một đôi mắt to tròn, quang minh, sau này có thể làm đến tướng". Về sau Phùng cũng làm đến tướng, có hàng đàn em út để sai khiến, nhưng là tướng cướp. Tướng cướp lừng danh một thời, được em út tôn là đại ca.

Đứng trên mỏm đá cao chỗ lưng đèo, chiều sương mù, Đại ca nghe như buốt nơi bả vai; một vết thương khá sâu, bị đâm bằng một lưỡi dao lê, cách đây vài hôm từ một gã đầu gấu bảo vệ đám người đào tải vàng trên đường chuyển vàng về xuôi. Đây là lần thất trận đầu tiên có vấy máu trong đời Đại ca. Thấy đàn anh bị thương nặng bọn đàn em lo lắng, Đại ca mắng: "Không có gì quan

trọng. Tao đã từng trút khỏi cái người phàm phu này vài lít máu chẳng hề đi đong. Hãy bình tĩnh, tin vào thủ lĩnh là tao đây; chúng ta mần ăn cú này trót lọt ngon xơi là về xuôi tha hồ ăn chơi. Phải có vàng, thật nhiều vàng".

Đại ca nâng ống nhòm quan sát vùng núi non. Chiều tà. Phía tây rừng cây khô trọc, những mảng xanh đã chết tự bao giờ, sườn núi dựng trơ màu đất, chỉ đá tảng khe nguồn khô khốc bày lòng ruột sỏi đỏ như máu. Trước khi dân đào đãi vàng tới đây, bọn buôn gỗ đã cưa ngang rừng, tàn phá cây cối không nương tay. Phía đông con sông dài cắt ngang một thung lũng nhỏ, thảo nguyên hoang dã; ven sông những bờ lau trắng; một vài xóm nhà thưa thớt vườn tược, tường vôi, mái ngói. Tất cả chìm trong màn sương núi. Nhưng màn sương quá mỏng, quang cảnh bày ra một mặt đất đã bị đào ngang bới dọc, những đường hầm cong queo, những đường hình chữ chi, những hố tròn sâu như lòng giếng. Nó chằng chịt, khắp ruộng đồng, tận trong xóm làng. Dân đào vàng đã cày xới cả mả mồ. Đất mẹ, trở thành một khuôn mặt rỗ đậu mùa. Tất cả tím ngắt, rợn lòng. Nhưng cái thế giới hoang phế buồn bã ấy bỗng quyến rũ cái nhìn tham lam hoang mị của Đại ca. Hắn thấy đâu cũng là vàng. Thung lũng, rừng lau, sườn non, xóm làng đã hóa vàng. Xa xa một bầy khỉ múa nhảy trên những cành vàng, trong một rừng vàng, giữa nước non vàng. Hắn mê mẩn tê dại, quên cả vết thương trầm trọng đang rỉ máu nơi vai.

- Vào hang đá nghỉ tạm, chờ bọn người xuống từ Hòn Dừng. Bọn này chắc có tí chút đó. - Đại ca ra lệnh.

Bọn họ trước đây gồm tám người, nay phân tán còn một bộ ba. Dưới Đại ca có Nhị và Tam ca. Đại ca mang án tù mười hai năm, ba năm thì trốn trại. Nhị ca cũng là tội phạm vừa mãn tù mấy tháng nay. Tam ca khả ái hơn, "con nhà" có học, cũng từng phạm tội; giang hồ, chỉ dại dột theo đám ăn tàn, tòa cho hai năm tù treo. Về nhà không chịu được tính khắc nghiệt của bố cùng sự nuông chiều chả để ý gì tâm lí con trai của mẹ, Tam ca bỏ nhà theo Đại ca; nhất định tự lập, nhất định thử lửa cái chí bình sinh của mình. Đại ca thường đùa Tam ca: "Mẹ kiếp, đã tù còn treo, làm tốn thêm một sợi dây thừng. Nào hảo bằng hữu, vậy để cột sợi dây thừng vào đâu để treo cái án tù?" Tam ca cười trả lời: "Treo vô chỗ cần cổ bố em".

Nghề nghiệp bọn tam ca là chặn dân đào đãi vàng trên đường về để cướp. Đây là một việc làm cực kì nguy hiểm, lại dễ vào nhà đá, nhưng bọn chúng cho rằng con đường ngắn nhất để vơ của, là tức tốc đổ máu tức tốc thu vàng tiền.

Từ nhiều năm nay cả vùng bao la từ rừng núi đến trung du miền Trung - đất của tháp Hời, tượng đá xưa kia - đã xảy ra một hiện tượng ma mị, đáng kinh dị, là đâu cũng có vàng. Có nơi vàng trồi lên cả mặt đất. Như cơ thể con người dị ứng với vật thể lạ; lòng đất nơi đây dường như không chịu được cái sự để vàng trong bụng mình. Dân bản địa bao đời lam lũ làm ăn trên nương rẫy khô cằn, nay trong đêm trăng lạnh lẽo bỗng thấy sáng rực hai bờ sông cát những dải vàng lấp lánh, rất nhiều vàng vụn lẫn trong bụi cát. Người ta bàng hoàng ngơ ngác. Khó tin vào mắt mình. Nhưng rõ là những bãi sông vàng. Vậy là bỏ ruộng nương cùng nhau hàng đoàn lớn bé trẻ già ra sông đãi cát lọc vàng. Lại đào vào lòng đất. Lúc đầu một vài lỗ như lỗ huyệt. Sau, thành hào lũy. Ban đầu mang vàng vụn đi bán; sau, có dân chuyên nghiệp từ tứ phương tới lập lò biến chế, tinh lọc vàng từ các tạp chất. Con sông tinh khiết bao đời đã ô uế đủ các loại thức thải của người. Dòng sông mùa cạn đục ngầu hóa chất, có cả chất cực độc cyanua. Trâu bò uống phải lăn ra chết. Trẻ em tắm phải mù mắt. Nhiều nơi không phải công đào bới. Cúi lượm là có vàng. Một sớm mai ra vườn đào lỗ trồng cây bỗng nghe đầu lưỡi cuốc cái cụp: vàng, cục vàng ròng to bằng cái triện son. Có khi trẻ chăn trâu cũng lượm được những cục vàng nho nhỏ ném chơi trước khi bàng hoàng cất giấu. Vàng đã trở thành một điều thiêng, làm người người mơ hoang, nhìn đâu cũng tưởng: "Dưới ấy có vàng"; kể cả dưới bàn thờ, giường ngủ, trong ngôi mộ ông cố nội, giữa miếu thành hoàng, nơi gốc cây xanh em đang hái trái.

Từ đấy, trong mênh mông rừng núi vang vọng tiếng người, tiếng cuốc xẻng, cả tiếng máy xe đào ủi. Dân giang hồ tứ chiếng đổ về nhung nhúc. Xóm làng như trẩy hội. Lều trại mọc lên như nấm. Đầu làng chị nhà quê mở quán cà phê, cặp với anh thành phố mới mẻ nhập cái máy điện, thêm cái trò văn minh phim Hồng Kông, hát karaoke, uống rượu tây; gà gáy sáng vẫn rực ánh đèn cho những canh bài, những cuộc tình vội phía chái hè, dưới liếp lều căng tạm; tiền bạc sáng lòa, vùi lấp trí óc người thôn dã; những chân tay

chuyên cày sâu cuốc bẫm trở nên bất ngờ biếng nhác, đi rong ăn ké, chờ vàng nổi của rơi. Vườn tược đồi gò, nghĩa địa, cả những khu đất thừa của cơ quan, sân vận động cũng khó lọt khỏi đôi mắt bọn đào vàng. Với giá thầu cao chưa từng mơ thấy, người ta đành lòng cho phép bọn lạ lẫm không bảo chứng được tự do thăm dò, đào bới. Đó đây mộ chí khói nhang, do thanh toán nhau, do cực nhọc mà chết, khi quá mừng vui đứt đoạn gân máu bất ngờ.

Trong khói núi chiều xanh người ta mộng mị, nhà nhà hoang mơ; cõi thánh địa của huyền hóa, áp-phe, tin đồn, dao búa, cúng lạy, chửa hoang; sáng nghèo trưa bỗng hóa giàu; sáng tươi vui ra đi, chiều đưa xác ma trở về. Niềm vui, âu lo, hạnh phúc, tai họa, thật khó phân ranh. Một cuộc đảo lộn tận cùng từ xó bếp tới bàn thờ. Về mặt tâm lí, dân bản địa rất sợ nhặt được vàng cục, vàng khối. Cho rằng của phù vân, vàng linh của đất đai.

Trúng cú lớn quá, phát tài nhanh chẳng sống yên với đời. Sẽ chết bất ngờ, mọi cách. Chuyện kể về sự vụ này khá nhiều. Một anh hãy còn trai trẻ, hôm đào đất nền nhà vớ phải một cục vàng to như ổ bánh mì. Không tin điều dị đoan, anh ta tươi cười mang khối vàng nhặt được ra thành phố, bán được vô số tiền; mua cả một xe tải vật dụng từ tivi, máy hát, cái tủ, bộ xa-lông; lại mua thưởng mình một chiếc xe Dream cáu cạnh; ăn chơi mấy hôm rồi tự lái xe về. Trên đường về, chỗ giao nhau giữa con đường nhựa và đường xe lửa, cái chấn báo có tàu đang chạy qua, cái đèn báo ngọn đỏ chạch nằm tòng teng trên cây ba-ri-e, anh chẳng thấy, chiếc tàu to đùng giữa ban ngày ban mặt cũng bị ma che, anh phóng Dream tốc độ J. Dean tông gãy cây chấn, xấn ngang boong vào lòng con tàu phom phom - chết tươi, tàu kéo xác anh đi mấy chục mét, lúc thịt xương thành bột hết khả năng kéo mới thôi. Chiều hôm, cả làng ngơ ngác gáy lạnh.

Một chị nhặt được khối vàng khoảng mười kí, tích tắc đứng ngây người như ma trồng, tích tắc chị la bớ làng bớ xóm ôi. Ôm cục vàng chạy về nhà, chị ngồi thất thần như quỷ đớp hồn, chờ đêm xuống chị âm thầm mang cục vàng đặt lại chỗ cũ. Chị thắp một nén nhang khói van vái, rồi sụp lạy, cầu mong đất đai có hồn thiêng hãy bỏ qua sự vụ cho chị. Chị thề cùng trăng gió cỏ cây thổ địa thành hoàng ếch nhái là không có lòng tham, chỉ tình cờ, nay của

đất chị trả về cho đất. Lại một ông luống tuổi, khá sành đời, nổi tiếng chúa đểu khắp vùng, chiều hôm đi thơ thẩn sang thăm đứa cháu nội; đường quê khập khểnh trượt chân té úp trên mặt đường; lom khom bò dậy sao ông lại thấy chỗ cục đá bật ra một cục vàng bự quá thể. Nghĩ rằng trả vàng này lại cho đất vô tri thì vô lí quá; giữ làm của lại sợ tai vạ; trời muốn anh chầu trời thì trốn lên sao Hỏa anh cũng phải ăn cơm trời; cho nên trong đêm âm hao bóng núi ông nảy ra sáng kiến chặt khối vàng ra nhiều cục nhỏ, như gói xôi, gói bánh; ông giữ một ít, còn mang tặng kẻ thân quen mỗi người một ít, gọi là xả xui, chia đều cái chết, mỗi người chết một chút - nếu quả thực cục vàng này là bản sao của thần chết.

Bọn tam ca làm ăn cũng khá trong nghề cướp cạn. Chúng thuộc hạng người thà đổ máu tức thì để có cái ăn chứ không chịu đổ mồ hôi dằng dai trong công việc lương thiện. Kiểm điểm thế giới thấy rõ bọn này không ít. Mà vàng chẳng để chúng yên thân. Lúc ra thành phố bán được vàng, là ăn nhậu, bài bạc, động đĩ, tự thiêu trong cái túi hoan lạc. Đâu lại vào đó. Chỉ bọn gái đi bia ôm hưởng được những phát họa điên khùng và bọn lái vàng ăn chặn đuôi đầu. Mấy bộ cốt khỉ lại trở về những quãng đường hiểm để tiếp tục nghề cướp cạn. Về mặt nghề nghiệp, bọn chúng rất tài tình. Phục kích chỗ hiểm, tấn công thần tốc, thu nhanh biến lẹ, luôn đoán trúng phóc trong đám đông đang di chuyển ai là người hộ tống, là chủ, là người giấu vàng, ngay chị đàn bà giấu vàng chỗ kín. Lần nào chúng cũng thu ít nhiều. Chỉ một lần chúng tấn công nhầm hai ông cháu một thôn dân ăn vận đàng hoàng; đánh gục, chúng lục soát khắp người nạn nhân chẳng vơ được chút vàng nào ngoài màu vàng của cứt nạn nhân vãi ra khi bị đánh bất ngờ, đang mỏm cửa tử. Chúng liên miên thắng trận, chỉ hôm kia bị thua tan tác trước một đoàn đào vàng được hộ tống quá hùng cường, có cả lựu đạn, súng săn, dao mác nhọn có thể đâm thủng da heo rừng.

Bây giờ bọn tam ca đã vào trong một hang đá, cửa hang quay ra đường đi chính của đèo. Trong hang có đầy rác rưởi của bọn tới trước bỏ lại, những vỏ bia lon, đồ hộp, giày hư vớ thủng, xú chiêng đồ lót, những áo mưa sau khi hành lạc, những bó nhang muỗi, cả những loại nhang thơm dành cho việc khấn vái dâng hiến niềm tin cho thần linh. Mùi ẩm tanh pha mùi rừng núi lan tỏa. Bọn

chúng nằm ngang dọc, phạch trần ngực áo tu rượu đế, nghe nhạc qua máy cát-xét. Tam ca vốn có suy tư cuộc chiến tí chút, mở máy, máy phun ra từ khi trăng là nguyệt, tôi nghe đời vỗ về tôi. Đại ca phẹt một bãi nước bọt, nổi cáu rủa đống mẹ kiếp, đời nó toàn bộ ỉa đái lên cái thân phận rách nát của tao chớ vỗ về cái chi. Tam ca phân giải đây là nhạc sĩ nói ví mà Đại ca. "Dẹp, tao bảo dẹp. Lấy dao cạo râu tới cạo lông ngực cho tao xem nào". Đại ca nhìn lung ra xa, nghe nhức buốt chỗ bả vai thương tích, máu đỏ thấm cả ra lớp vải băng một màu xôi gấc. Bỗng hắn nghiêng người, lắng nghe, rồi lớn tiếng: "Chúng nó sắp tới rồi. Kia kìa".

Xa xa một toán người đổ xuống lưng chừng con đèo thấp. Những âm thanh hỗn tạp đưa lại rì rầm như cơn mưa xa đầm đầm đổ tới. Đại ca nâng ống nhòm theo dõi. Một đám sinh vật màu chàm di chuyển mệt mỏi, áo quần lem luốc; mang võng, vác, khiêng đủ thứ vật dụng lỉnh kỉnh. Đây là một toán làm ăn lớn, thu hoạch khá, đang rời trại, về nghỉ. Trước và sau có bọn trai trẻ lực lưỡng hộ tống. Có cả xe Honda chạy chậm, cẩn thận dò xét. Đại ca có quan sát trong bọn đứa nào mang súng hoặc lựu đạn. Nếu đoàn người không trang bị súng đạn thì chúng thừa sức chơi gọn.

Trận chiến đã thực sự xảy ra trên lưng đèo. Dân đào vàng không bất ngờ khi bị cướp đường; như rớt xuống nước phải gắng bơi, họ sẵn sàng cuộc đao búa; luôn coi vàng quý hơn máu chân thân, đứa này đi tong đứa kia tử chiến, miễn sao mang được của máu nước mắt về đến nhà. Vàng được cất giấu mọi nơi có thể; ngụy trang đủ kiểu, có khi nấu thành thỏi, nuốt vô bụng, về nơi an toàn mà ị ra, chảy máu trôn mà vui. Bọn tam ca lúc này không cần hội họp phân công phối trí, chỉ tức khắc vào cuộc, yểm trợ nhau tàn sát theo thói quen trận mạc; nhanh hẹn hâm sôi bầu nhiệt huyết, vực ngay dậy nỗi thèm vàng đang rổn rang reo vang trong não bộ; chai lì trước tiếng khóc than; nhứt mực xem máu người đổ ra như máu gà vịt lúc đánh tiết canh cho một trận mây mưa tao phùng. Phải diệt gọn, thu nhanh biến lẹ. Tức khắc đoán ngay chóc đứa nào đang giữ vàng trong bọn để dứt ngay đứa đó. Giới hạn tối thiểu sự phạng lầm hơn bỏ sót, vừa mất sức lại lắm khi vong mạng vì đối phương say máu lúc mạng sống tơ mành treo tòng teng chỗ cửa tử.

Trận chiến diễn ra ác liệt. Thuở Tề Thiên đấu với Thiên thần,

trận địa nhuốm màu lãng mạn, ít ngổn ngang máu thịt, vì cả hai dùng nhiều bùa phép, mỹ thuật hóa được chỗ tang thương, mã hóa phần nào sự thắng thua. Tiểu thuyết mà. Giữa đỉnh đèo này bọn dân dã không có phép thuật, chúng sử dụng bất cứ gì có thể gây máu để tự bảo vệ. Dao mác, gậy gộc, đòn gánh, đá cục, nồi niêu xoong chảo, kể cả răng trong mồm khi cần cắn vật nhau quay cuồng. Vũ khí thô sơ, không hiệu lực tàn sát hàng loạt nhưng tạo đủ loại vết thương man dã kỳ cục. Bị phạng vào gáy một cái cán cuốc mà về sau tê liệt tứ chi, hoặc man man mát mát thương nhớ nhà thương điên Biên Hòa suốt đời. Đã có đứa nhiều năm sau thân tàn ma dại, thầm trách số mệnh sao không cho đi tong ngay nơi chân trời cuối bến thuở giang hồ.

Bọn tam ca đục thẳng vào giữa đám nơi có hai gã thanh niên tạo thế yểm trợ nhau di chuyển chậm, có thể đó là hai gã giữ vàng, tránh đụng độ. Đánh một lúc Đại ca nhận thấy trong đám hộ tống có mặt Gấu Chúa, một cựu thù ở chung trại tù năm xưa. Trên mặt Gấu Chúa hãy còn loang lổ đen trắng một mảng sẹo, hậu quả một ca nước sôi do Đại ca tạt thẳng. Chợt thấy Đại ca, Gấu Chúa mặt sẹo nhìn căm thù, nhưng hắn chơi sang, vừa đánh vừa tách Đại ca ra khỏi đám đông. Thanh toán tay đôi cho hả dạ. Những đứa con ngoan của luật giang hồ. Đại ca thuộc loại sức mạnh phi thường, nhưng đang thương tích. Hắn chọi một lúc một yếu dần. Gấu Chúa bất ngờ quật ngã Đại ca, đè mũi dao nhọn vào cần cổ đối phương, nói rành mạch: "Mày bị hỏng một tay, vậy tao cũng chơi một tay, nửa thành công lực thôi. Nào gắng lên chớ. Hãy cắt tiết nhau cho sòng phẳng". Đoàn người thoát dần xuống chân đèo. Bọn Nhị và Tam ca quần theo để cướp cho được vàng. Trên lưng đèo, in nền trời chiều thẫm mây bay là hình hai gã giang hồ thanh toán nhau.

Máu chảy xối xả từ vai cổ mặt xuống ngực. Đại ca quay cuồng. Một loáng hắn thấy thế gian rực sáng, một thứ ánh sáng mê hoặc của ma men say đắm, hoa lá cỏ cây nạm vàng, sườn non sông nước bờ lau thung lũng đầu lâu sọ khỉ dòi bọ, cả hơi thở âm thanh ánh sáng đã rực rỡ hóa vàng, vàng tênh mùa cúng cô hồn tháng bảy. Rồi tất cả tím thẫm. Đại ca cố sức tàn gượng dậy, cảm nhận một lưỡi dao bén ngọt kề vào cổ mình. Văng vẳng giọng Gấu Chúa:

- Tao tha cho mày.

- Hãy giết tao đi. Tao không van xin.
- Được. Vậy muốn cỡ nào?
- Tùy mày. Nhưng phải gọn. Tao không muốn thở dây dưa.

Gấu Chúa thọc lưỡi dao vào cần cổ Đại ca, ngoáy mạnh một cái, kĩ thuật dứt khí quản gà khi cắt tiết, là xong. Hắn đặt dao nằm cạnh Đại ca. Cởi áo khoác đắp lên thi hài kẻ đã bị chính hắn thịt. Bọn Nhị, Tam ca lúc quay lại đã xông vào trực chiến. Gấu Chúa phán: "Lui ra. Chúng mày không phải là đối thủ của tao. Lại không nợ nần gì nhau. Hãy chôn cất đàn anh cho tử tế. Sau này phải lo lắng chu đáo con cái đàn anh chúng mày". Gấu Chúa lững thững xuống núi, cùng lúc nhận ra máu me đẫm người, năm sáu vết đâm khá sâu, không hứa hẹn sau này sức lực phục hồi bình thường.

Bọn đàn em cùng khiêng xác đàn anh về ngôi làng trong thung lũng. Núi trời đêm. Sông lạnh. Sao Hôm lẻ loi một góc trời. Nhị ca nhìn mông lung nói: "Cõi trời đất này vô duyên bỏ mẹ. Muốn chửi cha cái đời". Bọn chúng hạ thủ lĩnh trên một bãi cỏ đầu làng. Tam ca chỉnh tề tâm sự: "Nhị ca ạ. Đại ca anh hùng nay đã tiêu tán đường. Mình nguyện sẽ có ngày rửa thù. Nhưng một ngày không thể không có vua. Em giờ đây nhứt trí nhiệt liệt tôn anh làm Tân Đại ca". Nhị ca nhổ toẹt bãi nước bọt, thịnh nộ: "Chưa tống táng thủ lĩnh, cái xác còn chình ình đã lo bề chia ngôi. Đù má mày".

Trăng lên cao. Âm dương trở lạnh. Bọn chúng mong nghe một tiếng chào, mong thấy một bóng đèn, một tiếng chó sủa. Nhưng tịnh không. Làng không có ai không còn ai, như vừa bị tiêu diệt chiều qua. Rải rác đó đây chuồng trại không súc vật. Xác mèo chó đã thành xương xẩu nơi xưa kia bếp hồng. Một ngôi đình làng còn trơ một mái xiêu, mái kia sụp xuống mặt hồ nước chẳng vuông tròn của bọn khai thác vàng bỏ lại. Nhận ra mùi xác người, một vài con quạ đêm bay tới. Chúng kêu mừng hạnh phúc kiểu quạ. Nhị ca buồn bã nói: "Tưởng xóm người hóa ra đây là xóm ma. Có là ma quỷ cũng cho ta một lời chào. Sao tịch lặng đến rợn người thế này". Tam ca nói "Chọc ma quỷ thức dậy chăng. Không được chào hỏi, không chửi bới buồn bỏ mẹ".

Bọn chúng nằm trên cỏ lạnh nhìn trăng khuya. Tiếng thác đổ từ xưa đưa lại. Trong lòng núi bí ẩn trên kia có con sông Tiên.

Khác với tất cả sông quê nhà, thường là phát đi từ núi để đổ ra biển, về sông. Sông Tiên chảy ngược về hướng tây, dọc trong lòng núi liền núi: thoạt nhìn ta có cảm tưởng sông Tiên có sức chảy ngược từ thấp lên cao. Một con sông dị thường. Một con sông chạy trốn đồng bằng. Nhưng sông Tiên là cánh tay chuyển nước về miền thung lũng xa xôi trong núi thẳm. Là ân nhân mở đường, sơn cước biết trung du.

Nơi đây là Phương Đông mặt tiền trái đất, trong chiều tà thế kỷ. Xưa kia, nơi thi hài Đại ca đang chễm chệ bên cạnh Nhị, Tam ca này, hẳn phải có một ngôi làng sầm uất thân thương, nay mới là tro tàn bếp lạnh; đó đây di chỉ chìm, mồ mả nổi. Mặt đất bao quanh Đại ca là những xương mất thịt, những thịt không máu hồn, những hồn không chỗ đậu; dưới trăng lạnh hay trong ánh dương chói lòa ngày qua, là kia kìa cái cảnh cửa vào nhà không em bé, hương án tổ tiên nhện giăng đầy, nơi mẹ xưa ngồi dệt vải và đây xác mèo chó xương đen. Một xóm làng chết trong tịch mịch mà lòng sâu của đất bị đào ngang bởi dọc. Sông Tiên, con sông kinh lịch chảy bạt ngàn, không quay về Đông, nó đưa tiếng hát qua thung lũng này, nó thả hồn vào khóm lau bờ trúc, trải lòng thiên nhiên trong lòng người. Bản hùng ca đã bặt im. Tất cả trôi giạt, hóa đá trên một tinh thần thấp thỏm bình an. Một dất Mẹ rừng mình đẩy vàng trồi lên. Ma động. Hoang hóa. Mộng mị. Bọn loạn tâm cùn thức ra công đào bới khắp vùng. Một bọn sĩ ngợ ngác, bất lực. Một bọn điên kinh hoàng cảnh ngộ, minh triết hí lộng, gọi hồn đất đá; những tưởng, đá mới vẹn linh hồn, đất là nhân danh vĩnh cửu. Có thể nào một cái sống đã không chốn nương thân, lại khi chết chẳng nơi chôn vùi. Không một lối đi nơi này. Chẳng đường về nơi đây. Mọi hiện thực như là vô định - sau một lưu đày đã định. Đạo là con đường, con đường anh đi, có phải đường là Đạo.

Giữa đêm. Bọn Nhị ca tha thẩn đi quanh quẩn trong làng ma. Một khu vườn um tùm, một ngôi nhà lớn bên trong; nơi góc vườn một cây gòn rừng cao vút cành nhánh ngang phè như gã khổng lồ đứng dang tay ngăn mây bay. Ngay cổng vào một tấm bảng lớn, với những dòng chữ:

"Nơi đây trước kia là ngôi nhà thờ của một tộc lớn. Hai năm trước con cháu nghĩ rằng dưới lòng đất nhà thờ có vàng, nên đồng

tâm khai quật. Đào ngoài vườn, đào xuyên dưới nền nhà, có thu được ít vàng. Con cháu lại gây nhau, li tán. Khách tham quan nên coi chừng, nhà tạm tạm còn đứng dưới trời mây nhưng sụp đổ gây thương tích bất cứ lúc nào".

Cách đó không xa, một căn nhà đứng cheo leo dưới bóng trăng. Chung quanh là hào sâu nước đọng. Nó như một ngôi đền trên mặt hồ. Một tấm bảng thông báo:

"Đinh Phiên bán ngôi nhà này năm chục cây vàng, mang cả gia đình vào cao nguyên lập nghiệp. Bọn khai thác vàng đã tính toán nếu phá cả căn nhà để khai quật sẽ thu hơn trăm kí vàng. Chúng đào xới mấy tháng ròng. Lạ thay, đào ngoài vườn thì không sao, nhưng động một nhát cuốc vào nền nhà tức tốc có đứa lăn đùng ra chết. Ba lần xâm phạm ba đứa vong mạng. Chúng lập đàn cứu tế, yểm bùa nhưng đâu vào đó, có đào có chết. Chúng bỏ đi. Vườn thành hồ nước trăng soi mà ngôi nhà còn nguyên. Có người cho rằng đây là nhà trên hồ, rất hiếm nơi mạn ngược; mai kia có thể là thắng cảnh thu hút khách du lịch".

Về khuya, trăng rải lụa trên xác người Đại ca. Đầu thôn cuối xóm vẫn một bãi tịch mịch, thênh thang những âm hưởng chịu tang, mênh mông bi tích. Bọn chúng khiêng xác đàn anh ra bìa làng. Đã thấy trăng chênh chếch phía núi. Gió xao xác như nghìn nghìn âm binh sắp về đây mở hội. "Vong hồn, hãy mời ta cốc rượu. Sỏi đá, hãy cựa mình đi. Sao thê thiết quá vầy". Nhị, Tam ca đặt thủ lĩnh lên một tảng đá bằng phẳng, lấy nước sông rửa mình mẩy máu me lại vốc nước uống ực.

Núi màu chàm trong đêm sương về sáng. Gió lạnh ngắt như mang hơi mưa từ xa mùa đông. Không gian bỗng đượm mùi hương lạ; mùi phấn son, bùn lầy, mùi hoa dại, lá khô; mùi thịt xương cũ. Quả thật đâu đây là một mùi thiên địa, tổng kết giữa chết thật sống hờ; ngây ngất. Nó như tri hô xa vắng của vong hồn, âm vang chết; là thách thức, cổ lục, của một bình minh đêm; lênh láng, tê dại. Nhị, Tam ca bất giác lâm vào cơn hiu hiu, khi đôi tay vẫn sờ nắm một cách vô thức lên cái cần cổ thủ lĩnh máu cục đọng đen từ chân người. Một lão tiên ông tóc trắng râu bạc mấy chòm xuất hiện, la đà như có như không. Lão ông từ tốn bảo Nhị ca:

- Hãy tìm nơi chôn thủ lĩnh các ngươi đi. Đừng để thân xác lâu

ngày trên mặt đất, không nên.

Nhị ca trả lời:

- Không thể chôn nơi đất chết này.

Lão ông dạy:

- Nơi đâu cũng là đất mẹ. Một cái xác phải được trả về lòng mẹ êm ấm mới thuận đạo người. Mẹ rộng lượng tha thứ, kể cả thủ lĩnh các ngươi.

Tam ca sừng sộ:

- Khế lão nói như vậy trật rồi. Đời có lỗi. Đại ca tôi không hề có tội.

Lão ông cười hiền hòa:

- Ta không tranh biện lỗi phải cùng các người. Có những thân phận lịch sử bây giờ chưa nhận định lỗi phải, huống hồ gì nhân thân hạn hữu các ngươi.

Nhị ca ngơ ngác:

- Chúng tôi là bọn du côn, khế lão nói chuyện trên trời dưới đất làm chi vậy.

Lão ông bỗng phất cây trường. Tức thì bùn lầy cát bụi quá khứ vị lai cỏ cây diều quạ xương gà lông chó đều biến thành những khối sáng lòa. Vàng trên mặt đất, vàng bay la đà, vũ múa như công như bướm. Lại tỏa hương ngây ngất; phát ra tiếng đàn tiếng sáo. Rì rào. Tỉ tê. Bén. Làm gỏi tâm linh bọn Nhị ca. Lão ông nghiêm giọng bảo: "Các ngươi hãy nhặt lấy vàng mà đi đi, cho thỏa".

Trong cơn mê động Nhị ca vuốt tay lên những khói vàng óng ánh, nghi ngút thì thầm: "Đại ca ôi em sẽ dệt cho Đại ca một cái hoàng bào tuyền sợi vàng, sẽ đúc một cái quan tài vàng ròng mà tống táng Đại ca".

Lão ông mắng:

- Chớ thánh dại thần điêu. Chớ nên chôn châu báu theo người như bọn vua chúa đã làm. Sẽ sinh ra điều ác, nảy lòng tham, kẻ hậu thế phải tội quật mồ, vơ vét châu báu, còn hài cốt các ngươi sau đó vung vãi khác gì xương cốt súc vật chim ngàn.

Bọn cướp nghe lời phán dạy bỗng kinh hoàng van vái:

- Vì quen thói du côn chúng con trót dại, xin tiên sinh chỉ giáo.

- Ta không phải là tiên sinh của các ngươi, theo nghĩa thông thường. Ta là Tiền nhân. Trong xác thân du côn du kề các ngươi

đã có một phần xác một phần hồn của ta. Trong bình sinh gieo rắc, Ta là các ngươi, các ngươi cũng là Ta. Hãy nghe đây, mau rời bỏ mê cuồng, hãy nhặt lấy vàng rồi cút đi. Hãy trả lại quê hương này cuộc sống bình yên.

Bọn Nhị ca quấn quít nhặt vàng. Lại điên dại hỏi theo cái vi mạch tham lam hằng có:

- Tiền nhân ôi kính thưa! Có tài biến hóa làm vầy sao Tiền nhân không biến quách cái đất cỗi cằn nắng cháy mưa dầm chữ S này thành một khối vàng ròng vĩ đại từ Nam Quan chí mũi Cà Mau cho con cháu nhờ.

Bây giờ ông lão đã biến mất, nhưng giọng rao truyền ấm cúng còn vọng lại từ đèo cao, nơi ban chiều thế gian đã vầy cuộc truy đuổi chém giết vì vàng:

Một phần xác và hồn của Ta hãy nghe đây. Chớ đắm mình trong điệp điệp mơ hoang. Chớ lênh đênh theo khí chất mong đạt giàu sang ngõ tắt. Hãy rời khỏi nơi nương náu ngủ ru trùng trùng hứa hão, hẹn bừa, những điều hiện thực không thể. Hãy bừng sáng một thể linh tiên niệm. Hiểu núi sông và tôn sùng tự nhiên. Sống như chúng mày là phá nát giang sơn này rồi. Đã kim loại hóa từng phần những tương lai, hi vọng, niềm tin của bao nhiêu người. Giả thử từ Nam Quan tới mũi Cà Mau, từ biển Đông con dã tràng xe cát cho chí Trường Sơn mông muội bỗng một sớm nọ biến thành một khối vàng ròng hình chữ S - lấp lánh tận giải Ngân hà, độ sâu cắm tận lòng đất - thì các ngươi sẽ ra làm sao? Ngày ấy là chấm hết toàn bộ cốt căn bản địa tổ tiên giống nòi, kèm theo cái bất đắc kì tử của chú ong mật con bướm vàng. Sẽ là cuộc tiêu trừ sự sống triệt để. Có thể thế ư. Hình chữ S này là đời đời của Đất, chỉ là Đất. Khô xảm, ngập lũ, trăn trở, chờ trông hóa đá, vẫn hoài hoài rực rỡ Đất. Đây là nơi tanh thơm mùi bùn, mùi xói màu, của đậm đà khổ đau hạnh phúc; của ríu rít chia lìa hạnh ngộ; nơi đây cây trái mọc xanh con chim hót; chỗ róc rách con cá lội; con vi trùng đương nhiên tự do mình mẩy; cỏ dại núp bóng nhau; nơi người có thể giết người, beo cọp âu yếm liếm cọp beo. Nếu nghìn triệu thước đất Mê Linh Gia Định này biến thành vàng ròng một dải chúng mày sẽ đi về đâu? Phải hóa đá mới tồn tại. Sẽ là những hình nhân vàng vô tri, ăn uống nói năng hội nghị làm tình trên

một địa đàng vàng. Khó thể toàn bộ giang sơn là một tổng thể kim loại. Còn nơi nào cái lỗ chôn nhau cắn rún. Tìm đâu cát bụi mơ mòng. Đâu nơi sở trụ một linh hồn cần nương náu quê hương. Mơ hão. Khó thể một dân tộc, thể chế, đất đai, một sớm mai vui mừng đã kim loại hóa toàn phần.

Nhị ca trở mình hỏi Tam ca: "Mày vừa nghe thấy gì? Tao nghe gió nổi". Tam ca nói: "Hình như đêm qua làng này trẩy hội. Nửa khuya đèn đuốc lập lòe. Lúc về sáng thánh đường kéo chuông vang động. Mà sao chuông báo tử".

Trời sáng tỏ. Một trận gió lớn thổi tung những bụi mù trong nắng. Bọn cướp đường choàng dậy ngó quanh. Không Tiền nhân. Chẳng có xác Đại ca nào đây. Không có núi không có sông. *Không nhìn ra mặt núi sông*. Không một mảy may vàng. Chỉ quanh đây những luống cày, màu đất vàng khô. Một chị vải thô chân đất đem mong chờ đến cho một ai đó trên những luống cày. Một thằng bé truồng cười nhìn nắng.

Duệ Anh

ĐÀO HOA

1. ĐÀO HOA CHIẾU MỆNH

Từ bé, Lê đã lộ tư chất thông minh. Một phần nhờ di huệ huyết thống.

Ông nội hay chữ và là lang y có tiếng. Người trọng nghĩa khinh tài và ngang tàng. Thân phụ cần mẫn và khéo tay. Ông hoạt khẩu có tài bẻ câu hát. Những giai thoại về ông cũng thú vị và được truyền tụng như những ca từ của ông.

Lại nói, Lê có trí nhớ tốt. Chưa biết gì về chữ nho, nhưng ở đền về, cậu có thể nguệch ngoạc được dăm ba chữ để trên câu đối tại đền. Chuyện đại loại là thế.

Tuy nhiên, cậu nghịch ngợm và táo gan. Trên khám thờ nhà cậu, có một cây gươm tay co, vỏ cong, sơn son thếp vàng. Đó là gươm thiêng, thần ban cho cha cậu, đặng trấn áp ma quỷ. Cậu thường lén mang xuống, tuốt gươm trần múa mênh. Có lần cha cậu bắt được, đã phết cậu một trận nên thân. Nhưng chứng nào tật nấy. Cây gươm có sức quyến rũ không cưỡng được. Cậu ngước nhìn vật báu hàng buổi với vẻ thèm thuồng. Dẫu hãi đòn, cậu vẫn lấy trộm gươm đem chơi. Sợ mang tội với thần thánh, cha cậu sửa trầu rượu, dắt con lên đền tạ thần và dâng gươm trả Ngài.

Có phải vì thế mà sự thông tuệ cùng số đào hoa đã khiến về

sau cậu gặp nhiều rắc rối.

Đây nói chuyện trước, khi vừa lọt lòng, cậu đã tè ngay một chập. Việc đó khiến cha mẹ cậu vừa mừng vừa sợ. Đầy tháng tuổi, cha nhờ thầy số giải đoán cho cậu. Thầy tính toán các sao rất kĩ rồi nói rằng, cậu sẽ làm nên những việc vinh quang ít ai sánh kịp, tuy nhiên cậu cũng lắm chuyện. Thứ nhất, thể chất cậu không được khỏe. Thứ hai, nhiều khi cậu mua thù chuốc dữ bởi lời cậu sắc sảo, khiến nhiều người bất bình. Thứ ba, cậu có tài năng, nhiều kẻ đố kị. Thứ tư, cậu có đào hoa chiếu mệnh, được con gái cưng chiều, nhiều phen cậu khổ sở vì nó.

Nghe lời thầy, cụ thân sinh càng để tâm rèn dạy cậu một cách đặc biệt nghiêm minh. Cụ cũng dần dần yên tâm vì cậu tỏ ra nhu hòa và biết vâng lời. Cậu không chơi bời lêu lổng và có đức chăm làm. Mặc dù vậy, cậu vẫn nghịch quái, lắm khi làm cha mẹ cậu vừa giận vừa sợ. Một lần, mùa xuân, dân làng làm lễ tống tiễn quan ôn. Người ta đóng bè tàu chuối, trên đó có cắm cờ ngũ sắc cùng các lễ vật khác, thả trôi trên ngòi. Buổi trưa, cậu đi chơi, trông thấy cờ phướn đẹp, bèn lội ra bắt lấy. Anh cậu thấy vậy, hoảng lắm. Sợ rằng trêu vào thần linh thì tai họa, hãi hùng hơn, đó lại là quan ôn. Anh khuyên em hãy mang bè trả ra ngòi. Cậu gạt đi. Cực chẳng đã, anh phải mách với cha. Nguy tai, gươm giáo, cờ lọng của quan ôn đã bị cậu phá hỏng hết. Cha cậu lại phải biện lễ tạ Ngài.

Nếu cứ để thế này, nó tất sẽ còn làm nhiều điều dại dột. Phải cho nó học thôi. *Nhân bất học, bất tri lí*. Cha mẹ cậu bàn luận như vậy. Khốn nỗi, nó bé loắt choắt, không thể đi bộ cả hàng đỗi đường. Gửi trọ cho Lê càng không nên. Ai mà bảo được nó. Tuy nhà túng bấn, nhưng hai cụ phải rước thầy về nhà. Gian nhà ngoài thành một lớp học nho nhỏ. Các phụ huynh khác chẳng hỗ trợ là bao trong việc nuôi thầy. Hai cụ chịu mọi phí tổn với sự vui vẻ và cung kính của mình.

Cậu học chăm. Mới theo thầy mấy buổi, cậu đã học được cách làm tính. Không lâu, cậu giải thành thạo đến phép chia cho 2 con số. Cậu bỏ xa những trò khác lớn xác và từng học trước. Thầy rất vui lòng. Ai cũng yêu cậu. Khỏi phải nói dài. Cậu thích hát và khá bạo. Vốn thân mẫu là người hiền thục, hát hay. Bà thuộc lòng

nhiều ca dao, nhiều áng thơ cổ. Tự nhiên thôi, bà đã cho con khả năng đó. Giữa đám đông, trước những quan khách khả kính, cậu không xao xuyến, diễn xướng những bài thơ, bài hát mà chắc rằng cậu không thể hiểu mấy nội dung. Điều đó khiến người nghe càng thú và trầm trồ. Cậu từng khóc thương con cò đi ăn đêm, khóc thương anh Thạch Sanh nhiều hoạn nạn, khóc thương những bông hoa trong bồn chịu giá sương đến nỗi chẳng mấy chốc úa tàn.

Tính đa cảm chờ dịp làm hại cậu.

Mười tuổi, cậu đã phải lòng một cô bé xinh tươi, nhỉnh hơn cậu. Đó là vào một buổi chiều. Cô bé đến xin đám rạ trên thửa ruộng nhà cậu ở ngay trước ngõ. Mẹ cậu gặt. Cha cậu gánh lúa. Cậu trông bò và đuổi bắt châu chấu. Được cho, cô bé mừng quá, xuống ruộng cắt rạ ngay. Hẳn xấu hổ với cậu, cô ta không dám xắn quần, cứ lết bết như vậy mà lội bùn. Cậu cười thầm và chạy tót về lấy liềm ra cắt giúp, có ý ngầm khoe tay liềm của mình. Mặt đỏ lựng, cô bé không dám nhìn cậu.

Cô cùng học với cậu một trường. (Bây giờ đã là trường làng. Học trò rất đông. Cô học lớp trên). Tuy chưa làm quen nhau bao giờ nhưng cái tiếng học giỏi của cậu, cô đã chú ý.

Cậu cắt rạ thoăn thoắt. Chẳng may, khi chưa kịp rút chân ra xa khóm rạ định cắt thì liềm đã đưa tới. Máu chảy chan hòa. Có phải linh tính hay không, cô biết ngay việc đó. Sợ hết hồn, ra hiệu bảo cậu giấu mẹ, cô vội xé gấu quần để buộc vết thương. Quần lụa đen còn mới, không xé được. Vén quần lên đầu gối, hé cặp môi đỏ chót, dùng răng dứt gấu quần. Hàm răng xinh vậy. Người con gái gần cậu đến thế. Cậu xốn xang và trộm liếc cái đầu gối tròn tròn trắng nõn. Lần đầu tiên trong buổi niên thiếu, cậu đã phải lòng một điều gì đó chưa biết tới ở đàn bà.

Cô xuýt xoa thương xót rồi nhỏ nhẻ:

- Này, có biết người ta không?

Cậu gật đầu. Cô lại hỏi:

- Người ta tên là gì nào?

- Không biết.

- Là Phương. Rõ dơ chưa, thế mà cũng nói là biết.

- Nói bao giờ?

- Vừa gật đầu đấy thôi.

Chạm khẽ vào cậu, Phương thấm chút máu ở vết thương, rồi lén luồn vào áo, đi lên ngực mình. Cô nói lấp:

- Khéo què thì chết. Tại Phương đấy. Thôi Phương về đây.

Cô lúng túng bó rạ, chào mẹ cậu và chạy nhanh như trốn.

Mấy hôm sau, tan học, cô nán lại:

- Đằng ấy có đau nữa không? Đừng trách Phương nhé vì từ mai Phương đã phải đi.

- Phương đi đâu?

- Nhà Phương dọn đi nơi khác. Mà này, đằng ấy rồi sẽ quên Phương thôi. Và Phương nghĩ rằng sau này đằng ấy sẽ khổ.

- Sao mà khổ?

- Vì tốt quá. Nào nhắc lại, người ta tên là gì nào?

- Quên thế nào được. Phương.

- Ừ phải.

- Sao vậy? Bọn chúng cũng gọi là Phương.

- Là một người không tên. Đằng ấy rồi sẽ khổ. Đừng quên nhé.

Cô ta chạy vụt đi. Không bao giờ gặp lại, nhưng cậu nhớ mãi một cô gái tên Phương mà không phải là Phương. Số đào hoa của cậu khởi đầu là như thế.

2. LƯỜNG

Con đường học vấn của Lê suôn sẻ, không bận chuyện gì, cho đến bậc trung học. Nói thật chính xác, có một lần, vì buồn vì giận, cậu đã nghêu ngao trong đêm khuya một bản nhạc không lời thật não lòng. Bản nhạc đó cậu mô phỏng theo một giai điệu nhạc ngoại. Cậu vừa đàn mồm vừa ứa nước mắt. Cô gái con chủ nhà - cháu đích tôn cụ đồ mà cậu đang học thêm chữ Hán - cũng phải mủi lòng. Cô nằm nhà trong và nói vọng ra van lơn cậu đừng hát nữa vì buồn quá. Cô ấy lớn hơn cậu nhiều. Nói như người ta thường nói, không làm rung lên trong cậu một âm hưởng huyền bí nào hết.

Niên học này, cậu bị bắt vào đội đồng ca của trường. Với chất giọng âm khu cao, người ta xếp cậu hát ở tốp nữ. Trong tốp, có người con gái phổng phao da trắng như trứng gà bóc, thường tết tóc đuôi sam buông trĩu sau lưng. Ngay buổi tập đầu tiên, cô ấy đã bảo:

- Giọng cậu cao thế. Con trai hát giọng kim là không tốt đâu. Đừng có mà chơi trội. Để cho bọn tớ còn hát được với chứ.

- Nhưng mà mình không hát được thấp. Trước đây mình đã hát tuồng cho phường hát ở quê, cứ phải vươn giọng mà ra thế chăng?

- Cậu biết hát tuồng?

Cậu dọn giọng khoe ngay. Nghe xong, cô gái vẻ nể lắm.

- Cậu quê đâu? Ở trọ hử? Dạy tớ nhé. Nhà tớ ở phố. Chả xa mấy. Cứ dọc phố. Đến cầu đá. Bắt đầu dãy phượng là nhà tớ. Chiều nào tớ cũng ở nhà. Tớ tên là Lường.

Lường sớm mồ côi cha mẹ. Tự nuôi thân và nuôi đứa em gái nhưng Lường mặc rất diện, diêm dúa đến cầu kì. Áo quần nào của cô cũng điểm đót vài họa tiết hoa lá được thêu bằng chỉ màu với nghệ thuật hòa sắc tuyệt diệu. Lường là thợ thêu giỏi. Đó là nghề do nghiêm đường để lại. Những mặt hàng thêu của cô trưng trước cửa hiệu đẹp đến mức tưởng chẳng dám mó tay.

Roi rói đón Lê, Lường tíu tít mang nước chè, hoa quả bánh trái ra mời, như là tiếp một bậc phong lưu.

- Tớ vừa làm vừa học có được không? - Lường hỏi. - Mai đã phải giả hàng cho khách rồi.

- Tuồng khó lắm. Mình cũng chỉ mới lõm bõm thôi. Theo mình, cậu có thể học được cải lương đấy.

- Úi, cậu hát được cải lương thật ư? Cải lương tuy hời hợt nhưng tớ cũng thích.

- Hè vừa rồi, mình đóng vai thằng bé trong vở *Tần Hương Liên*.

- Tần Hương Liên. Tần Hương Liên có Trần Sỹ Mĩ chứ gì? Tớ xem rồi. Vừa xem vừa khóc.

- Mình cũng vừa diễn vừa khóc...

- Thế này nhé. Cứ biết vậy. Cậu làm tớ ngạc nhiên quá. Để tớ định thần lại đã. Cậu là một trang thiếu niên tài tử? Cậu mười mấy?

- Mình ấy ư?

- Cậu không hiểu câu hỏi à? - Lường cười ranh mãnh. - Thế mà cũng là học sinh giỏi. Câu hỏi đơn giản mà phải hỏi lại. Trừ một điểm.

-13.

- Mười ba gì?

-13 tuổi. Bạn cũng phải hỏi lại à? Trừ một điểm.

- Hòa! Tiếc nhỉ.

- Tiếc là cậu phải gọi tớ bằng chị. Tớ nhiều hơn cậu. Mười bốn.

Lường đỏ mặt, kín đáo liếc nhanh xuống ngực. Cậu không dám nhìn nhưng cũng lờ mờ cảm thấy nhu nhú sau lần áo mỏng thêu thùa của Lường hai khối tròn nho nhỏ.

- Sao bạn lại có tên là Lường nhỉ? - Lê đánh trống lảng.

- Tên tớ do cha mẹ đặt. Hỏi thiếu tế nhị. Lường nghĩa là đo lường. Cha tớ dặn rằng...

- Lường giỏi thật. Mình cứ nghĩ những cái gối kia không phải nhờ tay người mà có những bông hoa ấy.

- Với vài chiếc, tớ cũng ngẩn ngơ, và cũng không tin do mình làm ra. Nhưng không giỏi bằng cậu.

- Vậy là hai đứa mình tâng bốc lẫn nhau rồi đấy. Mình tích sự gì đâu.

- Còn đòi gì nữa. Học giỏi này. Mới tí tuổi...

- Làm như bạn khú đế không bằng. Hơn người ta vỏn vẹn có mỗi một tuổi mà nghe chừng ra oai tợn lắm.

- Chuyện. Hơn một ngày, hay một sự. Các cụ bảo thế mà lị. Lường buồn thì có. Giá như cũng bằng tuổi cậu.

- Để làm gì?

- Không biết. Bảo nhé. Tớ thêu cho cậu một cái gối.

- Chỉ phí mất thôi.

- Sao?

- Tớ không quen gối đầu.

- Thì tớ tặng cái khăn thêu. Đáng ra phải thêu cho cậu cái mới, nhưng không kịp. Sợ cậu lại từ chối.

- Mình cũng không nhận đâu.

- Vậy là ác. Chê à?

- Không phải. Khăn đẹp thế, mình sợ đánh mất lắm.

- Mất tớ lại cho...

Lê ngẩn ngơ nhìn đôi bàn tay Lường.

- Nhìn cho người ta ngượng. Lường nói thật nhé. Có thích đôi bướm này không?

- Thích. Cứ như là nó sẽ bay lên.

- Cậu làm thơ đấy à. Tớ chính là nó đấy mà. Tiếc thật. Cậu về đi. Đừng buồn vì tớ nhé.

Lường chợt khóc. Đôi vai rung khẽ. Từ bông hồng thêu trên

ngực áo của cô nó ứa ra một giọt hồng thắm. Hai cánh tay nõn nà vươn lên, thoáng chốc cô đã chập chờn đôi cánh. Một đôi bướm lướt qua khung cửa. Lê bước ra hiên. Đôi bướm vờn lên cành phượng vĩ. Lê thảng thốt:

- Lường ơi.

Không tiếng đáp. Gió rất nhẹ. Trời xanh thăm thẳm. Mấy đám mây trắng chói chang nắng chiều. Lê ngã ngất lịm.

3. TỨ

Não lòng vì mất bạn, Lê chuyển đến ở trọ cùng nhà với chị họ. Trọ cùng chị còn có hai cô nữa. Họ xấp xỉ tuổi chị. Một cô cao lớn, trắng, mặt điểm chút tàn nhang. Cô kia tầm thước, da bánh mật, tên là Tứ. Tứ ít nói, hay cười. Tóc Tứ không cặp, để xõa khắp cả tấm lưng lẳn.

Bốn học trò tự thổi nấu lấy. Lê được nuông, chả phải làm gì. Thảng hoặc, Tứ nhờ Lê lùa củi hộ. Những lúc như thế, cua cô lớn lại cười ý nhị.

Một đêm, chị gái Lê cùng cô cao lớn đi xem hát với chủ nhà. Lê và Tứ ở nhà ngồi học chung một bàn. Lát sau, Tứ hỏi:

- Bạn có buồn ngủ không?
- Không.
- Thì giảng hộ mình bài này nhé.

Nói xong, Tứ cầm cốc nước đứng áp lưng Lê. Lê ngượng cúi đầu. Cậu giảng giải một chập, nhưng hình như không có kết quả, hơi nản.

- Đừng mất thì giờ nữa. Mình không hiểu được đâu. Bạn không nhận ra mình à?
- Gì cơ?
- Mình đây mà. Quên rồi sao? Lường của cậu đây.
- Chị Tứ nói gì vậy?
- Phải, mình vẫn tự xưng là Tứ. Mọi người cũng gọi mình là Tứ. Tứ là để ý tứ với cậu. Nhưng đêm nay các người phàm tục đã biến mất rồi. Nhân vắng mọi người, mình muốn nói với cậu vài lời.
- Không có lẽ, - Lê hồ nghi.
- Chẳng tin ư? Một buổi chiều. Đôi bướm. Đôi áo gối...
- Lường ơi!

- Dạ!
- Buổi chiều ấy không ai biết.
- Vâng, chỉ có hai đứa mình. Không thương mình ư?

Lê chẳng biết nói thế nào. Tứ thở dài:

- Cho mình ôm bạn một cái.

Vừa nói, Tứ vòng tay ôm lấy Lê. Vừa chạm mặt Lê thì đóa hồng nhợt nhạt thêu trên ngực áo Tứ bỗng rung rinh, tỏa hương sực nức. Những cái gai thêu ở cuống hoa lóng lánh tựa thủy tinh.

Tiếng nói chuyện của đám đi xem trở về đã lao xao ngoài ngõ. Tứ thừ mặt, đánh rơi cốc nước:

- Lại lỡ mất rồi.

Tứ ngồi vào bàn, viết lên trang vở hai từ rõ to bằng lối chữ hoa: TẠM BIỆT, và không ngẩng mặt lên nữa.

Cô cao lớn ùa vào, nói như hát:

- Hai người còn thức học cơ à? Chà, xem hay đáo để Tứ ạ.

Chị họ của Lê phụ họa:

- Lê cũng không đi xem. Thật uổng. Ở sao vậy, cái Tứ ngẩn tò te buồn cười chửa.

Lê ngước nhìn. Trước mặt chỉ là cô Tứ, da bánh mật, tóc xõa đầy lưng, nhưng trông như vô hồn.

Từ đó, Tứ không cười tủm tỉm với Lê như trước. Cô cũng không bao giờ nhờ Lê trông hộ bếp.

Độ nửa tháng sau, Tứ quày quả đến nhà trọ khác. Các chị bạn thuyết phục không được, cũng chuyển chỗ cùng cô ta. Lê vẫn ở lại nhà trọ cũ. Những khi lên lớp học, Tứ thường cuốn tóc thành một búi to sau gáy.

4. HIỀN

Bà chủ nhà Lê ở nhờ có hai con. Hiền, cô gái đầu lòng, không biết bao nhiêu tuổi, nhưng chắc chắn ít tuổi hơn Lê.

Dậy thì, chân tay Hiền dài nghêu, trông như con sếu vườn, Hiền chưa biết làm dáng. Em trai Hiền, mới sinh.

Từ khi Tứ dọn đi, Lê sinh bệnh lười, hay buồn ngủ, thường đi ngủ sớm. Tinh mơ, cậu dậy học bài, vội vàng đến lớp. Dạo này, bà

chủ và cô gái nhận thổi cả phần Lê, ăn chung cả nhà. Mẹ Hiền chăn tằm nên có hôm về rất khuya. Phải tội thằng bé hay khóc nhè. Lê thường bế ru nó. Hễ Lê ru là nó nín. Bởi vậy cô gái cứ bảo Lê là chị ruột thằng bé. Cô nói vậy thôi, nhưng ít khi cười đùa. Lê có phần sợ cô ta.

Một đêm, đã khuya. Lê thức giấc vì thằng bé lại khóc, Lê gọi:

- Hiền ơi, dỗ em bé kìa.

Không tiếng đáp, Lê lại gọi:

- Hiền ơi! Hiền ơi! Hiền không nghe em bé khóc à? Không dỗ, mẹ về mắng đấy. Vẫn không đáp. Lê ngái ngủ ru vọng vào:

À ơi bé ngủ cho lâu
Mẹ còn đi cấy đồng sâu chưa về.

Không nín:

Ạ ơi, cha đời đứa đánh em tao
Để em tao khóc nghêu ngao cả ngày.

Thằng bé càng gào. Lê vặn to ngon đèn dầu, cầm đèn vào gian trong, vừa đi vừa ru ời ời. Một cặp mắt long lanh nhìn Lê. Hóa ra Hiền không ngủ. Thằng bé cũng thôi khóc.

- Ơ kìa, sao Hiền không dỗ em?

Hiền mủm mỉm:

- Để anh ru chứ, - Hiền vươn nắm vạt áo Lê. - Ngồi xuống đi anh.

- Đừng.

- Không, em không ngủ được, mà anh thì cứ...

Hiền thổi thẳng vào ngọn đèn. Đèn tắt.

- Anh chả ra làm sao cả. Cứ để thằng bé khóc mãi.

- Tại Hiền không dỗ.

- Tại anh thì có. Nó là em của anh cơ mà.

- Em của Hiền chứ.

- Không, dẫu mẹ Hiền đẻ ra Hiền, nhưng Hiền ở bên nhà dì từ lâu. Bây giờ mẹ đẻ thêm em bé, mẹ Hiền mới đón Hiền về.

- Anh cũng nghe nói thế.

- Chưa phải. Em về là vì anh. Hiền biết khối chuyện về anh.

Đột nhiên, Hiền đổi giọng nhại theo câu nói của Tứ làm Lê giật mình. Ngày ấy Hiền chưa về:

- *Vâng chỉ có hai đứa mình. Không thương mình ư?* Thôi kệ anh đấy. Em ngủ đây.

Hiền lăn ra mép giường, kéo tay Lê đặt lên ngực mình. Hiền như ngủ thật. Dưới tay Lê, qua lần vải áo lồng ngực gầy lép, nhịp tim loạn xạ. Lê rút tay, Hiền níu lại:

- Em buồn lắm. Trắc trở thế này mãi ư? Em biết anh quên mất em rồi. Anh bế em bé ra ngoài kia. Mặc em.

Bế em bé ra nhà ngoài, Lê vẫn còn nghe Hiền khóc thút thít. Sáng hôm sau, Lê dậy muộn. Bà chủ nhà nói:

- Cậu Lê dỗ bé khéo thật. Nó ngủ say đến nỗi mẹ về cũng không thèm dậy bú. Từ nay cậu phải đảm nhận trông em.

- Dạ, đó là việc của em Hiền.

- Nó muốn sang nhà dì đã mấy hôm rồi. Sáng nay nó khóc đòi đi cho bằng được. Có lẽ tháng nữa nó mới về.

Lê không gặp Hiền nữa, vì hết năm học, Lê về quê nghỉ hè.

Hết hè. Lê quay lại. Bà chủ sụt sùi kể:

- Một buổi chiều, nó ra sông tắm. Tắm xong, nó trèo lên cây sung và men theo một cành la đà mặt nước. Nó hát ru bài con cò mà cậu thường hát, rồi khóc, tuột tay xuống sông.

Lê khóc ròng mấy hôm. Mỗi ngày cậu thắp một cây hương lên bàn thờ Hiền. Không chịu nổi. Lê xin phép bà chủ chuyển đi trọ nơi khác. Bà bế thằng bé theo tiễn. Bé khóc hoài. Mấy lần Lê phải quay dỗ dành. Rồi nó cũng thôi khóc, đưa bàn tay nhỏ xíu vẫy vẫy và cười. Lê cắm cúi trên con đường vắng và chợt thấy mình đã trở thành người lớn.

5. KÌ: LẠ

Lê ốm lên ốm xuống. Cha mẹ Lê đã lo lắng Lê sẽ mệnh yểu. Lê cứ lay lứt, cơm cháo chẳng buồn ăn. Cậu học Hán văn và đọc Kinh Thi làm khuây. Cậu thích *Phiếu hữu mai:*

Kìa mai đã rụng rồi
Mười phần đâu còn bảy
Hỡi người cầu lấy ta
Mau chọn ngày cưới hỏi...

Nhiều lúc, cậu như mê sảng ngâm nga:

Quan quan thư cưu
Đại kì tân hề....

Hơi hơi lại sức Lê đi thả bò để hưởng gió đồng. Bà con lối xóm, nhất là bọn trạc lứa cậu, ai cũng mừng, Lê cơ chừng đã qua được. Lại thêm dạo này thấy cậu say mê vẽ vời, tỏ rõ còn sức sống. Người ta càng cho cậu là kẻ khác thường. Tuy bút lực của cậu chưa được bao lăm, nhưng ở nơi thôn ổ, như thế cũng đã là nức tiếng khen. Các cô gái vẫn thường chế nhau khi gán ghép cho cậu.

Một chiều gần tắt nắng, bầy thiếu nữ đi học hè về đuổi nhau chạy rậm rịch. Một cô lanh lảnh:

- Gì mà phởn thế chúng mày? Muốn lấy chồng chắc? Muốn thì bảo chị. Chị giành phần cho cậu Lê.

Cô cười dòn tan. Cả bọn cũng cười ré lên rồi đấm lưng nhau thùm thụp. Lê nghe nóng tai, nhưng giả tảng không biết.

Cả bọn nhìn Lê rồi ríu rít kéo nhau đi.

Cô gái vừa nói lời chọc ghẹo là Kì. Khánh Kì. Tên nghe oái oăm, nhưng cô ta đẹp nổi tiếng khắp vùng. Giọng hát trong như tiếng chuông của cô còn nổi tiếng hơn. Kể cả người khó tính, nghe cô hát cũng phải mềm lòng. Có lẽ vì ham hát quá, cô học không giỏi.

Lê rạo rực. Không nên. Kì chả đã từng thốt với người khác, cốt sang tai Lê, rằng cô coi Lê như thần tượng, nhưng tiếc nỗi... Hẳn rằng cô chỉ muốn ngắm nghía Lê để mà thổn thức, để mà vỗ về nỗi buồn thiếu nữ.

Lê biết mình phải giữ khoảng cách. Hơi đâu mà mơ mộng. Chùm nho ấy quá xa. Bao nhiêu chàng trai tốt mã và nhà giàu, mong mỏi được Kì để mắt. Bâng khuâng cũng phai dần. Cho đến một ngày kia. Như là định mệnh. Bọn con gái ấy lại đi học về qua. Vẫn chiều nhạt nắng. Vẫn cậu chàng Lê đi chăn bò.

Lần này, Lê không tránh mặt được. Con bò đã sà xuống vạt lúa bên đường. Lê đuổi bò, vừa lúc bọn họ tới. Lê không nhìn ai. Họ chí chóe chào trống không rồi tranh nhau chạy trước. Lê ngoái lại trước mặt đã là cô Kì. Hai người ngượng ngập đứng sững. Bốn mắt gặp nhau trong một ánh chớp rồi thôi.

Lê dắt bò thong dong trở về. Chợt Kì quay lại. Cô ta hổn hển bảo Lê:

- Anh cho em đi nhờ với.

- Đường thiên hạ, cô cứ đi. Trông cô có vẻ vội.

- Em bỏ quên bút ở lớp. Ôi, chạy mệt quá - gò má cô đỏ chín. -

Giá như anh để em trông bò cho, còn anh đến lớp lấy giúp bút cho em thì hay nhỉ.

- Biết cô để chỗ nào.

- Mà thôi. Chắc gì đã còn. Có thể bạn nào đã cầm giúp cũng nên. Này, anh khỏi ốm rồi à?

- Cám ơn lời hỏi thăm. Tôi đã đỡ.

- Trông anh còn xanh lắm. Anh còn uống thuốc không?

- Bụng tôi chứa nhiều cái của nợ đó rồi. Chúng nằm trong đó và thi nhau réo lên: tiền ơi, xót lắm.

- Anh nói vậy là không được đâu nhé. Coi của trọng hơn người.

- Bởi chưng giá trị con người tôi là ở sức nặng của tiền thuốc.

- Vâng, nhà anh cũng tốn kém cho anh cái trận này thật đấy. Em còn chút tiền đây, anh cầm tạm mà bồi dưỡng.

- Thật đội ơn nhé. Nhưng tôi không dám nhận.

- Chẳng phải đội ơn đâu.

- Xấu hổ quá khi phải nghe người ta nói lời thương hại.

- Đừng nói vậy, anh. Nào em có dám thương hại. Chút ít gọi là tỏ lòng quí mến.

- Chỉ một lời của Kì cũng đã tỏ tấm lòng đó rồi.

- Nghe nói anh theo nho học mà không hiểu gì cả. Em là Kì. Kì nghĩa là lạ. Em là người lạ, cho nên tặng anh tiền, mà không ngượng. Cũng chẳng làm anh phải phân vân. Của ít lòng nhiều. Thôi, em về. Mong anh mau lành.

Cô ném vội mấy đồng tiền vào nón Lê. Tỏ rằng cô không thể nào nhận lại, dẫu bị từ chối.

Chẳng hiểu vì sao, chuyện ấy bị người ta biết. Lắm lúc, Lê nghe lời bóng gió của lũ bạn gái của Kì: *Chút ít gọi là để tỏ lòng qui mến.*

Về sau, vừa chợt trông thấy Lê, trong chớp mắt, Kì đã biến thành giải khói mỏng tang vương vít bay lên.

6. KÌ: LÀNH

Trận lụt ghê người. Nhà Kì bị ngập. Gia đình Kì đến xin trú tạm nhà Lê. Thế là hai người bắt buộc phải giáp mặt nhau. Chả là, chẳng hiểu vì sao có lời đơm đặt, rằng Lê đã dại miệng nói với ai đó: *kẻ tiểu nhân dùng tiền bạc đưa nhau, người quân tử lấy lời nói tiễn nhau.*

Lần chạm trán cuối cùng, Kì thánh thót:

- Anh chối thế nào chứ. Chỉ có kẻ nho nhe vài chữ vừa học mót trong sách cổ như anh mới hay làm bộ và thở ra cái giọng ấy. Không có lửa làm sao có khói. Anh chả nói thì ai nói vào đấy nữa. Thiên hạ người ta không rỗi hơi mà đặt điều nhé.

Lê chẳng kịp thanh minh. Cô ta lại vặn:

- Làm thế nào anh chứng minh được với người ta rằng anh không nói? Nào, nào...

Bắt tội nhau đến nước ấy thì Lê đành chịu.

Sau một thời né tránh, giờ đây cả hai đều gượng gạo, nhất là họ e dè hai bên cha mẹ.

Hôm ấy vẫn mưa to.

Chẳng biết làm gì, Kì ngồi chải tóc để giấu nỗi lúng túng. Nàng cứ chải mãi. Hầu như trên đời chẳng có gì đáng yêu bằng mái tóc. Hầu như mọi việc trên đời chả có thú vị bằng việc chải tóc. Phớt lạnh, Lê quay vào vách, chăm chú xem sách.

Lê bất giác đọc to:

Chàng Tưởng Trọng ơi
Chớ làm gẫy cây hoa nhà em
Hoa gẫy em nào có tiếc

Kì thôi chải tóc tự lúc nào. Vô tình họ chạm mắt nhau. Trốn ngượng, Kì nói:

- Chà, hay quá nhỉ.
- Cô bảo cái gì hay?
- Thơ hay chứ chả nhẽ người hay.
- Không phải người đọc hay à?
- Chán cho kẻ vênh quá lắm. Nhưng cứ tạm cho là được.

Cô lè nhè kéo dài cái giọng khệnh khạng của thầy Lí khi nói với mẹ Đốp trong vở chèo *Quan âm Thị Kính*. Lòng tự ái được vuốt ve, cậu Lê nhà ta cố nén cười, với điệu bộ tướng tuổng, cậu phán:

- Khá khen cho khanh biết ra điều đó, tuy khí muộn!
- Chúng mình làm lành nhé.
- Rách đâu mà chả lành.
- Thế mà cũng đòi. Em giảng cho nghe. Vểnh tai lên. Chữ Nho, Kì có nghĩa là lành, không ác.
- Đã hẳn. Hiền ơi là hiền, hiền cắn tiền không vỡ cũng tan.

- Anh lại thả giọng nanh nọc rồi.
- Cám ơn cả cái vạ cà nhà cô.
- Không khéo chúng mình cãi nhau mất. Tốt hơn hết, ta hãy ra bè du ngoạn một chút.
- Trời đang mưa.
- Anh chẳng đáng mặt nam nhi. Cảnh lụt ghê rợn mà hùng tráng, phải ngắm nó trong khi mưa gió ào ạt mới được.

Hai người chống chiếc bè chuối len lỏi qua các lùm cây trong vườn. Cảnh thật thê lương. Những chùm quả bưởi ngâm trong nước đục. Mấy lùm chuối bị nước xô nghiêng, lá rách tướp. Rác rưởi lều bều ngổn ngang. Trên cành cây, nào là kiến, nào là ếch nhái và cơ man chuột. Những con rắn nhầy nhẫy quấn quanh cành cây, lạnh lùng thè lè cái lưỡi chẻ đôi... Kì buột miệng:

- Đáng thương cho kiếp phù sinh. Trận lụt này càng thêm nhiều cô hồn vất vưởng.

Bè qua luỹ tre. Ngoài kia nước xiết. Một cây gỗ trốc gốc theo dòng nước phăng phăng lao tới. Lê kêu thất thanh:

- Kì túm lấy ngọn tre.

Vừa dứt lời, những cành nghều ngào của cây gỗ đã khua vào bè gạt Lê ngã lộn xuống nước. Kì vội buông tay khỏi ngọn tre, nhào theo cứu nạn. Nước đã cuốn bè chuối trôi xa. Họ nhanh tay bám được rễ cây gỗ. Cả hai lập cập dìu nhau bò lên thân cây. Bỗng Kì hét to:

- Anh ơi, nhảy xuống.
- Sao thế?
- Thần rừng.
- Thần rừng nào? Nhảy xuống là chết.

Kì tái mặt chỉ tay. Có dấu chữ thập khắc trên vỏ cây. Một đạo bùa vẽ những hình loằng ngoằng quái dị. Đạo bùa được găm ngay dưới dấu chữ thập bởi một cây gươm tay co, vỏ cong, nhỏ xíu, sơn thếp rực rỡ. Lạ thay, đạo bùa bằng giấy, trải mưa gió, vẫn khô nguyên. Từ những hình vẽ, ánh lửa xanh lè.

- Đằng nào em cũng phải chết. - Kì tuyệt vọng nói.

Lê loạng choạng men đến gần đạo bùa, chắp tay khấn:

- Nếu phải chết thì hãy bắt một mình tôi.

Nói đoạn, Lê vo viên đạo bùa cho vào miệng. Không kịp ngăn,

trước khi ngất xỉu, Kì chỉ kịp kêu:

- Trời ơi, tai họa!

Lê tung cây gươm lên trời. Vang một tiếng sét. Muôn đạo hào quang tỏa ra chói mắt. Lập tức mưa tạnh gió ngừng. Như có phép thần, rễ cây cổ thụ mắc vào chùm quả bưởi rồi lắc lư không trôi nữa.

Lê bóc quả bưởi, chấm múi bưởi hồng hồng lên môi Kì. Kì bừng mắt, hổn hển:

- Tạ ơn trời đất. Có ngày em trả ơn anh.

Dẫu quần áo ướt sũng, hai người vẫn thấy nóng bừng như ngồi cạnh lửa.

7. THẦY PHÙ THUỶ

Lê ngã bệnh trở lại. Rước một phù thủy nức tiếng cao tay về nhà, cha mẹ Lê nhờ thầy xem cho một quẻ gia sự. Lưỡng lự một lúc, thầy xua tay rồi vươn cái cổ dài ngoẵng như cổ ngỗng, nói thác:

- Gia sự bình an. Tiểu chủ chẳng qua bị lạnh. Chỉ cần cho uống mấy thang gừng, bất quá ba bữa là khỏi.

Cha Lê chắp tay:

- Được như thế thì âm đức nhà tôi to lắm. Xin thầy nhón tay làm phúc, bốc ngay cho cháu mấy chén ngọt.

- Không làm bây giờ được. Phải tu soạn dăm hôm.

- Thưa thầy, vườn nhà tôi đây còn mấy khóm gừng tốt lắm.

- Tín chủ không hiểu gì cả. - Thầy chớp chớp mắt ra hiệu với cha Lê, ngầm ý bảo đừng nói nữa, rồi tiếp: - Đó là huyền cơ.

Thầy chuỗi áo đứng dậy cáo biệt.

Một cô gái xăm xăm đi vào đứng chắn trước mặt thầy phù thủy. Cô lượm tay, cung kính vái chào:

- Thưa thầy phù thủy, thầy từ phương đông lại chăng?

Thất sắc, thầy đáp:

- Sao cô nói tôi là phù thủy? Sao cô biết tôi từ phương Đông lại.

- Đó là huyền cơ.

Càng chột dạ, nhưng thầy làm bộ nghễnh ngãng hỏi lại:

- Cô bảo cái gì *thuyền mơ* hay *huyền tơ*?

Cô gật gù:

- À vậy ra thầy điếc. - Cô lại lắc đầu. - Chưa phải. Cũng không sao.

Hơi rợn, thầy quay nhìn cha Lê:

- Nương tử đây là ai vậy?

- Thưa thầy, cô đây là người bản hương, bạn của thằng bé nhà tôi.

Cô gái cướp lời, giọng vẫn rất từ tốn:

- E thầy tò mò quá chăng?

Thầy nghiêm giọng:

- Tiểu chủ là người hiền lành. Sao cô nương nỡ ác vậy?

Ngơ ngác như không hiểu, cô đáp nhỏ nhẹ:

- Ý thầy muốn nói rằng...

- Thấy trên mặt tiểu chủ có yêu khí, ta đã ngờ. - Thầy vươn cái cổ dài ngoẵng, phì phì quát. - Truyền đời cho mà biết, hãy buông tha tiểu chủ, kẻo hối không kịp.

Mặt tươi như hoa, cô gái cười ngặt nghẽo, phô hàm răng ngọc:

- Thầy nói thế nào chứ. Cháu đây không hiểu. Người hiền lành thương người hiền lành thì sao gọi là buông tha.

Thầy nổi giận lôi đình:

- Chớ có rậm lời. Ta không hoài hơi tranh biện với mi. Biết ta là phù thuỷ cao tay, mi hãy coi chừng.

Cô gái ôm bụng cười ngất:

- Có phải thầy nói tránh là cho cậu nhà đây uống mấy thang gừng, kì tình là để làm bùa, rắp tâm lừa gạt, hòng hại người lương thiện?

Cha Lê không hiểu đầu đuôi ra sao, bèn dè dặt:

- Thưa, cháu đây là...

- Là nghiệt nữ. Phải trừ khử nó.

Cô gái thở dài:

- Có lẽ nào. Chàng ơi...

Thầy phù thủy hí hửng:

- Mi cũng biết sợ rồi à?

Mày tằm dựng ngược, bừng bừng sắc giận, cô nói thong thả:

- Đừng nhầm. Đây chỉ buồn là đã làm cho chàng đau lòng và đôi bên phụ mẫu lo sợ, nhưng hoàn cảnh này còn biết làm sao.

Lê khật khừ men lối đi ra, cô gái reo lên toan chạy đến bên cậu.

Thầy thị oai:

- Khoan. Không được vô lễ!

- Cám ơn thầy có lòng, - Lê yếu ớt thưa. - Nhưng đây là cô Khánh Kì, bạn rất thân. Nào có phải ma quỷ gì.

- Số là cháu không biết. Nó chính là ma quỷ.

Lê xua tay:

- Nếu yêu thương nhau thì dẫu ma quỷ cũng không hề gì.

- Ta làm việc này là việc thiện vì cháu.

Lê nhắm mắt, chắp tay nói:

- Việc ác.

- Cháu đang mê muội. Đừng cản trở. Còn con yêu nữ kia, mi có giỏi, hãy hú một tiếng thật dài.

Kì cười ngạo nghễ:

- Xì. Trò trẻ con. Đây nào có sợ gì bình hồ lô.

Cả kinh, nhưng đã trót, thầy nói cứng:

- Không sợ thì thử xem.

Không cần lấy hơi, cô hú dài một tiếng mảnh và rền, ngân nga như tiếng khánh. Thầy phù thủy đắc ý lén hướng miệng bình phép đã mở sẵn về phía cô gái. Một luồng khói đen trong bình trườn ra bao bọc lấy cô, hớp hồn. Cô nấc lên như bị đau. Bóng dáng cô mờ dần. Thầy phù thủy nhanh tay nút chặt miệng bình, nhẹ trút hơi thở dài. Thong thả rút đạo bùa, thầy dấp nước bọt, toan dán lên miệng bình. Đó là bùa linh có dấu ấn thiêng. Thầy yểm bùa này, ma quỷ không hòng thoát. Sau đó, thầy chỉ việc lắc lắc cái bình đủ 12 lần, nghiệt nữ sẽ tan thành nước. Bỗng nhiên tay thầy bỏng giẫy. Có tiếng lách tách nứt rạn rồi choang một tiếng. Cái bình toác dọc làm hai mảnh đều nhau. Vết toác thẳng băng như dao cắt. Trong đám khói lờ mờ, cô gái khoanh tay đứng thản nhiên.

Thầy phù thủy run như dẽ, mặt cắt không còn hột máu.

Cô gái nói thương hại:

- Không nên tiếc. Đây là cái bình xoàng. Còn những bảo bối thần thông...

- Nhưng cô nương hãy nên hồi tâm. Cao nhân tất hữu cao nhân trị. Hãy nhớ lấy điều đó làm lòng.

- Cao nhân tất hữu cao nhân trị, - Kì cười. - Thầy dạy chí phải. - Lần sau quyết không tha nữa.

Kì trầm ngâm:

- Lần sau quyết không tha nữa.

Thầy nhặt hai mảnh bình vỡ, đút vào túi:

- Tạm mở đường hiếu sinh. Ta đi đây.

Cô gái ngảnh mặt về phương bắc, nói rất khẽ:

- Thầy khoan hãy đi.

- Không tạ ơn tha mạng, còn muốn gì nữa.

- Thầy bình tâm nán chút xíu. Sẽ có kẻ nhiễu sự từ phương tây lại. Biết hôm nay là ngày hung. Chính cháu đến đây là vì kẻ đó. Dẫu sao cũng là điều hay. Được kiến diện cả hai ngài.

Một chuỗi cười lạnh tanh. Tiếng cười dứt cũng đột ngột như thế rồi có tiếng nói:

- Kẻ đó đã đến. Chính là mỗ đây.

Mọi người nhìn khắp xung quanh. Tịnh không thấy ai. Tiếng nói của kẻ vô hình. Chợt nghe tiếng thở hổng hộc, xú khí nặng nề theo gió đưa tới. Cô gái bịt mũi, hắt hơi liền mấy cái. Cô đang lấy tay áo thấm mắt thì kẻ đó đã hiện hình, đứng thế tấn vững như núi, lù lù chắn trước mặt. Đó là một tráng niên béo tốt, hình dung đẹp đẽ, trừ đôi lông mày chổi xể dữ dằn.

Cô gái buông xuôi hai tay, đan xoắn các ngón vào nhau, nói rất khiêm nhường:

- Trông thầy, ai nói là kẻ đa sự.

- Ta thân chinh đến đây vì hiếu kì và cũng vì hiếu thắng.

- Ra thế. Thầy cũng thật thà nhỉ. Thầy muốn thế nào. Có lẽ với thầy, đây cũng là việc giải buồn cho đời đỡ tẻ nhạt chăng? - Kì nói.

- Con ranh miệng còn hơi sữa, - chuyển thế tấn rất nhanh, giọng thầy rập rờn, nghe sởn gai ốc. - Mi cũng có sắc thấm đấy.

Thầy xòe ngửa bàn tay béo nhẫy, nói tiếp:

- Ta thách mi dám nhảy lên đứng trong lòng bàn tay ta.

- Bàn tay thầy sẽ chụm lại thành Ngũ Hành Sơn, kẹp ta giữa trùng trùng lớp đá đó sao? Thì đây!

Cô khinh bỉ tia một bãi nước bọt vào vòng bàn tay ông ta.

Chợt thấy tay mình trĩu nặng và to dần như cái mẹt rồi dính xuống đất, tựa hồ bị đóng đinh găm chặt ở đó. Thầy hét lên đau đớn:

- Mi hãy giết ta cho mau.

- Sao lại phải giết thầy?

- Quân tử không chịu nhục. Bại trận, chỉ còn một chết, để bảo toàn danh tiết.

- Thầy chết được ích gì đâu. Như thế này, thầy càng danh tiết.

- Quái quỷ. Hóa ra mi ác độc định đày ải ta ê chề đau đớn vậy ư? Hận không nhai được xương mi cho hả. Ta đành cam phận. Nếu mi giỏi, làm được chàng trai kia khỏe lại thì ta mới phục.

- Bệnh của chàng trai nghiệp căn tiền kiếp. Đáng ra ta chưa nên động thủ, nhưng ngươi đã thách thức thì ta cũng liều. Biết rằng vì tự ái mà quá lạm pháp lực, ắt chẳng hay ho gì.

Nói đoạn, cô gái chìa tay phải, chĩa ngón trỏ hướng vào bụng Lê, làm bộ vuốt ngược lên cổ. Lập tức, Lê lảo đảo, thổ ra hàng đấu nước đục ngầu như bùn. Sắc diện đã tươi, nhưng vẻ nhìn của cậu hãy còn lơ ngơ. Nàng lại chỉ tay trái vào rốn Lê, như xoắn lôi ra một vật gì. Rốn Lê lồi ta. Nàng phất tay áo một cái, cây gươm đã bay ra đậu trên ngón tay nàng. Mồ hôi vã ra như tắm, Lê run bắn, các khớp xương kêu răng rắc tưởng chừng bị bẻ gãy. Cậu trở lại như thường.

Nàng lăm lăm cây gươm, lim dim mắt, nói:

- Thôi thì cũng giải thoát cho thầy.

- Xin nương tử gia ân cứu mạng, - ông ta van vỉ.

- Để thầy còn lãnh việc cứu người?

- Nương tử nhất quyết giết ta ư?

- Không. - Nàng nói một hơi lên cây gươm. Cây gươm rung bần bật phát ra tiếng rít rồi bay vù cắm phập vào bàn tay ông ta. Từ vết đâm, một dòng máu đen ngòm chảy lênh láng. Cây gươm thu nhỏ dần như chiếc kim khâu, hoá thành sợi khói. Một lúc lâu sợi khói mới tan.

Lật đi lật lại bàn tay, thấy bình thường, chỗ gươm xuyên chẳng chút dấu vết, kẻ kia nói:

- Tha cho ta lần này, ta cũng mang ơn, nhưng kì phùng địch thủ, hẳn còn gặp gỡ.

- Mong có dịp hội ngộ cùng thầy, - Kì cười nhạt. - Chúc thầy nhẹ mình.

- Thôi, ai đi đường nấy. - Cha Lê nói góp. - Can hệ gì đâu.

Cô gái chắp tay lên trán bái tạ, rồi quay mình lướt nhanh như gió. Thoáng chốc không thấy đâu nữa.

8. TIỀN DUYÊN

Mùa hè, Lê ra sông bơi lội thỏa thích. Hoàng hôn ấy, Lê đang tắm, chợt một quả sung chín đỏ như mặt trời sắp lặn, lập lờ trôi đến bên. Lê cầm ngắm nghía một lúc rồi vứt ra xa... lát sau sóng lăn tăn đưa quả sung lại vờn cạnh cậu. Bực mình, Lê hất nó về phía cuối dòng. Bỗng một ngọn gió âm lạnh toát thổi ù ù. Quả sung chỉ chạm hờ mặt nước, lướt ngược dòng nhanh như ném thia lia và đậu lên vành tai Lê. Lê lại ném lên bãi cát. Nó lăn xuống và dừng ở mép nước. Sau vài đợt sóng nhẹ liếm vào bờ, quả sung đã lại quẩn quanh bên Lê. Hương hoa hồng thơm ngát.

Lên bờ, Lê mặc quần áo, cầm quả sung về nhà.

Đêm ấy trăng cao gió mát. Lê ngồi thưởng trăng, thiu thiu. Chợt Kỳ lừng lững đi vào. Trông Kỳ cứng đờ như que củi:

- Anh giả áo em đây. - Giọng Kì trầm đục như giọng đàn ông.

- Em có để áo nào lại đâu.

- Nhất định là có.

Hớt hải lục tìm khắp nơi, không thấy, nàng thở dài:

- Thế thì hại em rồi.

- Sao vậy?

- Chả là hai vía của em đi lạc không về. Bây giờ em chỉ còn ba hồn bảy vía, nên mới như đàn ông thế này. Biết làm sao. Anh có thấy sự gì lạ không?

- Không. Chỉ riêng chiều nay ra sông tắm, có quả sung đỏ cứ luẩn quẩn bên anh...

Kì reo:

- May quá. Đâu rồi hả anh?

- Anh để trên chồng sách trong nhà.

- Hú vía!

Vào nhà, châm nến, hai người tìm mãi. Chẳng thấy quả sung nữa. Kì càng nhợt nhạt. Bỗng Kì trượt ngã. Lê vực dậy. Dưới đế giầy của Kì chỉ còn dính cái vỏ be bét của quả sung. Kì nức nở:

- Hỏng mất rồi. Đến nước này em phải nói thật, chúng mình vốn có tiền duyên. Hai vía của em vì lưu luyến, dại dột đội lốt quả sung, đến nỗi lâm nạn. Đau thương này khôn xiết. Âu cũng vì nghiệp chướng của em chưa hết!

Nghe nói, Lê ngậm ngùi ứa nước mắt.

Ngẫm nghĩ một lúc. Kì cất giọng buồn buồn:

- Anh hãy nhẹ tay, bóc thật khéo xác quả sung dưới đế giầy. Phải nhắm mắt mà bóc. Xong, anh đem ép vào quyển *Hoàng Thạch ân truyền*, ở tờ thứ 27, dòng thứ ba, chữ thứ 7 tính từ trên xuống.

Đợi đến Nguyên tiêu sang năm, đêm ấy sẽ có nguyệt thực, anh súc miệng bằng nước múc giữa sông. Nhớ là phải súc miệng đủ ba lần. Đoạn, thắp 9 nén hương, quay mặt về hướng chính nam, hớp một hơi thật dài mím chặt miệng, ngửng mặt lên đỉnh trời cho đến khi hương cháy được ba tấc. Sẽ ứng nghiệm.

Lê nôn nóng.

- Ứng nghiệm như thế nào?

-Không thể tiết lộ được. Hãy nhớ kỹ lời này, việc đó phải làm khi sang canh ba. Kíp rồi. Em phải đi đây.

Kì hơ hải ra về, người nhỏ thó cứng ngắc, vậy mà tiếng bước chân nghe nặng chình chịch.

Tinh sương, Lê hay tin Kì đã vô bệnh mà mất...

Đặng Thư Cưu

CON HỔ MUN

Ông Trì Gầm ngồi im lặng như một gốc cổ thụ, đăm đăm nhìn mặt trời đỏ sậm màu máu, hạ chầm chậm xuống mặt đầm lầy mù mù chướng khí. Những tia nắng cuối cùng sáng rực, lấp lánh như mũi giáo nung già lửa trong lô, đâm xuyên qua làn sương trắng. Cánh rừng bao bọc chung quanh dần bắt đầu ngả màu đen sẫm. Gió đứng. Bầy muỗi bay lào xào, thỉnh thoảng va nhẹ vô khuôn mặt sạm màu sắt, lạnh câm như đeo trên tảng đá. Tiếng loài thú nhè nhẹ sột soạt trong làn bụi phía rừng chồi. Tiếng cá sấu thở cạnh bờ sông nghe như tiếng rên trầm trầm. Muỗi táp vô mặt ông mỗi lúc mỗi nhiều, bám đầy lên cái đầu cạo nhẵn. Ông hậm hực:

- Hổng ngồi yên được với cái đám muỗi rừng ôn dịch này.

Ông đứng dậy chậm rãi. Dáng cao lớn, gù gù như một con gấu lực lưỡng. Bắp thịt ngực phồng to, chắc nịnh, loáng thoáng những vết sẹo dài, nổi vồng lên có màu tai tái. Ông Trì Gầm nhóm lửa bằng những nhánh bằng lăng khô. Ngọn lửa vàng cam hắt ánh sáng lên mặt ông, rung rinh, chờn chợn những nét vẽ kỳ quái. Chỉ có đôi mắt nhỏ và sâu, lạnh và bén, xọc thẳng vào màn đêm vừa nhớn như mắt thú rằng. Đó là thứ vũ khí phòng vệ chắc chắn, đáng tin tưởng của những con người đặt chân lên vùng đất hoang vu ở phương Nam này.

- Sao ông chặt cây lâu dữ vậy cà?

Nguyễn Anh Thư

NGƯỜI CÙNG PHỐ

Câu chuyện thật khó tin, nhưng cũng cứ ngờ ngợ. Anh ta ở cùng phố tôi, phố Lê Thánh Tông này, tôi biết rõ số nhà. Nhà anh ta có giàn hoa đăng tiêu tuyệt đẹp. Mỗi khi gió nhẹ, cả mấy chục chiếc đèn lồng cùng nhảy múa rung rinh. Cứ như một màn vũ kịch của kinh kịch Trung Quốc. Thật rực rỡ. Đôi ba lần bọn con gái chúng tôi lấy hết can đảm mò đến trước cổng, ghé mắt dòm vào. Nhưng chỉ cần một thằng con trai hù nhẹ "Ma này!" là lập tức cả bọn cùng ù té chạy. Rồi cười ré lên hỉ hả.

Bây giờ, hơn hai mươi năm đã trôi qua, trông anh ta vẫn như hồi chúng tôi còn chơi trốn tìm. Vẫn một bộ mặt không có tuổi bất động, dài ngoãng, xanh xám bơ phờ với đôi mắt vô hồn, trống vắng. Không hiểu sao anh ta vẫn chưa điên hẳn để có thể bị đưa vào bệnh viện tâm thần.

...Hồi những năm 63, 64 Đạo mới khoảng hai mươi tuổi. Anh đã xung phong lên miền ngược dạy học với tấm huy hiệu ánh sáng văn hóa mới trên ngực. Đạo yêu cô Long cũng là người Kinh làm nhân viên phục vụ trong trường. Cô gái có thai. Câu chuyện tình yêu của họ đã bị đem ra mổ xẻ, phanh phui, kiểm điểm trong tất cả các cuộc họp, từ họp nhóm, họp tổ chuyên môn, đến họp Đoàn, họp Ban Giám hiệu: Bắt đầu từ bao giờ? Ai khơi mào trước? Đã ăn nằm với nhau bao nhiêu lần? Ở những chỗ nào? Phải thành khẩn! Đã thấy khuyết

điểm chưa?... Đạo đã thành khẩn lắm, đã trung thực lắm, đã ân hận lắm. Đến nỗi giờ đây anh đáng hổ thẹn. Và đúng là Long đã lẳng lơ, đã liếc tình anh trước. Và đúng rồi, Long đã hẹn đợi anh ở bờ suối chỗ bụi cây khum khum như một cái hang nhỏ, bên cạnh có một nhành cây sà xuống suối. Đó là lần đầu tiên. Ừ mà Long thật đa tình, ai cũng bảo thế! Người ta còn bảo có khi Đạo chỉ là người đổ vỏ. Đạo còn trẻ, kém Long những hai tuổi, làm sao có kinh nghiệm mà biết được....Chao ôi, biết nói thế nào cho hết nỗi niềm... Đạo khóc thút thít như con bé bị đòn oan.

Long chẳng nói gì. Mà còn có gì để mà nói cơ chứ. Cô có tội quá đi rồi còn gì nữa. Khuyết điểm nó nổi lên lù lù ở bụng thế kia rồi còn gì nữa. Hai ngày sau cuộc họp của Ban giám hiệu, Long chấm dứt nỗi nhục nhã của mình trên một cành cây sà bên bờ suối, nơi có bụi cây khum khum như một hang nhỏ. Long để lại một bức thư tuyệt mệnh nguyền rủa kẻ phản bội đã gây ra tai họa cho cô và thề sẽ là hồn ma trả thù anh ta trọn đời.

Sau vụ bê bối thảm khốc, gia đình Đạo đã chạy vạy không tiếc sức, tiền cho anh ta rời khỏi nơi ma thiêng, nước độc. Đạo về sống ở Thủ đô, đàng hoàng là một chân văn thư ở một cơ quan nhỏ.

Cũng đôi lúc, lời lẽ đe dọa của kẻ thiệt mạng lẩn khuất trong đầu, song Đạo luôn biết cổ động mình, gạt đi những ý nghĩ anh cho là duy tâm, vớ vẩn. Anh trở thành người duy vật hơn bao giờ hết và hơn bất kỳ ai. Nỗi ân hận day dứt rồi cũng trôi qua cùng năm tháng. Bức thư với những lời nguyền rủa cũng đã mờ mịt trong dĩ vãng. Đạo lại trở nên vui vẻ, trẻ trung như xưa, lại đàn hát và thậm chí lại còn nghĩ đến tình yêu.

Cô vợ sắp cưới của Đạo cũng có một mái tóc dài, óng ả như của Long. Mái tóc làm Đạo say mê mỗi khi cô sổ tung ra và gió đùa bỡn làm những lọn tóc nhỏ lượn sóng cuống quýt bay trên vai, vờn qua vờn lại đôi vành tai bé nhỏ, xinh xắn trắng hồng của cô gái. Nhưng mỗi khi cô buộc lại, cái đuôi tóc ngoe nguẩy có một vẻ gì rất quen thuộc, cứ gợi lên trong anh một cảm giác bồn chồn, bất yên trong dạ. Đạo quyết định khuyên Hưng, cô vợ sắp cưới xoã tóc xuống mỗi khi đi chơi với mình "Anh thích em để tóc xõa, trông tóc em đẹp lắm". Nhưng một hôm, chỉ đến lúc đang ngồi bên nhau ở ghế đá vườn hoa Tao Đàn, cô mới sực nhớ tóc mình vẫn đang còn

buộc. Đạo đang nhìn chằm chằm vào đuôi tóc cô. Rồi nhìn vào mặt cô một cách ngây dại. Ánh mắt anh ta lạc dần đi. Đạo đứng lên loạng choạng. Anh nhắm mắt lại rú lên khiếp đảm rồi ù té chạy về nhà.

- Long! Trời ơi, con Long!

Gia đình Đạo sửng sốt thấy anh ta lao vào nhà, đóng sầm cửa lại rồi hì hục, hổn hển chèn chặn ở trong.

- Em đây mà! Vợ sắp cưới của anh đây mà!.. - Hưng hớt hả chạy đằng sau, tóc tai rũ rượi.

- Nó đấy! - Trời ơi nó đấy! - Đạo gào lên. - Nó sẽ giết tôi! Đừng cho nó vào! Cứu! Cứu tôi...

- Em đây mà! Em đây mà! - Cô gái đạp cửa ầm ầm - Anh không nhận ra em à?

Chuyện cưới xin chẳng đi tới đâu hết. Đạo nhất định không chịu gặp lại Hưng.

- Cô ta chính là con Long hiện hình - Đạo giãi bày - Hôm ấy tôi mới nhận ra nó. Nó ngồi bên cạnh tôi. Cái đuôi tóc hồi trước bây giờ là một con rắn đang ngoe nguẩy. Con Long lại còn lè lưỡi, mắt trợn trừng sáng quắc. "Em mới là vợ thật của anh. Em đã chờ anh bao nhiêu lâu nay". Nó nói thế. Tôi nhận ra ngay nó. Nó là Long. Tôi sợ quá bỏ chạy, nó rượt theo nhanh như gió. Tôi đã vào phòng chặn cửa lại rồi mà nó vẫn đứng ngoài khóc lóc, đập cửa ầm ầm:" Em đây mà, em là vợ của anh đây mà! Anh không nhận ra em à?..." Mọi người chất vấn cô gái. Cô nói chẳng hiểu gì cả.

- Em biết anh ấy thích em xõa tóc cơ mà em lại chưa kịp xõa. Nên khi thấy anh ấy nhìn vào tóc em, em liền rụt cổ, thè lưỡi trêu anh ấy. Có vậy mà anh ấy như lên cơn động kinh, đứng phắt lên mắt thì trợn ngược, miệng thì kêu la ầm ĩ, rồi chạy như điên về nhà.

Quả thật, cô gái có cái tật rất trẻ con, hơi một tí là lại thè lưỡi" Eo ôi, khiếp!".

- Không phải đâu! - Đạo cương quyết - Nó định lừa mọi người đấy!

Hai năm sau, khi Hưng đã chán nản bỏ đi lấy chồng từ lâu và chuyện cũ đã nguôi ngoai. Đạo lại nghe lời gia đình đi tìm hiểu một đám khác. Lần này anh ta cẩn thận hơn, yêu một cô gái tóc phi dê ngắn. Nhưng cảnh cũ diễn ra đúng như thế. Chỉ có điều cô gái không xõa tóc rũ rượi. Khi anh ta định ôm hôn cô gái thì bỗng nhiên...

- Nó, chính lại là con Long ma quái ấy! - Anh ta kể - Nó nhe hai hàm răng trắng nhởn ra "Em đây mà! Em là vợ thật của anh đây mà! Anh không nhận em à?".

Và từ đấy vĩnh viễn anh ta không bao giờ còn mơ thấy chuyện yêu đương nữa. Đối với anh ta tất cả phụ nữ trên đời này trừ mẹ anh ta ra đều trở thành ma hết.

Đấy, anh ta đang đi tới kia kìa. Vẫn cái bản mặt ấy, không hồn, bất động, dài ngoẵng...

Nguyễn Hữu Hồng Minh

ĐỎ

Một cuộc đời lướt phớt, âm u và câm nín
(Montaigne)

I

Bây giờ khi đã mười chín tuổi, biết yêu, biết căm thù, biết thương nhớ, tôi còn biết sợ hãi vu vơ. Tôi thích lang thang một mình vào những buổi chiều xanh xao thả bộ dọc con phố vắng. Chẳng nghĩ gì cũng chạnh buồn. Lúc nào tâm hồn cũng đồng vọng tiếng lục lạc xa xôi của kỉ niệm ngày xưa. Bao giờ tôi cũng dừng lại rất lâu trước ám tượng Đỏ - hình thể đẫm nát của những con rắn mối. Nó vẩn vơ bay lượn như điềm không lành. Mặc dù năm tháng đi qua vẫn ở lại lòng tôi nỗi đau trong suốt, trinh nguyên.

II

Hời hơn tôi hai tuổi. Nó là thằng bé cộc còi suy dinh dưỡng. Giọng nói léo nhéo như con gái, vóc người ẻo lả. Hai mắt Hời lé, nhìn ai thì người đó an tâm là không phải nhìn mình mà đối tượng khác, bên cạnh mình chẳng hạn. Sau này tôi nhận ra rằng nó dự báo những điều chẳng bình thường. Bàn tay nó đường sinh mệnh ngắn và đứt khúc. Tuổi nhỏ Hời ốm yếu, oèo oặt, thuốc men lắm lão Hoặc mới giữ được nó. Ngày bé Hời hay khóc nửa đêm, khóc ngặt nghẽo từ hai giờ sáng. Đúng vào thời khắc lão Hoặc chọn lợn trong lò mổ.

Chẳng hiểu nó bị thức giấc vì tiếng kêu oai oái giận dữ của bầy lợn trước khi bị lão cướp đi sự sống hay còn một điểm gì khác?

Tôi học đàn và Hời rất thích nghe tôi chơi đàn. Thời bé tôi chả có ngón nghề gì nhưng thường đánh bản *Come back to Sorrento*(*). Những âm điệu buông bã man mác. Hình như đó là một vũ khúc của một tác giả người Ý đã hành trình một chuyến đi xa rồi trở về quê hương, nơi chôn rau cắt rốn của mình. Niềm vui réo rắt, nỗi buồn chùng lại ảm đạm. Điều cao cả nhất có lẽ là sự thoát tục. Khi ngồi giữa Sorrento ông quên hết chuỗi ngày mỏi mệt tội lỗi. Chỉ còn ăn năn thương nhớ những kỷ niệm xưa cũ như gốc cây, mái phố, tiếng chim thánh thót quen thuộc đã từng rơi trên hiên mái nhà tuổi thơ ông. Hời khắc khoải xa vắng. Cái buồn mờ đục đi trong cái nhìn ngờ nghệch, dài dại. Buổi chiều đã xuống từ lâu lắm rồi.

Hai đứa đi học băng qua con đường nhỏ nhiều hoa bìm và cỏ dại. Mùa xuân cỏ trinh nữ chen chúc nhau đua nở những bông hoa tím li ti bụi phấn. Cào cào châu chấu bay rợp bãi. Có con bươm bướm ma to lạ lùng, hai sợi râu loe ngoe như hai que dài, chấp chới đôi cánh vằn vện nhiều vệt xanh, lục, trắng, di chuyển một cách chậm chạp và kỳ dị. Tôi không thích con bướm đó. Riêng Hời rón rén từng bước từ phía sau run rẩy hai tay để bắt được con bướm. Sau này xa nhà tôi chẳng còn dịp nào quay lại con đường vưa để biết rằng những con bướm ấy chẳng còn xuất hiện nữa. Hay chỉ là những ấn tượng đau đớn của ký ức tôi?

Hời học dốt. Sách vở luôn luôn cáu bẩn nhòe nhoẹt vết mực. Văn viết thường sai chính tả, lẫn lộn giữa *x* và *s*, *d* và *gi*. Toán làng nhàng điểm hai. Đỉnh cao nhất là trung bình. Có cuốn tập xổ tung bìa lộ ra bầy bướm ma, chuồn chuồn, châu chấu bị ép khô, chết chồng lên nhau. Lẫn trong mớ sinh vật hỗn độn ấy còn tìm thấy cả xác cỏ trinh nữ.

III

Mà kể ra ở nhà chẳng ai quan tâm đến Hời. Nó muốn học thì học, muốn làm thì làm. Có bỏ đi chơi cả ngày chẳng sao. Duy nhất

**Nhạc phẩm của Cornesto de Curtis.*

đến trước bữa cơm biết tìm về là được. Lão Hoặc cưng Hời như trứng mỏng. Bởi vì như lão thường nói: Khi chết, lão hoàn toàn bình tâm vì đã có Hời thay thế lão làm chủ cái lò mổ độc nhất vô nhị ở cái chợ huyện này. Họ nhà lão đã đến hồi tắc: Đẻ một dây chín ả con gái, chỉ được hai cậu con trai. Mà anh Cả lại dở hơi, điên không ra điên, tàng không ra tàng. Thích thì hát, buồn thì gào rú đập phá suốt ngày. Lão Hoặc cứ cười khơ khớ và uống rượu. Cười chẳng hiểu sao cười. Hay lão đau cho phận lão đã tròn hai đời làm nghề đồ tể và đến lượt Hời là đời thứ ba? Nhưng càng ngày lò mổ càng uy tín vì tấp nập người. Có hôm phải xẻ thịt hàng chục con lợn mà vẫn không đủ cung cấp cho nhu cầu toàn huyện và bọn lái buôn đánh lên thị xã. Tất cả các cô con gái lão đều chủ những quầy thịt lớn ngoài chợ. Son phấn đầy mặt, vàng đeo đầy tay. Công việc cứ như một chu kì đều đặn: Nửa đêm lão và bọn thợ thức dậy để giết lợn. Xem lão Hoặc làm việc cứ phăm phăm giống viên tướng tả xung hữu đột chém giết điên cuồng như vào chốn không người vậy. Khách lạ đến vùng này chẳng ai có thể ngủ được vì tiếng lợn rống man hãi khi bị quật ngửa ra trói gô lại, tiếng dao mài rin rít, tiếng máy nổ phành phạch, tiếng di động náo hoặc của xoong chảo và cuối cùng tiếng gầm gừ tuyệt vọng ai oán mắc lại trong cổ khi dao chọc vào, dòng máu óc ách cuồn cuộn phọt ra. Vào khoảnh khắc đó loảng xoảng tiếng đập phá gào rú của anh Cả, tiếng khóc bời bời của thằng Hời và chập chờn những đốm lửa bay. Cho đến gần sáng lú ló mặt người mới trả lại được sự yên tĩnh. Ngoài đường những lớp sương mỏng tan dần như ảo ảnh. Thật rã rời và u tối cho những đêm vắng bóng mặt trời.

Có những lần đi học Hời lấy trong cặp ra một miếng gan to bằng bàn tay. Nó đưa cho tôi cắn một phát trước khi Hời ăn hết. Lúc đầu tôi rất thích nhưng về sau thì chán. Tôi đã không đủ kiên nhẫn. Hời bảo nó còn thích ăn huyết nữa. Ngọt ngọt, bùi bùi thế nào? Tôi về hỏi mẹ huyết là gì? Mẹ bảo: - Là máu! Tôi lại sợ. Thỉnh thoảng tôi bị chảy máu. Những lúc ấy tê ái và đau đớn. Lẫn lộn giữa huyết và máu tôi thấy ghê ghê làm sao. Dạo ấy tôi chỉ là một đứa trẻ, còn bé lắm. Chỉ suy nghĩ vớ vẩn những gì như tôi đã nghĩ. Nhưng thật kì lạ, bây giờ nghiệm lại những chuyện ấy cảm giác của tôi vẫn không có gì khác trước lắm. Vẫn mênh mông sương khói. Vẫn buồn buồn...

IV

Một buổi trưa tôi đang ăn cơm thì Hời đến. Mặt nó tươi hơn mọi hôm. Tôi nhìn thấy bên hông nó cộm lên một lớp gì dưới áo. Chưa kịp hỏi thì Hời đã hớn hở rút ra một cánh ná. Cánh ná xem chừng cũng đơn giản. Một cái chạc ba cưa ra từ cây khô. Hai nút dây thun buộc hai đầu, ở giữa là miếng da lủng lẳng. Lần đầu tiên tôi bị cuốn hút ở Hời. Hai đứa đi học sớm, băng con đường nhiều hoa bìm, bươm bướm ma, cỏ gai. Trông nó như tay thiện xạ lành nghề. Hời tìm viên sỏi nhỏ kẹp vào ná ngắm bắn bông cúc dại. Bông hoa đang lung linh thắm tươi, "phựt" một cái, chớp mi là biến mất, trơ thân cây cụt đầu. Tôi bàng hoàng. Trong giây phút thôi sao? Sự sống - cái chết đổi chỗ cho nhau? Tôi vừa sợ vừa thích. Mơ hồ không hiểu nổi.

Không chịu được niềm sợ hãi cám dỗ, tôi nằn nì Hời làm cho mình một cái ná như nó.

V

Gần nhà tôi có cái đầm rộng từ lâu chẳng còn ai bén mảng đến. Ở quanh năm tĩnh mịch yên lặng lau sậy mọc lút đầu người. Mùa khô hồ rút nước, cạn khô phơi lớp bùn đen nhoãng. Mùa mưa nước dâng lên hai bờ đẩy từng đóa lục bình lững lờ trôi về xa tít. Mẹ tôi dọa ở đầm có con ma le với cái lưỡi dài thèm thịt trẻ con. Đó là Lão Bùng. Một lão già cất vó vì quá sầu đời trong một cơn say đã tự treo cổ mình lên cây đa làng gần đó. Mặt lão phồng lên tím ngắt. Lưỡi thè ra chấm rốn. Từ đó oan hồn như chẳng chịu đi đâu. Ban đêm người ta vẫn thường kháo nhau rằng vẫn thấy lão lưỡi thè dài, dáng vẻ rất khát nước, lưng gãy, ốm đói rũ rượi chạy lờ phờ loang loáng ẩn hiện dưới ánh trăng. Vì vậy vào rằm tháng Bảy, lễ cô hồn, mọi người đều cúng rượu cho lão. Cứ như lão thèm rượu hơn tất cả những món gì khác vậy.

Tôi thưa thấy lão Bùng lần nào mà đã sợ khiếp vía. Ban đêm có chuyện phải đi ngang qua đây tôi xách dép lên vừa thở dốc vừa cuống cuồng bỏ chạy.

Tuần tới lớp Hời học sinh vật. Chương loài bò sát. Con vật thực

hành là rắn mối. Cô giáo hứa sẽ cho điểm mười đứa nào kiếm được con rắn này để làm thí nghiệm. Là đứa học sinh kém cỏi Hời sung sướng kì lạ. Phải rồi, thời đi học ai chẳng mơ thấy những điểm mười đỏ chói. Hời sửa sang lại cánh ná. Nó thay nhiều sợi thun đứt bằng những sợi còn mới thơm mùi phẩm. Hai đứa quyết định thám hiểm đầm. Tim tôi đập thình thịch giữa nỗi háo hức và sự căng thẳng tột độ. Hời láo liếng cặp mắt lé nhìn đi đâu tôi không biết. Những con ếch ngồi trơ tráo trên đầu khóm lục bình giật mình nhảy lõm bõm xuống nước. Ánh nắng loang lổ chờn vờn đe dọa. Tay tôi bóp chặt cánh ná. Tôi hối hận vì một thích thú miễn cưỡng tôi đã theo Hời đi quá xa.

Hời xuýt tôi đứng lại. Nó ngọ nguậy tìm viên sỏi trong túi áo. Tôi trương mắt nhìn. Con rắn mối đang trườn đi sột soạt trong bóng im lau cỏ. Đầu nó dẹp, đuôi dài, thân hình nham nhám xanh. Tim tôi co thắt muốn vỡ. Da con rắn xanh quá. Bầu trời hôm nay cũng rất xanh. Ai biết được cái chết cận kề? Con rắn hiền lành và ngu muội đến mức còn ngóc đầu lên tìm hiểu chúng tôi là ai?

Hời nheo mắt. Tay nó kéo căng ná. Phựt! Viên đạn chính xác cực nhạy tin ngay giữ đầu con rắn. Đuôi con rắn quẫy dữ dội rồi đuối dần. Máu từ từ rịn ra nhuộm đỏ cái đầu sâu hoắm nát bét. Nó đã chết.

VI

Từ ngày Hời kiếm được điểm mười đầu tiên trong đời đi học của mình nó còn lôi kéo được bọn trẻ ở xóm vào trò chơi sát sinh. Hình như có nỗi kích thích vừa hãi hùng vừa sung sướng đó là lúc quần xấn ống cao ống thấp, chân lội bì bõm trên bùn rình mòn nã những phát đạn vào giữa đầu con rắn mối. Tận mắt chứng kiến cảnh máu chảy, thân thể lỗ chỗ vết đạn của con vật đang quằn quại đau đớn với khoảnh khắc cuối cùng.

Bọn trẻ đứa nào cũng có một cánh ná để trổ tài. Hời hết buộc giúp đứa này lại làm cho đứa khác. Mỗi buổi trưa chúng lại í ới gọi nhau bủa xuống đầm dấn thân vào cuộc chơi đẫm máu. Bờ đầm lâu nay vốn uy nghiêm, tĩnh mịch và thiêng liêng bỗng chốc bị quấy phá chưa từng thấy. Tôi cũng không còn sợ lão Bùng nữa. Mùa cô hồn vừa rồi cả làng cúng rượu cho lão chắc đến giờ này lão

vẫn còn say tít thò lò. Cỏ cây bị đạp ngã rạp đè lên nhau. Lũ dế mèn trốn đi đâu mất. Ếch nhái cũng không còn kêu rền rĩ như trước nữa. Cảnh vật xác xơ hiu quạnh hẳn đi. Rắn mối bị truy nã đến con cuối cùng. Con vật hiền lành ngờ nghệch sống chỉ quen bắt ruồi muỗi trong bụi rậm. Chẳng hại ai bao giờ.

Chiều chiều Hời cùng bọn trẻ xách lủng lẳng từng dây rắn mối đi về xóm. Con cụt đầu, chột mắt, con nát thân, mất đuôi. Không một con nào còn nguyên hình hài. Chúng ồn ào cả lên khi kể chiến công cho nhau nghe, sau đó đào lỗ chôn hay vứt bừa bãi cho gà ăn. Riêng Hời nó không làm gì với con rắn săn được. Hời leo lên gác xép, cẩn thận đếm từng con rồi phơi khô trên mái.

VII

Đó là buổi chiều chủ nhật trời mưa lâm thâm. Đang nắng bỗng tối sầm. Gió từ phương Bắc ùa về thốc tháo từng cơn, đùn bụi cuốn lên mờ ảo. Mắn trời u ám nặng nề. Mưa khắc khoải, chừng như vật vã lắm. Lộp độp, lộp độp rồi mưa mạnh lên dần. Buổi chiều ảm đạm chán chường tôi trùm khăn kín đầu nằm trên giường, lòng xa vắng, buồn bã chả ra làm sao. Bỗng nhiên nghe tiếng la hét ngoài cửa. Tôi chạy ào ra. Mưa đan phủ mờ trời kín đất. Ký ức tôi không thể quên hình ảnh mụ Hoặc chới với đôi tay khẳng khiu, hú gọi ba hồn bảy vía thằng Hời trong mưa. Đôi bàn tay run rẩy trong khoảng không cố níu kéo lại một điều gì nhưng cơ hồ tuột mất. Mụ khóc rống lên. Tiếng bước chân người xầm xập nháo nhào. Anh Cả kêu gào giữa cơn động kinh nghe hãi hùng hơn bao giờ hết. Ngoài chợ có loạn. Chín quầy hàng thịt của chín bà chị Hời bị gió cuốn thốc mái. Những cái đầu lợn đã được luộc chín, cạo nhẵn lông phút chốc ngoác mồm kêu eng éc inh ỏi. Còn những chân giò bỗng nhiên cử động co giật. Tất cả rú lên kinh hãi bỏ chạy về nhà. Sau này tôi nghe nhiều người kể lại như vậy.

Ở nhà mọi người cuống cuồng vì tin dữ. Lão Hoặc tỉnh cả đôi mắt còn mở trừng trừng ngây ngô và dài dại. Một cánh ná dây thun rớt bên cạnh. Trên vệt bùn còn vết trườn đi của một con rắn độc. Người đàn bà hét lên...

Đà Nẵng 1989 - Sài Gòn 1996

MÙA ĐẠI BÀNG

Mùa đại bàng mới chỉ có từ mấy năm nay, quanh phố Luống, chẳng rõ do chiến tranh, ô nhiễm hay còn một lý do nào khác.

Nhưng thực ra, từ lâu lắm dân phố Luống đã truyền nhau những lời đồn đại về nó, đời này qua đời khác, quanh mâm rượu khi hiếu hỷ, giỗ chạp, hoặc bên ấm chè xanh những lúc nông nhàn.

Động còn nhớ như in ngày cha mất, cũng gió mưa sùi sụt như thế này. Đống lửa chất bằng gốc sấn khô đã lụi hết, ngọn đèn dầu lạc lom dom, mùi thuốc không át nổi mùi mồ hôi và áo quần lưu cữu.

Cha Động vừa oằn oại trở mình trên chiếc chõng tre trải rơm khô vừa rên rỉ não lòng.

- Sau này, con nhớ lấy hai điều. Thứ nhất, đại bàng có thể về bất cứ lúc nào. Thứ hai, nếu có chuyện gì, hãy tìm đến chú Vượng.

Cha Động chỉ nói có thế, rồi cắm khẩu, hai ngày sau thì chết.

Nỗi ám ảnh không khi nào buông tha Động, mặc dù đến tận bây giờ Động vẫn chưa biết ai là chú Vượng. Hồi chiến tranh, nằm trong chiếc lán giao liên heo hút giữa rừng với thằng Vận vẩu đồng niên, Động vẫn thường bị thức giấc giữa đêm, toàn thân nổi gai ốc vì những tiếng động xào xạc khác thường trên mái. Động chưa từng trông thấy đại bàng nhưng thường mơ thấy chúng. Thường thì thế này: Động đứng giữa cánh đồng Hạ Đãi, tay xách chiếc nơm, hông đeo giỏ, lau sậy um tùm ngang ngực. Trời không mưa nhưng ủ dột và đầy sương móc. Không gian chìm trong làn hơi nước vàng vàng, nhờn nhợt, giống như ánh mắt của một con thú đang ủ bệnh, hoặc mắt của một người đang rắp tâm làm điều ác. Đồng Hạ Đãi chuột nhiều vô kể, rặt một giống chuột cỏ, lông xám, đuôi trụi, gầy lõm mắt, chúng chạy ràn rạt, lao cả vào chân Động, chí chóe, cắn nhau, động đực, cuồng loạn như trong một vũ hội quái đản. Nhưng bỗng nhiên bầu trời tối sầm lại. Cả cánh đồng dậy lên những tiếng kêu thảm thiết của bầy chuột cỏ. Bầu không khí vụt trở nên ngột ngạt, khét lẹt mùi lông cháy. Từng cơn gió

nóng hầm hập tràn về, cuốn theo những tảng mây xám lừng lững như trái núi. Và kìa, một tảng mây lớn nhất, nặng nề nhất đang lao tới...

- Đại bàng! - Động hét lên và lấy hết sức bình sinh quật chiếc nơm vào bờ cỏ. Cái bờ cỏ ấy, hóa ra lại chính là thằng Vận. Nó chồm dậy, thụi một cú thật lực vào lưng Động, miệng lầu bầu chửi tục. Cái thằng khỏe như trâu. Ngay cả lúc ấy, cơn buồn ngủ vẫn không cho nó mở mắt. Nó ngã vật xuống, ngủ tiếp, miệng vẫn lầu bầu chửi.

Một bận, Động kể cho thằng Vận nghe. Động bảo:

- Dân làng tao ai cũng sợ. Người ta bảo đại bàng về là trời sụp.

- Làm đếch gì có trời mà sụp! - Thằng Vận vừa cười hô hố vừa dứ dứ khẩu súng săn mà hai thằng vẫn dùng để kiếm thịt tươi cải thiện - Này, thịt đại bàng chắc là ngon lắm - Nó lại cười hô hố - Tao sẽ làm món đại bàng quay.

Thật không ngờ, đó là ngày cuối cùng của nó. Buổi sáng, Động vừa xách chiếc ống đuyra xuống suối thì nghe tiếng máy bay. Rồi "uỳnh, uỳnh", hai tiếng nổ đùng đục, hiền từ, chẳng lấy gì làm to lắm, nghe như ai đó đập vỡ một cái chum đầy nước bên nhà hàng xóm. Thậm chí Động còn ngạc nhiên - chưa bao giờ địch nhòm ngó tới vùng này. Cũng chả rõ đó là hai trái bom lạc hay có biệt kích chỉ điểm. Động lững thững đi lên. Một cảm giác thờ ơ và trống trải lạ lùng. Từ xa Động thấy cái lán bị hất tung mỗi nơi mỗi mảnh. Không có lửa, không có khói. Bãi cỏ xanh loang lổ những vệt đất đỏ tươi như hoa mười giờ. Thằng Vận nằm vật trên bãi cỏ, hai tay dang ra như đang nghỉ xả hơi sau một ngày lao động vất vả. Động tiến lại gần, vẫn không mảy may nghi ngờ đến bất cứ điều gì tồi tệ. Cho đến lúc Động cầm lấy tay nó. Động bủn rủn cả người. Những ngón tay thằng Vận mềm nhũn, có cảm giác cầm phải những con giun chết. Và mất trái thằng Vận đã hóa thành một cái hố đầy máu! Máu vẫn còn đang tiếp tục tuôn ra, vẫn còn nóng hổi, đỏ tươi, tràn quà thái dương, đọng thành vũng dưới áo nó.

Hồi đó là cuối năm bảy tư, chỉ còn tám tháng nữa là giải phóng Sài Gòn.

Nhưng chính Động cũng không được tham gia giải phóng Sài Gòn. Anh bị dính một mảnh pháo ở Xuân Lộc. Vết thương không lớn nhưng nguy hiểm, phía sau gáy. Những cơn sốt và hôn mê liên miên qua đủ các quân y viện. Cho đến ngày giải ngũ.

*

Từ ngày thằng Vận chết, Động không còn mơ thấy đại bàng nữa, nhưng lại mơ thằng Vận với cái hốc mắt ròng ròng những máu. Nó cầm khẩu súng trên tay dứ dứ, có lần hóa thành con chuột có mỏ khoằm như mỏ đại bàng, lại có lần hóa thành con đại bàng quay, với hai cái lườn bóng mỡ...

Giải ngũ về, đã vài lần Động rắp tâm đi tìm chú Vượng. Nhưng tìm bằng cách nào? Cả phố Luồng không ai biết người nào có tên như vậy. Thế rồi công việc bận rộn cuốn đi...

Vật đáng giá nhất mà Động mang về là khẩu súng săn. Chim chóc chẳng còn mống nào nhưng chuột dường như lại đông thêm. Săn chuột cũng có nhiều cái thú. Động chậm rãi nâng khẩu súng lên ngang mắt, khẽ nhoẻn cười, vẻ như chỉ làm một trò đùa. Động biết, nụ cười sẽ dễ đánh lạc hướng đối phương (Dân lái chó không để ý đến điều này, vì thế bắp chân rất dễ hóa thành mục tiêu của "địch"). Một con chuột cái trông tha thướt và đỏm dáng dừng lại trên mô đất khô, cái nhìn thân thiện pha chút tò mò...

"Đẹt". Tiếng nổ rất khẽ nhưng đanh và gọn. Động từ từ hạ súng xuống. Cái nhìn lúc nãy đã biến mất. Bốn chân con chuột dần dần duỗi ra, rần rật rồi thẳng đuỗn...

Nói vậy, không phải lúc nào cũng có thì giờ mà săn chuột. Mỗi năm, thường chỉ có hai vụ, khi công việc đồng áng đã vãn, Động mới lại rờ đến súng. Thịt chuột cỏ lột da, kẹp lá chanh, ép dưới cối đá rồi nướng trên than hồng, thơm phức mũi hàng xóm, chỉ nói đến cũng ứa đầy nước miếng.

Chính vào một trong những buổi săn chuột cỏ như thế Động đã lần đầu tiên trông thấy đại bàng. Không, hoàn toàn không phải như trong những giấc mơ. Đó có lẽ chỉ là một loại diều hâu lông xám, không lớn hơn con gà mái bao nhiêu. Những đôi cánh tơi tả, sã ra, bụi bặm và mệt mỏi, chúng tấp xuống, cố bay lên, rồi lại tấp xuống, đổ ngan ngát xuống cánh đồng, như lá bàng khô trước gió đông.

Lúc đó Động đang đứng trên bờ con ngòi cạn giữa đồng. Con chuột trong tay vẫn còn âm ấm. Phút chốc, cả cánh đồng Hạ Đãi nhấp nhô những đôi cánh xám. Không hề có tiếng chuột kêu, chỉ có tiếng vỗ cánh mệt nhọc và mùi xác chết đâu đó bốc lên tanh tưởi.

Thoạt đầu Động đờ người vì sợ hãi. Sau đó, một phản xạ bản năng

khiến anh định bỏ chạy. Nhưng ngay lập tức, anh nhận ra tình thế và bình tĩnh lại. Anh quẳng con chuột xuống đất, thậm chí quên cả nụ cười " chiến thuật".

"Đẹt"

Đôi cánh trước mặt anh rũ ngay xuống, không một tiếng động, gần như không giẫy giụa. Anh vụt cảm thấy bình tĩnh hơn bao giờ hết. Lắp một viên đạn mới anh lại tiếp tục tiến lên phía trước. Bốn xung quanh không một bóng người, chỉ có anh với những đôi cánh xám.

"Đẹt". Đôi cánh trước mặt anh rũ ngay xuống như mảnh ni lông gặp lửa.

"Đẹt". Lại một đôi cánh nữa biến mất sau bờ đất. Trong khoảng nửa tiếng đồng hồ anh hơn mười lần nổ súng, và trong khoảng nửa tiếng đồng hồ đó, chừng ấy con đại bàng bị anh giết chết. Tất cả bọn chúng đều rũ xuống ngay lập tức sau khi súng nổ. Không giãy giụa, không chạy trốn, lại càng không hề có mảy may chống đối. Có cảm giác là chúng tự gục xuống, chứ không phải là vì trúng đạn. Phải rồi, chúng tự gục xuống, vì chắc gì những viên đạn của anh đều trúng đích?

Bất giác, Động đứng sững lại giữa đồng, hai tay buông thõng. Chưa bao giờ anh ở vào một trạng thái lạ lùng như vậy. Sự thất vọng mỗi lúc một dâng lên khiến anh bứt rứt. Anh mơ hồ nhận thấy mình là một kẻ xấu chơi, một tên lừa gạt, hoặc thậm chí là một tên phản bội.

Một tên phản bội, nếu như hồi chiến tranh thì phải đeo trên ngực một tấm bảng có dòng chữ "tên đốn mạt", vừa chạy quanh làng vừa hô: "Ai cũng như tôi thì mất nước". Đúng, anh là một tên phản bội. Nhưng anh phản bội cái gì?

Trong mấy giây, Động hoàn toàn mất phương hướng. Nhưng anh cố bước vài bước hú họa về phía trước. Hình như anh vừa dẫm phải xác một con chuột cỏ. Cảm giác mềm mềm, nhùn nhũn. Lát sau, anh nhìn thấy một con Đại bàng nằm vắt ngang bờ ruộng. Cạnh đó là một con chuột cũng do chính anh hạ sát.

Hai cái xác chết, một to, một bé, nhưng, cùng một màu lông xám, cùng một tư thế ngoẹo đầu xuống đất, khiến anh chưng hửng. Đúng rồi, anh là một kẻ xấu chơi, một kẻ lừa gạt và phản bội, cho dù có

lẽ tất cả những chuyện này anh đều làm một cách vô ý thức. Vậy thì anh cần phải làm gì? Những cái xác này, và cả những cái xác chết khác đang nằm rải rác đâu đó trên cánh đồng, cũng cùng chung màu xám và tư thế ngoẹo đầu trên cỏ, chúng có thuộc về anh không? Anh có quyền lột da chúng, nướng vàng trên bếp lửa, để rồi cắn xé và nhai rau ráu những mẩu xương trắng ởn?

Bỗng nhiên Động vụt đứng thẳng dậy. Ồ, bây giờ anh đã hiểu. Có thể là phi lý, có thể là ngu xuẩn nữa, nhưng anh cần đối mặt với sự hận thù. Anh cần có nó làm đối tượng.

Động ngẩng đầu lên và lúc đó mới nhận thấy rằng trời đã nhá nhem tối. Sương xuống trắng tinh, lất phất bay như bông gạo. Thật kinh ngạc, ngay trước mặt Động, ở khoảng cách không quá hai chục bước chân, nghĩa là ngay sát bên con chim đại bàng và con chuột vừa rồi, lù lù một con chim to gấp bội.

Động run lên, nửa vì sợ hãi, nửa vì sung sướng. Đó mới thực là đại bàng, đó mới thực là niềm ao ước. Con đại bàng giống hệt như trong tưởng tượng của anh. Đôi cánh dũng mãnh vươn ra kiêu hãnh, ngạo nghễ che kín cả một khoảng trời. Vì bóng tối đang mỗi lúc một dày thêm, Động không thể phân biệt được màu lông của nó, nhưng hai con mắt lớn thì như hai hòn than đỏ.

Càng run thêm, Động dùng cả hai tay nâng khẩu súng lên. Phần thân con đại bàng nhòa vào bóng đêm đã sụp xuống rất nhanh, chỉ còn lại nhai con mắt đang phóng ra hai luồng sáng đùng đục, man rợ và ma quái. Mũi súng của anh nhằm vào một trong hai hòn than ấy. Ngón tay trỏ từ từ siết lại.

"Ối". Thay cho tiếng nổ là tiếng ai lạc đi vì đau đớn. Động lạnh toát cả người. Ngay cả trong bóng tối anh vẫn có thể nhìn thấy, viên đạn đã xé rách con mắt ấy, biến nó thành một cái hốc đỏ lòm. Trước khi máu trào ra.

Thực tình, Động cũng không biết chắc mình bắn trúng con đại bàng hay bắn nhầm người, bởi vì về sau chẳng có dấu hiệu gì của một vụ án mạng, còn ngay lúc đó là tiếng vỗ cánh phần phật vào không khí. Lập tức, hàng ngàn, hàng vạn tiếng vỗ cánh dậy lên theo...

*

Đó là mùa đại bàng đầu tiên. Nó kéo dài không quá ba tiếng

đồng hồ và có lẽ chỉ có mình Động biết. Hôm đó, vì đã tối, Động chỉ cố tìm được hai con. Sáng ra, Động và mấy thằng con lão Sài ra đồng tìm số còn lại, thì chó và chuột đã xơi hết sạch. Nhưng thế đã là quá thừa. Thịt đại bàng, cũng như thịt hầu hết các loài ăn thịt khác, vừa tanh vừa nhạt, cả xóm đến ăn thử, nhưng chẳng ai ăn nổi. Động lột da con còn lại, nhồi mùn cưa, chọn một mẩu gỗ lũa sần sùi làm đế, đặt bên cửa sổ. Nó trở thành niềm tự hào của anh và đối tượng tò mò của lũ trẻ trong xóm suốt mấy tháng trời, mặc dù con chim mồi tỏa ra một thứ mùi khăm khẳm cực kỳ khó chịu. Nó cũng làm cho anh thêm bận bịu. Cứ hôm nào trời nắng là Động khệ nệ bê con chim nhồi ra phơi để xua bầy kiến chỉ nhăm nhe kéo vào làm tổ. Tất cả đều vô ích. Những đám lông của con chim cứ bở ra bùng bục. Chẳng bao lâu, nó trở thành một con đại bàng hói. Cuối cùng, khi một cánh con đại bàng rụng xuống hẳn, Động quẳng nó vào bờ mương.

Chuyện này thực ra cũng chẳng có gì đặc biệt. Làm thú nhồi cũng là một nghề, mà muốn làm nghề thì phải có ngón nghề. Hình như ở Trung Quốc nghề ấy rất phát triển, bởi dân Tàu có nhiều kẻ chơi sang. Chẳng biết ai mách, nhưng dân phố Luống ai cũng biết đại bàng sống đem qua biên giới bán đắt như tôm tươi. Và rồi có lái buôn đại bàng đến thật. Đầu tiên, giá một con đại bàng bằng ba con gà mái, rồi cứ nâng dần lên mãi, bằng cả một con lợn năm chục ký. Mà việc bắt đại bàng dễ hơn nhiều so với nuôi gà. Người ta làm những cái vợt lớn bằng lưới thép, có cán dài như cán dậm, đốt đuốc bằng lốp xe để soi các bờ bụi. Đại bàng thấy ánh đuốc bị lóa mắt, hơn nữa chúng đã quá mệt mỏi vì đường xa và bệnh tật nên trở thành những mục tiêu chậm chạp, yếu ớt. Vì mùa đại bàng chỉ kéo dài một hai đêm, hầu như tất cả dân phố Luống đều đổ ra đồng. Nghe nói, có người trong một đêm bắt được tới cả trăm con.

Dĩ nhiên, Động cũng tham gia đội quân lưới thép. Đồng tiền có sức hấp dẫn ma quái, nhất là đối với người nghèo. Chứ không đúng sao? Năm con trong một đêm không phải là nhiều hay thậm chí còn có thể nói là ít, nhưng anh phải nuôi bao lâu mới được năm con lợn, hay ít nhất cũng là mười lăm con gà mái? Nói công bằng, Động cũng không chú tâm lắm vào việc bắt đại bàng. Rừng đuốc đốt bằng lốp cao su hừng hực trên cánh đồng thật chẳng tương

xứng chút nào với những con chim ướt át, run rẩy, đang nép mình vào bụi cây chờ đợi sự che chở. Nhưng liệu có ai che chở chúng?

Bất giác, Động nhớ đến con đại bàng năm ngoái. Liệu nó có bị chột một mắt hay không? Anh cũng chợt nhớ rằng câu hỏi này anh đã tự hỏi đến ngàn lần. Và lần nào cũng vậy, thay cho câu trả lời, trước mặt anh hiện lên cái hố mắt đầy máu của thằng Vận ngày xưa.

Con đại bàng ấy, nó còn sống không nhỉ? Nếu còn sống, tại sao nó không trở lại? Ừ, đúng ra thì nó phải quay trở lại, bởi vì nó là con chim đầu đàn. Động đứng sững lại giữa đồng, tự nhiên cảm thấy đau nhói ở đâu đó trong lòng. Rất có thể đây là một đàn chim khác, nhưng cũng có chung một thảm họa. Cùng một trái đất, cùng một gầm trời này mà. Còn con đại bàng kia, có lẽ nó đã chết, hoặc có thể người ta đã mổ thịt nó, quay vàng rồi nhai rau ráu. Mà biết đâu đấy, có thể người ta đã lột da nó, nhồi mùn cưa rồi đặt ở một nơi trang trọng. Nếu thế, nhất định sẽ có người chép miệng: "Chỉ tiếc là nó mù một mắt".

Thế rồi, một hôm Động lại lẩn thẩn nghĩ ra chuyện khác: liệu cha mẹ thằng Vận có biết rằng nó bị mù một mắt hay không? Và Động lại nhủ thầm: Tết nhất xong, thế nào cũng đi tìm chú Vượng.

Hà Nội tháng 1 năm 1995.

Nguyễn Văn Thông

HỒN TRÚC

(Tiểu thuyết)

1

Anh lấy tiền trong ngăn kéo ra quán bà Tạo ăn phở và trứng vịt lộn. Đừng tiết kiệm. Cái bô đã rửa sạch. Cứ dùng. Để đấy về em đổ. Xuống cầu thang nhớ đi cẩn thận. Nhớ tắt quạt".

Buổi sáng nào cũng vậy, nếu hai đứa con trai ngủ ở nhà thì bà ấy dặn chúng nó. Nếu chúng đi vắng, bà viết giấy đặt lên gối tôi. Mấy đêm liền hai đứa ăn ngủ ở nhà bạn để xem bóng đá, thỉnh thoảng đảo qua quán xin bà ít tiền rồi biến. Chúng đang nghỉ hè... Sau cái đêm "Anh - Thụy Sĩ" tôi bị nhồi tim mạnh. Vậy là bà ấy giữ rịt tôi ở nhà, không cho xem trận nào nữa. Tôi năn nỉ: "Bà nghĩ xem. Mấy năm nữa mới có một dịp như thế này! Mà lúc ấy liệu tôi có còn... " Bà òa khóc: "Ông lại nghĩ đến chuyện bỏ tôi đi trước!" Bà nhân nhượng cho tôi được xem tiếp, nhưng phải xem ngay tại nơi ngủ trên gác xép không được xuống quán bia. Trước giờ đấu bà bắt tôi vào màn, bật ti vi và nằm bên cạnh. "Em cùng xem". Nói vậy nhưng chỉ được một lát bà đã ngáy. Và tôi lại len lén xuống dưới kia để tranh luận với đám thanh niên về đường bóng tuyệt diệu của Karel Poborsky, tiền vệ cánh đội Séc...

Sáng hôm nay, một cơn gió mạnh từ đông nam thổi về đánh tơi

tả những đám mây xám bay là là trên nóc các lầu cao. Thời tiết mát dịu. Nhưng cũng chỉ được một lát. Trời lại hiện ra xanh trong với những cụm mây trắng nõn. Và người dân trong xóm cảm ngay được cái nóng oi ả đang đến, len giữa những bức tường cao hẹp, trườn lên các mái bê tông. Đây là khu văn công Hòa Đa. Nói đến khu này người ta nghĩ đến nơi ở nên thơ của các văn nghệ sĩ. Những người này hay nghĩ bông lông đến trăng gió xa vời nên quên hẳn mảnh đất dưới chân mình. Khi các vị tỉnh ra thì hồ ao đã bị san lấp, đường sá bị cắt xén. Đến khu nhà vệ sinh tập thể cũng không còn nguyên vẹn. Và người ta chứng kiến lắm cảnh bi hài mỗi sáng sớm mai. Tấm cửa nhà vệ sinh duy nhất bị lấy cắp. Thế là nghệ sĩ các cỡ lớn nhỏ, đã nổi tiếng trong nước hay trên thế giới, khi đến đây phải tự xoay xở, tìm cho mình một tư thế phù hợp. Có nghệ sĩ che kín toàn thân bằng cách đọc một tờ báo rộng. Người dùng nón lá thì đôi mắt mơ màng nhìn lên trời. Mái nhà cũng thủng. Nếu ai gấp quá không kịp mang gì theo đành nhắm mắt như muốn nói "Ta không nhìn người xin người chớ nhìn ta!" Lần đầu hơi xấu hổ. Sau thành thói quen...

Sực nhớ điều thứ tư bà ấy dặn là tắt quạt. Không biết mình đã tắt chưa. Hối hả chạy về nhà. Tim suýt ngưng đập. Quạt đã tắt rồi. Tôi rửa mặt qua loa rồi đi về phía quán của vợ tôi mang biệt danh "Quán cháo trai bà Tư Huế".

Huế. Huế. Huế.

Tôi toàn yêu những người đàn bà Huế. Tại sao?

Cô gái Huế đầu tiên yêu tôi được một tháng bỏ tôi sau buổi xem phim.

Tôi quen cô thứ hai sau một lần cầu cơ.

Đêm đêm Nàng về trò chuyện với tôi suốt mấy năm liền.

Cô gái thứ ba là một ca nhi. Có lúc tôi nghĩ cả ba nàng là một!

Và giờ đây là vợ tôi. Với ba người kia vừa mới quen họ tôi đã yêu, vì họ có nét gì đó rất quyến rũ, tôi không sao cưỡng nổi. Còn vợ tôi, hôm nay nghĩ lại tôi không nhớ rõ điều gì đã hấp dẫn tôi. Vợ tôi không có cử chỉ duyên dáng, giọng nói ngọt ngào của phần đông những cô gái Huế... À, tôi nhớ ra rồi! Hình như là vì bữa cơm tháng đầu tiên tôi ăn tại nhà cô.

Một bữa cơm quá bình thường! Mắm tôm chua với vài lát vả,

vài con cá bống kho tiêu, nhưng sao kỳ lạ thế! Dần dần cho đến hôm nay tôi chỉ có thể ăn ngon miệng khi ăn những món ăn do vợ tôi nấu. Nhìn những thứ rau sống cô sắp xếp trên đĩa, nhìn bát nước chấm cô pha đã thấy nhỏ dãi. Tính tôi lại háu ăn! Biết tôi thích ăn cay cô trữ trong nhà đủ loại ớt chín, ớt xanh, ớt dầm dấm, dầm muối...

Con trai thì có gì đặc biệt? Thế nhưng nếu bạn có dịp ăn những món trai như trai hấp, trai nướng, canh trai do chính vợ tôi nấu thì bạn mới tin lời tôi. Với tài nghệ như thế, vợ tôi phải là chủ một khách sạn lớn mới đúng. Đằng này cô chỉ có một quán nhỏ, rất nhỏ!

Từ cái chỗ không đáng ngại gọi là quán ấy, vợ tôi đã lấy ra bao nhiêu thứ như người ta thò tay vào túi tiên, có phép lạ! Tiền ăn của cả gia đình, tiền học, tiền tiêu của thằng Toản, thằng Sơn, tiền ma chay, giỗ chạp, tiền đám cưới, tiền sinh nhật của con, và bao nhiêu thứ tiền khác... Mới tháng trước đây thôi, bà đã cho hai thằng Sơn, Toản tiền mua vé xem trận bóng Việt- Ý để chúng nó có thể nhìn tận mắt cầu thủ Viali. Các con bà đã trên ba mươi tuổi. Nếu chúng nó kéo nhau đi xem mặt một cô diễn viên đẹp bà còn hiểu được. Đằng này, xem một anh chàng đầu trọc, mà phải xem tận mắt, bằng mắt thường cho đã, chứ không chịu xem trên ti vi. Phải mua hai cái vé chui một trăm sáu mươi ngàn đồng, bằng tiền bán một trăm sáu mươi bát cháo trai thì bà làm sao hiểu nổi!

Một tuần sau bận xem bóng đá quốc tế tôi không có dịp ra quán. Sáng nay tôi lững thững bước về phía ấy... Một cái bàn gỗ tạp ba chân, một chân kê bằng gạch. Mấy cái ghế dài ngắn khác nhau, chông chênh. Bên trên là một tấm ni lông rách, cứng quèo. Bà ấy bảo như thế kẻ cắp không thèm sờ đến, còn thuế vụ thì thương tình... Nhưng hôm nay, điều gì đã xảy ra?

Hơn hai mươi khách ăn quà sáng, tay bưng bát cháo trai, vừa trò chuyện, vừa nhìn lên một tấm băng-đờ-rôn. Bức vẽ bao quanh quán có tác dụng như một mái hiên che mưa nắng. Vài người qua đường cũng đứng lại xem. Thái độ của họ tỏ rõ rất tán thưởng bức tranh. Còn tôi, tôi chết đứng! Ai? Ai đã đem bức vẽ ra treo ở đây? Còn ai ngoài bà ấy nữa! Đây là một tấm băng quảng cáo phim cỡ lớn, bề ngang một thước rưỡi, bề dài sáu thước. Góc trái họa sĩ vẽ gương

mặt một cô gái trẻ mà tất cả mọi nét đều toát lên sự tươi mát của mùa xuân. Mùa Xuân mờ ảo. Trán, mũi, môi, cằm, bờ vai... như chìm trong một làn sương mỏng. Hiện lên rõ nét và đầy ma lực là màu xanh nhạt pha vàng của đôi mắt. Mái tóc màu xanh tím, bay dài từ trái qua phải suốt chiều dài bức tranh, óng ánh như một dòng sông đêm. Trên nền tóc là mấy chữ trắng "Phim truyện HOA LẠ. Tác giả và đạo diễn Trần Bình". Đôi khi tôi ngỡ ngàng như đang thưởng thức tác phẩm của một người nào khác, chứ không phải của tôi. Tôi quên bẵng rằng tôi đã vẽ bức tranh ấy!

Tôi không dám nhìn lâu. Những kỷ niệm xa xưa ùa về như một cơn lốc đe dọa cuốn tôi theo. Có điều gì gở mà sáng nay tôi đã mang bức vẽ ra để hủy nó, hoặc đốt, hoặc cắt thành từng mảnh nhỏ nhưng rồi tôi vẫn giữ lại. Tôi đã được sống những giây phút vô cùng hạnh phúc và vô cùng đau đớn! Tôi vẫn phải giữ nó. Không nhìn nó nhưng biết là nó còn nằm đấy. Người đàn bà đẹp vẫn còn nằm đấy!

Tôi bước đến bên vợ tôi. Đúng là một tiếng gầm nhưng tôi đã cố ghìm lại trong cổ họng để tiếng nói vừa đủ cho bà nghe:

- Bà cuốn bức tranh này lại, mang về ngay cho tôi!

Gương mặt vợ tôi tái nhợt.

Tôi quay nhanh, lòng nhói lên hối hận...

Tôi trở về nhà mệt mỏi, nằm dài ra trên đi văng gỗ. Toản, thằng con thứ bước vào. Gương mặt đẹp trai với cặp môi dày nhục cảm của nó luôn khiến tôi lo âu. Hắn có quá nhiều bạn gái. Cũng may chưa xảy ra chuyện gì nghiêm trọng.

Tôi bảo hắn:

- Ra quán mẹ mày ngay. Có việc cần đấy!

- Con vừa ở đấy về.

Hắn đáp thong thả, từ tốn, có vẻ hắn đã chuẩn bị để trả lời tôi.

- Vậy mẹ mày có bảo gì không?

- Mẹ bảo con mang tấm băng-đờ-rôn về.

- Đâu?

- Con không mang về!

- Vậy mày để đâu?

- Vẫn treo ở đấy!

- Vẫn treo trước quán?

- Vâng!

Tôi thét lên:

- Mày chạy ra mang về cho tao ngay. Đi ngay!

Cả người tôi run lên. Có lẽ hắn nhớ lại những trận đòn thập tử nhất sinh, mặc dù tôi đã già và hắn đang cường tráng. Hắn nhìn ngoái lại sau như tìm đường sẵn sàng nhảy.

Hắn năn nỉ:

- Nhưng bố mang tấm ấy về nhà làm gì? Ở nhà có cần gì tấm vải ấy đâu!

Rõ ràng hắn quyết tâm van nài tôi, hắn bình tĩnh hơn ngày thường. Tôi nóng nảy không có lợi. Tim tôi bắt đầu đập nhanh. Tôi hít một hơi sâu, nói chậm lại:

- Đó là vật kỷ niệm của bố. Không thể đem treo ra trước bàn dân thiên hạ được. Bộ phim này cũ lắm rồi. Người ta cười cho!

Hắn ngoác miệng cười lớn để lộ hàm răng trắng bóng:

- Ôi, ai mà cười bố! Người ta khen bố thì có. Chỉ nhìn hình vẽ đủ biết phim hay như thế nào! Những người đến quán nhà ta bảo lâu nay có nghe danh bố nhưng hôm hay được xem bức tranh mới biết. Bố giỏi thật!

Hắn liến thoắng nói một hơi, thật sự vui mừng vì người ta khen bố nó.

- Không được con ạ, con mang về đây cho bố.

- Bố lạ nhỉ! Người ta đang xem đông nghịt kia kìa. Một tuần nay nhờ bức tranh mà mẹ bán được khá nhiều hàng đấy. Sáng hay có mấy ông thuế vụ đến thấy bức tranh đứng xem và lờ tiền thuế cho mẹ. Lại còn bảo mẹ cứ để bức tranh đấy cho vui. Mà vui thật bố ạ. Bố thử ra quán một tí xem. Có mấy người muốn gặp bố để trò chuyện đấy!

Tôi vớt vát:

- Nếu cần một tấm vải che mưa nắng thì bố mua cho.

Nét cười mỉa thoáng trên đôi môi mọng của hắn:

- Bố mua thì cũng tiền của mẹ!

Ra đến cửa hắn còn đứng lại:

- Cô gái đẹp thật bố ạ. Con cũng mê!

Tôi sững sờ, chưa kịp hiểu điều đó... Thôi mặc. Nếu đúng là bức tranh có tác dụng đến thế, hẳng để đấy. Ít ra bà ấy cũng bán thêm được vài bát cháo trai. Hãy lên gác đánh một giấc lấy sức đêm nay

xem tiếp bóng đá quốc tế... Có tiếng sột soạt. Thì ra thằng Toản đã mang bức tranh về từ lúc nào, vứt vào góc phòng. Nhưng sao lại có tiếng sột soạt như ai mở bức tranh ra xem. Tôi hé mắt nhìn. Tôi không tin vào ánh mắt mình nữa. Mái tóc dài của người đàn bà trong bức tranh như chảy dài đến tận chân tôi. Tôi dụi mắt. Mơ hồ một bóng trắng lướt qua trước mặt. Tôi đứng lên loạng choạng bước theo. Chân tôi bỗng vấp mạnh vào một vật cứng. Và tôi nghe vang lên tiếng kêu loảng xoảng kéo dài...

Tôi giật mình tỉnh giấc. Không hề có tấm băng-đờ-rôn trong phòng. Không hề có cả người đàn bà tóc dài. Chỉ có thùng đồ nghề chữa xe đạp bị bật tung nắp do cú đá của tôi trong mơ. Tôi ngồi dậy định nhặt đống dụng cụ rơi vung vãi chợt thấy một hộp đá nằm lăn gần đấy. Lại thằng Toản rồi! Nó lấy cái hộp tôi đã cất kỹ trong tủ sách. Tôi mở hộp. Chiếc sáo trúc vẫn còn nằm đấy. Đây là một cây sáo trúc hun khói màu nâu sẫm phớt vàng. Tôi thử đặt sáo lên môi và cảm thấy đầu lưỡi tê tê. Sáo tiết ra vị ngai ngái, ngòn ngọt... Và còn cái mùi kia nữa. Nếu chỉ là một giấc mơ thì tại sao tôi cảm thấy mùi hương ấy vẫn còn lẩn quất đâu đây!

Hồi ấy, cách đây năm mươi năm...

2

Tôi đến chậm. Vừa bước chân vào, đèn rạp tắt. Tiếng máy chiếu rè rè quen thuộc, lôi cuốn. Một chùm ánh sáng từ trên cao, sau lưng tôi được phóng thẳng lên màn bạc. Chỉ kịp nhận ra vài hình ảnh nhoang nhoáng, mờ ảo... Vất vả lắm mới mò được đến hàng ghế của mình. Lò dò đến chỗ ngồi giữa những câu mắng mỏ. Chỗ của tôi đã có người khác chiếm. Lờ mờ chiếc áo màu xanh lục.

Tôi nhẹ nhàng:

- Xin lỗi... chị.

Cô gái lặng thinh như không nghe, chăm chú xem.

Người ngồi bên phải cô gái trả lời thay:

- Ngồi xuống ngay đi cho người khác xem!

- Nhưng... số ghế của tôi ở đây.

- Ngồi tạm xuống ghế bên cạnh!

Anh ta nói như ra lệnh. Thêm vài tiếng càu nhàu. Tôi đành bước qua mặt cô gái ngồi xuống chiếc ghế trống phía trái cô.

"Sầm!" tôi rơi xuống khoảng không. Tiếng cười rộ lên.

Một cái ghế hỏng, không có mặt! Tôi sụp xuống đến nửa thước, mông chạm vào những thanh sắt nhọn, đầu đập ngửa ra thành ghế. Gương mặt trắng xanh của cô gái nhìn nghiêng một giây về phía tôi rồi tiếp tục xem. Tôi đau nhưng không dám rên thành tiếng, lấy cái cặp da đựng đầy sách vở đặt lên trên những thanh sắt, khẽ ngồi xuống. Mọi người chăm chú nhìn lên màn ảnh chẳng còn ai chú ý đến tôi. Thỉnh thoảng cô gái liếc sang. Cô có ân hận vì tôi đã sụp bẫy thay cô? Nỗi bực dọc tan dần. Tâm hồn tôi dịu lại vì bộ phim hấp dẫn và cũng vì mùi hương nhẹ tỏa ra từ mái tóc dài đen nhánh. Mãi về sau này tôi mới biết mùi hương lạ đó...

Chuyện phim kể về một họa sĩ tài hoa. Khi biết mình sắp bị mù hai mắt do vết thương chiến tranh, chàng đã dồn cả tâm sức để vẽ bức tranh cuối cùng chàng hy vọng sẽ là tuyệt tác. Người mẫu là một cô gái giang hồ. Cô có nhiệm vụ thể hiện một người đàn bà đang cười trong cơn tuyệt vọng. Cô diễn tả khá đạt vì đời cô đã là như vậy! Vẽ xong bức tranh đầy sức truyền cảm kia, anh họa sĩ bị mù cả hai mắt. Thỉnh thoảng anh đến bên bức họa, đỡ tấm vải trắng che bên ngoài, cố hình dung lại tác phẩm của mình... Diễn xuất của vai chính tinh tế, xúc động, cô gái áo lục quay sang bạn trai:

- Diễn viên nào đóng vai nam đấy?

Im lặng một lát rồi có tiếng đáp lại cộc cằn:

- Ối dào! Cứ xem đi! Cần gì biết thằng nào đóng!

Không hiểu sao tôi buột miệng: "Spencer Tracy!" Cô gái ngoảnh sang nhìn tôi. Đôi mắt mở to, sáng lên, mùi hương lạ ngào ngạt.

... Một hôm người yêu cũ đến thăm, chàng hồ hởi đưa Nàng đi xem bức họa. Nhưng chàng biết đâu, trước đấy vài hôm, trong một phút đau lòng, cô gái giang hồ đã dùng sơn xóa sạch bức tranh. Cô không muốn người đời chế giễu cô. Và thế là cô người yêu cũ của anh họa sĩ đứng trước một tấm "toan" đã bị bôi trắng xóa. Cô hiểu mọi chuyện, đau lòng nhận ra sự mất mát không gì bù đắp được

của anh. Cô gái giang hồ cố ghìm nụ cười tuyệt vọng, điên dại. Còn anh họa sĩ mù, gương mặt anh bừng sáng như nắng ban mai.

Một tiếng nấc. Tôi quay sang. Cô gái gục xuống và không biết vô tình hay cố ý ngả đầu vào vai tôi. Từ phút ấy, tuy mất tôi vẫn hướng về phía màn ảnh nhưng tôi không còn thấy gì nữa.

Lần đầu tiên trong đời tôi được một cô gái kề gương mặt mát lạnh vào sát má mình. Tay cô gái đặt lên cánh tay tôi. Bàn tay cô bóp mạnh mỗi lần cảnh phim làm cô xúc động. Bỗng giọng Huế thỏ thẻ:

- Anh học trường nào?
- Thuận Hóa. Còn cô?
- Em học ở Kim Long.

Tôi ngạc nhiên vì làm gì có trường Kim Long.

Cô hỏi tiếp:

- Anh ở đâu?
- An Cựu, còn cô?
- Em ở chân núi Ngự Bình...

Lời nói đứt quãng, nhẹ như gió thoảng, lấp trong tiếng nhạc của phim, vậy mà sao làm tôi bồi hồi xao xuyến!

Đèn bật sáng. Gương mặt cô gái vụt thay đổi như không hề có những lời trò chuyện vừa qua. Cô kéo tay người bạn trai hối hả rẽ đám đông ra trước. Tôi còn chưa thoát khỏi đám mây hạnh phúc bao phủ quanh tôi, thẫn thờ đi trước cửa rạp. Cô gái biến mất...

Thành phố vừa lên đèn. Màn đêm bắt đầu buông. Chút ánh sáng còn xót lại, lấp lánh trên đỉnh cầu Bạch Hổ. Từ chùa Thiên Mụ, một tiếng chuông bay ra không trung, vang trong ráng chiều. Hình những thành quách, lâu dài, chùa miếu chìm dần trong bóng tối. Có cảm giác như chúng theo tiếng chuông đi về bóng đêm, đi về cõi âm... Tiếng chuông cũng đánh thức nàng tiên Hương Giang thức dậy sau một giấc trưa mỏi mệt. Nàng trang điểm và chuẩn bị cuộc du ngoạn trên sông. Bạn có thấy nàng không? Ánh sáng trắng, dập dờn trên sóng nhỏ. Nàng đó. Tiếng đàn bay vút lên cao như một cánh chim đêm. Nàng đó. Tiếng hò mênh mông như muốn vượt Vỹ Dạ để về phá Tam Giang. Nàng đó... Nàng tiên Hương Giang đang dạo chơi trên lãnh địa của nàng...

Tôi nhìn sông Hương mà nhớ đến sông Hàn của tôi. Nếu sông Hương như một người con gái dịu dàng thùy mị thì sông Hàn như

một chàng trai dũng mãnh hung hăng, ào ào, lao ra biển cả. Nếu không có núi Sơn Trà ghìm chân chàng lại có lẽ chàng sẽ đùng đùng gây gổ với đại dương...

- Anh nghĩ gì mà thẫn thờ vậy?

Tôi giật mình nhìn lên. Chiếc áo lục huyền ảo dưới ánh đèn đêm. Nàng đến bên tôi tự lúc nào? Tôi không giấu được nỗi vui mừng, reo lên sung sướng như gặp lại người quen thân cũ. Bất giác tôi nắm tay cô gái. Chợt có một thoáng ngượng ngùng. Tôi dừng tay lại. Nhưng cô gái đã nắm chặt tay tôi:

- Đi đi anh, ai lại đứng giữa đường này!

Tôi ngoan ngoãn theo cô gần như chạy. Chúng tôi đi về phía Kim Long...

Đến chân cầu Bạch Hổ tôi định rẽ phải đi dọc theo quốc lộ nhưng Nàng đã giữ tay tôi lại. Nàng làm đúng cái điều tôi muốn tránh, kéo tay tôi bước lên cầu. Tôi dừng chân đưa mắt nhìn Nàng.

"Sợ à?" Nàng cười tinh quái như đọc được ý nghĩ của tôi. Quả tôi có sợ phải bước qua giữa đêm khuya trên cây cầu này, cây cầu nổi tiếng về những vụ tự tử. Trai gái gặp chuyện trắc trở trong tình yêu thường dắt nhau ra đây. Cầu cao. Sông sâu. Thăm thẳm tưởng không hề có đáy. Tôi sợ cây cầu nhưng tôi còn sợ mất Nàng hơn. Tôi líu ríu bước theo cô gái... Ra đến giữa cầu Nàng dừng lại, nhìn xuống dòng sông như thách thức, như trêu ngươi tôi. Gió thổi mái tóc bay ngang vướng vào mặt tôi làm tôi ngây ngất vì mùi hương lạ...

Đấy, tôi đã quen Nàng như vậy đó, cái mở đầu bất ngờ thật vô cùng tốt đẹp. Từ lâu tôi thường nghĩ cách mở đầu. Tôi không biết mình sẽ mở đầu ra sao thì bỗng gặp Nàng chiều hôm ấy. Thật bất ngờ, như có trời xui khiến. Tôi thầm cảm ơn buổi chiếu phim, cảm ơn trận mưa rào giữa đường làm tôi đến trễ, cám ơn cả cái ghế hỏng trong rạp Tân Tân... Ban đêm tôi thao thức mong chóng đến ngày hôm sau được gặp Nàng, được nói với Nàng những lời tốt đẹp nhất tôi vừa nghĩ ra, và biết đâu sẽ được hôn Nàng! Nhưng rồi...

Buổi đầu tiên tôi tỏ ra quá linh hoạt. Đó là nhờ câu mở đầu của Nàng:

- Anh có thích tay diễn viên đó không? Spencer Tracy ấy?
- Thích, thích lắm! Tôi thích nhất trong các diễn viên nam đấy!

- Anh kể em nghe về diễn viên ấy đi!

Trời ơi! sao nàng lại gợi đúng chỗ! Hồi bấy giờ, tôi đã nổi tiếng về khoa này. Ở trường, khi trò chuyện với các bạn, các đề tài khác tôi kém cỏi nhưng đến đề tài này các bạn lại nhường tôi. Đêm nay, được nói với Nàng, ta tha hồ thao thao bất tuyệt. Tôi kể tên những phim Spencer Tracy đóng... Phim nào, làm năm nào, tốn bao nhiêu đô la. Tôi ngạc nhiên vì trí nhớ của mình... Nàng tỏ ra chăm chú khi nghe tôi kể về mối tình của anh diễn viên kia với hai người đàn bà là Louise Treadwell và Katherine Hepburn. Anh ta bị cả hai người đàn bà đẹp xâu xé.

Khi kể xong chuyện này, tôi tỏ ra đứng đắn và bình luận thêm:

- Tôi nghĩ như vậy là yêu đương lung tung, không đứng đắn!

Bất ngờ Nàng nói:

- Có sao đâu anh! Đời nghệ sĩ như vậy là thường!

Tôi hơi hẫng và suốt buổi trở lại im lặng. Nhưng chính Nàng lại gợi:

- Thế còn các diễn viên nữ? Anh không thích họ à? Cuộc đời của họ cũng lạ lắm chứ!

Tôi lại được dịp ba hoa về Vivien Leigh từng là vợ Laurence Olivier, từng đóng vai Scarlett trong "Cuốn theo chiều gió", về Deanna Durbin là chủ nhân một lâu đài nguy nga, có đến hai xe Cadillac, một xe Lincoln, về Shirley Temple diễn viên thần kỳ từ năm sáu tuổi...

Nàng lại ngước đôi mắt sáng nhìn tôi thán phục.

Bất ngờ nàng hỏi:

- Ngoài phim ảnh, anh có hay xem tuồng không?

Tôi ngạc nhiên:

- Tuồng gì? Cải lương hay hát bội?

- Hát bội ấy!

- Úi, họ hát nghe chói cả tai. Tôi không sao chịu nổi!

Nàng cúi mặt buồn buồn:

- Cũng có chỗ hay lắm! Anh chưa hiểu đó thôi.

Ba tháng qua, những hiểu biết về phim ảnh của tôi đã được dốc đến kiệt cạn. Đôi khi tôi có cảm giác tôi đã nói lại đến lần thứ hai, thứ ba những chuyện đã nói. Tôi đọc thấy điều đó trong đôi mắt Nàng. Đôi mắt tỏ vẻ thờ ơ, không mở to ngạc nhiên nữa.

Một hôm chúng tôi dạo chơi trên núi Ngự Bình. Trời đang nắng bỗng đổ mưa rào. Hai chúng tôi đứng nép dưới một cây thông cổ thụ. Nàng đứng ép sát vào người tôi. Mưa nhưng tôi thấy người nóng rực. Giá lúc ấy tôi mạnh dạn cúi xuống hôn Nàng thì mọi việc có lẽ sẽ khác đi, nhưng không hiểu sao tôi đâm ra lịch sự:

- Em, em có cho phép anh được hôn em không?

Một bóng tối lướt qua gương mặt đẹp. Tôi biết ngay mình phạm sai lầm. Tôi đã xin phép, tất nhiên, Nàng phải suy nghĩ đắn đo trước khi cho phép... Nàng đang ngập ngừng thì một toán sinh viên từ chân núi kéo lên. Trong đám có người quen gọi tôi. Chúng tôi đi theo họ...

Một lần khác. Đêm ấy chúng tôi ngồi, trên bến Văn Lâu. Sau này trong đời tôi, tôi không còn dịp thấy một đêm trăng sông Hương lạ lùng và bí ẩn đến vậy. Tấm lưng mảnh mai của Nàng tựa nhẹ vào vai tôi. Tôi từ từ quay lại, hai tay khẽ nâng khuôn mặt Nàng lên. Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt Nàng. Đôi mắt đắm đuối nhìn tôi chờ đợi... Lần này tôi định bụng không nói lời nào cả. Phải gắn ngay đôi môi náo nức của tôi vào môi Nàng với tất cả sức lực của một chàng trai đất Quảng (Anh Liên dạy tôi thế. Tôi sẽ nói về vị thầy này sau) Nhưng... khi tôi ôm chặt Nàng và tôi cũng cảm thấy Nàng nâng mình lên sát mặt tôi, đôi tay mềm mại quấn lấy lưng tôi, bỗng Nàng thét lên một tiếng khủng khiếp. Hai tay Nàng cứng lại, thu về đột ngột và bất ngờ Nàng xô mạnh tôi ra. Gương mặt Nàng méo lại đau đớn thảm hại. Tôi chưa kịp hiểu chuyện gì xảy ra Nàng đã vung tay! Mặt tôi rát bỏng (Ai bảo con gái Huế nhỏ nhẹ, dịu dàng).

- Anh giết tôi hả? - Nàng chỉ tay vào ngực Nàng.

- Sao?

- Sao với trăng! Anh đâm vào ngực tôi!

Tôi cúi xuống nhìn ngực Nàng, nhìn lại ngực tôi và tôi hiểu. Một mũi kim ló ra khỏi túi áo sơ mi của tôi đã đâm vào ngực Nàng. Khi chiều tôi mượn cây kim của bà chủ nhà đính lại cúc áo. Xong, ghim vào túi áo trên rồi quên luôn.

- Anh xin lỗi!...

Nàng ngồi xa tôi ra, thở dốc như muốn trút hết cơn giận ra khỏi lồng ngực. Tôi chỉ biết ngồi im lặng. Bỗng anh chàng Spencer Tracy

từ đâu hiện về trong óc tôi với những chi tiết vô cùng lý thú. Tôi phải mang ngay ra làm quà cho Nàng hòng cứu vãn tình thế đang tới hồi gay go:

- Em biết không, cái tay Spencer Tracy ấy...

Người run lên, mặt tái xanh. Nàng quát:

- Này, vứt ngay cái lão Tracy của anh xuống sông cho tôi nhờ!

Nàng đứng lên quày quả bỏ đi...

Phim "Đỉnh cao gió hú" mới về rạp Tân Tân. Thanh niên Huế xôn xao rạo rực. Nàng đến tìm tôi. Chúng tôi đã quên cuộc cãi vã ở bến Văn Lâu.

- Xem nhỉ?

- Xem!

- Vậy thì đi!

- Đi!

Rạp Tân Tân kia. Cửa bán vé đông nghẹt. Người mua chen chúc ghữa hai hàng song sắt nhọn hoắt. Người ta bơi trên đầu nhau. Những bàn chân đất hay mang giày tây đạp lên mặt nhau. Thấy những cái bụng trắng hếu dí sát vào những thanh sắt nhọn mà ớn! Tôi nhìn Nàng lắc đầu chán ngán. Nhưng Nàng đang háo hức:

- Xông lên đi, anh Bình!

Sau câu động viên rắn rỏi, hơi quân sự, thấy tôi còn ngập ngừng, Nàng chuyển điệu:

- Anh Bình!...

Tha thiết quá! chỉ hai tiếng thôi mà lòng tôi quặn đau. Tôi cởi áo sơ mi đưa cho Nàng, chỉ mặc áo may ô. Trước khi nhảy lên hàng rào sắt, tôi gửi đến Nàng một cái nhìn thấm thiết và nhận lại ở Nàng một ánh mắt vô cùng trìu mến. Với ánh mắt ấy tôi có thể nhảy lên giàn hỏa chứ nói gì cái hàng rào cao không quá hai thước kia! Tôi không đủ sức tả lại cảnh tả xung hữu đột diễn ra sau đấy. Chỉ biết là khi tôi trở ra, chiếc áo may ô tôi mặc bay đâu mất, mặt mũi sưng vù bầm tím, tay chân đầy vết xước tứa máu. Bàn tay phải nắm chặt lấy tấm vé và tờ quảng cáo phim, tôi lao về phía Nàng đang chờ tôi bên kia đường, dưới cây phượng vĩ. Gương mặt Nàng rạng rỡ như chưa bao giờ rạng rỡ đến thế! Nàng đảo mắt nhìn quanh và rất bất ngờ chạy vụt đến hôn vào môi tôi một cái hôn cháy bỏng. Mắt tôi rơm rớm lệ. Tôi từ từ mở bàn tay ra, lo những

cái vé biến thành những cánh bướm bay đi mất. Mấy tờ giấy nhớp nháp mồ hôi mủn ra trong tay tôi nhưng vẫn còn dùng được. Vẫn còn đó tờ quảng cáo, nhưng vé thì chỉ còn có một! Nàng chực òa lên khóc. Tôi quyết định nhanh:

- Mình em vào xem vậy. Anh chờ em ngoài này.

Mắt nàng hơi lóe lên lại tắt ngay:

- Còn anh? Em không muốn xem vắng anh.

Ôi hạnh phúc xiết bao! Nàng nghĩ thật giống tôi.

Tôi cũng không bao giờ xem một mình nếu vắng Nàng. Không xem phim đi chơi với Nàng còn thú hơn. Nghĩ vậy, nhưng tôi vẫn khuyến khích Nàng:

- Cứ xem, anh chờ.

Tôi mong Nàng từ chối. Nàng cầm chiếc vé trong tay tiếc rẻ:

- Hay là anh xem, em chờ!

- Không. Nếu xem thì em xem!

Nàng băn khoăn day dứt:

- Tiếc quá!...

Đành vậy. Em phải vào xem không thì phí công anh vất vả... Chờ em nhé. Tối nay chúng ta đi chơi đến tận sáng mai.

Thì ra nàng vẫn thích xem phim hơn đi chơi với tôi.

Nhưng biết làm sao được. Tôi với Nàng đều là môn đệ trung thành của điện ảnh. Vả lại như Nàng đã nói "uổng công anh".

Trước khi bước qua cửa rạp, Nàng quay lại đưa bàn tay nhỏ nhắn, mềm mại vẫy tôi và trao tôi một cái hôn gió. Tôi mang cái hôn gió đó trong tim ra ngồi chờ Nàng trên bến Văn Lâu... Tôi không còn trí óc đâu mà nhìn vẻ đẹp dòng Hương Giang khi chiều xuống. Tôi chỉ còn nhớ đến Nàng và nhớ đến hai cái hôn. Một cái vào môi và một cái bay theo gió... Trời đổ mưa mỗi lúc một nặng hạt nhưng tôi vẫn phải đứng núp dưới cây bàng này, không dám đi nơi khác, vì chúng tôi đã hẹn gặp nhau ở đây.

Phim sao dài thế!... Tiếng ồn ào từ phía rạp Tân Tân. Tôi ngoái lại căng mắt nhìn. Dòng người túa ra, rẽ về các ngả... Đường phố vắng dần... Chỉ thấy mưa lấp loáng trên cầu Tràng Tiền, chảy ròng trên đường nhựa... Vẫn chưa thấy Nàng... Tôi đâm lo. Hay Nàng gặp chuyện gì chẳng may. Hay Nàng bị cướp giật. Hay Nàng bị ốm ngất trong khi xem. Tôi muốn rời cây bàng này đi tìm Nàng nhưng

sợ bị thất lạc...

Ai như Nàng kia? Không có lẽ! Một người đàn ông đưa cao cái áo mưa rộng như một cánh đại bàng khổng lồ che cho một người con gái. Dáng anh cao lớn che gần khuất thân hình mảnh mai đi phía bên kia. Tuy vậy tôi vẫn nhận ra dáng đi quen thuộc. Bước đi ngắn, dáng đi hấp tấp hối hả. Và cái áo màu xanh lục kia nữa! Hình như có lúc Nàng nhìn về phía tôi. Nhưng rồi lại vội vã bước đi. Tôi rướn người lên định gọi Nàng nhưng cổ họng nghẹn lại, tôi không mở miệng được...

Nàng Công chúa của tôi bị đại bàng tha đi rồi... Đi khuất...

Cánh sao băng rạch một đường sáng dưới lòng sông, như đánh dấu, như chôn sâu mối tình đầu của tôi.

3

Con đại bàng khổng lồ ào bay qua, cánh dang rộng, rợp một khoảng rừng. Những ngọn cây cao cúi rạp sát đất quằn quại. Có lẽ đó là con chim lớn thời tiền sử còn sót lại. Nàng bị móng nó quắp chặt. Nó quạt mạnh đôi cánh chuẩn bị bay lên cao thì...

Nàng rơi!

Tôi giật mình tỉnh giấc. Ngoái nhìn đồng hồ. Ba giờ sáng. Bên kia bàn học, sát cửa sổ, anh Trà, anh Chữ, dậy từ bao giờ hay thức suốt đêm, đang rầm rì trò chuyện. Ngọn đèn điện trong cái chao giấy cháy xém, tỏa một quầng sáng xuống bàn làm việc. Ông ánh hai ly cà phê đen và bừa bãi những tàn thuốc lá...

Anh Trà, dụi mẩu thuốc vào đĩa trắng, mắt vẫn nhìn lá thư đang đọc hỏi:

- Anh có hiểu không?

Chữ cười, cái cằm nhọn như dài thêm ra:

- *Toa* khinh *moa* quá! Chẳng lẽ vốn tiếng Pháp của *moa* không đủ để đọc được lá thư của Nàng sao?

- Mình không nói nội dung lá thư mà nói bài thơ này kia!

- À, à... *moa* có biết nhưng đại khái...

- Anh thì cái gì cũng đại khái cả. Thế đã đọc Paul Valéry chưa?

- Chưa... chưa nhiều...

- Chưa nhiều nhưng cụ thể là bao nhiêu? Chưa đọc bài nào hả?

Vậy nghe mình nói đây! Trong thư trước chúng mình đã lòe cô ấy bằng một bài thơ tình của Ronsard. Nay cô ấy lại cho mình biết là cô ấy thích Valéry kia! Như vậy là cô ấy "chơi" mình đấy! Bài thơ của Ronsard hầu hết sinh viên ở đây đều thuộc. Còn bài thơ này...

Trà gật gật đầu suy ngẫm, tiếp:

- Ông này là thi bá của nước Pháp. Giới trí thức phương Tây nể ông lắm đấy!...

Anh đọc thầm câu thơ tiếng Pháp...

Chữ tỏ ra nôn nóng, bộp chộp:

- Thì mình cũng trích một bài thơ khác của Valéry gửi lại.

- Như vậy hỏng mất! Để mình nghĩ thêm đã. Sao "ông" ngu thế?

Thỉnh thoảng Trà vẫn có những câu mắng mỏ như vậy. Trong bốn người trọ ở đây, ba người đang đi học, anh Trà là người duy nhất đã đỗ tú tài và đang đi dạy. Anh ngước mắt nhìn lên trần nhà. Ánh đèn điện chiếu qua kính cận thị năm đi ốp của anh, nhỏ một giọt sáng bên dưới mắt. Tôi ngạc nhiên chỗ ấy sao không bị cháy. Tôi đã từng dùng kính hiển vi đặt trên một tờ giấy, mặt trời dọi một vệt sáng như thế và giấy đã ngún cháy. Gương mặt thanh tú, vẻ suy tư, kính cận gọng đen, anh Trà làm mềm lòng bao cô gái...

Câu chuyện bắt đầu cách đây bốn tháng.

Sau kỳ nghỉ hè, khi chúng tôi trở về lại căn nhà trọ này, anh Chữ, trước đây vốn là người hay càu nhàu nay trở nên người vui tính nhất. Chúng tôi chưa kịp hiểu lý do của sự thay đổi ấy thì anh nhận được một lá thư. Đêm nào anh cũng thức đến một hai giờ sáng, viết thư trả lời. Khác những lần trước, lần này mỗi lần viết xong anh lại xé. Một tuần trôi qua, lá thư vẫn chưa viết xong. Anh đành thú thật với anh Trà, nhờ giúp đỡ. Trong dịp hè, trên chuyến tàu hỏa Huế - Vinh, Chữ quen một người con gái vừa tốt nghiệp cao đẳng sư phạm. Cô giáo gửi anh một lá thư viết bằng tiếng Pháp. Trà nhận lời giúp đỡ và lá thư thứ nhất được gửi đi. Câu chuyện sẽ diễn biến theo một chiều hướng khác nếu Chữ không quá lười biếng. Lấy cớ chữ viết của mình xấu, anh để nguyên lá thư của Trà viết, gửi đi, không chịu chép lại. Tính đến nay, bốn tháng đã trôi qua. Chữ đã nhận được mười thư và Trà đã viết hộ mười lá trả lời...

Trà nói và Chữ tỏ vẻ lắng nghe. Tôi đã vài lần được nghe giảng như thế này. Ngày thường nếu tôi cứ hỏi, anh Trà cũng không giảng giải kỹ. Nhưng khi cầm lá thư của người con gái ấy trong tay, Trà nói một cách say mê. Đôi khi tôi có cảm giác không phải anh nói với Chữ mà nói với một người nào đấy, say sưa, mê mẩn... Nói với người con gái anh chưa hề gặp mặt chăng? Dù sao thì phần tôi, tôi cũng thu nhận được nhiều điều bổ ích, mà ở lớp học tôi chưa nghe giảng bao giờ.

Trà vỗ trán đánh đột một cái như vừa nhận ra điều gì, đứng lên bước đến giá sách ở góc phòng lục lọi. "Đây rồi". Anh reo lên, tay cầm quyển sách bìa màu mận chín, đến dưới ánh đèn, thổi nhẹ lớp bụi phủ bên ngoài, lật qua những trang giấy in...

Chữ chồm đến nhìn:

- "Les fleurs du mal" của Baudelaire!

- Ừ, sao?

- Anh định giết tôi à?

- Sao lại giết anh?

- Anh định trích những bài thơ trụy lạc đó để gửi cho Nàng?

- Ông chẳng hiểu chó gì cả!

- Ít ra tôi cũng hiểu tập thơ này đã bị tòa kết án là vô luân. Đối lại với Valéry là nhà thơ chững chạc, trí tuệ, anh đưa ra nhà thơ này!

- Đúng!

- Thôi, đừng viết nữa!

- Càng khỏe. Ông viết đi, và đừng nhờ tôi viết nữa nhé.

Vài phút trôi qua và Chữ lại làm lành:

- Tôi xin lỗi. Anh nói tôi nghe nào. Tại sao anh chọn ông này?

- Đặc điểm của ông này là rất ghét những cái tầm thường. Ông là một nhà thơ luôn tìm tòi không biết mỏi. Anh đọc thơ của ông ta, anh phải suy nghĩ sâu mới hiểu nổi. Cái gì cũng trụy lạc, trụy lạc! Sự nổi loạn của nhà thơ đó! Hiện nay ông được coi là ông tổ thơ hiện đại phương Tây, có ảnh hưởng đến thơ tượng trưng và siêu thực.

- Vậy sao? Tôi có biết đâu!

- Vả lại anh nên nhớ rằng phụ nữ họ rất ghét anh chạy theo họ một cách dễ dàng. Khi cô ta đã dẫn Valéry, một nhà thơ trí

thức, đúng đắn, mà anh dẫn lại một nhà thơ cũng kiểu như thế chưa chắc họ đã thích. Anh phải làm như anh chống lại họ, anh có những suy nghĩ của riêng anh, họ mới nể anh!

- Vậy thì... Tùy anh. Tôi cũng đành nhắm mắt đưa chân!

- Có gì mà phải nhắm mắt. Rồi anh xem, hiệu quả còn hơn những lá thư trước.

Quả thật sau khi nhận được thư này, cô gái trả lời bằng một thư rất thống thiết:

"... Ôi anh, đọc thư anh, em càng hiểu lòng anh và quý mến anh hơn. Em chỉ muốn được là cánh chim để bay ngay vào Huế gặp anh... "

Tôi nhớ khi đọc lá thư này, anh Chữ thét to như hóa dại, còn anh Trà chớp nhanh đôi mắt sau cặp kính cận.

Hai năm ở với nhau, chúng tôi thương nhau như anh em ruột. Khi dời là cùng dời, cùng sống chung với nhau. Hai năm, sáu lần dời nhà trọ. Xin đừng nghĩ chúng tôi được như thầy Mạnh Tử xưa. Chúng tôi rời nhà vì hai lý do. Thứ nhất, nơi trọ mới nấu ăn ngon hơn. Thứ hai, chỗ ở mới có một vài cô gái đẹp...

"Học trò trong Quảng ra thi,
"Thấy cô gái Huế chân đi không đành".

Không biết câu ca dao này được làm từ thời nào, thời các sĩ tử ra kinh đô thi Đình, hay thời các học sinh ra học các trường trung học. Tài thật! Chỉ một câu mà nói rõ được vẻ đẹp quyến rũ của cô gái Huế và bệnh si tình của những chàng trai xứ Quảng! Bốn người si tình, mỗi người một vẻ. Tôi thì các bạn biết rồi đấy. Đắm đuối, nhưng khờ dại, vụng về. Anh Chữ, suốt ngày viết thư, gởi cho mọi đối tượng, và chờ thư trả lời như chờ xổ số! Anh Trà thâm trầm, sâu sắc, tôi chưa hiểu nổi. Nhưng có đọc được những lá thư anh viết hộ mới hiểu lòng anh xao xuyến thế nào! Anh có thể viết cảm động đến thế, chỉ có hai cách giải thích: Một, anh yêu cô tha thiết, hai, anh là một tên giả dối, lừa bịp có nghề! Anh Liên cười mũi tất cả ba chúng tôi. Với anh chỉ có "khợp".

"Khợp" là danh trừ anh dùng để chỉ hành động ấy. Tôi tra từ điển không thấy có danh từ này. Anh kể những chuyện ấy cho chúng tôi nghe không ngượng ngùng, như kể lại một thành tích đáng tự hào...

- "Có lẽ mình hưởng được điều này từ các ông cụ tổ".

Ông nội anh Liên là địa chủ giàu nức tiếng ở huyện X. Sâu trong vườn, ông xây một nhà kho chứa thóc. Thỉnh thoảng có một cô gái trẻ đến đấy thăm ông, mang quang gánh theo nói là đến để vay lúa... Tuy đã trên bảy mươi tuổi, ông khỏe một cách lạ lùng. Sau mỗi cuộc truy hoan khá dài, gần một tiếng, ông ngã vật ra như một con vịt (anh Liên nói bằng tiếng Pháp "Il se vide comme un canard"). Và cô gái kia, mệt rũ, vẫn cố xúc đầy thóc ra về... Ông sống như thế đến năm bảy mươi lăm tuổi... Một đêm, một người đàn ông đào ngạch đến tận giường ông nằm. Anh ta đưa cái trã lên lỗ đào nghe ngóng. Im lặng... Anh ta đưa một cánh tay lên cao mò mẫm, lấy đà nhảy lên khỏi mặt đất. Cây siêu thép của ông nội anh Liên bay đến. Cánh tay trái của người đàn ông bị chém đứt rời, lăn trên nền nhà.

Một năm sau, đúng ngày giờ ấy, người đàn ông lại đến. Với cánh tay còn lại anh đã đào ngạch vào tận giường ông, mang đi thanh siêu quý và mang cả cái đầu ông già bảy mươi lăm tuổi.

Người ta bảo anh ta là người yêu của cô gái đi vay thóc kia.

Chưa hết! Còn câu chuyện của bác ruột anh Liên.

Một lần đến thăm anh Liên tại nhà trọ, bác đã kể cho chúng tôi nghe:

- "Tôi lái đầu máy xe lửa Hà Nội - Sài Gòn. Cậu muốn đi chơi vào Nam hay ra Bắc cứ hỏi tôi. Ga nào cũng biết tên Tài Hưng. Bọn con buôn trên tàu rất chiều chúng tôi. Nhất là những tên buôn thuốc phiện lậu. Đầu máy có nhiều chỗ để thuốc phiện. Bọn công - trô - lơ không sao biết được. Có biết cũng chẳng làm gì được nhau. Nhoáng cái chúng tôi có thể tung hộp thuốc xuống vực sâu hay vứt thẳng vào lò lửa. Một mụ buôn lậu là nhân tình của tôi trong nhiều năm. Các cậu có biết tôi làm tình với mụ ở đâu không? Trong phòng ấm với chăn êm ư? Không, không thú! Ngay trên bệ sắt trước đầu xe lửa, ngay khi tàu leo qua đèo Hải Vân, ngay giữa đêm đen... "

Tôi rùng mình. Tôi đã được thấy nhiều lần cái bệ sắt trước đầu máy. Đứng ở đó trong đêm, một bên là vách núi đá dựng đứng, một bên là vực thẳm... Dưới kia là sóng biển gầm gào. Phía trước là đường dây lao vun vút. Vào những đêm mưa bão đứng ở đấy khác nào đứng trên đường dẫn đến địa ngục!

Có lẽ nhìn thấy mặt tôi hơi tái, bác của anh Liên nói:

- Cậu Bình sợ hả? Chính tôi là lái tầu mà lần đầu tôi cũng hơi ghê. Nhưng về sau lại thấy thích và đâm nghiền những đêm như vậy. Cảm giác ấy lạ lắm!

Bỗng nhiên tôi tự hỏi:

- Cái cảm giác ấy nó như thế nào nhỉ.

*

Xịch xình xịch... xịch xình xịch... Hú ú... Tiếng còi nghe như mơ màng như từ cõi xa xăm vọng về. Tiếng hú ở ngay sau ngôi nhà này phía đường tàu hỏa. Tàu Huế - Đà Nẵng chuyến bảy giờ sáng. Tôi và Nàng có lần đã lên chuyến tàu như vậy, đi từ ga Huế đến ga An Cựu nhảy xuống, đi bộ về nhà... Cuối cùng rồi cũng nhớ đến Nàng...

Anh Liên vỗ nhẹ vào lưng:

- Dậy, Bình, dậy! Xôi mình để trên bàn. Nhớ về cái bàn cầu cơ tối nay chơi. Nhớ dấy!

Tôi ỡn người:

- Các anh kia đi đâu?

- Mấy ông ấy đi ăn bún bò rồi ra dây thép gửi thư. Mình đến thư viện một lát về ngay. Cơ đây cầm lấy!

Anh đặt vào tay tôi con cơ gỗ lạnh ngắt. Tôi chạm phải như chạm bàn tay ma. Hoảng hốt hất tay ra. Con cơ rơi xuống đất. Anh Liên cười rang rảng, khoái trá, nhảy ba bậc một xuống cầu thang. Tôi cúi xuống sàn, nhón cầm con cơ lên, đặt trên bàn học. Một miếng gỗ nhỏ bằng bàn tay thiếu nữ, hình trái tim, mặt trên trơn, mặt dưới có gắn ba cái đinh cúc để cơ có thể trượt dễ dàng trên giấy...

Hôm đó anh Liên rủ tôi đi tìm ván thiên quan tài cũ về làm cơ. Chúng tôi đi vào nghĩa địa phía Tây núi Ngự Bình. Người ta đang đào một ngôi mộ để cải táng. Tôi vốn ngại xem những cảnh này nhưng đã trót theo anh Liên phải tỏ ra bạo dạn. Qua thân nhân, tôi được biết cô gái chết năm mười chín tuổi. Cô đã từ cầu Bạch Hổ gieo mình xuống dòng Hương Giang. Qua nhiều năm hài cốt cô vẫn chưa tan. Trong khăn liệm vẫn còn những mẩu thịt da... Trời xẩm tối, người nhà ra về hết chúng tôi mới kiếm được một mảnh ván thiên, lúi húi trong đêm như hai thằng đào mả trộm!

Về đến nhà anh Liên vào phòng riêng, bật đèn, loay hoay với cái hộp đá dài hơn gang tay. Anh lấy một thanh thép mỏng bật nắp hộp. Bên trong là một cây sáo trúc. Anh thở dài đưa cả sáo lẫn hộp cho tôi:

- Tưởng vàng bạc gì! Cậu biết thổi sáo cậu giữ lấy!

Tôi nghi ngờ:

- Anh nhặt cái này trong mộ à?

- Không. Mình nhặt được trên đường về.

Tôi định đưa sáo lên môi thổi thử nhưng nghĩ sao tôi lại đặt sáo vào trong hộp đá, mang về để trên giá sách.

Tuần qua, anh Liên ra công bào, đẽo để có được con cơ này. Tôi biết anh Liên đặt con cơ trên bàn gỗ gác trên phòng anh. Tôi ít vào đấy để khỏi nhìn thấy nó. Tôi có cảm giác những cái đinh cúc như những con mắt nhỏ nhấp nháy sáng.

Anh Liên đốt một nén hương lâm râm khấn. Chúng tôi đặt ngón tay trỏ lên mình cơ, chờ... Bây giờ tôi hiểu điều đó là trò chơi nhân điện, nhưng ngày ấy tôi tin lắm. Đêm khuya thanh vắng. Mùi hương ngào ngạt. Tiếng khấn thì thầm như nói chuyện với người âm. Con cơ làm bằng mảnh ván thiên, từng thấm xương thịt một người con gái đã tự vẫn. Những gương mặt quanh tôi nghiêm trang và xanh xao. Những hình người phình ra, biến dạng chập chờn trên cái trần thấp...

Chúng tôi gồm năm người, kể từ trái sang phải: Anh Liên, tôi, chị Hà, chị Minh (hai cô gái chưa chồng con bà chủ) và anh Chữ. Chúng tôi không cho anh Trà vào cuộc chơi này vì anh không tin nên hay phá đám. Có lần một ông Thánh nhập vào cơ, làm bài thơ Đường rất hay. Về sau tôi mới biết đó là thơ của anh Trà. Từ đấy chúng tôi không cho anh dự nữa. Anh nằm trên giường đọc sách thỉnh thoảng liếc sang ánh mắt chế giễu...

Cơ bắt đầu chạy. Dưới bàn ngón chân anh Liên bấm mạnh bàn chân tôi. Tôi rút chân lại. Lát sau cô Hà bên tôi ngẩng lên cười ỏn ẻn. Tôi đoán bàn chân anh Liên đã tìm đúng địa chỉ...

Anh Liên lấy vẻ nghiêm trang hỏi cơ:

- Xin cho biết, ai về đấy?

Cơ chạy nhanh về phía chữ Quỷ. Tôi lạnh người.

Chị Minh hỏi:

- Nam hay Nữ?

Cơ chạy về phía chữ N rồi chạy đến chữ U. Mọi người đồng thanh: "Nữ!"

Anh Trà ở ngoài chõ vào:

- Vậy là quỷ cái đấy!

Cơ chỉnh ngay:

- Anh Trà không được giỡn!

Anh Trà cười nhưng mọi người vẫn giữ vẻ trang nghiêm. Xương sống tôi lạnh buốt.

Cô Hà hỏi giọng thông cảm:

- Thường quỷ sống ở đâu?

- Ở ngoài bến Kim Long, đôi khi về bến sông này.

Anh Chữ giọng nửa đùa nửa thật:

- Vậy đêm nay quỷ vào đây ngủ cho đỡ lạnh.

Cơ đáp:

- Có lời mời thì ta vào!

Anh Liên hỏi ngay:

- Vào thì ngủ với ai?

Cơ nói:

- Ngủ với anh Bình! Tôi đã đi chơi và xem phim với anh Bình rồi đấy!

Tôi giật thót người, rụt tay lại đứng lên:

- Thôi, không chơi nữa? Kinh bỏ mẹ!

Tôi về giường nằm, nghĩ về cô gái nói là đi học trường Kim Long và nhà ở tận chân núi Ngự. Bốn người còn lại tiếp tục chơi như thế đến một hai giờ sáng. Thỉnh thoảng tôi nghe chị Hà cười rú lên như bị ai cù...

Vào khoảng ba giờ sáng có một bóng áo trắng đi lướt qua cạnh giường tôi. Tôi nghĩ "Cô gái đã tự vẫn ở bến Kim Long chăng!" Tôi cứng người không mở miệng được. Nếu cái bóng trắng ấy chui vào màn tôi, không biết tôi tính sao! May thay cái bóng trắng ấy đi về phía phòng anh Liên...

Bỗng nhiên tôi nghe xông lên mùi hương lạ!

Sao mùi hương đó lại có ở đây?

Sáng hôm sau tôi hỏi anh Liên:

- Đêm qua anh có thấy gì lạ trong phòng anh không? Đấy, hình

như mùi hương còn phảng phất đấy!

Anh Liên nhìn quanh cánh mũi phập phồng:

- Ờ, ờ, có cái gì mùi gì lạ thật! A mùi hương nhu! - Anh chợt la lên.

Tôi hỏi:

- Mùi hương nhu là mùi gì?

- Cậu đúng là dân thành phố lại ít gần đàn bà nên chẳng hiểu cái quái gì cả! Hương nhu là một loại cây rất thơm dùng làm thuốc. Đàn bà hay dùng hương nhu để tắm gội.

- Thế là đúng rồi!

- Cái gì đúng?

Tôi không trả lời anh. Tôi đã nhận ra.

*

Bốn mươi năm sau, tôi gặp lại anh Trà tại Hà Nội. Anh đã là một nhà trí thức lớn có uy tín trong và ngoài nước. Chúng tôi nhắc đến những người bạn cũ. Khi nghe tôi báo tin anh Liên hy sinh tại đèo Hải Vân từ những ngày đầu kháng chiến, anh xúc động lặng đi một hồi lâu.

- Mình có được ai tin cho biết đâu!

Trầm ngâm một vài giây anh thốt lên "kể cũng lạ!" Anh cho tôi biết anh Chữ đang làm viện phó một viện quan trọng và nói thêm:

- Mình biết rất rõ anh ta! Kể cũng lạ!... Còn anh, bây giờ anh làm gì?

- Diễn viên thổi sáo, đã về "một cục"!

Anh cười ranh mãnh:

- Trông cậu liến hơn xưa!

Sau một hồi đắn đo tôi hỏi:

- Anh có được tin gì về cô giáo?

Đôi mắt vụt sáng lên sau cặp kính cận:

- A!

Tôi gợi đúng vào chỗ nào đấy sâu thẳm trong anh chàng.

Mặt hồ trở lại yên tĩnh. Giọng anh trầm buồn.

- Hè năm ấy anh Chữ đi phép gặp cô ta, và vở kịch bị lộ.

- Chuyện ấy tôi có biết!

- Nhưng anh chưa biết chuyện này. Cô ấy buộc anh Chữ cho biết ai là người đã viết những lá thư kia. Anh Chữ đành phải thú

nhận!... Sau đấy một tháng mình nhận được một lá thư dài của cô ta, và lần này viết bằng tiếng Việt... Tôi tò mò, háo hức:

- Cô ấy nói những gì?

Anh nhìn ra xa, tránh nhìn tôi, tránh trả lời câu hỏi của tôi, trán hơi cau lại suy tư.

Anh nói rất khẽ như tiếng nói thầm nhưng tôi nghe rõ:

- Kể cũng lạ!

4

Tôi mở hộp đá lấy sáo lau sạch lớp bụi bám bên ngoài mang ghế đẩu ra ban công ngồi, thử đưa sáo lên môi. Đêm nay thứ bảy mọi người đi vắng cả. Anh Liên hình như đi chơi với cô gái con chủ nhà. Anh Trà, anh Chữ đến quán Mimosa không bao giờ về trước nửa đêm... Chơi với bạn cùng lớp, môn gì tôi cũng thử qua. Có mùa hè vác giá vẽ theo một anh họa sĩ lội khắp núi đồi Bạch Mã. Có năm học tôi bị điểm kém suýt không được lên lớp vì đêm nào cũng đi hòa nhạc với các bạn tận trong thành...

Nhạc cụ gì tôi cũng tập tọng. Man-đô-lin, vi-ô-lông, sáo... Biết tý chút, không giỏi môn nào. Tôi không thể nhớ trọn một bản nhạc. Nhưng tôi nhớ nhiều câu hò Huế, hò Quảng, nhiều câu thơ Kiều, Chinh phụ ngâm... Và tôi thầm ngâm những câu thơ ấy khi thổi sáo... Nhớ câu nào tôi thổi câu ấy. Ngân nga điệu nào tôi thích... Tự do theo dòng suy nghĩ. Mà cũng không biết mình đang nghĩ gì. Mung lung. Mang lang... Một đốm sáng thoáng qua trước mặt. Nàng công chúa bé bỏng của tôi lướt qua dưới đôi cánh đại bàng... Nàng có kêu lên không? Hình như Nàng có kêu. Tôi mong như vậy. Và tôi chới với gọi Nàng. Tiếng sáo vút bay theo. Nỗi đau đớn, uất ức ghìm từ lâu, từ tim tôi trào ra. Bây giờ không ai ngăn được tôi cả! Tôi mặc sức mà la hét, mà khóc lóc, mà kể lể, mà oán hờn... Tôi như mê đi... Mãi cho đến khi có tiếng phanh ô tô rít ở đầu cầu Bến Ngự tôi mới tỉnh. Sực nhớ là mình đang cầm chiếc sáo nhỏ trong tay... Thường khi chiếc xe rác về qua cầu là đã khuya lắm. Sao giờ này các anh ấy vẫn chưa về? Tôi xách ghế bước vào nhà. Đèn bật sáng tự bao giờ. Có mặt đủ cả: Anh Trà, anh Liên, anh Chữ, và ngấp

nghé đầu cầu thang là chị Hà con bà chủ. Chỉ nghe tiếng lộc cộc đôi guốc gỗ của tôi vang trên sàn. Tất cả mọi người nín lặng, im như tượng, mắt mở to sững sờ... Chị Hà đột ngột ôm mặt nấc lên, lao xuống cầu thang. Anh Trà bước đến bắt tay tôi thật chặt, hơi trang trọng... Anh Liên vỗ mạnh vào vai tôi một cái như muốn nói điều gì đấy.

Khác với mọi đêm, hễ về đến nhà gặp lại nhau là các anh nói chuyện râm ran đến gần sáng. Đêm nay các anh ấy lên giường nằm im lặng. Tôi muốn hỏi các anh về đã lâu chưa nhưng không dám hỏi. Sợ biết rằng các ảnh đã nghe những tiếng sáo dớ dẩn của tôi.

Lát sau anh Trà mới cất tiếng:

- Bọn mình về gần một giờ rồi nhưng đứng im để nghe cậu thổi sáo. Sống với nhau đã lâu bữa nay mới biết Bình là một nghệ sĩ.

Sáng mai Bình phải đi với anh Liên lên núi Ngự Bình. Có chuyện hay đấy!

Nói thế rồi thôi. Anh quay ra cùng các bạn ngủ ngon lành. Còn tôi, tôi vẫn thức. Tại sao lại lên núi Ngự Bình? Chẳng lẽ... Tôi nghĩ đến ngôi mộ cô gái tự tử ở bến Kim Long... Tôi muốn hỏi nhưng đã nghe tiếng các anh ngáy nhẹ... Sáng hôm sau, chủ nhật, tôi theo anh Liên lên núi.

Anh Trà bảo:

- Bình cứ đi sẽ rõ. Nói trước mất hay!

Điều tôi lo sợ thành sự thật. Anh đưa tôi theo con đường ngày nào chúng tôi đã vào đây tìm ván thiên làm cơ. Khi đi ngang qua ngôi mộ trống hoác còn vương vãi những mảnh gỗ mục, những mảnh vải mủn nát tôi hơi rùng mình, bước nhanh, cố quay mặt đi nơi khác. Cũng may anh không dừng lại ở đấy mà đi sâu hơn về phía Tây... Đường dần hẹp lại, dốc hơn, lởm chởm đá. Khoảng một tiếng đồng hồ sau nhìn lại tôi không còn thấy hình dáng Núi Ngự nữa mà thấy mình đứng giữa một rừng cây rậm rạp. Tôi đã lên núi Ngự nhiều lần nhưng chưa lần nào lên đến tận đây. Chúng tôi dừng lại để nghỉ vài phút... Bỗng một tiếng chim sắc nhọn đột ngột lao vút qua đầu chúng tôi rồi biến mất.

Tôi ngẩng mặt lên. Trên kia, chìm trong sương mù lờ mờ bóng mái chùa cổ.

Tiếng chim lại cất lên.

Không, tiếng sáo! Tiếng sáo xuyên qua đám sương mù dày đặc vờn quanh mái chùa, ngập ngừng một lát, bay là là trên những tán lá dày, xanh biếc... Bất ngờ tiếng sáo vút lên trời cao với một tiếng thét xé lòng...

Tôi hiểu được giá trị của tiếng sáo tuyệt vời kia!

Chúng tôi lần theo bậc gạch lên đến tận ngôi chùa, tai dỏng lên lắng nghe, mắt tìm kiếm hồi hộp theo dõi mọi tiếng động, cố tìm cho ra người thổi sáo. Nhưng loanh quanh suốt một buổi sáng mà chẳng thấy một ai... Sương mù tan dần... Ngôi miếu hoang vắng vẫn còn mang âm khí lạnh lẽo. Âm hưởng tiếng sáo như còn lẩn quất đâu đấy, lóe lên từng lúc trong óc tôi như một tiếng thở than...

Chúng tôi buồn bã ra về.

Xẩm tối, chúng tôi mới về đến nhà. Anh Liên quá mệt lăn ra ngủ. Tôi biết mình sẽ thao thức suốt đêm nay. Anh Trà kéo tôi đến bên bàn làm việc của anh, pha hai ly cà phê đậm:

- Có nghe tiếng sáo không?

- Có. - Tôi trả lời mà óc vẫn còn chưa tỉnh táo.

- Có gặp được người thổi sáo không?

- Không.

- Mình cũng vậy. Được nghe hai lần nhưng chưa được gặp người thổi sáo bao giờ. Lần này mình để cậu đi, may ra... Cậu nghe tiếng sáo có gì lạ?

- Lạ... mà... cũng không...

- Đúng vậy, tiếng sáo rất lạ, mình chưa hề được nghe bao giờ. Nhưng với cậu... Bình này, giống tiếng sáo của cậu lắm, cậu biết không?

Tôi im lặng cố lắng nghe tiếng sáo còn vang lên trong đầu tôi. Anh Trà đẩy gói thuốc Bastos về phía tôi. Tôi từ chối. Anh đốt một điếu, rít một hơi dài:

- Tối hôm qua, lúc về gần đến đầu cầu, nghe tiếng sáo mình lạnh cả người. Mình không nghĩ là cậu thổi mà cho rằng người nào đấy đã đến đây. Lên lầu, thấy cậu cầm cây sáo trúc mình tạm yên tâm...

Anh yên tâm nhưng tôi, tôi không yên tâm.

Cả tuần lễ sau đấy hầu như tôi không học được gì, đầu óc luôn

bị tiếng sáo xâm chiếm, hành hạ. Tiếng sáo vừa như một tiếng chim lảnh lót, vừa như một tiếng nấc đau đớn, sắc nhọn, cứ xoáy mãi vào óc tôi...

*

Chuyện về cây sáo chưa hết. Ít lâu sau, vào một đêm mười sáu ta, trăng sáng vằng vặc, anh Trà đề nghị tôi thổi sáo cho bạn bè nghe. Nếu là ý muốn của người khác, tôi sẽ thoái thác nhưng với anh Trà tôi không dám từ chối.

Ngoài những người trong nhà còn có bạn của các anh. Gần hai mươi người chen chúc trên căn gác nhỏ. Có đến sáu, bảy cô nữ sinh trẻ. Chỉ các cô gái được ngồi trên ghế, trên giường, còn cánh con trai ngồi bệt trên sàn gỗ hay đứng tựa ban công. Anh Trà tắt ngọn đèn duy nhất trong phòng. Ánh trăng tràn qua cửa lớn trải một tấm chiếu bạc trên sàn. Mọi người có ý dành chỗ ngồi trang trọng ấy cho tôi. Tất cả đều ngồi lẫn vào bóng tối, im lặng chờ đợi. Không khí trang nghiêm quá. Tôi không rụt rè như mọi lần trước đám đông mà cảm thấy tự tin vì biết mình có thể làm được điều đó. Những ánh mắt mở to, nhấp nháy trong đêm khuyến khích tôi. Tôi lặng lẽ bước vào giữa chiếu trăng ngồi xuống, xếp bằng tròn nhẹ nâng sáo lên... Tôi cảm thấy ngay có điều lạ! Lỗ sáo không thít chặt môi tôi như mọi hôm, đầu lưỡi không tê tê... Và cái mùi ngòn ngọt tôi chờ đợi cũng không có nữa...

Tôi thổi tiếng đầu tiên.

Im lặng trang nghiêm nhưng có gì đó hơi nặng nề, căng thẳng. Điều gì xảy ra thế này? Tiếng sáo tôi mong đợi không thoát ra khỏi cây sáo dễ dàng như tôi tưởng. Đúng là hơi tôi không vào được cái lỗ sáo quá nhỏ bé. Tôi thổi mạnh hơn. Vài giọt nước bọt bắn ra. Tôi kín đáo lấy khăn tay lau sáo và thổi lại lần thứ hai, thứ ba... Một tiếng phì phì như tiếng trẻ con nghịch, thổi bong bóng.

Trong tay tôi bây giờ là một thanh gỗ cứng đờ, lạnh như thép... Hơi tụ lại đâu đó không thoát ra được. Ngồi giữa ánh trăng xanh, lạnh, mà người tôi nóng râm ran, mồ hôi toát ra ướt đầm vai...

Bỗng một tiếng nói của ai đấy, tiếng nói thật ác nhưng là tiếng nói cứu tinh, chỉ vì có tiếng nói ấy mới giúp tôi thoát khỏi hoàn cảnh này:

- Anh Trà cho bọn mình nghe Trạng Quỳnh thổi sáo!

Tôi cầm ngang cây sáo đánh mạnh vào cột gỗ trước mặt.

Choang! Tiếng vang như tiếng thép. Cây sáo không gãy, rung lên trong bàn tay tê dại của tôi. Tôi nhìn nó một lần nữa. Hình như nó không sây sát chút nào. Tôi vứt nó vào góc phòng và gục đầu xuống.

Tôi không biết điều gì xảy ra sau đó. Không cả nghe tiếng chân của mọi người đã đi khỏi căn phòng từ lâu... Chiếc chiếu trăng sáng hơn, lóng lánh hơn... Và hình như từ góc phòng nơi chiếc sáo rơi, có tiếng thở dài...

Tiếng sáo trúc trên miếu hoang. Cô gái tự vẫn. Con quỷ nhập vào cơ. Nhiều chuyện khó hiểu. Anh Trà quen nhiều bạn, lại có óc nghiên cứu nên anh đã để tâm tìm hiểu những vấn đề này. Và tôi được anh cho biết câu chuyện sau...

Anh Liên nói với tôi anh nhặt được hộp đá dưới chân núi. Nhưng anh đã nói thật với anh Trà là vật ấy tìm thấy ngay trong ngôi mộ của cô gái. Thấy hộp lạ anh ngầm cho tiền người phu đào huyệt và lấy được cái hộp này. Anh Trà đã thử thổi nhưng không ra được nốt nhạc nào. Lỗ sáo rất nhỏ, thổi nặng hơi mà không ra tiếng... Mãi đến khi nghe tôi thổi sáo. Tiếng sáo lại giống tiếng các anh được nghe trên núi Ngự anh mới cất công tìm hiểu...

Cách đây gần một trăm năm, dưới triều vua Tự Đức, ở Bình Định, có một nhà soạn tuồng nổi tiếng tên Đào Tấn. Vua vời ông ra kinh ban cho chức "hiệu thư" để ông soạn những vở tuồng hát bội. Không những ông có tài soạn tuồng, ông còn giỏi cả việc huấn luyện các diễn viên. Khi ra Huế ông đưa theo một số nghệ nhân tài năng. Trong số họ có gia đình một nhạc công thổi sáo. Từ chức "hiệu thư" ông Đào Tấn làm đến chức thượng thư. Ông nổi tiếng là một vị quan thanh liêm, hết mực chăm lo đời sống của dân. Nhưng ông cũng là một sĩ phu tiến bộ có tinh thần chống Pháp. Tên Việt gian Nguyễn Thân, cấu kết với bọn thực dân Pháp tìm cách hãm hại ông, bao vây nhà ông ở. Những người dân Huế, đặc biệt những nghệ nhân hát bội, rất quý mến ông. Người nhạc công thổi sáo đã cho con gái mình năm ấy vừa mười chín tuổi tìm cách vào nhà thăm nom ông cùng gia quyến. Cô gái không những xinh đẹp còn giỏi môn thổi sáo, và đặc biệt xuất sắc khi sắm các vai

đào chiến. Khán giả kinh thành hồi ấy đã mê những vai tuồng cô sắm như Đào Tam Xuân loạn trào, Hồ Nguyệt Cô hóa cáo... Trong số những người mê cô có một tên thực dân Pháp. Hắn bắt được cô, định cưỡng hiếp. Cô chạy thoát khỏi tay hắn, gieo mình xuống sông Hương tự vẫn... Khi đặt xác cô vào quan tài, người cha đã cho chôn theo một cây sáo trúc. Gần đây dòng họ nghệ nhân sáo ở Bình Định ra mang di hài cô về quê...

Anh Trà kết luận:

- Như vậy cô gái nằm dưới mộ kia đúng là một trong những nghệ nhân của cụ Đào Tấn.

- Như vậy cây sáo kia, nghe nói làm bằng một loại trúc quý của Bình Định đúng là của cô gái.

- Như vậy tiếng sáo chúng ta nghe được trên miếu hoang chỉ có thể là tiếng sáo do cô gái thổi.

- Và như vậy, Bình ạ, chỉ có cậu mới có duyên thổi được cây sáo kỳ lạ đó! - Anh Trà nói những lời nói khó tin đó với một vẻ nghiêm trang hiếm thấy.

5

Tôi đi vào cuộc kháng chiến chống Pháp với cây sáo trong ba lô. Cây sáo luôn ám ảnh tôi. Tôi có cảm tưởng đang cõng một linh hồn nhỏ bé. Mỗi lần cầm sáo trong tay tôi liên tưởng đang cầm một bàn tay giá lạnh. Khi đưa nó lên môi, đôi khi đầu lưỡi tê tê. Sáo tiết ra một hương vị ngai ngái, ngòn ngọt. Tôi đã đưa cho vài ba chục nhạc công sáo chuyên nghiệp thổi nhưng không một ai thổi thành tiếng cả. Tôi tìm đến bác Thành, một nghệ nhân sáo mù nổi tiếng ở Thu Xà. Bác cầm cây sáo, vuốt qua hàng lỗ rồi đưa trả tôi:

- Lỗ sáo nhỏ như trôn kim, làm sao thổi được. Để tôi khoét rộng ra.

- Xin cảm ơn bác

Tôi giữ nguyên cây sáo lại.

Tôi sợ cây sáo "đau"! Tuy vậy lối ướn ẹo, trái tính trái nết của sáo tôi không chịu nổi...

Một đi buổi sáng mai từ trong rừng đêm bước ra, bất ngờ tôi

gặp suối Ha Ni lấp lánh sáng... Tôi đặt chân lên những tảng đá tròn trắng phau, lốm đốm lá vàng như những con báo nhỏ. Lòng những muốn hát ca. Tôi trèo lên một tảng đá cao đưa sáo trúc lên môi. Tôi đã có chủ định. Tôi cố gắng thổi đến lần thứ tư. Vẫn không thoát ra được một thứ tiếng nào cả, dù là một nốt "đô" nhỏ bé. Như vậy là sáo chỉ cho phép tôi thổi khi nào hồn tôi đầy ắp yêu thương. Còn tình tôi đến mức nào chỉ có sáo biết! Sáo là chủ hay tôi là chủ đây? Đã vậy thì... Tôi đứng lên vươn mình, hít một hơi căng lồng ngực, lấy hết sức quẳng cây sáo về phía xa...

Một tiếng rít trong gió nghe như tiếng thét đau đớn bay theo. Vậy là yên tâm. Tôi mang ba lô đi tiếp đoạn đường, lòng thanh thản vì từ nay không còn bận tâm vì cây sáo kỳ cục ấy nữa...

Được nửa ngày đường tôi lội qua một con suối sâu. Và kỳ lạ chưa kìa, cây sáo của tôi vướng vào một nhành rễ si, nằm ngay trước mặt như đợi tôi từ lâu lắm. Bạn có nghe chuyện một người chủ thả trôi sông con chó của mình, sau nó cắn được dây trói trở về liếm tay chủ! Tôi lao đến nhặt cây sáo như sợ nó trôi đi mất, đút lên túi áo ngực trái, vì cây sáo không dài hơn một cây bút máy.

Từ ấy sáo theo tôi như một lá bùa hộ mệnh. Tôi không cần phải thổi sáo mà chỉ cần biết là sáo còn nằm ở đấy bên tim tôi.

*

Những vệt đỏ lừ như những mũi tên lửa nhỏ tua tủa bay về hướng tôi... Lần này thì trúng rồi! Chưa! Chắc lần này. Cũng chưa! Đến hôm nay tôi vẫn chưa giải thích nổi điều đó. Ấy vậy mà sau này, một lần đang đi giữa rừng già Trường Sơn yên tĩnh, một viên đạn vu vơ của một chàng lính vô kỷ luật nào đấy đã xuyên má tôi làm vỡ ba cái răng. Không tin vào số mạng vẫn cứ phải tin. Tôi nằm dán người sát mặt đất. Một mảnh đá con, nhọn hoắt, thúc vào rốn đau điếng. Tuy vậy tôi không vứt mảnh đá đi. Ít ra nó nhắc là tôi còn sống!

Đột nhiên bốn bề yên lặng. Ta không bắn vào đồn địch mà lính Pháp cũng không bắn ra. Im lặng dễ sợ. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay dạ quang. Hai giờ hai mươi phút. Lần trước tôi xem: hai giờ mười lăm phút. Như vậy mới có năm phút trôi qua. Nhưng sao lâu thế! Sự im lặng này chuẩn bị cho cái gì ghê gớm đây! Lần này không

chắc mình thoát.

Đồ ngu! Ai bảo xung phong đi với chủ công? Anh tiểu đoàn trưởng cánh tay phải cụt đến nách nhìn thẳng vào mắt tôi: "Thôi, cậu Bình ở nhà đi! Mai bọn mình về thổi cho nghe vài bài sáo là được rồi!" Giọng anh chân tình nhưng không phải không ngầm ý: "Nhìn cậu mình biết cậu ngại đi với bọn mình đúng không?" Giá tôi kịp chặn cái tự ái xuống thì bây giờ tôi đã ở phía sau, trùm chăn ngủ một giấc chờ tin chiến thắng. Nhưng tôi đã hăng hái:

"Phải đi chứ anh! Trận đánh quan trọng mà!" Anh tiểu đoàn trưởng xòe bàn tay trái to bè vỗ vai tôi: "Văn nghệ bám sát chiến đấu hả? Hoan hô! Vậy thì đi! Nghe tin văn công cũng ra mặt trận, chiến sĩ ta khoái lắm đó!"

Nhưng bây giờ thì tôi sợ. Sợ thực sự!

Quân đội Pháp mở một cuộc hành quân lớn hòng chiếm vùng tự do Liên khu Năm. Trong lúc chúng chờ chủ lực ta vào trận, ta lại giao vùng tự do cho nhân dân và bộ đội địa phương chống giữ, còn các binh đoàn chủ lực hùng mạnh kéo lên miền Tây đánh những trận tiêu diệt lớn. Lính ta vừa hành quân vừa cười: "Bác Hồ đánh giặc theo kiểu Khổng Minh đây!"...

Trong cái đêm tháng giêng đáng ghi nhớ ấy, tôi là một trong hàng vạn chiến sĩ kéo lên đây. Và bây giờ tôi đang run sợ vì quanh tôi đã có quá nhiều xác chiến sĩ. Đồn Tây còn sờ sờ kia, vẫn chưa giải quyết được.

Tiếng súng công kích bắt đầu từ mười một giờ đêm hôm qua, đến bây giờ là ba giờ sáng, hướng chủ yếu vẫn chưa mở được đột phá khẩu. Tôi đã nhìn thấy ánh chớp của không biết bao nhiêu bộc phá, nhưng những hàng rào dây thép gai bùng nhùng dày đặc, những lỗ châu mai mới phát hiện đã cản bước tiến của quân ta... Ánh sáng đùng đục hừng lên phía đông. Gần năm mươi xác chiến sĩ nằm rải rác trên bãi cỏ trống, dài gần trăm mét, chạy từ bờ rào vào đến chân đồn...

Trước mắt tôi chỉ còn một điểm di động nhỏ hầu như không thấy được. Đó là chị y tá Bốn. Tôi quen chị khi tôi tập bài hát "Cảm tử quân" cho đại đội 3. Chị hát sai nhất nhưng lại hát to nhất đại đội. Biết tôi là người đồng hương chị reo lên:

- A, người đồng hương! Anh phải về phe tôi mới được. Tôi nói

đám trẻ này là tỉnh Quảng Nam mình có hai cái nhất toàn quốc, một là dứa Chiên Đàn ngọt nhất, hai là thuốc Cẩm Lệ thơm nhất, nhưng chúng có nghe đâu!

Hỏi ra mới biết Chiên Đàn là quê anh, còn Cẩm Lệ là quê chị.

Tôi hỏi: "Chị mê anh vì một câu hò phải không?" Chị đáp ngay "Phải đó, chồng tôi người nhỏ xíu he! Tôi chê ảnh tiếc tiền không chịu ăn nhiều để to lớn như người ta." Ảnh hò liền một câu: "Vậy con ong bao lớn mà nó chích cái bầu cũng cù queo!" "Thế ảnh không chê con gái Cẩm Lệ hút thuốc lá nhiều à?" "Có, ảnh chê tôi hút thuốc lá nhiều hôi xì!" "Sao chị không bỏ đi". "Cũng muốn bỏ đi cho ảnh vui lòng nhưng nghiện lâu rồi, khó bỏ quá!" "Chị không bỏ thuốc ảnh bỏ chị lấy người khác đó!" Chị tròn mắt: "Bỏ tôi à? Lấy ai? Đố dám lấy ai? Đố dám lấy?"

Ăn nói bặm trợn vậy nhưng đối với chiến sĩ trong đại đội chị thương như anh em ruột thịt...

Chị đã bò qua những dãy rào dây thép gai vào tận thành đồn, cõng các chiến sĩ bị thương trở ra. Chị đã vào ra như thế đến hơn hai mươi lần, với người đồng đội trên lưng, chân và tay nhích dần tý một để khỏi bị lộ. Chợt tôi nghe có tiếng lao xao mé trái. Tôi nhoài người sang. Sau một gốc mua rậm, dưới một hố đào vội, có ba bốn người đang tụm vào nhau trao đổi điều gì đó, vẻ quyết liệt. Tôi lắng nghe và biết được đó là ban chỉ huy tiểu đoàn X, vừa mới chuyển từ hướng Tây sang. Họ đang lo lắng tình hình chiến sự. Hướng chủ yếu chưa mở được. Điều đó tôi đã biết rồi. Nhưng còn điều này tôi chưa biết. Đại đội sáu ở hướng thứ yếu đã vào từ lúc hai giờ sáng, đã chiếm được một phần ba đồn nhưng không phát triển thêm được tấc đất nào nữa, đang nằm chết gí tại chỗ, chờ đại đội chủ công vào. Tôi nghe giọng anh Khôi hơi cà lăm mỗi khi xúc động:

- Ph... ph... phải rút thôi! Thương vong nhiều quá!

Trời sắp sáng rồi!

Bây giờ là giọng tiểu đoàn trưởng cụt:

- Chúng ta cố dấn lên một chút mà! Rút ra bỏ lại xê sáu trong kia à?

- Họ sẽ cố thủ chờ tối.

- Dấn lên một chút thôi mà! Rút ra sẽ bị thiệt hại!

- Không được. Chiến sĩ hy sinh quá nhiều rồi! Không rút nhanh, trời sáng, địch nhìn thấy, ta càng thương vong thêm. Điện xin ý kiến trên rút thôi!

Chính giữa lúc ấy tôi nghe một tiếng lạ! Lúc đầu chỉ là tiếng thì thào như tiếng rên của ai đó, phía trước, chếch bên phải... Về sau tiếng đó rõ dần và tôi nhận ra là tiếng hát được cất lên trong cơn đau tuyệt vọng.

Tôi trườn lên. Y tá Bốn!

Người chị co lại như con tôm, hai tay chận bụng. Cũng như tôi, chị đang lắng nghe tiếng tranh cãi của ban chỉ huy. Ngừng một lát chị lại tiếp tục hát. Lần này không thều thào nữa mà rõ ràng, vang xa:

- "Tiến lên đường, tới sa trường, ta xứng danh là cảm tử quân. Tiến lên đường, tới sa trường, trông súng gươm chúng ta coi thường... "

Một người từ phía hầm ban chỉ huy la lên: "Ai đó? Im đi không? Chết cả lũ bây giờ"

Chị Bốn vẫn hát, hát to hơn, và vẫn chỉ một câu ấy "Tiến lên đường... "

Giọng chị đột nhiên khản đặc, nghẹn lại. Chị gập người ho sặc sụa, mặt bị giằng xé bởi nỗi đau khủng khiếp. Tôi với tay sờ bụng chị. Trời ơi! Lầy nhầy máu và lòi thòi một mẩu ruột. Tôi hét lên:

- Để tôi băng cho!

- Không cần cậu. Cần cái khác kia. Có mang sáo đấy không?

- Có đây!

- Lấy ra! Thổi lên! Thổi to cho mình hát theo với!

- Sáo chứ có phải kèn đâu mà thổi to được! Mà cái sáo này nó hay trái chứng lắm kia!

- Mặc kệ. Cứ thổi đi!

Và không chờ tôi, chị chồm lên thét: "Tiến lên đường, tới sa trường... "

Như cái máy, tôi rút cây sáo đưa lên môi...

Suốt đời tôi không sao quên được đêm thổi sáo lạ lùng ấy. Trong cảnh trời rạng sáng mờ mờ ảo ảo, vắng lặng đến ghê người, tiếng hát của y tá Bốn nghe thật rợn! Máu đang chảy, ruột đang phòi ra, và một khát khao chiến thắng! Tiếng sáo của tôi cứ nương theo tiếng hát của chị mà bay lên... Thương chị quá chị Bốn ơi!...

Một loạt đạn "Tằng, tằng, tằng" ba tiếng rồi im bặt.

Hình như ta và địch đều bất ngờ vì tiếng hát lạ lùng. Ở lô cốt 1 và 2, nơi đại đội sáu đã chiếm, bỗng bùng lên những tiếng hát như thế. Và ở sau lưng tôi, cũng như ở khắp mặt trận, tiếng hát ấy vang lên rung động cả núi rừng...

- "Tiến lên đường, tới sa trường, ta xứng danh là cảm tử quân..."

Bộc phá nổ, cửa mở, những đợt xung kích tràn vào, những hàng tù binh dài dằng dặc...

Tôi nhớ tất cả những cảnh ấy, nhưng nhớ hơn cả là tiếng hát lúc thều thào, lúc vang xa của chị y tá Bốn...

6

Mấy tháng sau, tôi có dịp đi trên một chuyến xe goòng...

Vầng trăng đuổi theo xe goòng của chúng tôi. Lúc ba giờ chiều, hai chiếc máy bay "Spitfire" đen trũi thả bom đánh sập cầu sắt bắc qua sông X. Cầu chìm xuống dòng sông xanh. Vậy mà đến tận năm giờ chiều nhà ga vẫn bán vé tại một toa tàu cũ nát ẩn mình trong cỏ tranh cao lút đầu người. Xe goòng tránh cầu gẫy, đi trên một đường sắt mới bắc, núp trong cỏ năn, chạy xuống sát mép nước, đưa chúng tôi qua bên kia sông. Chúng tôi còn thấy những thanh sắt đen chĩa lên nền trời xám như những cánh tay gầy guộc kêu cứu.

Được đi xe goòng trong đêm trăng là điều vô cùng thú vị. Khi xe chạy trên đường bằng, công nhân và hành khách trò chuyện râm ran. Khi xe leo dốc, cánh thanh niên chúng tôi nhảy ra khỏi xe đưa tay đẩy giúp. Khi xe xuống dốc, chúng tôi bu vào càng xe, gió thổi ngược ào ào, cành lá hai bên đường quất ràn rạt, tiếng xe rít nghe rợn óc, xe lắc lư như sẵn sàng lao xuống vực trong tích tắc, mọi người nhắm mắt lại, rú lên như điên. Thật khoái!... Xe dừng lại một tiếng để tra dầu mỡ vào các ổ trục, và để hành khách có dịp đi tản bộ sau nhiều giờ ngồi bó gối.

Tôi xuống xe bước trên những thanh tà vẹt gỗ đi về phía Bắc. Vừa đi, tôi vừa nghĩ đến mảnh đất Bình Định này. Đất của Nguyễn Huệ, của chàng Lía, của Đào Tấn... Mảnh đất nhà thơ tôi yêu mến nhất đã nằm lại. Và đây cũng là mảnh đất của những người con gái giỏi gươm đao.

"Ai về Bình Định mà coi.
Con gái Bình Định múa roi đi quyền".

Rủi mình lấy phải con gái Bình Định chắc chết quá! Tôi tự cười thành tiếng và bỗng tôi nghe như có tiếng cười đáp lại. Tôi nhìn quanh. Không có ai cả. Qua một xóm nhà tranh heo hút, qua một cánh đồng lúa có nhiều ao nước sáng như những tấm gương tròn, tôi đến trước một rừng cây rậm. Ven bìa rừng mọc một bụi trúc xanh. Từ lâu tôi ước mơ có một cây sáo trúc thật hay, thật đẹp do chính tay mình cắt. Còn cây sáo trúc rất ngắn của tôi, tôi có điều khiển được nó đâu. Tôi rời đường sắt bước vội tới, rút con dao mang theo bên người, đốn một cây vừa ý nhất, tẩy lá, chặt một đoạn ngắn, rồi hối hả quay về. Phía xa, tiếng còi giục khách lên xe. Tôi cắm đầu chạy.

Tôi kịp đến trước khi goòng chuyển bánh...

Xe lại chạy qua con đường tôi vừa đi. Tôi ngắm nhìn một lần nữa những ngôi nhà tranh vắng lặng, những cái gương bạc giữa cánh đồng xanh... Bây giờ từ trên cao nhìn xuống tôi thấy rõ hơn bụi trúc tôi đã chặt một cây. Thân cây gãy gục, cánh lá xác xơ, rụng vương vãi... Sau khóm trúc có những ngôi mộ cổ đen. Lòng tôi xốn xang, hối hận. Nếu thấy trước những ngôi mộ đó tôi đã không chặt cây trúc. Nhưng bây giờ đã lỡ rồi!

- Làm ăn như vậy đó! Lấy một đoạn trúc ngắn mà nỡ giết một cây trúc!

Giọng con gái Bình Định nhỏ nhẹ nhưng nghiêm trang, ở sát bên tai. Rõ ràng muốn ám chỉ tôi. Tôi ớn người thấy vai trái của mình chạm vào vai người ngồi bên, mềm mại nhưng lạnh giá. Tôi quay sang. Dưới ánh đèn bão lắc lư, tôi thấy một người con gái mặc áo xanh lục ngồi bên tôi tự lúc nào. Làm sao cô ta biết được chính tôi đã chặt cây trúc kia? Mà việc ấy thì có gì là quan trọng? Nhưng tại sao cô ta dùng tiếng "giết"? Có lẽ tôi đã phạm một lỗi nặng chăng?

Bỗng... thoang thoảng một mùi hương.

Tôi sống lại cảm giác lần được bác sĩ gây mê để mổ vết thương trong đầu. Thuốc mê hắc hơn, còn mùi hương này dịu hơn nhưng lại làm tôi mơ màng rơi vào một cõi sâu nào đó của quá khứ hơn mười năm trước. Hương nhu! Tôi nhớ lại tất cả. Những bạn học ở Huế... Đêm cầu cơ... Cô gái trên cầu Bạch Hổ... Tôi tỉnh dần lại,

nhìn sang... Hơn mười năm rồi không còn nhớ rõ có đúng khuôn mặt ấy không? Ngày ấy tôi thường gặp Nàng những buổi chiều tối... Đôi mắt sáng ẩn hiện sau làn tóc dài thì vẫn vậy. Giọng nói và dáng dấp lại có vẻ trẻ trung hơn. Mà hơn mười năm rồi. Nếu đúng là Nàng còn sống thì Nàng phải già hơn chứ. Nhưng mùi hương nhu thì không lẫn vào đâu được. Tất cả mọi người đàn bà đều thích dùng hương nhu để tắm gội chứ đâu phải riêng Nàng? Chỉ hơi ngờ ngợ cái áo màu xanh lục...

Tôi bước ra khỏi giấc mơ, nhớ lại câu Nàng trách...

Tâm hồn tôi lắng lại. Tôi nói nhỏ bên tai cô gái:

- Tôi biết. Tôi có lỗi!

Gương mặt sáng xanh ánh trăng của Nàng bị che khuất một bên vì mái tóc đen dài, đang nghiêm trang bõng dịu lại:

- Nhưng anh chặt trúc để làm gì?

- Tôi muốn khoét một cây sáo thật hay, thật đẹp.

- Anh biết thổi sáo?

Nàng gần như kêu lên.

- Tàm tạm.

- Anh là nhạc sĩ.

- Nhạc sĩ vườn.

Nàng cười ròn. Nụ cười của trẻ thơ. Mái tóc nàng gợn sóng trăng. Mùi hương nhu lan tỏa.

- Nếu anh làm được một cây sáo mà anh lại biết thổi nữa thì... cũng đáng một cây trúc.

Im lặng vài giây Nàng nói tiếp:

- Cũng đáng một đời trúc!

Như vậy là trên chuyến xe đêm nay, tôi may mắn được làm quen với hai người bạn đường đáng mến. Bên trái tôi là cô gái đẹp, còn bên phải tôi, - vì tôi ngồi ở ngoài cùng, - là người công nhân già đẩy xe goòng, thỉnh thoảng ở những đoạn dốc tôi lại nhảy xuống đẩy giúp ông, để ông lên xe ngồi nghỉ bên cạnh cô gái. Chúng tôi chóng quen thân nhau...

Mây đen mang theo hơi lạnh ùn đến. Tưởng trời sắp mưa, những công nhân đẩy xe goòng cúi gập người sải bước. Xe trượt vào một đường hầm tối. Tiếng gió vù vù hút vào từ phía hầm... Tiếng kim khí của đường ray ngân dài chuyền nhau dội về phía sau xe... Òa! Ánh sáng bừng lên sáng rõ như ban ngày. Xe men theo một sườn

núi, còn dưới kia là một biển trăng xanh biếc. Lộng lẫy. Mênh mông. Cảnh đẹp đến choáng ngợp nhưng hầu hết khách trên xe đều lim dim ngủ vì bây giờ đã quá nửa đêm. Cuộc chạy bom khi chiều lại quá vất vả. Tôi ngỡ ngàng trước cảnh biển bao la.

Bỗng một giọng hò cất lên. Không phải một giọng hò, cũng không phải một giọng hát mà đúng hơn một giọng ngâm thơ.

Chính người công nhân già đẩy xe bên tôi ngâm:

"Tối hôm nay muôn sao bay nhấp nhánh
Sông Mê Hà đưa đẩy sóng triền miên
Thuyền anh buông lững lờ trong hiu quạnh
Tới em chưa, đã tới bến lòng em?"

Giọng ngâm thơ buồn, xe goòng như đi chậm lại. Một anh cán bộ mang súng ngắn ngồi trước mặt tôi thức giấc làu bàu:

- Bác hát những bài yêu đương này đẩy xe sao nổi! Tay thi sĩ nào mà yếu đuối thế?

Cô gái ngồi cạnh tôi lễ phép một cách cố ý:

- Thưa anh, hình như thơ Hàn Mặc Tử đó.

Tôi giật mình. Tôi rất mến nhà thơ mà cũng không nhớ được những câu thơ trên,

Người công nhân già vừa ngâm câu thơ trên buồn lặng lẽ:

- Chúng ta sắp bước vào địa phận ông yên nghỉ.

Im phăng phắc. Rồi tiếng lục rục, tiếng sờ soạng, tiếng ho khẽ... Mọi người thức giấc. Một bà cụ ngồi giữa xe hỏi vọng ra:

- Nhà thơ nằm chỗ mô bác biết không?

- Chỗ kia kìa...

Chúng tôi nhìn theo hướng tay ông già, chỉ thấy một mỏm núi đen mờ.

Cô gái Bình Định năn nỉ:

- Hò tiếp đi bác! Bác có nhớ bài nào về trăng không? Đêm nay trăng sáng quá mà!

Anh cán bộ thở dài. Đột ngột bác công nhân ngước mặt lên nhìn trăng. Tôi kịp thấy một gương mặt khắc khổ với vầng trán rộng, mái tóc bạc lượn sóng. Lần này giọng hát của bác không ê a, mềm yếu như lần trước mà âm sắc như rung trong ánh trăng. Bất giác tôi đưa cây sáo ngắn lên môi.

"Gió rít tầng cao trăng ngã ngửa
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô

Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra..."

Giọng bác đau đớn quá! Người con gái bỗng nấc lên, khóc tức tưởi.

Xe dừng lại ở chân đèo thay ca. Trước khi chia tay, bác công nhân âu yếm vỗ nhẹ vai cô gái, đoạn nắm chặt tay tôi:

- Bạn đường của cháu có chuyện buồn đấy! Đường còn dài. Cháu phải an ủi cô ấy nghe!

Bác cùng ba người công nhân kia kéo nhau vào xóm. Từ đấy tôi không được gặp bác nữa. Như vậy đấy, trong đời tôi khi ta chỉ gặp người nào đó thoảng qua nhưng rồi hình ảnh người ấy cứ bám vào ta đến suốt đời.

Vài sợi tóc xõa bay mơn man má tôi. Hơi thở nhẹ nồng ấm bên cổ tôi, cô gái đã ngủ thiếp trên vai tôi tự bao giờ. Tôi cố ngồi im không cử động. Không rõ tôi ngồi trong tư thế ấy được mấy giờ rồi. Cánh tay trái tôi tê dại. Tôi hơi nghiêng mình, nhớm người. Nhưng khi cánh tay tôi vừa nhích ra, nàng ngã hẳn đầu vào ngực tôi tin cậy.

Tôi nghĩ nàng đang say giấc. Bỗng nàng đưa bàn tay mềm mại nhỏ nhắn lên mặt tôi, đưa lên má, lên mang tai, sờ trúng cái sẹo lớn. Bàn tay dừng lại rồi xoa nhẹ quanh cái sẹo như ước lượng.

- Anh bị thương hả?

- Vâng

- Ở đâu?

- Bến đò Xu.

- Nằm viện không?

- Có.

- Bệnh viện nào?

- Tam Kỳ.

- Mấy tháng?

- Bốn tháng.

Bàn tay dịu dàng xoay nhẹ đầu tôi về phía Nàng...

Nàng không hôn tôi bằng môi mà đưa mũi hít sâu vào má tôi một hơi dài, rồi thả nhẹ đầu rơi xuống ngực tôi, đúng chỗ quả tim tôi đang đập rộn ràng... Hạnh phúc đến bất ngờ muốn ngạt thở! Trong tôi dâng lên một nỗi lo lắng mơ hồ. Làm sao giữ mãi được

Nàng, giữ mãi được cái hạnh phúc lớn lao này.

Xe goòng chạy qua một vùng bằng phẳng đầy cỏ lác. Bầu trời thấp mờ xám, thỉnh thoảng hừng lên vài khoảng sáng ao ảo... Bánh xe nghiến đường ray tạo nên một âm thanh đều đều của loại nhạc cụ làm bằng kim khí...

Mờ sáng hành khách xuống ga cuối cùng trong màn sương dày đặc. Anh cán bộ mang súng ngắn nói một câu bâng quơ: "Con gái mà đi xe goòng đêm là hư hết" Nàng quay phắt lại, mắt long lên, dữ kỳ lạ! Tôi cũng bất ngờ. Anh cán bộ líu ríu bước về ngả khác. Tôi nhớ mãi đôi mắt Nàng lúc ấy. Không phải đôi mắt trẻ thơ như tôi nghĩ lúc ban đầu. Rất giống đôi mắt cô gái Huế xưa.

Tôi đưa Nàng đi nhanh về phía ngôi nhà quen nằm trong vườn chuối sau ga. Người nhà còn ngủ. Tôi dẫn Nàng ra giếng gạch, múc nước cho Nàng rửa mặt rồi đưa Nàng đi về phía đồi thông chạy dài phía đông thị trấn. Chúng tôi bước trên lớp cát mềm, ẩm ướt, vượt qua nhiều ngọn đồi, leo lên đến mỏm cao nhất. Ở đấy có một cây thông lớn, bị sét đánh cụt ngọn. Ở đấy cách xa nhà ga và thị trấn là hai nơi máy bay địch thường oanh tạc.

Phía Đông hừng lên màu hồng nhạt, nhưng mặt trời vẫn còn ẩn sau màn sương. Sương đặc quánh bao quanh chúng tôi. Những ngọn dương liễu đen trôi vật vờ giữa cát và sương, mơ hồ, bảng lảng... Tôi trải tấm chăn cá nhân lên thảm lá thông khô dưới gốc cây. Nàng nhìn tôi ngượng ngập chưa dám ngồi xuống. Tôi ngồi xuống trước và rất bất ngờ tấm thân mảnh mai đổ xuống, ngã vào lòng tôi. Nàng nức nở khóc. Tôi vuốt tóc Nàng:

- Sao em khóc?

- Vì... em sung sướng quá!

Nàng nói nước mắt tràn mi và Nàng lại gục vào lòng tôi.

Đột nhiên Nàng nói một câu mà sau này tôi cứ nhớ mãi:

- Đừng bao giờ bỏ em nghe anh!

Đáng lẽ tôi phải nói câu đó chứ đâu phải Nàng. Nàng đẹp, vẻ thanh cao. Còn tôi một thằng lính xoàng, không tài cán, không đẹp trai, không giầu có... Tôi cảm thấy hạnh phúc quá mong manh đang lo nó bay đi thì Nàng lại nói vậy. Khi nói câu ấy Nàng đã phó thác tất cả cho tôi và chỉ yêu có mình tôi. Chúng tôi ngồi bên nhau như thế từ sáng sớm mai, đến trưa rồi đến chiều tối. Và thỉnh

thoảng Nàng lại nói "Đừng bỏ em nghe anh!". Khi tôi hỏi tại sao Nàng khóc khi nghe bác công nhân ngâm thơ Hàn Mặc Tử, Nàng bảo vì nhớ đến ông nội. Từ bé Nàng đã được ông nội nuông chiều, đến năm Nàng mười bốn tuổi ông mất vì bệnh lao. Khi chết ông thổ ra rất nhiều máu. Vì vậy khi nghe những vần thơ máu Nàng lại nhớ đến ông. Khi tôi hỏi Nàng ở đâu. Nàng trả lời mơ hồ:

- Em chưa có chỗ ở nhất định. Em ra đây tìm nhà bà con hỏi công ăn việc làm. Sau đó em sẽ đi tìm anh.

- Nhưng nếu anh muốn tìm em thì tìm ở đâu?

Nàng trả lời dứt khoát:

- Để em đi tìm anh!

Cuối cùng chúng tôi hẹn đúng một tháng sau tức ngày rằm tháng bảy chúng tôi gặp nhau tại gốc dương này.

Đêm hôm ấy Nàng tiễn tôi ra tận bến đò dọc xuôi Tam Kỳ. Hai câu cuối cùng Nàng nói khi chia tay là "Đúng ngày rằm tháng bảy" và "Đừng bỏ em nghe anh!"

Tôi về đến đơn vị thì được lệnh đi công tác ở Bắc Hòa Vang. Hai tháng sau tôi có dịp ghé lại đồi dương. Tôi chỉ thấy một mảnh áo lụa màu xanh lục cột vào rễ dương trồi lên mặt đất. Như vậy là Nàng đã đến nơi này... Tôi không được chia tay Nàng trước khi tập kết ra Bắc.

7

Ra đến Hà Nội được vài năm, tôi tìm cách vào cho được cái ngành tôi mơ ước, tôi cho là sang trọng nhất trong các ngành nghệ thuật: Điện ảnh.

Bước đầu, tôi xin vào xưởng phim làm một chân thư ký đạo diễn. Sau vài năm tôi được giao làm trợ lý đạo diễn và được cho đi học. Ra trường tôi làm phó đạo diễn. Sau một phim tôi trở thành đạo diễn chính. Tính từ ngày làm thư ký đạo diễn đến khi làm đạo diễn chính bộ phim truyện đầu tiên, đoạn đường tôi phải trải qua là mười ba năm.

Trong mười ba năm ấy tôi đã có được một vài "thứ". Một bậc lương khá, một chức vụ ở hội đồng nghệ thuật Bộ, một căn hộ xinh đẹp, vài tấm áp phích phim tôi đạo diễn, vài cô nhân tình và lẽ

tất nhiên một ít lòng kính phục của người chung quanh.

"Chịu ông" "Ông làm phim nhanh thật" "Đề tài ấy ngoài ông ra chẳng có tay nào dám làm". Khen đấy cũng là chê đấy! Tôi đủ tỉnh táo để hiểu chứ! Mọi người phục tôi vì lòng kiên trì, vì tinh thần xông xáo, nhưng ít ai nể tôi về tài năng. Sau hơn mười năm tôi hiểu được rằng cái nghề này khó, rất khó! Dù sao thì tôi cũng đã chọn nó rồi. Lắm đêm không ngủ được. Mình cũng làm như người ta vẫn làm. Rất có bài bản từ khâu phân cảnh đến khâu dựng, nhưng sao phim vẫn chưa hay?

Chính giữa lúc ấy Nàng đến...

Đêm ấy tôi đang đọc kịch bản phim "Lá xanh". Bên văn hóa rất cần đề tài này. Ông giám đốc xưởng phim khi trao kịch bản cho tôi đã nói: "Mình chọn mặt gửi vàng đấy!" Khác với những lần trước lần này tôi thận trọng: "Anh cứ cho xem, nếu thấy được, tôi làm ngay" "Khó khăn mới cần đến anh, anh không nên từ chối". Tôi đang muốn làm một cái gì đó cho ra hồn. Tôi không muốn kéo dài bản danh sách phim dở của tôi thêm nữa. Tôi đọc kỹ kịch bản. Quá yếu! Trả lời với giám đốc sao đây?

Nhận làm phim. Trước hết tôi sẽ nhận được một số tiền thù lao kha khá. Có việc đang làm chứng tỏ mình còn đang là một đạo diễn.

Không nhận. Mất số tiền thù lao lớn. Người khác sẽ nhảy vào ngay. Cấp trên sẽ nhìn mình với đôi mắt khác. Trong danh sách phim của mình sẽ bớt đi được một phim dở. Nhưng như thế liệu có lợi gì?

Giữa lúc ấy có tiếng gõ cửa nhẹ... Vào giờ này? Tôi nhìn đồng hồ bàn. Mười một giờ đêm. Chắc có ông bạn nào xem kịch về khuya tạt qua. Nhưng sao tiếng gõ cửa nhẹ, rất nhẹ, như sợ người chung quanh nghe biết. Tôi khẽ kéo chốt, mở he hé cánh cửa gỗ. Cánh cửa bị xô mạnh. Một làn gió lạnh ùa vào cùng với mái tóc dài đen nhánh. Như đồng lõa, tôi quài tay đóng nhanh cửa lại. Trước mặt tôi là một người con gái đẹp tôi chưa hề gặp. Người còn gái cười tủm tỉm như muốn nói "Không nhận ra em ư?" Và cô đứng như vậy nhìn tôi không chớp, cố tình quay mặt vào ánh đèn để tôi có thể nhìn cô rõ hơn. Có lẽ đến mấy phút sau tôi mới cất được tiếng nói khi nghĩ đây là một cô gái ăn sương:

- Cô vào nhầm nhà rồi!

- Nhà anh Bình chứ nhà ai mà nhầm!

Tôi hốt hoảng, trố mắt nhìn, vẫn không nhận ra người đứng trước mặt. Sống lưng tôi bỗng lạnh buốt. Mùi hương nhu nhè nhẹ tỏa lên từ thoang thoảng đến ngào ngạt. Cô gái trên xe goòng! Có lẽ đôi mắt tôi đã thú nhận với cô.

- Nhận ra rồi hả? Đúng em đấy. Từ ngày rằm tháng bảy năm ấy đến ngày rằm tháng bảy năm nay, đúng mười ba năm rồi chứ ít gì! Anh không tìm em thì em tìm đến anh vậy.

Cô nhìn lên công tắc đèn trên vách đưa tay tắt. Tôi rơi vào biển đêm.

Đêm hôm sau, rồi hôm sau nữa, Nàng lại đến.

Tôi cảm thấy bồn chồn, nôn nao khi nhìn thấy cái dáng trăng trắng, hồng hồng, lúc ẩn lúc hiện sau tấm kính trắng đục. Tấm cửa bật mở. Làn hơi trắng như sương ùa ra, tràn ngập cả gian phòng tôi đang ngồi. Bất giác tôi nhắm nghiền hai mắt để mặc cho hơi nước ấm, ngát mùi hương nhu thấm vào tận óc, tận tim. Và cũng để tôi khỏi phải nhìn thấy ngay Nàng.

Một tiếng cười khẽ:

- Tại sao lúc nào anh cũng phải nhắm mắt lại như vậy?

Hình như lúc nào tôi cũng làm như vậy tuy Nàng quá hiểu tại sao. Tôi từ từ hé mắt như đứa bé hồi hộp nhìn món quà mình thích. Lần nào nhìn đến cũng là lần đầu tiên. Một khối cẩm thạch đẫm nước. Mái tóc đen như mun chảy đến tận gối. Sau khi lau khô thân mình xong. Nàng vứt cái khăn lông màu hoàng yến lên thành ghế, đưa đôi tay nõn nà vuốt nhẹ từ thái dương lên đỉnh đầu, tóm gọn chân tóc trong lòng bàn tay rồi bắt đầu quay tít. Những giọt nước óng ánh bắn ra chung quanh, bắn cả vào mặt tôi, mát rượi... Tôi thấy mê cả cái tiếng vù vù ấy nữa, và cố tình đưa mặt hứng những giọt nước tiên... Đoạn Nàng đến ngồi trên giường gỗ, trải chiếu cói trắng, mặt hơi cúi, mái tóc rũ che thân hình Nàng như một tấm rèm đen... Về sau này tôi còn có dịp trông thấy Nàng sử dụng tóc và tay huyền diệu hơn nữa... Nàng nằm đó với hai màu đen trắng, hai màu bình thường nhất nhưng với tôi là hai màu kỳ ảo nhất. Trên đầu Nàng là một vầng hào quang đen. Mắt nàng thăm thẳm, huyền bí. Bây giờ đôi mắt ấy đang khép nhẹ dưới hàng mi dày. Đôi mày có lẽ quá rậm so với khuôn mặt nhỏ nhắn của nàng. Tôi

dừng mắt lại lâu dưới bụng Nàng. Một màu huyền mềm mại, óng ả. Tất cả những màu đen ấy nằm trên một làn da trắng như sữa, một màu trắng thanh cao nhưng hơi lạnh lẽo. Tôi ngồi lặng đi như người họa sĩ đang cố gắng phát hiện tất cả những vẻ đẹp của tạo hóa. Thật đẹp đẽ mà cũng rất thiêng liêng... Trên làn tóc mây óng ả, Nàng như bồng bềnh trôi đến một nơi xa nào đó mà Nàng muốn rủ tôi đi cùng... Nàng với bàn tay nhỏ nhắn cầm bàn tay thô ráp của tôi. Cũng như mọi lần, tôi cảm thấy bàn tay Nàng lạnh ngắt. Tôi hơi rùng mình. Nhưng bàn tay nàng ấm dần và hơi ấm lan truyền khắp người chúng tôi...

Bao giờ cũng vậy, sau những giây phút đê mê, tôi cảm thấy tâm hồn dịu ngọt thì trái lại, người Nàng như tê dại, hoảng loạn. Tại sao Nàng lại có những biểu hiện như vậy? Hay Nàng mắc một chứng nan y? Đó là những giây phút tôi lo lắng nhất... Nhưng thôi, về chuyện này tôi sẽ trở lại sau. Bây giờ Nàng đang tỉnh táo và chúng tôi đang trò chuyện.

- Có thật là anh yêu em không?
- Cần gì em phải hỏi câu đó!
- Thì anh cứ trả lời em đi!
- Anh yêu em.
- Yêu em nhất, yêu em hơn tất cả mọi người. Nói đi!
- Em muốn điều gì anh cũng làm theo hết!

Không biết bao nhiêu lần rồi, Nàng đã hỏi như vậy và như một cái máy, tôi đã trả lời như vậy. Nàng không hỏi câu gì khác và tôi cũng không có cách nào trả lời khác. Nàng hỏi với giọng thúc ép mà không tin thuyết phục được tôi. Còn tôi, tôi cố ra vẻ thành khẩn nhưng cũng không nghĩ là Nàng tin lời tôi nói.

Lại những câu của hôm qua:

- Vậy tại sao anh không bỏ tất cả để đi với em?
- Bây giờ anh chẳng hoàn toàn thuộc về em là gì?
- Phải bỏ hết kia! Bỏ chức vụ, bỏ căn nhà, bỏ cái thành phố này, đi với em!
- Nhưng tại sao lại phải như thế? Anh vẫn là của em đấy thôi. Tại sao lại phải bỏ một chỗ làm việc nhiều người mơ ước, bỏ một căn nhà xinh. Bỏ hết để ra đi, trần trụi như những đứa lang thang?
- Phải, em mơ ước cuộc đời của kẻ lang thang. Anh chẳng cần

mang theo thứ gì hết. Chỉ cần mang theo cái sáo trúc thôi. Chúng ta sẽ sống được. Chẳng chết đói đâu mà anh sợ! Đấy là điều em mong muốn nhất. Và lần này, em nói lần cuối, nếu anh không nghe em thì chúng ta mãi mãi chia tay.

Tôi có cảm giác lần này giọng nói của Nàng quyết liệt hơn mọi lần.

- Em về đây! Nếu anh không làm được như thế thì không bao giờ em đến nữa!

Nàng ra về. Tôi cố ra dáng thật đau khổ để làm vừa lòng Nàng, nhưng tôi vẫn tin rằng tôi sẽ được gặp lại nàng, say đắm hơn những lần trước. Nàng sẽ gặp lại những câu hỏi ấy, và tôi sẽ lặp lại những câu trả lời ấy.

Và Nàng lại đến...

Sau những giây phút hoan lạc, Nàng thở đều. Nàng nằm trong tư thế nghiêng tay phải đặt lên vai trái tôi, mềm mại tin cậy. Mấy sợi tóc thơm vương qua mũi, qua miệng tôi. Môi hồng nhạt mỉm cười trong mơ... Như vậy là đêm nay khác với những đêm trước, không có những cơn hoảng loạn. Nàng đang trôi vào một giấc ngủ say... Tôi cảm thấy yên tâm, nằm im, cố gắng không cử động để cho Nàng ngủ. Tôi nhìn lên trần nhà nghĩ miên man, nghĩ đến những mong muốn của Nàng.

Bỗng như có năm mũi dùi cắm vào vai tôi rồi cào xuống ngực. Đau buốt! Bắt đầu rồi đấy! Những giây phút kinh hoàng đâu có tha tôi. Nhưng lần này đến chậm hơn và có vẻ quyết liệt hơn... Bàn tay dịu dàng của nàng bỗng co rút lại. Năm ngón tay như dài ra và nhọn hơn mỗi lúc một ấn sâu xuống ngực tôi. Bàn tay rung lên, rồi cả cánh tay rung lên để lấy sức, rồi cả thân hình oằn lại. Tiếp theo là tiếng thở dốc. Hơi thở thổi vào cổ tôi, nóng hổi. Khuôn mặt nàng đang bình thản, bỗng nhiên bị sức mạnh vô hình nào đấy bóp lại giày vò. Nàng phải chống chọi với mọi nỗi đau đớn cố thoát khỏi cơn mê...

- Anh ơi!
- Có chuyện gì đó em?
- Anh xem, mấy ngón tay của em có dài ra không?
- Không.
- Làn da em còn trắng không?

- Vẫn trắng.
- Anh nhìn kỹ đi! Da em có mọc lông vàng không?
- Không! không!

Chao ơi, căn bệnh nào hành hạ Nàng vậy?

Đột nhiên nàng xoay người nằm ngửa, hai tay hai chân huơ lên trời. Và bất ngờ Nàng xoay sấp lại, bò quanh giường như một con thú, miệng phát ra những tiếng kêu quái dị "ngao... ngao".

Lần này hoảng lắm rồi, tôi ngồi hẳn dậy. Bỗng Nàng hét lên một tiếng như tiếng tru của con thú hoang, ngã ngửa ra, người mềm oặt... Một dòng nước mắt chảy trên khuôn mặt trắng xanh, và Nàng nhanh chóng trở thành người con gái đẹp, rất đẹp! Nàng vươn tay ôm lấy cổ tôi, vít đầu tôi xuống ngực. Nàng lẩm bẩm "Trả cho em! trả cho em!" Mỗi lần nói như thế, tôi hiểu là nàng muốn tôi hôn Nàng. Và tôi hôn lên khuôn mặt đầm đìa nước mắt.

Sau khi Nàng qua một cơn mê sảng như thế, rồi tỉnh lại, chúng tôi lại yêu nhau say đắm hơn. Cơn hoảng loạn làm tôi sợ, nhưng lại cũng như một thứ ma lực kéo tôi đến gần Nàng hơn, không thể rời xa Nàng được. Tôi bị lôi cuốn vì tâm hồn thơ ngây và cũng vì tính hoang dã của Nàng...

Nàng lại rơi vào một giấc ngủ say. Nhìn Nàng tôi không tin vào sự hiện hữu của Nàng. Liệu ở trên đời này có một người con gái lạ lùng đến như thế? Mà người con gái ấy lại thuộc về tôi. Hạnh phúc mong manh quá! Tôi không tin. Tôi đâm lo. Nếu Nàng đi mất? Nếu Nàng biến mất? Hãy giữ lại chút hình ảnh của Nàng khi còn có thể. Tôi vẽ hình Nàng trên một tấm bìa trắng...

Sáng mai Nàng không hỏi tôi những câu như mọi hôm, với giọng nói như mọi hôm, và với một giọng nói đặc biệt tỉnh táo:

- Anh còn nhớ đoạn thổi sáo trên xe goòng chứ?
- Còn nhớ.
- Anh thổi lại coi!

Tôi cầm cây sáo đưa lên môi, nhưng như nhiều lần trước tôi không tài nào thổi được.

- Đưa cho em!

Nàng đỡ cây sáo, thử đánh lưỡi... Như một chuỗi ngọc bị sổ tung ra, rơi vào cốc pha lê... Theo tôi nhớ, Nàng đâu biết thổi sáo!

- Em học sáo từ khi nào?
- Từ lâu lắm. Nhưng ngày xưa anh thổi hay hơn em nhiều. Tiếng

trúc ngày xưa của anh chảy vào tim em như một dòng suối mát... Thế anh còn nhớ những đoạn sáo khác trước kia nữa không?

- Trước kia là lúc nào?
- Trước kia... như đoạn anh thổi trong trận đánh đồn ấy! Tiếng sáo vang xa, thúc giục... Tiếng sáo tràn ngập lòng yêu thương...

Tôi không ghìm được mình la lên:

- Làm sao em biết được. Lúc đấy em đâu có ở đấy!

Nàng cũng nói to hơn như khiêu khích:

- Em còn biết cả những điệu sáo anh thổi trước đấy nhiều năm nữa kia!... Ví như điệu sáo anh đã thổi trên gác trọ ở An Cựu. Anh thổi khi đau đớn nhớ đến một người con gái đã bỏ anh...
- ... Ngày ấy cách đây gần hai mươi lăm năm! Em cũng có mặt ở đó? Em không dọa anh đấy chứ!
- Em có mặt ở đó!

Tôi không giữ gìn nữa, thét lên:

- Không!... Hay là...

Cô gái không để ý đến thái độ thiếu bình tĩnh của tôi tiếp tục nói không cần biết tôi có nghe hay không:

- Ngày xưa, em còn nhớ, những lúc anh cất tiếng sáo, bao người nghe mê mẩn, không ai cầm được lòng mình... Tiếng sáo của anh ngày ấy đáng giá hơn tất cả điều vớ vẩn anh làm hôm nay.
- Em không thể so sánh như thế được!
- Sao lại không! Ngày xưa, tiếng sáo anh có thể làm cho người ta khóc, người ta cười, người ta muốn làm điều tốt hơn cho đồng loại. Tiếng sáo của anh cũng đã từng là bạn của người khổ, người nghèo... Còn một số việc của anh làm hôm nay ngẫm có ích gì? Có đi vào tâm can họ không? Có là người bạn đồng hành của họ không? Hay các anh chỉ có tài đem đồng tiền của người nghèo gom lại để ăn tiêu hoang phí.

Trời ơi, tôi đã nghĩ đến điều này rồi. Từ lâu tôi biết tôi đã lãng phí bao nhiêu tiền của của dân cho những bộ phim vô bổ nhưng tôi không dám nói. Vì chính tôi cũng có lợi trong những bộ phim tồi tệ ấy. Hôm nay Nàng đã nói thay tôi...

Cuối cùng Nàng trở lại với giọng nói dịu dàng tha thiết:

- Em rất yêu anh. Nhưng em biết anh không thể nào theo em mà bỏ cuộc sống của anh hiện nay được. Chúng ta đành chia tay

Ta cố lết đến bên con tuấn mã. Con ngựa khịt khịt nhiều lần. Nó đã đánh hơi thấy điều gì đó chăng? Lẽ nào nó không nhận ra mùi hương của ta! Ta nhìn lại ta. Hai bàn tay ta sao bỗng nhiên cứng lại thế này? Ta không dám nghĩ đến cái điều ta sợ nhất. Ta nhìn lại phía sau... Ta cảm thấy vướng sau lưng ở chỗ đốt xương cụt! Có lẽ nào?

Ta không thể nào bước nổi nữa. Ôi con ngựa ô yêu quý! Mày đã cùng ta xông pha trăm trận. Đã cùng ta vượt qua bao núi cao, sông sâu. Đã cứu ta nhiều phen thoát chết. Ta không cần cầm cương mà chỉ cần tỳ nhẹ đầu gối vào sườn là mày hiểu ý ta. Từ xa, ta chỉ cần huýt gió là mày chạy lại. Bây giờ mày đứng đấy nhìn ta như nhìn một người lạ. Ta cố lấy chút sức tàn nhảy lên lưng ngựa. Nhưng... ôi! Một cái đá! Một cái đá độc ác cùng với tiếng hí đầy căm giận. Sao mày phản ta? Người tình phản ta, bây giờ đến mày ư!

Thân hình ta như có ngàn con kiến độc cắn xé... Và hai bàn tay ta, tuy là tay nhà võ, nhưng vốn dài, thon, trắng trẻo, giờ đây đang co rút lại, khòng khoèo... Và đôi chân ta nữa, đôi chân cao đẹp đang ngắn lại... Và những ngón chân, ngón tay, sao bỗng nhiên sắc nhọn thế này?

Không, ta đã ngàn năm tu luyện, không dễ gì ta để mất kiếp người! Nào, hai tay ta hãy mềm lại, hai chân ta hãy thẳng ra, ta van chúng mày đấy! Gấp lắm rồi! Ôi, sao chân tay ta mỗi lúc một cứng, một co rút, một còng queo như thế này? Những ngón tay, ngón chân, thôi rồi! Móng và vuốt.

... Còn cái gì đây sau lưng ta? Cái đuôi. Một cái đuôi cáo dài. Chưa từng có con cáo nào có cái đuôi dài như thế! Bây giờ ta mới cảm thấy khát khủng khiếp. Trong cổ họng ta có một ngọn lửa đang bốc cháy. Khát quá! Suối kia rồi. Hãy cho ta ngụm nước.

"A! A!" Bóng ai dưới suối kia, đâu phải là ta? Lông càng mọc quanh mép ta. Chúng dài ra từng giây. Chúng lan nhanh từ đầu xuống mặt. Toàn thân ta là những đám lông vàng! Sao khiếp thế này? Ta hoảng sợ với chính ta.

"Hãy trả ngọc cho ta!"

Tiếng ta vọng vào rừng sâu. Tiếng vọng lại không còn là tiếng của ta nữa. Ta vừa nghe hai tiếng "ngao... ngao... "

Ta hết là người rồi ư? Không, ta không muốn! Còn kịp! Ta phải

kéo dài những ngón tay của ta ra. Ta phải nhổ hết những móng vuốt. Ta phải bứt hết những đám lông vàng này. Ta phải trở lại làm người. Làm người để đi tìm chàng, để yêu chàng và để được chàng yêu! "ngao... ngao... ".

*

Mãi đến đêm nay tôi mới thực sự hiểu Nàng. Sau đêm diễn tôi vào hậu trường tìm Nàng nhưng Nàng không còn ở đấy nữa. Tôi đi vòng quanh sân diễn tìm. Vẫn không thấy. Anh đoàn trưởng cho tôi biết thỉnh thoảng Nàng mới đến đoàn mà chỉ diễn mảnh trò Nàng ưa thích Hồ Nguyệt Cô hóa cáo. Trước giờ diễn Nàng có nói với anh là Nàng sẽ đi xa, chắc không có dịp trở lại đây nữa. Nàng nhờ anh chuyển lời thăm tất cả mọi người. Không ai trong đoàn biết Nàng ở đâu. Có cụ già đoán Nàng thuộc dòng họ một nghệ nhân tuồng nổi tiếng, xưa đã từng theo ông Đào Tấn ra Huế dưới thời Tự Đức...

Tôi trở về nhà nhìn lại bức tranh tôi đã từng vẽ Nàng đang ngủ. Tôi đột nhiên có ý muốn mãnh liệt được làm một bộ phim nói về Nàng, nói về một người con gái đã đem cả cuộc đời mình phục vụ cho nghệ thuật dân tộc. Ngay cả sau khi thác nữa, hồn Nàng vẫn là của nghệ thuật dân tộc.

Tôi mang bức tranh vẽ Nàng đến nhờ một họa sĩ quen biết vẽ thành một băng-đờ-rôn phim cỡ lớn.

Bộ phim đã được quay từng cảnh trong óc tôi nhưng chẳng bao giờ được thực hiện.

*

Hai năm sau, tôi lấy vợ. Chúng tôi đã có hai cháu trai. Tôi về hưu, cùng với gia đình về sống ở khu tập thể này.

Tin tức về Nàng ư? Hình như nàng có tìm đến gặp tôi một lần sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng...

9

Trẻ quá! Chắc chỉ mới mười tám tuổi. Khuôn mặt bầu sạm nắng, phớt lông tơ, mỗi khi tàu qua những chỗ ánh nắng xiên vào, những

sợi lông tơ lại sáng lên. Nhìn cái má căng tròn ấy tôi chỉ muốn cắn một cái. Cũng trạc tuổi thằng con trai đầu của tôi. Ấy vậy mà đó là một chiến sĩ giải phóng quân. Nhìn cách anh ta dụi tàn thuốc lá vào hộp nhôm trên đầu giường mới chững chạc làm sao! Nhưng anh không che giấu nổi vẻ thơ ngây của mình khi đang ngủ. Anh thở sâu, gương mặt nghịch ngợm, cái miệng như làm nũng thỉnh thoảng nở một nụ cười. Có lần, con búp bê đặt trên ba lô rơi đánh độp xuống sàn tầu, anh bật tỉnh, hoảng hốt, cúi xuống nhặt lên, phủi phủi, xuýt xoa, kéo lại nếp áo, thổi nhẹ hạt bụi trên má. Đôi mắt trong veo liếc nhanh về phía tôi như sợ tôi thấy được...

Con tàu như đưa tôi trở về với tuổi trẻ của tôi. Cách đây hai mươi năm tôi đã có gương mặt ấy và có lẽ cả tâm hồn ấy.

Sáng nay có lần tôi hỏi đùa:

- Đồng chí bộ đội ơi, giải phóng miền Nam rồi đồng chí chỉ có cái ba lô và con búp bê ấy thôi à?

Anh nhìn tôi ngạc nhiên, mắt mở to, thăm dò, gương mặt nghiêm lại:

- Thưa bác, chúng cháu còn muốn gì nữa ạ!

Gương mặt nghiêm trang quá, chững chạc quá! Nét trẻ con biến mất. Trước mặt tôi là một chiến sĩ giải phóng quân rắn rỏi đã từng làm nên cuộc tấn công thần tốc. Ôi, tôi chỉ muốn ôm anh vào lòng mà hôn như hôn chính con tôi, hôn như chính tôi. Tôi đã gặp lại đúng cái tuổi trẻ của tôi hồi ấy. Hồi ấy tôi đã trung thực như thế, vô tư như thế. Tôi nhìn anh cười âu yếm. Anh theo dõi gương mặt tôi, lấy giọng vui như có ý đùa, để giảm nhẹ sự thách thức:

- Thưa bác, cháu xin phép được hỏi bác. Về phần bác, giải phóng miền Nam, bác có được gì không?

Tôi trả lời như một cái máy:

- Đó là cái được lớn nhất rồi còn gì!

Anh chiến sĩ cười to sảng khoái:

- Đấy nhá, bác đồng ý với cháu rồi nhé! Thế là cháu qua được một cuộc sát hạch chính trị... Này, trông bác có dáng của ông sư đoàn phó cháu lắm. Rất vui tính!

Chúng tôi chóng thân nhau. Nằm trên hai giường đối diện chúng tôi nói đủ mọi chuyện. Anh có vẻ thích những chuyện vui hồi kháng chiến chống Pháp. Còn tôi, tôi thích được nghe những tiếng reo

nho nhỏ của anh. "Vậy sao bác? Vậy sao?" Chúng tôi trao đổi địa chỉ và hứa sẽ viết thư cho nhau...

Những tiếng hỏi "Vậy sao?" thưa dần rồi im hẳn. Nhìn sang anh đã ngủ.

Đêm sâu hun hút...

Mọi người trong toa đều yên giấc. Tôi không ngủ được xích đến gần cửa sổ nhìn ra ngoài trời. Ánh trăng mênh mông xanh biếc làm tâm hồn tôi xao động. Bất giác tôi với tay lấy cây sáo trúc trong túi vải con mắc ở đầu giường. Đó là một cây sáo trúc hun khói màu nâu sẫm phớt vàng. Bao năm nay tôi vẫn mang nó trong người như một thói quen. Tôi có quá nhiều kỷ niệm về nó. Yêu quí nó nhưng tôi không còn thổi sáo nữa. Nhưng đêm nay là một đêm trăng sáng lạ lùng. Tôi đưa cây sáo lên môi và bắt đầu thổi. Vừa đánh lưỡi vào lỗ sáo, sáo đã như hút chặt lưỡi tôi. Và cái cảm giác tê tê tôi đã mất từ lâu bỗng trở lại. Và trở lại cả cái mùi ngai ngái ngòn ngọt ấy nữa!

Trăng tràn qua cửa sổ, men đến gần giường tôi. Đoạn đường này bị hỏng đang sửa chữa nên tàu chạy rất chậm. Và cái mùi hương ấy, mùi hương nhu, bỗng ngào ngạt xông lên. Tôi rùng mình. Ngoài kia là một cánh rừng trúc lấp lánh ánh trăng. Và ẩn sau những khóm trúc là một ngôi mộ cổ.

Nơi đây, hai mươi năm về trước, tôi đã đi qua. Không phải trên một chuyến xe lửa như thế này mà trên một chuyến xe goòng. Cũng tiếng bánh thép xiết trên đường ray đều đều buồn bã. Cũng một đêm trăng trong vắt hừng lên sau một cơn mưa...

Tôi giật mình. Anh bộ đội trẻ thức dậy từ lúc nào không rõ đang ngồi bó gối nghe tôi thổi sáo.

- Cháu không ngờ bác lại có thể thổi sáo hay đến thế? Lúc nãy có một cô gái ở toa bên cạnh cũng sang đây nghe bác thổi.

- Vậy sao? - Tôi ngạc nhiên hỏi lại.

- Bác lại giả vờ... Cô ấy mặc áo lụa màu xanh lục. Lúc đầu cô ấy ngồi ở kia kìa. Về sau cô ấy ngồi xích sát lại gần bác, gần như cháu ngồi thế này này. (Anh bước sang ngồi chạm người tôi) Vậy mà bác không biết thật à?

- Bác không biết thật mà!

- Khi bác ngưng thổi, cháu cũng không hiểu cô ấy ra đi cách nào

mà nhanh thế. Hay là... coi chừng kẻ cắp đấy. Để cháu xem!

Anh chiến sĩ bước sang phòng bên cạnh, đoạn quay lại đi về phía cuối toa. Lát sau anh trở về:

- Không có ai cả. Bọn này nhanh lắm. Bác xem có mất gì không.

- Không.

Tôi cảm thấy sống lưng lạnh buốt. Một đám mây đen che lấp vầng trăng. Một cơn gió lạnh. Mờ ảo một làn mưa mỏng...

Anh bộ đội xuống một ga vắng. Tôi đăm đắm nhìn theo anh mang theo ba lô đi cô đơn giữa cái sân rộng, có những cây thùng thấp, ẩm ướt mưa bụi. Anh biến vào bóng đêm. Lát sau tôi thấy bóng anh chập chờn ở cổng ra vào, lắc lư theo ánh đèn bão tù mù của người soát vé... Tôi tự trách mình đã vô tình không hỏi kỹ về anh. Tôi hỏi anh chuyện đơn vị, chuyện chiến đấu, chuyện vợ con... Về nhà tôi phải viết thư ngay cho anh. Tôi giở lịch tay xem lại địa chỉ của anh, sực thấy hôm nay là ngày rằm tháng bảy. Rằm tháng bảy! Hai mươi năm trước tôi đã từng hẹn với Nàng!

Một mùi hương bay lên thoang thoảng. Mùi hương nhu! Mùi hương ấy sao lại có ở đây? Cơn mưa bóng mây đã tạnh. Ánh trăng sáng vằng vặc tràn qua cửa... Lại rừng trúc và một ngôi mộ cổ! Tôi tưởng đã đi qua khỏi nơi này từ lâu rồi kia.

10

Hai ngày sau Euro 9... Đạo diễn điện ảnh Trần Bình qua đời. Người ta bảo ông thức nhiều đêm liền xem bóng đá nên bị nhồi máu cơ tim. Một nhạc sĩ nghe đồn ông có cây sáo quý tìm đến xin xem. Bà vợ nói có người đàn bà mặc áo xanh lục trong hàng người viếng đã đến đặt tay lên hộp đá. Bây giờ không thấy cây sáo nằm trong hộp nữa...

1997